

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

14

----- 3080 -----

TỔNG TẬP ĐỀ TÀI
ĐỊA CHÍ QUẢNG BÌNH

PHẦN II

LỊCH SỬ CHINH PHỤC THIÊN NHIÊN
ĐẤU TRANH GIỮ NƯỚC VÀ ĐẤU TRANH XÃ HỘI

CHỦ BIÊN: Nguyễn Khắc Thái

Đồng Hới - 2007

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
Sở Khoa học và Công nghệ

Tổng tập đề tài
ĐỊA CHỈ QUẢNG BÌNH

Phần II
LỊCH SỬ CHINH PHỤC THIÊN NHIÊN,
ĐẤU TRANH GIỮ NƯỚC
VÀ ĐẤU TRANH XÃ HỘI

Chủ biên: Nguyễn Khắc Thái

Đồng Hới - 2007

Phần II

LỊCH SỬ CHINH PHỤC THIÊN NHIÊN, ĐẤU TRANH GIỮ NƯỚC VÀ ĐẤU TRANH XÃ HỘI

Chương I (VI)

QUÁ TRÌNH MỞ RỘNG BIÊN CƯƠNG
VÀ
DI DÂN LẬP ẤP
DƯỚI THỜI LÝ, TRẦN, LÊ

1. QUÁ TRÌNH MỞ RỘNG BIÊN CƯƠNG
TRONG THIÊN NIÊN KỶ THỨ NHẤT

1.1. Quảng Bình trong thời kỳ Văn Lang – Âu Lạc

Theo thư tịch và truyền thuyết, với sự phát triển toàn diện của các cộng đồng dân cư trong thời đại đồ đồng, đất nước ta bước vào thời kỳ nước Văn Lang, thời kỳ các Vua Hùng của lịch sử Việt Nam.

Nhà nước Văn Lang được thành lập trên cơ sở thống nhất các bộ lạc Lạc Việt do nhu cầu trị thủy, phát triển kinh tế, văn hoá xã hội và cùng chống ngoại xâm. Trong các bộ lạc Lạc Việt có bộ lạc Văn Lang hùng mạnh hơn cả và thủ lĩnh Văn Lang đã đóng vai trò lịch sử, đứng ra thống nhất các bộ lạc Lạc Việt thành lập nhà nước Văn Lang. Người đứng đầu nhà nước Văn Lang sử cũ gọi là Hùng Vương (Vua Hùng) và các đời vua của nhà nước Văn Lang kế tục đều được mang danh hiệu đó. Lãnh thổ của những cư dân Lạc Việt của nhà nước Văn Lang là miền Bắc Việt Nam.

Theo sử cũ và truyền thuyết, bấy giờ có khoảng 15 bộ lạc Lạc Việt sinh sống chủ yếu ở miền trung du và châu thổ. Hàng chục bộ lạc Âu Việt sinh sống chủ yếu ở tại miền Việt Bắc. Ở nhiều nơi, người Âu Việt và Lạc Việt sống xem kẻ với nhau và sống cạnh những thành phần dân cư khác”^(A195:45)

Theo sự phân chia bộ lạc dưới thời kỳ Văn Lang, *Quảng Bình thuộc bộ Việt Thường*, một bộ ở phía nam trong 15 bộ lạc của Nhà nước Văn Lang^(A195:45)

Qua kết quả khai quật các di chỉ khảo cổ học, “*điểm cực nam phát hiện được các di tích văn hoá đồ đồng Lạc Việt là miền Cựung Hà (Khuông Hà) trên lưu vực sông Gianh*” Chính vì thế “*phạm vi phân bố của văn hoá*

đồ đồng ở miền Bắc Việt Nam, xét đại thể, chính là tương đương với khu vực của nước Văn Lang như chúng ta đã xác định trên”^(A56:17)

Những cư dân của Nhà nước Văn Lang sống chủ yếu nhờ vào trồng trọt đặc biệt là nghề trồng lúa nước. Do yêu cầu của việc canh tác lúa nước các công trình trị thủy, các công trình tưới tiêu được quan tâm xây dựng. Cùng với nghề trồng lúa, trồng dâu nuôi tằm và chăn nuôi, nghề thủ công cũng hình thành và phát triển, đặc biệt là nghề luyện kim đồng thau. Điển hình của thời đại đồng thau, gắn với việc hình thành Nhà nước Văn Lang là thời đại Đồng sơn. Đồ đồng Đồng sơn rất phong phú về thể loại và chủng loại, bao gồm công cụ, vũ khí, đồ trang sức, dụng cụ gia đình với nhiều hoa văn trang trí độc đáo. Bấy giờ, cư dân Văn Lang ở Quảng Bình đã biết kế thừa, phát huy những thành tựu văn hoá của các thời kỳ trước để bước vào thời kỳ đồng thau nhằm mục đích phát triển kinh tế trồng trọt. Sau thời kỳ đồ đá mới, bước vào giai đoạn sơ kỳ kim khí, những di tích khảo cổ học ở Khương Hà, Cổ Giàng, Quảng Lưu, Long Đại, Thanh Trạch... chứng tỏ sự kế tiếp của các thời kỳ văn hoá khá rõ nét. Bước vào thời kỳ đồ đồng Đồng Sơn ở Quảng Bình tìm thấy nhiều loại mũi tên đồng, rìu đồng, lưỡi giáo, cán dao găm, thố đồng, đồ trang sức bằng đồng và cả trống đồng ở nhiều di chỉ khảo cổ học khác nhau. Dấu tích đồ đồng đã phát hiện tại di chỉ Cồn Nền (Quảng Trạch) chứng tỏ kỹ thuật đúc đồng của cư dân Văn Lang ở Quảng Bình lúc này là phát triển ở trình độ cao. Trống đồng Phù Lưu (Quảng Trạch) và một số trống đồng mới phát hiện trên địa bàn Quảng Bình là loại trống đồng được đúc bằng những chiếc khuôn kín hai hay nhiều mang, một kỹ thuật đặc trưng của trống đồng Đồng Sơn. Đặc biệt, khuôn đúc rìu đồng lưỡi lẹch (lưỡi xéo) tìm thấy ở Hoá Hợp (Tuyên Hoá) có hai mang làm bằng đá sa thạch với kỹ thuật tinh xảo, chứng tỏ những dụng cụ, vũ khí đồ đồng Đồng Sơn của Quảng Bình đã được đúc tại chỗ. Công việc luyện kim và đúc đồng đòi hỏi phải có trình độ tổ chức và kỹ thuật cao, nhất là đối với những hiện vật phức tạp như trống đồng Phù lưu, thố đồng Thanh trạch. Việc tổ chức luyện kim là một quá trình phức tạp đòi hỏi phải được chuyên môn hoá và phân công lao động. Chính vì vậy cùng với sự ra đời của việc luyện kim và đúc đồng nghề này đã trở thành một nghề sản xuất độc lập, tách khỏi nông nghiệp. Do nhu cầu cuộc sống đòi hỏi và dưới tác động trực tiếp của nghề luyện kim, đúc đồng các nghề thủ công khác như làm đồ gốm, đồ gỗ, đan lát, dệt vải, làm đồ trang sức đều có sự phát triển so với giai đoạn trước. Đặc biệt ở Quảng Bình vào thời kỳ này nghề làm đồ trang sức phát triển. Nhiều loại hạt chuỗi vòng tay bằng đá quý bên cạnh vòng tay, vòng nhẫn làm bằng đồng được phát

hiện nhiều ở nhiều địa điểm Văn hoá Đông Sơn ở Quảng Bình. Ở Quảng Bình còn tìm được nhiều đồ trang sức làm bằng thuỷ tin như các loại vòng tay, hạt chuỗi và khuyên tai có mẫu.

Nhờ có kinh tế nông nghiệp và thủ công nghiệp phát triển, đời sống của các cư dân Văn Lang trên đất Quảng Bình được cải thiện, đời sống tinh thần của cư dân phong phú hơn. Với các loại trang sức phong phú về thể loại, chất liệu, chứng tỏ cư dân ở đây đã chú ý đến cuộc sống tinh thần, thị hiếu thẩm mỹ. Những hoa văn, hình ảnh trên bình gốm, rìu đồng, thỏ đồng Bầu Khê, trống đồng Phù Lưu đã phản ánh tư duy, khả năng thẩm mỹ, trình độ hội hoạ và điêu khắc của người dân ở đây không thua kém cư dân Văn Lang ở các nơi khác. Đời sống tinh thần còn phản ánh trên những hình ảnh sinh hoạt văn hoá, sinh hoạt chung của tập thể cộng đồng. Các phong tục tập quán như tục ăn trầu, nhuộm răng, xăm mình được lưu giữ trong một thời gian dài ở Quảng Bình, chứng tỏ cư dân ở đây cũng như nhiều nơi khác của nước Văn Lang có chung một bản sắc văn hoá truyền thống của thời đại. Tuy vậy, do điều kiện địa lý đặc thù, bộ Việt Thường ở phía Nam của nước Văn Lang, nên cư dân Văn Lang ở trên mảnh đất này có những sắc thái riêng biệt. *Nhưng với sự phát triển kinh tế, văn hoá trong thời đại chứng tỏ vùng đất Quảng Bình với tên gọi là Bộ Việt Thường là một phần lãnh thổ của Văn Lang trong thời đại Hùng Vương.*

Trên lãnh thổ của miền Bắc Việt Nam ngày nay bên cạnh bộ tộc Lạc Việt của Nhà nước Văn Lang còn có bộ tộc Âu Việt cùng chung sống. Nước Văn Lang vào cuối thế kỷ thứ III trước công nguyên, kinh tế đã phát triển hơn trước, dân số đông hơn, lãnh thổ được mở rộng. Đó cũng là thời kỳ phong kiến phương bắc có những bước phát triển mới. Thời Chiến quốc (481 - 221 trước công nguyên) kết thúc và nhà Tần đã thống nhất được toàn Trung Quốc. Tần Doanh Chính lên ngôi hoàng đế (Tần Thuỷ Hoàng). Với tư tưởng “bình thiên hạ”, chủ nghĩa bành trướng phát triển, Nhà Tần âm mưu mở rộng các cuộc chiến tranh xâm lược xuống phía nam.

Trước tình hình đó, sự tồn tại riêng lẻ của một bộ tộc không đủ sức đối phó với nạn ngoại xâm. Trên cơ sở nền tảng kinh tế đã phát triển và do nhu cầu chống xâm lược, sự hợp nhất giữa những bộ tộc gần nhau về địa vực, về dòng máu, về trình độ phát triển kinh tế, văn hoá là một nhu cầu lịch sử, tất yếu khách quan. Đó là cơ sở của sự hợp nhất giữa hai bộ tộc Lạc Việt và Âu Việt dẫn đến sự ra đời của nhà nước Âu Lạc^(A195:68).

Vào cuối thế kỷ III trước công nguyên, nhân việc suy yếu của triều đại Hùng Vương cuối cùng, Thục Phán, một thủ lĩnh của Âu Việt ở miền núi đã tiến đánh kinh đô Văn Lang (miền Lâm thao, Bạch hạc, tỉnh Vĩnh Phú) dựng nước Âu Lạc, xưng là An Dương Vương và dời đô về Cổ Loa. Nước Âu Lạc ra đời là sự kế tục và phát triển cao hơn của quốc gia Việt Nam đầu tiên là nước Văn Lang trên cơ sở ý thức dân tộc đã phát triển ở tầm cao mới. Hai thành phần dân tộc Lạc Việt và Âu Việt được thống nhất, hai lãnh thổ của người Âu Việt ở miền núi và Lạc Việt ở miền xuôi được hợp nhất. Sự thống nhất đó làm cho Âu Lạc mạnh hơn^(A195:68)..

Kinh tế văn hoá của nhà nước Âu lạc tiếp tục phát triển trên cơ sở những thành quả của hai bộ tộc Âu Việt và Lạc Việt và của nền văn hoá Văn Lang. Nông nghiệp được phát triển trên miền châu thổ Bắc bộ phì nhiêu, trù phú. Thủ công nghiệp có bước phát triển trên cơ sở đồng đồng Đông Sơn cùng với kỹ thuật đồng thau phát đạt người Âu Lạc đã bắt đầu có kỹ thuật rèn sắt. Ngoài nghề luyện kim, nghề gốm, nghề dệt, nghề mộc phát triển thêm, người Âu Lạc đã có thêm nghề làm gạch, ngói. Việc giao lưu kinh tế phát triển mạnh theo các đường sông và đường biển. Đời sống văn hoá của cư dân Âu lạc đã có bước phát triển mới. Trên cơ sở phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, kỹ thuật quốc phòng của người Âu lạc đã có bước phát triển nhảy vọt với các loại vũ khí, điển hình là loại vũ khí được thần thánh hoá trong truyền thuyết “Nỏ thần” Thục Phán cũng đã cố gắng tăng cường khả năng phòng thủ. Ông đã cho xây dựng kinh đô - thành Cổ Loa và tăng cường quân đội thường trực của Nhà nước Âu Lạc để chuẩn bị đối phó với các cuộc xâm lược từ phương bắc.

Thực hiện ý đồ bành trướng xâm lược, Nhà Tần đã tổ chức nhiều cuộc chiến tranh đánh phá xuống phía nam. Năm 214 quân Tần đã chiếm được một số đất đai của các dân tộc ở phía nam sông Trường Giang, lập các quận Mâm Trung (Phúc Kiến), Nam Hải (Quảng Đông) Quế Lâm (Quảng Tây), Tượng (Tây Quảng tây. nam Quý Châu). Khi quân Tần đánh vào đất Việt đã bị người Âu Việt và Lạc Việt anh dũng đánh trả. Người Âu Lạc đã tổ chức cuộc kháng chiến bền bỉ, lâu dài hàng chục năm chống quân xâm lược Tần. Hàng chục vạn quân Tần bị tiêu diệt, chủ tướng Tần là Đồ Thư bị giết. Trong cuộc kháng chiến đó nhân dân các bộ tộc của nước Âu Lạc đã đoàn kết tập hợp dưới ngọn cờ của An Dương Vương cùng chống kẻ thù chung.

Năm 207 trước công nguyên, Triệu Đà một viên quan của Nhà Tần chiếm ba quận Nam Hải, Quế Lâm và Tượng lập nên nước Nam Việt và

xưng vương. Sau khi Nhà Tần sụp đổ, nhà Hán nắm quyền thống trị ở Trung Quốc, Triệu Đà quy phục triều Hán.

Sau khi lập nước Nam Việt, Triệu Đà đã nhiều lần phát động cuộc chiến tranh xâm lược Âu Lạc. Nhưng với ý chí quật cường, và tinh thần thượng võ của người Âu Việt và Lạc Việt, với lòng yêu nước và tinh thần dân tộc ngày càng được củng cố và phát triển, nhân dân Âu Lạc đã đánh bại các cuộc tiến công xâm lược của kẻ thù.

Triệu Đà biết không thể thắng được Âu Lạc về quân sự đã xin cầu hoà với An Dương Vương. Triệu Đà cho con là Trọng Thủy cầu hôn với My Châu, con gái của An Dương Vương và ở rể tại nước Âu Lạc. Chính trong thời gian đó Trọng Thủy đã học cách chế nỏ và phá nỏ, một loại vũ khí lợi hại của người Âu Lạc; do thám tình hình quân sự rồi về nước báo cho Triệu Đà đem quân tiến đánh. Nước Âu Lạc mất vào tay Triệu Đà vào khoảng năm 179 trước công nguyên.

1.2. Quảng Bình trong thời kỳ thống trị của phong kiến phương bắc

Sau khi chiếm được Âu Lạc, Triệu Đà sát nhập Âu Lạc vào nước Nam Việt. Triệu Đà chia Âu Lạc làm hai quận là Giao chỉ (Bắc bộ) và Cửu Chân (Bắc trung bộ). *Quảng Bình thuộc phía nam quận Cửu Chân*. Cũng như ở hai quận Giao chỉ và Cửu Chân, nhân dân Quảng Bình lúc bấy giờ phải chịu sự thống trị hà khắc của triều đại phong kiến Nam Việt. Triệu Đà cử quan lại từ phía bắc xuống cai trị, đưa quân lính xuống đóng đồn hòng đề bẹp ý chí quật cường của nhân dân Âu Lạc. Triệu Đà cho kiểm kê hộ khẩu ở hai quận Giao chỉ và Cửu Chân để bắt phu, bắt lính và bóc lột thuế khóa.

Sự thống trị của triều đình Nam Việt chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn. Năm 111 trước công nguyên - triều đình Nhà Hán ở phía bắc sau khi phế truất vương triều Tần, tiếp tục nuôi mộng bá vương, đã đưa quân xuống đánh Nam Việt. Sau một thời gian chống cự, Triệu Đà chịu thất bại, nước Nam Việt bị tiêu diệt, đất đai Âu Lạc chuyển sang tay nhà Hán. Từ đó nhân dân Âu Lạc chịu sự thống trị của triều đình phong kiến nhà Hán.

Sau khi chiếm được Nam Việt, nhà Hán lập Bộ Giao Chỉ gồm 6 quận đất Nam Việt của Triệu Đà cũ và 3 quận của đất Âu Lạc trước đây là Giao Chỉ (Bắc bộ) Cửu Chân (Bắc trung bộ) và Nhật Nam (Trung trung bộ). Theo sự phân chia đơn vị hành chính thời nhà Hán thì vùng đất *Quảng Bình ngày nay thuộc quận Nhật Nam*. Để thiết lập bộ máy cai trị ở nước ta, nhà Hán cử

một viên quan thái thú đứng đầu mỗi quận và một viên Đô úy chỉ huy lực lượng quân sự. Đối với vùng đất chiếm được của Âu Lạc trước đây triều đình nhà Hán thực hiện chính sách bóc lột chủ yếu là cống nộp sản vật quý hiếm như: sừng tê giác, ngà voi, đồi mồi, ngọc châu, vàng bạc... Chúng còn thực hiện chính sách bóc lột tô thuế nặng nề, chiếm đất lập trang trại, nắm độc quyền sản xuất và mua bán muối, sắt, những sản phẩm chiến lược lúc bấy giờ. Bên cạnh chính sách bóc lột nặng nề, nhà Hán còn thực hiện chính sách đồng hoá, âm mưu thôn tính nước ta về lâu dài. Nhà Hán đã đưa người Hán từ phía bắc xuống định cư để đồng hoá về mặt chủng tộc. Chúng cho nhiều tội nhân và dân nghèo xuống ở Giao chỉ. Chúng bắt nhân dân ta tuân theo “lễ giáo” phong kiến Hán, từ cách ăn mặc đến việc lấy vợ lấy chồng. Chúng mở một số trường học nhằm đào tạo những quan lại tay sai đắc lực cho chính quyền đô hộ, truyền bá tư tưởng, đạo đức phong kiến phương bắc hồng xoá bỏ nền văn hoá Âu Lạc đã có trước đó.

Trước tình hình đó, để bảo vệ nền văn hoá độc lập dân tộc, nhân dân các dân tộc của nước Âu Lạc trước đây đã nổi lên chống lại ách đô hộ của nhà Hán mà đỉnh cao là cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng.

Tháng 3 năm 40 hai chị em Trưng Trắc và Trưng Nhị con gái Lạc tướng huyện Mê Linh (miền Sơn Tây và tỉnh Vĩnh Phú ngày nay) đã phát động cuộc khởi nghĩa ở cửa sông Hát. Được sự ủng hộ của nhân dân, những người yêu nước ở khắp nơi kéo về tụ nghĩa ở Mê Linh. Từ Mê Linh, nghĩa quân tiến công thành Luy Lâu (Thuận Thành - Hà Bắc), thủ phủ chính quyền nhà Hán ở Giao Chỉ. Nhiều cuộc nổi dậy của nông dân hưởng ứng cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng liên tiếp nổ ra ở các quận Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam và cả Hợp Phố (nay thuộc Quảng Đông - Trung Quốc). Dưới ngọn cờ của Hai Bà Trưng, các cuộc khởi nghĩa của các địa phương đã thống nhất thành một phong trào khởi nghĩa rộng lớn của nhân dân đứng lên chống ách đô hộ của nhà Hán. Đặc biệt trong hàng ngũ tướng lĩnh của các cuộc khởi nghĩa có nhiều phụ nữ tham gia. Trước sức mạnh của lòng căm thù và ý chí quật cường của nhân dân, chính quyền đô hộ nhanh chóng sụp đổ. Quan quân Đông Hán hoảng sợ, bỏ chạy tháo thân về nước. Chỉ trong một thời gian ngắn, cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng đã quét sạch quân xâm lược nhà Hán ở 65 huyện thành, khôi phục nền độc lập cho đất nước.

Trong cuộc khởi nghĩa đó, nhân dân quận Nhật Nam trong đó có những người dân Quảng Bình thời đó đã cùng với nhân dân trong cả nước đoàn kết một lòng, nêu cao ý thức dân tộc không cam chịu sự thống trị của phong kiến phương bắc, đứng lên giành độc lập. Tinh thần đó là sự khởi đầu

cho một truyền thống kiên cường đấu tranh cho những giai đoạn lịch sử kế tiếp sau.

Đất nước được độc lập, nhưng so sách lực lượng giữa ta và địch quá chênh lệch, nền độc lập chưa thể giữ vững lâu bền được. Nghe tin Hai Bà Trưng khởi nghĩa, chiếm hết huyện thành, vua Quang Vũ nhà Hán sai Mã Viện đem hai vạn quân cùng hai nghìn thuyền xe sang xâm lược nước ta. Trưng Vương cùng các tướng lĩnh lãnh đạo quân và dân ta anh dũng chống giặc. Nhưng thế giặc quá mạnh, gần một năm trời chống quân xâm lược, cuộc kháng chiến bị tiêu hao và thất bại. Lãnh tụ của cuộc kháng chiến là Hai Bà Trưng về Hát Môn rồi gieo mình xuống dòng sông Hát tự tận vào tháng 5 năm 43.

Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Hán dưới sự lãnh đạo của Hai Bà Trưng thất bại. Một lần nữa nhân dân ta lại phải chịu sự thống trị của phong kiến phương Bắc. Nhưng bản anh hùng ca của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng vẫn sống mãi. Đó là tiếng sấm mở đầu cho cuộc kháng chiến của dân tộc ta suốt 10 thế kỷ để đánh đuổi bọn phong kiến phương bắc ra khỏi bờ cõi, giành độc lập dân tộc.

Sau cuộc kháng chiến của Hai Bà Trưng thất bại, nhà Hán lập lại ách thống trị với nước ta. Chính sách nô dịch, bóc lột và đồng hoá của chúng được đẩy mạnh hơn trước. Mã Viện chia lại các khu vực hành chính, cắt huyện to, nhập huyện nhỏ, đặt thêm quận, lập thêm châu và đặt các chức huyện lệnh và huyện trưởng cai trị trực tiếp. Ở mỗi huyện chúng xây thành quách làm chỗ đóng quân, tăng cường trấn áp nhân dân ta, thực hiện chính sách đồng hoá với quy mô lớn và triệt để hơn. Chúng thực hiện pháp luật nhà Hán trên đất Việt, thủ tiêu chế độ Lạc tướng, bãi bỏ pháp luật cũng như những phong tục tập quán của người Việt nhằm biến nước ta thành châu, quận, huyện của nhà Hán. Với những chính sách đó, chúng âm mưu thống trị lâu dài và đồng hoá, xoá bỏ văn hoá, lịch sử vẻ vang của dân tộc ta.

Cuối thế kỷ II, đầu thế kỷ III, chính quyền Đông Hán tan rã ở Trung Quốc diễn ra cục diện “Tam quốc” (ba nước là Ngụy, Thục, Ngô) quyền thống trị nước ta tập trung trong tay Sĩ Nhiếp. Sau khi Sĩ Nhiếp chết, đất nước ta lệ thuộc vào phong kiến Ngô.

Năm 280, Tấn diệt Ngô, tạm thời thống nhất Trung Quốc. Nước ta lại rơi vào ách thống trị của nhà Tấn.

Mặc dầu có những nỗ lực to lớn, bọn thống trị phong kiến phương bắc vẫn không thể với tay xuống dưới cấp huyện, vẫn không thể khống chế nổi cơ sở bên

dưới, nghĩa là không khống chế trực tiếp được đông đảo các tầng lớp nhân dân. Trong phong trào chống ngoại xâm và những truyền thống mạnh mẽ của xã hội dựa trên nền tảng công xã của người Việt đã hạn chế phạm vi thống trị của kẻ địch, khiến cho chính sách thống trị của chúng rốt cuộc vẫn là chính sách “ràng buộc” lỏng lẻo. Nhiều miền đất nước ta còn ngoài phạm vi thống trị của phong kiến phương Bắc. Chính vì lẽ đó, khi nước Lâm Ấp được thành lập ở phía nam, người Chiêm thành đánh ra phía bắc chiếm hầu hết quận Nhật Nam, *địa phận Quảng Bình trở thành một phần lãnh thổ của Chiêm thành vào giữa thế kỷ thứ tư (năm 347).*

Cũng như nhân dân ở hai quận Giao Chỉ và Cửu Chân phía Bắc, nhân dân các dân tộc ở phía nam ở quận Nhật Nam bị các triều đại phong kiến Trung quốc bóc lột nặng nề. Phương thức bóc lột bằng cống nạp là phương thức bóc lột cơ bản của các triều đại phong kiến phương bắc. Phương thức bóc lột đó nhằm vơ vét tài nguyên sản vật quý hiếm buộc nhân dân ở các địa phương phải lên rừng xuống biển làm các nghề nguy hiểm để cống nộp. Số lượng cống phẩm phụ thuộc vào tình hình cai trị, khả năng bóc lột và nhu cầu của bọn xâm lược.

Hậu hán thư chép: “*Năm 36, Man di ngoài cõi Nhật Nam dâng trĩ trắng, thỏ trắng... Năm đầu hiệu Nguyên Hoá đời Túc Tông (84) áp hào man di ở ngoài cõi Nhật Nam dâng con tê sừng, chim trĩ trắng, năm thứ ba hiệu Diên Quang (124 tháng 5) rợ ở ngoài cõi Nhật Nam đến nội thuộc. Tháng 7, hào huy người Man ngoài cõi Nhật Nam đến cửa Khuyết dâng cống*”^(A199:128)

Cùng với việc cống nộp nhân dân ở các địa phương thuộc quận Nhật Nam còn bị bóc lột tô thuế và lao dịch nặng nề. Chính vì vậy, cũng như nhân dân ở các Giao chỉ và Cửu Chân, nhân dân ở các dân tộc quận Nhật Nam luôn nổi lên thống lại quân xâm lược giành quyền sống cho dân tộc mình.

Trung tâm của các cuộc khởi nghĩa ở Nhật Nam là huyện Tượng Lâm. Nhân dân ở đây chủ yếu là người Chăm, vốn có truyền thống thượng võ và tinh thần quật cường không cam chịu sống nô lệ đã nhiều lần nổi lên chống lại ách thống trị của quân Đông Hán. Năm 100, hơn 2.000 nhân dân của huyện Tượng Lâm đã nổi lên đánh đuổi quân Đông Hán, nhưng cuộc khởi nghĩa thất bại, lãnh tụ nghĩa quân bị chém đầu^(A199:128) Trước sự phản kháng quyết liệt của nhân dân ở đây chính quyền Đông Hán phải thi hành những chính sách cai trị cứng rắn đặc biệt “Tướng binh trưởng” để đàn áp phong trào nổi dậy của quần chúng nhân

dân. Không chịu khuất phục, nhân dân ở huyện Tượng Lâm tiếp tục nổi dậy và cuối cùng cũng đã giành được thắng lợi.

Niên hiệu Vĩnh Hoà năm thứ hai dưới triều Hán Thuận Đế Bảo, tức năm Đinh Sửu (137) nhân dân Tượng Lâm dưới sự chỉ huy của Khu Liên đã nổi dậy, được nhân dân cả quận Nhật Nam hưởng ứng nhất tề đứng lên đánh phá quận huyện, giết bọn quan lại thống trị. Về sự kiện này, *Đại việt sử ký toàn thư* chép: “Người Nam ở huyện Tượng Lâm, quận Nhật Nam (ở địa giới nước Việt Thường xưa) là bọn Khu Liên đánh phá quận huyện, giết trưởng lại. Thứ sử Giao Châu là Phan Diễn đem quân châu vào quân Cửu Chân hơn vạn người đi cứu ứng, nhưng quân lính ngại đi xa. Mùa thu tháng 7, quân hai quận làm phản, đánh phủ trị, thế chuyển thành mạnh”^(A54:158). Cuộc khởi nghĩa của Khu Liên được nhân dân ở các huyện thuộc quận Nhật Nam hưởng ứng. Thứ sử Giao Châu lúc bấy giờ là Phan Diễn đã huy động lực lượng lớn quân lính phía bắc nhưng phần đông là người Việt phản đối. Lực lượng khởi nghĩa phát triển mạnh, lan rộng ra các địa phương khác trong quận Nhật Nam làm cho bọn thống trị Đông Hán phải vất vả đối phó.

Thán 10 năm Giáp thân (144), nhân dân ở quận Nhật Nam lại nổi dậy, liên kết với nhân dân ở quận Cửu Chân đánh phá các quận ấp của bọn thống trị Đông Hán.

1.3. Quảng Bình trong thời kỳ của các triều đại Chiêm thành

Phong trào khởi nghĩa của nhân dân quận Nhật Nam mà nồng cốt là nhân dân ở huyện Tượng Lâm đã bền bỉ kiên cường suốt gần 70 năm và cuối cùng đã giành được độc lập, thành lập nước Lâm Ấp (sau này đổi tên là Hoàn Vương năm 749 và Chiêm Thành năm 875)⁽¹⁾

Sau khi lập quốc, người Chăm-pa lợi dụng việc phong kiến phương bắc thống trị lỏng lẻo, không thể vươn tới các địa phương xa xôi, nhất là ở quận xa như Nhật Nam, nên họ đã tiến hành nhiều cuộc tiến quân ra phía bắc để mở rộng lãnh thổ của mình.

⁽¹⁾Về sự kiện thành lập nước Lâm Ấp có nhiều tài liệu nói khác nhau. Hậu hán thư chép Khu Liên nổi dậy năm Vĩnh Hoà thứ nhất (137). Đại việt sử ký toàn thư chép là năm Đinh Sửu (137) Vì vậy có tài liệu cho rằng vương triều Lâm Ấp được thành lập năm 137. Cuộc khởi nghĩa của Khu liên năm 137 tuy giành được kết quả bước đầu nhưng sau đó bị Đông Hán đánh bại. Các cuộc khởi nghĩa xảy ra liên tục và cuối cùng mới giành được thắng lợi. Vì vậy có tài liệu cho rằng nước Lâm Ấp được thành lập khoảng 190 - 192.

Khoảng năm 226 - 230 thời Thuận Ngô, khi Lữ Đại làm Thứ sử Giao Châu, nước Lâm Ấp sai sứ ra giao hiếu, nhưng vẫn tìm cách phát triển ra bắc giành đất Nhật Nam còn lại từ Hải Vân trở ra.

Năm 248 Bà Triệu Thị Trinh em gái Triệu Quốc Đạt một thủ lĩnh ở huyện Quân An, quận Cửu Châu đã nổi dậy chống ách đô hộ nhà Ngô giết viên thứ sử Châu Giao. Khắp nơi nhân dân hai quận Giao Chỉ và Cửu Chân đều nổi dậy hưởng ứng mạnh mẽ, làm chấn động toàn thể Châu Giao. Nhân việc đó, nước Lâm Ấp cũng đưa quân ra đánh phá quân Ngô ở phía bắc quận Nhật Nam, vùng sông Gianh ngày nay và chiếm được vùng đất ấy.

Mất đất từ sông Gianh trở vào, nhà Ngô phải bỏ quận Nhật Nam, mãi đến đời Tấn năm 280, phong kiến Trung quốc mới đặt lại quận Nhật Nam để chống lại Lâm Ấp.

Năm 337 vua Lâm Ấp là Phạm Văn đem quân ra Bắc, chiếm hết phần đất quận Nhật Nam, san bằng huyện thành Tây Quyển mở rộng biên giới Lâm Ấp ra tận Đèo Ngang. Mặc dù sau đó diễn ra nhiều cuộc chiến tranh giành giật vùng đất từ Đèo Ngang vào đến Hải Vân giữa các triều đại phong kiến đô hộ Trung Quốc với vương quốc Lâm Ấp, nhưng về cơ bản vùng đất Quảng Bình từ giữa thế kỷ thứ tư thuộc địa phận nước Lâm Ấp sau đổi tên Hoàn Vương và Chiêm Thành..

Sau khi mở rộng biên giới ra phía nam Đèo Ngang, nhận thấy đây là địa bàn xung yếu, địa đầu phía bắc của quốc thổ, các triều đại Chiêm thành đã lo xây dựng hệ thống đồn lũy trên phần đất Quảng Bình ngày nay khá kiên cố. Chiêm thành cho xây dựng hệ thống hào lũy dưới chân núi Đèo Ngang gọi là Lũy Hoàn Vương từ phía tây sang phía đông để án ngữ đường tiến quân của các chính quyền đô hộ phong kiến Trung quốc. Nhiều thành lũy còn để lại di tích trên đất Quảng Bình mà điển hình là thành Khu túc và thành Nhà Ngo.

Thành Khu túc, theo Thủy kinh chú có từ thời Phạm Hồ Đạt (340-413) là cháu nội của Phạm Văn. Sách Tấn thư nói rằng đời Thái Khang (280-290) Vua Lâm Ấp là Phạm Dật sang Trung Quốc tiến cống. “Dật có người nô bộc là Văn đi theo, rồi sau qua lại buôn bán, thấy được chế độ văn minh của thượng quốc, khi trở về Lâm Ấp, Dật bèn xây cung thất thành quách và chế tạo khí giới” Dật chết, Văn cướp ngôi. Khi Văn chiếm được miền bắc Nhật Nam thì đã xây thành trì ở Khu Túc, rồi đến đời Phạm Hồ đạt thì thành Khu Túc được xây dựng theo quy mô lớn hơn^(A56:54)

Thành Khu Túc “xây giữa hai con sông Lô Dung và Thọ Linh, chu vi 6 dặm 170 bộ, xây gạch cao hai trượng, trên lại có tường cao một trượng, có nhiều lỗ rồng, trên tường gạch có lát ván, trên ván dựng năm tầng gác, trên gác có nóc, trên nóc có lầu, lầu cao 7,8 trượng, tháp cũng 5,6 trượng, thành có 13 cửa, tất cả cung điện đều hướng về phía nam. Chung quanh thành có 21.000 ngôi nhà, dân chúng ở bao vây xung quanh^(A56:54)

Thành Khu Túc dân gian còn gọi là thành Lôi thuộc làng Cao Lao Hạ nay là Bắc Trạch thuộc huyện Bố Trạch.

Thành Nhà Ngo ở xã Uẩn áo (nay thuộc xã Liên Thủy, huyện Lệ Thủy) còn gọi là Ninh Viễn thành. Theo sách Ô châu cận lục của Dương Văn An thành “có sông Bình Giang chảy qua phía trước, sông Ngô Giang ôm phía sau, hai sông ấy chảy đến phía tây bắc thì hợp làm một^(A46:73). Thành Nhà Ngo - Ninh Viễn thành theo tên gọi của dân gian là thành Lôi (Chiêm thành).

Sau khi mở rộng lãnh thổ ra đến Hoành Sơn, phần đất Quảng Bình trở thành địa đầu phía bắc của nước Lâm Ấp. Các triều đại phong kiến dưới các thời Hoàn Vương và Chiêm Thành đã tiến hành nhiều cuộc chiến tranh chống lại bọn phong kiến Trung quốc đô hộ ở phía Bắc là Giao Chỉ và Cửu Chân.

Năm 380, vua Chiêm là Phạm Hồ Đạt đưa quân ra bắc đánh chiếm Cửu Đức, Cửu Chân rồi tiến thẳng vây thành Long biên. Thái thú Giao chỉ là Đỗ Viện đã chống cự phá tan quân Chiêm rồi đánh vào Nhật Nam giết hại nhiều dân chúng ở Lâm Ấp.

Năm 399 vua Lâm Ấp lại đánh ra Giao Châu, bắt sống Thái thú nhà Tấn là Quế Nguyên, đánh Cửu Đức bắt sống Thái thú Tào Bình.

Năm 420, ở Trung quốc nhà Tấn bị phế bỏ, nhà Tống lên thay. Năm 421 Tống Vũ đế phong Phạm Dương Mại làm Lâm Ấp vương, nhưng nhà nước Lâm Ấp không chịu sự thống trị của Nhà Tống, luôn nổi lên chống lại. Năm 446 Tống Văn Đế sai tướng Đàn Hoà Chi và thứ sử Giao Châu tiến đánh Lâm Ấp. Cuộc chiến đã xảy ra ác liệt ở thành Khu Túc và hai bên bờ sông Gianh.

Năm 528 Phạm Phàn Chi lên làm vua Lâm Ấp đoạn tuyệt mọi quan hệ với Trung quốc. Sau khi nhà Tùy ở Trung quốc lên ngôi năm 605 lại cho quân đánh Lâm Ấp buộc vua Lâm Ấp phải triều cống.

Năm 749 vua Lâm Ấp là Chư Cát Địa đổi tên nước thành Hoàn Vương, tiếp tục đánh phá Giao Châu, có lúc chiếm cứ cả miền Châu Hoan, Châu Ái.

Trong các cuộc chiến tranh giữa các triều đại phong kiến của người Chăm và các triều đại phong kiến Trung quốc mảnh đất Quảng Bình luôn là chiến trường đẫm máu. Đời sống nhân dân vô cùng khổ cực và phải chịu nhiều mất mát hy sinh. Đó là giai đoạn để lại dấu ấn lịch sử đầy biến động đau thương của một thời Quảng Bình thuộc Chiêm thành.

1.4. Quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc - xây dựng quốc gia phong kiến Việt Nam - Quảng Bình trở lại lãnh thổ Đại Việt.

Suốt mười thế kỷ dưới ách thống trị của các triều đại phong kiến Trung Quốc, nhân dân các dân tộc của nước Âu Lạc vẫn không ngừng đấu tranh giành lại độc lập dân tộc. Ý chí tự lực, tự cường được biểu hiện trong cuộc đấu tranh bền bỉ và quyết liệt nhằm bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc trước âm mưu đồng hoá của các triều đại phong kiến Trung quốc đã cũng cố thêm tinh thần dân tộc và ý thức độc lập dân tộc của nhân dân ta. Các cuộc khởi nghĩa liên tiếp nổ ra làm cho các triều đại phong kiến thống trị Trung quốc phải luôn đối phó. Sau phong trào khởi nghĩa của Hai Bà Trưng năm 40 - 43, từ đầu thế kỷ II, phong trào khởi nghĩa nhân dân lại phát triển rộng rãi và mạnh mẽ hơn trước. Năm 178, hàng vạn người dân các quận Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố nổi dậy hưởng ứng cuộc khởi nghĩa Lương Long, đánh chiếm các quận, huyện làm chủ đất nước suốt 4 năm (178

181). Sang thế kỷ III cuộc khởi nghĩa của Bà Triệu năm 248 được nhân dân nhiệt liệt hưởng ứng đã làm “chấn động toàn thể Châu giao”^(A195:110) Đầu thế kỷ VI, ở Trung quốc nhà Lương cướp ngôi nhà Tề. Cũng như các triều đại phong kiến khác ở phương bắc, nhà Lương đã thực hiện chính sách thống trị và bóc lột hà khắc đối với nhân dân ta. Chúng chia nhỏ Châu Giao, cắt miền biển lập Châu Hoàng (Quảng Ninh) đặt Châu Ái ở Cửu Chân xưa (Thanh Hoá), Châu Đức ở Cửu Đức xưa (Đức Thọ - Hà Tĩnh), lập thêm hai châu mới để dễ bề cai trị. Với bộ máy cai trị, đô hộ khổng lồ, chúng tăng cường cướp bóc, vơ vét của cải, tô thuế nặng nề. Trước tình hình đó, mùa xuân năm 542 cuộc khởi nghĩa của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Lý Bí đã nổ ra đánh đổ ách thống trị nhà Lương giành lại độc lập dân tộc. Sau cuộc khởi nghĩa thắng lợi, tháng giêng năm 544 Lý Bí tuyên bố lập nước, đặt quốc hiệu là Vạn Xuân. Lý Bí lên ngôi hoàng đế, xưng là Nam đế (vua của Nước Nam), dựng điện Vạn Thọ, tổ chức triều đình với hai ban Văn - Võ. Nam đế phế bỏ niên hiệu nhà Lương, đặt niên hiệu mới là Đại đức (Đức lớn). Ông sai dựng chùa

Khai quốc (mở nước), ban sắc và phong thần cho các anh hùng tiền bối của dân tộc.

Cuộc khởi nghĩa Lý Bí thắng lợi, dựng nước Vạn Xuân đã nói lên ý chí độc lập tự cường và lòng tin vững chắc của nhân dân ta về một nền độc lập dân tộc bền vững trong tương lai. Việc Lý Bí xưng đế vương và đặt niên hiệu riêng đã “phủ định ngang nhiên quyền làm bá chủ thiên hạ” của hoàng đế phương Bắc, vạch rõ sơn hà, cương vực và là sự khẳng định dứt khoát rằng dân tộc Việt Nam là một dân tộc độc lập, là chủ nhân của đất nước và vận mệnh của mình”^(A195:115).

Đầu năm 545, triều đại phong kiến nhà Lương đã đem quân tiến đánh Vạn Xuân hòng xoá bỏ nền độc lập còn non trẻ, Lý Nam Đế lãnh đạo nhân dân ta tiến hành cuộc kháng chiến chống quân xâm lược. Sau khi Lý Nam Đế bị bệnh chết, Triệu Quang Phục tiếp tục lãnh đạo cuộc kháng chiến đánh đuổi giặc ngoại xâm, một lần nữa giành lại độc lập dân tộc. Năm 589 nhà Tùy thống nhất Trung quốc, phong kiến phương bắc lại đặt ách đô hộ của chúng lên đất nước ta. Đến năm 622 ách thống trị của phong kiến phương bắc được chuyển qua nhà Đường. Trong suốt ba thế kỷ bị nhà Đường thống trị, nhân dân ta không ngừng nổi dậy chống lại ách áp bức nặng nề, sự bóc lột tàn bạo và đấu tranh giành quyền độc lập dân tộc. Các cuộc khởi nghĩa lớn trong thời kỳ này có thể kể đến: khởi nghĩa Lý Tự Tiên và Đinh Kiến (687), khởi nghĩa Mai Thúc Loan (722), khởi nghĩa Phùng Hưng (766-791), khởi nghĩa Dương Thanh (819-820).

Cuối thế kỷ IX triều đại nhà Đường đổ nát. Nạn cát cứ của các tập đoàn phong kiến phương bắc nổi lên ngày càng ác liệt. Chính quyền đô hộ ở nước ta đang lung lay. Nắm lấy cơ hội đó, Khúc Thừa Dụ, một hào trưởng ở đất Hồng Châu (Hải Hưng) được nhân dân ủng hộ nổi lên tự xưng là Tiết độ sứ, lợi dụng bộ máy và danh nghĩa của bọn đô hộ để giành lại độc lập dân tộc. Tuy còn mang danh hiệu quan chức của nhà Đường, về thực chất, Khúc Thừa Dụ đã giành lấy chính quyền từ tay phong kiến nước ngoài, xây dựng chính quyền tự chủ, kết thúc về cơ bản ách thống trị nghìn năm của phong kiến phương bắc.

Không từ bỏ âm mưu đặt ách thống trị lại nước ta, năm 930 quân Nam Hán lại đem quân sang xâm lược. Dương Đình Nghệ, một tướng cũ của họ Khúc đã lãnh đạo nhân dân đánh đuổi quân xâm lược, giành lại quyền tự chủ của đất nước.

Năm 938, vua Nam Hán lại sai đem thủy quân sang xâm lược nước ta một lần nữa. Ngô Quyền, một vị tướng tài và là con rể của Dương Đình Nghệ đã kéo quân từ Châu ái ra giết chết tên bán nước Kiều Công Tiễn trừ mối họa bên trong và lãnh đạo quân ta tiến hành cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nam Hán. Nhằm vững đường tiến quân của địch từ biển vào, Ngô Quyền đã huy động lực lượng quân dân đắp gỗ, đẽo cọc, đầu bịt sắt nhọn, cắm đầy sông Bạch Đằng tại nơi hiểm yếu gần cửa biển, xây dựng thành một trận địa ngầm mai phục, sẵn sàng chờ giặc. Thủy quân Nam Hán ô ạt kéo vào cửa Bạch Đằng. Đang lúc triều lên nước ngập hết bãi cọc, Ngô Quyền dùng thuyền nhẹ ra đánh nhử quân giặc. Đợi khi thủy triều xuống, Ngô Quyền cho quân phản kích đánh mạnh, thủy quân Nam Hán quay đầu chạy. Ra đến gần cửa biển, thuyền địch đâm phải bãi cọc nhọn, bị vỡ và đắm nhiều. Tướng giặc là Hoàng Thao bỏ mạng tại trận. Đội quân xâm lược thất bại nặng nề, ý chí xâm lược của Nam Hán bị đè bẹp.

Chiến thắng oanh liệt của quân và dân ta dưới sự lãnh đạo của người anh hùng dân tộc Ngô Quyền trên sông Bạch Đằng cuối năm 938 đã kết thúc hoàn toàn thời kỳ mất nước kéo dài hơn một nghìn năm. Dân tộc ta đã giành lại chủ quyền đất nước. Đó là quá trình đấu tranh liên tục, bền bỉ và dũng cảm của dân tộc ta vì độc lập và tự do. Âm mưu đồng hoá của kẻ thù phong kiến phương bắc hoàn toàn bị phá sản. Bản sắc văn hoá, tiếng nói dân tộc được bảo tồn và phát triển trong khi không ngừng tiếp thu và dân tộc hoá tinh hoa văn hoá và vốn từ ngữ nước ngoài. Trong quá trình đấu tranh, dân tộc ta không ngừng trưởng thành và lớn mạnh. Trước hết đó là sự trưởng thành ý thức dân tộc và tinh thần yêu nước kiên cường bất khuất. Lực lượng quân sự, nền tảng kinh tế xã hội chính trị, kinh tế văn hoá đã có bước phát triển mới. Sức sống mãnh liệt của dân tộc đã đưa đến độc lập dân tộc ở thế kỷ X. Chính sức mạnh ấy sẽ tạo tiền đề vật chất và tinh thần cho việc bảo vệ nền độc lập dân tộc và phát triển đất nước của các thế kỷ tiếp theo.

Sau khi Ngô Quyền mất (năm 944), triều đình xảy ra nhiều biến loạn và xung đột làm cho chính quyền Trung ương suy yếu. Là một chính quyền non trẻ, mới được xây dựng nên tổ chức còn đơn giản và mức độ tập quyền chưa cao. Ở nhiều địa phương vẫn tồn tại những thế lực phong kiến khá mạnh với cơ sở kinh tế và lực lượng quân sự riêng. Lợi dụng tình trạng đó, các thế lực phong kiến địa phương nổi dậy, mỗi người hùng cứ một phương và tranh giành nhau quyết liệt. Đó là thời kỳ loạn Mười Hai Sứ Quân. Việc cát cứ của các sứ quân đã làm suy yếu thế nước, nền độc lập non trẻ vừa mới giành được lại đang đứng trước nguy cơ xâm lược mới. Trước tình hình đó

Đinh Bộ Lĩnh đã nêu cao ngọn cờ thống nhất đất nước, dẹp loạn Mười Hai Sứ Quân, xây dựng chế độ trung ương tập quyền. Năm 968 ông lên ngôi hoàng đế gọi là Đinh Tiên Hoàng, đặt tên nước là Đại Cồ Việt, bỏ niên hiệu của các hoàng đế phương bắc, đặt niên hiệu riêng là Thái Bình, đặt kinh đô ở Hoa Lư (Ninh Bình). Đó là những biểu hiện của triều đình quyết tâm giữ độc lập dân tộc và xây dựng nhà nước tự chủ, quyết tâm phủ định quyền bá chủ của các hoàng đế phương bắc.

Dưới triều Đinh, chế độ trung ương tập quyền được xây dựng, củng cố, lực lượng quân đội được tăng cường và tổ chức thống nhất. Công cuộc xây dựng đất nước vừa được tiến hành chưa được bao lâu thì năm 979 Đinh Tiên Hoàng bị sát hại. Con trai thứ của Đinh Tiên Hoàng mới 6 tuổi được lập lên làm vua. Nhiều vụ xung đột xảy ra trong triều đình. Các thế lực phong kiến thù địch ở trong và ngoài nước, lợi dụng thời cơ tiến hành âm mưu lật đổ và thôn tính.

Ở phía Nam từ Đèo Ngang trở vào, nước Chiêm Thành của người Chăm trở thành một quốc gia độc lập đang phát triển. Trong suốt thời gian bị phong kiến Trung quốc đô hộ các dân tộc Việt ở phía bắc và dân tộc Chăm ở phía nam đều có một kẻ thù chung là các thế lực phong kiến xâm lược phương bắc. Trong các cuộc khởi nghĩa của của dân tộc các dân tộc Việt Nam ở các quận, huyện phía Bắc đều được sự ủng hộ, đồng tình hưởng ứng của nhân dân, dân tộc Chăm ở phía Nam và ngược lại. Nhưng khi giành được độc lập, các triều đại phong kiến tập quyền bao giờ cũng muốn mở rộng lãnh thổ. Vì vậy, quan hệ giữa hai nước Đại Việt và Chiêm Thành tuy là láng giềng, trước đây có chung kẻ thù nhưng không tránh khỏi xung đột. Trong quan hệ giữa Chiêm Thành và Đại Việt, Chiêm Thành là nước giành độc lập, xây dựng Nhà nước phong kiến tập quyền sớm, lại dựa vào thế mạnh của những người quen chinh chiến, đã nhiều lần cất quân đánh ra phía Bắc dưới thời phong kiến Trung Quốc đô hộ. Khi người Việt giành được độc lập, trong những thời cơ thuận lợi họ thường tiến hành các cuộc chiến tranh nhằm mở rộng lãnh thổ.

Tháng 5 năm 543 khi cuộc khởi nghĩa Lý Bí nổ ra, quân và dân Vạn Xuân đang tiến công quét sạch bè lũ đô hộ nhà Lương thì vua Lâm Ấp cho quân đánh phá châu Đức (Hà Tĩnh). Lý Bí vừa phải lo đánh quân Lương ở phía Bắc, phải cử tướng Phạm Tu đánh tan quân Chiêm ở phía Nam. Như vậy, ngay từ khi Nhà nước Vạn Xuân được thành lập quan hệ giữa Vạn Xuân và Chiêm thành đã có sự xung đột. Đến thời kỳ này, sau khi Đinh Tiên

Hoàng bị sát hại, nội bộ triều đình bất hoà. Ngô Nhật Khánh, một trong những sứ quân trước đây bị Đinh Tiên Hoàng đánh bại phải quy hàng rồi chạy trốn sang Chiêm Thành. Nhân thời cơ triều đình nhà Đinh đang gặp khó khăn, Ngô Nhật Khánh dẫn đường vua Chiêm đưa hơn 1000 chiếc thuyền định đánh vào kinh đô Hoa Lư. Quân Chiêm vừa vượt biển tiến vào hai cửa đại Ác và Tiểu Khang thì gặp bão tố, đoàn thuyền bị đắm gần hết, chỉ có thuyền vua Chiêm thoát về nước. Đây là lần thứ hai Chiêm Thành tiến đánh Vạn Xuân với tư cách là một Nhà nước độc lập có chủ quyền.

Ở phía Bắc, lúc bấy giờ nhà Tống đã được thành lập và hoàn thành việc thống nhất quốc gia. Cũng như các triều đại phong kiến Trung Quốc trước đây tự coi mình là “Thiên triều” có quyền thống trị các nước xung quanh. Nhân sự suy yếu của triều Đinh nhà Tống phát động cuộc chiến tranh xâm lược nước ta. Trước tình hình vua Đinh còn ít tuổi, chưa đủ khả năng và uy tính để tổ chức và lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Tống, một số quan lại và quân sĩ suy tôn Lê Hoàn lên làm vua gọi là Lê Đại Hành. Lê Hoàn lên làm vua, lập nên triều đại mới gọi là triều Tiền Lê. Dưới sự lãnh đạo của Lê Hoàn quân dân Tiền Lê gấp rút tổ chức cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống.

Đầu năm 981, quân Tống chia thành hai đạo quân thuỷ, bộ ào ạt tiến vào xâm lược nước ta. Đạo quân bộ từ Ung châu (Quảng Tây) theo hướng Lạng Sơn tràn vào. Đạo quân thuỷ từ Quảng châu (Quảng Đông) vượt biển tiến sang. Chúng dự định quân thuỷ, bộ sẽ phối hợp tiến vào vây hãm kinh thành Hoa Lư. Học tập sáng tạo chiến thuật của Ngô Quyền hơn bốn mươi năm trước, Lê Hoàn sai quân sĩ đóng cọc ở sông Bạch Đằng ngăn chặn chiến thuyền của địch. Với truyền thống thuỷ chiến anh dũng của dân tộc, quân ta đánh tan đội thuỷ quân Tống trên sông Bạch Đằng, phá tan âm mưu phối hợp với đạo quân bộ. Trên các tuyến đường bộ quân Tống chỉ huy là Hầu Nhân Bảo bị giết, nhiều tướng khác bị bắt sống. Quân xâm lược Tống bị đại bại. Nền độc lập dân tộc được giữ vững.

Sau khi chiến thắng quân xâm lược Tống, Lê Hoàn tìm cách lập lại quan hệ bang giao với nhà Tống. Đối với nước Chiêm Thành ở phía Nam, nhà Lê cũng đã cố gắng khôi phục quan hệ láng giềng, bang giao hoà bình. Lê Hoàn đã cho sứ giả sang giao hiếu với quân Chiêm Thành. Nhưng vua Chiêm vẫn giữ thái độ thù địch, bắt giam sứ giả của Lê Hoàn⁽¹⁾. Nhận thức được mối hiểm họa từ phía Nam, trước thái độ thù địch của Chiêm Thành,

⁽¹⁾ Theo ĐVSKTT thì hai sứ giả của Lê Hoàn ở vua Chiêm Thành bắt giữ là Tì I Mục và Ngô Tử Canh.

nhằm bảo vệ nền độc lập vững chắc tập trung vào công cuộc xây dựng đất nước, Lê Hoàn quyết định tự cầm quân tiến đánh Chiêm Thành.

Cuộc tiến binh của Lê Hoàn năm 982 - 983 được sử cũ chép: *“Khi vua đi đánh Chiêm thành, qua núi Đồng Cổ (Thiếp Yên Thanh Hoá) đến sông Bà Hoa (Tĩnh Gia Thanh Hoá), đường núi hiểm trở khó đi, người ngựa mệt mỏi, đường biển thì sóng to khó đi lại, bèn sai người đào kênh. Đến đây làm xong, thuyền bè đi lại đều được thuận tiện”*^(A54:222) Đội quân Lê Hoàn tiến vào đánh Chiêm Thành đánh phá kinh thành In-đơ-ra-pu-ra (tức Đồng Dương Quảng Nam) tiêu diệt lực lượng lớn quân đội, san phẳng thành trì.

Cuộc tiến binh đánh nước Chiêm Thành của Lê Hoàn ở cuối thế kỷ X là một cuộc tiến quân tự vệ, nhằm cảnh cáo thái độ thù địch của vua Chiêm thành, loại bỏ âm mưu đánh phá quấy rối từ phía Nam, hoàn toàn không có ý đồ thôn tính, thiết lập bộ máy cai trị. Vì vậy sau khi hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ, Lê Hoàn cho quân rút về nước.

Sau cuộc kháng chiến chống Tống ở phía bắc và bình Chiêm ở phía nam thắng lợi, Lê Hoàn tập trung vào công cuộc xây dựng đất nước. Sau cuộc tiến quân của Lê Hoàn, nước Chiêm Thành phải chấp nhận giữ mối quan hệ bang giao hoà hiếu. Tháng 6 năm 991 Lê Đại Hành cho người Chiêm thành nhận lĩnh hơn 360 người ở thành cũ Châu Địa lý (Quảng Bình) đem về Châu Ô lý (Quảng Trị - Thừa Thiên). Tháng 8 năm 991, Lê Đại Hành sai Phụ quốc Ngô Tử An đưa 3 vạn người đi mở đường bộ từ cửa biển Nam giới (Hà Tĩnh) đến Châu Địa lý (Quảng Bình ngày nay).

Sang cuối đời Tiền Lê, vua Lê lúc đó là Lê Long Đĩnh hung tàn, bạo ngược, sống sa đoạ, không đủ tư cách và năng lực cầm đầu triều đình. Lê Long Đĩnh đã có những hành động đàn áp dã man nhân dân và ngược đãi sứ sãi làm cho lòng người oán giận. Vì vậy khi Lê Long Đĩnh chết, triều đình đưa Lý Công Uẩn lên làm vua lập nên triều Lý (1009 - 1225). Ngay sau khi lên làm vua, Lý Công Uẩn tức Lý Thái Tổ quyết định dời đô từ Hoa Lư về Đại La và đổi tên thành Thăng Long (Hà Nội). Chiếu dời đô của Lý Thái Tổ nói rõ mục đích dời đô là *“đóng nơi trung tâm, mưu toan nghiệp lớn, tính kế lâu dài cho con cháu đời sau”* Thăng Long là nơi hội tụ điều kiện để xây dựng một kinh đô *“ở nơi trung tâm bờ cõi đất nước, được cái thế rồng cuộn, hổ ngồi; vị trí ở giữa bốn phương đông, tây, nam, bắc; tiện hình thế núi sông sau trước... là nơi đô thành bậc nhất của đế vương muôn đời”*

Việc dời đô về Thăng Long phản ánh sự lớn mạnh và yêu cầu phát triển mới của quốc gia phong kiến tập quyền, chứng tỏ khả năng quyết tâm và lòng tin của dân tộc ta vì sự phát triển bền vững lâu dài của đất nước. Cũng với tinh thần đó, năm 1054 nhà Lý đổi tên nước là Đại Việt, khẳng định ý chí tự tôn và tự chủ của cả dân tộc. Khi triều Lý được thành lập, Lý Thái Tổ đã tập trung củng cố chế độ Trung ương tập quyền, tăng cường xây dựng quân đội và thực hiện nhiều chính sách phát triển kinh tế. Đối với các dân tộc trong nước Đại Việt, triều đình Lý thực hiện nhiều chính sách nhằm củng cố khối đoàn kết dân tộc để bảo vệ quốc gia thống nhất. Đối với các nước láng giềng, nhà Lý cố gắng giữ mối bang giao hoà hiếu, tránh xung đột để giữ vững hoà bình, ổn định, tập trung cho việc xây dựng đất nước. Thế nhưng, đối với triều đình nhà Tống ở phía Bắc, sau khi thất bại trong cuộc xâm lược lần thứ nhất dưới thời Tiền Lê, chúng chưa chịu từ bỏ âm mưu thôn tính nước ta một lần nữa. Ở phía Nam, mặc dầu Chiêm Thành đã bị thất bại nặng nề sau nhiều lần đánh ra Bắc và đặc biệt là cuộc tiến đánh kinh đô Chiêm thành của Lê Đại Hành năm 982 - 983 các vương triều Chiêm vẫn không từ bỏ âm mưu đánh phá, quấy rối Đại Việt. Nhận thức được kẻ thù nguy hiểm của Đại Việt là tập đoàn phong kiến phương Bắc, triều Lý đã tích cực chuẩn bị cho cuộc kháng chiến chống xâm lược Tống. Muốn vậy phải ổn định biên giới phía Nam. Trước tình hình quấy phá của Chiêm thành ở các vùng ven biển phía Nam trong những năm đầu triều Lý mới thành lập, Lý Thái Tổ cho quân tiến đánh Chiêm Thành. Tháng 12 năm 1020 Lý Thái Tổ sai Khai Thiên Vương và Đạo Thạc Phụ đem quân đánh Chiêm Thành ở trại Bố Chính (Bắc Quảng Bình ngày nay). Quân Đại Việt tiến thẳng vào núi Long Ty (thuộc huyện Quảng Trạch ngày nay) giết tướng Chiêm thành là Bố Linh và nhiều quân sĩ. Cuộc tiến quân lần này chỉ nhằm tiêu diệt lực lượng quân Chiêm Thành ở Bố Chính, nơi Chiêm Thành thường cho quân ra đánh phá các quân phía Bắc thuộc Đại Việt. Vì vậy, quân Đại Việt không tiến sâu vào đất Chiêm Thành. Đánh xong trại Bố Chính, quân Đại Việt rút về nước.

Sang đời Lý Thái Tông, từ khi lên ngôi, trong quan hệ với Chiêm thành, vua chỉ “ban ơn đức vỗ về” nhưng vua Chiêm thành lại không ngừng sai quân quấy phá các quận phía Nam của Đại Việt. Năm Minh Đạo thứ 2 (Quý Mùi, 1043) mùa hạ, tháng tư, “giặc gió sóng” (nghĩa là nhân gió sóng mà đi cướp) Chiêm Thành cướp bóc dân ven biển”^(A54:264)

Trước tình hình đó, Lý Thái Tông đem quân đánh Chiêm Thành để ổn định biên cương phía Nam. Đại Việt sử ký toàn thư chép:

Tháng 12-1043 vua xuống chiếu cho quân sĩ sửa soạn giáp binh, chuẩn bị hện đến mùa xuân tháng 2 sang năm đi đánh Chiêm thành.

Tháng 1 - 1044 phát khí giới trong kho ban cho các quân.

Ngày Quý Mão, vua thân chinh đi đánh Chiêm thành, cho Khai hoàng vương là Nhật Tôn làm lưu thủ Kinh sư^(A54:265)

Cuộc tiến quân của Lý Thái Tông được Đại Việt sử ký toàn thư mô tả như sau:

"Ngày Giáp Thìn, quân đi từ Kinh sư, ngày Ất Ty đến cửa biển Đại Ác, gặp lúc sóng gió yên lặng, đại quân qua biển dễ dàng, cho tên Đại Ác thành Đại An. Đến núi Ma Cô có đám mây tím bọc lấy mặt trời. Qua vụng Hà Nã, có đám mây che thuyền ngự, theo thuyền mà đi hoặc ngừng. Ngày hôm ấy đến đóng doanh ở cửa biển Trụ Nha. Ngày hôm sau, nhờ thuận gió, trong một ngày qua hai bãi Đại Tiểu Trường sa⁽¹⁾ Đến cửa Tư khách có con cá trắng nhảy vào thuyền. Vua nghe tin Chiêm thành đem quân và voi bày trận ở bờ nam sông Ngũ Bồ⁽²⁾ muốn chống cự quan quân. Vua truyền cho quân bỏ thuyền lên bộ, đem quân sĩ lên bờ bắc, thấy quân Chiêm đã dàn ở bên sông, vua mới cất đặt quân sĩ dựng cờ nổi trống, sang tắt ngang sông đánh. Binh lính chưa chạm nhau mà quân Chiêm đã tan vỡ, quan quân đuổi chém được ba vạn thủ cấp. Quách Gia Di chém được đầu vua Chiêm là Sạ Đầu⁽³⁾ tại trận đem dâng. Đoạt được 30 voi thuần, bắt sống hơn 5 nghìn người, còn thì bị quan quân giết chết, máu nhuộm gươm giáo, xác chất đầy đồng. Vua tỏ ý cảm khái, xuống lệnh rằng “kẻ nào giết bảy người Chiêm thành thì sẽ giết không tha”

Tháng 7, vua Lý Thái Tông đưa quân vào kinh đô Chiêm thành là Phật Thệ, sai sứ đi khắp các hương ấp phủ dụ, trấn an dân chúng.

Tháng 8, Lý Thái Tông cho quân rút về nước. Đối với các tù binh Chiêm Thành, Lý Thái Tông cho họ nhận người cùng bộ tộc và cho định cư từ trấn Vĩnh Khang (thuộc huyện Tương Dương, Nghệ An ngày nay) đến Đăng Châu (thuộc đất Yên Bái và Lào Cai ngày nay), đặt hương ấp phỏng theo tên cũ của Chiêm thành.

⁽¹⁾ Đại tiểu Trường Sa: Bãi cát từ cửa Nhật Lệ đến cửa Tùng là Đại Trường sa. Bãi cát từ cửa Tùng đến cửa Tư Hiền là Tiểu Trường sa.

⁽²⁾ Sông Ngũ Bồ có thể là sông Chợ chảy ra cửa Đại Chiêm tỉnh Quảng Nam

⁽³⁾ Sạ Đầu tức vua Chiêm Jaya Siha varman II (ở ngôi 1042-1044)

Cuộc chiến tranh giữa Đại Việt và Chiêm Thành dưới triều đại Lý Thái Tông đã diễn ra với quy mô lớn. Quân Đại Việt đã đánh vào kinh đô Phật Thệ giết cả vua Chiêm nhưng Lý Thái Tông không có chủ trương cướp đất, giành dân, đặt quan cai trị. Những chủ trương cấm giết tù hàng binh, cấp đất cho họ định cư lập hương ấp theo phong tục Chiêm Thành phần nào đã nói lên tính nhân đạo và không muốn khoét sâu mối hận thù của triều Lý.

Sau khi vua Lý Thái Tông mất (1054) Lý Thánh Tông lên ngôi, nguy cơ xâm lược từ triều đại phong kiến phương Bắc là nhà Tống càng đến gần. Trong lúc đó ở phía Nam, sau một thời gian phục hồi, vua Chiêm thành là Chế Cũ lại bắt đầu gây rối vùng biên cương phía Nam. Năm 1068, Chiêm Thành, một mặt chịu triều cống nhưng mặt khác lại tích cực quấy nhiễu biên giới. Để loại trừ mối uy hiếp từ phía Nam, làm thất bại âm mưu liên kết của quân Tống với nước Chiêm thành, Lý Thánh Tông quyết định đánh Chiêm thành. Tháng 2 năm Kỷ Dậu (1069), Lý Thánh Tông thân chinh cầm quân, cùng với tướng quân Lý Thường Kiệt đánh vào kinh thành Phật Thệ (tức Vijaya - Bình Định) của Chiêm Thành. Trong khi vua ra trận, công việc triều chính nhà Lý giao cho bà Nguyên Phi Ý Lan trông coi. Theo Đại Việt sử ký toàn thư, trong lần xuất chinh này, “vua đánh Chiêm thành mãi không được, đem quân về đến châu Cư Liên, nghe tin Nguyên Phi giúp việc nội trị, lòng dân cảm hoá hoà hợp, trong cõi vững vàng, tôn sùng Phật giáo, dân gọi là bà Quan Âm, vua nói: “Nguyên Phi là đàn bà còn làm được như thế, ta là nam nhi lại chẳng làm được việc gì hay sao !” bèn quay lại đánh nữa, thắng được”^(A54:275)

Trong cuộc tiến công này, khi Lý Thánh Tông đến cửa Nhật Lệ, thuỷ quân Chiêm đã chặn đánh dữ dội. Vua sai tướng Hoàng Kiện đốc thúc quân sĩ đánh trực diện. Quân Chiêm chống cự không nổi bèn rút chạy vào phía trong. Khi đến kinh đô Phật Thệ, quân lính đổ bộ tiến đánh quân Chiêm Thành ở hai bờ sông Tu Mao. Trong trận chiến đấu này, hai anh em Lý Thường Kiệt và Lý Thường Hiến đã lập công xuất sắc. Nghe tin thất trận ở Tua Mao, vua Chiêm là Chế Cũ (Rudrevarma III) đưa vợ con bỏ thành chạy trốn về phía nam. Quân Lý vào thành Phật Thệ, người trong thành ra hàng. Lý Thường Kiệt cho quân đuổi theo và bắt được Chế Cũ đưa về Thăng Long. Để chuộc mạng, Chế Cũ xin dâng ba châu Bố chính, Địa lý, Ma linh (tức phần đất Quảng Bình và bắc Quảng Trị ngày nay) cho Đại Việt. Lý Thánh Tông chấp nhận, tha cho Chế Cũ về nước.

Cuộc chiến tranh giữa Đại Việt và Chiêm thành năm 1069 với chiến thắng của quân dân Đại Việt có ý nghĩa rất quan trọng đối với lịch sử vùng đất Quảng Bình nói riêng và lịch sử nước ta nói chung. Kể từ nay (1069) về cơ bản địa phận Quảng Bình và một phần đất phía Bắc Quảng Trị được sát nhập vào quốc gia Đại Việt. Biên giới Đại Việt đã vượt qua Hoành Sơn (Đèo Ngang) tiến về phía Nam, mở đầu cho công cuộc mở cõi về phương nam để có non sông một dải từ Bắc vào Nam như ngày nay. Đó là kết quả tất yếu của lịch sử. Trong các cuộc chiến tranh với Chiêm Thành, Đại Việt không có chủ trương chiếm đất, giành dân, thiết lập bộ máy cai trị mà chủ yếu là xuất phát từ mục đích tự vệ, giữ vững biên cương phía Nam, tập trung lực lượng đối phó với kẻ thù xâm lược của các triều đại phong kiến phương Bắc. Trong lịch sử quan hệ giữa nước ta và Chiêm Thành, người Chiêm thành đã nhiều lần tổ chức chiến tranh muốn mở rộng lãnh thổ ra phía Bắc. Các triều đại phong kiến độc lập từ nhà Đinh sang nhà Lý luôn giữ mối quan hệ bang giao hoà hiếu và đã có nhiều chính sách để giữ vững ổn định, hoà bình, để xây dựng đất nước. Việc Chế cửu dân ba châu Bố Chính, Địa Lý, Ma Linh cho Đại Việt là kết quả thất bại tất yếu qua trình xung đột giữa các tập đoàn phong kiến nhưng đã mang lại một hệ quả lịch sử là đưa Quảng Bình nhập vào Đại Việt, trở lại với đất nước Việt Nam mà từ thời Âu Lạc những cư dân Việt đã định cư ở đây. *Trải qua những biến động lịch sử, mảnh đất Quảng Bình từ đây trở thành phần dậu của Đại Việt ở phía Nam, có vị trí cực kỳ quan trọng trong việc mở mang bờ cõi đất nước ở những giai đoạn lịch sử kế tiếp.*

2. CÔNG CUỘC KHAI PHÁ VÙNG ĐẤT MỚI QUẢNG BÌNH DƯỚI CÁC TRIỀU ĐẠI LÝ, TRẦN, LÊ.

Sau sự kiện 1069 ba châu Bố Chính, Địa Lý (Quảng Bình) và Ma Linh (bắc Quảng Trị) nhập vào Đại Việt, các triều đại phong kiến Việt Nam bắt đầu tổ chức những đợt di dân lập ấp, khai phá vùng đất mới, thực hiện chủ quyền trên lãnh thổ của mình. Công cuộc khai thiết vùng đất Quảng Bình bắt đầu từ dưới triều đại nhà Lý phát triển sang nhà Trần và Lê đã có những biến đổi quan trọng trên tất cả các lĩnh vực kinh tế xã hội, trở thành một bộ phận trong lãnh thổ thiêng liêng của nước Đại Việt.

2.1. Sự kiện 1075 - Bố Chính, Lâm Bình (Quảng Bình ngày nay) trở thành những đơn vị hành chính của Đại Việt.

Năm 1072 vua Lý Thánh Tông từ trần. Vua Lý Nhân Tông mới bảy tuổi. Tình hình đất nước gặp nhiều khó khăn. Phía Bắc, sau thất bại trong cuộc chiến tranh xâm lược nước ta thời Tiền Lê (981) nhà Tống vẫn chưa chịu từ bỏ tham vọng xâm chiếm nước ta một lần nữa. Lần này nhà Tống chuẩn bị cuộc chiến tranh một cách rất thận trọng, chu đáo và tích cực. Chúng tập trung xây dựng các căn cứ quân sự lớn bao gồm cả bộ binh và thủy binh, và tích trữ lương thực tại thành Ung Châu (Quảng Tây) và cửa biển Khâm Châu, Liên Châu (Quảng Đông) để chuẩn bị phát động cuộc chiến tranh.

Phía Nam, sau khi Vua Chiêm là Chế Củ đã dâng ba châu Bố Chính, Địa Lý và Ma Linh cho nước ta, triều đại các vua Chiêm kế nghiệp không ngừng cho quân quấy rối biên giới phía Nam, đồng thời âm mưu phối hợp với quân Tống tiến công xâm lược nước ta⁽¹⁾. Trước tình hình đó, triều đại nhà Lý buộc phải tiến hành cuộc tiến công tự vệ để đối phó với cuộc chiến tranh xâm lược. Lý Thường Kiệt nói: “Ngồi yên đợi giặc không bằng đem quân ra trước để chặn mũi nhọn của giặc”^(A54:278). Quán triệt tư tưởng chiến lược đó, triều đình nhà Lý đã tổ chức hai cuộc chiến tranh tiến công để tự vệ từ hai phía.

Phía Nam, tháng 8 năm Ất Mão (1075) Lý Thường Kiệt chỉ huy quân sĩ tiến đánh Chiêm thành và vẽ bản đồ ba châu Bố chính, Địa lý và Ma linh.

Phía Bắc, 27 tháng 10 năm Ất Mão (1075), đạo quân của Lý Thường Kiệt vượt biển đánh chiếm cửa biển Khâm Châu và Liên Châu, tiến vào vây hãm thành Ung Châu. Sau hơn 40 ngày chiến đấu anh dũng, quân ta phá thành Ung Châu. Lý Thường Kiệt cho quân triệt hạ thành trì, tiêu huỷ kho tàng lương thực và các cơ sở, phương tiện quân sự của địch rồi nhanh chóng rút quân về nước. Cuộc tiến công tự vệ trên cả hai mặt trận⁽¹⁾, phía bắc đánh

⁽¹⁾ Về sự kiện các cuộc chiến tranh (1075) các sử c trình bày có khác nhau:

- Đại Việt sử ký toàn thư trình bày việc đánh châu Khâm, châu Liên và thành Ung châu khá kỹ nhưng không có ngày tháng bắt đầu cuộc chiến tranh. Sự kiện đánh Chiêm thành trình bày sau nhưng ghi rõ vào mùa thu, tháng 8, ngày mồng một Canh Dần.

- Đại Việt sử ký tiền biên lại cho rằng, Thường Kiệt đánh châu Khâm, châu Liên vào mùa Đông Ất Mão (1075) đánh châu Ung vào mùa xuân năm Bính Thìn (1076), vậy không có lẽ quảng giữa lại gây sự với Chiêm thành. Theo đó tác giả Đại Việt sử ký tiền biên cho rằng Lý Thường Kiệt đánh châu Khâm, châu Liên về mới đánh Chiêm Thành.

Theo chúng tôi, sự kiện đánh Chiêm Thành xảy ra trước vì thời gian các sử gia đã ghi là “mùa thu tháng 8 ngày mồng một Canh Dần”, việc đánh châu Khâm, châu Liên diễn ra sau đó, sử cũ ghi là “mùa đông Ất Mão” Điều này cng trùng hợp với nhận định của Trần Trọng Kim trong Việt Nam sử lược “năm Ất Mão

Tống, phía nam bình Chiêm đã làm suy yếu lực lượng địch, cổ vũ khí thế quân dân góp phần đánh bại quân xâm lược Tống cuối năm 1076 trên phòng tuyến sông Cầu. Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống thắng lợi, độc lập chủ quyền được giữ vững, triều đại nhà Lý được củng cố, tạo điều kiện xây dựng đất nước, trong đó có việc ổn định khai phá vùng đất mới phía Nam thuộc Quảng Bình ngày nay.

Sau khi vẽ bản đồ ba châu Bố Chính, Địa lý và Ma Linh trở về, triều đình nhà Lý quyết định đổi tên các châu của Chiêm Thành trước đây, chính thức thành lập các đơn vị hành chính của Đại Việt. Đổi châu Địa Lý thành châu Lâm Bình, châu Ma Linh thành châu Minh Linh và bắt đầu chiêu mộ dân chúng đến khai hoang, lập ấp. Sự kiện này đánh dấu mốc lịch sử quan trọng của việc khai phá vùng đất Quảng Bình thuộc nước Đại Việt. Như vậy là kể từ năm 1075 đã có những cư dân Đại Việt di cư vào khai phá vùng đất Quảng Bình theo sự chiêu mộ của triều đình nhà Lý. Việc chiêu mộ dân đến ở vùng đất mới, nhà Lý một mặt muốn khai phá vùng đất mới, nhưng quan trọng hơn là tạo ra một lực lượng bảo vệ vùng biên cương phía Nam vừa mới nhập vào Đại Việt và cũng từ đây sẽ là bàn đạp mở rộng lãnh thổ của các triều đại phong kiến Việt Nam về phía Nam.

Dưới các triều đại Nhà Lý, chính quyền rất coi trọng phát triển nông nghiệp. Công cuộc khẩn hoang được tiến hành trên quy mô lớn. Những người dân phiêu bạt đi các nơi trở về đều được nhận ruộng, nhận đất cày cấy. Chính quyền chủ trương giảm miễn tô thuế cho dân chúng khi bị mất mùa, nghiêm cấm việc giết mổ trâu bò để bảo vệ sức kéo cho sản xuất. Ở miền Bắc hệ thống đê điều được xây dựng và củng cố. Chính vì vậy việc khai phá vùng đất mới ở Bố Chính và Lâm Bình đã được triều đình nhà Lý quan tâm ngay từ vùng đất này thuộc chủ quyền của nước Đại Việt. Việc khai phá Quảng Bình được bắt đầu từ vùng đất phía Nam Châu Lâm Bình⁽¹⁾

(1075) trước khi đi đánh nhà Tống, Lý Thường Kiệt đã sang đánh Chiêm Thành” Lịch sử Việt Nam của nhà xuất bản khoa học xã hội ghi rõ: “ngày 27/10/1075 cuộc tiến công của quân ta đánh Tống bắt đầu” - Đối với sự kiện đánh Chiêm thành các sử cũ đã ghi “Sai Lý Thường Kiệt tổng lĩnh các quân đi đánh Chiêm thành không thắng được. Thường Kiệt bèn họa địa đồ hình thể núi sông của ba châu Bố Chính, Đại lý, Ma linh rồi về - Ở đây, càng cng cố nhận định sự kiện đánh Chiêm xảy ra trước vì với ý đồ ngăn đe và không muốn kéo dài cuộc chiến tranh với Chiêm thành, Lý Thường Kiệt nhanh chóng rút về chuẩn bị cho việc đánh Tống sau đó.

⁽¹⁾ Theo Cadiere trong “Địa lý và lịch sử tỉnh Quảng Bình” thì “vào khoảng 1075, bắt đầu có những đoàn người Việt Nam di thực vào đây, chuyển vào phần Nam Quảng Bình” Theo ông Phan Khoang, trong sách “Lịch sử xứ Đàng trong” khi nghiên cứu “địa lý lịch sử tỉnh Quảng Bình” của Cadiere cho rằng “khi hưởng ứng chiếu di dân lập ấp của Vua Lý Nhân Tông, nhiều người miền Bắc di cư vào miền Nam lập nghiệp, phần lớn họ không dừng lại ở châu Bố Chính mà đi thẳng vào Lâm Bình là nơi đất thấp và màu mỡ hơn, vì vậy

Với điều kiện địa lý đất đai thuận lợi vùng đất Lâm bình (Quảng Ninh Lệ Thủy ngày nay) nhanh chóng phát triển trở thành một vựa lúa của Quảng Bình sau này. Ngoài ý nghĩa về kinh tế, phía Nam Quảng Bình tức là Lâm Bình cùng với Minh Linh (phía Bắc Quảng Trị ngày nay) còn có ý nghĩa quan trọng về mặt lịch sử, là vùng đất giáp giới với nước Chiêm Thành lúc bấy giờ. Vì vậy, nhà Lý đã quan tâm đến việc di dân đến ở, khai hoang lập ấp tạo chỗ đứng chân bảo vệ biên cương phía Nam. Điều này hoàn toàn phù hợp với chính sách “ngụ binh ư nông” của triều đại nhà Lý. Trong quá trình xây dựng Nhà nước phong kiến Trung ương tập quyền, nhà Lý phải luôn đối phó với nguy cơ xâm lược từ bên ngoài cả phía Bắc và phía Nam. Do đó, việc chăm lo xây dựng lực lượng quốc phòng là vấn đề sống còn của quốc gia. Dưới thời nhà Lý việc quản lý hộ khẩu, nghĩa vụ binh dịch và tuyển binh rất chặt chẽ. Dân đinh làng từ 18 đến 20 tuổi gọi là hoàng nam; từ 20 đến 60 tuổi gọi là đại hoàng nam, đó là những dân đinh có nghĩa vụ quân dịch và đăng ký vào sổ quân. Nhà Lý có chính sách không lấy hoàng nam làm nô tỳ. Lực lượng này khi hoà bình làm ruộng, khi có chiến tranh, cần động viên quân thì dựa vào sổ quân để tuyển quân. Chính sách đó đã cho phép nhà Lý huy động lực lượng lớn quân đội cho chiến tranh, nhưng trong hoà bình lại không phải nuôi một lực lượng to lớn quân thường trực. Những cư dân đầu tiên vào Lâm Bình cũng đã được tập hợp thành những cụm dân cư vừa khai phá vùng đất mới, đồng thời là những đơn vị chiến đấu khi chiến tranh xảy ra. Những cụm dân cư đó còn mang yếu tố của những dòng họ đầu tiên đến khai phá ở vùng đất phía Nam mà đến nay còn để lại nhiều tên làng, xã như Trần xá, Lê xá, Ngô xá, Mai xá...⁽¹⁾

Với sự kiện 1075, Quảng Bình trở thành phần đất thiêng liêng của Việt Nam với hai đơn vị hành chính là Bố chính và Lâm bình của nước Đại Việt thời Lý. Những cư dân Quảng Bình đầu tiên theo lời chiêu mộ của Lý Nhân Tông đã đến đây để khai phá vùng đất mới và bảo vệ phần lãnh thổ của quốc

Lâm Bình được khai khẩn sớm hơn ở Bố Chính. Theo ông Nguyễn Tú thì ngoài con đường đi bộ, còn có những đợt di cư bằng đường thủy, vì đường thủy là con đường thuận lợi đi được nhiều người nhất. Những chuyến di cư bằng đường biển như vậy họ ít ghé lại Bố Chính, vì theo đường thủy đến cửa sông Nhật Lệ vào Lâm bình nhanh chóng, thuận lợi hơn. Các tác giả nêu trên đã có những luận cứ xác đáng. Hơn nữa, trong sử c thì mãi đến năm 1467 vua Lê Thánh Tông mới có chỉ dụ động viên cư dân Đại Việt vào khai phá vùng đất Bố Chính.

⁽¹⁾ Theo Cadiere trong địa lý - lịch sử tỉnh Quảng Bình thì những đoàn người di thực vào Quảng Bình cho chúng ta liên hệ đến tên thông tục của các làng Nhà Phan tức làng họ Phan, nhà Vàng tức làng họ Vàng hay họ Hoàng. Chúng ta có thể kể đến rất nhiều địa danh liên quan đến dòng họ như Trần xá, Lê xá, Ngô xá, Mai xá... điều đáng chú ý là các tên làng thông tục mang tên dòng họ này tập trung ở phía Nam tỉnh tức Lâm Bình trước đây, các huyện phía Bắc ít thấy.

giacó chủ quyền. Cuộc sống của những cư dân đầu tiên trên mảnh đất này rất vất vả và khó khăn. Họ bắt tay vào công cuộc khai hoang lập ấp trong điều kiện thời tiết khí hậu khắc nghiệt, đất đai chưa được thuần thục. Hơn nữa, nơi đây là vùng biên ải, nhiều cuộc chiến tranh giữa Đại Việt và Chiêm thành xảy ra trong nhiều thế kỷ kế tiếp. Nhưng với sức sống của những người dân Quảng Bình, họ đã vượt qua tất cả để tồn tại và phát triển, xây dựng non sông giàu đẹp như ngày nay. Sự nghiệp khai phá mới được bắt đầu dưới thời Lý và còn tiếp tục qua các thời đại kế tiếp.

2.2. Mở rộng công cuộc khai phá Quảng Bình dưới thời Nhà Trần.

Sau khi triều Lý suy vong, triều Trần được thiết lập (1226 - 1400). Trên nền tảng vững chắc đã được xây dựng từ đời nhà Lý, triều Trần tiếp tục công việc kiến thiết đất nước, củng cố quốc gia thống nhất, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, tiếp tục mở rộng biên cương về phía Nam. Về chính trị, dưới triều đại Nhà Trần, chế độ Trung ương tập quyền không những được khôi phục mà còn được tăng cường về mọi mặt. Nhà Trần đặt thêm nhiều chức quan và cơ quan chuyên trách để đáp ứng yêu cầu phát triển của bộ máy hành chính. Các đơn vị hành chính được cải tổ lại cho phù hợp với việc quản lý của chính quyền Trung ương. Đầu đời Trần, châu Lâm Bình dưới thời Lý được đổi thành phủ Lâm Bình. Đến đời Duệ Tông (1372 - 1377) đổi phủ Lâm Bình thành phủ Tân Bình sau đổi lộ Tân Bình. Cuối đời Trần các đơn vị hành chính của Quảng Bình bao gồm:

Trấn Tân Bình có huyện Thượng Phúc, huyện Nha Nghi, huyện Tư Kiến.

Châu Bố Chính có huyện Bố Chính, huyện Đặng Gia, huyện Tòng Chát^(A56:98)

Cùng với việc cải tổ bộ máy hành chính, nhà Trần coi trọng việc bổ nhiệm hệ thống quan lại ở địa phương. Năm 1361 vua Trần Duệ Tông bổ nhiệm Phạm A Song làm tri phủ phủ Lâm Bình^(A54:141). Tháng 4/1372 ban cho quan phủ Lâm Bình là Phạm A Song tước Minh tự^(A54:142). Tại các cấp phủ, châu, huyện các quan lại hành chính đồng thời phụ trách cả việc tư pháp, xét xử. Đơn vị hành chính cơ sở là xã được tăng cường thêm với chức đại tư xã (ngũ phẩm trở lên) hay tiểu tư xã (lục phẩm trở xuống). Mỗi xã còn có chức

xã chính, xã xử, xã giám. Việc hoàn chỉnh bộ máy hành chính ở Bố Chính và Tân Bình chứng tỏ lúc này cư dân ở đây đã phát triển. Việc di dân lập ấp đã cho phép lập nên những đơn vị hành chính cơ sở làng xã và châu huyện. Chính vì thế mà nhà Trần có thể huy động lực lượng dân binh ở đây phục vụ cho việc mở rộng biên cương về phía Nam. Năm 1306 vua Chiêm Thành là Chế Mân đem hai châu Ô, Lý làm vật cưới cầu hôn công chúa Huyền Trân. Trần Anh Tông ưng thuận, từ đó biên giới Đại Việt mở rộng đến châu Ô, Lý (vua Trần đổi thành châu Thuận Hoá, vùng Quảng Trị - Thừa Thiên ngày nay). Năm 1362 vua Trần sai Đỗ Tư Bình lấy thêm quân ở Lâm bình và Thuận Hoá để đắp thành Hoá Châu.^(A54:142) Năm 1375 lấy người ở Tân Bình cùng với người Nghệ An, Thanh Hoá sửa chữa đường xá từ Cửu chân đến Hà Hoa (tức là từ Thanh Hoá đến Cẩm Xuyên, Kỳ Anh ngày nay). Người Tân Bình lúc bấy giờ còn tham gia việc vận tải lương thực phục vụ cho việc đánh Chiêm của nhà Trần.^(A54:158) Mặc dầu biên giới Đại Việt lúc này đã vào tận châu Thuận Hoá, nhưng Tân Bình vẫn được xem là là một trọng trấn. Quân đội ở Tân Bình đặt quân hiệu, có đại đội trưởng, đại đội phó làm tướng hiệu. Người Tân Bình không chỉ tham gia phục vụ các cuộc chiến tranh của nhà Trần mà còn trực tiếp tham gia quân đội, có người lập được chiến công được ban phẩm tước. Điển hình trong số đó có tướng Hồ Hồng (Hồ Cương) từng làm giám quân Tả Thánh Dực, chỉ huy quân đánh Chiêm ở Thuận - Hoá.

Hồ Hồng thuộc họ Hồ ở Quỳnh đôi (Nghệ an), sau khi đánh Chiêm thành trở về Hồ Hồng đã ở lại Lý Nhân Nam (Bố Trạch) chiêu dân lập ấp, khai khẩn vùng này. Gia phả họ Hồ ở Quỳnh Đôi ghi: “cụ vào lấy vợ lẽ ở trong này và sinh ra một dòng họ ở trong đó” Trong miếu thờ của ông tại Nhân Trạch có ghi rõ: “Tiền khai khẩn Lý Nhân Nam”^(A54:158).

Dưới triều đại Nhà Trần, các đơn vị hành chính ở Quảng Bình đã được thiết lập về cơ bản. Mặc dù có nhiều cuộc chiến tranh giữa nhà Trần và Chiêm thành diễn ra nơi đây, nhưng tình hình chính trị ổn định. Đó là điều kiện cho sự phát triển kinh tế nơi đây diễn ra mạnh mẽ và có quy mô hơn giai đoạn trước.

Để khắc phục nền kinh tế suy sụp cuối đời Lý, nhà Trần chủ trương trước hết là tập trung phát triển nông nghiệp. Công cuộc khẩn hoang được nhà Trần đặc biệt quan tâm. Nhiều công trình khẩn hoang của quan lại và

chính quyền được mở ra. Ở các lộ, các trấn, nhà Trần đặt chức đồn điền chánh sứ, phó sứ để đồn đốc khẩn hoang và quản lý các đồn điền. Tháng 10 năm 1266 vua Trần Thánh Tông “xuống chiếu cho vương hầu, công chúa, phò mã, cung tần chiêu tập dân phiêu tán không có sản nghiệp làm nô tỳ để khai khẩn ruộng đất bỏ hoang, lập thành điền trang” Với chủ trương đó, chế độ điền trang được thiết lập. Khác với thái ấp, điền trang thuộc quyền sử hữu của quý tộc và lực lượng sản xuất chủ yếu trong điền trang là nô tỳ bị bóc lột như những nông nô. Chế độ điền trang của nhà Trần đã tạo điều kiện cho các quan lại, quý tộc khai phá nhiều vùng đất mới. Bên cạnh ý nghĩa kinh tế, các điền trang của các quan lại, quý tộc còn là cơ sở để xây dựng lực lượng quân sự của các vương hầu. Chính các đội quân này đã góp phần cùng với lực lượng quân đội của triều đình ba lần đánh tan quân xâm lược Nguyên Mông ở thế kỷ XIII.

Đối với vùng đất Quảng Bình bao gồm hai châu Bố chính và Lâm bình dưới thời nhà Lý đã trở thành lãnh thổ của nước Đại Việt, nhưng công cuộc khai phá chỉ mới bắt đầu, chưa có điều kiện mở rộng. Sang đời Trần cùng với nền kinh tế được phục hồi và phát triển, chính sách điền trang đã tạo điều kiện cho việc khai phá vùng đất Tân bình với quy mô rộng lớn. Cùng với những dòng họ của các cư dân đã định cư dưới thời nhà Lý, các cuộc di dân dưới thời Trần đã diễn ra ồ ạt hơn. Đặc biệt vai trò của các quan lại, quý tộc nhà Trần khi vào định cư ở đây đã tạo điều kiện cho việc mở rộng quy mô khai phá, lập ấp, dựng làng, phát triển kinh tế vùng đất mới. Trên đất Tân Bình đã xuất hiện một số điền trang của các quý tộc, quan lại và cùng với các điền trang đó kinh tế nông nghiệp, thủ công nghiệp đã có những bước phát triển mới. Điển hình trong số các điền trang đó có điền trang Tiểu Phúc Lộc thuộc huyện Nha Nghi, trấn Tân Bình của Hoàng Hối Khanh được xây dựng và phát triển ở vùng kinh tế quan trọng thuộc huyện Lệ Thủy ngày nay.

Hoàng Hối Khanh, người gốc Yên định Thanh Hoá đỗ Thái học sinh vào năm 1384 dưới thời vua Trần Phế Đế. Sau đó ông được bổ nhiệm là thư sử cung Bảo Hoà, là một người văn võ song toàn, được triều đình tin dùng, một năm sau ông được bổ nhiệm làm Tri huyện Nha Nghi - trấn Tân Bình (Lệ Thủy ngày nay).

Khi vào đến Nha Nghi, Hoàng Hối Khanh chọn vùng sông Kiến Giang đặt huyện sở. Nơi đây đất đai phì nhiêu, sông núi hài hoà, lại có thành Ninh Viễn trước đây Chiêm thành đã xây dựng rất thuận lợi cho việc bố phòng.

Theo gia phả của các dòng họ ở địa phương để lại, khi ổn định công việc huyện sở xong, Hoàng Hối Khanh trở ra châu Hoan, châu Ái (Thanh Hoá, Nghệ An) đưa 12 dòng họ vào định cư lập làng. Theo chế độ điền trang, Hoàng Hối Khanh còn chiêu mộ những người phiêu tán, không có sản nghiệp làm nô tỳ để khai khẩn ruộng đất lập điền trang. Sau những cuộc chiến tranh xảy ra liên miên, người phiêu bạt nhiều, người vào điền trang của ông ngày càng đông. Điền trang Tiểu Phúc Lộc của Hoàng Hối Khanh bao gồm một vùng đất rộng lớn của các xã Lộc Thủy, Liên Thủy, Phong Thủy, Trường Thủy và thị trấn Kiến Giang ngày nay. Số nô tỳ ngày càng đông, quy mô điền trang Tiểu Phúc Lộc càng được mở rộng. Sau khi khai khẩn được hàng trăm mẫu ruộng, Hoàng Hối Khanh đã chia cho 12 dòng họ và một số nô tỳ. Một thời gian sau ông chủ trương giải phóng nô tỳ, cho họ trở thành những nông dân tự do. Việc chia ruộng đất cho các dòng họ và giải phóng nô tỳ biến họ thành những nông dân tự do đã thúc đẩy lực lượng sản xuất, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp phát triển mạnh mẽ. Với điều kiện đất đai phì nhiêu, thủy lợi thuận lợi, vùng đất Kiến Giang trù phú dần dần trở thành vựa lúa của trấn Tân bình. Cùng với nông nghiệp các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp cũng phát triển để phục vụ sản xuất và đời sống. Phan xá, Hoàng giang nghề rèn phát triển, chuyên sản xuất nông cụ như lưỡi cuốc, lưỡi cày, dao rựa, liềm hái và cả gươm giáo. Nhà Mòi (Xuân Lai, Mai Hạ) chuyên trồng dâu, nuôi tằm, trồng bông dệt vải, sản xuất tơ lụa. Nhà Ngõ (Uẩn áo) chuyên sản xuất đồ gốm, gạch ngói, nung vôi, phục vụ cho việc xây dựng, Cư Triền (làng Chên - Quảng Cư) chuyên nghề mộc, nghề chạm trổ và nghề thợ nề... Các làng nghề truyền thống này đã thúc đẩy cho sự phát triển thủ công nghiệp trong toàn huyện.

Việc xây dựng điền trang Tiểu Phúc Lộc đã thúc đẩy phát triển kinh tế trong toàn trấn, nhưng quan trọng hơn, Hoàng Hối Khanh đã dựa trên cơ sở đó để xây dựng một tiềm lực quân sự địa phương vững mạnh.

Ông thực hiện chính sách khuyến nông, khuyến khích mọi người cùng làm cùng hưởng, tích trữ quân lương phòng khi có chiến tranh. Trong huyện và trong điền trang của mình ông chăm lo luyện tập quân lính, sẵn sàng tham gia chiến đấu khi chiến sự xảy ra. Dưới thời Trần vẫn áp dụng chế độ “ngụ binh ư nông” nên khi có chiến tranh, mọi người dân đều là lính. Quân đội, kể cả lực lượng của các trấn, lộ và vương hầu đều được xây dựng theo phương châm “binh lính cốt tinh nhuệ, không cốt nhiều” Chính vì vậy mà lực lượng quân đội của Hoàng Hối Khanh khi ông làm Tri huyện Nha Nghi đã đóng

góp nhiều cho các cuộc chiến tranh, bảo vệ biên cương phía Nam cho Đại Việt.

Sau này khi Hoàng Hối Khanh được bổ nhiệm nhiều chức vụ quan trọng ở các địa phương khác, nhân dân vùng sông Kiến Giang vẫn coi ông là vị Tiên khai khẩn của vùng đất Lệ Thuỷ ngày nay.

Cùng với việc phát triển các ngành nghề kinh tế nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, các đường giao thông vận tải phát triển tạo điều kiện cho việc mở mang ngành thương mại trên đất Bố chính và Tân bình. Khi triều Trần suy vong, triều Hồ được thiết lập đổi Tân bình làm trấn Tây bình^(A158:23). Nhận thấy vị trí quan trọng của Tân bình trong việc bố phòng và mở mang bờ cõi về phía Nam nhà Hồ đã chú trọng mở mang đường sá từ Tây đô (Thanh Hoá) qua Tây Bình đến Thuận Hoá, đặt tên là đường “thiên lý”. Tuyến đường thiên lý Bắc Nam qua vùng đất Bố Chính, Tây bình được hình thành tạo điều kiện cho việc giao thông vận tải thuận lợi. Dọc đường thiên lý nhà Hồ cho đặt nhiều phố xá để truyền thư và các cơ sở thương mại vì vậy dần dần hình thành. Bên cạnh hệ thống đường bộ, vận tải đường sông cũng được phát triển. Trên đất Bố chính và Tây bình có 5 con sông lớn có thể phát triển vận tải đường sông. Để đi vào phía trong, nhà Hồ đã cho đào kênh sen (Liên cảng) ở vùng Lệ thuỷ ngày nay để khai thông từ Tây bình đến Thuận Hoá. Cùng với việc phát triển giao thông đường sông, nghề đóng thuyền được phát triển. Dưới thời đại nhà Trần và tiếp sau đó là thời Hồ quan hệ hàng hoá, tiền tệ bắt đầu phát triển. Đơn vị tiền tệ và một số đơn vị đo chiều dài, đo diện tích được Nhà nước quy định thống nhất. Một số thuế được thu bằng tiền như thuế nhân đinh, thuế bãi dâu, ruộng muối. Theo Annam Chí lược, năm 1417 ruộng đất cả nước trừ (Thăng Hoà) có 17.442 khoảnh (khoảnh = 100 mẫu), 34 mẫu; gạo thu được là 73.549 thạch, 4 thăng; dân số 162.558 hộ với 450.288 dân binh.

Riêng phủ Tân bình có 37 xã, 2132 hộ, 4738 khẩu. Rộng đất dân là 27 khoảnh, 56 mẫu 7 sào, gạo lương mùa hạ, mùa thu là 133 thạch 9 hộc, tư 9 cân 13 lạng 4 đồng cân, tiền thuế quan phòng là 1000 quan^(A:158:27).

Dưới các triều đại phong kiến nhà Trần, công cuộc khai phá vùng đất Quảng Bình đã có nhiều bước tiến mới, đặc biệt ở vùng phía nam là trấn Tân bình. Với chế độ điền trang, công cuộc khẩn hoang được tiến hành trên quy mô lớn, kinh tế nông nghiệp đã có bước phát triển. Cùng với nông nghiệp các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, giao thông vận tải đã dần dần hình thành và phát triển theo. Là vùng đất chịu nhiều cuộc chiến tranh, vì vậy công

cuộc khai thiết còn gặp nhiều khó khăn. Sự nghiệp khai phá Quảng Bình vẫn được tiếp tục đẩy mạnh dưới các triều đại phong kiến nối tiếp.

2.3. Đẩy mạnh công cuộc khai phá Quảng Bình dưới triều Lê Mạc.

Từ cuối đời Trần, triều đại phong kiến nhà Minh (Trung Quốc) lợi dụng sự suy yếu của nhà Trần đã tiến hành các hoạt động dò thám và khiêu khích chuẩn bị âm mưu xâm lược nước ta. Sang thế kỷ XV dưới triều Minh Thành Tổ (1402 - 1424) nhà Minh trở thành một quốc gia phong kiến giàu mạnh trên thế giới lúc đó.

Năm 1406, nhà Minh phái một đạo quân hộ tống đưa tên phản bội sống lưu vong trên đất Minh là Trần Thiên Bình về nước hòng dựng lên chính quyền tay sai, nhưng nhà Hồ đã đánh tan quân hộ tống bắt sống Trần Thiên Bình.

Cuối năm 1406, quân Minh phát động cuộc chiến tranh xâm lược nước ta, nhà Hồ chỉ chống cự được nửa năm. Đất nước ta lại rơi vào tay xâm lược phong kiến phương Bắc.

Cuộc khởi nghĩa của Lê Lợi kéo dài 10 năm cuối cùng đã giành được thắng lợi. Nguyễn Trãi viết Bình Ngô đại cáo tuyên bố nền độc lập của dân tộc. Triều Lê được thành lập - đây là giai đoạn phát triển cực thịnh của chế độ phong kiến nước ta. Dưới triều Lê, kinh tế lại được phục hồi và phát triển. Công cuộc khai phá vùng đất Quảng Bình lại có bước phát triển mới.

Trong hơn hai mươi năm đô hộ của nhà Minh, đất nước ta bị tàn phá hết sức nặng nề. Sau khi chiến tranh kết thúc, nhà Lê bắt tay vào phục hồi kinh tế - một công việc cấp bách và trọng yếu hàng đầu. Để phục hồi nông nghiệp nhà Lê đã thi hành một số chính sách và biện pháp tích cực. Trước hết đó là việc đẩy mạnh công cuộc khẩn hoang để lập đồn điền. Để chăm lo cho việc đắp đê, khai hoang phát triển nông nghiệp, nhà Lê đã đặt các chức quan hà đê sứ và khuyến nông sứ, củng cố hệ thống quản lý sản xuất nông nghiệp từ Trung ương đến các địa phương. Lực lượng lao động chủ yếu trong các đồn điền là tù binh, tội nhân và một số quân lính đồn trú ở các địa phương. Đến năm 1481 cả nước ta có 43 sở đồn điền phần lớn tập trung ở vùng đất mới khai phá ở phía nam. Các công trình khai hoang phục hoá của nhân dân ở các địa phương được đẩy mạnh, nhất là ở các vùng trung du và ven biển. Cùng với việc khai hoang phục hoá, lập đồn điền, nhà Lê đã coi trọng việc xây dựng đê điều và các công trình thủy lợi. Những công trình

thuỷ lợi được xây dựng và quản lý chặt chẽ đã giữ vai trò rất quan trọng trong việc phục hồi và phát triển nông nghiệp lúc bấy giờ.

Đối với ruộng đất, bắt đầu đời Lê, chế độ sở hữu Nhà nước được mở rộng. Sau chiến tranh nhà Lê ra lệnh tịch thu ruộng đất của quan lại nhà Minh và bọn tay sai, điền trang thái ấp của quý tộc đã chết và ruộng bỏ hoang sang làm ruộng đất công. Nhà Lê sử dụng ruộng đất đó ban cho quý tộc quan lại làm lộc điền, một phần bổ sung vào ruộng đất của công xã để chia cho nông dân cày cấy theo chế độ quân điền. Kinh tế điền trang thái ấp dưới thời Trần được dần dần xoá bỏ. Với việc xoá bỏ chế độ điền trang thái ấp, nhà Lê đã huỷ bỏ cơ sở của sự phân tán và cát cứ của các thế lực quý tộc, tạo điều kiện cho sự phát triển của chế độ Trung ương tập quyền. Với chế độ lộc điền quyền lợi của tầng lớp thống trị mới được củng cố, đẩy mạnh sự phát triển của giai cấp địa chủ và thắt chặt sự lệ thuộc của tầng lớp này đối với nhà vua, chủ sở hữu tối cao về ruộng đất. Với chế độ quân điền, mọi người dân trong công xã đều được chia ruộng theo phẩm hàm, chức tước và địa vị xã hội. Người nông dân cày ruộng đất công thực chất là tá điền của Nhà nước, phải nộp tô thuế và lao dịch cho Nhà nước.

Với chế độ quân điền, nhà Lê một mặt vẫn bảo tồn công xã, nhưng mặt khác biến công xã thành cơ sở bóc lột của chính quyền phong kiến, biến thành viên công xã thành những người dân lệ thuộc vào Nhà nước phong kiến. Nhà Lê một mặt vừa củng cố và bảo vệ chế độ sở hữu chế độ Nhà nước về ruộng đất, mặt khác vì lợi ích của giai cấp địa chủ nên mở rộng chế độ tư hữu ruộng đất. Từ chính sách ruộng đất đó, nhà Lê đã có những chủ trương đẩy mạnh công cuộc khẩn hoang ở những vùng chưa khai phá trong đó có vùng Bố chính (tức Bố Trạch, Quảng Trạch của Quảng Bình ngày nay). Dưới các triều đại Lý, Trần phần đất Quảng Bình ngày nay mới được tập trung khai phá ở phía Nam trấn Tân Bình. Vùng đất phía Bắc thuộc châu Bố Chính chưa được tập trung khai phá, vì vùng này đất đai không được phì nhiêu, điều kiện làm ruộng nước không thuận lợi như ở phía nam. Vùng đất Bố Chính đến thời này vẫn còn hoang sơ, dân cư thưa thớt. Vì vậy triều đại nhà Lê đã có chủ trương di dân, khai phá cùng Bố Chính với quy mô lớn.

Năm Đinh Hợi (1467) dưới triều Lê Thánh Tông, tham nghị thừa tuyên sứ Hoá Châu là Đặng Thiếp dâng sớ trình bày năm điều lợi^(A54:425):

1. Dựng đồn luỹ ở cửa Tư Dung
2. Lắp cửa Eo

3. Đào kênh Sen

4. Bãi bỏ chức thuế sứ ở đầu nguồn.

5. Chiêu mộ những kẻ lưu vong đến khai khẩn ruộng hoang ở châu Bố chính.

Trong 5 điều Đặng Thiếp tâu trình cho là có lợi, có 2 điều liên quan đến công việc khẩn hoang và phát triển kinh tế ở Quảng Bình. Việc đào kênh Sen trước đây Hồ Hán Thương cũng đã tính đến nhưng không hoàn thành được. Lần này, nhà Lê lại tiếp tục thể hiện quyết tâm mở mang vùng đất phía Nam Quảng Bình, đồng thời có tính đến yếu tố quân sự cho việc vận chuyển quân lương vào phía trong. Việc chiêu mộ những người lưu vong vào khẩn hoang vùng Bố Chính phù hợp với chính sách khẩn hoang của triều Lê nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế nông nghiệp của đất nước.

Những nội dung Đặng Thiếp nêu lên đều được chấp nhận và Lê Thánh Tông đã có chiếu dụ “Bố chính đất rộng, ít dân cư, chạy đến tận châu Hoan (Hà Tĩnh ngày nay) và các quan lại hoặc dân chúng muốn khai phá thì sẽ thu được lợi lớn”^(A199:12). Hưởng ứng chiếu dụ của vua Lê Thánh Tông, nhiều quan lại, dân tự do binh lính đến đây định cư, khai hoang lập làng. Ngoài các thành phần trên còn có nhiều người bị lưu đày ở ngoại châu (phía Bắc sông Gianh) và lưu viễn châu (phía Nam sông Gianh) cũng tham gia vào việc khai phá vùng Bố Chính. Khác với vùng phía Nam khi di dân vào châu Lâm bình trước đây họ định cư lập ấp theo từng dòng tộc và tên làng mang tên của những dòng họ. Thành phần định cư ở vùng Bố chính đa dạng hơn, một làng có nhiều dòng họ khác nhau, do đó không thấy những tên làng mang tên của một họ tộc như ở phía Nam.

Theo gia phả của một số dòng họ để lại, việc di dân lập ấp dưới thời Hồng Đức (Lê Thánh Tông) đầu tiên là tập trung hai bên bờ sông Gianh. Từ phía thượng nguồn có thể kể đến là làng Lệ Sơn (Văn hoá - Tuyên hoá), làng Vĩnh Phước (Quảng Trường), làng Lũ Phong, làng Hoà Ninh (Quảng hoà) Quảng Trạch ngày nay. Phía Nam đèo Ngang dọc đường Thiên lý đã có nhiều cư dân phía Bắc vào khai canh lập nên những “phường” những “kẻ” như kẻ Càng (Quảng Kim), kẻ Xã (Cảnh Dương), kẻ Sóc, kẻ Chài (Quảng Phú), kẻ Đại, kẻ Nương (Quảng Xuân)... phía Nam sông Gianh có thể thấy các làng Bồ Khê (Thanh Trạch), Cao Lao Thượng, Cao Lao Hạ, Cao Lao Trung (Bắc Trạch), Khương Hà, Cự Năm ... thuộc huyện Bố Trạch ngày nay.

Những cư dân định cư ở châu Bố chính dưới thời Lê Thánh Tông thường tập trung ở những vùng có đất đai canh tác, bãi bồi ven sông nhưng cũng có làng được hình thành trên địa bàn ở các cửa sông, vùng ven biển thuận tiện cho nghề chài lưới. Từ những vùng dân cư này, địa bàn cư trú dần dần lan toả lên phía Tây và phủ khắp địa bàn trong toàn châu Bố Chính.

Việc khai phá châu Bố Chính dưới thời Lê, cùng với việc khai phá châu Lâm Bình (Tân Bình) trước đây, đến lúc này công cuộc khai thiết đất Quảng Bình ngày nay đã được hoàn thành về cơ bản.

Năm Quang Thuận thứ 10 tức năm Kỷ sửu (1469) lập bản đồ trong cả nước, phủ Tân Bình gồm hai huyện và hai châu; hai huyện là huyện Lệ Thủy và Khang Lộc; hai châu là Minh Linh và Bố Chính. Đời Lê Kính Tông đổi phủ Tân Bình thành phủ Tiên Bình.

Quảng Bình gồm huyện Lệ Thủy, huyện Khang Lộc và châu Bố Chính có các đơn vị hành chính như sau:

Huyện Lệ Thủy gồm 32 xã 1 thôn: Đại Phúc Lộc, Tuy Lộc, An Xá, Thủy Trung, Quần cư, Ngô Xá, Tiểu Phúc Lộc, Xuân Hồi, Cổ Liễu, Quy Hậu, Uẩn Áo, Tâm Duyệt, An Trạch, Ái Nhân, Dương Xá, Thổ Ngoã, Phù Tông, Thạch Xá, An Chế, Phù Việt, Dân Duyệt, Ba Nguyệt Thượng, Ba Nguyệt Hạ, Hoà Luật, Hoắc Đặng, Thủy Lan Thượng, Thủy Lan Trung, Thủy Lan Hạ, Liêm Luật, Lê Luật, Thôn Miến, Thủy Cần, Thủy Trung.

Huyện Khang Lộc (Quảng Ninh ngày nay) gồm 73 xã⁽¹⁾: Cái Xá, Côn Bồ, Hoàng Khê, Quân Lý, Mai Xá, An Mễ, Phúc Lộc, Lộc Châu, Thạch Bồng, Tân Lệ, Chu Xá, Lỗ Xá, Phạm Xá, Lỗ Ngụy, Chương Trình, Lỗ Việt, Bùi Xá, Cao Xá, An Toàn, Vũ Khuyển, Đỗ Khúc, Thủ Thờ, Đỉnh Nại, Vũ Khả, Cao Ngạc, Phúc Lương, Hoành Tấn (Hoành Phố), Hạ Duệ, Thượng Long, Hạ Long, Nguyệt Áng, Đặng Lỗ, Trường Dục, Phúc Diễm, Hiểm Phạm, Thạch Bồng, Trương Xá, Thượng xá, Hàm Nhược, Viễn Tuy, Trung Trình, Đức Phổ, Hoàng Xá, An Thái, Chính Thủy, Văn La, Văn Yến, Minh Lý, Mật Sát, Phan Xá, Hà Cừ, Cừ A, Trung Sơn, Yêu Niều, Lại Xá, Quát Xá, Thái Xá, Phúc Nhĩ, Tả Phan, Hữu Đăng, Lữ Đăng, Khâm Kỳ, Hoàng Đàm, Kim Lũ, Đô Nguyễn, Trung Quán, Ngô Xá, Trung Kiên, Lệ Kỳ, Hữu Bồ, Gia Cốc, Đặng Xá.

(1) (2) (3) Huyện Khang Lộc 73 xã khi thống kê chỉ có 72 xã. Châu Bố chính 68 xã khi thống kê lại 69 xã. Trung thành với tác giả, chúng tôi sử dụng tư liệu nguyên bản^(A46:38-40)

Châu Bố Chính gồm 68 xã ⁽²⁾: Hoàn Sơn, Thuận Thân, Tổng Chất, Di Phúc, Đình Bồn, Tang Du, Thuỷ Vực, Lai Dương, Phù Lưu, Sùng Ái, Pháp kẹ, Hưởng phương, Hy sơn, Lũ đặng, Tiểu đàn, Đại đàn, Thổ ngoã, An Bài, Đơn Sa, Trung Hoà, Tân Lang, Lễ Trung, Thanh Bào, Lỗ Cẩng, Mai trung, Bồ Khê, Cao lao thượng, Cao lao trung, Cao lao hạ, Vân loi, Thị Lễ, Kim linh Thượng, Kim Linh Hạ, Thị Lạc, Trường Tùng, Biểu Lễ, Tân Lễ Thượng, Tân Lễ Hạ, Vĩnh Giao, Lệ Sơn Thượng, Lệ Sơn Hạ, Phù Trạch, Hải Hạc, La Hà, Khương Hà, Lương Xá, An Mỹ, La Kinh, Cự Năm, Vũ Lao, Uyển Trùng, Minh Trùng, Thanh Lăng, Kim Đô, Thông Bình, Câu Lạc, Cổ Than, Hoàn Trung, Ba Đông, Lan Hương, Nam Liêu, Hoà Duyệt, Ma Co, Phúc Lộc, An Bân, Tùng Khát (Tùng Hát), Bạch Miễn, Đặng Đề, Di Luân (Khuất Phố).

So với đơn vị làng xã dưới thời Trần Phủ Tân bình có 37 xã. Dưới thời Lê lên tới 173 xã đã phản ánh sự phát triển mạnh mẽ của xã hội Việt Nam và một bước tiến quan trọng trong công cuộc khai phá vùng đất Quảng Bình trong thời gian đó. Các cuộc di dân bắt đầu từ thời tiền Lê, qua các triều đại Lý, Trần Hồ đến đời Hồng Đức đã có quy mô rộng lớn. Tuy các xã có quy mô không lớn dân không nhiều, công cuộc khai phá vùng đất này vẫn còn khó khăn, nhưng việc mở rộng công cuộc khai hoang, lập làng đã tạo nên hình hài cơ bản của Quảng Bình ngày nay. Theo bản đồ hành chính năm Quang Thuận thứ 10 (1496) Quảng Bình lúc đó có 3 trung tâm chính: huyện Lệ Thuỷ, huyện Khang Lộc tức vùng Quảng Ninh, Đồng Hới nay, Châu Bố Chính tức vùng Quảng Trạch, Bố Trạch ngày nay. Qua nhiều thời kỳ biến đổi nhiều tên làng thời ấy vẫn còn tồn tại đến bây giờ. Cùng với công cuộc khai hoang, lập làng, kinh tế xã hội của vùng đất này ngày càng phát triển.

Về nông nghiệp, đây là ngành kinh tế chủ yếu của Tân Bình lúc bấy giờ. Ngoài vùng lúa ở Lệ Thuỷ, Quảng Ninh được khai phá dưới thời Trần, Tân Bình có thêm những cánh đồng ven biển ở vùng Bố Chính (Quảng Trạch Bố Trạch).

Về sự tích khai tiết vùng Bồ Khê (Thanh Trạch Bố Trạch) còn ghi: “Họ Lưu đến khai khẩn vùng đất nam Bồ Chính này từ thời Hồng Đức, năm thứ 3 (1473). Tại đây, ngài lập gia đình, lại xuống Bồ Khê, khai phá ruộng hoang, Ngày cùng hai người con trai khẩn ra vùng đồng bằng trải rộng từ Đồng Lào, Đồng Văn về đến đồng Con Ruộng. Về sau con cháu ngày lấy cánh đồng Con Ruộng làm hương hoá để thờ phụng ngài, gọi là ruộng từ điền cố lưu ^(A283:30-31).

Việc khai phá ruộng đất để hình thành nên những cánh đồng ven biển đòi hỏi phải tốn nhiều công sức đắp đê ngăn mặn vì ở vùng này nhiều năm “nước lụt mặc cho tràn ngập không có đê ngăn” Công cuộc đắp đê ngăn mặn để khai phá những cánh đồng ven biển được phản ánh trong nhiều gia phả họ tộc.

Gia phả các dòng họ Bồ Khê có ghi:

“Tiếp sau cố Lưu là cố Nguyễn. Cố Nguyễn từ Cao Lao xuống. Tuy là người thứ hai đến lập nghiệp ở Bồ Khê, song công lao khai phá không phải là nhỏ. Cố đắp đê ngăn mặn, khẩn ra Đồng Sác, từ Núi Thủy về đến Mái Am. Lúc ấy ngài đóng trại ở Đồng Na lập ra xóm Phúc Lộc. Người ta khen ngợi con cháu của cố Nguyễn biết phát huy tác dụng của cánh đồng Sác mà trở nên giàu sang^(A283:30-31).

Việc đắp đê ngăn mặn khai hoang làm ruộng nước ở phía Bắc Sông Gianh lúc này có thể kể đến các công trình của các làng ven Sông Gianh như An Bài (Thuận Bài), Quảng Thuận, Quảng Trạch ngày nay. Vùng đất Bồ chính tuy đất rộng nhưng diện tích có thể canh tác ruộng nước ít, đất đai lại bị nhiễm mặn vì nằm hai bên các cửa sông gần biển, nhưng người dân Bồ Chính lúc bấy giờ đã cần cù dẫn nạo đắp đê ngăn mặn tạo lập nên những cánh đồng lúa nước ngày nay.

Kinh tế nông nghiệp lúc này chủ yếu là trồng trọt, ngoài các cánh đồng lúa nước Tân Bình (Lệ Thủy - Khang Lộc) được khai phá dưới đời Trần, dưới thời nhà Lê diện tích được mở rộng ở Châu Bố Chính ở những nơi có điều kiện dọc các con sông và đồng bằng ven biển.

Ngoài việc khai hoang làm lúa nước ở các vùng ven biển, vào thời này người dân Tân Bình đã định cư ở vùng đồi bán sơn địa khẩn hoang làm ruộng lập vườn. Ở Châu Bố Chính vùng Bắc Gianh có thể thấy các làng Thuận Thần, Thủy Vực, Phù Lưu, Pháp Kệ, Lệ Sơn... ở Nam Gianh có Khương Hà, Cự Năm, Ba động...

Cùng với việc trồng trọt, Nhà Lê còn khuyến khích dân chúng trồng bông dệt vải và trồng dâu nuôi tằm “Vua Thánh Tông lấy sự nông trang làm trọng. Thường ngài sắc cho phủ huyện phải hết sức khuyến bảo dân làm việc cày ruộng trồng dâu”^(A433:261)

Theo gia phả của một số dòng họ ở Thuận Bài (Quảng Thuận - Quảng Trạch), dưới thời Nhà Lê việc trồng bông dệt vải ở đây rất phát triển. Ở một

số có bãi bồi ven sông phát triển việc trồng dâu nuôi tằm, như ở hai bên bờ sông Gianh, sông Kiến Giang. Những làng trồng dâu nuôi tằm dệt lụa nổi tiếng lúc đó có làng Trường Lục - huyện Khang Lộc; Lệ Sơn - Châu Bố Chính.

Ô châu cận lục chép: “Trai Vũ Khuyển chăm chỉ canh nông, gái Trường Dục chuyên cần dệt lụa”^(A46:49) Theo các biểu thuế chép dưới đời Nhà Mạc thì trong thời kỳ này nghề trồng dâu nuôi tằm dệt lụa trong Phủ Tân Bình thì Châu Bố Chính là nơi phát triển nhất. Ở đây hàng năm phải đóng thuế “lụa xanh 66 thước, lụa hoa 20 thước”^(A46:49)

Ngoài việc trồng bông dệt vải, trồng dâu nuôi tằm dệt lụa một số nghề thủ công khác gắn với nhà nông đã phát triển. Trong thời kỳ này có thể kể đến nghề làm chiếu hoa ở Đại Phúc Lộc - Lệ Thủy, gổa hoa ở Đại Hoàng - Châu Bố Chính.

Sách ô châu cận lục chép: “ Chiếu hoa (của xã Đại Phúc Lộc huyện Lệ Thủy) làm bằng mây tước có hai màu hồng nhạt và vân, loại thô 1 mặt, loại mịn 2 mặt. Đó là vật trải vống cày. Gia đình các bậc công hầu, tướng văn, tướng võ rất thích loại đệm này. Gổa hoa (của trang Đại Hoàng Châu Bố Chính) làm bằng mây trắng, loại nhỏ để gổa khi nằm, loại to để tựa khi ngồi, là vật dùng trong chốn phòng the, các nhà phồn hoa phú quý rất ưa thích”^(A46:32)

Ngoài ra một số nghề thủ công khác như nghề làm nón ở Thuận Bài, nghề tre đan ở Thọ Đơn đã phát triển từ thời kỳ đó và lưu truyền, trở thành những làng nghề truyền thống đến ngày nay.

Do yêu cầu của việc phát triển nông nghiệp, nghề khai thác quặng sắt, luyện gang, rèn, mộc đã bắt đầu phát triển. Theo sách Ô Châu cận lục, nghề khai thác quặng sắt phát triển ở huyện Lệ Thủy và Châu Bố Chính; nghề luyện gang phát triển ở làng Cao Lao thuộc huyện Bố Chính. Diêm tiêu sản xuất nhiều ở hang núi An Đại thuộc huyện Khang Lộc, lấy từ phân dơi các xã Trung Kiên, Hoàng Đàm làm thành^(A46:32) Nghề rèn, nghề mộc phát triển ở khắp nơi phục vụ cho việc sản xuất các loại nông cụ và đóng thuyền. Đối với nghề xẻ gỗ đóng thuyền có thể kể đến một số làng nổi tiếng như Hoà Luật của huyện Lệ Thủy, Câu Lạc, Cổ Thân của Châu Bố Chính.

Cùng với trồng trọt nghề chăn nuôi phát triển. Lúc này ở Tân Bình “con trâu là đầu cơ nghiệp” Do đồng ruộng sinh lầy ở vùng Lệ Thủy, việc canh tác vùng này khá vất vả “Cày buộc 2 trâu, lưỡi cày ở giữa; bữa tựa tám

phản người đứng ở trên”^(A46:45). Chính vì vậy người dân Tân Bình lúc này ngoài việc chăn nuôi trâu nhà còn có nghề thuần phục trâu rừng. “Lệ Sơn, Hà Lạc thuộc Châu Bố Chính có nghề vung dây trâu rừng”^(A46:51). Các địa phương nuôi trâu nhiều có Hà Lạc, Thị Lễ Châu Bố Chính. Do nhu cầu nuôi trâu phát triển nên đã xuất hiện những chuyến đi buôn trâu. Lái trâu nhiều tập trung ở làng Tuy Lộc, Lệ Thủy^(A46:50).

Việc định cư lập ấp ở cày vùng ven biển và ven sông tạo điều kiện cho người dân Tân Bình phát triển nghề đánh bắt hải sản và đi liền với việc đánh bắt là chế biến thủy sản. Theo các gia phả của dòng họ, nghề đánh bắt cá biển tập trung ở một số làng ven biển. Phía bắc Châu Bố Chính có Di Luân, Cảnh Dương, La Hà, Tân Lễ, Bồ Khê; huyện Khang Lộc có làng Hà Cừ, Đồng Hải; huyện Lệ Thủy có Lệ Luật. Ở các xã ven sông nghề chài lưới, vó bè đánh bắt trên sông phát triển nổi tiếng là Thạch Bồn, Tân Lệ.

Các loại thủy hải sản quý hiếm và nổi tiếng ở Tân Bình lúc này có thể kể đến là Cá vược ở Lệ Thủy, Ruốc ở Hoàng xá, Khang Lộc, ngao, tôm hùm ở Di Luân, yến sào ở Lỗi Lôi - Bố Chính, sò cửa khổng (sò chín lỗ) ở Thủy cần - Lệ Thủy.

Một số làng nghề chế biến hải sản nổi tiếng lúc này là Di Luân - Bố Chính, Hà Cừ, Đồng Hải huyện Khang Lộc. Các sản phẩm chế biến của Tân Bình lúc đó không chỉ tiêu thụ ở địa phương mà còn được lưu thông ra bắc và vào nam. Để phát triển nghề chế biến hải sản và phục vụ đời sống dân sinh nghề làm muối phát triển tập trung ở Châu Bố Chính và huyện Khang Lộc. Theo Ô Châu cận lục “ở Châu Bố Chính thuế lưới quăng, ruộng muối, vó bè là 42 quan; ở huyện Khang Lộc, thuế lưới quăng, ruộng muối là 30 quan, 3 mạch 66 tiền”^(A46:29).

Bên cạnh nền kinh tế nông nghiệp tự cung tự cấp, ở Tân Bình lúc bấy giờ vẫn tồn tại nền kinh tế săn bắt hái lượm đóng góp không nhỏ trong việc bảo đảm đời sống nhân dân và đóng góp các loại thuế cho Nhà nước. Theo Ô châu cận lục các thứ thuế sản vật của phủ Tân Bình dưới thời Nhà Mạc gồm có:

Châu Bố Chính: Ngà voi 200 cân, lông đuôi chim trĩ 140 chiếc, mật ong 1.935 cân, sáp ong 957 cân, da hươu 2 tấn, da hươu cái 1 tấn, nhung hươu 2 cân, lông công 520 ngọn.

Huyện Khang Lộc: Ngà voi 100 cân, lông đuôi chim trĩ 200 lạng, trầm hương 10 cân 12 lạng, biện hương 100 cân, tốc hương 27 cân 12 lạng, bạch

mộc hương 238 cân, sáp ong 160 cân, mật ong 420 cân, nhung hươu 2 cân 8 lạng, da hươu 4 tấn, da hươu cái 1 tấn, lông chim trĩ 1.020 ngọn.

Huyện Lệ Thủy: lông chim trĩ 200 chiếc, da hươu 3 tấn, da hươu cái 1 tấn, nhung hươu 2 cân, lông chim 820 ngọn.

Cùng với các ngành nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ngành thương mại cũng đã có bước phát triển mới. Nhiều chợ nông thôn hình thành để mua bán trao đổi sản phẩm. Lúc này, ở Tân Bình cũng xuất hiện những chợ lớn, là trung tâm mua bán của khu vực. Một trong những trung tâm thương mại thời đó phải kể đến chợ Đại Phúc của huyện Lệ Thủy.

Sách Ô Châu cận lục viết: “Chợ ở vào địa phận hai xã Đại Phúc và Tuy Lộc thuộc huyện Lệ Thủy. Sông cái gần kê, khe nhỏ bao quanh. Bên cạnh có cầu vòm, sau lưng là chùa phật bốn bên tám ngả, đường sá phẳng bằng; muôn ngách ngàn khe, thuyền bè tụ tập. Thật là một nơi đô hội của xứ Thổ lý”^(A46:74)..

Đối với việc giao thông vận tải, con đường thiên lý của Nhà Hồ thiết lập trước đây ngày càng được mở rộng. Bên cạnh đường bộ, giao thông đường sông khá phát triển do nhiều làng định cư ven các dòng sông và nghề chài lưới, đóng thuyền phát triển. Một số dinh trạm, bưu trạm được xây dựng phục vụ cho việc giao thông liên lạc, phát triển kinh tế và phục vụ quốc phòng. Thời Lê - Mạc có ba trạm được xây dựng có quy mô là Trạm dịch Di luân - Châu Bố Chính, Trạm Bình Giang ở huyện Lệ Thủy và Trạm Nhật Lệ ở huyện Khang Lộc.

Sách Ô châu cận lục chép: “Trạm Bình Giang ở xã An Trạch huyện Lệ Thủy. Từ Châu Minh Linh đi đường bộ đến, từ Nhật Lệ thì đường thủy vào. Sườn núi đá chông chênh, mặt nước sông nhấp nhô. Sông núi bao la, gió trăng lồng lộng. Đây là một cảnh đẹp. Trạm Nhật lệ ở cửa biển Nhật Lệ huyện Khang Lộc. Lưng dựa núi xanh, đầu gối dòng biếc. Núi sông đẹp mắt, gió trăng mê người. Hoặc khi trời vừa hửng, hay buổi bóng xế tà, lúc nào cũng đông đúc lộng cờ, áo khăn lữ lượt. Đây cũng là bưu trạm của Giang Nam”^(A46:76-77)

Trên cơ sở phát triển kinh tế, thương mại một số trung tâm kinh tế được manh nha. Đây chưa phải là những thành thị hiện đại, nhưng ở đây những yếu tố thị thành đã xuất hiện với sự tập trung dân cư, giao lưu kinh tế... gọi là những phố chính ở Tân Bình có Phố Chính, Hoàn Sơn và Cao Lao^(A46:90)

Bên cạnh các phố chính lúc bấy giờ còn có xây dựng các thành trì, có ý nghĩa về quân sự hành chính nhưng cũng là nơi tập trung kinh tế. Ở Tân Bình lúc bấy giờ có Thành Ninh Viễn. Thành Ninh Viễn vốn là thành của người Chiêm trước đây. Sang đời Trần được củng cố bởi danh tướng Hoàng Hối Khanh khi nhận chức tri huyện của huyện Nha Nghi. Đến thời Lê, Mạc là nơi đóng quân của Vệ Trấn Bình.

Sách Ô châu cận lục chép: “Thành ở địa phận xã Uẩn áo huyện Lệ Thủy. Sông Bình Giang chảy qua phía trước, sông Ngô Giang ôm phía sau, hai sông ấy chảy đến phía Tây bắc thì hợp làm một. Thành 3 mặt giáp sông còn một mặt là núi. Có lẽ Vương công đặt thành nơi hiểm yếu để làm phân dậu cho thành hoá vậy. ở phía nam thành có đá khắc đề: Ninh Viễn thành. Cửa Vệ Trấn Bình đóng ở đây”^(A46:74)

Cùng với sự phát triển kinh tế, đời sống xã hội, văn hoá ở Tân Bình có bước phát triển so với các thời đại trước đây. Dưới thời Nhà Lê, nho giáo, giành được địa vị thống trị và trở thành hệ tư tưởng chính thống của chế độ phong kiến. Chính quyền phong kiến lấy nho giáo làm mẫu mực cho việc dựng nước trị dân, làm khuôn vàng, thước ngọc cho việc xây dựng các thiết chế chính trị xã hội. Nho giáo đời Lê chịu ảnh hưởng sâu sắc của học thuyết Tống Nho. Học thuyết này xây dựng trên cơ sở học thuyết Khổng Tử của những nhà nho đời Tống ở Trung Quốc. Tuy nhiên, Nho giáo khi truyền bá sang nước ta đã có sự biến đổi cho phù hợp với yêu cầu biến đổi xã hội. Trong lúc Nho giáo được Nhà Lê suy tôn thành quốc giáo thì Phật giáo và Đạo giáo bị lấn át.

Tân Bình là một vùng đất mới, tất nhiên Nho giáo vẫn phải được thiết lập để bắt mọi người phải phục tùng tuyệt đối quyền hành tối thượng của hoàng đế, thần thánh hoá uy quyền của Nhà vua phân biệt ranh giới giữa vua, quan và dân. Khi Nho giáo được trở thành quốc giáo thì địa vị nho sĩ hết sức được đề cao. Qua các gia phả của các dòng họ ở một số làng được thành lập vào thời kỳ Nhà Lê cho thấy Nho giáo có địa vị thống trị trong đời sống tinh thần của nhân dân Tân Bình lúc bấy giờ.

Sách khai khẩn truyện ký của làng Cảnh Dương ở điều 18 ghi: “Hễ tam cương ngũ thường đều là tối trọng của đạo người. Từ sau, hễ vợ mà chửi mắng chồng, con mà mắng bố, em mà đánh chửi anh, làng biết được, hoặc ai tố cáo ra, thì bị đòn 50 roi”

Tuy nhiên, Nho giáo vào Tân Bình có phần hạn chế ở khía cạnh tư tưởng triết học, chỉ phổ biến dưới gốc độ đạo đức. Vì tầng lớp nho sĩ ở đây chưa phát triển mạnh như ở phía Bắc.

Bên cạnh nho giáo, Phật giáo tuy đã mất địa vị quốc giáo nhưng những đạo đức Phật giáo đã ăn sâu vào đời sống nhân dân không thể phai mờ được. Cùng với việc di dân lập ấp các thiết chế Phật giáo là các chùa vẫn đi theo cùng với người dân đi khai phá. Ở Bồ Khê (Thanh Trạch ngày nay) năm lập làng cũng là năm xây dựng chùa Quan Âm - Hồng Đức thứ 3 (1473). Ở Cảnh Dương là Chùa Cảnh phúc. Nổi tiếng lúc bấy giờ có Chùa Kính Thiên và Chùa Đại Phúc ở huyện Lệ Thủy, Chùa Hoá ở huyện Khang Lộc.

Sách Ô Châu cận lục chép: “Chùa Kính Thiên ở gần trạm Bình Giang huyện Lệ Thủy. Nước biếc bao quanh, núi xanh châu theo, phẳng phất vẽ thanh u của một ngôi chùa núi, như thế giới của tiên Phật. Gần kề thôn xóm, bạt tiếng chó gà. Thực là ngôi chùa lớn của Tân Bình vậy. Chùa có quả chuông nặng ngàn cân, các nhà sư và người quét dọn hàng năm phụng sự. Nay hoa rụng chim kêu, còn tro nền cũ mà thôi”^(A46:78).

Về chùa Đại Phúc, Ô Châu cận lục chép “Chùa ở địa phận hai xã Đại Phúc và Tuy Lộc huyện Lệ Thủy. Sông cái quanh phía trước, khe nhỏ vòng bên phải. Cầu Ngò bắc qua, chợ Hội sầm uất. Ngôi chùa sừng sững ở giữa, điện đài khang trang, hoa cỏ đón mặt trời, lầu đài gần mặt nước, thực là nơi thanh tịnh. Những ngày tiết đán có tập tục lễ nghi, lễ nhạc nghiêm trang, áo mũ rực rỡ. Đây là một danh lam của Tân Bình. Mỗi khi cầu phúc, cầu mưa đều được ứng nghiệm”^(A46:57).

Về Chùa Hoá, Ô Châu cận lục chép: “Chùa ở gần xã Hữu Bồ thuộc huyện Khang Lộc, bên ngoài bao quanh bốn mặt là đầm nước mịt mờ, ở giữa nổi lên một gò đất, cây cối âm u. Chùa này chỉ còn nhắc đến tên mà không còn dấu cũ. Tục truyền chùa này biến hoá bất thường. Ai đó nhìn rồi dạo đến chơi thì thấy nền cũ rành rành. Nếu có ý tìm tòi thì mịt mờ không thấy. Bởi thế mới có tên là Chùa Hoá”^(A46:57).

Qua sự hoang phế của Chùa Kính Thiên và Chùa Hoá cho thấy Phật giáo lúc này không còn là quốc giáo được Nhà nước coi trọng như dưới thời đại Lý Trần. Nhưng với lý thuyết đạo đức từ bi Phật giáo vẫn còn tồn tại trong đời sống tinh thần của nhân dân và tùy theo điều kiện cụ thể nó lại được phục hồi ở những thế kỷ sau.

Dưới thời đại nhà Lê, đặc biệt dưới triều Lê Thánh Tông hoạt động lập pháp được chú trọng và đẩy mạnh. Năm 1483 Lê Thánh Tông sai sưu tập tất cả các điều luật đã ban hành rồi bổ sung thêm và hệ thống hoá, xây dựng thành bộ luật Hồng Đức.

Bộ Luật này thi hành cho đến cuối thế kỷ XVIII và kể cả một số điều bổ sung thêm về sau gần 721 điều chia làm 6 quyển 16 chương. Đó là một bộ luật phức hợp bao gồm cả luật hình, luật hôn nhân, luật dân sự, luật tố tụng, nhưng tất cả đều trình bày dưới hình thức quy phạm hình luật (vì vậy thường gọi là Lê Triều hình luật)^(A195:273).

Với bộ luật Hồng Đức nhà nước phong kiến lúc bấy giờ đã đặt việc cai trị theo pháp luật là một nhu cầu phát triển của chế độ Trung ương tập quyền. Đời sống của nhân dân vì thế phải tuân thủ theo pháp luật. Phủ Tân Bình là một vùng đất mới nhưng không vì vậy mà việc thực hiện pháp luật lơ lửng. Các gia phả dòng họ, các truyện ký khai khẩn ở các làng đều thể hiện khá rõ việc thực hiện các điều luật Nhà nước kết hợp với quy ước, hương ước của địa phương. Đặc biệt trong Ô Châu cận lục còn phản ánh việc học luật ở một số địa phương ở Phủ Tân Bình. Sách chép “Huyện Khang Lộc xã Phúc Lộc anh em dạy nhau học luật”^(A46:49).

Dưới các triều đại nhà Lê việc giáo dục thi cử được mở mang nhằm đào tạo nho sĩ và quan lại một cách chính quy. Nhà Lê cho mở Quốc tử giám và Thái học viện ở kinh thành để đào tạo tầng lớp quan lại cao cấp. Ở các địa phương có trường công và cả trường tư để mở rộng việc học khắp nước. Chế độ thi cử đi vào nền nếp, ở địa phương tổ chức kỳ thi Hương, ở kinh thành thi Hội ba năm mở một lần để tuyển chọn nhân tài. Nhà Lê hết sức đề cao tầng lớp Nho sĩ và quảng cáo cho các kỳ thi đó.

Phủ Tân Bình là vùng đất mới so với các địa phương phía Bắc, nhưng cùng với sự khai thiết, phát triển kinh tế, việc học của vùng đất này dưới triều Lê đã có sự phát triển. Các hương ước, quy ước của các làng ở Tân Bình đều qui định rõ chế độ khuyến học.

Sách khai khẩn truyện ký của làng Cảnh Dương chép: “Hễ văn học là do từ mạch đất, từ sau hàng năm vào dịp xuân thu chọn lấy ngày tết thì viên mục, xã trưởng thông báo cho học trò trong làng chuẩn bị trước quyển, đến ngày ấy khảo hạch, nghiêm túc một vòng, ai làm thông văn lý, khá thông văn lý, từ trung bình trở lên thì thưởng giấy có sai biệt, ai dự trúng bằng thì cho du học, tha giảm việc quan. Nếu ai giả danh đến học, mà đi thi chẳng thông văn lý, thì bắt về chịu việc quan. Ai thi hương đỗ thủ khoa làng thưởng tiền 5 quan. Thi trúng giám sinh, thì

làng đem thủ heo, rượu đến tận núi. Chẽ, thôn Nam Khê rước về. Học trò ra khảo hạch tại bốn xứ, trung hạng nhất thưởng tiền 3 quan; tại bốn châu trung hạng nhất thưởng tiền 1 quan; hạch tại bốn phủ trung hạng nhất, thưởng tiền 1 quan, tiền thưởng lãnh tại Hương tích năm đó để trọng Nho đạo”^(A21:158)

Chính nhờ chính sách khuyến học đó mà nhiều địa phương ở Phủ Tân Bình thời Lê, Mạc có nhiều người đỗ đạt, làm quan. Nhiều địa phương ở Quảng Bình trở thành vùng đất văn vật từ truyền thống hiếu học của thời kỳ này. “Cao lao, Thị Lễ nổi nghiệp văn thơ... Phan Xá tiếng tăm văn vật”^(A46:58).. Các địa danh Lệ Sơn, La Hà, Cảnh Dương, Thổ Ngọa ở Bồ Chính và Võ Xá, Văn La, Cổ Hiền, Kim Nại ở Khang Lộc, Lệ Thủy là những vùng đất văn vật lưu truyền trong lịch sử. Trong thời nhà Lê, Mạc nhiều người ở Tân Bình đỗ đạt ra làm quan, đặc biệt trong số đó có Dương Văn An đỗ đệ tam giáp tiến sĩ khoa Đinh Mùi, niên hiệu Vĩnh Định thứ nhất (1547). Ông là soạn giả Ô Châu cận lục, một tác phẩm địa chí có giá trị về vùng đất Quảng Bình trở vào.

Dương Văn An tự là Tỉnh phủ người xã Tuy Lộc, huyện Lệ Thủy, sinh năm 1513. Năm 34 tuổi ông đã Đồng Tiến sĩ triều Mạc Phúc Nguyên. Sau đó ông từng giữ các chức quan: Lại khoa Đô cấp sự trung, rồi thăng lên đến chức Thượng thư, tước Sùng Nhâm hầu.

Ô Châu cận lục được ông viết vào năm 1553 trên cơ sở tư liwuj thu thập của hai môn sinh được ông hiệu đính và biên hội lại khi về quê chịu tang. Tác phẩm Ô Châu cận lục được chia thành 6 quyển ghi chép về các chủ đề tài khác nhau:

- Quyển 1: Núi sông, đầu nguồn, cửa biển.
- Quyển 2: Phú thuế, sản vật
- Quyển 3: Phân chia đơn vị hành chính, phong tục
- Quyển 4: Thành quất, tháp chợ bến đò
- Quyển 5: Đền, chùa, danh lam
- Quyển 6: Quản chế, nhân vật.

Đây là tác phẩm nghiên cứu, giới thiệu về địa lý tự nhiên xã hội và lịch sử vùng đất Ô châu thế kỷ XVI của một học giả người Quảng Bình có ý nghĩa rất quan trọng trong đời sống văn hoá tinh thần của quá trình khai khẩn vùng đất Tân Bình thời bấy giờ.

Công cuộc khai thiết vùng đất Quảng Bình dưới các triều đại Lý, Trần, Lê diễn ra trong suốt 500 năm. Kể từ khi Bố Chính, Địa lý, Ma linh của Chiêm thành nhập vào Đại Việt, nơi đây là vùng đất hoang sơ. Suốt 5 thế kỷ vừa đấu tranh chống xâm lược vừa đấu tranh với thiên nhiên, mảnh đất Quảng Bình trong lãnh thổ Việt Nam ngày càng trở nên giàu đẹp. Do điều kiện khí hậu khắc nghiệt, thiên nhiên không được ưu đãi, cuộc vật lộn để tồn tại và phát triển của những cư dân Quảng Bình được bắt đầu từ phía Nam nơi có điều kiện tự nhiên thuận lợi để mở mang nghề trồng lúa nước. Những cư dân đầu tiên của Lâm Bình (Quảng Ninh, Lê Thuỷ) với sự cần cù chịu khó đã khai hoang vỡ đất, tạo nên những cánh đồng hai huyện trù phú ngày nay. Không dừng lại ở đây, công cuộc khai phá vùng đất phía bắc là Bố Chính được tiếp tục với nhiều gian nan vất vả, để có những cánh đồng hẹp, ven biển và một vùng đồi rộng lớn được khai hoang trồng trọt. Cùng với sự khai thiết để sống còn những làng xóm được lập nên hình thành những cộng đồng xã hội ngày càng đông đúc. Kinh tế nông nghiệp chiếm địa vị chủ yếu (bên cạnh còn tàn dư của kinh tế săn bắt, hái lượm) các ngành nghề thủ công nghiệp dần hình thành và phát triển với mục đích phục vụ cho nghề nông mang tính tự cung tự cấp. Cùng với nông nghiệp, thủ công nghiệp thương nghiệp, đã có bước phát triển mới, nhất là dưới các triều đại Trần và Lê. Cơ sở vật chất chưa phát triển, nhưng với việc hình thành các thị thành phong kiến, hệ thống giao thông, nhất là con đường Thiên Lý Bắc - Nam đã tạo điều kiện cho sự phát triển kinh tế-xã hội của Tân Bình.

Cùng với kinh tế, văn hoá - xã hội năm thế kỷ Lý, Trần, Lê trên vùng đất Quảng Bình đã có những bước phát triển nhảy vọt. Mang truyền thống văn hiến của dân tộc những cư dân đầu tiên của Quảng Bình đã đem đến đất mới những giá trị tinh thần của cha ông để tạo nên bản sắc riêng của một vùng đất. Đặc biệt đó là truyền thống hiếu học, yêu thương nhân ái, chung lưng đấu cật, đoàn kết cộng đồng để xây dựng vùng đất được khai phá.

Trải qua triều đại Lý đến Trần và Lê các thiết chế xã hội, chính trị được thiết lập và càng được củng cố. Các đơn vị hành chính được xây dựng hợp lý để bảo đảm cho việc quản lý của chính quyền phong kiến tập quyền.

Năm thế kỷ khai thiết chưa thể thay đổi được hình thái kinh tế-xã hội. Dưới chế độ phong kiến đời sống của nhân dân còn nhiều khó khăn. Đặc biệt công cuộc khai thiết đó lại diễn ra trong điều kiện chiến tranh liên miên chống các cuộc xâm lược của phong kiến phương Bắc, bảo vệ biên cương và mở mang lãnh thổ xuống phía Nam. Nhưng, những gì mà những cư dân Quảng Bình đầu

tiên đã làm được trong năm thế kỷ lịch sử đầu tiên ấy có ý nghĩa rất quan trọng trong lịch sử phát triển của Quảng Bình ở những năm tiếp theo.

Chương II (VII)

ĐẤU TRANH GIỮ NƯỚC

Sau khi Chế Củ dâng ba Châu Bố Chính, Địa Lý và Ma Linh cho Lý Thánh Tông, vùng đất Quảng Bình và bắc Quảng Trị ngày nay trở thành một phần lãnh thổ của Đại Việt với tên gọi mới là Châu Bố Chính, Châu Lâm Bình và Châu Minh Linh. Công cuộc di dân lập ấp, khai thiết vùng đất mới được tiến hành. Bố Chính, Lâm Bình cùng với Minh Linh trở thành vùng biên cương phía Nam của Đại Việt. Để bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, quân dân ở đây tiến hành cuộc đấu tranh lâu dài, gay go và không kém phần ác liệt trước các cuộc xâm lấn của Vương quốc Chiêm Thành. Cuộc đấu tranh đó kéo dài suốt mấy thế kỷ, trải qua nhiều thời đại phong kiến khác nhau, song độc lập chủ quyền của đất nước không những được giữ vững mà còn góp phần mở rộng lãnh thổ về phía Nam, tạo nên non sông Việt Nam thống nhất ngày nay.

1. CUỘC ĐẤU TRANH BẢO VỆ BIÊN CƯƠNG PHÍA NAM DƯỚI THỜI NHÀ LÝ.

Đối với đất ba châu Bố Chính, Lâm Bình, Minh Linh, cụ thể là đối với Quảng Bình ngày nay, Lý Thường Kiệt đã có công rất lớn, ông là người khai canh đầu tiên của địa bàn Quảng Bình; ông đã mở mang thôn ấp, giữ yên bờ cõi, đặt nền móng cho vùng định cư đầu tiên trên miền đất mới phương Nam. Tổ tiên người Quảng Bình đều có gốc gác từ những lớp người di cư do ông chiêu mộ, từ những đội quân thiện chiến do ông giữ lại làm ruộng "ngụ binh ư nông", cho nên khi ngày nay có người nói Quảng Bình có truyền thống yêu nước và người Quảng Bình có đặc tính năng động về quân sự, bởi lẽ, từ buổi sơ khai trang sử đầu tiên ở địa phương này, tự bản thân vùng đất đã có tầm chiến lược quân sự, tự con người đầu tiên đã đảm nhận "động vi binh, tĩnh vi nông" nhất định ảnh hưởng không ít đến con người Quảng Bình ngày nay.

Sau khi Lý Thường Kiệt qua đời, ở nhiều nơi các tỉnh Bắc Bộ, nhân dân lập đền thờ để thờ phụng, mà ở Quảng Bình, vị tiền khai canh vĩ đại như

Lý Thường Kiệt chưa thấy dấu tích của những công trình tổ chức thờ phụng ông, trong khi đó khắp thôn xóm ở trong tỉnh, thần phủ và đình làng nào cũng có sự tôn thờ các vị tiền khai canh, hậu khai khẩn cả. Điều đó đang là một ẩn số của lịch sử chưa có lời giải.

Dưới thời Lý, nước Chiêm Thành chỉ mới mất ba châu Bố Chính, Địa Lý, Ma Linh, về mặt diện tích thì không lớn so với địa bàn rộng lớn của vương quốc Chiêm Thành. Thế nhưng, vùng đất ba châu ấy chiếm một vị trí chiến lược "yết hầu" cho cả nước Chiêm Thành sau đó. Cửa biển Nhật Lệ, đứng sau dãy Hoành Sơn, ngay từ buổi lịch sử sơ khai của Quảng Bình đã có vị thế vô cùng quan trọng. Lý Thường Kiệt, nhà chiến lược thiên tài, đã ra công xây dựng vùng dân cư Lâm Bình phen giàu cho sự an ninh ở phương Nam nước Đại Việt.

Từ sau cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống thắng lợi (1076-1077) biên cương phía Bắc và phía Nam ổn định. Nhà Lý tập trung vào công việc xây dựng đất nước. Vào cuối thế kỷ XI và nửa đầu thế kỷ XII kinh tế nông nghiệp, công thương nghiệp tiếp tục phát triển. Trong nước nhân dân yên ổn làm ăn. Chính quyền phong kiến được củng cố, quốc gia thống nhất. Địa vị của nước Đại Việt với các nước láng giềng được đề cao. Năm 1164 nhà Tống phải công nhận nước ta là một quốc gia độc lập^(A195:181). Ở phía nam, nước Chiêm Thành và Chân Lạp thiết lập quan hệ ban giao, hoà hiếu.

Tuy vậy, riêng đối với nước Chiêm thành, việc Chế Củ dâng ba châu Bố Chính, Địa Lý và Ma Linh cho Lý Thánh Tông trước đây vẫn không được các triều đại kế tiếp chấp nhận. Họ vẫn âm mưu đòi lại vùng đất đã mất và chống lại nước Đại Việt khi có thời cơ.

Năm Quý Mùi (1103) Lý Giác - một quan chức của nhà Lý người Diễn Châu nổi lên làm phản. Lý Giác cho đắp thành Châu Diễn chống lại triều đình. Trước tình hình đó nhà Lý cử Lý Thường Kiệt đem quân đi dẹp loạn. Quân của Lý Giác thua chạy trốn vào Chiêm Thành. Lý Giác đã đầu hàng vua Chiêm là Chế Ma Na và xúi giục Chiêm thành đem quân cướp phá, lấy lại ba châu do Chế Củ đã dâng trước đây.

Về sự kiện này Đại Việt ký toàn thư chép "Quý Mùi (1103) mùa đông tháng 10, người Diễn Châu là Lý Giác mưu làm phản... việc tau lên, vua sai Lý Thường Kiệt đi đánh. Giác thua, trốn sang chiêm thành, dư đảng đều bị dẹp yên"^(A54:284)

Trước tình hình đó, Lý Thường Kiệt lại một lần nữa xin vua được xuất quân đánh Chiêm Thành, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, mặc dù lúc này ông đã 84 tuổi. Với tài thao lược của một vị tướng đã từng nhiều lần đánh Tống, bình Chiêm, lại được sự đồng tình hưởng ứng của nhân dân ở ba châu Bố Chính, Lâm Bình và Minh Linh, chỉ trong một thời gian ngắn Lý Thường Kiệt đã đánh tan quân Chiêm lấy lại vùng biên cương phía Nam của đất nước, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của Đại Việt.

Về sự kiện này Đại Việt sử ký toàn thư chép:

“ Giáp thân năm thứ tư (1104) mùa xuân, tháng hai, sai Lý Thường Kiệt đánh Chiêm thành thắng lợi. Người chiêm phải nộp lại đất đã xâm lấn”.

Trong lịch sử dân tộc Lý Thường Kiệt là nhà quân sự kiệt xuất có tài thao lược lỗi lạc, kết hợp tài chính trị và ngoại giao xuất sắc. Là một anh hùng dân tộc ông đã từng tổ chức và chỉ huy đánh tan quân xâm lược Tống bảo vệ nền độc lập của đất nước. Đối với lịch sử của vùng đất Quảng Bình, Lý Thường Kiệt là vị tướng tiên phong đã cùng với vua Lý Thánh Tông đánh bại Chiêm thành buộc Chế Củ phải dâng ba châu cho nước Đại Việt. Ông còn là người vẽ bản đồ vùng đất Quảng Bình và bắc Quảng Trị ngày nay vào bản đồ hành chính của nước Đại Việt, và cho đến lúc trước khi mất (1105) Lý Thường Kiệt còn cầm quân đánh tan đội quân Chiêm thành xâm lấn bảo vệ ba châu Bố Chính, Lâm Bình và Minh Linh trong lãnh thổ thiêng liêng của Đại Việt. Anh hùng dân tộc Lý Thường Kiệt là vị tiên khai canh của Quảng Bình ở thế kỷ XI⁽¹⁾

Sau cuộc tiến binh đánh Chiêm thành xâm lấn vùng đất ba châu Bố Chính, Lâm Bình và Minh Linh của Lý Thường Kiệt năm 1104, biên cương phía Nam được giữ vững. Triều đại Chiêm thành kế tiếp buộc phải thuận phục, nhưng họ không từ bỏ âm mưu chống phá nước Đại Việt. Chiêm thành

⁽¹⁾ Lý Thường Kiệt (1019 - 1105) quê ở phường Thái Hoà, thành Thăng Long (Hà Nội) từ nhỏ ông đã tỏ ra một người có chí hướng, nhiều mưu lược và có tài làm tướng. Ông là vị tướng thao lược tài ba nhiều lần đánh Tống bình Chiêm được các triều đại nhà Lý phong nhiều chức tước. Lý Thường Kiệt đã viết bài thơ bất hủ được coi như Bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của nước Đại Việt.

Nam quốc sơn hà Nam đế cư
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm
Như đẳng hành khan thủ bại hư
(Sông núi nước Nam vua Nam ở
Rành rành định phận ở sách trời
Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm
Chúng bay sẽ bị đánh tơi bời)

thường cho quân lính quấy phá miền biên ải, đặc biệt là các vùng cửa sông. Họ thường dùng thuyền nhỏ tấn công cướp phá các vùng ven biển, nhiều lần bị quân ta bắt giữ.

Tháng 7 năm Nhâm tý (1132) một số quân Chiêm thành bị ta bắt giữ bỏ trốn về nước đến trạm Nhật lệ bị bắt lại và giải về kinh đô Thăng Long. Nhân sự việc ấy, Chiêm Thành cầu kết với Chân Lạp tiến công cướp phá thành Nghệ An. Vua sai thái úy Dương Anh Nhĩ đem người ở phủ Thanh Hoá và Châu Nghệ An đánh tan quân giặc, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ phía nam.

Ngay khi vừa nhập vào Đại Việt, dưới các thời đại nhà Lý những cư dân đầu tiên của Bố Chính và Lâm Bình đã phải tiến hành cuộc đấu tranh chống các cuộc xâm lấn của Chiêm thành để giữ vững biên cương phía nam của Tổ quốc. Các thế hệ người Quảng Bình đầu tiên vừa phải khai phá vùng đất mới, vừa phải chống giặc ngoại xâm, đó là đặc điểm lịch sử của quá trình khai thiết vùng đất Quảng Bình trong những ngày đầu trở về với Đại Việt. Do vị trí địa lý là vùng phen dậu phía nam của Tổ quốc cuộc đấu tranh bảo vệ biên cương vẫn còn tiếp tục trong một thời gian dài ở các triều đại tiếp theo.

2. TIẾP TỤC CUỘC ĐẤU TRANH BẢO VỆ BIÊN CƯƠNG VÀ MỞ RỘNG LÃNH THỔ DƯỚI THỜI NHÀ TRẦN.

Sau khi vương triều nhà Lý bị phế bỏ, triều đại nhà Trần thay thế, công cuộc khai thiết vùng đất Bố Chính, Lâm Bình được mở rộng, vùng biên cương phía Nam ngày càng được củng cố.

Từ khi lên ngôi, Vua Trần Thái Tông đã củng cố chế độ trung ương tập quyền, khôi phục và phát triển kinh tế, củng cố quân đội và thiết lập quan hệ bang giao với các nước láng giềng. Đối với Chiêm Thành Vua Trần Thái Tông đã có nhiều chính sách để giữ hoà hiếu hai nước “lấy đức vỗ về, sai sứ sang dụ” nhằm ổn định biên cương để xây dựng đất nước^(A54:24).

Trong khi đó ở phía bắc, sự phát triển của đế quốc Mông cổ đang đe dọa nghiêm trọng nền độc lập và sự sống còn của dân tộc ta.

Vào đầu thế kỷ XIII, những bộ lạc chăn nuôi du mục người Mông Cổ sống trên thảo nguyên Châu Á bắt đầu tập hợp lại thành một quốc gia. Đó là quá trình chiến tranh đổ máu giữa các bộ lạc và liên minh bộ lạc và người chiến thắng cuối cùng là Thành Cát Tư Hãn. Thành Cát Tư Hãn đã xây dựng

một Nhà nước quân sự độc tài, lợi dụng ưu thế của tài cưỡi ngựa, bắn cung và tính ngoan cường của người Mông Cổ họ đã thành lập đội quân viễn chinh hùng mạnh tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược hầu hết các nước Châu Âu và Châu Á. Trong nửa thế kỷ chinh phục, Vua chúa Mông Cổ đã lôi kéo thế giới vào những cuộc chiến tranh tàn khốc và đã lập nên một đế quốc hùng mạnh ở thế kỷ XIII.

Năm 1252, chúa Mông Cổ là Mông Kha (Mông Ke) sai em là Hốt-Tất-Liệt (Khu-Bi-Lai) và tướng Ngột - Lương - hợp - thai (U-ri-ang-khai-dai) đánh xuống nước Đại Lý (Vân Nam Trung quốc). Lãnh thổ đế quốc Mông cổ đã áp sát biên giới nước ta và cuộc chiến tranh xâm lược nước ta là không thể tránh khỏi. Đứng trước nguy cơ xâm lược của đế quốc Mông cổ, lại bị quấy phá của quân Chiêm Thành, Trần Thái Tông quyết định đem quân đánh Chiêm Thành, giữ vững biên cương phía nam, ổn định tình hình đất nước chuẩn bị cho cuộc kháng chiến chống quân Nguyên - Mông.

Tháng hai năm Nhâm Tý (1252) Vua Trần Thái Tông thân chinh đánh Chiêm Thành. Đại việt ký toàn thư chép:

“Nhâm Tý, Nguyên Phong năm thứ 2/1252 (Tống Thuần Hựu năm thứ 13). Mùa xuân, tháng giêng, vua thân chinh đánh Chiêm Thành, sai Khâm thiên Đại vương Nhật Hiệu làm lưu thủ. Chiêm thành từ khi nhà Lý suy yếu, thường đem thuyền nhẹ đến cướp bóc dân cư ven biển. Vua lên ngôi, lấy đức vỗ về, sai sứ sang dụ, tuy họ có ý thường sang cống, nhưng có ý đòi lại đất cũ và có ý nhòm ngó nước ta. Vua giận, nên có việc thân chinh này.

Mùa đông, tháng 12, bắt được vợ của chúa Chiêm Thành là Bồ Da La và nhiều thần thiếp, nhân dân của y rồi về”^(A54:24).

Cuộc tiến đánh Chiêm Thành của Trần Thái Tông năm 1252 là cuộc chinh phạt nhằm ngăn đe chứ không phải là cuộc chiến tranh xâm lược giành đất. Lúc này, triều Trần ý thức được rằng nguy cơ xâm lược chính là từ phương Bắc, vì vậy đánh Chiêm Thành là để loại trừ hiểm họa phía nam, tập trung cho cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông sắp tới. Cuộc tiến đánh Chiêm Thành kéo dài 10 tháng và quân Trần đã sử dụng lực lượng quân sự khá hùng mạnh. Trong cuộc chiến đó nhân dân Bồ Chính và Lâm Bình đã có những đóng góp to lớn về sức người và sức của cho đội quân Trần chinh phạt Chiêm ngăn chặn sự quấy rối biên giới phía nam.

Sau cuộc tiến binh năm 1252, biên cương phía nam ổn định nhà Trần bắt tay vào chuẩn bị cho cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông. Trong cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông, hai nước Đại Việt và Chiêm Thành cũng có kẻ thù chung, vì vậy đã liên kết, giúp đỡ nhau để bảo vệ độc

lập chủ quyền của mỗi nước. Sau thất bại trong lần xâm lược lần thứ nhất (1258) quân Mông cổ tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược lần thứ hai. Lần này chúng mượn cớ đánh Chiêm Thành để xâm lược nước ta. Cuối năm 1282, đạo quân Nguyên Mông do Toa Đô (Xôghêtu) chỉ huy vượt biển đánh chiếm Chiêm Thành rồi âm mưu đánh lên Đại Việt từ phía nam, phối hợp với đại quân phía bắc đánh xuống nhanh chóng thôn tính nước ta^(A54:55).

Năm 1282 chúng theo chức cũ của nhà Tống, liên kết với Chiêm Thành đánh ta cả hai mặt; liên kết với Chiêm Thành không được thì đánh chiếm Chiêm Thành trước để làm bàn đạp đánh ta từ phía Nam đánh lên trong khi đại quân chúng đánh từ phía Bắc đánh xuống.

Năm 1282, tháng 11 âm lịch, một đạo quân Nguyên do Toa Đô (xô-ghe-ta) chỉ huy, được lệnh vượt biển đánh Chăm pa, đổ bộ lên Chiêm Thành cảng (Quy Nhơn). Vua Chiêm Thành Inchavarman tự đem quân, dựng thành bằng gỗ chặn đánh.

Nhà Nguyên còn nham hiểm bắt vua Trần cung cấp lương thực và đường bộ để cho họ tràn xuống đánh Chiêm Thành. Vua nhà Trần nhất định khước từ yêu cầu của nhà Nguyên, ngược lại còn gửi 2 vạn quân và 500 chiến thuyền vào giúp Chiêm Thành chống kẻ thù chung. Đó là những biểu hiện đẹp đẽ của mối quan hệ đồng minh chiến đấu của hai dân tộc Chăm-Việt trước nguy cơ xâm lược của đế quốc Nguyên.

Năm 1283, tháng giêng âm lịch, quân Nguyên 7 lần dụ hàng Chiêm Thành không có kết quả. Ngày 13-2, quân Nguyên tấn công vào bức thành gỗ và chiếm được kinh đô Vijaya (Chà Bàn), vua Chiêm đốt hết kho tàng, làm vườn không nhà trống, rút vào rừng núi, tiếp tục chiến đấu. Quân Nguyên không dám đóng quân trong thành bỏ trống, bèn rút về vị trí cũ. Sau hơn một năm chiến đấu anh dũng và bền bỉ, nhân dân Champa đã đánh bại đạo quân viễn chinh của nhà Nguyên.

Âm mưu của Nguyên-Mông dùng Chiêm Thành làm bàn đạp đánh Đại Việt từ hướng Nam lên đến đây đã bị nhân dân Champa đánh bại. Nhưng Toa Đô vẫn chưa chịu từ bỏ dã tâm xâm lược. Chúng không chịu chạy về theo đường biển mà rút quân ra phía Bắc Champa, đóng chốt lâu dài ở vùng Việt Lý, Ô Lý để chờ quân tiếp viện và tham gia cuộc chiến tranh xâm lược Đại Việt.

Thế là từ khi định cư lập ấp, suốt 213 năm xây dựng (1069-1282), vùng đất Lâm Bình, Ô Lý đang bị chiếm đóng. Sử cũ không ghi chép chi tiết diễn biến về cuộc chiến tranh chống Nguyên trong khi chúng tràn đến và chốt lại trên đất Lâm Bình-Ô Lý, nhưng căn cứ vào mệnh lệnh của vua nhà Trần, ban bố cho cả nước cũng hình dung ra được ý chí của vua tôi, dân

chúng trong việc chống xâm lược Nguyên - Mông trên vùng đất này: "Tất cả các quận huyện trong nước, nếu có giặc ngoài đến thì phải liều chết mà đánh; nếu sức không địch nổi thì cho phép lảng tránh vào rừng núi, không được đầu hàng"

Như vậy trước nạn xâm lược của Nguyên Mông, người Quảng Bình thời đó tất phải tuân mệnh vua. Hình thái phải liều chết mà đánh; đánh không nổi thì tránh vào rừng; không được đầu hàng; là những hình thái của cuộc chiến tranh nhân dân, những tiêu chuẩn của chiến tranh du kích. "Tránh vào rừng, không đầu hàng" là cái gốc của tư tưởng địch mạnh thì quấy rối, địch yếu (hoặc so hờ) thì đánh, đã đánh thì liều chết mà đánh; tránh vào rừng còn có nghĩa là đem hết lương thực, của cải vào rừng không cho địch chiếm dụng, lại để cho mình ăn mà chiến đấu lâu dài, rõ ràng là làm kế "vườn không nhà trống", đẩy kẻ thù đến một nơi "đất trắng", một chỗ "tử địa". Đó là một hình thái chiến tranh mà kẻ thù nào, dù mạnh đến mấy, dù tàn bạo hung ác đến mấy cũng phải khiếp sợ, cũng phải chịu thất bại.

Khi đạo quân của Toa Đô ở Việt Lý, Ô Lý kéo ra đánh lấy Nghệ An, vua Trần Nhân Tông hội quân thần hỏi kế, Trần Hưng Đạo tâu rằng: "Toa Đô từ Chiêm Thành trở ra, qua vùng Ô Lý, Hoan ái, đường xá gập ghềnh, quân sĩ vất vả, nay lại ra Bắc thì lực lượng đã đủ hơi mệt. Nay sai một tướng đem quân đón đường mà đánh thì phá được"

Lời nói này là một dẫn chứng, cho thấy thực trạng đạo quân Toa Đô trong giai đoạn chiếm đóng vùng đất phía Bắc Chămpa. Đó là quân sĩ vất vả, đó là lực lượng đủ mỗi mệt, đường xá gập ghềnh, nhiều cạm bẫy, nhiều chướng ngại trong việc đối phó với quân dân Lâm Bình, Ô Lý.

Những nhận định của vị Tổng tư lệnh quân đội nhà Trần cho chúng ta biết cuộc đấu tranh của nhân dân vùng đất mới với quân Nguyên Mông đã góp phần làm cho đạo quân Toa Đô suy yếu, mỗi mệt, góp phần làm nên chiến thắng ở Hàm Tử Quan, Tây Kết, kết quả là Toa Đô phải bị chém đầu.

Dĩ nhiên, những nhận định đó không phải do ý muốn chủ quan của người làm tướng mà là do người làm tướng nắm được diễn biến chiến sự mà tổng kết thành. ở đây cái quý là từ những chiến trường ở miền Bắc mà Trần Hưng Đạo nhìn được thực tiễn của chiến trường phía Nam xa xôi, trong thời đại thông tin liên lạc không ngoài đôi chân thì đáng bậc anh tài.

Trên toàn quốc, trải qua ba lần chống quân Nguyên Mông - một quân đội đã từng chiến thắng gần khắp lục địa Á, Âu, sự đóng góp của quân dân cả nước rất lớn lao, trong đó có những địa phương nằm ở biên thủy xa xôi như Quảng Bình thời đó.

Với Chiêm thành, từ khi nhà Lý suy yếu thường đem quân quấy rối, cướp phá cư dân ven biển. Từ khi Trần Thái Tông lên ngôi mặc dầu trong quan hệ hai nước họ cố giữ bên ngoài thân phục, hàng năm cử sứ thần triều cống “nhưng đòi xin lại đất cũ, có ý nhòm ngó nước ta”^(A54:24)

Quân Nguyên Mông bắt nhà Trần phải cung cấp lương thực và cho chúng mượn đường đánh Chiêm Thành. Nhà Trần không những khước từ yêu cầu đó mà còn đem quân và chiến thuyền giúp Chiêm Thành chống kẻ thù chung^(A195:199).

Cuộc chiến đấu của quân và dân Chiêm Thành diễn ra rất quyết liệt. Nhân dân Chiêm Thành đã dựa vào “sông núi bền vững” để tổ chức cuộc kháng chiến. Nhiều lần Nhà Nguyên cử sứ thần sang thu phục đều bị bắt. Đầu năm 1282 quân Nguyên đánh chiếm kinh thành Chà Bàn (Vijaya), nhân dân Chiêm Thành đã cho đốt hết kho tàng, lương thảo thực hiện tiêu thổ kháng chiến, bắt hợp tác với giặc, rút vào rừng tiếp tục cuộc kháng chiến. Sau hơn 1 năm chiến đấu anh dũng bền bỉ nhân dân Chiêm Thành đã đánh bại quân xâm lược Nguyên Mông. Quân Toa đô phải rút quân ra phía bắc Chiêm Thành, đóng quân ở Việt Lý và Ô Lý (Quảng Trị Thừa Thiên) chờ quân tiếp viện và phối hợp với đại quân của Thoát Hoan tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Đại Việt.

Cuộc kháng chiến của nhân dân Chiêm Thành không những đã bảo vệ độc lập dân tộc mình mà còn giúp cho nước Đại Việt kìm chân giặc Nguyên Mông chuẩn bị chu đáo cho cuộc kháng chiến lần thứ hai (1285) thắng lợi. Trong cuộc kháng chiến đó, hai nước Đại Việt và Chiêm Thành đã kề vai sát cánh cùng chiến đấu chống kẻ thù chung. Đây là biểu hiện đẹp đẽ của quan hệ giữa hai nước, cơ sở cho việc thiết lập quan hệ hữu nghị thân thiện ở giai đoạn sau.

Sau cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông thắng lợi quan hệ hai nước Đại Việt và Chiêm Thành trở nên thân thiện, hữu hảo. Tháng 3 năm Tân sửu (1301) Thái thượng hoàng Trần Nhân Tông sang thăm Chiêm Thành. Trong chuyến viếng thăm này Thái thượng hoàng đã hứa gả Công chúa Huyền Trân cho Vua Chiêm thành là Chế Mân. Đổi lại, Chế Mân dâng hai Châu Ô, Châu Lý của Chiêm Thành cho Đại Việt.

Tháng 2 năm ất Ty (1305) “Chiêm thành sai Chế Bồ Đài và bộ đảng hơn trăm người dâng hiến vàng bạc, hương quý vật lạ làm lễ vật cầu hôn. Tháng 6 năm Bính Ngọ (1306) gả công chúa Huyền Trân cho Vua Chiêm thành Chế Mân

Việc gả Công chúa Huyền Trân cho Chế Mân tuy có gây bất bình cho quan lại trong hoàng tộc, nhưng việc làm của Thái thượng hoàng Trần Nhân Tông và vua Trần Anh Tông là hoàn toàn sáng suốt.

Trần Nhân Tông đã nhìn thấy sự lợi ích chung sống hoà bình của hai nước là to lớn, gạt bỏ ngoài tai những cách nhìn nông cạn và kiêu ngạo của một số người trong việc gả công chúa Huyền Trân cho vua Chiêm, rằng:

"Tiếc thay cây quế giữa rừng

Để cho thằng mán, thằng muồng nó leo"

hoặc: Tiếc thay hạt gạo trắng ngần

Đã vo nước đục, lại vẩn lửa rơm"

Trên thực tế, dẫu cho nhà Trần đã chiến thắng quân Nguyên Mông, không có gì bảo đảm rằng nhà Trần đã loại trừ được tham vọng của quân Nguyên muốn tiến xuống phương Nam, nơi mà họ mơ ước kiểm được nhiều tài nguyên quý giá.

Vì vậy, giữ vững sự bền chặt giao hảo tốt lành với Chiêm Thành không những là một sách lược ổn định mặt trận phía Nam mà còn củng cố sự định cư lập ấp cho vùng Lâm Bình đã có từ đời Lý và vùng Ô Lý mới sát nhập.

Lúc đó, triều Trần có đủ sức mạnh quân sự để áp đảo Chiêm Thành và các nước nhỏ khác, nhưng triều Trần Nhân Tông không sử dụng vũ lực, mà Trần Nhân Tông lấy đức để "bình thiên hạ"

Quan hệ giữa Chiêm thành và Đại Việt gần 250 năm kể từ ngày vùng đất Bố Chính, Địa Lý, Ma Linh được sát nhập vào Đại Việt là quan hệ thù địch, chiến tranh. Thái thượng hoàng Trần Nhân Tông và Vua Trần Anh Tông gả công chúa Huyền Trân cho Chế Mân là muốn thiết lập quan hệ bang giao hữu hảo hai nước, dập tắt ngọn lửa chiến tranh thù hận. Từ khi có đất Ô Lý, châu Lâm Bình, Minh Linh, Bố Chánh như thêm vây cánh, thêm anh em, hai vùng lại có cái vị thế vô cùng thuận lợi: phía Bắc có Hoàng Sơn, phía Nam có Hải Vân, phía Đông có hai dãy đại Trường Sa và tiểu Trường Sa, phía Tây có núi Giăng Màn (Trường Sơn), trở thành một vùng chiến lược quan trọng án ngự ở phía Nam cho Đại Việt.

Tiếc rằng, những ông vua Trần về sau không tiếp tục sự nghiệp bang giao này mà đã để xảy ra chiến tranh với Chiêm Thành, càng về sau, đến đời Chế Bồng Nga, Chiêm Thành đã lấn hấn Đại Việt, nhiều phen đưa chiến tranh vượt qua cả Tân Bình Thuận Hoá, vào sâu đến cả Thăng Long. Đó là những lúc triều Trần suy yếu không sao tự vực dậy được. Những lúc đó vùng Tân Bình Thuận Hoá bị Chế Bồng Nga ngự trị cho đến khi Chế Bồng

Nga bị tử trận trong lần đánh Thanh Hoá năm 1389, vua Trần mới sai Lê Quý Ly đem quân vào thu hồi lại.

Sau khi Chế Mân dâng hai châu Ô, Lý nhà Trần đổi thành Thuận Châu và Hoá Châu. Biên giới Đại Việt mở rộng đến đèo Hải Vân. Nhà Trần nhanh chóng thiết lập bộ máy hành chính, thực hiện chính sách miễn tô, thuế, cấp ruộng vườn để thu phục dân chúng⁽¹⁾

Tháng 5 năm Đinh Mùi (1307) Chế Mân chết. Theo tục lệ Chiêm Thành, vua chết thì hàng hậu phải lên giàn hoả thiêu để chết theo. Vua Trần Anh Tông sợ công chúa Huyền Trân bị hại sai người sang tìm cách cứu công chúa vượt biển trở về nước. Sau sự kiện đó, quan hệ hai nước Đại Việt và Chiêm Thành trở lại thù địch gay gắt.

Con của Chế Mân là Chế Chí lên ngôi cất quân chiếm lại Châu Ô và Châu Lý.

Tháng 12 năm Tân Hợi (1311) Vua Trần Anh Tông phải thân chinh đem quân đánh Chiêm Thành để bảo vệ biên cương lãnh thổ ở phía nam. Trong cuộc tiến binh này vùng đất Lâm Bình trở thành bàn đạp tiến công của quân đội nhà Trần trong cuộc nam chinh. Về sự kiện này ĐVSKTT chép: “Đến khi vua đích thân đi đánh, đến phủ Lâm Bình, chia quân làm ba đường: Huệ Vũ vương Quốc Chấn theo đường núi, Nhân Huệ vương Khánh Dư theo đường biển, vua tự dẫn 6 vạn quân theo đường bộ; thuỷ bộ cùng tiến. Lấy Đoàn Như Hải làm tiên tử chiêu dụ sứ đi trước”^(A54:96).

Trong cuộc tiến binh lần này Vua Trần bắt được Chế Chí đem về Thăng Long, đưa em Chế Chí là Chế Đà A Bà Niêm lên thay. Cũng như các lần trước, việc đánh Chiêm thành là để răn đe, bảo vệ biên cương lãnh thổ của đại Việt, tuyệt nhiên không xâm lược chiếm đất. Sau khi thắng lợi, bảo vệ phần lãnh thổ Châu Thuận, Châu Hoá, Trần Anh Tông cho quân rút về nước.

Một năm sau, Quý Sửu (1313) nước Chiêm Thành bị quân Xiêm (Thái Lan) tiến đánh, vua Trần sai Đỗ Thiên Hư đi kinh lược Nghệ An, Lâm Bình đưa quân sang cứu giúp.

Sau khi đánh đuổi quân xâm lược Xiêm, quan hệ Chiêm Thành và Đại Việt từng bước được cải thiện, song Chiêm Thành vẫn âm mưu đòi lại vùng Châu Thuận, Châu Hoá cũng như Bồ Chính Lâm Bình và Minh Linh trước đây. Họ thường cho quân quấy phá vùng biên ải và nhiều lần cất quân đánh chiếm lãnh thổ của Đại Việt. Để bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của mình.

⁽¹⁾ Khi Châu Ô, Lý về với Đại Việt dân ở các thôn La Thủy, Tác Hồng, Đà Bồng không phục Vua nên sai Nhữ Hải chọn dân ở đấy ban cho chức quan, cấp ruộng vườn, miễn thuế 3 năm để vỗ về (ĐVS, Sdd, trang 407)

Nhà Trần đã nhiều lần đưa quân đánh Chiêm Thành nhằm mục đích răn đe, phòng vệ. Năm Mậu Ngọ (1318) Vua Trần Minh Tông cử Vũ Huệ đại vương là Vũ Chấn cùng Quản Thiên võ quân Phạm Ngũ Lão đem quân tiến đánh Chiêm Thành. Phạm Ngũ Lão cho quân đánh tập hậu, vua Chiêm là Chế Năng bỏ kinh thành chạy trốn, quân Trần bắt được nhiều tù hàng binh, rồi cho quân rút về nước, giữ vững biên cương phía nam.

Nửa sau thế kỷ XIII vương triều Nhà Trần ngày càng suy yếu. Sau kháng chiến chống Nguyên Mông, triều Trần lúc đầu còn quan tâm đến việc khôi phục kinh tế và xây dựng đất nước, nhưng về sau lại nhân thắng lợi và hoàn cảnh hoà bình lo củng cố địa vị thống trị và thu tóm những thành quả xây dựng của nhân dân vào tay một số quan lại thống trị. Quý tộc nhà Trần lợi dụng quyền thế không ngừng chiếm đoạt ruộng đất, bóc lột nặng nề, đời sống dân chung vô cùng đói khổ. Chế độ áp bức bóc lột ngày càng đè nặng lên đầu nhân dân. Người nông dân công xã không những bị cướp đoạt ruộng đất mà còn phải nộp tô thuế, chịu lao dịch, quân dịch nặng nề. Nạn cho vay nặng lãi và tệ nạn tham nhũng đục khoét của bọn quan lại làm cho đời sống của nhân dân càng thêm khốn khổ. Từ cuối thế kỷ XIII đã xảy ra những nạn đói lớn. Tầng lớp bị bóc lột nặng nề nhất trong xã hội lúc này là những người nô tỳ. Trong kháng chiến chống ngoại xâm, họ đã chiến đấu dũng cảm và lập nhiều thành tích xuất sắc. Nhưng theo chế độ nhà Trần họ không được phong chức tước, không được đãi ngộ xứng đáng, giờ đây lại bị áp bức bóc lột nặng nề. Chính vì lẽ đó làm cho những mâu thuẫn xã hội ngày càng gay gắt, nhiều cuộc khởi nghĩa của nông dân đã nổ ra kéo dài suốt gần một thế kỷ. Trong lúc đó vua quan và quý tộc nhà Trần lại sống một cuộc sống xa hoa, truy lạc. Vua Trần Dụ Tông (1341-1369) ăn chơi vô độ. Trong triều thì bọn gian thần hoành hành. Chu Văn An một nhà nho cương trực, đã dâng sớ xin chém bảy gian thần, nhưng không được chấp thuận, ông liền từ quan xin về dạy học. Từ đầu thế kỷ XIV, triều Trần ngày càng suy đồi mục nát^(A54:58)

Trước tình hình mâu thuẫn xã hội ở trong nước ngày càng gay gắt, nhà Trần lại chủ trương phát động chiến tranh với các nước láng giềng đặc biệt là với Chiêm Thành ở phía nam để hòng củng cố nền thống trị của mình và đề cao uy tín với nước ngoài. Chính sách đối ngoại đó đã làm cho quan hệ với các nước láng giềng thêm căng thẳng đưa đến những cuộc chiến tranh liên miên, đời sống của nhân dân trong nước thêm khốn khổ.

Trong lúc đó ở phía nam, nhà nước Chiêm Thành dưới triều đại của Chế Bồng Nga đang ra sức khôi phục lực lượng, xây dựng quân đội, tích trữ lương thực, chuẩn bị chiến tranh với Đại Việt hòng lấy lại những vùng đất đã dâng nộp trước đây.

Trước những cuộc tiến công đánh phá của Chiêm Thành, nhà Trần đã cố gắng gấp rút xây dựng lực lượng quân đội, sắm thêm thuyền chiến để đối phó với cuộc chiến tranh của người Chiêm thành.

Vua Trần cho đốc thúc việc tuyển quân “người nào khoẻ mạnh thì tạm làm quân đi đánh Chiêm Thành, cho đóng các thuyền lớn có tên là Diêm Trì, Ngọc Đột và Nha Tiệp. Lê Quý Ly cho đóng cọc ở cửa biển Thần Đầu (Yên Mô, Ninh Bình), đào các kênh ở Hải Tây^(A54:167).”

Tháng giêng năm Quý Hợi (1383) vua sai Lê Quý Ly thống lĩnh quân thủy đi đánh Chiêm thành. Đội quân của Lê Quý Ly với các thuyền chiến lớn mới đóng xong vượt biển tiến về phía nam nhưng mới tới vùng biển Lại Bộ Nương (Kỳ Anh-Hà Tĩnh) và Ô Tôn (Vĩnh Sơn - Quảng Trạch Quảng Bình) bị sóng gió đánh vỡ phải quay về.

Lợi dụng sự quy yếu của quân Trần tháng 6 năm 1383 vua Chiêm thành là Chế Bồng Nga cùng với tướng La Ngai dẫn quân bộ một lần nữa tiến đánh Thăng Long. Thượng hoàng Trần Nghệ Tông sai Lê Mật Ôn chỉ huy quân Hoá Ngạch đi chống giữ. Lê Mật Ôn đến chân Tam Kỳ (nay là phủ Quảng Oai) định bày trận bố phòng chống giữ. Nhưng tại đây quân Chiêm đã mai phục từ trước, dùng voi và quân bộ xông trận đánh tan đội quân Hoá Ngạch bắt sống Lê Mật Ôn. Lo sợ trước sự tấn công của đội quân thiện chiến của Chế Bồng Nga, Thượng hoàng Trần Nghệ Tông và triều đình qua sông Đồng Ngàn để lánh giặc, cử Nguyễn Bá Phương don đốc quân lính dựng rào trại ở kinh thành để chống giữ. Tháng 12 năm 1383 Chiêm thành rút quân về nước.

Vào những năm cuối thế kỷ XIV, đất nước ở trong tình trạng rối ren, Triều Trần trở nên ruồng nát, bị lung lay tận gốc, trong nước dân tình đói khổ, thuế má ngày càng nặng nề, lòng dân oán hận. Trong khi đó ở phía bắc Nhà Minh sau khi thoát khỏi ách đô hộ Nguyên Mông bắt đầu có ý đồ chuẩn bị cho cuộc xâm lược Đại Việt. Phía nam đội quân Chiêm thành thiệp chiến của Chế Bồng Nga trở thành nguy cơ thường trực, uy hiếp nhà Trần suy yếu. Trong triều, mặc dù Thượng hoàng Trần Nghệ Tông và vua Trần Phế Đế chấp chính nhưng tỏ ra bất lực, mọi việc đều do Lê Quý Ly quyết định. Triều Trần thì lăm kẻ xu nịnh, chỉ lo lấy thân, mặc sự an nguy của nước, không ai nghĩ tới. Thượng hoàng Trần Nghệ Tông nghe lời Lê Quý Ly phế bỏ Trần Phế Đế lập Trần Nguy là con út của Nghệ Tông lên ngôi tức là Trần Thuận Tông.

Lợi dụng tình hình chính trị Triều Trần đang rối ren, tháng 10 năm Kỷ Tỵ (1389) quân Chiêm Thành dưới sự chỉ huy của Chế Bồng Nga lại tiến đánh Thanh Hoá. Thượng hoàng Trần Nghệ Tông sai Lê Quý Ly đem quân

chống giữ. Quân Chiêm thành cho đắp đập ngăn sông ở phía thượng lưu và đóng cọc dày đặc để chống cự. Quân Chiêm Thành bố trí tượng binh và bộ binh mai phục rồi giả vờ thua chạy. Lê Quý Ly đem quân thủy, bộ đuổi theo “lựa lấy quân tinh nhuệ, dũng cảm, làm quân cảm tử truy kích giặc”^(A54:117). Quân Chiêm cho phá đập nước, cho voi trận xông ra đánh. Quân Trần bị thiệt hại nặng nề, tướng chỉ huy quân Hữu Thánh Dực là Nguyễn Chí bị bắt sống, nhiều tướng chết trận Lê Quý Ly để tuý tướng Phạm Khả Vĩnh ở lại cầm cự cùng với Nguyễn Đa Phương chỉ huy quân Thánh Dực còn mình thì trốn về kinh đô. Nguyễn Đa Phương và Phạm Khả Vĩnh biết thế yếu không chống cự nổi cũng rút quân về. Tháng 11 quân Chiêm Thành vào sông Hoàng Giang tiến đến kinh thành Thăng Long. Thượng hoàng sai tướng Trần Khát Chân chỉ huy quân Long Tiệp ra chặn giặc. Đến Hoàng Giang gặp giặc, Trần Khát Chân thấy không thể đánh được cho quân lui về giữ sông Hải Triều (tức sông Luộc ngày nay). Tháng giêng năm Canh Ngọ (1390) Chế Bồng Nga dẫn hơn 100 thuyền chiến đến quan sát trận địa, quân Trần Khát Chân liền nổ súng hoả mai đồng loạt, bắn trúng thuyền Chế Bồng Nga. Vu Chiêm tử trận, quân Chiêm hoảng loạn tháo chạy. Thất bại của quân Chiêm Thành mùa xuân năm Canh Ngọ với cái chết của Chế Bồng Nga đã chấm dứt một thời kỳ làm mưa làm gió của đội quân Chiêm Thành đối với nước Đại Việt thời Trần.

Suốt trong 175 năm dưới các triều đại nhà Trần, các vua Trần đã có những đóng góp lớn cho đất nước. Đặc biệt, ở giai đoạn đầu, nhà Trần đã tổ chức cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên Mông giữ gìn nền độc lập dân tộc, có quan hệ hoà hiếu thân thiện với Chiêm Thành và mở mang bờ cõi phía nam đến Thuận Hoá (Thừa Thiên Huế ngày nay). Cuối thời Trần các triều đại dần dần suy vong, đối nội mất lòng dân, đối ngoại gây nhiều cuộc chiến tranh với người Chiêm Thành làm cho tình hình chính trị bất ổn, đời sống nhân dân bị khốn khổ. Nhân dịp đó Chiêm Thành đã mở nhiều cuộc tiến công tiến đánh Đại Việt. Mặc dù có nhiều lần thất bại bởi sự nhu nhược, yếu kém của triều đình nhưng cuối cùng quân dân ta vẫn đánh tan các cuộc chiến tranh của Chiêm Thành bảo vệ bờ cõi phương nam và toàn bộ lãnh thổ của Đại Việt.

3. MỞ RỘNG BIÊN CƯỜNG PHÍA NAM DƯỚI TRIỀU ĐẠI NHÀ HỒ

Sau khi Thượng hoàng Trần Nghệ Tông mất, Lê Quý Ly lập mưu xui Trần Thuận Tông đi tu nhường ngôi cho con là Thái Tử Án lên làm vua

tức là Trần Thiếu Đế. Vua Trần Thiếu Đế mới 3 tuổi mọi công việc triều chính đều do phụ chính Lê Quý Ly điều hành. Năm 1400, Hồ Quý Ly (25) truất bỏ ông vua cuối cùng của triều Trần gọi là Trần Thiếu Đế. (cháu ngoại họ Hồ) tự lên làm vua lập ra nhà Hồ, lấy quốc hiệu là Đại Ngu.

Họ Hồ nguồn gốc ở Trung Quốc thời nhà Ngu, nên khi lên nắm chính quyền, đặt quốc hiệu là Đại Ngu, có nghĩa là yên vui.

Tuy Hồ Quý Ly bị mang tiếng là cướp ngôi mà không được nhân dân tín nhiệm, nhưng triều Hồ biết sửa sang việc nước trên nhiều mặt. Trong phạm vi toàn quốc, Hồ Quý Ly chỉnh đốn lại toàn bộ bộ máy cai trị, cụ thể:

Về võ bị, tiến tới một đội quân 100 vạn người. Hồ Quý Ly ban hành chế độ hộ tịch, hộ khẩu, người trong nước cứ hai tuổi đã phải biên vào sổ. Từ đó việc huy động nghĩa vụ quân sự được thêm nhiều và công bằng; thủy binh thì chiến thuyền chế tạo theo kiểu mới, trên sàn để chiến đấu, dưới sàn để chèo chống, động lực của chiến thuyền được bảo vệ; đặt các kho chế tạo vũ khí, bắt thợ giỏi vào làm việc; các chỗ cửa khẩu hiểm yếu thì dùng gỗ lim vót nhọn đóng cọc ngăn phòng giặc đột nhập; phiên chế lại quân đội, đông tây nam bắc thành vệ, đội, doanh, đoàn.

Việc sưu thuế sửa đổi lại công bằng hơn: người có nhiều ruộng thì nộp thuế đinh nhiều hơn, ai không có, cô nhi quả phụ không nộp.

Việc học hành được thay đổi, lấy toán học làm đề thi trong khoa thi. Hồ Quý Ly là người đầu tiên dám chê các danh nho Trung Quốc đời Tống, đời Đường là thời cực thịnh của đạo nho, người đầu tiên dịch sách nho giáo ra chữ nôm để dạy hoàng tử, thí dụ: dịch thiên Vô Dật trong kinh Thượng Thư; đặt chức giáo thụ ở phủ, châu, huyện chuyên biệt trông coi việc học cho nhân dân, lấy từ 10 đến 15 mẫu ruộng công ở mỗi địa phương thu hoa lợi chi vào việc dạy học.

Việc tài chính thì phát hành tiền giấy, thu tiền đồng.

Về buôn bán thì đặt chức giám thị (giống như ban quản lý thị trường ngày nay) có quy chế đo lường nhất thống của nhà vua..

Về an ninh thì đặt Ty Liêm Phóng Sứ " (giống như tình báo) vv..vv.

Riêng đối với hai xứ Tân Bình Thuận Hoá thì tháng 3 năm 1402, Hồ Hán Thương sai sửa chữa đồng xá từ Tây Đô cho đến Hoá Châu, dọc đường đặt phố xá và trạm dịch để truyền tin đưa thư, gọi là Thiên Lý Từ. Đường Quốc Lộ thông Nam Bắc bắt đầu từ đó.

Hồ Quý Ly nhường ngôi cho con là Hồ Hán Thương, tự xưng là Thượng hoàng, cùng coi chính sự. Từ khi lên nắm chính quyền Hồ Quý Ly đã thực hiện một số cải cách nhằm cứu vãn nguy cơ sụp đổ của nhà nước phong kiến và củng cố địa vị thống trị của dòng họ mới.

Về chính trị, Hồ Quý Ly tìm cách loại bỏ các thế lực triều Trần trước đây, tăng cường quyền lực cá nhân và dòng họ của chính quyền mới. Từ năm 1397 Hồ Quý Ly đã cho xây kinh đô mới ở Vĩnh Lộc - Thanh hoá gọi là Tây đô.

Về quân sự Hồ Quý Ly đã ra sức xây dựng lực lượng quân sự vững mạnh về mặt số lượng, tổ chức và trang bị.

Về kinh tế, Hồ Quý Ly thực hiện một số cải cách nhằm hạn chế thế lực kinh tế của quý tộc Trần, xoa dịu nổi bất bình của dân chúng, nhưng cơ bản là mưu lợi ích cho dòng họ và tập đoàn thống trị mới. Nhà Hồ đã chủ trương thực hiện chính sách “hạn điền”, “hạn nô” tức là hạn chế quyền chiếm hữu ruộng đất và gia nô của quý tộc Trần trước đây và phát hành tiền giấy.

Về văn hoá giáo dục, Hồ Quý Ly chấn chỉnh lại chế độ thi cử để đào tạo bộ máy quan lại mới, đề cao sử dụng chữ nôm.

Những cải cách của Hồ Quý Ly có những mặt tích cực nhất định, nhưng lại đề cao quyền lực và lợi ích của dòng họ, chưa đặt lợi ích quốc gia lên trên hết nên các tầng lớp nhân dân đều tỏ ra bất bình, chống đối.

Về đối ngoại, nhà Hồ lại tiếp tục chính sách lấn áp đối với Chiêm Thành, tiến hành nhiều cuộc chiến tranh xâm lược. Mặc dù đã chuẩn bị lực lượng chống lại nguy cơ xâm lược phương bắc, nhưng với chính sách đối nội và đối ngoại không được lòng dân nhà Hồ không thể lãnh đạo cuộc kháng chiến chống giặc Minh thắng lợi.

Vừa mới lên nắm chính quyền được 1 năm, nhân việc vua Chiêm thành là La Khải chết, con là Ba Đích Lại mới nối nghiệp, Hồ Quý Ly đã tiến hành cuộc chiến tranh đánh Chiêm thành. Năm Tân Ty (1401) Hồ Quý Ly sai tướng Đỗ Mãn chỉ huy quân thuỷ, Trần Tùng chỉ huy quân bộ đem 15 vạn binh tiến đánh Chiêm Thành. Bộ binh của Trần Tùng đi đường núi gặp phải nước lũ, hết lương an, không gặp được đội quân thuỷ tiếp ứng nên phải rút quân về nước.

Năm Nhâm Ngọ (1402) Hồ Hán Thương lại chuẩn bị cuộc tiến đánh Chiêm Thành lần thứ hai. Lần này Hồ Hán Thương cho đắp sửa đường sá từ Tây đô đến Hoá Châu, dọc đường đặt phố xá và trạm truyền thư để thuận lợi cho việc bộ binh hành quân. Tháng 7. Hồ Hán Thương thân chinh đưa quân đi đánh Chiêm Thành cùng với các tướng Đỗ Mãn làm Đô tướng, Nguyễn Vĩ làm Chiêu dụ sứ và Nguyễn Bằng Cử làm đồng chiêu dụ sứ. Trước thế mạnh của quân Hồ vua Chiêm là Ba Đích Lại lo sợ sai cậu là Bồ Điền xin dâng đất Chiêm Động (phủ Thăng Bình, Quảng Nam) để bãi binh Quý Ly bắt dâng thêm đất Cổ Luỹ (Quảng Ngãi) mới chịu rút quân. Sau khi đất Chiêm Động và Cổ Luỹ thuộc về Đại Việt nhà Hồ chia vùng đất ấy thành bốn châu là

Đầu năm Quý ty (1353) Trần Dụ Tông xuống chiếu cho các vương hầu đóng thuyền chiến, chế tạo vũ khí, luyện tập binh sĩ chuẩn bị chiến tranh với Chiêm Thành. Tháng 6 cử đại binh theo hai đường thủy, bộ tiến đánh Chiêm Thành. Quân bộ đến Cổ Luỹ (Quảng Ngãi) quân thủy chờ lương gặp trở ngại không hợp quân được buộc phải quay về. Tháng 9 năm đó quân Chiêm Thành đánh cướp Hoá Châu, vua Trần cử Trương Hán Siêu đi trấn giữ, vất vả lắm mới giữ được.

Trước nguy cơ xâm phạm biên giới, quấy phá các châu ở phía nam của quân Chiêm Thành, nhà Trần đã cho tăng cường củng cố lực lượng quân đội, xây dựng thành trì vững chắc. Năm 1361 vua Chiêm Thành là Chế Bồng Nga tiến quân đánh Đại Việt, chiếm cảng Dã Lý (thuộc Lý Hoà, Hải Trạch, Bố Trạch ngày nay). Quân Chiêm Thành tàn phá, giết hại nhiều người rồi mang theo nhiều của cải cướp được xuống thuyền về nước. Trước tình hình đó vua Trần cử Phạm A Song vào làm tri phủ Lâm Bình. Lại sai Đỗ Tư Bình lấy quân ở Lâm Bình và Thuận Hoá sửa sang thành Hoá Châu cho bền vững.

Tháng 3 năm Bính Ngọ (1366) quân Chiêm Thành lại tiến hành cuộc chiến tranh đánh vào đất Lâm Bình (Quảng Bình) nơi Chế Củ đã dâng cho Đại Việt từ năm 1069. Nhân dân Lâm Bình dưới sự chỉ huy của Phạm A Song đã đánh tan quân xâm lược Chiêm bảo vệ quê hương và lãnh thổ của đất nước. Phạm A Song được phong làm Đại tri phủ phủ Lâm Bình, hành quân thủ ngự sự. Tháng 12 năm丁未 (1367) vua Trần Dụ Tông lại sai Trần Thế Hưng làm thống quân hành khiển và Đỗ Tư Bình làm phó đi đánh Chiêm thành.

Tháng 2 năm Mậu Thân (1368) vua Chiêm thành cho sứ là Mục Bà Ma sang đòi lại vùng đất Hoá Châu. Lúc này quân của Trần đến Chiêm Động (đất Chiêm Thành) bị quân Chiêm phục kích, Trần Thế Hưng bị bắt. Quân Trần tan vỡ, Trần Tử Bình phải rút quân về nước.

Trước tình hình triều Trần ngày càng suy yếu, nội bộ mất đoàn kết, tranh chấp quyền lợi trong hoàng tộc⁽¹⁾, Chiêm Thành đã phát động nhiều cuộc chiến tranh tiến đánh Đại Việt. Năm Tân Hợi (1371) quân Chiêm Thành tiến đánh Đại Việt. Do chủ quan, vì đã lâu không có chiến tranh ở

⁽¹⁾ Trần Dụ Tông vì không có con khi sắp chết có xuống chiếu cho đón Dương Nhật Lễ vào truyền ngôi (1369). Nhật Lễ là con người làm trò Dương Khương, vợ Dương Khương cũng là người làm trò đóng vai Vương Mẫu. Thấy vợ Dương Khương xinh đẹp, Dục Tống lấy làm vợ trong khi vợ Dương Khương đã có thai. Khi vợ Dương Khương sinh Nhật Lễ, Dục Tống nhận làm con mình và truyền ngôi, trong khi các con của Trần Minh Tông trước đây là dòng họ hoàng tộc lại có tài nghệ không được nối ngôi. Nhật Lễ lên ngôi, triều đình hỗn loạn, nhiều người nổi lên chống lại. Trước tình hình đó Trần Phủ con thứ 3 của Trần Minh Tông buộc phải cho đánh chết Nhật Lễ. Mẹ Nhật Lễ vì mối thù đó, đã chạy trốn sang Chiêm, xúi Chiêm thành đánh Đại Việt.

kinh đô, thành quách không được củng cố, quân đội không được luyện tập, quân Trần đã thất bại thảm hại. Quân Chiêm Thành tiến vào từ cửa biển Đại An (thuộc huyện Nghĩa Hưng - Hà Nam Ninh ngày nay) đánh thẳng vào kinh đô. Quân Trần không ngăn được. Quân Chiêm đốt cung điện, thành quách nhà cửa, thư tịch, sổ sách. Vua Trần Nghệ Tông phải xuống thuyền chạy trốn sang Đông Ngàn.

Sau khi đánh phá kinh đô quân Chiêm Thành rút về nước. Đây là cuộc tiến quân đầu tiên của quân Chiêm Thành đánh vào kinh đô nhà Trần. Sự kiện này chứng tỏ, Triều Trần đã đến lúc suy vong. Quan hệ giữa Đại Việt và Chiêm thành ngày càng mâu thuẫn sâu sắc.

Năm Nhâm Tý (1372) Trần Nghệ Tông nhường ngôi cho em là Trần Kính tức Trần Duệ Tông. Vừa mới lên ngôi, mặc dầu trong nước đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, nhưng Trần Duệ Tông lại chuẩn bị cuộc chiến tranh tiến đánh Chiêm thành. Đại việt ký toàn thư chép:

“Năm Quý Sửu (1373), tháng 8 định việc bổ sung quân ngũ, đóng sửa thuyền chiến để chuẩn bị đánh Chiêm Thành.

Ra lệnh cho quân dân nộp thuế cho Nhà nước. Mùa đông, tháng 12 xuống chiếu nói việc vua thân chinh đi đánh Chiêm Thành.

Năm Giáp dần (1374), mùa thu, tháng 8 chọn dân đinh bổ sung quân ngũ. Hạng nhất sung vào Lan Đô, rồi đến hạng hai, hạng ba. Người thấp bé nhưng nhanh nhẹn, can đảm cũng được sung vào các hạng trên...

Trước đây, quân túc vệ có các quân Tứ Thiên, Tứ Thánh, Tứ thần, sau đặt thêm các quân Uy Tiệp, Bảo Tiệp, Long Dục, Ý Yên, Thiên Trường, Bắc Giang, Điện Hậu, Long Tiệp. Những quân này xăm ba chữ đen lên trán. Quân thị vệ thì xăm trán. Các quân Hoa Ngạch, Tả Bun, Hữu Ban và quân Thanh Hoá, Nghệ An, Hoá Châu, Thuận Châu, Lâm Bình đều đặt quân hiệu, có đại đội trưởng, đại đội phó làm tướng hiệu...

Mùa đông tháng 10, định ngạch tụng quân. Đặt 6 cục cận thị chi hậu, lấy vương hầu và người tôn thất làm chánh chương...

Năm Ất Mão (1375) lấy khu mật viện đại sứ Lê Quý Ly làm tham mưu quân sự.

Xuống chiếu chọn các quan viên biết luyện tập võ nghệ, thông hiểu thao lược, thì không cứ là người tôn thất, đều làm cho làm tướng coi quân.

Đổi Châu Diễn thành lộ Diễn Châu, Châu Hoan thành các Lộ Nhất Nam, Nghệ An nam, bắc, trung. Đổi Lâm Bình thành phủ Tân Bình. Sai Đào

Lực Đinh và Hà Tử Công đốc suất người Thanh Hoá, Nghệ An, Tân Bình đắp sửa đường sá từ Cửu chân đến Hà Hoa 3⁽¹⁾ tháng thì xong”^(A54:158-159).

Giữa lúc việc chuẩn bị đánh chiếm thành đang được triển khai tích cực thì tháng 5 năm Bính Thìn (1376) Chiêm Thành cho quân đến cướp Hoá Châu. Sự kiện đó càng củng cố quyết tâm của Trần Duệ Tông đem quân chinh phạt Chiêm Thành.

Tháng 6 năm 1376 vua Trần Duệ Tông xuống chiếu cho các quân sắm sửa khí giới thuyền chiến chuẩn bị việc thân chinh đánh Chiêm Thành^(A54:160).

Việc vua Trần thân chinh đem quân đánh Chiêm Thành làm cho một số quan lại trong triều lo lắng và cản ngăn. Ngự sử trung tán Lê Tích dâng sớ can rằng: “Binh đao là đồ hung khí, không nên tự mình gây ra. Huống chi ngày nay vừa mới dẹp được giặc trong nước thế như cái nhọt lâu năm chưa khỏi, chúa không nên vì mối tức giận riêng mà dấy quân, tướng không thể cầu công mà đánh liều. Dù Chiêm Thành không cố lòng thần phục cũng chỉ nên sai tướng đi đánh để chờ trời diệt chúng, còn xa giá thân chinh thì thân trộm nghĩ là không nên” Ngự sử đại phu Trương Đỗ lại cho rằng: “Chiêm Thành chống lệnh, tội cũng chưa đáng phải chết - Song nó ở tận cõi tây xa xôi, núi sông hiểm trở. Nay bệ hạ vừa mới lên ngôi, đức chính, giáo hoá chưa thấm nhân được tới phương xa, nên sửa sang văn đức khiến nó đến thần phục. Nếu nó không theo, sẽ sai tướng đi đánh cũng chưa muộn”^(A54:162). Rõ ràng việc Trần Duệ Tông tiến hành cuộc chinh phạt Chiêm Thành trong hoàn cảnh đó có nhiều điều bất lợi. Khác với các triều đại nhà Trần trước kia, trong quan hệ với Chiêm Thành luôn cố gắng giữ mối hoà hiếu, thân thiện, bất đắc dĩ mới tiến hành chiến tranh để ngăn chặn sự quấy phá tập trung cho việc đối phó với các thế lực phong kiến xâm lược phương bắc. Ngược lại dưới triều đại nhà Trần ở giai đoạn này, đất nước không còn quân xâm lược phương bắc, nhưng lại không lo củng cố thái bình, giữ hoà hiếu với Chiêm Thành, mà lo gây chiến tranh để củng cố địa vị thống trị, làm cho đời sống của nhân dân càng thêm thống khổ thì không thể không chuốc lấy thất bại.

Mặc dù các quan thần can gián, Trần Duệ Tông không nghe vẫn tiến hành cuộc chinh phạt phía nam.

Tháng 8 năm 1376 vua xuống chiếu cho quân dân Thanh Hoá, Nghệ An - Diễn Châu chở 5 vạn học lương tới Hoá Châu.

Tháng 10 duyệt đại quân thuỷ bộ ở sông Bạch Hạc

⁽¹⁾ Chỉ vùng Thanh Hoá đến Kỳ Anh - Hà Tĩnh ngày nay

Tháng 12 vua Trần Duệ Tông thân chinh dẫn 12 vạn quân xuất phát từ kinh đô tiến đánh Chiêm thành. Vua sai Lê Quý Ly đốc thúc quân dân Nghệ An, Diễn Châu, Tân Bình, Thuận Hoá chở lương thực cung cấp cho quân đội. Quân đội Trần tiến đến cửa biển Di Luân (tức cửa Roòn ngày nay) Vua Trần lên bờ cưỡi ngựa dẫn quân bộ men theo bờ biển đến cửa Nhật Lệ đóng quân lại và luyện tập thêm một tháng.

Tháng giêng năm Bính Tý (1377) đại quân Trần tiến vào cửa Thi Nai^(A54:162) của Chiêm Thành, đánh chiếm đồn Thạch Kiều, đóng quân ở đồn Ý Mang, rồi tiếp tục tiến về thành Đồ Bàn, kinh đô của Chiêm thành.

Vua Chiêm là Chế Bồng Nga vốn là người có tài thao lược, biết cách dùng binh đã cho quân dựng trại ngoài thành Đồ Bàn. Chế Bồng Nga sai Mục Bà Ma là một viên quan đã từng đi sứ qua Đại Việt đến trá hàng, nói dối là Chế Bồng Nga đã chạy trốn, bỏ thành nên tiến binh gấp kéo bỏ lỡ cơ hội. Vua Trần Duệ Tông cả tin truyền lệnh tiến binh. Đại tướng Đỗ Lễ can ngăn, nên dò xét “vì lòng giặc khó lường” cần phải xem xét thận trọng. Vua không nghe cho Đỗ Lễ là “hạng đàn bà” rồi đốc thúc quân lính tiến lên phía trước. Đội hình quân Trần bị chia cắt, rơi vào ổ phục kích, quân Chiêm thừa thắng xông lên đánh tan quân Trần, Dệ Tông tử trận một số tướng lĩnh và tàn binh của Trần vội vã rút về nước. Thượng hoàng Trần Nghệ Tông được tin Duệ Tông tử trận bèn lập con của Duệ Tông là Trần Hiến lân nối ngôi tức là Trần Phế Đế.

Sau khi đánh bại quân Trần, ngày 11 tháng 6 năm đó Chế Bồng Nga thừa thắng cho quân đánh vào kinh đô Thăng Long. Thượng hoàng Trần Nghệ Tông nghe tin giặc đến sai tướng ra giữ cửa biển Đại An. Quân Chiêm biết có Đại An có phòng bị bèn tiến quân vào cửa Thiên Phù (sông Chính đại thuộc huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình) rồi tiến vào cướp phá Thăng Long.

Đây là cuộc tiến binh đánh phá kinh đô Thăng Long lần thứ hai của Chế Bồng Nga. Lợi dụng lúc triều Trần suy yếu tháng 5 năm Mậu Ngọ (1387) quân Chiêm Thành lại sang đánh Nghệ An, rồi lại vào sông Đại Hoàng tiến lên đánh phá Thăng Long lần thứ ba.

Năm Canh thân (1380) quân Chiêm Thành lại cho quân và lấy người ở Tân Bình, Thuận Hoá ra cướp Nghệ An, Diễn Châu và đánh ra Thanh Hoá. Thượng hoàng Trần Nghệ Tông sai Lê Quý Ly đến Thanh Hoá cho đóng cọc giữa sông Ngu Giang (Lạch Trường, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá) đánh thắng quân Chiêm. Chế Bồng Nga thua trận rút chạy về nước.

Châu Thăng, Châu Hoa, Châu Tư và Châu Nghĩa thuộc lộ Thăng Hoa, đặt quan An Phủ Sứ để cai trị. Hồ Quý Ly cho chiêu mộ những người dân phiêu tán không có ruộng đất ở các nơi về khai khẩn vùng đất mới. Nhưng người dân đến khai khẩn vùng đất mới được cấp trâu cày để sản xuất và biên chế thành những đội quân. Đại Việt Sử ký toàn thư chép “Quý Mùi (1403). Mùa xuân, tháng hai, Hán Thương đem những người không có ruộng mà có của dôi đến Thăng Hoa, biên chế thành quân ngũ. Quan lại các lộ phủ, châu huyện chia đất cho họ ở. Người ở Châu nào thì thích hai chữ tên Châu ấy vào hai cánh tay để làm dấu hiệu. Đến năm sau đưa vợ con đi theo, giữa đường bị bão chết đuối nhiều, dân phần nhiều va thán. Hán Thương mộ dân nộp trâu để cấp cho dân mới dời đến Thăng Hoa, người nộp được ban tước”^(A54:207) ..

Trong lúc này ở phía Bắc vua Thái Tổ nhà Minh mất, Thành Tổ lên ngôi đang âm mưu xâm lược nước ta. Đứng ra nhà Hồ cần phải tập trung xây dựng lực lượng chuẩn bị chống xâm lược Minh, giữ giao hoà với Chiêm Thành ở phương nam như trước đây nhà Trần chống quân xâm lược Nguyên Mông thì Hồ Quý Ly lại mở rộng chiến tranh xâm lược nhằm thôn tính Chiêm thành.

Để chuẩn bị cho cuộc chiến tranh này Hồ Hán Thương đã tăng cường xây dựng quân đội “chọn trang đinh, người nghèo sang làm quân trợ dịch, sau lại đổi thành quân bồi vệ, chia làm hàng tả, hàng hữu, dùng tên cầm thú để đặt quân hiệu (như kiểu phượng hoàng, kỳ lân...) lấy quan văn, quan võ, người tôn thất cai quản”^(A54:207). Hồ Hán Thương còn cho đào Liên Cảng (Lệ Thủy - Quảng Bình ngày nay) đến địa giới Thuận Hoá nhưng do cát dùn lấp nên không khai thông được, sửa chữa, đắp lại cửa Eo (Thuận an, Thừa Thiên - Huế ngày nay).

Việc mở đường Thiên Lý, cũng như việc đào kênh Sen để thông đường thuỷ (trong nội bộ, ngoài đường biển) là một việc làm hết sức táo bạo, không những vì sự cần thiết về quân sự mà còn về một nền kinh tế hàng hoá mà thời nhà Hồ đã bắt đầu hình thành và bắt đầu phát triển

Năm Quý Mùi (1403) Hồ Hán Thương bắt đầu cuộc tiến đánh Chiêm thành. Dự định của nhà Hồ là chiếm một phần đất còn lại của Chiêm Thành là Bản Đạt Lang, Hắc Bạch và Sa li Nha biến thành châu huyện của Đại Việt. Hồ Hán Thương huy động đội quân thuỷ bộ gồm 20 vạn người đặt dưới sự chỉ huy của tiết chế Phạm Nguyên Khôi. Quân Hồ vào đánh Chiêm Thành vây hãm kinh đô Chà Bản nhưng hết lương ăn phải rút quân về nước. Trong cuộc tiến binh này nhà Hồ không đạt được mục tiêu gì lại phải hao binh tổn tướng.

Năm 1406, nhà Minh sang đánh. Hồ Hán Sương sai Hoàng Hối Khanh cùng với Đặng Tất và Phạm Thế Căng cùng cai quản 4 châu mới nhập vào bản đồ. Nhưng đến khi họ Hồ thua chạy vào Nghệ Tĩnh, đưa sắc thư vào cho Hối Khanh đưa quân ra cứu viện, Hối Khanh lờ đi. Người Chiêm Thành nhân họ Hồ thất trận, chiếm lại đất cũ Chiêm Động, Cổ Luỹ của họ. Hối Khanh và Đặng Tất cùng chạy ra Hoá Châu.

Trần thủ Thuận Hoá cự lại, không cho vào thành. Đặng Tất đánh thành, giết chết trần thủ, làm thủ thành trì.

Quân Minh tiến vào Tân Bình Thuận Hoá. Hối Khanh bị tướng nhà Minh là Trương Phụ bắt đem về Trung Quốc, đi đến Cửa Hội (Nghệ An) thì tự vẫn chết. Phạm Thế Căng và Đặng Tất đầu hàng Trương Phụ, Phụ cho Tất làm tri phủ Hoá Châu và Tăng làm tri phủ Tân Bình.

Trong khi tập trung lực lượng cho cuộc chiến tranh ở phía Nam thì phía Bắc nhà Minh đang chuẩn bị cuộc chiến tranh xâm lược nước ta. Năm Bính Tuất (1406) quân Minh bắt đầu tiến vào biên giới nước ta, nhà Hồ chống đỡ với quân xâm lược chỉ được nửa năm. Đất nước sau hơn năm thế kỷ giành và giữ nền độc lập, đã từng chiến thắng nhiều đạo quân xâm lược hùng mạnh phương Bắc, nay lại bị nước ngoài đô hộ nhân dân ta lại phải nô lệ cho triều đại phong kiến nhà Minh.

Hồ Hán Thương đem đại quân đi đánh Chiêm Thành, vua Chiêm cự không nổi, phải xin dâng đất Chiêm Động, Cổ Luỹ để quân Hồ rút lui. Hồ Quý Ly chia đất mới này thành 4 châu Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa (Quảng Nam, Bắc Quảng Ngãi bây giờ), cất đặt quan cai trị và mộ dân đến ở. Nhà Hồ hạ lệnh cho các tỉnh Thanh Nghệ và Bắc Bộ đưa người vào Thăng Hoa Tư Nghĩa làm ăn, mua trâu bò cấp cho người đi di dân vào miền đất mới, người nào bán trâu bò cho nhà vua, được phong chức tước

Vùng Tân Bình Thuận Hoá đến đây có 4 châu mới che chở cho phần phía nam càng thêm thế ổn định, an cư lạc nghiệp.

Đến lúc Giản Định Đế khởi binh đánh lại quân Minh (26) đang ẩn náu ở Nghệ An, Đặng Tất liền giết quan quân của nhà Minh, đem quân bản bộ ra Nghệ An theo Giản Định Đế, được phân làm quốc công, lo toan khôi phục nhà Trần.

Tháng 6 năm 1407, Giản Định Đế nghe lời Đặng Tất rút vào Tân Bình Thuận Hoá gây dựng cơ sở. Phạm Thế Căng, trung thành với nhà Minh, không chịu về với Đặng Tất và Giản Định Đế, đón đánh Đặng Tất ở cửa biển Nhật Lệ. Đặng Tất đánh tan quân Phạm Thế Căng, và đuổi đến núi An Đại thì bắt được đem giết.

Tháng chạp năm 1408, Đặng Tất hội tập cả các quân ở hạt Tân Bình Thuận Hoá lại, phối hợp với quân các bộ Nghệ An, Diễn Châu, Thanh Hoá, tiến đánh Đông Đô, và chiến thắng quân Minh do Mộc Thạch chỉ huy ở tại Bồ Cô (Nam Định), thanh thế lừng lẫy.

Trong trận này, vua Giản Định tự đánh trống thúc quân, tướng sĩ hết lòng xung trận, chém được tướng giặc là Lưu Nghi và thượng thư Lưu Tuấn còn Mộc Thạch một mình chạy thoát, về thành Cổ Luỹ cố thủ. (Thành nhà Minh ở huyện Ý Yên, nay thuộc Hà Nam Ninh).

Nhân đà thắng lợi, vua Giản Định muốn thừa thắng xông lên đánh lấy Đông Đô, nhưng Đặng Tất nhận thấy quân mình chưa đủ sức như vậy, muốn đợi thêm quân các bộ về sẽ đánh. Thế là Vua Giản Định nghe lời gièm pha, bắt giết Đặng Tất và tham mưu Nguyễn Cảnh Chân.

Lòng người tan rã !

Con Đặng Tất là Đặng Dung và em Nguyễn Cảnh Chân là Cảnh Dị, rủ nhau đem quân bản bộ vào Thanh Hoá tìm Trần Quý Khoách (còn gọi là Trần Quý Khoáng) rước vào Hà Tĩnh tôn lên làm vua, đặt niên hiệu là Trần Trung Quang, lại tiếp tục lo việc khôi phục đất nước.

Nhân việc nhà Minh tiến đánh nước ta, quan quân nhà Hồ thất bại thảm hại. Người Chiêm Thành đem quân ra lấy lại vùng đất vừa mất. Quân Chiêm giết chết thượng hâu huyện Cổ Luỹ là Chế Ma Nô. Lúc này Hoàng Hối Khanh là thái thú Thăng hoa kiêm tiết chế Trấn Ninh phải chạy về Hoá Châu. Chiêm thành lấy lại đất Thăng hoa rồi sang cướp phá thành Hoá Châu.

Trong những năm các vua hậu Trần đánh nhau với nhà Minh, quân dân Tân Bình Thuận Hoá đã góp sức rất nhiều. Trương Phụ phải hết sức lực vào Hoá Châu mới dẹp yên. Phụ thường thề: "Ta sống nhờ Châu Hoá, chết cũng vì Châu Hoá. Không dẹp được Hoá Châu, ta còn mặt mũi nào trông thấy chúa ta nữa"

Trùng Quang Đế, Đặng Dung, Cảnh Dị, bị Trương Phụ bắt đem về Trung Quốc, giữa đường đều tuần tiết, không để cho Phụ hành hạ.

Sau khi bắt được Trần Trung Quang, Trương Phụ vào thành Tân Bình Thuận Hoá làm sổ biên dân đinh, đặt phép cai trị, bỏ lạm thuế khoá, vơ vét tiền của, dân tình rất khốn khổ. Tháng 8 năm Giáp Ngọ (1414) Trương Phụ, Mộc Thạnh rút quân về bắt theo nhiều đàn bà con gái Tân Bình Thuận Hoá mang về Tàu.

4. CUỘC ĐẤU TRANH BẢO VỆ BIÊN CƯƠNG

VÀ MỞ RỘNG LÃNH THỔ DƯỚI THỜI NHÀ LÊ

Khởi nghĩa Lam Sơn thắng lợi mở ra một trang sử mới trong sự phát triển của chế độ phong kiến Việt Nam. Với thắng lợi của cuộc kháng chiến, nền độc lập dân tộc được khôi phục và giữ vững, nạn xâm lược của các thế lực phong kiến phương Bắc hoàn toàn bị đánh bại. Tình hình đó đã tạo ra những điều kiện thuận lợi để củng cố nền độc lập và đẩy mạnh công cuộc xây dựng đất nước.

Lê Lợi dẹp yên quân Minh, trong nước yên ổn, lên ngôi Hoàng đế, niên hiệu là Thuận Thiên, quốc hiệu vẫn giữ là Đại Việt. Ngay sau khi lên ngôi, (1428), Thuận Thiên năm đầu, vua Thái Tổ đã nhìn thấy Tân Bình Thuận Hoá là một trọng trấn nên đã chọn trong các danh tướng đã từng có công đánh dẹp giặc Minh vào làm chức trấn thủ, như Lê Khôi, Lê Thuyết, đặc biệt là Hoá Châu được vua Thái Tổ quan tâm, đặt ra lộ tổng quản và lộ tri phủ.

Vua Lê Thái Tông lên ngôi, người Chiêm Thành cướp Hoá Châu, chiến thuyền của họ đánh ra tận cửa Việt. Cũng như Lê Thái Tổ, Lê Thái Tông xem Tân Bình, Thuận Hoá là quan trọng, nhất là Hoá Châu lại càng quan trọng, nên phái trọng thần là Tư Mã Lê Liệt thống suất các đạo quân Nghệ An, Tân Bình, Thuận Hoá đánh dẹp, lại sai Tổng quản Lê Thuyết đem các đội quân Tân Bình Thuận Hoá (trước đã theo vua Thái Tổ đánh Minh) về theo, cùng hợp lực đánh dẹp. Quân Chiêm Thành phải lui và sai sứ sang cầu hoà.

Ở phía Nam, trước những cuộc quấy phá của quân Chiêm Thành để bảo vệ chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ của đất nước nhà Lê đã tiến hành nhiều cuộc chiến tranh bảo vệ biên cương, đồng thời, để ngăn chặn nguy cơ lâu dài đã tiến đánh Chiêm thành mở rộng lãnh thổ đất nước xuống phía Nam.

Năm 1425, Lê Lợi sang Tư Đồ Trần Nguyên Hãn và thượng tướng Lê Nổ đem 1000 quân và một thớt voi vào đánh lấy Tân Bình, Thuận Hoá.

Nguyên Hãn đến sông Gianh gặp tướng Minh là Nhâm Năng bèn chia quân mai phục ở Khương Hà (còn gọi là Hà Khương), tướng Minh xua quân chặn đánh, Nguyên Hãn giả thua chạy, nhử quân Minh vào ổ phục binh, quay lại giáp chiến. Quân Minh tan vỡ. Nhân lúc đó, đại tướng Lê Ngân đem 700 chiến thuyền từ Nghệ An, vượt biển tiến vào vịnh vào, liên trợ chiến. Trần Nguyên Hãn cùng Lê Ngân đem cả thủy bộ tiến lên hạ luôn hai thành Tân Bình, Thuận Hoá.

Ổn định tình hình nhân dân hai xứ xong, vẫn đặt hai lộ Tân Bình Thuận Hoá y như đời Trần, đưa những tù binh nhà Minh và ngựa chiến bắt được vào cho ở đất Tân Bình. Bấy giờ tuyển chọn binh lính bổ sung cho quân nhà vua. Hàng mấy vạn thanh niên trai tráng nô nức tòng quân theo Bình Định Vương. Từ đấy, binh thế Bình Định Vương ngày càng lớn mạnh. Năm ấy, mùa hạ, dụ tướng Hiệu Quân Dân Tân Bình Thuận Hoá, rằng: "Trước kia Chiêm Thành trái mệnh, lấn bờ cõi ta, ông cha các người đã đem lòng thành quy thuận, lo báo nhà nước, đánh bại quân giặc, lấy lại đất đai, tiếng thơm, công cả, sử sách còn ghi. Ngày nay người Minh bất đạo, trên trái lòng trời, lạm dụng vũ lực, cốt mở đất đai, khiến nhân dân phải lâm than hơn hai chục năm rồi. Phàm các kinh lộ của ta chưa thấy có ai phoir lòng ra sức để dựng chiến công, thế mà các người là bề tôi nơi phên giậu lại biết nhớ công sức của cha ông trước, hết lòng trung vua, lập chiến công, trung thành như thế thật đáng khen.

Năm Giáp Dần (1434), Lê Thái Tổ (Lê Lợi) mất Lê Thái Tông vừa mới lên ngôi, người Chiêm Thành tưởng rằng nước ta có biến, nhân cơ hội đó kéo ra Hoá Châu, bắt người và cho quân tiến sát biên giới dò la tin tức chuẩn bị cho cuộc tiến quân vào Đại Việt. Chúa Chiêm Thành là Bồ Đề cho thuyền tiến vào Cửa Việt (Quảng Trị) bị quân và dân địa phương ở đây đánh đuổi. Được tin, vua Lê Thái Tông sai Lê Liệt tổng đốc các quân ở Tân Bình, Nghệ An và Thuận Hoá đến Tân Bình và Thuận Hoá tuần xét, lại sai thiếu uý Lê Khôi, tổng quản Lê Chuyết cùng đem quân Tân Bình và Thuận Hoá đi theo. Đến nơi thì quân Chiêm thành đã rút.

Năm Giáp Tý (1444), vua Chiêm thành là Bí Cai lại một lần nữa đưa quân tiến đánh thành Hoá Châu, cướp bóc của cải và dân chúng. Vua Lê Nhân Tông sai quân Nhập nội kiểm hiệu thái bảo là Lê Khôi và tổng quản Lê Khả đem 10 vạn quân đi đánh. Về hai vị trấn thủ Lê Thuyết, Lê Khôi, sách Phủ Biên Tạp Lục của Lê Quý Đôn chép:

"Trong năm Thiệu Bình, Thuyết trấn thủ Tân Bình, Thuận Hoá. Đất ấy tiếp liền Chiêm Thành mà phòng giữ chênh mảng, thành lũy đồ lờ. Thuyết mới xuống xe liền chỉnh đốn khí giới, đắp thành đào hào, luyện tập sĩ tốt, tích trữ lương thực dồi dào, thả sai gián điệp, xếp đặt công việc Chiêm Thành đến đánh, Thuyết vượt ra ngoài thành đốc thúc tướng sĩ, tự mình đi trước sĩ tốt (xông vào trận đánh địch) giặc tan vỡ, đuổi theo, bắt được đại tướng của giặc" Năm Bính Dần, mùa xuân, vua phát quân đi đánh Chiêm, Thuyết làm tiên phong, đánh giặc ở các xứ Thăng Hoa Tư Nghĩa, cùng chư tướng bàn kế hoạch, dụ được vương tôn (Chiêm) là Tả Bi Lai, vào thẳng thành Thà Bàn bắt được, Bi Lai (vua Chiêm)"

Năm Thuận Thiên thứ 3, vua thấy đất cũ (Hoá Châu và Tân Bình) giáp với Chiêm Thành cần có trọng thần trấn thủ, nên sai Lê Khôi làm tổng quản trấn đất ấy. Ông đến nơi, chiêu tập dân phiêu bạt, khuyến cấy ruộng trồng dâu, luyện tập sĩ tốt, giữ vững bờ cõi, chính (sự) nghiêm mà hoà, dân rất yêu kính Người Chiêm sợ uy lai mộ nghĩa, trả lại nhân khẩu đã bắt được"

Năm Ất Sửu (1445) quân Chiêm Thành lại đến cướp thành An Dung của Hoá Châu. Vua sai Lê Thận và Lê Xí đi đánh Chiêm thành.

Trước tình hình quấy phá liên tục của Chiêm thành ở các châu phủ phía Nam, để bảo vệ biên cương và toàn vẹn lãnh thổ của mình Lê Nhân Tông quyết định tiến đánh Chiêm thành vào mùa xuân năm Bính Dần (1446).

Về sự kiện này sách Đại Việt sử ký toàn thư chép: “., Năm Thái hoà thứ tư (Bính Dần -1446), mùa xuân, tháng giêng, đúng kỳ hội quân lớn, chọn người khoẻ mạnh đi đánh Chiêm thành”^(A54:356) Để chuẩn bị cho cuộc tiến quân này triều đình đã cho dân phu vận chuyển lương thực tới chứa ở huyện Hà Hoa (Hà Tĩnh). Vua Trần Nhân Tông đã huy động 60 vạn quan đặt dưới sự chỉ huy của Lê Thụ, Lê Khả và Lê Khắc cùng tiến đánh Chiêm Thành.

Đạo quân do đốc Lê Thụ đến vùng Lý Giang, Đa Lang, Cổ Lũy (vùng Quảng Nam, Quảng Ngãi ngày nay) đã đắp thành lũy, mở thông đường thuỷ phá tan quân Chiêm thừa thắng đánh thẳng đến cửa biển Thi Nai (Quy Nhơn - Bình Định). Ngày 25-4 các đạo quân của Lê Thụ tiến công thành Chà Bàn (ViJaya) kinh đô của Chiêm Thành, phá tan quân giặc, bắt được vua Chiêm là Bí Cai cùng nhiều quân tướng, thu nhiều ngựa voi và vũ khí rồi đem quân về nước.

Sau khi đánh tan quân Chiêm tại kinh đô Chà Bàn, bắt sống Bí Cái, nhà Lê chỉ giữ vua Chiêm và ba phi tần ở kinh sư Thăng Long, cho các hàng tướng và tù binh trở về nước. Chiêm thành dâng biểu xưng thần, lập Bí Lai làm vua.

Việc đánh Chiêm Thành năm Bính Dần của Lê Nhân Tông là do “Bí Cái nhiều lần đốc quân cả nước vào cướp cho nên sai đánh” Trong cuộc tiến binh này không có mục đích xâm lược, giành dân, lấn đất. Để giữ mối hoà hiếu hai nước Lê Nhân Tông đã có quyết sách đúng, thả tù hàng binh, cho lập vua Chiêm mới, để cho Chiêm thành giữ đất Chiêm Động và Cổ Lũy thần thuộc chứ không đòi lại hai vùng đất ấy.

Chính sách giữ mối hoà hiếu giữa hai nước Chiêm Thành và Đại Việt của Lê Nhân Tông đã tạo điều kiện giữ vững ổn định chính trị, tập trung cho việc xây dựng và kiến thiết đất nước.

Đến đời Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ bảy (1466) Bính Tuất, tháng 2, Ty Tuyên chính Sứ các đạo, chia cả nước thành 12 đại thừa Tuyên là: Thanh Hoá, Nghệ An, Thuận Hoá, Thiên Trường, Nam Sách, Quốc Oai, Bắc Giang, Yên Bang, Hương Hoá, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Lạng Sơn và Trung Đô Phủ: đổi lộ làm phủ, đổi trấn làm châu, lấy Nguyễn Thời Đạt làm tuyên chính sứ Thuận Hoá.

Từ đây, về mặt hành chánh, Tân Bình nhập vào xứ Thuận Hoá, và năm thứ 10 niên hiệu Quang Thuận (1469) Kỷ Sửu, định bản đồ toàn quốc, xứ Thuận Hoá gồm hai phủ 7 huyện 4 châu.

" Xét theo Thiên Nam Sử Hạ tập của bản triều có chép rằng trong đời Hồng Đức định bản đồ, Thuận Hoá Thừa Tuyên Sứ Ty, quản 2 phủ 8 huyện 4 châu.

Phủ Tân Bình: 2 huyện 4 châu là: Huyện Khang Lộc 4 Tổng, 80 xã 7 thôn 44 trang, huyện Lệ Thủy 6 tổng 28 xã, 2 trang; Châu Bố Chính 12 tổng 61 xã, 24 phường 20 trang ; Châu Minh Linh 8 tổng 67 xã

Phủ Triệu Phong: 6 huyện 2 châu là: Huyện Kim Trà 8 tổng 7 xã; Huyện Đan Triều 8 tổng 65 xã; Huyện Hải Lăng 7 tổng, 75 xã; Huyện Tư Vang 6 tổng 52 xã; Huyện Điện Bàn 12 tổng, 95 xã; Huyện Vũ Xương 8 tổng 53 xã; Châu Sa Bôi 10 tổng 63 xã; Châu Thuận Bình 6 tổng 26 xã ||."(31)

Năm Hồng Đức (Lê Thánh Tông) thứ nhất, (1470), tháng 8, người Chiêm Thành đem hơn 10 vạn quân thủy bộ và voi ngựa, đánh Thuận Hoá. Thủ ngự Kinh lý sứ xứ này là Phạm Văn Hiến không chống nổi phải cấp cứu triều đình. Vua Lê Thánh Tông xuống chiếu tự thân làm tướng đi đánh Chiêm Thành giải vây cho Thuận Hoá. Vua sai khảo sát lại núi sông, đường sá Thuận Hoá, vẽ lại bản đồ đo đạc, ghi chú rõ ràng các địa điểm hiểm yếu cùng các sự tích cũ để tiện việc chỉ huy hành quân. Tham nghị thừa chính Thuận Hoá là Đặng Chiêm nhân đó đề nghị cho làm 5 điều;

1. Bố phòng giữ chặt cửa Eo (cửa Thuận An ngày nay) vì cửa Eo hay hở, nếu cần xin lấp hẳn.

2. Dem quân giữ chặt cửa Tư Dung (nay là cửa Tư Hiền) có lẽ hai điều này nhằm giữ Châu Hoá ở mặt thủy, quân Chiêm Thành hay thừa lúc đột nhập.

3. Đào lại kênh Sen ở Tân Bình (đời nhà Hồ đã đào không được)

4. Bỏ lệ thu thuế đầu nguồn

5. Cho chiêu mộ nhân dân đến khai khẩn đất ruộng ở châu Bố Chính.

Vua đồng ý cho.

Tháng 10 tuyển thêm lính, bắt thanh niên (còn gọi là hoàng đinh) từ 15 tuổi còn bổ sung vào quân ngũ, chọn lựa 26 binh sĩ thiện chiến, ban hành 24 điều quân lệnh và cử Thái Sư Đinh Liệt, Thái Bảo Lê Niệm, làm chinh Lỗ tướng quân, lãnh 3 vệ thuỷ quân đông nam bắc đi trước, vua kéo quân bộ đi sau, đến Nghệ An thì hai đội quân gặp nhau.

Tháng giêng 1471, nhà vua tập kết quân ở cửa biển Nhật Lệ, luyện tập thuỷ trận. Trên đường hành quân vua Lê Thánh Tông đã ghé qua ba cửa biển lớn của phủ Tân Bình và đã để lại ba bài thơ tức cảnh còn truyền đến ngày nay:

Bài 1:

Dịch nghĩa

Ở núi Hoành Sơn trông về phía Tây, thấy núi cửa Di Luân
Mù mù bãi cát bằng, liên tiếp với bờ biển
Khói nước ở đầu ghềnh chia đôi trạm dịch
Gió sóng trên sông dựng ra nơi bến dò quan ải.
Ruộng muối như trời Tề rộng lớn đón mời thương khách
Rượu như rượu nước Lỗ không ngon mà vẫn làm say người đi chợ
Muốn tìm gặp cô tiên Ma Cô ngõ lời
Biển Nam nay đã lặng bụi trần

Dịch thơ

Phía tây Hoành Lĩnh, cửa Di Luân
Bãi cát mênh mông tới hải tần
Bầu bãi khói mây kia dịch trạm
Trên sông sóng gió đóng đồn quan
Muốn Tề buôn bán lưu người lạ
Rượu lợ say sưa luyện chợ gần
Muốn gặp Ma Cô mà nhẩn nhủ
Biển Nam nay đã lặng phong trần
Nguyễn Đình Diệm dịch.

Bài 2

Dịch nghĩa

Hải Tấn sông Gianh

Nhĩ ôm bao bọc, biển nước đầy mênh mông xa mời.

Châu Bố Chính từ xưa là miền biên thuỷ xa cách hoang vắng (tiêu
điều)

Nhà cửa trong làng xóm theo dọc sông đều lợp tranh.

Từng đoạn ven sông nơi bờ quan ải tre đứng cao làm cờ

Con gái ưa thắt lưng ong cho là đẹp

Dân nói líu lo, ríu rít như đàn chim quýt (quýt)
 Bạc thánh dân đi giáo hoá đồn miền Nam để về nơi xa
 Không vì ngoài biên cương hiểm trở mà bỏ người dân hải đảo này.

Dịch thơ :

Cửa biển Sông Gianh
 Núi bọc chung quanh biển mật mờ
 Bố Chính ngày trước vẫn hoang sơ.
 Ven sông làng xóm nhà tranh cỏ
 Khuất bến tre pheo dựng cột cờ.
 Gái thất lung ong khoe yếu điệu
 Dân hoà động quách nói líu lo
 Trời Nam đã rười ơn mưa móc
 Chẳng phải xa xôi bỏ cõi bờ.

Nguyễn Đình Diễm dịch.

Bài 3

Dịch nghĩa:

Nhật Lệ hải tấn
 Hiến Khoá lâu thuyền độ vĩ lư
 Phiên phiên chinh bái trú Hà Cừ
 Sa hàn địa lão tà dương ngạn
 Sương lấm phong phi túc thảo khư
 Long ngự cửu truyền tiên Lý tích
 Kinh phong do ký hậu Trần thư
 Chí Kim Thiệu Bá tuần Nam quốc
 Nhật tịch phong cương vạn lý dư.

Dịch thơ:

Bừng sáng thuyền vua tới cửa sông
 Hà Cừ phát phối đóng quân rồng
 Đất cồn cát lạnh tà soi bến
 Sương giá gò hoang gió lạnh lòng
 Vua ngự còn truyền tích sử Lý
 Kinh phong mãi chép truyện thời Trần
 Nay theo Thiệu Bá tuần Nam giới
 Mở rộng biên cương vạn dặm hồng.

Nguyễn Tú dịch.

Sau khi đánh thắng Chiêm Thành, vua lại khuyên dân phiêu tán ở các tỉnh miền Bắc di cư lập ấp ở Bố Chính.

Lê Thánh Tông là một ông vua hết sức chú ý đến việc thuần phong mỹ tục ở cơ sở hạ tầng. Đối chiếu với sử sách, trong 24 điều ban hành cho nhân dân xã, làng, thôn, xóm thời đó, có những còn tìm thấy ở Quảng Bình chúng ta, đã trở thành như phong tục tập quán; thí dụ:

- Cấm những nhà có tang không được bày cuộc ăn uống hát xướng linh đình.

- Việc hôn nhân, cấm không được kéo dài hai, ba, bốn năm mới cho cưới sau khi đã nhận lễ hỏi.

- Trong làng xã, chọn người già cả, cao niên nhất, đạo đức nhất làm trưởng lão để chuyên giảng dạy điều thiện cho nhân dân. (tục lệ này còn thấy ở Văn La, huyện Quảng Ninh)

- Đàn bà lấy chồng phải theo gia phong nhà chồng. Cấm cậy thế cha mẹ mình phú quý hơn mà khinh rẽ nhà chồng. Nếu xảy ra như vậy bố mẹ người con gái phải chịu tội.

- Kẻ buôn bán thì thiệt hơn tùy giá cả thị trường, cấm không được thay đổi, trở tráo thung đấu, đo lường.

Việc giao hoà giữa Chiêm Thành và Đại Việt đã tạo điều kiện cho kinh tế - xã hội vùng Bố Chính Tân Bình phát triển thuận lợi. Tuy nhiên, qun hệ này chỉ giữ được một thời gian. Người Chiêm Thành vẫn âm mưu đòi lại vùng đất đã mất. Năm 1470 Vua Chiêm Thành là Trà Toàn lại thân hành đem 10 vạn quân thuỷ bộ cùng với tướng binh và kỵ binh đánh uy hiếp thành Hoá Châu. Tướng trấn giữ biên thủy ở Hoá Châu là Phạm Văn Hiến đánh không nổi phải cầu cứu triều đình. Trước tình hình đó Lê Thánh Tông phải xuống chiếu đánh Chiêm thành.

Để chuẩn bị cuộc tiến quân này, Triều Lê ra lệnh: “Hạng hoàng đình 12 tuổi đã phải chọn sung quân, đổi thành 15 tuổi trở lên, khai là con trai hạng lớn... Con cháu các viên quan tuổi còn ít nhưng vóc người to lớn mà còn lẩn tránh không chịu ra trình thì bản thân phải sung quân ở bản phủ, người cha thì phải bãi chức^(A54:441)

Sắc dụ Thừa tuyên sứ Thiên tướng rằng: “Đẹp loạn trước hết phải dùng võ, quân mạnh vốn là đủ lương ăn. Lệnh tới nơi, bọn người phải trưng thu đủ quân sắc, lại viên, sinh đồ mỗi người 15 ống gạo, hạng hoàng đình và người già mỗi người 12 ống, bắt người trưng thu phải đổ lên thành gạo chín, không được để chậm ngày giờ đem nộp lên sứ ty. Quan hạt đó dựng làm nhà kho, kiểm nghiệm thu vào rồi làm bản tâu lên, kẻ nào trốn chạy thì xử tội chém đầu^(A54:441).

Trong cuộc tiến quân này, vua Lê Thánh Tông đã huy động 26 vạn lính binh và bản thân nhà vua thân chính cầm quân. Trong chiếu xuất binh

Lê Thánh Tông đã nói rõ lý do của việc tiến quân này “...Thần là kẻ ít tuổi bất tài, vào nối nghiệp lớn, chỉ mong yên dân, giữ nước đầu dám dùng nhằm việc binh. Chỉ vì giặc Chiêm Thành ngu xuẩn nhòm ngó nước ta. Không sợ trời tam bộ cho qua; với nước ta, nó gây thù địch. Trước thì đánh cướp Hoá Châu để hòng chiếm đoạt đất đai, sau lại sang báo nhà Minh, âm mưu diệt hết tông miếu...” Chính vì lẽ đó có cuộc xuất chinh này.

Lê Thánh Tông sai tướng Đinh Liệt và phó tướng Lê Niệm đem 10 vạn thủy binh đi trước, bản thân nhà vua chỉ huy 15 vạn thủy quân tiếp sau. Trên đường tiến quân vua sai Thượng thư Nguyễn Như Đổ tế đền Đinh Tiên Hoàng. Dọc đường, hễ đến đền thờ thần nào đều sai quân tới dâng lễ, để cầu cho quân đi thắng trận. Ngày 3/12 xuất phát từ núi Thiết Sơn (Hưng Nguyên - Nghệ An). Đại quân của Lê Thánh Tông đi qua đất Tân Bình được quân và dân Tân Bình ủng hộ, đem sức người và của ủng hộ quân đội⁽³⁾. Tháng giêng năm Tân Mão (1471) quân Lê Thánh Tông đóng ở Thuận Hoá. Trước khi đại quân tiến vào Chiêm Thành, quân lính phải luyện tập, vua xuống chiếu cho quân ra biển tập thủy chiến. Biết rằng sông núi Chiêm Thành hiểm trở, “có chỗ chưa biết rõ ràng”, vua sai thổ tù Thuận Hoá là Nguyễn Vũ vẽ địa hình thế hiểm của Chiêm Thành dâng lên. Trước khi tiến binh vào đất Chiêm thành, Lê Thánh Tông viết “Bình Chiêm sách” nói 10 lẽ tất thắng và 3 việc đáng lo, sai Nguyễn Thế Mỹ dịch ra quốc ngữ gửi đến cho các đạo quân để cho các tướng sĩ thông hiểu.

Được tin quân Vua Lê tiến đến gần. Ngày mồng năm tháng hai, vua Chiêm và Trà Toàn sai em là Thi Nại cùng 6 viên đại thần đem 5.000 quân và voi tiến đến sát dinh vua, dự định sẽ tập kích vào quân Nhà Lê.

Ngày mồng 6 tháng 2 vua Lê Thánh Tông bí mật sai tướng quân Lê Hy Cát, Hoàng Nhân Thiên và Lê Thế, Trịnh Văn Sái đem hơn 500 chiến thuyền, 3 vạn tinh binh ban đêm vượt biển tiến vào cửa sông Sa Kỳ (Bình Sơn - Quảng Ngãi) dựng lũy, đắp thành để chặn lối về của quân Thi Nại.

Ngày mồng 7 vua Lê thân chinh dẫn hơn 1.000 chiến thuyền và đại binh ra hai cửa biển Tân Ấp (thuộc Tam Kỳ - Quảng Nam) và cửa Cừ Toạ (thuộc Quảng Nam) dựng cờ, đánh trống hò reo tiến quân.

Quân Chiêm thấy đại quân vua Lê biết khó chống được vội tháo chạy về Chà Bàn, đến núi Mộ Nô (phía tây của biển Sa Kỳ) gặp đạo quân của

⁽³⁾ Truyền thuyết kể lại rằng: Khi Lê Thánh Tông đi qua Tân Bình đã huy động dân sở tại đào kênh Sen (Liên Càng) để vận chuyển quân lương thực. Lý trưởng Mai Văn Bản người địa phương đã can ngăn, vì vùng này cát lấp không đào được. Vua giận, chém đầu. Khi trở về qua đoạn kênh ấy thấy đã bị lấp cạn. Đoàn voi chiến cấm ngà xuống đất rống lên không chịu đi. Vua khấn mình oan cho Mai Văn Bản và cho lập miếu thờ Bảo Đài

Lê Hy Cát dẫn đường phục kích đánh tiêu diệt. Trà Toàn nghe tin đội quân của em mình là Thi Nại thua chạy, sợ hãi sai người dâng biểu xin hàng.

Ngày 27 tháng 2 đội quân của Lê Thánh Tông đánh phá thành Thi Nại, ngày 28 tháng 2 vây thành Chà Bàn. Ngày mồng 1 tháng 3 hạ được thành Chà Bàn, bắt sống Trà Toàn và nhiều tù binh. Khi tiến vào thành Chà Bàn vua Lê có chỉ dụ “tất cả kho tàng, của cải trong thành phải niêm phong gìn giữ, không được đốt cháy, Trà Toàn nước Chiêm phải bắt sống đưa về viên môn, không được giết chết^(A54:449)”.

Sau khi Trà toàn bị bắt, tướng Chiêm Thành là Bồ Trí Trà chạy vào Phiên Lung (Phan Rang ngày nay) sai sứ xin hàng và xin được phong vương. Lê Thánh Tông chấp thuận phong cho Bồ Trì Trì làm vua Chiêm Thành trên miền đất từ Đại lãnh trở vào. Nhưng để hạn chế thế lực của Chiêm Thành, phòng ngừa những cuộc tiến công xâm lấn như trước đây, Lê Thánh Tông chia phần đất còn lại của Chiêm Thành làm ba bước là Chiêm Thành, Nam Bàn và Hoa Anh⁽¹⁾.

Đất Đại chiêm (Quảng Nam), Cổ Luỹ (Quảng Ngãi) mới chiếm lại cùng với vùng đất mới là Đồ Bàn từ Hoài Nhơn đến Cù Mông được sát nhập vào bản đồ Đại Việt với tên gọi là Đạo Quảng Nam. Nhà Lê chia đạo Quảng Nam thành 3 phủ 9 huyện, đặt quan cai trị.

Với chiến thắng Ất Mão (1471) Lê Thánh Tông đã dẹp được nguy cơ xâm lấn của người Chiêm thành ở phía nam, cơ bản chấm dứt cuộc chiến tranh giữa Đại Việt và Chiêm thành suốt 400 năm. Biên giới Đại Việt ngày càng được mở rộng về phía nam, uy tín của Lê Thánh Tông và nước Đại Việt được đề cao, các nước láng giềng lo giữ quan hệ bang giao hoà hiếu. Đất nước thái bình, Lê Thánh Tông tập trung cho việc khôi phục và phát triển kinh tế. Dưới triều đại Lê Thánh Tông đất nước thịnh trị. Đây là giai đoạn phát triển cực thịnh của chế độ phong kiến tập quyền của nước ta.

Hơn bốn thế kỷ kể từ khi Bồ Chính và Địa Lý nhập vào Đại Việt (1069) cho đến sự kiện Ất Mão (1471) vùng đất Quảng Bình ngày nay luôn là địa bàn trọng yếu trong các cuộc chiến tranh nhằm bảo vệ biên cương và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Dưới thời nhà Lý, vừa mới nhập vào Đại Việt được mấy năm, nhân dân Bồ Chính, Lâm Bình và Minh Linh đã phải cùng với nhân dân cả nước chống quân xâm lược Tống. Đồng thời phải trực tiếp chiến đấu để bảo vệ vùng đất biên cương phía nam của Tổ quốc ngay những ngày đầu khi mới trở về lãnh thổ Đại Việt. Dưới thời

⁽¹⁾ Theo cương mục thì Nam Bàn là đất thuộc tỉnh Gia Lai, Kon tìn ngày nay, Hoa Anh là vùng đất Phú yên, Khánh Hoà ngày nay.

Trần, nhân dân ta phải tiến hành ba cuộc chiến tranh chống xâm lược Nguyên Mông. Cũng như nhân dân cả nước, nhân dân Tân Bình Bố Chính, đã anh dũng chiến đấu cùng cả nước đánh tan quân xâm lược. Riêng đối với mảnh đất này, đây là con đường tiến công của giặc Nguyên Mông trong cuộc chiến tranh xâm lược lần thứ hai nên mức độ ác liệt hy sinh nặng nề hơn. Hết nạn xâm lược Nguyên Mông là các cuộc chiến tranh giữa Đại Việt và Chiêm Thành diễn ra hết sức khốc liệt, đặc biệt dưới triều đại của Vua Chiêm Chế Bồng Nga. Xứ Tân Bình luôn chịu đựng sự cướp phá của quân Chiêm. Nơi đây, còn là trọng trấn của nhà Trần, cơ sở hậu cứ để quân đội Trần tấn công về phía nam bảo vệ biên cương và lãnh thổ. Dưới thời nhà Lê, mặc dù biên giới Đại Việt đã tiến xuống phía Nam, nhưng những cuộc chiến tranh bảo vệ vùng đất Hoá Châu của nhà Lê bao giờ cũng được tổ chức, huy động lực lượng và xuất phát từ đất Tân Bình. Suốt 400 năm với hàng chục cuộc chiến tranh lớn nhỏ, nhân dân Quảng Bình trong các thời đại Lý, Trần, Lê luôn là người đứng mũi chịu sào, chịu nhiều mất mát hy sinh. Những cư dân Quảng Bình đầu tiên đã đóng góp xứng đáng để bảo vệ lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc, mở rộng cương vực xuống phía nam để tạo nên một dải non sông thống nhất giàu đẹp của Việt Nam ngày nay.

Chương III (VIII)

ĐẤU TRANH XÃ HỘI

Chương III

ĐẤU TRANH XÃ HỘI

1. THỜI KỲ CÁC CHÚA NGUYỄN

Vào những năm đầu của thế kỷ XVI, triều đình nhà Lê, giống như các vương triều trước, sau một thời gian thịnh trị là đến lúc bắt đầu suy nhược. Phong trào nông dân nổi dậy kéo theo nạn cát cứ và tranh chấp giữa các phe phái diễn ra gay gắt.

Ngày 15 tháng 6 năm Đinh Hợi (15-7-1527) Mạc Đăng Dung cướp ngôi nhà Lê, tự xưng làm hoàng đế, lập ra nhà Mạc. Nhà Mạc ra đời, lại không phải là một chính quyền có khả năng giải quyết các mâu thuẫn với giai cấp phong kiến, bởi vì tập đoàn phong kiến do "Mạc Đăng Dung cầm đầu cũng chỉ là một tập đoàn phong kiến quân phiệt vì lợi ích dòng họ mà cướp chính quyền mà thôi"

Hậu quả của cuộc thoán đoạt này gây nên nội chiến và cát cứ kéo dài. Hành động của Mạc Đăng Dung đã bị các phe phái chống đối. Một công thần nhà Lê là Nguyễn Kim chạy sang Lào, tìm được thế lực chống Mạc.

Con vua Lê Chiêu Tông tên là Lê Ninh được tôn lên làm vua gọi là Lê Trang Tông, lấy niên hiệu là Nguyên Hoà (1533), sử chép là nhà Lê Trung Hưng.

Với danh nghĩa phò Lê diệt Mạc, Nguyễn Kim nhanh chóng tập hợp được lực lượng chống Mạc. Tháng 11 năm Canh Tý (1540) Nguyễn Kim làm chủ cả vùng Thanh Nghệ, chống với nhà Mạc, hình thành cục diện Nam Bắc triều.

Năm 1540, trước sự đe dọa của nhà Minh, Mạc Đăng Dung dâng đất 6 động Vĩnh An (Quảng Ninh ngày nay) đầu hàng nhà Minh, làm xúc phạm đến ý thức độc lập dân tộc và đang dự của tổ quốc, càng gây thêm sự phản đối trong nhân dân.

Năm 1541, Mạc Đăng Dung mất.

Năm 1543, Nguyễn Kim đánh Thanh Hoá, chiếm giữ Tây Đô, họ quan họ Mạc là

Dương Cháp Nhất làm trấn thủ Thanh Hoá, đầu hàng Nguyễn Kim, được Nguyễn Kim cho cầm quân đi đánh giặc.

Năm 1545, Nguyễn Kim tiến đánh Sơn Nam, đi đến Yên Mô (Ninh Bình) bị Dương Cháp Nhất đánh thuốc độc chết.

Con rể Nguyễn Kim là Trịnh Kiểm lên thay, được vua Lê phong cho làm Thái sư, nắm toàn bộ binh quyền trong tay. Trịnh Kiểm bắt đầu củng cố địa vị, tìm cách hãm hại Nguyễn Uông (có lẽ là muốn trừ bớt thế lực của cánh phía Nguyễn Kim). Năm 1558, Nguyễn Hoàng sợ bị hại, phải tìm cách xin vào trấn thủ Thuận Hoá như một sự chạy trốn.

Theo truyền thuyết, trước khi muốn lánh xa Trịnh Kiểm, Nguyễn Hoàng cho người đến hỏi Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm. Nguyễn Bỉnh Khiêm không đáp chỉ núi non bộ trước sân nhà, ngâm câu thơ: "Hoành Sơn Nhất Đái, Vạn Đại Dung Thân"

(Một dải Hoành Sơn dung thân muôn đời)

Nguyễn Ủ Dĩ (cậu ruột Nguyễn Hoàng) bày mưu cho Nguyễn Hoàng giả vờ điên dại rồi vào cung nói với Ngọc Bảo là chị Nguyễn Hoàng, vợ cả Trịnh Kiểm, xin Trịnh Kiểm cho Nguyễn Hoàng đi Thuận Hoá. Trịnh Kiểm, trong lòng đã mưu toan gạt bỏ Nguyễn Hoàng, ngoài mặt giả cách chối từ, tỏ ra như vậy thì uống tài năng của Nguyễn Hoàng, cân bố trí lại địa vị cao sang hơn. Trong thực chất, Trịnh Kiểm nhận định rằng "Thuận Hoá hiện đang nằm trong tay họ Mạc. Triều Lê Trung Hưng chưa nắm được, Trịnh Kiểm đang lo thế lực nhà Mạc lớn lên ở đây thì Trịnh Kiểm và nhà Lê có thể bị nhà Mạc đánh cả hai mặt Bắc Nam. Cho Nguyễn Hoàng vào đó, trước hết là mượn tay nhà Mạc giết chết Nguyễn Hoàng thay mình; nhược bằng Nguyễn Hoàng không bị Mạc đánh bại thì Nguyễn Hoàng sẽ đánh bại Mạc ở Thuận Hoá, hoặc ít nhất cũng làm suy yếu thế lực họ Mạc ở đó, loại trừ nguy cơ bị Mạc đánh ngược từ phương Nam lên. Trường hợp khác, nếu Nguyễn Hoàng và họ Mạc cân sức nhau mà đối địch với nhau lâu ngày sẽ phát sinh ra cục diện: đục bạng tương tri ngư ông đắc lợi (con cò con trai cắn nhau, ông câu cá được lợi). Mặt khác, phái Nguyễn Hoàng vào Thuận Hoá là đặt trước mặt họ Mạc ở Đông Kinh thêm một đối thủ đáng phải lo nghĩ, nếu không muốn nói là đáng sợ, họ Mạc nhất định phải chia quân gìn giữ Thuận Hoá.

Do đó, Trịnh Kiểm vào tâu vua Lê: "Thuận Hoá là đất quan trọng, binh, tài, vật lực do đó mà ra hồi quốc sơ, nhờ đó mà dựng nên đại nghiệp. Nay lòng dân còn chưa yên, nhiều người vượt biển vào theo họ Mạc, sợ hoặc dẫn giặc về cướp, nếu không có tướng giỏi trấn giữ, võ về thì không xong, Đoan Quận Công (tức Nguyễn Hoàng) là con nhà tướng, có tài trí mưu lược, có thể sai vào trấn ở đấy để cùng tướng giữ Quảng Nam làm thế ỷ dốc thì mới khỏi lo đến miền Nam"^(A355:137) Vua y cho, từ đó bên cục diện Nam Bắc triều lại hình thành thêm cục diện đang Trong đang Ngoài.

Ngày hôm ấy, Nguyễn Hoàng đem một ngàn quân thủy, theo đường biển tiến vào cửa Yên Việt (nay là Cửa Việt-Quảng Trị) đóng quân trên bãi cát nổi, thuộc Ái Tử, huyện Vũ Xương Đi theo Nguyễn Hoàng còn có nhiều người đồng hương với ông, nhiều quan quân hai trấn Thanh Hoá, Nghệ An cũng đem gia quyến theo vào. Khi Nguyễn Hoàng mới ghé bến Ái Tử, dân sở tại đem dâng 7 vò nước lã. Nguyễn Ứ Dĩ (cậu (anh mẹ) và là người mưu sĩ của Nguyễn Hoàng) nói với Nguyễn Hoàng rằng: "ấy là điềm trời cho nước đó" (A355:138).

Do sự kiện này mà Ái Tử còn có tên là Ái Thủy. Lúc ấy ở xã Hoành Phố, huyện Khang Lộc (nay là huyện Quảng Ninh) có cai tổng tên là Mỹ Lương và hai anh em là Văn Lan và Nghĩa Sơn được Trịnh Tùng mật giao cho việc đánh úp tiêu diệt Nguyễn Hoàng để trừ hậu hoạn, công thành sẽ được trọng thưởng. Mỹ Lương chia quân hai mặt tập kích vào trại Ái Tử. Nhưng Nguyễn Hoàng biết mưu ấy đánh tan các đội quân của Mỹ Lương. Mỹ Lương bị chém tại trận, Nghĩa Sơn bị bắn chết, Văn Lang trốn chạy về Trịnh.

Nhân dân Thuận Hoá thời bấy giờ gồm nhiều thành phần rất phức tạp, người theo Mạc, người theo Lê, người đi đày thời Lê, người theo họ Trịnh, người Chiêm Thành, còn loại còn muốn mưu đồ nước cũ không đơn giản thuần túy. Nguyễn Hoàng phải có sức thu hút họ, khai hoá họ, không phải dễ. Đại Nam thực lục tiền biên đã chép:

"Chúa võ về quân dân, thu dùng hào kiệt, nhẹ sưu thuế, dân chúng vui phục, thường gọi là chúa Tiên", còn Lê Quý Đôn, trong sách Phủ Biên Tạp Lục thì chép: "Nguyễn Hoàng là người có uy lực, xét kỹ, nghiêm minh, không ai dám lừa dối... trong cõi đều an cư lạc nghiệp... hàng năm đều nạp thuế để giúp việc quân, việc nước, triều đình cũng được nhờ. Năm Quang Hưng năm thứ 5 (1592) Thánh Tổ Triết Vương Trịnh Tùng lấy lại được kinh thành Thăng Long, Nguyễn Hoàng thân vào châu, đem sổ sách binh lương, của cải, vàng bạc, châu báu, kho tàng hai xứ dâng nộp. Vua khen ngợi, lưu lại làm Thái úy, sai đi đánh giặc ở Sơn Nam Hà Dương... đủ thấy lúc đầu, Nguyễn Hoàng vẫn thần phục nhà Lê, giữ mình dung thân, Nguyễn Hoàng ở Bắc 8 năm liền, lập được nhiều chiến công... sau mới về Thuận Hoá..." (A158:50-52)

Như vậy, lúc đầu tâm địa của Nguyễn Hoàng chưa có ý đồ chống Trịnh, cát cứ nhất phương. Chỉ sau khi ra Bắc 8 năm rồi tìm cách trốn vào lại Thuận Hoá mới có lòng chống Trịnh.

Năm 1613, trước khi chết Nguyễn Hoàng dặn con là Nguyễn Phúc Nguyên rằng: "Đất Thuận Quảng, phía Bắc có núi Hoàng Sơn, sông Linh Giang, phía Nam có núi ải Vân và núi Thạch Bi, thực là một nơi trời để cho người anh hùng dựng võ. Vậy ta phải thương yêu nhân dân, luyện tập quân sĩ mà gây cơ nghiệp muôn đời.

(Tương truyền rằng vua Lê Thánh Tông đánh Chiêm Thành, mở đất đến biên giới hai tỉnh Phú Yên, Khánh Hòa ngày nay, sai đục đá ở đỉnh núi cao nhất trên bờ biển ở đây để dựng bia phân địa giới đất của ta và của Chiêm Thành, núi ấy sau này gọi là Núi Thạch Bi. Bia khắc những dòng chữ như sau:

Chiêm Thành quá thử, binh bại quốc vong!

An Nam quá thử, tướng tru binh chiết!

Nghĩa là: Chiêm Thành qua đây, quân thua nước mất.

An Nam qua đây, tướng chết quân tan.)

Tư tưởng Nguyễn Hoàng "Hoành Sơn nhất dái" không chỉ là một hòn núi Hoành Sơn mà "nhất dái" ở đây thể hiện cả một dải mệnh mông phía trong Hoành Sơn mà Thạch Bi Sơn chỉ mới là một cột mốc mà thôi.

Riêng đối với Quảng Bình. Nguyễn Hoàng là người đầu tiên đặt tên tuổi cho tỉnh Quảng Bình:

"Năm Hồng Định thứ 5 (1604) cải đặt và đổi tên các khu vực hành chính hai xứ Thuận Quảng, lấy huyện Điện Bàn thuộc phủ Triệu Phong đặt làm phủ Điện Bàn quản 5 huyện, lệ thuộc vào xứ Quảng nam. Đổi phủ Tiên Bình làm phủ Quảng Bình^(A54:360), đến năm Kỷ Dậu (1609) dựng chùa Kính Thiên ở Thuận Trạch, đời Minh Mạng đổi tên chùa làm Hoàng Phúc Tự.

Như vậy *danh xưng "Quảng Bình"* lần đầu tiên xuất hiện vào năm 1604 và danh xưng đó theo suốt tiến trình lịch sử Quảng Bình cho đến ngày nay.

(Nhiều ý kiến cho rằng mốc lịch sử này có thể được coi là mốc ra đời của tỉnh Quảng Bình vì đây là lần đầu tiên trong lịch sử, vùng đất này được chính thức gọi tên là "**Quảng Bình**")

Nguyễn Phúc Nguyên lên nối nghiệp, tuân theo di huấn của cha, ra sức vỗ nuôi tướng tá, chăm lo phòng thủ, đặt quan ải, sửa đắp thành trì, dưỡng sức dân, trong ngoài mền phục, quân chúng đặt cho cái tên Chúa Phật (còn gọi là chúa Sãi, hay Sãi Vương). Biết chiến tranh với họ Trịnh là không thể tránh, Nguyễn Phúc Nguyên dời dinh đến xã Phúc Yên, Bắc Vọng, huyện Quảng Điền (nay thuộc tỉnh Thừa Thiên). ý chí muốn tự cường nhưng lực lượng còn yếu, ngày đêm chiêu hiền đãi sĩ, cầu mong người tài ra giúp đỡ.

Năm 1620, em Nguyễn Phúc Nguyên là Chương Cơ Hiệp và Chương Cơ Trạch (còn gọi là quận Văn, quận Hữu) con thứ 7 và 8 của chúa Tiên (Nguyễn Hoàng) mưu cướp quyền Nguyễn Phúc Nguyên, gửi mật thư ra chúa Trịnh, xin quan quân vào đánh, họ sẽ làm nội ứng, hẹn việc thành thì xin được cai quản Thuận Quảng thay anh. Chúa Trịnh bèn sai Đặng Quận Công Nguyễn Khải làm đô đốc thống lĩnh 5000 quân vào đóng ở cửa Nhật Lệ, chờ sự nổi dậy của Hiệp và Trạch, sẽ tiến vào phối hợp. Trước sự xâm nhập của Trịnh, Nguyễn Phúc Nguyên hội tướng sĩ bàn việc chống cự. Lúc đó có Nguyễn Phúc Tuyên (cháu đích tôn của Nguyễn Hoàng, con Quận Công Hà đang ở con tin với vua Lê) là người có tài, bọn Hiệp và Trạch sợ khó hành động bèn xui chúa Sãi: "Phúc Tuyên trí dũng hơn người, nên sai đi ra Nhật Lệ phá Trịnh" Tuyên biết âm mưu làm phản của Hiệp và Trạch, tâu với chúa rằng: "Nếu thân đi sợ có nội biến" Phúc Nguyên hiểu ý liền sai Nguyễn Phước Vệ đem quân ra Nhật Lệ chống cự Nguyễn Khải. Hiệp và Trạch thấy không thể lật đổ nổi, bèn đem quân chiếm giữ các kho tàng ở Ái Tử. Chúa Sãi sai Nguyễn Phúc Tuyên tiến đánh, bắt được Hiệp và Trạch, Chúa nghĩ tình ruột thịt, không giết, chỉ hạ ngục. Nguyễn Khải ở Nhật Lệ nghe tin Hiệp và Trạch bị thất bại, lại bị Phúc Vệ chống cự, liệu không thể làm được gì, bèn rút quân ^(A54:360). Từ đó, Phúc Nguyên càng lo đề phòng chúa Trịnh, ý thức chống đối càng nhân bội.

Trận đánh 1620 của quân Trịnh vào Nhật Lệ tuy không phải là một trận lớn, mặc dầu quân Nguyễn chỉ cầm cự, chống đỡ, mà quân Trịnh cũng chưa tổ chức tấn công mãnh liệt, nhưng có thể ghi nhận được đây là sự đụng độ bằng quân sự đầu tiên trong mối bất hoà giữa hai họ Trịnh - Nguyễn. Ngày nay, tính các trận đánh trong cuộc chiến tranh Trịnh-Nguyễn, có thể tính trận năm 1620 là trận thứ nhất, cũng như tính về thời gian giao tranh giữa hai bên thì cũng có thể lấy năm 1620 này làm mốc cho năm đầu, đồng thời tính về không gian thì Nhật Lệ, trước sau vẫn là chiến trường chính.

Năm Vĩnh Tộ thứ 6 (1624) Thanh Đô Vương Trịnh Tráng sai công bộ Thượng Thư Nguyễn Duy Thì vào Thuận Quảng đòi thuế đất. Chúa Nguyễn Phúc Nguyên không nạp. Tháng 8 năm 1626, Trịnh Tráng lại sai Nguyễn Hữu Bồn mang sắc dụ vua Lê vào đòi thuế lần nữa. Nguyễn Phúc Nguyên lại khước từ. Thế là đủ lý do cho chúa Trịnh cất quân đánh chúa Nguyễn lần thứ hai vào tháng giêng năm Đinh Mão đời Vĩnh Tộ thứ 9 (1627). Tháng 2 năm đó, quân Trịnh có vua Lê Thần Tông đi theo, do chính bản thân Trịnh Tráng chỉ huy tiến vào đóng quân ở cửa biển Nhật Lệ, chia quân lập trại, làm thành thế trận để phối hợp tiến đánh. Quân Nguyễn cố thủ, quân Trịnh đánh mấy lần không thắng được bèn rút về.

Giữa lúc tình hình hai họ Trịnh-Nguyễn căng thẳng như vậy, Nguyễn Phúc Nguyên ngày đêm lo lắng, mưu tìm kế hoạch lâu bền khả dĩ đối phó được với một được đối phương mạnh hơn mình cả thế lẫn lực, cả chính trị lẫn quân sự, thì một sự kiện xảy ra có vai trò vô cùng quan trọng trong lịch sử của Vương triều các chúa Nguyễn, đó là việc xuất hiện của Đào Duy Từ đi vào xứ đàng Trong.

Đào Duy Từ, người xã Hoa Trai, huyện Ngọc Sơn (nay là huyện Tĩnh Gia tỉnh Thanh Hoá), sinh năm 1572, mất năm 1634, thọ 63 tuổi; học rộng, biết nhiều, nhưng vì là con nhà phường hát nên chúa Trịnh không cho đi thi, căm giận chế độ vô lý của họ Trịnh, ông vào Nam tìm chúa Nguyễn mà đương thời được tương truyền là biết trọng hiền, đãi sĩ. Đầu tiên ông làm người chăn trâu cho một phú ông ở xã Tùng Châu, huyện Hoài Nhơn (Bình Định). Phú ông dò biết Đào Duy Từ là người có chí lớn, thường ngâm bài Ngọa Long Cương Phú, liền giới thiệu với ông Trần Đức Hoà là khám lý phủ Hoài Nhơn. Trần Đức Hoà mời Đào Duy Từ tới nhà riêng, đàm luận thời thế, chính trị, văn chương, không gì Đào Duy Từ không thông thạo. Trần Đức Hoà giữ ông lại và gả con gái cho.

Năm Đinh Mão(1627), nhân chúa Nguyễn đánh thắng chúa Trịnh ở Nhật Lệ, Trần Đức Hoà từ Bình Định ra Phú Xuân chúc mừng, đưa bài Ngọa Long Cương cho Nguyễn Phúc Nguyên xem, và nói: "Bài này do thầy đồ nhà tôi là Đào Duy Từ làm" Đọc bài thơ, chúa Nguyễn Phúc Nguyên nhận định Đào Duy Từ như là nhân vật Khổng Minh , Tử Phòng trong lịch sử Trung Hoa, liền mời tới gặp. Đào Duy Từ cùng Nguyễn Phúc Nguyên cao đàm hùng biện, tỏ ra là một nhà chiến lược có thể đáp ứng được ước muốn của chúa Nguyễn hằng chờ đợi, tìm kiếm. Chúa Nguyễn vừa mừng vừa tiếc: "Sao nhà ngươi đến với ta muộn thế?", liền giao Đào Duy Từ trông coi mọi việc quân cơ trong và ngoài cõi, tham lý quốc chính, tước lộc Khê Hầu (Đại Nam Thực Lục Tiền Biên chép: Đức Hoà cùng Duy Từ đến ra mắt Chúa, lúc ấy chúa Nguyễn mặc áo trắng, đứng ở cửa hông để đợi. Duy Từ nhìn thấy, dừng lại (không vào). Chúa Nguyễn (biết ý mình chưa đủ lễ) liền vào thay đổi ỹ phục, áo mao chỉnh tề ra mời vào, Duy Từ mới chịu vào lạy). Từ đó Đào Duy Từ cùng chúa Nguyễn Phúc Nguyên ngày đêm trù tính việc giữ gìn đất để chống lại thế lực của chúa Trịnh. Đào Duy Từ lại tiến cử con rể mình là Nguyễn Hữu Tiến làm tướng và cất nhắc Nguyễn Hữu Dật làm đốc chiến.

Năm 1629, sứ Trịnh mang sắc vua vào đòi chúa Nguyễn ra châu chúa, hỏi ý kiến Đào Duy Từ, Từ tâu: "... nếu ta không nhận ắt họ động binh... mà ta thành trì chưa có, quân sĩ chưa giỏi, địch đến lấy gì mà chống,

chi bằng hãy tạm nhận cho họ khỏi nghỉ, sau sẽ dùng cách trả lại sắc, lúc ấy họ không làm gì được ta nữa..."

Sứ Trịnh về rồi, Phúc Nguyên hỏi Đào Duy Từ: "Tiên Vương ta tài trí như vậy, còn phải đi lại thông hiếu. Nay ta nhỏ mọn, không bằng Tiên Vương, đất đai, binh giáp lại không bằng một phần mười của Đông Đô, nếu không nạp thuế và vào châu thì làm sao yên được?"

Đào Duy Từ thưa:

Tôi nghe: tuy có trí tuệ, không bằng biết thừa thời thế. Với tài mưu kế, anh võ như Tiên Vương không phải không chiếm cứ được... nhưng thời thế lúc ấy bị kiềm chế, nên phải ẩn nhẫn. Nay chúa Thượng chuyên chế một phương... tôi xin hiến một bản đồ, sai quân dân ở hai trấn theo đó đắp một cái lũy dài từ chân núi Trường Dục đến bãi cát Hạc Hải, ấy là nhân hình thế đất đai mà đắp phòng thủ để giữ yên biên giới thì quân địch có tới cũng không làm gì được"... Người xưa có nói: "Không một lần khó nhọc thì không được yên dài, không hao phí tam thời thì không yên ổn mãi mãi..."

Chúa Nguyễn y theo, lũy đắp vài tháng thì xong, lũy này thường gọi là lũy Trường Dục, xây theo kiến trúc chữ "Hồi" cho nên còn gọi là lũy Hồi Văn, ngoài khung thành bao bọc, trong là doanh trại, công sự chiến đấu, kho tàng, bố trí theo chữ "đĩ", liên kết với thành ngoài, dài 2500 trượng linh (khoảng hơn 10km) chân rộng 1 trượng rưỡi (khoảng 6m) cao một trượng (khoảng 4m) được trang bị bằng vũ khí tự tạo của Đào Duy từ.

Lũy Trường dục không phải là một bức thành phòng thủ có tính chất phòng ngự đơn điệu hay biệt lập, mà nó đã liên kết với địa thế chung quanh như đầm lầy Võ xá, đội Lưu đồn hay là Thập Dinh (nay ta thường gọi là dinh Mười) làm nên một thứ trận địa chôn vùi quân Trịnh.

Căn cứ vào vị thế địa lý mà xét thì việc Đào Duy Từ chọn khu vực sông Nhật Lệ để xây thành đắp lũy là xuất phát từ cách nhìn vị thế chiến lược rất sâu rộng. Nhật Lệ cách sông Gianh trên 30 km, phía sau lại dựa vào hình sông thế núi liên hoàn nối liền cánh đồng hai huyện Lệ Thủy, Khang Lộc. Có thể coi sông Gianh là tiền duyên của thế trận này, còn địa thế liên hoàn sau lưng hệ thống thành lũy là chỗ dựa lâu dài để cung cấp lương thảo, nhân tài, vật lực cho quân đội chúa Nguyễn tham chiến. Đứng chân ở vị trí như vậy, tiến có thể đánh, lùi có thể giữ mà không tổn hại binh lực. Quân Trịnh mỗi khi thâm nhập vào thế trận này, sau khi vượt qua tuyến phòng thủ tiền duyên sông Gianh thì binh lính đã cạn kiệt sức lực, khí tài, lương thảo hao tổn, lại phải vượt qua trên 30 km khu vực nam Bố Chính vốn dĩ là nơi nắng

cháy, đất cằn, dân cư thưa thớt nên khi tiếp cận chiến tuyến Nhật Lệ thì nh lực đã sa sút đi rất nhiều.

Người Trịnh mỗi khi vào đánh phá luỹ Trường Dục thường khiếp đến đầm lầy Võ xá, thành câu ca:

" Nhất sợ Luỹ Thầy
Nhì sợ đầm lầy Võ xá"

(nguyên văn chữ Hán là: *Nhật Khả Kỳ Hê Đồng Hải Trường Luỹ, Nhị Khả Kỳ Hê Võ Xá Nê Điện*).

Trận địa đầm lầy Võ Xá, xét từ địa thế sông núi chung quanh, bắt đầu từ con sông Nhật Lệ, đi ngược dòng từ cửa biển đi lên đến ngã ba Trần Xá, đó là ngã ba sông Kiến Giang từ nguồn Đới chảy về nhập với sông Long Đại từ nguồn Cuộc chảy về. Tại đây, có mũi đất gọi là Đuôi Điện thuộc làng Cổ Hiền, như một người khổng lồ dang hai cánh tay ra đón đường thủy Nhật Lệ, tay trái vươn tới Trường Sơn cắt ngang vùng bán sơn địa từ Đông sang Tây; tay phải vươn tới phá Hạc Hải xẻ dọc vùng đầm lầy từ Bắc vào Nam, tạo ra vùng dân cư hình cánh quạt ở phía Tây Nam huyện Khang Lộc (nay là Quảng Ninh). Trước khi nhập với sông Long Đại ở ngã ba Trần Xá này, dòng Kiến Giang còn đón nhận thêm dòng nước sông Cẩm Lý ở làng Thạch Bàn và phá Hạc Hải. Từ đây sông chảy theo cạnh sườn dải dụn cát khá cao ven đường thiên lý (nay là quốc lộ 1A) mà khoảng cách từ bờ cát đến bờ sông, đó là đầm lầy Võ Xá.

Ngã ba sông Kiến và sông Đại gặp nhau ở Trần Xá xuôi về biển gọi là sông Nhật Lệ, chảy đến Quán Hàu thì thất co lại và bị các cồn nổi giữa sông ở đây chia đôi dòng chảy thành hai luồng kẹp, bị kẹp vào một bên thì đồi núi làng Cẩm La (làng Văn La) một bên là cồn cát làng Cừ Hà (thôn Phú Bình xã Bảo Ninh).

Với bức luỹ từ chân núi Thần Đinh (núi Trường Dục) chạy theo bờ phía nam sông Long Đại, qua các làng Xuân Dục (còn gọi là Kẻ Cộc), Trường Dục (còn gọi là Kẻ Trường), Cổ Hiền (còn gọi là Kẻ Điện) vòng xuống đến làng Bình Thôn, Quảng Xá, đến giáp Hạc Hải. Nừu theo đường thủy, Đào Duy Từ đã chặn thủy quân của Trịnh lại trước ngã ba sông, buộc đối phương phải chiến đấu trên một vùng sông nước trống trải, trước tầm súng từ trên luỹ cao bắn xuống. Quân Trịnh sẽ không có con đường hành tiến nào khác để tiến sâu vào hậu cứ của quân Nguyễn nếu không đánh chiếm được bức trường thành đó.

Về mặt hướng Tây, hòn núi Thần Đinh như một đài viễn vọng, có khả năng cảnh giới và đẩy lùi những cánh kỳ binh muốn đi đường rừng bí mật lọt vào vu hồi sau lưng phòng tuyến quân Nguyễn; về mặt hướng Đông

và Nam thì phá Hạc Hải như một bàn tay xòe ra, trong đó kín mít lau sậy, cối lác, bí hiểm như một thứ Đầm Dạ Trạch của Triệu Quang Phục thời xưa, người không thông thạo địa hình thì chỉ có đường vào mà không có đường ra.

Như vậy con đường tiến quân bằng đường thủy trận đã bị chặn lại ngay trước mặt lũy, ở chính nơi cái ngã ba Trần Xá ấy. Nếu quân Trịnh muốn tiến sâu vào Phú Xuân thì chỉ còn có một sự lựa chọn, đó là hướng đổ quân lên bộ để hành tiến.

Qua thực địa từ Bắc đi vào, phía bờ tay phải (tức hướng Tây) vùng Quán Hàu trở lên, là núi rừng, có nhiều địa hình kín đáo, nhưng con sông Long Đại đã cắt ngang địa hình, dù có len lỏi đến đó cũng không thể vượt nổi sông sâu làm hào trước mặt lũy lại càng khó tránh sự quan sát từ trên núi Thần Đinh có độ cao hai ba trăm mét. Hơn nữa từ Quán Hàu đến ngã ba sông Trần Xá, còn có nhiều ngòi lạch nằm sâu trong triền núi như Hối Am, ngòi Phúc Duệ là những nơi dễ có quân mai phục, đón đường. Ngoài ra, Quán Hàu và Cẩm La cũng là địa điểm quân sự mà họ Nguyễn có thể chặn đường rút lui của đối phương. Như vậy, hướng đổ quân lên bờ phía Tây có gò đồi, rừng núi là không hợp với binh thư rồi.

Hướng thứ hai, đổ quân lên bờ phía Đông là hướng có nhiều triển vọng hơn cả. Trước hết, quân Trịnh sẽ chiếm giữ khúc sông Quán Hàu và Cẩm La, không cho quân Nguyễn chặn đường rút lui, rồi cho quân lên bờ Võ Xá, tiến dọc theo đường Thiên Lý, dọc theo chân dải cát mà vào Phú Xuân. Theo hướng này, quân Trịnh có mấy điều lợi: thứ nhất là không cần phải chiến đấu mặt giáp mặt với quân Nguyễn ở trên thành Trường Dục, đặt bức lũy này ra ngoài vòng hành quân. Thứ hai, dù có lướt qua cạnh sườn của bức lũy bên kia sông Kiến Giang thì tầm súng đại bác ở trên lũy cũng không bắn tới. Thứ ba, lực lượng quân Nguyễn từ Võ xá, án ngữ trên đường Thiên Lý cũng chỉ có "Dinh Mười" so với lực lượng hàng chục vạn quân Trịnh là một đội quân thiện chiến đã từng đánh thắng nhà Mạc thì không có gì đáng sợ. Nếu quân Trịnh áp đảo được đội quân Nguyễn ở Dinh Mười thì việc chọc sâu vào hậu cứ quân Nguyễn và tiến thẳng vào Phú Xuân là chỉ trong tầm tay vì từ Võ Xá vào đến Ái Tử, rồi từ Ái Tử vào Phú Xuân, quân Nguyễn không còn doanh trại, thành lũy nào phòng thủ nữa.

Còn đồn Dinh Mười chỉ là một doanh trại (Lưu Đồn), không có thành cao hào rộng để chống giữ, nếu ba vị trí Trường Dục, Dinh Mười, đầm lầy Võ Xá, không liên kết với nhau thành một thứ bát trận đồ thì Đào Duy Từ cũng không trở thành nhà quân sự bậc thầy của thời đại đó.

Hơn thế nữa, giá trị chiến lược của Trường Dục và trận đồ đầm lầy Võ Xá còn ở chỗ, buổi đầu, thời gian năm 1630, trong khi lực lượng quân sự

của họ Nguyễn còn yếu, nó là lá chắn trên mặt trận tiền tiêu nơi phen giậu địa đầu; nhưng càng về sau khi có lũy Đông Hải và lũy Trường Sa, nói cách khác khi chúa Nguyễn đã mạnh, lực lượng quân sự đã đủ sức chế ngự đối phương ở phía trước rồi, thì nó là lá chắn đuôi, chặn hậu, quyết định vận mạng của chiến trường cả vùng Đông Hải, mà sự mất còn của chiến trường này là sự mất còn của vương triều Nguyễn, của xứ đàng Trong.

Sau khi có thêm lũy Đông Hải (1631, 1634), nhất là khi có thêm lũy Trường Sa, chạy dọc theo ven biển cho đến địa phận giáp Lệ Thủy, lũy Trường Dục và đạo Lưu Đồn càng tăng thêm hiệu lực. Những trận đánh trong các năm 1648, 1672 của quân Trịnh vào Đông Hải mà không thể tạt sườn vào Thập Dinh hoặc vu hồi sau lưng Trường Dục được, là những dẫn chứng cụ thể. Thí dụ như trận 1648, quân Trịnh phá được cửa rào sắt ở cửa Nhật Lệ, thẳng tiến vào lũy Trường Dục, chiếm được Võ Xá mà không dám tiến sâu hơn nữa, phải rút hẳn về Bắc, trước những đòn phản kích của quân Nguyễn. Trong trận này, vị trí của làng Cẩm La, Quán Hàu đã làm cho quân Trịnh sợ mất đường rút lui khi phải tiến sâu, mà đóng lại sợ đánh tập hậu. Khi có lũy Đông Hải thì những dãy đồi Văn La và Quán Hàu còn là điểm giữa của hai lũy Đông Hải và lũy Trường Dục và Dinh Mười: nó giữ vai trò hậu cứ cho Đông Hải khi Đông Hải phải rút lui, và đồng thời nó lại là tiền tiêu cho Trường Dục và Lưu Đồn, và chặn hậu khi đối phương vào được Dinh Mười và Trường Dục. Do đó, ngày nay, người ta còn gặp ở Văn La những địa danh như: Đông Chòi (chòi canh), Bãi Cơm (bãi cỏ nấu cơm), Cồn Hội (nơi hội quân), Hậu Dao (kho vũ khí), Vườn Ông (vườn một vị tướng) và Thành Kho (kho lương thực của quân Nguyễn)

Trong lịch sử chiến tranh của Việt Nam có rất nhiều nhà quân sự bất địch đánh theo cách của mình, chẳng riêng gì nhà quân sự Đào Duy Từ. Nhưng nếu nói là người bất địch đánh theo kế mình trong phòng ngự với một thời gian dài trên một địa điểm cố định, trận nào cũng vào cái cạm bẫy ấy, lần trước có sai lầm rồi lần sau cũng không thể tránh, thì phải nói Đào Duy Từ là một.

Ngay sau khi có lũy Trường Dục rồi, Đào Duy Từ cùng Nguyễn Hữu Dật đi Quảng Bình xem xét núi sông rồi xin chúa đắp thêm một cái lũy nữa, gọi là lũy Đông Hải, triển từ chân núi Đâu Mâu dưới đến tận cửa Nhật Lệ, phía ngoài là khe, suối, bùn lầy rất sâu làm hào rãnh, hiểm yếu gấp mười lần lũy Trường Dục.

Tương truyền, lúc đầu Nguyễn Phúc Nguyên hơi ngần ngại vì sợ dân tình lao dịch quá nặng nề, nhưng sau cũng đồng ý cho xây. Tuy nhiên, xây lũy Đông Hải mà thế lực quân Trịnh còn ở Nam Bố Chính (huyện Bố

Trạch ngày nay) thì khó lòng thực thi theo ý muốn, bởi nhiều lẽ: quân Trịnh có thể tấn công phá hoại công trình, không đảm bảo bí mật quân sự, đặc biệt là để lộ tính chất vị trí chiến lược của Nhật Lệ, quân Trịnh có thể dùng sức mạnh áp đảo đóng chốt, chiếm giữ lâu ngày trước khi Đào Duy Từ hành động hoặc mới bắt đầu. Do đó, Đào Duy Từ xin Phúc Nguyên, tiến hành một cuộc hành quân giành lấy Nam Bố Chính.

Châu nam Bố Chính lọt vào tay quân Trịnh lúc nào, sử cũ không thấy ghi chép. Lúc Nguyễn Hoàng vào trấn Thuận Hoá thì Thuận Hoá gồm 2 phủ là phủ Tiên Bình và phủ Triệu Phong và hai châu là châu Bố Chính và châu Minh Linh. Như vậy, địa giới QB (trấn) gồm cả Bố Chính và Minh Linh. Về sau Bố Chính chia ra làm hai, Nam Bố Chính và Bắc Bố Chính.

Có lẽ Bố Chính bị quân Trịnh chiếm qua hai trận đánh vào Nhật Lệ 1620, 1627, khi rút về thì đóng giữ luôn, nhưng lúc bấy giờ chúa Nguyễn Phúc Nguyên chưa đủ sức lấy lại. Đến nay, theo đề nghị của Đào Duy Từ mới giành lấy nửa phần đất này để bảo vệ cho Nhật Lệ đang dự định xây lũy Động Hải.

Tháng 9-1630, Phúc Nguyên sai quận công Nguyễn Đình Hùng đem quân tập kích bất thành linh, chém trấn thủ của Trịnh là Nguyễn Tịch tại trận, chiếm lấy châu Nam Bố Chính, đẩy lùi quân Trịnh qua bên sông Gianh, giữ chặt vùng đất phía nam sông này như một ranh giới lâu dài.

Sau trận thua ở Nhật Lệ năm 1627, họ Trịnh đang gặp lúc: " dân bốn trấn bị thiên tai bão lụt, trăm họ chết đói, chết rét bỏ nhà đi xiêu tán khắp nơi rất nhiều. Thanh Đô Vương Trịnh Tráng rất lấy làm lo buồn, nhưng thóc gạo trong kho đã vận chuyển để dùng vào việc binh hết sạch, không còn gì mà chẩn cấp" (A257:201) đặt họ Trịnh trước nhiều khó khăn, còn phải lo toan nhiều việc: chống họ Mạc ở Cao Bằng, chinh đồn nội bộ còn nhiều phần tử đáng ngờ làm phản, chờ mùa màng thu hoạch, ít nhất cũng vài ba năm mới có thể xuất quân được. Vì vậy cuộc hành quân tháng 9-1630 là một bước tiến công trong phòng ngự của họ Nguyễn là rất kịp thời.

Cái khoảng cách từ bờ Nam sông Gianh đến bờ Bắc sông Nhật Lệ, cũng như cái khoảng cách thời gian từ tháng 9-1630 đến mùa đông 1631 (51) đủ cho Đào Duy Từ nhiều cơ hội biến chương trình xây dựng lũy Động Hải thành hiện thực^(A158:53). Khi quân Trịnh đã không còn có khả năng đồn trú lâu dài trên địa bàn nghèo khó và khắc nghiệt của Nam Bố Chính nữa, chịu lùi về phía Bắc sông Gianh rồi thì họ Nguyễn cũng chấm dứt cuộc hành quân chiến lược của mình, không muốn hao tổn trong cuộc chiến để dành nguồn lực cho việc xây dựng lũy thành và tự xác định lấy sông Gianh làm cái "cột mốc" biên giới. Lũy Động Hải được xây dựng trong bối cảnh như vậy. Do vậy,

sông Gianh làm giới tuyến chia cắt gần hai trăm năm. Ở những năm 1630-1631, việc phân chia nay chỉ là sự thoả hiệp tạm thời. Đến năm **1672 – sông Gianh ranh giới chia cắt Bắc Nam** được 2 bên chính thức thừa nhận và trở thành hàng rào vững chắc bảo vệ cho cái công trường khổng lồ của chúa Nguyễn xây đắp lũy Động Hải, kéo dài từ cửa biển Nhật Lệ đến chân núi Đâu Mâu, ngót hơn 3000 trượng. Khi xây xong hệ thống lũy này thì chính nó mới là bức thành thật sự ngăn cách Bắc Nam chứ không phải là con sông Gianh trong xanh xinh đẹp kia, bởi, sông Gianh chỉ là giới tuyến mang ý nghĩa "hành chính", có tác dụng "pháp lý" mà thôi còn bản thân nó không có tác dụng chia cắt thật sự và nhân dân hai bờ vẫn đời đời thông hiếu, qua lại với nhau.

Sông Gianh và hệ thống lũy thành do Đào Duy Từ xây dựng đã trở thành chướng ngại lớn nhất đối với thế lực nhà Trịnh. Thời bấy giờ, trong dân gian vẫn truyền tụng câuca:

Có tài vượt nổi sông Gianh

Dẫu thêm hai cánh Trường Thành khó qua.

Hệ thống thành lũy này được xây dựng khá quy mô và vững chắc. Lũy cao một trượng năm thước, ngoài đóng gỗ lim, trong đắp năm bậc, voi ngựa đi lại được, dựa núi men khe, dài hơn 3000 trượng (12km) mỗi trường đặt một khẩu súng quá sơn, cách ba hoặc năm trượng, đặt một pháo đài, một khẩu súng nòng lớn. Thuốc đạn chứa như núi. Mấy tháng đắp xong, Lũy trở thành một nơi ngăn chặn chia hai miền Bắc Nam. Lại đặt xích sắt chắn ngang cửa Nhật Lệ và Minh Linh.

Lũy Động Hải (còn được gọi bằng nhiều tên khác như: Lũy Ông Hôi, Động Hôi, Động Hải, Đâu Mâu, Nhật Lệ, Trấn Ninh, Chính Lũy, Trường Lũy, Trường Thành và cuối cùng là Định Bắc Trường Thành)

Nhiều cuốn sử chép về lũy Thầy với nhiều cái tên khác nhau. Thí dụ: đoạn lũy Đâu Mâu-Cầu Dài, có khi gọi là lũy Động Hôi, lũy Ông Hôi, lũy Đâu Mâu. Đoạn lũy Cầu Dài-Nhật Lệ có khi gọi là lũy Nhật Lệ, lũy Động Hải, lũy Trấn Ninh, Chính lũy. Toàn bích của bức lũy mà Đào duy Từ gọi là: "Trên từ núi Đâu Mâu đến cửa Nhật Lệ" thì gọi là lũy QB, Trường lũy, Trường Thành, và Định Bắc Trường Thành, vì sao chỉ một bức lũy mà khi thì gọi tên này, khi thì gọi tên khác mà tên nào cũng được xem là đúng cả, tên nào cũng được sử sách công nhận ghi chép cả. Kết quả điền dã cho thấy, sở dĩ như vậy vì nó dài hơn 3000 trượng, khi xây dựng xong đoạn nào thì lấy tên địa phương đó mà gọi. Làng xóm cũng nhiều lần thay đổi nên tên cũng thay đổi theo. Dân gian gọi kiểu dân gian, sử sách và hành chính gọi theo danh xưng chuyên môn của mình. Nhưng chính qua cách gọi nhiều tên này

cho chúng ta biết cách xây dựng thời ấy có thể nói là cách xây dựng cuốn chiếu: xây xong đoạn nào, hoàn chỉnh đoạn đó, xong mới xây đoạn khác, cho nên trong khi đoạn này chưa xong mà đoạn kia đã có tên gọi, do đó có nhiều tên qua các địa phương. Trong tình hình lúc đó, cách xây dựng như vậy là hợp lý chứ không xây dựng đồng loạt, xong là xong cả mà chưa xong là chưa có tên, có như vậy mới có thể đưa từng đoạn vào chiến đấu được ngay nếu khi đó có địch đến. Dù lũy này có nhiều tên nhưng chỉ là một, tức là từ Đâu Mâu đến cửa Nhật Lệ, hoàn thành trong năm 1671.

Nếu ở lũy Trường Dục, Đào Duy Từ đã bày ra một thứ trận đồ đầm lầy Võ Xá thì ở lũy Động Hải, Đào Duy Từ cũng tạo ra một thứ trận đồ khác, đối phương muốn đánh thành công lũy, nhất định phải đánh theo ý muốn của Đào Duy Từ, không có cách khác nào hơn được. Có thể đặt tên cho cái trận đồ ấy là trận đồ Động Hải.

Từ thực địa, bắt đầu chân núi Đâu Mâu, theo con sông Lệ Kỳ xuôi về cầu Dài là chỗ hợp lưu với dòng Nhật Lệ thì hai con sông này đan chéo vào nhau. Một bên là con sông Lệ Kỳ chảy từ Tây sang Đông, một bên con sông Nhật Lệ chảy từ Nam ra Bắc, tách vùng đất Động Hải (nay là thành phố Đồng Hới) cách ly ra vùng biển phía Đông như một đường thẳng đứng lại cắt ngang Động Hải ra cánh đồng Lương Ninh-Diêm Hải-Lệ Kỳ như một đường thẳng đứng khác và ngã ba sông cầu Dài là gốc thước thợ, trông giống như một người cảnh sát giao thông đứng ở ngã ba đường cái, tay phải đưa thẳng lên ngăn dòng người xe cộ, tay trái ra lệnh chỉ đường. Thế đất ở đây vì thế vừa có cách mâu thuẫn nhau vừa lại có thể thống nhất nhau, dẫn tới cái lũy Động Hải ở đây cũng mang tính chất nửa phân mâu thuẫn, nửa phân hài hoà nhau.

Đoạn thứ nhất của bức lũy từ Đâu Mâu về cầu Dài thiết lập ở bờ Nam sông Lệ Kỳ, dùng con sông này làm hào ngoài, có đầm lầy ứ đọng quanh năm hợp với công thức thành lũy đời xưa. Đoạn thứ hai từ cầu Dài xuống tận cửa Nhật Lệ không theo hình thức lấy sông làm hào rãnh bên ngoài mà đặt con sông Nhật Lệ sau lưng lũy, thọc sâu vào hậu cứ của cả tuyến phòng ngự, là điều trái ngược với binh thư đồ trận ở thời đại đó. Trước mặt đoạn lũy thứ hai từ cầu Dài đến cửa Nhật Lệ (thường được gọi là lũy Trấn Ninh, vì nó bọc ngoài làng này) không có hào rãnh, hoặc có cũng không đáng kể, đất gần như liền, không bị bùn lầy cản trở, là một cánh đồng rộng, bằng phẳng, trông trải. Bên sau đoạn lũy này là cơ sở vật chất của cái đồn gọi là đồn Động Hải, chỉ huy sở của cả tuyến phòng ngự.

Hai đoạn lũy này mới nhìn là mâu thuẫn, trái ngược nhau trong cùng một nhiệm vụ. Một lũy chặn dọc, một lũy nằm ngang. Một lũy lấy sông làm hào, trước mặt, ngăn cản đối phương bằng đầm lầy bùn ao ứ đọng; một lũy cho sông ra sau lưng như "muốn mời", như muốn "mở cửa" cho đối phương vào, đó là cạm bẫy, là thiên tài của Đào Duy Từ làm "mồi" cho quân Trịnh luôn luôn nuôi ước vọng đánh vào cái đoạn lũy thứ hai mà người làm tướng nào cũng nhận thấy được sự sơ hở và chỗ yếu nhất của bức trường thành. Biến chỗ yếu nhất làm chỗ mạnh nhất để quyết chiến với đối phương, rõ ràng đã chứng minh quan điểm của Đào Duy Từ.

Lịch sử đã ghi nhận, trong 40 năm tấn công vào các hệ thống phòng ngự của họ Nguyễn, quân Trịnh, mỗi khi đã theo hai đường thủy bộ bám sát chân lũy rồi thì chỉ có hai cách chọn hướng: hoặc là đánh vào đoạn thứ nhất (đoạn cầu Dài-Đầu Mâu), hoặc đánh vào đoạn Nhật Lệ-cầu Dài trong đó có đồn Động Hải, bộ óc của phòng tuyến và cửa Nhật Lệ dường như chưa canh phòng kỹ bằng đoạn thứ nhất.

Hướng tấn công vào Đầu Mâu-cầu Dài, quân Trịnh sẽ gặp rất nhiều khó khăn trở ngại, bởi vì, vượt qua được con sông Lệ Kỳ, vừa rộng, vừa sâu, vừa bùn lầy để bám được chân lũy là phải trả giá rất nặng nề.

Hướng tấn công chính diện vào đồn Động Hải có nhiều dễ dàng hơn. Một là đất liền. Hai là trước chân lũy không có hào sâu, sông rộng, bám sát chân lũy không tốn mấy công sức. Ba là lũy sát cửa biển, có thể phối hợp hai mặt thủy bộ vừa đánh vào Nhật Lệ, vừa đánh vào chính diện đồn Động Hải, quân Nguyễn bị đối phó phân tán nhiều nơi, hoặc tập trung vào một mũi Nhật Lệ có thể phát huy năng lực của cả hai binh chủng thủy bộ hợp thành. Cho thủy quân đánh vào cửa biển Nhật Lệ, nếu đánh thủng hàng rào cọc sắt ngăn cửa thì khả năng triển vọng đánh thẳng vào mặt sau của lũy làm cho quân Nguyễn ở trên thành bị kẹp vào hai gọng kìm lửa, lũy sẽ mất hiệu năng phòng ngự. Bốn là Động Hải là một cái đồn đóng quân ngược với binh pháp, tức là xây lưng với sông lớn, tuy trước mặt có thành quách che chở, nhưng nếu thành bị thất thoát thì hết đường tháo lui, hoặc sau lưng bị lọt vào đối phương thì không đường chạy tới. Năm là, trường hợp thủy quân Trịnh không vào được cửa sông thì vẫn có thể đổ bộ lên bãi biển Trường Sa, đối diện với đồn Động Hải, và ở đây nhờ được đồn Sa Chuỳ và Sa Phụ thì vấn đề vượt sông đánh vào sườn lũy Động Hải, vỗ mặt vào đồn Động Hải, thọc vào tung thâm của toàn bộ bức Trường Thành từ cửa Nhật Lệ đến chân núi Đầu Mâu là vấn đề chắc thắng.

Như vậy, hướng đánh vào đoạn cầu Dài-Nhật Lệ-đồn Động Hải khi nào cũng hấp dẫn hơn đánh vào đoạn thứ nhất cầu Dài-Đầu Mâu.

Ông tướng nào cầm quân của họ Trịnh, kể cả Thanh Đô Vương Trịnh Tráng, kể cả Lê Thời Hiến, khi vào đến bức lũy Đâu Mâu-Nhật Lệ này, qua xem xét trận địa cũng đều nhận rõ chỗ yếu của họ Nguyễn ở đoạn lũy cầu Dài-Nhật Lệ, nhanh chóng chớp thời cơ, tạo ra những cơn lốc xoáy mạnh vào nơi hở hang của quân Nguyễn.

Vậy là trận đồ Động Hải-Nhật Lệ-cầu Dài đã được Đào Duy Từ "dọn sẵn" để đón đại quân của nhà Trịnh trong một thế trận bao vây mà mà không thể ngờ tới. Trong suốt 41 năm từ khi có bức lũy từ Đâu Mâu đến Nhật Lệ (ngày nay ta thường gọi là lũy Thầy) không lần nào cát quân đánh họ Nguyễn mà quân Trịnh không dồn toàn lực vào đánh Động Hải-Nhật Lệ-cầu Dài. (Hiện nay, lễ hội bơi chải hàng năm của Đồng Hới, xưa gọi là Lược Niên Canh Độ, mỗi khi bơi đua xong, làm lễ cầu hồn tướng sĩ trận vong và những người đã chết trên sông nước vùng cửa biển Nhật Lệ, thường dừng lại cúng bái ở ba điểm mà xưa kia là ba bãi chiến trường thời Trịnh-Nguyễn có nhiều tử vong nhất, đó là: cửa biển Nhật Lệ, đình làng Động Hải (xưa là đồn Động Hải) và cầu Dài. Những dấu tích này cho phép ghi nhận được sự ác liệt thời đó thường xảy ra ở những nơi này).

Họ Trịnh từng lúc điều động hàng chục vạn quân, nói là đánh Thuận Quảng, nhưng thực chất là chỉ đánh một đồn Động Hải - Nhật Lệ. Họ Nguyễn cũng vậy, phải duy trì dưới trướng hàng chục vạn quân thường trực, nói là để giữ Thuận Quảng, nhưng kỳ thực cũng chỉ giữ một lũy và đồn Động Hải - Nhật Lệ mà thôi.

Sau khi xây dựng được tuyến phòng ngự Đâu Mâu-Nhật Lệ, Đào Duy Từ đề nghị với chúa Nguyễn thi hành chế độ hộ khẩu và phép duyệt tuyền, định chế độ thu thuế, tuyền lính do đó "binh tài có thừa"^(A158:53).. Năm 1632 Đào Duy Từ tổ chức tuyền lính bổ sung cho quân đội, chỉnh đốn mọi việc và đã làm cho chúa Nguyễn "binh tài có thừa" đủ sức nghênh đón những trận đánh mới.

Năm 1633, chúa Trịnh tổ chức trận đánh mới vào hệ thống lũy Thầy trong trận này có cả Trịnh Tráng và vua Lê cùng chỉ huy tiến vào Nhật Lệ. Đây là trận đánh đầu tiên vào bức lũy mới xây gần như chưa đủ thời gian để khô đất, khô gạch đá, và một trận đánh có con Nguyễn Phúc Nguyên là Nguyễn Phúc Anh làm nội ứng cho quân Trịnh. Trịnh Tráng có vẽ ăn chắc lắm nên mới rước vua Lê đi theo để tỏ rõ chính nghĩa.

"... Trấn thủ Phúc Anh (phủ Quảng Nam) muốn giành chính quyền (cha) âm mưu với họ Trịnh đánh miền Nam. Để tiện liên lạc với họ Trịnh, Phúc Anh vận động cho mình được trấn thủ Quảng Bình, mật báo văn chức

Quảng Bình là Lý Minh (không rõ họ) sui sủ bọn người bất mãn trong hạt vu cáo trấn thủ Quảng Bình là Nguyễn Phước Tuấn là hà khắc nhân dân, xin đổi đi để Anh thay. Lúc đầu chúa cũng tin, bãi Tuấn và bổ Anh. Nhưng lệnh đến trong khi Anh đi sẵn vắng, hơn một tuần mới đi về. Chúa giận, tháng 8 năm ấy bổ nhiệm Nguyễn Phước Kiều làm trấn thủ Quảng Bình. Anh thất vọng, lại sai người ra hỏi kế Lý Minh. Lý Minh mật thư bảo "Phước Kiều mới đến, dân đương ái mộ, huống chi là con rể chúa, thế khó lung lay, nhưng Kiều là người nhút nhát, nếu được quân Bắc đến đánh thì hẳn sẽ chạy trước, khi ấy mưu việc gì cũng được... Trấn thủ Anh lập tức viết thư xin quy thuận họ Trịnh, hẹn làm nội ứng..." (A355:187-188)

Tháng 12 năm 1633 đại quân thủy bộ của Trịnh Tráng đến cửa Nhật Lệ "bắn ba phát súng làm hiệu, không thấy Phúc Anh ra hàng, Thanh Đô Vương lấy làm ngờ, bèn cho lui quân ra xa mặt lũy đóng trại chờ tin tức của Phúc Anh..." Đợi 10 ngày cũng không thấy Phúc Anh tiếp ứng, phải rút về.

Như vậy, chỉ trong thời gian từ 1630 đến 1633, Đào Duy Từ đã tạo ra bao nhiêu công trình như: 1630, đắp lũy Trường Dục với trận đồ đầm lầy Võ Xá; tháng 9 cùng năm đẩy lùi quân Trịnh ra phía Bắc sông Gianh; năm 1631 đắp lũy Đâu Mâu-Nhật Lệ với trận đồ Động Hải Nhật Lệ;

Lịch sử chiến tranh Trịnh-Nguyễn cho phép ghi nhận được rằng, ai giữ được Động Hải - Nhật Lệ đến phút chót thì người đó làm chủ được xứ đàng Trong và để mất Động Hải - Nhật Lệ thì cũng mất luôn xứ đàng Trong.

Trận đánh quyết chiến chiến lược 1672 là một dẫn chứng: họ Nguyễn giữ được Động Hải - Nhật Lệ nên họ Nguyễn làm chủ xứ đàng Trong đến 102 năm sau. Ngược lại, trận 1774 của Trịnh, nhân lúc Tây Sơn nổi dậy ở Bình Định, con cháu của Nguyễn Phúc Nguyên để mất Động Hải - Nhật Lệ là mất luôn sự nghiệp vương bá.

Sự mất mát này không phải do đường lối phòng ngự của Đào Duy Từ đến thời đó trở thành lạc hậu, cũng không phải do công sự, kiến trúc, lâu ngày không chịu nổi với khí tài, súng đạn kiểu mới, mà chỉ do con cháu họ Nguyễn hồi này thoái hoá, ăn chơi tụy lạc, hung bạo, "chính phiến, thuế nặng", nhân dân chán ghét gây nên. Trận đánh 1774 chỉ là một trận tập kích bất ngờ, quân giữ thành ăn chơi, biếng nhác canh phòng mà mở cửa đầu hàng, chứ không phải là một trận đánh công kiên, mặt đối mặt, thế mà quân Nguyễn phải bó tay, quỳ gối.

Tuy nhiên, sự thắng lợi này của quân Trịnh cũng không đem lại sự thay đổi gì cho bản thân họ mà đó là báo hiệu một sự suy tàn, kết thúc một thời kỳ phong kiến cát cứ. Mười năm sau, đến lượt quân Trịnh bị quân

Nguyễn tập kích, đuổi dài về Thăng Long và sau đó kết thúc vương triều Lê - Trịnh, mở ra một thời kỳ mới cho sự thống nhất sơn hà.

Sau gần 4 thế kỷ nhìn lại, một vấn đề lớn đặt ra là tại sao Đào Duy Từ lại chọn Quảng Bình và ngay trên đất Quảng Bình lại chọn vùng Nhật Lệ làm nơi xây dựng "chính luỹ"...?

Nếu nói binh pháp thời đó cần dựa vào những con sông cắt ngang địa hình từ Tây sang Đông để ngăn chặn đối phương từ Bắc xuống Nam thì vì sao Đào Duy Từ không chọn con sông Gianh? hay sông Lý Hoà, hoặc con sông Dinh? Đặc biệt là con sông Lý Hoà, trước mặt có đèo Đá Nhảy, sau lưng có đồi cát cao, sông cũng khá sâu, cửa biển cũng vừa đủ cho chiến thuyền cỡ trung trung; hoặc như sông Dinh, Đào Duy Từ không dùng, nhưng các người thừa kế ông lại sử dụng có kết quả.

Một câu hỏi khác cũng nêu lên: vì sao Đào Duy Từ không xây thành đắp luỹ ở Quảng Trị? nơi mà vùng đất ái Tử đã từng kinh đô lập nghiệp của Nguyễn Hoàng. ở địa hạt Quảng Trị cũng có nhiều hiểm địa lắm chứ. Thí dụ: sông Hiền Lương, trường nhà Hồ, sông Thạch Hãn, núi Côn Tiên, Dốc Miếu đều là những đất dụng võ không phải là không đắc địa!

Hoặc, vì sao Đào Duy Từ không xây các phòng tuyến phòng ngự ở gần kinh thành để bảo vệ để dễ bề huy động đại binh bảo vệ kinh đô?

Ngược lại Đào Duy Từ ưu thích con sông Nhật Lệ với những con sông nhánh của nó như Kiến Giang, Đại Giang, là những con sông không hẳn cắt ngang địa hình từ Tây sang Đông mà có khúc chỉ chảy dọc từ Nam ra Bắc, thuận chiều cho đối phương thọc sâu vào hậu cứ của mình... !?

Đào Duy Từ cũng không ưa chiếm các điểm cao thiên nhiên đã tạo sẵn, như đèo Lý Hoà, núi Côn Tiên, dốc Miếu để xây thêm thành quách như kiểu Vạn Lý Trường Thành, tôn cao thế đứng, nhìn địch từ xa, đánh địch từ trên cao xuống, mà chỉ muốn đóng quân nơi đất thấp, dựng phòng tuyến nơi bình địa, ven sông...?

Trong mục tổng luận về địa thế của sách Hổ Trướng Khu Cơ, Đào Duy Từ chia đất ra 10 kiểu, 4 kiểu xấu, 6 kiểu tốt thì vùng Động Hải-Nhật Lệ thuộc vào đất xấu nhất, gọi là đất Tử Ngục, tức là nó giống như cái chậu lật ngửa, chung quanh các điểm cao bao bọc, chính giữa là bằng phẳng, lại thêm con sông Nhật Lệ như một đường trung tuyến bổ đôi cái chậu ra hai mảnh, làm cho thế đất vùng đáy chậu đã mất đi sự liên hoàn mà còn tạo ra những nhược điểm về binh pháp. Song có điều lạ là, chính ở tại cái nơi "ngục chết" này, những bức luỹ của Đào Duy Từ dựng xây nên lại đứng vững gần

như vô địch suốt 42 năm (tính từ khi có lũy Trường Dục (1630) đến khi hưu chiến (1672) trước sức tấn công mãnh liệt của quân Trịnh.

Nếu nói chiến tranh trường kỳ thì dân tộc ta quả đã có nhiều cuộc trường kỳ kháng chiến khá dài, nhưng nói về nội chiến thì chưa có cuộc chiến tranh nào dữ dội và dai dẳng bằng cuộc chiến tranh Trịnh-Nguyễn. Và, nói về chiến đấu phòng ngự thì cũng hiếm thấy cuộc chiến đấu phòng ngự nào, chưa gặp những phòng tuyến phòng ngự nào như họ Nguyễn tồn tại lâu dài trước một kẻ địch hơn hẳn mình đến thế! yếu tố nào đưa đến sự thắng lợi cho họ Nguyễn như vậy?

Điều lý thú thứ nhất là đối với tướng sĩ của mình thì Đào Duy Từ khuyên nên tránh đất Tử Ngục mà riêng ông, ông lại vẫn sử dụng đất ấy, chuyển đất ấy thành địa lợi, biến đất chết thành đất sống mà trở thành vô địch. Rõ ràng, Đào Duy Từ không nhì địa thế bằng con mắt cục bộ của người thường mà nhìn bằng con mắt toàn cục của nhà chiến lược. Ông đã thấy, nơi đây, so với toàn cuộc đất đai ở Quảng Bình, là nơi hẹp nhất, ngăn đối phương với sự tiêu hao sức người sức của ít nhất, xây dựng công sự, phòng tuyến, với thời gian nhanh nhất, ít tốn kém về chiều dài ngắn nhất và trong khung không gian hạn chế ấy, sự điều động chiến đấu sẽ cơ động nhất.

Theo định nghĩa 6 kiểu đất tốt của ông trong Hổ Trướng Khu Cơ thì vùng Động Hải-Nhật Lệ có một yếu tố "đắc địa" là, thời đó các con đường thủy bộ từ xứ đàng Ngoài vào đến đây đều hội tụ lại ở điểm Động Hải-Nhật Lệ. Xây một cái lũy chắn ngang nó lại thì phía trước (tức mặt ngoài vào) đã khoá chặt con đường hành tiến của đối phương, và phía sau (tức mặt hậu cứ của mình) là những con đường tiếp viện, chuyển quân, tải lương hết sức thuận lợi, an toàn tuyệt đối. Cái bức lũy ấy chính là yếu tố biến đất tử ngục là đất chết thành đất thông địa, nghĩa là đất sống.

Thứ hai là: với vị trí của bức lũy Đâu Mâu-Nhật Lệ, quân Trịnh muốn tiếp cận nó để công phá thì bắt buộc phải rời các điểm cao của cái thành chầu lặt ngữa, băng qua một cánh đồng trơ trọi bằng phẳng thì trước hết, lực lượng của đối phương bị phơi bày ra dưới con mắt của quân giữ thành và quân Nguyễn sẽ ở tư thế từ trên cao đánh xuống mà quân Trịnh trở thành kẻ dưới thấp trèo lên, do đó quân Nguyễn ở thế nhàn đợi kẻ địch ở thế nhọc, đúng phép dụng binh thời đó.

Lũy Đâu Mâu-Nhật Lệ, từ chỗ đất chết Tử Ngục lại có thể vô hiệu hoá tất cả các điểm cao có lợi cho đối phương trong loại đất ấy, giành lợi thế cho mình.

Thứ ba là cửa biển Nhật Lệ và ngã ba sông cầu Dài, có cảm giác như đã bị Đào Duy Từ "bỏ trống", mới nhìn dường như là điểm khiếm

khuyết trong bố trí thế trận, chỉ cần chọc thủng một trong hai điểm này thì quân Trịnh có khả năng phát huy cao độ uy lực đánh vào sau lưng đồn Động Hải, lại là nơi "khó gặm" nhất. Sử cũ không ghi chép gì các trận đánh vào đây, nhưng qua 6 lần quân Trịnh đánh vào Động Hải-Nhật Lệ, đều 6 lần về không cũng đủ thấy sự bố phòng của Đào Duy Từ là vô cùng chặt chẽ (cũng giống như thời Tam Quốc, Khổng Minh 6 lần đưa quân ra Kỳ Sơn đánh Tào Tháo (thời Tư Mã ý cầm quân Tào) mở đường vào Trung Nguyên, đều 6 lần về không).

Sau trận của quân Trịnh vào Nhật Lệ năm 1633 thì Đào Duy Từ lâm bệnh rồi mất (1634), và cũng cùng năm này, Nguyễn Hữu Dật xin đắp lũy Trường Sa, bởi sườn phía Đông lũy Động Hải còn trống, mặc dầu đã đóng giữ cửa biển bằng cọc sắt, nhưng về chiến lược vẫn chưa an toàn.

Sử cũ không ghi chép lũy Trường Sa dài bao nhiêu trượng, cao bao nhiêu thước, xây theo kiểu cách nào, trang bị ra sao như các lũy khác, mà chỉ chép: lũy bắt đầu từ cửa Nhật Lệ, men theo bờ biển vào phía Nam. Có tài liệu nói lũy vào tới thôn Cừa, An Ba (nay thuộc xã Hải Ninh, huyện Quảng Ninh). Qua diền đã bước đầu, cũng như xét bản đồ đời Hồng Đức, có thể ước đoán lũy này dài đến xã Hải Ninh là xác đáng. Căn cứ dấu tích hiện còn ở xã Bảo Ninh (thành phố Đồng Hới) thì lũy này không phải chỉ chạy dài theo bờ biển không thôi, mà còn có những lũy ngang từ sông ra biển. Thí dụ, còn tìm thấy đoạn lũy đồn Sa Thủy, còn gọi là đồn Mũi Dùi, hoặc đoạn đồn Sa Phụ. Những lũy ngang này cắt địa hình từ Đông sang Tây, tạo ra những ô doanh trại. Về sau, những ô doanh trại trở thành làng xóm mang tên làng Ba Rạy (ba dãy) một thời nổi tiếng là nơi sản xuất ra thao, lụa đẹp nhất vùng. Làng Ba Dãy ở theo lối doanh trại, từng đường thẳng ngang như trại lính, dãy trước xây dựng cho dãy sau, mặt trở về hướng Nam. Ngày nay nhân dân xã Bảo Ninh (Ba Dãy cũ) làm nhà thẳng ra bờ sông, xây mặt về hướng Tây (trông sang thành phố Đồng Hới).

Về phương diện phòng ngự, lũy Trường Sa liên kết với hai lũy Trường Dục, lũy Đâu Mâu-Nhật Lệ như mối với răng, làm thành thế ỷ dốc tương hỗ nhau, cũng mang khái niệm một loại trận đồ kèm theo như hai lũy kia. Không hiểu Đào Duy Từ, trước khi lâm bệnh rồi mất, có tham gia ý kiến gì với Nguyễn Hữu Dật về việc xây lũy Trường Sa hay không như cứ xét từ thực địa thì lũy này cũng theo quan điểm chiến lược của Đào Duy Từ, hoặc cũng từ quan điểm ấy mà ra.

Nếu lũy Trường Dục có trận đồ đâm lầy Võ Xá, lũy Đâu Mâu-Nhật Lệ có trận đồ Đâu Mâu Nhật Lệ thì lũy Trường Sa có thủy trận đồ Sa Phụ-Mũi Nại (hay Mũi Nại). Với Trường Dục và Đâu Mâu-Nhật Lệ, họ Nguyễn

chỉ mới cản được bộ binh Trịnh, và còn cản được kết quả cao, ít khó nhọc bởi bộ binh Trịnh khi đã vào tới Động Hải là đã phải trải qua một chặng đường hành quân khá dài từ Thăng Long, hay ít nhất cũng từ Thanh Nghệ, đến sông Gianh đã phải đi vào chiến đấu với các lực lượng tiên tiêu của quân Nguyễn trên tuyến Nam Bố Chính không phải là không bị trả giá, do đó ít nhiều đội quân "viễn chinh" của chúa Trịnh cũng đã tiêu hao, sút mẻ.

Vậy là bộ binh của Trịnh về thể lực cũng như về tinh thần sẽ không bằng quân Nguyễn đồn trú, canh giữ tại phòng tuyến Động Hải, trong khi đó lực lượng thủy quân của Trịnh vốn đã thiện chiến hơn, hùng hậu hơn, dọc đường hành quân không bị cản trở. Từ sông Gianh đến cửa Nhật Lệ, họ Nguyễn không có thủy binh, quân Trịnh tiếp cận bờ biển Trường Sa, vào vị chiến đấu là còn nguyên sức mạnh cả về thể lực lẫn tinh thần làm cho quân Nguyễn đóng ở Trường Sa phải kiêng nể, khi họ lãnh lấy một nhiệm vụ khá trọng đại là bảo vệ sườn phía Đông cho toàn bộ mặt trận từ Nhật Lệ đến Trường Dục. Đương đầu với một đội quân địch như vậy không phải không khó khăn.

Với những dấu tích bố phòng của quân Nguyễn hiện tìm được chung quanh lưu vực Nhật Lệ như: đồn Thủ Ngự ở bờ Bắc cửa Nhật Lệ; đồn Sa Chuỳ (hay còn gọi là Mũi Dùi) ở bờ Nam cửa này; đồn Sa Phụ ở phía nam đồn Mũi Dùi, đối diện với đồn Động Hải bên bờ phía Tây; đồn Mũi Nại ở phía Nam cầu Dài; là những vị trí bọc lấy lưu vực sông Nhật Lệ từ cầu Dài xuống cửa biển. Tất cả các pháo đài ở các đồn binh này kết hợp với các lực lượng thủy quân thường trực chiến đấu trong lưu vực sẽ biến đoạn sông Nhật Lệ sau lưng đồn Động Hải (trước mặt lũy Trường Sa) thành một thứ trận đồ bao vây lấy tuỷ quân Trịnh mỗi khi họ chọc thủng hàng rào cọc sắt ngăn cửa biển lọt vào đây. Trong trường hợp này, chắc có lẽ quân Trịnh khó lòng tránh được thế bị động, phải chiến đấu, đối phó với bốn phía mà phía nào cũng nằm dưới tầm súng của quân Nguyễn từ trên cao rót xuống (trong trận 1672, quân Trịnh dùng đại bác từ Cồn Mắm bắn gãy cầu ngăn ở Mũi Nại, từ đó có thể biết tầm súng ở thời đó có thể bắn đích xác khoảng 1000m. Đó là tầm súng ở các đồn xung quanh Nhật Lệ).

Trận đồ thủy chiến này khác với các trận đồ đầm lầy Võ Xá và Động Hải Nhật Lệ ở chỗ nó không dành sẵn, cuốn hút đối phương tới mà chỉ "mai phục" khi chính quân Nguyễn yếu thế phải thua, không giữ nổi "yết hầu" Nhật Lệ, không bảo vệ nổi cửa ngõ phía sau cái đồn của chính lũy.

Năm 1635, Nguyễn Phúc Nguyên mất, Phúc Lan lên thay. Năm 1640, tướng Trịnh là Nguyễn Khắc Loát, trấn thủ Bắc Bố Chính trước đó đã

hẹn ước với Nguyễn bỏ Trịnh theo Nguyễn nay bỗng nhiên thay lòng đem quân cướp phá châu Nam Bố Chính.

Năm đó chúa Nguyễn Phúc Lan muốn đem quân đánh Khắc Loát, hỏi kế văn võ bá quan. Nguyễn Hữu Dật bày mưu phản gián, đưa tin cho Trịnh Tráng biết Khắc Loát giả bất hoà với Nguyễn, khi Nguyễn đánh giả vờ thua, lui về Bắc để dụ Trịnh Tráng thân chinh sẽ bắt Trịnh Tráng, được tin Trịnh Tráng cho Trịnh Kiều đem 5000 quân vào Bắc Bố Chính bắt Khắc Loát. Khi Trịnh Kiều vừa đến nơi thì Khắc Loát đã bị tướng Nguyễn là Nguyễn Phước Kiều đánh chạy rồi. Trịnh Kiều tưởng Khắc Loát giả vờ thua như tin gián điệp nên bắt Khắc Loát giải về cho Trịnh Tráng giết. Quân Nguyễn chiếm lại Bắc Bố Chính.

Chúa Nguyễn Phúc Lan sai người ra Đông Đô trình bày lại sự tham bạo của Khắc Loát và trả lại châu Bắc Bố Chính cho Trịnh^(A355:193)

Năm 1637 Thuận Hoá đói. Năm 1641 trời hạn hán, lúa cháy đất khô, giá gạo ở Thuận Hoá một đấu 60 đồng tiền, người chết đói khắp nơi, dân xiêu tán.

Chúa Nguyễn Phúc Lan vừa mới lên ngôi đã gặp nạn Nguyễn Khắc Loát, lại gặp nạn đói kém mà phải trao trả đất Bắc Bố Chính cho họ Trịnh, mặc dầu ý đồ của Nguyễn Phúc Lan cũng muốn làm chủ trọn vẹn cả phần đất Thuận Quảng mà biên giới các triều đại trước đã quy định từ "phía Nam Hà Hoà"

Tuy lịch sử không ghi chép, như theo các số liệu để lại thì quả nhiên đến thời điểm này (1640-1643) Phúc Lan chưa đủ sức chiếm lĩnh Bắc Bố Chính mà Nguyễn Khắc Loát đã bỏ chạy.

Đối với châu Bắc Bố Chính này, không những Phúc Lan, mà ngay cả Nguyễn Hoàng, cả Đào Duy Từ khi còn sống, và xa hơn nữa, ngay cả thời Lâm Ấp nhà Minh, nhà Mạc, lực lượng nào mà sức yếu thì cũng "nhường" cho làm chủ đất Bắc cai quản nó. Cụ thể là từ Phúc Lan đến Phúc Tần, vào những năm 1555 đến 1560, chiếm lĩnh cả một vùng từ sông Gianh đến bờ Nam sông Lam (Hà Tĩnh) mà rồi cũng bị đẩy lùi, chịu mất Bắc Bố Chính để tranh lấy bờ Nam sông Gianh mà thôi. Chừng nào tổ quốc còn chia cắt thì chừng đó vùng đất Bắc Bố Chính cũng thuộc về người âm chủ đất Bắc.

Nhận thấy Thuận Hoá đang gặp đói kém, không để cho đối thủ mình kịp khắc phục khó khăn, lại nhận thấy Phúc Lan mới lên ngôi lại đam mê Tống Thị, cận thần can gián không nghe, năm 1643 chúa Trịnh Thanh Đô Vương, sai Thái Bảo Trịnh Tạc đem quân lấy lại Nam Bố Chính. Chuyến này Thanh Đô Vương cũng mời vua Lê đi theo. Nhà vua đóng hành tại ở xã An Bài, châu Bắc Bố Chính sát với chiến trường để động viên quân sĩ.

Quân Nguyễn ra sức phòng giữ, quân Trịnh không tiến lên được, gặp lúc thời tiết nắng nóng, bệnh dịch chết nhiều phải rút về.

Năm 1648, nhân có Tống Thị là người mỹ nữ yêu quý của chúa Nguyễn gửi mật thư ra cho Trịnh Tráng xin cất quân đánh, thị sẽ đem gia tài giúp vào quân lương và để được ra Bắc về hầu hạ nâng khăn sửa áo cho Trịnh Tráng, Trịnh Tráng bèn quyết định xuất quân lần nữa.

Tháng giêng năm Phúc Thái thứ 6 (1648) cử Trịnh Đào làm đô đốc thống lĩnh các đạo thủy bộ ồ ạt đánh vào cửa biển Nhật Lệ, chọc thủng hàng rào cọc sắt, quân Nguyễn ở các đồn ven sông Nhật Lệ cự không nổi, thủy trận dò Sa Phụ-Mũi Nại không thể ngăn chặn thủy quân Trịnh. Quân Trịnh tiến thẳng vào Thập Dinh, đóng quân ngay tại Võ Xá. Chúa Nguyễn kinh sợ, thân đốc đại binh ra chống cự. Quân Trịnh hình như đã dốc sức ra hết để chiếm Lưu Đồn (Dinh Mười), đến đây bị phản công và bị đánh bật ra khỏi Võ Xá, sợ mất Cẩm La không có đường lui, nên phải vội vã rút quân. Các tướng của Trịnh là Gia, Lý, Mỹ (không rõ họ) và ba vạn quân bị bắt. Từ khi Trịnh Nguyễn đánh nhau đến nay, chưa có trận nào quân Trịnh thua đậm như thế^(A355:193). Tướng Trịnh là Gia, Lý xin hàng, riêng Mỹ không khuất phục, xin nhảy xuống biển chết. Chúa Nguyễn khen, cho vớt xác mai táng tử tế để đề cao tiết tháo cho quân đội và ba vạn tù binh thì cho vào miền Quảng Nam ăn ở, cấp phát nông cụ, ngư canh, khai khẩn ruộng hoang sinh sống.

Tình trạng thất trận của Trịnh tỏ ra rằng các trận dò Thủy trận Sa Phụ-Mũi Nại và dầm lầy Võ Xá đã làm cho quân Trịnh gần như kiệt sức, cho nên dù có bám được Võ Xá đã làm không đủ sức chịu đựng nổi các đòn phản công của lực lượng dự trữ chiến lược của quân Nguyễn; quân Trịnh không những đã phải bỏ Võ Xá mà còn bị tổn thất nặng nề, rút luôn về Thăng Long.

Trong khi thắng trận trở về, Phúc Lan lâm bệnh chết giữa đường (theo Nguyễn Khoa Chiêm trong Trịnh Nguyễn Diễn Chí thì chúa Nguyễn bị Tống Thị bỏ thuốc độc chết). Nguyễn Phúc Tần lên thay (1648-1687). Nguyễn Phúc Tần là một người cứng rắn, chăm lo công việc, không ăn chơi, thông hiểu binh pháp. Thường xuyên luyện tập võ bị, sửa sang binh khí, chiêu tập những người dũng cảm và nhân tài, mưu sự tiến ra Bắc.

Năm 1648 sau khi thất trận ở Võ Xá rút về, chúa Trịnh đã sai tướng là Trịnh Đào đóng đồn Hà Trung, Lê Hữu Đức đóng đồn Hoành Sơn, Phạm Tất Đồng làm trấn thủ châu Bắc Bố Chính đóng bản doanh ở Tam Hiệu (Ba Đồn ngày nay).

Năm 1655, Trịnh Đào sai Phạm Tất Đồng đem quân vượt sông Gianh, xâm lấn Nam Bố Chính. Nhân đây chúa Nguyễn Phúc Tần quyết định

bắc phạt, sai Nguyễn Hữu Tiến làm Tiết chế, Nguyễn Hữu Dật làm đốc chiến, tập kích vào đồn Hà Trung, nhiều tướng sĩ ra hàng.

Chúa Trịnh sai Thái Bảo Trịnh Trượng đem quân chống cự, ý muốn thu hồi Hà Trung. Nguyễn Hữu Dật sai phản gián ra Bắc vận động người chống chúa Trịnh nổi dậy. Nhiều nơi như Cao Bằng, Hải Dương, Sơn Tây hưởng ứng, chờ quân Nguyễn tiến qua sông Lam, tràn lên Nghệ An, thì họ phát binh về theo.

Trịnh Trượng không dám khinh suất, lui về giữ An Trường. Quân Nguyễn thừa cơ chiếm luôn 7 huyện phía Nam sông Lam, quân Trịnh thua nhiều trận.

Nghे tin Nguyễn Hữu Tiến và Nguyễn Hữu Dật thắng trận liên tiếp, Nguyễn Phúc Tần đưa đại bản doanh ra đóng ở xã An Trạch, tức Dinh Trạm (huyện Lệ Thủy). Nguyễn Hữu Dật đến hành dinh tại báo cáo tình hình.

Năm 1657, chúa Nguyễn lại từ Quảng Bình ra tận huyện Thạch Hà (Hà Tĩnh ngày nay) để uỷ lạo tướng sĩ, sai các tướng đắp lũy từ đầu nguồn sông Lam đến cửa biển Thạch Hà để phòng ngự lâu dài, rồi trở về Kim Long. Đến đây, thấy rõ chúa Nguyễn vẫn tuân thủ trước sau như một đường lối phòng ngự, không có ý tấn công, dù cho quân Trịnh những lúc thua phải rút quân mà quân Nguyễn chưa bao giờ truy kích quân Trịnh. Những cuộc chiến đấu thoắt triệt chưa hề xảy ra từ phía quân Trịnh đối chọi với quân Nguyễn.

Thế nhưng, năm 1660, Trịnh Tạc nối ngôi Trịnh Tráng, đã phái con, Trịnh Căn cầm quân phản công lại chúa Nguyễn. Quân Nguyễn thua luôn mấy trận phải tháo chạy về đến Nam Bố Chính thì thắng đường rút lui, quân Trịnh đã ráo riết truy kích quân Nguyễn khiến Nguyễn Hữu Dật đôi phen khốn đốn, phải dùng mưu kế mới tránh được. Từ đó 7 huyện Nghệ An và đất Bắc Bố Chính lại trở về với họ Trịnh.

Rút kinh nghiệm trong trận đánh trên đất Nghệ An, Nguyễn Hữu Dật, Nguyễn Hữu Tiến xin chúa Nguyễn cho đắp thêm một lũy nữa ở phía nam sông Dinh, tên từ núi Đèo Heo dưới đến tận biển An Náu để ngăn bót quân Trịnh trước khi tiến sát chân Lũy Động Hải.

Do đó, so với Lũy Trường Dục, Lũy Động Hải và Trường Sa có cái thế ỷ dốc, liên hoàn hợp thành phòng ngự, lũy An Náu này lại là một cái lũy nằm riêng hẵn phía trước lũy Động Hải, độc lập tác chiến, bảo vệ tiền duyên. Khác với các lũy khác, An Náu không có sông sâu hiểm trở làm hào rãnh phía ngoài, bởi con sông Dinh rất hẹp, rất cạn, đối phương rất dễ tiếp cận, áp sát vào lũy; nó chỉ có tác dụng hạn chế cường lực của Trịnh sau khi sang sông Gianh, và tiêu hao lực lượng chúng trước khi tiến sát chân lũy Động Hải.

Tháng 12 năm 1661, nhân quân Nguyễn vừa mới thất bại, chúa Trịnh muốn thừa thắng đánh luôn vào Phú Xuân không để cho họ Nguyễn kịp thời vực dậy, Trịnh Căn đem đại quân vào đánh, rước vua Lê đi theo.

Quân Trịnh Căn chia làm ba đạo, đạo thủy binh tiến đánh cửa Nhật Lệ, bộ binh đánh phá tuyến sông Gianh. lúc này Nguyễn Hữu Dật sang làm trấn thủ dinh Nam Bố chính, dựa vào lũy An Náu, từng bước chặn đứng cánh quân của tướng Trịnh là Đào Quang Nhiều.

Nhận biết sức mình sức địch, chúa Nguyễn sợ Nguyễn Hữu Dật cô thế, bèn cho lui về lũy Động Hải cố thủ. Quân Trịnh chiếm Nam Bố Chính, đóng ở thôn Phúc Tự, đối diện với lũy An Náu.

Trấn thủ Nguyễn Hữu Dật để tùy tướng Trương Văn Vân và Vân Trạch (không rõ tên) giữa An Náu, đưa dân chúng Nam Bố Chính cùng vào thành Động Hải để tránh sự khủng bố của đối phương, làm kế vườn không nhà trống. Tham mưu Trịnh là Hoan Trung (không rõ họ) sai quân khiêng hương án, có lọng che đi đến chân lũy An Náu, gọi Vân Trạch nói lớn lên: "có sắc mạng của thiên tử nhà Lê đây..." Vân Trạch đứng trên lũy đáp: "Năm ngoái quân ta lui về Hoành Sơn, bọn các người đuổi đánh, hỏi lúc ấy có sắc mạng của Thiên Tử nhà Lê không? Muốn đánh thì sao lại lừa dối dẫm cọt như thế?.." Nói xong, bắn cho Hoan Trung chết ngay tại chỗ. Quân khiêng hương án bỏ chạy. Đào Quang Nhiều nổi giận sai Lê Thời Hiến đánh gấp suốt ngày, không thắng được. Quân Nguyễn bỏ trấn Nam Bố Chính rồi thì quân Trịnh đưa quân áp sát chân lũy Trấn Ninh, đóng hai đầu phía Tây thì chiếm cứ làng Trung Nghĩa (tức là đối diện phía Bắc cửa Lý Chính Đại quan môn- Võ Thắng)(Cũng giống như QB Quan trên Định Bắc Trường Thành, ở phía bờ Bắc trước mặt cổng Lý Chính Đại Quan môn (Võ Thắng Quan) có một quai thành bảo vệ nhằm ngăn chặn quân Trịnh vượt sông ám sát cửa quan. Tại đây hiện còn dấu tích một con mương bảo vệ quai thành, còn gọi là mương cá hay mang cá. Số quân giữ quai thành này sau khi làm tròn nhiệm vụ tiêu hao sinh lực đối phương rồi thì được phép rút vào rừng chứ không rút vào thành, phân tabs đánh du kích sau lưng địch. Khi nào địch thôi lui thì về lại giữ quai thành bảo vệ an toàn cho cửa quan. Do trung thành với nhà Chúa như vậy, quân giữ thành được tặng danh hiệu là quân Trung Nghĩa đội quân này do ông Đào Hữu Nghĩa chỉ huy, về sau mộ dân lập ấp, lấy tên đơn vị đặt tên làng. Phía Đông chiếm cứ đầu cầu xã Trấn Ninh (đầu Tây Bắc lũy Trấn Ninh) hàng ngày cho quân khiêu chiến, nhưng quân Nguyễn không ra đánh cố thủ giữ thành chờ quân Trịnh mệt mỏi sẽ đánh.

Hơn một tháng, dò biết tình hình hoạt động của quân Trịnh, Nguyễn Hữu Dật dùng mưu cho quân giả ăn mặc giống như quân Trịnh nữa đêm lên ra phía sau quân Trịnh đánh vào trung quân của đối phương. Quân trên thành Trấn Ninh bắn súng hò reo vang dội hưởng ứng, Đào Quang Nhiều bỏ chạy, Trịnh Căn cũng phải cùng vua Lê rút về Thăng Long.

Nguyễn Hữu Dật thúc quân chiếm lại Châu Nam Bố Chính đuổi quân Trịnh lùi về bên kia phía bắc sông Gianh như cũ.

Tuy là một lũy nhỏ, nhưng An Náu đã đóng góp khá nhiều công lao trong sự nghiệp phòng ngự của họ Nguyễn.

Điều đáng chú ý trong tất cả các dinh trại đồn lũy của họ Nguyễn trên toàn khu vực từ Nam sông Gianh vào đến Dinh Trạm (Lệ Thủy) thì chỉ có dinh Nam Bố Chính là dinh lợp ngói, thường được gọi là Ngõa Dinh, tức Dinh Ngói. Có thể thấy rằng, nơi nào mà dinh thự, đồn trại lợp ngói là quan trọng hơn các nơi lợp tranh. Rõ nhất về sự quan trọng là lợp ngói chống được hỏa hoạn do đối phương đốt cháy bằng hỏa công.

Sự khác nhau về ngói và tranh gợi lên cho chúng ta sự suy nghĩ sự khác nhau về bố trí quân đội giữa Dinh Bố Chính với Dinh Mười (Thập Dinh), với đội Lưu Đồn với Dinh Trạm, Dinh Động Hải (Dinh Quảng Bình).

Xét số binh lính của chúa Nguyễn năm 1776 do Lê quý Đôn kê trong Phủ Biên Tạp Lục, năm không có chiến tranh, thì dinh Bố Chính đã có: 11 cơ đội, cộng 3.513 người xấp xỉ với dinh Quảng Bình là 3.654 người. Rõ ràng Dinh Ngói là một đơn vị có quân số không kém các nơi, có nghĩa là không kém quan trọng hiểm yếu. Sau trận đánh quân Trịnh năm 1662 này, Nguyễn Hữu Tiến và Nguyễn Hữu Dật xin chúa Nguyễn bồi thêm đoạn lũy Đầu Mâu - Nhật Lệ từ cầu dài xuống tận cửa biển vòng ra sau làng Trấn Ninh (nên thường gọi là lũy Trấn Ninh) để đề phòng quân Trịnh lại vào đánh, cũng là biết rút ra chỗ yếu chỗ mạnh của đối phương hết sức kịp thời. Xây dựng lũy An Náu vừa nói trên là một thí dụ, và đây, việc bồi trúc, tăng cường công sự phòng thủ ở lũy Trấn Ninh để mười năm sau ứng phó với quân Trịnh cũng là một thí dụ khác.

Quả nhiên, mười năm sau, hình như cả hai bên Nguyễn Trịnh đều đã chuẩn bị đầy đủ lực lượng để mở một trận sống mái với nhau, một trận có tính cách quyết định cuối cùng, có thể gọi là để phân thắng bại, giống như là một ||| một trận quyết chiến chiến lược.

Năm Nhâm Tý, Dương Đức Nguyên Niên (1672) tháng 6 (64) Trịnh Tạc đem quân đi đánh họ Nguyễn, cử Trịnh Căn là nguyên soái, Lê Thời Hiến thống suất bộ binh, lãnh 18 vạn, Trịnh Tạc và vua Lê tiếp ứng theo sau,

tư thế rất lớn, lại thu hết súng Tây và hoả khí người Hà Lan tây phương, sử dụng cả hoả pháo một đoạn mẹ mười đoạn con, khí tài đạn dược tối tân nhất đương thời.

Về phía chúa Nguyễn, tự thân Nguyễn Phúc Tần xuất quân đóng trại ở xã Toàn Thắng, huyện Vũ Xương để làm thanh ứng, sai hoàng tử tâm phúc là Nguyễn Phúc Hiệp làm nguyên soái chỉ huy chống cự. Những tướng trụ cột của họ Nguyễn như Nguyễn Hữu Dật phải đóng giữ Sa Phú ở lũy Trường Sa tham tướng Tài Lễ đem chiến thuyền đóng thêm cọc sắt giữ cửa Nhật Lệ; Mỹ Thắng Hầu (còn gọi là Nguyễn Mỹ Đức) giữ lũy chính, Thuần Đức Hầu giữ ải Đồn Vọng kiêm giữ thành Trấn Ninh, Thuận Trung Hầu giữ đồn Mũi Nại, huy động lương binh 5 huyện (Vũ Xương, Hải Lăng, Phong Điền, Hương Trà, Phú Vang) dàn đóng đồn ở bãi cát Trường Sa, tăng thêm quân cho thành Trấn Ninh, sai các đội chiến thuyền Hữu Bính Cơ Tam Thuỷ đến đóng ở cửa Tư Dung (nay là cửa Tư Hiền) chiến thuyền 3 đội Dinh Trung Thuỷ đến đóng giữ cửa Việt, chiến thuyền cơ Hậu Thuỷ đóng giữ cửa Minh Linh (cửa Tùng)

Tháng 11 (1672) Tướng Trịnh là Lê Thời Hiến mới đưa được bộ binh tới dưới chân lũy Trấn Ninh (Đoạn cầu Dài - Nhật Lệ) nguyên soái Nguyễn là Phúc Hiệp (còn gọi là Phúc Thuần) thống nhất đại binh đóng ở Cù Hà, định lệ các trạm chuyển lương trên đường giao thông bộ gồm 17 bộ từ Vinh Quang đến tận Sa Phú và trạm đường thuỷ gồm 16 bộ từ Bao Vinh đến Hồ Xá, các binh chủng chủ lực như tượng binh đều chốt ở Trường Sa. Sự bố trí lực lượng của chúa Nguyễn chứng tỏ vị trí của lũy Trường Sa là vô cùng quan trọng. Sử triều Nguyễn ghi nhận rằng, nơi nào, lúc nào, nhiệm vụ nào mà họ Nguyễn giao phó cho Nguyễn Hữu Dật là nơi đó, lúc đó, nhiệm vụ đó mang tính chất quyết định thành hay bại của họ.

Trong trận 1672 này, Nguyễn Hữu Dật thân giữ đồn Sa Phú trên tuyến phòng ngự Trường Sa, đủ thấy Sa Phú nói riêng, Trường Sa nói chung là rất hiểm yếu đối với sườn phía Đông của lũy Động Hải và lũy Trường Dục. Khi lũy Trấn Ninh có nguy cơ thất thủ, tướng giữ lũy đó báo cáo muốn lui về Mũi Nại, nguyên soái Nguyễn Phúc Hiệp yêu cầu Nguyễn Hữu Dật về rời Sa Phú đi cứu viện Trấn Ninh, Nguyễn Hữu Dật ngần ngại không muốn đi, sau cùng ông ta phải đề nghị nguyên soái Phúc Hiệp đến giữ Sa Phú, đảm bảo mặt Trường Sa ông mới yên tâm cất quân đi.

Khi Nguyễn Hữu Dật đến nơi thì lũy đã bị phá hơn 30 trọng, gần như không thể giữ được nữa. Bấy giờ, đang đêm tối, cách nhau gang tấc mà không nhận ra nhau, Hữu Dật sai đốt đuốc lên để dựng ván làm phen, lấy giỏ

tre dựng đất để đắp vá những chỗ vỡ của lũy. Quân Trịnh sợ có phục binh không dám tới gần. Sáng hôm sau quân Trịnh tiến đánh thì lũy đã vững rồi, không thể hạ được.

Quân Trịnh đánh mãi không được, Trịnh Tạc tức giận, triệu các tướng và Lê Thời Hiến đến quở trách. Lê Thời Hiến liền đốc xuất 3000 quân (cảm tử) tiến sát vào chân lũy, san hào, lấp rãnh, hợp sức với thủy binh đánh riết. Trong 8 ngày từ 12-1-1673 đến ngày 20-1-1673 quân Trịnh đánh vào chính diện phòng tuyến này, nhưng đều bị đẩy lùi.

Ngày thứ 1: Kịch chiến trên mặt thành

Ngày thứ 2: Quân Trịnh uống rượu say, liều mạng lao vào trèo thành, dùng sào dài đẩy lửa đốt thành, vừa áp vào đào tường cho đổ thành.

Ngày thứ 3: Đặt súng ở Đài Cồn Mắm bắn gãy cầu Mũi Này. 3000 quân Trịnh dùng cuộc đào thành. Chiêu Vũ từ lũy Cát đến cứu viện.

Trạm đường bộ: độ nhất từ Vinh Quang đến Kiều Thị (chợ Cồn) độ nhì đến Kênh Thị (chợ Kênh), độ 3 đến Châu Thị, độ 4 đến Hồ Xá, độ 5 đến Hà Kỳ, độ 6 đến Phật Quán, độ 7 đến Liêm Quán (quán Sen), độ 8 đến Quán Cát, độ 9 đến Ba Nguyệt, độ 10 đến Đàm Hương, độ 11 đến Trà Quán, độ 12 đến Thị Quán (Quán Chợ), độ 13 đến Bối Phụ, độ 14 đến Tráng Kiện, độ 15 đến Miếu Mít, độ 16 đến Cừ Hà, độ 17 đến Sa Phụ.

Trạm đường thủy: Độ 1 từ Bao Vinh đến Vân Khốt, độ 2 đến Cương Gián, độ 3 đến Tam Giang, độ 4 đến Vân Trình, độ 5 đến Thập Quán, độ 6 đến Phương Lan, độ 7 đến Cầu Ngói, độ 8 đến An Tiêm, độ 9 đến Đồng Quán, độ 10 đến Hội Môn, độ 11 đến Nhĩ Hà, độ 12 đến An Mỹ, độ 13 đến Cầu Phụ (cồn Cầu), độ 14 đến Đô Thị (chợ Đò), độ 15 đến Châu Thị, độ 16 đến Hồ Xá.

Với tài năng và đức tận tụy cần mẫn của Nguyễn Hữu Dật, bãi biển Trường Sa trở thành lũy sắt thành đồng, thủy quân Trịnh không đặt chân lên nổi. Cảnh sườn phía Đông trận địa Đông Hải vững như Bàn Thạch. Cái đồn Sa Phụ xem ra cũng nhỏ bé, vì sao nó cần phải đến một vị đại tướng tầm cỡ như Nguyễn Hữu Dật đóng giữ, trong khi đó những lũy chính như Trấn Ninh, những điểm trọng điểm như cửa Nhật Lệ thì chỉ những vị tướng bình thường? Phải chăng nó lại hiểm yếu và quan trọng hơn cả bức trường thành mà quân Trịnh thường gọi là "Nhất sợ lũy Thầy" hoặc dẫu có hai cánh cũng không thể

qua? và nó quan trọng đến mức nếu nhà chiến lược Nguyễn Hữu Dật, một đốc chiến cỡ quốc gia không đóng giữ thì phải chỉ huy mặt trận phải thân đóng giữ mới đủ đảm bảo cho an toàn toàn cục.

Ngày thứ 4: Bắn hoả pháo vào đốt thành

Ngày thứ 5: Bị quân Nguyễn phản pháo, bắn thẳng vào đội hình quân Trịnh, Trịnh phải lui.

Ngày thứ 6: Lê Thời Hiến thân hành đốc thúc quân Trịnh treo lên mặt thành.

Ngày thứ 7: Bên Trịnh bắn đạn nổ và đạn cháy vào thành, cho quân tràn lên lũy, đánh giáp la cà... nhưng cuối cùng, (ngày thứ 8) đang đêm Lê Thời Hiến bí mật cho quân rút chạy về Roòn, do sợ viện binh của Nguyễn bất đường về qua Hoành Sơn.

Nguyên khi nguyên soái Hiệp phái Hữu Dật đi cứu nguy cho lũy Trấn Ninh, đã sai cai cơ Ngô Thắng Lân điều động hơn 60 thớt voi đi nhanh theo bờ biển Trường Sa rồi vào ra lũy Sa Phụ, lại sai 4 đội chiến thuyền vượt biển tiến vào cửa Roòn, sáng đi, chiều tối lại về làm nghi binh như thể quân Nguyễn đổ bộ lên đèo Ngang (thông qua cửa Roòn), do đó Lê Thời Hiến sợ bị đánh tập hậu và cả sợ mất đường về, nên vội vã bỏ cuộc công thành, bí mật rút lui. Từ đó hai bên thôi đánh nhau, lấy sông Gianh phân giới Nam Bắc.

Cuộc chiến tranh Trịnh Nguyễn chấm dứt, nhưng sử cũ còn để lại những tồn nghi cho lịch sử địa phương Quảng Bình.

Thí dụ:

1/ Theo ông Cadriere, trong trận 1672, khi Nguyễn Hữu Dật đem quân cứu viện lũy Trấn Ninh, phải đi qua một con đường từ Sa Phụ: đường ấy là đường nào?

Xét thực địa, ở lưu vực sông Nhật Lệ bờ phía đông Sa Phụ, chệch về Nam một quãng có khúc sông Động Nây đối diện với cồn Mũi Nại bên bờ phía đông Động Hải, là khúc sông hẹp nhất, phải chăng đây là con đường mà Nguyễn Hữu Dật đi từ Sa Phụ qua lũy Trấn Ninh? Nếu như vậy thì ở khúc này phải có cầu phao. Nhưng vào thời đó chưa thấy sách vở, quân sự hoặc binh thư nào nói quân đội nước ta biết bắc cầu phao qua sông.

2/ Về lũy Trấn Ninh: Đại Nam Thực lục tiền biên chép: năm 1661. Nguyễn Hữu Dật và Nguyễn Hữu Tiến xin Hiến Vương xây thêm lũy Trấn Ninh để đề phòng mặt biển.

Vậy có phải đến 1661, họ Nguyễn mới xây dựng lũy Trấn Ninh hay không? Nếu vậy thì năm 1630, Đào Duy Từ xây lũy từ Đâu Mâu Nhật Lệ thì đã có Trấn Ninh chưa? Sự thực hiển nhiên mà sử sách đã chép, chứng minh,

rằng đoạn lũy Trấn Ninh này vốn có từ 1630 khi Đào Duy Từ xây lũy Đâu Mậu-Nhật Lệ, nhưng lúc đó nó không được đặt tên gì, và khi đoạn lũy nào xây qua địa phương nào thì tự nó mang tên địa phương đó. Ngay như Nguyễn Khoa Chiêm (1659-1736) là người cũng sống gần thời Đào Duy Từ, khi viết sách Nam Triều Nguyễn Chúa Khai Quốc Công Nghiệp Diễn Chí Tân soạn (Trịnh-Nguyễn diễn chí) cũng chỉ chép: "Lộc Khê Hầu vâng mệnh cùng Chiêu Vũ đến dinh phủ Quảng Bình hạ lệnh cho quân dân đắp lũy ở cửa Nhật Lệ... cũng không nói rõ bức lũy được đặt tên là lũy gì, mãi đến 1776, khi Lê Quý Đông viết Phủ Biên Tạp Lục mới thấy chép tên lũy là lũy Động Hồi, có lẽ cũng do cách danh xứng theo địa danh nơi lũy đi qua. Đến đời Thiệu Trị (1841-1847) mới đặt tên chính thức là Định Bắc Trường Thành. Đây là lần đầu tiên về mặt Nhà nước có văn bản đặt tên cho bức lũy này, đồng thời ngự chế ba bài thơ và khắc lên bia dựng ở bờ Bắc cầu Dài với cầu Dài Nhật Lệ.

Lũy Trấn Ninh xây năm 1662 chính là đoạn lũy Đâu Mậu Nhật Lệ bắt đầu từ cầu Dài đến Nhật Lệ, vậy là nó vốn có từ thời Đào Duy Từ xây đắp năm 1631, nay, năm 1662 chỉ bồi đắp thêm, tăng cường thêm, tôn tạo thêm chứ không phải là một lũy mới xây thêm, hoặc bổ khuyết thêm do tình hình chiến thuật, khí tài của đối phương thay đổi, lũy cũ chưa phù hợp với tình hình mới. Nó hoàn toàn khác với lũy An Nậu xây trước nó một năm. Ông Cadriere trong sách Le mur de Donghoi, cũng có viết: "... à la même époque, Hữu Tiến, Hữu Dật, demandèrent à Hiên Vương de compléter les travaux de défence de lembouchure du Nhật lệ. Sur l'rive gauche, on construit le mur de Trấn Ninh ... Nous devons voir ici un ouvrage supplémentaire comblant du côté d'Est le grand mur en 1631 et qui devrait entourer le village actuel Trấn Ninh, du côté Nord... (Trong cùng thời kỳ này (1662) Hữu Tiến, Hữu Dật, xin Hiên Vương hoàn thiện những công trình phòng ngự ở cửa sông Nhật Lệ ! Ở trên bờ trái, người ta xây thành Trấn Ninh. Chúng ta cần thấy đây là một công trình phụ thêm bằng cách hoàn thiện (bổ sung) từ góc phía Đông của lũy lớn xây năm 1631 và nó phải bao quanh vòng ngoài là Trấn Ninh hiện ở góc phía Bắc. Rõ ràng, năm 1661, xây thêm trên cơ sở của lũy năm 1631 đã có, chứ không phải ở đây chưa có nay phải xây thêm, nhưng năm 1631, nó chưa có tên là lũy Trấn Ninh, mà gọi chung là lũy Đâu Mậu-Nhật Lệ.

Có thể lấy hai trận đánh của Trịnh tấn công vào đây trong hai năm 1627 và 1633 để chứng minh, lũy Trấn Ninh có từ 1631 hay 1662.

+ Năm 1627, vùng Động Hải chưa có thành lũy nào, công sự nào của chúa Nguyễn thiết lập ra để chống lại quân Trịnh, do đó, "... Tháng 3,

Thanh Đô Vương (Trịnh Tráng) đích thân thống lĩnh đại quân thủy bộ rước xa giá vua Lê đi đánh phạt xứ Nam. Tháng Tư, đại quân tiến đến cửa Nhật Lệ, chia quân đóng trại đồn trú, làm thành thế trận để phối hợp tiến đánh...

+ Năm 1633, Nguyễn Phúc Anh, em Nguyễn Phúc Nguyên, muốn giành quyền, thông đồng với chúa Trịnh, đem quân vào đánh Phúc Anh sẽ làm nội ứng, hứa đem quân đến giúp. Tháng 10 năm đó, Thanh Đô Vương đem quân đi, rước vua Lê đi theo... "đến phía ngoài cửa Nhật Lệ, bắn ba phát súng làm hiệu không thấy Phúc Anh ra hàng, Thanh Đô Vương lấy làm ngờ cho lui quân ra xa mặt lũy đóng trại để chờ tin tức của Phúc Anh không được bèn rút lui..."

Có thể kết luận rằng: năm 1672, chưa có lũy Đâu Mâu-Nhật Lệ, quân Trịnh vào cửa Nhật Lệ, chia quân đóng trại, làm thành thế trận..., năm 1633, do có lũy rồi quân Trịnh đến phía ngoài cửa Nhật Lệ rồi... cho quân lui ra xa ngoài lũy đóng trại...

Giả như mãi đến năm 1662 mới có lũy Trấn Ninh thì năm 1633, quân Trịnh sao phải đến ngoài cửa Nhật Lệ rồi lui ra xa ngoài lũy đóng trại? mà không vào ngay trong cửa như năm 1627?

Ngoài những tồn nghi trên đây, lịch sử địa phương Quảng Bình cũng cần bàn thêm về vị trí chiến lược của Quảng Bình Quan với cửa biển Nhật Lệ, trong chiến tranh Trịnh Nguyễn. (69)

Trên chiều dài hơn 3000 trượng của bức lũy Đâu Mâu-Nhật Lệ, có ba cửa quan, nhưng sử cũ chỉ ghi chép 2 cửa.

1. Cửa vào dinh Quảng Bình, gọi là Quảng Bình Quan.
2. Cửa Lý Chính Đại Quan môn, sau đổi là Võ Thắng quan, dân gian gọi là Cổng Thượng.
3. Cửa Thủ Ngự ở đồn Thủ Ngự canh giữ cửa Nhật Lệ (bờ Bắc)

Riêng Quảng Bình Quan vẫn còn tồn nghi giống như lũy Trấn Ninh, nó có từ bao giờ? ai xây? vua Minh Mạng hay Đào Duy Từ?

Hiện nay chưa có tài liệu nào nói, trước năm Minh Mạng thứ 6 (1826) nó có tên gì khác không? mà riêng Võ Thắng Quan thì sử triều Nguyễn nói: trước gọi là Lý Chính Đại Quan môn, năm Minh Mạng thứ 7 (1827) đổi tên hiện nay, năm Minh Mạng thứ 8 (1828) xây gạch đá. (70)

Dù Quảng Bình Quan có tên nào khác chăng nữa thì chắc chắn vốn xưa nó cũng nằm trong tuyến phòng ngự của lũy Đâu Mâu-Nhật Lệ, cùng ra đời một lần với Lý Chính Đại Quan môn (Võ Thắng Quan) và cũng nằm nguyên vị trí hiện nay, cái vị trí mà con đường Thiên Lý thời Trần-Hồ-Lê và cả Trịnh Nguyễn phải đi qua. Nhất định không phải đợi đến lúc Minh Mạng xây gạch đá mới có, bởi vì vào thời Minh Mạng không còn chiến tranh nữa

để xây thành đắp lũy mà Minh Mạng chỉ phục chế lại di tích để ghi công nghiệp của tổ tiên. Minh Mạng là người có công nâng cao di tích lên tầm mỹ thuật, văn hoá, của thời đại ông chứ không phải là người sáng tạo ra. Do không có việc đổi tên nên sử không chép như Võ Thắng Quan mà cứ gọi tên nguồn gốc.

Muốn xác định vị trí Quảng Bình Quan có từ bao giờ, cần tìm hiểu các đường giao thông thời Trịnh-Nguyễn khi đổ về Động Hải, vào dinh Quảng Bình, phải đi qua đâu để vào Phú Xuân thì sẽ rõ.

Sách Phủ Biên Tạp Lục của Lê Quý Đôn chép:

"... Từ Nghệ An đi vào Nam, vượt núi Hoành Sơn, qua các xã Thuận Thần, Phù Lưu, châu Bố Chính, đi về phía Đông đến xã Lũ Đãng thì tới sông Gianh... qua xã Cao Lao, vượt núi Lễ Độ mấy mươi dặm... đi về Đông Nam qua An Phúc, Thiên Lộc, đến thôn An Lão, xã Lương Xá, tục gọi chợ Đón, đó là Đường Giữa... còn Đường Thượng thì từ Cao Lao vào,... và Đường Dưới thì từ Lý Hoà vào... đều hợp ở đây (tiếp tục đi) qua các xã đến trước chùa Phúc Tự mà vào... nếu sang sông Động Hải để vào huyện Khang Lộc, Lệ Thủy thì một Đường Cái đi mãi về phía tả, đồng bằng rộng rãi..., nếu không sang sông Động Hải mà đi về phía hữu đi lên một vài dặm đến núi ông Hôi, Trường Dục, để đi Dinh Trạm...(tức Đường Thượng)..."

Khúc sông Động Hải mà Lê Quý Đôn nói ở đây không đâu khác là khúc sông cầu Dài, chỗ hợp lưu của hai con sông Lệ Kỳ và Nhật Lệ, nơi gạch nối của hai đoạn lũy Thầy ngang qua với nhau, còn gọi là lũy Đầu Mâu-Nhật Lệ, hay lũy Động Hải.

Thời bấy giờ từ Bắc vào Nam muốn đi Phú Xuân phải qua cầu Dài, mà Quảng Bình Quan ở phía Bắc cầu Dài chỉ 3 đến 400 mét (khoảng 1000 trượng) thì phải chui qua Quảng Bình Quan là cái cửa duy nhất đi vào dinh Quảng Bình, để vào Phú Xuân. Cái vị trí này của Quảng Bình Quan, dù thời chúa Nguyễn nó có mang tên khác, thì đến đời Minh Mạng xây đá gạch nó cũng không thay đổi, vì cả hai con đường Thượng và đường Dưới đều phải qua đó để tới cầu Dài.

Nếu không chui qua Quảng Bình Quan để đi cầu Dài, tức là qua sông Động Hải như Lê Quý Đôn nói, thì phải theo đường Thượng, có nghĩa là đi ngược lên phía Tây, để chui qua cổng Thượng (tức là Lý Chính Đại Quan Môn) mà đi lên Trường Dục, vào Dinh Trạm mới vào Phú Xuân được.

Dấu vết con đường mà Lê Quý Đôn gọi là đường cái, đường Dưới, thời Trần-Hồ-Lê gọi là đường Thiên Lý, gần trùng với đường quốc lộ 1A bây giờ, chỉ khác đoạn:

+ Đường Thiên Lý cũ (tức là đường xuyên Nam Bắc thời Trịnh Nguyễn) khi ở Phúc Tự đi đến Lộc Đại (nay xã Lộc Ninh) trước khi vào dinh Quảng Bình thông qua Quảng Bình Quan phải đi theo đường miếu ông Cọp (nay là bệnh viện Cu Ba) băng qua cánh đồng xóm Làng, thôn Minh Lý (nay là xã Lý Ninh) để qua cầu Rào, gần bến xe ca thị xã Đồng Hới) thẳng tới Quảng Bình Quan, đi phía ngoài đồn Động Hải cũ (nay là thành Đồng Hới) theo hướng Đông Nam rồi chui vào cửa quan Quảng Bình mà đến cầu Dài.

+ Đường quốc lộ 1A ngày nay: Từ miếu Ông Cọp rẽ ngoặt về hướng Đông, băng cánh đồng làng Trấn Ninh (nay là phường Đồng Phú) đến đoạn cổng Phóng Thủy thì lại ngoặt về hướng Nam đi xuyên thẳng vào nội thành Đồng Hới bây giờ qua cửa Bắc và cửa Nam rồi lướt bên cạnh (tức ngã sau) Quảng Bình Quan rồi cũng đến cầu Dài.

Như vậy, đường xuyên Bắc Nam khi qua địa phận Dinh Quảng Bình (đồn Động Hải) muốn đến cầu Dài, thời Trịnh Nguyễn chỉ có một con đường, và ngày nay cũng chỉ có một đường đi qua cầu Dài mà chưa có thời đại nào có hai con đường song song về cầu Dài một lúc. Nếu là đường mới Quốc lộ 1A thì không cần chui qua Quảng Bình Quan đi cầu Dài, chỉ có con đường Thiên Lý cũ đời Trịnh Nguyễn bắt buộc phải chui qua Quảng Bình Quan để qua cầu Dài. Quảng Bình Quan là một cái cổng trên lũy Trấn Ninh, từ đó dẫn tới đồn Động Hải (còn gọi là dinh Quảng Bình) cho nên nó được là cửa vào dinh Quảng Bình, đồng thời nó cũng là cái cửa quan kiểm soát trước khi vào Phú Xuân. Do đó, dù nó có mang tên hiện nay hay mang một tên nào khác thì nó cũng phải được mở ra cùng lúc với bức lũy Đâu Mâu-Nhật lệ, nhất định nó không thể đợi đến lúc Minh Mạng xây gạch đá thành Quảng Bình (Đồng Hới bây giờ) mới mở ra.

Do con đường Thiên Lý thời Trịnh Nguyễn không còn sử dụng mà con đường 1A chạy ngay bên cạnh phía trong Quảng Bình Quan nên có người tưởng lầm Quảng Bình Quan không liên quan gì với trục đường Nam Bắc và Quảng Bình quay mặt với đường 1A ngày nay, mà sự thật là QB đón chặn con đường Bắc Nam và quay mặt về hướng Tây.

Về đoạn đường 1A này, nguyên nó có từ bao giờ? Người Pháp mở ra hay từ thời Minh Mạng xây thành Đồng Hải bằng gạch đá theo kiểu mẫu Vôbăng (Vauban) của Tây phương đã mở ra rồi? (tức đoạn xuyên qua hai cửa Bắc, Nam môn ra miếu Ông Cọp).

Theo bản đồ thành Đồng Hới của người Pháp vẽ tháng giêng năm 1886 in trong BAVH thì đã có đoạn đường này. Như vậy, người Pháp đánh chiếm Đồng Hới ngày 19-7-1885 mà bản đồ họ vẽ tháng 1-1886, chắc chắn

trong 6 tháng, ở thời kỳ còn chiến sự, người Pháp chưa có thể khai thông một đoạn đường như vậy.

Ở cửa Bắc thành Đồng Hới đi thẳng ra cống Phóng Thủy bây giờ (xưa gọi là Ba Vĩ) còn có dấu tích một con đường mà người Đồng Hới trước đây cũng gọi là đường "Thiên Lý" Nó nối từ Ba Vĩ chạy theo ven dẫy dụn cát trên bờ cánh đồng Trấn Ninh và Phú Xá ở phía Đông và Bắc, ra đến Hồ Cai (tức Hữu Cung) mà ra Ba Đốc, đi chợ Đón.

Chúng ta có thể nhận thấy được đoạn đường mới từ Ba Vĩ nối với miếu Ông Cọp là đoạn đường mới sau thời Pháp thuộc khi Pháp đã bình định được toàn quốc, còn đoạn từ Ba Vĩ đi theo dụn cát ra Phú Xá là đoạn thời Gia Long, Minh Mạng, hay trước đó là Tây Sơn. Hai đoạn đều xuyên qua hai cửa Bắc Nam môn mà đến cầu Dài, không chui qua Quảng Bình Quan. Riêng đoạn từ miếu Ông Cọp đi ngoài thành Đồng Hới, phải chui qua Quảng Bình Quan để đến cầu Dài là đoạn đường Thiên Lý thời Trịnh Nguyễn.

Thông thường, một cái thành củ mà cống thành quay mặt về đâu, tức là nơi đó đối địch là bên ngoài và quy lưng về đâu là nơi đó là bên trong (nội thất). Hướng quân Trịnh đánh vào lũy Đâu Mâu-Nhật Lệ chính là hướng Bắc và Tây Bắc, do đó, Quảng Bình Quan không thể quay mặt về hướng Đông mà phải quay về chính diện hướng Tây là hướng đối địch, cho nên phía bên ngoài ấy mới có quai thành bên ngoài bảo vệ cửa quan.

Sách Đại Nam Nhất Thống Chí chép: cửa quan dài 2 trượng, 1 thước; ngang 2 trượng 5 thước; thành ngoài bảo vệ cửa quan dài 14 trượng 6 thước, cao 3 thước, năm Minh Mạng thứ 6 xây gạch đá.

Trước mặt (bên ngoài) cửa quan còn có cầu vượt hào nối liền đường Thiên Lý. Ngoài ra, Quảng Bình Quan còn có mối liên kết với thành Đồng Hới (tức đồn Động Hải, hay thành dinh QB cùng một cách gọi). Như thường lệ tất cả các thành trì ở cung vua hay ở tỉnh lỵ đều có 4 cửa ra vào (có khi hơn): Đông, Tây, Nam, Bắc (còn gọi là tiền, hậu, tả, hữu). Nhưng thành đồn Động Hải (Đồng Hới) chỉ có 3 cửa: Bắc, Nam, Đông không có cửa Tây, nói cách khác là có cửa tả, hữu, hậu mà không có cửa tiền. Vì sao thế? Vì phía trước (cửa tiền) là phía địch thường xuyên đánh vỡ mặt, không thể mở cửa vào ra thông thường được, khi cái thành đồn Động Hải không phải là cái thành phòng ngự bình thường mà là công sự chiến đấu, là tuyến phòng ngự chiến lược, là đối tượng trận đồ Động Hải, nên không có lợi gì về mặt quân sự để mở cửa tiền ra hướng có địch.

Đào Duy Từ mở ra cửa Quảng Bình Quan cũng là mở cửa tiền cho đồn Động Hải, cho dinh QB, nhưng chính cửa quan này là cửa quan chiến

đấu cho nên nó có thành ngoài bảo vệ, rất khác với những cổng thành khác ở bất cứ cổng thành tỉnh lỵ nào, kể cả cổng thành của kinh đô nhà vua, lại cũng khác với các cổng thành ngay ở Bắc, Nam, Đông môn của thành Động Hải này, tức là những nơi không có thành ngoài bảo vệ cửa quan. Chỉ những vị trí chiến đấu như Quảng Bình Quan, Lý Chính Đại Quan môn (Võ Thắng Quan) mới có quai thành ngoài bảo vệ.

Ở cổng thành Đồng Hới ngày nay (thành đồn Động Hải ngày xưa) cần chú ý cái cửa Đông, mà theo vị trí của lũy Trấn Ninh và của đồn Động Hải, thì nó còn gọi là cửa hậu, nó giữ một nhiệm vụ chiến đấu khá lý thú; nằm sát bờ sông Nhật Lệ, trông thẳng ra cửa biển Nhật Lệ. Tính đường chim bay, từ trên thành lũy của cửa Đông này đến ngưỡng cửa biển, vừa đúng tầm súng đại bác thời đại đó.

Cửa biển Nhật Lệ, khi không có gì ngăn chặn thì nó là cửa ngõ đằng sau của thành Động Hải. Nhưng khi nó đã khoá chặt lại, đi vào chiến đấu, để giữ mặt trận thì cửa Đông là một trong 4 cái pháo đài tham gia làm nên lưới lửa ở trận đồ thủy chiến ngay trên lưu vực cửa sông và cửa biển Nhật Lệ.

Vậy đối với Quảng Bình Quan cũng vậy. Trong khi cửa Nhật Lệ giữ kín cửa đằng sau cho toàn bộ hệ thống lũy Thầy ở Động Hải, thì Quảng Bình Quan khi đã đóng kín lại đi vào chiến đấu thì nó là cái cuống họng mặt trước của khu vực này. Hai cái gọi là cửa này (Nhật Lệ và Quảng Bình Quan) giữ vai trò chiến lược tương hỗ như nhau như môi với răng. Nếu lũy Trấn Ninh và Quảng Bình Quan có đẩy lùi mọi sự tấn công của quân Trịnh mà riêng cửa Nhật Lệ bị chọc thủng thì dù có trăm vạn quân ở trên lũy cũng khó lòng giữ được; ngược lại, cửa Nhật Lệ có như bàn thạch mà cửa Quảng Bình Quan lọt vào tay đối phương thì mười cái trận đồ thủy trận ở lưu vực sông Nhật Lệ cũng chẳng làm gì.

Sự liên quan chiến lược này của hai vị trí này làm cho cả Nhật Lệ lẫn Quảng Bình Quan trở thành "cửa ngõ", thành "cuống họng" không những đối với tuyến phòng ngự Đâu Mâu-Nhật Lệ, Trường Dục-Thập Dinh, Trường Sa-Sa Phụ mà còn là cuống họng của cả xứ đàng Trong. Không phải đến thời Nguyễn Hoàng vào trấn Thuận Hoá, hình thành cục diện đàng Trong, đàng Ngoài, Đào Duy Từ mới nhìn thấy tính chất chiến lược của cửa biển Nhật Lệ, mà như các chương trên đã nói, các triều đại Lý-Trần-Hồ-Lê cũng đã từng nhận ra vị trí của cửa biển này trong các cuộc hành quân xuống phương Nam, nhưng các bậc tiền bối thì nhận ra trên phương hướng tấn công còn Đào Duy Từ thì lại nhận ra trên cương vị phòng ngự.

Sự liên quan này còn vượt ra ngoài diện quân sự mà đi đến mặt giao thông liên lạc và cả vận chuyển hàng hoá. Thời đó đi từ Bắc vào Nam bằng đường bộ muốn ghé vào dinh Quảng Bình, thì bắt buộc phải vào Quảng Bình Quan rồi ngược ra hướng Bắc vào cửa Nam Môn để vào thành. Nếu đi bằng đường thuỷ thì bắt buộc phải vào cửa Nhật Lệ mà vào cửa Đông Môn để vào dinh QB. Thế là đối với thành Động Hải (dinh Quảng Bình) cửa Nhật Lệ hay cửa Quảng Bình Quan đều là cửa tiền. Hoá ra, khi xây thành đồn Động Hải trên luỹ Đâu Mâu-Nhật Lệ (cụ thể là đoạn cầu Dài-Nhật Lệ, còn gọi là thành Trấn Ninh) bản thân khung thành này vốn chỉ có 3 cửa lại thành ra 5 cửa, khi nó không có cửa tiền nào mà nay lại có 2 cửa tiền !

Bố trí một đồn binh giữ vị trí then chốt trên cả tuyến phòng ngự vậy thật là hợp lý, chặt chẽ về phương diện binh pháp, cho nên có thể rất dễ đột nhập vào đồn Động Hải mà cũng rất khó; chính đó là cái "mồi" nhử quân Trịnh mỗi lần cất quân là mỗi lần quyết đánh Động Hải để rồi hể đánh không được Động Hải là phải lui quân. Cái dễ và khó, cái hư và thực ở đây thật là huyền ảo, bí hiểm. Gần 50 năm chiến tranh chúa Trịnh vẫn phải "nuốt giận" chờ thời cơ. Và hơn 100 năm sau mới gặp thời cơ ấy.

Cửa biển Nhật Lệ và con sông cùng tên nối với dòng Kiến Giang là con đường thuỷ đi suốt gần hết nửa tỉnh phía Nam QB, song song với các trục đường bộ Bắc Nam (đường Dưới, đường Thượng), chúng nó lại gặp nhau tại một điểm là Động Hải trước khi vào sâu đất đàng Trong, mà cái điểm gặp nhau đó lại là nơi hẹp nhất của cả Tỉnh, của cả nước, nó cứ lôi kéo các nhà "cầm quân muốn tốc chiến" không thể làm ngơ được. Ngoài ra nó đặt vấn đề cho người chỉ huy đối phương không còn biết chọn con đường hành quân nào khác, bởi vì không thể tránh sang phải, sang trái hoặc để đánh tạt sườn, hoặc để vu hồi, tập hậu, do phía Tây hai hòn núi Đâu Mâu, (ở luỹ Nhật Lệ), Thần Đinh (ở luỹ Trường Dục) là hai quả đấm; phía Đông thì bãi Trường sa trống trải, lạnh lùng về mùa gió mùa đông bắc, nóng cháy về mùa gió Lào, cửa biển này đến cửa biển kia cách xa hàng trăm dặm.

Đặt mình vào chính thời đại của người xưa để nhìn nhận lịch sử địa phương, thiết tưởng việc Đào Duy Từ chọn cái vùng Động Hải này làm vị trí yết hầu cho cả xứ đàng Trong, thật là kỳ diệu không chê vào đâu được.

Do vị trí yết hầu của hai cái cửa Quảng Bình Quan và Nhật Lệ, chúng nó trở thành cái quan ải kiểm soát mọi sự xuất nhập của xứ đàng Trong đối với xứ đàng Ngoài. Điều thú vị là; quan ải mà không nằm ở biên cương xa xôi, hẻo lánh, hiểm sâu, lại nằm ở giữa lòng đất nước, giữa đồng bằng, giữa lỵ sở của một chính dinh.

Lịch sử nước ta có nhiều triều đại cát cứ, chia cắt non sông ra nhiều mảnh, nhiều vùng, hình thành nhiều biên cảnh, ví như bãi Quân Thân (Từ Liêm-Hà Nội) thời Triệu Việt Vương-Lý Phật Tử, hoặc như Cao Bằng thời Lê Mạc, hoặc như sự chia cắt của 12 sứ quân, cũng chưa nơi nào để lại một thứ quan ải, một thứ cửa khẩu làm ranh giới mà mỗi khi cửa quan đóng lại, cửa khẩu khoá lại, là có quan hệ đến chiến tranh hay hoà bình cho cả đất nước. Giả dụ những vị trí ấy nằm sát ở phía Nam sông Gianh, hoặc chính là ở sông Gianh trong thời gian tháng 9-1630 hay sau 1673 để chúng nó có nhiệm vụ như một thứ quan ải nơi biên cương thì cũng là chuyện bình thường. Nhưng từ khi hai họ Trịnh Nguyễn đụng độ võ trang, khi gay gắt, khi nóng bỏng, khi lắng dịu, khi hoà hoãn. Khi nào dòng sông Gianh cũng được lịch sử mặc nhiên giao phó cho chức năng làm ranh giới giữa hai lực lượng, hai phần đất cát cứ. Những lúc bên này bên kia vượt sông lấn sâu vào đất của nhau cũng chỉ là tạm thời, và khi không làm gì nhau được rồi thì ai về đất ấy, lấy hai bờ sông Gianh làm "mặt đối mặt" với nhau. Ấy thế mà những cái quan ải ngăn chặn đường biên của nhau lại không ở ngay tại chỗ đó, mà ở tít tận vùng đất Động Hải cách xa hàng mấy chục dặm, mang tên QB Quan, mang tên cửa Sãi mới là chỗ thiên tài quân sự của Đào Duy Từ, chúng tỏ sự tổng luận về đất đai, địa thế trong tác phẩm Hổ Trướng Khu Cơ của ông thật là giải.

Cửa Sãi, theo ông Cadriere: ở lối vào địa đầu xứ đàng Trong, sát xứ đàng Ngoài, như R.D. Rhodes đã nói, có một cái cửa biển mà nhân dân địa phương gọi là cửa Sãi, và chỗ này thủy quân đàng Ngoài cần phải đột nhập trước khi đánh chiếm đất giặc. Cửa sông Đồng Hới và những vùng lân cận là điểm chiến lược mà bên này thì cần chiếm lĩnh còn bên kia thì buộc phải chống giữ.

Lê Quý Đôn trong Phủ Biên Tạp Lục cũng có nói: "đường thủy đến cửa Nhật Lệ ba canh, tục gọi là cửa Thấy, nước sâu, sóng lớn, hai bờ bãi cát, trên có lũy cổ"^(A158:111)

Năm 1673, sau khi chiến tranh chấm dứt, chúa Nguyễn lo sửa sang chính trị, chỉnh đốn học hành, đào kênh khơi ngòi để mở mang mạng lưới giao thông vận tải.

Ở Quảng Bình chúa Nguyễn cho khảo sát lại địa hình kênh Sen từ Thủy Liên đến Hồ Xá và tự thân hành đốc xuất dân ba huyện đào lại kênh này. Nhưng đào vừa xong cát lại dần lấp lên đi như các thời Hồ Quý Ly, Lê Thánh Tông, nên đành phải thôi. Chúa chỉ còn có cách chỉ thị cho nhân dân hai bên kênh tùy mùa nạo vét, cố gắng cho sự giao thông thuận lợi.

Năm 1681, mùa xuân Tân Dậu, Nguyễn Hữu Dật đang là trấn thủ dinh Lưu Đồn (Võ Xá) bị bệnh, mất tại chức, thọ 78 tuổi. Ông là nhà thao lược có tài, mưu trí và rất nhân hậu, không thích chém giết, chỉ dùng mưu kế để thắng giặc, chỉ khi nào cần lắm mới sử dụng ữu lực. Trong trận đánh ra Nghệ An, quân Nguyễn đi xa, đồn trú lâu ngày nhớ nhà, quân Trịnh đầu hàng lâu ngày cũng bỏ trốn, tinh thần quân đội sa sút, có người khuyên chém đầu vài tên bạc nhược để làm uy, ông trả lời: " Lời các vị nói chỉ đúng trong luật hành binh, còn đạo làm tướng thì điều cốt yếu là nhân hoà. Lòng người hoà hợp với nhau, trên dưới hoà hợp với nhau thì đánh trận nào cũng thắng cả. Chúng ta chỉ cần rèn lấy cái ân, cảm lấy tình thì họ vui lòng làm việc, chém giết có ích gì?" Cho nên, người Quảng Bình thường gọi ông là "Tướng Bồ Tát Phật.

Năm Quý Dậu, 1693, nhân vua Chiêm Thành là Bà Bật gây sự ở biên giới phía Nam, chúa Nguyễn Phúc Chu (1691-1725) cử Nguyễn Hữu Cảnh (em Nguyễn Hữu Dật) vừa là nhà quân sự vừa là nhà có tài kinh bang tế thế, đưa quân vào Nam chống dữ.

Nguyễn Hữu Cảnh đã bắt được vua Chiêm Thành là Bà Bật giải về Phú Xuân, chiếm vùng đất còn lại của nước Chiêm lập ra phủ Thuận Thành (1694), đến năm 1697 thì nhập cả Phan Lý (Phan Rí) và Phan Lang (Phan Rang) lập ra hai huyện Yên Phú và Hoà Đa. Đến năm 1698, Chân Lạp quấy rối, Nguyễn Hữu Cảnh lại được lệnh từ Phan Rang tiến lên miền Đông Đất Đỏ chiếm cứ Đông Phố (Đồng Nai) lập dinh Trấn Biên (Biên Hoà) lấy xứ Lài Côn làm huyện Tân Bình lập dinh Phiên Trấn (Gia Định) rồi mộ dân Quảng Bình, đặc biệt là dân Châu Bố Chính, vào khai khẩn, định cư lập ấp. Hiện nay ở Nam Bộ còn có địa danh mang tên Tân Bình nguyên gốc của Tân Bình Thuận Hoá, hoặc là ghép với một số địa phương khác như Long Bình, Bình Thạnh .v.v...là một bằng chứng về sự mộ dân lập ấp từ thời Nguyễn Hữu Cảnh, "Bình Chiêm Chế Nam"

Mặc dầu lúc này, chiến tranh Trịnh Nguyễn đã chấm dứt khá lâu (gần 30 năm), nhưng vì chúa Nguyễn lo phát triển ở miền Nam, đưa quân đi can thiệp vào nội bộ Chiêm Thành và đụng độ với Chân Lạp, Chúa Nguyễn sợ biên giới phía Bắc bị Trịnh trở lòng mà có chuyện bất an, nên liền trong hai năm Canh Thìn và Tân Ty (1700 và 1701), chưa ra lệnh xem xét lại các lũy Đâu Mâu Nhật Lệ chỗ nào hư hỏng thì cho tu sửa lại, chỗ nào yếu, chưa vững thì bổ đắp thêm, chú trọng đoạn Lũy Trấn Ninh và đồn Sa Phụ lũy Trường Sa, xây thêm các pháo đài đặt súng lớn, đặt thêm điểm canh, cho quân tuần thám chặt chẽ. Lại sai các đạo binh thường trực ở Lưu Đồn ở dinh

Quảng Bình sửa sang thành, quét cầu cống, đường sá, và Chúa thân hành đi Quảng Bình kiểm tra các công trình phòng thủ ấy,

Năm 1713, Chúa lại đi thăm các Dinh Quảng Bình, Nam Bố Chính, Lưu Đồn và xem xét các thành lũy trong hệ thống phòng ngự Lũy Thầy lần nữa, tỏ ra rằng, Nguyễn Phúc Chu không bao giờ buông thả để phòng cái hoạ chúa Trịnh ở phương Bắc.

Đến đời Nguyễn Phúc Khoái (1738- 1765), năm Nhâm Thân (1752) sai Cai Cơ kiêm hình bộ đi tuần sát các châu huyện Võ Xương, Hải Lăng, Minh Linh, Lệ Thủy, Khương Lộc (khang) Bố Chính (nam), cho các quan Hình Bộ đi khâm sai quyền: 'Phàm quan lại (ở địa phương) đã bị người ta (tức dân chúng), thưa kiện các người phải xét hỏi hết. Quan Võ từ Cai Đội, quan Văn từ Ký Lục trở lên thì tâu lên để định đoạt. Đội Trưởng, Cai án, Phủ huyện trở xuống thì các người theo phép mà xử tội, cốt để thanh trừng quan lại, cho xứng với sự uỷ thác của ta' (A355:243).

Năm 1765, Nguyễn Phúc Thuần lên nối ngôi chúa, mới 12 tuổi. Quyền thần Trương Phúc Loan thao túng cả triều đình chúa Nguyễn; Chúa thì còn nhỏ, chỉ biết ăn chơi, ca hát; Trương Phúc Loan, thì vợ vét của nhân dân, thuế cao, dịch nặng, bán quan buôn tước, chỉ cốt lam giàu; tiền của vàng ngọc, châu báu của gia đình Trương Phúc Loan chất như núi, ruộng vườn, trâu bò, kho lẫm người ăn ở phục dịch không sao kể xiết.

Nhân dân oán ghét, căm giận Trương Phúc Loan, thường gọi là Trương Tần Cối.

Cuộc khởi nghĩa Tây Sơn bùng lên. Năm 1773, Quân Tây Sơn đột nhập thành Bình Định, chiếm thành trì, giết trấn thủ, lấy tiền bạc của cải của nhà giàu chia cho dân nghèo, được nhân dân hưởng ứng, thế mạnh như chẻ tre, quân chúa Nguyễn không thể nào chống cự nổi.

Tin cấp báo về Phú Xuân và lợi vào tai chúa Trịnh ở Bắc Hà. Chớp thời cơ nghìn năm có một, Trịnh Sâm bèn sai Hoàng Ngũ Phúc làm Bình Nam Đại Tướng Quân cùng Bùi Thế Đạt, Hoàng Phùng Cơ, Hoàng Đình Thế đem quân đi đánh Thuận Hoá.

Trịnh Sâm biết Thuận Hoá mấy năm nay mất mùa, bèn lập ba sở quân lương tiếp tế cho quân viễn chinh Trịnh. Sở thứ nhất ở Sơn Nam có nhiệm vụ huy động thóc gạo của bốn trấn chung quanh chở theo đường thủy vào Nghệ An; Sở thứ hai đặt ở Hà Trung chở vào Quảng Bình; Sở thứ ba, đặt ở đồn Động Hải, cung cấp cho binh lính. Hoàng ngũ Phúc lãnh 23 dinh binh thủy bộ của các đạo Thanh Nghệ và Đông Nam đóng Đại Bản Danh ở Dinh Cầu tháng 9, quân Trịnh tiến vào Bắc Bố Chính, sai người liên hệ với quan quân Nguyễn đóng giữ bờ

Nam Sông Gianh mặt dao với hai viên trấn thủ Nam Bố Chính là Cai Đội Quý Lộc (không rõ họ) và Câu Lê Kim Long (không rõ họ), hai tên này nói lóng:

"Lộ bất hành bất đáo" : đường không đi không đến.

Chung bát khẩu bát minh" : chuông không đánh không kêu.

Hoàng Ngũ Phúc hiểu ý liền tiến quân, đánh lấy Nam Bố Chính, đồng thời lại được tướng giữ thành Trấn Ninh của chúa Nguyễn lam nội ứng, mở cửa thành ra đầu hàng, tướng giữ Lưu Đôn ở Võ Xá là Tổng Hữu Trương đã bỏ chạy, quân Trịnh vào Dinh Quảng Bình, đánh trống hò reo.

Hoàng Ngũ Phúc bèn sai san phẳng toàn bộ lũy Trấn Ninh chỉ để lại đồn Động Hải.

Tháng 11, Hoàng Ngũ Phúc tiến tới Hồ Xá, truyền hịch kể tội của Trương Phúc Loan, đánh tiếng giúp chúa Nguyễn. Nguyễn Phúc Thuần bắt Trương Phúc Loan nộp cho Trịnh và đưa tiền bạc, châu báu đưa lên vua Lê, chúa Trịnh, đút lót cho Hoàng Ngũ Phúc hàng mấy trăm cây vàng, chịu triều cống. Nhưng Hoàng Ngũ Phúc vẫn tiến quân, chiếm luôn Ái Tử;

Chúa Nguyễn Phúc Thuần biết là không thể dùng vàng ngọc để mua chuộc Hoàng Ngũ Phúc được, bèn sai Nguyễn Phước Tiếp đem binh ra chống cự, sai cai đội Phẩm Bình (không rõ họ) lên ra Quảng Bình Nam Bố Chính hiểu dụ thân hào, quân dân dấy lên đánh phía sau quân Trịnh, nhưng Phẩm Bình vừa đến nơi đã bị bắt ngay, và Nguyễn Phước Tiếp cũng bị tướng Trịnh là Hoàng Phùng Cơ đánh bại, quân Trịnh tiến lên chiếm lĩnh bờ sông Phù Lê (huyện Quảng Điền).

Tháng 12 năm ấy, quân Hoàng Ngũ Phúc, chiếm thành Phú Xuân. Nguyễn Phúc Thuần đem gia quyến xuống thuyền chạy ra cửa Tử Dung, kiếm đường trốn vào Gia Định, trong đó Nguyễn Phúc Ánh (sau trở thành vua Gia Long), năm ấy mới 14 tuổi.

Ngày 3 tháng giêng năm Cảnh Hưng thứ 36, (1775) Hoàng Ngũ Phúc yết bản an dân, chấm dứt uy quyền của vương triều chúa Nguyễn hơn hai 200 năm trên đất Thuận Hoá và cũng kết thúc cuộc chiến tranh Trịnh - Nguyễn, báo hiệu một sự cáo chung của nạn cát cứ, chia cắt non sông và cũng là đồng thời dự báo sự sụp đổ sắp tới của bản thân chúa Trịnh trước sức mạnh của nông dân khởi nghĩa đang diễn ra trước mắt họ.

2. THỜI KỲ THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC.

Như trên đã nói, thắng lợi của quân Trịnh đánh vào Động Hải, ồ ạt tiến vào Phú xuân, chiếm cứ một vùng rộng lớn từ Hoàn Sơn đến quá Hải Vân Sơn, khai tử cho Vương Triều Chúa Nguyễn, không làm cho tình hình nội bộ của họ Trịnh thêm sáng suốt mà còn dần dần dẫn đến chỗ lục đục và suy yếu thêm.

Ở Thuận Hoá, luôn mấy năm mất mùa (như chúa Trịnh đã biết trước khi xuất quân, phải tự vận lương ở Bắc Hà vào) nhân dân bị quyền thần Trương Phúc Loan và nhà chúa đua nhau bóc lột, còn tiếp theo cảnh chiến tranh vào sâu trong nội địa (trước đó hàng trăm năm, chiến tranh chỉ nằm ngoài biên ải lũy Thầy) càng làm cho nhân dân thêm khốn đốn đã đành, mà ở Bắc Hà, luôn các năm 1776, 1777, 1778, nạn đói cũng không phải không trầm trọng. Cả Thuận Hoá, cũng như ở Nghệ An, năm 1777, chúa Trịnh phải ra lệnh xuất kho phát chẩn cứu đói.

Bắc Hà thì: "Người dân sang trọng phải nhòm từng cửa để xin làm thuê hoặc vay mượn mà cũng không đắt, họ họp nhau ăn cắp, ăn trộm. Giá gạo cao vọt, một chén nhỏ giá một tiền" (A460:51-60)

Ở Thuận Hoá thì: "Trần Ty mới đặt, mọi việc bắt đầu; Bấy giờ binh, dân ở lẫn lộn nhau, quân đội ỷ thế cướp đoạt, "đặt đồn mới để bắt bớ, khám xét. Giá lúa vọt lên cao, các lò nấu muối bỏ nghề; thổ quan cùng thổ dân" tranh nhau ruộng đất, phát sinh kiện cáo, kẻ hung dữ lớn tiếng, kẻ yếu hèn uất ức. Tại Dinh Phú Xuân, nhà quan, nhà lính đến mấy vạn nhà. Tháng

giêng năm Ất Mùi, quan quân Trịnh đến đóng đồn, tướng sĩ và binh lính có hơn 3 vạn người, họ mặc ý phả dờ để lấy làm củi, nhân dân nhân đó mà lấy trộm cũng không ai cấm.

Quân Trịnh chiếm đóng Thuận Hoá không tránh được cướp bóc, cưỡng đoạt, áp bức nhân dân. Tướng đứng đầu là Phạm Ngô Cầu là kẻ nhu nhược, mê tín dị đoan, lại hống hách khiến nhân dân oán ghét. Để giải quyết nạn thiếu quân lương, chúng tập trung vào hai huyện Lệ Thuỷ và Khang Lộc vốn đã có tiếng là vừa thóc của toàn cõi Thuận Hoá. Lúc này do có cuộc nổi dậy của Tây Sơn ở Bình Định, lúa gạo Đồng Nai không chuyên chở ra được, hai huyện Khang Lộc và Lệ Thuỷ lại càng quan trọng, trở thành đối tượng cho quân Trịnh vơ vét thóc gạo. Dân hai huyện không chịu nổi phải vùng lên chống lại quân Trịnh như một cuộc khởi nghĩa (1777), đánh chiếm các trụ sở cai trị của quân chiếm đóng, làm chủ lấy địa phương của mình. Chính quyền thống trị Trịnh hoảng sợ bỏ chạy về Thăng Long cấp cứu. Triều đình Chúa Trịnh sai Hoàng Đình Thể đang trấn thủ dinh Bố Chính đem quân vào đàn áp. Cuộc nổi dậy nhân dân hai huyện bị dập tắt nhưng chúa Trịnh Sâm không khỏi lo sợ, tình hình này sẽ làm cho Phú Xuân sẽ bị cô lập, phải ban hành chính sách "vô vê" ra lệnh bãi chức thu hồi tước lộc tên Bùi Lê Chiêu là người phụ trách thu thóc gạo, khiển trách Phạm Ngô Cầu là trấn thủ Thuận Hoá và lấy thóc trước đó thu của nhân dân đem phân phát lại cho dân để "ban ơn" (82). Tuy nhiên, những đợt sống ngầm trong lòng dân (Thuận Hoá) đã từng trở dậy thành những cơn bão táp trên mặt bằng xã hội (□) sẽ bùng lên thiêu huỷ cơ đồ của chế độ phong kiến thống trị ở Phú Xuân khi Nguyễn Huệ từ Quy Nhơn đưa quân ra đánh chiếm ở Phú Xuân (A231:70)

Năm 1785, sau khi đánh tan quân Xiêm - Nguyễn Ánh, tình hình ở Nam Bộ bước đầu được ổn, Nguyễn Huệ đã có thể rảnh tay tính chuyện đối phó với quân Trịnh ở phía Bắc. Bảy giờ trải qua 10 năm chiếm đóng ở Thuận Hoá, quân Trịnh lơ là việc võ bị, tướng trấn thủ thì tham nhiều đa nghi, cùng phó tướng là Hoàng Đình Cầu không hoà hợp với nhau, ở Bắc Hà lại đối kém trầm trọng tình hình khiêu binh lại càng rối ren, | | Đó là những cơ hội khiến Nguyễn Huệ muốn đánh Phú Xuân, nhưng Nguyễn Nhạc còn sợ, cho là nguy hiểm.

Nhân lúc cuối xuân Bính Ngọ (1786) Phạm Ngô Cầu sai một viên quan dưới quyền tên là Nguyễn Phú Như vào Quy Nhơn giải cánh bàn về biên giới để dò xét động tĩnh của quân đội Tây Sơn, thì chính viên quan này lại khuyên Nguyễn Nhạc nên gấp rút đánh lấy Phú Xuân:

"Hai xứ Thanh Nghệ và cả bốn trấn hiện đang bị đói lớn, dân chúng đều ca oán kêu khổ, dân với lính chẳng ưa gì nhau, tình thế không thể lâu bền, nếu lấy được Thuận Hoá thì việc dẹp yên thiên hạ không khó gì nữa" (A261:109).

Tướng Trịnh là Nguyễn Hữu Chỉnh về với Tây Sơn 1782, cũng có nhận định như Nguyễn Phú Như, khuyên Nguyễn Nhạc nên chớp thời cơ đánh ngay Phú Xuân. Được mọi người nhất trí, Nguyễn Nhạc bèn cử Nguyễn Huệ làm thống lĩnh các đạo quân thuỷ bộ, cùng với Vũ Văn Nhậm, Nguyễn Lữ đi đánh Phú Xuân.

Theo sử cũ để lại thì Nguyễn Huệ có ba đạo quân tiến đánh Phú Xuân:

1- Đạo bộ binh chủ lực do trực tiếp Nguyễn Huệ chỉ huy, Nguyễn Hữu Chỉnh làm phó tướng đánh lấy đèo Hải Vân để tiến về Phú Xuân.

2- Đạo quân thuỷ do Nguyễn Lữ chỉ huy tiến thẳng ra sông Gianh, vừa bít đường quân Trịnh đóng sâu vào Thuận Hoá vừa ngăn cả viện binh của Trịnh ở Bắc vào (84).

3- Một đạo thuỷ quân khác do Vũ Văn Nhậm chỉ huy tiến ra cửa Tư Hiền và Thuận An, cùng tiến lên Phú Xuân.

Đối với Quảng Bình, Nguyễn Lữ chia quân ra nhiều cánh: một toán chiếm Bắc Bố Chính, án ngữ suốt dải sông Gianh để phòng quân Trịnh từ Bắc Hà tiến vào cứu viện; một toán đánh lui vào chiếm Nam Bố Chính, chốt tại Dinh Ngói, đón bắt tàn binh Trịnh chạy từ Phú Xuân ra; một toán quan trọng khác, với lực lượng mạnh hơn hai toán kia nhiều lần, quay ngay xuống tiến công đồn Động Hải và cửa biển Nhật Lệ.

Từ sông Gianh đến Dinh Cát (Quảng Trị) lực lượng quân Trịnh rất đông, họ đóng rải rác khắp nơi, lập nhiều đồn lũy nhiều doanh trại, nhưng họ đều tháo chạy; Quân Tây Sơn hầu như không phải đụng độ một trận nào đáng kể. Ngay đội quân thuỷ đánh vào Động Hải và Nhật Lệ, quân Trịnh ở đồn Lèo Heo, trên lũy An Náu, mới nhìn thấy buồm chiến thuyền quân Nguyễn Lữ đã bỏ chạy tìm đường về Bắc, nhưng cả tướng lẫn quân khi chạy đến gần dinh Nam Bố Chính đã bị nhân dân đón bắt nạp quân cho Tây Sơn. Tại lũy Động Hải cũng vậy, tướng giữ lũy của Trịnh là Vị Phái Hầu và Ninh Tồn đều bỏ chạy. Hai viên tướng này theo đường núi lần mò được ra Bắc.

Ngày 21 tháng 6 năm 1786, tức 26 tháng năm năm Bính Ngọ, thuỷ quân Tây Sơn tiến vào chiếm lũy Động Hải.

Tiếp đó, ngày 22 tháng 6 năm 1786, bộ binh Tây Sơn tiến tới Dinh Cát thì đồn này đã bỏ trống, quân tướng Dinh Cát chạy ra Nam Bố Chính bị

nhân dân địa phương phối hợp với quân Tây Sơn vây bắt. Hai trăm tướng sĩ Trịnh và ba thớt voi đều bị bắt

Thế là, từ khi khởi sự đánh Phú Xuân, chỉ trong vòng chưa đầy 10 ngày (86) quân Tây Sơn đã đuổi quân Trịnh qua bên kia đèo Ngang, làm chủ cả một vùng "từ miền Nam Hà Hoa" trở vào"^(A261:124) Phú Xuân đã trở thành trung tâm lãnh đạo của phong trào Tây Sơn, tiêu biểu cho ý chí thống nhất mạnh mẽ nhất cho cả nước. Riêng đối với Quảng Bình, Nguyễn Huệ là người đầu tiên xoá bỏ ranh giới sông Gianh, xoá bỏ sự chia cắt, nhập lại hai châu Nam Bố Chính, Bắc Bố Chính (còn gọi là Bố Chính Nội, Bố Chính Ngoại) làm một thành châu Thuận Chính, biểu thị đúng lòng mong muốn thống nhất non sông với nhân dân ta.

Phú Xuân được giải phóng đã làm đảo ngược toàn bộ cục diện tình hình Đất Nước. Từ chỗ Phú Xuân là bàn đạp của quân Trịnh tấn công Tây Sơn ở Quảng Nam, uy hiếp phong trào Tây Sơn đến mức Nguyễn Nhạc phải làm kế hoãn binh bằng cách trả hàng với quân Trịnh để khỏi bị đánh cả hai đầu, từ chỗ Phú Xuân là phen giậu "ngoại biên" của Lê-Trịnh nơi vùng đất Thuận Hoá mới chiếm cứ Phú Xuân trở thành chỗ đứng vững chắc của phong trào Tây Sơn làm bàn đạp cho vị anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ thần tốc tiến ra Thăng Long, xoá sổ nạn cát cứ Đảng Trong-Đảng Ngoài, đưa non sông về một mối, trở thành trung tâm lực lượng của cả nước chống mọi kẻ thù xâm lược trong thời đại đó mà vai trò Nguyễn Huệ tiêu biểu cho lòng yêu nước. Cuộc khởi nghĩa Tây Sơn, đến khi Nguyễn Huệ đánh xâm lược Mãn Thanh, thực sự trở thành cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc.

Lúc này, Thăng Long có thể là chiến trường quan trọng của giặc phương Bắc; Gia Định có thể là chiến trường quan trọng của giặc Xiêm La và Nguyễn Phúc Ánh; bờ biển phía Đông có thể là chiến trường của các tập đoàn tư bản phương Tây, nhưng, đều chưa phải là mục tiêu cuối cùng của các loại kẻ thù mà Nguyễn Huệ đang đối diện.

Mục tiêu chiến lược lớn nhất ở thời kỳ lịch sử sau giải phóng Phú Xuân vẫn là Phú Xuân. Kẻ thù dân tộc đã đánh giá khá đúng điều này.

Xin trích một đoạn trong "Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện" của Sử quán Triều Nguyễn nói về nội dung tờ "mật dụ" của Vua Càn Long nhà Thanh gửi cho Tôn Sĩ Nghị, tên tướng đang xâm lược nước ta, để dẫn chứng: "[N]ếu như người trong nước phần nữa theo vua Lê, phần nữa theo về Huệ mà Huệ không chịu lui quân, ta chờ thuỷ quân Quảng vượt biển đánh vào Thuận Hoá-Quảng Nam, liền cho bộ binh tiến tới. Nguyễn Huệ ở vào thế gặp địch ở bụng và lưng (trước và sau) ắt phải quy hàng. Nhân đó ta giữ cả

hai. Từ Thuận Quảng trở về Nam thì cắt cho Huệ; từ Châu Hoan Ái trở về Bắc thì giao cho nhà Lê, ta nhân đó đóng quân ở An Nam để kiểm chế họ, chờ về sau sẽ có cách xử trí khác."

Rõ ràng, Thuận Hoá, Phú Xuân là mục tiêu chiến lược cuối cùng lớn nhất, quan trọng nhất cũng như Nguyễn Huệ là đối tượng cần đánh nhất dưới con mắt kẻ thù của Việt Nam thời đó. Nhưng lịch sử đã chứng minh: muốn lấy được Phú Xuân, giữ được Thuận Hoá thì phải làm chủ Động Hải, Nhật Lệ, và sông Gianh. Trong chiến lược phòng ngự, chúng ta đã thấy Đào Duy Từ thể hiện được điều đó; đến nay, trong chiến lược tiến công, chúng ta lại thấy Nguyễn Huệ cũng như vậy. Việc đánh chiếm Động Hải, đóng giữ Dinh Ngói và sông Gianh nhanh gọn để kịp thời ngăn chặn viện binh Bắc Hà, tóm chặn tàn binh Trịnh rút chạy, trong chiến dịch thần tốc Phú Xuân là một điển hình chiến công đi trước và song song với hạ thành Phú Xuân còn tỏ ra mảnh đất Quảng Bình phía Nam đèo Ngang là rất quan trọng. Tác dụng còn được phát huy liên sau giải phóng Phú Xuân khi Nguyễn Huệ tiến lên giải phóng Thăng Long, bởi vì, để mất sông Gianh, mất quyền làm chủ Châu Bắc Bô Chính, mất Hoành Sơn, quân Trịnh không những còn khả năng phản công mà còn không thể bảo vệ, phòng giữ được phía Nam Thanh Nghệ, cửa ngõ của Thăng long. Thời chiến tranh Trịnh Nguyễn trước đó, sở dĩ quân Trịnh luôn luôn chủ động tấn công chúa Nguyễn, muốn đánh lúc nào thì đánh, là do chúa Trịnh đủ sức mạnh làm chủ được sông Gianh, giữ vững Hoành Sơn, còn quân Nguyễn thì vì yếu nên tự lượng sức mình chỉ vừa đủ giữ gìn bờ cõi với sách lược phòng ngự là chủ yếu. Thì 1655-1660, chúa Nguyễn đẩy chiến tranh lên đất Nghệ An, chiếm 7 huyện, đắp lũy phía Nam sông Lam cũng để mong giữ vững tuyến sông Gianh, hạn chế sức chủ động tiến công đánh mình của họ Trịnh, và cũng do họ Trịnh bỏ lỡ cơ hội làm mất sông Gianh, cũng là một bằng chứng về ý nghĩa chiến lược của tuyến sông Gianh. Bởi vậy, sau khi Thuận Hoá được giải phóng, Nguyễn Huệ không bỏ quên việc tiếp tục củng cố, bồi đắp, sửa chữa lại các hệ thống doanh trại, thành lũy ở phía Bắc Thuận Hoá (tức Quảng Bình) và "đặt nhiều đội quân đồn trú ở nhiều nơi, mộ thêm nhiều binh lính. Tại đây, nhân dân còn cung cấp lương thực (cho quân đội Tây Sơn Giáo sĩ Serard lúc này ở Bồ Chính đã biên thư về Pháp, kể chuyện: muốn vào Phú Xuân chúng phải trải qua một thành lũy hay bờ lũy dài dùng làm biên giới cách bờ cõi Nam Hà một ngày đường biển, được canh phòng rất nghiêm ngặt "(A231: 91)

Vậy là chùng nào Thuận Hoá còn là "đất dụng võ của người anh hùng" như Nguyễn Hoàng đã nói; chùng nào Thuận Hoá còn là "đất lòng dạ của ta" như Lê Lợi đã nói; chùng nào Thuận Hoá còn là "đất cung cấp quân

lính cho thiên hạ " như Trịnh Kiểm đã nhìn thấy, chừng nào Thuận Hoá còn là " đất căn bản" như Nguyễn Huệ đã thừa nhận, thì chừng đó sông Gianh, Nhật Lệ, Động Hải nói riêng, Quảng Bình nói chung, còn là những vị trí "yết hầu" của Phú Xuân ở phía Bắc và là phen giậu hiểm trọng của Thăng Long ở phía Nam.

Sau khi củng cố xong các tuyến phòng giữ tuyến sông Gianh và Động Hải, Nguyễn Huệ tiếp tục quyết định xuất quân phạt Trịnh tại sào huyệt của họ ở Thăng Long với khẩu hiệu "Phò Lê diệt Trịnh"

Nguyễn Huệ sai Nguyễn Hữu Chỉnh đem thuỷ binh đi trước với nhiệm vụ nhanh chóng chiếm lấy vị Hoàng (Nam Định) và Nguyễn Huệ đưa đại quân tiến theo sau. Quan quân của Trịnh trấn giữ vị Hoàng (Nam Định) mới thấy bóng quân Nguyễn Huệ đã bỏ chạy, Hữu Chỉnh thu được hàng vạn học lương rồi đốt lửa làm hiệu báo tin cho hậu quân tiến gấp.

Liên đó, Nguyễn Huệ hạ thành Sơn Nam, báo cáo với nhân dân Bắc Hà về mục đích cuộc tiến quân Phò Lê Diệt Trịnh, đồng thời thừa thắng tiến lên vây thành Thăng Long. Quân Trịnh do Hoàng Phùng Cơ chỉ huy, dàn trận ở Vạn Phú (Thanh Trì) bị đánh tan, chúa Trịnh là Trịnh Khải phải mang cờ tiến thân hành thúc voi ra trận, nhưng cũng thất bại, bỏ chạy lên Sơn Tây thì bị một người dân bắt đem về Thăng Long nộp cho Tây Sơn, giữa đường Trịnh Khải rút gươm cắt cổ tự tử. Nguyễn Huệ thương tình cho lấy lễ vương hầu mà mai táng. Đến đây, họ Trịnh dứt quyền. Kể từ khi Trịnh Tùng lập ra nghiệp chúa đến đây tính được 216 năm (1570 - 1786).

Nền độc lập thống nhất của Đất nước vừa mới khôi phục chưa được mấy chốc thì nạn xâm lược của nhà Mãn Thanh đã bắt đầu.

Tháng 11- 1788, quân Thanh do Tôn Sĩ Nghị làm tổng chỉ huy chia làm 4 đạo tiến vào nước ta. Ngày 17-12-1788, quân Thanh chiếm đóng Thăng Long một cách rất dễ dàng vì toàn bộ quân Tây Sơn đã rút lui về phía Tam Điệp và Biện Sơn theo kế hoạch của Ngô Thời Nhậm. Ngày 21-12-1788, Nguyễn Huệ nhận được tin báo khẩn cấp thì liền ngày hôm sau, 22-12-1788 làm lễ lên ngôi Hoàng Đế, lấy niên hiệu là Quang Trung, và lập tức thống suất đại quân tiến ra Bắc.

Như vậy là Nguyễn Huệ đã nhìn thấy trước khá lâu sự kiện quân Thanh thế nào cũng xâm lược tổ quốc ta, đã chuẩn bị hết sức kịp thời nên, khi được tin, chỉ một ngày là đại quân chỉnh tề xuất phát.

Trên đường đi qua Quảng Bình, mặc dầu sử cũ không chép chi tiết, nhưng theo một số gia phả, tộc phả ở một số huyện Quảng Ninh, Quảng Trạch, Lệ Thủy thì nhân dân Quảng Bình đã đóng góp không nhỏ phần mình vào công cuộc kháng chiến chống quân Thanh cũng như trong lúc

Nguyễn Huệ đột phá Phú Xuân, tiến tới sông Gianh và truy lùng họ Trịnh tận sào huyệt ở Thăng Long.

Những sự kiện truy bắt quân Trịnh chạy trốn, những việc xây lắp lại thành đắp lại lũy trên tuyến sông Gianh, Nhật Lệ, Đâu Mâu, Trường Dục, những lúc hưởng ứng tuyển bộ binh bổ sung vào quân đội Tây Sơn của toàn Thuận Hoá, dĩ nhiên, đều có sự đóng góp nhân dân Quảng Bình. Lần này, còn có nhiều nhân sĩ tham gia chính quyền của Triều Đình Quang Trung, như : Nguyễn Trung Trực ở xã Lộc An (Lệ Thuỷ), Nguyễn Việt Tuấn ở xã Cổ Hiền.

Sách Cảnh Dương Chỉ Lược chép: Phạm Phả ký có đoạn. Năm Bính Ngọ (1786) Thái Đức thứ nhất, giặc từ Tây Sơn khua binh xâm lăng phía Bắc người xã ta phụng ứng vung bổ làm năm chiếc ghe Tràng Đà, thủy thủ một chiếc 10 người, vận tải quân lương. Sự thật là phả ký thông tin cho con cháu người Cảnh Dương này biết trong cuộc hành quân tiến về Thăng Long của người anh hùng Nguyễn Huệ đã có mặt của năm chiếc ghe Tràng Đà và 50 người con của Cảnh Dương"

Ngày 20 tháng chạp Mậu Thân (1788) vua Quang Trung đến Tam Điệp và cho quân ăn tết trước, và đêm Trừ Tịch (giao thừa) ra lệnh xuất phát tấn công, hẹn đến mồng 7 tháng giêng sẽ vào thành Thăng Long mở tiệc khao quân mừng xuân, thế mà mới mồng 5 tháng giêng, Nguyễn Huệ đã hạ thành Thăng Long rồi! Tôn Sĩ nghị không kịp mang áo giáp, không kịp mang ấn tín, nhảy lên ngựa chạy thoát thân về nước.

Thế là chúa Trịnh nhân lúc đang Trong có cuộc nổi dậy của Tây Sơn ở Bình Định, chụp cổ họ Nguyễn, chỉ trong vòng ba tháng làm tan tành sự nghiệp vương bá của dòng tộc họ Nguyễn, kể từ khi đưa quân sang sông Gianh tháng 9-1774 đến tháng giêng 1775, thoã mãn quyền độc tôn mà tổ tiên họ Trịnh hằng mong ước suốt 200 năm nay mới có cơ hội ngàn năm chỉ một lần, thì đến đây, Nguyễn Huệ chỉ trong vòng 30 ngày tiêu diệt hoàn toàn tập đoàn phong kiến họ Trịnh, chấm dứt 200 năm cắt chia đất nước trong cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn chưa từng có trong lịch sử.

Cuộc chiến tranh nông dân này biến thành cuộc chiến tranh giải phóng, đánh đuổi quân xâm lược, thống nhất giang sơn bằng những chiến công rực rỡ vô tiền khoáng hậu: trong một ngày đánh tan 5 vạn quân can thiệp Xiêm tại Rạch Gầm-Xoài Mút (20-1-1785), trong 5 ngày nghiền nát 29 vạn quân chiến đấu Mãn Thanh ở ngay thủ đô Thăng Long (25-30/1/1789) mà mỗi bước hành quân lên đất Bắc của vua Quang Trung qua địa phận mảnh đất Quảng Bình chúng ta đều có đóng góp phần mình.

Thắng lợi của phong trào Tây Sơn Nguyễn Huệ trong chiến dịch tiến công đánh bại tập đoàn phong kiến nhà Trịnh, thống nhất đất nước, đánh đuổi quân Thanh xâm lược đã chấm dứt một giai đoạn đau thương trong lịch sử dân tộc, mở ra thời kỳ ổn định trong một quốc gia thống nhất, xây dựng triều đại Tây Sơn hùng cường Trên địa bàn Quảng Bình, thắng lợi của phong trào Tây Sơn Nguyễn Huệ chấm dứt sự khủng hoảng chính trị xã hội kéo dài trên 200 năm. người dân trên địa bàn Quảng Bình đã có cơ hội để hàn gắn những tổn thất của chiến tranh, khôi phục sản xuất, ổn định cuộc sống, xoá dần ranh giới nam - bắc Bố Chính, phát triển cộng đồng trong một môi trường văn hoá thống nhất dưới danh xưng hành chính "tỉnh Quảng Bình" đã được thiết lập trong cuộc cải tổ hành chính năm 1831 dưới triều Minh Mạng

Chương IV (XIX)

PHONG TRÀO YÊU NƯỚC

1. PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG

1.1. Đại bản doanh Hàm Nghi và phong trào "Cần Vương" ở Quảng Bình

Không phải đợi đến nửa thế kỷ thứ XIX, dưới thời vua Tự Đức, người Pháp mới bắt đầu dòm ngó tới Việt Nam, mà sự thật nó mạnh mẽ hơn từ khi Pháp bị mất các thuộc địa ở Canada, ở Ấn Độ sau cuộc chiến tranh Anh-Pháp (1756-1763), Pháp đang cần có thuộc địa ở Viễn Đông^(A195:29).

Trong khi đang ráo riết xúc tiến mọi thủ đoạn để tiếp cận với khu vực Đông Dương, chuẩn bị cho các cuộc chiến tranh thôn tính lâu dài thì thực dân Pháp đã tìm được chỗ dựa trong cuộc chiến tranh giữa Nguyễn Phúc Ánh với Tây Sơn. Giữa lúc phong trào Tây Sơn đang dâng lên như vũ bão, đánh đuổi Nguyễn Phúc ánh phải lưu vong sang Vọng Các (Bangkok), thực dân Pháp đã nắm lấy cơ hội nuôi dưỡng Nguyễn Ánh để chờ cơ hội khi phong trào Tây Sơn yếu đi.

"Trên đà chiến thắng (Thăng Long 1789), vài năm sau vị lãnh tụ thiên tài quân sự của Tây Sơn - vua Quang Trung kéo quân vào Nam để tiêu diệt quân Nguyễn Ánh và Pháp đồng minh của ánh, giữa đường ông bỗng chết đột ngột. Mất vị lãnh tụ bách chiến bách thắng và thiếu người kế nghiệp xứng đáng, quân Tây Sơn yếu dần"^(A195:29).

Trong khi đó, từ mùa Đông năm giáp Thìn (1789) Nguyễn Ánh đã gửi con là hoàng tử Cảnh cho linh mục Bá Đa Lộc cùng với hai viên quan là

Phạm Văn Nhuận và Nguyễn Văn Khiêm sang cầu cứu nước Pháp. Cuộc hành trình phải trải qua 3 năm (1784-1787) Bá Đa Lộc mới đưa được hoàng tử Cảnh ra mắt vua nước Pháp là Louis XVI. ^(A433:151)

"... Ngày 28 tháng 11 năm 1787, ông Bá Đa Lộc và Thượng thư bộ ngoại giao Pháp ký tờ giao ước, đại lược nói rằng:

+ Vua nước Pháp thuận giúp cho Nguyễn Vương (Nguyễn Ánh) 4 chiến tàu chiến, một đạo quân 1.200 lục quân, 200 pháo binh, 250 lính Phi Châu và đủ các thứ súng ống đạn dược.

+ Nguyễn Vương nhường đất cho Pháp cửa Hội An và đảo Côn Lôn.

+ Nguyễn Vương để người Pháp ra vào buôn bán tự do trong nước (Việt Nam) mà không để người ngoài nào khác ở châu Âu vào buôn bán với Việt Nam nữa.

+ Khi nào Pháp cần lính thủy, lính bộ, lương thực, tàu bè ở phương Đông thì Nguyễn Vương phải ứng biện cho đủ giúp nước Pháp.

+ Khi nào Nguyễn Vương khôi phục được nước rồi thì cứ mỗi năm làm một chiếc tàu y như tàu nước Pháp đã cho sang giúp để trả cho Pháp hoàng. (94)

Tờ giao ước ký xong, Pháp hoàng xuống chiếu giao cho quan Tổng trấn thành Pondychéric ở đất Ấn Độ tên là Conway, kinh lý việc sang giúp Nguyễn Vương. Nhưng giữa Conway với Bá Đa Lộc có chuyện bất hoà, nên Conway tìm cách ngăn trở việc giúp Nguyễn Vương ^(A433:151)

Bá Đa Lộc thấy sự không thành, bèn tự mình tuyển lính, mộ người, mua tàu và súng đạn đem sang giúp Nguyễn Phúc Ánh. Nhiều người Pháp có tên tuổi qua giúp Nguyễn Ánh, được Nguyễn Ánh đặt tên Việt Nam, ví dụ như: Chaigneau được đặt tên là Nguyễn Văn Thắng chỉ huy chiến hạm Long; De Forcant được đặt tên là Lê Văn Lãng. Từ đó thế lực của Nguyễn Ánh được lớn lên. Đến tháng tư năm Canh Tuất (1790) Nguyễn Ánh tiến đánh Bình Thuận, năm 1793 đánh Phan Rí; năm 1795 tiến đánh Diên Khánh và liên tục 3 năm (1797, 1798, 1799) đánh chiếm Quy Nhơn, và nhân lúc quân Tây Sơn dồn toàn lực ra vây thành Bình Định Nguyễn Ánh thừa cơ ra đánh lấy Phú Xuân. Bấy giờ là ngày 3 tháng 5 năm Tân Dậu (1801). Nguyễn Ánh vào thành Phú Xuân, liền sai Lê Chất một mặt đuổi theo quân Tây Sơn theo đường bộ, một mặt sai Nguyễn Văn Trương đem thủy binh ra chiếm tuyến sông Gianh, đón quân Tây Sơn chạy ra Bắc và sửa đắp lại các thành lũy, phòng tuyến của chúa Nguyễn xưa kia dùng chống Trịnh ở Nhật Lệ.

Lúc này vua Cảnh Thịnh (con Nguyễn Huệ) chạy ra Bắc, lấy quân Bắc Hà gồm khoảng 3 vạn người, và hơn 100 chiến thuyền vào đánh lấy Động Hải. Tháng 11 năm đó (1801) sang sông Gianh, tướng Bùi Thị Xuân (vợ Trần Quang Diệu) đốc chiến đánh thành Trấn Ninh, bị Nguyễn Văn Trương và Đặng Trần Thường đánh trả, không thắng được. Nguyễn Ánh nghe tin, thân chinh ra cứu viện cho lũy Trấn Ninh, thủy quân Tây Sơn đánh vào Nhật Lệ dữ dội nhưng nhờ viện binh của Nguyễn Ánh nên Nguyễn Văn Trương đã đánh tan quân Tây Sơn ở đây. Vua Tây Sơn là Nguyễn Quang Toàn và Bùi Thị Xuân, đem tàn quân chạy ra Bắc. Nguyễn Ánh đem quân trở về Phú Xuân, lưu Nguyễn Văn Trương lại giữ Động Hải và Tống Phúc Lương và Đặng Trần Thường giữ sông Gianh.

Tháng 5 năm Nhâm Tuất Nguyễn Phúc Ánh lên ngôi hoàng đế (1802), đặt niên hiệu là Gia Long, rồi cất quân ra đánh Bắc Hà.

Tháng 6, bộ binh vượt sông Linh Giang (sông Gianh), thủy quân chiếm cửa Hội Thống (Nghệ An), quân đi đến đâu, quân Tây Sơn tan rã đến đó, chỉ trong một tháng đã ra đến Thăng Long. Vua Tây Sơn là Nguyễn Quang Toàn chạy lên phía Bắc, đến huyện Phượng Nhãn thì bị bắt đem về Thăng Long, chấm dứt vương triều Tây Sơn.

Nhà Tây Sơn kể từ khi Nguyễn Nhạc xưng vua cho đến (1802) tính được 24 năm, tính riêng triều vua Tây Sơn đánh tan giặc Mãn Thanh, giải phóng đất Bắc Hà (1786) đến lúc tan rã chỉ có 14 năm, tuy gọi là đã thống nhất giang sơn, nhưng triều chính chỉ mới bước đầu, đến nay mới được Gia Long thực sự đem về một mối.

Nguyễn Ánh lên ngôi hoàng đế, đặt quốc hiệu là Việt Nam, quyết định lấy Phú Xuân làm kinh đô, đổi Bắc Hà thành Bắc Thành, sai sứ sang nhà Thanh cầu phong, bắt đầu chỉnh đốn việc cai trị. Trong triều không lập Hoàng Hậu, chỉ sau khi có con Vua lên nối ngôi mới phong mẹ là Hoàng Thái Hậu; không dùng chức tể tướng, công việc do Lục Bộ điều hành dưới quyền trực tiếp của Vua; chia cả nước ra 23 trấn và 4 doanh: " Từ Thanh Hóa trở ra gọi là Bắc Thành, thống suất 11 trấn chia thành 5 nội trấn: Sơn Nam Thượng, Sơn Nam Hạ, Sơn Tây, Kinh Bắc, Hải Dương; 6 ngoại trấn: Tuyên Quang, Hưng Hóa, Cao Bằng, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Quảng Yên. Từ Bình Thuận trở vào gọi là Gia Định Thành, thống suất 5 trấn: Phiên An (tức địa hạt Gia Định), Biên Hòa, Vĩnh Thanh (tức Vĩnh Long và An Giang), Vĩnh Tường và Hà Tiên. Ở miền Trung thì đặt Thanh Hóa trấn (gồm cả Thanh Hóa Nội và Thanh Hóa Ngoại), Nghệ An trấn, Quảng Nghĩa trấn, Bình Hòa trấn (tức Khánh Hòa) và Bình Thuận. Đất kinh kỳ thống suất 4 doanh: Trục Lệ,

Quảng Đức Doanh (tức là Thừa Thiên bây giờ), Quảng Trị Doanh, Quảng Bình Doanh, Quảng Nam Doanh. Ở Bắc Thành và Gia định có chức Tổng Trấn, phó Tổng Trấn; ở các tỉnh có chức lưu trấn hay trấn thủ đứng đầu trông coi mọi việc" (A433:172) *Riêng đối với Quảng Bình, Gia Long vẫn duy trì việc thống nhất 2 Trấn, 2 châu Bố Chính Ngoại, Bố Chính Nội làm châu Thuận Chính của Tây Sơn, tiếp tục xoá nhòa ranh giới chia cắt sông Gianh và đổi tên châu Thuận Chính làm châu Bình Chính, thuộc vào doanh trấn Quảng Bình dưới quyền 1 viên Cai Bạ. Mặc dù từ khi Gia Long lên ngôi thì nạn nội chiến và cát cứ được chấm dứt, đất nước được thống nhất trọn vẹn từ Bắc chí Nam, nhưng lại có nguy cơ đứng trước một cuộc xâm lược mới của các nước phương Tây, mà đối tượng là nước Pháp vẫn có chỗ dựa trước đó. Thực tế chứng minh rằng: sở dĩ Gia Long dùng vũing được gần 20 năm chống lại Tây Sơn và cuối cùng đã chiến thắng được Tây Sơn là nhờ 3 lực lượng hỗ trợ. Về quân sự có Giám mục Bá Đa Lộc và quân tình nguyện Pháp. Về vật lực có người Hoa Kiều ở miền Nam cung cấp. Về chính trị có giai cấp Văn Thân, tức là Thân hào nhân sỹ quan lại giúp. Do đó khi lên ngôi Gia Long áp dụng chế độ cai trị kiểu Trung Quốc, ưu đãi giai cấp Văn Thân, rộng rãi với người Hoa cho người Hoa tự do buôn bán và thế là triều Nguyễn Gia Long mất sự kiểm soát về kinh tế, nhưng chính sách này lại bỏ sót quyền lợi của nước Pháp là nước đã ít nhiều gián tiếp hoặc trực tiếp góp phần giúp đỡ Gia Long trong quá trình chống đối với Tây Sơn. Đây là nguyên nhân sâu xa nguy cơ mất nước mà Gia Long để lại cho các vua nối nghiệp về sau gánh chịu. Đối với Gia Long thì không được dân Bắc Hà tín nhiệm như triều đại Lý, Trần, Lê và Tây Sơn vì Gia Long không có công trạng chống ngoại xâm một cách hiển hách. Tiếp đó Minh Mạng lên nối ngôi giữa lúc mâu thuẫn giữa Pháp do chính bản thân gây nên: Trước khi chết Gia Long dặn Minh Mạng rằng: "Không được cho họ (tức Pháp) một điều kiện ưu tiên nào cả rằng sẽ sinh tai hại về sau" mâu thuẫn này bộc lộ càng cao, nhất là trong chính sách đối với người công giáo đã gây sự thêm phản ứng nặng nề của người Pháp*

Có thể khẳng định bản thân chủ trương *bế quan toả cảng* đã bắt đầu từ Gia Long. Minh Mạng đã tuân thủ nghiêm túc di huấn của Vua cha không để cho người Pháp một ưu tiên nào, ngay cả với những người Pháp đã từng giúp Gia Long dựng nên sự nghiệp như Van-ni-nê, Se-Nhô. Còn việc cấm đạo thì chính Minh Mạng là người đầu tiên ban hành những chỉ dụ bắt người công giáo phải bỏ Đạo, ra lệnh tập trung Giáo sĩ về kinh đô không cho họ truyền giáo, xử tử họ khi họ trốn tránh, kể cả những quan địa phương

chứa chấp họ cũng bị xử tử. Do vậy, dưới thời Minh Mạng, giáo dân ngày càng đối lập với triều đình và thực dân Pháp được cổ động tiến mạnh hơn nữa việc xâm chiếm nước ta dưới thời Tự Đức. Ngày 31/8/1858 tiếng súng khởi hấn của quân đội Pháp đã nổ ra ở Đà Nẵng chính thức mở màn cuộc xâm lược và đến ngày 18/2/1859 thì quân Pháp đã chiếm được Sài Gòn.

Trải qua 27 năm, từ 1858 đến 1885, sau đêm 4 rạng ngày 5/7/1885, kinh đô Huế thất thủ, chiến tranh lan đến mảnh đất Quảng Bình và tại đây dấy lên phong trào Cần Vương chống Pháp với nhiều sự kiện đặc biệt.

Nước ta vào năm 1883 là năm hết sức rối ren, đặc biệt là từ ngày 16/6 năm Quý Mùi (1883) Tự Đức mất thì triều đình đã mất quyền tự chủ, mọi quyền đều phụ thuộc vào người Pháp với danh hiệu là nước bảo hộ. Trong nội bộ triều đình thì rối loạn, quyền hành lọt vào tay hai đại thần Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường. Triều chính rơi vào cục diện chia xẻ giữa 2 phe chủ chiến và cử hoà. Hai ông thuộc phe chống Pháp, chống lại phe chủ hoà. Trong 4 tháng, hai ông đã phế lập 3 ông vua, thao túng cả triều đình, sử gọi là thời kỳ tứ nguyệt tam vương. Nếu có người nào dám đứng lên phản kháng việc họ phế vua theo ý riêng của họ như Phan Đình Phùng thì họ liền bắt giam, hạ ngục rồi đuổi về.

Hết hạ bộ Dục Đức, đến truất quyền Hiệp Hoà, rồi ám hại Kiến Phúc, hai ông đưa vua Hàm Nghi lên ngôi lúc mới 12 tuổi. Sử cũ nói Tôn Thất Thuyết sợ chọn vua lớn tuổi thì không điều khiển được, nên phải chọn vua nhỏ tuổi mới trọn quyền chống Pháp. "Dựa vào một số quan lại và quân sĩ có tinh thần dân tộc ngày 5/7/1885, Tôn Thất Thuyết đem quân đội đánh vào toà Khâm Sứ Pháp ở Huế, nhưng bị thất bại. Tôn Thất Thuyết rước vua Hàm Nghi ra Tân Sở là một thành được Tôn Thất Thuyết chuẩn bị trước ở miền núi tỉnh Quảng Trị. Ngày 13/7/1885, từ Sơn Phòng Quảng Trị, vua Hàm Nghi ra chiếu Cần Vương, hô hào nhân dân ra sức phò vua cứu nước"

(A195:73)

Nhân dân Quảng Bình đã cùng nhân dân trong toàn quốc vùng lên giết giặc. So với các tỉnh khác, cuộc kháng chiến ở Quảng Bình do điều kiện lịch sử và địa lý đặc biệt đã có những màu sắc riêng. Cuộc kháng chiến ở đây qui tụ xung quanh cái gọi là "triều đình Hàm Nghi" nhưng tính chất nhân dân của phong trào không hề bị mờ nhạt, tuy nhiên các tài liệu lịch sử cận đại hiện nay vẫn chưa làm sáng tỏ được vấn đề.

Như chúng ta đã biết, căn cứ kháng chiến của vua Hàm Nghi ở Quảng Bình lúc đó gọi là "triều đình Hàm Nghi" nhưng trong thực tế thì cả quan và lính ra sơn phòng có khoảng 100 người còn hầu hết bọn hoàng thân,

tôn thất đều đã bỏ chạy sau cuộc chiến đấu rồi trở về quây quân xung quanh bọn Pháp.

Tờ tư của Cuốc-xy (De Courcy) gửi về Pa-ri ngày 15 tháng 7 đã viết:

“Tôi rất sung sướng để báo cho ngài biết rằng tất cả các hoàng thân đã trở về và tụ họp ở sứ quán”^(A79:213).

Ngay khi biết Tôn Thất Thuyết đưa vua Hàm Nghi lên Tân Sở để ra Bắc, Đờ Cuốc Xy, tổng tư lệnh quân Pháp, phái một lữ đoàn bộ binh cùng 5 tàu chiến đi ra đánh chiếm Động Hải và cửa Nhật Lệ (19/7/1885), nhằm chặn đường ra Bắc của Tôn Thất Thuyết, đồng thời cho mở một cuộc hành quân theo đường biển từ Ninh Bình đánh vào. Qua mỗi tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, lực lượng này đều nhận lệnh dừng lại càn quét, đánh phá Sơn Phòng, tấn công các tỉnh thành vài ngày rồi rút. Được tin này, Tôn Thất Thuyết đưa Hàm Nghi ngược lên Mai Lĩnh, Lao Bảo theo đường Trường Sơn, băng qua Lào để đến đèo Quy Hợp rồi về Sơn Phòng Hà Tĩnh, cuối cùng lui về đóng quân tại vùng núi Tuyên Hoá (Quảng Bình). Tại đây ngày 20-9-1885, Hàm Nghi lại xuống chiếu Cần Vương một lần nữa.

So với chiếu Cần Vương trước, chiếu Cần Vương lần này phản ánh được đầy đủ và sâu sắc hơn: mâu thuẫn dân tộc liên quan với những sự kiện, biến cố lịch sử từ sau nhà nước Phong kiến đầu hàng, vứt bỏ ngọn cờ dân tộc. Chiếu Cần Vương thứ hai có tác dụng thúc đẩy thêm phong trào chống Pháp, nhất là sau khi ngọn cờ dân tộc đã chuyển sang tay nhân dân.

Kể từ khi tiếng súng xâm lược của thực dân Pháp nổ ra ở Đà Nẵng năm 1885 cho đến trước khi có hịch Cần Vương của Hàm Nghi ban hành, chưa bao giờ triều đình nhà Nguyễn công khai phát động quần chúng cùng nhà Vua đứng lên chống Pháp mà chỉ có những sĩ phu thuộc giai cấp văn thân tự phát kêu gọi nhân dân nổi dậy ngoài khuôn khổ phạm vi Nhà nước, những cuộc nổi dậy này không được Nhà nước ủng hộ mà còn bị cấm đoán, giống như cấm đoán, ngăn cản các tướng tá Triều đình một lòng yêu nước quyết chiến đấu bảo vệ giang sơn đến cùng.

Hàm Nghi xuất bản kêu gọi toàn dân kháng chiến và một phong trào vũ trang chống Pháp lớn đã bùng lên làm cho địch không khỏi hoang mang lúng túng. Chúng không có một giải pháp chính trị nào để ủng hộ những hoạt động quân sự. Do đó, chúng phải đưa Đồng Khánh lên ngôi để lôi kéo bọn phong kiến phản động vào việc bình định xâm lược nước ta. Nhưng trong cuộc đấu tranh gay gắt với quân thù, Tôn Thất Thuyết không chỉ chú ý về mặt quân sự mà đã kịp thời vạch trần thủ đoạn chính trị xảo

quyết của địch. Ngay khi được tin Đồng Khánh lên ngôi, Tôn Thất Thuyết đã xuống chiếu lần thứ hai, danh thép bóc trần thủ đoạn chính trị cũng như âm mưu câu kết giữa giặc Pháp và bọn phản bội do Nguyễn Văn Tường cầm đầu và kêu gọi toàn dân đoàn kết giết giặc. Trong bài chiếu có đoạn viết:

“Nguyễn Văn Tường đã bỏ trăm rồi hàng giặc để đổi dân và làm cho dân chúng lìa bỏ nhiệm vụ của họ đối với trăm; Tường lại còn mưu bắt trăm nộp cho bọn Bạch quỷ để mưu toan phú quý. Tội ấy nào ai có thể kể xiết được? Trăm sao có thể nhìn lại cái mặt xấu xa như thế? Về sau tên phản bội lại sai Tôn Thất Phán và Võ Kỵ thư thông mưu với quan lại các tỉnh để bắt trăm về kinh. Trăm biết rõ âm mưu của chúng nhưng các quan lại đâu có hạ mình đi theo con đường lầm lạc đó! Nếu giặc Pháp thật có ý định giao trả thành, thì có sao chúng lại vẫn tiếp tục lựa quân lính mang súng ống và tiếp tục đóng lại trong thành? Hơn nữa tại sao chúng lại dùng quỷ kế và phái mật sứ ra các tỉnh Thanh Hóa và Nghệ An để bắt trăm đưa về? Mặc dù, chúng đã chiếm đóng hoàng thành, nhưng giặc Pháp sợ rằng trăm sẽ phối hợp với quan lại các nơi để đánh lại chúng. Đó là lẽ tại sao bọn chúng không thể ngồi yên cai trị được và phải kéo thêm tên Nguyễn Văn Tường một kẻ gian xảo để lập mẹo trả thành. Đó như miếng mồi người ta ném cho cá để sau khi đã bắt giữ được trăm thì chúng tuyên bố nên bảo hộ như chúng đã từng làm đối với nước Cao Miên đáng thương. Nhưng có ai muốn tin vào lòng thành thực của bè lũ lang sói? Không nên nói rằng trăm còn trẻ tuổi và còn chưa hiểu thấu mọi việc trên đời nhưng ý định của bọn rợ châu Âu thì trăm lại biết rõ và trăm còn biết cả động cơ chi phối tên Tường xấu xa và dối trá. Hơn nữa, trăm lại được biết rằng tên Tường xấu xa còn mạo chữ Thái hậu để viết thư dụ trăm về kinh. Ba cung đã rời khỏi hoàng thành thì tên giặc Tường lại dẫn về với rợ Tây để viết thư đó. Thế thì làm sao ba cung có thể từ chối được? Và lại, trong di chiếu tiên đế để lại có nói rằng việc trị nước chẳng nên trao tay đàn bà. Do đó ba cung không thể đứng tên xuống dụ được mà đó chỉ là do nguy Tường đã mạo danh nghĩa ba cung để lừa dối dân chúng rồi bọn quan lại các tỉnh lại sợ hãi mà tuân theo...”^(Thico A368). Tuy nhiên, bên trong đối với bọn hoàng thân, tôn thất cũng như đối với Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết vẫn dùng một đường lối mềm dẻo hơn để tranh thủ họ. Trong bài “Văn dụ mọi người rất thân”, ông đã mượn lời Hàm Nghi vạch rõ âm mưu của bọn Pháp, sự nhẫn nhục của nhà vua để mọi người thấy rõ lý do phải xuất quân và kêu gọi toàn dân chống Pháp:

“Trăm còn nhỏ tuổi, kiến thức chưa đủ, có đâu dám trái ý tự tiện làm một việc gì. Cho nên hễ tiếp được thư của Đại Pháp đưa đến, điều khoản nào lăng nhục quá lắm, yêu sách đến mức nhân tình không thể nào chịu nổi

được, cũng nhất nhất nghe theo vương công và đại thần phụ chính khuyên răn, không lần nào không gượng tự đau đớn nén lòng nhịn nhục để thuận chịu theo chính là vì muốn bảo toàn xã tắc để các bậc rất thân vĩnh viễn hưởng tôn vinh phú quý, yên ổn giàu sang mà thôi. Không ngờ sứ Pháp ngang ngược ngày càng tăng thêm, không chịu để cho còn một mảy may quốc thể, cúi xuống đất, ngửa trông trời, không biết xấu hổ, vạn bất đắc dĩ mới có chuyến đi này”^(xem:A52)

Như vậy, cuộc phản công của Tôn Thất Thuyết ở kinh thành tuy thất bại nhưng đã có một ý nghĩa chính trị rất lớn, đã đem lại cho những người sĩ phu yêu nước một danh nghĩa chống Pháp, một lối thoát cho tư tưởng trung quân. Những thủ đoạn chính trị xảo quyệt của địch không thể lừa bịp nổi những người sĩ phu thật thà yêu nước, đứng vững trên lập trường dân tộc. Cuộc bắc tuần và lời dụ đường mật của Đồng Khánh không đem lại cho chúng kết quả mong muốn: Trong con mắt của nhân dân và những người sĩ phu yêu nước, họ chỉ thừa nhận Hàm Nghi là chính thống, tiêu biểu cho tinh thần tự cường độc lập của dân tộc mặc dù Đồng Khánh mới chính là con nuôi Tự Đức và cũng được tâm cung và phụ chánh đại thần Nguyễn Văn Tường thừa nhận. Chính bọn Pháp cũng phải thú nhận rằng: “Nhân dân vẫn biết Đồng Khánh là con nuôi của Tự Đức nhưng điều này không bù lại được tâm trạng khinh miệt hay oán ghét của đại đa số nhân dân đối với y. Phái đối lập không ngớt lời chửi y vì y được ta đặt lên ngôi, y giành lại ngôi vua của em là Hàm Nghi. Uy thế của Hàm Nghi vì thế được nâng cao, tên của ông đã trở thành ngọn cờ của nền độc lập quốc gia”^(A196:157-158)

Nhưng cũng như trong toàn quốc, việc Hàm Nghi xuất bôn xuống chiếu Cần Vương đã gây nên một phong trào chống Pháp sôi nổi ở Quảng Bình. Ông vua nhỏ bé ấy, lúc xuất bôn “nước mắt ròn ròn”, than vãn không ngờ “đế vị mắc vòng gian nguy”, bỗng nhiên trở thành “ngọn cờ cứu nước” của toàn dân chính là vì đã được Tôn Thất Thuyết đưa ra sơn phòng để mượn danh nghĩa kêu gọi toàn dân chống Pháp. Và trong điều kiện lịch sử nước ta lúc đó tiếng gọi “Cần vương” vẫn còn tác dụng tập hợp quần chúng kháng chiến. Sức mạnh của “cái gọi là triều đình Hàm Nghi” chính là phong trào kháng chiến rộng lớn của nhân dân trong toàn quốc. Tôn Thất Đàm đã dựa vào nhân dân, trước hết là sự ủng hộ của nhân dân Quảng Bình mà tồn tại.

Quân thù đã tập trung những đội quân mạnh nhất và cũng đã không từ một thủ đoạn dê hèn nào để hòng vây bắt Hàm Nghi trong một thời gian ngắn nhất. Sự thắng bại của địch ở đây lại là cứu cánh cho âm mưu chính trị

của chúng nhằm thủ tiêu danh nghĩa chiến đấu và làm tê liệt cũng như thổi chích những người sĩ phu kháng chiến. Ngay sau khi Hàm Nghi xuất bôn, tướng Pruy-dom (Prudhomme) đã tung ra nhiều đội quân để truy kích và chặn đường ra Bắc của Hàm Nghi. Đội quân của Bát-ti-đơ (Bastide) chiếm đóng Cam Lộ; đội quân của Đan-li-ê chiếm đóng Quảng Trị và hoạt động ở vùng An Vinh, Bái Sơn; đội quân của Pơ-ti (Petit) vào Tân Sở, Mai Linh và Gio Linh. Viên đại tá Sô-mông (Chaumont) đem một tiểu đoàn và ba tàu chiến từ Đà Nẵng ra sông Lam chiếm thành Vinh. Địch cố tìm mọi cách bắt cho được Hàm Nghi nhưng nhân dân ta cũng không từ một hy sinh nào trong việc bảo vệ “ông vua nhỏ bé” ấy.

Chiếu Cần Vương của Hàm Nghi xét về mặt tích cực của nó là bản tuyên chiến của triều đình nhà Nguyễn chính thức đối với thực dân Pháp, lần đầu tiên dưới thời vua Hàm Nghi, cơ quan chủ sự Cần Vương Trung ương ở xóm Thác Đài, làng Cổ Liêm, huyện Tuyên Hoá do Nguyễn Phạm Tuấn phụ trách cũng là một cơ quan duy nhất của Nhà nước Phong kiến Nguyễn đầu tiên trong lịch sử chống Pháp thời đó, đảm nhiệm và đặc trách công cuộc kháng chiến cứu nước.

Thời gian trước khi đến Quy Đạt, Hàm Nghi và đoàn hộ giá đến đèo Quy Hợp, trú tại Sơn Phòng Hà Tĩnh một tháng. Viên chỉ huy Sơn Phòng là Nguyễn Chánh đã phái Cao Đạt đi theo hộ giá và lãnh binh Phan Mỹ đã tăng cường lực lượng cho Hàm Nghi 500 lính lấy từ tỉnh lỵ Hà Tĩnh.

Hàm Nghi ra được tới sơn phòng Hà Tĩnh là nhờ nhân dân hết lòng ủng hộ giúp đỡ nhất là nhân dân các làng Mai Lộc, Bang Mai, Đan Sơn cương quyết chống giặc đuổi theo và bên kia Trường Sơn, đồng bào Mường Ma-ha-say đã nuôi nấng dẫn đường và bảo vệ nhà vua rất nhiệt tình. Theo các bộ lão ngày xưa đã đi phục dịch xa giá kể lại thì Tôn Thất Thuyết đã tổ chức xuất bôn rất khéo léo và đảm bảo bí mật. Cố Thủy, người Quảng Bình được lệnh đi phục dịch xa giá kể lại rằng cố đã được lệnh tập trung ở giữa một khu rừng rậm rạp. Đến nơi cố thấy đông người có vũ khí nhưng ánh đèn không đủ rõ mặt. Nhân dân phải khiêng cáng, hòm và rương. Các cáng đều trùm vải hay lụa kín mít; không rõ ai ở trong cáng và cũng không biết ở trong hòm có những gì. Xa giá thường phải hành quân ban đêm và phải đi xuyên qua rừng. Mỗi người cũng chỉ phải phục dịch trong một thời gian 9, 10 ngày và mỗi đợt đổi cáng độ 5, 6 cây số. Khi về nhà, trong một thời gian ngắn, họ không được đi đâu và cũng không được nói những điều họ đã làm

cũng như đã trông thấy để đảm bảo bí mật. Tháng 10 năm Ất Dậu (1885) nhà vua từ Bãi Đốc đến Quy Đạt sau khi vượt qua xóm Tranh, làng Kim Trinh, tổng Thanh Lạng. Theo Gosselin, hành trình của vua Hàm Nghi đã theo trục đường: Cam Lộ-Mai Lĩnh-Sê pôn-Mường Mahaxay. Tại đây, tri châu Mahaxay đã cho nhà vua 5 người dẫn đường qua các vùng, Viên Tri Châu đã được nhà vua thưởng 4 con ngựa và 6 khẩu súng. Chính Tôn Thất Thuyết cũng theo đường này ra Bắc. Gosselin, trong một tác phẩm khác (tác phẩm An nam) cũng nói: "Người Mường vùng núi cuối cùng của nước Lào hết sức trung thành với vua Hàm Nghi và bền bỉ chống lại nhiều cuộc hành quân của chúng tôi (quân của Gosselin)." (Xem A79)

Theo nhà sử học Đặng Huy Vạn (trong một chuyên luận công bố tại tạp chí "Nghiên cứu lịch sử" tháng 1 năm 1968) thì "sau khi đưa Hàm Nghi ra đến sơn phòng Hà Tĩnh, Quảng Bình được ít lâu, Tôn Thất Thuyết bỏ sang Trung Quốc cầu viện, còn Trần Xuân Soạn thì ra Bắc và ở lại lãnh đạo cuộc kháng chiến ở Thanh Hóa. Cái gọi là "triều đình Hàm Nghi" ở Quảng Bình trong thực tế đã được giao lại cho hai con Tôn Thất Thuyết là Tôn Thất Đàm và Tôn Thất Thiệp.

Tôn Thất Đàm hiệu là Nhượng Trứ, con trưởng của Tôn Thất Thuyết. Cùng với em là Tôn Thất Thiệp, ngày còn nhỏ, học chữ Hán và rất chú ý luyện tập võ bị. Đạo đức của ông được mọi người kính nể. Năm 1882, khi nghe tin Hà Nội thất thủ, ông đã chỉ huy và huấn luyện một đội quân một ngàn người để đợi dịp đánh giặc. Sau Tôn Thất Thuyết gọi ông về kinh để giúp đỡ việc quân. Hàm Nghi xuất bôn, ông theo cha phò Hàm Nghi ra sơn phòng kháng chiến.

Tôn Thất Đàm và Tôn Thất Thiệp tuy có tinh thần chiến đấu kiên cường và anh dũng nhưng lại còn rất trẻ tuổi (Tôn Thất Đàm lúc đó mới 22 tuổi, Tôn Thất Thiệp 15 tuổi). Tôn Thất Đàm theo cha phò Hàm Nghi ra sơn phòng và khi Tôn Thất Thuyết sang Trung Quốc; trong thực tế, ông đã là người lãnh đạo chủ chốt của triều đình Hàm Nghi(4). Ông giao cho Tôn Thất Thiệp cùng với Trương Quang Ngọc bảo vệ xa giá. Và cho đến khi Tôn Thất Thuyết sang Trung Quốc, đám quần thần của Hàm Nghi chỉ còn lại một nhóm người và một đội bảo vệ. Như vậy, không thể nói, cuộc kháng chiến của triều đình Huế đã chuyển ra Quảng Bình mà đã chấm dứt sau cuộc phản công ở kinh thành.

Quảng Bình là căn cứ kháng chiến của Hàm Nghi. Điều đó có nghĩa là lịch sử đã đặt cho nhân dân ở đây một nhiệm vụ nặng nề là bảo vệ Hàm Nghi. Cho nên mâu thuẫn dân tộc ở đây lại biểu hiện tập trung và gay gắt trong cuộc đấu tranh bảo vệ nhà vua. Như chúng ta đã biết, được sự bảo

vệ và ủng hộ của nhân dân, Hàm Nghi đã ra được sơn phòng Hà Tĩnh ở làng ấu Sơn, huyện Hương Khê. Rồi từ đó căn cứ của nhà vua là ở miền sơn cước hai tỉnh Quảng Bình, Hà Tĩnh; căn cứ chủ yếu là vùng thượng lưu sông Gianh và sông Ngân Sâu

Sau khi từ Hà Tĩnh trở vào Quy Hợp, nhà vua nghỉ tại nhà ông Đinh Hiền, quan đại tướng Tôn Thất Thuyết đóng tại nhà ông Đinh Đồi và ông tá quân Trần Xuân Soạn cùng binh lính đóng ở nhà ông Đinh Trọng. Sau 3 ngày nghỉ ngơi, đoàn xa giá dời về Cổ Liêm, nhưng nhận thấy chỗ này không đóng quân được nên rút đến ở xóm Lim thuộc làng Ba Nương và ở tại nhà ông Đinh Xón. Trương Quang Ngọc, người địa phương ở Thanh Lạng, con một viên quan dưới triều Tự Đức bị cách chức, từng là người chống lại triều đình nhà Nguyễn, đến theo nhà vua. Nhà vua cho làm hiệp quản hộ giá. Sau 8 ngày đồn trú ở xóm Lim, có tin quân Pháp từ Bãi Đức đã chiếm đóng xóm Thanh. Đoàn lại dời qua Marai, thuộc tổng Kim Linh. Quân Pháp tiến tới làng Ba Nương, dân chúng trốn cả vào rừng, trong làng chỉ còn một cụ phụ lão tên là Cổ Tư. Cổ Tư bị Pháp bắt đi dẫn đường đuổi theo nhà vua. Khi họ đuổi đến đèo Lập Cập thì hiệp quản Trương Quang Ngọc chặn đánh kịch liệt. Tên quan ba Huy-gô bị trúng tên thuốc độc, về đến Vinh thì chết. Cuộc tấn công bị thất bại. Sau khi đánh lui quân Pháp, nhà vua đến ở xóm Ve, làng Thanh Tuyên, tổng Thanh Lạng và đóng quân ở cửa Khe. Tại đây quân Hàm Nghi xây đồn lũy bằng đất cao 2m để làm cứ điểm lâu dài. Nhà vua quân đội Hàm Nghi được nhân dân các làng lân cận cung cấp lương thực và tham gia công việc chuẩn bị kháng chiến.

Tháng giêng năm 1886, viên quan hai Can-nyút dẫn đầu một toán quân lính thủy đánh bộ và một số lính khố đỏ Bắc Kỳ, có quan hai Phry-stát-tê (Frystatter) chỉ huy phó, tiến đánh cứ điểm Khe Ve; Can-nyút (Cannus) hăng hái hô quan xông lên, nhưng đã bị quân nhà vua đánh bật lại và Can-nyút bị giết ngay tại chỗ bởi nhiều viên đạn vào bụng. Bị nung quá nhiều quân và chỉ huy trưởng đã chết, nên Fry-stát-tê bèn rút quân rồi về Vinh.

Một thời gian sau, quân Pháp do thiếu tá Pen-lờ-ti-ê (Pelletier) và trung uý Pe-rot (Perrreux) lại được lệnh tấn công vào cứ điểm của Hàm Nghi. Đội quân này toàn lính nội địa, tiến theo đường rừng vào Khe Ve và thượng nguồn của nó. Pellties phải giao chiến với toán quân cung nỏ của Hàm Nghi, bị tổn thất lớn mà cũng không thu được kết quả gì, phải nhờ quân đội của thiếu tá Pla-nhôn đến tiếp viện mới cùng nhau rút về Vinh (ngày-2-1886). Liên tục trong 2 tháng này, quân đoàn Mét-din-giê bắt đầu cuộc hành quân ngày 16-2 với ba nhiệm vụ:

1. Tập trung các toán quân xung kích của Bô-ruyn tại Quy Đạt đi từ Troóc lên; quân Phi châu của Xa-jô từ Minh Cầm lên; Đại đội lính thủy đánh bộ số 27 từ Đồng Lê sang; Tất cả các binh chủng này đặt dưới quyền chỉ huy của thiếu tá Bô-đa tập kết tại Quy Đạt ngày 25-2-1886. Mặt khác, quân của đại tá Ô-li-vơ gồm một toán lính khố đỏ Bắc Kỳ, đại đội Méts-nin và một nửa trung đội lính thủy đã chiếm lĩnh Thanh Lạng, bao vây khu vực phía bắc của địa bàn tấn công.

2. Từ Quy Đạt tiến lên Khe Ve ngày 27, 28/2, một đội tiền đạo đi sục sạo, gặp một toán 10 người Việt, nhưng họ chạy trốn vào rừng, quân Pháp chỉ bắt được một người, người đó là Đề Đốc Giản được nhà vua phái đi tổ chức một lực lượng mới cho Hàm Nghi, liền bị quân Pháp giết.

3. Lấy Khe Ve làm trung tâm, cuộc tiến đến ngày 1, 2, 3/3/1886, toả đến Rào Nậy và đối diện với vùng Ma Rai thì đại đội Xa-jô nhận được lệnh tiến ngược theo Rào Nậy đến bám sát thượng nguồn Ngã Hai. Để đạt đến điểm đó, Xa-jô sẽ phải rời Rào Nậy ở Ngã Hai và ngược lên theo chi lưu bên trái của Khe Giời. Nhưng họ không thể vượt qua Rào Nậy để đến Khe Ve ngày 2 tháng 3 như đã định được. Từ ngày 3 đến ngày 7 tháng 3, đại tá Méts-nin, lấy Khe Ve làm gốc, tung nhiều toán quân lên vùng cao cách xa Khe Mới của Rào Nậy nhưng bấp phải nhiều chướng ngại của quân nhà vua ngăn trở nên quân Pháp không tiến lên được. Ngày mồng 7/3 Méts-nin thúc thêm một mũi khổ chiến vào địa điểm gọi là Tum-Tum, nơi mà quân Pháp cho là chỗ ẩn náu của Hàm Nghi. Có một người dẫn đường cho quân Pháp, nhưng (chờ đến) lúc quân Pháp kiệt sức, ngã ngục xuống không thể bước nổi thì người ấy tuyên bố chỉ vài giờ nữa là sẽ tới nơi, thế mà quân Pháp đành quay trở về. Theo ý kiến của người Pháp thì người dẫn đường đã không chỉ đúng đường cho họ.

Theo một số tài liệu của quân đội Pháp, sau cuộc hành quân của Metzinga thất bại, quân Pháp phải rút lui khỏi Tuyên Hoá, chỉ đóng lại các đồn lẻ, thì suốt dọc quốc lộ Nam Bắc qua địa phận Hà Tĩnh-Đồng Hới không an toàn, quân Pháp mỗi lần đi tiếp tế cho các đồn binh của họ đều phải có quân lực mạnh đi theo hộ tống. Các quan chức Nam Triều đều theo Hàm Nghi, các quan chức mới bổ nhiệm thay thế thì bị nhân dân khinh miệt khng thực thi nhiệm vụ có hiệu quả. Tháng 11 năm 1886, viên tri huyện Bố Trạch phải chui rúc vào đồn Quảng Khê, còn viên tri phủ Quảng Trạch thì phải do một đồn canh của lính Pháp bao vây chung quanh phủ nha mà cũng không dám ra hòng hai làng bên cạnh phủ lỵ ấy. Nhiều tên tay sai Pháp đi tuyển mộ lính giữa quảng đường từ Quảng Khê ra Roòn đều bị trừng trị. Đường liên

lạc bưu chính Hà Tĩnh-Đồng Hới hoàn toàn bị tê liệt. Viên tri huyện Tuyên Hoá được bổ nhiệm nhưng không dám đến nơi nhận chức mà chỉ bám lấy gót dầy quân đội Pháp ở trong thành Đồng Hới.

Tháng 6-1886, toàn quyền Paul Bert bắt vua Đồng Khánh thân chinh ra QB phủ dụ Hàm Nghi trở về Huế.

Ngày 17-6-1886, Đồng Khánh rời kinh đô Huế ra đi. Ngày 20 đến Quảng Trị. Các quan đầu não tỉnh QB chờ đón xe vua ở địa phận phía Nam của tỉnh thì đêm đó ở tỉnh lỵ Đồng Hới đã bị nghĩa quân Hàm Nghi tập kích nhiều phía: một đạo quân đánh vào phường Mỹ Hội (bên tả Đồng Hới) một đạo đánh vào xóm Sa Động (xã Bảo Ninh ngày nay) một đạo đánh và đóng tại làng Phú Ninh (nay là phường Đồng Phú), vây kín thành nội QB. Quân Pháp ở trong thành không dám xuất trận, chỉ đóng cửa thành phòng ngự, chờ trời sáng.

Vừa bước chân tới QB, Đồng Khánh đã xuống dụ kêu gọi Hàm Nghi đầu hàng và treo giải thưởng ai bắt được Nguyễn Phạm Tuân và Hoàng Phúc thì được thưởng tiền từ 100 đến 200 lạng bạc, làm quan từ tam phẩm đến tứ phẩm. Nhưng nghĩa quân Hàm Nghi đã trả lời Đồng Khánh bằng những trận đánh vào ngay chỗ hàng cung của Đồng Khánh tạm trú ở QB:

+ Cuối tháng 7, đầu tháng 8-1886, tấn công tỉnh thành QB, đột phá trại lính cùng tất cả giấy tờ, sổ sách, khí giới các Ty. Sự kiện xảy ra trong khoảng thời gian Đồng Khánh rời Quảng Trị (27-7-1886) đi đến QB ngày 19-8-1886. (98)

Cả hai chính phủ Tây triều, Nam triều tập trung lại, sử dụng tất cả quyền lực chính trị, quân sự vốn có, kể cả tiền bạc, danh tước, mưu mô xảo quyệt nhằm mục đích đánh bại một vương tiêu bé nhỏ Hàm Nghi trong vùng rừng rậm Tuyên Hoá mà chẳng được, ngày 4 tháng 9 năm 1886, Đồng Khánh phải tự rút lui, bỏ hãn công cuộc gọi là "thân đi đánh dẹp" của y.

Hưởng ứng chiếu Cần Vương, nhân dân Quảng Bình đã sôi nổi đứng lên kháng chiến giữ làng, giữ nước. Họ tập hợp dưới lá cờ của những người sĩ phu yêu nước hoặc tự động vũ trang khởi nghĩa. Theo nội dung bài "Về Bình Tây, sát Tả" truyền tụng trong nhân dân địa phương cho thấy nhân dân đã xây dựng những làng chiến đấu "trong thì đắp lũy, đắp thành", "ngoài thời đào hào thả chông", chuẩn bị sẵn sàng đương đầu với thực dân Pháp và chính quyền phong kiến tay sai:

Phải làm xích hậu (*điểm canh*), đêm tuần
ngày canh.

Việc triều có lũy có thành,

Việc làng thời phải đêm canh ngày phòng.
 Đàng ngoài cho đến phố trong,
 Đi lên đi xuống đề phòng cắt phiên...
 Họ tự sắm lấy vũ khí đánh giặc:
 Việc triều súng vác kiếm mang,
 Hãy còn việc làng phải sắm dao phay.
 Không dao thì mác mũi này cho thông."

Họ tìm mọi cách ngăn giặc hành quân đắp ụ chặn đường; đắp kè, đóng cọc ngăn sông. Giặc đi đến đâu họ đều thực hiện vườn không nhà trống và bất hợp tác với chúng, làm cho chúng gặp nhiều khó khăn. Phong trào chống Pháp ở Quảng Bình khá mạnh và có tính chất quần chúng rõ rệt. Tinh thần kháng chiến đặc biệt sôi nổi ở vùng Bắc Quảng Bình. Đáng chú ý là ngay từ những ngày đầu kháng chiến, cuộc chiến đấu ở đây đã diễn ra quyết liệt ở đồng bằng cũng như ở miền núi. Địch chiếm đóng miền xuôi để chặn đường tiếp tế lương thực và quân trang, quân dụng cho vùng căn cứ đồng thời chúng cũng táo bạo đánh thọc lên miền núi để truy tìm, vây bắt Hàm Nghi.

Tháng 10 năm 1885, tại căn cứ của nhà vua ở xóm Lim (Ba Nương), quân địch truy kích; sức sạo bị nghĩa quân do Trương Quang Ngọc chỉ huy phục kích buộc chúng phải rút về Bái Đức. Sợ lộ, Hàm Nghi lui về đóng ở xóm Ve (làng Thanh Truyền, huyện Thanh Lạng). Cuối năm 1885, địch tiến đánh căn cứ bằng hai đường. Được tin địch cần quét, Hàm Nghi chạy vào trong rừng còn nghĩa quân thì bố trí chặn đánh địch ngay tại căn cứ. Viên đại úy Huy Gô (Hugot) chỉ huy quân địch bị hai phát tên độc phải bỏ chạy về Bái Đức rồi rút về Vinh ngày 3-1-1886. Được ít lâu bị chết, vì vết thương quá nặng. Vài ngày sau, quân ta và quân địch lại kịch chiến ở Cửa Kê. Trận đánh diễn ra trong suốt một ngày. Để thống nhất chỉ huy, địch giao việc đàn áp vùng thượng lưu sông Gianh cho viên trung tá Mét-danh-gie (Melzniger) và vùng hạ lưu sông Gianh cho viên thiếu tá Mi-nhông (Mignot).

Cuối tháng 1, địch tập trung một binh đoàn khá lớn có tới 30 sĩ quan tham chiến do tên Ca-Muýt (Camus) cầm đầu. Chúng tiến đánh Thanh Thủy, vùng hoạt động của Lê Trục rồi thọc sâu vào vùng căn cứ Hàm Nghi để tìm nơi nhà vua đóng quân. Những nơi giặc hành quân qua, chúng đã thực hiện chính sách đốt sạch, giết sạch cực kỳ tàn bạo để khủng bố nhân dân. Nhưng nghĩa quân đã phân tán thành từng toán nhỏ, chủ động phục kích

địch trên bờ sông Nậy, và tiêu diệt chúng lúc qua sông. Tên Ca-muýt bị bốn mũi tên đâm vào vai và phải lùi lại bờ bên kia. Địch bị tổn thất nặng nhưng sau đó lại liều chết qua sông một lần nữa. Quân ta tập trung bắn rất hơn, tên Ca-muýt bị bắn chết ở dưới sông. Quân địch tan vỡ, bọn sống sót chạy một mạch về Vinh. Hàm Nghi lui về đóng ở xóm Cốc.

Những chiến thắng rực rỡ đó đã làm nức lòng nhân dân trong toàn tỉnh. Nhờ tinh thần chiến đấu anh dũng và sự bảo vệ hết lòng hết dạ của nhân dân, Hàm Nghi đã được bảo vệ an toàn trước những đợt truy lùng ác liệt của quân thù. Không những thế, chúng còn bị tổn thất nặng nề. Tuy nhiên về phía địch, chúng không chịu từ bỏ âm mưu bắt nhanh, bắt gọn Hàm Nghi để hy vọng đè bẹp phong trào kháng chiến. Tên thiếu tá Pen-le-ti-ê hiểu chiến được bọn tay sai chỉ đường, hý hửng muốn lập công một mình nên không chịu chờ binh đoàn của Mét-danh-gie đến ứng viện. Với 250 lính, hắn đã cùng với viên đại úy Pe-rô (Perreaux) sục tìm căn cứ Hàm Nghi. Nhưng trong suốt ba tuần, hắn không thu được kết quả mong muốn. Nghĩa quân phân tán lực lượng dựa vào núi rừng hiểm trở đánh tía lại chúng. Một trận đánh lớn giữa nghĩa quân và địch đã diễn ra ở Trại Na. Nghĩa quân do Trần Xuân Soạn chỉ huy tuy bị thiệt hại nặng nhưng cũng đã làm cho địch thất điên bát đảo. Sau trận đánh này, Tôn Thất Thuyết ra Bắc rồi sang Trung Quốc cầu viện. Đến tháng 2 năm 1886, viên thiếu tá Pen-le-ti-ê lại phối hợp với viên thiếu tá Pla-nhon từ hai ngã Quy Hợp và Bái Đức đánh vào căn cứ Hàm Nghi. Nhưng lại được nhân dân bảo vệ và nghĩa quân quyết tâm chiến đấu nhà vua đã chạy thoát được. Quân địch thất vọng phải rút lui và về tới Vinh ngày 25 tháng 2. Cùng với những chiến thắng ở vùng căn cứ Hàm Nghi, nghĩa quân trong toàn tỉnh cũng hoạt động mạnh và đều trong năm 1886. Nhất là từ sau tháng 3 năm 1886, phong trào Cần Vương ở ngoài Bắc lên mạnh, quân địch phải điều ba binh đoàn lưu động ở Bắc Trung Kỳ ra Bắc do đó chúng phải rút hết đồn lẻ ở Quảng Bình, Hà Tĩnh để tập trung lực lượng giữ một số cứ điểm ở miền duyên hải. Nhân đó, nghĩa quân lại tranh thủ phát triển lực lượng và đẩy mạnh hoạt động. Địch phải thú nhận rằng:

“Vùng ảnh hưởng của nghĩa quân Hàm Nghi mở rộng đáng kể”^(A79:271)

Con đường Đồng Hới và Vinh, địch chỉ mới đóng được một số cứ điểm lẻ tẻ những trạm liên lạc và những đoàn xe địch muốn thoát khỏi những trận phục kích của nghĩa quân phải có đội hộ vệ vũ trang đi kèm. Những quan lại ngụy quyền do triều đình bù nhìn cử đến để thay những

quan lại đã theo nghĩa quân vẫn không dám hoạt động. Vào tháng 11 năm 1886, viên tri huyện Bố Trạch phải ở trong đồn Quảng Khê và quyền hành của hắn không ra khỏi một vài làng ở xung quanh. Ở Quảng Trạch (Ba Đồn), bọn Pháp phải xây dựng ngay cạnh nhà viên tri huyện một đồn nhỏ để bảo vệ hắn nhưng hắn chỉ mới dám đi kiểm tra quanh vài làng ở gần đồn và ngày nào cũng lo bị đánh. Những viên đội hay cai do hắn cử đi tuần tiểu con đường qua lộ giữa Quảng Khê và Roòn, thường bị nghĩa quân giết chết.

Vùng thượng lưu sông Gianh và sông Nậy cũng do nghĩa quân kiểm soát. Vùng sông Troóc, nghĩa quân hoạt động cũng rất mạnh. Họ làm chủ trong vùng, thu thuế. Tuyên mộ nghĩa binh. Huyện Tuyên Hóa cũng nằm trong phạm vi kiểm soát của họ, viên tri huyện không dám ló ra khỏi Đồng Hới. Trước tình hình đó, địch không dám tổ chức càn quét và sức tìm căn cứ của Hàm Nghi. Những hoạt động quân sự quy mô của địch tạm thời ngưng lại. Địch thú nhận rằng.

“Từ mùa xuân, vùng thượng lưu giữa sông Nậy và sông Gianh không đến được, các làng dưới quyền kiểm soát của nghĩa quân” (A79:271)

Đội nghĩa quân của Lê Trực hoạt động ở vùng trung lưu sông Gianh. Số lượng nghĩa quân lên tới 2.000 người nhưng họ chỉ có 50 súng và 8 đại bác nhỏ. Thành Đồng Hới bị tập kích nhiều lần. Theo lời các bộ lão thị xã kể lại có lần nghĩa quân miền Nam và miền Bắc cùng phối hợp đánh thành. Họ dùng bom đốt trại lính của địch và giết chết tên bộ chánh Nguyễn Đình Dương ngay tại nơi ở của hắn. Trước khi rút lui họ còn phóng hỏa đốt cả dinh thự. Trong thành lửa cháy rực trời. Viên đại úy chỉ huy quân sự hoảng sợ phải xin tiếp viện. Trong năm 1886, không đồn binh nào của Pháp lại không bị nghĩa quân tập kích một vài lần; không đoàn xe tiếp viện nào không bị họ phục kích. Quân khởi nghĩa đã dồn địch vào một số cứ điểm như Quảng Khê, Roòn, chợ Đồn... Những đồn Roòn, Hướng Phương bị tập kích nhiều nhất. Nhưng đến cuối năm 1886, địch bắt đầu hoạt động trở lại. Bên cạnh những hoạt động quân sự, chúng còn tăng cường dùng thủ đoạn chính trị xảo quyệt. Chúng cử Hoàng Tá Viêm làm kinh lược sứ Quảng Bình để dụ Hàm Nghi và các văn thần về hàng. Trước đó, chúng đã sai Phan Tính Bình và Võ Bá Liêm đi dụ hàng một lần rồi nhưng lần ấy, hai tên tay sai này chẳng dụ được ai mà Võ Bá Liêm còn bị nghĩa quân bắt giết. Nhưng Hoàng Tá Viêm cũng chẳng hoạt động được gì. Bản thân hắn nếu có uy tín và một ảnh hưởng nào đó trong nhân dân thì cũng chính là vì hắn có đóng góp ít nhiều vào hai chiến thắng ở cầu Giấy, Hà Nội. Nhưng việc hắn về triều và

nhận chức kinh lược sứ đã làm uy tín của hãn tiêu vong và địch thủ nhận rằng:

“Những cuộc thương lượng của Hoàng Tá Viêm gần như không đạt kết quả, những vụ ra hàng mà ông ta thu được chỉ là bề ngoài hơn là thực tế”^(A80:256).} ?

Đầu năm 1887, Hoàng Tá Viêm bị “đòi về kinh đợi chỉ” Địch cũng đã đem danh lợi ra dụ dỗ Hàm Nghi, hãn xuống chiếu phong Hàm Nghi làm tổng trấn ba tỉnh Thanh Nghệ Tĩnh.

Vào tháng 11 năm 1886, viên đại úy Mu-tô (Muoteux) tập trung lính ở Quảng Khê, Roòn, Chợ Đồn gồm 250 lính nguy có đại bác yểm hộ tiến đánh căn cứ Đề Trục. Trong trận này, chúng đem theo viên gián điệp đội lột thầy tu Toóc-tuy-ô (Tortuyaux) để dẫn đường. Một trận đánh lớn đã diễn ra ở Bãi bơi trên bờ sông Gianh làng Thanh Thủy. Nghĩa quân đợi địch đến gần mới xung phong tiến đánh. Trong trận này họ dùng cả dao, gậy, gươm thờ thần, câu liêm đánh giặc. Sau đó nghĩa quân rút lui, quân địch truy kích đuổi theo bị họ chặn đánh từng bước và bị tổn thất nặng. Trong trận đánh, tên giáo sĩ Toóc-tuy-ô đã bị thương nặng ở vai. Chính tên này đã cung cấp cho chúng nhiều phu, thuyền, lương thực cho cuộc đàn áp phong trào kháng chiến của chúng ở Quảng Bình. Để trả thù đến cuối tháng 11, địch tấn công Thanh Thủy lần thứ hai nhưng cũng bị thất bại.

Địch tăng cường lực lượng cho Quảng Bình, điều thêm về đây một số tên giặc xâm lược có kinh nghiệm như các đại úy Mông-Troi (Montreuil), Bu-lăng-giê (Boulangyer), Béc-vây-ê (Berveiller) và Tru-pen (Troupel). Cuộc đấu tranh giữ xóm giữ làng, chống đi phu và nộp thuế cho địch ở đồng bằng chính lại là chỗ dựa vững chắc cho căn cứ Hàm Nghi vì vậy địch thiết lập một hệ thống đồn bốt khá dày nhằm kiểm soát các đường giao thông, các làng vùng duyên hải, cắt đứt mối liên hệ giữa nghĩa quân với nhân dân đồng thời dùng đó làm bàn đạp tấn công căn cứ Hàm Nghi. Chúng dán yết thị cấm các làng không được nuôi dưỡng, chứa chấp nghĩa quân và phải bắt họ nộp cho giặc. Nếu khi chúng tới làng mà bỏ trốn không đón tiếp thì bị coi và bị đối xử như “quân phiến loạn” Làng mạc sẽ bị đốt phá. Trước sự đàn áp khốc liệt của địch, phong trào chống Pháp miền Nam Quảng Bình tạm thời yên tĩnh. Địch tập trung lực lượng bắn phá miền Bắc, căn cứ của Hàm Nghi. Cuộc kháng chiến của nghĩa quân chuyển sang giai đoạn gay go và quyết liệt. Tuy nhiên họ đã biết dựa vào núi rừng hiểm trở chiến đấu, làm quân thù tổn thất và gặp nhiều khó khăn. Địa hình hiểm trở và khó khăn, sát bên

những rừng Hà Tĩnh, rất thuận lợi cho những trận đánh phục kích mà quân phiến loạn (nghĩa quân) tiến hành. Hơn nữa ở đó, họ có thể tìm thấy nhiều căn cứ tốt”. Đề bao vây Hàm Nghi và làm cho nhà vua chết đói trong rừng rậm, địch đã xây dựng khá nhiều đồn bốt ở vùng sông Gianh. Vùng Tây bắc Quảng Bình nổi tiếng nhiều đồn bốt đó cắt nghĩa rằng Hàm Nghi đã trốn ở vùng này. Mặt khác, địch lại tăng cường chính sách đàn áp khủng bố nhân dân vô cùng tàn bạo để cắt đứt mối liên hệ giữa họ với nhân dân. Những trận đánh trong tháng 1 năm 1887 đã diễn ra khá quyết liệt. Viên đại úy Béc-trăng (Bertrand) đã thiết lập luôn một lúc “7 cái đồn trên đường núi” để làm chỗ dựa cho các cuộc càn quét. Nhiều thủ lĩnh nghĩa quân phải ra đầu thú hoặc bị bắt. Tháng hai, Béc-trăng lại tập trung lực lượng càn quét vùng sông Gianh và tấn công nghĩa quân ở Cổ Liều nhưng được nhân dân che chở, họ đã rút lui an toàn. Ngày 27 tháng 2, Béc-trăng lại xuất phát từ đồn Minh Cầm cùng với viên đại úy Tru-pen chỉ huy đồn Cầm Khê bí mật qua Troóc và Cổ Liêm và bằng hai đường đánh thọc vào nơi tập trung quân của Tôn Thất Đàm, Nguyễn Phạm Tuấn và Lê Trực ở Thác Đài. Nghĩa quân đã chặn đánh địch rất ác liệt; hai toán quân không gặp được nhau theo đúng kế hoạch đã định. Đội quân của viên đại úy Tru-pen bị tổn thất nặng nhất trong trận đánh ngay tại căn cứ. Về phía nghĩa quân cũng bị thất bại, lãnh binh Kiêm đã hy sinh anh dũng trong trận đánh. Lê Trực rút về Bộc Thọ. Quân địch truy kích bị nghĩa quân chặn đánh nhiều lần và bị chết khá nhiều. Chúng phải rút về Quảng Khê vừa đói vừa khát vì lương thực mang theo hết sạch mà nhân dân thì làm vườn không nhà trồng không chịu tiếp tế cho chúng. Tuy nhiên, nghĩa quân ngày càng có nhiều khó khăn nhất là vũ khí và lương thực. Trong cuộc chiến đấu gay go và gian khổ ấy không khỏi có người đã thoái chí và đầu hàng địch, trở thành tay sai đắc lực của chúng như tên Dừa. Một số người lãnh đạo muốn chuyển ra Hà Tĩnh chiến đấu. Vào tháng 4, Nguyễn Phạm Tuấn cùng hai lãnh binh với 5, 6 chục nghĩa quân định ra Hà Tĩnh xây dựng lại lực lượng nhưng nửa đường ông bị ồm phải trở về. Những hoạt động của tên Dừa rất nguy hiểm, hắn đã chỉ điểm cho giặc đánh phá một số cơ sở của ta. Nghĩa quân tuy đã biết trước, nhưng không tránh khỏi thiệt hại. Nguyễn Phạm Tuấn phải bày kế ly gián giữa hắn và địch. Ông giả viết thư cho một tủy tướng nói rằng Dừa đã được địch tin cậy và có thể bỏ thuốc độc cho chúng khi có một thời cơ thuận lợi. Bức thư ấy để lọt vào tay giặc nhưng bọn địch xảo quyệt đưa thư ấy cho Dừa và bức hắn trong bốn hôm nếu không lập được công lớn thì sẽ bị chặt đầu. Tên Dừa biết Nguyễn

Phạm Tuân bị ốm về nằm nghỉ ở Cổ Liêm đã bí mật dẫn địch vây bắt. Nguyễn Phạm Tuân và những đồng chí của ông tuy bị địch tấn công bất thành lnh nhưng đã chiến đấu rất kiên cường. Hai lãnh binh trong đội đã hy sinh rất anh dũng. Nguyễn Phạm Tuân bị thương ở tay và bị địch bắt. Quân thù đề mạt đã ra sức xuyên tạc cái chết anh hùng của ông. Chúng bịa đặt rằng trước khi sắp chết, ông đã xin với chúng chữa cho ông khỏi và hứa sẽ giúp chúng bình định nước ta. Ông đã thấy người Pháp nhân đạo và độ lượng^(A79:28) Nhưng sự thực thì Nguyễn Phạm Tuân đã tỏ ra rất kiên cường trước quân thù và đã thể hiện được lòng trung thành vô hạn của ông đối với dân với nước. Nhân dân địa phương ngày nay vẫn nhắc nhở đến tấm gương hy sinh sáng chói của ông. Theo gia phả của gia đình và các bộ lão kể lại thì khi bắt được ông, Mu-tô biết ông là người có uy tín trong nhân dân nên đã tiếp đãi tử tế đề hòng mua chuộc ông. Chúng đã băng bó vết thương cho ông cẩn thận và đưa bọn con hát đến ca hát để ông mua vui. Không chịu khuất phục giặc, ông đã tháo tung băng và chửi mắng thậm tệ quân thù tàn bạo... Nhưng chúng vẫn kiên trì trong âm mưu mua chuộc và dụ dỗ ông. Chúng mời thầy lang đến chữa bệnh và ép ông uống thuốc, nhưng ông đã phun thuốc vào mặt chúng. Nửa đêm, ông mất. Địch tức giận quăng xác ông xuống sông. Một nghĩa quân cũ của ông tên là Bàng, người thôn Minh Thanh đã vớt được xác ông và mang chôn ở Kinh Thanh. Về sau, một tùy tướng của ông chuyển mộ ông lên chôn ở núi Yên Phong. Chính vì vậy mà quân thù vẫn không giấu nổi lòng khâm phục của chúng đối với ông:

“Cái chết của ông ta có tiếng vang rất lớn trong các tỉnh miền Bắc Trung Kỳ mà ở đó, ông ta là người thủ lĩnh chính của nghĩa đảng”^(A373:66)

Noi gương ông, một số thủ lĩnh và nghĩa quân cùng bị bắt, không một ai chịu khai chỗ ở của Hàm Nghi mặc dù họ bị tra tấn cực kỳ dã man. Những tấm gương hy sinh bất khuất ấy mà địch gọi là “cái chết yên lặng” đã có tiếng vang lớn. Nhiều thanh niên hăng hái đã gia nhập nghĩa quân chiến đấu. Phong trào chống Pháp lại sôi nổi ở các nơi. Bốn ngày sau, nghĩa quân đã bí mật đột nhập đồn Minh Cầm, biến cãm thù thành sức mạnh; giết giặc để trả thù cho Nguyễn Phạm Tuân và đồng đội. Tên Dừa đã bị nghĩa quân trừng trị đích đáng.

Tuy nhiên, Nguyễn Phạm Tuân bị hy sinh là một tổn thất lớn cho phong trào. Nghĩa quân ngày càng gặp nhiều khó khăn về lương thực và vũ khí. Theo một số tài liệu của địch thì Hàm Nghi trong những ngày gian khổ ấy đã thoái chí và bí mật cử Trương Quang Ngọc đến viên giáo sĩ đội lột

thầy tu ở Thanh Lạng đề nhờ làm môi giới ra hàng. Vì vậy, nơi trú ẩn của nhà vua ở Chà Nê bị lộ và bị viên đại úy Bu-lăng-gi-ê (Boulangier) tập kích. Nhưng nhờ tinh thần chiến đấu dũng cảm của đội bảo vệ dưới sự chỉ huy của Tôn Thất Thiệp và sự che chở của nhân dân, Hàm Nghi lại một lần nữa được bảo vệ và thoát khỏi tay giặc. Tôn Thất Thiệp như địch đã thừa nhận tuy “còn rất trẻ, nhưng có tinh thần yêu nước mãnh liệt”^(A373:66) chủ trương phải đưa Hàm Nghi ra Bắc và chống lại mọi kẻ muốn đưa nhà vua ra đầu thú. Sau một buổi tranh luận, ông đem xử tử một viên quan đã ngoan cố trong việc bảo vệ chủ trương đầu hàng. Trong khi đó, cuộc chiến đấu giữa ta và địch diễn ra rất ác liệt. Địch luôn luôn đánh vào các căn cứ và khủng bố tàn bạo các xóm làng để phá vỡ cơ sở kháng chiến. Nghĩa quân phải phân tán thành những đội nhỏ dùng lối đánh du kích chống giặc.

Đêm 16 và rạng ngày 17 tháng 4, chúng tiến đánh căn cứ Hà Trung (Lệ Sơn). Cuối tháng 4, địch càn quét vùng Troóc và tiến đánh căn cứ của lãnh binh Mai Tập. Nghĩa quân phân tán thành những toán quân nhỏ chặn đánh địch rồi rút về hợp với Tôn Thất Đàm. Đàm đóng quân ở Vàng Liêu, một vùng có địa thế hiểm trở. Từ Minh Cầm đến Vàng Liêu phải qua một thung lũng hẹp có rừng rậm và rất nhiều suối lớn. Đường đi lại rất khó khăn, nhiều chỗ chưa có người qua lại. Quân địch đến nơi thì nghĩa quân đã rút lui rồi. Chúng chỉ bắt được một người đội giữ voi và bắt ông ta chỉ đường nhưng ông không chịu khuất phục và đã hy sinh anh dũng. Tôn Thất Đàm giao quyền lại cho Mai Tập để ra Hà Tĩnh xem xét tình hình.

Tháng 5 năm 1887, địch càn quét vùng thung lũng sông Nậy nhưng nghĩa quân đã rút lui, chúng chỉ bắt được một số cờ lệnh của Phạm Văn Mỹ. Trước tình hình đó chúng tìm mọi cách ngăn chặn những con đường qua Hà Tĩnh để cô lập nghĩa quân và tiêu diệt họ. Đêm 18 rạng ngày 19 tháng 6, một đội quân do đại úy Tru-pen cầm đầu nhờ gián điệp chỉ đường đã tấn công căn cứ của Lê Trực ở Thanh Thủy. Nghĩa quân bị đánh bất ngờ và bị tổn thất nặng. Lê Trực chạy thoát nhưng vợ ông và Nguyễn Khương cùng một số nghĩa quân đã bị bắt. Nguyễn Khương bị địch đưa về quê ông ở Thổ Ngõa xử tử còn các nghĩa quân khác đều bị giết ở Minh Cầm. Địch định lợi dụng bà vợ Lê Trực để lung lạc Lê Trực ra hàng. Nhưng ông không chịu khuất phục và vợ ông cũng không chịu viết thư khuyên chồng ra đầu thú. Chúng đã tiêm bà mù hai mắt. Biến cảm thù thành sức mạnh, Lê Trực vẫn kiên trì cuộc kháng chiến và xuất kỳ bất ý đánh giặc làm chúng lúng túng. Tên Muto, vô cùng tàn bạo đã thực hiện đầy đủ chỉ thị của tên đại tá Can-lê (Callet)

khi đi thăm đồn Minh Cẩm tháng 3 là “lúc nào ông cũng làm như đã nhận được lệnh đưa tù binh về Huế quá muộn”^(A373:76) Địch thiết lập một quân khu ở sông Gianh để tập trung lực lượng đàn áp phong trào kháng chiến.

Vào những tháng cuối năm, cuộc chiến đấu giữa ta và địch vẫn diễn ra quyết liệt. Trong tháng 8, quân ta chặn đánh địch nhiều trận. Cuộc chiến đấu vô cùng gian khổ và có nhiều khó khăn nhưng không làm họ nản lòng thoái chí và đã khiến quân thù hết sức khâm phục:

“Và lúc bấy giờ những nỗi vất vả của họ thật là nhiều. Những trận đột kích và phục kích mà họ tiến hành đòi hỏi họ những cuộc hành quân dài trên những con đường khó khăn và trong một khí hậu nặng nề, oi bức”^(A80:261)

Ba cuộc tấn công của địch vào căn cứ Lê Trực đều bị thất bại. Tuy thế, lực lượng nghĩa quân cũng bị hao mòn dần. Đề đốc Dương Môn, Hiệp quản Thước cùng một số nghĩa quân khác đã bị địch bắt. Lãnh binh Nguyễn Phiên, người công giáo bị bắt đêm 27 rạng ngày 28 tháng 11 ở Thanh Thủy. Chúng đem viên cô đạo đội lột thầy tu đến rửa tội và dụ dỗ ông nhưng ông không chịu khuất phục và đã hy sinh anh dũng.

Sang năm 1888, Tôn Thất Đàm, Tôn Thất Thiệp cùng Lê Trực ra sức xây dựng lại lực lượng. Nhân dân tuy bị đàn áp khủng bố nhưng vẫn một lòng một dạ ủng hộ phong trào. Họ giữ bí mật, thực hiện vườn không nhà trống và vẫn tiếp tục tiếp tế lương thực cho họ. Do đó, họ đã đánh lui được những trận càn ác liệt của địch trong năm 1888.

Tháng 2, căn cứ vào những tin tức nắm được, viên đại tá Gan-lê cùng phối hợp với viên thiếu tá Gla-đen ở Hà Tĩnh càn quét vùng thượng lưu sông Nậy đồng thời cũng là để dọn đường cho việc thiết lập những đồn bót mới, xiết chặt thêm vòng vây nghĩa quân. Nhưng được nhân dân bảo vệ, địch đã thất bại trong âm mưu mới.

“Từ các nơi đồn dập những tin tức hoặc giả hoặc không rõ và trong đó rất khó đoán sự thật; một cuộc thám sát được tiến hành để kiểm tra lại những tin tức ấy thì những kết quả thu được thường là con số không”^(A80:264)

Đến tháng 4 năm 1888, địch lại tổ chức một chiến dịch vào vùng thượng lưu sông Nậy để vây bắt Hàm Nghi nhưng chúng cũng không đạt được kết quả mong muốn. Ngày 15 tháng 5, chúng tiến vào Làng Liêu và Bản Môn nhưng chỉ bắt được một tùy tướng của Tôn Thất Đàm. Ngày 17 tháng 5, chúng càn quét vùng Roòn để bắt Lê Trực nhưng cũng bị thất bại.

Đến tháng 8, chúng lại sục vào vùng thượng lưu sông Nậy. Chúng đã dùng chính sách đốt sạch, giết sạch để làm áp lực tra hỏi nhân dân chỗ ở của Hàm Nghi nhưng triệt hạ cả làng Bảo Môn mà chúng vẫn không bắt được nhà vua, không hỏi được nơi vua ẩn dấu. Cuối cùng địch thú nhận.

“Chúng ta không ngừng truy nã rất dữ dội, quân lính chúng ta mệt nhọc vô cùng nhưng vẫn không bắt được hai địch thủ ấy (*Tôn Thất Đàm và Tôn Thất Thiệp*). Chúng ta phải xác nhận niềm vinh dự của họ, dù họ luôn luôn chống lại chúng ta; mặc dù phương tiện thiếu thốn, họ đã buộc chúng ta kính trọng và mến phục vì đường lối cao cả, tấm lòng trung thành vô hạn với một nghĩa vụ không còn tiền đồ nữa của họ”^(A79:290-330)

Nhưng trong cuộc chiến đấu gian khổ ấy đã xuất hiện những kẻ phản bội, cam tâm làm tay sai cho giặc và chống lại đồng đội, chống lại nhân dân. Bọn Pháp đã được tên Nguyễn Đình Tinh và tên Trương Quang Ngọc trong đội bảo vệ Hàm Nghi ra hàng và mưu phản trặc. Đêm mùng 1 tháng 11 năm 1888, chúng được sự giúp đỡ của bọn kỳ hào Thanh Lạng; Thanh Cộc, Tha Mạc và được bọn Pháp vũ trang bí mật đột nhập vây bắt được Hàm Nghi và giết chết Tôn Thất Thiệp. Tôn Thất Đàm thất chí giải tán nghĩa dũng và lên núi tự tận. Lê Trực thế cô phải ra hàng. Điều đó đã tổn hại rất lớn đến thanh danh của người thủ lĩnh nghĩa quân xuất sắc vùng sông Gianh. Tuy nhiên ông vẫn giữ được lòng chung thủy với nhân dân, sống thanh đạm bên bờ sông Thanh Thủy. Ngay khi còn là người chỉ huy nghĩa quân, ông đã tỏ ra hết sức gương mẫu và trong sạch. Theo gia đình ông và các bộ lão địa phương kể lại, trong lúc nghĩa quân gặp khó khăn về lương thực, ông vẫn cùng họ ăn cơm độn ngô. Quân thù cũng tỏ ra hết sức khâm phục ông, chúng kể lại rằng Lê Trực đã nghiêm cấm nghĩa quân của ông không được những nhiễu yêu sách nhân dân. Đội quân của ông chỉ được yêu cầu nhân dân những thứ cần thiết nhất. Trong cái hộp riêng của ông mà chúng bắt được ở căn cứ chỉ có một thoi bạc nhỏ và những công văn giấy tờ. Sau khi ông phải đầu thú, địch tìm mọi cách dụ dỗ ông ra làm quan để làm tay sai cho chúng nhưng ông một mực từ chối. Ông vẫn cho các con ông theo học thầy đồ ở làng và không chịu cho đến “trường Pháp Việt” của địch. Ông đã gửi người con thứ hai sang Lào và cho tham gia hoạt động trong phong trào Đông Du.

Qua ba năm kháng chiến anh dũng và mạnh mẽ của nhân dân Quảng Bình; chúng ta càng thấy rõ cái gọi là “phong trào chống Pháp” của triều đình Hàm Nghi về thực chất cũng chỉ là một cuộc khởi nghĩa của nhân

dân chủ yếu là nông dân chống Pháp xâm lược dưới sự lãnh đạo của những người sĩ phu yêu nước. Nguồn gốc sức mạnh của phong trào ấy chính là cuộc chiến đấu tự vệ của nhân dân chủ yếu là nông dân Quảng Bình chống bọn xâm lược tư bản để bảo vệ đồng ruộng xóm làng và cũng chính trên cơ sở ấy mà triều đình Hàm Nghi đã tồn tại. Quân thù cũng chẳng đã nhiều lần xuyên tạc rằng cuộc kháng chiến của nhân dân Quảng Bình chỉ là một cuộc chiến tranh tôn giáo giữa những người theo đạo Da-tô và Phật-giáo; Lê Trực cũng chẳng đã nhiều lần vạch rõ rằng “tôi tập hợp nhân dân và vũ trang đấu tranh là để tự vệ chứ không phải để chém giết những người theo đạo Da tô. Chính vì vậy mà tuy Hàm Nghi bị bắt nhưng phong trào Cần Vương vẫn không bị dập tắt vẫn tồn tại được năm sáu năm trời nữa.

1.2. Phong trào cần vương chống pháp sau khi HÀM NGHI bị bắt

Sau khi được tin bắt được Hàm Nghi, Đồng Khánh đã xuống dụ xuyên tạc cuộc kháng chiến của những người sĩ phu yêu nước; đồng thời để xoa dịu nỗi căm hờn của nhân dân, hắn đã huênh hoang về lòng giả nhân giả nghĩa của hắn đối với Hàm Nghi. Theo tài liệu của nhà sử học Đặng Huy Vện (*công bố trong tạp chí nghiên cứu lịch sử* tháng 1 năm 1968) nội dung bài dụ có đoạn viết:

“Những năm gần đây nước nhà bị nghiêng ngả. Vương quyền đã bị bấy tôi tham lam cướp đoạt. Bọn chúng đã buộc hoàng đế Ứng Lịch lên ngôi báu để trị nước theo ý chúng. Rồi bằng những hành động ngông cuồng bọn chúng đã vi phạm những điều ước và đến lúc bắt buộc phải bỏ chạy trốn, bọn chúng lại kéo cả hoàng đế thơ đại đi theo.

Rồi dưới một danh nghĩa trung quân giả dối, chúng đã không ngừng lừa dối sĩ phu và làm cho biết bao gia đình tan nát.

Trẫm lên ngôi báu của triều đại vinh quang đã được ba năm. Trong thâm tâm, trẫm không lúc nào không nghĩ đến người em thơ đại đang lạnh thang trên núi cao rừng rậm. Đã nhiều lần trẫm ban dụ khuyên nhủ hoàng đế trở về với trẫm. Trẫm đã hứa sẽ tập phong cho hoàng đế tước quận công. Những quan chức của nhà nước bảo hộ đã đi tìm hoàng đế nhưng không có kết quả.

Trong vòng tháng trước đây, tên Trương Quang Ngọc cùng với đồng đảng ra đầu thú đã hứa sẽ đưa hoàng đế về tức thì các quan chức nhà nước bảo hộ cùng các tỉnh thần Quảng Bình có đông đảo quân lính tùy tùng

đã đi thẳng tới gặp hoàng đế. Lúc đó, tên Thiệp con của tên phản tặc Thuyết muốn dùng gươm đâm chết hoàng đế. May mắn thay là các quan chức Pháp đã kịp thời bắn chết tên phản tặc và cứu được hoàng đế. Liền sau đó, người đã được long trọng đưa về đồn Đồng Ca và được đối xử rất trọng thể. Ngồi trên ngai vàng cao vòi vọi, trẫm được tin vui mừng đó đã vô cùng sung sướng, lập tức, trẫm đã ra lệnh cho các tinh thần Quảng Bình đi ngay đến đón tiếp hoàng đế yêu dấu của trẫm và rước hoàng đế về Huế với tất cả những vinh dự cần thiết. Khi hoàng đế về tới địa phận Thừa Thiên, trẫm đã phái các quan văn võ đại thần của triều đình có quan binh hộ giá ra đón tiếp. Đồng thời, một hoàng thất đã được chuẩn bị trong hoàng cung để đón tiếp hoàng đế. Tất cả thần dân trong nước đã có thể nhận thấy mỗi tình thương chân thành của trẫm đối với hoàng đế lớn lao biết nhường nào”

Nhưng sau đó, bộ mặt “giả nhân giả nghĩa” của hắn đã tự bóc trần trong những điều nghiêm cấm sau đây:

- Nghiêm cấm không được nói đến từ dùng trong các giấy tờ hai chữ Hàm Nghi và chỉ được gọi là quân công Ưng Lịch.

- Các sĩ phu và nghĩa dân kháng chiến phải ra đầu thú.

Tuy nhiên, chúng vẫn sợ rằng việc bắt Hàm Nghi sẽ gây nên công phần mới trong nhân dân, rằng Hàm Nghi có thể bị giành lại trên đường giải về Huế. Đồng thời Đồng Khánh cũng sợ dư luận của nhân dân về ngai vàng của hắn và việc Hàm Nghi ở trong nước sẽ là cái gai, là tờ chứng của việc hắn cướp đoạt ngôi vua của em, của sự đầu hàng phản bội đê nhục của hắn. Vì vậy, hắn đã tìm cách đưa Hàm Nghi về Thuận An bằng đường biển và không cho về Huế, đồng thời ra lệnh đưa đi ngay. Hắn đã lừa bịp quần chúng rằng Hàm Nghi bị bệnh nặng mà ở trong nước không có điều kiện chữa phải đưa sang nhờ nước Pháp “bảo hộ” chạy chữa hộ. Trong bài dụ có đoạn viết:

“Nhưng tổng sứ đại thần đã góp ý là nên đưa hoàng đế đi đường bộ đến Thuận An cùng các quan chức Pháp đi theo. Hơn nữa tổng sứ đại thần đồng ý với đại tướng tổng chỉ huy nhận thấy rằng do tình hình sức khỏe của hoàng đế bị giảm sút nhiều vì lần này ở nơi khí hậu xấu và nước độc cần phải điều trị ngay, mà những thầy thuốc của ta khó lòng chữa nổi trong khi các bác sĩ người Pháp có học vấn uyên bác và hiểu sâu sắc mọi thứ bệnh lại có thể khôi phục hoàn toàn sức khỏe lại cho hoàng đế nên thấy cần phải đưa hoàng đế sang Pháp chữa bệnh tại nơi khí hậu rất lành để nhanh chóng khôi

phục sức khỏe; sau đó, lại đưa về nước không có gì đáng lo ngại cho hoàng đế cả”

Bắt được Hàm Nghi, quân thù tưởng sẽ dễ dàng đè bẹp phong trào nhưng nghĩa quân các nơi vẫn kháng chiến mạnh mẽ. Nhân dân trong toàn quốc không vì việc Hàm Nghi bị bắt mà thoái chí nản lòng. Tuy nhiên, đối với những người sĩ phu yêu nước còn mang nặng ý thức hệ phong kiến thì không thể không có ảnh hưởng. Ở trong Nam, Nguyễn Đình Chiểu buồn rầu rồi chết; ở Quảng Bình, Tôn Thất Đàm thoái chí, giải tán nghĩa dũng lên núi tự tận; đề đốc Lê Trực ra đầu thú và bị giam lỏng ở quê ông. Cùng với việc Hàm Nghi bị bắt, trong những năm 1888 - 1889, trong một số lãnh tụ Cần Vương đại diện cho Hàm Nghi chỉ đạo phong trào địa phương người bị ốm chết, người thì hy sinh, người sang Trung Quốc, do đó phong trào kháng chiến, nhất là việc thống nhất và tập hợp lực lượng không khỏi khó khăn, tuy rằng sự giúp đỡ nhau trong từng vùng vẫn có. Hơn nữa trong những năm cuối của phong trào Cần Vương, những người sĩ phu yêu nước lại càng đặt nặng vấn đề “cầu viện” nước ngoài; ngoài Trung Quốc ra; họ còn nghĩ đến cầu viện nước Xiêm và nước Phổ. Do đó, trong điều kiện lịch sử ở cuối thế kỷ XIX; vấn đề động viên, tổ chức và lãnh đạo cuộc kháng chiến không thể không cần có danh nghĩa của một ông vua kháng chiến. Vì vậy; những người sĩ phu kháng chiến chủ trương không báo tin Hàm Nghi bị bắt trong nghĩa quân và trong nhân dân ở vùng họ kiểm soát. Theo tài liệu của địch thì tháng 6 năm 1893, tên giám binh La-mơ-ray (La-me-ray) vào làng Cẩm Bá Thước điều tra nắm tình hình, hắn biết được rằng Cẩm Bá Thước vẫn tuyên truyền với đồng bào Mường là Hàm Nghi chưa bị bắt.

Qua tập công văn thư từ của Tổng Duy Tân tìm thấy được ở Bồng Trung, chúng ta còn thấy rõ vấn đề hơn. Trong tập công văn, thư từ này, chúng ta còn thấy một tờ dụ phong của vua Hàm Nghi cho Tổng Duy Tân và Nguyễn Đức Ngũ, ngày 10 tháng 5 năm Hàm Nghi thứ 7 (1891), tờ dụ của vua Hàm Nghi gửi ra Thanh Hoá ngày 16 tháng 1 năm Hàm Nghi thứ 8 (1892) về việc rời xa giá, một bức thư cầu cứu vua Xiêm không đề rõ ngày tháng. Qua một số tài liệu trên cho phép ta rút ra một số vấn đề sau đây:

- Những người lãnh đạo phong trào chống Pháp lúc đó đã bịt kín việc Hàm Nghi bị bắt và vẫn lấy danh nghĩa của vua Hàm Nghi đề động viên phong trào chống Pháp, thống nhất lực lượng nghĩa quân và cầu viện nước ngoài. Trong tờ chiếu phong cho Tổng Duy Tân và Đốc Ngũ, chúng ta thấy

rõ chủ trương của họ là muốn thống nhất lực lượng chống Pháp. Trong tờ chiếu có đoạn viết:

“Các đạo nghĩa quân Bắc Kỳ một lòng kiên quyết chống giặc, tình hình có nhiều triển vọng. Nhưng các vị thống đốc đại thần nhiều người đã qua đời rồi, hiện giờ cần có người điều khiển. Trẫm xem qua xiết bao nỗi buồn rầu, ngăn sao nổi dòng lệ. Than ôi nạn lớn chưa yên, việc lớn chưa thành, giữa đường giang giở. Cổ lão sao mai! Vả nay toàn cục tuy đã tạm ổn nhưng các quân thứ còn rời rạc, nếu không có người đứng ra thống đốc, làm sao có thể vượt qua tình thế khó khăn ngày nay được. Trẫm đương tìm hiểu để lựa chọn người đương trọng trách đó thì tiếp được tin Tổng Duy Tân từ nội địa trở về Trung Kỳ để điều khiển mọi việc lòng trẫm rất mừng... và đặc chuẩn cho Tổng Duy Tân thăng thụ chức Đông các đại học sĩ, nghị trung tướng tổng thống Bắc Kỳ quân vụ đại thần, để hết lòng giúp nước sớm được thành công. Vả lại, đương lúc nước nhà nhiều việc nên việc cốt nhất là thu góp nhân tài, phá cách đề bạt dụng mới mong được nhiều kết quả tốt” Và Tổng Duy Tân được quyền “văn từ tham tướng trở xuống, võ từ phó tướng trở xuống đều lượng cho tùy tài bổ dụng, cấp cho đủ giấy tờ để làm nhiệm vụ rồi tâu lên để trẫm ban sắc chỉ xuống. Còn như bên văn từ các chức hiệp thống, hiện đại, tham tán đại thần bên võ từ các chức đô thống đại thần hễ ai có khả năng đảm đương cũng cho tâu lên để chờ trẫm chuẩn y” Tờ dụ của vua Hàm Nghi về việc ngự giá thân chinh” ra Thanh Hoá cũng là để “phấn khởi lòng người. Tổng Duy Tân cũng căn cứ vào đó để động viên nhân dân kháng chiến. Việc cầu viện Trung Quốc, Xiêm, Phổ cũng đều lấy danh nghĩa Hàm Nghi.

Sau khi Hàm Nghi bị bắt, Phan Đình Phùng hết sức quan tâm đến Quảng Bình. Năm 1893, ông đã cử Đề Nam vào Quảng Bình xây dựng, tổ chức lại nghĩa quân nhưng quân thù kiểm soát ngặt nghèo nên không hoạt động được phải trở về. Theo Gót-sơ-lanh năm 1893, viên tri huyện Quảng Trạch bắt được thư của Phan Đình Phùng gửi cho nghĩa quân Quảng Bình. Qua đó, chúng ta thấy rằng đội nghĩa quân ở Quảng Bình vẫn còn tới 200 khẩu súng, phần lớn là tự chế hoặc mua ở Trung Quốc. Đội nghĩa quân này đóng ở các làng miền núi hiểm trở và vẫn được nhân dân cung cấp lương thực. Bọn quan lại ngụy quyền đem quân đi đàn áp, nghĩa quân phải phân tán vào rừng và lộn ra Hà Tĩnh chiến đấu.

1.3.Các danh tướng và nghĩa sỹ cần vưon tiêu biểu

Hưởng ứng chiếu Cần Vương, nhân dân cả nước đã đứng lên tự vũ trang, tham gia phong trào "Cần Vương" chống Pháp

Ở Phú Yên, Khánh Hoà, Bình Thuận, Bình Định có Mai Xuân Thưởng, Nguyễn Duy Cung, Bùi Điển, Nguyễn Đức Nhuận, Phạm Toàn; ở Quảng Ngãi, Quảng Nam có Lê Trung Đĩnh, Nguyễn Thị Tân, Nguyễn Bá Loan, Trần Văn Dự, Nguyễn Duy Hiệu, Nguyễn Hàm; ở Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hoá có Lê Ninh, Nguyễn Xuân Ôn, Lê Doãn Nha, Phan Cát Thu, Nguyễn Đôn Tiết, Nguyễn Hạnh, Đinh Nha Hạnh, Nguyễn Phwong, Phan Đình Phùng, Cao Thắng, Trần Xuân Soạn, Phan Bành, Đinh Công Tráng, Tống Duy Tân, Cao Điền; ở Thái Bình, Nam Định có Tạ Hiền, Lã Xuân Uy, Đỗ Huy Liệu, Vũ Hữu Lợi, Nguyễn Đức Huy; ở Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Dương có Nguyễn Thiện Thuật, Nguyễn Cao...

Riêng ở Quảng Bình có Mai Lượng, Lê Mô Khởi, Đề Én, Đề Chít, Hoàng Phúc, Bạch Xỉ, Cô Tám... đặc biệt là có Nguyễn Phạm Tuân và Lê Trục là hai lãnh tụ Cần Vương nổi tiếng.

Nguyễn Phạm Tuân người xã Vân Canh, huyện Từ Sơn, phủ Đông Anh (nay thuộc Hà Tây), nhà nghèo, bố mất sớm, mẹ ông phải đưa ông vào Quảng Bình kiếm ăn. Tuy không có đủ điều kiện học tập đến nơi đến chốn nhưng ông rất chăm học và thi đậu cử nhân năm Quý Dậu. Ông được bổ làm huấn đạo huyện Bố Trạch; sau được thay quyền tri huyện Tuyên Hóa rồi bổ làm tri phủ Đức Thọ.

Trong khi làm tri huyện Tuyên Hoá và tri phủ Đức Thọ, Nguyễn Phạm Tuân luôn luôn theo dõi tình hình biến động ở kinh độ Huế, rất xót xa trước nạn triều đình hết nhượng bộ Pháp cầu xin Tàu, rất đau lòng trước cảnh giặc ngoài xâm lược mà bên trong Vua Chúa, phe phái tranh giành nhau, gây ra sự việc "tứ nguyệt tam vương" (bốn tháng ba vua), nguy cơ Kinh thành thất thủ không còn xa nữa. Nổi đau mất nước đã dày vò ông; chợt khi nghe tin kinh đô Huế lọt vào tay quân giặc đối với ông tuy không phải bất ngờ nhưng cũng đánh một đòn cân não đột ngột, chấn động cả trí óc ông. Không tự chủ được ông đã để lại đôi câu đối tuyệt mệnh, thất cổ quyền sinh để giữ tháo tiết với non sông trước cái nhục mất nước. May sao nhờ người nhà kịp thời cứu chữa được.

Đôi câu đối như sau:

Lịch thế quốc ân thường nhất tử,

Bách niên gia trạch kỷ tam sinh

Tạm dịch:

Ôn nước bao đời đều một chết

Phúc nhà trăm tuổi tạc ba sinh

Tỉnh lại, ông liền treo án từ quan, không cần ai xét duyệt, chuẩn y.

Vừa về đến Động Hải, đã nghe tiếng loa truyền hịch Cần Vương inh ỏi khắp nơi. Mới vào nhà, bà con lối xóm đã chạy đến, vây quanh lấy ông thúc dục hành động. Riêng ông lòng yêu nước cũng giục giã ông đến thềm khát giúp vua cứu nước. Hoà mình vào với nhân dân, với các tầng lớp sĩ phu, ông đứng ra tập hợp nghĩa quân rồi cùng họ kéo nhau lên Tuyên Hoá, nơi mà ông từng đã hiểu dân tình, địa lý qua mấy năm làm tri huyện ở đó.

Tháng 10-1885, ông đã gặp Tôn Thất Thuyết và vua Hàm Nghi. Hai bên tâm đắc, gắn bó cùng nhau trong sự nghiệp cứu nước, cứu dân.

Đầu năm 1886, Tôn Thất Thuyết và Trần Xuân Soạn sang Trung Quốc cầu viện. Nhà vua giao cho ông phụ trách cơ quan Cần Vương Trung ương cho cả nước, trao toàn quyền chỉ huy quân đội và nội chính cho Nguyễn Phạm Tuân với chức Thượng tướng. Ông được phong Hồng lô tự khanh sung tấn lý quân vụ. Ông có uy tín trong nhân dân và cuộc khởi nghĩa của ông có một ảnh hưởng lớn lao trong tỉnh.

Căn cứ của ông ở Cổ Liêm, chính nơi quê nhà của ông. Ông chọn xóm Thác Đài, làng Cổ Liêm làm nơi đóng trụ sở. Từ đó xóm Thác Đài trở thành kinh đô của triều Hàm Nghi, dương cao ngọn cờ cứu nước trong toàn quốc. Công văn, giấy tờ các nơi đi về báo cáo với triều đình đều qua chỗ ông rồi mới chuyển về căn cứ của Hàm Nghi. Dịch thừa nhận rằng ông là người chỉ huy chính, là linh hồn của phong trào chống Pháp ở Quảng Bình.

Suốt năm 1886, ông đã cùng nghĩa quân đánh lui nhiều cuộc tấn công của Pháp vào căn cứ. và đã mở rộng phạm vi hoạt động của nghĩa quân suốt cả vùng Quảng Trạch, tấn công vào nội thành Đồng Hới, làm chủ cả con đường từ Bố Trạch ra đèo Ngang.

Tháng 3-1887, quân Pháp tổ chức tấn công vào Thác Đài, Cổ Liêm kinh đô Cần Vương, Nguyễn Phạm Tuân không giữ nổi phải rút vào rừng. Sau thất thủ Thác Đài, Nguyễn Phạm Tuân nhận thấy, Tuyên Hoá mặc dầu được nhân dân che chở và chiến đấu trung thành với vua Hàm Nghi, vẫn không phải là cứ địa lâu dài. Ông cho rằng sự than phiền của Hoàng Kế Viêm đối với Tôn Thất Thuyết khi Tôn Thất Thuyết đưa vua Hàm Nghi từ đèo Quy Hợp trở lui vào Sơn Phòng-Hà Tĩnh và về Tuyên Hoá mà không biết đưa vua ra vùng núi Thanh Nghệ để xây dựng cơ sở chống Pháp, là Hoàng Kế Viêm đúng, có kiến thức thực tế về cả lịch sử, cả về nhân tình và địa thế.

Do đó, Nguyễn Phạm Tuân đã bàn với Tô Thất Đạm, Tôn Thất Hiệp, nhất trí tìm đường đưa Hàm Nghi ra Bắc, trước hết là đưa Hàm Nghi ra Hà Tĩnh kết hợp với nghĩa quân Phan Đình Phùng đang dấy lên ở Đức Thọ, Hương Khê, sau đó sẽ dẫn ra Thanh Nghệ, mà theo ông ở đó các điều kiện thiên thời địa lợi nhân hoà đều dồi dào, toàn vẹn hơn ở Tuyên Hoá.

Rũi thay, Trên đường đi Hà Tĩnh, ông bị bệnh quá nặng, bắt buộc phải lui về Cổ Liêm điều trị (ngày 15-3-1887). Để đề phòng địch ập tới, ông đã phái một viên lãnh binh đem một số quân đến Quy Đạt bố trí canh phòng và chiến đấu, vì ông chắc rằng, quân Pháp muốn đến Cổ Liêm ắt phải qua đường Quy Đạt. Không ngờ bọn thám báo đã dẫn quân Pháp xuyên rừng ban đêm, bí mật vượt qua những trạm gác của ông ở Quy Đạt đến tận nơi ông đang uống thuốc chữa bệnh. Cuộc chiến đấu xảy ra ác liệt, nghĩa quân dũng cảm bảo vệ người chỉ huy của mình, xông lên đánh giáp lá cà với địch. Nguyễn Phạm Tuân từ trên giường bệnh vùng dậy rút gươm giao chiến với giặc. Nhưng vì ông đang bệnh, không đủ sức khoẻ chiến đấu, đã bị tên quan ba Mu-tô (Mouteau) bắn trúng quy xuống và bị bắt (cùng với Tôn Thất Trọng, con trai Tôn Thất THuyết). Giặc Pháp lúcoát trong người ông, bắt được ấn kiếm Cần Vương của vua Hàm Nghi ban cho chủ sự cơ quan Cần Vương Trung ương. Chúng liền đưa ông cấp tốc về Minh Cầm để cứu chữa. Tại đây, tên quan ba Mu-tô dùng mọi cách mua chuộc, dụ dỗ, khuyên ông đầu hàng, nhưng ông đã mắng vào mặt hấn đến nổi tên phiên dịch không dám dịch nguyên văn.

Ông nhịn ăn, nhịn uống, không chịu để cho địch băng bó, thuốc men, tự ví mình như Bá Di, Thúc Tề không chịu ăn lúa nhà Chu. Có lần Mu-tô đề ông ra bóp miệng đổ thuốc vào ông vờ ngậm rồi dùng dây phun thuốc trả vào mặt mũi hấn và tạt cả chậu nước tiểu vào người hấn (99). Mặc dầu bị ông làm nhục đến như thế, Mu-tô vẫn rất quý quyết tử về độ lượng, tươi cười khuyên bảo nhẹ nhàng: "Ngài nên coi trọng sức khoẻ của mình, cố gắng uống thuốc cho chóng lành. Nước Đại Pháp sẽ hết sức trọng dụng Ngài, xin Ngài tin tưởng, đừng sợ..." Nghe đến hai tiếng "đừng sợ" ông dùng dằng nổi giận, chỉ vào mặt Mu-tô hét to: Tao bình sinh trọng cương thường, ghét đạo tặc! Cần nói cho bọn mày biết: con mà chết vì cha, tôi mà chết vì vua, có chi mà bọn mày bảo phải sợ?...

Trong cái thế giằng co, một bên thì kẻ thù muốn tìm cách cứu chữa, kéo dài sự sống cho ông để mong ở ông một phút giây dao động hòng khai thác được chỗ ở của vua Hàm Nghi; một bên thì ông nuôi lòng trung kiên không chịu để kẻ thù lợi dụng, quyết làm thất bại mưu đồ đen tối của địch khai thác mình nên muốn nhanh chóng kết thúc cuộc sống đời mình. Trời

bắt đầu sấm tối! Ông cho đây là thời cơ hành động đã tới! Mọi người đều di ngũ cả. Bọn địch đều về bớt của chúng! Ông liền gọi kẻ người học trò đi theo hầu hạ, dặn dò công việc, rồi viết lại mấy dòng chữ cuối cùng:

"Trung nghĩa hữu trung nghĩa chi báo

Tích thiên phùng tích thiên chi nhân..."

(người trung nghĩa có trung nghĩa đền đáp, làm điều lành gặp điều lành trả ơn).

"Lịch thế quốc ân trường nhất tử

Bách niên gia trách ký tam sinh"

(Ở nước báo đền bằng một cái chết, phúc nhà trăm năm gỡ lại một kiếp ba sinh).

Đêm ấy 17 tháng 3 năm Đinh Hợi, (10-4-1887) giờ Sửu (2 giờ sáng) ông dũng cảm tự vẫn. Sự việc xảy ra quá đột ngột đối với giặc Pháp. Tên quan ba Mu-tô tự cảm thấy mình như bị tát vào mặt, hấn bâng hoàng, ngơ ngẩn, hẫng hụt như rấn mất môi, vì hấn hằng hy vọng rằng, với tài mua chuộc và mách khoé xảo quyệt của hấn, thế nào hấn cũng khai thác ở ông một cái gì đó. Nay, hấn đang đứng trước một sự thất bại, ê chề, hấn hăm hực, tức giận, lồng lộn hiện rõ bản chất hèn nhát, đê tiện của một tên thực dân ra trước mặt mọi người. Hấn không cần phải giả dối nữa, không cần phải che dấu tâm địa xấu xa của hấn nữa, hấn ra lệnh vất xác ông xuống sông Minh Cầm và doa, ai chôn cất Nguyễn Phạm Tuân sẽ chung số phận với Nguyễn Phạm Tuân!

Thế nhưng, bất chấp mệnh lệnh của kẻ cướp nước, những người trung nghĩa đã vớt xác ông lên, đưa về mai táng ở làng Kim Thanh, và sau đó lại cải táng ở vùng núi Yên Sơn, xã Yên Phong huyện Quảng Trạch, gần quê vợ ông lúc bấy giờ đang lánh nạn săn đuổi trả thù của giặc Pháp (99) theo trong gia phả của họ Nguyễn Phạm, ông còn có một bà vợ thứ tên là Phạm Thị Tuy, hiện là Lộc Hải Tử, cùng ông giúp vua Hàm Nghi trong suốt quá trình Cần Vương ở Tuyên Hoá, chắc là có công trạng gì rất lớn cho nên được vua Hàm Nghi trao tặng danh hiệu: "Tuấn Nghĩa Công Nương"

Sau khi Hàm Nghi bị bắt, người ta không biết bà đi đâu, gia phả cũng không ghi rõ sự việc của bà.

Mặc dầu Nguyễn Phạm Tuân bị hại, nhưng gương trung nghĩa và lòng yêu nước của ông lại được nghĩa quân noi theo, vùng căn cứ địa của Hàm Nghi vẫn vững vàng, đó là nhờ một lực lượng thứ hai ở vùng sông Gianh do đề đốc Lê Trực chỉ huy đang làm chủ.

Trong một bài về còn lưu hành trong nhân dân, có đoạn nói về vai trò của ông trong cuộc kháng chiến như sau:

“Huyện Tuần bấy ra trước làm tham tán
đại thần
Thảo bằng cấp phong quan lại,
Biết mấy mươi mà kể,
Biết chừng nào mà kể,
Kẻ thì phò vệ, kẻ làm lãnh binh
Kẻ đốc chiến, đốc binh

Người cai thơ, đội trưởng...” (A195:73)

hoặc là

Quyên lương
Cắt dân hướng đạo đem đường
Vắt qua chuông Chà Cồộng, về chuông
Chà Nồi

*

Sơn triều, binh tướng những ai,
Thọ Linh có một Lãnh Mai kéo về.
Thanh Thủy thì có quan Đề,
Hạ thôn quan Hữu kéo về quyên lương

Ông mất năm 1889 vào ngày 23 tháng 3 âm lịch

Người thứ hai có vai trò quan trọng trong phong trào "cần Vương" ở Quảng Bình phải kể đến là **đề đốc Lê Trực**. Ông thân sinh ra Lê Trực, nguyên người Thanh Hóa vì nghèo đói phải vào vùng Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình làm nghề đốn gỗ, tìm kế sinh nhai. Sau vì quá lam lũ, bố ông bị chết trong rừng, ông phải theo mẹ về vùng Thanh Thủy làm thuê cấy mướn, mẹ con lần hồi nuôi nhau. Ngay từ ngày còn nhỏ, Lê Trực đã rất bướng bỉnh không chịu để bọn nhà giàu đè nén quá mức nên ông không ở thuê cho ai được lâu. Bà mẹ phải gửi ông ở nhà ông Thủ Ngự, một người trong họ. Ông làm lụng khá vất vả, đầu tắt mặt tối suốt ngày không lúc nào rỗi, nhưng ông vẫn thức khuya tranh thủ học lại bài của con Thủ Ngự. Ông rất thông minh và hiếu học cho nên mặc dù ít điều kiện học tập mà vẫn giỏi hơn con Thủ Ngự. Thấy đồ rất ngạc nhiên và khâm phục, hết sức giúp đỡ ông học tập. Lớn lên, ông lấy vợ người cùng quê ở Thanh Thủy. Vợ ông nhà cũng nghèo và mồ côi cha mẹ từ sớm. Hai vợ chồng lam lũ, vất vả quanh năm nhưng vẫn đói khổ. Một năm, mất mùa đói kém ông phải chí nhận đi lính thế cho bọn

địa chủ để lấy tiền nuôi gia đình. Do có sức khỏe, nhân triều đình mở khoa thi võ, ông đi thi và đậu tiến sĩ võ.

Ông làm quan đến chức đô đốc và đóng quân ở Hà Nội. Ông là một trong những người chủ chiến và chủ trương không cố thủ ở Hà Nội mà phải chuyển lên vùng trung du đánh giữ. Ông tham gia trong trận đánh giết Henri Rivierre năm 1883, bị Tự Đức cách chức. Hà Nội thất thủ, triều đình Huế đầu hàng ký điều ước 1883, ông thôi chí cáo quan bỏ về quê nhà. Năm 1885 Hàm Nghi xuất bôn, hưởng ứng chiếu Cần vương, ông đứng lên khởi nghĩa. Ông chiêu nạp kiệt sĩ, lập đồn trại, căn cứ ở vùng trung lưu sông Gianh, án ngự huyện Quảng Trạch, giữ mặt phía đông cho vùng Tuyên Hoá đã làm cho căn cứ vùng Hàm Nghi thêm sức mạnh. Lực lượng của ông khoảng 2000 binh sĩ, 50 súng tay kiểu mới, 8 khẩu súng thần công. Ông được Tôn Thất Thuyết giao cho quản lý ba con voi của Hàm Nghi. Vợ ông cũng tham gia kháng chiến. Bà phụ trách trại sản xuất của nghĩa quân ở cửa Sai làng Thanh Thủy. Hai cô con gái lớn của ông cũng tích cực hoạt động cho phong trào; cô lớn phụ trách văn thư, cô thứ hai biết thuốc bắc, phụ trách y tế. Lê Trực là một trong những thủ lĩnh nghĩa quân quan trọng ở Quảng Bình. Ông lập căn cứ ở vùng thượng lưu sông Gianh, ngay tại làng Thanh Thủy nơi quê nhà.

Ngày 5 tháng 10 năm 1885, đại ný Montaur (Mu-Tô) sau khi hạ được Nguyễn Phạm Tuân, đặc chỉ đem quân đánh vào Thanh Thủy, cố sức bắt cho được Lê Trực, nhưng đã bị ông đánh trả kịch liệt rồi rút vào rừng ẩn nấp. Mu Tô không làm gì được phải lui về Quảng Khê. Giữa lúc ấy quân Lê Trực lại xuất hiện ở các phủ huyện Quảng Trạch, Bố Trạch, đánh đường giao thông. Một toán quân Pháp dùng thuyền đi ngược sông Gianh đã bị Lê Trực bắt thành linh đổ ra đánh, tiêu diệt toàn bộ. Cũng tại sông Roòn, quân Lê Trực cũng chặn đánh một đội quân Pháp đi bằng thuyền bắt sống 60 tên (100). Không những chỉ hoạt động ở vùng Quảng Trạch Lê Trực còn đem quân nhiều lần đánh vào tỉnh thành Quảng Bình (thành Đồng Hới), thiếu tá giữ thành Grégeoire chống cự không nổi phải điện quân xin cứu nguy từ Huế. Đại tá Pruhomme phải phái thiếu tá Cardot đem quân chi viện.

Quân Pháp đã nhiều lần gửi thư khuyến dụ ông bãi binh, về đầu hàng, ông đã khảng khái trả lời: "... Tầm lòng trung thành của tôi đối với vua bắt buộc tôi khi ẩn khi hiện... Song dù ẩn hay hiện, tôi cũng không thể chịu ra đầu hàng... Việc làm vua là do trời định, nếu tôi trở mặt thay lời (bỏ vua Hàm Nghi) thì tôi phải hổ thẹn với trời đất, non sông và sau khi chết xuống suối vàng lại đắc tội với Tiên Đế. Các ngài không nên khuyên tôi bỏ vua Hàm Nghi. ... Nhà tôi đã bị các ngài đốt cháy (dĩ nhiên) tôi phải nay đây mai đó, phải lẩn quất chốn rừng sâu... Nếu các ngài cho tôi là chính trực thì tướng

chẳng nên ngần ngại phải rút bỏ đồn Minh Cẩm, trở về Quảng Khê cho mọi người được làm ăn yên ổn..." (A358:200-241) Trong bức thư khác, ông lại trả lời: "... Tôi vì vua vì nước chết sống cũng là một lòng làm cho hết việc bốn phận chứ không dám tham sự sống mà quên việc nghĩa..." (A358:200-241)

Lê Trực đã triệt để áp dụng chiến thuật du kích, quân ông mai ở chỗ này mai ở chỗ kia, viên đại uý Mu-tô trưởng đồn Minh Cẩm là một tay chuyên săn đuổi Hàm Nghi và ông đâm ra chán nản, không thực hiện được ước ao phải xin từ chức để về Pháp.

Những đội quân của Lê Trực, Nguyễn Phạm Tuân, Tôn Thất Đàm là những đội nghĩa quân chính trong tỉnh hoạt động chủ yếu ở vùng bắc Quảng Bình. Vấn đề cần chú ý ở đây là cả ba đội quân ấy, kể cả đội quân của "quan Khâm Đàm" như nhân dân thường gọi vẫn là những đội quân khởi nghĩa của nhân dân, chủ yếu là nông dân địa phương. Có thể trong đội quân của "quan Khâm Đàm" có nghĩa quân ở Quảng Trị, Nghệ Tĩnh nhưng vẫn là đội quân của nhân dân khởi nghĩa, không phải là do quân đội cũ của triều đình hợp thành. Bên cạnh ba đội nghĩa quân lớn này, còn nhiều đội quân nhỏ nữa hoạt động trong một huyện, hoặc một vùng năm sáu xã, hoặc một vài xã. Hơn nữa hầu hết các làng đều có những đội gần như là những đội dân quân gồm thanh niên trai tráng trong làng tổ chức để giữ làng giữ xóm. Có thể nói phong trào chống Pháp ở Quảng Bình khá mạnh và có tính chất quần chúng rõ rệt. Tinh thần kháng chiến sôi nổi ấy đã được phản ánh trong một đoạn về sau đây:

"Nghe các làng nhốn nháo,
Rèn khí giới gươm dao,
May áo giáp nón hâu,
Đúc gươm vàng thếp bạc.
Quảng Bình dấy lên trước,
Quảng Trị dấy lên sau;
Khắp Nghệ - Tĩnh đâu đâu
Cũng rùng rùng dậy cả,

...
Ai ai thời cũng vậy,
Làng nào làng nấy đâu đó đua nhau
Kẻ bá hộ nhà giàu cũng xuất tiền xuất bạc.

Ở phía bắc Quảng Bình, chúng ta còn phải kể đến đội quân của Lãnh Mai. **Lãnh Mai** tức Mai Lượng, sinh năm 1838 quê tại Thọ Linh, huyện Quảng Trạch(13). Ông đã từng giữ chức Hiệp quản trong quân đội triều đình Huế nhưng vì chán ghét triều đình hủ nát nên từ quan về quê làm

ruộng. Khi Hàm Nghi xuất bôn, ông mộ quân kháng chiến và được phong chức lãnh binh. Căn cứ của ông ở vùng Cao Mai - Troóc có rừng núi hiểm trở. Nhân dân địa phương thường gọi là “đồn ông Troóc”. Ông thường phối hợp chiến đấu với đề đốc Lê Trực và hoạt động ở vùng hữu ngạn sông Gianh. Theo nhân dân địa phương kể lại, đội quân của ông còn có liên hệ mật thiết với đội quân của ông Tham La Hà (hiện nay là xã Quảng Văn, huyện Quảng Trạch, không rõ tên thật của ông). Nhiều câu ca dao, về ở địa phương đã phản ánh về cuộc chiến đấu của ông như sau:

Ngã Hai, khe Troóc, khe Môn
Là nơi quan Lãnh lập đồn quyền lương

*

Lãnh Mai cùng với ông Tham La Hà
Hai ông hội nghị thật là giao ngôn(?)
Kéo lên khe Troóc, khe Môn,
Thứ hai khe Sến, đóng đồn quyền lương
Cắt dân hướng đạo đem đường
Vắt qua chuồng Chà Côộng, về chuồng
Chà Nồi

*

Sơn triều, binh tướng những ai,
Thọ Linh có một Lãnh Mai kéo về.
Thanh Thủy thì có quan Đề,
Hạ thôn quan Hữu kéo về quyền lương.

Trên địa bàn huyện Bố Trạch, hoạt động của danh tướng Lê Mô Khải đã có những đóng góp quan trọng cho phong trào "Cần Vương trên địa bàn Quảng Bình.

Lê Mô Khởi (1836-1895), Quê ở làng Cao Lao Hạ, nay là xã Hạ Trạch, huyện Bố Trạch, Quảng Bình. Ông còn có tên là Lê Tuấn, Lê Ngọc Thành. Ông sinh ra trong một gia đình nho học. Thân sinh ra ông làm tri huyện dưới thời Thiệu Trị. Ông đỗ cử nhân năm 26 tuổi, ra làm quan lấy tên là Lê Mô Khởi. Trong triều ông giữ chức Thị độc sung sử quán biên tu, Hồng lô Tự Thiếu khanh, Ta lý Bộ Lại. Ông từng được cử làm án sát Bố Chính và Hải Dương.

Khi quân Pháp xâm lược nước ta, ông tỏ thái độ chống Pháp, bị triều đình triệu về kinh trị tội. Phẫn uất trước thái độ đầu hàng của triều đình, năm 1884 ông từ quan về quê ẩn dật.

Sau vụ binh biến ở kinh thành Huế năm 1885, ông hưởng ứng chiếu "cần vương", đwngs lên kêu gọi nhân dân trong vùng nổi dậy, thành lập nghĩa quân, lấy thành Khu Túc và Trái Nại làm căn cứ chống Pháp. Ông xây dựng 3 đội nghĩa quân tại Trại Nái (Ba Trại), quân số lên hàng nghìn người.

Trong thời gian khởi binh chống Pháp ở Trại Nái, Lê Mô Khải thường phối hợp với nghĩa quân Lê Trực tổ chức nhiều trận đánh ề Hoàn Lão, thành Động Hải và nhiều căn cứ khác của thực dân Pháp à tay sai, gây cho chúng nhiều tổn thất.

Năm 1887, quân Pháp mở đợt tấn công quy mô vào Trại Nái, nghĩa quân không đủ sức kháng cự phải rút vào dãy trường Sơn ẩn náu. Sau khi Trại Nái thất thủ, nghĩa quân của Lê Mô Khải phân tán đi các địa bàn khác trong tỉnh và ra Hà Tĩnh tiếp tục kháng chiến chống Pháp. Số còn lại tiếp tục theo ông tổ chức tập kích đánh địch. Dân trong vùng còn truyền cho nhau câu nói như một lời thề : ' Thứ nhất theo quan lớn Lê, Thứ nhì trở về làm ruộng. Ông lâm bệnh giữa rừng sâu, mất năm 1895.

Trên địa bàn Bố Chính còn phải kể đến đội quân của **Đoàn Đức Mậu** hay cũng gọi là **Đoàn Chí Tuân**. ông người Hòa Ninh, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình. Hưởng ứng chiếu Cần Vương, ông đã đến sơn phòng tiếp đón xa giá và về mộ quân chống Pháp. Trong vài ba năm đầu kháng chiến, ông chưa dùng hình thức tôn giáo để tập hợp quần chúng đấu tranh.

Cùng trận địa cần ương chống Pháp còn có Đề đốc Kiêm, nguyên Lãnh binh thời Tự Đức ở Roòn; Lãnh binh Kim ở Đức Phổ, Lãnh binh Trần Kỳ ở Phan Long, Lãnh binh Nguyễn Khương(17) ở Thổ Ngọa; Lãnh binh Nguyễn Phiên người công giáo, Lãnh binh Phạm Văn Mỹ nguyên là một quan lại ở Cơ mật viện dưới triều Tự Đức. Những đội nghĩa quân này dựa vào núi rừng Quảng Bình kháng chiến tạo nên chỗ dựa vững chắc và che chở cho triều đình Hàm Nghi.

Hỗ trợ cho cánh quân Hàm Nghi ở Tuyên Hoá, Quảng Trạch còn có lực lượng của **Hoàng Phúc** đang lập căn cứ ở Ngân Sơn, **Đề Ẽn**, **Đề Chít** ở Kim Sen...

? **Hoàng Phúc** người Quảng Trị, hưởng ứng chiếu Cần Vương đứng lên dựng cờ "trung hiếu" mộ quân chống Pháp. Hoàng Phúc (102) là vệ uý dưới triều vua Hàm Nghi. Khi vua xuất bôn, Vệ Uý được giao nhiệm vụ trấn giữ Ngân Sơn (Lệ Thuỷ), liên kết với tộc ít người vùng núi Quảng Bình, chiêu mộ nghĩa sĩ Cần Vương.

Đầu tháng 9-1886, nghĩa quân Cần Vương do Hoàng Phúc chỉ huy trận đánh ở đuôi làng Mỹ Lộc, tiêu diệt gọn cả toán quân Pháp và khố xanh,

cất sống Võ Bá Liêm. Nghĩa quân của Hoàng Phúc hoạt động cả vùng Bắc Quảng Trị, liên với hai huyện Lệ Thủy, Quảng Ninh hình thành một phạm vi ảnh hưởng của Cần Vương rất rộng, làm cho Pháp rất khó nhọc trong công cuộc bình định của họ. Ông được Bạch Xỉ Đoàn Chí Tuân, một nhà nho học giỏi nổi tiếng ở đất Quảng Trạch đưa quân Hoà Ninh đến giúp và làm tham mưu cho ông. Chỉ tiếc vì quá hăng say chiến đấu, luôn luôn tỏ ra khí tiết, ra trận là đi đầu đối địch trước ba quân nên ông phải bị lạc đạn, tử trận ở cửa Việt.

Ông chiến đấu rất ngoan cường, anh dũng và đã hy sinh trong một trận đánh oanh liệt vào tháng 9 năm 1886 ở phía nam Việt Tấn. Cùng chiến đấu với ông có Đề Phú, Đề Trích, Lãnh Tăng, Lãnh Ngưỡng. Nghĩa quân lập căn cứ ở vùng núi áng Sơn và lập được nhiều chiến công hiển hách. Cũng ở đây còn đội quân của Cao Thượng Chí ở Xuân Mai. Nhân dân địa phương thường gọi là quân Thương, và còn truyền tụng câu ca dao sau đây:

Ai về nhắn với quan Thương,

“Bình tây sát Tả” để dọn đường vua đi

Tư liệu này cũng đủ để thấy được vị trí của hai ông trong lịch sử chống Pháp thời Cần Vương trên địa bàn Quảng Bình.

Bạch Xỉ là một nghĩa dũng chủ yếu hoạt động ở Hà Tĩnh nhưng thời gian ông tham gia nghĩa quân Hoàng Phúc và hoạt động chống Pháp trên địa bàn Quảng Bình đã có những đóng góp đáng kể. Ông người làng Hoà Ninh, (nay là xã Quảng Hoà) huyện Quảng Trạch, vốn dòng dõi nho học. Hồi nhỏ học giỏi vốn là thần đồng, từ 6 tuổi đến 9-10 tuổi, đi học với thầy nào tây đó đều cho là không thể dạy nổi phải trả về, vì các thầy đều cho là đã " học hết chữ của thầy"....

Sinh ra và lớn lên trong thời kỳ Pháp xâm lược Việt Nam, cho nên ông sớm có tư tưởng chống Pháp và không đồng tình với triều đình Tự Đức sợ Pháp. Năm ông 30 tuổi kinh thành Huế thất thủ. Vua Hàm Nghi xuất bôn ra tuyên Hoá, xuống chiếu Cần Vương, ông tìm đến phục vụ, nhưng do quan điểm của ông đối với tôn giáo không phù hợp với các thủ lĩnh chống Pháp hồi ấy nên ông không được Tôn Thất Tuyết trọng dụng. Với ông, bình Tây mà không sát tả, phải đoàn kết giáo lương, khác với các bậc nhà nho đương thời là ủng hộ binh Tây sát Tả.

Ông trở về quê nhà tuyển mộ nghĩa quân, sau bị Pháp lùng ông phân tán thành ba bộ phận:

Một bộ phận gồm 130 người nhập với nghĩa binh ở Xuân Mai do thủ lĩnh Cao Thượng Chí chỉ huy.

Một bộ phận nhập với nghĩa binh ở Cao Mại do thủ lĩnh Cao Mại cầm đầu (gồm 120 người)

Bộ phận còn lại, do ông tự dẫn đi vào Ngân Sơn, trong đó có cả binh sĩ người tôn giáo, nhập với Hoàng Phúc làm thủ lĩnh. Ông được Hoàng Phúc xem như quân sư.

Hoàng Phúc mất nghĩa quân Lèn Bạc tan rã, ông đưa tàn quân ra Hương Khê, gia nhập với nghĩa quân Phan Đình Phùng, tự nguyện làm tướng dưới của vị thủ lĩnh Hương Khê. Tại đây ông đã có nhiều đóng góp với cụ Phan phải lập vua mới để đủ danh nghĩa chống Pháp, đối chọi với vua bù nhìn Đồng Khánh, làm cho thiên hạ rõ ràng đâu là vua chính, đâu là vua tà thì danh phận nghĩa quân mới có thể chính trị, hiệu triệu toàn dân. Mặt khác, ông cũng giữ lập trường Bình Tây mà không sót Tả, vẫn đề nghị với cụ Phan, vua mới nhất khoát phải kêu gọi tôn giáo đoàn kết chống xâm lược. Tất cả ý kiến này, một lần nữa, không được cụ Phan chấp nhận. Ông bèn rời bỏ Hương Khê, đem quân bản bộ của mình về núi Đại Hàm, xây dựng căn cứ chống Pháp riêng.

Nuôi dưỡng tư tưởng "tôn quân diệt địch" (tôn vua đánh giặc) thay thế khẩu hiệu "cần vương cứu quốc" mà ông cho là khi Hàm Nghi đã bị bắt không còn phù hợp nữa, nhưng không tìm được ai xứng đáng và đồng tình, ông bèn tự xưng hoàng đế, lấy niên hiệu là Long Đức lập triều nghi, cử quân tước cắt đặt 28 thủ hạ vào các chức vụ của triều đình (của ông) rồi truyền hịch kêu gọi ngân dân tôn giáo mau mau đứng lên cứu nước.

Ông có sai lầm là lợi dụng sự mê tín của nhân dân, dùng các phép thuật thần bí để tuyên truyền đánh Pháp cho nên đã không được các sĩ phu nho học ủng hộ, đặc biệt cụ Phan Đình Phùng thì phản đối kịch liệt các tà thuật của Bạch Xỉ sẽ làm loạn nhân tâm, làm giảm chính khí. Cụ đã cử một đội quân Hương Khê đến Đại Hàm, bắt giết Bạch Xỉ, nhưng Bạch Xỉ đã biết trước, rút khỏi Đại Hàm mà không chống cự với cụ Phan. Bạch Xỉ không hề có ý trách móc gì cụ Phan mà cho đây là sự hiểu nhầm quan điểm của nhau, chứ hai người vẫn một lòng vì dân vì nước mà thôi.

Về sau, khi cụ Phan mất, nghĩa quân Hương Khê tan rã, Bạch Xỉ cũng bị Pháp bắt, đem về Vinh tra tấn đến chết (xem phần danh nhân). Dù sao Bạch Xỉ cũng có quan điểm đúng, có thể là duy nhất đương thời, về sự đoàn kết lương giáo cùng nhau đoàn kết chống kẻ thù xâm lược.

Vào thời kỳ cuối những năm 1886 đầu năm 1887, ở vùng hai huyện Quang Ninh (thị xã) và Lệ Thủy, sau khi vua Đồng Khánh bắt kham trong công việc phủ dụ các lực lượng Cần Vương ra đầu thú hoặc bãi binh, đã xuất hiện một nhân vật mà lúc bấy giờ gọi là vấn đề Hoàng Kế Viêm.

Bên cạnh căn cứ Ngân Sơn (Lèn Bạc) của Hoàng Phúc, chéch về phía Bắc, cùng nằm trong dãy Trường Sơn còn có căn cứ của **Đề Chít, Đề Ёn** ở Kim Sen, áp sát vào tỉnh lỵ QB, đã từng đỡ đòn cho nghĩa quân Hoàng Phúc. Trong trận đánh Đuôi Mỹ Lộc, quân Đề Chít cũng là một mũi quan trọng ngăn cản quân địch ở phía Bắc, thừa hư đánh vào chỗ sơ hở của quân địch trong hành tiến, tạo thêm yếu tố thắng lợi cho nghĩa quân Lèn Bạc.

Về Đề Ёn, Đề Chít, hiện nay không có nhiều tư liệu thành văn, nhưng chỉ có một bức điện của toàn quyền Đông Dương gửi cho viên Khâm Sứ Trung Kỳ ở Huế ngày 28-9-1887 như sau: "Hà Nội 28-9-1887... Chính quyền bên quân sự cho biết: nhân dân và công viên chức tỉnh QB... sẽ yên tâm khi triều đình vì Hoàng Kế Viêm (can thiệp) mà không xử án Đề Chít và đồng đảng gồm toàn người QB. Ngài cần phải hội ý với trung tá Gallet... Tôi thấy là có lẽ chuyện công cán của ông Hoàng Kế Viêm không còn lý do tồn tại, ta có thể hoặc giữ ông ta ở lại Huế, hoặc cho ông ta lui về quê quán bằng một cách không chính thức...." (A284)

Hoàng Kế Viêm người Văn La, huyện Khang Lộc sau gọi là (Quảng Ninh) là một nhân vật chống Pháp tích cực nhất dưới thời vua Tự Đức. Với chức vụ Thống đốc quân vụ Đại Thần ở Bắc Kỳ, chỉ huy quân thứ Tam Tuyên, ông đã từng nhiều lúc kháng mệnh vua không chịu thôi đánh Pháp. Ông đã điều động quân cờ đen, phối hợp với quân triều đình đánh hai trận Cầu Giấy, diệt hai tên chỉ huy quân Pháp ở Bắc Kỳ bị triều đình cách chức triệu hồi về kinh, bắt buộc phải ở tại phủ công chúa Hương La là vợ quá cố của ông tại làng Lại Thế, bên bờ nam sông Hương, dưới sự kiểm soát trực tiếu của toà khâm sứ Pháp (Huế).

Sau vụ thất thủ kinh đô, vua Hàm Nghi ra QB, người Pháp chiếm được một kinh đô trống rỗng, cả nước hưởng ứng chiếu Cần Vương, tướng Pháp đánh trận này bị triệu hồi về Pháp, khâm sứ Pháp ở Trung Kỳ không giải quyết được gì phải tờ chức, nội các Pháp do Bờ-rit-xông làm thủ tướng bị chất vấn cũng đổ luôn.

Paul Bert được cử sang làm toàn quyền Đông Dương. Ông ta là nhà chính trị đầu tiên của nước Pháp sang thay các tướng lĩnh Pháp ở Việt Nam. Ông tuyên bố: "tôi muốn chinh phục dân An Nam không phải bằng thanh gươm lăm lăm trong tay mà bằng hai bàn tay rộng mở với thanh gươm đeo bên sườn..." câu nói này đủ thấy ông ta là một nhà chính khách thực dân chất chứa nhiều thủ đoạn thâm độc trong lòng.

Sau khi phái Đồng Khánh ra Quảng Bình không được gì, Paul-Bert lại nghĩ ra một nước bài, có thể nói là rất cao tay, rất quỷ quyệt, là sẽ cưỡng

bức những nhân vật đã từng chống lại Pháp đứng ra phủ dụ Cần Vương, dù không thu kết quả lôi kéo được ai, cũng ít ra gây được phút giây bối rối, nghi hoặc, chần chừ trong hàng ngũ Cần Vương. Giây phút này sẽ làm cho những người theo Cần Vương hoang mang không biết đi theo con đường nào cho đúng, về với ông vua nào cho phải trong khi một nước có hai vua. Paul Bert chỉ cần đạt được sự tối thiểu như vậy cũng đủ cho ông ta có đủ thời gian huy động toàn lực vào cuộc đánh dẹp khéo léo về sau, hoặc là có thời gian tìm kiếm một giải pháp khác có hiệu quả hơn. Thế là không phải mất nhiều thời gian và công sức tìm kiếm, Paul Bert cũng đã tìm thấy ngay bên cạnh Toà Khâm Sứ Trung Kỳ đóng trụ sở tại làng Lại Thế nhân vật mà ông ta muốn, đó là Hoàng Kế Viêm, một con cọp kháng Pháp đã bị nhốt hết nanh vuốt đang bị họ khống chế. Đang bị giam lỏng tại nhà vợ quá cố, bỗng dưng Hoàng Kế Viêm được triều đình Đồng Khánh phục chức Đông Các Đại học sĩ đặt ông trước bốn phạm "thần tử" của đương kim triều đình rồi sau đó dùng uy quyền "thiên tử" buộc ông phải chấp hành chỉ dụ đi làm An Phủ Sứ ở Hữu Trục Kỳ (các tỉnh phía Bắc kinh đô Huế)

Vốn là một người chống Pháp, ở các triều vua trước, ông đã chống mệnh mà không chịu bãi binh, đầu hàng, nay lại đi làm việc nối giáo cho giặc sao? Trước mắt ông, chính ngay nhà vua đó mà chưa phủ dụ được văn thân Cần Vương Quảng Bình, huống hồ ông? Nhưng trong bối cảnh này, liệu ông còn có thể kháng mệnh vua được nữa không?

Dưới triều Tự Đức, Kiến Phúc, Hiệp Hoà, Hàm Nghi, ông còn có thể lấy tư cách tướng ngoài cõi có khi không buộc phải theo mệnh vua, là vì hồi đó trong triều còn có phe chủ chiến đồng minh với ông, có khả năng phân hoá được quyền sinh quyền sát của nhà vua, và dù sao lúc đó triều đình vẫn còn mang tính chất độc lập, thay trời yên dân, kẻ thù chưa hoàn toàn lung lạc, điều khiển được nhà vua, do đó trong chừng mực nhất định, vua cũng không bắt tội ông một cách khắt khe, và có chăng cũng chỉ là cách chức, bãi chức, hạ cấp là cùng. Còn bây giờ, nhìn trước ngó sau, triều đình bây giờ không phải là triều đình của một nước có chủ quyền nữa mà đã hoá thành triều đình tay sai của thực dân Pháp, không còn ai là bạn đồng minh với ông nữa, toàn là người của kẻ địch, theo đám ăn tàn, sẵn sàng cùng với Pháp chĩa súng vào ông, nếu ông kháng mệnh. Bề ngoài người ta vẫn cứ đề cao lý thuyết "nghĩa thần tử, đạo vua tôi", bên trong thì dùng thủ đoạn khống chế dồn ông vào ngõ ba đường mà ngõ ba nào cũng bế tắc: hoặc là chấp nhận đi làm chức An Phủ Sứ, hoặc là chịu chết vì tội phản nghịch.

Việc ông nhận sứ mệnh đi Quảng Bình phủ dụ nghĩa quân "Cần Vương" đang là một nghi án lịch sử còng nhiều tranh cãi. Tuy nhiên quá

trình ông ở Quảng Bình, người Pháp không thể lợi vai trò và chí hướng chống Pháp của ông để đánh lại những người đang đánh Pháp như kiểu dùng người Việt đánh người Việt của họ.

Suốt thời gian 8 tháng (sự thật là chỉ 5 tháng), khoảng thời gian gọi là làm việc cho Pháp, Hoàng Kế Viêm luôn luôn làm ngược lại ý đồ của Pháp, nói cách khác là luôn luôn bất tuân lệnh Pháp từ công việc đến ý chí. Vài thí dụ: Gọi là đi phủ dụ Cần Vương thì ông lại làm cái việc can thiệp không cho lính Pháp ở các đồn dã ngoại bắt người Cần Vương; ông buộc giới quân sự Pháp phải rút bỏ các đồn Quán Bụt, Phú Việt, Hoànhi Viễn, Lệ Kỳ là những đồn có nguy hại cho các căn cứ địa Cần Vương ở Lèn Bạc, Kim Sen của Hoàng Phúc, Đề Chít. (Theo điện của Khâm Sứ Trung Kỳ báo cáo với Toàn Quyền rằng: "Tôi sẽ nghiên cứu với ngài trung tá rút một số đồn bớt mà ông ta (Hoàng Kế Viêm) yêu cầu" Không những với đồn bớt mà đối với quan lại đầu tỉnh Quảng Bình, người nào theo Pháp đàn áp nhân dân quá lắm, ông cũng trực tiếp can thiệp với vua thay đổi, đề cử những người tiến bộ thay thế. Sách Đại Nam Thực Lục viết: "Khâm mạng Hữu Trục Kỳ Hoàng Tá Viêm (tức HKV) tâu nói: "Bố Chính (quan đầu tỉnh) là Nguyễn Lữ làm việc tầm thường, xin cho tá lý Bộ Hộ là Nguyễn Vỹ cất bỏ Bố Chính Tỉnh..."^(A158)

Người Pháp thú nhận thất bại của kế sách dùng Hoàng Kế Viêm như chính sách một dùng người phe chủ chiến đánh lại phe kháng chiến mà toàn quyền Paul Bert hằng mơ tưởng. Chính người Pháp họ đã thừa nhận với nhau trong bức điện số 227 ngày 15-9-1887 của Khâm Sứ Trung Kỳ gửi toàn quyền Đông Dương rằng: "Chính chúng ta đã lôi ông ta ra khỏi nơi ẩn dật của ông ta... Nhà vua cũng muốn giữ ông ta lại một thời gian để khỏi có vẻ là chúng ta trả ông ta về (108) sau khi kết thúc (có nghĩa là sau khi ông không làm được việc)..."^(A284)

Cho đến khi về hưu, vua cho ông tự chọn lấy hai mẫu ruộng tự điền để hưởng lộc, ông chỉ xin nhận hai mẫu cồn hoang là bãi chăn trâu để vua khỏi bắt dân trả ruộng cấp cho ông, trong khi đó ông bắt con cháu ông tự đi khẩn ruộng hoang để sinh sống. Có lúc tên Công Sứ ở QB viết giấy mời ông đến để hội kiến, ông chỉ cho con trai đến báo cáo ốm, không đi. Người dân vùng quê ông nói, đến gần chết ông vẫn tìm cách "kháng" Pháp, dù bằng hình thức nào, đó là bản chất, thuộc tính của ông.

Nhắc đến những nhân vật có vai trò trong phong trào "Cần Vương" tại Quảng Bình, không thể không kể đến Trương Quang Ngọc - một nghĩa quân "Cần Vương" đã để lại một vết nhơ trong lịch sử kháng chiến chống Pháp dưới ngọn cờ "Cần Vương"

Trương Quang Ngọc quê quán làng Thanh Thuyền, tổng Thanh Lạng, con trai của Trương Quang Thụ, trong cuộc chống triều đình Tự Đức, đã cùng với Tú Mai, Tú Tấn, có Nguyễn Huy Điền tức Tú Khánh làm quân sư, đã đánh chiếm tỉnh thành Hà Tĩnh. Sau đó bị triều đình Tự Đức đánh dẹp đã trốn lên Lào và chết tại đó.

Khi nhà vua từ Hà Tĩnh vào Tuyên Hoá, Trương Quang Ngọc cùng một số người Mường giỏi nghề cung nỏ đến gia nhập đoàn hộ giá, đi theo phò Vua, giúp nước. Quá trình theo vua Ngọc cũng có nhiều công lao, tỏ ra gan dạ và rất thiện xạ, đã đánh lui nhiều đội quân của Pháp. Nhưng Ngọc là người không có chí hướng, ham rượu chè, nghiện thuốc phiện, thích ăn chơi, khi phong trào Cần Vương suy yếu thì thay lòng đổi dạ, không chịu được sự gian nan, khổ sở, đâm ra phản bội. Nộp vua Hàm Nghi cho Pháp, Ngọc được thăng chức lãnh binh, làm trưởng đồn Khe Ve, đến ngày 24-12-1893 một đội quân của Phan Đình Phùng từ Hương Khê kéo vào bắt Trương Quang Ngọc và kết liễu đời phản bội của hắn. Đầu Ngọc được bêu lên nơi mà Ngọc nộp vua Hàm Nghi cho Pháp.

Như vậy cũng như ở các nơi, những đội nghĩa quân ở Quảng Bình về căn bản vẫn là những đội quân có tính chất địa phương. Họ khởi nghĩa ngay tại quê hương, lấy đình làng làm doanh trại và dựa vào địa thế trong vùng để đánh Pháp. Tuy có phối hợp với nhau trong chiến đấu nhưng họ đều có tổ chức độc lập tự túc về vũ khí và lương thực. Sự chỉ đạo của cái gọi là “quan Khâm Đàm” chỉ có ý nghĩa tương đối và có tính chất danh nghĩa mà thôi. Về thực chất của cái gọi là “cuộc kháng chiến của triều đình Hàm Nghi” ở Quảng Bình cũng chỉ là phong trào kháng chiến của nhân dân chủ yếu là nông dân chống thực dân Pháp xâm lược dưới sự lãnh đạo của những người sĩ phu yêu nước như Nguyễn Phạm Tuân, Lê Trực, Lãnh Mai, Hoàng Văn Phúc... Phần lớn những sĩ phu này không phải là quan lại tại chức mà là những sĩ phu hoặc đã từ quan, hoặc vẫn sống thanh đạm ở nông thôn. Trên thực tế, tác dụng của Hàm Nghi trong phong trào kháng chiến nói chung và ở Quảng Bình nói riêng cũng chỉ có ý nghĩa về danh nghĩa. Triều đình có đặt đại diện ở các nơi nhưng không có tác dụng thực tế trong việc chỉ đạo phong trào; về căn bản vẫn là phong trào văn thân hoặc là phong trào nông dân tự phát nổi dậy. Nhưng khác với tỉnh khác, Quảng Bình là căn cứ kháng chiến của Hàm Nghi. Điều đó có nghĩa là lịch sử đã đặt cho nhân dân ở đây một nhiệm vụ nặng nề là bảo vệ Hàm Nghi. Cho nên mâu thuẫn dân tộc ở đây lại biểu hiện tập trung và gay gắt trong cuộc đấu tranh bảo vệ nhà vua. Như chúng ta đã biết, được sự bảo vệ và ủng hộ của nhân dân, Hàm Nghi đã ra

được sơn phòng Hà Tĩnh ở làng ấu Sơn, huyện Hương Khê. Rồi từ đó căn cứ của nhà vua là ở miền sơn cước hai tỉnh Quảng Bình, Hà Tĩnh; căn cứ chủ yếu là vùng thượng lưu sông Gianh và sông Ngàn Sâu.

Hưởng ứng phong trào "Cần Vương" và trên danh nghĩa "Cần Vương" để đứng lên chống Pháp, nhân dân Quảng Bình đã để lại những trang sử hào hùng trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc nói chung và sự nghiệp chống thực dân Pháp xâm lược nói riêng.

2. PHONG TRÀO YÊU NƯỚC THEO KHUYNH HƯỚNG DÂN CHỦ TƯ SẴN

2.1. Tình hình Quảng Bình trong giai đoạn cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX

Sau thất bại của phong trào yêu nước dưới ngọn cờ "Cần Vương", đặc biệt là sau đại chiến thế giới lần thứ nhất (1914-1918), tình hình chính trị, kinh tế, xã hội trên địa bàn Quảng Bình có những biến đổi hết sức cơ bản.

Để thực hiện mưu đồ thống trị để khai thác Đông Dương, thực dân Pháp thi hành chính sách quản lý chuyên chế hết sức hà khắc. Chúng chia Việt Nam thành 3 kỳ với 3 chế độ chính trị khác nhau. Bắc kỳ là xứ bảo hộ, Trung kỳ là xứ tự trị và Nam kỳ là xứ thuộc địa nhưng thực chất đều là thuộc địa của thực dân Pháp. Vì vậy, tuy Quảng Bình thuộc xứ tự trị" nhưng bộ máy cai trị trên địa bàn này đều do thực dân Pháp tổ chức. Nắm giữ toàn bộ hệ thống hành chính của địa phương là viên Công sứ, phó sứ. Quan chức của thực dân Pháp nắm giữ các ngành quan trọng như an ninh, quân sự, kinh tế. Tuy mỗi cấp ở các địa phương trong tỉnh đều có bộ máy hành chính riêng nhưng nhìn chung hệ thống hành chính từ tỉnh xuống cơ sở đều do thực dân Pháp điều hành. Để bảo vệ hệ thống chính quyền thực dân phong kiến và tổ chức khai thác thuộc địa, thực dân Pháp tăng cường xây dựng quân đội, tổ chức càn quét, đàn áp và bóc lột kinh tế và hạn chế tối đa các quyền lợi bức thiết của người dân.

Tháng 5 năm 1897, một nhóm hỗn hợp các quan chức Pháp Việt gồm đại diện phòng tư vấn Thương mại canh nông Trung kỳ và Điền chủ Pháp đã đi thị sát Quảng Trị, Quảng Bình, Hà Tĩnh. Bằng kinh nghiệm sành sỏi về khai thác thuộc địa, nhóm các chuyên gia này đã phát hiện ở vùng

đất nghèo khó này những triển vọng đầu tư khai thác tài nguyên nông - lâm nghiệp và nguồn nhân công rẻ mạt. Để khuyến khích và tăng dần đầu tư khai thác địa bàn này, ngày 20 tháng 7 năm 1898, Toàn quyền Đông Dương Paul Doumer đã ra Nghị định đặt giải thưởng hàng năm cho các chủ đồn điền người Pháp ở Trung kỳ, đặc biệt là các đồn điền trồng cà phê, bông sợi, đay, thuốc lá, gai...Tiền đề cho quá trình xâm thực kinh tế của thực dân Pháp ở Quảng Bình đã khởi đầu như vậy.

Dựa vào thực dân Pháp, thế lực phong kiến và địa chủ tay sai tăng cường các thủ đoạn bóc lột nhân dân. Ngày 14 tháng 8 năm 1898, Triều đình Huế ra đạo dụ tăng mức đóng thuế của nông dân Trung kỳ đồng thời đặt chế độ thu nộp thuế dưới sự kiểm soát của cả quan lại Nam triều lẫn quan cai trị Pháp. Các thứ thuế đều đánh thẳng vào tài nguyên và lao động của nông dân, đẩy nhanh thêm tốc độ bán cùng hoá xã hội^(A193:40-43)

Cũng như các tỉnh miền Trung khác, ở Quảng Bình, thực dân Pháp cũng vừa dùng hình thức bao chiếm ruộng đất của nông dân, vừa thi hành chính sách độc quyền khai thác tài nguyên (tài nguyên rừng, hải sản và tài nguyên nông nghiệp), mặc nhiên nắm trong tay vận mệnh của đại bộ phận lao động cơ bản nhất trong xã hội lúc bấy giờ là nông dân, đẩy họ vào con đường bán cùng và mặc sức thao túng họ để phục vụ cho chính sách thuộc địa của chúng. Sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất, theo chân tư bản Pháp, một số tư sản dân tộc và quan lại trong chính quyền phong kiến cũng tìm cách đầu tư lập đồn điền ở Quảng Bình. Trong đó đáng chú ý nhất là các đồn điền và cơ sở kinh doanh nông nghiệp của Bùi Huy Tín và Hồ Sỹ Quế ở Hạc Hải, Cẩm Ly (huyện Lệ Thủy). Phú Quý (huyện Bố Trạch) và Kim Lũ (huyện Tuyên Hoá). Số công nhân và lao động trong các đồn điền Pháp và cơ sở kinh doanh của người Pháp và Việt Nam lên tới hàng chục nghìn người.

Như vậy, trong những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, dưới tác động trực tiếp của chính sách thực dân trong các lĩnh vực chính trị, quân sự và kinh tế, cuộc sống của người dân bị dồn đến cùng cực không lối thoát.

Tình hình đó đã tác động sâu sắc đến các giai tầng xã hội trong tỉnh.

Giai cấp nông dân Quảng Bình chiếm 90% dân số của tỉnh. Nông dân Quảng Bình vốn cần cù lao động, chịu thương chịu khó và đoàn kết tương trợ lẫn nhau trong sản xuất, nay đứng trước kẻ thù giai cấp và dân tộc, họ càng gắn bó, đoàn kết với nhau trong cuộc đấu tranh chống xâm lược. Do

ị bản cùng hoá và do bị cưỡng bức lao động trong các công trình xây dựng và trong các đồn điền của Pháp nên một bộ phận rất lớn nông dân bỏ nhà cửa, ruộng vườn, thoát ly khỏi lao động nông nghiệp nhưng không có cơ hội trở thành công nhân mà trở thành bộ phận lao động làm thuê lang thang không ổn định.

Một lực lượng lao động khác, tuy không phải là công nhân chuyên nghiệp nhưng do tính chất lao động và nghề nghiệp, họ có mối quan hệ chặt chẽ cả với nông dân (nguồn gốc của họ) và với giai cấp công nhân và tầng lớp trí thức tiểu tư sản, đó là tầng lớp thợ thủ công. Họ không chỉ có mặt trong các làng nghề vốn đã nổi tiếng như rèn đúc Hoà Ninh, Hoàng Giang, mộc, chạm trổ Tam Toà, Trúc Ly, Quảng Cư, làm nón Thổ Ngọa, Quy Hậu, nuôi tằm dệt vải, dệt thêu, dũi ở Đồng Kiên, Hoàn Lão, Khương Hà, Trường Dục, nghề gốm Ngọa Cương, đan lát Thọ Đơn, Quy Hậu... Những người làm nghề thủ công thường có mối liên minh chặt chẽ với nhau và sự liên minh này không chỉ mang tính chất phường hội mà còn mang yếu tố thương trường nên họ rất nhạy cảm với các xu thế chính trị - xã hội mới thâm nhập vào Quảng Bình.

Tầng lớp tiểu tư sản, tiểu thương, tiểu chủ ở Quảng Bình không nhiều, chủ yếu tập trung ở thị xã và các thị tứ, đời sống thấp kém, lại thường xuyên bị bộ máy quan lại và tư bản Pháp chèn ép nên có tinh thần phản kháng và tích cực hợp tác với công nhân và nông dân đấu tranh chống kẻ thù chung. Họ lại là những người có điều kiện tiếp xúc với những tư tưởng mới nên nhạy cảm với tình hình chính trị.

Do có sự hoạt động của bộ máy chính quyền thực dân và hệ thống các cơ sở kinh tế - xã hội của Pháp nên trên địa bàn Quảng Bình cũng xuất hiện một tầng lớp lao động mới là tầng lớp công chức làm thuê trong các công sở và giáo chức trong các trường học, cơ sở y tế... tập trung tại thị xã Đồng Hới và một số các thị tứ trong tỉnh. Bộ phận này có 2 nhóm chính.óm thứ nhất là công nhân viên chức lao động trong các tổ chức quản lý và hoạt động kinh tế xã hội như nhân viên quản lý điện, nước Đồng Hới và Ba Đồn, lò rượ Sica ở Ba Đồn và Mỹ lộc^(A193:50-52) Số Lượng nhân viên phân bố không đều ở các địa phương cũng như ở các cơ sở. Bộ phận này luôn có phản ứng với chính sách bóc lột của chủ tư bản và tích cực hưởng ứng tích cực các phong trào dân chủ và các xu hướng mới trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Nhóm thứ hai là công chức trong các cơ quan công quyền của thực dân Pháp và chính phủ nam triều. Bộ phận này không nhiều và quan điểm lập trường chính trị của họ cũng không rõ ràng nhưng cũng rất nhạy cảm trước những xu thế chính trị mới trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc.

Ở Quảng Bình không có tư sản lớn mà chỉ có một số ít tư sản nhỏ ở Đồng Hới, Ba Đồn, một số tư sản người Hoa nhưng thế lực của họ không đáng kể nên hầu hết đều lệ thuộc vào thực dân và tư bản Pháp.

Giai cấp địa chủ Ở Quảng Bình có tài sản rất hạn chế và vị trí chính trị của tầng lớp địa chủ không rõ nét cho nên ngoài những phản ứng cục bộ đối với chính sách thực dân, họ cũng thờ ơ với những xu hướng chính trị mới trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc.

Như vậy, có thể nói đi đôi với quá trình thực hiện chính sách thực dân và các thủ đoạn vơ vét bóc lột của thực dân Pháp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình đã diễn ra quá trình phân hoá các giai tầng xã hội. Kết quả của sự phân hoá giai cấp đã mở ra khả năng tiếp tục thúc đẩy phong trào yêu nước theo một xu hướng mới là xu hướng dân chủ tư sản. Đối với xu hướng tư tưởng này, giai cấp nông dân không có khả năng nhận thức để tiếp thu và truyền bá rộng rãi mà chỉ hưởng ứng một cách thụ động; giai cấp địa chủ thì hèn yếu và không có vị trí xã hội nên không có vai trò trong việc tiếp thu phong trào yêu nước; tầng lớp tư sản ở Quảng Bình hết sức nhỏ bé và lệ thuộc vào tư sản Pháp nên không tỏ thái độ ủng hộ phong trào yêu nước một cách rõ ràng. Trong bối cảnh như vậy, xu hướng tư tưởng dân chủ tư sản trong phong trào yêu nước trên địa bàn Quảng Bình không mạnh như các địa phương khác trong nước nhưng cũng là tiền đề quan trọng để từ đó kết nối phong trào yêu nước với phong trào đấu tranh cách mạng.

2.2. Một số hoạt động yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản

Biểu hiện mới nhất trong phong trào đấu tranh dân chủ thời kỳ này là những cuộc đấu tranh đòi quyền lợi dân chủ và dân sinh của công nhân và lao động làm thuê trong các cơ sở sản xuất của thực dân Pháp. Ngoài việc tham gia phong trào yêu nước dưới ảnh hưởng của tầng lớp trí thức, học sinh, đội ngũ công nhân lao động làm thuê đã có những hình thức đấu tranh đòi dân quyền, dân chủ, dân sinh dưới nhiều hình thức mới mà các giai đoạn trước đó chưa thể có, đó là những cuộc đấu tranh đòi cải thiện điều kiện lao động, tăng lương và cao hơn nữa là lãn công, đình công và biểu tình.

Trong thời gian từ sau thế chiến thứ nhất đến trước năm 1927, trên công trường làm đường sắt xuyên Việt qua Hoàng Sơn và tuyến Tân Ấp - xóm Cúp đã diễn ra hàng chục cuộc đấu tranh của công nhân chống cưỡng bức lao động của bọn đốc công, trong đó có cuộc đấu tranh của công nhân

diễn ra tháng 6 năm 1925 lôi kéo hàng chục cơ sở khác cùng tham gia. Tuy nhiên các cuộc đấu tranh trong thời kỳ này còn manh động, tự phát, ít hiệu quả và chưa hình thành phong trào.

Bước sang những năm 1928-1929, phong trào đấu tranh dân chủ, dân quyền và dân sinh của công nhân lao động làm thuê có những chuyển biến mới. Trong giai đoạn này, nhiều hoạt động của các tầng lớp nhân dân có xu hướng dân chủ đều bắt đầu ảnh hưởng tới đời sống và sinh hoạt của đội ngũ công nhân và lao động làm thuê. Hầu hết tầng lớp thanh niên trí thức có xu hướng chính trị mới đều có mối quan hệ huyết thống hoặc quan hệ cộng đồng với đông đảo những người lao động này. Thông qua mối quan hệ này, những thanh niên trí thức phát huy ảnh hưởng của mình đối với công nhân lao động, đồng thời dựa vào công nhân và lao động để tiếp tục thúc đẩy phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản.

Trong bối cảnh phong trào "cần vương" thất bại, tầng lớp sỹ phu yêu nước không còn đủ sức tập hợp lực lượng yêu nước chống Pháp thì ngọn cờ yêu nước đã dần dần thuộc về tầng lớp thanh niên trí thức, học sinh, một số giáo chức và công nhân lao động làm thuê.

Lúc này phong trào yêu nước chịu ảnh hưởng của nhiều xu hướng chính trị khác nhau như tư tưởng quốc gia, dân tộc theo xu hướng Tôn Dật Tiên, tư tưởng dân chủ tư sản của các mạng cổ điển Pháp, tư tưởng quân chủ lập hiến của Nhật...

Tầng lớp nhạy cảm chính trị ở Quảng Bình lúc này là trí thức học sinh. Hầu hết những tổ chức và xu hướng chính trị tiểu tư sản ở Quảng Bình đều do những học sinh Quảng Bình học ở Huế, Vinh... mang về truyền thụ lại trong địa phương. Các hoạt động theo xu hướng dân chủ như mít tinh, biểu tình đòi thả nhà yêu nước Phan Bội Châu, để tang nhà cách mạng cải cách Phan Chu Trinh nổ ra ở các trường học trên địa bàn Đồng Hới, Bố Trạch, Ba Đồn, Lệ Thủy đều do các thanh niên trí thức, học sinh nhen nhóm và tổ chức. Sau khi cụ Phan Bội Châu được ân xá và đến Quảng Bình, cụ được nhân dân đón tiếp nồng nhiệt và được các thanh niên trí thức học sinh tổ chức mời cụ nói chuyện. Các buổi nói chuyện và tiếp xúc với Phan Bội Châu đã nhen nhóm và khơi dậy tinh thần yêu nước và gợi mở cho một số trí thức thanh niên ở Quảng Bình tìm con đường đấu tranh chống xâm lược theo xu hướng mới.

Những con em Quảng Bình học tập tại các trung tâm chính trị - xã hội như Huế cũng đã sớm giác ngộ tinh thần yêu nước và nhiệt tình tham gia phong trào yêu nước của các địa phương. trong số đó có Võ Giáp (sau này chính là vị đại tướng tài ba Võ Nguyên Giáp), học sinh trường quốc học Huế,

đã hăng hái đấu tranh, đòi tự do, chống chế độ học đường hà khắc và cũng chính anh là một trong những người truyền không khí đấu tranh yêu nước và các trào lưu tư tưởng mới về quê hương.

Trong giai đoạn 1927-1929, một số sách báo tiến bộ do con em Quảng Bình học ở các thành phố lớn mang về đã đưa đến những thông tin mới về xu hướng đấu tranh cách mạng. Vì thế ở Đồng Hới, Hoàn Lão, Quảng Trạch, Lệ Thủy, ... đã xuất hiện một số học sinh, thanh niên nhóm họp đọc sách báo tiến bộ và truyền bá tư tưởng cách mạng. Các nhóm thanh niên hoạt động tại Đồng Hới và Hoàn Lão, Lý Hoà như Nguyễn Hữu Chuyên (quê ở Lệ Thủy), Trịnh Quảng Xuân (quê Quảng Nam) đều là học sinh trường Kỹ nghệ thực hành Huế về làm việc tại Quảng Bình, Nguyễn Trọng Di (quê Quảng Nam, trưởng ga Hoàn Lão), Mai Văn Hồ (quê Hà Tĩnh, theo học ở Đồng Hới), Tôn Nữ Thị Cháu (quê Thừa Thiên, học ở Huế, theo gia đình về Đồng Hới), Quách Tuấn và Quách Vinh (quê Hoàn Lão), Nguyễn Phụng (quê Hà Tĩnh, học trường kỹ nghệ thực hành Huế,^(A181:27); Nhóm thanh niên hoạt động ở Lệ Thủy như Đào Việt Doãn, Phạm Xuân Tuynh, Lê Viên, Lê Ngụ, Lê Dy...^(A173:43-45); Nhóm thanh niên hoạt động ở Quảng Trạch như Khương Hữu Dụng (quê Quảng Trạch), Phạm Hữu Huân (quê Quảng Nam), Dương Đình Dư (quê Bố Trạch)^(A178:59)... Những thanh niên tiến bộ này tổ chức thành những "nhóm đọc sách" nhưng thực chất là hoạt động tuyên truyền các xu hướng yêu nước chống Pháp qua các sách và báo chí tiến bộ như "Người cùng khổ", "Việt Nam hồn", "Bản án chế độ thực dân Pháp"... Đầu tiên các tài liệu, sách báo tiến bộ này chỉ mới phổ biến trong phạm vi hẹp ở một số trường học như các trường học trên địa bàn Đồng Hới, Hoàn Lão, Lý Hoà (huyện Bố Trạch), Tuy Lộc, An Xá, Thạch Bàn (huyện Lệ Thủy), Ba Đồn, Cảnh Dương, Thọ Linh, Hoà Ninh (huyện Quảng Trạch) và một số địa phương khác trong tỉnh.

Đây chính là cơ sở để hình thành các tổ chức của "Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội" và Tân Việt cách mạng đảng (để rồi sau đó đổi thành Đông Dương cộng sản liên đoàn) và là cơ sở để chuyển hoá và thành lập các tổ chức cộng sản đầu tiên trên địa bàn Quảng Bình^(A182:38-39)

Các cơ sở của "Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội", đặc biệt là "Tân Việt cách mạng đảng" ở Quảng Bình đều dựa vào nhiều tầng lớp như công nhân và lao động trên các công trường, nông dân ở các địa bàn xa và thị dân để tăng cường mối liên lạc (trong khi đó ở các thành phố lớn khác các tổ chức này dựa chủ yếu vào tầng lớp trí thức tiểu tư sản, giáo chức học sinh...). Đó cũng là lý do để khi chuyển hoá các hoạt động yêu nước theo xu

hướng dân chủ tư sản thành xu hướng vô sản trong các tầng lớp nhân dân trên địa bàn Quảng Bình gần như không gặp trở ngại gì

Trong giai đoạn này, Quảng Bình không phải là trung tâm chính trị kinh tế lớn nên các giao thương qua địa bàn Quảng Bình còn rất hạn chế. Vì vậy, các khuynh hướng dân chủ tư sản chỉ đến với địa bàn Quảng Bình thông qua những thanh niên, học sinh con em Quảng Bình và con em các địa phương khác học ở các trung tâm lớn của đất nước trở về nghỉ hè hoặc về làm việc trong các công sở và dạy học ở Quảng Bình. Bên cạnh đó, một số công nhân và lao động trên tuyến đường sắt Bắc - Nam đi qua địa bàn Quảng Bình cũng tiếp xúc và phổ biến sách báo tiến bộ cho một số cơ sở dọc tuyến đường sắt. Tuy vậy, do kiểm soát gắt gao của thực dân Pháp mà số tài liệu được chuyển đến Quảng Bình thông qua đường sắt không đáng kể.

Do vị thế tự nhiên nằm xa các trung tâm chính trị - xã hội nên hầu hết các hoạt động theo khuynh hướng dân chủ tư sản cũng chỉ là những biểu hiện tiếp thu trong nhận thức là chủ yếu chứ chưa chuyển thành những hoạt động thực tiễn mạnh mẽ nên tác dụng xã hội rất thấp và có lúc đi vào bế tắc. Trên thực tế, một bộ phận những thanh niên trí thức có khuynh hướng tư tưởng dân chủ tư sản sau này do bế tắc không lối thoát mà nằm im không hoạt động nữa, tiếp tục các công việc mưu sinh thuần túy. Một bộ phận khác chịu ảnh hưởng của xu hướng cách mạng vô sản đã gia nhập Đảng Cộng sản và nhiều người đã trở thành cán bộ lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước như Đại tướng Võ nguyên Giáp.

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1930 đã khép lại những hoạt động tuy không mấy sôi động của phong trào yêu nước theo khuynh hướng tư sản nhưng lại có ý nghĩa rất lớn lao trong việc tiếp tục kế thừa và phát huy phong trào yêu nước và từ đó mở ra thời kỳ đấu tranh cách mạng kiên cường và oanh liệt theo xu hướng cách mạng vô sản.

Chương V (X)

PHONG TRÀO
ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG
(1930-1945)

1. NHỮNG TỔ CHỨC CỘNG SẢN ĐẦU TIÊN Ở QUẢNG BÌNH

Đầu thế kỷ XX phong trào Cách mạng Việt Nam đứng sự khủng hoảng sâu sắc về đường lối lãnh đạo.

Ngọn cờ lãnh đạo trong tay các sĩ phu phong kiến không còn đáp ứng yêu cầu của phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc. Các phong trào Cần vương, Văn Thân cuối cùng đều lâm vào tình trạng bế tắc. Giai cấp phong kiến trở thành lực lượng kìm hãm sự phát triển của xã hội, không còn khả năng hợp được lực lượng quần chúng nhân dân.

Giữa lúc đó cuộc cách mạng tháng 10 Nga năm 1917 công mở ra một thời đại mới trong lịch sử loài người, thời đại mà trong đó cách mạng giải phóng dân tộc là một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới.

Qua các con đường bí mật, từ Pháp, Quảng Châu (Trung Quốc), ảnh hưởng của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng 10 Nga đã lan rộng vào Việt Nam, Nhiều nơi trong nước ta đã xuất hiện nhiều tác phẩm của Mác, Ăng ghen như “Tuyên ngôn của Đảng cộng sản”, “Tư bản luận”, cùng nhiều bài viết ca ngợi thắng lợi của cuộc cách mạng tháng 10 Nga.

Hoạt động của đồng chí Nguyễn Ái Quốc ở nước ngoài cùng với những tác phẩm của Người như: “Bản án chế độ thực dân Pháp”, Báo “Người cùng khổ” ngày càng lan truyền và tác động sâu sắc tới nhận thức tư tưởng của tầng lớp thanh niên, trí thức, học sinh.

1.1. Những tổ chức yêu nước có xu hướng cách mạng vô sản.

Nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng phát triển của cách mạng Việt Nam, tháng 6 năm 1925 đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã sáng lập tổ chức “Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội” ở Quảng Châu (Trung Quốc) để đào tạo lý luận cách mạng cho tầng lớp thanh niên trí thức yêu nước.

Thông qua tổ chức Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí hội Chủ nghĩa Mác - Lê Nin được đồng chí Nguyễn Ái Quốc truyền vào Việt Nam, làm cho phong trào cách mạng trong nước có những bước chuyển biến mạnh mẽ. Hàng nghìn cuộc đấu tranh của thanh niên, học sinh, công nhân, nông dân, thợ

hủ công đã diễn ra khắp trong các trường học, nhà máy, hầm mỏ, đô thị và một số vùng ở nông thôn. Một số thanh niên học sinh Quảng Bình học ở Huế, là Nội cũng đã hăng hái tham gia các cuộc đấu tranh này.

Giữa lúc tổ chức Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội đang tích cực hoạt động, phát triển hội viên thì ngày 14 tháng 7 năm 1925 tại núi Quyết (Nghệ An) Hội phục Việt (sau đổi tên là Hưng nam rồi Tân Việt cách mạng Đảng) ra đời. Cơ sở của hội là các tầng lớp giáo viên, công chức, học sinh của các tỉnh phía Bắc Trung Bộ. Chủ trương của hội là truyền bá tư tưởng yêu nước, tập hợp lực lượng để chống lại chế độ thực dân phong kiến, giải phóng tổ quốc.

Sau một thời gian, tổ chức Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí Hội và Tân Việt Cách Mạng Đảng đã gây ảnh hưởng đến Quảng Bình, bước đầu xây dựng được một số cơ sở của Hội.

Mặc dầu chưa hình thành được tổ chức nhưng hoạt động của những lãnh viên của Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng Chí Hội và nhóm đọc sách báo tiến bộ đã góp phần đưa ánh sáng con đường giải phóng dân tộc đến với các tầng lớp nhân dân nhất là thanh niên trí thức và để chuẩn bị hình thành tổ chức.

Sự ảnh hưởng của Đảng Tân việt vào Lệ Thủy - Quảng Bình cũng rất sớm. Tháng 9 năm 1925 Anh Võ Nguyên Giáp tiếp xúc với tư tưởng cách mạng tiến bộ, sau khi về quê ở An Xá, anh đã tuyên truyền giác ngộ cách mạng, thu hút nhiều thanh niên tham gia các hoạt động anh đứng vào nông hội đỏ ở An Xá, Phú Thọ, Thạch Bàn, Lộc An^(A182:37-38). Có thêm lực lượng trẻ, hăng hái, cơ sở cách mạng đã nhiều lần tổ chức viết và rải truyền đơn ở tiệm thợ Mỹ Lộc, nhà chung Ngân Sơn (Phú Hoà). Với những việc làm thiết thực của những người yêu nước, cơ sở cách mạng ở Lệ Thủy đã gây ảnh hưởng tốt đến quần chúng trong vùng.

Tại Trung Lục- Mỹ Thổ , phong trào yêu nước dấy lên từ những cuộc đấu tranh chống áp bức của nông dân với giai cấp địa chủ phong kiến và thực dân xâm lược. Từ phong trào, một số thanh niên tiến bộ, có chí hướng đã liên lạc với những nhóm thanh niên tiến bộ ở các địa phương khác để gây dựng cơ sở cách mạng.

Được sự giúp đỡ của các Đảng viên ở Vĩnh Linh các anh Nguyễn Đông, Lê Thuận Chất, Lê Thuận Sản (Mỹ Thổ - Trung Lục) tổ chức các hội quần

chúng để giáo dục lòng yêu nước căm thù giặc. Đây là một trong những cơ sở cho việc hình thành nên chi bộ Đảng cộng sản đầu tiên ở Lệ Thủy.

Năm 1928, thông qua hoạt động của Đảng Tân Việt cách mạng Đảng trên tuyến đường sắt Vinh - Tu Tan, một nhóm Tân Việt gồm các anh Ga, Duyệt được gây dựng cơ sở tại ga Kẻ Rầy (Hoàn Lão). Giữa năm 1929 các anh Quách Tuấn, Quách Vinh học ở Hà Nội và Huế về Bố Trạch đã tìm gặp các anh trong nhóm Tân Việt và thành lập “Nhóm đọc sách báo” ở Hoàn Lão. Nhóm “đọc sách báo” quyết định lấy các bài báo mang nội dung tiến bộ như Báo “Việt Nam Hồn”, “Phong Hoá” “Hà Thành thời Báo”^(A171:34-35) sử dụng làm tài liệu học tập và tuyên truyền trong quần chúng, tập trung vào đối tượng là thanh niên, học sinh, dân nghèo vận động đấu tranh chống các hủ tục phong kiến lạc hậu ở địa phương.

Sau khi thành lập “Nhóm đọc sách báo” nhóm Tân Việt ở Hoàn Lão đã tìm bắt liên lạc với Nghè Đãi, Nguyễn Kim Chi (Thị xã Đồng Hới), Trịnh Quang Xuân, Quốc Hoa (Tân) Nguyễn Hữu Chuyên, Trịnh Quang Xuân những đảng viên của Đông Dương Cộng sản^(A171:34-35)

Sau hội nghị Thống nhất Đảng ở Cửu Long (Hương Cảng) không thành công, các đại biểu của Thanh niên cách mạng đồng chí hội về nước thành lập tổ chức Đông Dương cộng sản Đảng. Đại biểu Nam Kỳ về nước thành lập An Nam Cộng Sản Đảng. Ở miền Trung vào tháng 12 năm 1929, Đảng Tân Việt Tổ chức một cuộc họp trên một chuyến đò dọc ở Sông La quyết định đổi tên thành Đông Dương Cộng Sản Liên Đoàn.

Chỉ trong thời gian 7 tháng (từ tháng 6 năm 1929 đến tháng 1 năm 1930) ba Tổ chức Cộng Sản liên tiếp ra đời ở nước ta, đây là một sự kiện vô cùng mới mẻ là bước nhảy vọt của phong trào công nhân và và phong trào yêu nước, đáp ứng nhu cầu bức thiết của Lịch sử Việt Nam lúc bấy giờ.

Cuối tháng 12 năm 1929, đồng chí Lê Viết Lương đặc phái viên của Đảng Tân Việt (nay là Đông Dương Cộng Sản Đảng Liên Đoàn) đến Bố Trạch đặc phái viên của Đảng Tân Việt (nay là Đông Dương Cộng Sản Đảng Liên Đoàn) đến Bố Trạch gặp nhóm Tân Việt chuyển hoá tổ chức này với tên mới là tổ chức của Đông Dương cộng sản Liên đoàn. Tháng 1 năm 1930, thành lập Ban vận động Đông Dương cộng sản Liên đoàn tại Bố Trạch. Ban vận động gồm 3 đồng chí Ga, Duyệt, điện cùng đặc phái viên của tổ chức đông Dương cộng sản Liên đoàn bàn kế hoạch phát triển Đảng, xây dựng các tổ chức quần chúng cách mạng ở địa phương.

Tổ chức thanh niên cách mạng đồng chí Hội (Đông Dương cộng sản Đảng) và Tân Việt (Đông Dương Cộng sản Liên đoàn) ra đời có cơ sở ở Quảng Bình đã nhanh chóng phát huy được ảnh hưởng trong các tầng lớp quần chúng. Các tổ chức này đã giáo dục lòng yêu nước và lý tưởng cộng sản chủ nghĩa cho nhân dân, chuyển lập trường yêu nước từ quan điểm cũ sang quan điểm mới của giai cấp công nhân, tập hợp dưới ngọn cờ dân tộc dân chủ, mở ra con đường mới trong lịch sử đấu tranh cách mạng của mọi tầng lớp nhân dân Quảng Bình.

Cơ sở Ga Kê Rầy ở Hoàn Lão (Bố Trạch), Mỹ Tho Trung Lục (Lệ Thủy) được hình thành, tồn tại, bắt mối với người địa phương, phát huy ảnh hưởng là sự kiện quan trọng góp phần hình thành các tổ chức cộng sản đầu tiên ở tỉnh ta.

Như vậy nếu tổ chức “Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội” ở Quảng Bình tập trung gây dựng cơ sở trong bộ phận công nhân lao động làm thuê ở các công sở, các công chức, giáo chức, học sinh và thanh niên tiến bộ thì tổ chức “Tân Việt cách mạng Đảng” lại dựa chủ yếu vào công nhân đường sắt. Tuy vậy mặc dù chịu ảnh hưởng của hai tổ chức khác nhau nhưng công nhân và các thành phần tiến bộ của xã hội đều có mối liên hệ chặt chẽ với nhau về tình hình mới.

Trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời ở Quảng Bình đã xuất hiện những tổ chức tiền thân của Đảng được gây dựng trong cơ sở của công nhân và tầng lớp lao động khác trong điều kiện phong trào yêu nước cách mạng đang phát triển mạnh mẽ, Quảng Bình, vùng đất giàu truyền thống đấu tranh anh dũng là tiền đề, điều kiện quan trọng cho sự ra đời của các tổ chức cộng sản.

1.2. Những tổ chức cơ sở Đảng đầu tiên ở Quảng Bình.

Ngày 3 tháng 2 năm 1930 tại bán đảo Cửu Long (cạnh Hương Cảng, Trung Quốc), đồng chí Nguyễn Ái Quốc, thay mặt cho Quốc tế cộng sản chủ trì hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam thành một chính đảng cộng sản duy nhất: Đảng cộng sản Việt Nam.

Đảng cộng sản Việt Nam ra đời đánh dấu một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử đấu tranh cách mạng của nhân dân Việt Nam. Kể từ đây mỗi thắng lợi của phong trào cách mạng Việt Nam đều gắn liền với sự lãnh đạo sáng suốt, tài năng của Đảng là linh hồn của phong trào cách mạng Việt Nam.

Sau khi Đảng cộng sản Việt Nam ra đời (đổi thành Đảng cộng sản Đông Dương vào tháng 10 năm 1930) tại các địa phương trong cả nước, công việc hợp nhất các tổ chức cộng sản và thành lập các chi bộ cộng sản cũng được tiến hành khẩn trương.

Thành lập tổ chức cộng sản đầu tiên ở Bố Trạch:

Tại 3 tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên, đồng chí Lê Viết Lượng được xứ uỷ Trung kỳ giao trách nhiệm xây dựng các tổ chức Đảng.

Trên cơ sở của Ban vận động Đông Dương Cộng sản Liên đoàn, ngày 22 tháng 4 năm 1930 tại Ga Kẻ Ráy (Hoàn Lão) dưới sự chủ trì của đồng chí Lê Viết Lượng (xứ uỷ viên xứ uỷ Trung kỳ) tổ chức cơ sở cộng sản đầu tiên ở Bố Trạch được thành lập. Số lượng đảng viên lúc thành lập gồm 3 đồng chí: Điện, Ja và Duyệt do đồng chí Điện làm Bí thư. Căn cứ vào tài liệu lịch sử Đảng bộ huyện Bố Trạch thì đồng chí Ga tức là đồng chí Nguyễn Trọng Di (anh sinh ra ở lớn lên tại huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam), là công nhân đường sắt, làm tiếp ga tại Ga Kẻ Ráy, hoạt động trong phong trào công nhân và là đảng viên của Đông Dương cộng sản liên đoàn. Đồng chí Duyệt tức đồng chí Dương Đình Dư, thầy giáo dạy học, người làng Hoà Duyệt (xã Tây Trạch) đồng chí còn có tên gọi là thầy giáo Duyệt. Đồng chí Điện hay còn gọi là đồng chí Đèn làm công nhân tại nhà máy điện ở Thị xã Đồng Hới.

Sau khi được thành lập, chi bộ vạch ra phương hướng hoạt động nhằm phát triển Đảng vào giai cấp công nhân, tuyên truyền mở rộng ảnh hưởng của Đảng trong quần chúng, xây dựng các tổ chức nông hội để vận động nông dân đấu tranh chống địa chủ, cường hào, quan lại áp bức, tham nhũng. Đồng thời đề ra một số hoạt động cụ thể trong dịp kỷ niệm ngày quốc tế lao động 1-5-1930.

Nhằm phát triển về mặt tổ chức, tăng cường sự hoạt động, chi bộ kết nạp thêm một số đảng viên mới. Tổ chức liên lạc với các cơ sở Đảng ở Huế, đồng Hà nhận cờ Đảng; tài liệu phục vụ công tác tuyên truyền, tổ chức nhân dân đấu tranh.

Chi bộ Ga Kẻ Ráy được thành lập là chi bộ cộng sản đầu tiên trên quê hương Bố Trạch, đánh dấu sự trưởng thành của phong trào cách mạng ở Bố Trạch và các vùng phụ cận thị xã Đồng Hới, góp phần nâng cao ý thức dân tộc, lòng yêu nước, tinh thần đấu tranh chống ngoại xâm của nhân dân Bố Trạch riêng và quê hương Quảng Bình nói chung.

Thành lập Chi bộ Đảng Cộng sản Đông Dương tại địa bàn huyện Lệ Thủy.

Theo dòng chảy của lịch sử, vùng đất và con người Lệ Thủy chứa đựng trong mình truyền thống yêu nước, chí căm thù giặc và chí khí cách mạng cao cả. Vì vậy mà những năm trước khi Đảng ta ra đời ở đây đã xuất hiện nhiều tổ chức cách mạng mang màu sắc mới theo con đường giải phóng dân tộc bằng cách mạng vô sản.

Những “nhóm đọc sách báo tiến bộ” từ An Xá, Thạch Bàn, Lộc An, qua Phước Thọ đến 21 thanh niên trung kiên lập thành 7 nhóm bí mật hoạt động ở Mỹ Thổ, Trung Lực sau lan ra Hoà Luật Bắc, ga Mỹ đức, thượng Lâm đã đẩy xu hướng yêu nước tiến bộ lên một bước mới.

Tháng 11 năm 1931 đồng chí Đoàn Bá Thừa, người cộng sản đầu tiên hoạt động trên địa bàn Lệ Thủy, đã được cấp uỷ cấp trên giao nhiệm vụ làm lễ kết nạp các thanh niên gồm: Nguyễn Đông, Lê Thuận Chất, Lê Thuận Sản vào Đảng cộng sản; Thành lập chi bộ Mỹ Trung (gồm 2 làng Mỹ Thổ và Trung Lực tại miếu Thành Hoàng. Cử đồng chí Lê Thuận Chất làm bí thư.

Đây là chi bộ cộng sản đầu tiên ra đời ở Lệ Thủy và ở vùng nam Quảng Bình, là một sự kiện quan trọng, đánh dấu một mốc lịch sử trong tiến trình phát triển của phong trào đấu tranh yêu nước và cách mạng của nhân dân Lệ Thủy. Tổ chức cộng sản ra đời ở Mỹ Thổ - Trung Lực là kết quả của cả một quá trình đấu tranh cách mạng của nhân dân trên địa bàn huyện Lệ Thủy.

Sự ra đời của chi bộ Mỹ Trung không chỉ là kết quả phong trào cách mạng của riêng một miền quê, một vùng mà chính là kết quả của bước trưởng thành chung của phong trào cách mạng của huyện Lệ Thủy. Từ sự trưởng thành của phong trào đấu tranh của nhân dân mà thúc đẩy ý chí đấu tranh của tầng lớp yêu nước tiến bộ, thôi thúc họ đi tìm ánh sáng cách mạng.

Sau khi được thành lập, chi bộ Mỹ Trung tổ chức một cuộc mít tinh có hàng chục người tham gia để vạch tội ác của thực dân phong kiến, kêu gọi mọi người đoàn kết đấu tranh chống cường hào địa chủ áp bức, bóc lột, chống sưu cao thuế nặng, chống thực dân phong kiến, giải phóng dân tộc. Chi bộ Mỹ Trung ra đời đã tạo ra tia sáng đầu tiên soi rọi cách mạng của nhân dân Lệ Thủy, lãnh đạo nhân dân vùng Nam Quảng Bình đứng lên đấu tranh chống giặc ngoại xâm.

Mặc dù trải qua nhiều lần khủng bố, có những cuộc khủng bố khốc liệt, kéo dài, nhiều đảng viên và quần chúng bị bắt nhưng trước mũi súng quân thù,

đảng viên và quần chúng trung kiên của đảng không hề nao núng, giữ trọn khí tiết, bảo toàn cơ sở. Chi bộ tồn tại và tiếp tục hoạt động cho đến ngày Cách mạng tháng Tám thành công.

- Thành lập Chi bộ Bãi Đức tại huyện Tuyên Hoá (1-1931).

Thôn Bãi Đức, xã Hương hoá nằm về phía Tây Bắc huyện Tuyên Hoá, ở đây có đường sắt Bắc Nam chạy qua. Cũng như mọi miền quê khác dưới chế độ thực dân phong kiến nhân dân phải sống cuộc đời cực khổ tối tăm không lối thoát. Từ sau Cách mạng tháng 10 Nga thành công, nhất là những năm cuối của thập kỷ 20, cùng với huyện Hương Khê (Hà Tĩnh), bằng từ nhiều con đường khác nhau, nhân dân đã dần dần tiếp cận với xu hướng cách mạng mới.

Năm 1929 một số thanh niên Bãi Đức tiếp tục ra học ở huyện Hương Khê. Lúc này cơ sở cách mạng đã cắm rễ và bắt đầu phát triển mạnh ở vùng quê này. Những thanh niên của Tuyên Hoá - Quảng Bình sớm được giáo dục, giác ngộ hiểu ra được lý tưởng sống và con đường sẽ giải phóng được mình, giải phóng giai cấp đánh đổ ách thống trị của chế độ thực dân phong kiến.

Được giáo dục, giác ngộ số học sinh thôn Bãi Đức - Tuyên Hoá học tại trường huyện Hương Khê đã tham gia một số cuộc đấu tranh chống lại hiệu trưởng nhà trường về tội sĩ nhục, lăng mạ, khống chế học sinh bản xứ, đuổi học sinh vô cớ. Học sinh phản đối việc thực dân theo dõi đàn áp học sinh. Các cuộc đấu tranh này nhanh chóng được nhiều học sinh hưởng ứng gây áp lực đối với nhà trường, nhưng một số học sinh bị bắt, bị đuổi học. Số học sinh ở Bãi Đức - Tuyên Hoá phải trở về quê.

Cao trào cách mạng 1930 -1931 bùng nổ, tháng 3 năm 1930 ở huyện Hương Khê (Hà Tĩnh) Chi bộ Đảng đầu tiên được thành lập. Tháng 6 năm 1930 Đảng bộ Hương Khê ra đời và nhanh chóng phát triển nhiều cơ sở mới. Bãi Đức (Tuyên Hoá) là một trong những nơi được Tổng uỷ Xuân Khánh (huyện Hương Khê) chú ý để xây dựng cơ sở Đảng. Bãi Đức cũng là một trong những đầu mối liên lạc theo tuyến đường 12 từ Hà Tĩnh đến Quảng Bình và qua Lào.

Cuối năm 1930 nhiều thanh niên yêu nước ở Bãi Đức như Trần Đình, Phạm Lệ, Nguyễn Nga, Trần Tuất, Hà Văn Xin và Nguyễn Nga được rèn luyện, giác ngộ lý tưởng cộng sản.

Tháng 1 năm 1931 dưới sự chủ trì của đồng chí Trần Ích, lễ kết nạp đảng viên, thành lập chi bộ Bãi Đức đã được diễn ra. Chi bộ Bãi Đức thuộc

(huyện Tuyên Hoá) lúc mới thành lập gồm 7 đảng viên do đồng chí Trần Đình làm Bí thư.

Chi bộ Bãi Đức ở phía Tây của tỉnh Quảng Bình, ra đời dưới sự chỉ đạo của Tổng uỷ Xuân Khánh đã mở rộng phạm vi lãnh đạo, chỉ đạo phong trào đấu tranh cách mạng.

Từ đây phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân có sự chỉ đạo của Đảng ngày càng được mở rộng vào vùng đồng bào các dân tộc đang sinh sống trên địa bàn Tuyên Hoá (bao gồm cả huyện Minh Hoá ngày nay).

Chi bộ ra đời và tồn tại cho đến đầu tháng 6 năm 1931 thì bị thực dân Pháp khủng bố, đa số đảng viên bị bắt, chi bộ tan rã, sau tháng 8 năm 1945 mới thành lập lại.

Chi bộ Lũ Phong - Quảng Trạch ra đời.

Trong phong trào cách mạng, Quảng Trạch đã xuất hiện một số thanh niên có chí hướng muốn đi các nơi tìm hiểu cách thức tổ chức lực lượng, tiến hành đấu tranh để đánh đuổi kẻ thù xâm lược, giải phóng đồng bào, giải phóng quê hương.

Năm 1929, Nguyễn Văn Huyền làm công nhân lái xe lửa ở Tuyên Hoá được anh em là công nhân người Nghệ An - Hà Tĩnh tuyên truyền giác ngộ ý thức giai cấp và lý tưởng cộng sản.

Năm 1931, Hoàng Lai, đảng viên ở Nghệ Tĩnh vào Ba Đồn gặp anh Tụng quê ở Văn Phú bắt mối giác ngộ và gây cơ sở^(A178:52). Cuối năm 1931 một số thanh niên yêu nước tại Ba Đồn (Quảng Trạch), được giác ngộ cách mạng đã nối lại liên lạc và tổ chức lại thành một nhóm gồm có Nguyễn Văn Huyền, Hoàng Lai và anh Tụng^(A178:52). Nhóm này đã nhận được mật hiệu liên lạc cùng với một số tài liệu và truyền đơn của Đảng từ Hà Tĩnh gửi vào để mở rộng tuyên truyền tư tưởng cách mạng trong các tầng lớp nhân dân

Sau khi phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh bị đàn áp, nhóm thanh niên này mất liên lạc và ngừng hoạt động.

Trong lúc một số hoạt động cách mạng diễn ra ở Ba Đồn thì tại làng Lũ Phong, cách Ba Đồn 3 km, từ những năm 1929 - 1930 một số thanh niên như Nguyễn Kim Tiêu, Phạm Quang Thoả và sau đó là Nguyễn Văn Huyền qua Thái Lan được “Viện trợ cách mạng Đông Dương” giáo dục giác ngộ và giao nhiệm vụ nắm điều tra, tình hình địch.

Tháng 9 năm 1933 một số thanh niên yêu nước ở Lũ Phong được kết nạp vào đảng cộng sản Đông dương.

Được sự giúp đỡ của “Viện trợ cách mạng Đông Dương” ban vận động xây dựng cơ sở Đảng ở Quảng Trạch được thành lập tại Thái Lan gồm có 5 đồng chí: Nguyễn Kim Tiêu, Nguyễn Văn Huyền, Nguyễn Kinh, Phạm Quang Hoà , Võ Hoàng, Lê Nguyên Phong do đồng chí Nguyễn Kim Tiêu phụ trách. Ban vận động xây dựng cơ sở Đảng ở Quảng Trạch về địa phương hoạt động.

Sau khi được kết nạp vào Đảng, các đồng chí Đảng viên đã thành lập được tổ chức nông hội đỏ gồm 12 hội viên. Họ được giác ngộ và giáo dục lòng yêu nước căm thù giặc, cách thức tổ chức đấu tranh chống cường hào, địa chủ bóc lột, bất công, nhất là vấn đề ruộng đất.

Tháng 10 năm 1933, chi bộ Lũ Phong được thành lập gồm 6 đảng viên: Nguyễn Kim Tiêu, Nguyễn Văn Huyền, Phạm Quang Hoà , Lê Nguyên Phong , Trần Đình Trản và Trần Tình. Chi bộ cử đồng chí Nguyễn Kim Tiêu làm bí thư.

Chi bộ Lũ Phong ra đời không những chỉ có ý nghĩa đối với phong trào cách mạng quần chúng ở Lũ Phong mà còn có ảnh hưởng quan trọng đến các vùng lân cận. Đây là chi bộ Đảng cộng sản đầu tiên của huyện Quảng Trạch, cũng là một trong 2 chi bộ đầu tiên ở các huyện phía Bắc Quảng Bình

Chi bộ Lũ Phong ra đời đã trở thành nhân tố quan trọng để hình thành Đảng bộ Quảng Trạch sau này, có mối liên hệ chặt chẽ với Đảng bộ huyện Tuyên Hoá trong việc lãnh đạo phong trào cách mạng.

- Chi bộ Nhà lao Đồng Hới.

Cuối năm 1930, đầu năm 1931 thực dân Pháp thẳng tay đàn áp, khủng bố phong trào xô viết Nghệ Tĩnh, Hàng trăm cán bộ, đảng viên sa vào tay giặc. Nhà lao Vinh (Nghệ An) và nhà lao Hà Tĩnh hết chỗ giam, thực dân Pháp đã chuyển 30 tù nhân vào giam ở nhà lao Đồng Hới.

Trong thời gian bị giam ở nhà lao Hà Tĩnh số Chính trị phạm là đảng viên đã thành lập Chi bộ nhà lao. Cuối năm 1931 khi dịch chuyển tù nhân Hà Tĩnh vào Quảng Bình, vô tình chúng chuyển luôn cả Chi bộ nhà lao Hà Tĩnh vào nhà lao Đồng Hới.

Cũng thời gian này có hai đảng viên cộng sản là Nguyễn Hữu Chuyên và Lê Đình Triển, người Quảng Bình bị pháp bắt và đem về giam tại nhà lao

ồng Hới, cùng tham gia sinh hoạt với Chi bộ nhà lao do đồng chí Lê Bá Cảnh làm bí thư.⁽¹⁾

Sự ra đời của Chi bộ Đảng nhà lao Đồng Hới đã đáp ứng được yêu cầu bức thiết của anh chị em tù chính trị Quảng Bình. Nó là cơ sở để thống nhất ý chí, thống nhất hành động, có một tổ chức thống nhất để lãnh đạo tù nhân chống lại chế độ hà khắc của nhà tù thực dân.

2. CAO TRÀO CÁCH MẠNG 1930 - 1931

Cuộc khủng hoảng kinh tế năm 1930 của chủ nghĩa tư bản đã tác động mạnh mẽ, gây hậu quả nặng nề đến đời sống nhân dân ta. Để thoát khỏi cuộc khủng hoảng đó, thực dân Pháp tiếp tục bóc lột nhân dân lao động Pháp và các nước thuộc địa, và tăng cường chuẩn bị cho chiến tranh thế giới lần thứ II.

Nền kinh tế Việt Nam vốn đã kiệt quệ do chính sách bóc lột tàn tệ của thực dân Pháp, nay lại càng kiệt quệ hơn. Bị lệ thuộc vào nền kinh tế Pháp, nhân dân Việt Nam phải gánh chịu hậu quả khốc hại của cuộc khủng hoảng kinh tế của Chủ nghĩa tư bản Pháp, giai cấp công nhân và nhân dân lao động phải chịu nhiều tai họa. Mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam và đế quốc Pháp, mâu thuẫn giữa nhân dân ta chủ yếu là nông dân với giai cấp địa chủ và giai cấp công nhân với các thế lực thực dân và tư sản ngày càng trở nên gay gắt.

Xu thế lịch sử của mâu thuẫn giai cấp đã tập hợp giai cấp công nhân và nông dân cùng các tầng lớp lao động khác vào một mặt trận chung chống đế quốc và phong kiến. Để phát động quần chúng nhân dân đứng lên hưởng ứng cuộc vận động cách mạng của Đảng, các tổ chức cộng sản ở Quảng Bình đã cử đảng viên về nông thôn, bám sát nông dân và công nhân tuyên truyền đường lối cách mạng, tuyên truyền về lịch sử và ý nghĩa ngày quốc tế 1 - 5, kêu gọi công nhân, nông nhân, trí thức, thanh niên, học sinh và trí thức đoàn kết đấu tranh chống thực dân pháp, đòi ngày làm việc 8 giờ, đòi tăng lương, giảm thuế, cải cách học đường, ủng hộ Liên bang Xô Viết...

Dưới sự lãnh đạo của Đảng nhiều cuộc đấu tranh mang xu hướng cách mạng vô sản mới đã bùng lên giáng một đòn mạnh mẽ vào kẻ thù xâm lược.

Kỷ niệm ngày quốc tế lao động 1- 5, đêm 30 rạng ngày 1 tháng 5 năm 1930, ở Thị Xã Đồng Hới lần đầu tiên Cờ Đỏ Cách Mạng xuất hiện ngay trên cột cờ Hành Cung - Trung tâm thị xã Đồng Hới. Trên các đường phố, tường nhà từ Quảng Bình Quan đến Cửa Nam, trại lính khố xanh, khẩu hiệu, truiền đơn được rải khắp nơi.

Tại ga Thuận Lý, một nhóm công nhân tổ chức bí mật treo cờ búa liềm và dòng chữ Đảng Cộng Sản Việt Nam và rải truyền đơn Từ Khu Ga về Cầu ao (phía nam) phường Đồng Phú. 8 giờ sáng ngày 1 tháng 5 bọn thực dân dập mới tập trung lực lượng để thu nhặt hết truyền đơn và các khẩu hiệu lên chế độ thực dân. Việc truyền đơn và Cờ Đỏ Búa Liềm xuất hiện vào ngày rốc tế lao động 1 - 5, ngay Thị xã Đồng Hới, trung tâm tỉnh Ly Quảng Bình i gây tiếng vang lớn đến mọi tầng lớp nhân dân trong tỉnh.

Ngày 1 tháng 6 năm 1930, nông dân Bố Trạch đứng dậy đoàn kết đấu anh vạch rõ bộ mặt thật của quan lại nổi gót thực dân chèn ép bóc lột dân nghèo bắt bọn thực dân phong kiến Nam Triều ở Quảng Bình xuống thang lạng chước. Tri Huyện, đuổi thông nhì và thừa phái huyện Bố Trạch.

Tháng 7 năm 1930 Chi bộ Ga kẻ Ráy vận động hơn 500 dân phu đang m đường Tỉnh lộ 2 bãi công lên án bọn cai đội, lục lệ đánh đập, sỉ nhục, lăng ả công nhân đòi bọn thực dân Pháp phải cấp đủ lương thực đầy đủ cho những gười đi làm.

Cuộc đấu tranh của nông dân - phu đường tỉnh lộ 2 kéo dài từ sáng đến chiều đã làm ngưng trệ mọi hoạt động của địch trên tuyến đường từ Phong Nha đến Chùa Hang. Thực dân pháp phải chấp nhận một số yêu sách của nông dân à công nhân.

Cũng trong tháng 7 năm 1930 Truyền đơn Cách mạng lại được xuất iện ở Thị xã Đồng Hới đúng vào ngày Quốc Khánh nước Pháp 14 tháng 7. Nội dung truyền đơn phản đối thực dân Pháp bày các trò chơi nhục mạ dân ộc, kêu gọi đồng bào chống thực dân và phong kiến, ủng hộ phong trào Xô /iết Nghệ Tĩnh.

Thực hiện lời kêu gọi của Trung ương Đảng, nhân ngày phản đối đế quốc Chiến Tranh (1 - 8 - 1930), nhân dân đấu tranh phản đối chiến tranh đế quốc, ủng hộ Liên Xô, ủng hộ phong trào của các dân tộc thuộc địa và đòi quyền lợi dân sinh, dân chủ, Cờ Đảng, truyền đơn lại xuất hiện nhiều ngày ở hị xã Đồng Hới.

Tối ngày 31 tháng 7 cửa Thành Đồng Hới canh phòng nghiêm ngặt, sáng 1 tháng 8 ngoài thành có nhiều truyền đơn Cộng Sản và ngày 1 tháng 8 cửa thành mở lại như cũ, hôm sau ngày 3 tháng 8 nơi nhà Lục Giác trước mặt trường đánh vợt trong thành treo cờ đỏ búa liềm và truyền đơn”

Tháng 8 năm 1930, 1000 nông dân Hoàn Phúc đấu tranh vạch mặt cấu kết quan lại bóc lột nhân dân, chiếm đoạt ruộng đất công. Trước khí thế đấu

anh kiên quyết của nông dân, các vị chức sắc quan lại buộc phải từ bỏ âm mưu biến ruộng đất công của làng thành ruộng đất riêng của chúng.

Tháng 12 năm 1930, Từ một nhóm thanh niên yêu nước có chí hướng theo Đảng Cộng Sản, sau một thời gian đã phát triển thêm 18 thanh niên ở các làng An Xá, Thạch Bàn, Lộc An, Phú Thọ (Lệ Thủy) và được tập hợp dưới tổ chức nông hội đỏ. Nông hội đỏ đã vận động nông dân đấu tranh chống địa chủ cường hào áp bức, tham nhũng.... Những thanh niên trong tổ chức này về sau lần lượt trở thành đảng viên của Đảng Cộng Sản Đông Dương.

Đầu năm 1931 Tại nhà lao Đồng Hới, Chi bộ đã lãnh đạo tù nhân đấu tranh đòi cải thiện chế độ sinh hoạt của nhà lao. Anh em tù nhân bao vây giám hình phụ trách nhà lao và bọn canh gác. Bọn chúng đã huy động binh lính đánh đập tù nhân tàn nhẫn. Để tỏ thái độ phản kháng kiệt liệt, tù nhân ở đây đồng tâm tuyệt thực. Cuộc tuyệt thực ở nhà lao Đồng Hới kéo dài hơn một tuần, buộc địch phải nhượng bộ và giải quyết một số yêu sách của tù nhân.

Cơ sở bí ở thị xã Đồng Hới được tin anh em tù nhân tuyệt thực để đấu tranh, tìm cách hỗ trợ, đẩy mạnh cuộc đấu tranh ủng hộ cuộc đấu tranh của anh em trong nhà tù.

Một phong trào tuyên truyền vạch trần tội ác của thực dân Pháp đối với tù nhân lan rộng trong mọi tầng lớp nhân dân. Mặc khác cơ sở cách mạng nội thị vận động bà con quyên góp quần áo, xà phòng, quà bánh, giấy mực kể cả kim chỉ gửi vào ủng hộ anh chị em đấu tranh trong nhà lao. Được sự trợ giúp của nhân dân nội thị, phong trào đấu tranh trong nhà tù càng được khích lệ ngày một phát triển.

Tinh thần đấu tranh ý chí một lòng vì quê hương, đất nước đã được các tù nhân minh họa và lưu truyền trong quần chúng bằng những bài thơ mộc mạc, nhưng thể hiện một khí tiết cách mạng cao cả:

“Nước mất nhà tan nợ gánh chung,

Có ta, ta quyết gánh vai cùng,

Liều bỏ cũng đứng trong trời đất,

Vàng đá xin thề với núi sông

.....

Nhà máy ruộng đồng ấy của chung,

Tội chi ta chịu kiếp bần cùng

Đã là có mặt trong trời đất
 Quyết chẳng khoanh tay với núi sông
 Cách mạng lên đường trai lẫn gái,
 Chính quyền vô sản tố như ông
 Phất cờ giống trống ta đồng tiến
 Con nối gót cha, vợ nối chồng...

Thắng lợi bước đầu của cuộc đấu tranh trong nhà tù đã làm xôn xao dư luận trong thị xã và một lần nữa bồi đắp thêm lòng yêu nước, căm thù giặc cho quần chúng nhân dân.

Cuối năm 1930, đầu năm 1931, phong trào đấu tranh của quần chúng nông thôn trên toàn quốc đã thu được nhiều kết quả. Trước sự lớn mạnh của phong trào Trung ương Đảng kêu gọi quần chúng tiếp tục đứng dậy đấu tranh.

Dưới sự chỉ đạo của Huyện uỷ Hương Khê, Chi bộ Bãi đước họp bàn thống nhất chương trình hành động và phân công các đảng viên viết thêm quyền đơn, vận động quần chúng tham gia cuộc biểu tình ngày 1 tháng 5 năm 1931.

10 giờ đêm ngày 30 tháng 4 năm 1931, hơn 100 người đốt đuốc đổ rục ến tập trung tại Đượng Dầu. Cuộc biểu tình đi vòng quanh hai làng La Khê và Bãi Đước sau đó kéo về ga Tân Ấp. Đoàn người vừa đi vừa đồng thanh hô khẩu hiệu “Đánh đổ thực dân và Nam Triều quan lại, tịch thu ruộng đất của địa chủ chia cho dân nghèo”, “Thành lập chính quyền công nông” Truyền đơn mang nội dung đòi chia lại công điền, công thổ, đòi xoá thuế, hoãn nợ được rải khắp làng ngõ xóm.

Sức mạnh của quần chúng cách mạng làm cho bọn thống trị ở Bãi Đước hực sự hoang mang lo sợ. Đồn trưởng đồn Tân Ấp bỏ chạy trốn lên La Trọng, nhiều tên địa chủ ở La Khê, Bãi đước, Tân Ấp bỏ trốn vào rừng.

10 giờ trưa ngày 1 tháng 5 năm 1931 thực dân Pháp đưa lính đàn áp, cuộc biểu tình tan rã.

Tại Lệ Thuỷ trong ngày 1 tháng 5 quần chúng cách mạng tổ chức rải truyền đơn ở huyện lỵ và Chợ Tuy Lộc. Trên tuyến đường sắt từ Mỹ Trạch đến Thuận Lý hoạt động kỷ niệm ngày quốc tế lao động diễn ra sôi nổi. Công nhân đã rải truyền đơn, đấu tranh đòi xếp ga bảo vệ quyền lợi công nhân, công

hân khu vực khai thác gỗ đá Áng Sơn đấu tranh chống đánh đập, cúp phạt và ghiệm thu gian lận của bọn cai, thầu.

Tháng 8 năm 1931 trên công trường làm đường qua Dốc Sỏi (Sen Thủy ệ Thủy) một nhóm công nhân tổ vận chuyển đá tiếp nhận một số tài liệu iên truyền do những người cộng sản ở Quảng Trị chuyển ra đã bí mật liên ic với các đảng viên ở Mỹ Trung tổ chức tuyên truyền trong công nhân và viết ành truyền đơn rải trogn các thôn xóm để vận động nông dân đấu tranh.

Nông dân lao động trên công trường ngăn mặn Hạc Hải (Lệ Thủy) nghe n nông dân Bố Trạch đấu tranh cũng đã phối hợp đấu tranh đòi tiền công lao ộng và yêu sách đòi cho nghỉ giữa ngày. Cuộc đấu tranh ở công trường Hạc ải kéo dài 2 ngày và trước nguy cơ dẫn tới bãi công, đại diện của Bùi Huy ỷn đã phải chấp nhận yêu sách của nông dân.

Ở Quảng Bình đã xuất hiện nhiều tổ chức biến tướng của công nhân, ộng dân và các thành phần lao động khác như: “Nông hội đỏ” “Hội cứu tế ỏ” “Hội tương tế” Các tổ chức hội quần chúng dưới nhiều dạng khác nhau ược thành lập khắp nơi: Ở Lệ Thủy trong thời kỳ 1931-1932 một số “Nông ội đỏ” “Hội cứu tế đỏ” đã được thành lập ở Trung Lực, Mỹ thổ, An Xá, Tuy ộc. Ở Quảng Ninh hình thành các hội theo một dạng khác như “Hội đưa ắm” “Hội lợp nhà” “Hội chống xói thịt” (chống cường hào). Đồng Hới thành ập hội tương tế. Ở Bố Trạch thành lập các tổ chức quần chúng như công hội ẻ bò, thợ may Dù dưới hình thức nào thì các hội này cũng đều có sự lãnh ạo của tổ chức Đảng hoặc các cán bộ lãnh đạo cách mạng đều do trên cử về.

3. PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1932 -1935.

Phong trào cách mạng 1930 -1931 đã làm cho hệ thống chính quyền thực dân và phong kiến ở nhiều nơi khủng hoảng nghiêm trọng.

Để ngăn chặn sự phát triển của phong trào cách mạng quần chúng và giành lại ưu thế chính trị cũng như quyền lợi kinh tế mà giai cấp công nhân và nhân dân lao động đã giành được, thực dân Pháp lập tức thi hành một loạt chính sách khủng bố và cải cách lừa bịp.

Đối với Quảng Bình lúc này dưới con mắt của thực dân Pháp và tay sai phong kiến là: “mỗi cảnh vật, mỗi con người đều là giặc” Một chiến dịch khủng bố trắng đã được chính quyền thực dân và tay sai ráo riết thực hiện.

Trên công trường làm việc đường quốc lộ 1 A và công trường làm đường tỉnh lộ 2, thực dân Pháp sa thải một số công nhân chúng tình nghi có liên hệ với bên ngoài, số còn lại quản lý theo chế độ trại lính.

Đến giữa năm 1931 với một mạng lưới mật thám dày đặc cũng với sự cấu kết của bọn tay chân ở tầng lớp địa chủ phong kiến và hào lý địa phương, nhiều đảng viên trong các chi bộ Ga Kẽ Rầy, chi bộ Mỹ Trung, chi bộ Bãi Đức bị địch phát hiện bắt giam. Chi bộ Ga Kẽ Rầy và chi bộ Bãi Đức bị tan rã. Các hội viên nông hội, công hội, cứu tế đỏ cũng bị chúng xét hỏi tổng giam. Phong trào cách mạng vào cuối năm 1931 tạm thời lắng xuống.

Lợi dụng lực lượng cách mạng đang gặp phải một số khó khăn, chính quyền thực dân phong kiến tăng cường vơ vét, bóc lột.

Lực lượng công nhân bị bọn chủ rút bớt 25% tiền công đối với nông dân hình quyền thực dân tăng thuế thân lên 4 đồng (chưa kể các khoản phụ thu 1,5 đồng, trước đó thuế thân là 3,6 đồng).

Năm 1932, chúng bày ra trò “hoàng thượng hồi loan” tuyên truyền cho cái gọi là “chương trình cải cách” của tên bù nhìn Bảo Đại. Việc đầu tiên, thực dân Pháp điều khiển Bảo Đại tiến hành “Cải tổ chính phủ Nam Triều” tiếp theo là ân xá một số chính trị phạm “cải tổ” giáo dục ở cấp tiểu học “cải tổ” tiền tư pháp bản xứ “chấn hưng” kinh tế “cứu tế” xã hội, mục đích xoa dịu lòng dân và đánh lừa dư luận.

Nhiều cơ sở cách mạng, quần chúng trung kiên tìm mọi cách bảo vệ Đảng, bảo vệ cơ sở nhất là bảo vệ các chiến sĩ cách mạng đang bị bọn thực dân và tay sai truy lùng.

Sau gần 2 năm đối phó với những hành động khủng bố của thực dân Pháp, đến cuối năm 1932 đầu năm 1933 phong trào đấu tranh cách mạng ở Quảng Bình dần dần được củng cố, các cuộc đấu tranh tiếp tục diễn ra.

Năm 1933 dưới sự chỉ đạo của một số đảng viên ở Bãi Đức, nhân dân lập trung kiên tên lý trưởng Trương Thu Hợp về khoản lạm thu thuế 37 đồng, cuối cùng tên lý trưởng này đã bị trị huyện Tuyên Hoá cách chức.

Tháng 6 năm 1932 ở Mỹ Thổ, Trung Lực (Lệ Thủy) đã có 30 hội viên và 65 hội viên cứu tế đỏ. Tháng 2 năm 1933 ở Đồng Lực (Lệ Thủy) một cuộc mít tinh có 70 người tham gia. Những người dự mít tinh đã công khai cách trần áo áp bức bóc lột của giai cấp địa chủ, thái độ hống hách của bọn hào lý, đồng thời kêu gọi mọi người đi theo cách mạng.

Giữa năm 1932 một phái đoàn đại biểu uỷ ban điều tra của thực dân áp vào kiểm tra tình hình nhà tù Đồng Hới. Chúng phỏng vấn tù nhân để thăm dò thái độ của những người tù chính trị. Khi được phỏng vấn, các chiến cách mạng trong tù đã tranh thủ cơ hội vạch trần những tội ác của thực dân áp bức và sự ngược đãi đối với tù chính trị, thi hành cải cách dân chủ trong toàn Đông Dương, yêu cầu có chính sách cải thiện chế độ nhà tù. Trước thái độ đấu tranh kiên quyết và những yêu sách hợp lý của tù nhân, phái đoàn kiểm tra phải chấp nhận và hứa giải quyết.

Tuy vậy lo sợ trước làn sóng đấu tranh của tù nhân, thực dân Pháp thẳng tay đàn áp phong trào, đem một số đảng viên đi đày ở Buôn Mê Thuật hòng làm tan rã tổ chức Đảng và làm giảm sút ý chí của các đảng viên trong nhà tù.

Tháng 6 năm 1933 chi bộ Mỹ Trung vận động 70 “Trai ruộng mẫu” (lực điền) đấu tranh với địa chủ chống thuê công gặt rẽ mạt. Những người đấu tranh hô vang khẩu hiệu “không gặt thuê cho những địa chủ trả công thấp” Cuộc đấu tranh của “Trai ruộng mẫu” được sự đồng tình ủng hộ của nông dân

Cuối năm 1933, nông dân Lũ Phong (Quảng Trạch) dưới sự chỉ đạo của chi bộ Đảng đấu tranh chống tệ “phì điền tiên cấp” Cuộc đấu tranh nổ ra từ cuối năm 1933 kéo dài hết năm 1934.

Cuộc đấu tranh vào tháng 10 năm 1934 nổ ra tại Đình làng Lũ Phong có 100 người tham gia, sau đó kéo lên phủ, kêu kiện. Trước áp lực của quần chúng, tri phủ Quảng Trạch buộc phải nhận đơn và lệnh cho Chánh, Phó tổng, xã lệ “phì điền tiên cấp” Bọn hào lý không được tùy tiện điều hành việc chia ruộng đất như trước.

Ở Quảng Bình, một số cơ sở cách mạng trong công nhân đã nối lại được liên lạc với nhau, đặc biệt thông qua lực lượng công nhân đường sắt, các mối liên lạc giữa các tổ chức cách mạng ở Hà Tĩnh với một số chiến sĩ cách mạng ở Quảng Bình được nối lại, tạo cơ sở để thành lập chi bộ Lũ Phong.

Cũng qua đường dây liên lạc giữa một số thanh niên yêu nước và công nhân lao động trên các công trình giao thông vùng giáp ranh với Quảng Trị, Tỉnh uỷ Quảng Trị đã có điều kiện để mở rộng hoạt động ra vùng Lệ Thuỷ khôi phục cơ sở trong công nhân xe lửa để thành lập các chi bộ Đảng ở Văn Xá, Châu Xá.

Năm 1935 phong trào cách mạng ở Quảng Bình mới dần dần hồi phục và chuẩn bị bước vào một cuộc đấu tranh mới: cuộc đấu tranh vì quyền lợi dân sinh, dân chủ.

4.CAO TRÀO DÂN CHỦ 1936-1939.

Năm 1936 mặt trận nhân dân Pháp chống phát xít được thành lập và nh thắng lợi trong cuộc tổng tuyển cử. Chính phủ do ông Lion Blum đã ban một số cải cách dân chủ.

Tháng 7 năm 1936, Ban chấp hành Trung ương Đảng họp hội nghị chủ ơng tạm thời không nêu khẩu hiệu “đánh đổ đế quốc Pháp và giai cấp địa ì giành độc lập cho dân tộc và ruộng đất cho dân cày” mà chủ trương ống chế độ phản động thuộc địa, chống phát xít và chiến tranh, đòi tự do ì chủ cơm áo hoà bình” Hội nghị chỉ rõ:”Phương pháp đấu tranh” triệt để dụng khả năng hợp pháp, nửa hợp pháp nhằm tập hợp và hướng dẫn đông o quần chúng đấu tranh từ thấp đến cao thông qua đó giáo dục, phát triển lực ợng cách mạng”

Sự chỉ đạo chuyển hướng chiến lược của đảng mở ra những nhiệm vụ ất triển cách mạng trong thời kỳ mới của cách mạng Việt Nam. Ở Quảng nh các đảng viên bị bắt, bị tù đầy lần lượt trở về địa phương.

Đầu năm 1937 biết được việc Chính phủ Pháp sẽ phái Gô Đa sang thị tình hình Đông Dương, các đảng viên ở Quảng Bình đã tổ chức các cuộc ì chuyện tuyên truyền trong quần chúng, thu thập dân nguyện biểu dương ợng lượng.

Ngày 8 tháng 8 năm 1936 lợi dụng bức điện của Bộ trưởng thuộc địa ợng Chính phủ nhân dân Pháp Ma - Ri uyết Mu tê cho phép nhân dân Đông ợng tự do đề bạt nguyện vọng trong vòng trật tự và pháp luật. Dưới sự chỉ o của các tổ chức cơ sở Đảng, quần chúng nhân dân Lê Thuỷ, Quảng Trạch, ợ Trạch đã kịp thời phát động phong trào toàn dân công khai thảo luận đề đạt ợng nguyện vọng của mình gửi lên phái đoàn chính phủ Pháp sang điều tra tình nh ở Việt Nam.

Tháng 2 năm 1937 gần 1000 quần chúng Lê Thuỷ tổ chức một cuộc mít nh tại Đồng Trường (Mỹ Thổ) để nghe Đảng viên Đảng cộng sản giải thích ý ợhĩa, yêu cầu nội dung việc chính phủ Pháp cử đoàn “Phái bộ điều tra” sang ợệt Nam và thu thập, tổng hợp ý kiến, kiến nghị.

100 nông dân của tổng Hoàn Lão cùng nhau kéo về Ga Kẻ Rầy đón Gô a đệ trình bản dân nguyện, những đề nghị chính đáng đòi chính phủ Pháp ợải đáp ứng các yêu cầu dân chủ, dân sinh.

Tại Quảng Trạch, các chi bộ Thổ Ngọa, Lũ Phong, Lộc Diễn đã chỉ o tổ chức thu thập ý nguyện của dân, lấy hàng trăm chữ ký gửi Gô Đa.

Các Hội Truyền bá chữ Quốc ngữ, hội lợp nhà, hội võ, hội đưa ma, hội ng đá đã hướng các hoạt động vào mục tiêu đấu tranh cách mạng.

Qua hoạt động của các hội ái hữu, quần chúng ngày càng thấm thía việc ốn có cuộc sống ấm no, muốn có tự do dân chủ thực sự, phải tập hợp nhau , cùng nhau đoàn kết tương thân tương ái để tạo ra sức mạnh tiến hành đấu nh thắng lợi.

Tại Đồng Hới - Trung tâm của tỉnh lỵ Quảng Bình , việc chuẩn bị thu ập ý kiến và tinh thần đón Gô Đa diễn ra sôi động. Ngày 25 tháng 2 năm 37 đông đảo lao động và trí thức Đồng Hới kéo vào toà sứ để đón Gô Đa. u đây, trong thời gian chờ đợi, mọi người đã có dịp được công khai trao đổi i nhau về tình hình và cùng nhau thảo luận yêu sách và biện pháp đấu tranh i tự do, dân chủ, dân sinh. Do không đón được Gô Đa ở Đồng Hới, các cơ cách mạng đã cử ông Nguyễn Trung Thâm cộng tác viên của báo Activite dochinoise (Đồng Dương hoạt động) trực tiếp gửi thư cho ông Gô Đa.

Phong trào đấu tranh cách mạng nhân sự kiện Gô Đa và phái đoàn chính u Pháp sang thanh tra lao động ở Đồng Dương thực sự là một cuộc biểu rong lực lượng lớn bao gồm công nhân, nông dân, trí thức, tiểu thương. để i một dấu ấn sâu sắc. Chính Gô Đa phải thừa nhận: “Tôi ngạc nhiên về cung ich, sự thông minh và sáng tỏ trong các bản trình bày của họ, và tôi tôi nói y là những đại biểu trí thức đã lãnh đạo và trình bày các yêu sách này. ó thể họ đã được học tập, có thể lắm. Nhưng phải có một sự thông minh nhất nh mới nhớ được bài học. Song đối với những câu hỏi chính xác của tôi thì i nhận được những câu trả lời rõ ràng mà không được chuẩn bị trước và hông ai nhắc cả”^(*).

Cùng với các hoạt động đấu tranh trên nghị trường, tại các làng Kẻ ấy, Kẻ Ngói, Kẻ Hạc, Đồng Kiều, Hoàn Lão, nhân dân đã đấu tranh chống i các lý hương, đòi bãi bỏ chế độ “phì điền tiên cấp” (Ruộng tốt cấp ưu tiên ho bọn có quyền) chia lại ruộng đất công cho công bằng hợp lý, đòi cải lương ương chính, tổ chức gia đình học hiệu, tổ chức thành lập các phường hội, phổ iông bầu phiếu.

Lợi dụng việc đón Gô Đa nhiều nơi cơ sở Đảng tổ chức được một số uộc mít tinh quần chúng công khai và bán công khai tuyên truyền nội dung oì dân sinh dân chủ tự do quần chúng hô hào đấu tranh đòi chia lại công

in công thổ, bãi bỏ thuế chợ, thuế đồ, chống phụ thu lạm bổ, đòi thay các
hương lý cường hào, gian ác, mở mang trường học.

**Theo Danie Hémery Revolutionnaires VietNamiens et Pour voir Colonial en Indo
ine Francais.*

Maspro.1975.Tr 559.

Bản thỉnh nguyện gồm 10 điểm:

- +Giảm thuế thân và phụ thu
- +Cấm cho vay nặng lãi
- +Tự do nghiệp đoàn
- +Xét xử những vụ tranh chấp giữa dân cày và địa chủ
- +Kiểm soát cường hào và gian ác
- +Chống học vấn cưỡng bức
- +Thành lập ngân hàng nông thôn cho cả nước
- +Mở bệnh viện liên xã
- +Thiết lập luật lệ bảo đảm quyền lợi nông dân
- +Tự do đi lại

(Theo L'Activité Indochinoise - Số 8 ngày 13.3.1937)

Nhiều sách báo công khai mang nội dung tiến bộ được phổ biến trong
ng lớp trí thức, thanh niên giác ngộ cách mạng, ở trong những hội kín. Từ
“Nhà lúa”, “Tiếng dân” được công khai truyền bá trong các công sở và cơ sở
o động của công nhân ở Đồng Hới.

Đồng chí Võ Nguyên Giáp, Phan Đăng Lưu chỉ đạo các đồng chí đảng
ên như Võ Văn Quyết, Nguyễn Kim tiểu, Phạm Quang Vĩ, Võ Hoàng
yên truyền rộng rãi kết quả và những yêu sách của Đông Dương Đại hội xứ
ung kỳ trong tầng lớp công nhân lao động ở Đồng Hới, Bố Trạch, Ba Đồn
Quảng Trạch), Lê Thuỷ.

Đầu năm 1937. đồng chí Lê Duẩn ra tù từ Côn đảo trở lại hoạt động và
ó vai trò to lớn trong việc xây dựng cơ sở Đảng ở Quảng Trị. đồng chí Lê
uẩn ra hoạt động ở Vĩnh Linh, đến nắm tình hình ở Lê Thuỷ được bà Mai Thị
ăn (Cổ Liễu) che chở, đùm bọc. Nhà bà Văn trở nên nơi liên lạc của một số
ồng chí đảng viên dưới mật hiệu “Quán cơm bà Văn” để che mắt kẻ thù. Từ
ó phong trào cách mạng ngày càng được lên cao, nhiều cơ sở cách mạng mới
l đời. (A173:67)

Sau sự kiện đón Gô Đa, phong trào quần chúng Quảng Bình lại sôi động trong một sự kiện mới: cuộc bầu cử đại biểu vào viện dân biểu Trung kỳ. Đây là hoạt động nghị trường đầu tiên mà nhân dân được tham gia.

Ngày 8 tháng 8 năm 1937, cuộc tuyển cử vào viện Dân biểu Trung kỳ (khóa III) bắt đầu triển khai. Trong cuộc bầu cử vào viện dân biểu Trung kỳ lần này, Quảng Bình được chia thành 2 hạt (hai đơn vị bầu cử). Hạt Bắc có huyện Bố Trạch và phủ Quảng Trạch. Hạt Nam có Thị xã Đồng Hới, phủ Quảng Ninh và huyện Lệ Thủy. Tại hai hạt bầu cử, thực dân Pháp ráo riết vận động cử tri ủng hộ cho người của chúng giới thiệu ra ứng cử. Chúng còn cho mật thám theo dõi, thậm chí hăm dọa, bức ép cử tri bỏ phiếu cho tay chân của Pháp. Chúng quy định hạn chế cử tri đi bầu, đặt điều kiện tối thiểu về văn hoá và đặc biệt lấy điều kiện kinh tế (là người có tài sản kinh doanh có thuế môn bài trên 5 đồng) để hạn chế số lượng công nhân và nông dân tham gia bầu cử.

Tại hai hạt bầu cử ở Quảng Bình, hàng năm đã được nghe tuyên truyền, giải thích nói rõ mục đích, ý nghĩa của cuộc vận động tuyển cử, tiếp cận với ứng cử viên, quần chúng đã đi bỏ phiếu với một thái độ tích cực. Các đại biểu do mặt trận dân chủ giới thiệu là Nguyễn Xuân Các và Hoàng Khánh Đồng đã trúng cử vào viện dân biểu trung kỳ.

Tháng 4 năm 1939, ông Nguyễn Xuân Các, nghị viên dân biểu Quảng Bình là người của Mặt trận dân chủ, quản lý tờ báo “Dân” (cơ quan mặt trận dân chủ Trung kỳ) bị toà án Nam Triều truy tố về việc “phao tin không thật làm náo động nhân dân”. Toà án kết án Nguyễn Xuân Các 6 tháng tù hoặc nộp phạt 60 đồng. Vì lý do đó Nguyễn Xuân Các phải mất quyền dân biểu.

Thực dân Pháp cho Quảng Bình bầu đại biểu bổ sung thay thế vị “dân biểu này”. Sau thất bại của cuộc bầu cử vào viện dân biểu Trung kỳ năm 1937, đợt bầu cử bổ sung này thực dân Pháp tăng cường hoạt động, ra sức xuyên tạc ứng cử viên do Đảng ta giới thiệu và đưa Học Triệt người thân Pháp ra ứng cử.

Tuy vậy được sự hỗ trợ của công nhân và nông dân lao động, nhân dân Quảng Bình một lần nữa giành thắng lợi trong việc bầu đại biểu do Đảng giới thiệu là Phạm Xuân Tuynh vào viện dân biểu Trung kỳ.

Thắng lợi giành được trong cuộc vận động tuyển cử đại biểu vào viện dân biểu Trung kỳ, là một thắng lợi rực rỡ của chủ trương lập Mặt trận dân chủ và là sự thắng lợi lãnh đạo của Đảng ta.

Tháng 9 năm 1938, thực dân Pháp và tay sai âm mưu thao túng Viện dân biểu Trung kỳ để thông qua một dự án thuế mới nhằm tiếp tục thủ đoạn vơ vét bóc lột sức lao động của nhân dân ta. Đại biểu Quảng Bình trong Viện dân biểu cũng đã mang đầy đủ tinh thần và ý nguyện của quần chúng lao động Quảng Bình, đấu tranh kiên để bác bỏ dự án phi lý của bọn thực dân.

Tại các địa phương Trung Thuần, Trung Thôn. (Quảng Trạch) Hoàn Lão, Vạn Lộc, Phúc Tự, Đồng Cao (Bố Trạch) Thị xã Đồng Hới, Mỹ Tho, Trung Lực (Lệ Thủy) nông dân đấu tranh mạnh mẽ chống lại dự án thuế mới.

Cuối cùng được sự đồng ý của đa số đại biểu tiến bộ trong Viện dân biểu, dự án đã không được thông qua.

Cuộc đấu tranh mạnh mẽ ở Nghị trường và bên ngoài Nghị trường làm cho thực dân Pháp, bọn tay sai và các Nghị viện thân Pháp trong Nghị viện bị cô lập cao độ, dự án thuế mới không được thông qua. Thật là: một cuộc đại bại xưa nay chưa từng thấy của Chính phủ bảo hộ tại viện dân biểu Trung kỳ.

Chính Viện Trưởng viện dân biểu Trung kỳ trong diễn văn bế mạc đã thừa nhận: “Trong 10 ngày họp hội đồng, chúng tôi đã tiếp hơn 300 đơn kêu cứu và tiếp 74 bức điện tín và nhiều tin tức các cuộc biểu tình ở thành phố và thôn quê”

Báo “Dân chúng”- cơ quan ngôn luận của Đảng cộng sản Đông dương xuất bản tại Sài Gòn viết “...Chính phủ phản động ấy đã sai lầm. Mặc dầu họ tán thành vận động đưa người ra chống lại người của Mặt trận dân chủ, họ càng thất bại, thất bại một cách nhục nhã. Họ đưa những tên có chức phận, những quan lại về hưu ra tranh cử. Nhân dân không đếm xỉa đến. Nhân dân lựa người thay mặt xứng đáng cho mình. Dân Trung kỳ đã tỏ rõ cho bọn phản động thấy trình độ giác ngộ của họ, tỏ rằng họ xứng đáng hưởng các quyền tự dân dân chủ, có lẽ ngần ấy cử chỉ đủ làm cho bọn phản động suy nghĩ mà ngừng tay, không tự tăng thuế, không gạt bỏ nguyện vọng của nhân dân, không đào sâu cái hố giữa nhân dân và nhà cầm quyền nữa Mọi người mong mỏi. Mặc! Nhóm người của cái tổ chức oái ăm là Chính phủ Nam Triều ấy, cứ đi sâu vào con đường bùn lầy của họ. Nhưng bánh xe lịch sử cứ lăn tới

Trong phong trào dân chủ 1936 - 1939 ở Quảng Bình nhiều tổ chức quần chúng được thành lập. Đoàn thanh niên dân chủ đã có trên 200 đoàn viên. Tháng 7 và tháng 11 năm 1939, ở Quảng Trạch có thêm 2 chi bộ là

rung Thuần và Chi bộ Trung Thôn ra đời. Quảng Trạch cuối năm 1939 số đảng viên tăng lên gấp 2 lần so với năm 1937 (A182:82)

Sau thắng lợi của cuộc bầu cử vào viện dân biểu Trung kỳ và cuộc đấu anh chống lại dự án tăng thuế quân chúng cách mạng tiếp tục mở rộng cuộc đấu tranh đòi tự do dân chủ và cải thiện đời sống, nhất là đấu tranh trên nhiều lĩnh vực trong đó có tự do lập hội, tự do nghiệp đoàn, tự do báo chí và truyền bá chữ quốc ngữ.

Tháng 5- 1938, Đảng ta tổ chức Hội truyền bá chữ quốc ngữ. Chương trình của hội là mở các lớp học cho tất cả mọi người không biết chữ, không thu học phí, in sách giáo khoa phát không thu tiền đối với người học.

Phong trào truyền bá chữ quốc ngữ sớm trở thành phong trào quần chúng sâu rộng. Tại các làng ở An Xá, Thạch Bàn, Phú thọ, Lộc An mỗi làng có từ 3 đến 4 lớp. Để động viên khích lệ người học nhiều nhóm đọc sách báo đã làm thơ để động viên mọi người:

“ Hỡi anh em, hỡi bà con xa gần
 Thực dân nó muốn ta đốt, nó muốn ta ngu
 Nô lệ quân thù đời đời, kiếp kiếp
 Ngày nay cương quyết mở rộng phong trào
 Lên tiếng hô hào lập trường dạy học
 Gái, trai, già trẻ, bất luận nghèo hèn
 Sẵn sách, sẵn đèn có thầy có bạn
 Ra công mạnh dạn, học để thành thân
 Chống đòn thực dân, thoát vòng cường bách
 Mặt xây vào vách có thấy gì đau
 Sách đã có câu, tất học trường diên
 Máy lời hiển hiển, các giới đồng bào
 Trình độ nâng cao, phải trừ nạn đốt (A173:72)

Cơ sở cách mạng ở An Xá (Lệ Thủy) do đồng chí Đào Viết Doãn một đảng viên Đảng cộng sản Đông Dương đã chủ trì cuộc vận động thành lập được một trường tư thục lấy tên là trường Thành Chung. Đầu năm 1938 trường mở cửa đón trên 50 học sinh. Nhân dân các làng thôn lân cận rất phấn khởi

mở cửa đã đóng góp, ủng hộ vật chất cho trường học. Sau gần hai năm mở cửa trường, thực dân Pháp kết luận rằng, trường Thành Chung có thể trở thành nơi hẹn hò của tất cả những người tinh nghi hoạt động cộng sản. Tên Thanh tra học chánh Trung kỳ thực hiện ý chỉ ra lệnh đóng cửa trường.

Thông qua các lớp học quốc ngữ, anh em khơi dậy lòng yêu nước thương nòi, yêu quê hương xứ sở bắt đầu từ cây đa, bến đò, bến chợ, lũy tre, xanh bao quanh thôn làng đến những con người quả cảm vì nước, vì dân lưu danh trong lịch sử. Lớp học còn là nơi sinh hoạt của quần chúng cũng là nơi cơ sở Đảng hoạt động gây dựng phong trào.

Thời kỳ này các tin tức, bài báo hay thông qua các lớp học được chuyển cho nhau, các nhóm đọc sách báo phát triển ngày càng nhiều. Tiêu biểu như nhóm đọc sách báo Lộc An, An Xá, Thạch Bàn (Lệ Thủy). Từ cuối năm 1938 sang năm 1939 phong trào đấu tranh của quần chúng gắn với các khẩu hiệu chống phản động thuộc địa và chiến tranh đòi tự do dân chủ, bỏ thuế thân được quần chúng lấy đó làm mục tiêu đấu tranh.

5. CAO TRÀO CÁCH MẠNG 1939 - 1945.

5.1. Chuyển hướng từ đấu tranh dân chủ sang đấu tranh giai rphóng dân tộc

Cuối năm 1939 thực hiện dã tâm tiêu diệt nhà nước Nga xô viết - ngọn cờ đầu của phong trào cách mạng xã hội chủ nghĩa và âm mưu chia lại thị trường thế giới, các nước Đức Ý, Nhật ráo riết đẩy mạnh bành trướng thế lực, tìm mọi cách gây chiến tranh.

Ngày 1 tháng 9 năm 1939 Đức tấn công Ba La mở màn cuộc chiến tranh thế giới lần thứ 2 đẩy loài người vào thảm họa tàn khốc, huỷ diệt chưa từng thấy trong lịch sử nhân loại.

Ngày 3 tháng 9 năm 1939 Chính phủ Pháp tuyên chiến với Đức. Ngay sau đó chính quyền tư sản Pháp chủ trương phát xít hóa bộ máy, thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng trong nước và ở các nước thuộc địa.

Viên toàn quyền Đông Dương - tướng Catorut (Catroux) đã tuyên bố trước Hội đồng Chính phủ đông Dương ngày 4 tháng 1 năm 1940: “Chúng ta

đánh toàn diện và mau chóng vào các tổ chức cộng sản; trong cuộc đấu tranh này phải tiêu diệt cộng sản thì Đông Dương mới được yên ổn và trung thành với nước Pháp chúng ta không có quyền không thắng. Tình thế chiến tranh bắt buộc chúng ta hành động không thương tiếc”

Thực hiện mưu đồ xóa bỏ triệt để các quyền lợi dân chủ, toàn quyền Đông Dương đã ra nghị định cấm mọi hoạt động tuyên truyền cộng sản, giải tán và tịch thu tài sản các hội ái hữu, nghiệp đoàn, đóng cửa các báo chí tiến bộ, bắt bớ giam cầm hàng loạt các chiến sĩ cách mạng và bắt hàng vạn thanh niên đi lính đánh thuê cho Pháp ở chiến trường châu Âu.

Về kinh tế Catorut ra lệnh tổng đông viên nhằm “cung cấp cho mẫu quốc tiềm lực tối đa về quân đội, nhân lực, sản phẩm và nguyên liệu”

Hội nghị lần thứ VI Ban chấp hành Trung ương Đảng họp từ ngày 6 đến ngày 8 tháng 11 năm 1939 đã xác định mục tiêu chiến lược của cách mạng Việt Nam là đánh đổ đế quốc và tay sai, giải phóng dân tộc; yêu cầu các cấp bộ đảng và toàn thể đảng viên phải tiếp tục rút vào bí mật nhanh chóng và triệt để, tổ chức quần chúng cũng phải rút vào bí mật.

Tiếp đến hội nghị lần thứ VII từ ngày 6 đến ngày 9 tháng 11 năm 1940 đã khẳng định sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược do Hội nghị VI đề ra là đúng đắn và đề ra nhiệm vụ “Đảng phải chuẩn bị để giành lấy cái sứ mệnh thiêng liêng lãnh đạo các dân tộc bị áp bức Đông Dương vũ trang bạo động giành chính quyền tự do độc lập”

Năm 1939 - 1940, ở Quảng Bình thực dân Pháp tăng cường càn quét khủng bố, các hoạt động dân chủ bị cấm đoán.

Ở Đồng Hới thực dân Pháp giải tán các tụ điểm công nhân làm thuê, chúng bắt công nhân làm thuê, chúng bắt những người không phải dân thị xã Đồng Hới trở về quê, một số công nhân bị trục xuất khỏi thị xã Đồng Hới. Các hội “biến tướng” được thành lập và hoạt động trong thời kỳ Mặt trận dân chủ đều bị giải tán.

Ngày 8 tháng 12 năm 1941 Pháp đã phải cúi đầu ký nhận với Nhật một hiệp định có nguyên tắc chung trong đó buộc thực dân Pháp có nghĩa vụ bảo vệ an toàn và tạo mọi thuận lợi cho các hoạt động quân sự của Nhật ở Đông Dương. Với hiệp định này giữa Nhật và Pháp đã đến Đông Dương thành thuộc địa của Nhật. Thực chất chính quyền thực dân Pháp cai trị Đông Dương dưới sự kiểm soát của phát xít Nhật.

Trước những chuyển biến quan trọng tác động trực tiếp đến vận mệnh đất nước, ngày 8 tháng 2 năm 1941 đồng chí Nguyễn Ái Quốc về nước và triệu tập hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ VIII từ ngày 10 đến 19 tháng 5 năm 1941.

Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ VIII đã chỉ rõ:

“Trong lúc này quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, dân tộc. Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề giải phóng dân tộc, tự do cho toàn thể dân tộc thì chẳng những toàn thể quốc gia, dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu mà quyền lợi của bộ phận, của giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được. Hội nghị quyết định thành lập mặt trận độc lập đồng minh (gọi tắt là Mặt trận Việt Minh).

Ở Quảng Bình vào tháng 3 năm 1942 qua Tỉnh uỷ Quảng Trị Nghị quyết Trung ương lần thứ VIII đã được phổ biến đến các tổ chức cơ sở Đảng trong tỉnh.

Nhờ có ánh sáng của Đảng soi sáng, tinh thần quả cảm của những Đảng viên công sản vì vậy các tổ chức cơ sở của Đảng ở Quảng Bình tiếp tục hoạt động, thực hiện sự chỉ đạo chuyển hướng chiến lược của Trung ương Đảng.

Trong thời kỳ này ở các địa phương trong tỉnh đã có nhiều chi bộ Đảng hoạt động độc lập đó là các chi bộ: Mỹ Trung, Văn Xá, Châu Xá (Lệ Thuỷ) Trường Môn (Quảng Ninh) chi bộ Phố (Đồng Hới) An Lão (Bố Trạch) Lũ Phong, Thổ Ngọa, Lộc Điền, Trung thôn (Quảng Trạch) Bãi Đức, Thanh thuỷ (Tuyên Hoá) và nhiều cơ sở cộng sản khác. Tại Lệ Thuỷ, Quảng Trạch đã hình thành ban vận động thành lập phủ uỷ hoặc thống nhất Đảng bộ phủ, huyện. Lệ Thuỷ các tổ chức cơ sở Đảng được củng cố, giữ vững phong trào cách mạng của quần chúng. Ở các nơi khác như Quảng Ninh, Đồng Hới mặc dù chưa có tổ chức cơ sở Đảng, một số đảng viên là tù chính trị phạm cũng bám sát cơ sở, vận động và tổ chức quần chúng đấu tranh chống bắt phu bắt lính, chống tăng thuế, đòi bãi bỏ những thức vô lý.

Tiêu biểu là cuộc đấu tranh của chị em tiểu thương, tiêu chủ và nhân dân chợ Ba Đồn, Thổ Ngọa và nhân dân vùng lân cận. Quần chúng thống nhất không ào chợ, mà vận động nhau mua bán ở dọc đường để phản đối thuế chợ. Nông dân ở nhiều vùng quê tìm cách khất thuế hoặc đấu tranh trì hoãn nộp thuế cho địch.

Cuối năm 1941 Đảng viên các chi bộ Lộc diên, thổ Ngọa, Trung Thôn vận động hội viên trung kiên trong các hội biến tướng dự các lớp huấn luyện hội viên cứu quốc, học tập chương trình điều lệ Việt Minh và điều lệ các đoàn thể cứu quốc. Cơ sở cách mạng tiếp tục hình thành ở Tiên Lệ, Tiên Lương, Phan Long, Văn Phú.

Tháng 3 năm 1942 ban liên lạc Đảng (Lệ Thuỷ) tổ chức một số cuộc mít-tinh nhỏ để phổ biến nội dung điều lệ Việt Minh và mở lớp huấn luyện Việt Minh cho những đối tượng nhiệt tình hăng hái để làm nòng cốt thành lập Mặt trận Việt Minh. Huyện Lệ Thuỷ cũng đã bí mật tổ chức đội tự vệ gồm 13 người làm nhiệm vụ theo dõi địch, bảo vệ cơ sở, bảo vệ các cuộc mít-tinh và cán bộ Đảng. Đến thời kỳ này trên quê hương Lệ Thuỷ nhiều tổ chức cơ sở cách mạng mới đã ra đời ở Quy Hửu, Tuy Lộc, Hòa Bắc

Thị xã Đồng Hới, công tác tuyên truyền chủ trương, đường lối của Mặt trận Việt Minh được mở rộng, các nhóm trung kiên làm nòng cốt để xây dựng Mặt trận Việt Minh được tổ chức ở nhà máy điện, Ga Thuận Lý, Sở Công chánh, xóm Phố, xóm Cầu.

Ở phủ Quảng Ninh trong thời gian này, tại làng Mô (thuộc xã Trường Sơn ngày nay) đã xuất hiện một tổ chức thanh niên luôn quan tâm đến thời cuộc lúc bấy giờ và lưu truyền một số sách báo tiến bộ.

Tháng 10 năm 1942 được sự giúp đỡ bất mối liên lạc của chi bộ Mỹ Tho Trung Lục (Lệ Thuỷ) giáo dục vận động và đưa vào tham gia hoạt động cách mạng, kết nạp Đảng, thành lập chi bộ Trường Môn^(A176:61), việc ra đời chi bộ Đảng ở đây đóng một vai trò quan trọng, có đầy đủ ý nghĩa đối với vùng đồng bào dân tộc và nhân dân vùng cao của địa bàn Quảng Ninh.

Tháng 6 năm 1942 trên lĩnh vực báo chí thời kỳ này tại Quảng Trạch, phủ uỷ cho xuất bản tờ báo “*Hồng Lạc*”, In Đông Sugar. Nội dung phản ánh nỗi khổ của các tầng lớp nông dân, phụ nữ, học sinh kêu gọi mọi người chống lại sưu cao, thuế nặng, chống đi phu, đi lính. Ngoài việc phản ánh tình hình của địa phương, báo còn in lại điều lệ Việt Minh, điều lệ các hội cứu quốc và các chủ trương của Đảng. Hình thức của báo khá đơn giản, khuôn khổ tờ báo bằng tờ truyền đơn cỡ lớn 18 x 20 cm. Từ tháng 6 đến tháng 9 năm 1942 Báo “*Hồng Lạc*” đã ra đời được 5 số, mỗi số vài chục tờ.

Từ tháng 11 năm 1942 qua năm 1943 nhiều cơ sở Đảng từ Lệ Thuỷ đến Quảng Trạch nhờ có mặt thám chỉ ddiểm vì vậy đã bị địch khủng bố, nhiều

án bộ, đảng viên bị bắt giam phong trào ách mạng ở Quảng Bình lại rơi vào hững hờ khó khăn gay gắt.

Giữa lúc đó, vụ mùa năm 1944 mất nặng, cuối năm 1944 đầu năm 1945 nạn đói đe dọa trực tiếp đời sống của tất cả mọi tầng lớp nhân dân.

Theo số liệu thống kê ban đầu, toàn phủ Quảng Trạch đã có 1518 người chết đói, 1419 người đi ăn xin, 6692 người bỏ làng đi làm ăn nơi khác.^(182:98)

Theo điều tra nạn đói Ất Dậu (1944-1945), riêng làng Thổ Ngọa (Quảng Trạch) là một làng vừa làm ruộng, vừa buôn bán, vừa làm nón, với 439 hộ gồm 339 khẩu đã có 600 người chết đói chiếm 25,65%. Trong đó, xóm Tĩnh hiếm 43,85%, xóm Môn chiếm 43,75%. Đây là hai xóm có tỷ lệ người chết đói cao nhất phủ Quảng Trạch.

Tại thị xã Đồng Hới nạn đói đã đưa đến những cái chết thảm thương. Học đường quốc lộ I, trên sân ga, bến xe, góc chợ, hè phố đã có nhiều người vì đói đã ngã gục. Bọn Pháp đã dùng xe chở rác lượm xác chở ra vùi xuống bãi lầy phía tây Quảng Bình quan.^(A181:55)

Quảng Ninh, nạn đói trầm trọng xảy ra khắp nơi. Giá thóc gạo ngày càng tăng vọt. Bọn thực dân đóng chặt các cửa kho nông dân hết sức bần hàn cơ cực. Đói nặng nhất là vùng dân đánh cá biển như Phúc Hội, Cửa Thôn, Tân Định, Thạch Xá, Phú Bình, Phúc Duệ. Hàng ngàn người đã bị chết đói, rất nhiều người nằm rải rác ở các bến sông, góc chợ. Tại địa bàn Tuyên Hoá, Tĩnh Hóa trên các trục đường giao thông hàng trăm người bị chết khi đi tìm miếng ăn qua ngày..

Những con số khủng khiếp trên cung cho chúng ta thấy và đã nói lên đỉnh cao nhất của sự cùng cực của nhân dân. Toàn dân đều bất bình với chế độ bóc lột tàn bạo của bọn phát xít Nhật, Pháp. Lòng căm thù uất hận dâng lên đến cao độ. Khắp nơi quần chúng sẵn sàng đứng dậy đòi quyền sống với khí thế mạnh mẽ chưa từng thấy.

Phong trào chống đói nổi lên trước hết ở vùng thị xã Đồng Hới rồi lan rộng ra toàn tỉnh. Bằng ba mặt phát động tự cứu trong nội bộ những người nghèo khổ, vận động những người có khả năng bỏ tiền lúa ra giúp đỡ - tổ chức đấu tranh buộc chính quyền bù nhìn phải lo đời sống cho dân đã gắn chặt với nhau, biến thành một phong trào đấu tranh mạnh mẽ dưới nhiều hình thức phong phú.

Về mặt công khai, hội đồng cứu đói gửi điện lên Bảo Đại đòi hấn phải sử dụng quyền lực để giải quyết nạn đói và cử đại biểu lên gặp tỉnh trưởng để đòi bọn bù nhìn tổ chức cứu tế cho dân.

Ở Quảng Trạch, Bố Trạch, Lệ Thủy Hội đồng cứu đói còn vận động hàng trăm người đi phá kho thóc của Nhật chia cho dân.

Trước áp lực của phong trào và trước khí thế của quần chúng bọn cầm quyền buộc phải mở những công trường làm đường như đường Phong Nha (Bố Trạch), đường Ba Đồn - Tiên Lang (Quảng Trạch), Dinh Mười - Hoành Phổ (Quảng Ninh) đường từ cổng Bình Quan đến Đức Phổ (Thị xã), đường Cười - Đại Phong (Lệ Thủy) để nhân dân có việc làm và nhận gạo ăn.

Cuộc đấu tranh chống đói ở Quảng Bình đã trở thành mối lửa nhen đúng lúc, đáp ứng nguyện vọng các tầng lớp nhân dân, giải quyết đúng mâu thuẫn đang xảy ra trong đời sống xã hội lúc bấy giờ.

4.2. Giai đoạn tiền khởi

Đầu năm 1945, cục diện chiến tranh thế giới có sự thay đổi quan trọng. Lực lượng quân đồng minh với vai trò chủ lực của Liên Xô đã giành lại những thắng lợi quyết định, dồn bẻ lũ phát xít vào con đường cùng. Ở Đông Dương, mâu thuẫn Pháp - Nhật càng trở nên gay gắt cuối cùng đã dẫn đến cuộc đảo chính Nhật đối với Pháp ngày 9 tháng 3 năm 1945. Ngày đêm mùng 8 tháng 3 năm 1945, bọn Nhật đã nổ súng đồng loạt tấn công các căn cứ của Pháp ở Quảng Bình. Bị tấn công bất ngờ, hầu hết quân Pháp đã đầu hàng Nhật, một số ít lính Pháp bỏ chạy lên các vùng núi phía Tây Quảng Bình

Sau khi hất cẳng Pháp, Nhật thi hành ngày một loạt chính sách để hợp pháp hóa hành động xâm lược của chúng như thay đổi hệ thống chức danh bộ máy chính quyền hàng tỉnh, thành lập các đảng phái và tổ chức thân Nhật, tổ chức những hoạt động văn hóa xã hội để mê hoặc, lừa gạt và lôi kéo quần chúng dưới chiêu bài “Việt Nam độc lập trong khối Đại Đông Á”

Ngày 12 tháng 3 năm 1945, Ban thường vụ Trung ương Đảng họp hội nghị mở rộng, chủ trương “phát động một cao trào kháng Nhật, cứu nước mạnh mẽ làm tiền đề cho cuộc khởi nghĩa” nội dung hội nghị được trình bày trong chỉ thị lịch sử “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”

Cuối tháng 6 năm 1945, chỉ thị “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”, chủ trương của Trung ương Đảng và Xứ uỷ Trung kỳ về việc

chuẩn bị mọi điều kiện để khởi nghĩa giành chính quyền được đồng chí Hồng Xích Tâm về phổ biến cho các tổ chức Đảng ở Quảng Bình

Ngày 2 tháng 7 năm 1945, một hội nghị cán bộ đảng toàn tỉnh (gồm có 13 đại biểu đại diện cho các tổ chức cơ sở Đảng ở các huyện về dự) được triệu tập tại An Xá (Lệ Thủy). Hội nghị thảo luận, quán triệt những nghị quyết, chỉ thị của Trung ương Đảng và ban thống nhất Trung kỳ, bàn việc thống nhất Đảng bộ và thống nhất Mặt trận Việt Minh tỉnh.

Ngày 4 tháng 7 năm 1945 tại An Sinh (Lệ Thủy) Hội nghị Việt Minh toàn tỉnh đã thống nhất tổ chức Việt Minh chung của toàn tỉnh (Việt Minh Cô Tám). Hội nghị nhất trí đề ra một chương trình hành động gồm 8 điểm:

1. Gấp rút thống nhất lực lượng Việt minh ở các huyện, thị củng cố Ban chấp hành Việt Minh huyện, thị để có sự lãnh đạo thống nhất.

2. Đẩy mạnh phát triển lực lượng Việt Minh và các tổ chức cứu quốc rộng khắp. Đặc biệt chú ý xúc tiến mạnh công tác dịch vận, công chức và công hương vận.

3. Phát triển mạnh tổ chức Thanh niên cứu quốc.

4. Xúc tiến việc tự vệ chiến đấu, xây dựng lực lượng vũ trang.

5. Thành lập chiến khu.

6. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền xung phong để kịp thời tuyên truyền giải thích rộng rãi chủ trương chính sách của Mặt trận Việt Minh trong các tầng lớp quần chúng.

7. Tổ chức bán tín phiếu lập quỹ Mặt trận Việt Minh.

8. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào chống Nhật, chống thu thóc, chống bắt phu, bắt lính, đòi chính phủ bù nhìn phải xuất lúa gạo cứu đói.

Hội nghị cử Ban chấp hành Việt Minh tỉnh gồm 7 đồng chí, cho xuất bản tờ báo "vì nước làm cơ quan ngôn luận của "Việt Minh Cô Tám"

Những sự kiện chính trị lớn lao trên đây đã tác động nhanh chóng đến sự phát của cuộc đấu tranh giành chính quyền của nhân dân Quảng Bình. Các đội tuyên truyền xung phong bám sát cơ sở, đi sâu vào quần chúng giải thích chương trình điều lệ Việt Minh, kêu gọi các tầng lớp nhân dân đoàn kết đứng lên chống Nhật cứu nước.

Trung Thuần (Quảng Trạch) được xây dựng thành chiến khu, Võ Xá (Quảng Ninh) được xây dựng thành khu căn cứ. Chiến khu Trung Thuần thu

hút 40 tự vệ về huấn luyện, nhân dân trong phủ đóng góp 6000 kg gạo, 1000 kg thịt lợn cùng với nhiều loại thực phẩm cho tự vệ.

Thị xã Đồng Hới xây dựng xây dựng khu căn cứ Bàu Rền và tổ chức lực lượng tự vệ ra sân bay đào bồi vũ khí thu được 32 khẩu súng trường “mút Cờ tông”

Huyện Bố Trạch tổ chức hội nghị Việt Minh toàn huyện bàn biện pháp thực hiện nội dung hội nghị An Xá và An Sinh, hội nghị chủ trương thành lập đội tự vệ tập trung, chuẩn bị mọi mặt chuẩn bị khởi nghĩa.

Thượng tuần tháng 8 năm 1945 Tỉnh bộ Việt Minh chuyển trụ sở từ Mỹ Tho - Trung Lục về khu căn cứ Võ Xá để trực tiếp lãnh đạo cuộc khởi nghĩa.

Ngày 17 tháng 8 năm 1945 Hội nghị cán bộ Việt Minh triệu tập tại Đồng Hới để tiếp nhận lệnh tổng khởi nghĩa của Trung ương do đồng chí Tố Hữu truyền đạt. Hội nghị đã hào hứng, sôi nổi thảo luận, bàn bạc và đi đến nhất trí lấy ngày 23 tháng 8 năm 1945 làm ngày khởi nghĩa chung cho toàn tỉnh.

4.2. Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945

Đêm 22 tháng 8 năm 1945, đêm giao thừa giữa hai chế độ. Đêm đó cả Quảng Bình không ngủ. Ngoài phố xá thị xã hình như vắng tanh, nhưng bên trong là một lò lửa đang bùng lên tràn đầy sức mạnh chiến thắng.

Các đội tự vệ bí mật đột nhập vào nội thị, bao vây các công sở, đồn lính bảo an, lùng bắt các tên tay sai ngoan cố.

Tại thị xã Đồng Hới, vào lúc 1 giờ sáng ngày 23 tháng 8 năm 1945, Ủy ban khởi nghĩa họp phiên cuối cùng kiểm tra lại lần cuối diễn biến tình hình và xem xét lại kế hoạch khởi nghĩa. Hội nghị quyết định ban bố lệnh tổng khởi nghĩa.

Tại Cửa Nam thị xã Đồng Hới, đơn vị tự vệ và quân chúng các làng Diêm Điền, Đức Phổ, Trung Nghĩa đổ xuống. Tại cửa Bắc lực lượng công nhân Ga Thuận Lý và nhân dân các phường Đồng Phú, Đồng Mỹ, Đồng Thành, Lộc Đại, Phú Xá, Phú Mỹ, Hữu Cung kéo vào.

Tại cửa Đông, nhân dân các phường Đồng Hải, Đồng Đình, Bảo Ninh kéo sang.

Rồi từ Quảng Ninh, đoàn biểu tình sau khi giành chính quyền ở huyện lỵ, được lệnh của uỷ ban khởi nghĩa tỉnh cũng kéo xuống về phía cầu Dài, sát nhập với nhân dân nội thị, tham gia cuộc biểu tình và dự lễ ra mắt của uỷ ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh.

Khắp các ngã đường, quần chúng biểu tình, trùng trùng điệp điệp, tự vệ trước quần chúng sau, có đủ các tầng lớp công nhân, nông dân, dân đánh cá, người buôn bán, công chức, giáo dân, hoa kiều làng nào theo làng ấy, giới này theo giới ấy kéo vào thành nội.

Hàng vạn tiếng hét, tiếng hô khẩu hiệu “đả đảo chính phủ Trần Trọng Kim. Đả đảo Bảo Đại - ủng hộ Việt Minh - Việt Nam độc lập muôn năm” vang lên như sấm. Đoàn biểu tình như dòng thác, hết lớp này đến lớp khác, lần lượt tiến vào cơ quan đầu não của nguy quyền.

Cờ đỏ sao vàng được cắm trên các cửa thành, bài hát “vung cờ lên - diệt phát xít” và những tiếng hô khẩu hiệu vang dậy khắp thị xã.

Đúng 8 giờ sáng, Uỷ ban khởi nghĩa từ trụ sở chính ở đường Huỳnh Côn bước lên xe tiến vào dinh tỉnh trưởng giữa tiếng hô vang dậy của quần chúng. Tại buổi mít tinh trọng thể này Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cách mạng Trần Văn Sớ thay mặt Uỷ ban khởi nghĩa và Uỷ ban cách mạng lâm thời báo trước đồng bào thắng lợi của cuộc khởi nghĩa giành chính quyền, tuyên bố xoá bỏ nguy quyền của địch từ tỉnh xuống thôn xã, công bố một số chính sách mới của mặt trận Việt Minh và chính quyền cách mạng; kêu gọi nhân dân đoàn kết chung quanh Mặt trận Việt Minh và chính quyền cách mạng mới, cùng nhau góp sức bảo vệ nền độc lập của dân tộc, ra sức xây dựng đất nước.

Cũng trong đêm 22 rạng ngày 23 tháng 8 năm 1945, Mặt trận Việt Minh và Uỷ ban khởi nghĩa các phủ huyện đều lãnh đạo quần chúng đồng loạt vùng lên khởi nghĩa giành chính quyền.

Tại Quảng Ninh, đêm 22 tháng 8 Ban lãnh đạo khởi nghĩa phủ huy động hàng vạn quần chúng tập trung tại 3 địa điểm gần phủ lỵ. Trên sông Nhật Lệ, hàng trăm chiếc thuyền được kết lại thành cầu phao cho quần chúng vùng Nam Quán Hầu qua sông. 3 giờ sáng ngày 23 tháng 8, từ ba địa điểm khác nhau, lực lượng cách mạng tiến về Bắc Quán Hầu, phiên chế lại đội ngũ rồi rầm rộ kéo vào phủ đường. Bọn nguy quyền đầu hàng không dám chống cự. Một cuộc mít tinh lớn được tổ chức. Uỷ ban khởi

nghĩa tuyên bố xóa bỏ bộ máy quyền và công bố danh sách Ủy ban cách mạng lâm thời.

Tại Lệ Thủy đêm 22 tháng 8 các cán bộ Việt Minh được phân công về các vùng tập hợp quần chúng. Những vùng ở xa, quần chúng lên đường từ chập tối. Họ đi suốt đêm để về đúng địa điểm tập kết. Ban lãnh đạo khởi nghĩa đã huy động hàng trăm chiếc đòn kết thành mảng làm cầu cho lực lượng phía tả ngạn sông Kiến Giang sang huyện lỵ. Sáng 23 tháng 8 quần chúng các ngã đổ về nhanh chóng tiến vào huyện đường. Một cuộc mít tinh lớn được tổ chức. Ủy ban nhân dân lâm thời ra mắt đồng bào tuyên bố bác bỏ chính quyền cũ, thành lập Ủy ban cách mạng lâm thời huyện và công bố một số chủ trương chính sách của Mặt trận Việt Minh.

Tại Bố Trạch, Ủy ban khởi nghĩa huyện quyết định 4 giờ sáng phát lệnh khởi nghĩa. Nhưng chỉ đến nửa đêm 22 tháng 8, các xã quanh huyện trống mỗ đã nổi lên rầm rộ, quần chúng đã sẵn sàng xuống đường. Vừa mờ sáng, các đoàn biểu tình từ các địa phương kéo về Hoàn Lão và tỏa ra các hướng bao vây huyện đường. Bộ máy chính quyền phong kiến tay sai tan rã nhanh chóng, một số tên bỏ trốn khỏi huyện đường. Tri huyện Tôn Thất Chiêm Sử và một số quan lại bị bắt, toàn bộ sổ sách, tài liệu bị tịch thu. Lực lượng tự vệ vũ trang đã vô hiệu hoá lực lượng bảo an của địch, thu 7 khẩu súng.

Trong đêm 22 tháng 8, Ủy ban Khởi nghĩa đã huy động quần chúng nhân dân các xã phía Bắc huyện từ Thanh Khê đến Cao Lao Hạ, Cao Lao Thượng, Phú Kinh, Phú Hữu..., có sự hỗ trợ của lực lượng tự vệ bao vây Sở Thương chính, Nhà Đuan, sở Muối, sở Kiểm Lâm..., bắt giam toàn bộ quan chức và lính bảo an ở Thanh Khê. Sáng ngày 23 tháng 8, Ủy ban khởi nghĩa tổ chức mít tinh quần chúng tuyên bố ra mắt Bộ máy lâm thời của chính quyền cách mạng, công bố một số chính sách của chính quyền mới. Sau khi khởi nghĩa giành chính quyền ở huyện thắng lợi, Ủy ban khởi nghĩa huyện Bố Trạch đã cử một tiểu đội tự vệ do đồng chí Lưu Đức Huân chỉ huy hành quân vào Đồng Hới cùng nhân dân thị xã khởi nghĩa giành chính quyền ở tỉnh.

Tại Quảng Trạch, sau khi nhận được lệnh Tổng khởi nghĩa, Phủ ủy và Mặt trận Việt Minh phủ triệu tập hội nghị cán bộ tại làng Lũ Phong để thống nhất kế hoạch khởi nghĩa và bầu Ủy ban khởi nghĩa. Khác với các địa phương khác trong tỉnh, tại phủ Quảng Trạch, Ủy ban khởi nghĩa không huy động lực lượng tự vệ và quần chúng trong Mặt trận Việt Minh

mà sử dụng lực lượng vũ trang tiến hành khởi nghĩa giành chính quyền. Lực lượng tự vệ đã được điều động về làng Tiên Lệ để luyện tập và tổ chức biên chế đội ngũ.

Tuy vậy, đêm 22 tháng 8 năm 1945, cả lực lượng vũ trang, lực lượng tự vệ và quần chúng nhân dân đều được huy động đến 3 địa điểm Lũ Phong, Tiên Lệ và Thổ ngoạ để từ đó triển khai lực lượng đi các nơi trấn áp bọn bảo an , đồn lính Nhật và bao vây phủ đường. Sáng 23 tháng 8, trước sức mạnh của quần chúng nhân dân và lực lượng vũ trang, tên huyện lệnh và toàn bộ bộ máy tay sai đã phải đầu hàng. Lực lượng khởi nghĩa đã giành được chính quyền, quản lý toàn bộ hồ sơ tài liệu và điều hành các hoạt động của địa phương.

Tại huyện Tuyên Hoá (bao gồm cả huyện Tuyên hoá và Minh hoá sau này) , suốt đêm 22 sáng ngày 23 tháng 8, sau khi nhận được lệnh tổng khởi nghĩa, Uỷ ban khởi nghĩa đã huy động lực lượng quần chúng các địa phương trong huyện (cùng với quần chúng nhân dân một số xã của phủ Quảng Trạch do Uỷ ban khởi nghĩa tỉnh điều động hỗ trợ Tuyên Hoá) kéo về bao vây huyện đường. Tên huyện lệnonsowr tại hoảng sợ đã bỏ chạy từ trước khi lực lượng quần chúng kéo đến, bọn nha lại vội vàng nộp hồ sơ, tài liệu cho chính quyền cách mạng.

Sau khi tổng khởi nghĩa giành được thắng lợi trên địa bàn toàn tỉnh, Uỷ ban khởi nghĩa đã tổ chức ra mắt bộ máy chính quyền mới , gọi là Uỷ ban nhân dân cách mạng lâm thời (đây cũng chính là thành phần Uỷ ban khởi nghĩa) gồm:

-Trần Văn Sớ :	Chủ tịch
- Hoàng Văn Diệm:	Phó Chủ tịch
- Đoàn Khuê:	Ủy viên quân sự
- Trần Hường:	Trình sát
- Võ Thuần Nho	Tuyên truyền
-Trần Đình Giáp:	Kinh tế
- Lê Đình Triển:	Dânsinh

Uỷ ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh và các phủ huyện, đã lãnh đạo triển khai việc thành lập hệ thống chính quyền xã và thôn bản. Đến ngày 25 tháng 8 năm 1945, hệ thống chính quyền cách mạng từ tỉnh

xuống phủ, huyện, tổng, xã và và bộ máy tự quản thôn bản đã được thành lập. Cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở tỉnh Quảng Bình diễn ra nhanh, gọn, không đổ máu và thắng lợi triệt để.

Ngày 02 tháng 9 năm 1945, lần đầu tiên trong lịch sử, quân và dân Quảng Bình tổ chức mít tinh lớn mừng ngày nước Việt Nam dân chủ cộng hoà ra đời - Ngày mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ vĩ đại và kính yêu của dân tộc ta trình trọng tuyên bố với quốc dân đồng bào và thế giới: Nước Việt Nam "đã thành một nước tự do, độc lập"..., "toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy" ⁽¹⁾ ⁽¹⁾ Hồ Chủ tịch : *Tuyên ngôn độc lập, tuyển tập tập 1*, NXB Sự thật, 1980 - Trang 409

Chương VI(XI)

CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945-1954)

1. BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG, XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG, CHUẨN BỊ KHÁNG CHIẾN (1945 - 1947).

Cách mạng Tháng Tám thành công, chính quyền mới được thành lập, Ủy an nhân dân cách mạng lâm thời ra mắt nhân dân. Quân đội cách mạng được thành lập. Đội tự vệ từ chỗ là lực lượng xung kích cùng với nhân dân nổi dậy giành chính quyền lập tức trở thành công cụ chuyên chính của chính quyền cách mạng.

Sau khi giành được chính quyền, chính quyền cách mạng non trẻ đã phải đương đầu với những khó khăn chồng chất. Hậu quả của nạn đói cuối năm 1944 và đầu năm 1945 còn rất nghiêm trọng, tàn dư văn hoá - xã hội của chế độ cũ để lại rất nặng nề. Quân đội Tàu Tưởng ngay khi đặt chân đến Đồng Hới đã gây nhiều khó khăn cho ta. Lợi dụng khó khăn trong buổi đầu của hình quyền cách mạng còn trứng nước, bọn phản động ngóc đầu cấu kết với bọn Tàu Tưởng chống phá cách mạng. Các đảng phái chính trị phản động như Việt Nam Quốc dân đảng (Việt quốc), Việt nam cách mạng đảng (Việt cách) ráo riết xâm nhập vào hàng ngũ quân đội non trẻ của ta, gây mầm mống chia rẽ nội bộ...

Hệ thống chính quyền cách mạng và các đoàn thể quần chúng chưa được liên hoàn, củng cố. Lực lượng vũ trang tập trung còn yếu, thiếu vũ khí, thiếu cán bộ quân sự.

Cả nước nói chung và Quảng Bình nói riêng đang phải đối phó với ba loại giặc: Giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm.

Trước tình hình trên, ngày 07 tháng 10 năm 1945, tỉnh mở Hội nghị cán bộ Đảng tại thị xã Đồng Hới để nghe phổ biến Chỉ thị của Ban chấp hành Trung ương Đảng, bàn biện pháp thực hiện 6 nhiệm vụ cấp bách do Hồ Chủ tịch đề ra trong phiên họp đầu tiên vào ngày 03 tháng 9 năm 1945 của Hội đồng Chính phủ. Hội nghị đã bầu 7 đồng chí vào Ban chấp hành lâm thời của Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt nam tỉnh Quảng Bình. Để tăng cường sự lãnh

lao của Đảng trên các mặt công tác, Tỉnh uỷ đã phân công một số cán bộ trong Ban chấp hành phụ trách chính quyền và một số ban ngành. Hội nghị đã chỉ chủ trương triển khai một số công tác cấp bách nhằm bảo vệ chính quyền cách mạng và chuẩn bị đối phó với mọi âm mưu thủ đoạn mới của kẻ thù.

1.1. Xây dựng lực lượng vũ trang địa phương, bảo vệ thành quả cách mạng, chuẩn bị đối phó với âm mưu và thủ đoạn mới của kẻ thù.

Để xây dựng lực lượng vũ trang làm nhiệm vụ bảo vệ thành quả cách mạng và chuẩn bị đối phó với âm mưu, thủ đoạn mới của kẻ thù, Hội nghị cán bộ Đảng ngày mùng 7 tháng 10 năm 1945 hết sức quan tâm đến việc xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang. Hội nghị quyết định cử đồng chí Đoàn Khuê phụ trách quân sự, đồng chí Trần Hương phụ trách an ninh.

Hội nghị chủ trương xây dựng mỗi huyện, thị một đại đội tự vệ chiến đấu tập trung, mỗi xã một trung đội, xây dựng xưởng quân khí ở Quy Hậu (Lệ Thuỷ), phát động phong trào ủng hộ quỹ nuôi quân, rèn sắm vũ khí cho dân quân tự vệ; gửi quân Nam tiến, Tây tiến, chi viện cho Nam bộ và biên giới Việt - Lào. Hội nghị còn thông qua kế hoạch thành lập Đại đội Phú Quý.

Trước yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới, lúc này việc nhanh chóng củng cố mở rộng đội ngũ tự vệ là hết sức cấp bách. Các Đảng bộ và mặt trận Việt Minh địa phương đã lựa chọn những đoàn viên hăng hái trong công nhân xuất quốc, nông dân cứu quốc, thanh niên cứu quốc, phụ nữ cứu quốc bổ sung vào tự vệ cứu quốc.

Lực lượng tự vệ đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ địa phương, Đảng cử cán bộ phụ trách, Uỷ viên quân sự trong Uỷ ban nhân dân trực tiếp chỉ huy. Hoạt động của lực lượng tự vệ là bảo vệ các cơ quan Đảng, Chính quyền, Mặt trận, các cơ sở kinh tế, quốc phòng, các đường giao thông quan trọng..., giữ gìn trật tự, trị an trong thôn xóm, nhà máy, công sở, đường phố.

Giữa tháng 9 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ thị mở rộng giải phóng quân, đổi tên gọi Việt Nam Giải phóng quân thành Vệ quốc đoàn, lực lượng bộ đội tập trung được biên chế thành các chi đội.

Ở Quảng Bình, sau khi thành lập, Chi đội Lê Trực tiếp tục được kiện toàn, củng cố. Chi đội gồm bốn đại đội nam và một trung đội nữ. Thành phần

inh sỹ trong Chi đội Lê Trực, ngoài những thanh niên tự vệ hăng hái ở địa hương được tuyển chọn, còn có gần 200 lính Bảo an của Nhật trước đây.

Đồng thời Tỉnh uỷ quyết định thành lập Đại đội 12 (còn gọi là Đại đội hú Quý) do đồng chí Nguyễn Tú làm Đại đội trưởng, đồng chí Nguyễn Tỉnh hụ trách chính trị viên, đồng chí Lê Văn Tri làm Đại đội phó. Đội viên của ơn vị phần lớn là đảng viên Đảng cộng sản, thanh niên cứu quốc ở các đơn vị ự vệ của các huyện, do Tỉnh uỷ trực tiếp chỉ đạo.

Nhận thấy vị trí Quảng Bình là tỉnh đương đầu trực tiếp với mặt trận lướ và đường số 9 ở tiền đồn phía nam của chiến khu IV, Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp và Thiếu tướng Lê Thiết Hùng, Tư lệnh tiếp phòng quân hết sức uan tâm giúp đỡ về mặt vũ khí, đạn dược , quân nhu, quân dụng cho đại đội 2. Trung đội nào cũng được trang bị trung liên, đại đội được trang bị đại liên, hiến sỹ cũng đầy đủ súng đạn, lưỡi lê, kể cả súng phóng lựu và súng trường ga bắn đạn bọc thép chống xe tăng cỡ nhỏ. Đặc biệt là cơ sở đạn đủ bắn uấn luyện và chiến đấu lâu dài. Sau một thời gian huấn luyện, xây dựng, ỉnh uỷ chủ trương phân tán Đại đội 12 về các đơn vị cơ sở để làm nòng cốt, ot số sáp nhập với Chi đội Vệ quốc đoàn của tỉnh.

Vào cuối năm 1945, các tổ chức quân sự được kiện toàn, Uỷ viên quân ự trong Uỷ ban nhân dân tỉnh, huyện được thay thế bằng **Tỉnh đội bộ, huyện đội bộ** trực tiếp chỉ đạo lực lượng vũ trang địa phương.

Nhằm tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng vũ rang, Tỉnh uỷ đã điều động nhiều cán bộ, đảng viên bổ sung cho ngành quân ự gồm các đồng chí: Lâm, Năng, Hy, Đoàn Khuê, Trần Hường, Lê Văn Tri, ìong Xích Tâm, Nguyễn Văn Thanh (Thanh nuôi) phụ trách các đội tự vệ và ông tác xây dựng lực lượng vũ trang của tỉnh.

Các Đảng bộ địa phương cấp huyện đã nắm chắc các đơn vị trong lực ượng vũ trang, nhanh chóng tổ chức các chi bộ Đảng. Mỗi chi bộ có từ 3 đến 7 đảng viên trực thuộc cấp uỷ địa phương.

Việc tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối và trực tiếp của Đảng đối với lực ượng vũ trang đã giữ vững và phát huy bản chất cách mạng, bản chất giai cấp của đội quân vũ trang cách mạng.

Công tác chính trị rất được coi trọng trong lực lượng vũ trang. Các mặt ông tác tuyên truyền, giáo dục, dân vận, dịch vận, xây dựng tổ chức đều được iến hành theo nền nếp và kinh nghiệm công tác vận động quần chúng của Đảng, công tác chính trị của quân giải phóng.

Để bồi dưỡng và nâng cao trình độ chính trị, kiến thức quân sự cho cán bộ, đầu năm 1946, tỉnh thành lập **Trường Quân sự Lê Trục** (đóng ở cửa hạt Lệ, gần Bàu Tró). Học viên gồm có cán bộ quân sự của lực lượng dân quân, du kích, tự vệ ở xã, cán bộ chính trị các huyện. Nội dung giáo dục chính trị lúc này là : Tình hình nhiệm vụ, chính sách Việt Minh, công tác chính trị trong quân đội cách mạng. Các đồng chí Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch Ủy ban dân quân cách mạng lâm thời tỉnh về giảng bài.. Về quân sự, Trường huấn luyện cách đánh du kích, các động tác đội ngũ, động tác hợp đồng chiến đấu cá nhân đến đại đội... Trong một thời gian ngắn, Trường Quân sự mở liên tục được 3 khoá huấn luyện.

Ngoài Trường Quân sự Lê Trục, tỉnh còn mở Trường Công nhân quân sự Thuận Lý. Trường đào tạo cán bộ chủ chốt cho các xưởng chế biến vũ khí tại các huyện trong tỉnh.

Cùng với việc đào tạo trong tỉnh, Quảng Bình đã kịp thời cử cán bộ đi học Trường Quân sự của Xứ uỷ Trung kỳ (đóng tại Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh) để bồi dưỡng làm nòng cốt cho phong trào.

Công tác huấn luyện quân sự ở các đơn vị được tiến hành khẩn trương. Ở đơn vị, địa phương đã có chương trình huấn luyện kỹ thuật, chiến thuật. Tuy vậy, kết quả huấn luyện chưa cao do trình độ huấn luyện của cán bộ còn thấp, kinh nghiệm huấn luyện còn ít, chủ yếu học về đánh du kích.

Trước yêu cầu về trang bị vũ khí cho lực lượng vũ trang, ngày 17 tháng 9 năm 1945, Chính phủ tổ chức " Tuần lễ vàng" để "dùng vào việc cần cấp và quan trọng nhất của chúng ta lúc này là việc quốc phòng" ⁽¹⁾ Với ý thức góp phần nuôi dưỡng lực lượng vũ trang, mua sắm vũ khí, gây quỹ độc lập, bằng nhiều hình thức linh hoạt, nhân dân trong tỉnh đã nhiệt liệt hưởng ứng. Chỉ trong thời gian ngắn, nhân dân toàn tỉnh đã quyên góp được: 395 đồng bạc, 11 nén bạc, 0kilôgam đồ nữ trang bằng bạc, 0,9kilôgam đồ trang sức bằng đồng mạ⁽²⁾ Huyện Quảng Trạch đã quyên góp được 76.475 đồng bạc Đông Dương.

Nhờ sự giúp đỡ của nhân dân , trong 2 tháng đầu sản xuất, xưởng chế tạo vũ khí của tỉnh đặt tại Quy Hậu (Lệ Thuỷ) đã chế tạo được 200 quả lựu đạn, 30 cây gươm, dao, mác Lào, nhanh chóng gửi đến cho các lực lượng vũ trang, tự vệ, du kích.

Việc trang bị vũ khí đã rất khó, việc ăn, mặc của lực lượng vũ trang cũng gặp nhiều khó khăn. Quảng Bình cũng như các tỉnh ở Bắc bộ, Trung bộ là nơi chịu trải qua nạn đói nghiêm trọng, lại đến nạn lụt và hạn hán kéo dài nên đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn.

Ngày 03 tháng 9 năm 1945, Hồ Chủ tịch phát động phong trào tăng gia sản xuất. Người kêu gọi đồng bào cả nước nhường cơm sẻ áo cho nhau, ra sức giúp đỡ chiến sỹ và chính Người cũng tự mình 10 ngày nhịn ăn một bữa. Trong thư gửi nhà nông, Người chỉ rõ : " Thực túc" thì " Bình cường".

Đáp lời kêu gọi của Bác Hồ, nhân dân và quân đội coi trọng sản xuất như chiến đấu, chống giặc đói như chống giặc ngoại xâm. Khắp các địa phương, nhân dân mặc dù còn thiếu thốn vẫn góp thóc gạo, quần áo, tiền của nuôi bộ đội. Cán bộ, chiến sỹ Vệ quốc đoàn đóng quân ở đâu, sản xuất ở đó. Đại đội 12 đóng quân ở đồn điền Dương Tự Đề hăng hái sản xuất để cải thiện sinh hoạt và góp phần giải quyết khó khăn của tỉnh.

Không phụ lòng tin cậy của nhân dân, các chiến sỹ Vệ quốc đoàn, chiến sỹ công lực lượng vũ trang Quảng Bình sẵn sàng chịu đựng gian khổ, cần kiệm xây dựng quân đội. Mặt khác đã cùng nhân dân thực hiện khẩu hiệu " Tắc đất, tắc vàng" của Hồ Chủ tịch. Chính nhờ có phương châm kháng chiến toàn diện nên trong mọi điều kiện khó khăn, gian khổ, đặc biệt là trong hoàn cảnh bị địch bao vây, ngăn chặn, lực lượng kháng chiến vẫn đảm bảo ổn định đời sống nhân dân và huy động được vật lực trong nhân dân ủng hộ kháng chiến.

Vấn đề nắm kỹ thuật quân sự cũng là một khó khăn lớn của ta lúc này. Chính sách ngu dân phản động của đế quốc Pháp đã kìm hãm dân ta trong cảnh dốt nát, 95% nhân dân không biết chữ.

Cùng với phong trào diệt giặc đói của nhân dân, cuộc tiến công của chiến sỹ vào nạn mù chữ diễn ra sôi nổi, mạnh mẽ. Chiến sỹ ta vốn phần lớn xuất thân là con em nông dân lâu nay tủi nhục vì thất học, nay rất ham học đọc, học viết và giúp đỡ nhân dân vùng đóng quân trừ nạn dốt. Các khẩu hiệu : " Tiên tuyến diệt xâm lăng, hậu phương trừ giặc dốt", " Thêm một người đi học là thêm một viên đạn bắn vào quân thù"... được chăng khắp đường thôn, ngõ chợ, đình làng.

Kết hợp với việc học chữ, việc huấn luyện quân sự được tiến hành ráo riết. Nội dung học tập lúc này thường là động tác đội ngũ, cách sử dụng vũ khí, động tác chiến đấu cá nhân. Các tài liệu quân sự của quân đội Pháp, Nhật... được tìm tòi, nghiên cứu. Cán bộ chiến sỹ say sưa tập luyện, tất cả đều mong muốn nhanh chóng nắm kỹ thuật, chiến thuật quân sự để chiến đấu với quân thù.

Sau ngày Nhật đảo chính (ngày 09 tháng 3 năm 1945), một số tàn binh Pháp chạy khỏi tỉnh lỵ, đồn binh lên ẩn náu ở vùng rừng núi Khe Gát, Phong Nha (Bố Trạch), Hang Sặt, Cổ Liêm (Minh Hoá) Một đại đội ngược lên

ên giới Việt - Lào đóng ở Ba na phào, Nhôm ma- rát, Ma - hủ xây. uy
ếp địa đầu huyện Minh Hoá.

Để bảo vệ biên giới phía tây Quảng Bình và phối hợp với chiến trường
uảng Trị, Đại đội 6 thuộc Chi đội Vệ quốc đoàn, do đồng chí Nguyễn Chánh
hì làm Chính trị viên đã cơ động đến khu vực Ba na phào.

Đại đội 6 đến vị trí, triển khai ngay lực lượng: Một trung đội đóng ở La
rọng, một trung đội chốt trên Đèo Mụ Dạ, một trung đội cùng với Ban chỉ
ry đóng ở Bãi Dinh. Ngày 29 tháng 12 năm 1945, lực lượng ta tấn công địch
i chúng đi tuần tiêu ở ga Ba na phào tiêu diệt một số tên, thu vũ khí, buộc
ch phải co về cố thủ ở Ba na phào. Sau một thời gian tỉnh tăng cường thêm
ột đại đội lên biên giới Tây nam. Trong điều kiện thiếu thốn, khí hậu khắc
ghệt, nhưng cán bộ, chiến sỹ vẫn kiên trì chịu đựng gian khổ, anh dũng
iến đấu, chặn đứng quân địch, giữ vững phòng tuyến phía Tây Quảng Bình
ong suốt cuộc kháng chiến trường kỳ.

Tháng 12 năm 1945, Quảng Bình đưa một phân đội thuộc Chi đội Vệ
ốc đoàn vào phối hợp với Chi đội Nguyễn Thiện Thuật (Quảng Trị) đánh
t địch ra khỏi Khe Sanh, Lao Bảo; vượt qua biên giới Việt Lào, tiến công
in cứ của địch và bất ngờ tập kích vào thị trấn Sê pôn. Bộ đội ta diệt và bắt
rợc 53 tên Pháp, thu toàn bộ vũ khí. Trên đà thắng lợi, liên quân Việt - Lào
ếp tục tiến công địch ở Mường - phìn, Huội - bay, cầu Thà khổng trên
ròng số 9.

1.2. Tăng cường tiềm lực quân sự, chuẩn bị kháng chiến chống thực àn Pháp xâm lược

Ngày 23 tháng 9 năm 1945, núp dưới bóng quân Anh, thực dân Pháp trở
i Sài Gòn, nổ súng tiến công mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần
ứ hai. Nhân dân Nam Bộ nhất tề đứng lên kháng chiến.

Ngày 29 tháng 9 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi đồng
io Nam bộ và nhân dân cả nước " Thà chết tự do còn hơn sống nô lệ"

Cả Quảng bình bừng bừng căm thù quân Pháp xâm phạm miền đất yêu
ý phía nam của Tổ quốc. Dân quân tự vệ, học viên Trường Quân sự Lê Trực
Trường công nhân Quân sự Thuận Lý chăm lo tập luyện để được tuyển lựa
io Nam Bộ chiến đấu. Tại thị xã Đồng Hới và ở các huyện lập " Phòng Nam
ộ" ghi tên những người tự nguyện vào Nam chiến đấu Tỉnh còn thành lập
an dân quân để tuyên truyền, lựa chọn thanh niên vào "đơn vị Nam tiến"

Hưởng ứng phong trào Nam tiến, Quảng Bình đã tuyển lựa hơn 100 cán bộ, chiến sỹ vào chiến đấu ở chiến trường cực nam Trung Bộ.

Ngày 27 tháng 12 năm 1945, đơn vị đầu tiên của Quảng Bình lên đường vào Nam chiến đấu.

Ngày 06 tháng 01 năm 1946, cùng với nhân dân toàn quốc, các chiến sỹ lực lượng vũ trang và nhân dân Quảng Bình đi bầu cử Quốc hội của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, tiếp đến bầu cử Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã.

Ngày 06 tháng 3 năm 1946, Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Pháp ký hiệp định sơ bộ. Ngày 09 tháng 3 năm 1946, Ban thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị lịch sử " Hoà để tiến"

Để chủ động đối phó với tình hình, tỉnh chủ trương cho huyện Lệ Thủy hành lập đơn vị tự vệ tập trung.

Tháng 5 năm 1946, tại Bàu Cốc (Tân Duyệt) , đơn vị tự vệ tập trung ra đời lấy tên là Trung đội tự vệ Trần Quốc Tuấn. Đơn vị được trang bị 1 trung liên, 10 súng trường.

Với dã tâm trở lại xâm lược đất nước ta, thực dân Pháp tăng cường khiêu khích, lấn chiếm, chà đạp những điều họ đã ký kết với Chính phủ ta. Tháng 11 năm 1946, thực dân Pháp khiêu khích lấn chiếm Hải Phòng và Lạng Sơn. Ngày 17 tháng 12 năm 1946, chúng lại gây hấn tại thủ đô Hà Nội. Ngày 18 và 19 tháng 12, thực dân Pháp gửi tối hậu thư cho Chính Phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà đòi tước vũ khí tự vệ ta, đòi chiếm công sở ở Hà Nội.

Ngày 19 tháng 12 năm 1946, Hồ Chủ tịch ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến. Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, quân và dân Quảng Bình gấp rút chuẩn bị kháng chiến, thực hiện khẩu hiệu: " Mỗi quốc dân là một chiến sỹ, mỗi xóm làng là một pháo đài"

Đầu năm 1947, tỉnh thành lập các Ban di cư từ tỉnh đến xã. Dựa vào vùng miền núi phía Tây, tỉnh và các huyện xây dựng các chiến khu kháng chiến. Thuận Đức (chiến khu của tỉnh và thị xã Đồng Hới), Bang Rợn (huyện Lệ Thủy), Rào Trù (huyện Quảng Ninh), Bồng Lai, Tróóc (huyện Bố Trạch), Trung Thuần (huyện Quảng Trạch) thành căn cứ kháng chiến của địa phương.

Lực lượng dân quân, tự vệ được bổ sung về quân số; lúc này toàn tỉnh đã có 1332 chiến sỹ. Tất cả 5 huyện, thị trong tỉnh đều đã thành lập đại đội, trung đội du kích thường trực. Huyện Lệ Thủy còn có thêm một trung đội " Học sinh cảm tử quân"

Tại Quảng Trạch, vào cuối tháng 3 năm 1947, 3 trung đội du kích thường trực được thành lập. Sau khi tổ chức biên chế, Trung đội 1 hành quân về đóng

ại Tượng Sơn (xã Thuận Trạch); Trung đội 2 về chốt tại xóm Lòì ,Thổ Ngọa; Trung đội 3 đóng tại thôn Thọ Đơn (xã An Trạch).

Các đại đội, trung đội tập trung của Quảng Ninh, Bồ Trạch, Tuyên Hoá đi vào luyện tập, sẵn sàng chiến đấu. Vũ khí trang bị cho lực lượng du kích hương trực chiến đấu ngoài mã tấu, đại đao, gươm, dao, mác Lào còn có 88 khẩu súng trường và 366 quả lựu đạn.

Lực lượng vũ trang tập trung của tỉnh chuẩn bị kế hoạch sẵn sàng tác chiến. Chi đội Lê Trực từ 4 đại đội tăng lên 6 đại đội. Trung đội nữ phân tán về các đơn vị để làm nhiệm vụ cứu thương. Ngoài đại đao, lựu đạn, bom, mìn , chi đội có 270 khẩu súng trường, 5 súng máy. Về hướng tấn công của địch, lãnh đạo tỉnh nhận định: Quảng Bình có chiều dài bờ biển trên 100km, trong đó có 5 cửa sông mà hai cửa có đủ điều kiện cho thủy quân lực chiến của địch đổ bộ lên bờ. Bờ biển lại áp sát đường quốc lộ, có lợi thế cho cơ giới địch từ biển lên chạy suốt từ Bắc vào Nam. Về đường không, tỉnh có nhiều gò, đồi, có nơi gần như đồi trọc, đó là những nơi địch có thể cho quân nhảy dù xuống. Trên cơ sở nhận định đó, lực lượng vũ trang tỉnh lúc này được triển khai như sau:

Một đại đội được lệnh hành quân lên chiến đấu ở Mặt trận Ba na phào, bảo vệ biên giới phía tây của tỉnh.

Một đại đội vào phối hợp chiến đấu ở đường số 9 - Quảng Trị.

Một đại đội mới được tổ chức, tập trung huấn luyện ở Trung Thuần (Quảng Trạch).

Ba đại đội còn lại được bố trí: Một đại đội phối hợp với Đại đội cảnh vệ chuẩn bị chiến đấu ở thị xã Đồng Hới, một trung đội phối hợp với đội tự vệ bố trí ở cửa biển Nhật Lệ. Hai trung đội phối hợp với du kích huyện Quảng Ninh, bố trí ở vùng Quán Hàu (cách Đồng Hới 7km) có nhiệm vụ đánh địch từ Lệ Thủy tiến ra. Hai trung đội cùng du kích huyện Bồ Trạch bố trí từ Lộc Đại (Quảng Ninh) đến Hoàn Lão. Một trung đội bố trí ở vùng Ròn cùng du kích Quảng Trạch đánh địch. Một trung đội công binh có nhiệm vụ bố trí bom mìn ở vùng ngoại ô Thị xã Đồng Hới, phụ trách việc phá hoại cầu Dài, cầu Lộc Đại, cầu đi Thuận Lý và có nhiệm vụ chặn đánh cơ giới địch khi chúng vào thị xã.

Song song với việc triển khai lực lượng, công tác giáo dục, tuyên truyền đường lối kháng chiến, xây dựng quyết tâm, chuẩn bị về mặt tâm lý, tư tưởng được tiến hành tích cực. Bằng các hình thức mít tinh, hội họp, cổ động tuyên truyền, phát thanh, các cấp bộ Đảng và Chính quyền đã kêu gọi, động viên

hích lệ lực lượng vũ trang và nhân dân Quảng Bình đoàn kết nhất trí, muôn người như một, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ quê hương đất nước.

2. TRIỂN KHAI THỂ TRẬN CHIẾN TRANH NHÂN DÂN, TỪNG BƯỚC ĐÁNH BẠI ÂM MƯU " ĐÁNH NHANH THẮNG NHANH" CỦA THỰC DÂN PHÁP.

(1947 -1949)

2.1. Triển khai lực lượng vũ trang địa phương đánh chặn các mũi tiến công của địch, bảo vệ an toàn tính mạng và tài sản nhân dân.

Đầu năm 1947, Bộ chỉ huy Pháp đã mở nhiều cuộc tiến công đánh chiếm miền Trung và miền Bắc nước ta.

Sau khi đánh chiếm Thừa Thiên, Quảng Trị và được tăng thêm viện binh, thực dân Pháp tiến công đánh chiếm Quảng Bình, thực hiện chiến lược " Đánh nhanh, thắng nhanh"

Quân Pháp chia làm hai cánh. cánh thứ nhất lực lượng khoảng 2.000 tên từ Quảng Trị theo đường quốc lộ số 1 đánh ra; cánh thứ hai gồm các lực lượng hải quân và lính thủy đánh bộ tiến công vào Quảng Bình từ hướng biển. Bước hứ nhất, địch dựa vào ưu thế binh hỏa lực đánh chiếm thị xã Đồng Hới, trung tâm kinh tế, quân sự của tỉnh. Sau khi hoàn thành bước 1, địch tiến hành đánh chiếm các cửa biển, cửa sông, các trục đường giao thông quan trọng, các vị trí hiểm yếu nhằm ngăn chặn, khống chế lực lượng ta, thực hiện kế hoạch " Bình định", chia cắt vùng chiếm đóng với vùng tự do của Liên khu 4.

Để đối phó với âm mưu "đánh nhanh thắng nhanh" của thực dân Pháp, Tỉnh uỷ đã chủ trương triển khai thể trận chiến tranh nhân dân trực diện chiến đấu chặn bước tiến quân thù, đồng thời phát động chiến tranh du kích để chiến đấu lâu dài. Công tác triển khai cho lực lượng vũ trang trong toàn tỉnh sẵn sàng chiến đấu được tiến hành nhanh chóng. Chi đội Lê Trực có 6 đại đội đóng ở những vị trí trọng yếu của tỉnh cùng dân quân, du kích chuẩn bị kế hoạch đối phó với địch. Tỉnh uỷ, Uỷ ban kháng chiến theo dõi sát tình hình chiến sự diễn ra ở Thừa Thiên, Quảng Trị để kịp thời chỉ đạo cho toàn quân và toàn dân đánh địch.

16 giờ ngày 26 tháng 3 năm 1947, thực dân Pháp cho 5 tàu chiến và 2 ca xô rập rình ngoài khơi cách cửa sông Nhật Lệ chừng 2 hải lý. Chi đội Lê Trực

ùng lực lượng dân quân, du kích thị xã Đồng Hới được lệnh triển khai đội hình chiến đấu như kế hoạch đã định.

Sáng ngày 27 tháng 3 năm 1947, thực dân Pháp chính thức tấn công xâm lược Quảng Bình lần thứ hai.

Hải quân Pháp tiến quân vào cửa Nhật Lệ. Đại đội Vệ quốc quân do đồng chí Lê Thanh Đồng, tiểu đoàn trưởng trực tiếp chỉ huy chặn đánh địch ngay từ khi chúng bước chân lên bờ. Từ hướng nam, hai máy bay phóng pháo, một chiếc thuỷ phi cơ lao tới dội bom xuống phòng tuyến Đồng Thành hỗ trợ cho lực lượng đổ bộ. Lực lượng của ta ít, vũ khí thô sơ, vẫn táo bạo xuất kích đánh địch xuống biển, tiêu diệt hơn 80 tên. Quân Pháp phải thay đổi cách đánh, cho tàu chạy ra Phú Hội (Quang Phú), vào Bảo Ninh, mở rộng diện đổ bộ buộc ta dàn mỏng quân để chống đỡ. Một tiểu đội của Đại đội 4 vượt sông qua Mỹ Cảnh chi viện cho Bảo Ninh. Một bộ phận khác ra chi viện đánh địch ở Phú Hội. 12 giờ, lực lượng ta bị tổn thất nặng, đồng chí Lê Thanh Đồng anh dũng hy sinh. Một số cán bộ và chiến sỹ bị thương vong, đạn hết, địch tập trung hỏa lực bắn phá dữ dội. Trước sức tấn công của địch và sự chênh lệch về quân số, vũ khí, Ủy ban kháng chiến tỉnh ra lệnh cho các đơn vị rút lui để giữ gìn lực lượng.

Trung đội công binh được lệnh đánh sập cầu Dài, phá huỷ nhà máy điện và các công sở khác.

Sau khi chiếm Tam Toà, quân Pháp chia làm hai mũi: Một mũi tiến theo đường quốc lộ số 1, một mũi tiến theo đường sắt đánh chiếm Quảng Ninh.

Chiều tối ngày 27 tháng 3, địch đánh vào vùng Quán Hàu. Ngày 28 tháng 3 năm 1947, thực dân Pháp tiếp tục tập trung lực lượng đánh chiếm huyện lỵ Quảng Ninh theo hai hướng. Hướng thứ nhất từ Thuận Lý theo đường sắt tiến về ga Xuân Dục, không chế các xã ven vùng núi. Hướng thứ hai, địch vượt sông Nhật Lệ đánh chiếm các xã trên trục đường quốc lộ như Võ Ninh, Hàm Ninh, Duy Ninh, Gia Ninh. Đêm 28 tháng 3, địch đánh chiếm Xuân Dục. Tại đây, chúng đã bị du kích Trường Ninh tấn công bằng lựu đạn vào vị trí Đông Tuấn (Xuân Dục) làm thiệt mạng một số tên. Ngày 29 tháng 3, địch cho quân cơ động tiến vào Xuân Dục, Trường Dục, đánh vào cồn Chan, bị đại đội du kích, tự vệ vũ trang xã Trường Ninh chủ động tiến công tiêu diệt một số tên. Tại đây, đồng chí Kiêm, Đại đội trưởng cùng một số du kích đã chiến đấu dũng cảm và anh dũng hy sinh.

Ngày 02 tháng 4 năm 1947, từ Mỹ Trung, thực dân Pháp tung lực lượng hành quân đánh chiếm các xã Tân Ninh, An Ninh, Trường Ninh, Vạn Ninh. Ngày 03 tháng 4, địch sử dụng ca nô chở lính đổ bộ vào làng Quảng Xá. Tại

ly, đại đội du kích Quảng Xá chặn đánh quyết liệt; song do chênh lệch về lực lượng, vũ khí nên du kích không tìm được bước tiến của địch. Quân xâm lược tràn vào làng thực hiện chính sách "Đốt sạch, giết sạch, phá sạch" 80 người, đa số là lực lượng du kích bị tàn sát. Biết được thế giặc, lực lượng vũ trang tạm thời rút về vùng căn cứ, chuẩn bị cho cuộc chiến đấu lâu dài.

Ngày 28 tháng 3, 3 đại đội địch đổ bộ vào cửa sông Gianh đánh chiếm thành Khê (Bố Trạch). Một bộ phận địch dùng ca nô ngược sông Gianh lên tấn phá Ba Đồn; một bộ phận đánh vào Lý Hoà, Quy Đức, chiếm huyện lỵ Bố Trạch và tiến đánh Liên Dinh.

Sáng ngày 28 tháng 3 năm 1947, quân địch ở Đồng Hới tiến đánh ga Thuận Ý, Diêm Điền, Đức Phổ và Lệ Kỳ. Sau khi chiếm Thuận Lý, địch đánh lên Phú Thủy bị bộ đội và dân quân giết bom phá huỷ hai xe Jcep, giết 6 tên.

Sau khi củng cố các vị trí chiếm đóng ở Đồng Hà (Quảng Trị), Đồng Lới, ngày 30 tháng 3 năm 1947, quân Pháp tiến đánh Lệ Thủy theo hai hướng. Hướng thứ nhất từ Quảng Trị ra bằng hai mũi: Mũi thứ nhất theo đường quốc lộ số 1, mũi thứ hai từ Thượng Lâm đánh ra. Hướng thứ hai từ Đồng Hới đánh lên cũng theo hai mũi; Một mũi theo đường quốc lộ số 1 và một mũi theo đường sắt lên ga Mỹ Đức. Cả 4 mũi đều nhằm thẳng vào trung tâm Lệ Thủy. Bằng chiến lược "Đánh nhanh, thắng nhanh", giặc Pháp mở nhiều đợt tiến công vào xã Hưng Đạo, Sào Nam, Mỹ Đức rồi thọc vào trung tâm huyện. Các đơn vị làm nhiệm vụ phòng thủ phía nam Quảng Bình (thuộc Chi đội Lê Lợi) cùng với lực lượng vũ trang nhân dân địa phương đã tổ chức chặn đánh kịch liệt, nhưng do lực lượng đông và mạnh hơn nên quân Pháp đã chiếm được Lệ Thủy.

Ngày 07 tháng 4 năm 1947, 200 tên Pháp có việt gian dẫn đường tiến đánh Âm Tiến, Võ Thuận, Hoà Duyệt (Bố Trạch), bộ đội ta chặn đánh tiêu diệt một số tên. Cùng ngày, địch chia làm 3 cánh quân tiến đánh Thổ Ngọa (Quảng Trạch), bị quân ta chặn đánh, 16 tên Pháp bỏ mạng, 2 tên việt gian chết tại trận, địch buộc phải rút lui.

Ngày 10 tháng 4, chúng dùng ca nô chở quân ngược sông Gianh đánh chiếm Minh Lệ, Tiên Lệ, chia cắt địa bàn Quảng Trạch.

Ngày 15 tháng 4, địch tiếp tục chia làm 3 cánh tiến công Ba Đồn (huyện lỵ Quảng Trạch) và vùng phụ cận. Cánh thứ nhất từ Xuân Kiều (Thuận Trạch) vòng qua thôn Chính Trực, Ngoại Hải về Tượng Sơn; cánh thứ hai từ Lũ Phong xuống; cánh thứ ba từ Thổ Ngọa đánh lên. Bộ đội và dân quân, du kích chặn đánh giết 18 tên. Ngày 18 tháng 4, địch cho quân băng qua Lạc Giao

sang Cao Mai hợp với cánh quân thứ tư ở Thọ Linh. Cùng với dân quân, du kích ở các thôn Thọ Linh, Thọ Hạ, Minh Lệ, Đại đội vệ quốc đoàn của tỉnh bố trí đánh địch ở bờ sông Thọ Linh, đội Minh Lệ tiêu diệt một số tên. Tại Hạ Thôn, địch đổ quân sang Lâm Xuân, quân và dân Lâm Xuân anh dũng chiến đấu bảo vệ quê hương. Ở Minh Lệ, một tổ du kích chặn đánh địch theo kiểu vận động chiến, ngăn cản bước tiến của quân xâm lược. Lực lượng kháng chiến ở Quảng Trạch rút vào vùng rừng núi bảo toàn lực lượng, thực hiện cuộc kháng chiến trường kỳ.

Ngày 18 tháng 4 năm 1947, địch tấn công lên Tuyên Hoá, bị quân ta chặn đánh quyết liệt buộc chúng phải rút lui. Tới đây, tạm thời kết thúc đợt tiến công đánh chiếm Quảng Bình của quân xâm lược Pháp.

Trong 20 ngày (27 tháng 3 đến 18 tháng 4), Chi đội Lê Trực, dân quân, tự vệ và nhân dân Quảng Bình đã anh dũng đứng lên chiến đấu, ngăn chặn bước tiến của quân xâm lược, tiêu diệt 460 tên.

Địch làm chủ quốc lộ số 1 từ Hạ Cờ đến hữu ngạn sông Gianh, kiểm soát miền duyên hải đồng bằng 3 huyện Lệ Thủy, Quảng Ninh, Bố Trạch; kiểm soát, khống chế các trục đường giao thông thuỷ bộ huyết mạch, cắt đứt liên lạc giữa các vùng. Sau đó chúng triển khai lực lượng tiếp tục đóng thêm một số vị trí sâu vào nội địa, kiểm soát những đường giao thông liên xã, liên huyện như Võ Thuận, Ngân Sơn (Bố Trạch), Phú Quý (Đồng Hới), Mỹ Đức, Thượng Lâm (Lệ Thủy), nhảy dù xuống Bang Rợn (chiến khu Lệ Thủy), đánh vào Xuân Bồ, Thượng Phong, Phú Hoà nhằm ép lực lượng vũ trang của ta lên núi. Như vậy, trong một thời gian tập trung toàn lực đánh chiếm các địa bàn trọng yếu, quân xâm lược đã làm chủ hầu hết địa bàn Quảng Bình, chỉ trừ huyện Tuyên Hoá (bao gồm cả Minh Hoá ngày nay) và một phần thuộc phía bắc Quảng Trạch còn do ta kiểm soát.

2.2. Xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân, tổ chức lực lượng kháng chiến lâu dài

Đến trung tuần tháng 4 năm 1947, thực dân Pháp đã hoàn thành về cơ bản việc xâm lược Quảng Bình lần thứ hai. Lực lượng kháng chiến của Quảng Bình gặp nhiều khó khăn, cơ quan lãnh đạo chuyển ra đóng ở Tuyên Hoá. Do xa cơ quan lãnh đạo, địch lại tăng cường việc càn quét bắn giết, cô lập lực lượng kháng chiến với nhân dân nên lực lượng vũ trang đang đứng trước những thử thách lớn.

Trước tình hình đó, Tỉnh uỷ Quảng Bình đã kịp thời đề ra chủ trương chuyển hướng hoạt động. Địa bàn Quảng Bình được chia thành 3 khu: Khu Bắc (từ bắc sông Gianh trở ra); Khu Trung (từ nam sông Gianh vào bắc Long Đại) và Khu Nam (từ nam Long Đại trở vào).

Thường vụ Tỉnh phân công khu Bắc do đồng chí Thanh Hải, Bí thư Tỉnh uỷ phụ trách, khu Trung do đồng chí Hoàng Văn Diệm, Chủ tịch tỉnh phụ trách; phụ trách khu Nam là đồng chí Hồng Xích Tâm; đồng thời tỉnh tăng cường cán bộ cho cơ sở và các lực lượng vũ trang, nhất là các huyện trọng điểm, thị xã để xây dựng lại cơ sở bị vỡ, nắm quân chúng, ổn định tình hình.

Sau khi đánh chiếm Quảng Bình, thực dân Pháp đã đóng 31 vị trí chính (tính đến tháng 11 năm 1947), với tổng số quân 1.350 tên (Pháp 695 tên, bảo vệ quân 645 tên, thực hiện việc càn quét và thành lập chính quyền phục vụ cho địch, tổ chức các hội tề... Ở Quảng Trạch, trong số 68 thôn, địch đã lập được chính quyền 32 thôn, trong đó có 15 thôn chúng nắm hoàn toàn, 17 thôn buộc phải lập chính quyền để tránh sự khủng bố của địch. Ở Bố Trạch, trong số 68 thôn, địch đã lập được 23 thôn, trong đó 8 thôn địch nắm hoàn toàn và 15 thôn ta có đưa người vào. Tại thị xã Đồng Hới, thực dân Pháp lập được chính quyền ở tất cả các thôn, 2 thôn Trung Bình, Đồng Mỹ chúng nắm hoàn toàn, các thôn còn lại chưa ngã hẳn về địch. Quảng Ninh có 61 thôn, địch lập chính quyền 36 thôn. Lệ Thuỷ trong 98 thôn, địch đã lập được chính quyền 20 thôn (xem B1:9)).

Ngoài ra chúng còn lập Đảng quốc gia liên hiệp có hệ thống từ xã đến huyện. Thực dân Pháp còn mua chuộc, dụ dỗ một số phần tử thiên chúa giáo, một số thân sỹ để thực hiện âm mưu chia rẽ lương giáo, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc.

Về quân sự, để xúc tiến kế hoạch bình định và mở rộng vùng chiếm đóng, Bộ Tư lệnh Bắc Trung phân do tướng Lơ Bờ - Rít cầm đầu đã chia Bình - Trị - Thiên ra ba phân khu; Quảng Bình thành một phân khu, dưới phân khu có các tiểu khu. Trong từng tiểu khu, địch bố trí hệ thống trọng pháo để khống chế chiến khu, vùng du kích và vùng tự do. Thực dân Pháp không những dùng lực lượng quân sự để đàn áp, khủng bố nhân dân ta mà còn phá hoại kinh tế kháng chiến của ta. Đứng trước tình hình khó khăn trên, các đồng chí Thường vụ Tỉnh uỷ được phân công phụ trách các khu cùng với các huyện, thị bàn bạc ổn định đời sống nhân dân, các lực lượng vũ trang được chú ý xây dựng về cả số lượng, chất lượng.

Quán triệt đường lối "Kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ", Tỉnh uỷ Quảng Bình chủ trương xây dựng "**Làng xã chiến đấu**" Thực hiện chủ trương này, Bố Trạch vừa xây dựng các khu **căn cứ kháng chiến ở Phú Định, Bồng Lai** vừa được sự giúp đỡ của Đại đội 3, Tiểu đoàn Lê Trực (Chi đội Lê Trực) xây dựng **làng chiến đấu Cự Năm**. Làng Cự Năm nằm trong vùng du kích huyện Bố Trạch. Làng được rào thành tuyến 1, 2 và 3. Tuyến 3 là tuyến kiên cố nhất có rào cao 3mét, bên trong là giao thông hào chạy xuyên các tuyến, có hầm trú ẩn và hầm bí mật. Toàn làng có 9 vọng gác và một điểm gác để kiểm soát người qua lại. Về tổ chức lực lượng, Cự Năm có một trung đội du kích và 3 trung đội dân quân canh gác, trong đó có 7 đảng viên thành lập 1 chi bộ.

Cự Năm trở thành một điểm chốt lợi hại của ta ở trên đường tỉnh lộ số 2 từ Hoàn Lão lên Phong Nha - Troóc.

Ngày 07 tháng 5 năm 1947, một trung đội lính Pháp tấn công vào làng Cự Năm hòng tiêu diệt lực lượng kháng chiến của ta, lập hội tề, khai thông đường tỉnh lộ 2, mở đường đánh lên vùng tự do. Dựa vào thế trận của làng chiến đấu, du kích Cự Năm phối hợp chặt chẽ với bộ đội chủ lực tỉnh chặn đánh quyết liệt, giết 10 tên và làm bị thương nhiều tên khác, phá tan cuộc càn quét của địch. Từ ngày 07 tháng 5 năm 1947 đến cuối năm 1947, quân Pháp liên tiếp huy động lực lượng đánh vào Cự Năm 25 lần, nhưng tất cả những cuộc hành quân đánh phá của quân Pháp đều bị quân và dân Cự Năm đánh cho tan tác... Nhiều *trận đánh thắng lớn ở Bãi Trọt, Rú Nguồn, Cồn Nàn, Đồi Vàng...* đã làm cho quân Pháp kinh hoàng khiếp sợ. Làng chiến đấu Cự Năm trở thành làng chiến đấu kiểu mẫu cho phong trào xây dựng làng xã chiến đấu trên địa bàn tỉnh và của Liên khu 4.

Tháng 5 năm 1947, *Hội nghị Tỉnh uỷ mở rộng họp ở chiến khu Thuận Đức* chủ trương: Cho dân hồi cư, xây dựng cơ sở kháng chiến, các đơn vị bộ đội và du kích thường trực phân tán nhỏ lực lượng, tổ chức đánh địch trong vùng tạm chiến.

Sau hội nghị, được Tỉnh đội bộ cung cấp cán bộ, bổ sung quân số, các đơn vị du kích thường trực huyện phát triển thành đại đội du kích thường trực thuộc Huyện đội bộ.

Ở huyện Lệ Thuỷ có Đại đội 1; Đại đội 2 (Quảng Ninh), Trung đội du kích thường trực (thị xã Đồng Hới), Đại đội 4 (Bố Trạch), Đại đội 5 (Quảng Trạch), Đại đội 6 (Tuyên Hoá).

Quán triệt chủ trương trên, các đơn vị bộ đội và du kích thường trực tấn công thành từng đơn vị nhỏ từ một đến hai trung đội tổ chức phục kích, tiêu hao sinh lực địch. Trung đội du kích thị xã Đồng Hới có lần đột nhập vào thị xã treo cờ đỏ sao vàng trên cổng Quảng Bình Quan. Đại đội 5 phối hợp với Đại đội 4 du kích thường trực huyện Bố Trạch phục kích một toán địch đi cướp lúa ở Hỷ Duyệt, giết 3 tên, làm bị thương một số tên khác, giành lại được 9 gánh lúa. Được nhân dân giúp đỡ, du kích các thôn Hoàn Lão, Lý Hoà, họ Lộc, Liên Dinh, Cao Lao (Bố Trạch) liên tục tấn công địch, phục kích hạn đánh các toán đi lùng lẻ, đánh phá giao thông, chống càn quét, gây cho địch nhiều thiệt hại. Ngày 07 tháng 5, Đại đội 5 chủ lực tỉnh phối hợp với du kích Cụ Năm chặn đánh một trung đội lính Pháp đi càn ở Rú Nguồn, diệt 10 tên. Ở Quảng Ninh, địch tổ chức cướp lúa ở Rào Trù, Ráo Đá, bị Trung đội du kích thường trực thuộc Đại đội 2 chặn đánh phải rút chạy. Đại đội 1 du kích thường trực huyện Lệ Thủy nhiều lần chặn đánh địch đi cướp lúa, diệt nhiều tên.

Đầu tháng 7 năm 1947, tại thôn Hoàn Lão (xã Trung Trạch —Bố Trạch), **Trung đội nữ du kích Hoàn Lão** gồm 9 chị em tuổi đời từ 18 đến 20 được thành lập. Trung đội tham gia hoạt động trinh sát dẫn đường; tổ chức giải mìn phá hoại cầu đường, vận tải hàng hoá, lương thực, súng đạn, tải hương; tuyên truyền vận động binh lính địch quay súng trở về với lực lượng kháng chiến.

Ngày 12 tháng 8 năm 1947, Tỉnh uỷ triệu tập hội nghị tại Thuận Đức, chủ trương phát triển Đảng trong lực lượng vũ trang, nhất là các đơn vị trực tiếp chiến đấu, tổ chức Chi bộ Đảng trong các đơn vị tác chiến, tích cực phát triển chiến tranh du kích ở vùng sau lưng địch, trừ gian, diệt tề.

Để đảm đương nhiệm vụ tổ chức chỉ đạo kháng chiến, bộ máy chính quyền các cấp phải được kiện toàn cho phù hợp với tình hình mới. Chính Phủ quy định mỗi Uỷ ban bảo vệ khu, tỉnh có một đại biểu quân sự, một đại biểu hành chính, ba đại biểu nhân dân. Thành phần của Uỷ ban bảo vệ huyện gồm 3 đại biểu (quân sự, hành chính và nhân dân). Uỷ ban bảo vệ xã có 1 đại biểu nhân dân và 1 đại biểu quân sự. Ngày 28 tháng 7, để tập trung chỉ đạo cuộc kháng chiến, Hội nghị quân chính toàn khu 4 quyết định hợp nhất các Uỷ ban kháng chiến và Uỷ ban hành chính các cấp tỉnh, huyện, xã thành **Uỷ ban kháng chiến hành chính**.

Sau Hội nghị ngày 12 tháng 8, Ban chỉ huy Tỉnh đội được thành lập riêng. Thị xã Đồng Hới được bổ sung thêm một trung đội để thành lập Đại đội 3. Thực hiện Nghị quyết của Tỉnh uỷ, bộ đội về đồng bằng bám dân mà

ống, bám địch mà tiêu diệt, giúp các địa phương xây dựng lại lực lượng dân quân du kích. Các đại đội, trung đội tiến đánh địch ở nhiều nơi, chặn đánh nhiều cuộc hành quân càn quét lấn chiếm của địch.

Ngày 16 tháng 8, dân quân, du kích Minh Lệ (xã Minh Trạch, Quảng Trạch) phối hợp với bộ đội đánh địch càn quét giết 12 tên Pháp và 30 tên việt gian. Ở Tuyên Hoá, dân quân du kích tổ chức phá hoại các nhà ga, đường ray. Tại Quảng Trạch tổ chức phá cầu Roòn và đường quốc lộ.

Lập thành tích kỷ niệm Cách mạng Tháng Tám và quốc khánh 02 háng 9, Đại đội 5 có sự phối hợp của du kích tiến công đồn Minh Lệ, giết 17 tên Pháp. Tại Bố Trạch, Đại đội 4 dùng mìn tự tạo đánh tan 1 trung đội địch tại bến đò Ngân Sơn, giết 20 tên - trận đánh bằng vũ khí tự tạo đó đã mở đầu cho phong trào địa lôi chiến của huyện Bố Trạch. Lực lượng Đại đội 2 Quảng Vĩnh tổ chức luôn sâu tuyên truyền cho quần chúng hiểu rõ về đường lối kháng chiến của ta, biểu dương lực lượng, đập tan luận điệu xuyên tạc của địch "Kháng chiến không còn, Việt Minh đã bị tiêu diệt"^(A470:50)

Cùng thời gian này, đồng chí Võ Nguyên Giáp , Tổng tư lệnh Quân đội đã gửi thư khen cán bộ, chiến sỹ Bình - Trị - Thiên " gan dạ chịu đựng mọi gian khổ để chặn sức tàn phá của địch..., đã thu được nhiều thành tích vẻ vang..." Đồng chí căn dặn: " Muốn thắng phải noi gương Việt Bắc, phát động phong trào du kích khắp nơi, chú trọng vũ trang tuyên truyền, phá các hội tề, tiến tới tiêu diệt các cứ điểm nhỏ hoặc lực lượng nhỏ của địch. Mong rằng rồi lấy rất chóng, quân dân toàn quốc và riêng tôi sẽ thấy được các chiến sỹ Bình Trị Thiên chiến thắng một cách oanh liệt"^(A22:98)

Thư của Tổng chỉ huy Võ Nguyên Giáp đã động viên kịp thời khí thế chiến đấu của quân và dân Quảng Bình, lực lượng vũ trang lấy đó làm niềm tin, hướng phát triển trong những năm tiếp theo.

Để phục vụ kịp thời cho sự chỉ đạo tác chiến trên địa bàn của tỉnh và hoạt động của các đơn vị chủ lực, Ban chỉ huy Tỉnh đội quyết định thành lập đơn vị quân báo của tỉnh. Quân số lúc đầu có 9 đồng chí, dần dần được tăng thêm và chia thành từng tổ quân báo, mỗi tổ có từ 2- 3 đồng chí, phụ trách các khu vực căn cứ của tỉnh (Đồng Trầm, Đồng Lê, Chợ Gát, Minh Cẩm); khu vực nam Quảng Trạch (Biểu Lệ, Trung Thôn, Hạ Thôn, Minh Lễ, Ngân Sơn, Cao Lao, Thanh Khê...); khu vực bắc Quảng Trạch (từ Lò Độc, Tiên Lang, Tiên Lương đến Ba Đồn). Ngoài ra mỗi tổ còn tổ chức 1-2 đường dây gồm một số phụ nữ làm nghề buôn bán, học sinh, nông dân và bà con gia đình quen thuộc. Hệ thống quân báo được tổ chức từ tỉnh đến cơ sở. Ở tỉnh và huyện gọi là tổ quân báo; ở xã gọi là tổ trinh sát

Cùng với sự ra đời của đơn vị quân báo, Đại đội 1 bộ đội địa phương huyện Lệ Thủy được thành lập; đồng chí Lương Hữu Sắt là đại đội trưởng, đồng chí Võ Đại Hải là đại đội phó. Ngay sau khi thành lập, Đại đội 1 phối hợp với bộ đội chủ lực tỉnh tổ chức đánh đồn Phù Thiết. Ta dùng một lực lượng đánh thẳng vào đồn, lực lượng khác phục kích ở Phù Chánh đón đánh liên binh địch từ đồn Hoà Luật vào. Nhưng do bị lộ, đồng chí Võ Đại Hải, đại đội phó hy sinh. Trận công đồn diệt viện ở Phù Thiết không thành công.

Việc chuyển hướng của tỉnh từ sau hội nghị ở Thuận Đức đã buộc địch thay đổi ý đồ tập trung tiêu diệt cơ quan lãnh đạo và chủ lực của ta. Chúng hải dần mỏng lực lượng đối phó với phong trào kháng chiến, nhất là hoạt động của du kích vùng sau lưng địch. Nhờ vậy, phong trào kháng chiến đã tập hợp lực lượng, củng cố niềm tin của nhân dân. Đồng thời qua thử thách, một số cán bộ, nhất là cán bộ quân sự được tôi luyện và trưởng thành.

Bộ đội chủ lực tỉnh và bộ đội địa phương huyện được củng cố tạo điều kiện cho chiến tranh du kích phát triển, làm cơ sở cho phong trào quần chúng đấu tranh. Công tác binh vận, địch vận được đẩy mạnh từng bước làm suy yếu tinh thần binh lính địch. Xuất hiện nhiều tổ địch vận bám đồn dùng các hình thức gọi loa, hò khoan vạch tội địch. Tại các xã Minh Khai, Quang Trung, Lê Hiếu, Tây Hồ (Lệ Thủy), bộ đội cùng du kích đêm đêm bắc loa vào đồn tuyên truyền chính sách của Việt Minh.

Với tinh thần "Tất cả cho tiền tuyến", các đội vận tải nhỏ của thôn Lý Nhân Am, Lý Hoà (Bố Trạch), đội vận tải 139 Cảnh Dương (Quảng Trạch) đưa hàng gạo, lương thực, thực phẩm, vũ khí, quân trang, quân dụng cung cấp cho lực lượng vũ trang Quảng Bình, kịp thời đáp ứng cho chiến trường.

Các hoạt động chính trị - kinh tế - văn hoá - xã hội được đẩy mạnh. Các đơn vị bộ đội đóng quân ở đâu, nơi đó thành điểm sinh hoạt văn hoá, tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng cho nhân dân. Để bảo toàn lực lượng kháng chiến lâu dài, Tỉnh uỷ và Uỷ ban kháng chiến hành chính đã kịp thời di chuyển ra an toàn khu, thực hiện phương châm "Nửa kháng chiến, nửa kiến quốc", khẳng định "Mất đất chưa phải là mất nước, chúng ta chỉ sợ mất lòng tin của dân. Chúng ta phải dựa vào dân".

Nhằm đáp ứng nhu cầu đạn dược, sửa chữa vũ khí cho chiến trường, tỉnh chú trọng xây dựng cơ sở vũ khí Trần Táo. Xưởng có 60 người, một số anh em ước đó là công nhân rèn, tiện, đúc được tuyển ở "Đề pô" ga xe lửa Thuận Ý. Ban đầu chỉ có vài máy tiện, vài nồi đúc gang, thuốc được tháo từ bom của Nhật; tuy vậy, xưởng vũ khí mỗi tháng vẫn sản xuất được 1.300 quả lựu đạn

à 50 đầu bom. Những trái lựu đạn, những quả bom, mìn đã xuất xưởng đến ới các chiến sỹ mặt trận gây cho địch nỗi khiếp sợ kinh hoàng.

Sau 9 tháng kháng chiến (27 tháng 3 đến tháng 12 năm 1947), lực lượng vũ trang tỉnh Quảng Bình đã tiêu diệt và làm bị thương 1.235 tên lính Pháp. Ta làm chủ huyện Tuyên Hoá, phần đất phía bắc huyện Quảng Trạch. Tinh thần chiến đấu của quân và dân Quảng Bình được củng cố, lực lượng kháng chiến được bảo tồn. Từ trong phong trào kháng chiến xuất hiện nhiều địa phương liên hình như Cự Nẫm, Hoàn Lão, La Hà, Pháp Kê... Bước trưởng thành của lực lượng vũ trang là tiền đề cho Quảng Bình vững vàng , tự tin vượt qua những thử thách mới, tiếp tục đưa phong trào kháng chiến tiến tới.

Sau thất bại ở Việt Bắc, thực dân Pháp chuyển hướng chiến lược từ "đánh nhanh, thắng nhanh" sang đánh lâu dài; từ dùng quân sự là chủ yếu chuyển sang dùng chiến tranh tổng lực, kết hợp cả chính trị kinh tế, thực hiện chính sách " Lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt"

Ở Quảng Bình, đầu năm 1948, thực dân Pháp mở rộng vùng chiếm đóng, phá thế liên hoàn của ta; tiến hành càn quét vừa và nhỏ nhằm bao vây kinh tế, phá cơ sở chính trị, củng cố nguy quyền, ra sức bắt lính phát triển nguy quân. Để đối phó với âm mưu mới của địch, ta đã tăng cường sự chỉ đạo chiến trường Bình - Trị - Thiên.

Tháng 1 năm 1948, Hồ Chủ tịch ký sắc lệnh số 120/ SL thành lập Liên khu 4 (bao gồm cả phân khu Bình -Trị -Thiên), hợp nhất Ủy ban kháng chiến và Ủy ban hành chính các cấp thành Ủy ban kháng chiến hành chính^(A470:60-61)

Ngày 06 tháng 01 năm 1948, **Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Bình lần thứ nhất được tổ chức tại Đại Hoà (Tuyên Hoá)**. Đại hội đã đánh giá tình hình sau một năm kháng chiến và đề ra chủ trương: Phát động chiến tranh du kích, đẩy mạnh hoạt động vũ trang tuyên truyền ở vùng địch hậu, làm tốt công tác dân vận; xây dựng làng chiến đấu. Đại hội bầu vào Tỉnh uỷ 11 đồng chí, *đồng chí Nguyễn Văn Thanh (Nuôi) làm Bí thư.*

Tiếp đó, Ban cán sự Đảng được thành lập gồm đồng chí Võ Thuận Nho phụ trách Bí thư; đồng chí Đào Viết Doãn và Phạm Xuân Tuyuh phụ trách chỉ đạo hai huyện Quảng Ninh và Lệ Thủy.

Sau Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất, phong trào kháng chiến của các huyện có nhiều chuyển biến tích cực, thôn. Nhiều địa phương chủ động tiến công địch để phát huy ảnh hưởng của kháng chiến, lấy lại niềm tin với quần chúng; các đơn vị bộ đội, dân quân, du kích phân tán về cơ sở vũ trang tuyên truyền, đồng thời lợi dụng những chỗ yếu địch sơ hở để tập kích, phục kích.

Các vị trí của địch như: Ba Đồn, Minh Lễ (Quảng Trạch), Cự Nẫm, Khương Hà, Gia Hưng, Phú Kinh, Hà Lồi, Vạn Lộc, Võ Thuận (Bố Trạch), chợ Đổng, Liêm Thiện, Mỹ Thổ (Lệ Thủy) luôn bị lực lượng của ta tấn công bất ngờ. Ngày 07 tháng 01 năm 1948, lực lượng vũ trang đánh địch ở Bang Rợn. Ngày 01 tháng 3, chống càn ở Cự Nẫm tiêu diệt 47 tên, phá huỷ 4 xe quân sự, bắn cháy 1 ca nô. Cự Nẫm, làng chiến đấu kiểu mẫu trở thành mô chôn giặc Pháp, được Bộ chỉ huy Liên khu 4 phát động học tập trong toàn Liên khu.

Đến giữa năm 1948, trên địa bàn Quảng Bình đã có một lực lượng vũ trang mạnh với 3 tiểu đoàn chủ lực (Tiểu đoàn 400 thuộc Trung đoàn 103 Hà Tĩnh; Tiểu đoàn 346 thuộc Trung đoàn 57 Nghệ An; Tiểu đoàn 274 Quảng Bình^(A470:68)) và 6 đại đội du kích thường trực hoạt động khắp toàn tỉnh.

Sau khi Tiểu đoàn 346 vào Quảng Bình, theo chỉ thị của Bộ chỉ huy Liên khu, Ban chỉ huy thống nhất được thành lập. Đồng chí Tùng Lâm làm chỉ huy trưởng, đồng chí Văn Lễ chỉ huy phó, đồng chí Lê Bá Vận làm tham mưu trưởng.

Có lực lượng chi viện, bộ đội và dân quân, du kích liên tục tổ chức các trận đánh địa lôi, tiêu diệt, tiêu hao sinh lực địch ở Lệ Sơn (ngày 12 tháng 4); Cự Nẫm (ngày 13 tháng 4), Gia Tĩnh (ngày 16 tháng 4); Làng Giếng (ngày 17 tháng 4), trong đó có hai trận đột kích lớn vào đồn Liêm Thiện (Lệ Thủy) ngày 06 tháng 4 và Khương Hà (Bố Trạch) ngày 02 tháng 4. Hai đại đội thuộc Tiểu đoàn 274 phối hợp với 2 đại đội du kích thường trực Quảng Ninh và Lệ Thủy tổ chức nhiều trận đánh địch.

Tháng 5 năm 1948, ta chủ trương mở mặt trận Bắc Quảng Bình để khai thông mặt trận, mở đường cho bộ đội chủ lực và dân quân, du kích hoạt động; mặt khác, để giải phóng đường vận chuyển từ Bắc vào Nam. Tổ quân báo của tỉnh đã dẫn đường đưa các đồng chí Trần Văn Quang, Đồng Sỹ Nguyên và một số cán bộ tác chiến vào nghiên cứu thực địa ở vùng nam Quảng Trạch.

Lo sợ sự phát triển nhanh của bộ đội chủ lực, dân quân, du kích thường trực, thực dân Pháp tập trung quân cơ động, củng cố các vị trí Ba Đồn, Thanh Khê, Mỹ Trạch, tổ chức các cuộc càn quét lớn.

Chúng điều động 2 tiểu đoàn bộ binh cơ động, 1 đại đội cơ giới từ Thái Phiên (Thừa Thiên) và Quảng Trị ra bắc Quảng Bình phối hợp với quân chiếm đóng tiến hành củng cố vị trí, sửa chữa đường quốc lộ số 1 từ Ba Đồn đi Roòn và đường tỉnh lộ từ Ba Đồn đi Tiên Lương. Đồng thời gấp rút làm thêm 3 sân bay dã chiến ở Ba Đồn, Thanh Khê và Mỹ Trạch Thượng; tăng cường thêm 250 quân, 1 đại bác 75ly, 2 pháo 37ly, 6 xe cơ giới cho vị trí Ba Đồn. Địch

cho máy bay ném bom ở Tuyên Hoá, tung gián điệp, biệt kích ra các vùng tự do để điều tra thăm dò lực lượng ta; cho quân càn quét, khủng bố Hà Lỗi, Động Bông (Bố Trạch), tập trung lực lượng cướp bóc ở 2 xã Lê Khiếu và Minh Khai (Lệ Thủy).

Ngày 06 tháng 5 năm 1948, thực dân Pháp huy động 300 tên chia làm hai mũi tấn công làng Cảnh Dương. Dân quân, du kích Cảnh Dương đã anh dũng quần nhau với địch suốt 1 ngày, diệt một tên quan hai Pháp và làm bị thương 2 tên, địch không chiếm được Cảnh Dương. Ngày 12 tháng 5, quân Pháp điều 1 tiểu đoàn có trọng pháo và ca nô yểm trợ, chia lực lượng làm 2 hướng: Một hướng theo đường bộ từ Ba Đồn ra; hướng thứ hai theo đường biển bằng ca nô tạo thành hai gọng kìm kẹp chặt Cảnh Dương. Với quyết tâm bảo vệ quê hương, quân và dân Cảnh Dương đã dũng cảm chiến đấu, diệt và làm bị thương 21 tên.

Quán triệt Nghị quyết Ban chấp hành Trung ương mở rộng (tháng 1 năm 1948), Đại hội đại biểu Đảng bộ Liên khu 4 (tháng 5 năm 1948) chủ trương: "Tất cả cho Bình - Trị - Thiên" và đề ra nhiệm vụ:

+ Đánh mạnh ở Bình Trị Thiên.

+ Thúc đẩy phong trào kháng chiến và đề phòng địch đánh Thanh - Nghệ Tĩnh.

+ Mở rộng mặt trận Trung Lào.

Thi hành chủ trương đánh mạnh ở Bình - Trị - Thiên, Liên khu uỷ và Bộ chỉ huy Liên khu quyết định mở mặt trận Bắc Quảng Bình làm hướng chính nhằm đánh bại kế hoạch phá mùa tháng 5 của địch; phá tan âm mưu của địch chiếm Bắc Quảng Bình làm bàn đạp tấn công Hà Tĩnh.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Liên khu và chủ trương của Bộ chỉ huy, lực lượng vũ trang ở Quảng Trạch đã tích cực hoạt động. Đợt đầu ra quân, Tiểu đoàn 346 thuộc Trung đoàn 57 (Nghệ An) đã giành thắng lợi ở Minh Lễ, Tiên Lệ, Khương Hà, Thụ Lộc, phá âm mưu địch dùng Bắc Quảng Bình làm bàn đạp tấn công ra Hà Tĩnh. Tiểu đoàn 400 thuộc Trung đoàn 103 (Hà Tĩnh) phối hợp với Đại đội 5 du kích thường trực huyện Quảng Trạch tập kích vị trí Ba Đồn. Ở Tuyên Hoá, 2 đại đội của Tiểu đoàn 274 tập trung huấn luyện và thường xuyên tăng cường lực lượng hoạt động ở vùng giáp ranh giữa Tuyên Hoá, Quảng Trạch.

Hướng về ngày 19 tháng 5 lập công dâng Bác, Đại đội 5 (Quảng Trạch) công vị trí Minh Lễ, Lệ Sơn; Đại đội 4 (Bố Trạch) phục kích đánh địch ở Hương Hà, Gia Hưng, Phú Ninh, Hà Lồi, Vạn Lộc, Võ Thuận; Đại đội 1 (Lệ Thủy) tập kích địch ở Liêm Thiện, Mỹ Trạch, Đập Huyện.

Phối hợp với du kích các xã, các trung đội của Đại đội 1 Lệ Thủy luôn đi vào vùng tạm chiếm, phân ra từng tổ 3 người về từng làng, xã cùng cán bộ, du kích địa phương tổ chức huấn luyện dân quân, canh phòng bảo vệ thôn xóm, hướng dẫn quần chúng chống địch bắt phu, bắt lính. Do có chủ trương phối hợp nên các tổ "ba ba" đã đứng chân hoạt động ở hầu hết các làng mà địch đây địa bàn kiểm soát của địch như An Xá, Thạch Bàn, Phú Thọ, Lộc Hà, Mỹ Lộc, Xuân Hồi, Cổ Liễu, Liêm Thiện, Xuân Lai, Mai Xá Hạ, Quy Thủy, Phú Việt, Trung Lục, Mỹ Thổ, Phan Xá.

Các huyện Quảng Ninh, Bố Trạch, Quảng Trạch đưa "Đại đội độc lập" đi về cơ sở tuyên truyền, giúp nhân dân cày cấy, gặt hái, hướng dẫn nhân dân nhai giã, tránh giã, cất dấu tài sản, đào hầm, lập làng chiến đấu. Các tổ, đội dân quân, du kích được tổ chức, củng cố, cùng bộ đội luyện tập kỹ thuật, chiến thuật.

Các đại đội thuộc Trung đoàn 103 (Hà Tĩnh) cũng được đưa về các địa phương tổ chức phối hợp chiến đấu. Cụ thể: Đại đội 89 ở Quảng Trạch, Đại đội 90 ở Bố Trạch, Đại đội 137 ở Tuyên Hoá, Đại đội 36 (Tiểu đoàn 274) ở Lệ Thủy... Tiểu đoàn 400 làm lực lượng cơ động trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Để chống phá các hoạt động của ta, củng cố các vị trí, thực dân Pháp rút quân ở Quảng Ninh, Lệ Thủy tăng cường ra vùng Bắc Quảng Bình. Ở các vị trí quan trọng, địch tăng quân gấp 2, 3 lần so với đầu năm 1948. Đồng Hới 100; Hoàn Lão 121 tên (trước chỉ có 40 tên); Thanh Khê 109 tên (trước có 50 tên); Ba Đồn 112 (trước có từ 50 - 70 tên). Đồng thời địch rút bớt các vị trí nhỏ, lẻ như Minh Lễ, Phù Kinh, đóng lại vị trí Cao La (Bố Trạch), dời vị trí hương Hà lên Cổ Giang (Bố Trạch). Ở thị xã Đồng Hới, chúng xây pháo đài, đào hào giao thông từ cầu Dài vào nội thành và tuần tiễu suốt ngày đêm.

Ngày 10 tháng 7, địch gom quân ở vị trí Hoàn Lão tăng cường cho Thanh Khê. Ngày 11 tháng 7, chúng chở 200 quân từ Đồng Hới ra Thanh Khê, tập kết quân ở Ba Đồn. Bốn chiếc máy bay khu trục và hai chiếc máy bay Đa - cô ta cùng 100 lính dù có mặt tại sân bay Đồng Hới để chuẩn bị hành quân. Qua theo dõi, quân báo tình nắm được thời gian và lực lượng địch tổ chức tấn công vào vùng Roòn và **làng chiến đấu Cảnh Dương**. Địch biết đây là nơi tập kết hàng hoá, vũ khí từ Thanh - Nghệ - Tĩnh vào và cũng từ đó vũ khí,

ng thực... được chuyển vào Nam Quảng Bình và mặt trận Bình Trị
liên.

Để nhổ cái gai đang cắm vào mắt, hòng lập bàn đạp thọc sâu lên Tuyên
cá và chốt chặn, kiểm soát tuyến vận chuyển bằng đường biển của ta, địch
nhiều lần càn quét hòng đánh chiếm Roòn, Cảnh Dương. Chỉ riêng trong
áng 5 năm 1948, địch đã liên tiếp mở hai trận càn quy mô lớn vào Cảnh
ương, nhưng đều bị quân và dân Cảnh Dương đánh bại. Vì vậy, đợt tập
ng quân lần này của địch là nhằm thực hiện mục đích xoá sổ làng chiến đấu
ảnh Dương.

Để chuẩn bị lực lượng đánh trả quân thù, Ban chỉ huy thôn, đội tập trung
i kích kiểm tra quân số và bố trí kế hoạch tác chiến. Lúc này lực lượng du
ích Cảnh Dương phát triển khá mạnh. Lực lượng chiến đấu (gọi là du kích
ặc dân quân loại 1) tổ chức thành 3 đại đội gồm 321 chiến sỹ. Lực lượng
ục vụ chiến đấu: Liên lạc, trinh sát, quân khí, cứu thương, tiếp tế... quân số
ên 400 người. Tại đây còn có hàng trăm dân quân (dân quân loại hai) trực
ếp chiến đấu tại các ngõ ngách trong làng, ngay tại nhà mình khi địch tấn
ng vào.

Sau khi tập hợp quân từ Bó Trạch ra Ba Đồn, 5 giờ sáng ngày 12 tháng 7
ăm 1948, địch bắt đầu tấn công ra vùng Roòn bằng 3 cánh quân với lực
ượng trên 1000 tên gồm thuỷ, lục, không quân. Cánh thứ nhất có 650 quân,
5 xe ô tô, 4 xe Jeep, 2 xe thiết giáp, 8 khẩu pháo xuất phát từ Ba Đồn tiến
eo quốc lộ 1 A đánh vào Nam khu vực Roòn (Mũi Vích, Quảng Châu, Tùng
ý) nơi chúng nghi là có cơ quan lãnh đạo huyện Quảng Trạch đóng. Ngay từ
ầu địch đã vấp phải sự kháng cự quyết liệt của ta.

Cánh thứ 2, địch dùng 12 máy bay chở 250 lính dù đổ quân xuống Tây -
ắc khu vực Roòn, chia làm 2 mũi đánh vào Kim Long, Phú Lộc, sau đó tiến
uống Bắc Hà, Nam Lãnh đóng trại đối diện với Cảnh Dương qua sông Roòn.

Cánh thứ ba địch sử dụng 3 tàu chiến, 5 ca nô tiến công bằng hoả lực, rồi
lở bộ lên Cảnh Dương bằng đường biển.

Ngày 12 tháng 7, sau khi máy bay và pháo địch từ tàu biển cấp tập bắn
phá, bộ binh cánh 1 từ đường quốc lộ tiến vào Cảnh Dương. Du kích Cảnh
Dương chặn đánh địch quyết liệt. Mãi đến 16 giờ ngày 12 tháng 7, bọn địch
mới tiến được vào làng theo đường từ bờ sông. Đại đội 3 du kích đánh bom
giết 11 tên Pháp. Cả cánh quân địch hốt hoảng rút lên đường 1 không dám tiến
vào làng nữa. Đến 19 giờ, nắm quy luật tiến công của địch "Ngày tiến đêm
nghỉ", Ban chỉ huy thôn đội lệnh tập trung toàn đơn vị để thông báo tình hình
địch và làm lễ tuyên thệ " Quyết tử giữ làng"

Sáng ngày 13 tháng 7, phát hiện bốn lính dù đang tập hợp ở bờ Bắc, Đại đội 3 du kích Cảnh Dương từ bờ Nam chủ động nã súng vào đội hình địch. Địch tức tối cho máy bay, tàu chiến ném bom, nã pháo vào làng để trả thù.

Đến 19 giờ ngày 13 tháng 7, quân địch rút lui. Hơn 1 ngày đêm chiến đấu, tuy lực lượng không cân sức, nhưng dựa vào địa hình, địa vật, quân và dân Cảnh Dương đã diệt 11 tên Pháp, trong đó có 1 tên quan ba, kẻ địch không chiếm được làng, không thực hiện được mục đích phá hoại nơi tập kết lương thực, vũ khí từ hậu phương chuyển vào chiến trường.

Cùng với hoạt động của bộ đội địa phương và dân quân, du kích Quảng Trạch, phong trào chiến tranh du kích ở Bố Trạch cũng phát triển mạnh. Quân đánh mạnh ở Núi Voi (Sơn Trạch) tiêu diệt một số tên. Cuối tháng 7, Tiểu đoàn 400 và 346 tiến công căn cứ Sen Bằng - một vị trí nằm án ngữ trên trục đường chiến lược từ vùng địch kiểm soát ra chiến khu. Sau hơn 1 giờ chiến đấu, bộ đội ta làm chủ đồn, thu nhiều vũ khí và quân trang quân dụng, giải tỏa đường vận chuyển từ hậu phương ra tiền tuyến.

Ngày 20 tháng 7 năm 1948, tổ du kích Bắc Trạch (3 đồng chí Hồ Bá Iễn, tức Dĩ; Phan Cương và Cao Viết Trường - trình sát d274) dùng mẹo du kích quật ngã 3 tên nguy hiểm, cướp được 3 súng Ga-răng ở Giếng Hoóc và rút lui an toàn⁽¹⁾.

Ngày 10 tháng 8 năm 1948, Đại tướng Võ Nguyên Giáp gửi mật lệnh thu động đề ra nguyên tắc tác chiến ở Bình - Trị - Thiên là:

- Tập trung lực lượng tiêu diệt địch ngay khi chúng mới đến.
- Phát triển chiến tranh du kích rộng rãi.

Thực hiện chủ trương " Đại đội độc lập" và Chỉ thị " Tổng phá tề", lực lượng vũ trang mở đầu thu đông năm 1948 bằng trận phục kích địch ở Tiên Lương (Quảng Trạch).

Sau 1 năm đánh chiếm Quảng Bình, bằng các cuộc hành quân càn quét âm mưu, tàn khốc, địch cơ bản kiểm soát hầu hết địa bàn Nam Quảng Bình. Với âm mưu mở rộng vùng chiếm đóng làm bàn đạp tiến công Hà Tĩnh, cầu nối giữa hậu phương chiến lược Thanh - Nghệ - Tĩnh với chiến trường Bình - Trị - Thiên, địch mở những cuộc hành quân càn quét lớn ở Bắc Quảng Bình. Nhằm đánh bại âm mưu của địch, Liên khu uỷ và Bộ chỉ huy Liên khu quyết định: Mở đợt tác chiến lớn ở Bình Trị Thiên, lấy mặt trận Bắc Quảng Bình làm hướng chính. Ngày 10 tháng 8 năm 1948, địch sử dụng 1 trung đội nguy hiểm, tiểu đội Âu Phi, 7 xe cơ giới do 1 thiếu tá chỉ huy tiến vào Tiên Lương. Nhằm ý đồ của chúng, Tiểu đoàn 274 quyết định sử dụng Đại đội 2, có sự phối

phần chiến đấu của Đại đội 5 bộ đội địa phương Quảng Trạch và 2 tiểu đội của tiểu đoàn 400 (Trung đoàn 103 Hà Tĩnh) phục kích đánh địch.

9 giờ sáng ngày 10 tháng 8, quân Pháp đi trên 6 xe Jeep từ Ba Đồn lên Tiên Lương. Sau khi kinh lý xong đoàn xe trở về. Chiếc xe Jeep đi đầu gặp bãi địa lôi bị hỏng, cả đoàn xe ùn lại và lọt vào trận địa mai phục của ta. Các chiến sỹ ta từ trên đồi cao, từ các lùm cây, mô đất bắn xối xả vào đội hình xe và àoạt xung phong. Sau 1 giờ chiến đấu, ta tiêu diệt 14 tên Pháp và 3 tên cầm đầu nguy quyền địa phương (có Phó tỉnh trưởng Đặng Toàn, Phường trưởng Quảng Trạch Tôn Thất Cảnh, Tỉnh trưởng Nguyễn Hữu Nhơn bị thương nặng sau vào bệnh viện thì chết), bắt nhiều tù binh, có 1 trung sỹ Pháp (Coret xpen), phá huỷ 6 xe, thu 1 máy vô tuyến điện.

Đây là trận đánh đầu tiên ta diệt gọn bọn đầu sỏ nguy quyền cấp tỉnh, bắt được tù binh Pháp. Thắng lợi của trận đánh đã gây tâm lý dao động đối với hệ thống nguy quân, nguy quyền các cấp trong tỉnh. Nhân dân phấn khởi, tin tưởng vào khả năng thắng lợi của kháng chiến. Đặc biệt, thắng lợi Tiên Lương đã góp phần chặn đứng âm mưu của địch chiếm Bắc Quảng Bình làm bàn đạp tấn công Hà Tĩnh và các tỉnh phía Bắc Liên khu 4.

Đại đội 1 bộ đội địa phương là lực lượng vũ trang chủ yếu của huyện Lệ Thủy. Cán bộ, chiến sỹ trong đơn vị được rèn luyện, thử thách từ những ngày đầu kháng chiến. Đơn vị có truyền thống bám dân, gây dựng và giúp đỡ các đơn vị du kích làm nòng cốt cho phong trào toàn dân đánh giặc. Đặc biệt, đơn vị có nhiều kinh nghiệm hoạt động vũ trang tuyên truyền ở vùng địch hậu. Là con em của nhân dân địa phương, nên đi đến đâu, đơn vị cũng được nhân dân, cấp uỷ, chính quyền hết lòng ủng hộ, giúp đỡ nhiều mặt.

Ngày 05 tháng 11 năm 1948, được nhân dân Sào Nam che dấu, giúp đỡ, Đại đội 1 đã tiêu diệt gọn vị trí An Định (các Chợ Chè 6km về phía nam sát đường quốc lộ 1A), bắt gọn 29 tên Hương vệ, thu 21 khẩu súng. Riêng tên Chánh tổng Đông khét tiếng gian ác bị xử tử tại chỗ. Tiếp đó, đơn vị tổ chức rải trang tập kích vào Chợ Chè. Lực lượng gồm 1 tiểu đội (7 đồng chí) Sát, Sự Niêm, Phước, Kiềm, đồng chí Nhiệm, đồng chí Thanh (du kích) hỗ trợ, có sự phối hợp, giúp đỡ của Chi uỷ xã và du kích. Đơn vị đã vận dụng chiến thuật vận động bằng phương pháp cải trang, táo bạo tập kích bất ngờ vào bọn nguy binh giữa ban ngày ở Chợ Chè (thuộc xã Sào Nam, nay là xã Hồng Thủy, huyện Lệ Thủy, nằm sâu trong vùng địch hậu, vào sáng ngày 21 tháng 01 năm 1949. Sau 15 phút cận chiến không tốn 1 viên đạn, ta đã hoàn toàn làm chủ trận đánh, bắt sống 5 tên địch, thu vũ khí, tuyên truyền nhanh trước dân và rút lui an toàn. Trận tập kích Chợ Chè đạt hiệu suất chiến đấu cao và có ý nghĩa

hình trị to lớn, có tác dụng gây thanh thế cho quân ta, nhân dân rất phấn hởi.

Sau trận Chợ Chè, địch rút quân ở các đồn Vạn Xuân (Quảng Ninh), quân Hoà (Lệ Thủy) về đối phó với vùng địch hậu. Ta có điều kiện mở rộng địa bàn chiến khu, phát triển tăng gia sản xuất, dự trữ hậu cần. Bộ đội địa phương và du kích tập trung rèn tay luyện tập và cơ động chiến đấu. Bọn tề guy tay sai khiếp sợ co lại, không dám lòng sục, o ép dân như trước.

Ngày 04 tháng 02 năm 1949, Liên khu uỷ và Bộ chỉ huy Liên khu 4 tổ chức Hội nghị quân chính. Hội nghị quyết định tăng cường sức chiến đấu của bộ đội. Mở rộng chiến tranh du kích, tăng cường huấn luyện, tăng gia sản xuất vũ c cụ cung tự cấp. Phát động cuộc vận động: Luyện quân lập công trong các cơ c lượng vũ trang làm cơ sở để xây dựng bộ đội chủ lực, đẩy mạnh tác chiến p trung và vận động chiến, nâng cao trình độ dân quân tập trung ở huyện, thị và du kích cơ sở bảo vệ địa phương, thực hiện chủ trương tập trung các đội độc lập.

Để tập trung sự lãnh đạo, tạo nên sức mạnh liên kết đẩy phong trào chiến tranh du kích lên một bước mới, ngày 20 tháng 02 năm 1949, Bộ chỉ huy Liên khu quyết định thống nhất lại chiến trường Quảng Bình. Ngày 18 tháng 4 năm 1949, Bộ Tư lệnh Liên khu 4^(A470:80) quyết định thành lập Trung đoàn 18. Lễ thành lập Trung đoàn 18 được tổ chức trọng thể tại Còi, xã Đồng Hoá, huyện Tuyên Hoá. Trung đoàn 18 được thành lập gồm 2 tiểu đoàn, 3 đại đội độc lập, đại đội trinh sát, 1 đại đội liên pháo và 2 trung đội công binh. Cùng với việc thống nhất chiến trường Quảng Bình và thành lập Trung đoàn 18, Liên khu uỷ Bộ Tư lệnh Liên khu đã tạo điều kiện rất cơ bản để quân và dân Quảng Bình đẩy mạnh phong trào chiến tranh nhân dân ở địa phương. Đồng thời đây cũng là bước phát triển mới về cả số lượng, chất lượng, tạo quả dấm mạnh của vũ lực để giải quyết phong trào kháng chiến đang ở giai đoạn giằng co quyết t, tạo thế cho phong trào du kích chiến tranh ở vùng sau lưng địch phát triển.

Cùng thời gian này, Quảng Bình mở 15 lớp huấn luyện cho 2686 đội viên dân quân, du kích. Chương trình huấn luyện bao gồm các môn: Cá nhân c lập tác chiến, tiểu đội đánh du kích, nhiệm vụ của dân quân, chiến tranh nhân dân, cách sử dụng vũ khí bom, mìn, lựu đạn.

Riêng huyện Tuyên Hoá đã tổ chức được 8 khoá huấn luyện cho 900 viên theo chương trình quy định.

Để đẩy mạnh phong trào phát triển rộng khắp trong toàn tỉnh, ngày 19 tháng 5 năm 1949, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Bình lần thứ 2 được triệu tập tại Kim Bảng (huyện Minh Hoá ngày nay). Đại hội đánh giá lại phong trào từ Đại hội I đến nay và đề ra khẩu hiệu "Miền Nam mạnh là Quảng Bình mạnh", chuyển hướng lãnh đạo, chỉ đạo vào hai huyện phía nam; Rời chiến khu, thực hiện hạ sơn, bám dân, bám làng hoạt động" Đại hội quyết định phát động cao trào kháng chiến mang tên "Quảng Bình quật khởi"⁽¹⁾.

Tại các huyện Lệ Thuỷ, Quảng Ninh, Bố Trạch, Quảng Trạch đều tổ chức quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ 2. Ở Lệ Thuỷ, Huyện uỷ và Ủy ban kháng chiến hành chính huyện nhanh chóng triển khai cho các chi bộ, Đảng bộ cơ sở biết mục đích, yêu cầu của tỉnh về "Tuần lễ tích cực chuẩn bị tổng phản công" Mọi công tác chuẩn bị gấp rút triển khai tận cơ sở. Khí thế của quân và dân trong huyện đã có bước chuyển biến mạnh mẽ. Ở Quảng Ninh, Huyện uỷ triệu tập Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ 3 để quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ 2. Đại hội đã phổ biến nhiệm vụ, chủ trương chỉ đạo của Tỉnh uỷ; Huyện uỷ, Huyện đội có kế hoạch chu đáo để khi có lệnh phát động cao trào "Quật khởi" là có thể tổ chức hưởng ứng được ngay trên địa bàn Quảng Ninh. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Huyện uỷ, Huyện đội các huyện Bố Trạch, Quảng Trạch, Tuyên Hoá chuẩn bị kế hoạch phối hợp với hai huyện phía nam đánh mạnh trong tuần lễ "Quảng Bình quật khởi" Đối với khu vực ở nội thị thị xã Đồng Hới, Thị uỷ chỉ đạo lực lượng vũ trang tiến hành công tác tuyên truyền cho nhân dân hiểu rõ đường lối cách mạng, xây dựng lòng tin kháng chiến nhất định thắng lợi. Lực lượng dân quân du kích các xã ngoại ô sẵn sàng đợi hiệu lệnh tấn công.

Lực lượng vũ trang cả tỉnh tập trung chuẩn bị cho một chiến dịch lớn. Ngoài lực lượng vũ trang địa phương ở các huyện, còn có Tiểu đoàn 274 và Trung đoàn 18 về hoạt động phân tán tại các địa phương. Nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong cao trào "Quảng Bình quật khởi", Thường Tỉnh uỷ phân công đồng chí Đồng Sỹ Nguyên và đồng chí Thao (Tỉnh uỷ viên) trực tiếp cùng hai đồng chí Bí thư Huyện uỷ Lệ Thuỷ và Quảng Ninh chỉ đạo, phát động phong trào.

Trải qua hơn 2 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, LLVT Quảng Bình đã vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, hy sinh, kiên cường chiến đấu bảo vệ quê hương. Qua thực tiễn chiến tranh, lực lượng vũ trang 3 thứ quân được rèn luyện, phát triển, tạo được thế có lợi đưa phong trào kháng chiến phát triển hơn, vững chắc hơn trong giai đoạn tiếp theo.

3. DẨY MẠNH CHIẾN TRANH DU KÍCH, CHỐNG PHÁ ÂM MƯU BÌNH ĐỊNH CỦA ĐỊCH, GIÀNH VÀ GIỮ THẾ CHỦ ĐỘNG CHIẾN TRƯỜNG (1949-1954)

3.1. Phát động cao trào “Quảng Bình quật khởi”

Giữa năm 1949, trước tình hình cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam đang trên đà phát triển mạnh mẽ, thực dân Pháp buộc phải có kế hoạch mới để cứu vãn tình thế.

Từ tháng 6 năm 1949, Bộ chỉ huy Pháp khẩn trương triển khai kế hoạch sơ - ve, nội dung cơ bản là:

+ Nhanh chóng phát triển nguy quân làm nhiệm vụ chiếm đóng.

+ Tập trung quân Âu - phi xây dựng lực lượng cơ động tiến hành càn quét, đánh phá phong trào chiến tranh du kích và mở các cuộc tiến công nhằm tiêu diệt chủ lực ta, cải biến tình hình có lợi cho Pháp.

Trên chiến trường Bình - Trị - Thiên, địch tăng cường đánh phá ta về mọi mặt, đặc biệt tìm cách thu hẹp phạm vi vùng tự do, vùng chiến khu.

Giữa năm 1949, lực lượng của địch có khoảng 4000 tên, đóng ở 45 vị trí. Cụ thể: Khu vực sông Gianh (kể cả nam và bắc sông Gianh) có 10 vị trí chính, vị trí hương vệ; khu vực Bố Trạch có 8 vị trí; khu vực Quảng Ninh có 7 vị trí; khu vực Lệ Thủy có 9 vị trí chính và 2 đồn hương vệ; thị xã Đồng Hới có 4 vị trí. Phía tây Quảng Bình, địch đóng 2 vị trí lẻ ở biên giới Việt - Lào.

Ngoài hệ thống đồn bốt kể trên, thực dân Pháp còn lập hành lang chốt ữ dọc theo đường tỉnh lộ số 4 ra tới tỉnh lộ số 2, từ Thượng Lâm (Lệ Thủy) đến Sen Bàng, Troóc kéo ra đến Tiên Lệ - Quảng Trạch. Với một loạt đồn bốt dày đặc nối tiếp nhau, địch định bịt chặn các cửa ngõ thông với chiến khu và cắt đứt các tuyến đường giao thông vận tải của ta ở hướng tây. Giặc Pháp tăng cường vây ráp, cướp bóc, gây tội ác với đồng bào ta.

Thực hiện chủ trương chuyển hướng địa bàn và phương thức hoạt động của Tỉnh uỷ đề ra từ Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ 2, lực lượng vũ trang tỉnh đẩy mạnh hoạt động vũ trang tuyên truyền xây dựng cơ sở kháng chiến, vừa làm hậu thuẫn cho nhân dân đấu tranh với địch, vừa tiêu diệt, tiêu hao sinh lực địch.

Cuối tháng 6 năm 1949, nhận thấy sơ hở của địch là chủ quan dựa vào hệ hống đồn bốt dày đặc ở Quảng Ninh và Lệ Thủy, Tỉnh uỷ Quảng Bình họp nhất thường quyết định phát động tuần lễ "Tích cực cầm cự chuẩn bị tổng phản công" và lấy ngày 15 tháng 7 năm 1949 làm ngày "Quảng Bình quật khởi" Hướng hoạt động chủ yếu là Quảng Ninh, Lệ Thủy, hai huyện phía nam Quảng Bình.

Mục tiêu và nội dung của Tuần lễ "Tích cực cầm cự, chuẩn bị tổng phản công" được xác định trên các mặt quân sự, chính trị và kinh tế, cụ thể là:

Tích cực phá nguy quyền.

Tích cực trừ gian.

Phát động quần chúng đấu tranh.

Tuyên truyền nhiệm vụ của giai đoạn mới.

Đẩy mạnh chiến tranh du kích trong toàn tỉnh.

Bộ đội chính quy đánh một trận tiêu diệt chiến kiểu mẫu.

Tích cực bãi thị, bao vây kinh tế địch.

Yêu cầu của đợt phát động là phải khuấy động nhân dân vùng dậy đấu tranh mạnh mẽ bằng mọi hình thức nhằm áp đảo tinh thần binh lính địch và tiêu hao một phần sinh lực của chúng.

Về lực lượng: Lực lượng vũ trang địa phương và đông đảo quần chúng của hai huyện Quảng Ninh và Lệ Thủy. Tiểu đoàn 274 của Trung đoàn 18 đã được điều về phân tán hoạt động trên địa bàn nam Quảng Bình.

4 giờ ngày 15 tháng 7 năm 1949, Đại đội 2 Tiểu đoàn 274 cùng du kích xã Quảng Ninh (có nội ứng phối hợp) tiến công đồn Mỹ Trung, mở màn cho đợt phát động. Sau đó lực lượng ta rút về Quảng Xá (Tân Ninh). Ngày 16 tháng 7, xảy ra trận chiến đấu quyết liệt giữa bộ đội Tiểu đoàn 274, Đại đội 2 du kích thường trực Quảng Ninh với quân địch; lực lượng vũ trang của ta chẳng những bẻ gãy cuộc tiến công của địch, gây cho chúng thiệt hại mà còn truy quét chúng về đồn Xuân Dục (Trận ngày 16 tháng 7 năm 1949 tại Quảng Xá, đồng chí Nguyễn Hoà, Trung đoàn phó trung đoàn 18 và đồng chí Lê Văn Tri, Tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 4 trực tiếp chỉ huy. Sau trận đánh ở Quảng Xá, Thiếu tướng Nguyễn Sơn, Tư lệnh Liên khu 4 đã điện khen).

Cũng trong đêm 15 rạng ngày 16 tháng 7, đồng bào Quảng Ninh, Lệ Thủy cùng lực lượng vũ trang đồng loạt nổi dậy tấn công địch. Toàn bộ tháp

anh của hương vệ, tổng vệ ở huyện Quảng Ninh bị quân và dân ta thiêu cháy. Đường dây liên lạc ở Lệ Thủy và Quảng Ninh đều bị cắt đứt. Dịch lâm vào thế Tiến thoái lưỡng nan", án binh bất động trong đồn bắn ra như vũ đạn.

Dự đoán địch sẽ đưa quân đi thăm dò, tiến hành càn quét phản kích ta, ban chỉ huy Huyện đội Quảng Ninh giao nhiệm vụ cho dân quân, du kích các địa phương tăng cường phối hợp với các đơn vị chủ lực để mở những trận đánh tiếp theo. Đồng chí Lưu Bá Xảo, Huyện đội trưởng Quảng Ninh trực tiếp giao nhiệm vụ cho du kích xã Xuân Ninh đánh một trận giòn giã để tạo đà cho phong trào chiến tranh du kích ở vùng giữa của huyện.

Đồn Xuân Dục nằm sát với làng Lộc Long, từ đây địch thường tung gián điệp về để dò la phát hiện các đường dây hoạt động bí mật của ta. Noi gương "làng chiến đấu Cự Nẫm", quân và dân Lộc Long đã chặt hàng ngàn cây tre và rào gỗ cắm dày đặc tạo thành hàng rào quanh làng. Hệ thống hàng rào được xây dựng khá kiên cố, gồm 3- 4 lớp cọc tre, cọc gỗ cao 3-4 mét. Trung đội du kích xã hằng hái tập luyện, trưởng thành nhanh chóng. Ngày 16 tháng 7 năm 1949, quen với quy luật hoạt động, đồn trưởng Xuân Dục chỉ huy một trung đội hành quân lên hướng Long Đại, Ga Xuân Dục, rồi chuyển hướng về Lộc Long hòng bao vây lực lượng của ta tập kết ở đó. Trưa ngày 16 tháng 7, trung đội địch về làng Lộc Long dừng ngay tại cổng làng có bóng cây đa che mát.

Khi quân địch thúc nhau tiến vào làng đã bị trúng bom của du kích, 5 tên bị thương nặng, trong đó có tên đồn trưởng đồn Xuân Dục bị gãy một cánh tay. Địch hốt hoảng rút lui về đồn.

Trận đánh bom Lộc Long tuy diệt địch chưa nhiều nhưng đã gây một tiếng vang lớn và có ảnh hưởng tốt đối với phong trào kháng chiến của huyện Quảng Ninh.

Ở hướng Gia Ninh, Võ Ninh và Duy Ninh, du kích phối hợp với Đại đội bộ đội chủ lực tỉnh đánh bom, mìn phá quốc lộ 1, gây nhiều trở ngại cho việc hành quân chi viện tiếp tế của địch.

Liên tiếp mấy ngày phát động, từ Hạ Cờ (Hưng Đạo) đến Gia Ninh, Võ Ninh, bộ đội và du kích đã đánh nhiều trận trên quốc lộ 1, làm cho địch khiếp sợ.

Ngày 17 tháng 7, bộ đội phục kích chặn dò địch trên sông Kiến Giang tại đoạn hai xã Quang Trung - Minh Khai, bắt 5 tên, thu 2 xe đạp.

Ngày 18 tháng 7, du kích Gia Ninh chỉ với một quả mìn gài sẵn đã kiên trì phục kích mấy ngày đêm đánh lật nhào một xe vận tải của địch, diệt gọn 1 ổ đi cùng.

Ở đồn Trần Xá (Quảng Ninh), du kích giạt bom diệt 4 tên địch.

Tại Bố Trạch, ngày 16 tháng 7, du kích thôn Quy Đức (Hải Trạch) đánh đắm ghe tuần tiễu của địch đang đỗ trước cửa đồn Lý Hoà.

Ngày 18 tháng 7, du kích Hoàn Lão giạt bom, diệt 11 tên địch, 2 tên bị thương; 21 giờ cùng ngày, các vị trí địch ở Bố Trạch đều bị du kích quấy rối.

Ngày 19 tháng 7, Đại đội 362 phối hợp với Đại đội 2 bộ đội chủ lực tỉnh tấn công mìn nhảy vào đồn Xuân Dục làm cho địch không kịp trở tay và chịu nhiều thương vong. Trong 4 ngày, từ 19 đến 22 tháng 7, lực lượng vũ trang Quảng Bình tiếp tục hoạt động mạnh khắp nơi. Tại Quy Đức, lực lượng vũ trang giạt quả bom tiêu diệt và làm bị thương nhiều tên, trong đó có tên quan ba đồn trưởng Lý Hoà. Cũng trên địa bàn Bố Trạch, bộ đội địa phương cùng đơn vị hủ lực phối hợp phục kích địch ở khe Nước tiêu diệt 3 tên Pháp, bắn bị thương 3 Việt binh đoàn, thu một số súng. Du kích xã Trung Trạch đánh bom cầu Hiểm trên tỉnh lộ 2, lính địch hốt hoảng bỏ chạy, quân ta thừa thắng xông lên phá huỷ cầu. Ngày 22 tháng 7, du kích Cự Nẫm đột nhập vào phóng mìn đốt cháy vị trí địch, toàn bộ vũ khí, quân trang, quân dụng và lương thực dự trữ trong đồn bị thiêu trụi.

Ở Quảng Trạch, dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng và sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang, quần chúng nổi dậy diệt ác, phá tề, phá hoại giao thông, cắt dây điện thoại, vũ trang tuyên truyền địch vận, mở nhiều cuộc tập kích vào đồn địch. Du kích liên tục chặn đánh địch tuần tra, quấy rối địch ở đồn Minh Lệ.

Song song với những hoạt động quân sự, các hình thức đấu tranh chính trị, địch vận..., cũng được đẩy mạnh và phối hợp nhịp nhàng. Từ Sen Hạ đến Đồn La, Lương Yến, đồng bào đã đồng loạt nổi dậy diệt ác phá tề, lợi dụng tề áp tay cho quần chúng đấu tranh. Quảng Ninh đã phá được 33/37 hội tề, bắt 150 tên tề đưa lên chiến khu giáo dục.

Tính đến cuối tháng 7 năm 1949, lực lượng vũ trang tỉnh đã đánh 120 đồn, diệt 40 tên Pháp, 128 Việt binh đoàn, bắn bị thương 120 tên khác (cả cấp và nguy), phá hỏng 22 xe, 34 cầu cống, cắt hơn 70.000 mét dây điện thoại; giải tán 225 hội tề.

Riêng bộ đội Trung đoàn 18 đã đánh 5 trận, diệt gần 50 tên (cả Pháp và ngụy), bắt 1 tù binh Pháp, 1 lính khố đỏ, thu 2 súng trường, 2 tiểu liên, 1 súng ngắn và một số quân trang, quân dụng.

Dưới sự chỉ đạo sáng suốt của Tỉnh uỷ, quân và dân Quảng Bình đã nổi dậy xoay chuyển được tình thế cách mạng của tỉnh nhà. Từ chỗ bị động, bị kẹp khùng bố, quân ta đã chuyển sang thế tấn công, vây hãm địch, đẩy chúng vào chỗ lúng túng, bị động; từ hậu phương của địch, Quảng Bình trở thành tiền phương của ta. Do vậy, tuần lễ phát động từ ngày 15 đến 22 tháng 7 năm 1949 được coi là một mốc lịch sử đánh dấu sự trưởng thành của lực lượng vũ trang Quảng Bình nói riêng và phong trào kháng chiến Quảng Bình nói chung.

Đánh giá thắng lợi to lớn này, Đại hội đại biểu Tỉnh Đảng bộ lần thứ 3 nêu rõ: Tuần lễ này là một mũi dùi đâm vào cái nhọt đã mưng mủ lâu ngày. Nó là điểm đột biến của phong trào. Tuần lễ này khác với "Tuần lễ tổng diệt tề" đầu năm 1949 ở chỗ nó tập trung được mọi lực lượng quân, dân, chính, Đảng, hống nhất được hành động toàn tỉnh, kết hợp được các mặt đấu tranh quân sự, chính trị, kinh tế. Vì vậy nó đủ sức để vực phong trào lên, làm cho quân địch hoảng hốt không biết chỗ nào mà chống đỡ, chuyển được thế yếu của ta thành thế mạnh, dồn địch từ thế mạnh sang thế yếu.

Tuy vậy, qua cao trào chúng ta cũng bộc lộ những nhược điểm. Khi có bộ đội bám trụ hoạt động mạnh thì không ít cán bộ, nhân dân chủ quan khinh địch, nổi dậy đấu tranh công khai; khi bộ đội rút, địch quay lại khùng bố thì tỉnh ra hoang mang dao động, thủ tiêu đấu tranh, khiến lực lượng bị tổn thất, phong trào tan vỡ.

Bộ đội và cán bộ chưa quán triệt đầy đủ đường lối trường kỳ kháng chiến, chưa nhận rõ tính chất giằng co, quyết liệt giữa ta và địch trong vùng lịch hậu và phương châm của ta ở địa bàn này. Do đó, bộ đội và du kích nặng về lập công giết giặc, coi nhẹ đấu tranh chính trị và xây dựng cơ sở, ít quan tâm đến củng cố, phát triển lực lượng. Vì vậy, lực lượng của ta còn thiếu bền vững, cơ sở kháng chiến trong địch hậu chưa thật vững chắc.

Thực hiện chủ trương "Hai mươi ngày đánh mạnh" của Tỉnh uỷ, lực lượng vũ trang đã tăng cường hoạt động quân sự, đánh địch ở khắp nơi. Ngày 12 tháng 8, bộ đội Vệ quốc đoàn chặn đánh địch ở Hoà Duyệt diệt 3 tên, 7 tên bị thương, thu 1 trung liên, một số đạn. Đồn phủ đầu ở Hoà Duyệt đã làm cho bọn lính xung quanh vị trí Hoàn Lão hoảng sợ, không dám ngang nhiên can thiệp, cướp phá mùa màng của nhân dân. Cùng ngày, Đại đội 2 và Đại đội 56 phục kích ở Lệ Kỳ (Vĩnh Ninh) diệt tại chỗ 1 đồn trưởng, 1 đội, 1 cai, 1 lính

Âu Phi, bắt sống 10 tên; ta thu 21 súng trường, 2 băng đạn và một số quân trang, quân dụng^(B16:23-27). Chiến thắng Lệ Kỳ đã gây tiếng vang lớn trong lực lượng vũ trang, củng cố niềm tin của nhân dân vào thắng lợi. Bị thất bại nặng ở Lệ Kỳ, binh lính địch ở Quảng Ninh và thị xã Đồng Hới ngày càng hoang mang.

Ngày 11 tháng 8, Đại đội 1 đánh độn thổ ở Mỹ Thổ, bắt 1 lính Pháp, 4 khoả đồ, thu 4 súng. Ngày 12 tháng 8, Đại đội 56 lại phục kích địch ở Hoà Duyệt diệt 6 tên, thu 4 súng. Tiếp đó, quân và dân Bố Trạch liên tiếp tấn công địch ở Hà Lồi, Khe Ngang và một số vị trí trên tỉnh lộ 2. Các trung đội du kích đã tổ chức nhiều tổ quấy rối, uy hiếp các vị trí như Cổ Giang, Troóc, Thanh Khê..., khiến binh lính trong đồn luôn sống trong tâm trạng nơm nớp lo âu. Cuối tháng 8, tại thôn Võ Thuận, du kích Tây Trạch và bộ đội tiến công vào 15 tên lính Việt binh đoàn đi lũng, bắt sống 13 tên, thu nhiều khẩu súng. Tại chợ Cao La Hạ, du kích dùng rựa giết chết một tên Pháp giữa lúc chợ đang đông.

Ở Quảng Ninh, Đại đội 56 phục kích ở Cổ Hiền, thừa thắng truy kích địch gần 2ki lô mét, diệt một số tên trước khi chúng cõng nhau chạy về đồn. Ngày 24 tháng 8, Đại đội Quảng Ninh phối hợp với Tiểu đoàn 274 đánh địch trên sông Hữu Niên (Quảng Ninh) diệt gọn 8 tên (trong đó có 1 quan ba, 5 /việt binh đoàn).

Cùng ngày, trên sông Kiến Giang, Đại đội 1 (Lệ Thuỷ), bộ đội Vệ quốc đoàn và du kích địa phương phục kích đánh đoàn thuyền địch đi kiểm tra vùng Lệ Thuỷ do tên Trung tá Ni - ốc chỉ huy quân Pháp ở Quảng Bình dẫn đầu. Bộ lợi và du kích mai phục ở hai bờ sông Kiến Giang, đoạn đối diện 2 xã Quang Trung và Minh Khai rộng khoảng 40 mét. Lực lượng của ta hợp đồng tác chiến rất cụ thể và được cung cấp tình hình địch do du kích 2 xã đảm nhiệm theo đường dây riêng. Khi địch tiến đến An Lạc thì bộ đội sẵn sàng chờ lệnh. Đợi cho ca nô địch lọt vào trận địa, quân ta mới đồng loạt nổ súng. Bị tấn công bất ngờ, địch không kịp đối phó, chúng hốt hoảng chống đỡ và vội vã quay đi. Ta tiêu diệt một tên quan ba, tên Trung tá Ni - ốc bị thương nặng. Chuyển đi thị sát địa bàn Lệ Thuỷ của địch không những không thành mà còn phải trả giá đắt.

Ngày 27 tháng 8, lực lượng vũ trang chặn đánh chiếm 5 thuyền địch ở hước Duệ, diệt và làm bị thương 22 tên, gây cho địch nhiều thiệt hại nặng về tinh thần, thực phẩm và quân dụng. Thế là chỉ trong một thời gian ngắn, trên địa bàn Quảng Ninh, Lệ Thuỷ, Bố Trạch ..., địch đã liên tiếp bị lực lượng của ta tấn công. Thất bại đó đã làm tinh thần binh lính địch sa sút. Riêng trong

hàng 8 đã có 2 lính Pháp, 1 lính da đen, 9 lính khố đỏ mang súng chạy sang làng ngũ cách mạng.

Cùng thời gian này, lực lượng vũ trang phía bắc tỉnh cùng nhân dân tích cực phá hoại giao thông, cắt dây điện thoại, đẩy mạnh hoạt động vũ trang kết hợp tuyên truyền và địch vận. Bộ đội đã phối hợp với cán bộ cơ sở vào rải truyền đơn và gài bom tự tạo ở ngay cột cờ của địch. Du kích Tiên Lệ và Thọ Linh (Quảng Trạch) bí mật đốt hàng rào địch ở ngay vị trí đóng quân. Kết quả trong đợt hoạt động " Hai mươi ngày đánh mạnh" , quân và dân các huyện bắc Quảng Bình không những tiêu hao , tiêu diệt được địch mà còn vượt qua thử thách tình hình khó khăn trước đây, đưa phong trào chiến tranh du kích ngày càng phát triển

Trước sự lớn mạnh nhanh chóng của phong trào kháng chiến ở Quảng Bình, nhất là hai huyện Quảng Ninh và Lệ Thủy, địch đã tìm cách đối phó. Chúng cho rút bớt các vị trí ở phía tây như đồn Mỹ Đức (Lệ Thủy), Trần Xá, Xuân Dục (Quảng Ninh) và Bầu Bắc(thị xã Đồng Hới) để tập trung lực lượng để đóng giữ vùng đồng bằng và thị xã.

Ngày 30 tháng 8, Ni Ốc ra lệnh: " Vì tình thế hiện tại, về phía nam Đồng Hới , Quảng Ninh và Lệ Thủy nay cấm ngặt thuyền bè không được lưu động trên mặt biển giáp hai huyện nói trên. Vòng cấm thuyền bè chạy dài từ xã Tân Ninh cách cửa Nhật Lệ 19 ki lô mét về phía nam tới chỗ giáp ranh tỉnh Quảng Bình - Quảng Trị, ngay làng Cháp Lễ. Kể từ thứ bảy (ngày 03 tháng 9 năm 1949) , chiến thuyền, máy bay, trọng pháo và bộ đội hành quân đã có lệnh ban đêm được xả liên thanh vào các ghe thuyền lưu động trên khu vực cấm địa. Chỉ trừ những thuyền ghe nào có giấy phép riêng của Chính phủ hay lệnh quân đội và có dấu riêng mới được hoạt động"(A197 :147)

Mặc dù địch tiếp tục phong tỏa, tìm cách ngăn chặn nhưng lực lượng vũ trang ta lại ghi tiếp những chiến công mới. Đầu tháng 9 năm 1949, Đại đội 1 phối hợp với du kích xã Lê Khiếu chiến đấu ngoan cường, bẻ gãy nhiều mũi tấn công của địch. Giữa tháng 9 năm 1949, Tiểu đoàn 274 và

Đại đội 1 (Lệ Thủy) đập tan cuộc tập kích của địch vào Xuân Hoà, ta tiêu diệt và bắt gọn cả toán địch (có cả tên đồn trưởng Vạn Xuân), thu gần 20 khẩu súng. Trận diệt địch ở Xuân Hoà đã đánh dấu một bước trưởng thành về chiến thuật của bộ đội ta và được coi là trận vận động chiến đầu tiên trên địa bàn Quảng Bình. Chiến thắng Xuân Hoà đã có tiếng vang, có tác dụng cổ vũ mạnh mẽ đối với đồng bào ta ở vùng địch tạm chiếm và vùng tự do.

Tháng 8 năm 1949, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị: "Xây dựng bộ đội địa phương và phát triển dân quân là một công tác then chốt để đẩy mạnh chiến tranh tiến tới..."

Chấp hành Chỉ thị của Trung ương, đến tháng 9 năm 1949, Tỉnh đội Quảng Bình quyết định chuyển các đại đội du kích tập trung ở các huyện thành đại đội bộ đội địa phương (riêng Đồng Hới một trung đội) gồm: Đại đội 361 (Lệ Thủy), 362 (Quảng Ninh), 363 (Bố Trạch), 365 (Quảng Trạch), 366 (Tuyên Hoá) , quân số chiến đấu toàn tỉnh có 663 chiến sỹ. Cũng thời gian này, Thị đội Đồng Hới được thành lập.

Ngày 15 tháng 9 năm 1949, Tỉnh uỷ ra Chỉ thị " Mọi đảng viên vào du kích để trực tiếp chiến đấu" Tỉnh uỷ quyết định chuyển cơ quan Tỉnh về đóng ở phía tây huyện Quảng Ninh. Trong tình hình lúc bấy giờ, những chủ trương nói trên là đúng đắn, kịp thời, đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh và phát triển chiến tranh nhân dân ở địa phương, phù hợp với nhiệm vụ xây dựng cơ sở, xây dựng căn cứ địa đồng bằng. Việc mọi đảng viên phải vào du kích để trực tiếp chiến đấu cũng tạo điều kiện để lực lượng vũ trang địa phương gắn chặt với tổ chức Đảng và cơ sở địa phương, đồng thời để đảng viên và quần chúng cách mạng nhận rõ trách nhiệm của mình đối với các đơn vị vũ trang. Hưởng ứng đợt phát động của tỉnh " Xây dựng cơ sở nhân dân, dân quân du kích và xây dựng căn cứ địa đồng bằng" , đồng thời tạo đà, tạo thế cho các địa phương giành thắng lợi trong đợt thi đua ..., Tỉnh đội chỉ đạo các xã tổ chức đại hội tập dân quân nhằm xây dựng lực lượng dân quân lớn mạnh cả về số lượng lẫn chất lượng. Đến tháng 10 năm 1949, toàn tỉnh đã có 35.558 dân quân và gần 7.500 du kích (riêng du kích tăng 500 người).

Để bảo đảm điều kiện vật chất cho dân quân, du kích và bộ đội chiến đấu, mặc dù còn khó khăn thiếu thốn, nhưng với quyết tâm tất cả để chiến hăng, nhân dân Quảng Bình đã nhiệt tình chắt chiu đóng góp ủng hộ tiền và vật trữ vật chất để bảo đảm cho lực lượng vũ trang có thể bám trụ chiến đấu lâu ngày. Sơ kết đợt 1, toàn tỉnh đã ủng hộ được 121.406 đồng bạc giấy, 10 lạng bạc hình, 237 mẫu ruộng, 5 mảnh vườn, 3 ngôi nhà, 213 ki lô gam bông, 3465 ki lô gam lúa, 90 thùng bắp, hàng trăm bò, heo, nhiều gia cầm và một số vật dụng khác. Ngoài ra, nhiều địa phương còn vận động bà con lập quỹ đỡ đầu, mua súng, đạn trang bị cho dân quân.

Cùng thời gian này Tỉnh đội với Tỉnh đoàn tổ chức phát động đợt thanh niên tòng quân tại chiến khu Tuyên Hoá. Sau lễ phát động, huyện Tuyên Hoá (cả Minh Hoá và Tuyên Hoá ngày nay) đã có hơn 500 thanh niên đăng ký tòng quân. Sôi nổi nhất là ở Trường Trung học Phan Bội Châu, nhiều thầy giáo và học sinh tình nguyện xin gia nhập quân đội.

Nhờ tích cực tuyên truyền, vận động và được sự hưởng ứng nhiệt tình của nhân dân, phong trào đăng ký tòng quân ở Quảng Bình đã phát triển sôi nổi và tương đối đều khắp. Đến giữa tháng 11 năm 1949, riêng ở vùng hậu phương đã có 3.000 người ghi tên tòng quân (trong đó có 263 nam, nữ học sinh, 253 thanh niên công chức thuộc khối cơ quan cấp tỉnh)^(A15) Trong vùng địch hậu , một số thanh niên vượt vòng vây của giặc lên chiến khu tòng quân và được bổ sung cho Tỉnh đội. Cùng với việc tuyển quân, Tỉnh đội mở lớp huấn luyện cấp tốc cho 210 cán bộ khối cơ quan các nội dung về bắn súng trường, ném lựu đạn, đánh địch nhẩy dù, phòng không, truyền tin...

Tháng 10 năm 1949, Bộ Tổng Tư lệnh quyết định thành lập mặt trận Bình Trị Thiên - Trung Lào^(A470: 89) , Trung đoàn 95 có nhiệm vụ cơ động chiến đấu ở mặt trận Bình - Trị - Thiên.

Phong trào xây dựng căn cứ và làng xã chiến đấu toàn tỉnh diễn ra sôi nổi, nhất là khi phát động cao trào Quảng Bình Quật khởi, nhiều làng, xã đã ào làng chiến đấu.

Nhân dân đã tích cực góp công, góp của , rào làng, đào hầm, đắp ụ, xây dựng làng chiến đấu. Ngoài việc kiện toàn các đơn vị dân quân, du kích, các làng, xã còn thành lập các tổ lão quân, nữ quân, thiếu niên quân, hội mẹ chiến sỹ... Nhờ vậy, chỉ trong một thời gian ngắn, vùng căn cứ du kích được hình thành và ngày càng phát triển như: Căn cứ Hoàng Hoa Thám, Lê Khiếu, Duy Tân ở Lệ Thủy; Minh Trạch, Ninh Trạch ở Quảng Trạch; Tây Trạch ở Bố Trạch...Vùng căn cứ du kích đã được mở rộng cả phía nam và phía bắc tỉnh hình thành thế cài răng lược giữa ta và địch ngay trong vùng đồng bằng, tạo thuận lợi cho lực lượng vũ trang chính quy của tỉnh , quân khu cũng như bộ đội địa phương hoạt động đánh địch có hiệu quả.

Ở Bố Trạch có làng chiến đấu Cự Năm, Quảng Trạch có Cảnh Dương, ở Quảng Ninh tiêu biểu là làng chiến đấu Hiễn Lộc. Trong những năm tháng kẻ thù đánh phá ác liệt, Hiễn Lộc vẫn giữ được cơ sở Đảng, cơ sở quân chúng và lực lượng du kích. Từ chỗ có 1 tiểu đội, đến giữa năm 1949 du kích Hiễn Lộc đã phát triển thành một trung đội gồm 36 người và còn có 70 dân quân. Hiễn Lộc đã lập được nhiều chiến công trong việc nổi dậy tấn công địch, phối hợp cùng bộ đội đánh đồn, vây bắt tề, thành lập chính quyền cách mạng, lập chỗ lũng chân vững chắc bảo đảm chỗ dựa cho chiến đấu lâu dài. Tính chung trong năm 1949, du kích Hiễn Lộc đã diệt được 41 tên, làm bị thương hơn 10 tên khác, bắt 2 tù binh, thu nhiều súng đạn. Hiễn Lộc đã được Bộ Tư lệnh Liên khu 4 nêu gương điển hình về làng chiến đấu để học tập trong toàn Liên khu.

Sau một thời gian chiến đấu quyết liệt, cuộc kháng chiến của nhân dân Bình Trị Thiên cũng như ở Quảng Bình đã có những bước phát triển thuận

đi. Ở chiến trường chính, quân và dân ta mở chiến dịch Lê Lợi, chủ động tiến công địch ở Hoà Bình và đẩy mạnh hoạt động ở nhiều nơi khác như Bắc Ninh, Bắc Giang...

Để phối hợp với chiến dịch Lê Lợi, Liên khu uỷ và Bộ Tư lệnh Liên khu quyết định mở chiến dịch Lê Lai tại Bình Trị - Thiên nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, xây dựng và mở rộng căn cứ ở đồng bằng.

Tháng 10 năm 1949, thực hiện chủ trương mở chiến dịch của Liên khu, Đảng uỷ và Bộ chỉ huy mặt trận Bình - Trị - Thiên đã họp với các đồng chí lãnh đạo ba tỉnh và chỉ huy các trung đoàn chủ lực để quán triệt, xác định quyết tâm và bàn phương án tác chiến.

Tháng 12 năm 1949, Bộ tư lệnh Liên khu, Bộ chỉ huy mặt trận Bình - Trị - Thiên quyết định mở chiến dịch Lê Lai. Chiến dịch chia làm hai đợt. Đợt 1 từ ngày 15 tháng 12 năm 1949 đến 15 tháng 01 năm 1950, địa bàn hoạt động chủ yếu từ nam Quảng Bình đến bắc Quảng Trị. Đợt 2 từ 15 tháng 01 đến 15 tháng 02 năm 1950, hoạt động chủ yếu từ nam Quảng Bình đến Bắc Thừa Thiên. Lực lượng tham gia gồm 3 trung đoàn chủ lực: Trung đoàn 18, Trung đoàn 95, Trung đoàn 57 (Nghệ An) và lực lượng vũ trang địa phương 3 tỉnh Bình - Trị - Thiên.

Bước vào thu đông 1949, Tỉnh uỷ Quảng Bình chủ trương phát động đợt thu đông với nội dung xây dựng căn cứ địa đồng bằng, bao vây đồn địch, đẩy mạnh vận động lương thực cho bộ đội và vũ khí cho dân quân. Chiến dịch Lê Lai mở ra, Tỉnh uỷ Quảng Bình xác định đây là thời cơ tốt để động viên quân và dân tỉnh nhà ra sức chiến đấu, tiếp tục đưa cuộc chiến tranh nhân dân ở địa phương lên một giai đoạn mới.

Để giành thắng lợi ngay trong đợt 1, bộ đội địa phương huyện và tỉnh phối hợp chặt chẽ với bộ đội chủ lực mở nhiều trận đánh tạo đà cho chiến dịch.

Tại Lệ Thuỷ, ngày 14 tháng 11 năm 1949, Đại đội 361 đã diệt gọn 1 trung đội địch tại thôn Trung Lực (xã Duy Tân) khi chúng đang hành quân tiếp tế cho đồn Thượng Lâm, thu toàn bộ vũ khí gồm 2FM, 2 ca bin, 5 súng trường cùng lương thực, thực phẩm. Chiến công của đại đội 361 đã làm cho địch hoang mang, sợ hãi. Bị chặn tiếp tế và không chịu nổi sức ép của ta, ngày 17 tháng 11, địch phải rút bỏ đồn Thượng Lâm. Phát huy thắng lợi, đại đội 361 Lệ Thuỷ tiến về tiêu diệt vị trí An Lạc. Đến giữa tháng 12 năm 1949, một số đồn bốt ở Lệ Thuỷ bị quân ta bao vây làm cho liên lạc, tiếp tế càng khó khăn. Cùng thời gian này, bộ đội địa phương Lệ Thuỷ phối hợp với dân quân nhỏ gọn vị trí hương về ở Xuân Bồ.

Mở màn chiến dịch, đêm 22 tháng 12 năm 1949, Trung đoàn 18 được tăng cường 1 đại đội phóng bom, với sự phối hợp của lực lượng vũ trang địa phương đã tiến công đồn Vạn Xuân. Nhưng lực lượng địch ở đây mới được tăng cường, do vậy, đêm đầu tiên, bộ đội ta không thực hiện được kế hoạch.

Dự đoán địch cho quân tăng viện, chỉ huy chiến dịch lệnh cho Trung đoàn 18 giữ chặt vòng vây, đồng thời tổ chức lực lượng đánh quân tiếp viện. Ngày 25 tháng 12, địch đưa quân từ Đồng Hới theo quốc lộ 1 tiến vào ứng cứu. Cánh quân do Thiếu tá Lơ- bru - giơ (Lebrouse) chỉ huy phân khu nam Quảng Bình trực tiếp chỉ huy gồm 1 đại đội Âu phi và 1 trung đội trợ chiến lần tối ngày 25 tháng 12, cánh quân của Lơ- bru - giơ tiến đến vị trí phục kích của ta ở Thạch Xá. Khi quân địch lọt sâu vào giữa đội hình mai phục, quân ta đồng loạt nổ súng. Bị tiến công bất ngờ, địch không kịp trở tay. Tiểu đoàn 227 (Trung đoàn 95) diệt và làm bị thương 30 tên, bắt sống 51 tên, trong đó có cả thiếu tá Lơ- bru - giơ, thu 60 súng, hai máy vô tuyến điện, phá hỏng xe.

Thắng lợi giòn giã ở Thạch Xá đã gây tiếng vang lớn trong toàn chiến dịch, cổ vũ mạnh mẽ khí thế của quân và dân Bình - Trị - Thiên, đánh dấu một bước tiến mới về trình độ tác chiến của bộ đội chủ lực và chứng tỏ : Bằng chiến thuật phục kích, ta hoàn toàn có khả năng tiêu diệt được lực lượng địch ở trên dưới đại đội giữa ban ngày trên địa hình đồng bằng.

Tướng Pháp Lơ- baist phải công nhận: " Chủ lực Việt Minh đang hoạt động mạnh, không có tăng viện, phải tự bảo vệ để tránh bị tiêu diệt" Ngày 30 tháng 12, Bộ chỉ huy Pháp cho quân rút khỏi đồn Vạn Xuân. Vùng tự do của ta được mở rộng, phía Tây khu vực Kiến Giang (Lệ Thủy) được giải phóng. Ngày 31 tháng 12 năm 1949, được ta tuyên truyền vận động, vệ binh ở đồn Cổ Hiền đã nổi dậy làm binh biến diệt 3 sỹ quan Pháp, đưa toàn bộ trang bị về với lực lượng kháng chiến. Do bị lực lượng ta uy hiếp mạnh, 7 lính khố đỏ đồn Phú Hoà chạy sang phía cách mạng, sau đó địch phải bỏ đồn Phú Hoà.

Từ ngày 13 tháng 12 năm 1949 đến 15 tháng 01 năm 1950, Trung đoàn 18 đã tiến công một loạt vị trí quan trọng của địch ở tuyến phòng thủ sông Gianh, như Đại Nam, Hoà Ninh, Hướng Phương, Đồn Sa, Phù Kinh, giải phóng một vùng rộng lớn ở nam - bắc sông Gianh , trong đó có một khu vực miền chúa giáo bị địch khống chế từ lâu và được coi là hậu phương an toàn của chúng.

Trong chiến dịch Lê Lai, lực lượng vũ trang tỉnh Quảng Bình đã phối hợp với các lực lượng chủ lực hoạt động tác chiến đạt hiệu quả. Đợt 1, lực lượng vũ trang đã đánh hàng trăm trận, tiêu diệt 250 tên, làm bị thương 114

tiền, thu gọn 1 trọng liên, 5 tiểu liên, 73 súng trường và nhiều chiến lợi phẩm bao gồm quân trang, quân dụng, lương thực.

Đợt 2 của chiến dịch Lê Lai diễn ra ở trên địa bàn giáp ranh nam Quảng Trị và bắc Thừa Thiên (vùng Hải Lăng, Phong Điền). Trong khi quân và dân Quảng Trị - Thừa Thiên ra sức tiến công địch và lập chiến công lớn ở Phò Trạch, Lương Mai, thì các lực lượng vũ trang Quảng Bình đã phối hợp hoạt động giam chân địch không cho chúng điều quân vào Trị - Thiên.

Sau chiến dịch Lê Lai, bị thua đau ở cả địa bàn phía bắc và phía nam, Bộ chỉ huy Pháp ở Bình - Trị - Thiên phải tìm cách phản kích hòng giữ các vị trí trọng yếu, nhất là địa bàn nam bắc sông Gianh.

3.2. Một số chiến dịch và trận đánh tiêu biểu

* Chiến thắng Phù Trịch - La Hà:

Ngày 27 tháng 02 năm 1950, Pháp tập trung quân ứng chiến mở cuộc hành quân bằng đường thủy lên vùng có đồng bào theo đạo Thiên chúa vừa mới được giải phóng nhằm trấn an tinh thần cho bọn phản động và giành giật lại vùng này. Phán đoán được âm mưu địch, Trung đoàn 57 phối hợp cùng lực lượng vũ trang địa phương bố trí trận địa mai phục ở bến đò Phù Trịch - La Hà sẵn sàng tiêu diệt địch. Đại đội 57 ở mũi chính diện được tăng cường thêm trung đội 21 bố trí sát bờ sông để đánh vỗ mặt địch. Đại đội 59 bố trí tại Vĩnh Phước đánh chặn viện binh địch từ đồn Tiên Lệ kéo về. Đại đội 60 làm nhiệm vụ sẵn sàng tiếp ứng cho đại đội 54, Đại đội 365 đánh chặn viện binh địch từ Vĩnh Lệ về Hoà Ninh.

8 giờ sáng, 4 chiếc ca nô địch chở đầy lính nối đuôi nhau ngược dòng sông Gianh tiến vào trận địa của ta. Khi địch đã vào giữa vòng vây, sau hồi lệnh phát lệnh, quân ta ở hai bên bờ sông đồng loạt bắn mạnh vào đội hình địch. Bị tấn công bất ngờ, địch hoảng hốt lúng túng. Ca nô địch ở các vị trí tiền tuyến, Ba Đồn dồn dập bắn ứng cứu. Cuộc chiến diễn ra ác liệt, song địch đã lọt vào lưới lửa đạn bao vây của lực lượng ta. Tiểu đoàn ứng chiến của địch bị tan rã, hơn 120 tên bị tiêu diệt, ta bắt 10 tù binh. 4 ca nô địch hỏng nặng, số còn lại hoảng loạn tháo chạy về Thanh Khê bỏ lại hàng trăm súng các loại. Ta thu 100 súng đại liên, trung liên, tiểu liên, 300 súng trường, 45 súng ngắn và nhiều quân trang, quân dụng.

Đây là trận chống càn không những giành thắng lợi lớn về tiêu hao sinh lực địch, thu nhiều vũ khí mà còn gây được ảnh hưởng sâu rộng trong nhân

lân vùng nam , bắc sông Gianh. Trận Phù Trích - La Hà đã thể hiện rõ khả năng hợp đồng tác chiến giữa quân chủ lực và bộ đội địa phương.

Tháng 5 năm 1950, Hội nghị cán bộ chủ chốt toàn tỉnh ra Nghị quyết:

- Thực hiện tổng động viên
- Cải thiện dân sinh và bảo vệ mùa màng.

Ngày 19 tháng 5 năm 1950, Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh phát động tổng động viên và làm lễ ra mắt Tiểu đoàn 229 (d229) bộ đội địa phương tỉnh. Lúc này, tiểu đoàn mới có hai đại đội: Đại đội 206 (tức là Đại đội 212 Hà Tĩnh) và Đại đội 207 (tức là Đại đội 7 cũ), đồng chí Lương Hữuất làm Tiểu đoàn trưởng và đồng chí Tỉnh làm chính trị viên Tiểu đoàn. Trong lịch sử xây dựng và chiến đấu của lực lượng vũ trang Quảng Bình, sự ra đời của Tiểu đoàn 229 bộ đội địa phương tỉnh là một sự kiện có ý nghĩa lịch sử quan trọng, nó khẳng định bước phát triển mới của lực lượng vũ trang địa phương.

*** Chiến thắng Xuân Bồ.**

Ngày 20 tháng 02 năm 1950, vị trí Hương vệ Xuân Bồ đã bị lực lượng vũ trang địa phương tiêu diệt. Được giải phóng, nhân dân Xuân Bồ ra sức xây dựng và củng cố dân quân, du kích, tích cực rào làng chiến đấu. Xuân Bồ trở thành căn cứ du kích ở phía tả ngạn sông Kiến Giang.

Sau những trận chống càn và giúp dân gặt hái, ngày 17 tháng 5, cán bộ và chiến sỹ Trung đoàn 18 rút về tập kết ở các thôn Xuân Bồ, Uẩn Áo, Quyậu... Ngày 19 tháng 5 năm 1950, các đơn vị của Trung đoàn 18 cùng nhân dân địa phương tổ chức mít tinh kỷ niệm ngày sinh nhật Bác Hồ kính yêu và hoan mừng thắng lợi chiến dịch Lê Lai. Nắm được tin mật báo, Tướng Lơ Brít quyết định bất ngờ mở cuộc tấn công. Lực lượng càn quét có Tiểu đoàn Spahis số 6 đơn vị ứng chiến liên tỉnh khét tiếng ở Bình - Trị - Thiên và Tiểu đoàn ứng chiến Quảng Bình đang đóng ở Thượng Phong.

Khoảng 7 giờ ngày 20, được pháo binh từ đồn Hoà Luật Nam dọn đường, các cánh quân địch bắt đầu tiến quân. Tiểu đoàn Spahis số 6 từ Mỹ Trạch vượt sông sang bờ bắc Kiến Giang. Tiểu đoàn ứng chiến ém quân ở Thượng Phong vượt sông sang làng Quảng Cư, Phan Xá. Cả hai cánh quân phối hợp tấn công Tiểu đoàn 436 đang ở Xuân Bồ.

Để đối phó với địch trong tình huống bất ngờ, Ban chỉ huy Tiểu đoàn 436 cùng thôn đội thống nhất phương án bám trụ để đánh địch tại chỗ, mặt

chắc tổ chức cho đồng bào sơ tán vào giữa làng ẩn nấp trong công sự có đủ cách bảo vệ.

8 giờ 30 phút, địch tấn công vào Xuân Bồ bằng nhiều mũi. Cuộc chiến đấu quyết liệt giữa ta và địch diễn ra suốt cả buổi sáng. Địch và ta đều có nhiều tổn thất, thương vong. Về phía ta, thương vong gần 200 chiến sỹ. Địch cố sống, cố chết tiến vào làng, chỉ huy Trung đoàn 18 lệnh cho Tiểu đoàn 274 đứng chân ở Uẩn áo nhanh chóng vượt sông Kiến Giang chi viện. Nhờ có Tiểu đoàn 274 tiếp viện nên tương quan lực lượng dần dần thay đổi. Bộ đội, dân quân tập trung lực lượng quyết định chuyển sang phản kích địch. 14 giờ cùng ngày, các đơn vị của ta trên các hướng đồng loạt giương lê xốc tới diệt địch. Trận giáp chiến bằng lưỡi lê, báng súng kéo dài đến sẩm tối và chuyển hẳn từ bìa làng ra ngoài đồng, đến bờ sông. Biết không thể chống chọi với ta, sẩm tối ngày 20 tháng 5, quân địch phải rút chạy khỏi trận địa, kết thúc thảm bại trận càn lớn nhất của địch trong "Chiến dịch mùa lúa" ở tỉnh Quảng Bình.

Sau một ngày chiến đấu quyết liệt tại Xuân Bồ, Trung đoàn 18 cùng lực lượng vũ trang địa phương đã tiêu diệt và làm bị thương 500 tên, trong đó có thiếu tá Lăng Gờ - Le (LangLais), chỉ huy khu nam Quảng Bình, Đại úy Sơ - Ríp (Serip), phó chỉ huy Tiểu đoàn 6 Spaihis, thu nhiều vũ khí, quân trang, quân dụng. Phía ta có 63 chiến sỹ anh dũng hy sinh, 73 đồng chí bị thương. Nhiều tấm gương chiến đấu anh dũng đã xuất hiện, tiêu biểu là Tiểu đội trưởng Lâm Úy. Khí phách anh hùng của anh đã được nhân dân, đồng đội cảm phục (*Trong hoàn cảnh tương quan lực lượng giữa ta và địch hết sức chênh lệch, ta phải lấy 1 chọi 10, Tiểu đội Lâm Úy đã chiến đấu ngoan cường tiêu diệt nhiều tên, riêng anh đã diệt hơn 10 tên. Khi súng hỏng, lê gãy, anh xông vào vật lộn với tên sỹ quan Pháp. Lợi dụng sơ hở, anh đã ôm chặt tên giặc cắn vào cổ rồi cả hai cùng lăn xuống sông Kiến Giang trong tư thế tiến công. Hình ảnh và hành động của anh đã khắc sâu trong tâm khảm của đồng chí, đồng bào. Tuyên dương chiến công đặc biệt xuất sắc của liệt sỹ Lâm Úy, Chính phủ và Quân đội đã truy tặng Anh danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.*). Nhờ sự phối hợp chặt chẽ trong chiến đấu, cán bộ, chiến sỹ Trung đoàn 18 cùng quân và dân xã Thủy đã lấy máu của mình viết nên hai câu thơ lưu truyền cho các thế hệ sau này:

" Hoan hô chiến thắng Xuân Bồ
Năm trăm giặc Pháp không mồ vùi thây"

*** Trận Phục kích quân chi viện đồn Sen Hạ**

Từ chiến dịch Lê Lai đến trận chống càn Xuân Bồ, quân và dân ta đã liên tiếp giành thắng lợi. Để phát huy thế tiến công, Bộ chỉ huy mặt trận Bình Trị Thiên chủ trương mở chiến dịch mới lấy tên là chiến dịch Phan Đình

phùng, nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, giữ vững quyền chủ động chiến trường. Địa bàn hoạt động của chiến dịch là khu vực từ nam Quảng Bình đến bắc Quảng Trị. Lực lượng ta gồm Trung đoàn 18, Trung đoàn 95 và các đơn vị bộ đội địa phương của hai tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị.

Chấp hành Chỉ thị của Bộ chỉ huy mặt trận, Tỉnh uỷ và Uỷ ban kháng chiến hành chính Quảng Bình cùng Tỉnh đội đã đề ra phương án phối hợp hoạt động với chiến dịch.

Ngày 17 tháng 6, một đại đội của Trung đoàn 18 triển khai bao vây và quấy rối vị trí Sen Hạ nhằm kéo quân ứng chiến để tiêu diệt. Du kích xã Hưng Đạo và Đại đội 361 phối hợp tác chiến. Để cứu nguy cho vị trí Sen Hạ đang bị quân ta bao vây, sáng ngày 19 tháng 6, địch điều 400 quân từ Đồng Hới kéo vào ứng cứu. Khi đội hình địch lọt vào trận địa phục kích của ta ở Phú Thiết - liên Đông, quân ta nổ súng diệt 200 tên, phá huỷ 9 xe, thu toàn bộ vũ khí.

Ngày 19 tháng 6, Bộ chỉ huy Pháp ở Trung Phần tiếp tục điều động 1000 tên Âu phi và 200 xe ô tô, xe bọc thép từ Huế tiến ra Đồng Hới, mở cuộc hành quân nhằm phá thế vây ép của ta ở nam Quảng Bình.

Lực lượng của ta tham gia trận phục kích gồm 5 tiểu đoàn bộ binh, 2 đại đội hoả lực và 1 đại đội bộ đội địa phương. Trận địa phục kích là khu vực lỵ Cờ - Chấp Lễ (dài 7ki lô mét).

Ngày 27 tháng 6, đội hình địch tiến vào trận địa, lực lượng ta được lệnh tấn công. Kết quả, ta diệt hơn 300 tên địch, đánh thiệt hại nặng Tiểu đoàn Ma ốc số 2, phá huỷ 40 xe quân sự và bắn rơi 1 máy bay.

Trong khi ở hướng chính của chiến dịch, bộ đội chủ lực mở những trận đánh lớn, thì ở các nơi khác trong tỉnh, lực lượng vũ trang địa phương đã đẩy mạnh hoạt động để phối hợp. Đại đội 361 bao vây các đồn Liêm Thiện, Mỹ Trạch; Đại đội 365 bao vây khống chế vị trí Ba Đồn; tại Quảng Ninh, Đại đội 62 tấn công vị trí Lệ Kỳ làm cho địch càng hết sức lúng túng. Kết thúc chiến dịch Phan Đình Phùng, quân ta đã tiêu diệt trên 350 tên địch, phá huỷ, phá hỏng 47 xe, bắn cháy 1 máy bay, 1 kho đạn, thu nhiều vũ khí, quân trang, quân dụng.

*** Phát động 1 tháng chiến tranh du kích**

Tháng 10 năm 1950, Quảng Bình xảy ra trận lụt chưa từng có trong suốt mấy chục năm qua, gây hậu quả nghiêm trọng. "Mùa màng mất 70%, hầu hết nhà cửa ở vùng Trung Châu bị đổ nát; trận lụt đã làm 137 người chết, tài sản mất 50%; có nhiều nơi ở Lệ Thuỷ 80% tài sản bị cuốn trôi, hàng ngàn gia súc bị chết, các thôn trang chiến đấu, nhiễm hầm hố."

giao thông bị hư hại" Lợi dụng cơ hội đó, địch càng tăng cường đánh phá. Chưa bao giờ quân và dân Quảng Bình lại đứng trước thử thách nghiêm trọng như vậy: Vừa phải chiến đấu chống giặc, lại vừa phải đương đầu với nạn đói lang đe dọa.

Trước tình hình đó, Ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu, Tỉnh ủy, Ủy ban kháng chiến hành chính Quảng Bình đã kịp đề ra các biện pháp kịp thời giải quyết khó khăn.

Đầu tháng 11 năm 1950, Tỉnh đội và các cơ quan hợp bàn công tác sản xuất chống đói, tăng gia tự túc lương thực và tiếp tục chiến đấu. Trong bộ đội tập trung, các đơn vị luân phiên nhau sản xuất và chiến đấu để giảm quân số in tại chỗ. Bộ đội ở các khu căn cứ như Bang Rợn, Rào Trù, Rào Đá, Trung Thuần... tranh thủ ngày đêm trồng khoai, sắn nhằm giải quyết lương thực kịp thời. Đối với đồng bào các dân tộc thiểu số ở miền tây Lệ Thủy và Quảng Ninh, ta đã tích cực vận động bà con chi viện ngô, sắn cho bộ đội.

Nhờ có những biện pháp tích cực và nhờ sự nỗ lực của cả quân và dân, Quảng Bình đã từng bước đẩy lùi được nạn đói.

Giữa lúc ta gặp khó khăn, kẻ địch càng ra sức đánh phá ác liệt hơn. Lực lượng của địch ở Quảng Bình có 3000 tên, chiếm đóng 34 vị trí, hơn 40 lô cốt và tổ chức thành 3 khu vực: Phân khu bắc (gồm Quảng Trạch, Bố Trạch); Phân khu nam (gồm Quảng Ninh, Lệ Thủy); Tiểu khu Đồng Hới (gồm thị xã và ngoại ô). Ở vùng tạm chiếm, lợi dụng ta khó khăn về lương thực, địch tăng cường đàn áp, càn quét, đánh phá cơ sở. Ở vùng du kích, chúng tiếp tục nổ súng mở rộng địa bàn tạm chiếm. Ngày 04 tháng 3 năm 1951, địch tập trung 800 quân tấn công vào Xuân Sơn, Cù Lạc, Cổ Giang, Khương Hà, Gia Hưng... nhằm bao vây tiêu diệt cơ quan đầu não của huyện Bố Trạch. Địch đốt 50 nóc nhà, cướp đi nhiều tài sản của nhân dân. Ngày 12 tháng 5 năm 1951, địch cho quân nô thọc lên chiến khu Quảng Ninh ở bến Lùi đốt 8 ngôi nhà, 1 kho gạo (1000 ki lô gam) và trạm cấp cứu; sau đó tiến lên chiến khu Thuận Đức đốt phá một số nhà kho...

Địch liên tiếp càn quét gây cho lực lượng của ta những thiệt hại đáng kể. Tuyển vận tải tiếp tế cho Bình - Trị - Thiên cũng là mục tiêu đánh phá ác liệt của địch. Để bảo vệ và giữ vững hành lang chiến lược của Liên khu và Mặt trận Bình - Trị - Thiên, Tỉnh đội quyết định thành lập Đại đội 300. Đại đội có nhiệm vụ tuần tiễu, bảo vệ, đưa dẫn cán bộ từ U Bò, Ba Rền vào Bến Lùi (Quảng Ninh). Đại đội do đồng chí Hà Sỹ Khoa làm Đại đội trưởng, đồng chí Lô Quang Huy làm chính trị viên; quân số khoảng 100 người, trang bị như đại đội bộ binh. Đơn vị hoạt động phân tán, chia nhau phụ trách các trạm, mỗi

ram từ 5 đến 7 người. Từ ngày Đại đội 300 ra đời thì việc tiếp tế và đi lại trên tuyến đường Xuyên Sơn đã an toàn hơn. Nhờ đó, việc tiếp tế được bảo đảm tốt hơn. Chỉ tính 6 tháng đầu năm, quân và dân toàn tỉnh đã vận chuyển được 23.034 ki lô gam bằng đường bộ, 587.449 ki lô gam bằng đường sông, 12.129 ki lô gam bằng đường biển và 66.806 ki lô gam hàng hoá bằng xe bò, ngựa..., kịp thời phục vụ lương thực, vũ khí cho các lực lượng kháng chiến.

Tỉnh đội Quảng Bình đề ra đợt hoạt động " Một tháng phát động du kích chiến tranh" Phong trào lan rộng ra toàn tỉnh, nòng cốt là những hoạt động của lực lượng vũ trang địa phương.

Đại đội 361 phối hợp với dân quân Phong Thủy, Xuân Thủy, Liên Thủy tiếp tục hoạt động ở giữa trung tâm huyện, anh dũng đánh bại nhiều trận càn quét của địch, tiêu diệt hơn 100 tên. Ở Bố Trạch, Đại đội 207 (Tiểu đoàn 229) phục kích địch tại đoạn đường Phúc Tự đi Thọ Lộc tiêu diệt 1 tiểu đội địch. Đại đội 209 (Tiểu đoàn 229) chặn đánh 1 trung đội địch tại cầu Chánh Hoà, tiêu diệt 4 tên. Nổi bật trong thời kỳ này là trận phục kích độn thổ ở Khe Dinh Thủy (Võ Ninh) ngay trên đường quốc lộ số 1 của Đại đội 362 (bộ đội địa phương huyện Quảng Ninh), tiêu diệt 8 tên. Tiếp sau trận đánh của Đại đội 362 ở Dinh Thủy là các trận phục kích của Đại đội 361 ở Phú Thọ (An Thủy); Đại đội 363 ở Sen Bàng; Đại đội 365 ở Lương Trình. Riêng bộ đội và du kích huyện Bố Trạch, chỉ trong 4 ngày, từ 14 đến 17 tháng 5 năm 1951, đã kết hợp phục kích, phục kích và chống càn, chặn đánh nhiều toán quân địch đi cướp phá mùa màng , diệt 70 tên. Ngoài ra còn bao vây, san bằng 11 lô cốt hai bên đường giao thông. Tình hình kháng chiến ở Quảng Bình dần dần được phát triển trở lại.

Từ ngày 14 đến 21 tháng 7 năm 1951, Liên khu uỷ IV đã họp để kiểm điểm lại tình hình hoạt động ở mặt trận Bình - Trị - Thiên. Hội nghị nhận định: Nhìn chung phong trào ở 3 tỉnh đã tiến triển đều và rộng khắp; tuy vậy, phong trào chưa phát triển mạnh.

Hội nghị vạch ra nhiệm vụ cụ thể cho 3 tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên - Huế : " Kịp thời củng cố và phát triển lực lượng đủ sức chiến đấu tiêu diệt địch, phối hợp với chiến trường chính, tranh thủ thời cơ đẩy mạnh tăng gia sản xuất và tiết kiệm để bồi dưỡng sức dân, duy trì cuộc kháng chiến trên mọi mặt, kiên nhẫn và bền bỉ xây dựng phong trào quần chúng ở các vùng lịch hậu và cơ sở bí mật trong thị xã"

Tháng 8 năm 1951, Đại hội đại biểu Đảng bộ Quảng Bình lần thứ III được tổ chức tại bến Tiêm (Chiến khu Quảng Ninh). Đại hội đề ra hai nhiệm vụ chính lúc này của quân và dân Quảng Bình là phát triển rộng rãi chiến tranh du kích và phá tan âm mưu bình định vùng địch hậu. Đại hội nhấn mạnh

ần chú trọng hơn nữa việc xây dựng bộ đội địa phương, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong lực lượng vũ trang.

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội, bộ đội địa phương các huyện hoạt động ở nhiều nơi, liên tiếp tấn công địch trên tất cả mặt trận. Từ Quảng Trạch đến Lệ Thủy không ngày nào ngưng tiếng súng của bộ đội, dân quân, du kích. Mặt dân đang lún sâu vào thất bại, thực dân Pháp vẫn thực hiện âm mưu càn quét và bình định có trọng điểm. Ngày 24 tháng 9 năm 1951, địch cho 100 xe chở 2 tiểu đoàn quân ứng chiến và 5 ca nô đánh vào khu căn cứ của Lệ Thủy và Quảng Ninh, gây nhiều tội ác man rợ đối với nhân dân ta. Sau 6 ngày hành quân, chúng đã giết và bắt hơn hàng trăm người, đốt cháy 1081 nóc nhà, 3308 ruộng lúa, cướp đi 44 con trâu, bò, hơn 3000 gà, lợn. Bộ đội chủ lực tỉnh kết hợp với bộ đội địa phương hai huyện chặn đánh quyết liệt, tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, buộc chúng phải rút lui. Sau khi địch rút lui, Tỉnh ủy đã kịp thời cử cán bộ về từng thôn, động viên nhân dân khắc phục khó khăn, sửa chữa lại nhà cửa cho dân, củng cố lại hầm hào công sự, ổn định đời sống. Tỉnh ủy đã nghiêm túc kiểm điểm sai lệch trong việc không nắm vững chiến thuật tổng càn, tập trung, phân tán lực lượng thiếu linh hoạt nên chống càn không có hiệu quả, để địch gây ra những thiệt hại đáng kể cho ta

Để trả thù cho đồng bào Quảng Ninh, Lệ Thủy, tháng 11 năm 1951, Đại đội 362 phối hợp với du kích Phúc Duệ đột nhập vào căn cứ địch diệt 30 tên, phá hỏng 1 xe. Tháng 12 năm 1951, đánh bom vào lô cốt Võ Ninh, Gia Ninh, Bố Trạch, Tiểu đoàn 229 phối hợp với dân quân, du kích hoạt động mạnh ở xã Hải Trạch, Trung Trạch và Nam Trạch, tiêu hao, tiêu diệt một số địch. Sự tấn công của quân dân ta và để tập trung quân bảo vệ vùng Hoàn Lão cùng những vị trí quan trọng ở đường quốc lộ 1, thực dân Pháp buộc phải rút quân khỏi đồn Cự Năm. Cự Năm, làng chiến đấu kiểu mẫu Quảng Bình được hoàn toàn giải phóng, khu căn cứ miền Tây Bố Trạch được mở rộng. Tại Quảng Trạch, Đại đội 365 đánh thọc sâu vào các thôn Thổ Ngọa, Đơn Sa, tiến hành võ trang tuyên truyền, cảnh cáo và diệt những tên tề khét tiếng gian ác, phản bội Tổ quốc, gây được niềm tin trong nhân dân.

Ngày 10 tháng 11 năm 1951, Tiểu đoàn 227 phối hợp với lực lượng vũ trang Bố Trạch đã nổ súng tiêu diệt tháp canh Phúc Tự. Địch ở Hoàn Lão đưa dân tiếp viện bị Tiểu đoàn 310 chặn đánh tiêu diệt 1 đại đội. Ngày 11 tháng 11, Tiểu đoàn 302 và 1 đại đội của Tiểu đoàn 227 có du kích Hoàn Lão dẫn đường, đã đánh thẳng vào chi khu Hoàn Lão, tiêu diệt 1 đại đội và đánh thiệt hại nặng 1 đại đội khác.

Ở Lệ Thủy, xã chiến đấu Hưng Đạo là một trong những xã có thành tích hiển danh cao. Hưng Đạo thuộc tổng Sen, có 14 thôn với số dân 7.000 người, chiều dài 18ki lô mét (bao gồm 3 xã Ngư Thủy, Sen Thủy, Hưng Thủy ngày nay). Tháng 7 năm 1947, sau khi chiếm được Lệ Thủy, thực dân Pháp đóng tại Hưng Đạo 3 vị trí: Sen Thủy, Phú Thiết và Chợ Mai, mỗi vị trí có khoảng 1 đại đội để giữ vùng giáp ranh Quảng Bình - Quảng Trị và đường quốc lộ 1. Sau gần 1 năm, nhân dân Hưng Đạo đã thực hiện rào làng chiến đấu. Đội du kích xã gồm 28 người thường xuyên bám sát từng lô cốt, đồn bốt, tiến đánh bất ngờ gây cho địch nhiều thiệt hại. Địch đối phó với Hưng Đạo rất khó khăn, nhiều trận càn quét bị bẻ gãy. Nhân dân, du kích Hưng Đạo còn lập nhiều hành tích về tiếp tế vận tải bằng đường bộ và đường biển. Hàng hoá từ Thanh Nghệ - Tĩnh tiếp tế bằng đường biển vào Bình - Trị - Thiên qua điểm tiếp nhận ở xã Hưng Đạo.

Trải qua những năm kiên cường chiến đấu, giằng co quyết liệt với địch, lực lượng vũ trang Quảng Bình tiếp tục lập được nhiều chiến công. Phong trào hiến tranh du kích, tiếp vận phát triển. Nhiều đơn vị và cá nhân đã lập thành tích xuất sắc được Đại hội thi đua toàn tỉnh tổ chức vào cuối năm 1951 biểu dương: Đó là Tiểu đoàn bộ đội địa phương Quảng Bình; xã chiến đấu Hưng Đạo; xã Tây Trạch thuộc vùng du kích ở Bố Trạch. Xã Hưng Hoá thuộc vùng tự do Tuyên Hoá được biểu dương về công tác tiếp tế, vận tải, đồng thời làm tốt nhiệm vụ xây dựng dân quân bảo vệ quê hương.

Trên đà những thắng lợi vừa giành vừa giành được ở Bình - Trị - Thiên, mùa xuân năm 1952, Liên khu uỷ Liên khu 4 chủ trương: Tập trung quân chủ lực mở cuộc tiến công nhằm " Tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, tranh thủ nhân dân, giải phóng huyện Quảng Trạch, mở rộng vùng tự do Liên Khu 4" Trung đoàn 95 và Trung đoàn 18 được lệnh hành quân ra phía Bắc cùng Tiểu đoàn bộ đội địa phương, bộ đội đại đội 365, 363 và du kích tiêu diệt các vị trí trên Bàn, Ba Đồn, Mỹ Hoà, mở rộng vùng giải phóng liên hoàn với Thanh - Nghệ - Tĩnh.

*** Giải phóng Sen Bàn**

Sen Bàn (thuộc xã Hoà Trạch) là một vị trí quan trọng của quân Pháp. Đồn được cấu trúc khá kiên cố, có hỏa lực mạnh, hơn 1 tiểu đoàn chốt giữ. Từ vị trí này địch có thể khống chế được tuyến giao thông chiến lược của Liên khu 4 chạy dọc theo dãy Trường Sơn.

Để đánh vị trí Sen Bàn, lực lượng của ta sử dụng bao gồm: Trung đoàn 5; Tiểu đoàn công pháo 888 và có sự phối hợp của Tiểu đoàn 229, du kích một số xã phía Tây Bố Trạch. Hai giờ sáng ngày 19 tháng 5 năm 1952, đúng

ip kỷ niệm ngày sinh của Bác Hồ kính yêu, Trung đoàn 95 đã nổ súng tấn công. Với sự yểm trợ của pháo binh, súng cối, bộ đội ta dùng bộc phá nhanh chóng mở đột phá khẩu và từ nhiều hướng xung phong vào đồn. Bị tấn công bất ngờ, địch hốt hoảng lúng túng chống đỡ. Sau 1 giờ chiến đấu, bộ đội ta đã nắm chủ hoàn toàn vị trí. Tiểu đoàn của địch bị tiêu diệt, ta bắt sống 30 tên.

Ngày 20 tháng 5, địch cho quân tiến theo đường tỉnh lộ 2 hòng tái chiếm Sen Bàng. Dọc đường, chúng bị Đại đội 101, Đại đội 57 và lực lượng vũ trang địa phương chặn đánh ở nhiều nơi. Gần đến Sen Bàng, địch rơi vào trận địa phục kích của Tiểu đoàn 229 và Đại đội 98, ta diệt và làm bị thương 48 tên. Ta có 6 đồng chí hy sinh, 28 đồng chí bị thương. Quân Pháp không tái chiếm được Sen Bàng.

Với thắng lợi Sen Bàng, quân và dân ta đã nhỏ được một chốt hiểm trên tuyến giao liên chiến lược từ hậu phương Liên khu 4 vào Bình - Trị - Thiên. Giải phóng được hàng ngàn giáo dân, mở rộng vùng du kích, khai thông tuyến giao liên giữa vùng chiến khu với vùng tạm chiếm Bố Trạch, thị xã Đồng Hới; tạo bàn đạp để tiến công vào vùng sau lưng địch và thị xã. Chiến thắng Sen Bàng còn cho cán bộ và chiến sỹ những bài học kinh nghiệm quý báu về đánh kiên kiên và đánh vận động, về tuyên truyền vận động giáo dân và biện pháp xử trí đối với bọn cha cố phản động.

*** Giải phóng Ba Đồn - Mỹ Hoà**

Sau khi diệt xong vị trí Sen Bàng, Đảng uỷ và Bộ chỉ huy mặt trận quyết định cho Trung đoàn 95 tiến xuống đồng bằng, phối hợp với Trung đoàn 18 và lực lượng địa phương giải phóng Ba Đồn và Mỹ Hoà.

Ba Đồn là vị trí tiền tiêu quan trọng bậc nhất trên tuyến phòng thủ phía Bắc Quảng Bình, là cửa ngõ để địch tung gián điệp phá hoại vùng tự do. Do vậy, địch xây dựng Ba Đồn thành một cụm phòng thủ vững chắc. Ở đây có hệ thống công sự nhiều tầng, nhiều lớp, do lực lượng hỗn hợp Âu - Phi, nguy hiểm. Ba Đồn Mỹ Hoà nằm sát cửa sông Gianh, cách Ba Đồn khoảng 8ki lô mét, đóng vai trò là vọng gác tiền tiêu hướng biển, có nhiệm vụ kiểm soát, khống chế ta tiếp tế bằng đường thuỷ từ Thanh - Nghệ - Tĩnh vào Bình - Trị - Thiên

22 giờ ngày 30 tháng 5 năm 1952, Trung đoàn 18 nổ súng đánh đồn Mỹ Hoà mở màn cho cuộc tiến công. Sau 20 phút chiến đấu, bộ đội ta hoàn toàn nắm chủ trận địa; toàn bộ quân địch ở vị trí Mỹ Hoà bị tiêu diệt. Pháo địch ở Gianh Khê vừa mới bắn chỉ viện được mấy loạt thì lập tức bị hỏa lực của ta ở Lao Khố chế. Sau mấy phút, đồn Thanh Khê trúng đạn bốc cháy.

Tiểu đoàn 229 và Đại đội 365 (Quảng Trạch) cùng lực lượng dân quân, phục kích nổ súng tiến công vào một loạt tháp canh địch ở Cổ Trại, Thuận An, Gia Viễn. Trên hướng chính của cuộc tiến công, Trung đoàn 95, Đại đội 365 sau khi bóc gỡ các tháp canh Cửa Phú, Hàng Bò, Kênh Kìa, bắt đầu đánh hăng vào vị trí Ba Đồn. Quân ta tập trung súng cối bắn dồn dập nhưng không thể áp được hỏa lực địch. Bọn Âu - Phi cố thủ và tìm mọi cách đối phó ngay từ lúc quân ta đánh các tháp canh vòng ngoài. Dựa vào công sự vững chắc, địch bắn ra như mưa, đan thành lưới lửa dày đặc ngăn cản bước tiến của quân ta. Sau gần 4 tiếng đồng hồ, các mũi xung kích của ta bị quân địch đánh bật trở lại. Trời gần sáng, Bộ chỉ huy mặt trận cho bộ đội tạm lui quân, tranh thủ củng cố lực lượng. Ta để lại hai trung đội bao vây và theo dõi địch; tổ chức bộ phận chặn viện sẵn sàng đánh địch ứng cứu.

Sáng 31 tháng 5, địch điều 1 tiểu đoàn Âu - Phi từ Đồng Hới và lực lượng ở Thanh Khê đến tiếp viện Ba Đồn. Nhưng cả hai cánh quân của địch đều bị quân ta phục kích đánh cho thiệt hại nặng. Hàng trăm tên bị tiêu diệt, 2 xe nô bị bắn hỏng, nhiều xe cơ giới bị thiêu cháy. Bọn địch còn lại phải tháo chạy.

Suốt ngày 31 tháng 5, máy bay và pháo binh địch bắn phá dữ dội xuống Ba Đồn và các làng phụ cận.

Tối 31 tháng 5, bộ đội ta mở đợt tiến công lần thứ hai, vị trí Ba Đồn hoàn toàn bị tiêu diệt. Ta đã diệt 180 tên địch, thu 500 súng các loại, 5 tấn đạn dược cùng nhiều quân trang, quân dụng. Phía ta có 78 người hy sinh, 200 người bị thương.

Trong quá trình chiến đấu, Tỉnh uỷ đã cử 4 đồng chí Tỉnh uỷ viên cùng Huyện uỷ Quảng Trạch chỉ đạo phối hợp, giải quyết mọi công tác bảo đảm cho bộ đội, sau đó cùng bộ đội làm nhiệm vụ tiếp quản và bảo vệ vùng mới giải phóng.

Như vậy, trong tháng 5 năm 1952, quân và dân ta đã liên tiếp tấn công san bằng ba vị trí liên hoàn có ý nghĩa chiến lược là Sen Bàng - Mỹ Hoà - Ba Đồn. Cả một vùng rộng lớn và 1 vạn dân được giải phóng. Hậu phương của ta tiếp tục mở rộng nối liền với Hà Tĩnh, tạo điều kiện để đẩy nhanh kháng chiến đến thắng lợi.

Phát huy những thắng lợi liên tiếp ở phía bắc Quảng Bình, bộ đội và du kích tiếp tục tấn công vào các vị trí địch từ Lệ Thuỷ đến Bố Trạch. Tại Bố Trạch, lực lượng vũ trang địa phương phục kích ở đèo Lý Hoà chặn đánh quân tiếp viện từ Đồng Hới ra, diệt và làm bị thương 40 tên, bắt sống 5 tên. Ngày

l tháng 7, một đơn vị của Trung đoàn 18 tiến công vị trí địch ở Lộc Đại (cách thị xã 4km), diệt gọn 1 tiểu đội, thu 5 súng trường và 1 tiểu liên. Ngày 10 tháng 8, Tiểu đoàn 326 phục kích địch ở Hoàn Lão, Phúc Tự, tiêu diệt 55 tên, bắt 5 tù binh, thu 10 súng trường, 3 tiểu liên, 2 súng ngắn.

Bộ đội 361 và du kích xã Quang Trung (Lệ Thủy), 362 và du kích Gia Linh (Quảng Ninh) nhiều lần phục kích đánh địch. Đại đội 365 đánh chìm hai ca nô địch ở bến Thanh Khê. Tiếp đó đơn vị còn dũng cảm vượt qua sóng gió và lưới lửa của địch từ Thanh Khê bắn sang, thu gọn toàn bộ vũ khí trên 2 ca nô, gồm 2 ca nông, 2 đại liên, 6 trung liên, 12 tiểu liên.

Chiến công của Đại đội 365 chẳng những làm cho nhân dân hai bên sông Gianh vô cùng phấn khởi mà còn khiến cho kẻ địch phải khiếp sợ.

Bước vào năm 1953, trước sự lớn mạnh của quân và dân Quảng Bình, Bộ chỉ huy Pháp ở đây phải gắng sức tăng cường hệ thống phòng thủ. Trong tháng Xuân 1952-1953, hệ thống chiếm đóng của địch ở Quảng Bình có 18 đồn, 24 tiểu đoàn, 4 cứ điểm mạnh, 96 lô cốt, ngoài ra còn có một số vị trí của thương, tổng vệ. Về lực lượng, do thiếu hụt quân số nên một số đơn vị đã không được biên chế đầy đủ: Tiểu đoàn ứng chiến Âu Phi 2/4RTM chỉ còn 2 đại đội, Trung đoàn Nguyễn Huệ cũng chỉ còn 2 tiểu đoàn (12 và 23), mỗi tiểu đoàn khoảng 500 quân, giải tán trung đoàn bộ. Ngoài ra địch có 3 đại đội bom mìn - đồ ngụy và khoảng 200 hương vệ, tổng vệ tập trung⁽¹⁾.

Về phía ta, quán triệt Nghị quyết Du kích chiến tranh của Trung ương và kế hoạch chuyển quân của Bộ chỉ huy mặt trận Bình - Trị - Thiên; tháng 01 năm 1953, Trung đoàn 18 hành quân ra Nghệ Tĩnh để thành lập Đại đoàn

Giữa tháng 11 năm 1953, Tỉnh uỷ và Uỷ ban kháng chiến hành chính Quảng Bình đã mở hội nghị liên tịch đề ra phương châm tác chiến, tiếp tục đẩy mạnh chiến tranh du kích, xây dựng cơ sở. Hội nghị nhấn mạnh: Lúc này bộ đội địa phương và dân quân, du kích là lực lượng chủ chốt ở địa bàn, do vậy, phương châm của ta vẫn xác định là: "Du kích chiến là chính; lấy chống càn và phá càn làm chủ yếu. Đồng thời kết hợp xây dựng cơ sở nhằm hỗ trợ phong trào đấu tranh chính trị của nhân dân"

Chủ trương đúng đắn của Hội nghị liên tịch tỉnh đã tạo ra chuyển biến mới trong nhận thức và hành động của lực lượng vũ trang.

Ngày 21 tháng 01, Đại đội 362 bộ đội địa phương huyện Quảng Ninh đã phục kích đánh lui một đại đội địch đi càn ở Duy Ninh, diệt và làm bị thương 5 tên, bắn cháy 2 xe, giải vây cho hơn 100 đồng bào bị địch bắt. Sau đó 3

gày, đơn vị cơ động sang Mỹ Trung tiêu diệt 5 tên, bắn cháy 1 xe Jeep, thu súng.

Ở Bố Trạch, Đại đội 363 phục kích ở Khe nước, diệt gọn 1 trung đội địch.

Thời kỳ này ở hai huyện phía nam, phong trào có hướng cầm chừng. Do khó khăn về lương thực, bộ đội và dân quân phải thay nhau ra Bố Trạch vận chuyển vũ khí. Đại đội 30 chuyên trách bảo vệ tuyến đường chiến lược xuyên sơn, ngoài nhiệm vụ chính đã cử 1 bộ phận phối hợp với du kích Vĩnh Ninh bao vây vị trí Lệ Kỳ và Dốc Dôn. Đơn vị còn đẩy mạnh tuyên truyền xây dựng cơ sở cách mạng ở hai bản A Ki và Cờ Đỏ (xã Thượng Trạch - Bố Trạch), bồi dưỡng 2 đồng chí dân quân dân tộc thiểu số kết nạp vào Đảng.

¹Theo tài liệu tổng kết chiến tranh du kích của tỉnh Quảng Bình

Việc sản xuất vũ khí được tăng cường. Chỉ trong quý 1 năm 1953, toàn tỉnh đã sản xuất được hàng vạn quả bom, mìn. Nhờ đẩy mạnh chiến tranh du kích, phát huy sức mạnh của toàn dân đánh giặc nên trong 3 tháng đầu năm 1953, toàn tỉnh đã tiêu diệt được 190 tên, thu nhiều quân trang, quân dụng. Tại Đại hội anh hùng chiến sỹ thi đua toàn Liên khu lần thứ nhất, tỉnh Quảng Bình đã vinh dự có nhiều đại biểu đại diện tập thể và cá nhân tiêu biểu cho phong trào chiến tranh du kích đến dự. Đó là các đại biểu của làng Cảnh Dương, Xuân Bồ, xã Hưng Đạo, Đại đội 365 (Quảng Trạch), các cá nhân điển hình như: Nguyễn Ruy, Nguyễn Thị Em...

Bước vào vụ hè thu năm 1953, địch tăng cường các hoạt động bắt lính, điều quân tiến hành càn quét phá mùa.

Để đối phó với thủ đoạn của địch, Quảng Ninh thành lập Ban chỉ đạo thống nhất 3 xã Võ Ninh, Duy Ninh và Hàm Ninh, có Đại đội 362 làm nòng cốt, do đồng chí Nguyễn Duy, Thường vụ Huyện uỷ, làm trưởng ban.

Ngày 19 tháng 4, địch đưa Tiểu đoàn Âu - Phi 2/4RTM và Tiểu đoàn 12 gụy, có máy bay, pháo binh và ca nô yểm trợ mở cuộc càn vào Võ - Duy - làm (Ninh Châu). Đại đội 362 cùng với du kích 3 xã anh dũng chiến đấu bề bầy hàng chục đợt tấn công của địch, đập tan cuộc càn quét phá mùa, cướp lúa của địch, tiêu diệt 100 tên, làm bị thương 75 tên khác. Riêng ở Hiền Lộc, địch bị tiêu diệt 49 tên. Phía ta cũng có nhiều tổn thất: Gần 1 trung đội bộ đội địa phương bị thương vong và bị bắt, du kích và đồng bào chết 14 người, bị thương 33 người, bị bắt 44 người. Hàng ngàn thúng thóc của dân bị địch cướp đi, hàng trăm mẫu lúa chín bị chúng tàn phá.

Trong khi quân và dân Ninh Châu đang chống càn thì một số nơi trong tỉnh cũng đẩy mạnh hoạt động để phối hợp. Tiểu đoàn 229 và du kích Hưng

Đạo, Sào Nam nhiều lần đánh địa lôi trên quốc lộ 1. Đại đội 361 bao vây uy hiếp các đồn Thượng Phong, Tuy Lộc, diệt một số địch.

Ở Đồng Hới, bộ đội địa phương phối hợp với du kích Bảo Ninh đột nhập sát thị xã diệt 1 tiểu đội địch đang đi tuần tiễu. Hành động "Xuất quỷ nhập thần" này của lực lượng vũ trang địa phương đã khiến địch phải khiếp sợ. Kết quả trong thời gian phối hợp với chống càn ở Quảng Ninh, quân và dân Đồng Hới đã tiêu diệt được 35 tên địch, làm bị thương 25 tên.

Trải qua 5 năm, kể từ ngày "Quảng Bình quật khởi" đến khi chuẩn bị bước vào Đông - Xuân 1953-1954, quân và dân trong tỉnh đã vượt qua một chặng đường đấu tranh đầy hy sinh gian khổ song thắng lợi rất vẻ vang.

Phong trào du kích lan rộng trong toàn tỉnh. Bộ đội chủ lực đã có bước phát triển mạnh mẽ, là lực lượng chủ yếu tác chiến tập trung, đủ khả năng đánh tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng từng bộ phận đất đai, mở rộng vùng tự do, căn cứ địa cách mạng.

Lực lượng vũ trang Quảng Bình vừa chiến đấu, vừa xây dựng đã không ngừng trưởng thành, phối hợp tác chiến có hiệu quả với bộ đội chủ lực.

Những kết quả giành được thời kỳ 1949 - 1953 thực sự là một quá trình quật khởi và phát triển của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Quân và dân Quảng Bình bước vào thời kỳ mới với thế lực mới, vững tin vào thắng lợi cuối cùng.

3.3. Phối hợp với chiến trường chính giải phóng quê hương (1953-1954)

Sau chiến thắng Tây Bắc, Thượng Lào, cục diện chiến trường cả nước có nhiều biến đổi quan trọng. Thực dân Pháp bị thua đau phải điều quân đối phó khắp nơi.

Bước vào Đông - Xuân 1953-1954, trên chiến trường Bình - Trị - Thiên, các đơn vị chủ lực được lệnh chuyển ra vùng tự do huấn luyện và thành lập Đại đoàn.

Lực lượng tác chiến tại chỗ chủ yếu là bộ đội địa phương và dân quân, du kích. Lực lượng vũ trang ở Quảng Bình có: Tiểu đoàn 229 chủ lực tỉnh có 31 quân, quân số chiến đấu là 273. Vũ khí có 19 trung liên, 26 tiểu liên, 179 súng trường, 7 súng cối 60 lý, 2 đại liên, 2 ĐKZ, 788 lựu đạn, 190 ki lô gam bộc phá, 40 thủ pháo, 4 khối bộc phá 12ki lô gam, 30 quả đạn AT, 12 quả mìn huổi.

5 đại đội bộ đội địa phương gồm: Đại đội 361 (Lệ Thủy), Đại đội 362 (Quảng Ninh), Đại đội 363 (Bố Trạch), Đại đội 365 (Quảng Trạch), Đại đội 60 (Thị xã Đồng Hới) và lực lượng dân quân, du kích.

Ngày 01 tháng 11 năm 1953, Liên khu uỷ và Bộ Tư lệnh Liên khu mở hội nghị cán bộ địch hậu Bình - Trị - Thiên. Hội nghị chỉ rõ nhiệm vụ, phương hướng công tác tại vùng tạm chiến là: "Đẩy mạnh đấu tranh mọi mặt, nhất là đấu tranh vũ trang ở vùng sau lưng địch, phối hợp với chiến trường toàn quốc phá âm mưu mới của địch ở Bình - Trị - Thiên. Trước mắt là đẩy mạnh đấu tranh, chống càn quét, tăng cường lực lượng, đoàn kết đông đảo nhân dân chống giặc, phát triển và bảo vệ sản xuất, tích cực củng cố và phát triển công tác vùng tạm chiếm, đẩy mạnh công tác địch nguy vận"

Sau hội nghị cán bộ địch hậu Bình - Trị - Thiên, Tỉnh uỷ Quảng Bình chuyển hướng lãnh đạo, tổ chức các đợt sinh hoạt học tập chính trị, huấn luyện quân sự cho lực lượng vũ trang, bổ sung thêm cán bộ cho vùng địch hậu. Từ đó, phong trào đấu tranh của quần chúng từ tự phát với phạm vi hẹp dần dần có tổ chức với quy mô lớn liên kết nhiều thôn, xã, lôi kéo được các binh lính, công chức nguy quyền tham gia, có cuộc đấu tranh lên đến hàng ngàn người. Nổi bật là cuộc đấu tranh chống bắt lính ở Lý Hoà (xã Hải Trạch, Bố Trạch), Võ Xá, Duy Ninh, Hàm Ninh (Quảng Ninh), Cổ Liễu (xã Tây Hồ, Lệ Thủy)...

Thực hiện âm mưu bình định có trọng điểm, cuối tháng 11 năm 1953, thực dân Pháp liên tiếp tổ chức các trận càn vào Thuận Bảo, Ninh Trạch, Hoàn Lão, Hoàng Giang, Mỹ Lộc.

Ngày 01 tháng 12 năm 1953, Pháp mở một cuộc càn lớn vào Xuân Lai, Mỹ Lộc (xã Lê Khiếu, xã Minh Khai, Lệ Thủy). Từ vị trí Hoà Luật Nam, địch kéo về Thượng Phong, Tuy Lộc chia thành 3 cánh, dùng đồ vượt sông Kiến Giang.

Cánh thứ nhất gồm hai đại đội bao vây thôn Xuân Lai

Cánh thứ hai từ Tuy Lộc qua Lộc An, tiến lên Mỹ Lộc Hạ.

Cánh thứ ba gồm 1 đại đội từ Tuy Lộc sang Mỹ Lộc Thượng rồi chia thành nhiều mũi tiến về Mỹ Lộc Hạ.

Rạng sáng ngày 01 tháng 12, địch nổ súng mở đầu trận càn. Ở cánh quân thứ nhất, quân địch bị 2 tiểu đội của Đại đội 361 cùng lực lượng du kích địa phương nổ súng đánh trả. Cả 10 đợt tấn công đều bị quân ta bẻ gãy, địch phải tháo lui. Tuy nhiên, do lực lượng địch đông và có hỏa lực mạnh; phía ta, Tiểu đội trưởng trung liên và 2 xạ thủ bị thương, nên bộ đội quyết định rút lui về phía sau. Địch tràn về Mỹ Lộc Thượng bị 3 tiểu đội của Đại đội 361 và du kích chặn đánh quyết liệt, địch phải rút về Xuân Lai, cánh càn quét thứ nhất của địch bị bẻ gãy.

Cánh thứ hai của địch bị 2 tiểu đội của Đại đội 361 phục kích diệt 10 tên, làm bị thương nhiều tên khác. Hoảng sợ trước đòn phủ đầu ở Mỹ Lộc Hạ, địch phải rút về Lộc An.

Ở cánh thứ ba, 1 đại đội của địch từ Tuy Lộc qua Mỹ Lộc Thượng chia làm hai mũi tiến về Mỹ Lộc Hạ. Tại đây, cán bộ, chiến sỹ ta bám công sự chặn đánh quyết liệt; cánh quân thứ ba của địch bị thương vong nhiều, không đến được mục tiêu dự định.

Tranh thủ thời gian, bộ đội du kích sửa sang công sự, nhận thêm sự tiếp tế của nhân dân. 12 giờ ngày 01 tháng 12, giặc Pháp cho quân tăng viện tiếp tục mở đợt tấn công vào Mỹ Lộc Hạ và Mỹ Lộc Thượng. Cuộc chiến đấu ở đây diễn ra gay go, quyết liệt. Đến 3 giờ chiều, địch cho thêm quân tiếp viện, có cả máy bay và phi pháo yểm trợ, tập trung lực lượng tấn công. Bộ đội và du kích vừa đánh trả vừa rút lên căn cứ để bảo toàn lực lượng. Địch bao vây các thôn và cho máy bay ném bom xuống làng mạc. Đến 6 giờ chiều, trận càn kết thúc. Ta tiêu diệt được 142 tên, làm bị thương nhiều tên. Lực lượng ta có 11 cán bộ chiến sỹ và 27 đồng bào hy sinh.

Trận chống càn Xuân Lai - Mỹ Lộc một lần nữa chứng minh sự trưởng thành của lực lượng vũ trang địa phương. Qua đó khẳng định bộ đội địa phương có khả năng đảm nhiệm tác chiến giữ vững địa bàn để bộ đội chủ lực cơ động tác chiến trên chiến trường chính.

Tinh thần chiến đấu ngoan cường của Đại đội 361 cùng dân quân du kích Minh Khai, Lê Khiếu đã thể hiện truyền thống chiến đấu bảo vệ quê hương của lực lượng vũ trang địa phương.

Để chuẩn bị cùng với cả nước tiến hành cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953-1954, Trung ương Đảng và Bộ Tổng tư lệnh giao cho Liên khu 4 nhiệm vụ:

Tác chiến bảo vệ hậu phương, xây dựng lực lượng và bảo đảm cung cấp mọi nhu cầu phục vụ chiến dịch Trung Lào và chiến dịch Điện Biên Phủ.

Đẩy mạnh chiến tranh du kích ở chiến trường Bình Trị - Thiên, tiêu hao, tiêu diệt và kìm chân địch, phối hợp với chiến trường chính.

Cuối năm 1953, Liên khu uỷ, Phân khu Bình Trị - Thiên, Tỉnh uỷ Quảng Bình giao cho quân và dân huyện Bố Trạch, Tuyên Hoá, Quảng Trạch tổ chức lực lượng, chuẩn bị thế trận, phục vụ chiến dịch. Huyện uỷ Bố Trạch động viên quân và dân gấp rút chuẩn bị lực lượng đáp ứng mọi yêu cầu của chiến tuyến. Xã Phúc Trạch lo nơi ăn, ở cho 4000 dân công và thanh niên xung phong của 2 tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh vào phục vụ chiến dịch. Huyện điều động 600 cán bộ, đảng viên, thanh niên lên đường phục vụ chiến dịch. Hội đồng tuyển quân của huyện còn tuyển chọn 79 thanh niên bổ sung cho các đơn vị tham gia chiến dịch Trung Lào. Chỉ trong vòng 15 ngày đầu tháng 1 năm 1954, nhân dân các thôn vùng tự do đã huy động được 60.663 ki lô gam gạo, xay giã được 46.000 ki lô gam gạo, kịp thời chuyển ra mặt trận và vận chuyển gần 4000 tấn gạo từ Nghệ An vào các hướng của chiến dịch.

Ngày 22 tháng 12 năm 1953, trong lúc các đại đoàn chủ lực cơ động của ta đang cùng lực lượng vũ trang Bạn nổ súng mở đầu chiến dịch Trung Lào, Đại đội 361 với sự hỗ trợ của du kích xã Hưng Đạo đã nổ súng tiến công đồn Sen Hạ, tiêu diệt một số tên. Bị tấn công bất ngờ và thua đau, quân địch rất hoang cu. Phán đoán địch sẽ mở cuộc càn quét để trả đũa, chi uỷ và xã đội xã Hưng Đạo quyết định tổ chức trận địa mai phục đánh địch ngay trên đường quốc lộ 1.

Trên đoạn quốc lộ 1 từ Phù Chánh vào Sen Hạ, du kích đã chôn 89 bả chông, 7 quả mìn, trọng điểm là Sen Hạ. Ngày 24 tháng 12, một đoàn xe địch gần 80 chiếc chở 1 tiểu đoàn lính Lê Dương và 1 đại đội Com - măng - đô từ Đồng Hới đi vào. Đến vị trí Hoà Luật Nam, địch cho 1 toán bộ binh đi trước mở đường. Vào đến Phù Chánh, toán bộ binh dẫn đường đụng phải mìn tự động, địch chạy tán loạn. 8 tên bị sập hầm chông, phải mang cả bàn chông lên xe. Địch vẫn tiếp tục hành quân, khi đoàn xe địch lọt vào vị trí phục kích ở Dốc Sỏi, du kích Hưng Đạo giật mìn phá huỷ 1 xe; quân ta đồng loạt xung phong giết được 10 tên. Vào đến Sen Hạ, địch lại bị du kích chặn đánh giật 2 quả mìn, tiêu diệt 4 tên, 2 tên bị thương. Tổng cộng du kích Hưng Đạo tiêu diệt 14 tên, bắn bị thương 15 tên, phá huỷ 1 xe, thu một số súng, đạn, phá tan kế hoạch càn quét của địch.

Từ đây, Hưng Đạo là một trong những làng, xã chiến đấu nổi tiếng của tỉnh Quảng Bình và của Liên khu 4.

Tháng 01 năm 1954, bộ đội địa phương và du kích toàn tỉnh liên tục phục kích, đánh chặn địch càn quét, thu nhiều thắng lợi. Bộ đội 361 và du kích Hưng Đạo phối hợp tổ chức công đồn diệt viện, tiêu diệt lô cốt Nha Phang (Sen Thượng), phục kích địch đi tuần trên đoạn đường Sen Hạ - Phù Chánh. Đêm 05 tháng 02 năm 1954, được tin bọn địch ở Đồng Hới vào thay quân, du kích Hưng Đạo cấp tốc bố trí chông, mìn trên đường số 1 để chặn đánh. Ngày 06 tháng 02, 70 xe chở 500 lính từ Đồng Hới vào Hưng Đạo, đến Sen Thượng gặp phải mìn và hầm chông, 2 tên chết, 6 tên bị thương. Ở Sen Hạ, 1 xe ô tô bị rúng mìn, 5 tên chết, 6 tên bị thương, nhiều tên hốt hoảng nhảy khỏi xe chạy tán loạn vấp phải chông và mìn tự động.

Bộ đội địa phương và du kích Quảng Ninh cũng đẩy mạnh tiến công lịch, diệt gọn 2 trung đội địch ở đồn Võ Xá, tiếp đó đánh đồn An Xá (Lệ Thủy), Gia Ninh (Quảng Ninh), diệt 1 trung đội, thu nhiều vũ khí.

Tại Bố Trạch, Đại đội 363 phối hợp với du kích xã Hải Trạch, Nam Trạch, Bắc Trạch bao vây các đồn Vạn Lộc, Âm Tiến, Côn Trụ, Thanh Khê, Lý Hoà, Hoàn Lão, Chánh Hoà, diệt 63 tên địch, phá hỏng 5 xe quân sự. Ngày 09 tháng 02 năm 1954, bộ đội 363 và dân quân thôn Hoàng Phúc phục kích 1 đại đội địch đi càn về, giết và làm bị thương 14 tên, thu 1 trung liên, 7 tiểu liên.

Tại Quảng Ninh, bộ đội địa phương chọn điểm ở Cầu Ngán tổ chức đánh địa lôi, phá huỷ 1 xe địch, diệt 20 tên; ngày 21 tháng 01, đánh địa lôi trên đoạn đường Mỹ Trung - Dinh Thủy, phá 1 xe, 19 tên chết tại chỗ, 3 tên bị thương nặng. Một phân đội của Đại đội 362 phục kích ở Hà Thôn bắn chết một số tên, một số khác bị bắt làm tù binh.

Ngày 30 tháng 01 năm 1954, Đại đội 362 tiếp tục chặn đánh địch ở Vĩnh Ninh và đoạn đường từ Cầu Ngán (Lương Ninh) đến Quán Hẩu, tiêu diệt 14 tên, bắt sống 4 tên, thu một số vũ khí, đạn dược.

Bị thất bại nặng nề trên khắp chiến trường, thực dân Pháp càng lún sâu vào thế bị động. Đến cuối tháng 02 năm 1954, ở Bình Trị - Thiên, Pháp còn 18 tiểu đoàn chiếm đóng và 4 tiểu đoàn cơ động ứng chiến. Địch tổ chức những cuộc càn quét vào vùng du kích, cho ca nô chở biệt kích chạy dọc sông Gianh thăm dò vùng tự do của ta. Đi đôi với việc càn quét, bình định, phá hoại cơ sở, địch tiếp tục bắt lính, tập trung dân, mở rộng hoạt động gián điệp, tuyên truyền xuyên tạc chiến thắng của quân ta.

Nhằm phá âm mưu của địch, Bộ Tư lệnh Liên khu đề ra nhiệm vụ cho Bình Trị - Thiên: "Phát triển chủ lực của Khu, củng cố và phát triển bộ đội

địa phương và dân quân du kích. Đẩy mạnh chiến tranh du kích, chống càn quét, tiêu diệt, tiêu hao sinh lực địch, phá kế hoạch bình định có trọng điểm"

Để phát triển lực lượng đáp ứng yêu cầu mới của chiến trường, Liên khu uỷ giao chỉ tiêu cho Tỉnh đội Quảng Bình tuyển chọn 250 chiến sỹ mới, nhưng qua phát động, động viên, đã có 700 thanh niên hăng hái tình nguyện tòng quân giết giặc.

Thực hiện mệnh lệnh của Bộ Tư lệnh Liên khu, bước sang tháng 3 năm 1954, bộ đội địa phương và du kích liên tục bao vây, chặn đánh địch.

Ngày 09 tháng 3, Đại đội 363 chống càn thắng lợi ở Hoàn Phúc, Hải Trách, tiêu diệt 91 tên, 7 tên khác bị thương, bắt sống 5 tên, thu toàn bộ vũ khí.

Bị thất bại liên tiếp, ngày 11 tháng 3, địch tập trung lực lượng càn quét vào thôn Quảng Xá để tìm diệt lực lượng chủ lực của Quảng Ninh. Đại đội 362 cùng trung đội du kích thôn Quảng Xá đã anh dũng chiến đấu từ sáng đến 3 giờ chiều, buộc địch phải rút chạy về Mỹ Trung, ta diệt và làm bị thương 80 tên. Trận chống càn của Đại đội 362 và du kích Quảng Xá hoàn toàn thắng lợi.

Hưởng ứng đợt phát động "Tuần lễ đánh mạnh" của Bộ Tư lệnh Liên khu 4, ngày 20 tháng 3 năm 1954, Tiểu đoàn 229 và Đại đội 361 phối hợp với dân quân, du kích tiến công đồn Thượng Phong.

Đồn Thượng Phong đóng ở Mũi Viết, ngã ba sông Kiến Giang. Phía bắc đồn có 3 cửa: Một cửa ra Thượng Phong, một ra Hà Thanh, cửa chính bảo vệ đồn. Phía ngoài là vòng dây thép gai, tiếp đến là một loạt tháp canh Hương vệ. Lô cốt trung tâm xây kiên cố, hướng ra bốn phía, 4 vọng gác bao quanh Mũi Viết; vọng gác thứ nhất ở điểm cao có 1 trung liên khống chế ngã ba sông; quân số bao gồm 1 trung đội. Từ vị ổi này địch có thể kiểm soát các hoạt động của ta từ chiến khu về vùng du kích của các xã Quang Trung, Tây Hồ, Hoàng Hoa Thám, Lê Khiếu, ngăn cản lực lượng của ta về vùng sau lưng địch.

1 giờ sáng ngày 20 tháng 3, bộ đội địa phương huyện và Tiểu đoàn 229 chiếm lĩnh vị trí tiến công. Tại Đại Phong, ta bố trí một đơn vị pháo bắn kiềm chế địch từ Hoà Luật Nam chi viên. Ở Đình Quảng Cư đối diện vị trí Thượng Phong ta bố trí 1 khẩu đại liên bắn vỏ mìn vào đồn, lực lượng du kích được bố trí ở vòng ngoài vị trí Thượng Phong từ Hà Thanh về Mỹ Phước để chặn địch ở đường số 1 vào. Mũi tiến công xuất phát từ Quảng Cư vượt sông sang Mũi Viết. Bị đánh bất ngờ, địch chống cự yếu ớt và lợi dụng giao thông hào bỏ chạy. Sau 1 giờ chiến đấu, quân ta tiêu diệt 4 tên, bắt 7 tên, thu nhiều vũ khí,

lượng thực. Đồn Thượng Phong hoàn toàn bị tiêu diệt, vùng căn cứ của ta được mở rộng.

Phối hợp nhịp nhàng với thắng lợi ở Lệ Thủy, ngày 21 tháng 3, Đại đội 362 (Quảng Ninh) cùng du kích đánh lui 1 đại đội địch đi càn ở Duy Ninh, diệt và làm bị thương 20 tên, bắn cháy 2 xe tải, giải vây cho hơn 100 đồng bào ta bị bắt. Ngày 22 tháng 3, bộ đội địa phương Quảng Ninh tiếp tục đánh địch ở Đức Phổ, Trần Xá, Võ Ninh, Gia Ninh, tiêu diệt 5 tên, phá 1 xe, làm bị thương nhiều tên khác; ngày 27 tháng 3, chống càn ở Ninh Châu, diệt 15 tên.

Ngày 30 tháng 3 năm 1954, bộ đội địa phương tấn công đồn Võ Xá, bắt sống 35 tên, thu vũ khí. Ngày 04 tháng 6, san bằng vị trí địch ở Bình Phúc, Mỹ Phước, Trường Ninh, An Ninh.

Tại Lệ Thủy, phối hợp với chiến dịch Điện Biên Phủ, đầu tháng 4 năm 1954, bộ đội địa phương 362 cùng du kích liên tục tấn công địch, tiêu diệt các đồn An Lạc, Thạch Xá Thượng.

Cũng vào đầu tháng 4 năm 1954, Bộ Tư lệnh Liên khu đưa Đại đội 9 đặc công vào tác chiến ở Quảng Bình. Với chiến thuật "Đánh điểm nhỏ" và phương châm "Đánh chắc thắng", các chiến sỹ đặc công đã liên tiếp diệt 4 lô cốt từ sân bay Đồng Hới đến Chánh Hoà và nhiều vị trí khác.

Những chiến thắng này càng cổ vũ thêm tinh thần chiến đấu của các lực lượng vũ trang Quảng Bình.

Tháng 4 năm 1954, Đại đội 361 tổ chức trận địa phục kích ở Cầu Ông Bạc để diệt xe tăng địch.

Cầu Ông Bạc nằm trên đường số 1, cách vị trí Sen Nam 2ki lô mét. Dựa vào địa hình có lợi, du kích thường phục kích để chặn đánh các đoàn xe tiếp tế của địch. Do bị đánh nhiều lần, lần này địch phải cho xe tăng đi hộ tống đoàn xe vận tải. Ban chỉ huy thôn đội Hưng Đạo họp những người tham gia trận đánh nghiên cứu phương án diệt xe tăng. Kế hoạch đánh xe tăng của du kích được hình thành. Trong 1 đêm, dân quân, du kích đã đào được 1 chiếc hầm chống tăng dài 12mét, rộng 5 mét, sâu 2 mét.

Một ngày sau, đoàn xe 80 chiếc chở 1 tiểu đoàn quân ứng chiến từ đồn Hoà Luật Nam đi vào. Đợi cho xe địch đến gần trận địa mai phục, du kích đồng loạt nổ súng. Binh lính ngồi trên xe nhảy xuống bắn trả, vấp phải mìn và chông của du kích làm nhiều tên bị thương. Xe tăng địch quay sang phía đội hình du kích đang triển khai tấn công để bao vây quân ta. Nhưng chúng đã mắc mưu du kích, xe tăng địch sập xuống "huyệt" do du kích đào sẵn. Hầm sập, bom nổ, cùng với hoả lực của ta tập trung bắn vào, địch càng rối loạn, vội

vàng rút lui. Hôm sau, chúng cho 8 xe đến chở xác, lần này chiếc xe bọc thép đi theo hộ tống lại trúng bom của du kích.

Trận đánh xe tăng ở Cầu Ông Bạc là một trong những trận đánh hay, hiệu quả cao, ít thương vong của lực lượng vũ trang Lệ Thủy.

Cùng với hoạt động quân sự, lực lượng vũ trang hỗ trợ cho nhân dân tiến hành đấu tranh chống bắt lính; nổi bật là thôn Lý Hoà, Hoàn Lão (Bố Trạch), Võ Xá, Duy Ninh(Quảng Ninh), Xuân Hồi, Cổ Liễu (Lệ Thủy) Đồng bào đấu tranh kéo chống con trở lại, nằm lẩn ra giữa đường cản xe địch. Nhiều thanh niên kiên quyết không chịu đi làm bia đỡ đạn cho quân xâm lược.

Phong trào đấu tranh chính trị, binh vận đã tác động mạnh mẽ đến tinh thần binh lính địch, chúng bỏ chạy sang lực lượng cách mạng ngày càng nhiều.

Tại Quán Hàu (Quảng Ninh), có 120 nguy binh ra hàng. Ở Lộc Đại 5 nguy binh làm nội ứng cho ta diệt đồn, 150 tên khác bỏ vị trí trở về quê hương. Ở Thanh Khê (Bố Trạch), 20 lính nguy không chịu cầm súng lên đường tiếp viện. Toàn bộ lính đồn Thuận Lý , Thượng Phong không chấp hành lệnh đi càn, không chịu canh gác, tuần tiễu.

Hàng trăm cuộc đấu tranh nổ ra ở vùng tạm chiếm chống địch lập tề, thu thuế , cướp phá mùa màng như ở Gia Ninh (Quảng Ninh), Quang Trung, Sào Nam (Lệ Thủy), Trung Trạch, Hải Trạch (Bố Trạch). Hàng trăm ngư dân thôn Lý Hoà không chịu nộp thuế thuyền; 3000 người dân Hoàn Lão đòi thả hồng con bị bắt đi lính, 2000 người ở thị xã Đồng Hới đấu tranh chống cướp bóc.

Hướng về chiến trường chính, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của Tỉnh uỷ và Tỉnh đội Quảng Bình, bộ đội địa phương và lực lượng du kích cùng với lực lượng công an phối hợp bảo vệ các trọng điểm giao thông quan trọng, bảo đảm an toàn cho các đoàn dân công vận chuyển, bộ đội hành quân qua các chiến khu.

Ngày 07 tháng 5 năm 1954, chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng. ở Bình Trị Thiên, giặc Pháp vẫn ngoan cố, âm mưu chiếm lại đường số 9, ngăn cản giao thông Bắc - Nam.

Ngày 25 tháng 5, Pháp điều động 2 binh đoàn cơ động số 10 và số 21; tiếp đến ngày 28 và 30 tháng 5, đưa 400 xe , 2000 lính Âu - Phi, 2 đại đội cơ giới và 10 khẩu pháo 105ly từ Đà Nẵng ra Huế, sau đó tập kết ở Đồng Hà.

Ở Quảng Bình, địch chuyển 1.200 tấn xi măng, nhựa đường, sắt tấm để sửa chữa sân bay Hữu Cung (Đồng Hới), tung biệt kích ra vùng Roòn (Quảng Trạch), cho máy bay hoạt động ở bắc Quảng Bình, dọc sông Gianh.

Nhằm tăng cường cho lực lượng Bình - Trị - Thiên, ngày 15 tháng 5, Tổng Quân uỷ chủ trương xây dựng Trung đoàn 270 (Trung đoàn chủ lực của Liên khu 4), hoạt động ở vùng địch hậu Bình - Trị - Thiên. Tiểu đoàn 310 (thuộc Trung đoàn 270) phối hợp với bộ đội địa phương củng cố và mở rộng vùng căn cứ du kích, khu du kích, thu hẹp phạm vi chiếm đóng của địch. Tiểu đoàn 310 hoạt động từ Vĩnh Tuy, Long Đại (Quảng Ninh) ra Thanh Khê (Bố Trạch)

Phối hợp với các chiến trường, bộ đội địa phương liên tục chặn đánh các làn xe vận chuyển của địch trên đường quốc lộ số 1, tỉnh lộ số 2. Trên đoạn đường quốc lộ 1 từ Gia Ninh đến Đồng Hới, du kích chôn mìn tự động phá huỷ 1 xe vận tải, làm chết và bị thương 14 tên.

Bị lực lượng vũ trang tấn công mạnh, từ ngày 14 tháng 7, địch ở Bố Trạch rút từ đồn lẻ về co cụm trong các đồn Thọ Lộc, Âm Tiến, Thanh Khê, Mỹ Hoà, Chánh Hoà.

Trong tình thế có lợi cho ta, Đại tướng Tổng chỉ huy Võ Nguyên Giáp chỉ thị cho Tư lệnh Liên khu 4 đốc mọi lực lượng giải phóng Quảng Bình, Tĩnh Linh, sau đó sẽ giải phóng Thừa Thiên.

Liên khu uỷ và Bộ tư lệnh Liên khu sử dụng Trung đoàn 270, Trung đoàn 5, Tiểu đoàn 195 Nghệ An và 342 Hà Tĩnh cùng bộ đội địa phương và du kích Quảng Bình thực hiện chiến dịch. Trong lúc ta đang triển khai thế trận, thì ngày 20 tháng 7 năm 1954, Hiệp định Giơ-ne - vơ được ký kết, chiến dịch không thực hiện⁽¹⁾.

Sau khi Hiệp định Giơ-ne - vơ được ký kết, ở Quảng Bình vẫn chưa ngừng tiếng súng. Một mặt địch ra sức dụ dỗ đồng bào công giáo "Theo chúa vào Nam", mặt khác dùng phi pháo bắn phá vào các vùng công giáo như: Vạn Phúc đốt cháy 130 nhà, Thanh Khê (Bố Trạch) 100 nhà, Tam Toà (Đồng Hới) 50 nhà. Địch còn tập trung 12 máy bay bắn phá vùng An Lạc, Đại Phong, Xuân Bồ, Bến Mốc (Lệ Thuỷ) làm 24 người chết.

Trùng trùng tội ác của giặc Pháp, đêm 25 tháng 7, bộ đội địa phương Lệ Thuỷ tiến đánh và tiêu diệt hoàn toàn vị trí Bến Mốc. Ngày 26 tháng 7 năm 1954, Tiểu đoàn 229 bộ đội địa phương tỉnh tiến đánh vị trí Thượng Phong, tiêu diệt tại chỗ 1 đại đội địch, thu toàn bộ vũ khí.

Cuối tháng 7 năm 1954, chiến sự ở mặt trận Bình - Trị - Thiên kết thúc. Ngày 01 tháng 8 năm 1954, Quảng Bình hoàn toàn im tiếng súng.

Ngày 02 tháng 8 năm 1954, Liên khu uỷ họp đánh giá tình hình và quy định phạm vi tiếp quản cho các đơn vị.

Lực lượng vũ trang được phân công khu vực tiếp quản như sau:

- Tiểu đoàn 195 và Trung đoàn 95 tiếp quản thị xã Đồng Hới.
- Tiểu đoàn 229 khu vực Hoà Luật
- Đại đội 361 khu vực Tuy Lộc.
- Đại đội 362 khu vực Võ Xá, Mỹ Trung.
- Đại đội 363 và Tiểu đoàn 329 khu vực Hoàn Lão.
- Đại đội 365 khu vực Thanh Khê.

Đội cảnh vệ phụ trách bảo vệ các cơ quan và bảo đảm trật tự an ninh trong thị xã ^(A197:269).

Để chuẩn bị tiếp thu vùng giải phóng và tiếp quản thị xã Đồng Hới, Tỉnh uỷ quyết định thành lập Uỷ ban quân chính gồm : Đồng chí Nguyễn Tư Thoan, Phó bí thư Tỉnh uỷ làm chủ tịch UBQC; các đồng chí Đinh Văn Ích, đồng chí Thập Tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 195, đồng chí Huỳnh, Phó công an tỉnh, đồng chí Lại Văn Ly, Ban cán sự thị xã làm uỷ viên ^(A197:270).

Sau lệnh ngừng bắn ngày 01 tháng 8 năm 1954, Pháp rút quân từng đợt theo quy định.

Đợt 1: Từ ngày 01 đến 06 tháng 8 năm 1954, rút các vị trí Âm Tiến, Vạn Lộc, Côn Trạm, Lý Hoà về Hoàn Lão (Bố Trạch); Trần Xá, Đức Phổ, Vĩnh Tuy, Lệ Kỳ về thị xã; Tuy Lộc và các lô cốt ở Sào Nam, Hưng Đạo về Hoà Luật (Lệ Thuỷ).

Đợt 2: Ngày 11 tháng 8, rút quân khỏi khu vực Hoàn Lão (Bố Trạch), Thánh Hoà. Ngày 17 tháng 8 rút Thanh Khê và đến ngày 18 tháng 8 năm 1954, rút tất cả các đơn vị còn lại, kể cả thị xã ^(A197:271).

15 giờ ngày 18 tháng 8 năm 1954, bộ đội và nhân dân ta vào tiếp quản thị xã Đồng Hới.

Ngày 20 tháng 8, Uỷ ban quân chính ra mắt trước 3 vạn đồng bào tỉnh Quảng Bình.

Ngay sau ngày tiếp quản, nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, Bộ chính trị Ban chấp hành Trung ương ra Nghị quyết chỉ định Tỉnh uỷ Quảng Bình. Đồng chí Cổ Kim Thành, Bí thư Tỉnh uỷ trực tiếp phụ trách công tác tổ chức. Đồng chí Nguyễn Tư Thoan, Phó bí thư Tỉnh uỷ phụ trách Uỷ ban quân

chính. Đồng chí Hạnh đảm nhiệm công tác Tuyên huấn, đồng chí Doãn, Chánh văn phòng Tỉnh uỷ, đồng chí Tế phụ trách Dân vận và Nông Hội, đồng chí Dương Đình Dư phụ trách Kiểm tra Đảng, đồng chí Lư, Tỉnh đội trưởng, đồng chí Ngô Đình Văn phụ trách chính quyền ^(A197:269).

* *

*

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, lực lượng vũ trang Quảng Bình cùng với toàn dân đã giành thắng lợi to lớn và toàn diện. Về đấu tranh quân sự, đã đánh hơn 6000 trận lớn, nhỏ, tiêu diệt và bắt sống gần 10.000 tên địch, thu gần 1000 súng các loại. Riêng chiến dịch Đông - Xuân 1953-1954, phối hợp chặt chẽ giữa ba thứ quân, kết hợp đấu tranh quân sự, chính trị, kinh tế và địch vận, quân và dân Quảng Bình đã loại khỏi vòng chiến đấu 7.000 tên địch, bắt sống 817 tên, vận động rời bỏ hàng ngũ địch 2.298 tên, tiêu diệt 4 lớn và 10 lô cốt ^(A197:272).

Về đấu tranh chính trị, tuyên truyền vũ trang đã vận động nhân dân tổ chức được hàng ngàn cuộc đấu tranh chống bắt phu, bắt lính, chống đồn làng, lộn dân, chống lập tề. Kiên trì đấu tranh kinh tế, chống địch phá hoại sản xuất, cướp phá mùa màng; vận động nhân dân đóng góp sức người, sức của phục vụ tiền tuyến, hàng chục ngàn lượt người đi dân công, hoả tuyến.

Trong kháng chiến, tình cảm quân dân ngày càng gắn bó, bền chặt, góp phần làm nên những chiến công lừng lẫy như Tiên Lương, Phù Trịch, La Hà, La Đôn (Quảng Trạch); Mỹ Hoà, Sen Bằng .. (Bố Trạch); Duy Ninh, Hiên Lộ (Quảng Ninh); Xuân Bồ, Sen Hạ (Lệ Thuỷ). Quân và dân Quảng Bình một lòng sắt son tin tưởng ở sự lãnh đạo của Đảng, của Bác kính yêu, tin vào thắng lợi cuối cùng, tạo nên động lực to lớn, ý chí bất khuất kiên cường của Quảng Bình quật khởi"

Hơn tám năm đối đầu với quân xâm lược, với thế trận chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, quân và dân Quảng Bình đã cùng với cả nước đánh úng mọi âm mưu, thủ đoạn của thực dân Pháp, bảo vệ chính quyền cách mạng, xây dựng tiềm lực cho cuộc kháng chiến, tổ chức nhiều chiến dịch và vận đánh hay, tiêu diệt và tiêu hao các lực lượng chủ lực của thực dân Pháp trên địa bàn Quảng Bình; cùng với quân dân Trị Thiên nói riêng và quân dân khu IV nói chung đẩy mạnh các hoạt động quân sự phối hợp với chiến trường hình đánh bại hoàn toàn cuộc chiến tranh xâm lược lần thứ hai của thực dân Pháp; kết thúc bằng thắng lợi của chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ, buộc thực dân Pháp phải chấp nhận ký hiệp định Paris công nhận chủ quyền độc lập

dân tộc của Việt Nam , mở ra thời kỳ mới – thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà.

Chương VII (XII)

**THỜI KỲ
HOÀ BÌNH XÂY DỰNG
(1954-1964)**

1. KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH, THỰC HIỆN GIẢM TÔ, CẢI CÁCH RUỘNG ĐẤT, ỔN ĐỊNH KINH TẾ VÀ QUỐC PHÒNG, AN NINH ĐÓN BÁC HỒ VỀ THĂM QUẢNG BÌNH

1.1. Tiếp quản thị xã Đồng Hới và những vùng tạm bị chiếm

Thực hiện quy định của Hiệp định Giơ - ne - vơ về Việt Nam, lúc 15 giờ ngày 18 tháng 8 năm 1954, những tên lính thực dân cuối cùng rút khỏi thị xã Đồng Hới. Hàng chục ngàn nhân dân Quảng Bình vui mừng chứng kiến đội quân xâm lược của thực dân Pháp bao nhiêu năm tàn phá, cướp bóc, giờ đây đang lê kéo nhau xuống tàu.

Cùng lúc ấy, Trung đoàn 270, Tiểu đoàn 229 bộ đội địa phương Quảng Bình đội ngũ chỉnh tề tiến vào tiếp quản thị xã. Cả Đồng Hới rợp bóng cờ đỏ sao vàng. Nhân dân các vùng cũng đổ dồn về tỉnh lỵ hồ hởi đón mừng "Anh bộ đội Cụ Hồ"^(B18).

Theo điều 14C của Hiệp định Giơ - ne - vơ quy định: Ủy ban quốc tế thành lập phái đoàn công tác tại thành phố Đồng Hới gồm đại diện 3 nước Ba Lan, Ấn Độ và Ca Na Đa có nhiệm vụ giám sát việc thi hành Hiệp định ở Quảng Bình. Đại đội 300 bộ đội địa phương tỉnh có nhiệm vụ bảo vệ trụ sở phái đoàn. Đơn vị do đồng chí Hà Sỹ Khoa làm đại đội trưởng, đồng chí Nguyễn Ngọc Quyết phụ trách chính trị viên.

Chính quyền mới đã ra mắt và nhân dân ta đã được sống trong cảnh hoà bình song, hậu quả chiến tranh trên địa bàn Quảng Bình còn hết sức nặng nề. Nhiều làng mạc trù phú bị thực dân Pháp biến thành vành đai trắng. Gần 1.100 héc - ta ruộng đất bị bỏ hoang. Hơn 1/3 trâu bò bị địch cướp và bắn giết. Hàng nghìn nóc nhà, hàng vạn thúng lúa của dân bị đốt cháy. Hầu hết đê, đập, kè, cống bị phá hoại. Sau ngày giải phóng, Quảng Bình có 133 xã (có 58 xã công giáo), gần 40 vạn dân nhưng đã có hơn 1.000 người lao động ở thị xã Đồng Hới bị thất nghiệp. Bên cạnh đó, hệ thống đồn, bốt, lô cốt và kho tàng của địch còn ngổn ngang. Tính mạng đồng bào, chiến sỹ ta đang bị đe dọa vì những bãi mìn chưa tháo gỡ. Bên cạnh đó, rong tảo còn 3465 nguy quân, 556 nguy quyền, 185 tên phản động thuộc các đảng phái... Đây là trở ngại

ơn cho việc hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

Thực hiện mưu đồ biến miền Nam Việt Nam thành căn cứ quân sự, làm bàn đạp tấn công miền Bắc và phe xã hội chủ nghĩa, lập phòng tuyến miền Nam Việt Nam - Lào - Campuchia chia để ngăn chặn sự phát triển của cách mạng xã hội chủ nghĩa lan xuống Đông Nam Á, Tổng thống Mỹ Ai - Xen - hao trắng trợn tuyên bố: " Mỹ không ký hiệp định Giơ - ne - vơ nên không bị ràng buộc bởi Hiệp định, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ còn phụ họa thêm: " Mỹ sẵn sàng phòng thủ đường ranh giới quân sự ở Việt Nam cũng như đường giới tuyến ở Triều Tiên""^(213:9). Ngày 18 tháng 8 năm 1954, Bộ trưởng ngoại giao Mỹ gửi thông điệp cho Bảo Đại nói rõ: Chính phủ Mỹ sẽ chịu hết mọi phí tổn về việc tổ chức chuyên chở người Việt Nam ngoài Bắc vào Nam. Rồi, gián điệp Mỹ dội lốt thầy tu chỉ đạo Hội đồng di cư còn đưa ra những lời lẽ ngang ngược : biến miền Bắc Việt Nam thành bãi sa mạc để lại cho Việt Minh. Những lời lẽ trên đây của Đế quốc Mỹ chứng tỏ kẻ thù đang ráo riết tìm cách chống phá miền Bắc, phá hoại thành quả cách mạng của nhân dân ta mới giành được.

Ở miền Bắc, bọn phản động dội lốt thiên chúa giáo cũng tung ra luận điệu " Chúa đã vào Nam" Tại Quảng Bình, các xứ đạo bí mật truyền thư mua chuộc, lôi kéo đồng bào thiên chúa giáo rời bỏ quê hương đi theo giặc. Chúng đưa ra những khẩu hiệu phản động, nói xấu chế độ, nói xấu Đảng như: " Vào Nam là chọn tự do, hoà bình, là áo ấm cơm no lâu dài" Hàng ngàn giáo dân từ Sen Bằng, Hướng Phương, Đơn Sa, Thanh Khê, Trung Quán, Mỹ Phước... chen chúc về thị xã. Khung cảnh lộn xộn "mạnh ai nấy được" đang diễn ra xung quanh nhà thờ Tam Tòa... Nhân dân xứ đạo Tam Tòa hoảng hốt triệt hạ cây lưu niên và chuẩn bị di cư. Hàng ngàn người trẻ, già từ các nơi dồn về sống cảnh màn trời, chiếu đất, nơm nớp chờ tàu dịch để vào Nam.

Song song với việc triệt hạ cây cối, chúng còn cho bọn côn đồ đốt phá nhà cửa, nhiều nơi không còn một nóc nhà như: Vạn Lộc, Thanh Khê, Nội Hạ, Sen Bằng (Bố Trạch); Tam Tòa (Đồng Hới); Tân Thành, Tân Hưng, Xóm Rú, Hới Tre (Quảng Trạch)...Thủ đoạn của địch là bằng mọi cách làm cho giáo dân chỉ có một con đường là vào Nam. Xóm Hới Tre (Quảng Phúc, Quảng Trạch) cho đến nay hầu như chẳng mấy người biết đến. Xóm Mỹ Phước có 42 gia đình đều bị lôi kéo di cư. Tính đến cuối năm 1954, toàn tỉnh có đến 10.000 người di cư vào Nam, hầu hết là những người theo đạo Thiên chúa.

Giữa lúc một số đồng bào thiên chúa giáo ở nhiều nơi nghe theo địch rời bỏ quê hương tìm đường vào Nam, thì trên tuyến biên giới giáp tỉnh Khăm

nuộn (Lào), bọn phản động Việt Nam lưu vong đang tìm cách móc nối với bọn phản động trong nước lôi kéo đồng bào thiểu số vượt biên sang Lào sinh sống chờ thời cơ trở lại chống phá cách mạng. Một số đồng bào ở Bãi Dinh (Dân Loá), Cà roòng (Thượng Trạch)... đã mắc mưu giặc. Tại bản Cà Toọc và Phà Loòng đã xảy ra vụ khiêu khích với ý đồ đưa quân qua chiếm đóng nhằm tạo chỗ đứng chân. Các toán thổ phỉ vẫn lén lút quấy phá dọc tuyến biên giới. Chúng rình mò tìm cách móc nối, cấu kết nhằm tuyên truyền xuyên tạc lôi kéo lòng bào các bản ở dọc biên giới Tuyên Hoá, Bố Trạch và Lệ Thủy.

Quảng Bình còn chịu những hậu quả chiến tranh hết sức nặng nề, nguy cơ nạn đói đang là mối đe dọa đối với đời sống nhân dân, tệ nạn xã hội do chế độ thực dân và phong kiến để lại đang là những vấn đề nhức nhối. Bên cạnh đó, nổi lên gay gắt và nóng bỏng nhất là vấn đề chống di cư. Bối cảnh xã hội Quảng Bình cũng như miền Bắc thời kỳ này hết sức phức tạp.

Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng đã họp đề ra đường lối, nhiệm vụ cụ thể trong giai đoạn cách mạng mới là: "Đoàn kết và lãnh đạo nhân dân thực hiện Hiệp định đình chiến để củng cố hoà bình; ra sức hoàn thành cải cách ruộng đất, phục hồi và nâng cao sản xuất, tăng cường xây dựng quân đội nhân dân để củng cố miền Bắc..."^(35:12) Quán triệt sâu sắc Nghị quyết của Trung ương, ngay sau khi tiếp quản, việc củng cố chính quyền và toàn thể các cấp được tiến hành gấp rút.

Ngày 02 tháng 9 năm 1954, hơn 1 vạn người từ nông thôn đến thị xã, lại diện cho gần 40 vạn dân Quảng Bình đã tổ chức mít tinh trọng thể tại sân vận động Đồng Hới mừng ngày quốc khánh mừng 2 tháng 9 và mừng Quảng Bình hoàn toàn giải phóng. Cùng ngày, tại nhiều nơi trong tỉnh cũng tổ chức mừng chiến thắng, mừng quê hương được sống trong khung cảnh hoà bình; nhiều thị quyết tâm mới, khí thế mới trong việc xây dựng lại thôn quê. Ngày 12 tháng 9 năm 1954 thực sự là một ngày hội của toàn dân, thể hiện quyết tâm ý chí của quân và dân Quảng Bình với công cuộc hàn gắn vết thương chiến tranh; trách nhiệm của hậu phương tuyến đầu đối với cách mạng miền Nam, với quân và dân Trị Thiên ruột thịt.

'Xuất phát từ bối cảnh tình hình thực tế địa phương, thực hiện đường lối của Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng về tình hình mới, nhiệm vụ mới, tháng 10 năm 1954, Tỉnh uỷ Quảng Bình ra Nghị quyết chủ trương tập trung sức hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế, đẩy mạnh sản xuất, tiết kiệm, tổ chức đời sống nhân dân chuẩn bị mọi điều kiện tiến tới thực hiện vận động triệt để giảm tô, cải cách ruộng đất, khôi phục và phát triển kinh tế văn hoá.

Hưởng ứng chủ trương của Tỉnh uỷ, đồng bào và chiến sỹ trong tỉnh đã tập trung lực lượng khai hoang, phục hoá, đẩy mạnh trồng rau, màu... nhằm giải quyết đời sống trước mắt. Trên những cánh đồng, nương rẫy đến công sở vẫn còn những tiếng nổ của bom, mìn và lựu đạn địch gài lại cướp đi sinh mạng của biết bao người dân vô tội, nhiều nhất là khu vực nhà thương Đồng Hới, Sân vận động, Nhà máy điện, nhà thờ Tam Tòa...

Tiểu đoàn 229 là lực lượng chủ lực giải quyết thu gom súng đạn địch ở những nơi trọng điểm và làm vệ sinh môi trường cùng với đồng bào thị xã. Chỉ trong nửa tháng, gần 10 trường hợp bị thương vong (cả bộ đội và nhân dân). Trong vất vả, gian lao, thậm chí còn hy sinh cả tính mạng, nhưng cán bộ, chiến sỹ Tiểu đoàn 229 vẫn không chùn bước.

Tình hình an ninh, trật tự xã hội ở thị xã Đồng Hới vừa mới tạm ổn định, Tiểu đoàn 229 được lệnh hành quân ra vùng Quảng Trạch làm nhiệm vụ chống di cư. Nhằm cưỡng ép đồng bào ta vào Nam, bọn phản động đội lốt hiền chúa giáo đã dùng mọi thủ đoạn nói xấu, tuyên truyền xuyên tạc hình ảnh "Anh bộ đội Cụ Hồ"

Trong khi tình hình chính trị đang có nhiều diễn biến phức tạp, một bộ phận quần chúng vùng mới giải phóng, trong đó có vùng đồng bào theo đạo hiền chúa chưa có đủ điều kiện và thời gian đi hiểu hết đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước nên có những phản ứng rất quyết liệt với các đoàn công tác của tỉnh. Vì thế việc ăn, ở đến sinh hoạt của các tổ công tác (được chia thành nhóm nhỏ 3 người) tạm thời phải tự túc để dần dần thuyết phục và thâm nhập vào cuộc sống của nhân dân. Trong điều kiện thiếu thốn, lại chưa được dân đồng cảm, mùa đông giá lạnh với những cơn rét như cắt, nhưng những chiến sỹ trong đội công tác vẫn không nao núng. Từ việc thu xếp nhà cửa, làm vệ sinh chuồng bò, chuồng trâu đến mài dao, rèn cuốc cho dân..., các anh đã gây được tình cảm với đồng bào địa phương. Nhân dân hiểu rõ đường lối, chính sách của Đảng, thủ đoạn chia rẽ giáo lương, ý đồ cướp dân của địch đã bị vạch trần.

1.2. Hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế

Phát huy truyền thống "Quảng Bình quật khởi", đồng bào và chiến sỹ đã đẩy lên khí thế cách mạng sôi nổi. Những cánh đồng bỏ hoang đã được phục hoá. Những bãi sắn, luống khoai mọc lên khắp nơi. Một số nghề thủ công truyền thống đã được khôi phục. Đời sống của người dân đang đổi thay từng ngày.

Về mặt Nhà nước, từ tháng 10 năm 1954, Hội đồng Chính phủ quyết định đổi Uỷ ban hành chính khnág chiến các cấp thành Uỷ ban hành chính

hịu trách nhiệm quản lý Nhà nước về tất cả các lĩnh vực kinh tế — xã hội, tổ chức phát triển sản xuất, chăm lo đời sống nhân dân. Ủy ban hành chính các cấp bắt tay chỉ đạo việc hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục các lĩnh vực và ngành nghề bị bỏ trong chiến tranh, khôi phục diện tích canh tác, khai hoang, phục hoá.

Để thực hiện những nhiệm vụ trên đồng thời chuẩn bị mọi điều kiện cho cuộc vận động triệt để giảm tô và thực hiện cải cách ruộng đất và xây dựng kế hoạch dài hạn phát triển kinh tế — văn hoá — xã hội, ổn định chính trị, tỉnh đã thành lập một số ban công tác như Ban nghiên cứu quy hoạch sản xuất, đời sống, Ban khai hoang chỉ đạo sản xuất, Ban chống cưỡng ép di cư, Ban chuẩn bị cuộc vận động giảm tô và cải cách ruộng đất.

Trong tháng 10 năm 1954, Quảng Bình liên tiếp xảy ra 3 trận lụt lớn. Nhà cửa vừa mới ổn định, cuộc sống vừa được hồi sinh thì bão lụt lại tàn phá, gây thiệt hại hết sức nặng nề. Với truyền thống " Lá lành đùm lá rách", " Một miếng khi đói bằng một gói khi no", nhân dân các địa phương đã giúp nhau cùng ăn gạo, củ khoai. Đồng bào vùng cao còn đưa ngô, sản về bán cho những nơi gặp lũ lụt... Nhờ vậy, đời sống của mấy chục vạn dân trong tỉnh được ổn định. Thành quả trên đây thể hiện tính ưu việt của chế độ mới - chế độ dân chủ nhân dân do Đảng và Bác Hồ lãnh đạo.

Ngoài việc cùng toàn dân chống đói, lực lượng vũ trang địa phương còn đi đầu trong việc khắc phục, hạn chế những di họa của chiến tranh để lại. Các đơn vị bộ đội tập trung, nhất là công binh và quân khí, không quản ngày đêm bám sát từng bãi mìn, từng lô cốt để thu gom từng viên đạn, từng khẩu súng của địch.

Song song với việc giải quyết hậu quả của cuộc chiến tranh, Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình còn đón nhận 2.000 người, phần lớn là cán bộ, bộ đội, con em học sinh hai tỉnh Thừa Thiên - Quảng Trị ra tập kết. Bà con đã được ổn định nơi ăn, ở và sắp xếp việc làm thích hợp, thể hiện tình cảm gắn bó Bình Trị Thiên khối lửa trong 9 năm chống Pháp.

Hàng chục gia đình ở Lệ Thủy đã hưởng ứng phong trào "Đón thương binh về làng" Thôn Đại Phong (xã Phong Thủy) tình nguyện đón 30 gia đình ra tập kết, trong đó gần 1/3 là thương binh.

Ở các xã vùng giữa huyện Lệ Thủy, chị em phụ nữ có phong trào lấy chồng thương binh và bộ đội tập kết. Việc làm của các chị tuy bình thường nhưng thể hiện tình cảm và trách nhiệm với những người có công với nước.

Sau ngày quê hương được giải phóng, quân và dân Quảng Bình cùng một lúc phải dồn sức giải quyết những việc hết sức cấp bách. Từ việc gấp rút ổn định đời sống cho gần 40 vạn người, giải quyết hậu quả của chiến tranh và thiên tai, giải quyết kịp thời " Làn sóng di cư", quả là một thử thách hết sức phức tạp.

ng, nhờ biết vận dụng sáng tạo đường lối, chính sách của Trung ương Đảng và Chính phủ nên quân và dân trong tỉnh đã vượt qua khó khăn, thử thách, giành được thắng lợi lớn. Đây chỉ là thắng lợi bước đầu nhưng đã khẳng định sức mạnh của chế độ mới, sức mạnh của toàn dân, toàn quân do Đảng ta và Bác Hồ lãnh đạo.

1.3. Đấu tranh với các thế lực phản động, thực hiện chính sách giảm tô và cải cách ruộng đất

Nhằm xoá bỏ chế độ " người bóc lột người" , thực hiện mục tiêu của Đảng và Bác Hồ đề ra là " người cày có ruộng", đầu năm 1955, tỉnh Quảng Bình tiến hành cuộc vận động giảm tô.

Sau một thời gian chuẩn bị, tháng 2 năm 1955, tỉnh phát động thực hiện giảm tô đợt 7 tại 19 xã thuộc các huyện phía Bắc Quảng Bình. Đoàn giảm tô gồm 19 đội do đồng chí Cổ Kim Thành — Bí thư tỉnh uỷ Quảng Bình làm Bí thư đoàn uỷ, đã về 19 xã trong các huyện Tuyên hoá, Quảng Trạch, Bố Trạch để thực hiện vận động quần chúng giảm tô.

Tháng 7 năm 1955, Đoàn công tác giảm tô đợt 8 do đồng chí Hồ Khắc Quảng giữ chức Bí thư đoàn uỷ về vận động quần chúng thực hành giảm tô tại 1 xã phía nam gồm huyện Quảng Ninh, Lệ Thuỷ, , một số xã còn lại của huyện Bố Trạch , ngoại ô thị xã Đồng Hới và 6 xã Vĩnh Linh phía bắc giới tyên.

Sau các đợt giảm tô thứ 7 và thứ 8, các Đoàn công tác giảm tô đã tổ chức tổng kết đánh giá kết quả thực hiện triệt để giảm tô. Hội nghị tổng kết đã thống nhất đánh giá việc thực hiện giảm tô triệt để đã mang lại niềm tin cho quần chúng, cải thiện một bước lao động và thu nhập của nhân dân và bước đầu hạ uy thế của giai cấp địa chủ, chuẩn bị tinh thần cho việc thực hiện cải cách ruộng đất. Về mặt kinh tế, đợt giảm tô đã bắt tầng lớp địa chủ và phú nông phải thoái tô cho nông dân trên 37.000 tấn thóc, tịch thu của những địa chủ cường hào, có nợ máu một số tài sản chia lại cho dân nghèo.

Theo chỉ đạo của Trung ương, từ tháng 3 đến tháng 9 năm 1956, Quảng Bình tiến hành cuộc vận động cải cách ruộng đất đợt 5 triển khai ở 127 xã trong tỉnh. Sau 6 tháng triển khai thực hiện, hơn 20 vạn dân được học tập và hát động.

Kết quả 9 tháng thực hiện cải cách ruộng đất đã trưng thu, trưng mua và tịch thu trên 50.000 ha ruộng đất của giai cấp địa chủ và tầng lớp phú nông, 108 ngôi nhà, 431 trâu bò và trên 400 công cụ sản xuất các loại.

Đánh giá về cải cách ruộng đất, Hội nghị lần thứ 10 Ban chấp hành Trung ương Đảng (khoá II), tháng 9 năm 1956 nhận định: "Hiện nay ở miền Bắc, giai cấp địa chủ căn bản đã bị đánh đổ. Ruộng đất đã về tay nông dân, hơn 10 triệu nông dân lao động đã trở thành người làm chủ hàng vạn cán bộ, cốt cán được đào tạo, chế độ phong kiến chiếm hữu ruộng đất căn bản đã bị xoá bỏ. Đó là một chuyển biến to lớn về chính trị, kinh tế, xã hội" (A183:36).

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc cải cách ruộng đất ở Quảng Bình cũng như các tỉnh tiến hành đợt cuối ở miền Bắc đã mắc phải sai lầm nghiêm trọng trên 4 vấn đề lớn:

- Vi phạm đường lối giai cấp ở nông thôn, xâm phạm lợi ích trung nông. Không liên hiệp với phú nông, không phân biệt đối xử với các loại địa chủ, không chiếu cố địa chủ kháng chiến.

- Cường điệu việc trấn áp phản cách mạng.

- Không dựa vào tổ chức cũ, không giao cho tổ chức Đảng địa phương lãnh đạo cải cách ruộng đất, mắc chủ nghĩa thành phần và khuynh hướng rừng phạt.

Lạm dụng các biện pháp phát động quần chúng, nặng đầu tố, nhẹ giáo dục, phổ biến hoá cách làm bắt rẽ, xâu chuỗi, không kết hợp biện pháp hành chính với phát động quần chúng. Sai lầm nghiêm trọng nhất là trong việc hình đồn tố ^{chức(A188:69-71)}

Cải cách ruộng đất là chủ trương đúng đắn, là nguyện vọng của người nông dân, nhưng trong chỉ đạo lại rập khuôn, máy móc, không xem xét từ tình hình cụ thể của tỉnh. Bên cạnh đó, đảng viên và cán bộ (kể cả cán bộ quân đội) cũng bị xử lý

Hội nghị lần thứ 10 của Ban chấp hành Trung ương Đảng đề ra chủ trương "kiên quyết sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức để phát huy những kết quả đã đạt được" (A183:370).

Thực hiện chủ trương của Trung ương, tỉnh Quảng Bình triển khai từng bước sửa chữa sai lầm cải cách ruộng đất. Lãnh đạo tỉnh đã tổ chức đánh giá tình hình, nghiêm chỉnh phân tích những thắng lợi, vạch ra những nhiệm vụ cụ thể, đặt kế hoạch và bước đi trong tiến trình sửa chữa sai lầm

Cuối tháng 12 năm 1956, công tác sửa sai đã hàn thành bước một, đã khôi phục được một số tổ chức đảng và quần chúng bị vô hiệu hoá trong cải cách ruộng đất, trong đó khôi phục 24 chi bộ đảng, khôi phục đảng tịch cho 2004 đảng viên, trả lại tự do cho 615 người bị quy sai lên địa chủ và bị bắt oan trong cải cách ruộng đất. Nhân dân đã giúp đỡ cho nhiều gia đình bị quy sai lâm vào hàn cảnh khó khăn. Nhà nước đã hỗ trợ lương thực, thực phẩm, một

ổ vật dụng cho nhiều gia đình oan sai, trong đó có 708 gia đình vùng đồng bào theo đạo thiên chúa.

Kết quả lớn nhất của sửa sai là đa số những người bị quy oan thành phần giai cấp đã được xác định lại. Song lại xuất hiện một sai lầm mới. Dân quân và du kích, công cụ chuyên chính bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền lại trở thành lối tượng bị đã kích, vô hiệu hoá. Nhiều đồng chí cán bộ chủ chốt ở địa phương, kể cả cán bộ xã đội và thôn đội, dân quân, du kích những người tích cực xông xáo trong cải cách ruộng đất lại bị xử lý. Ở nhiều nơi, tổ chức xã hội, thôn đội trở thành hình thức. Nhiều cán bộ dân quân tìm cách vắng mặt những cuộc sinh hoạt tập trung của địa phương vì sợ bị liên lụy.

Lợi dụng những sai lầm của ta trong công tác sửa sai, bọn phản động lại tìm cách xuyên tạc, gây chia rẽ. Ở Quảng Trạch, bọn phản động móc nối với những phần tử xấu kích động quần chúng, xuyên tạc chính sách, chủ trương của Đảng, ca ngợi chế độ Mỹ - Diệm ở miền Nam.

Theo Hiệp định Giơ - ne - vơ về Việt Nam, giữa năm 1956 sẽ tiến hành tổng tuyển cử, thống nhất Tổ quốc, nhưng đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai rã rụn từ chối và ngang nhiên chà đạp quy chế của Hiệp định, biến giới tuyến quân sự tạm thời thành ranh giới chia cắt lâu dài hai miền. Giữa năm 1956, được đế quốc Mỹ hậu thuẫn, Ngô Đình Diệm tuyên bố: "Biên giới Hoa Kỳ kéo dài đến vĩ tuyến 17" Chính phủ Mỹ nhiều lần tuyên bố: "Miền Nam Việt Nam là tiền đồn quan trọng của Mỹ ở Viễn Đông", "... là dinh lũy của thế giới tự do"^(A213:15).

Đối với miền Bắc, chúng dùng các thủ đoạn tiếp tay móc nối và kích động bọn phản động nằm vùng tự do thực dân Pháp để lại, nhất là những vùng có đồng bào thiên chúa giáo. Quảng Bình là địa bàn gần giới tuyến tạm thời, có trên 200 ki lô mét đường Biên giới chung với nước Lào anh em và hơn 100 ki lô mét bờ biển. Đồng bào theo đạo thiên chúa khá đông, lại sinh sống tập trung ở vùng phía Bắc tỉnh; đó là yếu tố thuận lợi cho bọn biệt kích, gián điệp thâm nhập, gây dựng và nhen nhóm cơ sở.

Bọn phản động trong tổ chức hoạt động phá hoại của cái gọi là "Đảng Cù Xuân" được thực dân Pháp tổ chức nuôi dưỡng từ năm 1949, gồm những phần tử xấu, lạc hậu thuộc tầng lớp trên trong đồng bào dân tộc Vân Kiều ở phía tây huyện Hướng Hoá, tiếp giáp với huyện Lệ Thuỷ về phía tây nam. Sau khi thực dân Pháp rút khỏi nước ta, bọn "Cù Xuân" bị cắt viện trợ, chúng tạm thời ngừng hoạt động, chờ thời cơ... Đầu năm 1956, được đế quốc Mỹ và bọn Ngụy Sài Gòn cùng với tổ chức phản động ở Lào tiếp sức, bọn phản động "Cù Xuân" có thời cơ ngóc đầu dậy, tìm cách liên lạc và tập hợp lực lượng. Sau đó chúng chuyển hướng hoạt động ra hai xã Hàm Nghi và Đình Phùng (hiện nay là xã

Kim Thuỷ, Ngân Thuỷ và Lâm Thuỷ) miền tây Lệ Thuỷ. Đồng bào ở đây đa số là dân tộc Vân Kiều. Bọn phản động tìm cách lợi dụng giáo lý, thần quyền, hống chế, mê hoặc quần chúng, gây chia rẽ và nói xấu miền Bắc. Mọi hành vi hoạt động phá hoại của chúng không lọt qua được tinh thần cảnh giác của đồng bào địa phương; những tên chủ mưu đã bị cô lập, bọn "Cù Xuân" dần dần bị nhân hoá. Cuối năm 1957, chúng bị ta trấn áp mạnh, không còn đất để tụ họp, nước phải tan rã. Những tên ngoan cố tìm cách vượt biên sang Lào chờ thời cơ.

Ở phía Bắc, "Đảng Việt Hưng" - một tổ chức phản động do tên Bùi Lễ làm đầu⁽¹⁾, đặt trụ sở tại Chòm Vòng xã Quảng Hưng, huyện Quảng Trạch. Đảng "Việt Hưng" thành lập từ năm 1955 gồm những tên tay sai của giặc Pháp lại lại và bọn địa chủ cường hào, gian ác. Bọn "Việt Hưng" đã bí mật sắp xếp một khung lãnh đạo từ xã lên tỉnh; bí mật may cờ, soạn thảo cương lĩnh phản cách mạng... Nhưng mọi ý đồ nham hiểm của chúng đã bị quần chúng theo dõi, phát hiện.

Tháng 9 năm 1957, Ty Công an và Ban chỉ huy Tỉnh đội phối hợp chỉ đạo các ngành, các địa phương, lực lượng công an biên phòng, cùng nhân dân hai huyện Quảng Trạch và Minh Hoá bắt gọn toàn bộ tổ chức "Đảng Việt Hưng". Tháng 6 năm 1958, ta mở phiên tòa xét xử công khai, tên Bùi Lễ và đồng bọn đã cúi đầu nhận tội.

Từ tổ chức gọi là "Đảng Cù Xuân" đến "Đảng Việt Hưng" đã phơi bày âm mưu đen tối của đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm đối với Quảng Bình - một tỉnh tuyến đầu của miền Bắc. Từ thực tế cuộc đấu tranh chống bọn phản động và gián điệp, cấp uỷ và chính quyền các cấp đã tổ chức giáo dục cho đồng bào, chiến sỹ ở đồng bằng cũng như biên giới và bờ biển không ngừng đề cao cảnh giác với những âm mưu thủ đoạn của địch.

Cùng thời gian, Bộ tư lệnh Liên khu và Ban chỉ huy Tỉnh đội đã kiện toàn lực lượng, xây dựng phương án phòng thủ nhằm bảo vệ vững chắc tuyến núi và tuyến biển.

Tiểu đoàn 229 bộ đội địa phương tỉnh, sau khi hoàn thành nhiệm vụ chống di cư, được lệnh hành quân ra huyện Nghi Lộc (Nghệ An) củng cố lực lượng, cùng các tiểu đoàn bạn hợp thành Trung đoàn 359 do Bộ Tư lệnh Liên khu 4 trực tiếp chỉ đạo. Từ đây, Tiểu đoàn 229 đổi thành Tiểu đoàn 929. Tiểu đoàn có 3 đại đội: 76, 77 và 78 và 2 trung đội trực thuộc. Để đảm bảo cho đơn vị hoàn thành nhiệm vụ, tiểu đoàn được bổ sung 2 con voi, 16 con lừa, 40 con la, 42 con ngựa và mấy chiếc xe đạp Phụng Hoàng tiếp phẩm. Sau 20 ngày lội suối, trèo đèo, Tiểu đoàn 929 đã có mặt ở biên giới Việt - Lào, Đại đội 78 đóng ở Bãi Dinh, 1 trung đội chốt ở Cha Lo, đường 12. Tiểu đoàn có nhiệm vụ sẵn sàng cơ động đánh địch trên tuyến biên giới phía tây tỉnh Quảng Bình, một hướng chiến lược của Liên khu 4 và của tỉnh.

Bên cạnh việc sẵn sàng cơ động, xây dựng cơ sở vùng đồng bào thiểu số, Tiểu đoàn 929 còn phối hợp với quân đội Pa - Thét Lào mở nhiều đợt truy quét, bao vây, tiêu diệt bọn thổ phỉ vào sâu vùng đất bạn. Tiểu đoàn còn huấn luyện giúp đỡ cho quân đội bạn nắm vững kỹ, chiến thuật và binh khí được trang bị... Đồng bào và bộ đội càng tin tưởng gắn bó. Những việc làm trên đã thể hiện tình cảm gắn bó keo sơn giữa hai dân tộc.

" Việt Lào hai nước chúng ta

Tình sâu hơn nước Hồng Hà, Cửu Long"

Cùng thời gian trên, các đồn công an biên phòng Bãi Dinh, Cà roòng, Làng Mỏ và Đồn Quế được thành lập. Đây là những vọng gác tiền tiêu trên địa bàn Quảng Bình nhằm giữ vững an ninh vùng biên giới.

Trên tuyến biển, từ Đèo Ngang vào Vĩnh Thái (Vĩnh Linh) do Tiểu đoàn 501 đảm nhiệm, đồng chí Nguyễn Quan Đệ làm Tiểu đoàn trưởng, đồng chí Trần Quỳnh làm chính trị viên và đồng chí Trần Thanh Đạt giữ chức Tiểu đoàn phó. Tiểu đoàn được biên chế 3 đại đội , 4 trung đội (có 1 trung đội thuyền gỗ chèo tay) và 3 đài quan sát Lý Hoà, Nhật Lệ , Hoà Luật Nam. Các đài quan sát đã giúp cho các địa phương và đơn vị nắm vững tình hình trị an và hoạt động của địch trên vùng biển. Cuối năm 1956, các đồn Công an biên phòng Roòn, Thanh Khê, Lý Hoà, Nhật Lệ, Cửa Thôn và Ngư Thuỷ được thành lập.

Như vậy, trên cả 2 tuyến biên giới đất liền và bờ biển tỉnh Quảng Bình đã có những vọng gác tiền tiêu để giữ an ninh và chủ quyền của Tổ quốc.

Từ việc tổ chức các đài quan sát đến thành lập các đồn công an biên phòng và tổ chức các đơn vị cơ động , chứng tỏ các cấp, các ngành đã nhận thức được nhiệm vụ, có quyết tâm trong việc phòng thủ đất nước.

Nhằm tăng cường lực lượng cơ động sẵn sàng đối phó với âm mưu mới của Mỹ -Ngụy, Bộ Quốc phòng bổ sung Sư đoàn 325 cho Bộ Tư lệnh Quân khu 4^(A470:169). Sư đoàn đứng chân ở thị xã Đồng Hới, huyện Bố Trạch và huyện Lệ Thuỷ; từ những vị trí đó, Sư đoàn có thể cơ động nhanh chóng lên biên giới cũng như các địa phương trong tỉnh.

Cuối năm 1957, Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 13 họp và chỉ rõ: " Để tạo những điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà, miền Bắc phải tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội"^(A198:12)

Để ổn định tình hình trong và sau quá trình sửa sai, lãnh đạo tỉnh Quảng Bình đã phát động quần chúng tiến quân vào mặt trận kinh tế, đẩy mạnh sản xuất và ổn định đời sống.

Về nông nghiệp, từ chỗ nhiều diện tích hoang hoá do không yên tâm sản xuất, đến năm 1957 đã có trên 48.000 ha diện tích gieo trồng thu được nhân in đầu tư sản xuất, vượt 98% so với kế hoạch đề ra, đưa bình quân lương thực n 290kg/ khẩu trên ttất cả các địa phương trong tỉnh. Về thuỷ lợi, đã đầu tư ày dựng nhiều hệ thống kênh mương nội đồng, đảm bảo tưới tiêu cho hàng vạn a đất gieo trồng, đặc biệt đã xây dựng 21 km đập ngăn mặn, đưa trên 3000 ha iện tích đất ngập mặn vào sản xuất lương thực.

Về công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, đã khôi phục và phát triển sản uất một số ngành nghề phục vụ đời sống quần chúng như điện, nước, dịch vụ ận tải, khôi phục một số ngành nghề để tổ chức sản xuất trong thời gian nông nhàn như nghề mộc, xây dựng, đan lát, chế biến thuỷ sản...

Ngành thương nghiệp bắt đầu hình thành mạng lưới thương nghiệp quốc loanh đảm bảo lưu thông phân phối trên tất cả các địa phương trong tỉnh. Hệ thống mậu dịch quốc doanh chịu trách nhiệm cung ứng 3 mặt hàng chủ yếu là gạo, muối và vải để cung cấp cho nhu cầu tối thiểu của nhân dân, đảm bảo ổn định giá cả.

Hệ thống giáo dục và y tế công lập bắt đầu ổn định hoạt động. Số con em đến học ở các trường cấp 1 và 2 tăng 28%. Đặc biệt, trong điều kiện chiến tranh, nhiều người lớn tuổi bị thất học nên Chính quyền đã quan tâm thúc đẩy phtá triển ngành bình dân học vụ, thu hút 85% đối tượng trong diện đi học.

Ngành y tế đã triển khai xây dựng hệ thống các bệnh xá cấp huyện, trạm xá xã để phục vụ việc chăm sóc sức khoẻ tại địa bàn. Đến năm 1957 đã có 183 ban phòng bệnh đi vào hoạt động.

Để tiếp tục hoàn thành tốt công tác sửa sai và đẩy mạnh sản xuất, tỉnh uỷ đã mở hội nghị sơ kết bước một công tác sửa sai, trong đó đặc biệt chú ý đánh giá việc thực hiện chủ trương đền bù tài sản cho những người bị tước đoạt tài sản oan sai. Từ kinh nghiệm sửa sai bước một, tỉnh uỷ đã chỉ đạo triển khai sửa sai bước hai có thực hiện thí điểm rút kinh nghiệm tại các xã Võ Ninh (Quảng Ninh), Quảng Phong (Quảng Trạch) và các xã ngoại ô thị xã Đồng Hới.

Từ kinh nghiệm thu được trong các địa phương đã sửa sai bước hai, công tác sửa sai bước hai đã được triển khai trong toàn tỉnh, thu được kết quả, tạo được sự nhất trí trong nội bộ Đảng, không khí đoàn kết và thông cảm lẫn nhau trong nông thôn.

Song song với nhiệm vụ khôi phục kinh tế, Đảng ta chú trọng tăng cường quốc phòng, xây dựng Quân đội. Đảng ta xác định đây là một nhiệm vụ quan trọng, khẩn trương của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta^(A198:13). Nhận rõ vị trí của một tỉnh đầu cầu, là địa bàn chiến lược quan trọng, Tỉnh uỷ xác định nhiệm vụ trọng tâm của Đảng bộ, quân và dân Quảng Bình là tập trung xây

ng quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân địa phương. Các cấp, các ngành trong tỉnh kết hợp chặt chẽ giữa kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế, gắn xây dựng quốc phòng với phát triển kinh tế và xã hội.

Song song với việc chuẩn bị thế trận, Ban chỉ huy Tỉnh đội quyết định chọn xã Mỹ Thủy (Lệ Thủy) làm thí điểm xây dựng phong trào dân quân, du kích trong toàn tỉnh. Các đồng chí Võ Bông, huyện đội trưởng Lệ Thủy và Lê Xuân Triêm, cán bộ tham mưu Tỉnh đội cùng các đồng chí cán sự Huyện đội tìm sát địa bàn, nắm vững tình hình, kịp thời chỉ đạo phong trào.

Mỹ Thủy là xã có một phần bán sơn địa nằm ở hữu ngạn sông Kiến Giang. Trong kháng chiến chống Pháp thuộc xã Cao Văn; sau ngày miền Bắc giải phóng, các thôn Thuận Trạch, Mỹ Trạch Hạ, Mỹ Trạch Thượng hợp lại thành xã Mỹ Thủy.

Trong cải cách ruộng đất, Mỹ Thủy là một trong những xã mắc nhiều sai lầm; từ đó quần chúng sinh ra bất mãn, kể cả trong đội ngũ dân quân, du kích. Chính vì vậy mà Tỉnh đội và Thường vụ Huyện ủy Lệ Thủy chọn Mỹ Thủy làm thí điểm.

Sau khi học tập quán triệt tình hình âm mưu địch, đường lối chính sách của Đảng, những vướng mắc trong tư tưởng của dân quân, du kích đã được tháo gỡ. Tổ chức lực lượng được biên chế, kiện toàn phù hợp với địa bàn của xã. Xã tổ chức 3 trung đội dân quân ở 3 thôn. Dân quân toàn xã có 101 người; trong đó có 85 nam và 16 nữ. Những đồng chí bộ đội phục viên là nòng cốt trong lực lượng dân quân của xã.

Chi ủy và Ban chỉ huy Xã đội xác định những mục tiêu quan trọng là Chợ, Cầu..., các nơi đó đều có giao thông hào, hầm cá nhân; dân quân đều có súng giả; bàn chông, cuộn dây (để bắt biệt kích), một xác tượng gạo, ống muối rang... do cá nhân tự giác chuẩn bị.

Chế độ tuần tra cách gác có quy định cụ thể. Mỗi khi nghe 3 hồi trống (kể) là dân quân tập trung, nhiệm vụ "chiến đấu bảo vệ làng" đã đi vào nề nếp. Dân quân còn là lực lượng nòng cốt trong phong trào thủy lợi, giúp bà con khai hoang, cày, cấy lúc vào chính vụ...

Năm 1959, tại hội nghị xây dựng lực lượng hậu bị toàn miền Bắc, đồng chí Phạm Hàm, xã đội trưởng đã báo cáo kết quả của Mỹ Thủy về xây dựng dân quân. Mỹ Thủy là một trong 6 đơn vị điển hình toàn miền Bắc được nhận phần thưởng cao quý của Bác Hồ.

Từ những kinh nghiệm thiết thực của xã Mỹ Thủy, Thường vụ Huyện ủy Quảng Trạch và Chi ủy xã Quảng Xuân đã kịp thời tiếp thu, kiện toàn đội ngũ

dân quân ở địa phương; tiếp đó các huyện khác cũng tổ chức cho dân quân, du kích học tập và củng cố lại đội ngũ... Nhờ vậy, hoạt động của dân quân, du kích trong tỉnh đã có những chuyển biến rõ nét.

Đơn vị Lâm trường Nam Quảng Bình có nhiệm vụ trồng rừng phòng hộ chống cát dọc theo bờ biển từ xã Bảo Ninh vào giáp xã Vĩnh Thái (Vĩnh Linh). Thời gian đầu Lâm trường có 700 công nhân. Sau mấy năm lao động, 200 ha rừng phi lao ngày càng xanh tốt. Những khu rừng đang dần phủ kín những đồi cát trắng, không chỉ có tác dụng chặn đứng nạn cát bay, cát lấp, cải tạo hệ sinh thái môi trường mà còn tạo địa hình thuận lợi, kín đáo để bộ đội triển khai phương án phòng thủ tuyến biển.

Phong trào trồng cây gây rừng đã được phát động sâu rộng trong toàn dân. Đây là bước chuẩn bị quan trọng, tạo tiền đề để quân và dân trong tỉnh đánh thắng hải quân và không quân Mỹ khi chúng leo thang ra miền Bắc sau này.

Ngoài nhiệm vụ thường xuyên tuần tra, giữ gìn trật tự xã hội, an ninh trên địa bàn, dân quân và du kích còn là lực lượng nòng cốt, đi đầu trong lao động sản xuất, đặc biệt trong công tác thủy lợi. Ở hai huyện Quảng Trạch và Quảng Ninh, bộ đội Sư đoàn 325 về lao động giúp dân được hàng nghìn công. Cán bộ, chiến sỹ đã phối hợp cùng dân quân đào được 10 giếng và hàng nghìn mét nương máng kịp thời lấy nước chống hạn...

Những kết quả trên, chứng tỏ ở đâu chính quyền và cấp uỷ biết tổ chức, động viên dân quân, du kích thì nơi đó có phong trào mạnh mẽ và tạo được lòng tin cho quần chúng.

1.4. Thực hiện nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế, thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội, đón Bác Hồ vào thăm Quảng Bình

Giữa lúc quân và dân trong tỉnh đang hăng say lao động sản xuất, tập trung sức khôi phục kinh tế, thì ngày 16 tháng 6 năm 1957, Hồ Chủ tịch đã vào thăm Quảng Bình: Đây là sự kiện chính trị trọng đại, là nguồn cổ vũ lớn lao đối với Đảng bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang. Xuất phát từ vị trí chiến lược của tỉnh, với tầm nhìn của một vị lãnh tụ - nhà chiến lược quân sự thiên tài, Bác Hồ kính yêu đã chỉ rõ: "... Quảng Bình cùng với Vĩnh Linh ở tuyến đầu miền Bắc, tiếp giáp với miền Nam. Mọi việc làm tốt hay xấu của các cô, các chú ở đây đều có ảnh hưởng nhất định đến cách mạng miền Nam, đều có ý nghĩa đối với việc bảo vệ miền Bắc. Nếu kẻ địch có hành động liều lĩnh gì thì Quảng Bình, Vĩnh Linh phải đương đầu với chúng trước hết và phải đánh thắng chúng trước hết." (A3:90)

Giữa đêm 16 tháng 6, mặc dù có điện khẩn của Trung ương mời Bác về Hà Nội, Bác không rời Quảng Bình khi chưa thăm và nói chuyện được với lực lượng vũ trang nhân dân; Bác quyết định đến thăm và nói chuyện với cán bộ, chiến sỹ Sư đoàn 325 vào lúc 4 giờ sáng ngày 17 tháng 6 để kịp trở ra Hà Nội.

Tại cuộc mít tinh, Bác căn dặn cán bộ, chiến sỹ trong các lực lượng vũ trang hãy nhận rõ vị trí quan trọng của Quảng Bình mà mài sắc cảnh giác, tăng cường đoàn kết, ra sức học tập quân sự, chính trị, rèn luyện đạo đức phẩm chất của người chiến sỹ cách mạng; tích cực tham gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, xây dựng quân đội lớn mạnh về mọi mặt để hoàn thành mọi nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao phó trong bất cứ tình huống nào^(A3:94))

Những lời chỉ bảo ân cần của Bác càng khẳng định vị trí chiến lược của Quảng Bình ; trách nhiệm và nghĩa vụ của 40 vạn quân dân trong tỉnh với miền Nam thành đồng, với Trị -Thiên ruột thịt. Cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang đều nhận rõ lời Bác căn dặn chính là phương hướng hành động của quân đội trong giai đoạn cách mạng mới.

Nhận rõ trách nhiệm nặng nề của tỉnh tuyến đầu miền Bắc, vừa là hậu phương trực tiếp của miền Nam, Nghị quyết Tỉnh uỷ xác định: "... củng cố chính quyền dân chủ nhân dân , tăng cường lực lượng quốc phòng, xây dựng lực lượng hậu bị hùng mạnh, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu hoạt động phá hoại của địch, kết hợp chặt chẽ yêu cầu quốc phòng với kinh tế..." Tiếp đó, Tỉnh uỷ ra nghị quyết chuyên đề lãnh đạo thực hiện nghĩa vụ quân sự đợt đầu tiên ở tỉnh; đây là lần đầu tiên thế hệ trẻ thực hiện chế độ nghĩa vụ quân sự thay cho việc tình nguyện đánh giặc cứu nước trong thời kỳ chống Pháp.

Các cấp, các ngành, các địa phương cũng như mỗi công dân đều thấy rõ trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc. Hơn 200 thanh niên đã hăng hái lên đường, đạt chất lượng tốt. Qua đó, thể hiện truyền thống yêu nước, bản chất kiên cường của quê hương Quảng Bình quật khởi.

* * *

Sau khi hoàn thành những nhiệm vụ cơ bản trong công tác hàn gắn vết thương sau chiến tranh, thực hiện triệt để giảm tô và cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, ổn định đời sống, Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hoà khoá I, kỳ họp thứ 8 từ ngày 16 đến ngày 29 tháng 4 năm 1958 đã thông qua nghị quyết xây dựng miền Bắc tiến lên xã hội chủ nghĩa và đấu tranh thống nhất nước nhà.

Để thực hiện nhiệm vụ chiến lược đó, tháng 11 năm 1958, Hội nghị lần thứ 14 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá II) đã ra nghị quyết về

hiệm vụ và kế hoạch phát triển kinh tế — xã hội 3 năm 1958-1960, trong đó nhấn mạnh 3 nội dung chủ yếu:

- Đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp và công nghiệp, lấy sản xuất nông nghiệp làm khâu chính nhằm giải quyết vấn đề lương thực, đồng thời chú trọng phát triển công nghiệp.

- Ra sức cải tạo nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và công thương nghiệp tư bản tư doanh theo chủ nghĩa xã hội, khâu chính là đẩy mạnh hợp tác hoá nông nghiệp.

Trên cơ sở phát triển sản xuất, nâng cao thêm một bước đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân.

Như vậy, nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn này là đẩy mạnh công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế mà trọng tâm là xoá bỏ các thành phần kinh tế tư bản, xây dựng quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa, xây dựng các hợp tác xã ngành nghề, trọng tâm là hợp tác xã nông nghiệp.

Để chuẩn bị cho việc triển khai phong trào hợp tác hoá, lãnh đạo tỉnh đã quyết định nay dựng mô hình thí điểm hợp tác xã nghề ruộng và nghề cá đầu tiên tại xã Lộc Ninh, huyện Quảng Ninh và nơi có phong trào tổ đổi công và tập đoàn sản xuất phát triển khá mạnh.

Hợp tác xã nghề cá Phú Hội (sau này là Quang Phú) và **hợp tác xã nông nghiệp Tây Xá** là những mô hình đầu tiên về việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế.

Trên cơ sở những thành tựu đạt được trong phát triển kinh tế và cải tạo các thành phần kinh tế, ngày 20 tháng 9, Đại hội đại biểu nhân dân đã được triệu tập. **Cụ Tôn Đức Thắng, Trưởng ban thường trực quốc hội Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam** đã về dự.

Sau Đại hội, Tỉnh uỷ, Ủy ban hành chính tỉnh phát động phong trào thi đua "Cầm cờ hồng, thực hiện 3 tốt" (Sản xuất tốt, thuỷ lợi tốt, đổi công hợp tác tốt). Trên cơ sở kinh nghiệm xây dựng 2 hợp tác xã nghề nông và nghề cá ở Lộc Ninh, Ủy ban hành chính tỉnh quyết định mở lớp huấn luyện đào tạo cán bộ để triển khai việc xây dựng các hợp tác xã trên địa bàn. 220 cán bộ nòng cốt của các địa phương trong toàn tỉnh đã về dự lớp đào tạo.

Sau khi được trang bị một số kiến thức về việc đường lối cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế, và quy trình, nội dung xây dựng hợp tác xã, các cán bộ được đào tạo đã về địa phương tham mưu cho cấp uỷ và chính quyền xây dựng hợp tác xã.

Sau mô hình thí điểm về xây dựng hợp tác xã tại xã Lộc Ninh, huyện Quảng Ninh, phong trào hợp tác hoá được nhân rộng trên địa bàn toàn tỉnh. Đến năm 1958, toàn tỉnh đã có 47 hợp tác xã nông nghiệp và 15 hợp tác xã nghề cá, bao gồm 7542 hộ, chiếm 12,8% so với số hộ nông dân trong toàn tỉnh. Đây là một thắng lợi quan trọng làm tiền đề để hoàn thành công tác hợp tác hoá tất cả các thành phần kinh tế trên toàn bộ địa bàn^(A183:57).

Các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn cũng đã bắt đầu chuyển hướng xây dựng thành hợp tác xã hoặc tập đoàn sản xuất. Một số cơ sở tư bản tư danh chủ yếu địa bàn Đồng Hới và Ba Đồn đều chuyển đổi dưới các hình thức công tư hợp doanh hoặc quốc hữu hoá để chuyển thành cơ sở quốc doanh.

Về phong trào tổ đổi công, đến năm 1958 đã xây dựng được 2.200 tổ và 109 tập đoàn sản xuất, thu hút 44% hộ nông dân vào làm ăn tập thể để hỗ trợ nhau trong sản xuất.

Từ ngày 15 đến ngày 21 tháng 1 năm 1959 Hội nghị đại biểu Đảng bộ tỉnh được triệu tập để đánh giá những kết quả đã đạt được, quyết định phương hướng, nhiệm vụ trong những năm tới và chuẩn bị đối phó với âm mưu, thủ đoạn mới của đế quốc Mỹ và tay sai. Đây là hội nghị hết sức quan trọng, có ý nghĩa như một kỳ Đại hội bởi những chủ trương được thông qua trong Hội nghị có giá trị quyết định kết thúc nhiệm vụ quan trọng của thời kỳ cải tạo xã hội chủ nghĩa, làm tiền đề cho việc xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn sau. **Đại tướng Nguyễn Chí Thanh, uỷ viên Bộ Chính trị đã về dự và chỉ đạo hội nghị.**

Hội nghị quyết định phương hướng nhiệm vụ năm 1959-1960, tập trung đẩy mạnh sản xuất, giải quyết kỳ được tự túc lương thực, tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nghề cá, nghề rừng, cải tạo công thương nghiệp tư bản, tư doanh, xây dựng Đảng và phát động phong trào quần chúng hoàn thành nhiệm vụ xây dựng kinh tế, bảo vệ quốc phòng, an ninh và đấu tranh thống nhất nước nhà.

Sau hội nghị, phong trào quần chúng thi đua lao động sản xuất đã mang lại kết quả mong đợi. Vụ Đông — Xuân năm 1958 — 1959 mở đầu cho kế hoạch 3 năm thu được thắng lợi quan trọng. Lúa chiêm vượt gần 6% diện tích, 10% năng suất, 6% sản lượng; khai hoang đạt trên 1000 ha, vượt 100% chỉ tiêu Trung ương giao cho. Các lĩnh vực kinh tế — xã hội đều tăng trưởng và phát triển. Từ những kết quả đã đạt được, Quốc Hội đã quyết định tặng thưởng **Huân chương lao động hạng 3** cho đồng bào và chiến sỹ Quảng Bình.

Trong 2 năm tiếp theo, nhân dân Quảng Bình đã liên tục giành được những thành quả trong việc xây dựng quan hệ sản xuất mới, nâng cao hiệu quả

ản xuất và tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng hạ tầng cơ sở cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên địa bàn. Đến cuối năm 1959 đã có trên 90 % hộ nông dân và ngư dân vào làm ăn tập thể với 780 hợp tác xã, trong đó có 47 xã có tới 95% hộ nông dân vào hợp tác xã, trên 80% các hộ sản xuất tiểu thủ công nghiệp và thương mại tham gia hợp tác xã hoặc tập đoàn sản xuất. Trên cơ sở chuyển biến của phong trào hợp tác hoá, các mặt văn hoá, xã hội, tổ chức đời sống đều có tiến bộ rõ rệt.

Đánh giá phong trào xây dựng quan hệ sản xuất mới, thi đua lao động sản xuất xây dựng cuộc sống mới và những kết quả thực hiện kế hoạch 3 năm (1958-1960), Hội nghị tỉnh uỷ ngày 12 tháng 1 năm 1960 nhận định: "Phong trào phát triển tương đối đều, nhanh trong toàn tỉnh và hiện nay đã thực sự trở thành một phong trào quần chúng rộng rãi và đang có khí thế lên cao trào. Phong trào đã dần dần đi vào bề sâu nhưng chưa vững chắc"^{A183:69}

*** Hợp tác xã Đại phong – lá cờ đầu trong phong trào xây dựng hợp tác xã nông nghiệp miền Bắc**

Trong phong trào xây dựng hợp tác xã nông nghiệp xuất hiện một điển hình nổi bật và trở thành ngọn cờ đầu của miền Bắc trên lĩnh vực xây dựng hợp tác xã và tổ chức phát triển sản xuất nông nghiệp đó là **hợp tác xã Đại phong**, huyện Lệ Thủy.

Cuối năm 1958, *hợp tác xã Mỹ Phước* ra đời với khẩu hiệu hết sức táo bạo và cụ thể là "*đuổi kịp mức sống trung nông*" Trong hội nghị tổng kết phong trào hợp tác hoá nông nghiệp toàn miền Bắc năm 1959 họp tại Hà Đông, hợp tác xã Mỹ Phước được báo cáo điển hình và được Quốc hội tặng thưởng *Huân chương a động hạng ba*.

Tháng 10 năm 1959, hợp tác xã Mỹ Phước hợp nhất với hợp tác xã Đông - Tây - Bắc và lấy tên là *hợp tác xã 6 - 1*

Tháng 10 năm 1960, hợp tác xã 6 - 1 hợp nhất với các hợp tác xã Trần Phú và Lệ Phong thành *hợp tác xã quy mô toàn thôn gọi là hợp tác xã Đại phong* gồm 446 hộ với 1028 xã viên, 829 lao động và 1113 mẫu ruộng. Hợp tác xã đã tổ chức khai hoang hoá trên cánh đồng trũng đưa 60 mẫu ruộng vào sản xuất, đồng thời tổ chức khai phá 120 mẫu vùng gò đồi miền Tây Lệ Thủy để tăng diện tích và đa dạng hoá đối tượng sản xuất. Nhờ quản lý tốt, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và thực hiện chính sách xã hội tốt nên ngay trong những năm đầu thành lập, hợp tác xã đã thu được kết quả khả quan. Đây là hợp tác xã đầu tiên áp dụng chuyên môn hoá ngành nghề, định mức lao động, và tiến hành khoán lao động, khoán sản phẩm và khoán khối lượng đến người lao động. Nhờ vậy hợp tác xã Đại Phong đã đưa một phần lớn diện tích vốn có áp dụng gieo trồng một vụ thành 2 vụ có năng suất trên 22 tạ / 1 ha. Trong

ời điểm bấy giờ, năng suất như vậy là một thành công lớn. Sau 3 lần phấn đấu với mục tiêu đưa mức sống xã viên lên ngang mức sống trung nông, hợp tác xã Đại phong đã chứng minh được thành công trong việc quản lý và xây dựng hợp tác xã. Đại phong đã trở thành địa danh nổi tiếng cùng với những đơn vị điển hình xuất sắc của cả nước: Duyên Hải (nhà máy cơ khí, điển hình ngành công nghiệp) – Đại Phong (hợp tác xã nông nghiệp, điển hình ngành nông nghiệp nông nghiệp) – Thành Công (hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp, điển hình ngành thủ công nghiệp) – Ba Nhất (Đại đội 2 đoàn pháo binh Vinh quang, đơn vị điển hình lực lượng vũ trang với thành tích nhiều nhất, toàn diện nhất và đạt kỷ lục cao nhất) và Bắc Lý (điển hình dạy tốt, học tốt của ngành Giáo dục).

Đi đôi với việc phát triển kinh tế và nâng cao đời sống nhân dân, nhân dân Quảng Bình không ngừng nâng cao cảnh giác, huy động mọi nguồn lực xây dựng cơ sở vật chất và tiềm lực chuẩn bị cho công cuộc kháng chiến chống Mỹ.

Quan triệt chủ trương của Trung ương về đường lối cách mạng miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân và Nghị quyết của Đảng ủy Quân khu 4 về nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, tăng cường công tác phòng thủ về mọi mặt, sẵn sàng chiến đấu.... Quý 1 năm 1959, ban chỉ huy Tỉnh đội tổ chức diễn tập "Chiến đấu bảo vệ làng" Xã Duy Ninh (Quảng Ninh) là một địa phương có truyền thống "rào làng chiến đấu" trong kháng chiến chống Pháp, nay được Tỉnh đội chọn làm địa bàn của đợt diễn tập thực binh. Mục đích của diễn tập là làm cho lực lượng vũ trang luôn luôn nâng cao cảnh giác, sẵn sàng cơ động đối phó khi địch liều lĩnh tiến công ra Bắc. Các đồng chí tỉnh đội trưởng, Tham mưu trưởng và trợ lý cơ quan đã lên phối hợp với huyện Quảng Ninh chuẩn bị. Các đồng chí phái viên của Quân khu 4 ủng hộ vào chỉ huy cuộc diễn tập.

Đến dự rút kinh nghiệm diễn tập có đại diện các cấp, các ngành, các cơ quan và xã đội trưởng các xã có phong trào dân quân, du kích mạnh. Quân và dân địa phương đã tranh thủ thời gian đào giao thông hào, làm công sự, tạo thành hệ thống liên hoàn nối xóm với xóm, thôn với thôn.

Tuy thời gian ngắn, nhưng đợt diễn tập thực binh đã đạt được kết quả thiết thực, rút được nhiều kinh nghiệm, nhất là với cán bộ, chỉ huy và đội ngũ dân quân, du kích; góp phần giáo dục và nâng cao tinh thần sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ trị an.

Là một tỉnh giáp với vùng giới tuyến, đồng thời có hơn 200 ki lô mét đường biên giới với Lào, lại có cả vùng biển rộng, địa hình phức tạp, nơi kẻ thù tìm trăm phương nghìn kế để chống phá, việc tổ chức diễn tập "Chiến đấu bảo

ệ làng" không chỉ tập dượt cho lực lượng dân quân du kích, mà qua đó khơi dậy truyền thống toàn dân đánh giặc của tỉnh trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Nhằm đáp ứng nhiệm vụ phòng thủ đất nước và để giữ vững an ninh biên giới, hải đảo, ngày 03 tháng 3 năm 1959, thực hiện sự chỉ đạo của Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng và Thủ tướng chính phủ ra quyết định thành lập lực lượng công an nhân dân vũ trang. Từ đó, ngày 03 tháng 3 trở thành ngày truyền thống của lực lượng công an nhân dân vũ trang.

Ở Quảng Bình, Công an nhân dân vũ trang hình thành từ những đơn vị bộ đội địa phương và công an biên phòng. Đồng chí Trần Kim Giá, Tham mưu trưởng Trung đoàn 101 (Sư đoàn 325) giữ chức chỉ huy trưởng Công an nhân dân vũ trang tỉnh.

Lực lượng gồm các đồn biên phòng tuyến núi, tuyến biển, Tiểu đoàn 29 và 501 làm nhiệm vụ cơ động. Nhằm đáp ứng yêu cầu cơ động, nắm vững địa bàn, các đồn đều được kiện toàn bổ sung quân số, trang bị. Trước đây, mỗi đồn có 5-7 đồng chí, nay có 20 - 25 đồng chí. 2 Tiểu đoàn 929 và 501 làm nhiệm vụ bảo vệ thị xã và cơ động trên các vùng xung yếu trên địa bàn tỉnh.

Lực lượng công an nhân dân vũ trang Quảng Bình ra đời là một bước phát triển quan trọng, góp phần tăng thêm sức mạnh cho lực lượng vũ trang địa phương trong giai đoạn cách mạng mới.

Trước tình hình mới của cách mạng miền Nam, ngày 06 tháng 5 năm 1959, Quân uỷ Trung ương và Bộ Quốc phòng tổ chức hội nghị liên tịch tại Quân khu 4 để bàn việc mở đường tiếp tế cho đồng bào và chiến sỹ miền Nam. Đồng chí Nguyễn Văn Vịnh, Trung tướng, Uỷ viên Trung ương Đảng, Uỷ viên Quân uỷ Trung ương, Trưởng ban thống nhất Trung ương chủ trì hội nghị. Tham dự cuộc họp quan trọng còn có các đồng chí đại diện Bộ Giao thông vận tải, Tổng cục Bưu điện, đồng chí Nguyễn Đôn, Tư lệnh Quân khu 4 và đồng chí Võ Văn Ấp trưởng Ty giao thông - Bưu điện Quảng Bình.

Để thực hiện quyết tâm của Ban Bí thư Trung ương, tỉnh Quảng Bình và Quân khu 4 đã huy động 1.000 người (cả dân công Quảng Bình và bộ đội Sư đoàn 325) tập trung mở đường.

Tuyến đường xuất phát từ ngã tư Thạch Bàn vào Khe Hó (Vĩnh Linh) được lệnh khởi công đúng ngày sinh nhật Bác Hồ kính yêu: Ngày 19 tháng 5 năm 1959. Sau một tháng miệt mài xuyên rừng, bạt núi, con đường đã hoàn thành. Những chuyến hàng đầu tiên đã bàn giao cho bộ phận tiền phương của Khu uỷ Trị - Thiên tại bãi Hà (Phía tây khu vực Vĩnh Linh). Đây là món quà chứa đựng tình cảm sâu nặng của đồng bào và chiến sỹ miền Bắc với miền Nam và thể hiện truyền thống tình nghĩa đoàn kết keo sơn " Bình Trị - Thiên

lời lửa" trong những năm kháng chiến chống Pháp. **Tuyến Thạch Bàn** **he Hó là bước chuẩn bị quan trọng tạo tiền đề cho tuyến vận tải chiến** **ợc đường 559 - đường mòn Hồ Chí Minh về sau này.**

Cách mạng miền Nam đang phát triển nhanh chóng, nhất là ở chiến trường Liên khu V. Do vậy, Mỹ - Ngụy đang tìm cách đàn áp hồng dập tắt ngọn lửa đấu tranh đang bùng cháy. Ở Trị - Thiên, địch dùng nhiều thủ đoạn xảo quyệt hồng cắt đứt mối liên lạc và tiếp tế giữa chiến khu và đồng bằng; giữa miền Bắc với miền Nam qua vùng giới tuyến.

Trên hướng tây, được quân đội của phái Phu - My tiếp tay, quân Ngụy ở Gò nống ra hoạt động gây rối ở xã Hướng Lập, địa bàn tiếp giáp phía tây huyện Lệ Thủy (phía bắc Vĩ tuyến 17) nhằm thăm dò lực lượng ta; đồng thời tìm cách cài cắm biệt kích trà trộn gây cơ sở trong đồng bào thiểu số. Ý đồ thâm độc của Mỹ - Ngụy là tìm cách chặn đứng sự chi viện của miền Bắc. Trong bối cảnh đó, việc giữ mạch máu lưu thông giữa hai miền là đòi hỏi khẩn thiết, là sự sống còn của cách mạng miền Nam. Được Ban thoả thuận, Bộ Quốc phòng mở tuyến đường mới vượt qua Trường Sơn vào đất Lào, nằm trên hướng tây Quảng Bình. Quán triệt sâu sắc Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành trung ương " ... Cuộc khởi nghĩa của nhân dân miền Nam cũng có khả năng chuyển thành một cuộc đấu tranh vũ trang trường kỳ... Đảng ta phải thấy trước khả năng ấy để chuẩn bị chu đáo và chủ động đối phó trong mọi tình thế"; nhân và dân trong tỉnh càng nhận rõ vị trí chiến lược của địa bàn, càng nỗ lực đẩy mạnh phát triển kinh tế, đồng thời ra sức xây dựng quốc phòng; trước mắt, tăng lực lượng Đoàn 559 (Phiên hiệu của đơn vị mở đường chiến lược) mở đường 16, từ ngã tư Thạch Bàn vào làng Ho.

Theo kế hoạch, đoạn từ Thạch Bàn vào Bang do 3.000 dân công Quảng Bình phụ trách; từ Bang vào Vít Thù Lù, qua làng Ho và đỉnh 1001 mét do trung đoàn 101 (Sư đoàn 325) đảm nhiệm. Một công trường lớn thu hút hàng nghìn người. Sau gần 3 tháng thi công, tuyến đường đã hoàn thành.

Ngày mùng 05 tết Canh Tý (năm 1960) , 200 dân công Lệ Thủy vào Bang chuyển hàng đầu tiên tại Khe Bang. Tiếp đó, dân công huyện Quảng Bình, Lệ Thủy (3000 người) , trong 20 ngày đã vận chuyển được 160 tấn hàng hoá. Đó là kết quả minh chứng tinh thần lao động hăng say, không sợ khó, không sợ khổ của quân dân Quảng Bình.

Tháng 02 năm 1960, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, đã vào kiểm tra đường 16. Đồng chí Bộ trưởng hết sức phấn khởi trước những kết quả đạt được. Do yêu cầu của chiến trường hết sức khẩn cấp, Bộ Quốc phòng đã dùng máy bay thả hàng xuống làng Ho; nhờ vậy tốc độ tiếp tế cho chiến trường tăng nhanh đáng kể.

Phát huy kết quả vừa đạt được, Tỉnh uỷ giao cho đồng chí Võ Văn Ấp cùng một số cán bộ Tỉnh đội, Công an nhân dân vũ trang và du kích xã Phan Đình Phùng (Lệ Thuỷ) đi khảo sát chuẩn bị mở thêm tuyến sang tây Trường Sơn, vượt đỉnh 1001 mét vào Cù Bai

Nhờ rút kinh nghiệm của giai đoạn đầu và huy động lực lượng đông hơn trên tuyến đường đã hoàn thành trong thời gian 10 ngày, tạo điều kiện đồn hàng ào sâu cho quân và dân miền Nam. Những đoạn đường khởi đầu của đường dây 59 có vị trí cực kỳ quan trọng. Đó là những cầu nối giữa hậu phương lớn với tiền tuyến lớn đi qua địa bàn Quảng Bình. Từ việc huy động hàng ngàn dân công đi mở đường, đi vận chuyển hàng hoá đến việc chiến đấu bảo vệ đường, giữ gìn hàng hoá... đã thể hiện sự nỗ lực cao độ, trách nhiệm cao cả của đồng bào và chiến sỹ trong tỉnh.

Cùng thời gian, ngành Giao thông của tỉnh còn huy động lực lượng nâng cấp hai tuyến đường quốc lộ (đường số 1, đường 12) nằm trên địa phận Quảng Bình. Đây là việc làm mang ý nghĩa chiến lược và lâu dài, không những góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế , văn hoá - xã hội trước mắt mà còn đáp ứng yêu cầu khẩn thiết của chiến trường, của nhiệm vụ phòng thủ đất nước.

Song song với việc mở đường Trường Sơn (đường 559) ở phía tây, ở phía đông, trên địa bàn xã Thanh Khê (huyện Bố Trạch), Tiểu đoàn 603 được thành lập. Đây là đơn vị làm nhiệm vụ vận tải biển thuộc Tổng cục Hậu cần. Để đánh lạc hướng địch, Tiểu đoàn 603 mang tên " Tập đoàn đánh cá sông Gianh"

Nhờ sự giúp đỡ của chính quyền, nhân dân địa phương và Sư đoàn 325, trên trong thời gian ngắn, đơn vị đã hoàn thành việc đóng thuyền, sắm ngư cụ. Để kịp thời đưa vũ khí vào các tỉnh Nam Trung bộ, tháng 11 năm 1959, Tiểu đoàn được lệnh xuất phát chuyến đầu tiên mang theo 10 tấn hàng hoá. Vào gần bờ biển Nam Trung bộ, thuyền gặp sóng to, gió lớn và đá ngầm dạt vào bờ. Hầu hết cán bộ, chiến sỹ đều bị địch vây bắt.

Chuyến đi thử nghiệm không thành, nhưng hy sinh tổn thất khá lớn. Bộ Quốc phòng lại chỉ thị cho Tổng cục Hậu cần tìm phương án mới tiếp tục tiếp tế bằng đường biển cho quân dân vùng biển Nam - Trung bộ.

Thấm nhuần đường lối xây dựng kinh tế kết hợp với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế, Tỉnh uỷ chủ trương kiện toàn , tổ chức lại các đơn vị sản xuất quốc doanh và tập đoàn sản xuất. Cùng thời gian này, Quân đội tiến hành giảm nhẹ quân số , năm 1958, cả tỉnh tiếp nhận trên 1000 cán bộ, chiến sỹ xuất ngũ, chuyển ngành...

Sắp xếp ổn định nơi ăn, chỗ ở cho hơn 1000 người cùng một lúc, quả là một khó khăn, đây vừa là trách nhiệm, vừa là tình cảm. Trong thời gian ngắn anh em đã được bố trí về các cơ sở sản xuất, phù hợp với nguyện vọng. Mặc dù ở môi trường mới, nhưng các anh vẫn không ngừng phát huy bản chất cao đẹp "thanh bộ đội Cụ Hồ". Đây là lực lượng dự bị động viên hùng hậu sẵn sàng bổ sung cho Quân đội khi đất nước có chiến tranh. Trên mặt trận sản xuất, những thanh niên mặc áo lính trở thành lực lượng nòng cốt của các công trường...

Các nông trường và tập đoàn sản xuất đều đứng chân ở phía tây đường và vùng bán sơn địa. Việc bố trí trên thể hiện tầm nhìn xa, phù hợp với bối cảnh đất nước, nhất là ở Quảng Bình, địa bàn tuyến đầu có vị trí chiến lược về an ninh của miền Bắc.

Nông trường Việt Trung tiếp giáp phía Tây Bố Trạch và thị xã Đồng Hới - Đây là vùng chiến khu trong thời kỳ chống Pháp.

Theo chủ trương của Trung ương, cuối năm 1956, Nông trường quốc gia Phú Quý ra đời. Hầu hết là gia đình cán bộ, bộ đội tập kết và có một số cán bộ, bộ đội, dân công quê ở Quảng Bình. Tháng 11 năm 1957, Sư đoàn 3 cử 100 cán bộ và chiến sỹ về vùng Sen Bàng đóng quân dã ngoại chuẩn bị sở để thành lập Nông trường. Sen Bàng là nơi công giáo toàn tông, lúc đầu bộ đội rất khó tiếp xúc với dân. Nhưng nhờ làm tốt công tác dân vận, nên sau một thời gian đồng bào càng tin tưởng bộ đội.

Năm 1958, quân đội giảm nhẹ quân số, Nông trường được bổ sung 500 bộ, chiến sỹ của Sư đoàn 325. Một số gia đình cán bộ, bộ đội phục viên về phương cùng xin vào Nông trường.

Nông trường Quân đội Sen Bàng ngày càng lớn mạnh. Năm 1959, Nông trường phát động chiến dịch khai hoang với khẩu hiệu "Đốt lửa căm thù Mỹ xâm lược"; nhờ vậy diện tích trồng trọt ngày càng mở rộng. Sản phẩm chủ yếu của Nông trường là thực phẩm và màu...

Đến đầu năm 1961, Chính phủ quyết định sáp nhập 3 nông trường thành Nông trường Việt Trung.

Trong quá trình xây dựng, Nông trường tổ chức thành từng đại đội, lấy đại đội làm đơn vị sản xuất. Trong từng đơn vị sản xuất đều có lực lượng tự vệ; Ban lãnh đạo Nông trường giao việc kiện toàn lực lượng tự vệ với tổ chức xuất; vì vậy đội ngũ tự vệ đã trở thành nòng cốt trong lao động sản xuất. Mỗi đại đội sản xuất có 1 trung đội tự vệ. Cả Nông trường tổ chức một tiểu đoàn, Ban chỉ huy trực tiếp làm tiểu đoàn trưởng; Bí thư Đảng ủy nông trường giữ chức chính trị viên.

Ngoài nhiệm vụ tuần tra, bảo vệ trật tự trị an..., Ban chỉ huy tiểu đoàn còn đề ra phương án phòng, chống biệt kích tại chỗ, nhất là với những đơn vị sản xuất sâu trong rừng.

Cùng với nông trường Việt Trung, địa bàn **nông trường Lê Ninh** là cửa ngõ của các trục đường cơ giới, đường giao liên nối miền Bắc với mặt trận đường 9 Quảng Trị và Trung - Hạ Lào; nơi tập kết binh, hoả lực của ta ra vào các chiến trường về sau này.

Các nông trường đứng chân ở Quảng Bình trong gian khổ, ác liệt vẫn bám vững và thực hiện tốt quan điểm xây dựng kinh tế gắn với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế.

Hưởng ứng đợt phát động của tỉnh, lực lượng vũ trang địa phương đã lấy mạnh phong trào thi đua "3 nhất" bằng những nội dung thiết thực: Tăng cường công tác trị an quốc phòng, đề cao cảnh giác và đẩy mạnh sản xuất tự túc ở vùng biên giới, vùng biển càng chú trọng tuần tra, tuần tiễu. Với khẩu hiệu "Đồn là pháo đài, nhân dân là phòng tuyến", xã Trường Sơn và đồn Công an nhân dân vũ trang làng Mô đã kết hợp giữa xây dựng phòng tuyến biên giới với xây dựng cơ sở ở địa phương. Từ chỗ xã chưa có đảng viên, đơn vị đã chú trọng tuyên truyền, giác ngộ và kết nạp được 1 đảng viên. Sau đó phát triển thành 2 chi bộ. Mối quan hệ hợp đồng giữa chính quyền xã với Đồn làng Mô ngày càng chặt chẽ. Đó là cơ sở tạo nên sức mạnh trong nhiệm vụ phòng chống gián điệp, biệt kích xâm nhập địa bàn.

Song song với công tác huấn luyện, xây dựng cơ sở, lực lượng công an nhân dân vũ trang còn kết nghĩa cới 2 xã Phù Hoá, Cảnh Hoá. Ngoài việc lao động giúp dân, đơn vị còn tiết kiệm một tấn gạo ủng hộ nhân dân địa phương.

Trong các lĩnh vực lao động sản xuất, an ninh xã hội, dân quân du kích đã trở thành chỗ dựa vững chắc của cấp uỷ, chính quyền địa phương, quần chúng ngày càng tin yêu đùm bọc. Một trong những địa phương đã chú trọng đầu tư tổ chức, xây dựng lực lượng bán vũ trang là xã Mai Thủy, huyện Lệ Thủy.

Mai Thủy là xã nằm về phía tây Lệ Thủy, cách trung tâm huyện khoảng 4 ki lô mét. Địa hình nơi đây chủ yếu là gò đồi. Đời sống nhân dân còn rất khó khăn. Thực hiện chủ trương của Bộ Quốc phòng, Thường vụ Huyện uỷ và Huyện đội Lệ Thủy thống nhất chỉ đạo Mai Thủy đưa lực lượng dân quân du kích vào hoạt động có nền nếp. Để phù hợp với địa dư, xã tổ chức 1 đại đội du kích làm nhiệm vụ cơ động ở xã. Đây cũng là đơn vị cơ động của Huyện đội khi có yêu cầu. Quân số khoảng 100 người, nòng cốt là bộ đội phục viên, được trang bị 30 khẩu súng K44, biên chế thành 3 trung đội và 1 tiểu đội nữ cứu thương. Ngoài ra còn có 3 đại đội dân quân ở 3 thôn: Xuân Mai, Châu Lê và

Tiền Giang.⁽¹⁾ Ban đêm, dân quân có lịch tuần tra cách gác ở từng thôn. Ban chỉ huy xã đội quy định từ 9 giờ đêm trở đi, ai đi lại ngoài đường phải có đèn cầm tay. Bên cạnh đó, Mai Thuỷ còn xây dựng nếp sống sinh hoạt quân sự hoá cho đội ngũ dân quân, du kích. Mỗi gia đình (có dân quân, du kích) phải có giá súng, vừng nguy trang, lựu đạn, dao găm, mác Lào, bông, băng (bằng chuối sứ phơi khô cuộn lại), dụng cụ cứu hoả..., gồm 12 loại. Mỗi năm xã đội tập trung 15 ngày huấn luyện. Những ngày đó, dân quân và du kích thực hiện chế độ "cơm nhà, áo vợ", gia đình tự lo. Trường hợp ai có khó khăn về kinh tế, ban chỉ huy xã đội trích một phần quỹ của dân quân ra hỗ trợ; nhờ vậy 100% quân số đều tham gia huấn luyện.

Lực lượng dân quân, du kích Mai Thuỷ ngày càng đông đảo. Để đẩy mạnh sản xuất, tăng năng suất lúa, chi uỷ và xã triển khai xây dựng đập Trọt Lép - đây là công trình thuỷ lợi lớn nhất của xã. Chi uỷ và chính quyền Mai Thuỷ đề ra khẩu hiệu: "Đâu cần dân quân có, đâu khó có thanh niên". Lực lượng dân quân và thanh niên đều được huy động lên công trường. Những chỗ khó khăn vất vả nhất thì dân quân đảm nhiệm. Với khí thế "Trống dong cờ mở", công trình thuỷ lợi Trọt Lép đã hoàn thành trước thời hạn. Các đồng chí Trưởng ty Thuỷ lợi, Bí thư Huyện uỷ, Huyện đội trưởng, Chính trị viên đại đội đã ra công trường kiểm tra kết quả và động viên từng trung đội.

Từ một địa phương vốn xưa nay có nhiều khó khăn do điều kiện địa lý tự nhiên, lực lượng dân quân, du kích Mai Thuỷ đã không chịu bó tay, trở thành đơn vị điển hình của quân khu; lực lượng dân quân Mai Thuỷ được Chính phủ công nhận "Đơn vị tiên tiến" trong đại hội liên hoan anh hùng, chiến sỹ thi đua toàn miền Bắc lần thứ 3 năm 1962⁽¹⁾.

Với sự trưởng thành nhanh chóng của dân quân du kích tỉnh nhà ba năm liền (1958-1960), Quảng Bình luôn được giữ cờ luân lưu Quân khu 4 - Đây là sự đánh giá xứng đáng sự nỗ lực toàn diện của quân và dân Quảng Bình trong những năm vừa qua.

Những kết quả to lớn mà quân và dân Quảng Bình giành được trong những năm đầu khắc phục hậu quả nặng nề do chế độ thực dân phong kiến để lại, khôi phục và phát triển kinh tế, văn hoá, củng cố và xây dựng tiềm lực quốc phòng... đã góp phần làm khởi sắc bộ mặt quê hương.

Thành quả trên đây là một minh chứng sinh động sức mạnh và tính ưu việt của chế độ mới, chế độ xã hội chủ nghĩa do Đảng và Bác Hồ vạch đường chỉ lối. Đó là tiền đề vững chắc để 40 vạn đồng bào và chiến sỹ trong tỉnh vững bước vào thời kỳ mới: Thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961-1965), xây dựng thế trận trên địa bàn tuyến đầu miền Bắc xã hội chủ nghĩa.

2. THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 5 NĂM LẦN THỨ NHẤT, XÂY DỰNG HỆ TRẬN CHIẾN TRANH NHÂN DÂN, SẴN SÀNG CHIẾN ĐẤU BẢO VỆ HẬU PHƯƠNG TUYẾN ĐẦU MIỀN BẮC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA.

2.1. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III và kế hoạch 5 năm lần thứ nhất

Ngày 05 tháng 9 năm 1960, Đại hội đại biểu Đảng lao động Việt Nam lần thứ III đã khai mạc tại Thủ đô Hà Nội. Đại hội xác định nhiệm vụ chung của cách mạng Việt Nam hiện nay là: "Tăng cường đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh giữ vững hoà bình, đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, đồng thời đẩy mạnh cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà..."

Đại hội lần thứ III của Đảng là một sự kiện chính trị trọng đại trong lịch sử cách mạng nước ta; Đại hội đã vạch ra hai nhiệm vụ chiến lược cho cả nước.

Báo cáo của Ban Bí thư Trung ương Đảng về nhiệm vụ, phương hướng kế hoạch 5 năm lần thứ nhất đã nêu rõ: "Sau khi cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đã giành được thắng lợi có tính chất quyết định, chúng ta cần phải chuyển sang xây dựng chủ nghĩa xã hội làm trọng tâm, thực hiện một bước công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, xây dựng bước đầu cơ sở vật chất và kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội, đồng thời hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa, làm cho kinh tế miền Bắc nước ta trở thành nền kinh tế xã hội chủ nghĩa"^(A183:92)

Đại hội đã thông qua kế hoạch 5 năm lần thứ nhất với nhiệm vụ cơ bản là: "Ra sức phát triển nông nghiệp và công nghiệp; hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế không phải xã hội chủ nghĩa, nâng cao trình độ văn hoá của nhân dân lao động; cải thiện một bước đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân; tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh"^(A183:92).

Hướng về Đại hội Đảng toàn quốc, Tỉnh uỷ kêu gọi cán bộ, đảng viên, đồng bào và chiến sỹ tiếp tục phát huy truyền thống quê hương, ra sức lao động sản xuất, quyết lập thành tích cao nhất chào mừng Đại hội.

Sau Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng bộ Quảng Bình đã triệu tập Đại hội đại biểu lần thứ 4 (vòng 2) từ ngày 6 đến ngày 13 tháng 3 năm 1961 và Đại hội đại biểu lần thứ 5 của Đảng bộ tỉnh từ ngày mùng 6 đến ngày 13 tháng 8 năm 1963 để triển khai thực hiện những nhiệm vụ do Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III đề ra. Sau 5 năm thực hiện

niệm vụ kế hoạch 5 năm lần thứ nhất và các kế hoạch ngắn hạn do Đại hội đại biểu đảng bộ Quảng Bình lần thứ 4 và lần thứ 5 đề ra, nhân dân Quảng Bình đã thu được những thành tựu rất quan trọng. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp tăng trên 60% so với năm 1960; bình quân hàng năm tăng 10,3%. Tổng sản lượng lương thực đạt trên 160.000 tấn. Mức sản xuất lương thực bình quân đầu người đạt 380 kg/người (đạt mức sống trung nông lớp trên trước đây). Tổng sản lượng chăn nuôi tăng 76% so với năm 1960. Tổng giá trị sản lượng cây công nghiệp tăng 90,7% so với năm 1960. Tổng sản lượng công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp tăng 94% so với năm 1960, tỷ trọng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chiếm 40% giá trị tổng sản lượng công, nông nghiệp.

Trong quá trình thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất đã xuất hiện nhiều đơn vị có thành tích xuất sắc như **hợp tác xã nông nghiệp Việt - Xô** trên cơ sở sát nhập hợp tác xã Đại phong đơn vị dẫn đầu nông nghiệp toàn miền Bắc với hợp tác xã Thượng phong để thành hợp tác xã toàn xã; **hợp tác xã Tiên Lang** (huyện Quảng Trạch) vươn lên từ một hợp tác xã nghèo; **hợp tác xã Đức Phổ** (Quảng Ninh) nhờ cải tiến công cụ và chăn só công tác thủy lợi mà nâng cao hiệu quả sản xuất; **hợp tác xã Thành Tân** (Lệ Thủy) nhờ quản lý lao động và chăm lo thủy lợi, chống úng, chống mặn, phát triển trâu bò làm sức kéo mà thúc đẩy sản xuất phát triển; **hợp tác xã Tứ Mỹ** chú trọng thủy lợi, cải tiến công cụ nâng cao năng suất; hợp tác xã Thiết Sơn làm tốt công tác thủy lợi để thâm canh tăng năng suất. Các xí nghiệp công nghiệp như **Xí nghiệp cơ khí 3-2, Xí nghiệp mộc Ba Đồn, Xí nghiệp cửa xẻ gỗ Bình Trị Thiên, Xưởng Nông cụ Lệ Thủy, Xí nghiệp gạch ngói Thuận Mỹ, Phước Duệ** đều sản xuất có hiệu quả.

2.2. Nâng cao cảnh giác, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu thủ đoạn của địch, chuẩn bị tiềm lực cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

Sau phong trào "Đồng khởi", cách mạng miền Nam chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tấn công. Để cứu vãn tình thế, đế quốc Mỹ đã tiến hành chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" ở miền Nam.

Nhằm giải quyết những vấn đề cấp bách do tình hình mới đặt ra, ngày 19 tháng 3 năm 1961, Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ lần thứ IV khai mạc tại thị xã Đồng Hới. Đại hội đã đánh giá 3 năm hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế, quyết định phương hướng, nhiệm vụ thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, bàn biện pháp củng cố hậu phương. Hướng về miền Nam ruột thịt, Nghị quyết Đại hội chỉ rõ: "... Đi đôi với phát triển kinh tế, phải ra sức củng cố quốc phòng..." Như vậy, nhiệm vụ xây dựng hậu phương, chi

tiền tuyến ngày càng nặng nề - Quảng Bình đã và đang trở thành địa bàn quan trọng của cách mạng cả nước. Xác định được vị trí chiến lược quan trọng đó, nhân dân và lực lượng vũ trang địa phương càng nỗ lực phấn đấu thực hiện quyết nghị của Đại hội Đảng bộ tỉnh.

Quán triệt sâu sắc Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, đi đôi với việc phát triển kinh tế, các cấp, các ngành đã phối hợp với Tỉnh đội hoàn chỉnh kế hoạch phòng thủ và giữ gìn trị an. Các cụm chiến đấu ở vùng xung yếu đã hình thành như : Phúc Trạch - Lâm Trạch - Xuân Trạch (phía tây huyện Bố Trạch); Tân Thủy - Dương Thủy - Thái Thủy - Mỹ Thủy (Phía tây nam huyện Lệ Thủy) Nhằm đối phó kịp thời với âm mưu mới của địch, Ban chỉ huy Tỉnh đội phân công cán bộ xuống các đơn vị cơ sở báo động kiểm tra quân số lực lượng dân quân, du kích; tổ chức hành quân cơ động, xử lý các tình huống ở một số xã nằm ở vị trí xung yếu như Ngư Thủy (Lệ Thủy), Dân Hoá, Thượng Hoá (Minh Hoá), Sơn Trạch (Bố Trạch) và Quảng Phúc (Quảng Trạch). Những việc trên đã có tác dụng nâng cao ý thức sẵn sàng chiến đấu và trình độ hiệp đồng chiến đấu của lực lượng dân quân, tự vệ.

Phát huy truyền thống tự lực cánh sinh trong những năm kháng chiến chống Pháp, dân quân du kích trong tỉnh còn tranh thủ thời gian chế tạo ra nhiều vũ khí thông thường. Toàn tỉnh đã làm được 713 bàn chông, 164 đại đao, 1197 mác Lào, 44 kiếm, 251 dao găm và 130 cung nỏ- đây là loại vũ khí độc đáo của dân quân vùng dân tộc ít người. Dân quân Lệ Thủy còn trồng được 9361 cây các loại. Những kết quả trên đây thể hiện tinh thần tự giác và trách nhiệm bảo vệ quê hương của đội ngũ dân quân , tự vệ trong tỉnh.

Cũng thời gian đó, Quân chủng phòng không - không quân tiến hành xây dựng Trạm ra - đa đối hải ở Đèo Ngang và Trạm ra - đa đối không ở Lộc Ninh (gần thị xã Đồng Hới) - Đây là những trạm ra đa tiên tiêu trong mạng lưới trinh sát cảnh giới phòng không quốc gia đứng chân ở Quảng Bình.

Ở hướng tây, từ tháng 4 năm 1961, do yêu cầu của chiến trường, tuyến đường 559 được mở rộng và phát triển " lật cánh" sang tây Trường Sơn nối với Sê Pôn, vượt qua đường số 9 bằng hình thức vận chuyển thô sơ như gùi, thồ bằng xe đạp. Để đáp ứng yêu cầu của chiến trường, Bộ Quốc phòng quyết định mở cầu hàng không tiếp tế từ sân bay Đồng Hới đến sân bay Tà Khố (Sê Pôn) ^(A198:91). Từ việc mở tuyến giao thông chiến lược 559 đến việc bố trí các trạm ra đa và lập cầu hàng không xuất phát từ Quảng Bình càng khẳng định vị trí chiến lược , tầm quan trọng của địa bàn cầu nối giữa hậu phương với tiền tuyến, giữa miền Bắc xã hội chủ nghĩa với miền Nam và Trị - Thiên ruột thịt.

Đánh hơi được những hoạt động quân sự của ta trên địa bàn bắc giới tuyến quân sự, Mỹ -Ngụy đã tiến hành những hoạt động gián điệp , biệt kích

để dò la tình hình và phá hoại. Trước mắt, chúng tập trung vào hai tuyến xung yếu là biên giới và bờ biển, vùng có nhiều đồng bào theo đạo Thiên chúa.

Đêm mùng 02 tháng 6 năm 1961, bà con hai thôn Cây Lim và Tam Trang, xã Lâm Trạch (huyện Bố Trạch) dịch cho 1 máy bay Đa - cô ta bay qua đồi Cây Lim thả 6 chiếc dù rồi bay thẳng. Phán đoán có thể là máy bay Mỹ thả biệt kích, đồng chí Lưu, Bí thư Đảng uỷ xã, kịp thời cử 1 tổ dân quân chạy ra trạm bưu điện Troóc báo cáo cho huyện và thông báo cho xã đội Phúc Trạch, Xuân Trạch biết để phối hợp, đồng thời tổ chức cho dân quân tuần tra canh gác...

Do máy điện thoại bị hỏng, mãi đến 3 giờ 30 phút ngày 03 tháng 6, tỉnh mới nhận được tin. Một cuộc họp khẩn cấp được tổ chức tại Văn phòng Tỉnh uỷ. Ban chỉ đạo truy lùng được thành lập, gồm các đồng chí Cổ Kim Thành, Phó bí thư Tỉnh uỷ; Nguyễn Thanh Phong, Trưởng ty công an; Hoàng Minh Thi Tham mưu trưởng Công an nhân dân vũ trang; Đồng chí Trần Sự, Tỉnh đội trưởng trực tiếp chỉ huy cuộc truy lùng⁽¹⁾. biệt kích xuống địa bàn để thực hiện kế hoạch trinh sát và phá hoại các cơ sở kinh tế — quốc phòng của ta.

Do năm chắc được âm mưu, thủ đoạn của địch, lực lượng vũ trang cùng với nhân dân đã bắt gọn bọn chúng khi chúng chưa kịp hành động

Vụ biệt kích Cây Lim đã giúp cho các cấp, các ngành rút ra những kinh nghiệm hết sức bổ ích, thấy được chỗ mạnh, chỗ yếu của địch. Yếu tố hết sức quan trọng là phải thường xuyên giáo dục tinh thần cảnh giác cho quần chúng; công tác hiệp đồng, phương án đánh địch tại chỗ phải cụ thể và gắn với nhiệm vụ tuần tra canh gác của dân quân, du kích, nhất là ở vùng xung yếu.

Những địa phương chưa duy trì chế độ tuần tra canh gác như xã Cảnh Hoá, Châu Hoá và chưa tổ chức báo động kiểm tra sẵn sàng chiến đấu như Hàm Ninh, Duy Ninh đã kịp thời rút kinh nghiệm, đưa dân quân, du kích vào hoạt động có nền nếp.

Quán triệt phương châm xây dựng quân đội trong giai đoạn cách mạng mới: " Không những có một lực lượng thường trực mạnh mà phải có một lực lượng hậu bị mạnh", giữa năm 1961, lần đầu tiên, tỉnh đã tiến hành động viên thực binh quân dự bị. Theo kế hoạch của Ban chỉ huy Tỉnh đội, huyện Quảng Trạch huy động 1 tiểu đoàn tăng cường, có cả vũ khí, quân trang, quân dụng. Đơn vị đã có mặt trước thời gian quy định. Cán bộ, chiến sỹ đều quyết tâm sẵn sàng lên đường chiến đấu lập công, quyết tâm bảo vệ Tổ quốc. Các huyện Quảng Ninh, Lệ Thuỷ đều đã thực hiện động viên. Đợt động viên quân dự bị đầu tiên ở Quảng Bình tuy có nhiều vấn đề còn mới mẻ, mối quan hệ hợp đồng giữa cơ quan và địa phương chưa chặt chẽ, nhưng đã đạt được mục tiêu của cấp trên đề ra về quân số và thời gian. Qua đó, các cấp, các ngành thấy rõ

hức năng, trách nhiệm trong công tác tổ chức quản lý giáo dục lực lượng dự bị động viên; đồng thời lực lượng dự bị động viên và dân quân tự vệ thấy rõ trách nhiệm của mình trong tình hình mới của đất nước ta.

Để đưa kế hoạch tổ chức, quản lý lực lượng dự bị vào nền nếp, Ban chỉ huy Tỉnh đội đã thành lập Ban động viên dân quân; các cơ quan Huyện, Thị đội có cán bộ chuyên trách.

Quý 3 năm 1961, Tỉnh đội chọn xã Lộc Ninh làm thí điểm tổ chức đăng ký và phúc tra sổ bộ đội phục viên, xuất ngũ và dân quân, du kích. Toàn xã có gần 500 người (cả dự bị I và II) đã tự giác đến đăng ký tại trụ sở của Ủy ban hành chính xã.

Cùng thời gian, Tỉnh đội đã mở nhiều lớp tập huấn tại Sao Sa (xã Nam Trạch, huyện Bố Trạch) cho 260 đồng chí là cán bộ quân sự chủ chốt ở xã và huyện. Tiếp đó, tỉnh phát động phong trào thi đua " Ba nhất" trong lực lượng vũ trang địa phương, đợt thi đua đã tạo nên khí thế hăng say trong lao động sản xuất. Nổi bật là trên mặt trận nông nghiệp xuất hiện nhiều kiện tướng, điển hình " trai gái Đại Phong", " xã viên Đại Phong" là dân quân; ở huyện Bố Trạch có 269 kiện tướng, trong đó dân quân có 181; huyện Quảng Trạch có 58 người được bầu là xã viên tiên tiến thì lực lượng dân quân chiếm tới 324; huyện Lệ Thủy bình bầu được 188 " trai gái Đại Phong", dân quân có 162 người.

Những kết quả trên chứng minh vai trò nòng cốt, xung kích trong lao động sản xuất xây dựng hậu phương của dân quân, du kích và lực lượng đó trở thành chỗ dựa vững chắc, tin cậy của cấp uỷ và chính quyền trong mọi hoạt động của địa phương.

Hồng làm suy yếu sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc của quân và dân ta ở miền Nam, Mỹ - Ngụy tìm mọi cách để phá hoại miền Bắc. Ngoài việc tung gián điệp, biệt kích, chúng gấp rút huấn luyện lực lượng "biệt hải" đảm nhiệm vụ điều tra, nhen nhóm phá hoại những mục tiêu quân sự, bắt cóc người dân vùng biển. Đây là thủ đoạn mới rất nguy hiểm của địch, nhất là đối với Quảng Bình, một tỉnh có bờ biển dài 116 ki lô mét, số lượng dân cư sống bằng nghề đánh cá khá đông.

Để đối phó với âm mưu của địch, các ngành Công an, Quân sự và chính quyền địa phương đã kịp thời giáo dục tinh thần cảnh giác và hướng dẫn cho ngư dân, dân quân miền biển biết cách đối phó với chúng.

Cơ quan tham mưu Tỉnh đội cử cán bộ xuống các xã biển kiện toàn lại lực lượng dân quân, du kích. Các đồng chí Công an nhân dân vũ trang và Công an phối hợp rà soát cơ sở, làm trong sạch địa bàn, tập trung giáo dục và cải tạo

những phần tử xấu. Những việc làm trên đây đã góp phần giúp cho nhân dân vùng biển thấy rõ những thủ đoạn xảo quyệt của địch.

Đêm 14 tháng 6 năm 1962, bọn " biệt hải" dùng thuyền máy từ Cửa Việt ⁽¹⁾ xâm nhập vùng biển Ngư Thủy (Lệ Thủy). Dân quân và Công an nhân dân vũ trang đồn Ngư Thủy đi tuần tra đã phát hiện được; nhưng do việc hợp đồng thiếu chặt chẽ, động tác mật phục không giữ được bí mật, nên địch phát hiện được, chúng vội vã quay thuyền tháo chạy. Tuy trận đánh biệt kích chưa có kết quả, nhưng quân và dân địa phương đã rút ra những bài học kinh nghiệm quý trong biện pháp đối phó với " người nhái" của Mỹ - Ngụy.

Tiếp đó, khoảng 3 giờ sáng ngày 30 tháng 6, Mỹ -Ngụy lại dùng thuyền máy chở 16 tên biệt kích xâm nhập vào cửa sông Gianh; sau đó chúng vào bờ bằng xuồng cao su. Ý đồ của địch là đặt mìn phá tàu hải quân ở cảng Gianh, tạo tiếng nổ làm cho quần chúng hoang mang dao động. Nhờ cảnh giác cao độ nên bộ đội hải quân, Đồn Công an nhân dân vũ trang Thanh Khê, ngư trường đánh cá sông Gianh và dân quân địa phương đã phát hiện được và triển khai lực lượng vây bắt. Sau khi nghe tàu hải quân báo động, dân quân và ngư dân thôn Văn Phú (xã Quảng Văn) liền lao thuyền về phía có tiếng nổ. Vừa chèo thuyền, vừa theo dõi , đồng chí Diệu phát hiện có người bơi dưới nước liền cho thuyền đuổi theo bắt được tên biệt kích. Hai tên khác đang chạy về bờ cũng bị quân ta xiết chặt vòng vây, đến 7 giờ sáng, cả hai tên đều bị sa lưới. Bọn còn lại hốt hoảng lên xuồng máy chạy trốn ra ngoài khơi. Tàu của hải quân được lệnh xuất kích đuổi theo. Chiến sỹ ta nổ súng gọi hàng nhưng địch vẫn ngoan cố bắn trả. Chỉ huy tàu lệnh tăng tốc độ, xông lên nhấn chìm thuyền địch, bắt gọn cả toán. Kết quả trên đây thể hiện tinh thần cảnh giác cao độ và sự hiệp đồng chặt chẽ của quân và dân vùng nam - bắc cửa Gianh.

Để nâng cao nhận thức cho quân và dân trên địa bàn quân khu về âm mưu mới của Mỹ - Ngụy, Đại hội đại biểu Đảng bộ quân khu lần thứ II xác định: Lực lượng vũ trang " Phải hết sức cảnh giác và thực sự sẵn sàng về tư tưởng và tổ chức để đối phó thắng lợi mọi âm mưu và hành động của địch"; Đại hội đề ra nhiệm vụ hàng đầu là: " Tăng cường công tác phòng thủ". Quán triệt tinh thần đó, Ban chỉ huy Tỉnh đội đã kịp thời kiểm tra và bổ sung phương án phòng thủ của các huyện, thị xã - nhất là những vùng xung yếu.

Các địa phương giáp giới tỉnh bạn, huyện bạn như Ngư Thủy (Lệ Thủy) và Vĩnh Thái (Vĩnh Linh), Quảng Đông (Quảng Trạch) và Kỳ Nam (Kỳ Anh - Hà Tĩnh... đã họp liên tịch gồm các đồng chí cán bộ chủ chốt để tra đổi kinh nghiệm và bàn thống nhất phương án chống biệt kích. Đầu quý 3 năm 1962, các xã vùng biển đã tổ chức hội nghị hợp đồng về phòng thủ tuyến biển; Ngư Thủy, Gia Ninh và Bảo Ninh; Bảo Ninh và Lộc Ninh ; Lộc Ninh và Nhân Trạch...

Tỉnh đội, huyện đội còn cử nhiều cán bộ xuống xã trực tiếp hướng dẫn lập phương án chống biệt, gián điệp. Huyện Tuyên Hoá là địa bàn có đường biên giới phía Tây, đã cử cán bộ quân sự về bám sát cơ sở cùng các Ban chỉ huy xã đội xây dựng kế hoạch chống biệt kích. Huyện đã tổ chức 8 đài quan sát và thường xuyên có người trực để theo dõi máy bay địch. Sau khi hoàn chỉnh phương án phòng thủ, Ban chỉ huy Tỉnh đội kịp thời quán triệt phổ biến cho các huyện, thị. Phương án phòng thủ huyện đội Lệ Thủy đã được Ban chỉ huy Tỉnh đội phê chuẩn. Nhận rõ vị trí xung yếu của thị xã Đồng Hới, nơi trung tâm chính trị - kinh tế - văn hoá xã hội của tỉnh, lại nằm sát biển Nhật Lệ, Ban chỉ huy Thị đội đã chủ động xây dựng phương án phòng chống phi pháo. Đến cuối năm 1962, đã có 128 xã, phường hoàn thành phương án phòng thủ, kế hoạch tác chiến trị an (chiếm 85% số xã, phường trong tỉnh).

Toàn bộ công, nông, ngư trường và doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh đều đã hoàn thành phương án chiến đấu. Đồng thời, Ban chỉ huy Tỉnh đội, Ty Công an, Công an nhân dân vũ trang và chỉ huy Sư đoàn 325 đã có nhiều cuộc họp bàn kế hoạch hiệp đồng tác chiến phòng thủ theo các tình huống giả định.

Song song với nhiệm vụ xây dựng kế hoạch phòng thủ, việc đăng ký, quản lý lực lượng dự bị động viên được các cấp, các ngành ngày càng chú trọng hơn. Các Huyện đội, Thị đội tiếp tục hoàn chỉnh việc sắp xếp khung dự bị động viên của Bộ, Quân khu và tỉnh theo chỉ tiêu đã giao; tập trung xây dựng đại đội dân quân ở xã, phường. Mỗi huyện tổ chức 1 đại đội du kích cơ động làm lực lượng cơ động trên địa bàn của huyện khi có chiến sự xảy ra do cán bộ Huyện đội trực tiếp chỉ huy. Đây là việc làm phù hợp với thực tiễn tình hình của địa phương, nhất là trong lúc tỉnh chưa có các đơn vị bộ đội địa phương.

Một trong những đại đội cơ động mạnh là Đại đội du kích huyện Quảng Ninh. Huyện Quảng Ninh nằm ở phía nam thị xã Đồng Hới, phía bắc huyện Lệ Thủy, có cả bờ biển và biên giới, có sông Nhật Lệ, đường quốc lộ số I và phà Quán Hàu. Ban chỉ huy Huyện đội xác định khu vực ngã ba Quán Hàu - Văn La - Võ Xá là địa bàn trọng yếu, cần có lực lượng mạnh bảo vệ. Ngoài việc xây dựng các đại đội dân quân làm nhiệm vụ tuần tra, canh gác tại chỗ; huyện chủ trương chọn lực lượng 3 xã Lương Ninh, Võ Ninh và Vĩnh Ninh để xây dựng 1 đại đội du kích cơ động (có 3 trung đội) do đồng chí Nguyễn Tồn, huyện đội phó trực tiếp làm Đại đội trưởng, 3 đồng chí xã đội trưởng là đại đội phó. Mặc dù 3 trung đội du kích ở 3 xã, lại cách sông, trở đò, nhưng cán bộ, chiến sỹ đều có tinh thần tự giác, kỷ luật nghiêm minh. Trong hai lần Huyện đội báo động kiểm tra, chỉ sau 25 phút, hai trung đội của Lương Ninh, Vĩnh Ninh đã có mặt tại vị trí, trung đội Võ Ninh phải qua đò nên chậm hơn 15 phút, quân có mặt 100%.

Các trung đội đã biết tranh thủ thời gian kết hợp xen kẽ giữa lao động sản xuất với huấn luyện. Trung đội du kích Lương Ninh có 30 đồng chí đều có mặt tập luyện đầy đủ. Bắn đạn thật kết quả có 28 đồng chí đạt khá, giỏi (chỉ có 2 đồng chí không đạt yêu cầu). Ngoài vũ khí được trang bị (K44, K43, nòng chông, mìn...) mỗi du kích còn chuẩn bị 1 xấp gạo đủ ăn 3 ngày. Tuy gặp khó khăn về lương thực, nhưng số gạo sẵn sàng chiến đấu vẫn được duy trì đầy đủ.

Trung đội du kích cơ động nói riêng và lực lượng dân quân xã Lương Ninh là một trong những điển hình về nhiệm vụ phòng thủ và sẵn sàng chiến đấu của huyện Quảng Ninh và tỉnh Quảng Bình lúc bấy giờ. Ngoài việc phụ trách địa bàn phía bắc (tiếp giáp với thị xã), trung đội còn có nhiệm vụ tuần tra canh gác bờ biển, đoạn từ Tân Định (Gia Ninh) đến Bảo Ninh dài khoảng 10 ki lô mét. Đây là địa bàn xung yếu của huyện trong phương án phòng thủ. Mỗi đêm có một tiểu đội đi làm nhiệm vụ. Mặc dù suốt ngày đi sản xuất, nhưng đến phiên tuần tra canh gác bờ biển là anh em có mặt ở bến đò Phú Bình. Tại đây đã có 3 chiếc đò chờ sẵn để đưa đón dân quân. Dù trời nắng, mưa, hoặc gió rét, nhưng không đêm nào du kích Lương Ninh bỏ quên nhiệm vụ.

Một vinh dự lớn đối với quân và dân toàn tỉnh: Tại Đại hội liên hoan anh hùng, chiến sỹ thi đua toàn miền Bắc lần thứ 3 (năm 1962), lực lượng dân quân 2 xã Lương Ninh (Quảng Ninh), Mai Thủy (Lệ Thủy) được Hội đồng hình phủ tuyên dương " Đơn vị tiên tiến" Các đồng chí Lê Xuân Ất, Nguyễn Hữu Trương, xã đội trưởng của hai xã nói trên đã thay mặt lực lượng vũ trang địa phương báo cáo thành tích trước Đại hội - Phần thưởng đó khẳng định kết quả rèn luyện, sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang tỉnh những năm qua.

Trong lúc quân và dân trong tỉnh đang sôi nổi thi đua lao động sản xuất, xây dựng quê hương, thì đêm mừng 2 tháng 01 năm 1963, Mỹ - Ngụy lại cho toán biệt kích người nhái đột nhập vào Khe Luỹ (đèo Ngang) điểm giáp giới bờ biển giữa Quảng Bình và Hà Tĩnh. Trưa hôm đó, đồng bào địa phương phát hiện có dấu vết lạ trên bờ nhưng toán biệt kích đã phân tán. Nhận được tin báo của địa phương, tỉnh kịp thời thành lập Ban chỉ đạo và huy động lực lượng truy lùng. Sau một tuần bám sát địa bàn, nhưng ta vẫn chưa phát hiện được địch. Ngày 10 tháng 01, thấy có hiện tượng khả nghi ở địa bàn thôn Thanh Thủy (xã Tiến Hoá), kết hợp với những nguồn tin của địa phương, Ban chỉ đạo nhận định : Địch đã di chuyển lên phía Tây Quảng Trạch, Tuyên Hoá, lập tức lệnh cho các đơn vị chuyển hướng truy lùng vây bắt.

19 giờ 30 phút ngày 11 tháng 01, quân và dân ta bí mật bắt gọn cả 4 tên biệt kích đang ăn náu trong một nhà dân ở xóm Trúc (xã Tiến Hoá). 15 giờ ngày 12 tháng 01, phát hiện 2 tên đang ở khu rừng cấm (Hướng Phương) , lực

ượng ta vây chặt; đến 18 giờ, cả 2 tên đều bị bắt. Sáng ngày 15 tháng 01, các đơn vị và dân quân địa phương phát hiện có 2 tên lạ mặt ở chợ Điền (xã Quảng Thanh) đang tìm cách vượt sông để sang Hoà Ninh. Ý đồ của chúng chưa kịp thực hiện thì cả 2 tên đều sa lưới, trong đó có tên Lê Khoái, toán rương.

Sau nửa tháng truy quét, toán biệt kích Khe Luỹ đã bị quân và dân ta bắt gọn. Qua đây ta thấy kẻ thù đã và đang có những thủ đoạn mới xảo quyết hơn, hiểm hơn. Từ chỗ tung biệt kích ra gài mìn địch phá hoại cầu đường, chặn cản đến việc phái lực lượng ra gây dựng cơ sở, trà trộn vào những vùng có đồng bào theo đạo thiên chúa..., chứng tỏ chúng đang tìm mọi cách để điều tra tình hình Quảng Bình, địa bàn tuyến đầu của Quân khu 4.

Bị thất bại trong việc dùng "người nhái" xâm nhập bằng đường biển, kẻ thù chuyển hướng hoạt động biệt kích lên vùng biên giới. Lợi dụng lúc quân và dân ta đang truy lùng toán biệt kích Khe Luỹ, vào lúc 22 giờ ngày 06 tháng 01 năm 1963, một toán biệt kích khác đã nhảy dù xuống Tân Kiều, xã Yên Hoá huyện Minh Hoá.

Cuộc họp xã viên vừa kết thúc, đang trên đường về thì mẹ Tình phát hiện máy bay địch thả dù, mẹ liền cho con (cũng là dân quân) cấp tốc báo cho xã đội Yên Hoá. Nhận được báo cáo của xã do trạm bưu điện Yên Hoá chuyển đến, Ban chỉ huy Huyện đội liền báo động các xã trong khu vực và cử cán bộ về địa bàn nắm tình hình.

Sau 15 phút báo động, 200 dân quân thôn Tân Kiều và vùng lân cận đã triển khai chốt các trục đường. Tiểu đoàn 929 báo động đưa bộ đội về chốt trên đường 12...Mặc dù ở 2 hướng Đông và Tây đều có biệt kích xâm nhập, nhưng các cấp, các ngành, các đơn vị vẫn bình tĩnh vạch kế hoạch đối phó kịp thời. 8 giờ 30 phút ngày 07 tháng 01, đồng chí Bí thư Tỉnh uỷ cùng các đồng chí chỉ huy quân sự, công an đều có mặt ở Tân Kiều.

Sau khi thống nhất phương án, các đơn vị lập tức triển khai truy tìm. Các chiến sỹ công an và dân quân địa phương đã phát hiện một tên, thấy lực lượng ta đông, tên này hoảng sợ bỏ súng hàng. Sau đó mấy phút, một tên khác chạy trốn vào hang đá; đồng chí Giác, xã đội trưởng và đồng chí trung đội trưởng dân quân Yên Hoá kịp thời phát hiện ập vào bắt ngay ở cửa hang. Ba tên còn lại định trèo lên lên đá tìm đường thoát, khi bị dân quân phát hiện, chúng nổ súng chống cự. Hai đồng chí trợ lý Huyện đội (Hiếu và Ly) cùng 5 dân quân xã Yên Hoá, Xuân Hoá kịp thời áp sát bắt sống 3 tên. Toán biệt kích nhảy dù xuống Tân Kiều đã bị bắt gọn; ta thu 3 chiếc dù, 10 kiện hàng, cùng nhiều thứ trang bị khác.

Kết quả trận Tân Kiều đã đưa lại một bài học là: một khi nhân dân địa phương được giác ngộ, có tinh thần cảnh giác cao, lực lượng vũ trang có hương án hợp đồng chặt chẽ, thì việc truy tìm gián điệp, biệt kích sẽ giành hăng lợi lớn.

Mặc dù liên tiếp thất bại trong việc tung gián điệp, biệt kích ra Quảng Bình, nhưng đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai Sài Gòn vẫn không chịu từ bỏ âm mưu thâm nhập, phá hoại miền Bắc xã hội chủ nghĩa.

Ngày 15 tháng 9 năm 1963, một toán biệt kích gồm 10 tên nhảy dù xuống xã Trường Sơn (phía Tây huyện Quảng Ninh). Nơi đây núi rừng hiểm trở, dân cư thưa thớt, phần lớn là đồng bào dân tộc Vân Kiều. Nhờ có tinh thần cảnh giác cao độ nên lực lượng dân quân địa phương phối hợp với đơn vị an ninh vũ trang nhân dân làng Ho (Lệ Thủy) đã bắt gọn cả toán.

Tháng 10 năm 1963, Mỹ - Ngụy lại cho tên Dương Chúc, gián điệp con hoi, vượt giới tuyến, len lỏi qua khu vực Vĩnh Linh, xâm nhập vào Quảng Bình. Vừa đặt chân đến bầu Dum, xã Sen Thủy (Lệ Thủy), Chúc đã bị dân quân địa phương đi tuần tra phát hiện, bắt giữ.

Năm 1963, Mỹ - Ngụy tung ra Quảng Bình hơn 10 toán gián điệp, biệt kích. Nhờ nêu cao tinh thần cảnh giác và đoàn kết hợp đồng chiến đấu chặt chẽ của quân và dân các địa phương nên chúng đều bị sa lưới.

Bị thất bại liên tiếp ở miền Nam, Mỹ - Ngụy âm mưu tiến hành đánh phá miền Bắc hòng ngăn chặn sự chi viện của hậu phương lớn. Nhằm tăng cường công tác phòng thủ, chủ động bảo vệ vững chắc miền Bắc, làm tròn nghĩa vụ với miền Nam, ngày 09 tháng 2 năm 1964, tại thủ đô Hà Nội, Bộ Tổng Tham mưu đã tổ chức hội nghị phòng không nhân dân toàn miền Bắc lần thứ nhất. Ngay sau đó, Ban Phòng không nhân dân các tỉnh, thành phố được thành lập. Ở Quảng Bình, đồng chí Nguyễn Thanh Phong, uỷ viên Thường vụ Tỉnh uỷ, Trưởng ty Công an làm Trưởng Ban Phòng không nhân dân tỉnh.

Ban Phòng không nhân dân và Ban chỉ huy Tỉnh đội kịp thời thống báo tình hình, âm mưu địch, tập huấn cho cán bộ cơ sở, triển khai đào công sự cá nhân, giao thông hào, trước mắt là trên các trục đường giao thông quan trọng qua biên giới và vùng ven biển Ngư Thủy, Bảo Ninh, 2 bờ sông Gianh... Tỉnh đội tổ chức kiểm tra, chấn chỉnh các đài quan sát máy bay ở tuyến biển, tuyến núi; thống nhất tín hiệu hợp đồng, duy trì chế độ liên lạc, báo cáo khi xảy ra tình huống.

Tháng 2 năm 1964, Bộ Tư lệnh Công an nhân dân vũ trang chỉ thị các đơn vị và đơn vị phải chủ động đối phó với âm mưu địch, nhất là đối với gián điệp, biệt kích.

Ngoài việc tung gián điệp, biệt kích, đế quốc Mỹ còn đưa máy bay trinh sát điện tử U2 ra hoạt động trinh sát trên không phận của tỉnh. Đây là bước chuẩn bị cho việc leo thang đánh phá miền Bắc sau này. Trước tình hình đó, Ban Phòng không nhân dân tỉnh đã nhiều lần thực tập báo động phòng không ở thị xã Đồng Hới và các địa phương khác trong tỉnh.

Việc tổ chức hội nghị phòng không toàn miền Bắc chứng tỏ Quân uỷ Trung ương và Bộ Quốc phòng đã nhận định chính xác và kịp thời về bản chất, âm mưu của đế quốc Mỹ. Nhờ vậy, Quảng Bình đã có những việc làm chủ động, thích hợp với đặc điểm của địa bàn, nhất là xác định tư tưởng cho toàn dân để sẵn sàng đối phó với địch.

Nhằm động viên, cổ vũ quân và dân cả nước nỗ lực lao động sản xuất và chiến đấu thắng lợi, ngày 27 tháng 3 năm 1964, Chủ tịch Hồ Chí Minh triệu tập hội nghị chính trị đặc biệt tại thủ đô Hà Nội. 325 đại biểu chính thức của các đảng phái, các đoàn thể, các dân tộc, tôn giáo, đồng bào miền Nam tập kết và kiều bào đã dự hội nghị. Ngoài ra còn có trên 500 đại biểu dự thính thuộc các tầng lớp nhân dân thủ đô. Đây là hội nghị "Diên Hồng" thời kỳ chống Mỹ, cứu nước của thời đại Hồ Chí Minh. Phát biểu tại Hội nghị, Hồ Chủ tịch kêu gọi: " Mỗi người làm việc bằng hai " để đền đáp cho đồng bào miền Nam ruột thịt.

Hưởng ứng lời kêu gọi thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ở Quảng Bình, từ thành thị đến nông thôn, từ vùng biển đến vùng cao biên giới, đâu đâu cũng dấy lên phong trào thi đua lao động sản xuất làm ra nhiều của cải cho xã hội và chi viện cho đồng bào miền Nam anh hùng, đồng bào, chiến sỹ Trị - Thiên ruột thịt.

Tiếp tục thực hiện âm mưu phá hoại địa bàn tuyến đầu miền Bắc, đêm 19 tháng 6 năm 1964, một toán biệt kích Mỹ - Ngụy nhảy dù xuống Cha Mác xã Dân Hoá(huyện Minh Hoá). Nhờ cảnh giác cao độ, quân và dân địa phương đã phối hợp với đồn công an nhân dân vũ trang Cha Lo vây bắt 8 tên, 1 tên chết trong lúc nhảy dù, tên còn lại ngoan cố chống cự đã bị trừng trị, thu toàn bộ vũ khí trang bị.

Bị thất bại trên tuyến biên giới, kẻ địch chuyển hướng hoạt động về địa bàn vùng biển. Đêm 30 tháng 6 năm 1964, chúng cho 1 tàu chiến chở hơn 20 tên biệt kích đột nhập vào cửa Nhật Lệ. Khoảng 10 giờ đêm, đồng chí Nguyễn Quang Thái, Bí thư Chi bộ Đồng Thành cùng bà con ngư dân đang neo thuyền bủa lưới phát hiện có tiếng máy nổ rì rì, mỗi lúc một to. Nghi là có tàu địch, đồng chí vội thông báo mọi người nhổ neo quay vào bờ để báo dân quân. Sau khi thuyền cập bến, đồng chí Thái khẩn trương báo cáo lại tình hình cho đồng chí Mẫn, đồn trưởng đồn công an nhân dân vũ trang Nhật Lệ biết để đối phó.

ập tức, lực lượng của đồn và một trung đội dân quân triển khai nhiều tổ tuần tra truy lùng dấu vết địch. Nhờ có ánh trăng sáng, anh em phát hiện có những bóng đen đang di chuyển giữa các bụi phi lao. Trong một tình thế bất lợi, tổ tuần tra đã lọt vào ổ phục kích của địch. Bọn biệt kích bất ngờ nổ súng, đồng chí Nguyễn Xuân Hai trúng đạn hy sinh. Quân ta nổ súng đánh trả; hết đạn, thì dùng báng súng, đá, cát... chống trả quyết liệt. Chiến sỹ dân quân Trần Văn Hồng cầm quả lựu đạn thổi dăng xuống đầu, vai bọn biệt kích. Nhờ vào ổ đồng, kẻ địch xông vào bắt sống, nhưng 3 chiến sỹ dân quân không hề nao núng, tiếp tục tung cát, ném đá vào mặt bọn chúng túi bụi... Cùng lúc đó, địch sử dụng pháo, ĐKZ bắn cấp tập vào nhà máy nước Đồng Hới, ngã ba Hải Thành và đường quốc lộ 1A; súng 12ly7 trên tàu địch bắn xối xả vào bãi cát ven biển để chặn đường chi viện của ta. Đồng chí Thái, trung đội trưởng dân quân, cùng đồng chí Đậu Cảnh, cán bộ tỉnh đội, đã kịp thời huy động lực lượng băng qua làn đạn truy kích địch. Lúc này, toán biệt kích tháo chạy ra bờ biển. Không để địch thoát, chiến sỹ dân quân Trương Pháp đuổi theo chúng. Nhưng đồng đội không kịp tiếp ứng nên bọn biệt kích quay lại bắt sống anh. Trương Pháp kháng cự quyết liệt. Không thể bắt sống được anh, bọn biệt kích Mỹ -Ngụy đã man bắn vào người Trương Pháp 7 viên đạn. **hành động dũng cảm ngoan cường của Trương Pháp** càng thúc dục quân ta xông lên quyết tâm tiêu diệt địch.

Giữa lúc dân quân đang lao ra bãi cát truy kích địch, thì một tên biệt kích (tên Sắc) ngồi dấu mình trong gốc phi lao đã bắn vào đồng chí Lê Văn Ngọc, binh nhất, chiến sỹ đồn Nhật Lệ. Địch tiếp tục pháo kích vào ngã ba Hải Thành nên phân đội cơ động của Công an nhân dân vũ trang và dân quân đồn Phú phải quay trở lại. Ở bờ nam sông Nhật Lệ, dân quân Bảo Ninh dùng súng trung liên bắn ra tàu địch, chia lửa với dân quân Hải Thành.

Trận đánh diễn ra chưa đầy 15 phút, địch để lại 1 xác chết, 3 tên bị thương, chúng kéo xuống thuyền; ta thu 3 khẩu súng ĐKZ, 2 tôm xông, 1 thùng cao su. Tên Sắc làm nhiệm vụ cảnh giới chạy ra sau, vội vã lên thuyền đi ra biển. Sau 1 ngày lênh đênh trên sóng biển, hắn đã bị nhân dân Hải Thành bắt giữ. Đây là trận đánh biệt kích Mỹ -Ngụy đầu tiên của dân quân đồn Thành. Trung đội dân quân được Nhà nước tặng Huân chương chiến công hạng nhất. **Đồng chí Trương Pháp được Đảng, nhà nước tặng thưởng huân chương chiến công hạng nhất và năm 1999 được truy tặng danh hiệu Anh hùng LLVTND tháng 6 năm 1999.**

Các đồng chí Lê Văn Ngọc và Nguyễn Văn Hai được truy tặng Huân chương chiến công hạng nhất. Các đồng chí Thái, Sung, Dũng và Hồng được tặng Huân chương chiến công hạng III; 5 dân quân: Trúc, Hồng, Thanh, Phép, Liên được Bộ tư lệnh Quân khu 4 tặng Bằng khen.

Tuy lực lượng ít, trang bị thô sơ, nhưng dân quân Đồng Thành đã có quyết tâm đánh địch cào, góp phần làm thất bại ý đồ "nổ mìn" gây tiếng nổ vang ở thị xã" của kẻ địch.

Để chủ động đối phó với các hoạt động phá hoại của Mỹ - Ngụy, tháng 6 năm 1964, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ra chỉ thị 81CT/ TU nêu rõ: "Tăng cường sẵn sàng chiến đấu chống lại mọi âm mưu khiêu khích, phá hoại miền Bắc của địch"; "Nhiệm vụ cần kíp của quân dân miền Bắc là tăng cường công tác phòng thủ, phòng không, sẵn sàng tiêu diệt địch xâm phạm..."^(A198:155)

Giữa tháng 7, Thường vụ Tỉnh uỷ mở cuộc họp cán bộ chủ chốt bàn việc tăng cường sẵn sàng chiến đấu. Hội nghị khẳng định lại vị trí chiến lược của tỉnh trong tình hình mới và nhất trí cao với nhận định của Tỉnh uỷ: Từ nay đến nay, Mỹ - Ngụy đã tung nhiều toán gián điệp, biệt kích từ biển vào, diên giới qua, trên không xuống, giới tuyến sang móc nối với bọn phản động nội địa gây rối, tiếp tay chống phá cách mạng. Mọi hành động xáo trộn dù lớn hay nhỏ đối với miền Bắc, chúng đều thử nghiệm ở Quảng Bình trước, sau đó mới mở rộng ra các tỉnh bạn. Vì vậy, quân và dân trong tỉnh phải chấp hành đầy đủ mọi chủ trương, chỉ thị của Trung ương, chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu, kịp thời đối phó với mọi hành động của giặc Mỹ và tay sai trong bất cứ tình huống nào, quy mô nào.

Hội nghị chỉ rõ nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong tình hình: Tích cực đẩy mạnh sản xuất, ra sức xây dựng chủ nghĩa xã hội, đồng thời tích cực chuẩn bị để sẵn sàng đập tan mọi âm mưu của địch.

Dưới sự chỉ đạo của Quân khu và sự giúp đỡ chỉ đạo của các cơ quan chuyên ngành trong tỉnh, Ban chỉ huy Tỉnh đội đã triển khai xây dựng hệ thống kho dự trữ vũ khí, đạn dược bảo đảm chiến đấu. Tuyến kho phía trước (ven bờ biển, đường quốc lộ 1A) chủ yếu được xây dựng sâu dưới đất (gọi là kho âm). Các kho phía sau lợi dụng những hang, lèn đá cải tạo lại, thuận tiện cho vận chuyển đường bộ, đường sông. Cụm kho phía nam ở khu vực Đá Bạc, Áng Sơn (gồm có 3 hang) phục vụ các đơn vị chiến đấu trên địa bàn 2 huyện Quảng Ninh, Lệ Thủy. Ở vùng giữa có khu hầm Đá Mài (do Bộ Quốc phòng giao lại), kho Vạn Trạch (kho âm). Kho lèn Xuân Sơn cải tạo thành kho chính của tỉnh⁽¹⁾. Mỗi cụm kho có 3 đến 4 đồng chí phụ trách, biết sửa chữa thông thường các loại vũ khí và bảo quản định kỳ. Ty Giao thông tỉnh tăng cường 4 xe cùng số xe của Tỉnh đội tập trung dồn địch, sắp xếp đủ cơ sở , bảo đảm bổ sung nhanh chóng cho các đơn vị chiến đấu. Từ việc sắp xếp, chấn chỉnh lại các vùng kho đến việc hợp đồng với các ngành có liên quan đến công tác bảo đảm cho bộ đội chiến đấu..., đã thể hiện tinh thần chủ động, nhạy bén của Ban chỉ huy Tỉnh đội, nhất là cơ quan Hậu cần. Nhờ vậy, khi giặc Mỹ leo thang

lãnh phá ô ạt, ác liệt ra Quảng Bình, ngành Hậu cần vẫn đáp ứng được nhu cầu chiến đấu của lực lượng vũ trang tỉnh.

Để nâng cao nhận thức chính trị và tư tưởng cho quân và dân trong tỉnh; kết hợp học tập Chỉ thị 81 của Bộ Chính trị và kỷ niệm 10 năm Quảng Bình giải phóng (8/1954-8/1964), Tỉnh uỷ đã tổ chức một đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn tỉnh. Mục đích là làm cho mọi người thấy rõ thành quả cách mạng đã đem lại cho đất nước, quê hương, cả gia đình mình ấm no, hạnh phúc; từ đó càng tin tưởng vào chế độ, vào sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng và Bác Hồ kính yêu ; đồng thời xác định trách nhiệm, nghĩa vụ đối với quân, dân miền Nam anh hùng và đồng bào Trị - Thiên ruột thịt...

Đợt sinh hoạt tư tưởng tiến hành song song với tổ chức triển lãm thành tựu 10 năm ở các cấp; triển lãm tang vật của các toán biệt kích... đã tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ trong tư tưởng, hành động của quần chúng, sẵn sàng đối phó với mọi hành động khiêu khích của địch.

Ngày 15 tháng 7 năm 1964, Mỹ - Ngụy cho một toán biệt kích (23 tên) xuất phát từ cảng Cửa Việt (Quảng trị), dùng xuồng cao su đột nhập vào Nam Anห์ (xã Quảng Phú, huyện Quảng Trạch) để tìm cách bắt cóc cán bộ và dân quân. Lúc này, tổ tuần tra của đồn công an nhân dân vũ trang Roòn và đồng chí Mai Quyến, xã đội phó xã Quảng Đông đang trên đường tuần tra. Toán biệt kích táo tợn lên vào nhà dân bắt 2 người khiêng ra thuyền. Tổ tuần tra kịp thời nổ súng diệt tại chỗ 1 tên, bọn còn lại hốt hoảng tháo chạy.

Tuy bị thất bại liên tiếp, nhưng thủ đoạn hoạt động của bọn biệt kích Mỹ - Ngụy ngày càng táo tợn hơn. Từ ý đồ " tạo tiếng vang trong lòng đồng hương" không thành, chúng chuyển sang thủ đoạn bí mật bắt cóc cán bộ, dân quân... Nhận rõ âm mưu của địch, Ban chỉ huy Tỉnh đội đã kịp thời tăng cường cán bộ biệt phái xuống các cơ sở , nhất là các vùng xung yếu, nhằm củng cố lại lực lượng dân quân, tự vệ.; mặt khác giúp địa phương bổ sung hương án đánh biệt kích. Các cấp, các ngành càng nhận rõ tầm quan trọng và tính cấp bách của công tác phòng thủ và nhiệm vụ phòng chống biệt kích trong bối cảnh mới. Chế độ tuần tra, canh gác của dân quân, du kích được duy trì thường xuyên, ngày càng đi vào nề nếp và đã xuất hiện những điển hình mới. Tiêu biểu là đơn vị dân quân Tây thôn, xã Ngư Thủy.

Ngư Thủy là xã nằm về phía đông nam huyện Lệ Thủy, giáp giới với xã Vĩnh Thái (Vĩnh Linh, Quảng Trị). Trong những năm chống Pháp, Ngư Thủy - nước xã Hưng Đạo nổi tiếng về phát triển chiến tranh du kích trong vùng tạm bị chiếm. Sau khi miền Bắc được giải phóng, Ngư Thủy là xã cực nam trên duyên biển Quảng Bình và trở thành địa bàn xung yếu của tỉnh. Ngư Thủy có 2 km bờ biển, có 4 thôn: Liêm Bắc, Liêm Nam, Liêm Lấp và Tây Thôn; có 1 chi bộ Đảng , 1 đại đội dân quân. Hai thôn Liêm Nam và Tây Thôn hợp thành

một trung đội đảm nhiệm tuần tra canh gác tuyến bờ biển, từ khe nước Rỉ vào khe Dải (giáp với xã Vĩnh Thái).

Nhận rõ vị trí xung yếu của địa bàn, từ những năm 1961, 1962, chi ủy và Ủy ban xã Ngư Thủy đã chú trọng xây dựng lực lượng dân quân, du kích để đảm nòng cốt trong các phong trào; nhất là nhiệm vụ phòng thủ, tuần tra và sản xuất trên biển...

Để có nơi cho dân quân tập trung sinh hoạt và trực chiến, bà con địa phương tuy còn rất túng thiếu nhưng vẫn quyên góp vật liệu dựng 2 cái nhà 6 gian, có ván nằm, làm doanh trại của trung đội dân quân Tây Thôn. Nhà có giá sừng, chỗ để chăn màn..., có gian giành riêng cho nữ dân quân, có nơi để Ban chỉ huy làm việc. Nhà ông Thời là câu lạc bộ của đơn vị, có tú lơ khơ, inh, báo, cờ tướng... Ban ngày cán bộ, chiến sỹ bám biển lao động sản xuất nhưng vẫn có đồng chí trong Ban chỉ huy trực tại doanh trại. Theo quy định, lúc 6 giờ tối, đơn vị có mặt tại vị trí chuẩn bị làm nhiệm vụ. Mỗi đêm, hai tiểu đội đi tuần tra. Mặt khẩu do Huyện đội báo về Xã đội. Trường hợp trên thông báo thì Ban chỉ huy Đại đội quy định. Ban đêm, dân quân đi tuần tra canh gác, khi đến hết địa phận của mình thì liên lạc với đơn vị bạn ký nhận vào sổ mới quay về. Những lúc đêm đông giá rét, anh em vẫn thực hiện quy định này rất nghiêm túc. Dân quân Tây Thôn có có sáng kiến dùng chiếc rào để cào trên cát: Khi phát hiện có dấu chân lạ dẫm lên là báo động đơn vị tập trung làm nhiệm vụ.

Đơn vị còn tổ chức đào chiến hào kéo dài theo bờ biển, cứ 50mét làm một hầm phủ nắp bằng thân phi lao, có 3 lỗ nhìn ra 3 hướng. Bờ chiến hào lược phủ kín bằng một lớp cây dừa. Dừa càng tốt, càng xanh thì chiến hào càng kín và càng bí mật. Ngoài ra đơn vị còn có hầm quan sát, hầm tiểu đội, hầm trung đội, nhà âm để cất giữ đồ dùng, trang bị.

Ban chỉ huy xã đội, đại đội nghiên cứu xây dựng phương án đánh địch lộ bộ đường không ở cồn Yển và địa bàn giáp giới Ngư Thủy - Vĩnh Thái. Đây là hai trọng điểm mà các tổ tuần tra phải thường xuyên canh gác.

Song song với công tác chuẩn bị phòng thủ, đơn vị tổ chức học tập chính trị, bắn đạn thật..., đều đạt kết quả cao. 3 năm liền, trung đội được Quân khu, Tỉnh đội công nhận đơn vị tiên tiến, năm 1964 được công nhận Đơn vị Quyết thắng.

Trải qua 10 năm khôi phục, xây dựng và phát triển kinh tế, với phương châm tự lực cánh sinh là chính, quân và dân trong tỉnh nỗ lực vượt bậc làm thay đổi nhanh chóng bộ mặt quê hương cả về kinh tế chính trị văn hoá - xã hội và quốc phòng - an ninh. Phong trào hợp tác hoá đã thu hút hàng vạn người dân lao động đi theo con đường làm ăn tập thể. Thực tế đã chứng minh: Con đường làm ăn tập thể là yêu cầu khách quan của thời kỳ lịch sử lúc bấy

giờ; là yếu tố có tính quyết định để có thể đảm bảo cho nền kinh tế – xã hội phát triển ổn định trong điều kiện có chiến tranh và tạo ra thuận lợi hết sức cơ bản trong việc huy động nguồn lực cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Đó là cơ sở hạ tầng, là tiềm lực để Quảng Bình xây dựng quê hương hành hậu phương, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân vững chắc, làm tròn nghĩa vụ, trách nhiệm của lịch sử giao phó trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vĩ đại của cả dân tộc.

Chương VIII (XIII)

**CUỘC KHÁNG CHIẾN
CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC**

1. VỊ TRÍ QUẢNG BÌNH TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC CỦA DÂN TỘC

1.1. Vị thế địa chính trị

Quảng Bình ở vào vị trí trung lộ của cả nước, là nơi giao hội của hầu hết các quá trình vận động lịch sử trên trục Bắc — Nam. Vì thế, trong lịch sử, Quảng Bình từng là nơi chiến địa tranh chấp giữa các thế lực và tập đoàn phong kiến Đại Việt — Champa, Trịnh — Nguyễn, là địa bàn vùng đệm trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Sau hiệp định Giơ-ne-vơ, vĩ tuyến 17 trở thành giới tuyến chia cắt tạm thời giữa hai miền Bắc — Nam. Quảng Bình cùng với khu vực Vĩnh Linh trở thành địa bàn đầu cầu giới tuyến, là địa đầu tuyến lửa trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước vĩ đại của dân tộc.

Do vị thế địa lý hết sức quan trọng như vậy nên ngay từ sau năm 1954, địa bàn Quảng Bình — Vĩnh Linh nhận được sự quan tâm đặc biệt của cả hai bên cuộc chiến.

Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà coi nội diễn biến chính trị — xã hội trên địa bàn Quảng Bình có ảnh hưởng to lớn đến niềm tin của nhân dân miền Nam đối với chế độ xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, là tấm gương phản chiếu của chế độ xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc đối với miền Nam, là động lực to lớn để nhân dân miền Nam quyết tâm đánh Mỹ đến thắng lợi cuối cùng.

Vì vậy, ngay từ những năm đầu sau thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, lập lại hoà bình ở miền Bắc, Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã giành sự quan tâm đặc biệt đối với Quảng Bình.

Trong điều kiện còn nhiều gian nan, vất vả do hậu quả của cuộc chiến tranh trăm năm với thực dân Pháp và hệ quả trực tiếp của 9 năm kháng chiến đầy thử thách, hy sinh, nhân dân cả nước đang còn gặp nhiều khó khăn, nhưng hầu hết các vị lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước đã ưu tiên giành thời gian về thăm Quảng Bình, động viên nhân dân Quảng Bình phấn đấu vượt qua mọi trở lực, xây dựng quê hương trở thành pháo đài vững chắc, vọng gác tiền

tiêu của miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Mặc dù địa bàn Quảng Bình thường xuyên bị địch trình sát, tập kích, quấy rối và phá hoại, an ninh chính trị vẫn còn phức tạp, mối nguy hiểm còn ẩn chứa thwongf xuyên ở nhiều nơi nhưng ngay từ tháng 6 năm 1957, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến thăm và động viên nhân dân Quảng Bình phấn đấu xây dựng quê hương vững mạnh, làm tiền đồn vững chắc cho miền Bắc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Trong những năm 1957 đến năm 1964, Quảng Bình thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ sở vật chất bước đầu cho chủ nghĩa xã hội, Chủ tịch uỷ ban thường vụ Quốc hội Trường Chinh, Phó Chủ tịch nước Tôn Đức Thắng, Thủ tướng Phạm Văn Đồng, Đại tướng Võ nguyên Giáp, Đại tướng Nguyễn Chí Thanh và nhiều vị lãnh đạo cao cấp của Đảng, Nhà nước và quân đội và quân đội đã đến thăm Quảng Bình và giành nhiều thời gian nghiên cứu vị thế chiến lược của địa bàn Quảng Bình Vĩnh Linh để từ đó vạch ra những chủ trương chiến lược và những kế hoạch triển khai thế chiến lược chiến tranh nhân dân trong cuộc chiến đầy thử thách, cam go với quân đội Mỹ và tay sai.

Vì thế, trong khi nhiều địa phương khác trong cả nước còn gặp nhiều khó khăn do chiến tranh để lại thì, do vị thế chính trị quan trọng đối với tiến trình cuộc chiến tranh giải phóng nên Đảng và Nhà nước đã tập trung chỉ đạo cùng với sự nỗ lực của nhân dân các địa phương trong tỉnh, Quảng Bình đã giành được thắng lợi trên nhiều lĩnh vực. Một trong những thành công nổi bật là việc hoàn thành công cuộc hợp tác hoá, trong đó Hợp tác xã Đại Phong đã trở thành ngọn cờ đầu của toàn miền Bắc về nông nghiệp, hợp tác xã Quang Phú, đơn vị xuất sắc của ngành thuỷ sản miền Bắc được Đảng và Nhà nước tổ chức cho cả nước đến học tập, thu hút sự quan tâm không chỉ trong nước mà cả các nước xã hội chủ nghĩa và các tổ chức tiến bộ trên thế giới, tạo tiếng vang trực tiếp đối với miền Nam đang bị đế quốc Mỹ chiếm đóng

Trong nhiều giai đoạn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, nhiều lãnh đạo của các quốc gia, các tổ chức trên thế giới cũng đã đến thăm và nghiên cứu địa bàn Quảng Bình để góp thêm những tư liệu quý báu, tìm hiểu nguyên nhân và bài học kinh nghiệm về thắng lợi của Việt nam trong cuộc đối đầu với đế quốc Mỹ. Trong số đó có Phi den Castro - lãnh tụ vĩ đại của nhân dân Cuba anh hùng và hoàng thân Xi-hanuc quốc vương Campuchia, Hoàng thân Xuvanô-vong, chủ tịch nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào và nhiều chính khách quan trọng khác.

Địa bàn Quảng Bình cũng là nơi chuẩn bị cho một số hoạt động chính trị quan trọng diễn ra trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước như đón tiếp đồng bào Quảng Trị trong chiến dịch giải phóng Quảng Trị năm 1972, chuẩn bị các chương trình nghị sự và tiếp đón các vị đại sứ của các nước và các tổ chức tiến bộ trên thế giới dùng chân chuẩn bị để đến trình quốc thư lên Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền nam Việt Nam tại Đông Hà, là

Địa điểm chuẩn bị đón tiếp cán bộ và chiến sỹ bị địch bắt, được trao trả tại sông Thạch Hãn theo quy định của hiệp định Paris...

Cũng do có vị thế địa chính trị quan trọng như vậy nên Quảng Bình luôn luôn là mục tiêu dòm ngó, trinh sát nắm tình hình, quấy rối và tổ chức tấn công quân sự, tuyên truyền tâm lý chiến phản động để phá hoại thành quả xây dựng chủ nghĩa xã hội, ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc cho chiến trường qua tuyến lửa Quảng Bình

1.2. Vị thế quân sự

Địa bàn Quảng Bình án ngữ ở vị trí hiểm yếu nhất về mặt địa hình nên mọi hoạt động quân sự trên chiến trường Bắc — Nam đều ít nhiều chịu sự chi phối của quá trình vận động của các lực lượng tham gia chiến đấu và chi viện qua hành lang Quảng Bình.

Về mặt vị thế quân sự, Quảng Bình là chỗ đứng chân, là hậu cứ và cũng là vị trí bàn đạp để các lực lượng kháng chiến triển khai các hoạt động của mình. Các lực lượng quân sự, các lực lượng làm công tác phục vụ chiến đấu và chi viện chiến trường từ mọi miền đất nước, mỗi khi vượt qua được cửa khẩu Quảng Bình là đã giành được thành công cơ bản. Từ đây, các lực lượng tham gia kháng chiến có thể toả đi nhiều hướng để triển khai thế trận chiến tranh nhân dân. Quảng Bình cùng với Vĩnh Linh là địa bàn triển khai lực lượng trực tiếp đánh địch ở chiến trường Trị Thiên. Đây cũng là địa bàn bổ sung lực lượng, củng cố sức chiến đấu cho các đơn vị tác chiến ở chiến trường miền Nam trở về hậu cứ để củng cố lực lượng, tăng cường tiềm lực trước khi trở lại chiến trường.

Địa bàn Quảng Bình là điểm xuất phát của hai con đường mòn Hồ Chí Minh huyền thoại là đường mòn Hồ Chí Minh trên bộ và tuyến thứ hai của đường mòn Hồ Chí Minh trên biển (tuyến thứ nhất xuất phát từ tỉnh Quảng Ninh). Đây là hai con đường chi viện và triển khai các lực lượng chiến lược của thế trận chiến tranh nhân dân trong chống Mỹ, cứu nước, có ý nghĩa quyết định thắng lợi của cuộc chiến đấu chống Mỹ.

Đường mòn Hồ Chí Minh trên bộ có điểm xuất phát từ Xuân Sơn, một nhánh chạy dọc địa hình miền Trung len lỏi trong rừng rậm của dãy Trường Sơn vào chiến trường miền Nam; một nhánh cắt ngang địa hình chạy sang nước Bạt Lào để từ đó trở về chiến trường miền Nam.

Đường mòn Hồ Chí Minh trên biển xuất phát từ sông Gianh vượt qua dọc bờ biển miền Trung chạy vào vùng duyên hải Trung và Nam Trung bộ.

Trên địa bàn Quảng Bình còn có hệ thống các đường bộ, đường thủy dọc ngang, tạo ra thuận lợi cho việc triển khai thế trận đánh địch. Rừng rậm nhiệt đới và hệ núi đá vôi (karst) là địa thế thuận lợi để vừa tổ chức triển khai thế trận chiến đấu, vừa là nơi trú ẩn an toàn để bảo toàn lực lượng.

Do có vị thế thuận lợi và có ý nghĩa về mặt quân sự như vậy nên đế quốc Mỹ chọn Quảng Bình là một trong số địa bàn trọng điểm mà chúng tập trung mọi khả năng và phương tiện để trinh sát, nắm tình hình các hoạt động của lực lượng quân sự của ta. Khi quyết định mở rộng chiến tranh ra miền Bắc, xét thấy địa bàn Quảng Bình có ý nghĩa về chính trị và quân sự như vậy nên chúng đã chọn tập trung đánh phá Quảng Bình hết sức khốc liệt

2. TIẾN TRÌNH CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC CỦA NHÂN DÂN QUẢNG BÌNH

Trước thất bại của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" trên chiến trường miền Nam, đế quốc Mỹ chuyển sang chiến lược "Chiến tranh cục bộ" và tăng cường các hoạt động quân sự chống phá miền Bắc.

Sau hàng loạt hoạt động khiêu khích quân sự có hệ thống, ngày 05 tháng 8 năm 1964, đế quốc Mỹ dựng lên "Sự kiện Vịnh Bắc Bộ" để đánh lừa dư luận thế giới và trong nước Mỹ, chính thức dùng không quân và hải quân đánh phá, mở đầu cuộc chiến tranh phá hoại với quy mô lớn và tàn bạo đối với miền Bắc, thực hiện mưu đồ ngăn chặn sự chi viện của bạn bè quốc tế vào miền Bắc và từ miền Bắc vào miền Nam, phá hoại tiềm lực quốc phòng - kinh tế và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của nước ta.

Để đối phó với hành động khiêu khích chiến tranh của Mỹ - Ngụy, Tỉnh ủy đề ra nhiệm vụ cấp thiết cho các ngành, nhất là lực lượng vũ trang về công tác sẵn sàng chiến đấu. Tỉnh đội Quảng Bình triển khai phương án tác chiến, hợp đồng với các đơn vị chủ lực đứng chân trên địa bàn để thống nhất chỉ huy, sẵn sàng đánh địch.

2.1. Trận đầu đánh thắng không quân Mỹ

Đầu tháng 8 năm 1964, Bộ Tư lệnh Quân khu 4 chỉ thị đi đôi với việc xây dựng và phát triển lực lượng, đẩy mạnh công tác động viên tuyển quân, thực hiện công tác hậu cần tại chỗ, chuẩn bị cơ sở vật chất cho các lực lượng vũ trang hoạt động và chiến đấu...

Những ngày cuối tháng 7, đầu tháng 8 năm 1964, cùng với cả nước, lực lượng vũ trang Quảng Bình luôn luôn theo dõi, bám sát các hoạt động của địch.

Ngày 31 tháng 7, Mỹ - Ngụy cho máy bay ném bom, bắn phá đồn biên phòng Nậm Cắn ở phía tây Nghệ An (cách biên giới Việt - Lào 7 ki lô mét) và làng Noọng Dẽ (cách biên giới Việt - Lào 20 ki lô mét). Cùng ngày, tàu khu trục Ma - đốc mang số hiệu 731 thuộc hạm đội 7 của Mỹ tiến vào vùng biển phía nam đảo Cồn Cỏ và Quảng Bình hoạt động do thám.

Đêm 31 tháng 7. rạng ngày 01 tháng 8 năm 1964, tàu Ma đốc tiến sâu vào vùng biển Quân khu 4, đi qua khu vực Đèo Ngang(Quảng Bình), Hòn Mát (Nghệ An), Hòn Mê , Lạch Trường (Thanh Hoá) để do thám mạng lưới bố phòng, thăm dò lực lượng và cách đối phó của ta.

Đêm 03 tháng 8, được các tàu chiến Mỹ hỗ trợ, tàu biệt kích của quân ngụy Sài Gòn đã bắn phá vào cửa sông Roòn và khu vực Đèo Ngang.

Chiều ngày 04 tháng 8, tàu sân bay Côn -xten - lây - sơn và 3 tàu khu trục ; Tàu sân bay Ti - cơn - đô - rê - ga và 4 tàu khu trục, 3 tàu khu trục hoạt động độc lập là Ma- đốc, toóc - nơ - gioi và En - la cùng với tàu tuần dương Au la - hâu ma - xi - ti và một số tàu đổ bộ của hải quân Mỹ đã tập kết trên vùng biển Việt Nam ^(A12:100) Ngày 05 tháng 8 năm 1964, Mỹ sử dụng hơn 60 máy bay trinh sát may bay tiêm kích, cường kích AD6, A3J, F8U, F4H... trên hai tàu sân bay Côn -xten - lây sơn và Ti cơn - đô - rê - ga bất ngờ tiến công hầu hết các căn cứ , khu trú đậu và lực lượng tàu thuyền của hải quân trên tuyến ven biển miền Bắc từ Quảng Bình đến Quảng Ninh. từ 12 giờ 30phút đến 17 giờ, thực hiện kế hoạch "Mũi tên xuyên" , không quân Mỹ đã cho cất cánh gần 100 lần chiếc máy bay ,mở 3 đợt tiến công hòng tiêu diệt hải quân ta.

10 phút sau khi cuộc chiến đấu ở vùng biển Cửa Hội,Vinh xảy ra, nhiều tốp máy bay phản lực Mỹ đã đánh vào Cảng Gianh, cửa sông Roòn. Bộ đội phòng quân, hải quân, bộ đội địa phương , công an nhân dân vũ trang, dân quân - tự vệ kịp thời tổ chức lực lượng, phối hợp đánh trả chúng quyết liệt.

Tại cảng Gianh, khi có lệnh báo động, các tàu hải quân đã nhanh chóng cơ động triển khai chiến đấu. Các tàu 181, 183, thuộc phân đội 7 đã nổ súng kịp thời từ đợt công kích đầu tiên của máy bay Mỹ. Tiếp đó, các tàu 173, 175, 177 và các trận địa súng máy, cao xạ hai bên bờ sông Gianh đều nổ súng đánh trả. 4 giờ sau, 5 chiếc F8U tiếp tục lao vào đánh phá Cảng Gianh. Cuộc chiến đấu diễn ra mỗi lúc một ác liệt. Lực lượng dân quân các xã Quảng Phúc, Quảng Thọ, Quảng Thuận, tự vệ ngư trường Sông Gianh... hiệp đồng chiến đấu, chi viện kịp thời cho lực lượng hải quân. Anh chị em dân quân hai bên bờ

sông Gianh chèo thuyền, lội sông ra các tàu tiếp đạn. Với tinh thần chiến đấu ngoan cường, dũng cảm của các lực lượng vũ trang, kẻ thù đã không thực hiện được ý đồ tiêu diệt các tàu và căn cứ của hải quân ta.

Ở vùng Roòn, từng tốp máy bay Mỹ rà sát mặt biển, luôn lách dọc theo các đôi cát tập kích vào chiếc tàu đo đạc mang số hiệu 527 của hải quân đang làm nhiệm vụ. Thuyền trưởng Bùi Gia Anh chỉ huy đơn vị đánh trả quyết liệt; vừa chiến đấu, vừa cơ động vào gần bờ để tranh thủ hỏa lực chi viện của dân quân địa phương. Dân quân xã Cảnh Dương đã nổ súng chi viện kịp thời cho tàu 527. Cùng lúc, các cỡ súng của dân quân hai bên bờ sông Roòn và tàu 527 thi nhau nhả đạn. Chiếc máy bay đi đầu bị bắn bị thương kéo theo một vết chói đen dài chuồn ra biển. Tối 05 tháng 8 năm 1964, cả nước reo vui đón mừng tin chiến thắng. Bộ Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân thông báo chính thức trên làn sóng điện của Đài tiếng nói Việt Nam : " ... Trong các đợt bắn phá và ném bom của máy bay phản lực Mỹ, các đơn vị bộ đội phòng không, hải quân và các lực lượng vũ trang nhân dân ta đã bắn rơi 8 máy bay địch: Một chiếc rơi ở ngoài khơi cách Cửa Hội 25 ki lô mét về phía đông bắc, một chiếc ở vùng Hà Tu (Quảng Ninh), hai chiếc ở Lạch Trường (Thanh Hoá) , một chiếc ở vùng Hương Sơn(Hà Tĩnh), một chiếc rơi cách Lý Hoà (Quảng Bình) 30 ki lô mét về phía đông, một chiếc ở cửa sông Đáy (Ninh Bình) và bắn bị thương 3 chiếc khác, bắt sống 1 tên trung úy giặc lái Mỹ" (A192).

Chiến thắng ngày 05 tháng 8 đã mở đầu trang sử chiến đấu chống Mỹ, cứu nước của quân và dân Quảng Bình. Đồng thời chứng minh sự trưởng thành của lực lượng vũ trang địa phương qua 10 năm xây dựng và bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa.

Để động viên khí thế của quân và dân trong tỉnh quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, ngày 28 tháng 10, Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh tổ chức lễ mừng công đón Huân chương của Chính phủ, cờ " Chiến công oanh liệt, truyền thống vẻ vang" của Trung ương Đoàn. Đồng thời trao bằng khen của tỉnh cho các đơn vị, cá nhân xuất sắc trong trận đánh ngày 05 tháng 8 năm 1964.

Ngày 16 tháng 10, máy bay Mỹ đánh phá dọc tuyến đường chiến lược miền Tây. Đồn công an nhân dân vũ trang Cà Xèng, Cha Lo và dân quân địa phương đã đánh trả quyết liệt. 15 giờ cùng ngày, chiếc máy bay T28 đi đánh phá về bị thương, buộc phải hạ cánh xuống vùng Thủ Thừ (Quảng Ninh) Ta thu chiếc máy bay còn nguyên vẹn, bắt sống giặc lái.

Để tăng cường lực lượng phòng thủ bảo vệ Tổ quốc, ngày 08 tháng 11 năm 1964, tại sân vận động thị xã Đồng Hới, Tiểu đoàn bộ binh 45 được thành lập. Đây là bước chuẩn bị lực lượng cho cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. Sau khi ổn định tổ chức biên chế, Tiểu đoàn

đã xây dựng phương án tác chiến, huấn luyện; thực hiện cuộc vận động lớn "Xây dựng Quân đội tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chính quy, hiện đại" do Quân uỷ Trung ương phát động. Cùng với việc thành lập Tiểu đoàn bộ binh 45, tỉnh phát triển thêm lực lượng cao xạ, 12,7ly, đặc công, bộ đội địa phương huyện.

Trưa ngày 18 tháng 11 năm 1964, máy bay Mỹ đến bắn phá mục tiêu của đại đội 3 bảo vệ. Lợi dụng núi cao, rừng rậm, từng tốp máy bay Mỹ thay nhau lao xuống ném bom, bắn rốc két vào trận địa. Tiếp theo khẩu lệnh chiến đấu của Đại đội trưởng Lê Hữu Mai, trận địa vang lên lời động viên của chính trị viên Nguyễn Viết Xuân: "*Phản lực Mỹ không có gì đáng sợ. Nhằm thắng quân thù mà bắn!*" Các khẩu đội nổ súng giòn giã. Chiếc đi đầu trúng đạn bốc cháy rơi ngay trên đỉnh núi. Nguyễn Viết Xuân bị thương gãy nát đùi bên phải, máu chảy đầm đìa. Anh dựa vào thành công sự để nhìn rõ trận địa và cùng với đại đội trưởng Lê Hữu Mai tiếp tục chỉ huy chiến đấu. Biết tin Nguyễn Viết Xuân bị thương nặng, cả trận địa hô vang: "Trả thù cho chính trị viên. Nhằm thắng quân thù mà bắn!"

Kết thúc trận chiến đấu, đại đội 3 cùng với các đại đội trong Tiểu đoàn 14 đã bắn rơi 1 chiếc R.F01 và 2 máy bay T28, bắn bị thương nhiều chiếc khác, bảo vệ được một mục tiêu trọng điểm trên tuyến giao thông chiến lược ở miền tây Quảng Bình.

Nguyễn Viết Xuân đã chiến đấu đến giọt máu cuối cùng, để lại niềm thương tiếc vô hạn cho đồng chí, đồng đội tấm gương sáng ngời chủ nghĩa anh hùng cách mạng, xả thân hy sinh vì nhân dân, vì Tổ quốc.

Khẩu lệnh chiến đấu của anh hùng liệt sỹ Nguyễn Viết Xuân đã trở thành mệnh lệnh bắn máy bay Mỹ không những ở trong binh chủng cao xạ mà cả trong các quân, binh chủng, các lực lượng vũ trang cả nước⁽¹⁾. Ngọn cờ Nguyễn Viết Xuân đã tạo một bước phát triển mới của chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong toàn quân khu, quyết đánh, quyết thắng giặc Mỹ xâm lược.

Trước nguy cơ thất bại hoàn toàn của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt", từ đầu năm 1965, đế quốc Mỹ đã từng bước đưa lực lượng chiến đấu vào miền Nam; đồng thời mở rộng hoạt động của không quân, hải quân tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc. Chúng coi đó là một bộ phận không thể thiếu được, một "biện pháp bổ sung chứ không phải là biện pháp thay thế cho cuộc chiến tranh trên bộ của Mỹ ở miền Nam"⁽¹⁾. Chúng hung hăng đe dọa: "... Bắc Việt Nam hãy sờ lên gáy, nếu không, chúng ta sẽ ném bom tàn phá tan hoang, đẩy lùi Bắc Việt Nam về thời đại đồ đá. Dưới bom đạn Mỹ, Bắc Việt Nam không chịu nổi vài tuần"^(A35:199).

Thực hiện mưu đồ đó, Mỹ ngày càng tăng cường các hoạt động khiêu khích trên hai tuyến núi, biển Quảng Bình. Máy bay Mỹ nhiều lần ném bom xuống đường 12A. Số lần máy bay trinh sát xâm phạm không phận ngày càng tăng, tháng 01 năm 1965 lên tới 120 lần/ tốp. Hoạt động gián điệp, biệt kích ngày càng nhiều, cả đường không, đường biển.

Ngày 07 tháng 02 năm 1965, vinh cơ " Trả đũa việc quân giải phóng miền Nam tiến công căn cứ Mỹ ở Plây- cu", đế quốc Mỹ cho 49 máy bay xuất phát từ các sân bay Cỏ - ran - xin , Hen - côc, Ren - giơ đậu ở ngoài khơi Đà Nẵng, tiến hành chiến dịch " Mũi lao lửa I" đánh phá Quảng Bình, mở rộng cuộc chiến tranh phá hoại ra toàn miền Bắc.

Ngay từ phút đầu, đại đội 12 Ra đa của Đoàn Sông Mã (chốt ở Lộc Đại, Lộc Ninh) đã phát hiện được máy bay địch và thông báo cho Ban Tác chiến Tỉnh đội Quảng Bình. Cùng lúc, trạm quan sát Ngư Thủy (Lệ Thủy) cũng phát hiện nhiều tốp máy bay phản lực Mỹ từ biển đông bay vào.

Tại thị xã Đồng Hới, mặc dù địch chọn thời điểm tiến công bất ngờ (trưa ngày chủ nhật, sau tết), nhưng khi máy bay Mỹ lao xuống trong tầm bắn có hiệu quả thì hỏa lực pháo cao xạ , súng máy , súng trường của bộ đội chủ lực, hải quân, bộ đội địa phương, công an nhân dân vũ trang, dân quân, tự vệ đã đánh trả kịp thời. *Một chiếc máy bay địch trúng đạn bốc cháy lao xuống biển, một chiếc khác nổ tung khi chưa kịp gây tội ác.* Lợi dụng khói bom mịt mù, một chiếc máy bay từ biển lượn thấp định đánh lên tàu hải quân. Song chúng không đánh lừa được cán bộ, chiến sỹ tàu 161, 171. Dưới sự chỉ huy của Trung úy phân đội trưởng Đàm Cần, các pháo thủ đã kịp thời quay nòng pháo bắt mục tiêu và đồng loạt nổ súng, buộc chúng phải tháo chạy.

Trận đầu đọ sức với máy bay Mỹ đã xuất hiện nhiều gương chiến đấu dũng cảm. Đồng chí Lê Ngọc Lễ, Bí thư Chi bộ thôn Phú Xá (Lộc Ninh), Phạm Tín, dân quân xã Nhân Trạch (Bố Trạch), Lê Công Phón, dân quân thôn Phú Hội (Lộc Ninh), hạ sỹ Nguyễn Tiến Đùng (đại đội I công an nhân dân vũ trang) đã lấy thân mình làm giá súng cho đồng đội bắn máy bay Mỹ.

Hình ảnh mẹ Suốt chèo đò chở bộ đội qua sông, chiến sỹ dân quân Nguyễn Văn Tối và các em bé Bảo Ninh phối hợp chiến đấu, tiếp đạn cho tàu hải quân đã cổ vũ mạnh mẽ tinh thần dũng cảm đánh địch của bộ đội.

Qua hai đợt chiến đấu, Quảng Bình bắn rơi, bắn cháy 4 máy bay Mỹ. Trong số máy bay bị bắn rơi có một chiếc A4D rơi tại biển Nhân Trạch (Bố Trạch) , cách bờ 1.200mét, ở độ sâu 9 - 10 sải nước. Thường vụ Tỉnh uỷ giao cho Tỉnh đội tổ chức vớt xác máy bay, tìm giặc lái.

12 giờ ngày 08 tháng 02, đế quốc Mỹ sử dụng 120 lần chiếc tiếp tục đánh phá thị xã Đồng Hới và các vùng phụ cận. Đồng thời chúng mở rộng

diện đánh vào các xã Ngư Thủy, Sen Thủy (Lệ Thủy). Ngày 08 tháng 02, các lực lượng phòng không ta bắn hạ 3 máy bay Mỹ.

Tối 08 tháng 02, sau cuộc mít tinh tuần hành chào mừng chiến thắng, Thường vụ Tỉnh uỷ tổ chức cuộc họp quán triệt chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng; Rút kinh nghiệm, bàn kế hoạch chuẩn bị đánh lớn, đánh lâu dài, sẵn sàng đối phó với tình huống địch đánh mạnh và mở rộng phạm vi đánh phá. Tinh thần và nhiệm vụ hội nghị đề ra được quán triệt xuống các địa phương, đơn vị, các ngành. Lực lượng dân quân, tự vệ các xã, các ngành tổ chức rút kinh nghiệm về công tác chỉ huy, hợp đồng chiến đấu. Các khu vực trọng điểm được tỉnh soát xét lại lực lượng, tăng thêm trang bị.

Tối 10 tháng 02, nhận được điện của Bộ Quốc phòng, Thường vụ Tỉnh uỷ họp khẩn cấp thông báo âm mưu địch, đề ra nhiệm vụ, bổ sung kế hoạch và quyết định *tổ chức sơ tán nhân dân thị xã về các vùng lân cận*. Được các lực lượng hỗ trợ, ngay đêm đó, 7.000 dân thị xã và 40 cơ quan cấp tỉnh đã rời khỏi thị xã trước lúc trời sáng.

Lấy cớ "Trả đũa" quân ta tiến công một trại lính Mỹ ở Quy Nhơn, đế quốc Mỹ mở chiến dịch "Mũi lao lửa II" đánh vào Quảng Bình.

13 giờ ngày 11 tháng 02, 60 máy bay Mỹ lại đánh phá Đồng Hới và một số vùng phụ cận thị xã. Rút kinh nghiệm các trận đánh trước, lần này, các lực lượng phòng không phối hợp nhịp nhàng, nổ súng giòn gã. Máy phút đầu chiến đấu, các lực lượng phòng không đã *bắn rơi 1 chiếc F8U*, bắt sống thiếu tá Rô - bốt Su - mếch - cơ, phi công vũ trụ của Mỹ tại đồi Lý Ninh. Tại khu vực phụ cận sân bay, nơi đại đội cơ động công an nhân dân vũ trang đang đóng (doanh trại Trung đoàn 18 cũ), máy bay Mỹ đã trút xuống hàng trăm quả bom các loại. Cán bộ, chiến sỹ trong đơn vị vẫn kiên cường bám trận địa đánh trả máy bay Mỹ.

Tại cảng Gianh, Đại đội 54, các phân đội súng máy của hải quân, tự vệ ngư trường sông Gianh và dân quân các xã hai bên bờ sông đã đánh trả quyết liệt, bắn rơi 2 máy bay Mỹ. Ngày 11 tháng 02 năm 1965, quân và dân Quảng Bình lại ghi tiếp chiến công *bắn rơi 6 máy bay Mỹ, bắt sống giặc lái*.

Ba ngày mở rộng chiến tranh phá hoại ra miền Bắc (7,8 và 11 tháng 02 năm 1965), đế quốc Mỹ đã bị quân và dân Quảng Bình đánh đòn phủ đầu, bắn cháy, bắn rơi 13 máy bay. giặc lái bị tiêu diệt, bắt sống. Chiến công oanh liệt của quân và dân Quảng Bình đã mở đầu hình thức chiến đấu hiệp đồng của lực lượng phòng không ba thứ quân (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân tự vệ). Chiến dịch "Mũi lao lửa" I và II của đế quốc Mỹ bị quân và dân Quảng Bình đánh trả đích đáng.

2.2. Vừa chiến đấu, vừa xây dựng lực lượng tiềm lực để chiến đấu lâu dài với đế quốc Mỹ

Sau hàng loạt thất bại trong tháng đầu tiên mở rộng chiến tranh ra miền Bắc, đế quốc Mỹ tăng cường trinh sát, mở rộng mục tiêu đánh phá chuyển từ chiến thuật tập kích vào các trọng điểm sang đánh lâu dài trên diện rộng.

Cùng với các đợt đánh phá các mục tiêu quân sự, vùng đồng bằng, đế quốc Mỹ đã mở rộng hoạt động lên tuyến núi. Ngày 25 tháng 3 năm 1965, máy bay Mỹ đã tiến hành nhiều đợt ném bom, bắn phá các trọng điểm trên tuyến đường chiến lược 12A miền tây Quảng Bình. Các đơn vị phòng không, dân quân, tự vệ hiệp đồng chặt chẽ, chiến đấu dũng cảm, bắn rơi, bắn cháy 7 máy bay Mỹ. Tại trận địa bảo vệ cầu Ka Tang, *Đình Thị Thu Nga*, công nhân hạt giao thông Minh Hoá, vừa tiếp cơm cho bộ đội, vừa băng bó, chuyển tải thương binh, liệt sỹ. Pháo thủ hy sinh, chỉ lên thay làm pháo thủ tiếp đạn suốt trận đánh.

Cuối tháng 3 năm 1965, hầu hết các khu doanh trại Quân đội ở Thuận Lý (Lý Ninh, Quảng Ninh), sân bay Đồng Hới, Ba Dốc, tây Hoàn Lão, Vạn Trạch, Bắc Khe Nước (Bố Trạch), Mỹ Sơn, Mỹ Khoa, Bang (Lệ Thủy), Đồng Lê (Tuyên Hoá)... đều bị đánh thiệt hại. Từ ngày 24 đến ngày 31 tháng 3, máy bay Mỹ tập kích trạm ra đa 530, 550 (Đèo Ngang) của hải quân, Trạm ra đa đối không của bộ đội phòng không - không quân ở sân bay Đồng Hới, bị lực lượng phòng không bắn rơi nhiều chiếc. Riêng trận ngày 31 tháng 3, Đại đội 24 phối hợp với phân đội súng máy của Trạm ra đa 530 lập công xuất sắc, bắn cháy 5 chiếc, có 2 chiếc rơi tại chỗ.

Ngày 31 tháng 3 năm 1965, một sự kiện chính trị rất vinh dự, tự hào đến với Đảng bộ, quân và dân Quảng Bình: Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định tặng *cờ thưởng luân lưu thi đua " Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược "* cho lực lượng vũ trang tỉnh. Cờ thưởng của Bác được rước qua hầu hết các huyện trong tỉnh. Từng huyện tổ chức đón và phát động thi đua lập công bắn rơi nhiều máy bay, bắn chìm, bắn cháy nhiều tàu chiến Mỹ.

Từ ngày 25 đến 27 tháng 3 năm 1965, Ban chấp hành Trung ương Đảng họp hội nghị đặc biệt lần thứ XI. Hội nghị nhận định: " Với những âm mưu và hành động mới của đế quốc Mỹ, tình hình một nửa nước có chiến tranh, một nửa nước có hoà bình đã biến thành tình hình cả nước có chiến tranh với hình thức và mức độ khác nhau ở mỗi miền..." Hội nghị xác định: " Miền Nam vẫn là tiền tuyến lớn, miền Bắc vừa là hậu phương lớn, nhưng nhiệm vụ của miền Bắc là vừa xây dựng, vừa trực tiếp chiến đấu, vừa chi viện tiền tuyến miền

Nam..." Hội nghị đề ra nhiệm vụ cấp bách ở miền Bắc là phải " Kịp thời chuyển hướng tư tưởng và tổ chức, chuyển hướng xây dựng kinh tế và tăng cường lực lượng quốc phòng cho phù hợp với tình hình mới..."^(A35:122-123)

Nghị quyết của Hội nghị đặc biệt đã được quán triệt trong Đảng bộ và cán bộ chỉ huy các lực lượng vũ trang Quảng Bình. Quân và dân toàn tỉnh chấn chỉnh chuẩn bị mọi mặt cho cuộc chiến đấu.

Ngày 04 tháng 4, hơn 35 máy bay gồm các loại A4, AD6, F8U từ biển đông chia nhiều hướng lao vào bờ nhào ném bom bắn phá thị xã và cầu Dài. Lực lượng bảo vệ cầu nổ súng đánh trả quyết liệt. *Nữ dân quân Trần Thị Lý* cùng đồng đội chiến đấu rất dũng cảm. *Nguyễn Văn Sớ*, công nhân Ty Bưu điện vượt qua bom đạn địch, nối dây giữ liền mạch máu thông tin liên lạc. Sau 90 phút chiến đấu, lực lượng bảo vệ cầu bắn rơi 4 chiếc máy bay Mỹ. *(Tại Đại hội anh hùng, chiến sỹ thi đua chống Mỹ, cứu nước ngày 01 tháng 01 năm 1967, Trần thị Lý và Nguyễn Văn Sớ được Quốc hội, Chính phủ tuyên dương anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động).*

Phân đoán địch tiếp tục đánh phá cầu Lý Hoà (trên đường quốc lộ 1A), ngay trong đêm 04 tháng 4, Ban chỉ huy Tỉnh đội lệnh cho Tiểu đoàn 9 Cao xạ và Phân đội 14ly5 đang làm nhiệm vụ bảo vệ sân bay, cơ động ra Lý Hoà triển khai trận địa đón đánh địch Trong hai ngày 7 và 14 tháng 4, các lực lượng phòng không bảo vệ cầu Lý Hoà bắn rơi, bắn cháy 6 máy bay Mỹ.

Ngày 16 tháng 4, địch cho máy bay trinh sát các trọng điểm trên tuyến đường chiến lược 12A. Lúc 14 giờ, một tốp F105 từ phía tây đánh vào trận địa. Mặc dù bom đạn địch phá sạt chiến hào, các khẩu đội tập trung hỏa lực trả đũa. Chiếc máy bay bị trúng đạn, bốc cháy đâm xuống phía tây biên giới.

Tối hôm đó, đài tiếng nói Việt Nam đưa tin: " Lúc 15 giờ 30 phút ngày 17 tháng 4 năm 1965, Đồn 111 Công an vũ trang nhân dân Quảng Bình **bắn rơi chiếc máy bay thứ 200 trên miền Bắc**" Bộ Tư lệnh Công an nhân dân vũ trang và Tỉnh uỷ gửi điện chúc mừng. Đơn vị được Quốc hội, Chính phủ tặng thưởng huân chương quân công hạng ba.

Ngày 19 tháng 4, địch cho 20 máy bay đến đánh cầu Mỹ Đức, 3 chiếc bị bắn rơi. Ngày 20 tháng 4, chúng lại tập trung máy bay ném bom, bắn phá, 7 chiếc bị bắn cháy, cầu chỉ thủng 1 lỗ nhỏ. Ngày 22 tháng 4, địch huy động trên 60 máy bay đến đánh phá, 7 máy bay Mỹ bị bắn rơi. Để đánh 1 chiếc cầu dài chưa đầy 30 mét, địch đã huy động tới 120 máy bay phản lực đánh 3 đợt và phải trả giá: 17 máy bay bị bắn rơi, bắn cháy, cầu mới bị sập.

Chiến thắng của các lực lượng phòng không, nòng cốt là Tiểu đoàn 9 Cao xạ, đánh dấu một bước trưởng thành về trình độ tổ chức chỉ huy, hiệp

tổng chiến đấu, về nghi binh đánh lừa địch. Tích cực cơ động chiến đấu là một hình thức tác chiến ưu điểm trong chiến thuật tạo thế, tạo lực để giành chủ động đánh địch.

Cùng với đánh phá các mục tiêu quân sự, giao thông vận tải, không quân Mỹ đã đánh vào các mục tiêu kinh tế, nhà máy, xí nghiệp, lò vôi, lò gạch, lò ngói, các công trình thuỷ lợi. Hồ chứa nước Cẩm Ly là trọng điểm bị đánh phá liên tục, vô cùng ác liệt

Ngày 20 tháng 4 năm 1965, địch tập trung 18 máy bay chia nhiều tầng, nhiều hướng cất bom, bắn phá suốt 8 giờ liên tục. Trận địa Đại đội 3 mìn mìn chối lửa bom đạn, nhưng các pháo thủ vẫn bám trận địa chiến đấu đánh trả lịch. Đại đội 3 trải qua hàng chục trận chiến đấu dài ngày căng thẳng, số pháo hủ đã được nhiều lần thay đổi, bổ sung, nhưng chiến sỹ ta vẫn gan không lùi, chí không sờn. Nguyễn Hữu Ngoãn 5 lần bị thương vào chân, tay vẫn cố gắng chịu đựng, đập cò nhả đạn vào máy bay Mỹ (*Tại Đại hội liên hoan anh hùng, chiến sỹ thi đua chống Mỹ, cứu nước ngày 01 tháng 01 năm 1967. Nguyễn Hữu Ngoãn được Quốc hội tuyên dương anh hùng LLVT*).

20 giờ ngày 20 tháng 4 năm 1965, Tổ tự vệ Công trường Cẩm Ly (Lệ Thuỷ) do đồng chí Trần Quốc Thản chỉ huy, với 27 viên đạn súng trung liên đã bắn rơi tại chỗ chiếc máy bay AD6 - **Đây là chiến máy bay đầu tiên của không quân Mỹ bị dân quân tự vệ dùng súng bộ binh bắn rơi ban đêm trên miền Bắc** (A213:145)

Ngày 28 tháng 4, không quân Mỹ tập trung lực lượng đánh phá dữ dội vào các căn cứ hải quân ta dọc bờ sông Gianh. Suốt 8 đợt chiến đấu, nhân dân hai bên bờ sông Gianh thuộc các xã Văn Hoá, Cảnh Hoá, Phù Hoá (Tuyên Hoá), Quảng Thanh, Quảng Thuận, Quảng Phúc (Quảng Trạch), Thanh Trạch, Bố Trạch), Tự vệ Ngư trường Thanh Khê, Đoàn 122 Công an nhân dân vũ trang, bộ đội hải quân cùng nhân dân Thanh Khê và các địa bàn phụ cận đã hợp đồng chặt chẽ, vừa đánh địch, vừa chi viện bộ đội. Nhiều tấm gương dũng cảm, tận tụy xuất hiện. Chiến đấu trong điều kiện khó khăn, địch lại có ưu thế hỏa lực, nhưng cán bộ, chiến sỹ Hải quân sông Gianh đã kiên cường đánh trả địch, cùng các lực lượng phòng không trên bờ bắn rơi 5 máy bay Mỹ; 1 bị chìm 3 tàu, 2 tàu hỏng nặng, 37 đồng chí hy sinh, 73 đồng chí bị thương. Trận chiến đấu tại sông Gianh ngày 28 tháng 4 năm 1965 là một hình ảnh sinh động về sự đoàn kết chiến đấu giữa quân và dân. Qua đó giúp cho chỉ huy và lãnh đạo rút ra những bài học kinh nghiệm quý giá.

Qua thực tế chiến đấu, lưới lửa tầm thấp của phong trào " Tay cày, tay súng", " Tay búa, tay súng" ngày càng phát triển, trình độ tác chiến được nâng cao một bước. Lúc này toàn tỉnh có 74 tổ săn máy bay gồm 628 người và 141 súng (72 trung liên, 46 đại liên, 323 súng trường) Phong trào bắn máy

bay Mỹ ở các địa phương, xí nghiệp... đều hơn và xuất hiện nhiều trận đánh bay. Nhiều tổ dân quân, tự vệ đã độc lập chiến đấu bắn rơi máy bay Mỹ.

Ngày 03 tháng 5 năm 1965, Trung ương đã ra Nghị quyết thành lập Hội đồng Quốc phòng Quân khu 4 ^(A310:55). Hội đồng gồm một số đồng chí trong Bộ Tư lệnh Quân khu, Bí thư Tỉnh uỷ Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, khu vực Vĩnh Linh, do đồng chí Lê Hiến Mai, Bí thư Quân khu uỷ kiêm chính uỷ Quân khu làm chủ tịch. Ở Quảng Bình, đồng chí Nguyễn Tư Thoan là uỷ viên Hội đồng quốc phòng Quân khu. Phiên họp đầu tiên, Hội đồng quốc phòng thảo luận, bàn kế hoạch triển khai nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 của Ban chấp hành Trung ương Đảng và Nghị quyết của Hội đồng Chính phủ về công tác giao thông và vận tải. Hội nghị quyết định chuyển lực lượng vũ trang Quân khu sang thời chiến: " Quyết tâm lấy chiến tranh nhân dân đánh bại chiến tranh phá hoại, bất luận cuộc chiến tranh đó quyết liệt đến mức nào; quyết tâm lấy chiến tranh nhân dân đánh bại chiến tranh cục bộ nếu địch gây ra trong Quân khu. Sẵn sàng nhận và làm tốt nhiệm vụ chi viện và đi chiến đấu ở " B", "C"(chiến trường miền Nam và Campuchia); làm tốt nhiệm vụ bảo vệ sản xuất, bảo vệ an ninh, đập tan mọi hoạt động tập kích, biệt kích. Làm tốt công tác phòng không nhân dân, chuyển hướng hoạt động, sản xuất, sinh hoạt của Nhà nước và của nhân dân địa phương thích hợp thời chiến..."

Thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quốc phòng, tháng 5 năm 1965, Bộ Tư lệnh Quân khu 4 phối hợp với Bộ Giao thông vận tải mở hội nghị tại Nam Liên (Nam Đàn, Nghệ An) bàn công tác đảm bảo giao thông vận tải và thống nhất sự chỉ đạo. Thiếu tướng Lê Hiến Mai, thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải Nguyễn Tường Lâm giao nhiệm vụ " ... Dù bất cứ tình huống nào, Quảng Bình, Vĩnh Linh phải giữ được mạch máu giao thông với khẩu hiệu : Địch phá ta sửa ta đi, chiến tranh của ta là chiến tranh nhân dân, công tác giao thông vận tải cũng là giao thông vận tải của nhân dân..." Sau Hội nghị, Quảng Bình thành lập Ban bảo đảm giao thông vận tải tỉnh do đồng chí Phó chủ tịch tỉnh làm trưởng ban, thống nhất chỉ huy trên địa bàn; đồng thời thành lập các công trường giao thông:

Công trường 12A phụ trách đoạn đường từ Tân Ấp, Khe Ve, Cổng Trời đến Đèo Mụ Dạ.

Công trường 151, phụ trách đoạn đường từ phía Xuân Sơn (xã Sơn Trạch, Bố Trạch) qua Đá Đẽo, ngầm Khe Rinh (xã Trung Hoá, Minh Hoá) ra Khe Ve trên đường 15A.

- Công trường 152 phụ trách đoạn đường 15A từ phía phà Xuân Sơn vào Bến Quan (Vĩnh Linh).

- Tuyến đường quốc lộ 1A do Ban đảm bảo giao thông các huyện, các at giao thông quản lý.

Đi đôi với việc thành lập các công trường và các đội cầu 1, 2, 3, các bến hà mở rộng thêm số bến. Mỗi bến phà ít nhất có 2 bến chính và 2 đến 3 bến phụ. Phà Roòn lúc cao điểm có 4 bến. Phà Thác Cốc (Lệ Thủy) khắc phục khó khăn đổ đá làm đường ngâm. Các bến phà tổ chức nhiều ca kíp, nhiều bến để giải quyết thông xe.

Ngày 15 tháng 5 năm 1965, Đội thanh niên xung phong "N75" Quảng Bình được thành lập, ngay sau khi thành lập, cùng với các Tổng đội thanh niên xung phong Nam Hà, Ninh Bình, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh và dân công hỏa tuyến, các đơn vị của Đội thanh niên xung phong Quảng Bình đã có mặt ở công trường 16 mở đường thồ từ Làng Ho (Lệ Thủy) vào Bắc Sơn - Băng - Liên; cùng với Trung đoàn 10, Tiểu đoàn 25 công binh, Trung đoàn bộ binh 4 và 5 mở đường 20 xuyên Trường Sơn qua Phú - La - Nhích, Lùm - Bùm (Lào).

Công tác đảm bảo giao thông vận tải lúc này trở thành nhiệm vụ trung tâm đột xuất của Đảng bộ, quân và dân Quảng Bình

Nhằm phá thế " độc đạo", ta mở thêm nhiều đường tránh, đường xé trên các tuyến giao thông. Để hỗ trợ đoạn đường quốc lộ 1A, lực lượng thanh niên xung phong của các tỉnh Hải Hưng, Nam Hà, Thành phố Hà Nội cùng với các địa phương mở đường 22A từ miền tây Kỳ Anh (Hà Tĩnh) vào Bưởi, Rỏi (Quảng Hợp) về Mũi Vích (Quảng Tùng). Tiếp đó mở đường 22B từ Quảng Châu (giáp đường 22A) về Tiên Lương (giáp sông Gianh). Để phân tán mục tiêu đề phòng địch đánh phá, đoạn quốc lộ 1A từ nam sông Gianh vào Đèo Ý Hoà, ta mở thêm đường Ba Trại từ nam phà Gianh vào giáp đường tỉnh lộ, nối với đường 15A. Để tránh 5 cầu (Lệ Kỳ 1, 2, 3, cầu Vĩnh Tuy, cầu Phúc Huệ), ta mở đường "5 khe" (đường vượt qua 5 khe nước) từ Đồng Hới về sông Đại. Hạn chế việc vận chuyển qua thị xã Đồng Hới, ta mở " Đường Hữu nghị" từ Chánh Hoà đi Đá Mài, " Đường Sư đoàn" đi Phú Quý. Phòng thiết kế giao thông Quảng Bình và Đội khảo sát đã dựng cảm vượt qua bom đạn , vượt núi băng rừng tìm ra những tuyến đường mới.

Theo yêu cầu chiến đấu, tháng 7 năm 1965, Tiểu đoàn 9 Trường Sĩ quan phòng không bàn giao vũ khí, phương tiện cho Tiểu đoàn 9 bộ đội địa phương Quảng Bình . Tiểu đoàn 9 có 3 đại đội 37 ly, 1 đại đội 14,5ly. Đại đội bảo vệ đập nước Cẩm Ly; Đại đội 2 phụ trách khu vực Đồng Hới; Đại đội 3 và Đại đội 14,5 ly cơ động trên địa bàn Quán Hàu - Lệ Kỳ - Đồng Hới, nam - bắc sông Gianh, Minh Cẩm - Roòn đón đánh địch và làm nòng cốt cho phong trào bắn máy bay ở các địa phương.

Để tập trung hoá lực và tạo thế bất ngờ, lực lượng phòng không tổ chức hành tung cụm chốt các bến phà Long Đại, Xuân Sơn, Quán Hàu, sông Gianh; cụm cơ động trên các trục đường chiến lược 15, 12 miền tây Quảng Bình và tuyến goòng Đò Vàng (Tuyên Hoá), bảo vệ các trọng điểm.

Việc tăng cường trang bị, bố trí lại thế trận chiến tranh nhân dân và tổ chức hợp đồng tác chiến giữa các lực lượng đã mang lại hiệu quả to lớn trong các trận chiến đấu đánh trả các cuộc tấn công của máy bay và tàu chiến Mỹ, bảo vệ an toàn tuyến hành lang chi viện chiến trường.

Sau gần một năm trực diện chiến đấu với các lực lượng không quân và hải quân Mỹ với cường độ đánh phá vô cùng khốc liệt, quân và dân Quảng Bình đã kiên cường dũng cảm đánh thắng địch ngay trận đầu, dẫn đầu phong trào toàn dân đánh giặc của miền Bắc với những kỷ lục phi thường: kiên cường, dũng cảm đối đầu với không quân và hải quân Mỹ giành thắng lợi gay rợn đánh đầu tiên; bắn rơi máy bay hiện đại của đế quốc Mỹ bằng vũ khí bộ binh; bắn rơi chiếc máy bay tập kích ban đêm đầu tiên của đế quốc Mỹ, hợp lòng chiến đấu chặt chẽ giữa các binh chủng của lực lượng bộ đội chính quy, bộ đội địa phương và dân quân du kích cùng phong trào toàn dân đánh giặc, sáng hình thức tác chiến và cách đánh thích hợp, bắn rơi nhiều máy bay Mỹ, trong đó có chiếc máy bay thứ 200 trên miền Bắc và chiếc thứ 100 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, bắt sống nhiều giặc lái (phi công Mỹ). Chiến công của quân và dân Quảng Bình trong gần một năm trực diện chiến đấu với đế quốc Mỹ đã khẳng định vị thế vững vàng của miền Bắc hậu phương lớn xã hội chủ nghĩa, tạo niềm tin to lớn cho toàn quân và toàn dân vững vàng bước vào giai đoạn mới trong cuộc chiến tranh chống Mỹ.

2.3. Phong trào "thi đua Hai giỏi" (chiến đấu giỏi, sản xuất giỏi)

Nhân dịp Quảng Bình bắn rơi 100 máy bay Mỹ, Hồ Chủ tịch đã gửi thư khen đồng bào và chiến sỹ Quảng Bình:

"Bác rất vui lòng thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ khen ngợi đồng bào, bộ đội và cán bộ Quảng Bình đã bắn rơi 100 máy bay Mỹ, vừa qua lại thu hoạch vụ chiêm rất tốt."

Như vậy là tỉnh nhà chiến đấu giỏi, sản xuất cũng giỏi.

Các chú bộ đội, cán bộ, đồng bào tỉnh nhà hãy phát huy thắng lợi, nâng cao truyền thống anh hùng của quân và dân ta, đoàn kết chặt chẽ, luôn luôn cảnh giác, quyết giành nhiều thành tích to lớn hơn nữa cùng lòng bào cả nước quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược cho đến thắng

lợi hoàn toàn' (A183;209-210)

Thư Bác Hồ là niềm vinh dự to lớn đối với Đảng bộ, quân và dân Quảng Bình. Thư Bác Hồ đã động viên khí thế chiến đấu, tăng thêm lòng phấn khởi, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch trong cuộc chiến đấu ác liệt với đế quốc Mỹ.

Nhân dịp này, Tỉnh uỷ tổ chức cán bộ, đảng viên, quần chúng học tập thư khen của Bác. Phát động mọi người, mọi gia đình, đơn vị, cơ quan thi đua làm theo lời Bác. Đây là đợt liên hệ khăng định thành tích và những mặt còn yếu trong chiến đấu, sản xuất của mỗi đơn vị, cá nhân.

Ngày 29 tháng 8 năm 1965, Hồ Chủ tịch đã ký lệnh **tặng thưởng Huân chương độc lập hạng nhất cho quân và dân Quảng Bình.**

Để động viên kịp thời quân và dân trong tỉnh, cuối năm 1965, Tỉnh uỷ đã tổ chức Đại hội thi đua tại thôn Xuân Hoà (Hoa Thuỷ, Lệ Thuỷ), đồng chí Tố Hữu, Bí thư Trung ương Đảng đã vào dự. Tại Đại hội này, tỉnh đã phát động phong trào thi đua " Hai giỏi": Chiến đấu giỏi, sản xuất giỏi.

Tháng 6 năm 1966, đồng chí Nguyễn Tư Thoan, Bí thư Tỉnh uỷ dẫn đầu đoàn cán bộ tỉnh ra báo cáo tình hình với Trung ương và Bác Hồ. Sau đó, đoàn đã đi thăm các tỉnh bạn để học tập kinh nghiệm sản xuất. Từ tấm ảnh chân lung có chữ ký của Hồ Chủ tịch tặng, tỉnh cho in 1 vạn tấm để làm phần thưởng cho cá nhân, gia đình, tập thể danh hiệu " 2 giỏi"

Phong trào thi đua " 2 giỏi" trở thành một phong trào thi đua cách mạng quần chúng sâu rộng trong quân dân toàn tỉnh; là nguồn động lực quan trọng thúc đẩy các mặt chiến đấu, sản xuất, xây dựng con người mới trong điều kiện chiến tranh.

Cùng với phong trào của các ngành, các giới, phong trào thi đua "2 giỏi" đã trở thành mục tiêu phấn đấu, trở thành cao trào thi đua sâu rộng trong quần chúng. Mỗi đơn vị trong lực lượng vũ trang, hợp tác xã, gia đình, cá nhân đều có chỉ tiêu phấn đấu " Đơn vị 2 giỏi", " Chiến sỹ 2giỏi" Trong phong trào thi đua xuất hiện nhiều tập thể, cá nhân điển hình. Phong trào thi đua " 2 giỏi" như một luồng gió mới đưa chủ nghĩa anh hùng cách mạng của quân và dân Quảng Bình phát triển lên một bước vượt bậc.

Công tác phòng tránh được đặt ra cấp thiết. Ở các nơi địch thường xuyên đánh phá, nhân dân xây dựng thành những làng hầm, đưa mọi sinh hoạt của gia đình xuống lòng đất, thực hiện bám đất, bám làng để chiến đấu, sản xuất. Nhiều xã có sơ đồ hầm hào các gia đình trong xóm, thôn, khu vực. Các hợp tác xã tổ chức các tổ, đội đào hầm chuyên trách giúp các gia đình neo đơn, thương binh, liệt sỹ. Bộ đội hành quân qua làng, con em miền Nam ra

Bác học tập được nhân dân nhường hăm, giúp đỡ ăn nghỉ chu đáo. Mọi hoạt động của nhân dân từng bước chuyển sang quân sự hoá.

Nhờ các biện pháp tích cực thực hiện công tác phòng tránh nên địch đánh phá ác liệt nhưng tỷ lệ thương vong thấp. Xã Ngư Thủy (Lệ Thủy) 1.046 lần bị địch đánh phá, bình quân mỗi trận đánh chỉ có 0,05% thương vong. Xã Quảng Thuận (Quảng Trạch) có 824 hộ, 3427 nhân khẩu, địch đánh phá 4351 lần, 76 lần tàu chiến Mỹ pháo kích, bình quân mỗi gia đình làm nhà lại 3-4 lần, nhưng tỷ lệ thương vong mỗi lần địch đánh chỉ 0,06%. Khẩu hiệu "Một nhà bị nạn, cả xóm cùng lo; một xã bị tàn phá, cả huyện tập trung giúp đỡ" trở thành phong trào quần chúng rộng rãi khắp toàn tỉnh.

Vừa đánh địch, vừa xây dựng, đến cuối năm 1965, lực lượng dân quân - tự vệ đã có 28.243 người, trong đó có 4781 nữ; 3.200 thanh niên xung phong và 540 dân công hoả tuyến lên đường phục vụ chiến trường. Có 5.329 nam, nữ thanh niên gia nhập lực lượng vũ trang đạt, 104% chỉ tiêu, gấp 3,3 lần năm 1964. Lực lượng trực chiến của dân quân - tự vệ được củng cố thêm một bước, lực lượng pháo binh địa phương hình thành 4 đại đội pháo 85ly (7,8,9,10) và Đại đội 47 pháo 105ly.

Tính đến cuối năm 1965, Quảng Bình đã bắn rơi 141 máy bay Mỹ, bắt sống 4 giặc lái; dân quân - tự vệ độc lập bắn rơi 11 chiếc. Thắng lợi đó đã khẳng định Đảng bộ, quân và dân Quảng Bình có quyết tâm chiến đấu cao, sẵn sàng chịu đựng mọi gian khổ hy sinh, quyết đánh, quyết thắng giặc Mỹ xâm lược.

Tháng 10 năm 1965, Hội đồng chính phủ quyết định thành lập Ban điều hoà vận tải Trung ương do Phó thủ tướng Đỗ Mười làm Trưởng ban, chỉ đạo công tác chi viện tiền tuyến.

Ban bảo đảm giao thông tỉnh Quảng Bình do đồng chí Nguyễn Hữu Duật, Phó chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh làm trưởng ban. Được Ban đảm bảo giao thông vận tải trực tiếp chỉ đạo, các ngành có liên quan chuyển phương thức hoạt động phù hợp, đáp ứng yêu cầu của chiến trường.

Nhân dịp lễ Noel, tết dương lịch, tết nguyên đán, trước hành động nhân đạo của Chính phủ ta, đế quốc Mỹ buộc phải tuyên bố ngừng bắn từ ngày 25 tháng 12 năm 1965 đến ngày 31 tháng 01 năm 1966. Tranh thủ thời gian này, ta mở chiến dịch vận tải "Quang Trung 1" chuyển hàng từ bắc sông Gianh sang nam sông Gianh vào chiến trường. Tỉnh huy động cán bộ, bộ đội, nhân dân cùng lực lượng chuyên trách làm đường, lấp hố bom, nâng cao mặt đường. Trong một thời gian ngắn, hàng chục trọng điểm lầy lội được khắc phục, hàng vạn tấn hàng hoá được vận chuyển vào chiến trường.

Để phá thế " độc tuyến", Bộ Giao thông vận tải thành lập trạm vận tải hống nhất. Quảng Bình thành lập Tổng đội vượt sông bên cạnh Ty Giao thông để chỉ huy các bến phà. Các bến phà tổ chức theo hình thức quân sự hoá. Hàng từ miền Bắc vào bắc Gianh tập kết ở 4 bến: Quảng Thuận, Quảng Phúc (chủ yếu là gạo); Ba Đồn (chủ yếu là vật tư), Quảng Trường (hàng quân sự). Từ đây, các lực lượng vận tải thường dùng thuyền chuyển tải qua sông cho ô tô chuyển vào đường 20, đường 10, nhập vào kho Đoàn 559. Vùng bắc, nam sông Gianh, nam Long Đại, Quán Hàu, trở thành trung tâm nhận hàng, chuyển hàng lên bị địch đánh phá rất ác liệt.

Để phá hoại tuyến vận tải chiến lược của ta, Mỹ - Ngụy liên tiếp tung lực lượng thám sát, thám báo ra miền Bắc để phát hiện đường mòn Hồ Chí Minh thăm dò kho tàng, khu tập kết quân vào chiến trường và nắm quy luật vận chuyển của ta.

Ngày 11 tháng 01 năm 1966, một toán biệt kích (15 tên) của Mỹ - Ngụy nhảy dù xuống Khe Giũa thuộc phạm vi 2 xã Hàm Nghi, Đình Phùng (Lệ Thuỷ).

Được tin đồng bào báo, Ban chỉ huy Tỉnh đội, Công an vũ trang, Huyện đội huyện Lệ Thuỷ phối hợp tổ chức lực lượng truy lùng. Ban chỉ huy thống nhất tóm gọn toàn bộ toán biệt kích mang mật danh TK56 gồm 15 tên. Ta thu toàn bộ vũ khí, khí tài. Âm mưu tung gián điệp, biệt kích ra thám sát các hoạt động của ta trên các tuyến đường chiến lược của Mỹ - Ngụy bị thất bại.

Đầu năm 1966, cùng với đánh phá giao thông, địch tiến hành đánh lấn, đánh rộng vào các khu dân cư, nhất là các vùng có bến phà, trục đường. Nhiều nơi như Cảnh Dương, Nam Lãnh (Quảng Phú), Quảng Phúc, Thanh Khê, Lý Hoà... bị đánh phá nặng. Các cơ sở sản xuất gạch, ngói, vôi, dầu tràm; các cửa hàng mậu dịch quốc doanh, hợp tác xã mua bán; các trụ sở cơ quan, trường học, bệnh viện; các công trình thuỷ lợi, trại chăn nuôi... lần lượt bị đánh phá hư hại. Lực lượng vũ trang địa phương và các đơn vị phòng không cấp trên đứng chân trên địa bàn đã tích cực đánh trả địch, bảo vệ các mục tiêu. Ngày 26 tháng 01, Tiểu đoàn 7 thuộc Trung đoàn 241 pháo cao xạ chốt ở phà Xuân Sơn bắn rơi tại chỗ chiếc máy bay trinh sát RF01, bắt sống giặc lái.

Nhân dịp tết nguyên đán năm 1966, lực lượng vũ trang Quảng Bình phấn khởi đón Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Bộ trưởng Quốc phòng, Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam vào thăm. Gặp mặt cán bộ, chiến sỹ Ban chỉ huy Tỉnh đội và Tiểu đoàn 9 pháo cao xạ, Đại tướng căn dặn: "Đánh địch phải kiên quyết, dũng cảm, mưu trí và sáng tạo" Ghi sâu lời căn dặn của Đại

Tháng 01 năm 1966, Đoàn 559 và Bộ Giao thông vận tải tập trung lực lượng mở đường từ Phong Nha vào Tà Lê, nối qua đường 12B ở Lùm Bùm để tránh túi nước Xiêng phan Thi công trong điều kiện địch đánh phá ác liệt, nhưng với quyết tâm cao, sau gần 6 tháng, tuyến đường mới, đường 20 Quyết Thắng dài 125 ki lô mét đã thông xe đúng vào dịp kỷ niệm lần thứ 76 năm ngày sinh của Bác Hồ. Sau cửa khẩu đường 12, đây là cửa khẩu thứ hai vượt Trường Sơn, một hướng liên công mới trên tuyến hậu cần chiến lược từ miền Bắc vào các chiến trường.

Bị thất bại ở chiến trường, Đế quốc Mỹ huy động không quân, hải quân phong toả các tuyến đường bộ, đường biển hòng chặn tuyến chi viện chiến trường của ta. Cuộc chiến đấu trên mặt trận giao thông vận tải đi vào thử thách mới.

Tháng 6 năm 1966, nhân dịp quân và dân Quảng Bình bắn rơi 200 máy bay Mỹ, Hồ Chủ tịch gửi thư khen:

" Đồng bào, bộ đội và cán bộ Quảng Bình đã nêu gương tốt cho các tỉnh bạn thi đua làm theo"

Tiếp đó, Bác dặn. " Chúng ta cần nhớ rằng: địch càng thất bại thì càng điên cuồng hung dữ. Vì vậy quân và dân tỉnh ta chớ vì thắng lợi mà chủ quan khinh địch, cần phải luôn luôn nêu cao cảnh giác, ra sức thi đua với quân và dân miền Nam anh hùng, cố gắng chiến đấu giỏi, sản xuất giỏi hơn nữa, cùng đồng bào cả nước kiên quyết chống Mỹ cứu nước cho đến thắng lợi hoàn toàn"^(A182:223)

Giữa những ngày chống Mỹ, cứu nước ác liệt, thư Bác Hồ về trên đất lửa như một làn gió mát lòng mọi người. Để động viên khí thế chiến đấu của quân và dân trong tỉnh, Tỉnh uỷ phát động thi đua " Làm theo lời Bác, 40 vạn nhân dân Quảng Bình sẵn sàng đánh bại bộ binh Mỹ nếu chúng liều lĩnh tiến công ra nam Quân khu 4"

Từ trong cuộc chiến đấu đầy hy sinh, gian khổ đã xuất hiện nhiều khẩu hiệu hành động sắc bén được đúc rút thành phương châm chỉ đạo: "Tay cày, tay súng - tay búa, tay súng - tay chèo, tay súng"; " Bám làng mà chiến đấu, bám đồng ruộng mà sản xuất, bám hố bom mà thâm canh"; " Hợp tác xã là pháo đài, chi bộ là cốt thép, xã viên là chiến sỹ"; " Đâu khó có chỉ huy, đâu gian nguy có lãnh đạo"; " Đảng viên đi trước, làng nước theo sau"; " Đứt dây như đứt ruột, gãy cột như gãy xương"; " Trận địa là nơi đường xấu, lý tưởng chiến đấu là lúc gian nguy"... Nhờ vậy, trong phong trào thi đua " Làm theo lời Bác" đã xuất hiện ngày càng nhiều cá nhân, tập thể tiêu biểu.

Ngư Thuỷ (Lệ Thuỷ) là một xã ven biển ở cực Nam tỉnh Quảng Bình. Địch dội xuống đây hàng trăm tấn bom trên vùng đất cát hòng san bằng xã

Ngư Thủy. Có trận địch đánh liên tục suốt 10 ngày đêm. Xóm Liêm Lấp bị máy bay Mỹ đánh suốt 3 ngày đêm liền, đốt cháy 107/133 ngôi nhà. Trên đồi cát, địch thả bom dày đặc. Rừng phi lao dọc bờ biển bị bom cháy thiêu trụi. Binh quân 1 đầu người chịu đựng trên 100 quả bom, đạn các loại. Nhân dân cất cổ rudi đánh tranh, che lán trại trên đồi cát, "Một tấc không đi, một ly không rời", chiến đấu ngoan cường, đánh địch bảo vệ quê hương. Đảng bộ, quân và dân Ngư Thủy khẳng định: "Địch đánh đá trôi, nhưng làng mạc không thể trôi"

Tỉnh uỷ Quảng Bình đã phát động phong trào toàn tỉnh noi gương học tập "Sống và chiến đấu như Ngư Thủy"

Trước tình hình địch đánh phá căng thẳng, Tỉnh uỷ chủ trương động viên toàn dân, huy động mọi lực lượng, bằng các biện pháp, kiên quyết đảm bảo giao thông vận tải thông suốt trong mọi tình huống" ⁽¹⁾. Khẩu hiệu lúc này là: "Đường, ngầm, sông, bến phà là trận địa"

Tháng 7 năm 1966, một đoàn xe vận tải trên 100 chiếc trên đường qua Võ Ninh (Quảng Ninh) vào chiến trường thì gặp máy bay Mỹ đánh vào khu vực ngầm Dinh Thủy. Đoàn đường 300 mét biến thành bãi lầy. Đoàn xe sơ tán vào thôn Trung, thôn Tây, thôn Tiên. Nhân dân địa phương đã nêu cao tinh thần quyết tâm thông đường, thôn xe bằng mọi giá để đưa hàng ra chiến trường với khẩu hiệu: "Xe chuta qua, nhà không tiếc" 37 gia đình được chấp nhận dỡ nhà lấy vật liệu chống lầy cho xe qua. 2 ngàn người từ thôn Hạ đến thôn Thượng ra mặt đường chống lầy, san lấp hố bom. Nhân dân thôn Thượng hiến nhà cửa, gạch, ngói, cột kèo, đòn tay... lát đường và gánh hàng chục khối đất nền nhà lấp hố bom thông đường. Khẩu hiệu "Xe chưa qua, nhà không tiếc" từ Võ Ninh lan nhanh ra khắp Quảng Bình và cả nước.

Đầu tháng 7 năm 1966, Hội đồng quốc phòng nước Việt Nam dân chủ cộng hoà họp dưới sự chủ toạ của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã công bố lệnh động viên cục bộ để huy động nhân tài, vật lực cho sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước.

Ngày 17 tháng 7 năm 1966, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi toàn dân chống Mỹ, cứu nước, quyết chiến, quyết thắng giặc Mỹ xâm lược. Người khẳng định: "Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập tự do!"^(A35:161)

Lệnh động viên cục bộ của Nhà nước và lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh là lời hịch thiêng liêng của Tổ quốc, cổ vũ toàn quân, toàn dân xốc tới quyết chiến, quyết thắng kẻ thù xâm lược. Đáp lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Quảng Bình đã tiễn đưa 2.321 thanh niên tòng quân ra mặt trận.

1.700 thanh niên xung phong và 621 nam nữ thanh niên đi dân công hoả tuyến phục vụ các chiến trường.

Thực hiện chủ trương của Trung ương, trước mùa mưa năm 1966, Quảng Bình lập kế hoạch sơ tán 3 vạn em từ 7 đến 15 tuổi ra các tỉnh Thái Bình, Hải Hưng, Hà Bắc, Nam Hà, Thanh Hoá để nuôi dưỡng, học hành với mật danh kế hoạch "K8"

Trong kế hoạch "K8", các cháu con em cán bộ quân sự của tỉnh được Đảng uỷ, Bộ tư lệnh Quân khu 4 bảo lãnh, đã vượt qua bom đạn Mỹ ra tập kết ở Yên Thành (Nghệ An), được sắp xếp nơi ở và đưa vào trường lớp học tập.

Kết thúc kế hoạch "K8", Quảng Bình, Vĩnh Linh tiếp tục thực hiện kế hoạch "K10" đưa những người đau yếu, tàn tật, các chị có con nhỏ dưới 5 tuổi ở khu vực Vĩnh Linh ra định cư tại huyện Tân Kỳ (Nghệ An).

Kế hoạch "K8", "K10" là cuộc hành trình đầy gian nan thử thách để sơ tán 3 vạn em nhỏ và hơn 1 vạn đồng bào ra các tỉnh phía Bắc. Đây là quyết tâm rất lớn của Đảng bộ, nhân dân và các ngành ở Quảng Bình, Vĩnh Linh để bảo vệ, chăm sóc, nuôi dưỡng người già, yếu; chuẩn bị lực lượng cho cuộc chiến đấu lâu dài; đồng thời tạo nguồn cán bộ về về xây dựng lại quê hương sau chiến tranh.

Quảng Bình là tỉnh nằm trong vùng "cán soong" mà đế quốc Mỹ đã tập trung khối lượng lớn sắt thép hùng bẻ gãy. Vào những ngày trời nắng, máy bay địch xuất kích gấp 6 lần so với các ngày đầu năm 1966. Thủ đoạn đánh thay đổi, vừa công kích vào mục tiêu, vừa ném bom toạ độ. Từng tốp máy bay bay cao trên tầm cao xạ đồng loạt thả nhiều loại bom hỗn hợp (bom phá, bom sát thương, bom bi) diệt mục tiêu, gây thương vong. Chúng đánh liên tục ngày đêm vào các tuyến đường chiến lược 12, 15, 20, phong toả tuyến đường quốc lộ 1A; cảnh đường tắc, xe ùn diễn ra liên tiếp. Các xe chuyển hàng từ phía Bắc vào phân tán chạy trên 3 tuyến: Quốc lộ 1A, đường 22A, 22B và giao hàng ở Bắc Gianh. Tất cả các hàng hoá từ các nguồn đến đều ký thác vào dân. Nhân dân các xã Kim Hoá (Tuyên Hoá), Quảng Trường, Quảng Thuận (Quảng Trạch), nhường nhà cho Nhà nước làm kho chứa hàng. Huyện uỷ Quảng Trạch đề ra nguyên tắc quản lý cho cơ sở: "Đảng uỷ là chủ hàng, dân quân là công nhân bốc vác, nhà dân là kho hàng, chủ nhà là thủ kho". Khẩu hiệu của nhân dân là: "Cho không lấy, thấy không xin, của công giữ gìn, của rơi trả lại". Mặc pháo sáng, mặc bom rơi, trên các bãi hàng vẫn tập nập các đoàn xe vận tải, các đơn vị dân quân, thanh niên khuân vác; đâu đâu cũng náo nức giọng hò, câu hát át tiếng bom: "Hàng ta ta quý, ta yêu - Hàng ra tiền tuyến, hàng tiêu diệt thù". Nhân dân ai cũng hiểu cho xe vào làng, nhận hàng vào nhà, lộ ra địch sẽ đánh phá, nhưng họ sẵn sàng chấp nhận.

Y Leng là một điểm cao trên đường chiến lược 12 thuộc xã Dân Hoá (Minh Hoá). Ở đó có Đại đội thanh niên xung phong 759 chốt giữ. Ngày 03 tháng 7 năm 1966, địch cho nhiều tốp máy bay thay phiên nhau trút bom xuống khu vực đồi Y Leng từ 1 giờ sáng đến 12 giờ trưa, làm cả một quả núi đổ sập, đất đá ào xuống đường vùi lấp đội hình c759, đẩy cả đoạn đường tụt xuống sâu. Trận đánh phá của giặc Mỹ đã gây cho ta nhiều tổn thất, nhưng cán bộ, chiến sỹ đại đội 759 không ai nao núng. Sau những đợt bom, cả đại đội lao lên bới đất cứu đồng đội. Sau một thời gian, đơn vị về trấn giữ đường Ba Trại (nam Phà Gianh). Ở trận tuyến này cũng rất gay go, quyết liệt. Ngày máy bay ném bom, đêm pháo sáng địch treo lơ lửng trên trời; pháo từ các khu trục hạm từ ngoài khơi khi bắn cầm canh, lúc bắn dồn dập. Nguyễn Thị Minh Thù, chiến sỹ của Tiểu đội 6 trước khi ra mặt đường, đã viết thư cho bố mẹ với những lời lẽ thấm thiết: "Tuyến đường các con phụ trách rất gay go, quyết liệt. Hố bom chi chít. Bom toạ độ ngày nào cũng xối xuống, cái sống và cái chết rất gần... Dù có đổ máu, các con cũng không tiếc tuổi xuân, hy sinh đến giọt máu cuối cùng vì Tổ quốc, vì nhân dân..." *Nguyễn Thị Minh Thù đã sống, chiến đấu và hy sinh anh dũng như một anh hùng.*

Giặc Mỹ hòng huỷ diệt mọi sinh vật trên mặt đất, nhưng cuộc sống của Đại đội đại đội thanh niên xung phong 759 vẫn sôi nổi; niềm vui mở đường và ý chí sắt đá đã tạo nên quyết tâm của chiến sỹ làm nhiệm vụ giao thông vận tải:

"... Địch đánh rừng già, ta ra rừng non,
Địch đánh rừng non, ta ra đồi trọc,
Địch đánh đồi trọc, ta ra bám đường..."

Trong khi bè lũ Giôn - Xon dùng bom đạn để khuất phục, thì các chiến sỹ thanh niên xung phong c759 "Một tắc không đi, một ly không dờ" "Sống bám đường, chết kiên cường dũng cảm" (Ngày 22/12/1969 Đơn vị c759 và Nguyễn Thị Kim Huế được Đảng và Nhà nước tuyên dương anh hùng).

Phối hợp với không quân, từ tháng 10 năm 1966, hải quân Mỹ tăng cường không chế mặt biển, bắn pháo vào bờ. Vùng biển Quảng Bình thường xuyên có từ 2 - 3 tàu khu trục túc trực ngày đêm. Lúc đầu, chúng bắn pháo vào dọc bờ biển, đường quốc lộ, cửa lạch... Về sau, chúng bắn sâu vào nội địa: Hạ Môn, Phú Kinh (Liên Trạch, Bố Trạch), Rào Đá (Quảng Ninh); bắn chặn dọc đường quốc lộ 1A, bắn lên đường 15, bắn sâu vào các bến phà Quán Hàu, Long Đại, các bến đò Trung Quán, Trần Xá, Trúc Ly, Phú Bình...

Kiên quyết trừng trị bọn cướp biển, ngày 25 tháng 10 năm 1966, Đại đội 7 và Đại đội 9 pháo binh bộ đội địa phương, từ loạt đạn đầu, đã bắn cháy chiếc khu trục hạm Men - phớt mang số hiệu 728. Chiến công của Đại đội 7 và Đại

đội 9 đã mở màn trận đầu đánh giỏi, bắn trúng của lực lượng pháo binh địa phương.

Tiếp theo chiến công của Đại đội 7 và Đại đội 9, ngày 19 tháng 12 năm 1966, Đại đội 8 pháo 85 ly bộ đội địa phương bắn bị thương nặng tàu khu trục Ô - B rin - an ở cự ly 8.000 mét, buộc hai tàu khác phải tháo chạy.

Vừa đánh trả tàu chiến, các đơn vị còn phối hợp với hải quân tiến hành nhiều đợt thả thủy lôi ở ngoài khơi, trên các luồng khu trục hạm và tuần dương hạm thường đi. Chiếc tuần dương hạm OKLAHO Macity bị trúng thủy lôi, thủng một mảng ở thành tàu dài 5 mét phải đưa về cảng Su bích (Phi líp pin) sửa chữa.

Để ngăn chặn việc tiếp tế, chi viện của miền Bắc cho miền Nam trên tuyến đường vận tải chiến lược 559, đế quốc Mỹ đã cho máy bay B52 ném bom rải thảm dọc đường 12 Xã Dân Hoá (Minh Hoá) trở thành điểm đánh phá ác liệt nhất toàn tuyến. Đời sống của đồng bào các dân tộc ở đây đứng trước nhiều khó khăn lớn. Một số đồng bào lo sợ bỏ sản xuất, một số đi tìm bản mới. Đồng chí Hồ Phòm (dân tộc Khùa), đồn phó Đồn công an nhân dân vũ trang Cha Lo và tổ vận động quần chúng về tận các bản Cà Rềng, Cà Ai, Bãi Dinh cùng ở, cùng ăn, cùng làm với bà con dân bản (Đồng chí Hồ Phòm được Đảng và Nhà nước tuyên dương danh hiệu cao quý Anh hùng LLVT).

Theo yêu cầu chiến trường, tỉnh tuyển chọn 1.700 nam nữ thanh niên vào các đội thanh niên xung phong chống Mỹ, cứu nước; tiễn đưa 2.456 thanh niên lên đường tòng quân giết giặc. Để đảm bảo nhiệm vụ chiến đấu và phục vụ chiến đấu, lực lượng dân quân tự vệ được tăng cường số lượng và nâng cao chất lượng. Năm 1966, toàn tỉnh có 41.797 dân quân tự vệ (chưa tính thị xã Đồng Hới), chiếm tỷ lệ 10,44% so với dân số.

Thực hiện phương châm " Tiêu diệt địch để bảo vệ mình", trong năm 1966, các đơn vị pháo cao xạ, dân quân - tự vệ trên địa bàn Quảng Bình bắn rơi 108 máy bay Mỹ, trong đó lực lượng vũ trang địa phương bắn rơi 57 chiếc. Số giặc lái của Mỹ bị bắt năm 1966 tăng gấp 3 lần năm 1965. Pháo binh bộ đội địa phương bắn chìm, bắn cháy 9 tàu chiến Mỹ (3 tàu khu trục, 5 tàu biệt kích, 1 thủy phi cơ)

Sau tết Đinh Mùi 1967, đế quốc Mỹ mở chiến dịch " Rồng biển" (từ ngày 26 tháng 02 đến ngày 30 tháng 7 năm 1967) , huy động hơn 50 tàu chiến hoạt động từ Vinh Linh trở ra hòng chặn tuyến vận tải biển của ta. Trước hành động leo thang chiến tranh của đế quốc Mỹ, các đơn vị pháo binh tích cực đánh trả tàu chiến địch. Ngày 01 tháng 3 năm 1967, Đại đội 8 pháo binh Quảng Bình đã lập chiến công bắn bị thương tuần dương hạm Can be - ra

Nói về thiệt hại này, hãng thông tấn UPI của Mỹ đưa tin: " Tuần dương hạm số 2 Can - be - ra sau 30 phút chiến đấu với pháo binh Bắc Việt ở vĩ tuyến 17°30' đã bị một phát đại bác nổ trúng ngay giữa tàu, một phát nổ trên boong, phá thùng 1 lỗ rộng 0,5inch ở vỏ tàu và những mảnh khác đã làm tan chiếc thuyền cấp cứu trên sườn tàu"(A192:212)

Đây là lần thứ hai, khu trục hạm của Mỹ bị pháo binh bộ đội địa phương Quảng Bình trúng trị. Thắng lợi lần này chứng tỏ trình độ chiến thuật của pháo binh được nâng lên một bước, phát huy được hiệu lực tối đa của pháo, mở rộng tầm bắn, đẩy địch ra xa, bảo đảm khu vực sản xuất trên biển, tạo điều kiện cho giao thông vận chuyển trên biển và quốc lộ 1 thuận lợi.

Để quốc Mỹ rải xuống mảnh đất Quảng Bình đủ các loại bom: Bom nổ ngay, nổ chậm, bom sát thương, bom đào, bom định giờ, bom từ trường, thủy lôi, bom bi quả dứa, bom ổi, bom na pan, " cây nhiệt đới" ... nhưng nhân dân đều phát hiện được , báo cho lực lượng công binh phá gỡ. Đầu năm 1967, tỉnh thành lập Đội công binh 73 (Thị đội Đồng Hới), đội công binh 74 (Lệ Thủy), 75 (Bố Trạch), 76 (Quảng Trạch). Tháng 3 năm 1967, 4 đội (73, 74, 75, 76) nhập thành 1 đội của tỉnh lấy tên : " Đội phá bom Tỉnh đội Quảng Bình" .Đội biên chế 57 đồng chí, tổ chức thành 7 tiểu đội, hoạt động ở 7 huyện, thị từ Đèo Ngang đến Hạ Cờ, nghiên cứu thiết kế các loại hầm trú ẩn phổ biến cho nhân dân, thi công các loại hầm bảo vệ các đồng chí lãnh đạo và cơ quan đầu não của tỉnh: Hầm Tỉnh uỷ, Hầm chỉ huy sở Tỉnh đội, Công trình Hòn Bung, Đường hầm Ba Rền...và tháo gỡ hàng chục vạn bom mìn bảo vệ tính mạng tài sản nhân dân, mở rộng diện tích sản xuất và đảm bảo chi viện chiến trường thông suốt.

Ngày 19 tháng 4 năm 1967, Tỉnh uỷ mở hội nghị đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 1966 và đề ra phương hướng năm 1967. Hội nghị nêu rõ: " Sau cái gọi là tạm ngừng ném bom miền Bắc", đến ngày 31 tháng 01 năm 1966, đế quốc Mỹ trở lại đánh phá tỉnh ta rất ác liệt. Số bom đạn địch ném xuống gấp 4,6 lần năm 1965. Chúng phong toả mặt biển, vây bắt thuyền đánh cá, tung biệt kích ra phá hoại, bắn đại bác vào nội địa. Mặt khác, địch tập trung bắn phá 3 mục tiêu cùng một lúc: Giao thông vận tải, khu vực dân cư, công trình thuỷ lợi. Nghiêm trọng hơn, chúng đánh vào bệnh viện, trường học, đánh triệt hạ từng thôn, xã... Tuy vậy, đời sống vật chất , tinh thần của quần chúng vẫn ổn định. Phong trào thi đua bắn rơi máy bay Mỹ bằng súng bộ binh của dân quân tự vệ phát triển khắp nơi. Về phương hướng, nhiệm vụ năm 1967, Hội nghị đề ra nhiệm vụ xây dựng đội ngũ dân quân tự vệ thực sự là lực lượng chiến lược của chiến tranh nhân dân... Tăng cường hơn nữa công tác phòng không nhân dân, đồng thời đẩy mạnh việc xây dựng làng chiến đấu. Tăng cường hầm hào giao thông trú ẩn, công sự chiến đấu. Thực hiện đúng

khẩu hiệu: "Mỗi người dân là một chiến sỹ kiên cường. Mỗi thôn xóm là một pháo đài chiến đấu vững chắc..."

Cuộc đổ sức của ta và địch trên mặt trận giao thông vận tải rất quyết liệt. Với thủ đoạn "Phá hoại bản thân con đường mòn chứ không phá huỷ phương tiện trên con đường mòn", khối lượng bom đạn địch trút xuống mặt đường chiếm 58% tổng số bom đạn đánh xuống mặt đất. Có những đoạn đường mỗi ki lô mét phải chịu 2.000 tấn bom đạn. Chúng tập trung đánh dứt điểm các vùng xung yếu; dùng thuỷ lôi, bom từ trường, bom nổ chậm đánh liên tục ngày đêm cả đường sông, đường bộ. Kết hợp các phương tiện trinh sát ban ngày, chụp ảnh ban đêm, thả cây nhiệt đới và đánh vào các vùng nghi có dầu xe, kho tàng. Chúng phong toả mặt biển, đánh vào phương tiện vận chuyển, sản xuất.

Trước tình hình đó, Thường vụ Tỉnh uỷ họp phiên bất thường bàn cách chống địch ngăn chặn, giải toả giao thông, giải quyết công tác tư tưởng và biện pháp tổ chức. Trong một thời gian ngắn, lực lượng rà phá bom mìn được tổ chức huấn luyện. Mỗi xã thành lập một đội chuyên trách, mỗi huyện có một đội chủ lực phụ trách những khu vực trọng điểm và ứng cứu giúp các xã. Hệ thống đài quan sát bom từ trường triển khai rộng khắp trên các bến phà, bến dò, ngã ba sông. Ở những khu vực trọng điểm, lực lượng rà phá bom, mìn tập trung hoạt động phối hợp với các đơn vị công binh của Bộ, Quân khu. Công việc rà phá tiến hành bằng phương pháp thô sơ là chủ yếu: Dùng nam châm khung điện, bộc phá, ca nô lắp máy phóng từ gây nổ, bắn đạn cối... Đội rà phá bom thị xã Đồng Hới có đợt ra quân phá 300 quả bom từ trường, giải quyết thông suốt hàng chục ki lô mét đường bộ, đường thuỷ. Những đơn vị dân quân xung kích các xã Quảng Tiên, Quảng Trường, Quảng Văn, Quảng Phúc, Quảng Minh, Quảng Lộc (Quảng Trạch) lập đài quan sát để đánh dấu bom từ trường, chỉ điểm chính xác cho lực lượng rà phá chuyên trách hoạt động. Dân quân xã Đồng Trạch, Sơn Trạch, Đức Trạch, Bắc Trạch (Bố Trạch), Bảo Ninh (Thị xã Đồng Hới), Vĩnh Ninh (Quảng Ninh) ... thực hiện "3 nhất": Nghiên cứu tìm tòi nhiều biện pháp phá bom hiệu quả nhất; giải phóng đường nhanh nhất, bảo đảm an toàn nhất. Đội rà phá bom của dân quân Bảo Ninh do xã đội trưởng Nguyễn Vi chỉ huy đã phá 213 quả bom từ trường trên sông Nhật Lệ.

Đồng chí Hà Văn Cách, đội trưởng rà phá bom mìn của dân quân xã Vĩnh Ninh là một tấm gương tiêu biểu. Vợ bị bom Mỹ giết hại, để lại 5 đứa con, cháu nhỏ chưa đầy 1 tuổi. Thù nhà, nợ nước đã hun đúc ý chí chiến đấu của đồng chí. Trên khu vực do đội phụ trách gần bến Long Đại và 5 ki lô mét đường 15A đi qua địa phương, đồng chí và các chiến sỹ đã phá được hàng trăm quả bom các loại. Khi máy bay địch thả xuống một loạt bom chờ nổ ở ngầm đá (trên đường 15A) đồng chí đã tự mình đánh dấu và xung phong tháo gỡ, phá nổ. Lần lượt 49 quả bom đã bị vô hiệu hoá. Đến quả thứ 50, Hà Văn

Cách đã hoá thân vào trong tiếng nổ báo hiệu thông đường. Hành động anh hùng của đồng chí được nhân dân địa phương và lực lượng công binh toàn tỉnh noi gương học tập. Trong mặt trận này đã xuất hiện nhiều tâm gương hy sinh anh dũng để cứu đương, thông tuyến.¹Liệt sỹ Hà Văn Cách đã được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng LLVTND¹

Để đưa nhanh hàng ra phía trước, Trung ương quyết định mở thêm **đường 10 cửa khẩu thứ ba vượt Trường Sơn** (sau khi đường 20 hình thành). Đường 10 (còn gọi là đường 20-7) bắt đầu từ Ấng Sơn đi về phía tây dài 69 ki lô mét, tiếp giáp đường 18 rẽ xuống đường số 9. Ban 67 của Bộ giao thông vận tải và Tổng cục hậu cần tiền phương chỉ huy 6000 thanh niên xung phong và công nhân quốc phòng ngày đêm mở đường. Mở được cửa khẩu thứ 3 vượt Trường Sơn là một thắng lợi to lớn của công tác bảo đảm giao thông vận tải, đồng thời khẳng định sức mạnh " Dời non lấp biển" của quân dân miền Bắc. Báo chí phương tây đã gọi các con đường chiến lược 12, 20, 10 là " Chuyện thần thoại Đông Dương, con rồng nghìn vây, chặt xong mọc lại", là " Trận đồ bát quái xuyên rừng rậm"

Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, dân quân, du kích là lực lượng nòng cốt, chịu trách nhiệm sản xuất ở các vùng trọng điểm địch đánh phá thường xuyên. Dân quân, du kích các xã Trung Trạch, Đại Trạch (Bố Trạch), Võ Ninh (Quảng Ninh), Cam Thủy (Lệ Thủy)... bám sát cầu đường, vừa chiến đấu, vừa sản xuất, quyết không bỏ ruộng hoang. Các tiểu đội dân quân xung kích tháo gỡ hàng trăm quả bom nổ chậm, giải phóng ruộng đất, bảo vệ nhân dân thu hoạch mùa. Dân quân du kích các xã xung quanh bến phà Long Đại, Quán Hàu, Gianh... bám đồng ruộng, đào đắp hàng vạn mét khối đất, lấp hàng ngàn hố bom, bảo đảm diện tích trồng trọt. Các phân đội nữ dân quân trực chiến Võ Ninh, Xuân Ninh (Quảng Ninh), Phong Thủy (Lệ Thủy), Tiến Hoá (Tuyên Hoá) tổ chức thành nhiều kíp thay phiên nhau vừa sản xuất, vừa sẵn sàng chiến đấu. Trong bom đạn ác liệt, tự vệ các xí nghiệp diêm Nhật Lệ, xà phòng sông Gianh, bát sứ Văn La, Cơ khí 02/9... đã vận chuyển hàng nghìn tấn thiết bị máy móc, nguyên vật liệu từ Hà Nội, Hải Phòng về các hang động ở vùng tây - bắc tỉnh để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật công nghiệp địa phương, tiếp tục sản xuất giải quyết một phần hậu cần tại chỗ phục vụ chiến đấu và sản xuất cho quân dân trong tỉnh. Công nhân bám máy, giặc đến là đánh, giặc đi là sản xuất. Tự vệ xí nghiệp In tổ chức trận địa bắn máy bay bên cạnh xí nghiệp, kịp thời in những tờ tin chiến thắng, tranh cổ động , duy trì đúng định kỳ ấn loát báo Đảng. Tự vệ xí nghiệp ô tô A3 xây dựng công sự cạnh chỗ làm việc, vừa sản xuất, vừa sửa chữa lắp ráp ô tô phục vụ chiến trường, vừa sẵn sàng chiến đấu.

Ngành Bưu điện, Truyền thanh phổ biến kịp thời những chủ trương, đường lối của Trung ương, địa phương, bảo đảm thông tin liên lạc phục vụ chiến đấu, sản xuất và đời sống tinh thần của nhân dân. Đội đường dây của anh hùng Nguyễn Văn Sốc có khẩu hiệu: " Đút dây như đút ruột, gãy cột như gãy xương", nêu tinh thần xả thân để mạch máu thông tin liên lạc được thông suốt trong mọi tình huống.

Khí thế thi đua " 2 giỏi" đã trở thành phong trào quần chúng, lôi cuốn mọi người hăng hái chiến đấu giỏi, sản xuất giỏi.

Từ phong trào thi đua " 2 giỏi" , trải qua chiến đấu, phục vụ chiến đấu, sản xuất, tại Đại hội anh hùng chiến sỹ thi đua chống Mỹ , cứu nước ngày 01 tháng 01 năm 1967, Quảng Bình có 7 đơn vị và 11 cá nhân được Quốc hội, Chính phủ tuyên dương Anh hùng LLVT, Anh hùng lao động.

Để đối phó với âm mưu mới của địch, năm 1967, Quảng Bình được Bộ Quốc phòng tăng cường các đơn vị phòng không tầm trung và tầm cao vào chiến đấu trên địa bàn tỉnh Quảng Bình⁽¹⁾

Quán triệt quan điểm chiến tranh nhân dân, nhằm động viên mọi thành phần tham gia chiến đấu chống Mỹ, cứu nước và tăng cường lực lượng nam giới ra chiến trường, Ban chỉ huy Tỉnh đội quyết định **thành lập Đại đội dân quân gái pháo binh Ngư Thủy** Đại đội dân quân gái pháo binh Ngư Thủy gồm 37 chiến sỹ, đều là xã viên hợp tác xã, tuổi đời từ 16-22, được trang bị 4 khẩu pháo 85ly.

Sau hai tháng huấn luyện, Đại đội bố trí trận địa ở phía bắc thôn Hoà Luật Bắc (xã Thanh Thủy).

Ngày 07 tháng 02 năm 1968, máy bay và tàu chiến Mỹ cùng một lúc bắn phá xối xả vào trận địa. Đạn pháo địch nổ ngay trên thành công sự của khẩu đội 1. Củng cố lại trận địa xong, các khẩu đội đồng loạt nhả đạn. Chiếc tàu mang số hiệu 013 bị trúng 8 viên đạn pháo bốc cháy dữ dội trên vùng biển quê hương. Hơn 1 tháng sau, ngày 27 tháng 3, Đại đội lại bắn cháy một tàu chiến Mỹ.

Phát huy chiến thắng, ngày 16 tháng 5 năm 1968, lập thành tích mừng thọ Bác Hồ 78 tuổi, Đại đội lại bắn cháy chiếc tàu khu trục thứ 3 của giặc Mỹ.

Chỉ trong vòng 100 ngày, đơn vị đã nổi lửa cầm thù, bắn cháy 3 tàu khu trục của Mỹ, góp phần bảo vệ vùng biển thân yêu của Tổ quốc.

Ngày 25 tháng 8 năm 1970, Đại đội dân quân gái pháo binh Ngư Thủy vinh dự được Quốc hội và Chính phủ tuyên dương đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang.

Bác Hồ đã gửi thư khen các chiến sỹ gái pháo binh, 37 chị em đều được Bác tặng huy hiệu. Đại đội được tặng thưởng Huân chương Quân công hạng 3, Huân chương chiến công hạng nhất, " Huy hiệu 3 đảm đang"; " Nguyễn Văn Trỗi"; " Hai giỏi"; " Vì an ninh Tổ quốc" Đoàn đại biểu phụ nữ Ba Lan tặng Đại đội 10 huy chương vàng.

Thành công của việc xây dựng Đại đội gái pháo binh dân quân xã Ngư Thủy đánh dấu bước phát triển mới về lực lượng, về nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh nhân dân, về phát huy tính ưu việt của quan hệ sản xuất mới trên địa bàn tỉnh. Đồng thời khẳng định: Phụ nữ có đủ năng lực làm chủ khoa học kỹ thuật, sử dụng binh khí hiện đại để chiến đấu và giành thắng lợi.

Hướng về tiền tuyến, chia lửa với đồng bào miền Nam, với Trị Thiên ruột thịt, tháng 7 năm 1967, Ban chỉ huy công an nhân dân vũ trang Quảng Bình tổ chức 3 phân đội an ninh vũ trang: D1, D2, D3 (gọi tắt là D67) chi viện cho Do Cam, Quảng Trị. Tại buổi lễ xuất quân, đồng chí Cổ Kim Thành , Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh, thay mặt Đảng bộ và quân dân Quảng Bình trao tặng Đoàn D67 lá cờ thêu dòng chữ: " Vì Trị - Thiên ruột thịt không tiếc máu, tiếc xương"

Cuối năm 1967, 3 đại đội súng cối 82ly, 4 đại đội bộ binh của Tiểu đoàn 45, 46, 49 và Đại đội trinh sát đặc công của tỉnh vào chiến đấu ở chiến trường Quảng Trị, diệt 5.000 tên, bắt sống 2 tên Mỹ, phá huỷ 47 xe cơ giới (có 41 xe tăng), bắn rơi 3 máy bay Mỹ. Đại đội trinh sát đặc công phối thuộc chiến đấu với Đoàn 15/ B5 Trong trận Đồi Tròn (cách tây Cam Lộ 2 ki lô mét) , Đại đội đã diệt 12 xe tăng và nhiều sinh lực địch. Đơn vị đã được tặng thưởng 177 huân chương các loại. Hàng trăm cán bộ, chiến sỹ đạt danh hiệu " Dũng sỹ diệt Mỹ", " Dũng sỹ diệt xe cơ giới" cấp ưu tú.

Dựa vào chế độ làm ăn tập thể (hợp tác xã, đơn vị sản xuất kinh doanh...), lực lượng vũ trang địa phương đã có phương án tổ chức lực lượng chiến đấu hợp lý, phù hợp với nhiệm vụ sản xuất của từng địa bàn, ngành... Thực tiễn cho thấy, nếu không có hợp tác xã, không thể tổ chức được các phân đội trực chiến, các tổ chiến đấu, cụm chiến đấu của dân quân trong điều kiện vừa sản xuất, vừa chiến đấu.

Nhờ có hợp tác xã đảm bảo ngày công và các quyền lợi khác nên lực lượng dân quân có thời gian thực hiện, nghiên cứu nhiều cách đánh, có nhiều trận đánh hay. Phân đội nữ dân quân Tiến Hoá (Tuyên Hoá) đưa súng lên cao xây dựng trận địa đánh máy bay; Dân quân Phong Thủy (Lệ Thủy) phục kích đường bay để đánh chặn; Dân quân Sơn Thủy làm trận địa giả kéo địch đến để đánh.

Nguyễn Thị Triển, xã đội phó Hưng Thủy (Lệ Thủy), sau quá trình nghiên cứu đường bay và quy luật hoạt động của địch, đêm 27 tháng 7 năm 1967 đã chỉ huy đơn vị bắn rơi 1 chiếc máy bay RF4C - đây là *loại máy bay trinh sát điện tử chụp ảnh ban đêm của không quân Mỹ đầu tiên bị bắn rơi trên miền Bắc*. Nguyễn Thị Triển được Bác Hồ tặng chiếc đồng hồ đeo tay.

Ngày 30 tháng 7 năm 1967, dân quân hai xã Dương Thủy, Thái Thủy (Lệ Thủy) bắn rơi tại chỗ hai chiếc máy bay, trong đó dân quân Dương Thủy **bắn rơi chiếc thứ 300 của tỉnh**. Ngày 10 tháng 3 năm 1967, dân quân gái Võ Ninh (Quảng Ninh) và Đại Phong (Phong Thủy - Lệ Thủy) sử dụng súng 12,7ly bắn rơi tại chỗ 2 chiếc F4H bắt sống hai giặc lái. Ngày 06 tháng 12 năm 1967, Nguyễn Thị Xuân, xã Quảng Phúc (Quảng Trạch), một mình, một đại liên bắn rơi 1 F4H bằng 23 viên đạn. Ngày 17 tháng 02 năm 1967, Phân đội trực chiến lão dân quân Đức Ninh bắn rơi 1 chiếc F4H ban đêm. Phân đội gái Xuân Ninh (Quảng Ninh) 17 ngày bắn rơi 2 chiếc F4H. Những chiến công đó chứng minh: lực lượng vũ trang địa phương, nòng cốt của cuộc chiến tranh nhân dân ở Quảng Bình ngày càng phát triển lên đỉnh cao mới.

Sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy tết Mậu Thân năm 1968, địch dồn sức phản kích quyết liệt. Trên chiến trường Trị - Thiên, bộ đội ta vừa thiếu ăn, thiếu vũ khí. Bộ Tư lệnh mặt trận B5 yêu cầu Quảng Bình chi viện vũ khí cho chiến trường. Nhiệm vụ vận chuyển vũ khí vào chiến trường được tỉnh giao cho Đảng bộ và nhân dân xã Cảnh Dương (Quảng Trạch) đảm nhiệm. Với tinh thần "Tất cả vì miền Nam thân yêu, vì trị Thiên ruột thịt", Đảng bộ và quân dân xã Cảnh Dương sẵn sàng nhận nhiệm vụ, hơn 100 người đủ các lứa tuổi từ 16 đến 60 xung phong sẵn sàng lên đường làm nhiệm vụ. 72 người được chọn đưa vào đội vận tải đặc biệt này. Đoàn vận tải tổ chức 12 thuyền, mỗi thuyền 6 người, thuyền có trọng tải từ 2-3 tấn. Hội phụ nữ huy động chị em gom góp vải may buồm, động viên chồng con yên tâm lên đường. Các thợ đóng thuyền được triệu tập đến đẽo cột buồm, làm dây chằng, chèo, bánh lái, hạ be thuyền to xuống theo dáng thuyền đánh của của Quảng Trị. Mỗi thuyền đều có trang bị súng B40, B41, AK... Đoàn chuẩn bị tinh thần tư tưởng, dự kiến các tình huống xảy ra trên biển và thống nhất cách khai báo khi lọt vào tay địch.

Ngày 26 tháng 02 năm 1968, Đoàn xuất phát từ Cảnh Dương vào Quang Phú (Lộc Ninh, Đồng Hới) nhận vũ khí. Sau 5 ngày học tập, vào một đêm đầu tháng 3 năm 1968, khi Đài tiếng nói Việt Nam báo gió mùa đông - bắc cấp 5 thì đoàn thuyền xuất phát. Một số cụ già sức yếu bị ốm phải ở lại Quang Phú, sau đó đưa 2 thuyền trở về quê, 10 thuyền còn lại lên đường.

Đêm gió mùa sóng to, trời tối, đoàn thuyền lặng lẽ cắt sóng hướng về chiến trường mà tiến. Suốt một đêm vượt sóng gió, mưa rét, đoàn thuyền cập bến Mũi Si (Vĩnh Linh). Ban chỉ huy tổ chức đưa thuyền ẩn nấp và nguy trang

rước khi trời chưa sáng. Nhưng địch vẫn phát hiện được thuyền. Chúng huy động tàu chiến, máy bay bắn phá vào nơi đoàn trú đậu; 1 chiếc chìm, 1 chiếc bị hỏng. Ban chỉ huy quyết định: Thủy thủ của các thuyền bị máy bay, tàu chiến bắn chìm, bắn hỏng ở lại cùng dân quân và đồn công an nhân dân vũ trang trực vớt vũ khí. Đoàn thuyền vẫn quyết tâm căng buồm rẽ sóng tiến về hướng Nam. Do đã phát hiện được đoàn thuyền, nên địch tăng cường phương tiện vây bắt, ngăn chặn, đón lõng trên đường vào. Chúng dùng đèn pha, pháo sáng kiểm soát dọc bờ biển. Máy bay Mỹ thay nhau liên tục bắn pháo sáng, làm mục tiêu. Đến Cát Sơn (nam Cửa Tùng), các thuyền phải hạ buồm. Phát hiện được đoàn thuyền, chúng dùng loa gọi hàng, vây ép ta...; 4 thuyền (22 thuyền viên) do đoàn trưởng Đậu Thanh Long chỉ huy luôn lách vượt ra ngoài vòng vây địch đi vào phía nam Cửa Việt. Tranh thủ trời tối, sóng to, các thuyền trưởng cho thuyền đâm thẳng vào bờ đánh lạc hướng và tìm địa điểm chôn dấu vũ khí. Sau khi đoàn liên lạc được với mặt trận, đơn vị K8 đã đến tiếp nhận vũ khí chuyển về phía sau. Đoàn được đề nghị lên Quốc hội và Chính phủ tặng Huân chương Quân công và Huân chương chiến công. Chuyến đi mạo hiểm, cực kỳ gian khổ đó đã ghi thêm chiến công mới của Đảng bộ và quân dân Cảnh Dương trong thời kỳ chống Mỹ, cứu nước oanh liệt trên quê hương "Hai giới"

Sau tết Mậu thân, đáp ứng yêu cầu chiến trường, Quảng Bình thành lập Ban B để thực hiện nhiệm vụ giúp đỡ 2 tỉnh Trị - Thiên kết nghĩa. Hoạt động của Ban B là đón tiếp cán bộ, nhân dân Trị - Thiên ra nghỉ ngơi, học tập; mở lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở cho 2 tỉnh, đưa đón cán bộ Trung ương và khu uỷ Trị - Thiên vào công tác. Ban còn thành lập bệnh viện B giành riêng để chữa bệnh cho cán bộ, bộ đội, du kích của 2 tỉnh bạn; góp phần xây dựng đoàn văn công giải phóng đưa vào phục vụ mặt trận Trị - Thiên.

Việc thành lập Ban B (Ban công tác miền Nam), một lần nữa biểu hiện tình cảm ruột thịt của quân và dân Quảng Bình đối với Trị - Thiên kết nghĩa trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước.

Để đối phó với âm mưu địch, Tỉnh uỷ mở hội nghị để quyết định phương hướng nhiệm vụ trong thời kỳ mới. Đánh giá tình hình 3 năm chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, Hội nghị nhận định: " Trên mặt trận chiến đấu, chiến tranh nhân dân đã phát triển đến đỉnh cao, thực sự là cuộc chiến tranh toàn dân, toàn diện. Bằng súng bộ binh, lực lượng dân quân đã bắn rơi, bắn cháy 64 máy bay Mỹ. Nhân dân góp hàng chục triệu ngày công phục vụ chiến đấu tại chỗ, phục vụ các đơn vị qua lại, vào ra chiến trường..." Hội nghị đề ra nhiệm vụ trước mắt của Quảng Bình là: " Tập trung sức lực, khả năng, trí tuệ, sẵn sàng đáp ứng đầy đủ, kịp thời yêu cầu cao nhất cho tiền tuyến bảo đảm giao thông vận tải thông suốt trong mọi tình huống. Ra sức phục vụ yêu cầu chiến đấu của mặt trận Trị - Thiên. Xây dựng lực lượng dân

quân - tự vệ rộng khắp, đạt tỷ lệ 13% so với dân số, trong đó có 40% dân quân giải. Đẩy mạnh công tác phòng không nhân dân thành phong trào quần chúng rộng rãi bằng 8 biện pháp liên hoàn để giải quyết công tác phòng tránh một cách cơ bản và lâu dài. Tăng cường công tác đánh bại chiến tranh gián điệp, âm lý, giữ vững trật tự trị an..."

12 giờ 30 phút ngày 14 tháng 5 năm 1968, một máy bay trực thăng được 2 chiếc AD6 yểm hộ đã chở một toán biệt kích thuộc liên đoàn STATRA xuất phát từ Đà Nẵng nhảy dù xuống sườn đồi 766, cạnh khe Trệt, thuộc địa bàn đồn công an nhân dân vũ trang làng Mô phụ trách. Toán biệt kích này được trang bị phương tiện thông tin liên lạc hiện đại, mặc quân phục, mũ tai bèo, vũ khí AK theo trang bị bộ đội giải phóng. Nhiệm vụ của chúng là điều tra nắm tình hình đường mòn từ Làng Mô qua Lào, các mục tiêu quân sự, kho tàng, Binh trạm, tàu thuyền vận tải trên sông Long Đại, Cỗ Tràng, bắt cóc cán bộ, nhân dân đưa vào Nam khai thác.

Phát hiện có biệt kích, Ban chỉ huy đồn, Đảng uỷ, Uỷ ban, xã đội và Ban giám đốc Xí nghiệp đường Trường Sơn họp thành lập Ban chỉ huy chung, huy động lực lượng dân quân - tự vệ phối hợp với đồn ngăn chặn các hướng. Đồng thời báo cho bộ phận ngoại biên của đồn hợp đồng với bạn (Lào) đón địch chạy qua biên giới. Kết quả ta diệt gọn cả toán: Bắt sống 4 tên, toán trưởng bị bắn chết, toán phó bị đồng bọn giết ăn thịt; thu 4 súng AK, 2 súng ngắn, 3 máy liên lạc PRC.74, PRC.25 và nhiều trang bị khác.

Trận đánh tuy không lớn nhưng là một cuộc truy lùng dài ngày (18 tháng 5 đến 09 tháng 6). Công tác chỉ huy hợp đồng chặt chẽ, chủ động sử dụng lực lượng hợp lý từng giai đoạn, đảm bảo an toàn, hoàn thành nhiệm vụ đạt hiệu quả cao. Trong truy lùng, ta liên tục tiến công, truy đuổi, bao vây chặt chẽ, triệt nguồn lương thực và tổ chức mật phục có trọng điểm buộc địch phải chui vào trống.

Ngày 25 tháng 6 năm 1968, vào lúc 19 giờ 45 phút, đại đội 367, bộ đội địa phương và dân quân huyện Minh Hoá cùng với Trung đoàn 280 đã bắn rơi tại chỗ một máy bay F4H tại Rú Tó Tò, 2 tên giặc lái đền tội. Đây là chiếc máy bay thứ 3.000 bị bắn rơi trên miền Bắc. Bộ Tư lệnh Quân khu 4 đã tặng cờ đơn vị bộ đội địa phương huyện Minh Hoá.

Ngày 27 tháng 6 năm 1968, Hồ Chủ tịch gửi thư khen ngợi đồng bào, chiến sỹ và nhân dân **Quảng Bình** bắn rơi chiếc thứ 3.000 máy bay Mỹ trên miền Bắc Thư Bác viết:

"Tôi đặc biệt khen ngợi quân và dân Quảng Bình đã đánh giỏi, hạ chiếc máy bay thứ 3.000 và gửi tặng đơn vị X một lá cờ danh dự. Đó là thành tích chung của quân và dân miền Bắc ta."

Giặc Mỹ đã thua to. Nhưng chúng vẫn chưa từ bỏ tội ác chiến tranh xâm lược miền Nam, phá hoại miền Bắc.

Toàn thể đồng bào, chiến sỹ và cán bộ cả nước chớ vì thắng lợi mà chủ quan. Phải luôn luôn cảnh giác, đoàn kết chặt chẽ, ra sức chiến đấu mạnh, sản xuất tốt, phát huy ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm, quyết đánh cho giặc Mỹ thất bại đến cùng.

Tiến lên!

Toàn thắng ắt về ta''

Chào thân ái và quyết thắng. (A183:260).

Thư Bác vừa biểu dương, vừa kêu gọi quân dân Quảng Bình cùng với cả nước vượt qua gian khổ, khó khăn, xông lên phía trước giành thắng lợi hoàn toàn.

Sau đợt tấn công Hè 1968 của quân và dân miền Nam, đế quốc Mỹ càng lộng lộn đánh phá dã man hơn. Chúng tập trung 50% trong tổng số máy bay của không quân đánh phá Quân khu 4, nhất là địa bàn Quảng Bình. Giặc Mỹ sử dụng các loại bom, đạn, kể cả đạn đại bác cực nhanh 406ly bắn vào vùng Cộn, đường chiến lược 15; pháo 175ly ở bờ nam giới tuyến cũng dồn dập bắn ra vùng đông dân và các trục đường giao thông ở Lệ Thủy. Trong 6 tháng, đế quốc Mỹ đã cho máy bay bắn phá 29.685 lần (có 16.291 lần ban đêm), ném 532.916 quả bom phá, 596 quả bom cháy, 6.752 quả bom từ trường. Tàu chiến pháo kích 536 lần (có 216 lần ban đêm) với 22.295 viên đạn⁽¹⁾. Số lần đánh phá và số lượng bom đạn dội xuống Quảng Bình bằng các năm 1965, 1966, 1967 cộng lại.

Máy bay Mỹ còn đánh sâu và mở rộng diện bắn phá vào các vùng đông dân cư. Xã Phong Thủy (Lệ Thủy) ở xa biển nhưng toàn xã đã bị 182 quả đạn pháo từ các khu trục hạm bắn vào. Đội 1 (chòm Vĩnh Thái) có đêm chúng đánh 23 trận liên tiếp. Ở Bố Trạch, máy bay Mỹ thả bom cháy, bom bi, bắn rốc két liên tiếp nhiều ngày, chà đi xát lại san bằng 15 thôn trong huyện⁽³⁾. Xã Đức Ninh chỉ một đêm địch ném xuống 44 quả bom từ trường để ngăn chặn giao thông không cho ta bốc dỡ hàng hoá...

Suốt 6 tháng đầu năm 1968, ta đã huy động mọi phương tiện, kể cả biện pháp dùng bè mảng để chở hàng hoá, kéo xăng ngược dòng sông Gianh, nhưng chỉ tạo được 20 % chân hàng cho đoàn 559. Hàng địa phương chủ yếu dựa vào các đơn vị vận tải thủy trên sông Gianh, Lý Hoà, Long Đại, Kiến Giang.

Để góp phần giải phóng hàng, Bộ Tư lệnh Quân khu 4 điều Trung đoàn 249, Tiểu đoàn 27 công binh sử dụng xe lội nước K62 chuyển tải 1.000 tấn hàng và đưa 60 xe vận tải vượt sông Gianh. Ca nô "Bất khuất" của Trung

Tháng 8 năm 1949, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị: "Xây dựng bộ đội địa phương và phát triển dân quân là một công tác then chốt để đẩy mạnh chiến tranh tiến tới..."

Chấp hành Chỉ thị của Trung ương, đến tháng 9 năm 1949, Tỉnh đội Quảng Bình quyết định chuyển các đại đội du kích tập trung ở các huyện thành đại đội bộ đội địa phương (riêng Đồng Hới một trung đội) gồm: Đại đội 361 (Lệ Thủy), 362 (Quảng Ninh), 363 (Bố Trạch), 365 (Quảng Trạch), 366 (Tuyên Hoá) , quân số chiến đấu toàn tỉnh có 663 chiến sỹ. Cũng thời gian này, Thị đội Đồng Hới được thành lập.

Ngày 15 tháng 9 năm 1949, Tỉnh uỷ ra Chỉ thị " Mọi đảng viên vào du kích để trực tiếp chiến đấu" Tỉnh uỷ quyết định chuyển cơ quan Tỉnh về đóng ở phía tây huyện Quảng Ninh. Trong tình hình lúc bấy giờ, những chủ trương nói trên là đúng đắn, kịp thời, đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh và phát triển chiến tranh nhân dân ở địa phương, phù hợp với nhiệm vụ xây dựng cơ sở, xây dựng căn cứ địa đồng bằng. Việc mọi đảng viên phải vào du kích để trực tiếp chiến đấu cũng tạo điều kiện để lực lượng vũ trang địa phương gắn chặt với tổ chức Đảng và cơ sở địa phương, đồng thời để đảng viên và quần chúng cách mạng nhận rõ trách nhiệm của mình đối với các đơn vị vũ trang. Hưởng ứng đợt phát động của tỉnh " Xây dựng cơ sở nhân dân, dân quân du kích và xây dựng căn cứ địa đồng bằng" , đồng thời tạo đà, tạo thế cho các địa phương giành thắng lợi trong đợt thi đua ..., Tỉnh đội chỉ đạo các xã tổ chức đại hội tập dân quân nhằm xây dựng lực lượng dân quân lớn mạnh cả về số lượng lẫn chất lượng. Đến tháng 10 năm 1949, toàn tỉnh đã có 35.558 dân quân và gần 7.500 du kích (riêng du kích tăng 500 người).

Để bảo đảm điều kiện vật chất cho dân quân, du kích và bộ đội chiến đấu, mặc dù còn khó khăn thiếu thốn, nhưng với quyết tâm tất cả để chiến hăng, nhân dân Quảng Bình đã nhiệt tình chắt chiu đóng góp ủng hộ tiền và lư trữ vật chất để bảo đảm cho lực lượng vũ trang có thể bám trụ chiến đấu lâu ngày. Sơ kết đợt 1, toàn tỉnh đã ủng hộ được 121.406 đồng bạc giấy, 10 lạng bạc hình, 237 mẫu ruộng, 5 mảnh vườn, 3 ngôi nhà, 213 ki lô gam bông, 3465 ki lô gam lúa, 90 thùng bắp, hàng trăm bò, heo, nhiều gia cầm và một số vật dụng khác. Ngoài ra, nhiều địa phương còn vận động bà con lập quỹ đỡ lâu, mua súng, đạn trang bị cho dân quân.

Cùng thời gian này Tỉnh đội với Tỉnh đoàn tổ chức phát động đợt thanh niên tòng quân tại chiến khu Tuyên Hoá. Sau lễ phát động, huyện Tuyên Hoá (cả Minh Hoá và Tuyên Hoá ngày nay) đã có hơn 500 thanh niên đăng ký tòng quân. Sôi nổi nhất là ở Trường Trung học Phan Bội Châu, nhiều thầy giáo và học sinh tình nguyện xin gia nhập quân đội.

loàn 249 công binh dùng tốc độ cao gây nổ được hàng chục quả thủy lôi ở chu vực bến phà Long Đại.

Tháng 7 năm 1968, toàn bộ phương tiện vận tải cơ giới ở phía nam Hà Tĩnh và Quảng Bình ngừng hoạt động vì không có xăng. Tuyến vận tải trên địa bàn Quân khu 4 bị tắc làm nhiều đơn vị ở chiến trường Khu 5, Tây Nguyên, mỗi người trong ngày chỉ có 4 lạng gạo ăn; Có trung đoàn phải ăn cháo hàng tuần. Ở chiến trường Trị - Thiên, mức ăn của bộ đội giảm xuống đáng lo ngại: tháng 5, mỗi cán bộ, chiến sỹ được cấp 5 lạng gạo ăn một ngày; tháng 6 tụt xuống 3 lạng; tháng 7 được 2 lạng một ngày. Nhiều đơn vị, quân số di vận chuyển nhiều hơn quân số chiến đấu.

Miền tây Trị - Thiên cũng chịu đựng những thử thách gay gắt. Do chất độc của Mỹ - Ngụy gây ra, hàng ngàn đồng bào, cán bộ, bộ đội thiếu ăn. Ở Quảng Bình đang kỳ giáp hạt, lương thực bảo đảm đời sống cho nhân dân và lực lượng vũ trang cũng đang đứng trước những thử thách to lớn. Quân khu Trị Thiên điện ra yêu cầu Quảng Bình chi viện lương thực. "Miền Nam gọi, miền Bắc trả lời"; " Vì Trị - Thiên không tiếc máu xương", Tỉnh uỷ Quảng Bình bàn biện pháp vay gạo của nhân dân gửi gấp ra chiến trường. Các cấp, các ngành và nhân dân trong tỉnh thực hiện ăn bữa cơm, bữa cháo, góp gạo cho chiến trường. Qua hai tháng thực hiện chủ trương "*Trút gạo trong nồi cho Trị- Thiên đánh Mỹ*", mùa giáp hạt năm 1968, Quảng Bình đã huy động được 2.600 tấn gạo kịp thời gửi vào cho Trị- Thiên. Các binh trạm 12, 14, 16 đã chuyển số gạo của Quảng Bình vào chiến trường.

Trước âm mưu thủ đoạn đánh phá của địch, để giải toả đường và hàng, Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng chỉ thị cho các lực lượng vũ trang, nhất là lực lượng trên địa bàn Quân khu 4, kiên quyết đánh bại " chiến dịch ném bom hạn chế" của đế quốc Mỹ, đảm bảo giao thông vận tải thông suốt, đáp ứng mọi nhu cầu của tiền tuyến. Ngày 21 tháng 7 năm 1968, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Uỷ viên Bộ Chính trị, Bí thư Quân uỷ Trung ương, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chỉ thị cho Bộ tư lệnh Quân khu 4 và các lực lượng giao thông vận tải trên địa bàn Quân khu: "**Đảm bảo giao thông vận tải là công tác trung tâm đột xuất lúc này. Trên địa bàn Quân khu 4, công tác ấy càng trở nên cực kỳ quan trọng. Bằng mọi cách cần phải cố gắng vượt bậc, tranh thủ từng ngày, từng giờ, bảo đảm cho kỳ được giao thông thông suốt để khỏi ảnh hưởng đến nhiệm vụ của tiền phương**"

Vừa chiến đấu, vừa sản xuất, ngày 03 tháng 8, quân và dân Quảng Bình phối hợp với Trung đoàn 214 pháo cao xạ **bắn rơi chiếc máy bay thứ 500 trên địa bàn của tỉnh**. Ngày 08 tháng 8 năm 1968, Hồ Chủ tịch gửi thư khen đồng bào, bộ đội và cán bộ tỉnh Quảng Bình. Thư Bác viết:

"Tính đến ngày 03 tháng 8 năm 1968, Quảng Bình đã lập chiến công vẻ vang, bắn rơi 500 máy bay giặc Mỹ, bắn chìm và bắn cháy 42 tàu chiến các loại. Từ cuối tháng 3 năm 1968, giặc Mỹ đánh phá Quảng Bình đã hơn trước, song vỏ quít dày có móng tay nhọn. Từ đầu tháng 4 năm 1968 đến nay, Quảng Bình đã bắn rơi thêm 100 máy bay Mỹ.

Quảng Bình rất hăng hái trên mặt trận sản xuất và giao thông vận tải, luôn luôn cố gắng làm tròn nghĩa vụ với tiến tuyến.

Bác vui lòng thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ khen ngợi đồng bào, bộ đội và cán bộ Quảng Bình. Bác vui mừng báo tin là Quốc hội vừa quyết định tặng thưởng Quảng Bình thêm một Huân chương độc lập hạng nhì nữa.

Nhân dịp này, Bác nhắc nhở đồng bào, bộ đội và cán bộ Quảng

Bình chớ vì thắng lợi mà chủ quan khinh địch, phải luôn luôn cảnh giác, ra sức thi đua chiến đấu giỏi, làm tốt công tác giao thông vận tải và phòng không nhân dân cho thật tốt để giành nhiều thắng lợi to lớn hơn nữa, cùng với đồng bào cả nước kiên quyết tiến lên đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược"^(A183:262)

Bốn năm chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, đây là lần thứ 7 Bác gửi thư khen đồng bào, bộ đội, cán bộ Quảng Bình. Phấn khởi trước sự quan tâm của Trung ương Đảng, Chính phủ và Bác Hồ, Tỉnh uỷ Quảng Bình phát động đợt sinh hoạt chính trị " Vinh dự to lớn, trách nhiệm nặng nề" và đề ra khẩu hiệu hành động " Sẵn sàng hy sinh trước giờ thắng lợi, sẵn sàng trút gáo trong nổi vì tiến tuyến"

Trên mặt trận chiến đấu bảo vệ mục tiêu, lực lượng phòng không của bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân, tự vệ hợp đồng chặt chẽ, cơ động linh hoạt, tích cực chủ động tìm địch mà đánh.

Phong trào bắn máy bay trong các lực lượng vũ trang ngày càng phát triển, xuất hiện nhiều nhân tố mới, nhất là lực lượng dân quân, tự vệ. Bên cạnh các loại vũ khí bộ binh thông thường, dân quân, tự vệ đã tích cực học tập để sử dụng vũ khí kỹ thuật hiện đại, nâng cao hiệu suất chiến đấu. Về quy mô chiến đấu, các huyện đã hình thành cụm 12,7 ly, có hai đến ba xã phối hợp, chiến đấu tập trung, chỉ huy thống nhất, cơ động trong địa bàn từng huyện. Có nơi tổ chức thành từng cụm hỗn hợp lâm thời gồm pháo cao xạ, hoả lực súng máy phòng không của bộ đội, dân quân, tự vệ vào thời điểm nhất định để bảo vệ các mục tiêu. Các hình thức nghi binh lừa địch, dụ địch đánh vào chỗ trống được chú trọng phát triển và nâng cao

Năm 1968 là năm địch tập trung lực lượng cao nhất để đánh phá vào địa bàn Quảng Bình. Đây cũng là năm cuộc chiến tranh nhân dân trong tỉnh phát triển đến đỉnh cao, giành được thắng lợi to lớn. Chỉ trong 10 tháng (từ tháng 11 đến tháng 10 năm 1968), quân và dân Quảng Bình đã bắn rơi 191 máy bay Mỹ (riêng dân quân, tự vệ bắn rơi 50 chiếc), bắt sống 22 giặc lái, gần gấp đôi năm 1967. Lực lượng vũ trang địa phương càng đánh càng mạnh, càng đánh càng thắng lớn, càng trưởng thành. Năm 1968, lực lượng dân quân, tự vệ có 14.700 người, gấp 2 lần năm đầu chiến tranh, đạt tỷ lệ 13,1% so với dân số (tỷ lệ nữ đạt 32,6%, tự vệ đạt 65,1% so với tổng số công nhân viên chức). Năm 1968 đã xây dựng được 161 đại đội, tăng gấp 2 lần năm 1967; có 95 phân đội, 2.717 thường trực chiến đấu thường xuyên. Có 79 đơn vị dân quân đã tham gia chiến đấu từ tháng 6 năm 1968 đến hết cuộc chiến tranh. Toàn tỉnh có 13 phân đội dân quân gái, 2 phân đội lão dân quân đánh máy bay và 1 đại đội pháo binh dân quân gái đánh tàu chiến địch.

Năm 1968, hệ thống làng, xã chiến đấu được xây dựng với sự tham gia rộng rãi và tích cực của toàn dân, điển hình là các xã Võ Ninh, Ngư Thủy, Phong Thủy... Các trận địa pháo mặt đất kết hợp với pháo cao xạ, súng bộ binh của dân quân, tự vệ hình thành một hệ thống chiến đấu liên hoàn, sẵn sàng giáng trả mọi âm mưu, hành động của đế quốc Mỹ và tay sai trong mọi tình huống.

Công tác phòng không nhân dân được đánh giá là một bộ phận của chiến tranh nhân dân, một biện pháp tích cực để bảo toàn lực lượng đánh thắng chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. Năm 1968, toàn tỉnh có 692 trạm quan sát báo động (gấp 3 lần năm 1965); tổ chức được 743 đội cấp cứu, cứu thương, 1.059 đội chống sập hầm, 282 đội chống cháy. Các địa phương thực hiện tốt công tác phòng tránh, phân tán mỏng mật độ dân số, thực hiện khẩu hiệu "Nhà che nắng, che sương, hầm che xương, che thịt" Nhờ thế đã hạn chế tỷ lệ thương vong xuống mức thấp qua mỗi trận địch đánh phá⁽¹⁾

Mặc dù có trên 3 vạn thanh niên đi bộ đội, thanh niên xung phong, dân công hỏa tuyến; số ngày công phục vụ chiến đấu, phòng không, giao thông vận tải lên hơn 20 triệu công; số diện tích bị đánh phá rất lớn, có nơi trên 15% ruộng đất biến thành hố bom, nhưng quan hệ sản xuất mới không ngừng được củng cố. Phong trào hợp tác hoá vẫn tồn tại và phát triển, không có hợp tác nào tan rã, sản xuất nông nghiệp vẫn được giữ vững và phát triển. Phải khẳng định rằng: Trong điều kiện cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ diễn ra rất ác liệt, nếu không có cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất, không có chế độ làm ăn tập thể thì việc tổ chức lực lượng chiến đấu, phục vụ chiến đấu, chi viện tiền tuyến... sẽ gặp rất nhiều khó khăn, không đáp ứng được yêu cầu mà cuộc chiến đấu đặt ra.

Cùng với nhiệm vụ chiến đấu, các đơn vị bộ đội địa phương vẫn tranh thủ thời gian sản xuất được 40 tấn lương thực, 72 tấn rau xanh, 22 tấn thịt, gửi tiền tiết kiệm chống Mỹ 130.000 đồng.

Những thắng lợi trên mặt trận kinh tế văn hoá xã hội không chỉ đáp ứng công tác hậu cần tại chỗ, phục vụ đắc lực nhu cầu chiến đấu, sản xuất, đời sống của nhân dân, mà tạo nên cơ sở vật chất, kỹ thuật, dần dần làm cho nền kinh tế của tỉnh giữ được cân đối giữa công nghiệp và nông nghiệp, chuẩn bị cho cuộc chiến đấu lâu dài. Những thắng lợi nói trên là thực tiễn sinh động của cuộc chiến tranh nhân dân trên địa bàn tỉnh, là biểu hiện sức mạnh của 40 vạn nhân dân Quảng Bình gắn bó chặt chẽ với Đảng tiên phong, biết đánh, biết thắng địch trong những điều kiện hết sức gay go, gian khổ.

Từ khi Hồ Chủ tịch gửi thư khen đồng bào, bộ đội, cán bộ Quảng Bình bắn rơi 100 máy bay Mỹ (ngày 17 tháng 7 năm 1965), Tỉnh uỷ đã phát động thi đua và phong trào " 2 giỏi" ra đời trở thành động lực chính của cuộc chiến tranh nhân dân địa phương. Phong trào thi đua " 2 giỏi" là chiến lược xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa. Qua thử thách của cuộc chiến tranh, phong trào thi đua chiến đấu giỏi, sản xuất giỏi đã trở thành cao trào cách mạng của quần chúng chống Mỹ, cứu nước. Phong trào thi đua " 2 giỏi" đã mang lại kết quả lớn về nhiều mặt: Chiến đấu, sản xuất, khoa học kỹ thuật, rèn luyện phẩm chất, đạo đức cách mạng, xây dựng tổ chức. Cũng từ điểm xuất phát quan trọng đó, chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam được thể hiện rõ trong mỗi con người trong cuộc chiến đấu sống còn với kẻ thù xâm lược.

2.4. Tranh thủ thời gian tạm ngừng bắn để khôi phục kinh tế và chi viện chiến trường

Bị thất bại ở cả miền Nam, miền Bắc, trước sức ép của dư luận thế giới và nhân dân Mỹ, ngày 01 tháng 11 năm 1968, Tổng thống Mỹ Giôn-xơn phải tuyên bố chấm dứt hoàn toàn các cuộc ném bom bắn phá nước Việt Nam dân chủ cộng hoà bằng không quân, hải quân và pháo binh để đi tới một giải pháp chính trị cho vấn đề Việt Nam.

Dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, Bác Hồ, được cả nước động viên giúp đỡ, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân Quảng Bình đã vượt qua những gay go, thử thách, đập tan mọi âm mưu chủ đoạn xảo quyệt, tàn bạo của kẻ thù, hoàn thành sứ mệnh lịch sử giao phó, góp phần xứng đáng cùng cả nước đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, bảo vệ vững chắc tuyến đầu miền Bắc xã hội chủ nghĩa, làm tròn nhiệm vụ hậu phương trực tiếp

với tiền tuyến lớn, với hai tỉnh Trị Thiên kết nghĩa và nghĩa vụ quốc tế đối với cách mạng Lào.

Ngày 02 tháng 11 năm 1968, Chính phủ ta ra tuyên bố nêu rõ: "Việc Mỹ phải chấm dứt không điều kiện việc ném bom, bắn phá trên toàn bộ lãnh thổ nước Việt Nam dân chủ cộng hoà sau 4 năm chồng chất tội ác tày trời đối với nhân dân miền Bắc Việt Nam và sau 5 tháng làm bế tắc cuộc nói chuyện ở Pa-ri, đánh dấu một thắng lợi to lớn của nhân dân Việt Nam ở cả hai miền"^(A35:197)

Đánh giá đúng bản chất xâm lược và ngoan cố của kẻ thù, trong lời kêu gọi đồng bào và chiến sỹ cả nước ngày 03 tháng 11 năm 1968, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Chúng ta đã đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc. Song đó chỉ là thắng lợi bước đầu. Đế quốc Mỹ ngoan cố và xảo quyệt. Chúng nói: "hoà bình", "thương lượng" nhưng vẫn chưa chịu từ bỏ dã tâm xâm lược của chúng"^(A35:198)

Tình hình lúc này là miền Bắc đã có ngừng bắn, nhưng ở miền Nam, cuộc chiến tranh vẫn diễn ra ác liệt.

Ở vị trí là địa bàn cầu nối chiến lược của hậu phương lớn miền Bắc và tiền tuyến lớn miền Nam, tỉnh Quảng Bình cơ bản vẫn nằm trong trạng thái có chiến tranh. Trong bối cảnh đó, lực lượng vũ trang nhân

Với bản chất xâm lược và ngoan cố, chỉ một ngày sau khi Giôn-xơn tuyên bố ngừng mọi hoạt động quân sự chống phá miền Bắc, đế quốc Mỹ đã có những hành động chiến tranh, xâm phạm vùng biển, vùng trời trên địa bàn Quân khu 4.

Ở Quảng Bình, từ ngày 02 đến 30 tháng 11 năm 1968, không quân Mỹ sử dụng các loại máy bay RF4C, RF100, F4, 119... tiến hành 162 phi vụ trình sát trên các tuyến vận chuyển, các cửa khẩu, dọc hành lang chiến lược như đường 20, 16, 12, 18... Địch còn sử dụng máy bay EC 121, U₂ (trình sát diện tử) hoạt động dọc theo biên giới Việt - Lào.

Ngày 26 tháng 11, máy bay Mỹ đánh phá ngầm Cờ Đỏ (nằm trên đường 20). Ngày 27 tháng 11, máy bay F4 rải bom bi xuống Bảo Ninh (thị xã Đồng Hới).

Trên các cửa khẩu miền Tây Quảng Bình, Mỹ vẫn tiếp tục dùng máy bay B52 và AC 130 đánh phá với mức độ ác liệt như trước ngày chúng tuyên bố ngừng bắn.

Cách bờ biển Quảng Bình khoảng 80-90 hải lý, thường xuyên có 1-2 tàu sân bay Mỹ túc trực. Lực lượng tàu khu trục (3-4 chiếc) hoạt động cách bờ từ 40 - 70 hải lý; có khi chúng vào gần bờ dưới 20 hải lý, để theo dõi,

chống chế tàu thuyền vận chuyển đường biển của ta ra, vào cảng Gianh, cảng Nhật Lệ. Ngoài lực lượng ngăn de bằng tàu lớn, địch còn sử dụng tàu biệt kích trắng trợn đuổi bắt thuyền vận chuyển, thuyền đánh cá trên vùng biển gần, trực tiếp uy hiếp tính mạng, tài sản và đời sống của nhân dân ta.

Phân tích đúng đắn tình hình sau các đợt tổng tiến công và nổi dậy của quân và dân miền Nam trong mùa xuân Mậu Thân, Trung ương Đảng nhận định: Địch có thể xuống thang chiến tranh vào cuối năm 1968.

Chủ trương của Trung ương là tranh thủ thời gian khi địch ngừng bắn sẽ nổ một chiến dịch vận tải lớn, nhằm đáp ứng yêu cầu chi viện vật lực cho tiền tuyến, nhất là đối với chiến trường Trị- Thiên.

Từ tháng 8 năm 1968, Quảng Bình đã nhận được lệnh chuẩn bị tham gia chiến dịch vận tải này. Tỉnh uỷ kịp thời chỉ thị cho các ngành, địa phương, lớn vị làm công tác động viên quân và dân toàn tỉnh chuẩn bị lực lượng, hương tiện, sẵn sàng cho một đợt tiếp chuyển hàng hoá.

Đồng chí Đỗ Mười, Phó thủ tướng Chính phủ, Trưởng ban điều hoà vận tải Trung ương, điện chỉ thị cho tỉnh: "**Kế hoạch VT5**" (*mật danh chiến dịch vận tải tranh thủ địch xuống thang*) sẽ đưa vào Quảng Bình 12 vạn tấn hàng để chuyển tiếp vào các chiến trường, phải làm cho tốt"⁽²⁾ Bộ Giao thông vận tải không báo tiếp: Cảng Gianh và cảng Nhật Lệ sẽ đón nhận hàng của các đội tàu Giải phóng, xà lan B3, B7, tàu quân sự, tàu Tờ - răng - kít Đoàn xà lan Hồng Hà của quân đội cũng vào giao hàng ở cảng Gianh. Ngoài ra, Trung ương còn điều động thuyền vận tải của các tỉnh: Quảng Ninh 10 thuyền buồm lắp máy; Hải Phòng, Thái Bình, mỗi tỉnh 100 chiếc; tỉnh Thanh Hoá đưa vào 100 thuyền nan để chuyển tải. Lực lượng vận tải cơ giới của Quân khu 4 dồn toàn bộ vào nhận hàng từ Gianh, Đồng Hới, theo đường bộ đi thẳng vào A Sầu, A Lưới (Thừa Thiên). Ban điều hoà vận tải Trung ương cử đồng chí Đặng Thạc, Bộ Giao thông vận tải cử đồng chí Thứ trưởng Dương Bạch Liên vào Quảng Bình tham gia chỉ đạo thống nhất các lực lượng vận tải thuỷ, bộ của Trung ương, địa phương vào khu vực Vĩnh Linh, Quảng Bình.

Để thực hiện kế hoạch VT5, Tỉnh uỷ Quảng Bình đã tăng thêm thành phần Ban bảo đảm giao thông vận tải của địa phương (gồm các cán bộ các ngành trong tỉnh và Trung ương tham gia). Khu vực tiếp nhận hàng giữa địa phương và Đoàn 559 được bàn bạc, phân công cụ thể: Phía đông, do lực lượng của Quảng Bình đảm nhiệm; phía tây, thuộc về trách nhiệm của các binh trạm 12, 14, 16 (Đoàn 559).

Trước ngày 31 tháng 10 năm 1968, tất cả các cấp, ngành, đơn vị, địa phương, cơ quan dân chính Đảng đã được quán triệt tình hình, nhận nhiệm vụ, kế hoạch và triển khai gấp rút công tác chuẩn bị.

Công việc cấp bách trước mắt là giải phóng bom, mìn, thuỷ lôi, từ ruộng ở các bến bãi quan trọng, bảo đảm thông đường an toàn khi chiến dịch bắt đầu. Lực lượng chủ lực thực hiện nhiệm vụ quan trọng này bao gồm: Đội rà phá bom mìn của Tỉnh đội Quảng Bình (thường gọi là Đội 73) ; 2 tiểu đoàn công binh Quân khu 4 và 1 tiểu đoàn công binh của Hải quân khu vực sông Gianh. Trọng điểm hoạt động của lực lượng công binh chủ lực là đường 1A ở khu vực Đồng Hới, cảng Nhật Lệ; khu vực Cảng Gianh, bến Quảng Trường; tuyến sông Đồng Hới - Quán Hấu - Long Đại và Gianh - Quảng Thuận - Quảng Trường⁽³⁾. Lực lượng công binh của các Huyện đội cùng với công binh dân quân chịu trách nhiệm thông tuyến trên địa bàn của mình. Ngoài ra, các địa phương còn huy động lực lượng toàn dân, lấy dân quân làm đội xung kích; chuẩn bị sẵn phương tiện, vật liệu để sẵn sàng ứng cứu giao thông.

Trong 10 năm hoạt động (1967 -1976) trên địa bàn từ Đèo Ngang đến Hạ Cờ, Đội rà phá bom mìn 73 của tỉnh đội Quảng Bình đã phá nổ hơn 4.000 quả bom TN, trong đó mở được 702 quả từ Mode 0 đến Mode 4.

Phá nổ 7 vạn bom bi, 3.300 quả mìn các loại; 374 quả bom cam.

Mở được 377 quả bom tạ loại nổ ngay và 19 quả bom tấn...

Phá nổ hàng ngàn quả đạn pháo các loại.

Cùng lúc đó, lực lượng công binh của dân quân - tự vệ toàn tỉnh, có công binh quân đội làm nòng cốt, khẩn trương rà quét bom mìn trên các tuyến giao thông. Lực lượng chuyên trách của giao thông vận tải khắc phục cầu, ngầm, bến bãi. Trong 36 giờ, các tuyến đường bộ trong tỉnh đã căn bản thông xe. Các tuyến mới để hàng hoá tiếp cận cho chiến trường cũng được xúc tiến gấp rút. Ở các cửa lạch, tuyến sông, lực lượng công binh hải quân phối hợp với công binh địa phương mau chóng rà phá thuỷ lôi, từ trường. Sau 5 ngày thông tuyến Nhật Lệ -Long Đại. Toàn tỉnh có 3 vạn quân, dân các địa phương, mang theo dụng cụ của mình, tranh thủ ngày đêm, tranh chấp thời gian tham gia sửa chữa, gia cố những chỗ hư hỏng trên tuyến 15A, 1A, bảo đảm cho chuyển vận tải cơ giới đầu tiên được thông suốt. Các đơn vị sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp tích cực khôi phục mặt bằng và công cụ sản xuất, tập trung sản xuất phương tiện kịp thời phục vụ chiến dịch. Ty công nghiệp huy động 150 công nhân của Xí nghiệp xây dựng hoàn thành kho chứa hàng hoá 500 tấn; đồng thời khẩn trương lắp đặt 3 cụm điện chiếu sáng để phục vụ cho tàu thuyền ra, vào và bốc dỡ hàng hoá ở cảng Gianh, Nhật Lệ. Huyện Lệ Thuỷ huy động 150 tổ sơn tràng khai thác gỗ, đóng 100 thuyền để đưa vào vận chuyển trong VT5.

Nhân dân toàn tỉnh đã chuẩn bị sẵn 15 vạn que rơm , 1 vạn cọc tiêu, 1 vạn gánh củi, 1 vạn tấm tranh và 6,6 vạn lá tro, 1.140 mảnh nứa đưa ra

ác nút giao thông, đảm bảo vận tải. Nhân dân các xã Hải Trạch, Đức Trạch, Đồng Trạch (Bố Trạch) đã tự phá các công trình xây dựng của địa phương, chuyển được trên 200 m³ gạch đá để lấp thông ngầm cầu Lý Hoà.

Ngày 01 tháng 11 năm 1968, chiến dịch VT5 bắt đầu. Hàng vạn công nhân các công, nông trường, xí nghiệp; học sinh các trường phổ thông cấp 3, các trường chuyên nghiệp, cán bộ, viên chức các cơ quan được tổ chức thành các đội chuyên trách như đội bốc vác, chuyển tải, đội sửa chữa, làm mới và mở rộng kho tàng, bến bãi... đã có mặt ở các địa điểm quy định. Các phương tiện vận tải thuỷ, bộ của Nhà nước địa phương đều tập trung sẵn sàng trên các vị trí được phân công theo kế hoạch.

Tại Đồng Hới, một trong hai khu vực trọng điểm tiếp nhận hàng hoá, Ban chỉ huy chiến dịch của thị xã đã huy động 100 dân quân, tự vệ và tiểu đoàn thanh niên xung phong cùng với 50 thuyền gắn máy cao tốc (dùng để kéo thuyền buồm trọng tải 10 - 30 tấn/ chiếc) làm lực lượng chủ lực của mình trong chiến dịch. Chị em phụ nữ ở vùng biển xã Hải Thành, Bảo Ninh đã may và cung cấp cho đoàn thuỷ thủ thị xã hàng trăm phao cứu sinh.

Cùng với dân công Quảng Bình, lực lượng của Tổng cục Hậu cần, Đoàn 559, Quân khu 4... đều đồng loạt ra quân. Tất cả hoà chung vào một khí thế sôi động của một chiến dịch lớn.

Trong các bến trung chuyển của tỉnh thì Quảng Thuận (Quảng Trạch), nơi có 4 ki lô mét đường 1A, 6 ki lô mét đường sông Gianh đi qua, có bến phà Gianh, là một bến trung chuyển hàng hoá chủ yếu. Với diện tích chỉ 4 ki lô mét vuông, Quảng Thuận có trên dưới 25 bến bãi, nơi dấu hàng, phương tiện vận tải. Tại cảng Gianh, cảng Nhật Lệ và khu vực kho tiếp nhận của hai trạm Bắc Nam, hàng hoá từ hậu phương lớn đưa vào chất như núi. Không chỉ có hàng hoá quân sự mà còn có vật tư sản xuất, hàng phục vụ dân sinh và các loại văn hoá phẩm. Mặc dù lượng hàng hoá vào trên địa bàn tỉnh rất lớn nhưng nhờ nhân dân có tinh thần tự giác bảo vệ, bảo quản tốt nên ít bị hao hụt, hư hỏng.

Trong thời gian hoạt động của chiến dịch, địch liên tục cho máy bay trinh sát, khiêu khích. Chúng trắng trợn đánh vào cảng Gianh một lần, nhưng do ta làm tốt công tác phòng tránh, nên không bị thiệt hại. Để bảo vệ toàn bộ lực lượng và phương tiện phục vụ chiến dịch, các lực lượng phòng không trên địa bàn kiên quyết đánh trả kịp thời hành động vi phạm trắng trợn của không quân Mỹ. Ngày 23 tháng 11, Tiểu đoàn 14 pháo cao xạ bắn rơi tại chỗ một máy bay RF4C của Mỹ đang hoạt động trinh sát ở vùng trời Đồng Hới. Tự vệ Nông trường Phú Quý phối hợp chặt chẽ với bộ đội bắt sống 1 giặc lái, được Bộ Tổng tư lệnh gửi điện khen ngợi⁽¹⁾. Liên tiếp trong hai ngày 25 và 26 tháng 11, lực lượng phòng không trên địa bàn đã bắn rơi 2 máy bay F4H, giặc lái bị bắt sống.

Trong suốt 3 tháng, Quảng Bình như một cỗ máy lớn vận hành hết công suất suốt ngày đêm, bất chấp mưa nắng, bất chấp sự nhòe ngó tức tối của máy bay Mỹ. Kết thúc chiến dịch, tỉnh đã huy động 6 vạn ngày công, hầu hết các loại phương tiện vận tải, tiếp nhận và chuyển giao được 13,2 vạn tấn hàng, vượt chỉ tiêu 1,2 vạn tấn⁽³⁾. Ngoài ra còn hàng vạn tấn hàng hoá do lực lượng quân sự nhận từ Trung ương đi thẳng vào các cửa khẩu thành một tuyến riêng qua những con đường do quân và dân trong tỉnh góp công sức khắc phục.

Kết quả đạt được trong chiến dịch VT5 là thành tích có ý nghĩa của Đảng bộ, quân và dân Quảng Bình trong nhiệm vụ chi viện tiền tuyến ở giai đoạn đầu của cuộc chiến đấu mới.

Sau khi kết thúc chiến dịch, Trung ương chỉ thị cho tỉnh trở lại trạng thái hoạt động thời chiến, sẵn sàng đối phó với các tình huống khác có thể xảy ra.

Nhân dịp năm mới, ngày 01 tháng 01 năm 1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư cho đồng bào và chiến sỹ cả nước. Trong thư, Người viết:

"Năm 1968 là một năm quân và dân cả nước ta chiến thắng rất oanh liệt... chắc chắn giặc Mỹ sẽ hoàn toàn thất bại. Quân và dân ta trong cả nước thừa thắng xông lên, nhất định sẽ thắng lợi hoàn toàn.

"... Vì độc lập, vì tự do

đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào"... ^(A109)

Lời chúc đầu năm mới của Bác Hồ kính yêu là lời hịch cứu nước của non sông, là hồi kèn xung trận với tinh thần " quyết chiến, quyết thắng" của dân tộc.

Cùng với đồng bào và chiến sỹ cả nước, quân và dân Quảng Bình càng tin tưởng vào sự tất thắng của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, quyết tâm đẩy mạnh cuộc chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn.

Nhằm đẩy mạnh quyết tâm của quân dân toàn tỉnh thực hiện tốt nhất lời chúc năm mới của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 1969, tại một địa điểm ở khu vực Ba Rền, Quảng Bình, đã tổ chức Đại hội tổng kết phong trào thi đua " Hai giỏi" năm 1968. Trên 1.200 đại biểu đại diện cho các tầng lớp nhân dân, các ngành sản xuất, lực lượng vũ trang - những bông hoa tiêu biểu của phong trào đã về dự Đại hội. Thay mặt ban Bí thư Trung ương Đảng, các đồng chí Tố Hữu, Lê Văn Lương đã về dự và chỉ đạo Đại hội. Đại hội đã thảo luận và rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu về xây dựng và phát động phong trào thi đua hành động cách mạng của quần chúng trong 4 năm chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. Đại hội nhất trí cho rằng, những bài học kinh nghiệm, cả thành công và thất bại là cơ sở để phong trào

thi đua " Hai giỏi" những năm sau phát triển sâu rộng, vững chắc hơn. Thay mặt 40 vạn nhân dân Quảng Bình, Đại hội gửi " Thư quyết tâm" hứa với Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ và Hồ Chủ tịch " Với tinh thần tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, trong mọi tình huống, kể cả tình huống có thể hy sinh xương máu, chúng tôi cũng làm tròn nhiệm vụ chi viện cao nhất cho miền Nam anh hùng, trước hết là Trị - Thiên ruột thịt, góp phần đánh thắng giặc Mỹ trên chiến trường"

Thành công của Đại hội " Hai giỏi " là một thúc đẩy quan trọng cho phong trào hành động cách mạng của quân và dân toàn tỉnh trong giai đoạn cách mạng mới.

Thời gian này, hoạt động trinh sát, đánh phá của máy bay địch ngày càng tăng trên cả 3 tuyến: Ven biển, nội địa và hành lang biên giới phía tây thuộc địa phận Quảng Bình. Các điểm địch tập trung trinh sát là đường 15, 20, 12, tuyến Thống Nhất, các khu vực cảng Gianh, Đồng Hới, Xuân Sơn, Long Đại... Trong 15 ngày đầu tháng 12 năm 1968, máy bay Mỹ đã tiến hành 270 lần bay trinh sát. Đến cuối năm 1969 lên tới 609 lần, trong đó 79 lần bay đêm, tăng 125 lần so với 2 tháng cuối năm 1968. Cùng với hoạt động trinh sát, địch tập trung lực lượng máy bay đánh sâu xuống các mũi đường 12, 20 và dọc tuyến biên giới 62 lần(trong đó có 36 lần B52) gây cho ta những thiệt hại đáng kể: Chết 75 người, bị thương 161 người; cháy hỏng 33 ô tô và hư hại một số kho quân nhu. Đáng chú ý là trong các ngày 18, 19, 20 tháng 3, máy bay địch đã liên tục đánh phá vào đường 12 (ki lô mét 31, 33, 39), đường 20 (ki lô mét 41, 43, 44), Bãi Dinh (ở toạ độ 80-64) với cường độ ngày càng ác liệt.

Địch còn trắng trợn đánh phá bừa bãi vào nhiều khu vực dân cư, gây hậu quả nghiêm trọng về người và tài sản cho nhân dân. Trong những ngày đầu tháng 12 năm 1968, máy bay Mỹ đã 5 lần ném bom bi, bom sát thương vào khu vực Văn La, Vĩnh Tuy; khu vực Bắc Trạch, Đôn Sa, làm chết 31 người, bị thương 57 người. Ngày 07 tháng 12, chúng rải bom bi xuống khu vực Cộn, Cù Lạc, Hưng Trung, Quảng Tân... Ngày 09 tháng 12, địch lại đánh vào Cảnh Dương, Khương Sơn, Bãi Dinh, Thanh Lạng... Chỉ tính trong nửa đầu tháng 12, máy bay Mỹ đã đánh vào 22 điểm dân cư toàn tỉnh, làm chết 89 người, bị thương 143 người; cháy hỏng nhiều nhà cửa, tài sản khác của nhân dân.

Trên vùng biển, ngoài lực lượng ngăn đe bằng tàu lớn thường xuyên túc trực cách bờ từ 40 - 80 hải lý, địch còn sử dụng tàu biệt kích giả dạng tàu đánh cá vào sâu khu vực Nhật Lệ - Hòn Gió, cách bờ 10 - 15 hải lý trinh sát, khiêu khích tàu, thuyền của ta.

Các hoạt động biệt kích, chiến tranh tâm lý của địch cũng diễn ra liên tục trên biên giới phía tây địa bàn tỉnh.

Nhiều toán biệt kích Mỹ - Ngụy sử dụng phương thức xâm nhập nhanh, phá hoại nhanh rồi rút nhanh ở các khu vực Cà Ai, Ho, Khe Giũa, Làng Mô, Tuyến Thống Nhất. Cuối tháng 02 năm 1969, địch dùng trực thăng đổ biệt kích xuống đồi A Chốc, đốt phá một số lán trại của dân công hoả tuyến trên tuyến Thống Nhất. Máy bay L19 xâm nhập vùng trời xã Trường Thủy (tây Lệ Thủy) rải truyền đơn kêu gọi bộ đội ta quy thuận... Phối hợp với những hoạt động bên ngoài, bọn phản động nội địa tung luận điệu xuyên tạc thắng lợi của ta như "Ngừng bắn là do Mỹ chủ động, nhờ giáo hoàng sắp xếp..." Chúng còn thào tin đe dọa "Mỹ sẽ đánh lại miền Bắc ác liệt hơn"⁽⁴⁾.

Rõ ràng là kẻ địch đã lợi dụng những khó khăn tạm thời của ta sau Mậu Thân 1968, tập trung ngăn chặn tuyến vận tải chiến lược hậu phương lớn vào miền tuyến, mà trọng điểm là địa bàn Quảng Bình, nơi tập kết nhân lực, vật lực chủ yếu cho các chiến trường. Hoạt động của địch đã gây ra một số tổn thất về người và của cho ta. Trước tình hình đó, một bộ phận cán bộ, đảng viên, quần chúng đã có những biểu hiện dao động về tư tưởng; một số sợ địch đánh phá ác liệt hơn, một số lại chủ quan, mất cảnh giác.

Đánh giá toàn cục diễn biến trong năm 1968 và đầu năm 1969; dự kiến và phân tích khả năng, âm mưu của đế quốc Mỹ, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã ra nghị quyết chỉ rõ: "Nhân dân miền Bắc phải làm tốt nhiệm vụ chi viện miền Nam; đồng thời sẵn sàng chiến đấu, đập tan âm mưu địch gây lại chiến tranh phá hoại, dùng bộ binh tập kích hay tiến công ra nam Quân khu 4"^(192:14).

Quán triệt nghị quyết của Bộ Chính trị, Tỉnh uỷ Quảng Bình đã họp lãnh giá tình hình của 4 năm (1965-1969), đề ra những phương hướng, nhiệm vụ cho năm 1969. Hội nghị chỉ ra những mặt thiếu sót của địa phương trong thời kỳ đầu ngừng bắn: Đó là trong lúc "Nhiệm vụ trước mắt đang đòi hỏi hết sức khẩn trương, nhưng chúng ta chưa đáp ứng kịp" Do "tư tưởng của cán bộ, đảng viên, quần chúng chưa theo kịp tình hình", nên đã có những biểu hiện nghỉ ngơi, xả hơi. Vì vậy mà chưa phát huy được tinh thần cách mạng tiến công của 4 năm chống chiến tranh phá hoại; có tư tưởng cầu an, sợ hy sinh, ác liệt trở lại. Hội nghị Tỉnh uỷ xác định: "Chừng nào đế quốc Mỹ còn xâm lược miền Nam, dù cục diện có diễn biến theo khả năng nào thì tỉnh ta vẫn bị kẻ địch phá hoại cách này hay cách khác" Về phương hướng, nhiệm vụ của năm 1969, nghị quyết hội nghị Tỉnh uỷ nêu rõ: "... Tập trung phục vụ miền tuyến lớn, bảo đảm yêu cầu giành thắng lợi to lớn trong thời kỳ mới. Hết sức tranh thủ thời cơ thuận lợi, hồi phục nhanh chóng sức lực bị tổn hao qua 4 năm chiến tranh; đồng thời phải đề cao cảnh giác, chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu; tăng cường tiềm lực kinh tế kết hợp với củng cố quốc phòng, không ngừng nâng cao năng lực chiến đấu, ra sức bảo vệ an ninh để đập tan mọi âm mưu của đế quốc Mỹ và tay sai"

Để chủ động đối phó với âm mưu mới của địch, giữ vững vị trí cửa khẩu giữa hai miền Nam - Bắc, Bộ Tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân điều Sư đoàn phòng không 367 từ Hà Tĩnh vào miền tây Quảng Bình Vĩnh Linh làm nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ tuyến vận tải. Thực hiện chủ trương của Tỉnh uỷ: " Các đơn vị bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân - tự vệ quyết tâm hạ được máy bay trinh sát", Tỉnh đội Quảng Bình đã sắp xếp, bố trí lại lực lượng phòng không của tỉnh, phối hợp với lực lượng trên, sẵn sàng đánh máy bay địch, bảo vệ địa bàn. Lực lượng phòng không thường trực gồm Tiểu đoàn 9 cao xạ, các phân đội trực chiến (12,7ly, đại liên, thượng liên...) của bộ đội địa phương, dân quân, tự vệ được lệnh cơ động đến bố trí ở các điểm xung yếu, các mục tiêu cầu, đường, bến bãi, kho tàng tổ chức trận địa phục kích đánh máy bay trinh sát địch^(A40). Lực lượng phòng không thường trực không thường xuyên của dân quân, tự vệ luôn ở tư thế sẵn sàng chiến đấu, chuẩn bị sẵn trận địa, vũ khí, địch đến là đánh được ngay. Lực lượng " Tay cày, tay súng" " Tay búa, tay súng" ... được củng cố, huấn luyện, kết hợp sản xuất với sẵn sàng đánh địch. Trên tuyến biển, lực lượng pháo binh gồm các đại đội pháo 85ly, 57ly của bộ đội địa phương (8, 9, 10, 48) và Đại đội pháo binh nữ dân quân Ngư Thuỷ, Bảo Ninh kết hợp huấn luyện với sẵn sàng đánh tàu chiến địch; chốt giữ bờ biển và nắm các hoạt động của địch ở biển gần. Trên hai tuyến biên giới, bờ biển, lực lượng dân quân, tự vệ phối hợp với công an nhân dân vũ trang, đơn vị bộ đội đóng quân trên địa bàn, xây dựng phương án đánh gián điệp, biệt kích; hiệp đồng tuần tra bảo vệ các mục tiêu quan trọng như cửa lạch, kho tàng, tuyến vận tải; tổ chức 4 vọng gác quan sát dọc tuyến biên giới phía tây trên địa phận huyện Minh Hoá.

Đi đôi với nhiệm vụ chiến đấu, xây dựng thế trận lực lượng, sẵn sàng chiến đấu..., nhiệm vụ khôi phục sản xuất cũng đòi hỏi vai trò nòng cốt, xung kích của lực lượng vũ trang tỉnh. Hàng ngàn dân quân - tự vệ là đội quân chủ lực trên mặt trận thủy lợi. Công trình Rào Nan (Quảng Trạch) có 1.035 dân quân, tự vệ tham gia. Huyện Bố Trạch huy động trên 450 đồng chí vào công trường Đá Mài. Công trường Rào Sen, Xuân bồ (Lệ Thuỷ) có 739 dân quân lao động; công trình Đập Be (Tuyên Hoá), Bàu Côi (Minh Hoá) tập trung 1.200 dân quân, tự vệ của địa phương.

Trên mặt trận bảo đảm giao thông vận tải, lực lượng vũ trang cũng giữ một vai trò quan trọng. Ngoài hàng ngàn cán bộ, chiến sỹ đang tham gia mở tuyến vận tải mới, từ tháng 01 đến tháng 5 năm 1969, bộ đội địa phương và dân quân - tự vệ đã đóng góp hàng vạn ngày công, bốc dỡ được 9 vạn tấn hàng các loại.

Một vinh dự lớn đến với lực lượng vũ trang tỉnh nhà: Tại Đại hội thi đua quyết thắng của lực lượng vũ trang Quân khu, ba nữ đại biểu của Quảng Bình

được Đại hội tín nhiệm cử vào đoàn đại biểu ra Hà Nội để báo cáo thành tích và quyết tâm của quân dân khu 4 với Trung ương Đảng, Chính Phủ và Hồ Chủ tịch. Đó là các chị Trần Thị Thản, chính trị viên Đại đội pháo binh nữ dân quân Ngư Thủy (Lệ Thủy); Nguyễn Thị Sen, chỉ huy phân đội trực chiến nữ dân quân Xuân Ninh (Quảng Ninh) và Nguyễn Thị Diệt, đội viên hoả tuyến của huyện Tuyên Hoá.

Ngày 28 tháng 4 năm 1969, tại Phủ Chủ tịch, các đại biểu đã gặp Bác Hồ. Sau khi nghe các đại biểu báo cáo, trong đó có báo cáo của chị Trần Thị Thản, Bác khen ngợi và căn dặn: " Quân khu 4 phải làm tốt hơn nữa nhiệm vụ là tuyến đầu của miền Bắc xã hội chủ nghĩa, hậu phương trực tiếp của tiền tuyến lớn anh hùng" Trong không khí thân thiết ấm áp tình ruột thịt giữa vị Tổng tư lệnh tối cao đối với các cán bộ, chiến sỹ, Bác vui vẻ nhắc Đại tướng Võ Nguyên Giáp nhớ gửi huy hiệu của Người để tặng cho toàn thể chị em trong Đại đội pháo binh nữ dân quân Ngư Thủy.

Là tỉnh của tuyến đầu Quân khu 4, những lời khen ngợi và căn dặn của Bác Hồ kính yêu làm cho quân và dân Quảng Bình càng thấy rõ vinh dự to lớn và trách nhiệm nặng nề của mình, lấy đó làm mục tiêu phấn đấu, vươn lên làm tròn trách nhiệm lịch sử mà Đảng, Bác Hồ đã tin cậy giao phó.

Quyết tâm tranh thủ thời gian địch ngừng bắn, đẩy nhanh hàng vào sâu tiếp cận với chiến trường, lực lượng Tuyến Thống Nhất vừa tập trung khôi phục, nâng cấp đường 16 (đoạn đường từ ngã ba Thạch Bàn đến Vít Thù Lù), vừa mở tiếp đường nối đến Dốc Khỉ, bảo đảm 44 ki lô mét cho vận chuyển cơ giới; mở tiếp 40 ki lô mét đường hẹp (1,2 mét) qua đỉnh 1001, vươn tới bắc Xê Bông Hiền để dành cho vận tải thô. Chia sẻ trách nhiệm với quân và dân Trị Thiên, Quảng Bình đã đưa vào nam Xê Bông Hiền Tiểu đoàn 70 hoả tuyến tham gia mở tuyến Thống Nhất B, góp phần nhanh chóng thông tuyến Thống Nhất. Sau khi khai thông tuyến, Trung ương điều 4.000 xe đạp thô của tỉnh Thanh Hoá vào tiếp chuyển hàng từ Dốc Khỉ (Thống Nhất A) vào Mường Trương (Thống Nhất B) , giao hàng cho Quân khu Trị Thiên tại Bắc đường 9. Việc khai thông tuyến Thống Nhất, tuyến vận chuyển ngắn nhất nối liền Quảng Bình với Trị Thiên là một bước quan trọng cho công tác chuẩn bị cơ sở vật chất kỹ thuật để phục vụ các chiến dịch quân sự sau này.

Trong thời gian từ cuối năm 1968 đến những tháng đầu năm 1969, tình hình trên chiến trường Trị - Thiên có những diễn biến phức tạp. Lợi dụng những khó khăn, sơ hở của ta, kẻ địch đã tập trung lực lượng phản công quyết liệt hòng giành lại địa bàn bị mất trong Mậu Thân 1968, âm mưu đẩy chủ lực ta ra xa chiến trường. Hoạt động của địch đã gây cho ta những tổn thất đáng kể.

Chiến trường Trị - Thiên kêu gọi hậu phương chi viện. Bộ Tư lệnh Quân khu 4 ra mệnh lệnh cho các đơn vị vũ trang chủ lực, địa phương trong Quân khu khẩn trương đưa quân vào chiến trường tham gia chiến đấu. Tỉnh đội Quảng Bình đã triển khai công tác tổ chức lực lượng, nhanh chóng thực hiện nghĩa vụ chi viện chiến trường đối với Trị - Thiên ruột thịt. Với sự giúp đỡ của Đảng bộ và nhân dân hai huyện Quảng Ninh, Lệ Thủy, Đoàn Nhật Lệ có quân số 510 đồng chí, được thành lập. Quân số của đoàn chủ yếu dân quân của các huyện (95%), nguồn cán bộ rút từ hai đại đội 361, 362; chất lượng chính trị bảo đảm (33,6% đảng viên, 80,87% đoàn viên)⁽¹⁾, hầu hết cán bộ, chiến sỹ đã trải qua chiến đấu ở các địa phương. Sau một thời gian ngắn củng cố tổ chức, huấn luyện ở xã Hoa Thủy, trước tết Kỷ Dậu, Đoàn Nhật Lệ hành quân vào mặt trận⁽²⁾. Phối hợp với lực lượng bạn, Đoàn Nhật Lệ tổ chức nhiều trận đánh trên chiến trường Trị - Thiên. Đêm 30 tết Kỷ Dậu, đại đội 12, 7ly (K1 - Đoàn Nhật Lệ) phục kích một đơn vị lính Mỹ nổ súng lên Động Tranh Thừa Thiên), tiêu diệt 110 tên, bắn rơi 4 máy bay trực thăng của địch.

Cùng với việc đưa lực lượng chiến đấu vào chi viện chiến trường, tỉnh còn thành lập tiểu đoàn hoả tuyến có quân số 505 người (93% là dân quân, 7% nữ). Sau hai tuần chuẩn bị khẩn trương, đơn vị hoả tuyến đã lên đường vào phục vụ chiến đấu ở mặt trận B5.

Để sẵn sàng đối phó với những hành động chiến tranh liều lĩnh của kẻ địch, vừa làm tốt hơn nữa nghĩa vụ chi viện cho chiến trường, Tỉnh Quảng Bình đưa cơ quan chỉ huy quân sự và các đơn vị bộ đội địa phương luân phiên vào chiến đấu ở mặt trận B5. Tháng 4 năm 1969, Sở chỉ huy tiền phương vào lòng ở Bãi Hà (bắc vĩ tuyến 17); các tiểu đoàn 45, 46 và các đại đội 361, 362, lực lượng, trinh sát lần lượt hành quân vào mặt trận bắc đường 9⁽³⁾. Các đại đội 363, 365 vừa tham gia lao động trên tuyến Thống Nhất vừa củng cố tổ chức, sẵn sàng vào khi có lệnh.

Hành quân vào tới chiến trường chưa đầy nửa tháng, các đơn vị đã bước vào chiến đấu. Sở chỉ huy tiền phương bám sát mặt trận, chỉ đạo các đơn vị thực hiện phương châm: " Châm ngòi diệt Ngụy, kéo Mỹ ra mà đánh", nhằm phá thủ đoạn dùng quân Ngụy thay thế quân Mỹ của địch. Tại khu vực tứ giác 'Cồn Tiên' cao điểm 544 - Dốc Miếu Quán Ngang" (tây bắc đường 9), Tiểu đoàn 45 và Đại đội đặc công tổ chức lực lượng nhỏ, phục kích đánh địch nổ súng đánh chốt, kéo lực lượng lớn lính Mỹ ra để tiêu diệt. Trong trận chiến đấu không cân sức ở Đồi 28, 27 tay súng của Đại đội 1 (Tiểu đoàn 45) đã kiên cường bám chốt, đánh lui nhiều đợt tiến công của 1 tiểu đoàn địch, tiêu diệt hơn 200 tên. Chỉ trong 45 ngày, Đại đội 1 đã đánh 12 trận, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, phá huỷ nhiều xe cơ giới của chúng. Tại cứ điểm Cồn Tiên, Đại đội đặc công đã phát huy sở trường đánh gần, tổ chức nhiều mũi táo bạo thọc sâu vào trung tâm, " nắm thắt lưng địch mà đánh", tiêu diệt trên 200 tên Mỹ, gây

nổi kinh hoàng cho kẻ địch. Từ ngày 17 tháng 4 đến ngày 22 tháng 5, các đại đội của Tiểu đoàn 46 liên tiếp tổ chức 6 trận đánh, loại khỏi vòng chiến đấu 279 tên Mỹ, bắn rơi 1 máy bay, phá huỷ 4 súng cối, thu nhiều vũ khí của địch. Trong một trận chiến đấu ngoan cường, Đại đội 1 đã lập công xuất sắc: Tiêu diệt 240 tên Mỹ, bắt sống 2 tù binh, bắn rơi 2 máy bay, bắn cháy 1 xe cơ giới. Kết thúc tháng 5 năm 1969, Tiểu đoàn 46 đã tiêu diệt 573 tên Mỹ, bắn rơi 5 máy bay, phá huỷ 5 pháo 105ly và 10 khẩu súng cối 81ly của địch⁽³⁾. Các đại đội 361, 362, 363 bộ đội địa phương huyện lần đầu tiên trực tiếp đọ sức với Mỹ - Ngụy đã có quyết tâm diệt địch cao. Đại đội 361 tham gia các trận đánh ở trận cao điểm 805, bắc Động Cô Ha, tiêu diệt hàng trăm tên thám báo Ngụy⁽⁴⁾. Đầu tháng 6, Đại đội 362 vừa hành quân vào khu vực Đông Nam Cửa Tùng, thì địch phát hiện được. Chúng huy động 1 tiểu đoàn bộ binh, có pháo binh và xe tăng yểm trợ, định bao vây tiêu diệt quân ta. Đại đội trưởng Nguyễn Ngọc Ngỡ và Chính trị viên Hà Duy Chúng nhanh chóng tổ chức 2 mũi với lực lượng nhỏ nghi binh, hút địch ra hai bên; còn tập trung binh, hỏa lực quyết tâm bẻ gãy mũi tấn công chính diện của chúng ở hướng tây nam. Sau 1 tiếng đồng hồ phi pháo dọn đường, xe tăng dẫn bộ binh tiến vào trận địa ta. Bộ đội ta bí mật chờ địch vào gần 30 mét mới đồng loạt nổ súng. Hai xe tăng địch bị bắn cháy ngay tại chỗ, bộ binh địch lúng túng. Bộ đội ta chớp thời cơ phản xung phong đánh bật chúng ra khỏi trận địa. Tiểu đoàn địch bị thiệt hại nặng, phải tháo chạy, rồi gọi pháo bắn vào khu vực tác chiến. Lợi dụng khe, lạch chạy giữa các đồi cát, đơn vị rút lui để bảo toàn lực lượng.

Tính đến giữa năm 1969, các đơn vị bộ đội địa phương Quảng Bình đã đánh hàng chục trận, tiêu diệt gần 1.200 tên Mỹ - Ngụy, bắn cháy 10 máy bay, nhiều xe tăng, cơ giới, thu nhiều vũ khí, quân trang, quân dụng của địch. Trước những thất bại liên tiếp, tinh thần của quân Ngụy suy sụp nặng nề, buộc quân Mỹ phải nhảy vào chịu đòn, hòng gỡ gạc, xoay chuyển tình thế. Nhận thấy quân địch đã "đi trúng" ý định ban đầu của ta, Sở chỉ huy tiền phương quyết định đưa Tiểu đoàn 49 vào chiến trường thực hiện quyết tâm tiêu diệt quân viễn chinh xâm lược Mỹ. Nhận được mệnh lệnh chiến đấu, Tiểu đoàn 49 nhanh chóng ổn định biên chế, bổ sung quân số, vũ khí trang bị. Cuối tháng 7 năm 1969, Tiểu đoàn hành quân vào mặt trận khu Tây (đường 9 - Quảng Trị). Phán đoán địch sẽ nống ra hòng giành lại cao điểm 161 (còn gọi là đồi Con Thỏ), Tiểu đoàn 49 đã tổ chức trận địa phục kích trên đoạn đường Cồn Tiên đi Con Thỏ. Một tiểu đoàn Mỹ đã lọt vào trận địa của đơn vị. Bộ đội ta bất ngờ nổ súng, đồng loạt xung phong, chia cắt đội hình địch, diệt gọn từng tốp. Kết thúc trận đánh, tiểu đoàn quân Mỹ bị đánh thiệt hại nặng, số sống sót tháo chạy trở lại căn cứ. Đại đội 3, Tiểu đoàn 49 là đơn vị đầu tiên của bộ đội địa phương Quảng Bình tiêu diệt gọn đại đội Mỹ trên mặt trận Bắc đường 9 - Quảng Trị. Trong nhiều trận đánh của đơn vị, Đại đội 3 có 3 trận

tiêu diệt gọn 2 đại đội Mỹ và 1 đại đội Ngụy. Thi đua với đại đội 3, các đơn vị liên tục tiến công địch, góp phần cùng các lực lượng bạn giữ vững và mở rộng chiến trường, tiêu diệt, tiêu hao sinh lực địch. Chỉ trong 2 tháng chiến đấu (7 à 8 năm 1969), bộ đội địa phương, dân quân, tự vệ Quảng Bình đã loại khỏi vòng chiến đấu 800 tên địch, bắn rơi 3 máy bay trực thăng, phá huỷ 12 xe bọc thép M113 của chúng⁽¹⁾. Cùng với các đơn vị chiến đấu, các đơn vị dân công hỏa tuyến của tỉnh, tiêu biểu là đơn vị Quảng Trạch đã tỏ ra xông xáo, gan dạ, bám sát bộ đội để phục vụ chiến đấu, góp phần quan trọng vào thắng lợi của từng trận đánh.

Vừa làm tròn nghĩa vụ "Chia lửa, chia máu" với Trị - Thiên ruột thịt, thực tiễn chiến đấu trên chiến trường đã đưa lại cho lực lượng vũ trang địa phương nhiều bài học kinh nghiệm quý báu. Cơ quan chỉ huy và cán bộ, chiến sỹ được trải qua một cuộc tập dượt quan trọng khi trực tiếp tham gia trận đánh. Thực tiễn xương máu đó là cơ sở để lực lượng vũ trang tỉnh tiếp tục rèn luyện bản lĩnh, xây dựng sức mạnh chiến đấu, sẵn sàng đập tan âm mưu tấn công bằng bộ binh của địch, bảo vệ vững chắc địa bàn trong mọi tình huống.

Trong lúc phải vượt lên để ổn định đời sống nhân dân, tiếp tục cuộc chiến đấu tại chỗ, chi viện chiến trường, quân và dân Quảng Bình còn tận tình giúp bạn Lào với tinh thần quốc tế vô tư, trong sáng. Nghị quyết Tỉnh uỷ xác định: "Việc giúp đỡ cách mạng Lào không những là nghĩa vụ quốc tế của quân, dân ta, mà còn có lợi ích trực tiếp việc đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc"

Để sẵn sàng phối hợp với lực lượng bạn trong các hoạt động quân sự, Tỉnh đội Quảng Bình quyết định rút Tiểu đoàn 45 và Đại đội 361 (Lệ Thủy) từ nặt trận B5 ra hậu phương củng cố, chuẩn bị cho nhiệm vụ chiến đấu mới. Khi chiến dịch giải phóng hành lang Mường Phìn nổ ra, Tiểu đoàn 45 và Đại đội 361 được lệnh hành quân sang mặt trận Trung Lào, phối hợp với Sư đoàn 368 tham gia chiến dịch^(A35:209). Trong hai tháng chiến đấu, tiểu đoàn độc lập đánh 24 trận, diệt 265 tên, phá hỏng 1 xe tăng; thu 9 súng, 100 viên đạn cối và nhiều quân trang, quân dụng; trong đó có 5 trận đơn vị đã diệt gọn trung đội địch.

Việc giúp đỡ cách mạng Lào có một ý nghĩa chiến lược quan trọng. Kết quả đó đã tạo ra một vành đai an toàn ở biên giới phía tây của ta, vừa tạo điều kiện mở rộng tuyến vận tải chiến lược vào sâu chiến trường miền Nam về lâu dài sau này. Đảng bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang Quảng Bình đã thực hiện đúng lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu: "Giúp bạn là tự giúp mình"

Song song với các hoạt động chi viện chiến trường, tỉnh Quảng Bình đã tranh thủ thời gian tạm thời ngừng bắn để khắc phục hậu quả chiến tranh, mở

rộng sản xuất và ổn định đời sống. Tỉnh đội chỉ thị cho lực lượng công binh, chủ yếu là công binh dân quân, tập trung rà phá, gom nhặt bom mìn, giải phóng ruộng đất để sản xuất. Phong trào khai hoang, phục hoá tiếp tục phát triển mạnh mẽ. Nhờ vậy, tổng diện tích trồng trọt năm 1969 tăng 5,2% so với năm 1968. Trên mặt trận thuỷ lợi, ngoài 1 vạn lao động trên các công trường lớn, các địa phương đã huy động trên 4 triệu ngày công, chủ yếu là bộ đội địa phương, dân quân, tự vệ... để làm thuỷ lợi nhỏ, kiến thiết đồng ruộng.

Ngành giao thông vận tải của tỉnh tranh thủ mùa khô tập trung dứt điểm các công trình trên tuyến chính để bảo đảm vượt lũ trong mùa mưa. Tuyến quốc lộ 15A, quốc lộ 1A cơ bản hoàn thành việc san lấp hố bom, nắn tuyến, lũng bước nâng cấp mặt đường.

Để ổn định đời sống, các loại vật liệu xây dựng, vật dụng sinh hoạt cần thiết đều được ưu tiên vào việc giải quyết nơi ăn ở cho nhân dân. Toàn tỉnh đã tu sửa, làm mới trên 5 vạn nóc nhà, chuyển 40 vạn dân sinh từ sinh hoạt dưới nhà hầm lên cuộc sống trên mặt đất. Đã xây dựng 4.000 lớp học phổ thông, mẫu giáo, nhà trẻ, giải quyết kịp thời việc học hành cho các em, kể cả 2 vạn em học sinh di tản ở các lĩnh bạn (K8) trở về đợt xuất. Hầu hết các y viện, bệnh viện đều được di chuyển đến địa điểm mới và được mở rộng; đang chuẩn bị xây dựng một bệnh viện 200 giường của tỉnh. Các đội lưu động của ngành y tế xuống cơ sở, phát động nhân dân xây dựng 3 công trình vệ sinh (giếng nước, nhà tắm, nhà vệ sinh) ; tiến hành kiểm tra sức khoẻ, cấp phát thuốc phòng và chữa các bệnh dịch cho nhân dân.

Công tác chính sách xã hội được các địa phương quan tâm giải quyết. Tỉnh chỉ đạo các cấp, các ngành, các đoàn thể ưu tiên phân phối lương thực, hàng hoá; huy động dân quân, thanh niên tu sửa nhà cửa cho 13.000 gia đình liệt sỹ, thương binh, gia đình chính sách B, C. Các địa phương đã đầu tư xây dựng mở trại dưỡng lão và trại nuôi dạy trẻ mồ côi.

Các hoạt động văn nghệ, thông tin tuyên truyền cũng được đẩy mạnh. Khẩu hiệu " Tiếng hát át tiếng bom", " Tiếng loa hoà tiếng súng" được khôi phục, góp phần thúc đẩy phong trào văn hoá văn nghệ quần chúng , tạo nên không khí vui tươi phấn khởi trong đời sống tinh thần của nhân dân.

Cùng với nhiệm vụ khôi phục sản xuất, ổn định đời sống, quân và dân tỉnh ta tiếp tục thực hiện nhiệm vụ chi viện vật lực cho tiền tuyến. Trong 9 tháng, tỉnh đã tiếp nhận 107.700 tấn hàng, xuất vào B được 56.360 tấn; còn gần 3 vạn tấn hàng dự trữ đã phân tán gửi vào trong nhân dân cất giữ , bảo quản.

Xác định trách nhiệm lâu dài với Trị - Thiên ruột thịt, tỉnh đã bồi dưỡng cho 500 học viên của hai tỉnh; hoàn thành khu an dưỡng, tiếp nhận gần 1.000 cán bộ, nhân dân Trị - Thiên ra nghỉ ngơi, dưỡng bệnh.

Từ đầu năm 1969, sư đoàn 324 từ chiến trường Trị - Thiên ra Quảng Bình an dưỡng, củng cố tổ chức. Sau đó, các đơn vị của Sư đoàn lần lượt vào chiến trường làm nhiệm vụ. Nhân dân trong tỉnh đã tận tình giúp đỡ sư đoàn các loại cây, con giống chuyển vào chiến trường sản xuất, chăn nuôi, tăng gia gặt hái; góp phần giải quyết vấn đề khan hiếm lương thực, thực phẩm, cải thiện đời sống bộ đội.

Kết quả đạt được của các mặt hoạt động thời gian qua đã thể hiện sự chuyển hướng kịp thời trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng địa phương, đơn vị. Đồng thời cũng ghi nhận nỗ lực của quân và dân toàn tỉnh trong việc ổn định và xây dựng hậu phương để đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ của thời gian tới.

Giữa lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đang bước vào giai đoạn quyết định, thì nhân dân cả nước phải chịu một tổn thất vô cùng to lớn: Vào lúc 9 giờ 47 phút ngày 02 tháng 9 năm 1969, *Chủ tịch Hồ Chí Minh, người sáng lập và rèn luyện Đảng ta, người khai sinh nước Việt Nam mới, người cha thân yêu của các lực lượng vũ trang nhân dân, đã từ trần.*

Quân uỷ Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam kêu gọi toàn thể cán bộ, chiến sỹ trong lực lượng vũ trang nhân dân: "Giương cao ngọn cờ quyết chiến, quyết thắng của Bác trao cho, với khí thế thừa thắng xông lên, các lực lượng vũ trang hãy cùng toàn dân đẩy mạnh sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới hoà bình, thống nhất Tổ quốc, thực hiện lời kêu gọi thiêng liêng của Hồ Chủ tịch: "Hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta, thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu quét sạch nó đi" (A35;212).

Cùng với đồng bào, chiến sỹ cả nước, quân và dân Quảng Bình cùng hướng về Thủ đô Hà Nội đau xót vĩnh biệt Bác Hồ kính yêu. Từ nông thôn đến công, nông trường, xí nghiệp; từ mỗi gia đình đến cơ quan, trường học đều lập bàn thờ tưởng niệm Người. Nhân dân Quảng Bình, từ cụ già đến em nhỏ, ai cũng đau đớn trước cái tang lớn của vị cha già dân tộc. Tuần lễ tang Hồ Chủ tịch diễn ra xúc động trên toàn tỉnh.

Hưởng ứng đợt sinh hoạt chính trị lớn: "Học tập và làm theo di chúc của Hồ Chủ tịch" do Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng phát động. Tỉnh chỉ đạo các cấp, ngành, địa phương, đơn vị tổ chức cho toàn thể nhân dân và lực lượng vũ trang tham gia học tập. Lời căn dặn cuối cùng của Bác Hồ kính yêu đã làm lay động tâm tư quần chúng nhân dân. Những lo lắng

rong tâm tư của nhân dân sau khi Bác mất được giải quyết. Phong trào hành động cách mạng trong toàn tỉnh có chuyển biến mạnh mẽ.

Các đơn vị trực tiếp chiến đấu ở mặt trận tổ chức các trận đánh "Lập công đền ơn Bác", liên tiếp tiến công địch, lập được nhiều chiến công. Tính đến cuối năm 1969, các đơn vị Quảng Bình chiến đấu trên chiến trường B5 đã tiêu diệt 1.800 tên địch (phần lớn là quân Mỹ), bắn rơi 11 máy bay, bắn cháy 22 xe bọc thép của địch⁽²⁾. Lực lượng phòng không của tỉnh nêu cao cảnh giác, kịp thời đánh trả các hoạt động của không quân Mỹ, bắn rơi 7 máy bay, bắt sống 5 giặc lái. Bộ đội địa phương, dân quân, du kích phối hợp chặt chẽ với công an nhân dân vũ trang tuần tra, phát hiện bắt gọn 5 toán biệt kích Mỹ Ngụy xâm nhập vào địa bàn⁽⁴⁾. Nhiệm vụ vận chuyển chi viện tiền tuyến về cuối năm càng được đẩy mạnh. Đến cuối năm 1969, toàn tỉnh đã chuyển tiếp, và dự trữ được 315.928 tấn hàng cho tiền tuyến.

Trên tất cả các mặt hoạt động, lực lượng vũ trang luôn giữ vững và phát huy vai trò nòng cốt, xung kích của mình, xứng đáng là đội quân chủ lực trong thế trận chiến tranh nhân dân của tỉnh. Do có thành tích đặc biệt trong lao động, chiến đấu, phục vụ tiền tuyến, lực lượng dân quân, du kích xã Võ Ninh và xã Quảng Phúc đã được Quốc hội, Nhà nước ta tuyên dương là đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang

Trước những thắng lợi to lớn của 3 nước Đông Dương, từ cuối năm 1969 đến đầu năm 1970, đế quốc Mỹ và tay sai đã mở nhiều cuộc hành quân lấn chiếm vùng giải phóng Lào, sử dụng quân ngụy Sài Gòn công khai tiến công xâm lược Căm pu - chia. Âm mưu của chúng là cắt đứt tuyến vận tải chiến lược phía tây, cô lập chiến trường miền Nam. Đây cũng là những cuộc hành quân thí nghiệm của "Học thuyết Ních Xơn" theo công thức "Ngụy quân cộng hoả lực tối đa của Mỹ"

Tháng 02 năm 1970, liên quân Lào - Việt đánh bại cuộc hành quân "Cù Kiệt", giải phóng hoàn toàn khu vực cánh đồng Chum - Xiêng - Khoảng (bắc Lào). Phát huy thắng lợi vừa giành được, quân ta phát triển tiến công liên tục, giải phóng hai thị xã quan trọng A - tô - pơ và Xa - ra - van (nam Lào)^(A35:209)

Hơn 550 ngày đêm kể từ khi đế quốc Mỹ buộc phải xuống thang chiến tranh, tuyên bố ngừng đánh phá miền Bắc, cuộc chiến đấu của quân dân Quảng Bình vẫn không một ngày ngưng nghỉ. Điều đó nói lên vị trí chiến lược quan trọng của tỉnh tuyến đầu của hậu phương lớn miền Bắc và là hậu phương trực tiếp của tiền tuyến lớn miền Nam anh hùng. Nhân dân và lực lượng vũ trang tỉnh đã có những cố gắng to lớn trong thực hiện các Nghị quyết của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị và lời căn dặn của Bác Hồ kính yêu. Không những phấn đấu làm tròn nhiệm vụ tại chỗ, nhân dân Quảng Bình còn gửi hàng ngàn con em của mình tới các chiến trường trực tiếp chiến đấu, phục vụ

chiến đấu, góp phần vào chiến thắng chung. Những đóng góp xương máu đó đã nói lên tinh thần dốc lòng, dốc sức cho tiền tuyến, tinh thần tất cả cho chiến thắng của nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân Quảng Bình.

Phát huy truyền thống quê hương " Hai giỏi", quân và dân Quảng Bình càng đoàn kết chặt chẽ dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 18 : " Kiên trì và đẩy mạnh cuộc kháng chiến, đẩy mạnh tiến công quân sự và tiến công chính trị, kết hợp với tiến công ngoại giao, tạo ra sự chuyển biến mới trong cục diện chiến tranh, đánh bại chiến lược " Việt Nam hoá chiến tranh" của đế quốc Mỹ"^(A192:34)

Từ cuối năm 1969 đến giữa đầu năm 1970, đế quốc Mỹ đã có những bước phiêu lưu quân sự mới, mở rộng chiến tranh ra toàn bán đảo Đông Dương. Đây là những thử nghiệm lớn đầu tiên điển hình của chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh"

Để đối phó với chiến lược chiến tranh mới của đế quốc Mỹ, quân dân Quảng Bình cùng với cả nước vừa tranh thủ khôi phục cơ sở kinh tế, quốc phong, vừa hợp đồng chiến đấu bảo vệ hậu phương chiến dịch.

Tháng 10 năm 1970, B70, Binh đoàn chủ lực cơ động đầu tiên của Quân đội ta được thành lập^(A192:65). Sở chỉ huy Binh đoàn đóng ở tây nam Lệ Thủy. Nhiệm vụ chủ yếu của Binh đoàn là tiêu diệt địch ở hướng đường 9, đồng thời phối hợp lực lượng tại chỗ sẵn sàng đánh địch tiến công bằng bộ binh ra nam Quân khu 4.

Cuối năm 1970, Thường vụ Quân khu uỷ họp, xác định: Chi viện cho chiến dịch đường 9 Nam Lào là nhiệm vụ hàng đầu của quân dân toàn Quân khu lúc này.

Là hậu phương trực tiếp của chiến dịch, quân và dân Quảng Bình bắt tay vào thực hiện nhiệm vụ nặng nề nhưng cũng rất vinh dự: Tất cả cho chiến trường đánh to, đánh lớn. 3 tiểu đoàn bộ đội địa phương tỉnh (45,46, 49) và các đại đội 361 Lệ Thủy, 362 Quảng Ninh, 365 Quảng Trạch, được lệnh hành quân vào chiến đấu ở mặt trận đường 9- bắc Quảng Trị. Các đoàn dân công hoả tuyến của 6 huyện, thị, các trường chuyên nghiệp trong tỉnh cũng lên đường vào chiến trường làm nhiệm vụ.

Quyết tâm bảo vệ hậu phương trực tiếp của chiến dịch, quân và dân ta vừa kịp thời đánh trả hành động leo thang của đế quốc Mỹ, vừa dốc toàn lực chuẩn bị cho chiến trường. Lực lượng phục vụ chiến dịch của Quảng Bình trực tiếp tham gia thi công tuyến đường ống sông Gianh- đường 10 - đường 18 - Xê Bông Hiên vào đến bắc đường 9. Nhờ vậy, mùa khô 1970 - 1971, khối

lượng nhiên liệu vận hành theo đường ống đến tuyến 559 tăng gấp 10 lần vận tải cơ giới mùa khô 1968-1969^(A192:50).

Đầu tháng 02 năm 1971, các đơn vị chiến đấu hành quân vào tập kết an toàn trên địa bàn nam Quảng Bình. Trên 200 xe vận tải cơ giới cùng 8 vạn tấn hàng phục vụ chiến dịch cũng vào đến vị trí. Bộ tư lệnh Công binh lập kho A10 ở tây Quảng Bình, chuẩn bị trên 200 tấn khí tài, phương tiện sẵn sàng, phục vụ bảo đảm giao thông. Tại khu vực tây Bố Trạch, bộ đội xe tăng và công binh đã diễn tập hiệp đồng hộ tống xe tăng trong chiến đấu. Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh lập phương án cho các cấp, các ngành, địa phương chuẩn bị sẵn sàng chi viện chiến dịch.

Ngày 30 tháng 01 năm 1971, được không quân và 1 vạn quân Mỹ yểm trợ phía sau, Ngụy quyền Sài Gòn huy động hơn 3 vạn quân mở cuộc hành quân "Lam Sơn 719" tiến đánh vào khu vực đường 9- Nam Lào^(A192:64-65).

Ngày 31 tháng 01 năm 1971, Trung ương Đảng kêu gọi toàn thể cán bộ, chiến sỹ trên mặt trận đường 9 - Nam Lào: " Trận này là một trận có ý nghĩa quyết định về chiến lược. Quân đội ta nhất định phải đánh thắng"^(A192:64-65-66)

Quyết tâm thực hiện lời kêu gọi của Ban chấp hành Trung ương Đảng, Quân uỷ Trung ương chỉ thị cho các lực lượng vũ trang: " Tập trung lực lượng, kiên quyết tiêu diệt thật nhiều sinh lực và phương tiện chiến tranh của Mỹ - Ngụy, bảo vệ bằng được con đường chi viện cho tiền tuyến"^(A35:236)

Chiến dịch phản công trên mặt trận đường 9 Nam Lào của quân ta bắt đầu! Cùng với bộ đội toàn mặt trận, các đơn vị bộ đội địa phương Quảng Bình tham gia chiến dịch đã phát huy truyền thống dũng cảm, mưu trí lập nhiều chiến công mới trong chiến đấu, được Bộ chỉ huy chiến dịch nêu gương học tập. Bám sát lực lượng chiến đấu, các đơn vị hoả tuyến phục vụ chiến dịch không ngại hy sinh gian khổ, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình. Ngày 08 tháng 3, từ mặt trận, Đại đội 3 hoả tuyến Quảng Bình (gồm 104 đồng chí) đã gửi " Thư quyết tâm" cho Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh và Bộ chỉ huy chiến dịch " xin hứa phát huy truyền thống quê hương Hai giới, quyết tâm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ phục vụ chiến đấu" trong chiến dịch. Kèm theo thư quyết tâm là 88 chữ ký bằng máu của các đồng chí nam và 16 nắm tóc của các đồng chí nữ. Đại đội hoả tuyến Đồng Hới làm nhiệm vụ vận chuyển vũ khí, lương thực cho chiến dịch đã nâng mức gửi hàng từ 20 ki lô gam lên 30 ki lô gam rồi lên tới 40 ki lô gam một người một chuyến; có đồng chí gửi tới 50 - 60 ki lô gam một chuyến. Đại đội đã hoàn thành vượt mức 85% chỉ tiêu khối lượng, được tặng Huân chương chiến công hạng 2; 12 cán bộ, chiến sỹ được tặng danh hiệu " Dũng sỹ diệt Mỹ", đồng chí Bạc và đồng chí Bưư được tặng Huân chương chiến công hạng 3. Đặc biệt, hai đại đội hoả tuyến Quảng Trạch (quân số 285 người) đã được Bộ chỉ huy chiến dịch đề nghị tặng 3 huân

hương chiến công hạng 3 cho tập thể; 16 Huân chương chiến công hạng 3 cho cá nhân; 16 danh hiệu " Dũng sỹ diệt Mỹ" và hàng trăm bằng, giấy khen cho cán bộ, chiến sỹ vì đã lập thành tích xuất sắc trong phục vụ chiến dịch. Đồng chí Lược (quê xã Quảng Sơn), chính trị viên Đại đội hoả tuyến Quảng Trạch là anh dũng hy sinh khi dũng cảm xông vào nơi bom đạn nổ để cứu lán trại, nêu tấm gương sáng cho toàn đơn vị noi theo.

Sau 43 ngày đêm ngoan cường chiến đấu, ngày 23 tháng 3 năm 1971, chiến dịch phản công đường 9 - nam Lào đã kết thúc thắng lợi. Trên 2 vạn tên địch bị loại ra khỏi vòng chiến đấu; quân Ngụy Sài Gòn, lực lượng nòng cốt hực hiện " Học thuyết Ních Xơn" ở Đông Dương bị một đòn tiêu diệt nặng.

Hiệp đồng chặt chẽ với mặt trận đường 9 - nam Lào, trong các ngày 04, 11, 22, 23 tháng 3 năm 1971, lực lượng phòng không Quảng Bình đã bắn rơi 7 máy bay giặc Mỹ, bảo vệ an toàn hậu phương trực tiếp của chiến dịch, được Bộ Tổng tư lệnh gửi điện khen ngợi. Trên tuyến biên giới, dân quân và công nhân dân vũ trang tích cực tuần tra, kịp thời phát hiện, truy lùng diệt 3 toán (6 tên) biệt kích Mỹ - Ngụy xâm nhập địa bàn hoạt động do thám.

Bị thất bại nặng nề trên mặt trận đường 9 - nam Lào, Mỹ - Ngụy có những phản ứng mạnh. Thực hiện " cuộc chiến tranh bóp nghẹt", địch tăng cường hoạt động trinh sát, đánh phá hành lang đông Trường Sơn, các cửa khẩu tuyến vận chuyển và các trận địa phòng không trên địa bàn Quảng Bình. Trong tháng 4 năm 1971, chúng đã 103 lần đánh vào các trục đường 20, đường 10; riêng cửa khẩu đường 20 chúng ném bom, bắn phá 88 trận. Đáng chú ý là địch đã sử dụng các loại bom nổ chậm có điều khiển, thả bom từ trường cắt từng đoạn trên đường 12. Trên tuyến biển, thường xuyên có tàu sân bay, tàu khu trục, tàu biệt kích hoạt động khống chế tuyến vận tải biển nước ta; trắng trợn đuổi bắn, vây bắt ngư dân làm ăn. Có lúc địch còn đưa cả tàu chở trực thăng, tàu đổ bộ, chuẩn bị hành động khiêu khích trên vùng biển Quảng Bình.

Để chủ động đối phó địch phản ứng, Quân uỷ Trung ương đã có chỉ thị phương án đánh địch tiến công hạn chế ra Quân khu 4, bảo vệ tuyến giao thông vận chuyển chi viện chiến trường. Bộ Tổng Tham mưu tăng cường cho Quân khu 10 đại đội pháo mặt đất, 10 đại đội công binh, trinh sát, đặc công và hàng chục tiểu đoàn, đại đội cao xạ cùng với Binh đoàn 70 và các lực lượng vũ trang Quân khu chuẩn bị kế hoạch tác chiến, sẵn sàng đánh địch^(A192:44-64). Phần lớn các đơn vị chủ lực đều tập kết trên địa bàn Quảng Bình.

Thực hiện Nghị quyết 19 Hội nghị Trung ương Đảng về " Nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế, tăng cường lực lượng của kinh tế xã hội ở miền Bắc"^(A35:126), quân và dân tỉnh ta tiếp tục đẩy mạnh sản xuất, ổn định đời sống và phát triển văn hoá xã hội.

Quản trị quan điểm khôi phục kinh tế kết hợp với nhiệm vụ quốc hòng, ngành lâm nghiệp và giao thông vận tải huy động lực lượng tu sửa 28 ki lô mét, làm mới 10 ki lô mét đường vận chuyển gỗ và nạo vét 20 ki lô mét đường sông. Ngoài nhiệm vụ tu sửa các tuyến giao thông chiến lược, ngành giao thông vận tải đã thi công hoàn thành 60 cầu, cống lớn, nhỏ, cán đá rải nhựa đường 1A từ đèo Ngang đến Phà Gianh, từ Gianh đến Chánh Hoà. Cảng Gianh được xây dựng và có trang bị thêm phương tiện bốc dỡ, nhanh chóng đưa vào phục vụ nhiệm vụ trung chuyển hàng hoá cho tiền tuyến và nhu cầu sản xuất đời sống trong nội bộ địa phương.

Sự nghiệp văn hoá giáo dục cũng được chú trọng đầu tư hơn trước. Ngoài việc bảo đảm học hành cho học sinh địa phương, tỉnh ta còn tiếp nhận, bồi dưỡng hàng trăm học sinh của hai tỉnh bạn Sa-vannakhet và Khammouan.

Hướng tới mục tiêu thanh toán nạn mù chữ và hoàn thành phổ cập cấp 1 cho tất cả đảng viên, thanh niên, công nhân và cán bộ khu vực nông thôn, tỉnh đã củng cố, khôi phục và đưa vào hoạt động các trường văn hoá tập trung như Trường "Hai giỏi", trường "Bổ túc công nông" của tỉnh; các trường phổ thông lao động, trường Văn Hoá, lớp Bổ túc văn hoá bán tập trung, lớp "Ba làm đang" của các cấp, ngành địa phương. Đây là một cố gắng lớn của cấp ủy, chính quyền, ngành giáo dục các cấp đối với sự nghiệp giáo dục trong tỉnh.

Ngành văn hoá - thông tin phát huy kinh nghiệm xây dựng phong trào, tổ chức hoạt động của những năm 1965 - 1968, tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động văn hoá văn nghệ, thông tin, tuyên truyền phục vụ cuộc sống và chiến đấu của nhân dân. Với chủ đề "Hoa Hai giỏi", "Mẫu chuyện Hai giỏi"... ngành đã tập hợp các sáng tác, tổ chức in ấn, xuất bản được 5.000 văn hoá phẩm, biểu diễn hàng trăm đêm văn nghệ phục vụ cho nhân dân và bộ đội trên địa bàn. Phối hợp với các địa phương, ngành văn hoá đã tổ chức nhiều cuộc thi tìm hiểu về Bác Hồ; mở ngày hội truyền thống lịch sử ở Võ Ninh, Nhân Trạch; khôi phục và đưa vào hoạt động hàng trăm tủ sách ở cơ sở.

Phấn đấu chăm sóc sức khoẻ của toàn dân ngày càng tốt hơn, ngành y tế đẩy mạnh công tác đào tạo cán bộ chuyên môn tại chỗ, mở rộng khả năng tiếp nhận, khám, chữa bệnh ở các cơ sở y tế.

Những kết quả đạt được trên mặt trận sản xuất, tổ chức đời sống văn hoá xã hội... đã góp phần nâng cao tinh thần lạc quan cách mạng, tự lực cánh sinh và quyết tâm vượt khó của quân và dân toàn tỉnh. Đó là cơ sở để nhân dân và lực lượng vũ trang Quảng Bình tiếp tục cuộc chiến đấu, vững tin vào thắng lợi của mình.

Lợi dụng những ngày nhân dân ta đang đón tết nguyên đán Nhâm Tý, đế quốc Mỹ huy động một lực lượng lớn máy bay, bất ngờ tập kích vào khu vực Lệ Ninh, địa bàn tiếp giáp với mặt trận Trị Thiên. Quân và dân hai huyện phối hợp chiến đấu chặt chẽ với Trung đoàn 274 tên lửa (Sư đoàn 365), nổ súng kịp thời, bắn rơi tại chỗ 4 máy bay, trừng trị đích đáng hành động ăn cướp của chúng. Giữa ngày mừng 2 tết, xã đội trưởng Nguyễn Đức Dậm đã hỉ huy dân quân xã Mai Thủy (Lệ Thủy) bao vây, bắt sống 2 giặc lái Mỹ khi húng vừa chạm đất. Càng điên cuồng đánh phá vào hậu phương chiến dịch, iặc Mỹ càng thất bại nặng nề. Chỉ trong 3 tháng đầu năm 1972, quân và dân Quảng Bình đã bắn rơi 8 máy bay, bắt sống 5 giặc lái Mỹ.

Ngày 25 tháng 3 năm 1972, Bộ Tư lệnh Quân khu 4 triển khai Sở chỉ uy tiền phương ở khu vực phía tây thị xã Đồng Hới để trực tiếp chỉ huy mọi hoạt động của chiến dịch tiến công nhằm làm phá sản chiến lược Việt Nam hoá chiến tranh của đế quốc Mỹ.

Ngày 29 tháng 3, toàn bộ lực lượng ở các hướng, các bộ phận chỉ đạo, hỉ huy, các đơn vị, địa phương đã ở vị trí sẵn sàng

11 giờ 30 phút ngày 30 tháng 3, quân ta nổ súng mở màn cuộc tiến công chiến lược trên chiến trường Trị - Thiên.

Ngày 31 tháng 3, Ban chấp hành Trung ương Đảng ra lời kêu gọi:

"Chiến dịch lịch sử năm 1972 bắt đầu!"

Sau hai ngày chiến đấu, quân ta đã đập vỡ lớp vỏ cứng vòng ngoài tuyến phòng thủ của địch, giải phóng quận lỵ Gio Linh. Sau 5 ngày, huyện Cam Lộ, huyện Gio Linh đã hoàn toàn sạch bóng quân thù^(A192:91-93) Cùng với đồng bào cả nước, quân và dân tỉnh ta sung sướng đón nhận tin chiến thắng từ Trị - Thiên như thắng lợi của chính mình.

Trước sự phát triển mau lẹ ở chiến trường, Trung ương giao thêm cho Quảng Bình nhiệm vụ mới: Khẩn trương chuẩn bị bộ máy quản lý cho 2 tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên; đồng thời sẵn sàng đón nhận đồng bào Quảng Trị ở vùng mới giải phóng ra tạm lánh chiến sự một thời gian. Chấp hành Chỉ thị Trung ương, Tỉnh uỷ rút 1000 cán bộ Đảng, chính quyền các cấp, gấp rút tổ chức học tập, quán triệt nhiệm vụ, chuẩn bị lên đường vào giúp Trị Thiên tiếp quản vùng mới giải phóng.

Ủy ban hành chính tỉnh thành lập ban đón tiếp đồng bào Quảng Trị (Ban K15), cử đồng chí Nguyễn Thanh Phong, Trưởng Ty Công an làm Trưởng ban. Ban K15 phối hợp với Ban B huy động cán bộ, phương tiện vật chất, triển khai công tác tiếp đón xuống tận cơ sở.

Là hậu phương trực tiếp của các chiến dịch phản công, tiến công chủ yếu, Quảng Bình vừa gửi hàng ngàn bộ đội, dân công hoả tuyến ra mặt trận

nam gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu trong đội hình chiến dịch, vừa huy động hàng vạn lao động phục vụ công tác chuẩn bị vật lực tại chỗ, trực tiếp hăm sóc, động viên, cổ vũ tinh thần bộ đội trước lúc vào mặt trận. Hiệp đồng chặt chẽ với các lực lượng đứng chân trên địa bàn, lực lượng vũ trang tỉnh đã kiên quyết đánh trả mọi hành động phá hoại của kẻ địch, bảo vệ vững chắc địa bàn hậu phương chiến dịch, bảo vệ tuyến giao thông vận tải thông suốt.

Cuộc tiến công chiến lược Xuân - Hè 1972 của quân và dân ta trên chiến trường miền Nam ở giai đoạn I phát triển thuận lợi, nhanh chóng. Trên hướng chủ yếu Trị Thiên, vùng giải phóng được mở rộng, nối liền với hậu phương lớn, tạo thế có lợi cho ta phát triển tiến công địch. Quân chủ lực Nguyễn Xương sống của chính sách "Việt Nam hoá chiến tranh", bị nhiều đòn tiêu diệt nặng, tinh thần suy sụp, không đủ khả năng chống đỡ các đợt tiến công của ta.

2.5. Đánh thắng cuộc leo thang phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ, tiếp tục chi viện cho chiến trường đánh thắng

Để cứu vãn tình hình quân sự đang có nguy cơ thất bại trên chiến trường, đế quốc Mỹ buộc phải thay đổi chiến lược trong thế bị động, "Mỹ oá" trở lại cuộc chiến, liều lĩnh leo đến nấc thang chiến tranh cao nhất. Trên chiến trường miền Nam, chúng tăng cường ồ ạt lực lượng không quân, hải quân lớn chưa từng có, yểm trợ hỏa lực tối đa cho quân Nguyễn chống đỡ cuộc tiến công của quân và dân ta. Đối với miền Bắc, chính quyền Ních Xon huy động một lực lượng lớn máy bay, tàu chiến phong toả toàn bộ hệ thống giao thông hàng thuỷ, bộ; điên cuồng đánh phá các mục tiêu quân sự, kinh tế, khu vực dân cư với mức độ rất ác liệt. Âm mưu của chúng là chặn đứng nguồn tiếp tế từ ngoài vào nước ta, từ miền Bắc vào miền Nam, phá hoại hậu phương của nước kháng chiến.

Kết hợp leo thang chiến tranh nguy hiểm với các thủ đoạn chính trị, ngoại giao xảo quyệt, đế quốc Mỹ hy vọng gây áp lực buộc ta phải chấp nhận một giải pháp chính trị giải quyết cuộc chiến tranh có lợi cho chúng. Ních Xon trắng trợn tuyên bố: "Thà thất bại trong cuộc bầu cử Tổng thống còn hơn thua trong cuộc chiến tranh này"^(A35:264).

23 giờ ngày 05 tháng 4 năm 1972, một tuần dương hạm và 4 khu trục hạm của Mỹ xâm phạm ở vùng biển Quảng Bình, bắn 50 quả đạn pháo lớn vào dọc tuyến từ Bảo Ninh đến Lý Hoà và vào sâu nội địa từ Lệ Kỳ (trên đường 15A) đến ngã ba Thụ Lộc (xã Vạn Trạch). Trong hai ngày (5 và 6 tháng 4), máy bay Mỹ đã đánh vào 49 điểm trong tỉnh. Từ đêm 05 đến 14 tháng 4, tàu

chiến Mỹ đánh phá liên tục vào 103 điểm với hàng ngàn quả đạn pháo. Ngay trong tuần đầu tiên, tuyến quốc lộ 1A từ Đèo Ngang đến Quán Hàu; tỉnh lộ 1 từ Ba Đồn đến Quảng Trường; tỉnh lộ 2 từ Hoàn Lão đến Cự Nẫm; tuyến 15A từ Long Đại đến Thạch Bàn; các đầu mối đường 10, 16, 20; cảng Gianh, Nhật Lệ, cửa Roòn... đều bị máy bay, tàu chiến Mỹ bắn phá. Trong đó, các khu vực Gianh, Cảnh Dương, Vạn Trạch, Cự Nẫm, Nhật Lệ là những nơi địch tập trung đánh phá ác liệt nhất. Giặc Mỹ tàn bạo sử dụng một lượng lớn bom đạn, cả bom khoan, bom bi mảnh, tên lửa "không đối đất", tập trung đánh vào một mục tiêu trong nhiều lần, gây cho nhân dân ta những tổn thất đáng kể.

Ngày 06 tháng 4, đế quốc Mỹ huy động máy bay, tàu chiến đánh phá vào nhiều vùng đông dân cư từ Quảng Bình đến Lang Sơn, gây lại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai trên toàn miền Bắc^(A192:103)

Là hậu phương trực tiếp của chiến dịch tiến công chiến lược năm 1972, vừa là hậu phương trực tiếp của hướng chủ yếu của chiến dịch, Quảng Bình trở thành hướng phòng ngự chiến lược của địch chống lại cuộc tiến công của quân ta trên chiến trường. Vì vậy, địch đã đánh vào Quảng Bình sớm nhất với lực lượng lớn nhất, đánh ồ ạt trên toàn tuyến, mức độ ác liệt hơn. Những ngày đầu, địch tập trung đánh vào các mục tiêu giao thông vận tải, quân sự. Về sau, mục tiêu đánh phá mở rộng vào các công trình thuỷ lợi, trường học, bệnh viện, khu vực dân cư trong toàn tỉnh. Trong 25 ngày của tháng 4, máy bay và tàu chiến địch đã sử dụng hơn 500 loạt bom các loại, gần 7000 quả đạn pháo, đánh 500 trận vào 360 điểm. Ngày 30 tháng 4, địch đánh vào 33 mục tiêu trong tất cả các huyện, thị ở Quảng Bình.

Phối hợp chiến đấu với lực lượng của Bộ, Quân khu, Bộ đội Phòng không, Pháo binh và dân quân, tự vệ toàn tỉnh kiên quyết đánh trả hành động leo thang chiến tranh của đế quốc Mỹ. Trong hai ngày 5 và 6 tháng 4, Tiểu đoàn 9 Cao xạ, Đại đội 359 và các phân đội trực chiến của dân quân, tự vệ Lê Thuỷ, Đồng Hới, Bố Trạch, Quảng Trạch cùng lực lượng phòng không của trên, giăng lưới lửa bắn rơi 9 máy bay địch. Bộ đội pháo binh cũng đồng loạt ra quân đánh đuổi tàu chiến Mỹ. Ngày 06 tháng 4, phát hiện âm mưu cứu giặc lái Mỹ nhảy dù xuống vùng biển Lý Hoà, Đại đội 48 đã bắn chính xác 6 viên đạn vào giữa đội hình máy bay, tàu chiến địch, phá tan âm mưu của chúng. Ngày 08 tháng 4, tại vùng biển Quảng Phú, Đại đội 8 bắn cháy một tàu chiến Mỹ. Đặc biệt là chiến công ngày 09 tháng 4, tại trận địa Quang Phú, Đại đội 10 đánh hai trận, bắn cháy một tốp 3 tàu; tại trận địa Thanh Trạch, Đại đội 48 nổ súng bắn cháy 1 tàu chiến. Như vậy, trong một ngày, đánh ba trận, bộ đội pháo binh đã bắn cháy 4 tàu chiến Mỹ. Đây là một chiến công đánh dấu bước trưởng thành nhanh chóng về hiệu quả chiến đấu của lực lượng pháo binh địa phương. Trong tuần đầu tiên, từ ngày 05 đến 11 tháng 4, có 7 tàu chiến Mỹ bị bắn cháy trên vùng biển Quảng Bình; trong đó, các đơn vị pháo binh tỉnh độc

ập chiến đấu bắn cháy 5 chiếc. Tuy nhiên, do tầm bắn hạn chế (pháo 85ly), nên pháo binh ta chưa khống chế được hoạt động của tàu khu trục Mỹ. Trước tình hình đó, Bộ Tư lệnh Quân chủng Phòng không Không quân quyết định sử dụng máy bay tiêm kích trừng trị tàu chiến Mỹ. Ngày 18 tháng 4, một biên đội MIC 17 đã bí mật tập kết vào sân bay dã chiến Gát (Bố Trạch). 16 giờ 55 phút ngày 19 tháng 4, Biên đội bất ngờ xuất kích tấn công vào đội hình tàu chiến địch đang triển khai ở vùng biển phía đông Phú Hội. Chiếc khu trục hạm HIGBEE bị trúng bom, hỏng nặng. Cay cú vì thất bại trước trận đánh bất ngờ của không quân ta, giặc Mỹ huy động máy bay đánh phá vào nhiều mục tiêu phía bắc để trả đũa. Quân và dân các địa phương, đơn vị như Đại đội 300 (Đồng Hới), Tiểu đoàn 9 Cao xạ, dân quân Lộc Ninh, Cảnh Dương, Bảo Ninh, Kim Hoá đều nổ súng đánh trả quyết liệt. Ngày 20 tháng 4, dân quân Minh Hoá và Trung đoàn phòng không 238 đã *bắn rơi chiếc máy bay thứ 3.500* của Mỹ trên miền Bắc, được Chủ tịch Tôn Đức Thắng gửi thư khen ngợi. Ngày 23 tháng 4, Tiểu đoàn 9 Cao xạ "đánh giỏi, bắn trúng", liên tiếp bắn rơi 2 máy bay giặc Mỹ. Đại đội 13 trinh sát khắc phục đường xa, rừng rậm, kiên trì lùng sục, bắt sống tên trung tá giặc lái Mỹ ở khu vực Nông trường Việt-Trung.

Hành động gây tội ác của đế quốc Mỹ đã bị trừng trị đích đáng. Trong tháng 4, quân và dân Quảng Bình đã bắn rơi 23 máy bay, bắn cháy 8 tàu chiến, bắt sống 2 giặc lái Mỹ, góp phần cùng quân dân miền Bắc giáng đòn phủ đầu vào hành động leo thang chiến tranh của chúng.

Rút kinh nghiệm của thời kỳ 1965- 1968, từ những "làng hầm" nổi tiếng như Ngư Thủy, Sen Thủy, Hiền Ninh, Trung Trạch..., toàn tỉnh xuất hiện ngày càng nhiều "làng hầm" mới. Có đủ hầm là yếu tố đầu tiên giúp cho quân và dân vững tâm trụ lại vừa sản xuất, vừa chiến đấu. Trong năm 1972, khi máy bay địch đánh phá có tính chất huỷ diệt vào địa bàn An Thủy, Xuân Thủy, thì phân đội trực chiến dân quân Phú Thủy do đồng chí Lê Ngọc Miêng chỉ huy, đã không sợ hy sinh, giữa đêm vượt đồng, băng ruộng, giả súng giả đồng bắn đạn vạch đường hút địch về phía mình, tạo thời cơ cho xã bạn kịp sơ tán dân ra khỏi vùng nguy hiểm. Hành động quên mình đó đã được các cụ, các mẹ ở An Thủy, Xuân Thủy gửi thư cảm ơn đến Đảng uỷ xã Phú Thủy. Đó là những điển hình sống động trong bài học về công tác phòng không nhân dân của Quảng Bình.

Lúc này, để giữ vững thế tiến công trên chiến trường, Bộ Tư lệnh chiến dịch yêu cầu hậu phương chi viện lực lượng cho hướng chủ yếu. Quân và dân Quảng Bình sẵn sàng đáp ứng! Lực lượng vũ trang Quảng Bình đã đánh nhiều trận lớn gây cho địch nhiều tổn thất. Từ chiến trường Trị - Thiên, các bản tin nội bộ của "Đoàn Quảng Bình" được in li - tô tại chỗ, nhanh chóng chuyển về hậu phương báo tin chiến thắng với Đảng bộ và nhân dân toàn tỉnh."... Ngày

19 tháng 4, Tiểu đoàn 3 (e54 Ngụy) đang co cụm ở d3 chưa kịp hoàn hồn sau trận tiến công của đơn vị Bó Trạch, thì lại bị Phân đội 2, Phân đội 3 đánh tiếp một trận. Địch bỏ lại 70 xác chết, ta thu 5 khẩu súng. Liên tục trong các ngày 19, 10, 11 tháng 4, các đơn vị Bó Trạch, Quảng Ninh, 420 liên tiếp pháo kích vào D1, phá huỷ nhiều công sự, ụ súng, lô cốt; làm tê liệt khu thông tin và trận địa pháo của địch. Ngày 02 tháng 4, Phân đội 5, Phân đội 7 đã bao vây, tiến công Tiểu đoàn 3 Ngụy ở cao điểm 360, diệt và bắt sống 120 tên. Ngày 10 tháng 4, Phân đội 2, Phân đội 3 vận động tiến công Tiểu đoàn 3 ngụy co cụm ở Cao điểm Mái Nhà, diệt 70 tên, thu nhiều vũ khí. Ngày 12 tháng 4, Phân đội 1 bao vây, tiến công tàn quân ngụy chạy về Động Tranh, diệt 95 tên, bắt sống 1 tên, thu toàn bộ vũ khí. Các phân đội pháo binh 120, 15, 16, 17, 18 và 12 liên tiếp bắn trúng các mục tiêu quan trọng của địch ở Động Tranh, tiêu diệt hoàn toàn tiểu đoàn 11 pháo binh Ngụy.

Như vậy, trong 10 ngày, Đoàn đã tiêu diệt 2 tiểu đoàn của tiểu đoàn 54 Ngụy, bắn rơi 11 máy bay, được Bộ Tư lệnh Trường Sơn gửi điện khen ngợi.

Trong những ngày cuối tháng 4, đầu tháng 5, Đoàn Quảng Bình liên tiếp tiến công địch, giành nhiều thắng lợi giòn giã.

Trong hai ngày (24 và 25 tháng 4), tại trận địa của đại đội Lê Thuỷ, Phân đội 2 đánh 4 trận, diệt gọn 1 đại đội của địch, thu 38 súng, 2 máy RC25, bắt sống 2 tù binh, được Thường vụ Đảng uỷ và Thủ trưởng Đoàn gửi liên biểu dương.

Ngày 27 tháng 4, trên địa địa của đại đội Bó Trạch, Phân đội 5, Phân đội 1 phối hợp tiến công một cánh quân của Tiểu đoàn 1 (tiểu đoàn 3 Ngụy) đến giải toả khu vực Động Tranh, tiêu diệt 1 đại đội, tiêu hao nặng 1 đại đội khác, thu 20 súng, 1 bản đồ, 3 máy vô tuyến điện, bắt sống 7 tên địch. Đáng chú ý là các trận thắng liên tiếp của Phân đội 5. Ngày 27 tháng 4, Phân đội 5 đánh một trận, diệt gọn 1 đại đội Ngụy, bắt sống 6 tên, thu 15 súng. Đêm 28 đến 29 tháng 4, Phân đội cơ động nhanh, kịp thời chặn đánh Tiểu đoàn 2 (Tiểu đoàn 54 Ngụy) đang tháo chạy khỏi Động Tranh, diệt nhiều tên, bắt sống 85 tên. Ngày 02 tháng 5, Phân đội phối hợp chặt chẽ với đơn vị Bó Trạch, đánh thiệt hại nặng Tiểu đoàn 3 Ngụy. Phân đội 5 thật xứng đáng với danh hiệu " Phân đội đã đánh là thắng" Đặc biệt, gương chiến đấu dũng cảm và hy sinh oanh liệt của đồng chí Nguyễn Văn Huệ, Tiểu đội trưởng hoả lực (K1, Đoàn Nhật Lệ) còn sống mãi trong lòng nhân dân Phú Đa (Thừa Thiên).

Sau khi giải phóng 4 ấp thuộc xã Phú Đa (Huyện Phú Vang), tiểu đội đồng chí Huệ (5 người) được lệnh chốt tại cầu Trường Lưu chặn địch phản kích để đơn vị rút về phía sau. Dưới sự chỉ huy của đồng chí, tiểu đội đã đánh lui hàng chục đợt phản kích của bộ binh và xe tăng địch, giữ vững chốt. Khi có lệnh rút lui, đồng chí tình nguyện ở lại chặn địch để tiểu đội rút lui an toàn.

hát hiện ta chỉ còn 1 người, địch tập trung 4 trung đội nghĩa quân, một đại đội " Hắc báo", 1 đại đội địa phương quân và nhiều xe tăng , xe bọc thép càn hăng vào hầm chốt. Đồng chí Huệ đã sử dụng nhiều loại vũ khí chống trả quyết liệt, bắn cháy 1 xe tăng, diệt hàng chục tên địch. Bọn địch cay cú treo giải thưởng cho tên nào giết được đồng chí Huệ. Một tên ác ôn người địa phương lợi dụng lúc trời sẩm tối, men theo con lạch nhỏ sau chốt để áp sát ném lựu đạn vào hầm. Sau khi đồng chí hy sinh, kẻ thù đã man dùng cuộc chia sẻ thi hài , cột xác đồng chí vào xe kéo dọc đường để hăm dọa nhân dân. Kính phục gương chiến đấu xả thân của người chiến sỹ quân giải phóng, nhân dân ấp Trường Lưu đã bí mật giữ thi hài đồng chí, đưa về mai táng ở một nơi an toàn, giữ gìn, chăm sóc phần mộ liệt sỹ cho đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng (Đồng chí Nguyễn Văn Huệ quê ở xã Thanh Thủy (huyện Lệ Thủy) đã được Đảng, Nhà nước truy tặng danh hiệu anh hùng LLVTND tháng 6 năm 1999).

Trên mặt trận đảm bảo giao thông vận tải, tình hình diễn biến phức tạp ngay từ những ngày đầu. Tuyến biển hầu như bị địch khống chế hoàn toàn. Trên khu vực biển gần Quảng Bình, thường xuyên có 4 đến 6 tàu khu trục, 1 tuần dương hạm và 1 tàu chở trực thăng (LPH) túc trực. Ngoài khơi có 2 tàu sân bay và 1 biên đội tàu đổ bộ làm lực lượng răn đe từ xa. Chúng thường sử dụng 4 đến 6 tàu vừa chạy vừa bắn dọc theo bờ biển. Khi bị đánh trả, chúng thay đổi thủ đoạn: Tiếp cận nhanh, bắn nhanh, rút nhanh, mỗi đợt bắn diễn ra chỉ vài phút; thời gian pháo kích thường về đêm, hoặc những lúc máy bay chúng tạm ngừng hoạt động. Trận pháo kích cao nhất, chúng bắn 600 quả đạn; ngày nhiều nhất lên tới 1.530 quả. Có ngày, tàu chiến địch bắn phá 24 trận, tháng cao nhất 226 trận, bắn vào các mục tiêu trên bờ 8.400 quả đạn pháo các loại⁽¹⁾. Từ ngày 16 tháng 4, tàu biển vận chuyển hàng hoá không vào được các cảng của Quảng Bình.

Đến đầu tháng 5 năm 1972, địch có những biểu hiện chuẩn bị bước leo thang chiến tranh cao hơn. Hoạt động trinh sát bằng máy bay tăng gấp 4 lần tháng trước. Máy bay trinh sát tầm cao SR71 xuất hiện ngày càng nhiều. Kết hợp với loại tầm thấp, máy bay không người lái tăng cường hoạt động sục sạo, chụp ảnh, chuẩn bị trước mục tiêu định đánh phá. Sau mỗi đợt đánh phá, địch lại trinh sát hiện trường để phát hiện mục tiêu mới. Do vậy, các mục tiêu lộ thiên mặt bằng rộng, nguy trang không kỹ đều bị chúng phát hiện, đánh trúng.

Ngày 04 tháng 5, Mỹ đơn phương tuyên bố hoãn không thời hạn các phiên họp của Hội nghị Paris.

Ngày 08 tháng 5, Ních Xơn tuyên bố " Hành động quân sự có tính chất quyết định", ra lệnh thả mìn phong toả toàn bộ hệ thống giao thông trên miền Bắc.

Ngày 09 tháng 5, địch rải thủy lôi phong tỏa cửa Gianh. Ngày 13 tháng 5, chúng phong tỏa cửa Nhật Lệ. Tối đầu tháng 6, các bến Gianh, Nhật Lệ, Ròn, Quán Hàu, Xuân Sơn, Long Đại và dọc biển từ Hòn La đến Quảng Xuân dày đặc thủy lôi Mỹ. Trong 43 khu vực địch công bố phong tỏa thì khu vực Hòn La và Cảng Gianh bị phong tỏa nặng nhất^(A35:124). Hành động phong tỏa của địch đã gây nên điểm tắc dài ngày trên đường biển. Tuyến Bến Thủy Gianh từ mức vận chuyển từ 4.000 tấn/ tháng, sau khi bị phong tỏa phải ngừng hẳn. Cùng với việc phong tỏa, cường độ đánh phá của địch tăng nhanh cả mức độ, thủ đoạn, phương tiện vũ khí. Trong tháng 5, địch huy động 667 tốp với 1500 máy bay các loại, ném xuống 1.700 loạt bom, có cả tên lửa, rốc két, bom cháy. Ngày 16 tháng 5, máy bay Mỹ đánh sập cầu Mỹ Đức, chiếc cầu còn lại cuối cùng trên tuyến đường bộ Quảng Bình. Đến tháng 6, số lần hoạt động của máy bay địch tăng lên gấp rưỡi so với tháng trước. Nghiêm trọng nhất là từ ngày 08 tháng 6, Mỹ đã sử dụng máy bay B52 oanh tạc cả ngày đêm vào nhiều mục tiêu trên địa bàn. Cùng với hoạt động của máy bay, trong tháng 6, tàu chiến địch đã tiến hành 102 lần bắn phá với gần 5.000 quả đạn pháo vào dọc đường 1, 15 và các mục tiêu ven biển.

Đáng chú ý là địch đã có bước leo thang thay đổi về cách đánh. Chúng đánh để phá ngay từ gốc, đánh huỷ diệt từng chân hàng. Tuyến đường bộ, chúng không phá mặt đường, mà tập trung đánh sập cầu, cống trọng yếu để cắt đường là chính. Đặc biệt nguy hiểm là địch sử dụng bom Laze đánh vào từng mục tiêu nhỏ (kể cả súng 12,7ly), làm cho lực lượng của ta gặp nhiều khó khăn trong đối phó.

Trong lúc chiến trường đang hết sức cần hàng hoá chi viện thì lượng hàng tồn kho của ta không đủ đảm bảo; khối lượng hàng hoá từ ngoài vào Quảng Bình chỉ đạt 64% kế hoạch.

Địch điên cuồng phong tỏa, " chặn hai đầu, huỷ ở giữa", không để ta nhận hàng từ ngoài vào và chuyển ra mặt trận. Cuộc chiến tranh ngăn chặn và chiến đấu chống ngăn chặn trên đất Quảng Bình diễn ra càng quyết liệt.

Để tập trung sự lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ trọng yếu trong tình hình mới, Tỉnh uỷ Quảng Bình ra nghị quyết xác định: " Giao thông vận tải trở thành công tác trung tâm đột xuất. Vô luận trong tình thế nào cũng phải tập trung sức lực hoàn thành nhiệm vụ chi viện cho tiền tuyến" Thực hiện Nghị quyết của Tỉnh uỷ, quân và dân trong tỉnh phối hợp chặt chẽ với các lực lượng bảo đảm giao thông vận tải hoạt động trên địa bàn, dốc hết sức mình cho nhiệm vụ chi viện tiền tuyến.

Vừa tranh thủ vận chuyển qua tuyến quốc lộ 1A, tỉnh chủ trương tập trung lực lượng nhanh chóng khôi phục đường 15A, 22; đồng thời tăng thêm lực lượng chuyển tải qua sông bằng thuyền gỗ. Quân và dân các địa phương

cùng với lực lượng của các ngành giao thông, bộ đội thông tin, các binh trạm của sư đoàn khu vực 571, ngày đêm dồn sức sửa cầu, làm ngầm, mở đường phòng tránh, mở rộng các đoạn đường hẹp để sớm thông tuyến. Mặt khác tích cực mở thêm nhiều bến, tăng phương tiện chuyển tải trên các bến vượt. Từng bước, đã khắc phục được khâu vượt sông, nâng dần khối lượng hàng qua bến, đẩy vào các binh trạm chuyển tiếp ra mặt trận. Để đáp ứng tình hình mới, các bến phà được tổ chức quân sự hoá, giao cho lực lượng quân sự chỉ huy, điều hành.

Nhằm tránh sự tập trung lực lượng, phương tiện vào một điểm, dân quân địa phương chủ động mở thêm nhiều bến dò ngang dành riêng cho người đi bộ qua lại. Phà Gianh mở hai bến dò từ Hạ Trạch sang Quảng Thuận, Mỹ Trung đi Cồn Nam. Phà Quán Hàu có bến Phú Bình - Hữu Thiệp và Vĩnh Tuy - Diên Trường. Bến dò Roòn di chuyển lên địa điểm mới ở Liên Sơn (Quảng Trường - Quảng Phú); phà Long Đại mở thêm bến Long Đại - Đồng Tư... Mỗi huyện, thị đều cử 1 đồng chí Phó chủ tịch và 1 chỉ huy quân sự chuyên trách công tác đảm bảo giao thông vận tải; đồng thời giao cho Ban chỉ huy quân sự các huyện, thị chịu trách nhiệm theo dõi, ứng cứu giao thông trên địa bàn của mình. Các xã, đơn vị sản xuất thành lập đội dân quân xung kích ứng cứu giao thông, phát động nhân dân chuẩn bị sẵn vật liệu tại chỗ, phương tiện thô sơ sẵn sàng thông tuyến kịp thời. Mỗi huyện, thị còn tổ chức một đội vận tải thuỷ, lấy lực lượng chủ yếu là dân quân và xã viên có kinh nghiệm sông nước, do cán bộ quân sự chỉ huy. Xí nghiệp tàu thuyền Đồng Hới chuyển sang sản xuất phà, phao, thuyền vận tải, thuyền rà phá; Xí nghiệp đánh cá Nhật Lệ chuyển các đội thuyền máy 90CV, 23CV, tàu VS sang làm nhiệm vụ vận tải. Ngành Công nghiệp, lâm nghiệp tập trung vào việc cung cấp nguyên liệu sản xuất phương tiện giao thông vận chuyển.

Ở các địa bàn trọng điểm, cơ quan quân sự tổ chức huấn luyện cấp tốc cho các tổ, đội quan sát, rà phá thủy lôi, từ trường, bom nổ chậm; lập nhiều đài quan sát gần bờ biển, cửa sông, bến vượt.

Cùng chung nhiệm vụ bảo đảm giao thông vận tải với quân và dân tỉnh ta trên địa bàn còn có lực lượng của Bộ, Quân khu, Đoàn 559 và các tỉnh bạn tham gia. Ngày 18 tháng 5, công binh khu vực Hải quân sông Gianh (KV4) mở thông luồng sông Gianh với khu vực Hòn La lần thứ nhất^(A192:268). Bộ đội hải quân còn lập nhiều trạm quan sát thủy lôi dọc bờ biển, cửa sông, hoạt động bên cạnh lực lượng quan sát của địa phương. Khi địch thả thủy lôi MK42, công binh hải quân đã nghiên cứu tìm cách phá có hiệu quả.

Các Trung đoàn công binh 229 cầu đường, 269 vượt sông tham gia bảo đảm giao thông trên tuyến 15A; các đơn vị 12/9, 235, 241 của tỉnh Nghệ An; c 325 Thanh Hoá, công trường 71D Hà Tây, đã khắc phục khó khăn, bám trụ

kiên cường trên các đoạn xung yếu, đồng cam cộng khổ với nhân dân Quảng Bình, hoàn thành tốt nhiệm vụ. Bộ đội phòng không, pháo binh, công an nhân, dân quân tự vệ làm nhiệm vụ bảo vệ cầu, phà, bến bãi, kho tàng kiên quyết đánh trả địch, phục vụ đắc lực cho công tác đảm bảo giao thông vận tải. Tất cả tạo thành sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân chống lại âm mưu phong toả, cắt đứt "cuống họng" nối liền hậu phương với tiền tuyến của kẻ thù.

Để nối rộng tuyến vận tải biển, các đơn vị pháo binh tích cực di chuyển trận địa, liên tục nổ súng đánh đuổi tàu chiến Mỹ. Trong 10 ngày đầu tháng 6, tại trận địa Quảng Phú, Đại đội 8 pháo binh tỉnh đánh 3 trận bắn cháy 3 tàu địch, giành thắng lợi giòn giã.

Đặc biệt là chiến công mới của Đại đội pháo binh nữ dân quân xã Ngư Thủy: Trong hai ngày (05 tháng 5 và 09 tháng 6) đã bắn cháy 2 tàu chiến Mỹ, được Bộ Tổng Tư lệnh gửi điện khen ngợi. Cùng sát cánh chiến đấu với Đại đội nữ pháo binh dân quân Ngư Thủy trên vùng biển Lệ Ninh, Đại đội 9 pháo binh 3 lần nổ súng là 3 lần bắn cháy tàu chiến địch.

Thi đua với lực lượng pháo binh, các đơn vị phòng không, dân quân - tự vệ nhanh chóng rút kinh nghiệm qua từng trận đánh, hợp đồng chặt chẽ với các tầng hỏa lực, đánh trả quyết liệt máy bay Mỹ. Ngày 19 đến 20 tháng 5, dân quân xã Vạn Ninh, Đức Ninh, Nghĩa Ninh bắn rơi 2 máy bay F4. Ngày 23 tháng 5, Tiểu đoàn 9 pháo cao xạ và phân đội hỏa lực AM bắn cháy 2 máy bay Mỹ; các phân đội dân quân trực chiến xã Mai Thủy, Phú Thủy bắn rơi tại chỗ 1 máy bay F4, bắt sống 2 giặc lái Mỹ. Trong hai ngày (19 và 20 tháng 6), Tiểu đoàn 9 cao xạ và Phân đội 14,5ly của tự vệ Nông trường Việt Trung hiệp đồng chiến đấu, liên tiếp bắn rơi 2 máy bay địch. Các phân đội trực chiến của dân quân Lộc Ninh, Đồng Phú, Quảng Phú bắn rơi 2 máy bay F4, 1 máy bay A7, góp phần cùng quân dân trên địa bàn hạn chế hoạt động đánh phá của địch.

Tuy nhiên, do kẻ địch tập trung lực lượng đánh phá ác liệt, nên mặt trận giao thông 2 tháng qua trên địa bàn tỉnh vẫn gặp nhiều khó khăn. Đường sá, cầu cống, kho tàng, phương tiện vận tải, vượt sông đều bị bom đạn đánh hỏng hoặc phá huỷ. Tuyến giao thông trong tỉnh có lúc bị tắc từ 5-7 ngày. Ngoài việc đánh phá, bóp nghẹt tuyến vận chuyển, kẻ địch đã sử dụng máy bay B52 đánh rộng vào khu vực dân cư, mục tiêu kinh tế với mật độ ngày càng dày đặc, gây nhiều tổn thất cho nhân dân. Mật độ sử dụng máy bay B52 từ 4-6 tốp lên 10 tốp trong một ngày đêm; tháng cao nhất lên tới 120 lần tốp/ 360 lần chiếc. Khu vực Cổ Kiềng, Phú Định là nơi B52 đánh phá nhiều nhất. Các vùng dân cư ở Cộn, Nghĩa Ninh, Đức Ninh, Lý Ninh, Vạn Trạch, Hoa Thủy, Hoàn Trạch, Quảng Sơn đều bị B52 tàn phá nặng nề, nhiều nơi còn bị chà đi, xát lại nhiều lần. Các cơ sở sản xuất của địa phương mới xây dựng lại như Trạm điện

Ninh Phước Thượng, Rào Nan, Quảng Trường, Thanh Khê , Lò gạch Lộc Đại... đều bị đánh phá. Kẻ địch còn nham hiểm lợi dụng thời điểm trước mùa mưa, đánh vào hệ thống đê, đập, hồ chứa nước... hòng gây tai hoạ "kép" uy hiếp cuộc sống nhân dân vùng trũng.

Kết hợp đánh phá tàn bạo với phong toả nguy hiểm, đế quốc Mỹ muốn tạo một vòng vây bằng bom đạn án ngữ từ dãy Hoành Sơn ra vùng biển, chia cắt Quảng Bình với hậu phương lớn, cắt đứt hoàn toàn sự chi viện từ hậu phương đến tiền tuyến. Vì tính chất quyết định thắng bại của cuộc chiến tranh, kẻ thù đã đẩy sự tàn bạo và ác hiểm lên mức tột cùng!

Trong lúc đó, trên chiến trường Trị Thiên, cuộc chiến đấu bảo vệ vùng mới giải phóng giữa ta và địch diễn ra rất quyết liệt. Kẻ địch huy động cả lực lượng tổng dự bị chiến lược mở các cuộc hành quân lớn với chiến dịch "Phong lôi" bằng hoả lực tối đa, quyết tái chiếm vùng bị mất. Trong cuộc đọ sức có tầm chiến lược lớn về chính trị này, bộ đội ta phải chịu đựng những tổn thất nặng nề, quyết tử giữ vững tuyến Nam Thạch Hãn, trọng điểm là khu vực thành cổ Quảng Trị. Tiền tuyến khẩn thiết chờ đợi sự chi viện của hậu phương!

Trước tình hình nóng bỏng đó, Thường vụ Tỉnh uỷ Quảng Bình xác định: "Nhiệm vụ bảo đảm giao thông vận tải đã trở thành nhiệm vụ đột xuất số 1 của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta. Mặt trận giao thông vận tải đã trở thành mặt trận chiến đấu quyết liệt hàng ngày, hàng giờ giữa ta và địch, và ngày càng sẽ quyết liệt hơn cho đến khi kết thúc chiến tranh thắng lợi" Tỉnh uỷ quyết định kiện toàn và tăng cường Ban chỉ huy bảo đảm giao thông vận tải cấp tỉnh. Thường vụ Tỉnh uỷ phân công đồng chí Cổ Kim Thành, Phó bí thư Tỉnh uỷ, làm Trưởng ban; các đồng chí chỉ huy quân sự, công an, ngành giao thông làm phó Ban và một số cán bộ phụ trách các ngành liên quan tham gia. Các cấp huyện, xã lập Ban chỉ huy bảo đảm giao thông vận tải của địa phương, mình. Ban này sẽ trực tiếp chịu trách nhiệm trước cấp uỷ về nhiệm vụ bảo vệ, bảo đảm giao thông vận tải.

Lực lượng bảo đảm giao thông nhân dân, lấy dân quân, tự vệ làm nòng cốt, toàn dân là lực lượng cơ bản.

Lực lượng chủ lực đảm nhiệm thường xuyên, gồm quân của Ty giao thông, Công trường 71 và một số bộ phận của Ban 67 giao cho Quảng Bình quản lý. Lực lượng này được bố trí chốt giữ ở những vị trí xung yếu nhất trên từng tuyến, giữ vai trò chủ lực trên từng đoạn giao thông. Tổ chức các cung, đoạn giao thông phải điều chỉnh theo đơn vị huyện để tăng lực lượng thường trực và phương tiện cho các địa phương đủ điều kiện làm nhiệm vụ.

Các lực lượng vũ trang hoạt động trên địa bàn có nhiệm vụ đánh địch bảo vệ giao thông vận tải. Phải bảo vệ kỹ được các tuyến xung yếu, các đợt vận chuyển tập trung, quan trọng. Các đơn vị chiến đấu nên tổ chức với hình thức gọn nhẹ, bám sát tuyến, điểm xung yếu, cơ động nhanh. Khi cần thiết, lực lượng chiến đấu sẽ tham gia vận chuyển, bốc dỡ hàng hoá.

Tỉnh còn quyết định chuyển toàn bộ lực lượng và phương tiện làm nhiệm vụ kiến thiết cầu đường sang làm nhiệm vụ bảo đảm giao thông. Vừa củng cố, tận dụng đường đã có vừa nhanh chóng phát triển đường tránh, các loại cầu, ngầm, phao; mở thêm tuyến giao thông sông, biển. Trên cơ sở đó, các địa phương, đơn vị vừa chủ động tự lực bảo đảm nhu cầu vận chuyển của mình, vừa sẵn sàng tham gia nhiệm vụ vận tải chung. Các chế độ chính sách phục vụ giao thông vận tải được khôi phục và thực hiện. Trong đó chú ý các quy định tăng các khoản phụ phí, chính sách trợ cấp, đền bù thoả đáng phương tiện của dân bị địch đánh hư hỏng, mất mát. Kịp thời xác nhận và thực hiện chế độ liệt sỹ, thương binh cho người thương vong trong khi làm nhiệm vụ bảo đảm giao thông vận tải, coi đó là người đang làm nhiệm vụ chiến đấu. Bên cạnh đó, cấp uỷ, chính quyền các địa phương cần đẩy mạnh việc giáo dục toàn dân nâng cao trách nhiệm bảo quản, giữ gìn tài sản, hàng hoá của nhà nước.

Để phá thế phong toả "Án ngữ Hoành Sơn" của địch, tỉnh quyết định mở 4 tuyến tiếp nhận và chuyển tải ở khu vực Bắc Gianh; lập 3 trạm tiếp chuyển và một loạt kho chứa từ Bắc Gianh vào đến Nam Long Đại⁽⁴⁾ tuyến chuyển tải gồm: Hòn La, Quảng Trường, Bù Lu Kình- Minh Cẩm, Chu Lễ - Đò Vàng Minh Cẩm; mang mật danh R_1, R_2, R_3, R_4 .

Thực hiện chủ trương "vũ trang toàn dân", Bộ chỉ huy quân sự tỉnh gấp rút tổ chức lực lượng chiến đấu, tăng cường trang bị cho lực lượng vũ trang. Chỉ trong một thời gian ngắn, lực lượng dân quân - tự vệ đã lên tới gần 6 vạn người, trong đó có 60% được biên chế vào các đơn vị chiến đấu; trang bị hơn 18.000 khẩu súng các loại. Các khu vực trọng điểm được trang bị tăng cường 2.500 súng bộ binh và hoả lực đi cùng. Tính bình quân trong dân quân, tự vệ, cứ 3 chiến sỹ được trang bị 1 súng; trong toàn dân, cứ 24 người có 1 súng, chưa kể hàng vạn loại vũ khí tự tạo khác⁽¹⁾

Về lực lượng phòng không, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh tổ chức thêm tiểu đoàn pháo cao xạ 2/9, một đại đội 14,5ly và 15 phân đội 12,7ly.

Quân khu tăng cường một đại đội cao xạ 100 ly (2 khẩu), một phân đội 14,5ly (hai nòng). Lực lượng dân quân, tự vệ toàn tỉnh có 82 phân đội trực chiến; mỗi huyện tổ chức 1- 2 đại đội dân quân trực chiến do Huyện đội chỉ huy, có nhiệm vụ cơ động, bảo vệ các trọng điểm. Hoả lực phòng không của dân quân, tự vệ chủ yếu là súng máy cao xạ (12,7ly và 14,5ly), ở một số vùng chủ yếu được trang bị pháo cao xạ 37ly. Phong trào thu nhặt và sửa chữa để tự

trang bị vũ khí chiến đấu lan rộng khắp các địa phương, đơn vị. Đại đội dân quân trực chiến xã Phú Thủy có 40 người, được trang bị 11 súng từ 12,7ly đến pháo cao xạ 37ly. Đây là một điển hình về tổ chức và trang bị của dân quân trên địa bàn.

Về pháo binh, ngoài các đơn vị pháo của địa phương, quân khu tăng cường cho tỉnh một đại đội pháo 130 ly có ra đa chỉ thị mục tiêu phục vụ đánh đêm (sharp -6).

Để bảo đảm phục vụ nhiệm vụ chỉ huy chiến đấu, mạng lưới thông tin, liên lạc từ huyện, thị xã đến xã, phường, đơn vị cơ sở được trang bị 500 máy hữu tuyến, vô tuyến các loại.

Lực lượng vũ trang toàn tỉnh khẩn trương củng cố tổ chức, xây dựng phương án tác chiến, xây dựng trận địa chiến đấu; đồng thời tranh thủ huấn luyện, sẵn sàng đánh địch trong mọi tình huống. Thế trận chiến tranh nhân dân nhiều tầng, nhiều lớp đã giăng khắp, bày sẵn trên địa bàn tỉnh. Quân và dân Quảng Bình tự tin bước vào một cuộc đọ sức mới.

*** Chiến dịch hòn La**

Sau khi Ních Xon tuyên bố phong tỏa toàn bộ hệ thống giao thông thủy bộ của miền Bắc, các cảng lớn như Hải Phòng, Bến Thủy... không tiếp nhận hàng hoá từ ngoài vào nước ta được; lượng vật chất chi viện cho tiền tuyến giảm đi đáng kể.

Quyết tâm giành thắng lợi quân sự trên chiến trường để phục vụ mục tiêu chiến lược năm 1972, Trung ương quyết định giao cho Quảng Bình một nhiệm vụ quan trọng: Tiếp nhận lương thực viện trợ của nước bạn đến từ đường biển. Đồng chí Đỗ Mười, Chủ tịch Hội đồng chi viện tiền tuyến Trung ương giải thích: Nếu hàng được tiếp nhận ở Quảng Bình thì cung độ vận chuyển cơ giới đường bộ từ Bùng (Nghệ An) vào Gianh được rút ngắn rất nhiều; đồng thời ở Quảng Bình, hàng vào các cửa khẩu của 559 vào chiến trường nhanh hơn; mặt khác, bạn đến Quảng Bình sẽ tận mắt chứng kiến ý chí quyết tâm chống Mỹ xâm lược của nhân dân ta⁽¹⁾.

Nằm ở phía bắc cửa Roòn, nam Đèo Ngang, Vịnh Hòn La hình thành giữa 3 hòn đảo nhỏ là Hòn Cỏ, Hòn Chùa và Hòn La. Vịnh cách bờ biển xã Quảng Đông khoảng 2,4ki lô mét, có độ sâu ổn định từ 7đến 10 mét, tàu có trọng tải lớn ra vào, trú đậu được. Đặc biệt là ở phía nam Vịnh có luồng thông với cửa Gianh vào cảng Gianh, một đầu mối tiếp chuyển hàng quan trọng số 1 của Quảng Bình. Chính vì vậy, Vịnh Hòn La được chọn là nơi tàu đến neo lại để giao nhận hàng.

Để thực hiện ý đồ chiến lược của Trung ương, Thường vụ Tỉnh uỷ thông qua kế hoạch tiếp nhận và chuyển tải ở khu vực Hòn La - bắc Gianh, lấy tên là

"Chiến dịch Hòn La", mang mật danh KHR1. Ban chỉ đạo chiến dịch gồm các đồng chí : Bí thư Tỉnh uỷ, Trưởng Ty giao thông, Chỉ huy trưởng quân sự tỉnh, Trưởng Ty công an và một số cán bộ các ngành lương thực, thuỷ sản. Bộ Giao thông vận tải, Bộ Lương thực, Bộ Ngoại thương cũng cử cán bộ tham gia vào Ban chỉ đạo. Chỉ huy sở của Ban chỉ đạo chiến dịch đóng ở thôn Thanh Bình (xã Quảng Xuân), phía bắc cửa Gianh, nam Vịnh Hòn La. Nhằm huy động cao nhất lực lượng và phương tiện phục vụ chiến dịch, huyện Quảng Trạch, Bố Trạch đều thành lập Ban chỉ đạo của địa phương, giao cho cấp uỷ, chính quyền 11 xã vùng biển động viên dân quân tình nguyện tham gia đợt chuyển tải. Tỉnh còn chỉ thị cho các huyện, thị , đơn vị trong toàn tỉnh có kế hoạch sẵn sàng tiếp ứng cho chiến dịch Hòn La.

Theo hợp đồng, tàu bạn sẽ vào Vịnh Hòn La, ta huy động lực lượng vận tải thuỷ ra nhận hàng đưa vào khu vực bắc Gianh. Từ đó, hàng được đưa qua nam Gianh để toả đi các tuyến. Ban chỉ đạo chiến dịch phân công, bố trí lực lượng như sau:

Ban chỉ đạo hai huyện Quảng Trạch, Bố Trạch lấy khu vực Xuân Hoà (xã Quảng Xuân) làm bàn đạp xuất phát, điều hành lực lượng chuyển tải của 11 xã vùng biển và toàn bộ lực lượng bộ đội, dân quân, tự vệ chuyển hàng trên bờ.

Ty Giao thông vận tải bảo đảm phương tiện cơ giới qua phà Roòn; chỉ huy lực lượng vận tải thuỷ cơ giới tiếp nhận hàng từ tàu vào cảng Gianh.

Ty Thuỷ sản chỉ huy toàn bộ phương tiện , tàu, thuyền đánh cá được huy động; lấy xí nghiệp đánh cá Nhật Lệ làm nòng cốt, lập các đội chuyển tải hàng từ bắc Gianh vào cảng và từ Bắc qua Nam Gianh.

Lực lượng chiến đấu bảo vệ chiến dịch gồm 7 cụm hoả lực phòng không của Bố Trạch, toàn bộ lực lượng trực chiến của Quảng Trạch; đại đội cao xạ 100 ly, đại đội 3 cao xạ 37ly (của d9); đại đội pháo binh 130 ly và đại đội 8 pháo 85ly; đại đội 365 bố trí một phân đội hoả lực chốt ở Đảo La, sẵn sàng đánh máy bay địch. Bộ chỉ huy quân sự tỉnh chỉ huy toàn bộ lực lượng chiến đấu ở khu vực bắc Gianh - Hòn La.

Công an nhân dân vũ trang tỉnh lập trạm Cảng 305, có nhiệm vụ liên lạc giữa tàu với trên bờ, bảo vệ cảng, làm thủ tục giám hộ tàu bạn ra vào Vịnh.

Ngày 25 tháng 5 năm 1972, Trung ương điện báo cho tỉnh: Tàu Hồng Kỳ 150(HK150) chở 6.000 tấn gạo của nhân dân Trung Quốc ủng hộ đã xuất phát.

Bộ đội, dân quân, tự vệ đã có mặt ở vị trí quy định. Lực lượng vận tải cơ giới tập kết ở khu vực Lệ Sơn (xã Văn Hoá) Lực lượng vận tải thủ công được đầu kín từ khu vực bắc cửa Gianh đến Cảng. Các đơn vị làm nhiệm vụ chiến

đấu đã sẵn sàng Không khí căng thẳng của trận đánh lớn bao trùm khu vực bắc Gianh Hòn La

Ngày 29 tháng 5, tàu Hồng Kỳ 150 đến bờ neo trong Vịnh, cách Đảo La 150 mét về phía tây. Ngay đêm đó, đoàn cán bộ tỉnh ta ra tàu làm thủ tục nhận hàng. Tận dụng yếu tố bất ngờ, đêm 30 tháng 5, ban chỉ đạo phát lệnh cho đoàn tàu VS, tàu đánh cá đang ở khu vực Lệ Sơn xuất phát trên cung độ từ Cảng Gianh đến tàu HK dài 20 ki lô mét; chuyển đầu tiên ta chuyển được 500 tấn gạo rơi vào Cảng, giữ được bí mật Sáng 01 tháng 6, ba tàu chiến Mỹ đến thả neo cách tàu Bạt khoảng 10 ki lô mét. Máy bay địch quân lượn sát tàu để phát hiện phương tiện của ta ra lấy hàng. Đêm mùng 01 tháng 6, khu vực Vịnh Hòn La bùng sáng dưới ánh đèn đu của chúng. Máy bay, tàu chiến địch bắn phá dữ dội vào khu vực bờ đối diện với tàu Hồng Kỳ. Tốc độ vận chuyển của ta chậm hẳn lại. Mặc dù hết sức cố gắng, trong tuần đầu, ta chỉ đưa được 2.500 tấn hàng vào bờ. Sau đó, địch thả thủy lôi phong tỏa thì vận chuyển cơ giới ngừng hẳn.

Trước tình hình đó, Ban chỉ đạo quyết định sử dụng thuyền gỗ vận tải nhỏ, thuyền đánh cá tiếp tục vận chuyển hàng vào Cảng và khu vực kho ở Thanh Bình, 19 / 5* (gọi là lao dọc) Bộ chỉ huy quân sự tỉnh giao cho Huyện đội Quảng Trạch, Bô Trạch tổ chức 2 thuyền vận chuyển, lấy bộ đội 363, 365 đi thành tuyến riêng để làm gương cho lực lượng dân quân. Huyện uỷ Quảng Trạch phát động đảng viên, dân quân ở 3 xã Quảng Phúc, Quảng Xuân, và Cảnh Dương tổ chức đội vận chuyển bằng phương tiện và lực lượng của mình. Tuyến chuyển tải số 1 vẫn hoạt động dưới bom đạn của kẻ thù. Phát hiện ta vận chuyển bằng thuyền nhỏ, máy bay địch bắn chặn ác liệt vào eo Mũi Rồng, tàu chiến pháo kích vào bờ biển từ Quảng Đông đến Quảng Xuân. Lực lượng trên bờ giành giật với địch từng bao gạo.

56 ngày đêm vật lộn với sóng gió, đọ sức với bom đạn, thủy lôi của giặc Mỹ, ta đã đưa được 5.000 tấn gạo vào bờ; trong đó " phương án thuyền nan" vận chuyển được 1.750 tấn, kết thúc thắng lợi đợt 1 của chiến dịch.

Để chuẩn bị cho đợt 2, Ban chỉ đạo giao cho Ty Thủy sản thí nghiệm phương án thả gạo tự trôi vào bờ. Thành công của phương án này mở ra khả năng: ta rút phần lớn lực lượng vận chuyển vào bờ làm nhiệm vụ gom nhặt, bốc chuyển lên kho và giảm được đáng kể tổn thất cả người lẫn phương tiện.

Ngày 27 tháng 6, tàu HK 152 đến Vịnh Hòn La, mang theo 6.000 tấn gạo đóng sẵn 4 bì để chống thấm nước theo đề xuất của Ban chỉ huy chiến dịch vận tải Quảng Bình. Lợi dụng cơn bão nhẹ, ta thả đợt đầu 200 bao, phần lớn dạt vào Đồng Hới đến Vĩnh Linh, có một số trôi qua vĩ tuyến 17. Rút kinh nghiệm, các đợt sau anh em buộc 10, 20 bao một chùm, khi thả gạo trôi vào khá tập trung. Phát hiện ta thả gạo, địch cho máy bay rà sát, xả 20 ly vào

tùng bao để đánh chìm. Nhưng chúng làm sao chặn nổi. Dân quân các xã ven biển Quảng Trạch chặt bồi, kết bè thả xuống biển làm phân tán mục tiêu, đánh lừa máy bay địch. Hàng trăm, hàng ngàn bao gạo cứ từ từ tiến vào bờ trước sự bất lực của kẻ thù. Chỉ trong hai tuần, ta thả hết 6.000 tấn gạo, thu được 5.000 tấn; số còn lại trôi ra biển xa hoặc bị địch bắn chìm. Một lần nữa, lòng dũng cảm và trí thông minh sáng tạo của quân và dân ta đã chiến thắng!

Ngày 22 tháng 9, tàu HK 162 A vào Vịnh Hòn La, chở theo chuyến gạo thứ ba. Lần này ta chỉ để lại trên tàu 10 đồng chí làm nhiệm vụ thả gạo. Vì có cơn bão lớn đổ bộ vào biển Quảng Bình, nên sau hơn 1 tháng ta mới thả hết 6.000 tấn gạo. Nhân dân, dân quân, bộ đội địa phương tổ chức nhiều đơn vị, đêm đêm túc trực phát hiện, đưa gạo lên cất dấu. Trung đội dân quân trực vớt gạo của xã Hải Trạch gồm 40 đồng chí, phụ trách địa bàn từ bắc Lý Hoà đến bắc Đá Nhảy, đã thu được trên 100 tấn gạo. Mặc dù nhân dân ta đang đói, nhưng ai cũng có tinh thần bảo quản, giữ gìn từng hạt gạo để gửi ra tiền tuyến, không ai tơ hào, bớt xén "Hạt gạo Hòn La"

Ngày 01 tháng 12, tàu HK 162 B chở 6.000 tấn gạo của chuyến cuối cùng vào Vịnh Hòn La. Ta mới thả được 250 tấn thì lại gặp bão lớn phải ngừng lại. Sau cơn bão, tàu chiến địch khép chặt vòng vây quanh tàu bạn. Chúng rải tiếp thủy lôi bịt cửa Gianh và dọc bờ biển từ Quảng Đông đến Quảng Phúc. Máy bay, tàu chiến địch bắn phá ác liệt vào bờ nam - bắc Gianh và các xã ven biển. Theo đề nghị của ta, tàu bạn rời vị trí lên phía nam Hòn La, tiếp tục giải phóng hàng. Tàu chiến địch bám theo, rải thủy lôi bao quanh tàu Hồng Kỳ, chỉ chừa một lối ra rộng 500 mét ở phía đông. Để động viên cán bộ và thủy thủ trên tàu, tỉnh ta cử một đoàn cán bộ ra thăm và uý lạo nhân ngày tết dương lịch 01/01/1973. Về phía mình, quân và dân ta vẫn chủ động, bình tĩnh thả và trực vớt gạo, bắt chấp bom đạn kẻ thù. Đến ngày 15 tháng 01, Mỹ tuyên bố ngừng bắn phá, Ban chỉ đạo huy động toàn bộ phương tiện vận tải ra nhận hết gạo trên tàu.

Chiến dịch Hòn La đã kết thúc thắng lợi! Hai mươi mốt ngàn tấn gạo đã được nhận và kịp chuyển vào chiến trường cho bộ đội.

Trong 6 tháng đọ sức với ta trên khu vực Hòn La, giặc Mỹ đã huy động nhiều loại máy bay, tàu chiến hiện đại hòng đè bẹp tuyến chuyển tải. Nhưng chúng đã bị trừng trị đích đáng! Lực lượng chiến đấu bảo vệ chiến dịch của bộ đội, quân dân Quảng Trạch đã bắn tan xác 7 máy bay các loại của địch. Nổi bật là chiến công ngày 10 tháng 8 năm 1972 của phân đội Đảo La (đại đội 365), bắn rơi 1 máy bay trực thăng AHIG "Rắn độc" đầu tiên của không quân Mỹ trên miền Bắc. Đại đội 3 pháo cao xạ (d9) làm nhiệm vụ bảo vệ trận địa pháo lớn, liên tiếp bắn rơi 2 máy bay A7 của hải quân Mỹ. Đặc biệt, đêm 05 tháng 7, tại trận địa Mũi Vích (nam Roòn), lần đầu tiên, bộ đội pháo binh tỉnh ta sử dụng pháo tầm xa 130 ly bắn cháy 1 tàu chiến Mỹ, làm cho chúng

hoảng sợ không dám vào gần như trước⁽³⁾ Lực lượng chiến đấu bảo vệ chiến dịch đã phát huy tinh thần chủ động, tích cực đánh trả địch, hoàn thành nhiệm vụ.

Kẻ địch đã dội xuống khu vực Hòn La một khối lượng lớn bom đạn, đủ kiểu loại để ngăn chặn hoạt động của ta. Từ tháng 6 năm 1972 đến tháng 01 năm 1973, địch huy động 1.500 lần chiếc máy bay phản lực, trực thăng, đánh phá gần 700 trận (314 trận đánh đêm); ném xuống gần 1.000 loạt bom phá, 149 loạt bom bi, 540 loạt rốc két, 606 loạt 20 ly, 124 quả đạn cối, 96 quả bom cháy, 55 quả tên lửa, hơn 1.000 quả thuỷ lôi, 149 quả bom từ trường và hàng ngàn quả đạn pháo các cỡ⁽⁴⁾- Tất cả hòng chặn đứng tuyến chuyển tải của ta.

Cùng với tuyến chuyển tải Hòn La, ba tuyến chuyển tải khác cũng đồng thời hoạt động.

Trên tuyến R2, hàng hoá được vận chuyển cơ giới theo đường 22B đổ xuống bến Quảng Trường. Từ đó, hàng được đưa xuống Quảng Thuận, Ba Đồn để chuyển sang nam Gianh.

Tuyến R3 sử dụng lực lượng đội thanh niên xung phong Cù Chính Lan, lợi dụng nguồn Rào Trổ thả gạo " 4 bì" dẩy về Minh Cầm. Từ tháng 5 năm 1972 đến mùa mưa, tuyến này chuyển được 700 tấn gạo.

Tuyến R4 do ngành đường sắt đảm nhiệm chính. Hàng đi theo đường goòng từ Chu Lễ (Hà Tĩnh) vào Đò Vàng; sau đến tận ga Lệ Sơn (Tuyên Hoá). Bình quân mỗi đêm chuyển được 3 toa với 90 tấn hàng hoá. Máy bay địch đánh phá dữ dội vào tuyến goòng. Quân dân các xã dọc đường sắt của huyện Tuyên Hoá nêu khẩu hiệu " Nghiêng lưng cho đường goòng dựa!" Địch đánh hỏng đoạn nào là lực lượng tại chỗ cùng cán bộ, công nhân đường sắt tập trung cứu hàng, sửa chữa, thông tuyến. Sau khi địch đánh hỏng đường sắt, ta tu sửa nền đường cũ, đưa 1 tổ xe vận tải của Công ty ô tô Quảng Bình đến chuyển hàng từ Lệ Sơn về Minh Lệ. Từ đó, hàng được đưa xuống đường sông, lên Khương Hà, qua Ngân Sơn, vào Bình trạm 14. Tuyến R4 chuyển được 1.500 tấn gạo và hàng nghìn tấn hàng quân sự vào nam Gianh.

Trên cả 4 tuyến chuyển tải, tỉnh đã huy động một lực lượng lớn bộ đội địa phương, dân quân, tự vệ tham gia bốc chuyển hàng hoá. Khu vực bắc Gianh tập trung 2.000 người; nam Gianh và Đồng Hới, mỗi nơi 1.000 người.

Mở 4 tuyến chuyển tải để phá thế phong toả của giặc Mỹ, quân và dân Quảng Bình đã nêu cao tinh thần " Vì cả nước", chịu đựng gian khổ hy sinh, làm tròn trách nhiệm của hậu phương trực tiếp đối với tiền tuyến lớn anh hùng.

Cũng trong thời gian này, lực lượng vũ trang trên địa bàn tập trung vào nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ các tuyến giao thông vận tải. Được tăng cường

trang bị nhiều loại vũ khí, các đơn vị, địa phương tích cực đánh trả máy bay, tàu chiến địch, lập nhiều chiến công mới. Ngày 08 tháng 7 năm 1972, Đại đội 2 và Đại đội 4 (d 9 cao xạ) hiệp đồng chiến đấu chặt chẽ, phá vỡ đội hình máy bay địch đang thực hiện ném bom laze vào trận địa, bắn rơi 1 máy bay F4. Tiểu đoàn cao xạ 2/9 mới thành lập, sau 10 ngày xây dựng trận địa, huấn luyện, đánh trận đầu đã bắn rơi 1 máy bay Mỹ. Từ ngày 02 đến ngày 04 tháng 8, dân quân xã Mai Hoá, Lý Ninh bắn cháy 2 máy bay Mỹ. Đại đội 1, Đại đội 3 (tiểu đoàn 9 cao xạ), Đại đội 48; các phân đội trực chiến của dân quân Sen Thuỷ, Duy Ninh, Cảnh Dương, Võ Ninh, Ngư Thuỷ, Hàm Ninh, Phong Thuỷ, tự vệ xí nghiệp A3 Đồng Hới, liên tiếp bắn rơi, bắn cháy máy bay Mỹ. Ngày 21 tháng 8, bộ đội phòng không đã bắn cháy 1 máy bay B52 của giặc Mỹ trên bầu trời Quảng Bình. Đặc biệt là chiến công ngày 15 tháng 9 của phân đội trực chiến lão dân quân Đức Ninh: Bằng 75 viên đạn 12,7ly, các cụ đã bắn tan xác 1 máy bay A7, lần thứ hai lập công xuất sắc. Sau trận thắng của Lão dân quân 2 ngày, Phân đội trực chiến nữ dân quân Trung Trạch bắn rơi 1 máy bay F4 của giặc Mỹ. Chiến công của lão dân quân, nữ dân quân bắn rơi máy bay phản lực Mỹ chứng minh sức mạnh toàn dân đánh giặc được phát huy mạnh mẽ trong thế trận chiến tranh nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Bắt đầu từ tháng 11 năm 1972, không quân Mỹ đưa loại máy bay F111A "cánh cụp cánh xoè" vào hoạt động đánh phá trên địa bàn Quảng Bình. Đây là loại phản lực siêu âm hiện đại, có tốc độ lớn, kỹ thuật bay cao, chở gần 100 quả bom sát thương. Với thủ đoạn bay xảo quyệt, hóc hiểm, chúng thường lén lén phía tây, bay rất thấp xuôi theo các con sông lớn, hoặc dựa theo các sườn núi, bất thần toạ độ cả loạt bom rồi chuồn thẳng ra biển. Sự xuất hiện, đánh phá của máy bay F111A đã gây nhiều tổn thất cho các chân hàng, bến vượt của ta. Các trận địa phòng không chưa tìm được cách trùng trị chúng. Sau nhiều lần theo dõi quy luật hoạt động của máy bay F111A, đồng chí Chỉ huy trưởng quân sự tỉnh quyết định sử dụng hoả lực tầm thấp để tiêu diệt. Dưới sự chỉ đạo của cán bộ Ban cao xạ, tác chiến tỉnh, các địa phương, đơn vị đưa các phân đội 12,7ly và 14,5 ly, đại liên... đến xây dựng trận địa ở các vị trí được lựa chọn. Mỗi khẩu súng chỉ bố trí 1 xạ thủ. Họ được lệnh: Ngày ngủ, từ 24 giờ đến 2 giờ vào công sự, nòng súng hướng lên phía tây, tay đặt sẵn vào vòng cò; nghe tiếng động là bắn, bắn "dại hội" Đó là cách đánh máy bay F111A đã được cân nhắc, quyết định.

Ngày 05 tháng 11, phân đội trực chiến dân quân xã Phú Trạch di chuyển trận địa đến Lò Làng Hỷ Duyệt. Đây là vị trí phục kích máy bay địch từ phía tây, nép theo hòn Bung đập bom toạ độ để lao ra biển. Dưới sự chỉ huy của đồng chí Nguyễn Thắng xã đội trưởng, hai số 1 là Nguyễn Bường và Hoàng Minh Rạng sẵn sàng bên hai khẩu 12,7ly đã lên đạn. 0 giờ ngày 07 tháng 11, vừa mới nghe tiếng động như tiếng đàn ong bay ở hướng tây, 2 khẩu 12,7ly

đồng loạt kéo 1 điểm xạ dài. Đòn hiểm đã trúng đích! Chiếc F111A hứng trọn loạt đạn, rơi ngay tại cửa biển Lý Hoà. Đây là chiếc máy bay " *Cánh cụp cánh xòe*" đầu tiên bị hoả lực tầm thấp của dân quân miền Bắc trừng trị. Chỉ hai tuần sau, ngày 21 tháng 11, tại trận địa dọc bờ sông Thạch Bàn, Phân đội 12,7ly của Đại đội 359 và Đại đội dân quân trực chiến xã Phú Thủy lại bắn rơi tại chỗ 1 F111A của giặc Mỹ.

Bắn cháy , bắn rơi tại chỗ máy bay F111A, con "ngoáo ộp" của không quân Mỹ bằng hoả lực tầm thấp là một chiến công thần kỳ của quân và dân ta. Thắng lợi đó chứng tỏ bước trưởng thành về nghệ thuật quân sự, trình độ chỉ huy, chiến đấu của cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang địa phương tỉnh Quảng Bình.

Trong phong trào bắn máy bay của lực lượng dân quân, tự vệ, nổi lên điển hình là đại đội trực chiến của dân quân xã Phú Thủy với những trận đánh mưu trí, táo bạo, có hiệu quả. Chiều 21 tháng 9, máy bay Mỹ bắn cháy 1 xe vận tải của ta ở Khe Đá. Phán đoán địch sẽ còn đến đánh vào đồng lúa, đồng chí xã đội trưởng quyết định di chuyển trận địa từ Ngâm Phú Cường đến Khe Đá để phục kích. Đơn vị dùng máy cày kéo pháo cao xạ 37ly; súng 14,5ly, 12,7ly xếp lên ba gác để trâu kéo. Nhờ vậy, vũ khí được chuyển nhanh, an toàn. Trận địa mới xây dựng bằng phương pháp cấu trúc nổi: Sử dụng nhiều bó bổi xếp thành công sự. Đêm đó, máy bay địch kéo đến đánh vào đồng lúa, đại đội bất ngờ nổ súng bắn rơi tại chỗ 1 máy bay F4. Tháng 10 năm 1972, máy bay Mỹ đánh phá liên tục các bến vượt dọc sông Thạch Bàn, gây cho ta nhiều khó khăn trong tiếp chuyển hàng. Ban chỉ huy xã đội vạch phương án : Xây dựng trận địa nổi cơ động, kiên trì bám sát hoạt động của địch để đánh trả kịp thời. Tất cả hoả lực được đưa xuống thuyền ghép (2 thuyền ghép 1, lát ván gỗ làm sàn), di chuyển thuận tiện trên sông nước. Sau 3 đêm cơ động bám địch, đêm 27 tháng 10, đại đội chớp thời cơ nổ súng bắn rơi 1 máy bay Mỹ. Trong 7 tháng cuối năm 1972, đại đội dân quân trực chiến xã Phú Thủy đã đánh máy bay 142 trận, hoàn thành nhiệm vụ bảo vệ địa bàn một chân hàng quan trọng của Bình trạm tiền phương 559. Do có những thành tích đặc biệt xuất sắc về xây dựng và chiến đấu trong năm 1972, lực lượng dân quân , du kích Phú Thủy đã được Quốc hội, Nhà nước tuyên dương là đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang.

Cùng với lực lượng phòng không, các đơn vị pháo binh liên tục chiến đấu đánh đuổi tàu chiến địch. Từ ngày 03 đến 07 tháng 7, Đại đội 9 đánh 2 trận, bắn cháy 2 tàu chiến trên vùng biển Lệ Ninh. Ngày 28 tháng 9, Đại đội 8 bắn cháy 1 tàu. Trong 4 ngày (26 đến 29 tháng 10), Đại đội 10 đánh nhiều trận, liên tiếp bắn cháy 2 tàu địch.

Từ tháng 4 đến giữa tháng 11 năm 1972, toàn tỉnh đã bắn rơi, bắn cháy 74 máy bay và 34 tàu chiến Mỹ. Trong đó, bộ đội địa phương và dân quân tự vệ bắn rơi 34 máy bay, bắn cháy 26 tàu chiến, bắt sống nhiều giặc lái Mỹ, góp phần bảo vệ tuyến giao thông vận tải được thông suốt trong tình huống ác liệt nhất.

* *

*

Do bị thất bại nặng nề trên cả hai miền Nam - Bắc nước ta, ngày 22 tháng 10 năm 1972, Ních Xơn phải ra lệnh ngừng ném bom bắn phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra⁽¹⁾. Kế địch tập trung máy bay, tàu chiến đánh mạnh vào nam Quân khu 4. Đối với Quảng Bình, cả 7 huyện, thị đều bị B52 đánh phá ác liệt^(A35:226)

Trước sự lật lọng, tráo trở của đế quốc Mỹ, ngày 26 tháng 10, Chính phủ ta ra tuyên bố kêu gọi quân và dân cả nước tiếp tục cuộc kháng chiến chống Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn^(A35:123). Hội nghị liên tịch giữa Quân khu uỷ và các Tỉnh uỷ trên địa bàn Quân khu xác định: "Đây là nơi địch đánh đầu tiên và sẽ kết thúc sau cùng" Một lần nữa, quân và dân Quảng Bình lại bước vào trận đấu sức sau cùng với kẻ thù hung bạo bằng ý chí quyết chiến quyết thắng.

Nhằm tăng cường lực lượng chuyển tải hàng hoá từ nam Gianh vào Đồng Hới, Lệ Thuỷ, Ban chỉ huy bảo đảm giao thông vận tải tỉnh huy động 600 cán bộ, công nhân viên, tổ chức thành 2 tiểu đoàn xe đạp thồ vận tải hàng trên hai tuyến: Ngân Sơn - Đồng Hới và Nam Lý - Mỹ Đức. Tiếp đó, tỉnh thành lập công trường kết nghĩa 1A, 1B để bảo đảm giao thông đoạn Long Đại Đá Mài - Xuân Sơn với sự chi viện của 9.000 thanh niên xung phong tỉnh Thái Bình và thành phố Hải Phòng. Để phá thế "độc tuyến", lực lượng tỉnh phối hợp với bộ đội 571 mở đường 15C; cùng với công binh Quân khu khảo sát mở các tuyến ngang Kỳ Lạc - Troóc, Ba Rền - Bến Tiêm - Đường 10. Công binh Sư đoàn 571, Quân khu cùng công binh tỉnh tập trung sửa chữa cầu hỏng, sản xuất cầu phụ, cầu vượt ngầm, cầu vệt chống lầy trên các tuyến đường bộ. Phong trào toàn dân tham gia bảo đảm giao thông vận tải phát triển rộng khắp trên địa bàn. Sự đóng góp công sức và trí sáng tạo của nhân dân đã góp phần khắc phục nhanh giao thông sau các đợt đánh phá của địch.

Trong lúc phải giành sức lao động cho nhiệm vụ chiến đấu và bảo đảm giao thông vận tải, quân và dân toàn tỉnh đã có nhiều cố gắng trong thực hiện các nhiệm vụ khác. Với tinh thần "Bám ruộng đất mà sản xuất, bám hố bom mà thâm canh", mặt trận nông nghiệp thu được kết quả phấn khởi: Tổng sản lượng lương thực năm 1972 đạt 108.000 tấn, vượt năm 1971 là 2.700 tấn; có 22 hợp tác xã đạt năng suất lúa 5 tấn/ 1 héc ta; 3 hợp tác xã đạt 4 tấn / 1 héc ta

; huy động lương thực trong năm tăng 2,5 lần so với chỉ tiêu; bình quân lương thực đầu người là 236,4kg gạo một năm, đạt mức cao nhất từ 1969 đến nay. Sản xuất công nghiệp cũng có nhiều cố gắng về vật tư, vốn, mặt bằng để duy trì sản xuất, phục vụ đời sống. Tổng giá trị sản lượng nông - công nghiệp cả năm là 64 triệu đồng, xấp xỉ năm 1971.

Mặt trận văn hoá, giáo dục, y tế cũng đạt một số thành tựu đáng kể. Số cán bộ y tế tăng 28 lần, số giường bệnh tăng gần 6 lần so với năm 1969. Trong điều kiện bom đạn ác liệt, các lớp cuối cấp I, II và 9 trường cấp III trong tỉnh vẫn duy trì dạy và học cho các em. Phong trào " Hai tốt" phát triển đều trong ngành giáo dục, các trường tiến tiến xuất hiện ở cả 3 cấp học

Trong hoàn cảnh vừa chiến đấu, phục vụ chiến đấu, vừa sản xuất, Đảng bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang tỉnh đã có sự nỗ lực to lớn trong việc chăm lo, phát triển sự nghiệp giáo dục vì tương lai con em. Đó là sự biểu thị lòng tin vào thắng lợi tất yếu của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Trước sức mạnh tiến công liên tục của quân và dân ta trên cả mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao, Mỹ - Ngụy ngày càng lâm vào tình thế nguy đốn. Với bản chất ngoan cố và hiếu chiến, từ ngày 18 đến 29 tháng 12 năm 1972, đế quốc Mỹ liều lĩnh mở cuộc tập kích chiến lược bằng không quân vào thủ đô Hà Nội và thành phố Hải Phòng - Đây là cơn giãy chết của con thú dữ vùng đường. Nhân dân Hà Nội, Hải Phòng anh hùng cùng với bộ đội phòng không không quân anh dũng chiến đấu quyết liệt với kẻ thù trong 12 ngày đêm, đập tan cuộc tiến công kẻ cướp của chúng, làm nên trận " Điện Biên Phủ trên không" lừng lẫy, giáng đòn quân sự quyết định đánh sụp ý chí xâm lược của tên đế quốc hung hãn nhất! Ngày 30 tháng 12, Mỹ buộc phải ngừng bắn ở vĩ tuyến 20, chấp nhận trở lại hội nghị Pa ri, chịu ký vào bản Hiệp định mà trước đó chúng đã thoả thuận.

Lợi dụng thời gian còn lại, kẻ thù dồn hết khả năng bom đạn đánh phá dữ dội vào địa bàn. Chúng huy động 784 máy bay phản lực, 165 máy bay B52 và 10 máy bay F111 bắn phá hầu hết các mục tiêu trên đất Quảng Bình. Tàu chiến Mỹ pháo kích 14 trận, bắn 1741 quả đạn pháo lớn vào địa bàn tỉnh. Đặc biệt nghiêm trọng là máy bay B52 của Mỹ liên tục ném bom rải thảm vào các khu vực Cồn, Lý Ninh, Vạn Ninh, Hoa Thủy, Sen Thủy... Ngày 02 tháng 01 năm 1973, máy bay B52 ném bom rải thảm vào xã Quảng Sơn (Quảng Trạch), làm chết và bị thương 187 người, gây tội ác đẫm máu đối với nhân dân địa phương. Ngày 13 tháng 01, máy bay Mỹ ba lần ném bom vào xã Thanh Trạch (nam Phà Gianh), làm chết và bị thương 156 dân quân, công nhân.

Trước hành động chiến tranh dã man của giặc Mỹ, các lực lượng phòng không trên địa bàn kiên quyết nổ súng đánh trả địch, bảo vệ dân. Lưới lửa tầm thấp của dân quân, tự vệ tích cực bắn máy bay địch, buộc chúng phải tăng độ

cao, tạo điều kiện cho các đơn vị phòng không tầm cao tiêu diệt. Ngày 01 tháng 12 năm 1972, dân quân Lê Thuỷ hiệp đồng chiến đấu chặt chẽ với Trung đoàn cao xạ 214 bắn rơi chiếc máy bay thứ 700 của giặc Mỹ trên đất Quảng Bình. Ngày 31 tháng 12, Tiểu đoàn cao xạ 2/9 nổ súng kịp thời, bắn tan xác 1 máy bay A3J của địch. Ngày 04 tháng 01 năm 1973, trong một trận đánh phối hợp, Tiểu đoàn 9 cao xạ và Trung đoàn phòng không 234 đã bắn cháy 1 máy bay F4. Ngày 17 tháng 01, dân quân xã Ngư Thuỷ nêu cao cảnh giác, bắn rơi 1 máy bay trinh sát không người lái của không quân Mỹ, lập chiến công vẻ vang trong trận đánh cuối cùng kết thúc thắng lợi 8 năm chiến đấu chống cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. Đây là chiếc máy bay thứ 704 của Mỹ bị bắn rơi trên địa bàn tỉnh Quảng Bình và là chiếc thứ 4.181 bị bắn rơi trên miền Bắc.

Mọi hành động chiến tranh điên cuồng của đế quốc Mỹ vẫn không cứu vãn được thất bại tất yếu của chúng, tuyến vận tải chiến lược vẫn thông suốt; hậu phương trực tiếp của chiến trường được bảo vệ vững chắc, sẵn sàng thế trận đối phó với mọi âm mưu mới của kẻ thù. Ngày 15 tháng 01 năm 1973, Chính phủ Mỹ phải tuyên bố "Ngừng mọi hoạt động quân sự tiến công bao gồm ném, bắn trọng pháo và thả mìn" ở trên miền Bắc nước ta^(A35:279)

Cùng với cả nước đón mừng thắng lợi có tính chất quyết định của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, quân và dân tỉnh ta phấn khởi bắt tay vào thực hiện các nhiệm vụ mới. Ngoài công tác chuẩn bị cho chiến dịch vận tải "ngày N", tỉnh tiếp tục triển khai nhiệm vụ giúp đỡ mọi mặt cho vùng giải phóng Quảng Trị. 300 cán bộ các ngành quản lý kinh tế, giáo dục, y tế, quản lý chính quyền đã vào thị xã Đông Hà giúp tỉnh bạn công tác tiếp quản. Ban K15 (Ban tiếp đón đồng bào Quảng Trị) lập kế hoạch, chuẩn bị lực lượng, phương tiện để đưa đồng bào Quảng Trị ra sơ tán trở lại quê hương. Nhân dân toàn tỉnh vận động quyên góp các loại công cụ sản xuất, các loại giống cây trồng, vật nuôi... để giúp đồng bào Quảng Trị nhanh chóng khôi phục sản xuất, ổn định đời sống. Những ngày cuối cùng kết thúc một giai đoạn lịch sử, quân và dân tỉnh ta đã phấn đấu thực hiện mọi nhiệm vụ với tinh thần cách mạng tiến công, với khí thế sôi nổi, hào hùng của người chiến thắng.

Ngày 27 tháng 01 năm 1973, tại Pa ri, "Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam" được ký kết^(A192:150). Đội quân viễn chinh xâm lược Mỹ và các nước chư hầu phải rút hết toàn bộ khỏi miền Nam Việt Nam - Đây là một thất bại thảm hại của tên đế quốc đầu sỏ, hiếu chiến và tàn bạo nhất thế giới.

Bước leo thang chiến tranh phá hoại cao nhất của đế quốc Mỹ diễn ra trên địa bàn Quảng Bình chỉ 284 ngày, nhưng hết sức quyết liệt với nhiều thử thách hiểm nghèo. Kẻ thù đã sử dụng 19.000 lần chiếc máy bay các loại, trong đó có hơn 2.000 lần chiếc B52, dội xuống 25.000 loạt bom đạn; tàu chiến

Mỹ thực hiện trên 1.000 trận pháo kích, bắn vào các mục tiêu gần 5 vạn quả đạn pháo đủ cỡ. Tất cả là nhằm huỷ diệt, cắt đứt "cuống họng" nối liền giữa hậu phương và tiền tuyến. Được sự quan tâm cổ vũ và giúp đỡ của đồng bào, chiến sỹ cả nước, quân và dân Quảng Bình đã kiên cường bám trụ, kiên quyết đánh trả mọi thủ đoạn chiến tranh của kẻ thù. Từ ngày 05 tháng 4 năm 1972 đến 17 tháng 01 năm 1973, lực lượng vũ trang trên địa bàn đã bắn rơi, bắn cháy, bắn chìm 39 tàu chiến, 92 máy bay các loại; trong đó quân và dân địa phương độc lập chiến đấu, bắn cháy, bắn chìm 26 tàu chiến, 41 máy bay, bắt sống nhiều giặc lái Mỹ.

Trong cuộc đọ sức sống còn với kẻ thù tàn bạo, Quảng Bình đã giành được chiến thắng. Đặc biệt, trên mặt trận bảo đảm giao thông vận tải vô cùng ác liệt, gian khổ, chủ nghĩa anh hùng cách mạng của đồng bào, chiến sỹ tỉnh ta được phát huy đến mức cao nhất, chói sáng nhất - Đó là một đóng góp lịch sử!

* *

*

Trải qua 1.500 ngày đêm liên tục đương đầu với kẻ thù, nhân dân và lực lượng vũ trang Quảng Bình đã kiên trì đẩy mạnh cuộc chiến đấu chống lại chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, góp phần xứng đáng cùng với quân dân cả nước giành thắng lợi quyết định.

Với tinh thần "vì cả nước, với cả nước", quân và dân Quảng Bình tiếp tục phát huy mạnh mẽ truyền thống quê hương "Hai giỏi", hiệp đồng chặt chẽ với các lực lượng đứng chân trên địa bàn, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân ngày càng vững chắc, chiến đấu giữ vững địa bàn cầu nối giữa hậu phương với tiền tuyến. Đồng thời dốc hết sức mạnh làm tròn nghĩa vụ với miền Nam anh hùng, với Trị Thiên ruột thịt, với tỉnh bạn Sa - văn - na khét kết nghĩa. Trong cuộc chiến đấu quyết liệt với một kẻ thù có nhiều âm mưu, thủ đoạn xảo quyệt, có trang bị vũ khí hơn hẳn, lực lượng vũ trang địa phương đã ngày càng phát triển, trưởng thành về cả số lượng, chất lượng và hiệu quả chiến đấu, xứng đáng là lực lượng nòng cốt trong cuộc chiến tranh nhân dân đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại nguy hiểm của kẻ thù. Nhiều cán bộ, chiến sỹ đã anh dũng hy sinh, xả thân vì nước. Nhiều tập thể, cá nhân đã được tuyên dương danh hiệu cao quý: Anh hùng lực lượng vũ trang, được tặng thưởng nhiều huân, huy chương các loại.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, Quảng Bình vừa là điểm nóng của cuộc chiến tranh phá hoại của địch, vừa là điểm đầu của cuộc chiến tranh giải phóng của ta. Đây chính là chiến trường của cuộc chiến tranh ngăn chặn và chiến đấu chống ngăn chặn. Bởi vậy, quân và dân Quảng Bình luôn nhận

được sự quan tâm toàn diện của Trung ương Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch. Mỗi bước chuyển tiếp của lịch sử, mỗi lần nhận nhiệm vụ mới, Trung ương đều có sự chỉ đạo trực tiếp, cụ thể, tạo điều kiện thuận lợi để quân dân tỉnh ta hoàn thành nhiệm vụ. Kể vai sát cánh cùng nhân dân Quảng Bình trong cuộc chiến đấu bảo vệ hậu phương tuyến đầu, bảo đảm giao thông vận tải còn có hàng vạn cán bộ, chiến sỹ bộ đội, thanh niên xung phong từ khắp mọi miền đất nước về đây đóng góp máu xương, công sức cùng làm nên chiến thắng. Sự đóng góp to lớn đó đã giúp quân dân "Đất lửa" tăng thêm sức mạnh hoàn thành nhiệm vụ của mình.

Trước thời cơ lịch sử mới, quân và dân Quảng Bình càng nỗ lực phấn đấu hơn nữa, cùng với đồng bào, chiến sỹ cả nước quyết tâm đánh cho "Ngụy nhào", giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

2.6. Khôi phục và phát triển kinh tế – xã hội, dốc sức chi viện tiền tuyến giành thắng lợi hoàn toàn.

Trong 8 năm gây ra cuộc chiến tranh phá hoại chống miền Bắc, đế quốc Mỹ đã tập trung phần lớn lực lượng, phương tiện chiến tranh đánh phá hết sức ác liệt vào địa bàn Quảng Bình "Yết hầu" của tuyến vận tải chiến lược từ hậu phương lớn vào các chiến trường. Hành động chiến tranh của chúng đã gây ra nhiều tội ác đối với nhân dân trong tỉnh. Bom đạn giặc Mỹ đã giết hại hơn 14.000 người, hơn 22.000 người khác phải mang thương tật suốt đời; hàng vạn trẻ em phải sống trong cảnh mồ côi, hàng ngàn gia đình phải gánh chịu nhiều đau thương mất mát. Để trụ vững và đánh thắng kẻ thù, quân dân Quảng Bình chấp nhận chịu đựng sự khắc nghiệt của mọi thiếu thốn từ khí trời đến ngọn rau, hạt gạo để chiến đấu và sản xuất. Vì thế mà dịch bệnh hoành hành, sức khoẻ bị hao tổn nghiêm trọng. Toàn bộ cơ sở vật chất, kinh tế, kỹ thuật phục vụ sản xuất, đời sống đều bị đánh phá có tính chất huỷ diệt. 6 vạn nhà ở, gần 800 kho tàng, 116 trường học, 43 cơ sở y tế, hàng nghìn ô tô, phà, tàu thuyền và những cơ sở vật chất khác bị phá huỷ hoặc cháy hỏng. Hàng nghìn héc ta rừng bị cháy trụi, 5.394 héc ta đất canh tác bị hoang hoá; hơn 1 vạn trâu bò, 3 vạn con lợn bị bom đạn Mỹ giết chết. Hệ thống giao thông vận tải bị thiệt hại nặng nề. Hàng chục công trình thuỷ lợi, hàng trăm cơ sở sản xuất bị kẻ thù đánh phá hư hại mất khả năng hoạt động hoặc phải sửa chữa rất lớn. Cuộc chiến đấu đã tạm ngừng nhưng người Quảng Bình vẫn phải đổ máu ngay trên quê hương mình vì hàng vạn quả bom, đạn của giặc Mỹ đã để lại - Điều đó nói lên sự quyết liệt trong cuộc chiến đấu mới của quân và dân trong tỉnh: Cuộc chiến đấu hàn gắn vết thương chiến tranh, ổn định đời sống, khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, tiếp tục xây dựng hậu phương vững mạnh và làm tròn nghĩa vụ với tiền tuyến trong một giai đoạn cách mạng mới.

Trong những ngày đầu xuân tràn ngập niềm vui thắng lợi, quân và dân Quảng Bình vinh dự được đón đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Ban chấp hành Trung ương Đảng vào thăm và làm việc với tỉnh nhà. Nói chuyện với hàng ngàn cán bộ, chiến sỹ đại diện cho quân dân toàn tỉnh, đồng chí Bí thư thứ nhất khẳng định: " Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Quảng Bình đã có cống hiến xuất sắc thì trong công cuộc xây dựng hoà bình, Quảng Bình nhất định có thể trở thành một tỉnh tiêu biểu của miền Bắc xã hội chủ nghĩa"

Để lãnh đạo quân và dân trong tỉnh thực hiện tốt nhất chỉ thị của đồng chí Lê Duẩn, Tỉnh uỷ Quảng Bình đã họp ra nghị quyết nêu rõ: "...Động viên toàn Đảng, toàn dân và lực lượng vũ trang trong tỉnh nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng... tranh thủ điều kiện thuận lợi, tập trung hàn gắn vết thương chiến tranh, ổn định đời sống"

Phấn khởi trước sự quan tâm cổ vũ và tin cậy của Trung ương, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương, quân và dân toàn tỉnh khẩn trương triển khai thực hiện các mục tiêu đã được xác định trong Nghị quyết của Tỉnh uỷ.

Trong nhiệm vụ phục hoá, khai hoang mở rộng diện tích canh tác, lực lượng vũ trang địa phương luôn giữ vai trò nòng cốt dẫn đầu. Hàng vạn quả bom, pháo, đạn các loại được lực lượng công binh địa phương thu nhặt, phá huỷ. Hàng nghìn mộ liệt sỹ được cất bốc, quy tập vào các điểm quy định, các nghĩa trang tạm thời. Ngoài diện tích được phục hoá, diện tích đất đưa vào sản xuất ở vùng gò đồi, vùng núi tăng đáng kể. Sau hai năm kiên trì phấn đấu (1973-1974), diện tích đất phục hoá, khai hoang đưa vào canh tác được 2.000 héc ta, nâng diện tích sản xuất toàn tỉnh lên 49.000 héc ta.

Quyết tâm thực hiện " Thuỷ lợi đi trước một bước", Tỉnh uỷ chủ trương huy động các đơn vị bộ đội địa phương, dân quân - tự vệ và thanh niên thành lập các đội xung kích làm lực lượng chủ công trên mặt trận thuỷ lợi. Chấp hành chủ trương đó, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh chỉ thị cho các đơn vị bộ đội địa phương vừa kết hợp sẵn sàng chiến đấu với huấn luyện, vừa đưa quân đến trực tiếp tham gia lao động trên các công trình lớn. Riêng lực lượng dân quân, tự vệ phối hợp với Đoàn thanh niên thành lập "Quân đoàn 22" , có tổ chức từ xã lên huyện, tỉnh; mọi hoạt động đều được "Quân sự hoá" để dồn nhân lực vào các công trường tập trung đông người. Các tiểu đoàn 14, 16, 53, 2/9 bộ đội địa phương tỉnh và các đơn vị bộ đội địa phương của 6 huyện làm công tác tổ chức, nhận nhiệm vụ "Quân đoàn 22" ra đời, nhanh chóng ổn định biên chế, triển khai lực lượng đi vào hoạt động. Từ Cẩm Ly, Rào Nan, Đá Mài đến Đồng Ran, Tiên Lang...; từ Mỹ Trung, Bang đến Hữu Ngạn Kiến Giang, Hạc Hải..., không khí thi đua diễn ra nhằm giành năng suất lao động cao, chất lượng tốt, ngày công nhiều. Các đơn vị bộ đội thường xuyên đạt chỉ tiêu khối

lượng từ 150 đến 200%. Đặc biệt, Đại đội 362 Quảng Ninh đạt tới 250% mức khoán. Ở "Quân đoàn 22", phong trào thi đua cũng diễn ra rất hào hứng. Trên công trình ngăn mặn K6(An - Vạn - Tân), năng suất lao động luôn đạt ở mức 180%; "Đoạn đường 22" Quảng Tân năng suất đạt tới 180%. Tại công trường Đá Mài, các đơn vị của "Quân đoàn 22" đã phát huy sáng kiến vận chuyển bằng xe cải tiến nên năng suất đạt đến mức kỷ lục là 406%.

Cùng với lực lượng xây dựng cơ bản của ngành thuỷ lợi, lực lượng vũ trang tỉnh đã góp phần quan trọng khôi phục, hoàn chỉnh và xây dựng mới các công trình thuỷ lợi chủ yếu phục vụ cho sản xuất nông nghiệp trên địa bàn. Gần 29.000 héc - ta đất trồng cây lương thực được bảo đảm nước tưới; 1.000 héc ta thoát khỏi nạn ngập mặn và hơn 2.600 héc - ta được tiêu úng. Kết quả đó đã khẳng định vai trò nòng cốt của lực lượng vũ trang địa phương: Trong chiến đấu đã chiến thắng, trong lao động cũng giành được chiến thắng!

Kết quả sản xuất lương thực trong mấy năm đầu sau chiến tranh phá hoại ghi nhận sự nỗ lực rất lớn của quân và dân trong tỉnh. Vượt qua hậu quả chiến tranh và sự khắc nghiệt của thiên nhiên, Đảng bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang Quảng Bình đã nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, khắc phục mọi khó khăn trong sản xuất lương thực; từng bước giảm dần sự trợ giúp của Trung ương, phấn đấu vươn tới mục tiêu tự bảo đảm nhu cầu và làm tròn nghĩa vụ của mình đối với cả nước trong tình hình mới.

Trong 8 năm tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại đầy tội ác, đế quốc Mỹ đã sử dụng phần lớn bom đạn nhằm vào mục đích ngăn chặn tuyến vận tải chiến lược, huỷ diệt môi sinh và sự sống trên dải đất hẹp Quảng Bình. Hệ thống giao thông, các công trình phúc lợi, trường học, bệnh viện, nhà ở đã trở thành mục tiêu số 1 của kẻ thù. Hậu quả chiến tranh để lại trên thực tế là hết sức nặng nề. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương, nhân dân và lực lượng vũ trang nêu cao ý chí tự lực tự cường, chủ động giải quyết từng bước; khắc phục tư tưởng ỷ lại, trông chờ sự bao cấp của Trung ương.

Tỉnh đã phát động toàn dân tiếp tục hưởng ứng " Tết trồng cây làm theo lời Bác" để tăng nhanh diện tích rừng phủ đất trống, đồi trọc, đáp ứng yêu cầu quốc phòng và nhu cầu sản xuất, tiêu dùng trong nội bộ; phong trào "Trồng cây gây rừng" diễn ra sôi nổi cuốn hút từ giới phụ lão đến các em học sinh trong toàn tỉnh. Nhân dân các xã Tây Trạch, Đại Trạch (Bố Trạch); Quảng Tùng, Quảng Phú (Quảng Trạch); Phú Thủy, Ngư Thủy (Lệ Thủy) ... đã khắc phục khó khăn của thời tiết, trồng và tạo được nhiều dải rừng với hàng triệu cây trên đồi trọc, các triền cát ven biển. Sau 3 năm kiên trì thực hiện chủ trương " Phủ xanh đất trống, đồi trọc", ngành lâm nghiệp và nhân dân trong tỉnh đã trồng được 40 triệu cây các loại, trả lại màu xanh cho quê hương sau 10 năm chiến tranh ác liệt.

Để nhanh chóng khôi phục mạng lưới giao thông vận tải, Ty Giao thông chủ động phối hợp với các ngành, các địa phương tận dụng lực lượng và vật liệu tại chỗ, khẩn trương sửa chữa, nâng cấp và mở mới các tuyến đường. Chỉ trong một thời gian ngắn, 150 ki lô mét đường liên huyện, liên xã đã được đưa vào sử dụng; 23 cầu trên các trục đường chính được phục hồi vững chắc. Nhờ có trang bị thêm vật tư kỹ thuật, các cảng Gianh, Đồng Hới từng bước nâng cao năng lực tiếp nhận phương tiện vận tải biển và bốc dỡ hàng hoá. Đáp ứng yêu cầu chi viện chiến trường trước mắt và lâu dài, Bộ Tư lệnh Trường Sơn đã phối hợp với quân dân Quảng Bình tiến hành tu sửa, xây dựng cơ bản tuyến vận tải chiến lược đông và tây Trường Sơn đi qua địa phận tỉnh. Phát huy truyền thống bảo đảm giao thông vận tải trong 8 năm chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, các đơn vị bộ đội, thanh niên xung phong, hoả tuyến của Quảng Bình đã góp công sức cùng bộ đội Trường Sơn hoàn thành tuyến vận tải chiến lược. Kết quả lao động gian khổ đó đã góp phần không nhỏ vào nhiệm vụ vận chuyển một khối lượng lớn vật tư kỹ thuật, binh lực, hoả lực phục vụ chiến dịch Tổng tiến công chiến lược mùa xuân năm 1975 sau này.

Cùng với tuyến đường bộ, 215 ki lô mét đường sông cũng được khai thông luồng lạch, bảo đảm an toàn cho việc vận chuyển hàng hoá kinh tế, quốc phòng. Nhờ vậy, năng lực vận chuyển vượt xa thời kỳ trong chiến tranh. Năm 1973, tổng khối lượng hàng hoá địa phương vận chuyển được gần 40 vạn tấn, năm 1974 tăng gần gấp đôi năm trước. Cả 3 năm (1973-1975), trên 1 triệu tấn hàng hoá đã được vận chuyển an toàn, đáp ứng yêu cầu chi viện chiến trường và phục vụ kịp thời cho nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Với kết quả đó, một lần nữa, quân và dân Quảng Bình đã làm sống lại tinh thần "Xe chưa qua, nhà không tiếc; đường chưa thông không tiếc máu, tiếc xương" trong cuộc đọ sức với kẻ thù trước đây và đã giành được chiến thắng.

Để trụ vững và đánh thắng kẻ thù trong cuộc chiến tranh phá hoại chủ yếu bằng bom đạn của chúng, nhân dân Quảng Bình phải đưa mọi sinh hoạt và các hoạt động văn hoá giáo dục, y tế... xuống dưới mặt đất. Sau ngày địch ngừng bắn phá, việc đưa dân lên mặt đất và trả lại cuộc sống bình thường của con người là nhiệm vụ số 1 của cấp uỷ, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở.

Để khắc phục những khó khăn về làm nhà ở cho nhân dân, Tỉnh kêu gọi toàn dân vừa chủ động chuẩn bị vật liệu tại chỗ, đồng thời phát huy truyền thống tương thân tương ái, " Lá lành đùm lá rách"; giúp đỡ lẫn nhau để ai cũng có nhà ở, trẻ em có nơi học hành, người đau ốm có nơi chữa bệnh. Các đơn vị bộ đội địa phương và dân quân, tự vệ tập trung lực lượng, vật liệu sửa sang, xây dựng mới các công trình phúc lợi công cộng; giúp đỡ các gia đình chính sách, gia đình neo đơn, già cả... Nhân dân khắp địa phương đều đồng tâm hưởng ứng chủ trương của tỉnh. Ai có sẵn vật liệu thì tự làm nhà mình và

san sẻ cho gia đình chưa có. Địa phương nào dồi dào nguồn tranh, tre, gỗ, nứa thì giúp những nơi gặp khó khăn. Chỉ một thời gian ngắn, cuộc sống của hàng chục vạn dân cùng toàn bộ cơ sở phúc lợi xã hội đều được đưa lên mặt đất; trong đó có 1/3 số nhà được làm mới; 57 trạm y tế, 728 phòng học các cấp; 196 nhà trẻ, mẫu giáo và một số trạm phát thanh, nhà bảo tàng được gấp rút hoàn thành; 1/3 các cơ sở phúc lợi được làm bằng gỗ tốt, lợp ngói. Phải nói đây cũng là một chiến thắng mới của quân và dân Quảng Bình sau ngày đế quốc Mỹ ngừng bắn phá.

* *

*

Tuy đã thất bại, buộc phải rút quân ra khỏi Việt Nam, song đế quốc Mỹ vẫn bám giữ lập trường ngoan cố, tìm mọi cách cứu vãn nguy quyền Sài Gòn với nhiều thủ đoạn mới. Ở vào giai đoạn cuối của chiến tranh, địch vẫn tiếp tục cho không quân xâm phạm vùng trời Quảng Bình; chỉ trong tháng 02 năm 1975, đã có 5 lần máy bay SR71 và cánh quạt trinh sát dọc biên giới Việt - Lào.

Trước hành động khiêu khích chiến tranh của địch, Đảng uỷ, Bộ Tư lệnh Quân khu 4 nhận định trong tình huống địch gây lại chiến tranh ở miền Nam thì chúng sẽ liều lĩnh mở lại chiến tranh phá hoại đối với miền Bắc hoặc dùng bộ binh tiến công ra nam Quân khu 4.

Từ nhận định của Quân khu, tháng 3 năm 1973, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh đã hoàn thành phương án tác chiến sẵn sàng đánh địch với 3 khả năng; phương án được Bộ Tư lệnh Quân khu phê chuẩn, nhanh chóng được phổ biến và giao nhiệm vụ đến các đơn vị trong toàn tỉnh. Tháng 10 năm 1973, căn cứ vào hoạt động của địch trên chiến trường nói chung và địa bàn Quân khu 4 nói riêng, Bộ Tư lệnh Quân khu đã chỉ thị bổ sung nhiệm vụ cho lực lượng vũ trang Quảng Bình. Bộ chỉ huy quân sự tỉnh tiến hành hoàn chỉnh phương án tác chiến sẵn sàng chiến đấu mới với 5 tình huống và kế hoạch xử lý cho từng tình huống. Kế hoạch được Quân khu thông qua và được quán triệt sâu rộng thêm một bước trong lực lượng vũ trang tỉnh. Các trung đoàn, tiểu đoàn, đại đội bộ đội địa phương của tỉnh; cơ quan quân sự huyện, thị xã đã xây dựng phương án tác chiến từng vùng, từng khu vực địa bàn mình phụ trách. Ba đại đội 361, 363, 365 bộ đội địa phương của 3 huyện Lệ Thủy, Bố Trạch, Quảng Trạch được phát triển thành 3 tiểu đoàn trực thuộc huyện. Sau khi tiểu đoàn 13 pháo binh đi chiến trường, tỉnh thành lập tiểu đoàn 13 mới. Các đại đội pháo binh 8,9,10 luôn ở trạng thái sẵn sàng chiến đấu cấp 2. Tiểu đoàn 16 thông tin và Đoàn 80 cũng được phát triển do yêu cầu và nhiệm vụ mới. Các đơn vị pháo cao xạ 37 ly của Tiểu đoàn 9, Tiểu đoàn 2/9; lực lượng 12,7 ly của các đại đội 359, 360, 48, 362, 366, Tiểu đoàn 363, đại đội 12,7 ly thuộc trung đoàn 185 ở

tư thế " Sẵn sàng có địch là đánh, có lệnh là đi" Ở mỗi huyện, thị xã chọn 2 xã trọng điểm có phân đội 12,7ly vừa sản xuất, vừa trực chiến.

Cùng lực lượng phòng không, pháo binh, Tiểu đoàn 45 bộ binh thuộc Trung đoàn 185 được trang bị và tăng cường thêm các phương tiện thông tin, trinh sát và xe ô tô sẵn sàng cơ động đánh địch trên các hướng.

Đi đôi với chuẩn bị lực lượng sẵn sàng chiến đấu, công tác bảo đảm nắm địch được duy trì chặt chẽ, phối hợp đồng bộ Thông qua Trạm ra đa phòng không -không quân, hải quân, các trạm kiểm soát công an nhân dân vũ trang của các đồn Nhật Lệ, Thanh Khê, Roòn, Cha Lo, Làng Ho..., Bộ chỉ huy quân sự tỉnh đã kịp thời nắm chắc các hoạt động của địch. 4 đài quan sát ở Hoà Luật, Mồng Gà, Đồng Thành, cao điểm 151 (nằm trên đường chiến lược 15A); các cặp đài quan sát của đại đội 8, 9, 10 pháo binh; Tiểu đoàn 9, Tiểu đoàn 2/9 cao xạ; các đài của các đại đội chốt ở Hòn Bung, đường 16, đường 10; các đài của các tiểu đoàn, đại đội bộ đội địa phương huyện, thị xã và trung đoàn 185 hoạt động 24/24 giờ, tạo thành một mạng lưới nắm địch rộng khắp trên địa bàn.

Kết hợp nắm địch thông qua hệ thống đài quan sát, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh còn phối hợp tổ chức tuần tra canh gác dọc bờ biển giữa dân quân, du kích, công an vũ trang nhân dân và bộ đội địa phương ở các huyện, xã vùng biển. Các cấp, các ngành còn tổ chức giáo dục cho nhân dân vùng biển, vùng núi nêu cao tinh thần cảnh giác, hướng dẫn cách phát hiện địch....

Công tác bảo đảm thông tin liên lạc cũng được tổ chức chặt chẽ, nghiêm ngặt. Liên lạc giữa Bộ Tổng Tham mưu và Quân khu 4, tỉnh thường xuyên duy trì bằng mạng hữu tuyến và vô tuyến 15 W có đài canh. Hai huyện Bố Trạch, Quảng Trạch liên lạc bằng đường dây ưu tiên (nội bộ và bưu điện). Các Huyện đội, Thị đội, đại đội, tiểu đoàn độc lập, ngoài bảo đảm liên lạc bằng hữu tuyến nội bộ và bưu điện, còn tổ chức thêm mạng sóng cực ngắn 2 W và có quy định vượt cấp khi khẩn cấp. Hình thức liên lạc giản đơn (chạy chân) ... được luyện tập thường xuyên và duy trì chặt chẽ.

Nhằm bảo đảm yêu cầu chiến đấu, các đơn vị đã tu sửa lại công sự, trận địa. Ở các nơi đóng quân đều có hầm hào chiến đấu, sinh hoạt. Các bến bãi, kho tàng được bố trí lại và có phương án bảo vệ. Ngoài việc bảo đảm yêu cầu chiến đấu trước mắt, đầu năm 1974, Tiểu đoàn 7 công binh tiến hành khởi công xây dựng công trình phòng thủ quan trọng. Do khó khăn về kỹ thuật, vật liệu, xe máy... nên đến tháng 9 năm 1974 mới làm được 22 hầm bằng thanh bê tông lắp ghép và một số công trình phụ, đạt 25% kế hoạch.

Căn cứ vào thế bố trí chiến lược và để bảo vệ miền Bắc, đồng thời chuẩn bị cho không quân vươn xa vào phía Nam; cùng với các sân bay trên địa

bàn Quân khu như: Thọ Xuân, Vinh, Anh Sơn, sân bay Đồng Hới cũng được Quân chủng phòng không- không quân sửa chữa, khôi phục một bước. Đến cuối năm 1973, sân bay Đồng Hới được tăng cường lực lượng và trang thiết bị bảo đảm cho 1 đến hai biên đội tiêm kích của Trung đoàn 923, thuộc Sư đoàn 371 trực ban chiến đấu. Cuối năm 1974, toàn bộ lực lượng không quân chuyển trạng thái cấp 1, các biên đội trực ban chiến đấu trên sân bay Vinh, Đồng Hới được lệnh sẵn sàng đánh địch trên vùng trời nam Quân khu 4⁽¹⁾

Thực hiện ý định của Bộ Tư lệnh Quân khu, Sư đoàn 341 chủ lực cơ động của Quân khu được bố trí hầu hết trên các địa bàn tỉnh. Các Trung đoàn bộ binh 273, trung đoàn pháo, trường huấn luyện và sư đoàn bộ được bố trí ở khu vực tây nam Lệ Thủy. Từ bắc đường 10 (Quảng Ninh) đến Bồ Trạch là nơi đứng chân của trung đoàn 270⁽²⁾. Tháng 12 năm 1974, sư đoàn tổ chức diễn tập trên địa bàn ngã tư Thạch Bàn (Lệ Thủy) đến Đồng Hới. Kết quả đạt được qua cuộc diễn tập thể hiện quyết tâm và sẵn sàng cơ động đánh địch của cán bộ, chiến sỹ trên vị trí tuyến đầu của miền Bắc xã hội chủ nghĩa và cửa ngõ của Trung - Hạ Lào.

Sự hiệp đồng chặt chẽ, sẵn sàng đánh địch của lực lượng vũ trang địa phương với lực lượng không quân và Sư đoàn 341 đã làm thất bại ý đồ phiêu lưu quân sự của địch đối với Quân khu 4 nói chung và Quảng Bình nói riêng.

Những tháng cuối năm 1974, cục diện chiến trường miền Nam ngày càng chuyển biến có lợi cho ta. Cùng cả nước hướng ra phía trước, tháng 8 năm 1974, tỉnh lại tiếp tục bổ sung 980 đồng chí cho Sư đoàn 341: Gồm Đại đội 4, Tiểu đoàn cao xạ 2/9; Đại đội 3, Tiểu đoàn 13(mới) pháo binh, 560 cán bộ, chiến sỹ bộ binh và 203 cán bộ, chiến sỹ thông tin. Với số lượng đông, thời gian gấp rút, nhưng việc bàn giao vẫn tiến hành nhanh, gọn, đáp ứng yêu cầu của đơn vị bạn. Tháng 11 năm 1974, Quân khu lại giao cho Bộ chỉ huy quân sự Quảng Bình gấp rút huấn luyện 808 chiến sỹ mới tăng cường cho Sư đoàn 341 và Trung đoàn 79.

Qua hai năm 1973 - 1974, so sánh lực lượng địch - ta trên phạm vi cả nước, cũng như trên chiến trường miền Nam đã có những chuyển biến cơ bản rõ rệt, có lợi cho cách mạng, ta đã mạnh hơn hẳn địch. Trên cơ sở đó, Bộ Chính trị khẳng định quyết tâm chiến lược giải phóng miền Nam trong hai năm 1975 - 1976; đồng thời chuẩn bị phương án cực kỳ linh hoạt là sẽ giải phóng miền Nam trong năm 1975 khi xuất hiện thời cơ lịch sử.

Thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị, Ban chấp hành Trung ương Đảng, lực lượng vũ trang cả nước khẩn trương củng cố mọi mặt, sẵn sàng đón nhận nhiệm vụ lịch sử. Các đơn vị phía trước gấp rút chuẩn bị chiến trường, lực lượng phía sau sẵn sàng chờ lệnh. Trong khí thế sôi nổi của cả nước, tháng 02 năm 1975, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Quảng Bình được lệnh bổ sung hai tiểu

đoàn bộ binh, hai đại đội trinh sát, một đại đội thông tin và một đại đội hoá lực cối 82, ĐKZ, với tổng quân số 1.505 cán bộ, chiến sỹ cho Sư đoàn 341.

Ngày 15 tháng 02 năm 1975, Sư đoàn 341 vào chiến trường. Trong đội hình Sư đoàn có hàng ngàn con em Quảng Bình tham gia giải phóng miền Nam. Nhiều người mãi mãi nằm xuống ở Trảng Bom, Hố Nai, Biên Hoà, Long Bình - Nơi những dấu chân sư đoàn đi qua và làm nên chiến thắng.

Ngày 10 tháng 3 năm 1975, Tây Nguyên vang tiếng súng mở màn cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trên chiến trường miền Nam. Sau hai ngày chiến đấu, ta hoàn toàn làm chủ thị xã Buôn Ma - Thuột, đập vỡ một mảng lớn hệ thống phòng thủ của địch trên chiến trường Tây Nguyên. Tiếp đó, chiến dịch Huế - Đà Nẵng thắng lớn. Để đáp ứng yêu cầu sức người, sức của cho miền Nam trong tình hình mới, ngày 25 tháng 3 năm 1975, Hội đồng chỉ viện miền Nam ở Trung ương được thành lập, do đồng chí Phạm Văn Đồng, uỷ viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ làm Chủ tịch; đồng chí Lê Thanh Nghị, uỷ viên Bộ Chính trị, Phó thủ tướng làm Phó chủ tịch⁽¹⁾. Việc thành lập Hội đồng chỉ viện miền Nam ở Trung ương vào giờ phút lịch sử này thể hiện quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta trong việc huy động sức người, sức của cả nước chỉ viện kịp thời cho chiến trường giành thắng lợi quyết định.

Theo đà thắng lợi của cách mạng, những tuyến đường vận chuyển bằng đường biển, đường không mở rộng, vươn dài từ Bắc vào Nam. Hàng hoá, phương tiện vật chất kỹ thuật, bộ đội hành quân từ hậu phương lớn qua Quảng Bình nuốm nợp. Cảng Gianh, Cảng Nhật Lệ, tàu thuyền ra vào hối hả. Trên các tuyến đường bộ, xe cộ chuyển bánh ngày đêm tiến ra tiền tuyến. Lực lượng giao thông vận tải Quảng Bình dồn hết sức mình đưa nhanh hàng ra phía trước - Tất cả vì miền Nam toàn thắng!

Hướng ra chiến trường, hàng trăm cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang Quảng Bình nô nức làm đơn tình nguyện lên đường vào Nam chiến đấu; các đơn vị đều ở trong tư thế sẵn sàng đợi lệnh. Chỉ trong hơn hai tháng sau ngày Trị - Thiên - Huế được giải phóng, công an nhân dân vũ trang đã chỉ viện 6 đợt với 841 đồng chí cho lực lượng an ninh các tỉnh phía Nam.

Sau thắng lợi liên tiếp ở Tây nguyên và Trị - Thiên, khu 5, các vùng chiến lược mới được giải phóng mở ra thời cơ chiến lược để tiến hành cuộc Tổng tiến công và nổi dậy giải phóng Sài Gòn trong thời gian ngắn nhất với tư tưởng chỉ đạo: "Thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng"

Thực hiện quyết tâm của Bộ Chính trị, ngày 26 tháng 4, chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử bắt đầu. Sau 4 ngày chiến đấu anh dũng, ngày 30 tháng 4, năm cánh quân chủ lực của ta phối hợp với lực lượng vũ trang và đồng bào địa

phương tiến vào Sài Gòn như vũ bão đè bẹp sự phản kháng cuối cùng của Mỹ - Ngụy.

Cả nước đang tiến về Sài Gòn, toàn quân đang tiến về Sài Gòn. Trong đoàn quân hùng dũng đó có hàng ngàn người con Quảng Bình vinh dự góp sức mình cùng dân tộc làm nên chiến thắng.

Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng. Nhân dân ta đã thực hiện đầy đủ lời chúc đầu năm cuối cùng của Bác Hồ kính yêu trước lúc Người đi xa: "Đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào"

* *

*

Sau gần 10 năm chiến tranh khốc liệt, quân và dân Quảng Bình đã phát huy truyền thống yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng mà đỉnh cao là phong trào thi đua "hai giỏi", không quản ngại hy sinh, gian khổ, kiên cường và dũng cảm đánh bại 2 cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc của đế quốc Mỹ, duy trì sản xuất và ổn định đời sống, chi viện cao nhất sức người sức của cho chiến trường, đảm bảo thông suốt cho mọi sự chi viện của miền Bắc đối với chiến trường miền Nam, cùng cả nước đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược, góp phần quan trọng vào sự nghiệp thống nhất đất nước, cùng cả nước xây dựng Tổ quốc Việt Nam "Đàng hoàng hơn, to đẹp hơn" để thực hiện trọn vẹn lời di huấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Chương IX (XIV)

THỰC HIỆN
HAI NHIỆM VỤ CHIẾN LƯỢC

I. KHẮC PHỤC KHÓ KHĂN DO HẬU QUẢ CHIẾN TRANH ĐỂ LẠI TIẾP TỤC CHỈ VIỆN CHI TRỊ — THIÊN VÀ NƯỚC BAN LÀO, THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THỐNG NHẤT NƯỚC NHÀ

Sau cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước toàn thắng, hơn 40 vạn nhân dân Quảng Bình bắt đầu công cuộc hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, xây dựng lại Quảng Bình.

1.1. Khắc phục hậu quả chiến tranh, ổn định và bước đầu phát triển kinh tế xã hội

Sau chiến tranh, Quảng Bình đang đứng trước những khó khăn, thử thách hết sức gay gắt. Hậu quả chiến tranh hết sức nặng nề. Các công trình dân sinh, cơ sở kỹ thuật công nghiệp, nông nghiệp, nhất là hệ thống thủy lợi bị tàn phá, đất đai canh tác do bom đạn địch phong tỏa hoang hóa nhiều đang là gánh nặng trong quá trình khôi phục và xây dựng. Tài nguyên phong phú, nhưng công tác điều tra, khảo sát và qui hoạch chưa làm được bao nhiêu. Sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp lệ thuộc nhiều vào thiên nhiên. Nền kinh tế của tỉnh còn thấp kém và mất cân đối lớn. Đời sống nhân dân vẫn rất khó khăn. Khả năng và tiềm lực của địa phương chưa được phát huy, sản xuất phát triển chậm. Cơ sở vật chất kỹ thuật còn yếu và thiếu lại xây dựng không đồng bộ nên chưa phát huy tốt năng lực hiện có. Kiến thức khoa học kỹ thuật, trình độ tổ chức và quản lý kinh tế của các cấp bộ Đảng và cơ quan nhà nước, của các xí nghiệp, các hợp tác xã sản xuất còn nhiều mặt yếu, năng suất lao động thấp, có mặt còn trì trệ.

Tháng 6 năm 1975, bước vào thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới, Tỉnh Quảng Bình kịp thời tổ chức Hội nghị cán bộ chủ chốt toàn tỉnh nhằm tổng kết những thành quả qua hai năm thực hiện Nghị quyết 22 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI về nhiệm vụ khôi phục và phát triển kinh tế trong 2 năm (1973-1974), rút ra những kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo và chỉ đạo phong trào quần chúng từ đó vạch ra những chủ trương đúng đắn trong tình hình mới.

Tỉnh Quảng Bình đề ra các nhiệm vụ cụ thể:

Khôi phục và vượt mức năm 1965 về sản xuất nông nghiệp và năm 1971 về sản xuất công nghiệp – thủ công nghiệp. Tập trung vào trọng tâm là sản xuất lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và chú trọng việc sản xuất vật liệu xây dựng. Tăng nhanh nguồn thu nhập của địa phương, phấn đấu giải quyết phần lớn nhu cầu tiêu dùng trong tỉnh đồng thời bước đầu có hàng hóa làm nghĩa vụ đối với Trung ương; phấn đấu đến năm 1976 đảm bảo được các mặt hàng tiêu dùng trong tỉnh và tăng nhanh nguồn hàng cung cấp cho Trung ương và xuất khẩu.

Phát động phong trào lao động sản xuất và cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội, tổ chức lại sản xuất đảm bảo cho mọi người có công ăn việc làm, tăng năng suất, thu nhập của người lao động. Đẩy mạnh việc đào tạo công nhân kỹ thuật và cán bộ quản lý.

- Tăng nhanh tích lũy của địa phương để đảm bảo vốn đầu tư vào xây dựng cơ bản.

Đẩy mạnh xây dựng cơ bản, tập trung chủ yếu vào khôi phục và hoàn chỉnh các công trình đã có để phát huy hiệu quả, thúc đẩy nhanh tốc độ khôi phục và phát triển kinh tế. Đồng thời xây dựng mới các công trình then chốt đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ nhằm tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho kế hoạch phát triển kinh tế các năm sau.

Củng cố và hoàn thiện một bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, nâng cao trình độ quản lý trong các đơn vị quốc doanh và hợp tác xã, trước hết là hợp tác xã nông nghiệp, đảm bảo quyền làm chủ của công nhân và xã viên, giải quyết tốt mối quan hệ giữa hợp tác xã và Nhà nước, giữa hợp tác xã và gia đình xã viên, khắc phục hiện tượng tiêu cực trong đời sống kinh tế và xã hội.

Ổn định đời sống nhân dân, giải quyết tốt vấn đề ăn, đảm bảo tốt một bước vấn đề ở, cố gắng đáp ứng yêu cầu học tập, bảo vệ sức khỏe và di lại của nhân dân, động viên tinh thần tự lực cánh sinh, tự lực giải quyết để nâng cao đời sống trong mỗi cơ quan, hợp tác xã và gia đình xã viên.

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu và áp dụng khoa học kỹ thuật; xúc tiến các cuộc điều tra cơ bản về điều kiện tự nhiên và xã hội, tiến hành xây dựng phương án kế hoạch và các công tác chuẩn bị cho kế hoạch 5 năm lần thứ 2 (1976-1980).

- Cải tiến một bước việc lãnh đạo, chỉ đạo, tập trung vào trọng tâm kinh tế, tăng cường sự lãnh đạo kinh tế của các cấp Đảng bộ; tăng cường vai trò làm chủ kinh tế của quần chúng; đẩy mạnh công tác kế hoạch hóa và hạch toán kinh tế, đưa công tác quản lý kinh tế vào nền nếp, tạo điều kiện cho bước phát triển kinh tế, phát triển văn hóa với quy mô cao hơn, tốc độ nhanh hơn trong kế hoạch 5 năm lần thứ 2.

Tháng 7 năm 1975 Tỉnh Quảng Bình chủ trương phát động đợt thi đua mới trong toàn tỉnh lập thành tích chào mừng kỷ niệm Cách mạng tháng Tám và

ngày Quốc khánh 2-9, nhằm chuyển hành động cách mạng của quần chúng thành phong trào lao động sản xuất với tinh thần sôi nổi thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kế hoạch quí III và cả năm 1975.

Nông nghiệp là mặt trận hàng đầu có ý nghĩa quan trọng trong việc khôi phục kinh tế và ổn định đời sống của nhân dân vì vậy tỉnh đã đề ra nhiều chủ trương tăng diện tích gieo trồng sau chiến tranh. Các địa phương đã tiến hành khai hoang, phục hóa các chân ruộng gần đường giao thông bị bom đạn địch đánh phá. Nhiều người dân đã xung phong tháo gỡ bom mìn, san lấp hố bom mở rộng diện tích canh tác. Tỉnh đã thành lập đội thủy lợi thường trực 202, huy động các đơn vị quân đội như Trung đoàn 18 tập trung xây dựng nhiều công trình thủy lợi quan trọng giải quyết nước tưới cho những vùng khô hạn, khoanh vùng đấu úng cho những vùng thấp lệt. Nhờ đó cả diện tích, năng suất và sản lượng lúa vụ 8 đều tăng so với các năm trước đây. Vụ 8 năm 1975 toàn tỉnh đã gieo cấy được 7.900 ha đạt 122% so với kế hoạch, tăng 12% so với cùng kỳ năm 1974.

Vụ 10 năm 1975 do thời tiết nắng hạn kéo dài, các huyện gặp khó khăn trong việc thực hiện kế hoạch diện tích gieo trồng đề ra từ đầu năm. Diện tích gieo cấy vụ 10 toàn tỉnh đạt 14.235 ha, tăng 24% so với năm 1974 nhưng chỉ đạt 79% kế hoạch. Diện tích các loại cây trồng khác: lạc 106 ha, đậu 87 ha, ngô 152 ha, khoai lang 450 ha.

Sản lượng lương thực vụ chiêm toàn tỉnh đạt 7.050 tấn (kế hoạch 8.000 tấn). Các hợp tác xã nhanh chóng làm nghĩa vụ, đảm bảo việc nhập kho đúng thời hạn. Hợp tác xã Phú Lộc (Lộc Ninh - Quảng Ninh) là hợp tác xã đầu tiên trong toàn tỉnh hoàn thành vượt mức cả 3 chỉ tiêu thu nghĩa vụ, thuế và trả nợ 157 tấn/147 tấn. Để bảo đảm đủ nước tưới cho đồng ruộng, phong trào toàn dân làm thủy lợi đã đẩy lên sôi nổi ở các địa phương trong toàn tỉnh. Các đội thủy lợi chuyên trách 202 xây dựng các công trình thủy lợi lớn của tỉnh, các đội thủy lợi bán chuyên trách xây dựng công trình thủy lợi vừa ở huyện, thị. Đồng đảo nhân dân tập trung làm các công trình thủy lợi nhỏ, khơi vét kênh mương nội đồng. Với phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm" nhiều địa phương đã huy động sức người, sức của tập trung cho công tác thủy lợi và kiến thiết đồng ruộng.

Trong chiến dịch 55 ngày ra quân làm thủy lợi do Ủy ban hành chính tỉnh phát động, bình quân mỗi ngày tại các công trình có 33 ngàn người tham gia. Chỉ trong 15 ngày đầu đã làm được 375.850 ngày công, đào đắp vận chuyển 467.805 m³ đất đá. Trong đó kiến thiết cơ bản 124.887m³ và kiến thiết đồng ruộng là 279.140 m³ Cát bốc 4.572 ngôi mộ, khoanh vùng san lấp 50 ha. Nhờ tổ chức tốt lao động nên năng suất lao động trên các công trường thủy lợi đều đạt và vượt. Trong một thời gian ngắn năng lực tưới tiêu của toàn tỉnh đã tăng lên đáng kể; cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ nông nghiệp được phục hồi một

bước, các trạm trại, thiết bị máy móc nông nghiệp đã tăng nhiều so với những năm trước 1965. Cuối 1975, diện tích lúa và hoa màu được tưới là 36.862 ha, chiếm 46% diện tích gieo trồng, tăng 29,6% so 1971. Diện tích kiến thiết đồng ruộng được tăng lên, cuối năm 1975 có 10.800 ha ruộng được mở mang và kiến thiết. Trang bị cơ giới tăng lên, đến cuối 1975, tổng số máy kéo tiêu chuẩn có 392 chiếc, tăng 4,8 lần; diện tích được cày bừa bằng máy là 14.750 ha, tăng 4,5 lần; tỉ lệ cơ giới hóa đạt 19,5%, tăng 4 lần so với năm 1965. Về cơ khí nhỏ có 183 điểm chiếm 70,4% số hợp tác xã nông nghiệp, gồm 643 máy xát lúa và hơn 1.000 các loại máy khác. Để đẩy mạnh chăn nuôi ngành nông nghiệp đã phục hồi một số trại lợn quốc doanh, trại lợn cấp II ở huyện, xây dựng 7 điểm giống lợn hợp tác xã, 2 trại giống lúa, 1 trại thụ tinh lợn, 1 trạm thú y. Các cơ sở chọn lọc và sản xuất giống bước đầu phát huy tác dụng. Diện tích giống lúa cấp I có 25 ha. Giống ngô Gan-ga 5, giống khoai vụ chiêm đã được chọn lọc và sản xuất đại trà. Đã xây dựng mới 1 xí nghiệp chế biến thức ăn gia súc công suất 300 tấn/năm, bước đầu sản xuất có kết quả. Trong 3 năm (1973-1975) đã khôi phục được 2.350 ha, khai hoang mới 350 ha, đưa tổng diện tích gieo trồng đến cuối năm 1975 lên 73.981 ha. Nhờ làm tốt việc phát triển các loại giống mới, tăng cường thâm canh nên năng suất lúa tăng nhanh, vụ Đông Xuân 1974-1975 toàn tỉnh có 13 hợp tác xã đạt năng suất 5 tấn/ha/ha vụ, đặc biệt hợp tác xã Đức Ninh (Đồng Hới) đạt năng suất 6 tấn/ha. Sản lượng lương thực vụ Đông - Xuân tăng 3.000 tấn, năng suất bình quân tăng 2,5 tạ/ha so với năm 1973. Chăn nuôi bước đầu đã có sự tăng trưởng, riêng đàn lợn tăng 2 vạn con so với trước chiến tranh (1965).

Cùng với nông nghiệp, nghề đánh bắt thủy sản trong năm 1975 cũng đã có tiến bộ. Các hợp tác xã đánh cá ở huyện Bố Trạch và thị xã Đồng Hới vượt kế hoạch từ 2-7%. Hợp tác xã Quang Phú thị xã Đồng Hới là lá cờ đầu của ngành thủy sản miền Bắc, trong 6 tháng đầu năm đã đạt 80% kế hoạch năm. Sản lượng đánh bắt, chế biến thủy sản tăng góp phần cải thiện đời sống của nhân dân.

Về công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp:

Trong một thời gian ngắn đã khôi phục được một số cơ sở vật chất kỹ thuật và nhanh chóng đưa vào hoạt động phục vụ sản xuất, đời sống như xí nghiệp cơ khí 3-2, xí nghiệp sửa chữa ô tô A3, cơ khí Phà Bắc, cơ khí Tuyên Hóa, Kiến Giang, xí nghiệp đóng tàu Nhật Lệ, các cụm điện ở Rào Nan, Ba Đồn (Quảng Trạch), Nam Lý (Đồng Hới), Ninh Lộc (Lệ Thủy), các xí nghiệp được phẩm, in, gạch ngói 1-5, cửa mộc Ba Đồn, Trị Thiên, Ba Rền, xí nghiệp rượu Bồng Lai, công ty xây lắp công nghiệp; công ty đường dây... 30 hợp tác xã thủ công nghiệp chuyên nghiệp; 58 hợp tác xã gỗ, cá, muối; 180 lò rèn thủ công; 101 cơ sở chế biến gỗ...

Hầu hết các cơ sở công nghiệp quốc doanh và tiểu thủ công nghiệp bị đánh phá trong chiến tranh đến cuối năm 1975 đã được khôi phục và đi vào sản

xuất. Các xí nghiệp quốc doanh có: công nghiệp điện: 4 cụm, công nghiệp cơ khí: 9 xí nghiệp, công nghiệp hóa chất: 1 xí nghiệp dược, công nghiệp vật liệu xây dựng: 6 xí nghiệp, công nghiệp chế biến lâm sản 6 xí nghiệp và công nghiệp khác: 3 xí nghiệp. Trong đó, khôi phục và mở rộng 8 xí nghiệp, xây dựng mới 4 xí nghiệp, 75 cơ sở hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp được phục hồi và mở rộng sản xuất.

Ngành điện có công suất 3.800 KW với hệ thống đường dây 100 km, trong đó có 50 km từ 6-35 KV, công suất điện tăng gần 50 lần so với năm 1965. Ngành cơ khí có 9 xí nghiệp quốc doanh và có 6 cơ sở cơ khí huyện với hàng trăm máy động lực đã sản xuất hàng chục vạn nông cụ thường và nông cụ cải tiến và sửa chữa 150 xe/năm. Hai cơ sở tàu thuyền có khả năng sản xuất vỏ tàu và lắp máy tàu từ 23 đến 135CV, đóng phà sắt 25 tấn, canô từ 50-90CV. Ngành vật liệu xây dựng đã xây dựng mạng lưới sản xuất vật liệu xây dựng gồm 2 xí nghiệp đá với công suất 120.000 m³/năm, 1 xí nghiệp gạch quốc doanh với công suất 5 triệu viên/năm, 130 lò gạch ngói hợp tác xã công suất 23 triệu viên/năm (trong đó gạch 11 triệu viên/năm), 109 lò vôi với công suất 28.000 tấn/năm, 1 xí nghiệp bê tông, công suất 1.000 m³/năm.

Lâm trường Ba Rền được mở rộng đã đưa sản lượng ngành khai thác chế biến gỗ lên 15.000 m³/năm tăng gấp 2 lần so với năm 1965. Lực lượng sơn tràng và trâu kéo được phục hồi, khai thác hàng năm đạt từ 25.000-30.000 m³. Phục hồi và mở rộng 3 xí nghiệp của quốc doanh và 5 cơ sở hợp tác xã cửa xẻ gỗ có công suất 20.000 m³/năm. Ngành công nghiệp thực phẩm đã phục hồi xí nghiệp đánh cá sông Gianh, xí nghiệp rượu. Xí nghiệp dược phẩm di chuyển và xây dựng mới đưa năng lực sản xuất gấp 2 lần trước chiến tranh.

Trường công nhân kỹ thuật ở Đồng Hới được xây dựng và bắt đầu đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật của tỉnh.

Mặc dù ngành công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp của tỉnh còn gặp nhiều khó khăn, quy mô nhỏ, năng lực sản xuất còn hạn chế, trang thiết bị máy móc, công nghệ cũ, lạc hậu, năng suất lao động thấp nhưng những kết quả bước đầu đã có ý nghĩa to lớn. Công nghiệp tiểu thủ công nghiệp đã đóng góp quan trọng cho việc khôi phục sản xuất, cung cấp hàng tiêu dùng góp phần ổn định đời sống của nhân dân sau những năm chiến tranh.

Ngành giao thông vận tải sau chiến tranh đã phát triển nhanh chóng đáp ứng yêu cầu vận tải hàng hóa và đi lại của nhân dân.

Tổng khối lượng vận tải hàng hóa trong tháng đầu đợt phát động phong trào thi đua "Chào mừng Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2-9" thực hiện được 51.655 tấn đạt 25% kế hoạch quý. Trong đó hàng nhập 9.350 tấn đạt 18%; hàng xuất đi đạt 3.105 tấn bằng 44,3%/quý III, hàng nội tỉnh 39.200 tấn đạt 30% kế hoạch. Trong tháng 7 với sự nỗ lực của mình ngành vận tải đã chuyên chở được 45.500 lượt người đạt 45% kế hoạch đề ra. Ngành cũng đã

chuyên chở 8.000 lượt cán bộ, công nhân quê ở miền Nam đang sinh sống và làm việc tại Quảng Bình vào thăm gia đình sau ngày giải phóng. Với những nỗ lực cố gắng khắc phục khó khăn về trang thiết bị, xe, máy ngành giao thông vận tải quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ của năm 1975, đảm bảo kế hoạch trên-giao.

Đến cuối năm 1975 hầu hết các tuyến đường giao thông vận tải, bao gồm cả quốc lộ, tỉnh lộ được sửa chữa làm cầu gỗ, cống tạm bảo đảm thông xe kịp thời (trừ tuyến đường từ Bố Trạch đi Minh Hóa). Quốc lộ I được rải đá, láng nhựa trên toàn tuyến. Các tuyến tỉnh lộ cũng được tu sửa, nâng cấp (riêng tuyến 15A (Đá Đèo) mùa mưa sạt lở, đường tắc không lên Minh Hóa được). Nhiều cầu phà trên quốc lộ, tỉnh lộ được tu sửa, làm mới đảm bảo thông xe qua lại trên các tuyến. Hệ thống giao thông nông thôn cũng được khôi phục, một bước nhất là các tuyến đường liên huyện, liên xã. Một số địa phương còn xây dựng được mạng lưới giao thông nông thôn kết hợp với thủy lợi từ nhà ra ruộng, góp phần quan trọng trong việc giải phóng đôi vai, tăng năng suất lao động. Năng lực vận tải đường bộ, đường thủy tăng nhiều so với năm 1965. Đến cuối năm 1975, có 295 ô tô vận tải, 17 xe khách với 644 ghế, 11 tàu và 25 chiếc thuyền vận tải biển; 15 chiếc ca nô và 99 thuyền vận tải sông.

Cùng với việc đẩy mạnh sản xuất, tỉnh đã quan tâm tăng cường củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Năm 1975 tỉnh triển khai thực hiện Chỉ thị 208, chuyển dần các hợp tác xã đi vào làm ăn theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Tỉnh đã quy hoạch các vùng công nghiệp, xác định lại phương hướng sản xuất cho từng ngành, từng xí nghiệp, đi vào thực hiện chế độ hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Để tiếp tục thúc đẩy phát triển kinh tế — xã hội một cách ổn định và vững chắc hơn, Quảng Bình triển khai đề án phát triển các khu vực kinh tế trên địa bàn

Theo Đề án, tỉnh Quảng Bình hình thành 5 vùng - 5 đơn vị kinh tế cấp huyện:

Vùng nam Quảng Bình bao gồm huyện Lệ Thủy và 9 xã phía nam huyện Quảng Ninh: Từ phía nam Quán Hàu đến giáp Vĩnh Linh, với thế mạnh là nông, lâm nghiệp và phát triển nghề cá.

Vùng thị xã: Từ bắc Quán Hàu đến hết sân bay Lộc Ninh gồm 6 xã: Đức Ninh, Nghĩa Ninh, Lý Ninh, Lộc Ninh, Lương Ninh, Vĩnh Ninh, 7 hợp tác xã ngư nghiệp và 13 hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp của thị xã và nông trường Phú Quý: phát triển công nghiệp, nông nghiệp, chăn nuôi, chế biến.

Vùng giữa Quảng Bình - huyện Bố Trạch: Gồm 26 xã và 51 hợp tác xã: phát triển thế mạnh về nông nghiệp, lâm nghiệp và nghề cá.

Vùng bắc Quảng Bình - huyện Quảng Trạch: phát triển nông nghiệp, nghề biển, nghề truyền thống.

Vùng tây bắc Quảng Bình - huyện Minh Hóa và Tuyên Hóa: sản xuất cây công nghiệp dài ngày, chăn nuôi gia súc lớn, trồng rừng, bảo vệ rừng, khai thác chế biến lâm sản.

Đến cuối năm 1975, Quảng Bình đã hoàn thành một bước cơ bản về khôi phục các cơ sở vật chất kỹ thuật cho sản xuất và cho đời sống, đồng thời đã xây dựng mới nhiều cơ sở vật chất kỹ thuật, đẩy nhanh các hoạt động trên lĩnh vực sản xuất và phục vụ đời sống của nhân dân. Tổng số vốn đầu tư XDGB trong 3 năm (1973-1975) đạt 57,9 triệu đồng, trong đó xây lắp 33 triệu đồng. Nhờ kết quả của việc khôi phục và xây dựng trong 3 năm, đến cuối 1975, tài sản cố định toàn tỉnh có 168,7 triệu đồng, tăng 3,9 lần so với năm 1965. Năng lực sản xuất nhiều ngành đã tăng lên rõ rệt (chưa kể hàng chục triệu đồng do vốn Trung ương trực tiếp đầu tư xây dựng tại địa phương).

Giá trị tổng sản lượng công, nông nghiệp đã tăng 2,6% so với năm 1965, nhưng giá trị tổng sản lượng nông nghiệp chưa bằng năm 1965 và giá trị tổng sản lượng công nghiệp chưa bằng năm 1971.

Về sản xuất nông nghiệp, nhờ đưa giống mới vào sản xuất, năng suất lúa tăng lên nhanh; các chỉ tiêu chăn nuôi đã vượt hơn năm 1965 như đàn trâu, đàn lợn tăng 2 vạn con.

Về sản xuất công nghiệp: Điện, sản xuất, chế tạo và sửa chữa cơ khí; vật liệu xây dựng; công nghiệp chế biến nước mắm, muối, rượu và một số hàng thực phẩm, hàng tiêu dùng khác đã vượt năm 1971, có mặt vượt năm 1965.

Cơ cấu ngành kinh tế cũng được sắp xếp lại một bước. Đã tiến hành một số cuộc điều tra cơ bản, bước đầu xây dựng được phương hướng sản xuất, quy hoạch kinh tế của một số ngành, vùng. Những nhân tố mới trong các ngành sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và xây dựng ngày càng xuất hiện nhiều hơn trước. Công tác quản lý kinh tế ngày càng chặt chẽ, khắc phục được một bước các hiện tượng tiêu cực trong kinh tế và xã hội.

Trên lĩnh vực văn hóa xã hội, năm 1975 Đảng bộ và nhân dân tỉnh ta đã có nhiều cố gắng nhằm giải quyết những vấn đề cấp bách về ăn, ở, chăm sóc sức khỏe của nhân dân và việc học tập của con em.

Về giáo dục đào tạo: Sau ngày đất nước hoàn toàn giải phóng yêu cầu của công tác giáo dục đào tạo đặt ra cho Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình những nhiệm vụ hết sức nặng nề. Nhu cầu học tập của con em đòi hỏi phải tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trường lớp, đội ngũ giáo viên cho các cấp học.

Trong năm 1975, các địa phương đã tu sửa và làm mới 567 phòng học kịp khai giảng. Bước vào năm học 1975-1976, toàn tỉnh có 15.000 cháu vào các lớp nhà trẻ, mẫu giáo, 153 trường cấp I với 75.055 học sinh; 133 trường cấp II với 35.500 học sinh; 9 trường cấp III với 5.642 học sinh. Hệ thống các trường sư phạm mở rộng chiêu sinh đảm bảo việc đào tạo đội ngũ giáo viên cho sự nghiệp giáo dục trong thời kỳ mới. Cả tỉnh có 4 trường sư phạm: sư phạm mẫu

giáo, trung học sư phạm, sư phạm 10+3 và sư phạm bồi dưỡng với gần 3.000 giáo sinh và học viên. Ngoài ra, để phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của tỉnh các trường dạy nghề đã tăng cường cơ sở vật chất và đẩy mạnh công tác tuyển sinh. Các ngành đã xây dựng 11 trường dạy nghề, hàng năm có thể đào tạo 1.600 công nhân kỹ thuật. Trường nghiệp vụ kế hoạch có gần 400 học viên, trường cơ giới nông nghiệp có trên 200 học viên. Đội ngũ cán bộ và công nhân kỹ thuật được tăng cường. Đến cuối năm 1975 số có trình độ đại học là 1.113 người, tăng 4 lần, trung học có 3.620 người, tăng 2,5 lần so với năm 1965. Công nhân kỹ thuật có 7.126 người. Tỉnh đã mở một lớp đại học tại chức quản lý kinh tế cho 70 người.

Về y tế, qua hai năm (1973-1974) phấn đấu nâng cao sức khỏe của nhân dân, nhiều bệnh nguy hiểm, bệnh xã hội đã giảm rõ rệt. Sau ngày đất nước hoàn toàn giải phóng công tác chăm sóc sức khỏe của nhân dân được đẩy mạnh thêm một bước. Ngày 17/11/1975 Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Chỉ thị về công tác y tế trong tình hình mới. Chỉ thị nêu rõ: Công tác y tế cần nắm vững quan điểm: "Y tế phục vụ sản xuất, đời sống, quốc phòng, phục vụ nhân dân lao động, phục vụ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Y tế theo đúng hướng y học dự phòng; kết hợp Tây y với Đông y (tức y học hiện đại với y học cổ truyền dân tộc); dựa vào quần chúng lấy tự học là chính, đồng thời tranh thủ sự viện trợ và mở rộng hợp tác quốc tế về y tế"

Sau chiến tranh vấn đề nhà ở cho nhân dân đặt ra khá bức bách. Trong những năm của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, hơn 6 vạn nhà cửa của dân bị bom đạn giặc Mỹ phá hủy. Trước tình hình đó Đảng bộ chủ trương động viên tinh thần tự lực tự cường của nhân dân với sự hỗ trợ của Nhà nước nhanh chóng giải quyết vấn đề nhà ở. Trong 3 năm (1973-1975), chủ yếu năm 1975 nhân dân tỉnh ta đã xây dựng mới được 39% tổng số nhà ở, trong đó có 51% nhà ngói.

Cùng với nhà ở của dân, tỉnh đã chú trọng đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi tập thể, mở rộng thêm nhiều khu vực cơ quan, nhà ở tập thể cho cán bộ công nhân viên, giải quyết được cơ bản nơi làm việc của cơ quan cấp tỉnh ở vùng Cộn. Riêng năm 1975 tỉnh đã đầu tư 4,5 triệu đồng tăng 60% so với năm 1973 cho các công trình phúc lợi.

1.2. Tiếp tục chi viện cho Trị Thiên và giúp đỡ nước bạn Lào

Sau khi kết thúc chiến tranh, miền Bắc một lúc phải hoàn thành nhiều nhiệm vụ: đẩy mạnh công cuộc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đồng thời tiếp tục hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, chi viện cho miền Nam trong việc tiếp quản, ổn định tình hình các mặt, ổn định đời sống nhân dân, làm tròn nghĩa vụ quốc tế của dân tộc ta trong giai đoạn

mới. Quán triệt chủ trương đó, bên cạnh tập trung cho việc khắc phục hậu quả chiến tranh, ổn định sản xuất, đời sống cho nhân dân trong tỉnh nhân dân Quảng Bình đã tích cực chi viện cho Quảng Trị và Thừa Thiên trong việc tiếp quản và ổn định tình hình, đồng thời giúp đỡ cho tỉnh Savanakhét thuộc Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào trong giai đoạn đầu sau khi kết thúc chiến tranh đang gặp nhiều khó khăn. Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên vốn là vùng đất có lịch sử gắn bó với nhau rất lâu dài. Ngay từ khi Đảng ta ra đời, các tổ chức cộng sản đầu tiên của Quảng Trị, Quảng Bình đã có sự liên hệ giúp đỡ lẫn nhau để tổ chức và phát triển phong trào. Trong Cách mạng tháng Tám đặc biệt trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên là một chiến trường chung với tên gọi "Bình Trị Thiên khói lửa" đã từng chung lưng, đầu cật chia lửa với các chiến trường cả nước góp phần tạo nên chiến thắng Điện Biên Phủ lẫy lừng. Khi đất nước bị chia cắt, Quảng Trị, Thừa Thiên phải sống dưới ách đô hộ của chủ nghĩa thực dân mới là đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai bán nước, tình cảm của Quảng Bình vẫn luôn hướng về Trị Thiên ruột thịt. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, ở vào vị trí đầu cầu miền Bắc xã hội chủ nghĩa, hậu phương trực tiếp của tiền tuyến lớn miền Nam đồng thời cũng là hậu phương trực tiếp của chiến trường Trị Thiên, quân và dân Quảng Bình không ngại gian khổ hy sinh, góp công, góp của vì Trị Thiên ruột thịt, vì miền Nam thân yêu. Tình cảm với Trị Thiên được thể hiện trong các phong trào "Hũ gạo Trị Thiên", "Hạt gạo chia đôi, cọng rau bẻ nửa", "Tất cả vì đồng bào Trị Thiên thân yêu", "Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược". Có thể nói trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Đảng bộ, quân và dân Quảng Bình đã làm hết sức mình, trọn nghĩa, vẹn tình vì Trị Thiên ruột thịt.

Thấy được khó khăn của Quảng Trị và Thừa Thiên, thực hiện chủ trương của Trung ương, Quảng Bình đã cử cán bộ có năng lực vào giúp Quảng Trị, Thừa Thiên tiếp quản vùng mới giải phóng. Hàng trăm cán bộ, công nhân các ngành hăng hái xung phong vào Quảng Trị, Thừa Thiên công tác. Quảng Bình đã đưa 216 cán bộ biệt phái vào giúp Quảng Trị trong năm đầu mới giải phóng. Không những chỉ ở cấp tỉnh, các huyện, thị xã ở Quảng Bình cũng đã cử cán bộ vào giúp các huyện, thị xã hai tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên nhanh chóng ổn định tình hình. Thị xã Đồng Hới cử người vào giúp thị xã Đông Hà, huyện Cam Lộ (Quảng Trị). Cán bộ các ngành đều cử người vào giúp hai tỉnh bạn. Ngành Công an cử nhiều cán bộ chiến sỹ có năng lực tăng cường cho hai tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên góp phần tích cực giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội và xây dựng cơ sở ở địa phương. Ngành Tòa án đã cử cán bộ có trách nhiệm đi khảo sát tình hình Trị Thiên, đồng thời cử một số cán bộ biệt phái tham gia bộ máy Tòa án Quảng Trị. Các nhóm cán bộ tòa án tỉnh Quảng Bình tại hai tỉnh mới giải phóng Quảng Trị, Thừa Thiên đã tham gia xây dựng bộ máy Tòa án nhân dân của tỉnh và các huyện, cùng với các chuyên viên của Tòa

án tối cao mở lớp huấn luyện ngắn ngày cho cán bộ mới tuyển dụng, viết tài liệu tuyên truyền pháp luật cho nhân dân vùng mới giải phóng. Cán bộ Tòa án Quảng Bình tham gia cùng với cán bộ Tòa án Quảng Trị, Thừa Thiên thực hiện nhiệm vụ xét xử trừng trị bọn phản cách mạng và tội phạm hình sự, xây dựng tổ chức Tòa án cấp huyện và tổ hòa giải cơ sở. Ngoài ra cán bộ biệt phái của Tòa án Quảng Bình còn giúp bạn những kinh nghiệm về giải quyết các vụ án dân sự và hôn nhân gia đình. Đây là những vấn đề mới mẻ nhưng cũng rất nan giải đối với đa số nhân dân vừa thoát khỏi chế độ cũ chưa có kiến thức pháp luật và chưa quen với nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Không những giúp hai tỉnh bạn cán bộ để xây dựng, củng cố chính quyền, tổ chức bộ máy các cấp mà trong điều kiện có được tỉnh Quảng Bình còn chi viện đội ngũ cán bộ quản lý hợp tác xã, cán bộ khoa học, công nhân kỹ thuật để Thừa Thiên và Quảng Trị vượt qua khó khăn ban đầu. Trong những năm đầu sau giải phóng tỉnh Quảng Bình đã chi viện cho hai tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên 694 cán bộ kỹ thuật trong đó có 55 kỹ sư, 274 cán bộ trung cấp, hàng trăm công nhân kỹ thuật của nhiều ngành kinh tế, kỹ thuật để giúp bạn ổn định sản xuất. Theo yêu cầu của Quảng Trị và Thừa Thiên, lãnh đạo tỉnh Quảng Bình giao trách nhiệm cho cán bộ kỹ thuật cùng với Ty Công nghiệp, giúp hai tỉnh bạn xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp trong những năm tới. Cán bộ quản lý hợp tác xã nông nghiệp đã về cơ sở giúp một số địa phương ở Quảng Trị và Thừa Thiên xây dựng hợp tác xã nông nghiệp. Dù những ngày đầu sau giải phóng Quảng Bình còn nghèo nhưng chúng ta đã san sẻ một số vật tư thiết bị máy móc, con giống cho hai tỉnh để phát triển sản xuất. Hơn 30 máy bơm, 110 lợn giống, 209 con trâu bò, 811 tấn giống lúa, 2.800 tấn xi măng, hàng vạn mét khối gỗ đã nhanh chóng đưa vào Quảng Trị, Thừa Thiên góp phần khôi phục sản xuất nông nghiệp, xây dựng nhà cửa và các công trình công cộng khác. Năm 1975 Quảng Bình bị hạn nặng, vụ lúa 10 thất thu nhưng nghe tin Quảng Trị, Thừa Thiên xảy ra lũ lụt, gây thiệt hại nghiêm trọng tài sản, nhà cửa, Quảng Bình đã kịp thời chuyển vào 662 tấn lúa giống, 6 tấn hom sắn giống, 24 tấn giống khoai, 980 kg hạt rau, 646 tấn phân hóa học cùng 3 tấn thuốc chữa bệnh, 5.000 quyển vở, giúp Quảng Trị khôi phục sản xuất, trồng rau màu cứu đói và ổn định cuộc sống của đồng bào. Với tinh thần "lá lành đùm lá rách" và tình nghĩa Bình Trị Thiên ruột thịt, nhân dân Quảng Bình lại chất chiu, quỳn góp từng hạt gạo cùng Trị Thiên vượt qua khó khăn.

Ngành giáo dục đào tạo hai tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên gặp nhiều khó khăn về đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên. Giáo viên dưới chế độ cũ cần phải bồi dưỡng, đào tạo lại nhưng đồng thời phải bố trí giáo viên cho năm học mới sau ngày giải phóng. Trước tình hình đó Ty giáo dục Quảng Bình đã cử cán bộ quản lý và giáo viên có năng lực vào giúp bồi dưỡng cho lực lượng giáo viên tại chỗ, bổ sung đội ngũ giáo viên kịp thời khai giảng năm học mới.

Để đáp ứng nhu cầu tình cảm của cán bộ, nhân dân hai tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên tập kết về thăm quê hương sau ngày giải phóng, Sở Giao thông Vận tải đã huy động phương tiện chuyên chở 12.729 người cùng hàng nghìn tấn hàng ngoài kế hoạch cho Quảng Trị, Thừa Thiên. Ngay sau khi giải phóng tỉnh Quảng Bình đã cử 2 đoàn văn công và thuyền chuyển 4 đội chiếu bóng vào cho Quảng Trị, Thừa Thiên để đáp ứng yêu cầu công tác tuyên truyền, giáo dục cũng như nhu cầu đời sống tinh thần của nhân dân vùng mới giải phóng, sớm ổn định sản xuất, đời sống đẩy mạnh công cuộc phát triển kinh tế văn hóa xã hội, giữ vững quốc phòng an ninh.

Đối với tỉnh Savanakhet (Lào), thâm nhuần tình thân quốc tế vô sản "trong sáng thủy chung" theo chủ trương của Đảng và Nhà nước ta với cách mạng Lào, Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình tiếp tục giúp bạn trong những ngày đất nước Lào vừa giải phóng.

Trong 3 năm (1973-1975), tỉnh đã điều động 644 người, trong đó có 147 cán bộ khoa học kỹ thuật để giúp bạn ổn định phát triển sản xuất và xây dựng một số công trình phục vụ sản xuất, đời sống như công trình thủy lợi Na-tơ tưới trên 350 ha, xây dựng thị trấn Mường Phình, xây dựng vùng kho trung chuyển Nam-Lào; điều tra quy hoạch lập bản đồ hiện trạng và thổ nhưỡng huyện Đa Nhôm, khảo sát, xây dựng và sản xuất gỗ, lò gạch, ngói, vôi, khai thác đá, cát, sạn; cung ứng 655 tấn vật tư hàng hóa và một số thiết bị sản xuất và xây dựng với tổng số vốn đầu tư XDCB 4 triệu đồng; vận chuyển hàng ngàn tấn hàng hóa; giúp đỡ đào tạo 188 công nhân, cán bộ, trong đó có 40 công nhân kỹ thuật cơ khí và tiếp tục đào tạo 22 công nhân cơ khí nông nghiệp, 200 em học sinh cấp I.

Riêng ngành y tế, năm 1974 chúng ta đã giúp tỉnh Savanakhet xây dựng bệnh viện Mường Phình với 50 giường, cử chuyên gia sang giúp bạn trong công tác điều hành bệnh viện và điều trị bệnh nhân trong 3 năm (1974-1977).

Đầu năm 1976, tỉnh Quảng Bình tiếp tục giúp bạn xây dựng bệnh viện Sê Pôn với 7 ngôi nhà cấp II và III, trong đó có phòng khám đa khoa hai tầng cùng trang thiết bị y tế và tổ chuyên gia 5 người.

Mặc dù trong điều kiện còn nhiều khó khăn nhưng năm 1975 Tỉnh ủy đã quyết định giúp Savanakhet 1,5 triệu đồng để xây dựng cơ bản; tiếp tục cử 136 cán bộ gồm các ngành xây dựng, thủy lợi, nông, lâm nghiệp... sang giúp bạn khôi phục và phát triển kinh tế. Ngành Giao thông Vận tải trong năm 1975 đã giúp bạn vận tải một khối lượng hàng hóa lớn, tăng 37% so với năm 1974 và viện trợ 15 ô tô, 2 máy kéo, 2 máy ủi để giúp bạn tăng năng lực vận tải và phương tiện bảo đảm giao thông.

Những kết quả trên tuy không lớn song đã thiết thực giúp Savanakhet trong việc củng cố và xây dựng vùng mới giải phóng, thể hiện tình cảm thủy chung,

son sắt của Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình đối với cách mạng, nhân dân và đất nước Lào anh em.

2. THÀNH LẬP TỈNH BÌNH TRỊ THIÊN, ỔN ĐỊNH VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ, CHUẨN BỊ TIỀN ĐỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT CHO CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI.

2.1. Thực hiện chủ trương thống nhất nước nhà về mặt nhà nước và hợp nhất 3 tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên và khu vực Vĩnh Linh.

Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, đất nước đã hoàn toàn giải phóng nhưng về mặt nhà nước vẫn còn hai Chính phủ, ở hai miền có mặt trận và các đoàn thể quần chúng riêng. Tháng 8 năm 1975 Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III đã ra nghị quyết: "Về nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới" Nghị quyết chỉ rõ thống nhất Tổ quốc vừa là nguyện vọng vừa là yêu cầu khách quan của sự phát triển của cách mạng Việt Nam, vì "thống nhất càng sớm thì càng phát huy nhanh sức mạnh toàn dân của Tổ quốc"

Từ ngày 15 đến ngày 24/11/1975 Hội nghị hiệp thương chính trị của hai đoàn đại biểu Bắc - Nam họp tại Sài Gòn thống nhất tiến hành **tổng tuyển cử trên toàn lãnh thổ Việt Nam bầu ra Quốc hội chung của cả nước.** Hội nghị hiệp thương chính trị thống nhất Tổ quốc hai miền Bắc-Nam phản ánh thắng lợi vĩ đại của cách mạng nước ta, đồng thời thể hiện ý chí nguyện vọng của toàn dân ta. Hội nghị có nhiệm vụ bàn bạc để đi đến quyết định thống nhất Tổ quốc về mặt nhà nước, thực hiện Tổng tuyển cử trong cả nước bầu Quốc hội và các cơ quan lãnh đạo Nhà nước của nước Việt Nam thống nhất.

Thực hiện chủ trương của Trung ương, toàn tỉnh tích cực chuẩn bị cho công tác phục vụ tổng tuyển cử và bầu cử Quốc hội. Các địa phương đã làm tốt công tác tiếp xúc cử tri và đề cao quyền làm chủ của nhân dân thể hiện tinh thần dân chủ. Đây là điều kiện thuận lợi để người dân tự nói lên tâm tư nguyện vọng của mình thông qua đại biểu là các ứng cử viên sau khi trúng cử đến Quốc hội - cơ quan quyền lực cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Công tác chuẩn bị cho Tổng tuyển cử bầu Quốc hội thống nhất đã

được đã tạo nên sự phấn khởi, tin tưởng trong mọi tầng lớp nhân dân trên địa bàn.

Cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung của cả nước (Quốc hội khoá VI) ngày 25/4/1976 thực sự là ngày hội thống nhất non sông của dân tộc Việt Nam. Trong không khí tung bừng phấn khởi cùng với nhân dân cả nước, nhân dân Quảng Bình nô nức đi bỏ phiếu bầu những đại biểu xứng đáng, có đức có tài, đại diện cho ý chí, nguyện vọng của nhân dân vào Quốc hội thống nhất. Hơn 99% tổng số cử tri trong tỉnh, trong đó có huyện, xã 100% cử tri đi bỏ phiếu. Nhân dân Quảng Bình tự hào có những người con ưu tú được bầu vào Quốc hội của nước Việt Nam thống nhất đó là các vị Võ Nguyên Giáp, Cổ Kim Thành, Trần Thị Lý, Nguyễn Văn Phúc. Thắng lợi của cuộc Tổng tuyển cử bầu cử Quốc hội chung của cả nước là sự biểu thị hùng hồn ý chí của toàn dân đối với việc xây dựng một nước Việt Nam độc lập, thống nhất và chủ nghĩa xã hội, thực hiện Di chúc thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại "Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải cút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà"

Cùng với việc tiến hành bầu cử Quốc hội chung của cả nước, thực hiện Nghị quyết 24 của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết về việc hợp nhất một số tỉnh trong cả nước, trong đó có việc hợp nhất các tỉnh Quảng Bình, khu vực Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, tỉnh Thừa Thiên thành một tỉnh nhằm xây dựng các tỉnh trở thành những đơn vị kinh tế, kế hoạch và đơn vị tài chính có khả năng giải quyết đến mức cao nhất về sản xuất, phát triển kinh tế, tổ chức tốt đời sống vật chất, văn hóa của nhân dân.

Ngày 20/9/1975 Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã ra Nghị quyết số 245 quyết định hợp nhất ba tỉnh: Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên và khu vực Vĩnh Linh thành tỉnh Bình-Trị-Thiên. Các Đảng bộ ba tỉnh tiến hành chuẩn bị tốt mọi công việc tiến tới hợp nhất tỉnh.

Sau khi có Nghị quyết 245 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Bình chỉ đạo các cấp ủy, chính quyền, mặt trận, các đoàn thể phải lãnh đạo tốt công tác tư tưởng trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân để tạo sự nhất trí cao về chủ trương hợp nhất của Trung ương. Tuyên truyền mục đích, ý nghĩa và yêu cầu của việc hợp nhất tỉnh. Các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh chuẩn bị phương án tổ chức nhân sự cho việc hợp nhất. Phát huy truyền thống đoàn kết, truyền thống cách mạng Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình quyết tâm thực hiện tốt chủ trương hợp nhất tỉnh của Trung ương vì một tỉnh Bình Trị Thiên giàu mạnh.

Để lãnh đạo nhân dân trong tỉnh thực hiện nhiệm vụ mới, Ban Chấp hành Đảng bộ Quảng Bình triệu tập hội nghị toàn thể, có đại diện của các ban, ngành cấp tỉnh, huyện, thị ủy, ủy ban nhân dân huyện, thị tổng kết đánh giá

nêu cao những thành tựu đạt được qua 3 năm khôi phục kinh tế, ổn định đời sống, phát triển sản xuất và đề ra phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới. Hội nghị nhận định trong ba năm, kể từ ngày Hiệp định Pari về Việt Nam được ký kết, cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở Việt Nam kết thúc, Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình bắt tay ngay vào công việc khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục sản xuất và ổn định đời sống nhân dân. Hậu quả chiến tranh để lại đối với địa phương rất nặng nề nhưng trong một thời gian ngắn, với ý chí quyết tâm, phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng của quê hương "Hai giỏi", cán bộ, đảng viên, quân và dân Quảng Bình đã nỗ lực to lớn, từng bước hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục sản xuất và ổn định đời sống.

Về tình hình nhiệm vụ trong thời gian tới, Hội nghị nhận định: việc hợp nhất tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên và khu vực Vĩnh Linh sẽ tạo khả năng to lớn của nền kinh tế thống nhất, cùng cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Với khí thế phấn khởi, tinh thần cách mạng của quân chúng, Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình sẽ hoàn thành tốt việc hợp nhất và sẽ thu được nhiều thành tựu to lớn trong giai đoạn cách mạng mới.

Để tiến tới hợp nhất tỉnh, Ban Chấp hành Trung ương Đảng quyết định thành lập Ban chỉ đạo hợp nhất tỉnh Bình Trị Thiên do đồng chí Lê Tự Đồng - Bí thư Tỉnh ủy Thừa Thiên làm Trưởng ban và các đồng chí: Cổ Kim Thành - Bí thư Tỉnh ủy Quảng Bình; Hồ Sĩ Thản - Bí thư Tỉnh ủy Quảng Trị; Trần Đồng - Bí thư Đảng ủy khu vực Vĩnh Linh làm thành viên.

Từ ngày 15/1/1976 các ty, phòng trực thuộc ban ngành, đoàn thể của ba tỉnh và khu vực Vĩnh Linh họp bàn tình hình hoạt động, tổ chức cán bộ, cơ sở vật chất, triển khai những công việc đang tiếp tục làm và phương hướng nhiệm vụ kế hoạch năm 1976 của các ngành, địa phương mình, xác định chức năng, nhiệm vụ mới trong tỉnh hợp nhất trên cơ sở đó dự kiến tổ chức bộ máy biên chế, bố trí cán bộ và định kế hoạch hợp nhất. Các địa phương tổng hợp tình hình, lấy ý kiến thảo luận báo cáo với ban chỉ đạo, thời gian từ 15/1/1976 đến 31/1/1976.

Ngày 31-2-1976 Ban chỉ đạo hợp nhất tỉnh Bình Trị Thiên họp và nhất trí thành lập "Tiểu ban tuyên truyền chuẩn bị tư tưởng cho hợp nhất tỉnh"

Thực hiện những nội dung trên, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, các ty, phòng trực thuộc, ban ngành, đoàn thể, các huyện, thị đã tổng hợp tình hình theo Thông báo số 586/VP của địa phương, gửi báo cáo cho Ban chỉ đạo hợp nhất tỉnh. Trong quá trình tiến hành về mặt tổ chức, kiểm kê, tổng hợp cơ sở vật chất các cấp ủy Đảng chỉ đạo các đơn vị làm tốt công tác tuyên truyền nhân dân thực hiện chủ trương của Trung ương.

Thực hiện chủ trương của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Bộ Chính trị về việc hợp nhất tỉnh, ngày 6-3-1976, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Quyết định số 2603 QN-NS/TW chỉ định Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Trị

Thiên gồm 39 ủy viên; Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 13 người do đồng chí Nguyễn Hữu Khiếu làm Bí thư, đồng chí Cổ Kim Thành - Phó bí thư Tỉnh ủy Thường trực Đảng; Đồng chí Bùi San - Phó bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Trị Thiên, đồng chí Nguyễn Húng - Phó bí thư Tỉnh ủy.

Từ ngày 2 đến ngày 4 tháng 4 năm 1976 Tỉnh ủy Bình Trị Thiên đã họp và ra Nghị quyết phân công Tỉnh ủy mới để kịp thời bắt tay vào việc chỉ đạo nhiệm vụ, công tác trong toàn tỉnh.

Ngày 18 tháng 4 năm 1976 Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Trị Thiên ra quyết định tổ chức những ngày kỷ niệm lớn trong năm: Kỷ niệm 1 năm thắng lợi hoàn toàn cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (30/4/1975-30/4/1976), Quốc tế 1-5; làm lễ ra mắt Ủy ban nhân dân tỉnh, công bố thắng lợi việc hợp nhất tỉnh và chào mừng thắng lợi bầu cử Quốc hội chung của cả nước.

Ngày 1/5/1976 tại Quảng trường Phú Văn Lâu (Huế) Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Trị Thiên công bố ra mắt trước toàn thể đồng bào và cán bộ trong tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Trị Thiên gồm có 15 vị do ông Nguyễn Húng làm Chủ tịch và các ông Ngô Đình Văn, Trần Đông, Nguyễn Văn, Nguyễn Văn Đài làm Phó Chủ tịch, ông Lê Tư Sơn làm ủy viên thường trực và 9 ủy viên ủy ban. Tại tất cả các huyện, thị trong tỉnh tổ chức lễ chào mừng thắng lợi bầu cử Quốc hội, kỷ niệm một năm giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất đất nước.

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Trị Thiên ra lời kêu gọi toàn thể đồng bào, cán bộ, đảng viên, chiến sỹ trong tỉnh "Tiếp tục phát huy truyền thống vẻ vang trong chiến tranh yêu nước, nêu cao ý chí phấn đấu cách mạng, không dừng lại nghỉ ngơi, không lùi bước trước khó khăn, ra sức lao động sản xuất và công tác quyết giành thắng lợi mới"

Đến tháng 9/1976, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ra Thông báo số 2573/TBNS/TW chỉ định đồng chí Bùi San - Phó bí thư Tỉnh ủy làm Bí thư tỉnh ủy Bình Trị Thiên thay đồng chí Nguyễn Hữu Khiếu nhận công tác khác. Ngày 4-10-1976 Ban Bí thư Trung ương Đảng ra quyết định số 2777/NQNS/TW bổ sung thêm các đồng chí Nguyễn Đình Bảy, Thái Bá Nhiệm, Nguyễn Chi vào Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh, đưa số lượng Tỉnh ủy viên lên 41 đồng chí.

Tỉnh Bình Trị Thiên bao gồm tỉnh Thừa Thiên, Quảng Bình, Quảng Trị và khu vực Vĩnh Linh hợp nhất thành một tỉnh có diện tích 18.430 km², dân số gần 1,7 triệu người với 657.760 lao động gồm 20 huyện và một thành phố, 2 thị xã và 1.036 xã. Chiều dài của tỉnh hơn 300km từ đèo Ngang đến đèo Hải Vân, có bờ biển dài 340km và đường biên giới chung giáp với các tỉnh thuộc vùng Trung-Hạ Lào. Do điều kiện lịch sử, tỉnh Bình Trị Thiên tạm thời có hai vùng với những đặc điểm khác nhau về kinh tế, xã hội. Quảng Bình và Vĩnh

Linh từ năm 1954 đến năm 1975 đã đi trước một bước trong cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Quảng Trị và Thừa Thiên vừa mới được giải phóng khỏi sự thống trị áp bức của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, ảnh hưởng của chủ nghĩa thực dân mới rất nặng nề trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa, xã hội. Nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Quảng Bình, Vĩnh Linh, Quảng Trị, Thừa Thiên đã có tình cảm gắn bó, cùng chung lưng đấu cật qua lịch sử đấu tranh của dân tộc, đặc biệt qua hai cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược. Bước vào giai đoạn cách mạng mới, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, Đảng bộ và nhân dân Bình Trị Thiên sẽ phát huy sức mạnh tổng hợp của một tỉnh được hợp nhất, đoàn kết xây dựng quê hương giàu đẹp. Về mặt thuận lợi căn bản Trung ương đã khẳng định "Bình Trị Thiên có vị trí quan trọng về chính trị, văn hóa, quốc phòng, có tài nguyên tương đối phong phú và nhân lực dồi dào để phát triển toàn diện nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp (cả sản xuất và chế biến), công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng và nhiều ngành thủ công nghiệp và công nghiệp khác. Bình Trị Thiên có nhiều di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh để phát triển du lịch.

2.2. Khắc phục khó khăn, cùng nhân dân toàn tỉnh Bình trị Thiên phấn đấu vượt qua thời kỳ khủng hoảng kinh tế

Sau khi hợp nhất tỉnh, Bình Trị Thiên vẫn còn gặp nhiều khó khăn, phức tạp, do vị trí địa lý và hoàn cảnh của mỗi địa phương có sự khác nhau về kinh tế - xã hội.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước ở vào vị trí tiền tiêu của hai miền Bắc-Nam, mấy chục năm qua Bình Trị Thiên là nơi độ sức lớn giữa ta và địch. Quảng Bình, Vĩnh Linh, Quảng Trị, Thừa Thiên đều bị chiến tranh tàn phá nặng nề, để lại hậu quả nghiêm trọng trên nhiều lĩnh vực sản xuất và đời sống. 3 thị xã, 15 thị trấn và 3/4 số làng xã bị san bằng, 70% dê đập bị phá hỏng, gần 40% diện tích rừng bị chất độc hóa học và bom đạn tàn phá. Ruộng đồng chằng chịt hố bom, dưới đất còn hàng triệu vật nổ, hàng vạn người hồi cư thiếu lương thực, nhà ở, việc làm. Môi trường và hệ sinh thái mất cân bằng. Điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt với nhiều tiểu vùng khí hậu khác nhau. Cả tỉnh bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội trong lúc toàn tỉnh vẫn ở trong tình trạng sản xuất nhỏ, cơ sở vật chất kỹ thuật ít ỏi, nghèo nàn, công nghiệp nhỏ bé, năng suất thấp, đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn, trong khi yêu cầu giải quyết đời sống và công ăn việc làm của quần chúng rất lớn và cấp bách, nhiều việc đòi hỏi phải khẩn trương cải tạo và xây dựng.

Quảng Trị và Thừa Thiên là vùng mới giải phóng, cơ sở xã hội cũ địch để lại khá phức tạp, trên 3 vạn tên nguy quân, nguy quyền tan rã tại chỗ cùng với

các đảng phái phản động và bọn phản động đội lốt tôn giáo vẫn âm mưu gây rối, chống phá cách mạng.

Vừa thoát khỏi chiến tranh Quảng Trị và Thừa Thiên đang trong quá trình xây dựng chính quyền cách mạng, lãnh đạo nhân dân ổn định tình hình, khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh mới tròn một năm, công việc còn nhiều khó khăn đòi hỏi cần có thời gian và sức lực. Do điều kiện lịch sử nên ở thời kỳ đầu có sự phát triển không đồng bộ về cơ cấu tổ chức, về trình độ cán bộ, tác phong làm việc.

Tỉnh Quảng Bình và khu vực Vĩnh Linh vừa là tiền tuyến của hậu phương lớn miền Bắc xã hội chủ nghĩa, vừa là hậu phương trực tiếp của tiền tuyến lớn miền Nam, trong những năm chiến tranh bị tàn phá nặng nề và để lại hậu quả nghiêm trọng.

Trong thời kỳ 1973-1976 nhân dân Quảng Bình đã nỗ lực tiến hành việc hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục sản xuất, ổn định đời sống, tiếp tục chi viện cho tiền tuyến và Trị Thiên sau những ngày mới giải phóng. Tuy bước đầu đạt được những thành tựu trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, nhưng tình hình vẫn còn nhiều khó khăn trong sản xuất và đời sống.

Những thuận lợi và khó khăn chung và riêng của từng khu vực nói lên những đặc trưng khách quan của một tỉnh Bình Trị Thiên hợp nhất.

Nhiệm vụ trọng tâm là tập trung phát triển kinh tế, phát triển văn hóa, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân, cố gắng giải quyết vấn đề lương thực và thực phẩm, góp phần vào việc ổn định chính trị và trật tự an toàn trên địa bàn toàn tỉnh.

Thực hiện những nhiệm vụ mới của Đảng bộ Bình Trị Thiên, khắp các huyện, thị, thành trong tỉnh đã bắt tay ngay vào việc triển khai các nhiệm vụ kinh tế, xã hội ở địa phương. Các chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước năm 1976 của các huyện, thị xã đều đạt và có chỉ tiêu tăng khá so với năm 1975. Tổng sản lượng lương thực toàn tỉnh Bình Trị Thiên 35.400 tấn, đạt kế hoạch đề ra và tăng hơn năm 1975 11 vạn tấn, diện tích gieo trồng tăng 17,2%. Huyện Bố Trạch diện tích canh tác từ 10.400 ha năm 1976 lên 14.000 ha năm 1977, năng suất lúa tăng 27,6%. Nổi bật là xã Đức Ninh huyện Quảng Ninh đạt 7 tấn/ha trên diện tích 2 vụ. Chăn nuôi toàn tỉnh phát triển khá, đàn trâu tăng 8%, bò tăng 10%, lợn tăng 10,4%. Nhiều xã và hợp tác xã có phong trào chăn nuôi tốt như Đức Ninh (Quảng Ninh), Phúc Lý (Bố Trạch). Giá trị sản lượng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đều tăng. Thị xã Đồng Hới giá trị tổng sản lượng toàn ngành thủ công nghiệp năm 1976 tuy gặp nhiều khó khăn về nhập nguyên liệu sản xuất song giá trị sản lượng vẫn đạt kế hoạch. Nhiều cơ sở tiểu thủ công nghiệp được phục hồi và mở rộng thu hút trên 1 vạn lao động, sản xuất nhiều mặt hàng mới với nguyên liệu địa phương. Nghề sản xuất muối ở Đồng Hới hoàn thành kế hoạch năm 1976 trước ngày 19/8/1976.

Trong xây dựng cơ bản, tập trung sửa chữa lớn và mở rộng diện tưới, tiêu của hệ thống trung, đại thủy nông như Cẩm Ly, Đá Mài, Rào Nan, Đập Bè... mà chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ làm hư hỏng nặng. Xây dựng mới gần 200 công trình thủy lợi nhỏ và vừa, đẩy mạnh công tác khoanh vùng kiến thiết đồng ruộng.

Các hoạt động giáo dục, y tế, thể dục, thể thao, thông tin văn hóa được phát triển tận cơ sở. Công tác phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân được chú trọng.

***Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng.**

Sau cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội thống nhất trong cả nước, Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam độc lập, thống nhất ra đời, cách mạng Việt Nam bước sang một giai đoạn phát triển mới. Để tiếp tục giương cao ngọn cờ lãnh đạo của Đảng, Trung ương Đảng quyết định tổ chức Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IV. Đại hội lần thứ IV của Đảng là Đại hội toàn thắng của sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, là Đại hội tổng kết những bài học lớn của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước; là Đại hội **Thống nhất Tổ quốc** đưa cả nước tiến lên con đường xã hội chủ nghĩa.

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IV chính thức khai mạc từ ngày 14 đến ngày 20/12/1976. Tham dự Đại hội có 1.008 đại biểu thay mặt cho hơn 1,5 triệu đảng viên trong cả nước, 29 đoàn đại biểu của các Đảng và tổ chức quốc tế đến dự và chào mừng Đại hội.

Trên cơ sở đường lối chung, Báo cáo chính trị do Tổng bí thư Lê Duẩn trình bày trước Đại hội nêu lên đường lối xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn cách mạng mới ở nước ta mà nhiệm vụ trọng tâm là: "Đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa"^(A184:58-59)

Đại hội cũng đã thông qua phương hướng nhiệm vụ và mục tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế xã hội từ năm 1976 đến năm 1980 với hai mục tiêu cơ bản là:

- Xây dựng một bước cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, bước đầu hình thành cơ cấu kinh tế mới trong cả nước mà bộ phận chủ yếu là cơ cấu công - nông nghiệp.

- Cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân lao động.

Đại hội đã thông qua Nghị quyết đổi tên Đảng Lao động Việt Nam thành Đảng Cộng sản Việt Nam, trở lại tên Đảng do đồng chí Nguyễn Ái Quốc nêu ra và được Hội nghị hợp nhất ba tổ chức Đảng tháng 2/1930 quyết định. Đại hội đã bầu 101 ủy viên chính thức của Ban Chấp hành Trung ương và 32 ủy viên dự khuyết. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ nhất bầu ra Bộ Chính trị gồm 14 ủy viên chính thức và 3 dự khuyết, Ban Bí thư gồm 9 đồng

chí. Đồng chí Lê Duẩn được bầu làm Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

*** Đại hội Đại biểu Đảng bộ Bình Trị Thiên lần thứ nhất**

Để tổ chức thực hiện các chủ trương do Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV đề ra, Đảng bộ Bình Trị Thiên đã triệu tập Đại hội Đại biểu lần thứ nhất vòng hai, từ ngày 19 đến 23-5-1977. Tham dự đại hội có 600 đại biểu chính thức thay mặt cho hơn 50.000 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đại hội đã đánh giá tình hình sau một năm nhập tỉnh, những thành tích đạt được trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị-xã hội, quốc phòng, an ninh và xây dựng Đảng. Đại hội cũng rút ra những hạn chế trong thời gian qua như: công tác lãnh đạo, chỉ đạo chưa được quan tâm toàn diện, coi trọng nông nghiệp nhưng chưa chú trọng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp..., chưa chú ý chỉ đạo lĩnh vực kinh tế, chậm có nghị quyết về an ninh quốc phòng. Công tác chính quyền và đoàn thể chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp của chuyên chính vô sản, quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

Đại hội đã thông qua nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch kinh tế - xã hội và công tác xây dựng Đảng trong những năm 1977-1980.

Đại hội quyết định phương hướng nhiệm vụ chung của Bình Trị Thiên từ 1977 đến 1980 là: “quyết tâm xây dựng một bước cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa và tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện, cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân... Tập trung sức giải quyết vững chắc vấn đề lương thực, thực phẩm và tăng nhanh hàng tiêu dùng; xây dựng quốc phòng toàn dân vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội”^(A184:62-65).

Mục tiêu kinh tế - xã hội 2 năm 1977-1978 là phải tích cực tranh thủ thời gian, phát huy khí thế cách mạng, nỗ lực vươn lên nhanh chóng tạo ra một bước chuyển biến mạnh mẽ trong việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, đưa các huyện trong tỉnh tiến lên đồng đều trong việc tổ chức sản xuất. Trọng tâm là đẩy mạnh sản xuất lương thực thực phẩm để đến năm 1978 tự giải quyết về lương thực, sản xuất hàng hóa phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu.

Đại hội đã đề ra 5 mục tiêu cụ thể:

Tập trung lực lượng đẩy mạnh sản xuất toàn diện, phát triển cân đối giữa trồng trọt và chăn nuôi, quyết tâm phấn đấu trong vài năm tới bảo đảm nhu cầu về lương thực và thực phẩm cho người, cho chăn nuôi và có dự trữ.

- Tất cả các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phải tận lực sản xuất, tăng cường ngành điện lực, cơ khí, sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông, lâm, hải sản, sản xuất hàng mỹ nghệ... nhằm tăng nhanh sản phẩm hàng hóa, đảm bảo nhu cầu về hàng tiêu dùng và vật liệu xây dựng của nhân dân địa phương, có hàng hóa trao đổi với các tỉnh bạn và xuất khẩu.

- Phân bố lại lao động hợp lý giữa các vùng và các ngành kinh tế, sử dụng tốt nguồn lao động dồi dào hiện có, làm cho mỗi người, mỗi gia đình có thu nhập, rèn luyện con người hăng say lao động, lao động phải có kỹ thuật, có năng suất cao.

- Đẩy mạnh xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa ở huyện, thị, thành phía nam, tiếp tục hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở huyện, thị phía bắc, tích cực tạo mọi điều kiện cho toàn tỉnh phát triển đồng đều, tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

- Xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, làm cho hệ tư tưởng Mác-Lênin và đường lối, chính sách của Đảng chiếm ưu thế trong đời sống chính trị và tinh thần của nhân dân; bài trừ văn hóa đồi trụy, mê tín dị đoan, giải quyết cơ bản các tệ nạn xã hội, hoàn thành thanh toán nạn mù chữ, đảm bảo cuộc sống lành mạnh văn minh.

Đối với thị xã Đồng Hới, tập trung chỉ đạo xây dựng trở thành "Trung tâm công nghiệp phía bắc tỉnh Bình Trị Thiên có cơ cấu công, nông nghiệp hợp lý" phát triển thế mạnh của 5 vùng kinh tế: vùng đô thị, vùng biển, vùng đồng bằng, vùng gò đồi, vùng rừng.

Để đạt được 5 mục tiêu lớn trên 4 vùng kinh tế toàn tỉnh cần phát huy 4 thế mạnh: nông nghiệp, nghề rừng, nghề cá và vật liệu xây dựng. Trước mắt cần tổ chức 5 mũi tấn công: thủy lợi, khai hoang phục hóa, trồng cây gây rừng, thủy sản, vật liệu xây dựng.

|

Để nâng cao khả năng tập trung nguồn lực phát triển phù hợp với từng địa bàn, ngày 11 tháng 3 năm 1977 Hội đồng Chính phủ ra Quyết định số 62/CP về việc hợp nhất và điều chỉnh địa giới một số huyện thuộc tỉnh Bình Trị Thiên. Đối với khu vực Quảng Bình:

Hợp nhất huyện Lệ Thủy và huyện Quảng Ninh thành một huyện lấy tên là huyện Lệ Ninh.

Hợp nhất huyện Minh Hóa và huyện Tuyên Hóa thành một huyện lấy tên là huyện Tuyên Hóa.

- Sáp nhập các xã Văn Hóa, Phù Hóa, Cảnh Hóa, Tiến Hóa, Mai Hóa, Châu Hóa, Ngư Hóa, Cao Hóa và Quảng Hóa của huyện Tuyên Hóa vào huyện Quảng Trạch.

- Sáp nhập vùng lâm nghiệp Ba Rền và Cổ Tràng ở phía Bắc sông Long Đại thuộc huyện Quảng Ninh vào huyện Bố Trạch.

Như vậy khu vực **Quảng Bình** lúc này gồm có: **Thị xã Đồng Hới, huyện Lệ Ninh, huyện Bố Trạch, huyện Quảng Trạch, huyện Tuyên Hóa.**

Thực hiện chủ trương xây dựng cấp huyện vững mạnh, các huyện, thị xã ở Quảng Bình đã coi trọng công tác quy hoạch tổng thể, đẩy mạnh công tác điều

tra từ đó xác định mô hình kinh tế hợp lý đối với từng huyện, thị. Cùng với việc quy hoạch, phân vùng kinh tế các huyện, thị đã từng bước tổ chức lại sản xuất, xây dựng kinh tế kết hợp với quốc phòng, **tăng cường cấp huyện, xây dựng cấp huyện** vững mạnh toàn diện.

Ở khu vực các huyện phía bắc (Quảng Bình) đã trải qua thời kỳ xây dựng hợp tác xã, việc tổ chức sản xuất đã cải tiến một bước, có tiến bộ trong quản lý, tổ chức sản xuất tăng năng suất lao động; cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ sở phúc lợi tập thể được tăng cường, đời sống của nhân dân có bước cải thiện và làm tốt nghĩa vụ với Nhà nước. Tuy vậy, yêu cầu của việc tổ chức lại sản xuất trên địa bàn cấp huyện theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa đã đặt ra cho các huyện ở khu vực Quảng Bình nhiều nhiệm vụ và mục tiêu cần phải tích cực phấn đấu.

Ngoài huyện Bố Trạch là huyện trọng điểm chỉ đạo của tỉnh, các Huyện trên địa bàn Quảng Bình đã tích cực tổ chức lại sản xuất, củng cố hợp tác xã, hoàn thiện quan hệ sản xuất mới. Từ Tuyên Hóa, Quảng Trạch, Bố Trạch, Lệ Ninh đều có kế hoạch xây dựng quy hoạch tổng thể, bố trí lại cơ cấu sản xuất phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương.

Đối với thị xã Đồng Hới, tỉnh xác định phải tăng cường đầu tư, nhanh chóng tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ, xây dựng thị xã Đồng Hới trở thành khu công nghiệp phía Bắc của tỉnh, là trung tâm kết hợp công nghiệp với các huyện quanh vùng.

Các xí nghiệp quốc doanh cấp tỉnh trên địa bàn Đồng Hới cùng với tiểu thủ công nghiệp thị xã hình thành một cơ cấu kinh tế công nông nghiệp địa phương phát triển và cùng với các xí nghiệp Trung ương đóng trên địa phương tạo thành sức mạnh tổng hợp của ngành công nghiệp phục vụ đắc lực cho phát triển kinh tế của các huyện ở Quảng Bình.

Thị xã Đồng Hới vốn là trung tâm tỉnh lỵ của Quảng Bình trước đây nay trở thành khu công nghiệp phía Bắc của tỉnh Bình Trị Thiên, trong 2 năm 1977-1978 đã cố gắng vừa xây dựng cơ sở vật chất vừa đẩy mạnh sản xuất, chủ yếu tập trung vào các ngành công nghiệp cơ khí và sửa chữa thiết bị. Nhà máy cơ khí 3/2 có công suất 250 tấn/năm được mở rộng đưa công suất lên 1.500 tấn/năm. Công nghiệp điện: xí nghiệp điện Nam Lý có công suất 1.200KW với tổng sản lượng điện 4,5 triệu KW/h/năm và sẽ xây dựng để nâng công suất lên 14.000KW trong kế hoạch năm 1978-1980 nhằm bảo đảm nguồn điện phục vụ cho sản xuất và đời sống, xí nghiệp cơ khí sửa chữa ô tô A3 đưa công suất sửa chữa lên 500 xe/năm. Các ngành công nghiệp khác như khai thác gỗ và chế biến lâm sản, rượu Bông Lai, xí nghiệp Dược phẩm, Lương thực, sản xuất bánh kẹo, may mặc, gia cầm... đều được đầu tư nâng công suất để tăng nhiều sản phẩm. Đặc biệt ngành công nghiệp vật liệu xây dựng đã phát triển mạnh. Đến năm 1978 xí nghiệp quốc doanh gạch ngói đã phấn đấu đưa sản phẩm lên 20 triệu viên/năm. Xí nghiệp bát sứ có công suất 10 triệu sản

phẩm/năm được đưa vào hoạt động năm 1977. Đẩy mạnh khai thác đá, cát sạn làm nguyên liệu cho sản xuất tiểu thủ công nghiệp và xây dựng, phát triển sản xuất bê tông, granitô. Ngành cơ khí đã tập trung đẩy mạnh sản xuất các nông cụ cải tiến: đập cày 51, xe ba gác, xe bò bánh lốp và phụ tùng xe đạp, đồ dùng gia đình. Thị xã Đồng Hới đã phục hồi và phát triển ngành chế biến gỗ và các lâm sản, sản xuất đồ mộc dân dụng, mộc truyền thống cao cấp, đóng thuyền đánh cá và vận tải. Nghề chế biến hải sản phát triển mạnh nhất là các mặt hàng truyền thống như nước mắm, ruốc, mắm cá..., việc chế biến màu lương thực cũng được phát triển phục vụ đời sống của nhân dân. Các mặt hàng tiểu thủ công nghiệp phục vụ đời sống như hàng may mặc, lương, phấn viết, tinh dầu trầm, lốp xe đạp, đồ nhựa phát triển nhanh.

Trong điều kiện còn nhiều khó khăn nhưng Đồng Hới đã có cố gắng đẩy mạnh sản xuất các mặt hàng xuất khẩu. Ngoài một số mặt hàng truyền thống ổn định như trầm cỏ nhồi, đã sản xuất một số mặt hàng mới như măng trúc, hàng mây song, trầm bẹ ngô...

Năm 1978 có 10/16 xí nghiệp hoàn thành vượt mức kế hoạch từ 2 đến 10%. Năm 1980 giá trị sản lượng các ngành sản xuất trên địa bàn đạt 30 triệu đồng. Riêng sản xuất công nghiệp tăng 59% so với năm 1976.

Có 12/18 xí nghiệp quốc doanh và 7/17 hợp tác xã thủ công nghiệp đạt và vượt mức kế hoạch Nhà nước 5 năm liên tục. Giá trị hàng xuất khẩu năm 1980 tăng 32% so với năm 1979 và 125% so với năm 1976. (1)

Hai năm liên 1977-1978 diện tích gieo trồng, sản lượng lương thực đều tăng so với kế hoạch. Tổng diện tích gieo trồng năm 1980 tăng 40% so với năm 1976; diện tích màu tăng 170%, sản lượng màu tăng 157%. Tổng sản lượng lương thực qui thóc năm cao nhất (1978) đạt 10.000 tấn; trung bình hàng năm đạt 8.400 tấn. Trong chăn nuôi, số lượng trâu, bò, lợn tăng 3,5 lần so với năm 1976. Thị xã Đồng Hới có tổng đàn 24.000 con. Các ngành giao thông vận tải, phân phối lưu thông giữ vững được kế hoạch đề ra. Các hoạt động văn hóa thông tin bám sát nhiệm vụ chính trị hoạt động có hiệu quả trong việc tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, cổ vũ động viên khí thế cách mạng của quần chúng, phát huy truyền thống "2 giỏi" trong sự nghiệp xây dựng quê hương.

Đến năm 1979, quy hoạch thị xã Đồng Hới được mở rộng, nhiều khu dân cư được hình thành. Đồng Hới có thêm 4 xã nông nghiệp của huyện Lệ Ninh chuyển về gồm Nghĩa Ninh, Đức Ninh, Lý Ninh, Lộc Ninh đã tạo điều kiện cho thị xã Đồng Hới tổ chức lại sản xuất, kết hợp công - nông nghiệp trên địa bàn.

Các huyện Lệ Ninh, Bố Trạch, Quảng Trạch, Tuyên Hóa là những địa bàn xa trung tâm tỉnh lỵ tuy vậy dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, sự chỉ đạo trực

(1) Báo cáo tổng kết của Đảng bộ thị xã Đồng Hới tại Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ 15 (10/1/1980)

tiếp của Đảng bộ huyện đã đạt được nhiều thành tích trên các lĩnh vực xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội, ổn định đời sống, giữ vững quốc phòng an ninh.

Diện tích gieo trồng tăng dần theo từng năm: Huyện Lệ Ninh năm 1977 có 19.518 ha, đến năm 1980 có 32.156 ha. Huyện Quảng Trạch năm 1976 diện tích canh tác 7.000 ha thì đến năm 1978 đã là 12.450 ha. Huyện Tuyên Hóa là một huyện miền núi, rẻo cao gặp rất nhiều khó khăn trong điều hành sản xuất, mở rộng diện tích tuy vậy diện tích gieo trồng năm 1976 chỉ có 8.150 ha đã lên 10.290 ha năm 1979. Huyện Bố Trạch đưa diện tích lên 14.475 ha vào năm 1979, tăng 1.700 ha so với năm 1978.

Từ việc tăng diện tích và kết hợp việc áp dụng khoa học kỹ thuật nên năng suất, sản lượng lương thực, ngày càng tăng. Tổng sản lượng lương thực tại huyện Lệ Ninh tăng từ 31.858 tấn năm 1977 lên 41.676 tấn năm 1980; Quảng Trạch sản lượng lương thực năm 1978 đạt 30.177 tấn tăng 62,1% so với năm 1977; Tuyên Hóa từ 7.875 tấn năm 1977 lên 11.909 tấn năm 1978; Bố Trạch đạt 16.000 tấn năm 1979 tăng 3.000 tấn so với năm 1978 (1)

Cùng với việc phát triển nông nghiệp, các ngành nghề phụ cũng không ngừng phát triển. Tổng số đàn trâu, bò, lợn của các huyện tăng về số lượng và chất lượng.

Với những thành tựu đạt được trên lĩnh vực kinh tế đã thúc đẩy sự phát triển đi lên của lĩnh vực văn hóa xã hội. Đời sống của nhân dân không ngừng được cải thiện. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Về công tác đối ngoại, Tỉnh Bình Trị Thiên đã xác định là một trong ba nhiệm vụ chiến lược quan trọng vì vậy đã chăm lo giáo dục tinh thần quốc tế để làm tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, xây dựng và bảo vệ quê hương trong giai đoạn mới, phải tăng cường hợp tác quốc tế, đồng thời làm tròn nghĩa vụ quốc tế, củng cố tình hữu nghị truyền thống Việt Nam - Lào - Campuchia.

Thực hiện chủ trương của Đảng về tăng cường liên minh chiến lược ba nước Đông Dương nhằm đẩy lùi sự can thiệp của các thế lực đế quốc và phản động, giữ vững độc lập của mỗi nước và hòa bình ổn định chung ở khu vực, với tinh thần "giúp bạn là tự giúp mình" Tỉnh ủy đã có những chủ trương và việc làm thiết thực.

Đối với cách mạng và nhân dân Lào, trong quá khứ các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên đã có quan hệ hữu nghị đặc biệt cho hai dân tộc, hai nước, giờ đây tỉnh Bình Trị Thiên hợp nhất, Tỉnh ủy chủ trương kết nghĩa toàn diện với tỉnh Savanakhét (Lào) là tỉnh có chung biên giới, thực hiện tốt về hoạch định biên giới Lào - Việt và giúp nhau trong quá trình xây dựng phát

(1) Báo cáo tổng kết của huyện Lệ Ninh, Quảng Trạch, Bố Trạch, Tuyên Hóa năm 1980.

triển kinh tế - xã hội của hai tỉnh; tổ chức cho các huyện biên giới của hai tỉnh kết nghĩa với nhau.

Đối với Căm-pu-chia, sau khi thoát khỏi họa diệt chủng, tình hình cách mạng của Căm-pu-chia vẫn cực kỳ khó khăn. Thực hiện chủ trương của Đảng, năm 1978 tỉnh Bình Trị Thiên kết nghĩa với tỉnh Mondônkiri, sau đó là tỉnh Xiêm Riệp- Ôtđô-Miên Chay. Tỉnh đã cử nhiều cán bộ chuyên gia trên nhiều lĩnh vực sang giúp tỉnh bạn xây dựng kiến thiết lại đất nước. Trong số chuyên gia sang giúp bạn, cán bộ của Quảng Bình đã đóng góp một lực lượng đáng kể.

Trên cơ sở mối quan hệ truyền thống, thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước giữ mối quan hệ hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa, tỉnh Bình Trị Thiên đã kết nghĩa với nước Cộng hòa Bê-lô-rút-xi-a (Liên Xô cũ) nhằm tranh thủ sự đồng tình ủng hộ và cùng hợp tác trong quá trình xây dựng phát triển kinh tế - xã hội.

Trong quan hệ quốc tế, Bình Trị Thiên còn kết nghĩa với vùng Emilia-Romanha (Italia) nhằm mở rộng sự hợp tác, hữu nghị với các nước khác trong giai đoạn phát triển mới.

Các hoạt động đối ngoại của tỉnh trong thời gian này đã góp phần làm tròn nghĩa vụ quốc tế đối với cách mạng Lào và Căm-pu-chia, tăng cường xây dựng tình hữu nghị, đoàn kết quốc tế với các nước khác, mở rộng quan hệ quốc tế, từng bước phá thế bao vây cấm vận của Mỹ và các thế lực thù địch chống phá cách mạng nước ta.

* Đại hội đại biểu đảng bộ Bình Trị Thiên lần thứ II

Đại hội được tiến hành tại thành phố Huế từ ngày 6-1-1981 đến ngày 11-1-1981. Tham dự đại hội có 346 đại biểu thay mặt cho hơn 5 vạn đảng viên toàn Đảng bộ.

Đại hội đã thông qua bản báo cáo tổng kết sự lãnh đạo của Đảng bộ và tình hình của tỉnh nhà trong 5 năm qua, nhất là từ sau Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất và đề ra nhiệm vụ hai năm (1981-1982).

Đại hội xác định phương hướng, nhiệm vụ chung cho những năm tới là: Nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, phát huy sức mạnh tổng hợp của 5 vùng, 5 thế mạnh (nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, khoáng sản vật liệu xây dựng, du lịch) nhằm xây dựng Bình Trị Thiên thành một tỉnh "giàu về kinh tế, vững về chính trị, mạnh về quốc phòng và an ninh, đẹp về văn hóa" Để thực hiện mục tiêu đó toàn Đảng bộ cần tập trung thực hiện tốt 5 nhiệm vụ: Đẩy mạnh sản xuất; củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; khai thác tốt nhất mọi khả năng về lao động, đất đai, tài nguyên; củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; chuyển biến mạnh mẽ và sâu sắc về tổ chức; làm tròn nghĩa vụ quốc tế.

Năm nhiệm vụ cơ bản trên phải được thực hiện trên cả 5 vùng: vùng đồng bằng; vùng gò đồi; vùng núi; vùng biển; thành phố, thị xã. Huế phải được xây

dựng thành trung tâm công nghiệp, trung tâm văn hóa, du lịch, khoa học kỹ thuật. Đồng Hới, Đồng Hà phải được xây dựng thành những thị xã sản xuất và chiến đấu; thành những khu công nghiệp (cả tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp).

Đại hội đề ra nội dung cơ bản của nhiệm vụ hai năm 1981-1982 là: "Sử dụng tốt nhất những khả năng thực tế sẵn có, nhất là tận dụng lao động trong từng cơ sở, tổ chức lại lao động trên địa bàn huyện, tỉnh; bố trí hợp lý vốn đầu tư, cải tiến mạnh mẽ công tác quản lý, công tác phân phối, lưu thông, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, thực hành triệt để tiết kiệm. Tập trung cao cho nông nghiệp, trước hết là đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm; đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu; phát triển sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế, xã hội; ổn định và phát triển kinh tế, giảm bớt khó khăn, tiến lên cải thiện một bước đời sống nhân dân; đồng thời đảm bảo quốc phòng và an ninh." (A184:96-97)

Sau Đại hội đại biểu Đảng bộ Bình Trị Thiên lần thứ II, nhân dân trong tỉnh bắt tay vào việc thực hiện kế hoạch Nhà nước năm 1981, năm mở đầu kế hoạch 5 năm 1981-1985.

Đúng vào thời gian này, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ chín, ngày 1/1/1981 Ban Bí thư ra Chỉ thị 100 CT/TW về cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp (gọi tắt là Chỉ thị 100). Đây có thể coi là bước đột phá vào cơ chế qun liều, bao cấp, bị kéo dài sau chiến tranh dẫn đến trì trệ trong phát triển kinh tế.

Chỉ thị 100 đã đáp ứng nguyện vọng của đại bộ phận nông dân, phát huy tính tích cực, tự giác của xã viên, gắn trách nhiệm và quyền lợi của người lao động với sản phẩm cuối cùng một cách trực tiếp nên được đông đảo mọi người hưởng ứng.

Thực hiện Chỉ thị 100 và nhiệm vụ năm 1981, chính quyền các cấp tích cực thực hiện chủ trương khoán sản phẩm đến hộ xã viên, nhóm lao động và người lao động đối với toàn bộ diện tích màu đồng thời chỉ đạo mỗi huyện làm thử một hợp tác xã khoán sản phẩm trên toàn bộ diện tích lúa. Tiếp đến, Thường vụ Tỉnh ủy chủ trương mở rộng khoán hai khâu sản xuất còn lại (chăm sóc và thu hoạch) của cây lúa ở những nơi có điều kiện. Đến năm 1981 đã có 80% hợp tác xã vùng đồng bằng và vùng gò đồi được khoán sản phẩm từ 30 đến 100% diện tích, 79,1% hợp tác xã thực hiện khoán trong chăn nuôi.

Ở các địa phương khu vực Quảng Bình, đặc biệt là vùng trọng điểm lúa của huyện Lệ Ninh, Bố Trạch, Quảng Trạch, Chỉ thị 100 đã thực sự thúc đẩy sự phát triển mới trên lĩnh vực nông nghiệp. Trong quá trình củng cố hợp tác xã hoàn thiện quan hệ sản xuất chế độ làm chủ tập thể được đề cao, bộ máy quản lý được tăng cường. Ở các xã thuộc huyện Tuyên Hóa mặc dù trình độ

quản lý có hạn chế nhưng đã thực hiện khoán sản phẩm trên toàn bộ diện tích màu và cả trên vùng lúa một vụ, hiệu quả cây trồng tăng lên rõ rệt.

Trong quá trình thực hiện, chính quyền ở các huyện Lệ Thủy, Quảng Ninh, Bố Trạch, Quảng Trạch, Tuyên Hóa và thị xã Đồng Hới đã có bước đi thích hợp, vừa làm vừa rút kinh nghiệm, nhanh chóng nhân ra diện rộng. Tùy điều kiện cụ thể và hiệu quả của mô hình, hai hình thức "khoán việc" và "khoán sản phẩm" được vận dụng đồng thời và bổ sung cho nhau trên cơ sở tôn trọng quyền tự chủ của hợp tác xã trong việc lựa chọn hình thức khoán.

Thực hiện Chỉ thị 100 trên địa bàn Quảng Bình đã khắc phục được tình trạng "khoán trắng", "khoán chui", phát huy được dân chủ và tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, chỉ đạo sản xuất của chính quyền. Khí thế lao động của nông dân trên đồng ruộng sôi nổi hơn, năng suất, sản lượng ở các địa phương khi thực hiện Chỉ thị 100 đều tăng so với các năm trước đây. Sản lượng vụ Đông Xuân 1980-1981 so với các vụ Đông Xuân 5 năm trước (1976-1980) tăng 64%, nộp nghĩa vụ Nhà nước tăng 91%, mức hưởng thụ của xã viên tăng 70%. Năng suất bình quân toàn tỉnh tăng từ 14,64 tạ/ha lên 22 tạ/ha. Sản lượng lương thực năm 1981 đạt 42 vạn tấn vượt kế hoạch Trung ương giao và kế hoạch của tỉnh 3,5 vạn tấn. Năm 1982 sản lượng lương thực đạt 46 vạn tấn tăng 4 vạn tấn so với năm 1981. Năng suất bình quân cả năm đạt 18,8 tạ/ha vượt 1,54%, tăng so với năm 1981 là 17,74%. 81 hợp tác xã đạt 5 tấn thóc/ha gấp đôi năm 1981. Riêng các huyện phía bắc có một số hợp tác xã đạt 6 tấn/ha. Đồng Hới có 3 hợp tác xã, Quảng Trạch có 1 hợp tác xã đạt trên 5 tấn/ha. Nhiều hợp tác xã ở các huyện Bố Trạch, Lệ Ninh bình quân sản lượng lương thực tăng 31% so với năm 1980.

Sản xuất nông nghiệp có tiến triển do đó đời sống của nông dân tương đối ổn định, nhu cầu về lương thực trong khu vực nông thôn được đảm bảo hơn trước.

Về lâm nghiệp, do mưa kéo dài, vận chuyển khó khăn, phương tiện lại thiếu nhưng đã khai thác được 53.000m³ gỗ, ươm và trồng được 12.000 ha rừng. Giao đất giao rừng vượt 10% so với kế hoạch với 93.370 ha rừng cho 176 hợp tác xã quản lý và 176.797 ha đất rừng cho 44 xã quản lý.

Chăn nuôi tiếp tục phát triển, đàn bò vượt 4,6% kế hoạch, tăng 10,4% so với năm 1981, đàn trâu vượt 4,2%, đàn lợn có 485.679 con tăng 0,93%.

Về ngư nghiệp, có 67/144 hợp tác xã thực hiện tốt chế độ khoán theo đơn vị thuyền nghề. Đánh bắt cá biển đạt trên 15.000 tấn vượt kế hoạch trên 15% tăng gần 5.000 tấn so với năm 1980. Sản lượng đánh bắt của 7/9 huyện, thị đạt và vượt kế hoạch từ 16-98%. Sản lượng đánh bắt tăng hơn năm 1980 từ 59% đến gần 300%. Quảng Trạch vượt mức kế hoạch 27% tăng gấp 2,2 lần năm 1980. Xí nghiệp Sông Gianh vượt 7% tăng 36,5% so với kế hoạch năm 1980.

Ngày 21/1/1981, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định 25/CP về quyền chủ động sản xuất kinh doanh và quyền tự chủ về tài chính của các xí nghiệp quốc doanh. Quyết định nêu rõ trong sản xuất kinh doanh lấy kế hoạch làm chính, đồng thời sử dụng đúng quan hệ hàng hóa, thị trường, kinh doanh có lãi. Quyết định còn cho phép các xí nghiệp quốc doanh có nhiều nguồn cân đối và kế hoạch ba phần (phần Nhà nước giao, phần tự làm và phần sản xuất phụ).

Trong điều kiện vật tư thiếu thốn, Quyết định 25/CP đã giúp các cơ sở khôi phục được khả năng sản xuất, giải quyết thêm công ăn việc làm cho công nhân viên chức, làm cho hoạt động xí nghiệp trở lại bình thường.

Thực hiện chủ trương của tỉnh Bình Trị Thiên về việc xây dựng thị xã Đồng Hới thành khu công nghiệp của tỉnh ở phía Bắc có cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp hợp lý, gắn công nghiệp với nông nghiệp các huyện quanh vùng, tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa phục vụ sản xuất, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp thị xã Đồng Hới đã có bước tiến mới.

Xí nghiệp cơ khí 3-2 Đồng Hới liên tục hoàn thành kế hoạch sản xuất hàng năm. Giá trị hàng hóa phục vụ nông nghiệp chiếm 42,1%. Ngoài những sản phẩm truyền thống như bánh lồng, bánh phụ, thuyền lồng, xe cải tiến, nhào đùn đất gạch, máy đập ngói, máy tuốt, quạt lúa Nam Long, máy xay xát, nghiền thức ăn gia súc, chế biến màu... xí nghiệp đã nghiên cứu thành công máy cán tráng cao su, sản xuất điệp cày cho tỉnh bạn Savanakhét, Khăm Muôn. Xí nghiệp còn giúp tỉnh bạn Savanakhét xây dựng xí nghiệp cơ khí, xí nghiệp phân, xí nghiệp đường. Ngoài ra xí nghiệp đã sản xuất thành công mặt hàng mới như kèm điện, ê-tô mi ni, đưa sản lượng tăng 20% so với năm 1981, được Nhà nước tặng Huân chương lao động hạng II.

Điện lực là yếu tố quyết định cho quá trình công nghiệp hóa. Nhà máy điện 14.000 KW Mỹ Cương- Đồng Hới được Liên Xô giúp đỡ xây dựng năm 1976, đầu năm 1980 đi vào hoạt động. Hệ thống đường dây dẫn điện được xây dựng gồm các tuyến Đồng Hới - Ba Đồn (Quảng Trạch), Đồng Hới - Lệ Ninh, Đồng Hới - Ninh Lộc, Đồng Hới - Đồng Hà đưa tổng nguồn điện đạt 30.000 KW tăng 2, 3 lần so với năm 1977.

Xí nghiệp Sứ, xí nghiệp Dược phẩm, xí nghiệp nước mắm Nhật Lệ, xí nghiệp Đông Lạnh, xí nghiệp Gạch ngói 1-5, xí nghiệp ô tô A3, xí nghiệp Phà Bắc... được củng cố, mở rộng sản xuất.

Cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ở các huyện thị được đầu tư xây dựng bước đầu hoạt động có hiệu quả như: Cơ khí Kiến Giang (Lệ Ninh), Mai Hồng (Bố Trạch), Đồng Sơn (Đồng Hới), xí nghiệp bột giấy Tuyên Hóa, xí nghiệp chế biến gỗ Ba Đồn (Quảng Trạch), cửa mộc Vĩnh Tuy (Lệ Ninh), xí nghiệp chè búp của Nông trường Đại Giang, hợp tác xã Hồng Minh (Đồng

Hới) sản xuất mặt mây chổi dót, hợp tác xã muối Bảo Ninh, hợp tác xã gạch ngói Tân Tiến Cảnh Dương (Quảng Trạch), hợp tác xã Trần Phú (Lệ Ninh) sản xuất đồ mộc dân dụng, hợp tác xã Thanh Tiến (Tuyên Hóa) khai thác đá học xây dựng, nung vôi bốn ruộng.

Trong khi sản xuất công, nông nghiệp có sự chuyển biến mới thì trên mặt trận lưu thông phân phối thị trường giá cả có nhiều biến động phức tạp. Giá cả không dựa trên cơ sở giá trị, các căn cứ để xác định giá cả hàng hóa đã thay đổi do chi phí sản xuất và lưu thông biến động, quan hệ tỷ lệ giá giữa hàng nông sản và hàng công nghiệp trở nên bất hợp lý, giá bán hàng công nghiệp tiêu thủ công nghiệp quá thấp so với thu mua nông sản...

Lĩnh vực văn hóa - xã hội vẫn giữ được truyền thống và nhịp độ phát triển.. Năm học 1982-1983 cấp học phổ thông cơ sở toàn tỉnh có 9.996 lớp với 362.599 em (kế hoạch là 390.432 em); trung học 553 lớp với 25.917 em (kế hoạch là 26.000 em); mẫu giáo có 2.295 lớp với 617.718 cháu. Các trường cao đẳng, đại học

Kết hợp nhiệm vụ phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng an ninh, toàn tỉnh đã vận động định canh định cư 23 điểm với 4.672 hộ, 32.407 nhân khẩu, trong đó có hơn 10.000 lao động. Công tác bảo vệ biên giới, bờ biển được tăng cường. Các lực lượng vũ trang thực hiện tốt chế độ trực chiến sẵn sàng chiến đấu, tổ chức diễn tập ở một số huyện trọng điểm như Phú Lộc, Bố Trạch, rút kinh nghiệm về xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân địa phương, tăng cường khả năng phòng thủ và phát huy sức mạnh tổng hợp trong việc bảo vệ Tổ quốc.

Thực hiện nhiệm vụ kế hoạch Nhà nước 2 năm 1977-1978, nhân dân Bình Trị Thiên đã đạt nhiều kết quả quan trọng. Những năm đầu thực hiện chủ trương chính sách mới của các nghị quyết và chỉ thị của Trung ương đặc biệt là Chỉ thị 100 tình hình kinh tế - xã hội đã có những bước tiến mới. Trong thành tích chung của cả tỉnh Bình Trị Thiên, Đảng bộ và nhân dân ở các địa phương Quảng Bình đã có sự đóng góp quan trọng góp phần kìm hãm tốc độ suy thoái kinh tế, tiếp tục ổn định đời sống nhân dân. Tuy nhiên, tình hình vẫn còn nhiều khó khăn. Kinh tế có phát triển nhưng tốc độ tăng chậm chưa đáp ứng với yêu cầu của giai đoạn mới, đời sống của đại bộ phận nhân dân còn nhiều khó khăn, thiếu thốn, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội còn nhiều diễn biến phức tạp.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Trị Thiên lần thứ III.

*Phần đầu hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch 5 năm 1981-1985

Đại hội đại biểu Đảng bộ Bình Trị Thiên lần thứ III tiến hành gồm hai vòng: Vòng một từ ngày 12 đến ngày 19/1/1982, vòng hai từ ngày 27 đến ngày 31/1/1983 tại thành phố Huế. Tham dự Đại hội có 422 đại biểu chính thức

thay mặt cho 51.443 đảng viên toàn tỉnh. Tại vòng một, Đại hội đã nghe báo cáo tổng hợp ý kiến của đảng viên từ các tổ chức cơ sở đảng đóng góp cho các văn kiện của BCH Trung ương khóa IV trình Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V, báo cáo đánh giá kết quả của các Đại hội đảng bộ cơ sở, huyện, thị, thành phố và đảng bộ trực thuộc. Đại hội đã thảo luận, đóng góp ý kiến vào dự thảo Báo cáo chính trị, dự thảo báo cáo xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng của Ban Chấp hành Trung ương sẽ trình Đại hội Đảng toàn quốc. Đại hội đã bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng gồm 35 đồng chí đại biểu chính thức và một đại biểu dự khuyết.

Đại hội Đại biểu Đảng bộ Bình Trị Thiên lần thứ III vòng hai khai mạc ngày 27/1/1983. Sau khi nghe báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Bình Trị Thiên lần II, Đại hội nghe ý kiến phát biểu chỉ đạo của đồng chí Tố Hữu, Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa III gồm 45 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết. Ban Chấp hành Đảng bộ khóa III đã bầu 15 đồng chí vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Đồng chí Vũ Thắng được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Thái Bá Nhiệm và đồng chí Nguyễn Văn Lương làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Thực hiện Nghị quyết **Đại hội V của Đảng** và Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ hai, xác định nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, Tỉnh ủy Bình Trị Thiên đã tập trung chỉ đạo đẩy mạnh phát triển nông nghiệp nhằm giải quyết lương thực cho xã hội, tăng nguồn nguyên liệu cho hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Các huyện Lệ Ninh, Bố Trạch, Quảng Trạch đã tập trung chỉ đạo mùa vụ, coi trọng thâm canh, quyết tâm tăng năng suất và sản lượng trên địa bàn. Thị xã Đồng Hới chỉ đạo đầu tư thâm canh, xây dựng hợp tác xã, đội sản xuất có năng suất 8 tấn/ha. Cùng với việc bố trí lại mùa vụ, các huyện đã tích cực đưa khoa học kỹ thuật vào cây trồng, tiếp tục khai hoang phục hóa mở rộng diện tích, đẩy mạnh công tác thủy lợi với khẩu hiệu "tất cả cho thâm canh, tất cả cho đồng ruộng" để giải quyết lương thực, thực phẩm.

Năng suất cả lúa và màu toàn tỉnh tăng từ 15,95 tạ/ha năm 1981 lên 21,5 tạ/ha năm 1984. Các huyện, thị ở Quảng Bình đã đưa năng suất lúa lên cao so với các năm trước đây. Huyện Bố Trạch năm 1984 đạt năng suất bình quân 5 tấn/ha trên 2 vụ lúa, có 12 hợp tác xã đạt năng suất từ 6-8 tấn/ha. Năm 1984 thị xã Đồng Hới có năng suất bình quân 5,4 tấn/ha, sản lượng lương thực đạt 10.000 tấn cao nhất từ trước đến nay. Hai hợp tác xã Đức Ninh I và Diêm Hải đạt năng suất 9 tấn/ha. Huyện Lệ Ninh có năng suất bình quân toàn huyện 5 tấn/ha trên 2 vụ lúa, vùng lúa cao sản đạt năng suất 7 tấn/ha, hợp tác xã Phúc Lộc đạt 10 tấn/ha. Bình quân lương thực đầu người huyện Lệ Ninh đạt 360kg/người/năm. Huyện Tuyên Hóa đưa năng suất bình quân từ 15 tạ/ha năm 1982 lên 22,6 tạ/ha năm 1985. Bên cạnh cây lương thực, cây thực phẩm tăng

khá. Các huyện Tuyên Hóa, Quảng Trạch, Bố Trạch coi trọng kinh tế vườn, phát triển cây công nghiệp ngắn ngày như ớt, lạc, thuốc lá. Thị xã Đồng Hới đưa diện tích cây công nghiệp và cây xuất khẩu từ 3% năm 1982 lên 6,9% năm 1985 trên tổng diện tích gieo trồng.

Bên cạnh đẩy mạnh trồng trọt, ngành chăn nuôi cũng có bước phát triển. Lệ Ninh tăng đàn vịt. Các huyện phát triển đàn lợn, bò. Riêng thị xã Đồng Hới đàn lợn tăng bình quân 5%/năm đưa tổng đàn lên 19.000 con năm 1985, đàn bò tăng 12%/năm, chủ yếu là tăng đàn bò chăn nuôi của hộ gia đình.

Trong quá trình đầu tư cho việc phát triển nông nghiệp, ngoài yếu tố kỹ thuật, công tác quản lý hợp tác xã đã có nhiều tiến bộ. Phương thức khoán sản phẩm theo Chỉ thị 100 thực sự là một đòn bẩy kinh tế, người lao động quan tâm hơn đến lợi ích và nghĩa vụ trong quá trình sản xuất. Trong những năm 1982-1984 các huyện, thị xã ở Quảng Bình đều nộp đủ nghĩa vụ lương thực cho Nhà nước, đời sống nông dân có phần cải thiện.

Tuy vậy, trên mặt trận sản xuất nông nghiệp ở tỉnh ta còn gặp nhiều khó khăn. Do phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên nên mỗi khi có thiên tai lại bị thiệt hại nghiêm trọng, đời sống nhân dân gặp khó khăn. Tháng 10/1983 cơn bão số 10 với sức gió cấp 11-12 đổ bộ vào thị xã Đồng Hới và các huyện Lệ Ninh, Bố Trạch, Quảng Trạch làm nhiều người chết, hàng nghìn ngôi nhà bị sập, hàng chục công trình thủy lợi, cầu cống, đường điện, đường giao thông bị hư hỏng nặng. Nhiều công trình, nhà cửa, kho tàng, cơ sở vật chất kỹ thuật xây dựng trong 10 năm sau ngày hòa bình bị phá hỏng, phải tốn nhiều công sức, tiền vốn và thời gian mới khắc phục được.

Những tổn thất của cơn bão số 10 năm 1983 chưa kịp khôi phục thì cơn bão số 8 năm 1985 lại đổ bộ vào thị xã Đồng Hới và các huyện ở Quảng Bình gây thiệt hại nghiêm trọng. Hàng nghìn héc ta lúa và hoa màu bị mất trắng. Nhiều công trình thủy lợi, trường học, trạm xá và hàng trăm nhà dân bị sụp đổ, thiệt hại hàng trăm triệu đồng.

Trước những tổn thất to lớn do thiên tai gây ra nhân dân huyện Lệ Ninh, Bố Trạch, Quảng Trạch, Tuyên Hóa và thị xã Đồng Hới đã nêu cao tinh thần tự lực tự cường, tương thân tương ái "lá lành đùm lá rách" giúp đỡ nhau vượt qua hoạn nạn, khó khăn.

Ngành công nghiệp lấy mục tiêu phục vụ nông nghiệp, hàng tiêu dùng và xuất khẩu để phát triển. Công nghiệp cơ khí đã có nhiều cố gắng sửa chữa máy móc nông nghiệp, trang bị tương đối đầy đủ công cụ cầm tay cho nông dân. Công nghiệp vật liệu xây dựng, công nghiệp nhẹ, công nghiệp thực phẩm đã bước đầu hướng vào khai thác thế mạnh của địa phương, nhiều xí nghiệp tự lực xoay chạy vật tư để đảm bảo sản xuất. Xí nghiệp sửa chữa ô tô A3 (Đồng Hới) đã nghiên cứu thay đổi công nghệ và cải tiến quản lý, đưa sản lượng hàng năm lên 700-800 tấn sản phẩm tăng gấp đôi năm 1975. Xí nghiệp cơ khí 3/2 vẫn là

lớn vị dẫn đầu của ngành công nghiệp Bình Trị Thiên hoàn thành kế hoạch sản xuất hàng năm. Xí nghiệp đã đưa đội sửa chữa về phục vụ tận các hợp tác xã nông nghiệp, thực hiện chế độ bảo hành từ 6-12 tháng, đề cao ý thức trách nhiệm đối với nông dân. Nhiều mặt hàng phục vụ nông nghiệp như công cụ cải tiến, xe ba gác, xe trâu bò kéo, bình bơm thuốc trừ sâu, trục cán ép mía, lưỡi liếp cày, máy tuốt lúa gia đình đã đáp ứng nhu cầu sản xuất của người nông dân. Ngoài mặt hàng tiêu dùng phục vụ đời sống như xà phòng, giấy, sản xuất xe đạp và phụ tùng săm, lốp xe đạp, các cơ sở đóng thuyền vận tải, thuyền đánh cá, sản xuất vật liệu xây dựng như gạch, ngói... phát triển mạnh. Các mặt hàng thực phẩm, dược phẩm phục vụ đời sống và xuất khẩu tăng khá như rượu cau, cao Thiên Hương, kẹo Diệp Hà...

Thị xã Đồng Hới là trung tâm công nghiệp của tỉnh kết hợp công nghiệp với nông nghiệp quanh vùng, tạo ra nhiều hàng hóa phục vụ sản xuất. Năm 1985 giá trị sản lượng công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp đạt 208 triệu đồng chiếm 80% tổng giá trị công - nông nghiệp thị xã, tốc độ tăng bình quân hàng năm là 20%, trong 3 năm có 21 sản phẩm mới. Riêng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp thị xã quản lý giá trị sản lượng năm 1982 là 24 triệu đồng đến năm 1985 tăng lên 55 triệu đồng.

Để thực hiện chương trình xuất khẩu, các địa phương đã khai thác có hiệu quả lao động về tài nguyên rừng, biển, đất đai làm hàng xuất khẩu. Năm 1983 toàn tỉnh xuất khẩu đạt 12 triệu rúp-đô la. Năm 1984 xuất khẩu đạt 13,063 triệu rúp-đô la. Năm 1985 đạt 14,6 triệu rúp-đô la (chỉ tiêu là 18-20 triệu rúp-đô la), bình quân 50-60 vạn rúp-đô la/huyện. Trong đó huyện Lệ Ninh có tổng giá trị xuất khẩu các mặt hàng trong 3 năm đạt 2,7 triệu rúp-đô la; Riêng năm 1985 là 1,4 triệu rúp-đô la, Quảng Trạch đạt 1 triệu rúp-đô la (1985). Từ năm 1983-1985 xuất khẩu ngày càng trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh góp phần thúc đẩy phát triển nông nghiệp toàn diện và có tích lũy.

Trong những năm 1983-1985 hoạt động phân phối lưu thông đã có nhiều tiến bộ. Tổng giá trị hàng hóa mua vào địa phương năm 1983 là 855,7 triệu đồng, năm 1984 là 1.394 triệu đồng, sang năm 1985 do thiên tai gây thiệt hại nặng đã giảm xuống còn 387 triệu đồng. Thực hiện chủ trương củng cố, mở rộng thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán, hệ thống thương nghiệp xã hội chủ nghĩa ở các huyện, thị xã phát triển mạnh. Các cửa hàng thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán tổ chức thu mua, phân phối hàng hóa đến người tiêu dùng tạo điều kiện phục vụ đời sống và phát triển sản xuất. Cửa hàng và hợp tác xã mua bán của Tuyên Hóa, Quảng Trạch, Bố Trạch và Lệ Ninh đã chú trọng kinh doanh các mặt hàng thiết yếu phục vụ vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc. Nhiều nơi đã tổ chức đội mua bán lưu động với phương thức "mua bán tận nhà", tổ chức nhiều cửa hàng ở thôn, bản phục vụ bà con. Công ty thương nghiệp, Công ty ngoại thương Đồng Hới và hợp tác xã mua bán Lý Ninh là những đơn vị dẫn đầu trong ngành thương nghiệp của

tỉnh. Hợp tác xã mua bán Lý Ninh (Đồng Hới) hai lần đạt danh hiệu lá cờ đầu ngành mua bán toàn quốc, 14 năm liền đạt danh hiệu tổ đội lao động xã hội chủ nghĩa, được Nhà nước tặng Huân chương Lao động hạng Hai. Tuy nhiên trên lĩnh vực phân phối lưu thông vẫn còn bộc lộ những hạn chế: không nắm được nguồn hàng, chưa có nhiều hàng phục vụ nhân dân. Một số gian thương móc ngoặc lợi dụng nhân viên thương nghiệp nhà nước lũng đoạn thị trường, gây khó khăn cho người tiêu dùng và phục vụ sản xuất.

Tháng 6 năm 1985 Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương (khóa V) họp bàn về giá - lương - tiền. Hội nghị đánh giá toàn bộ tình hình kinh tế - tài chính nước ta sau ngày giải phóng miền Nam. Sau 10 năm giải phóng đất nước đã có nhiều thay đổi căn bản; viện trợ không hoàn lại hầu như không còn, dân số tăng lên quá nhanh, nhu cầu tiêu dùng xã hội tăng hơn trước, nhu cầu quốc phòng vẫn phải duy trì ở mức cao, hậu quả chiến tranh chưa được khắc phục. Đứng trước tình hình mới, Đảng và Nhà nước chưa kịp xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, chậm đổi mới chính sách và cơ chế. Chính sách, biện pháp về phân phối, lưu thông vẫn chưa được giải quyết cơ bản, không thể ổn định tình hình kinh tế và đời sống, cân bằng được ngân sách và tiền mặt trong khi vẫn duy trì chế độ bao cấp về lương. Hội nghị chủ trương xóa bỏ chế độ tập trung quan liêu, bao cấp, thực hiện đúng chế độ tập trung dân chủ, hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Ngày 14/9/1985 bắt đầu thực hiện cuộc tổng điều chỉnh giá, lương, tiền bằng việc đổi tiền, thực hiện chế độ một giá kinh doanh, xóa bỏ hoàn toàn giá cung cấp và chế độ tem phiếu, chỉ giữ lại sổ gạo cho những người ăn lương.

Sau khi có Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Thường vụ Tỉnh ủy đã ra Nghị quyết 23 ngày 25/7/1985 về tổ chức làm thí điểm việc trả lương bằng hàng cho tất cả các đối tượng hưởng lương phụ cấp và ăn theo trên địa bàn thành phố Huế. Phạm vi trả lương gồm 9 mặt hàng (gạo, thịt, cá, nước mắm, chất đốt, đường kính, mì chính, xà phòng giặt, vải sợi bông) được đưa vào lương.

Công tác tổ chức bộ máy cấp huyện được kiện toàn một bước. Năm 1984 bầu bổ sung 53 ủy viên hội đồng nhân dân vào Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thay thế luân chuyển 41,9% chủ tịch, 32% phó chủ tịch cấp xã.

T trong giai đoạn từ sau Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II, lần thứ III nhân dân Bình Trị Thiên nói chung, Quảng Bình nói riêng đã tập trung khắc phục dần những hạn chế về kế hoạch và quản lý kinh tế góp phần quan trọng kìm hãm sự khủng hoảng kinh tế, ổn định cuộc sống, chuẩn bị tiền bước đầu thực hiện công cuộc đổi mới ngay trên quê hương Bình Trị Thiên.

3. BƯỚC ĐẦU THỰC HIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1986-1989).

3.1- Tình hình khi bước vào thực hiện công cuộc đổi mới

Trong những năm 1981-1985, tuy gặp nhiều khó khăn do hậu quả chiến tranh và cơ chế quan liêu bao cấp kéo dài nhưng tình hình kinh tế - xã hội Bình Trị Thiên cũng có những tiến triển nhất định. Năm 1985 sản lượng lương thực đạt 46 vạn tấn, huy động lương thực vượt 6 vạn tấn, giá trị sản lượng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xuất khẩu đều có tăng qua từng năm. Tuy nhiên trong bối cảnh chung, tỉnh Bình Trị Thiên vẫn đứng trước những khó khăn thách thức lớn, giá cả thị trường không ổn định, ngân sách bội chi 195,5 triệu đồng, tiền mặt bội chi 343,3 triệu đồng. Bình quân lương thực đầu người đạt thấp (240 kg/người), văn hóa, giáo dục, y tế nhiều mặt bị xuống cấp, chất lượng giảm sút... Một bộ phận cán bộ trong hệ thống công quyền có biểu hiện thoái hóa biến chất, hoang mang trước diễn biến tình hình khó khăn ở trong nước và các nước trong phe xã hội chủ nghĩa^(A184:1117-1119).

Bước sang năm 1986, từ ngày 2 đến 4 tháng 1 năm 1986, nhân dân trong tỉnh đã có nhiều cố gắng tạo nên những chuyển biến trên nhiều mặt và hình thành nhiều nhân tố mới, bắt đầu chú ý đổi mới cơ cấu kinh tế, cải tiến quản lý. Hoạt động sản xuất kinh doanh đã chú trọng nâng cao năng suất chất lượng, hiệu quả. Nông nghiệp phát triển toàn diện. Cây công nghiệp tiếp tục phát triển mở ra nhiều triển vọng mới cho việc thay đổi cơ cấu cây trồng trong những năm tới. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng cơ bản, xuất khẩu có nhiều cố gắng. Lĩnh vực lưu thông phân phối chuyển biến, văn hóa - xã hội tiến bộ, quốc phòng an ninh được giữ vững. Tuy vậy nhìn chung tốc độ phát triển nền kinh tế còn chậm, chưa có nhiều sản phẩm hàng hóa, đời sống của nhân dân còn nhiều khó khăn.

*Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Trị Thiên lần thứ IV.

Từ tháng 8 năm 1986 dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, các huyện và Đảng bộ trực thuộc đã tiến hành đại hội, lựa chọn, bầu cử Ban Chấp hành của Đảng bộ và đại biểu xứng đáng dự Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV

Đại hội đại biểu Đảng bộ Bình Trị Thiên lần thứ IV được tiến hành tại thành phố Huế từ ngày 21 đến ngày 26/10/1986. Tham gia Đại hội có 457 đại biểu, thay mặt cho 6 vạn đảng viên, thuộc 1.234 chi bộ, đảng bộ cơ sở ở 38 đảng bộ trực thuộc trong toàn tỉnh. Đồng chí Võ Nguyên Giáp, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, đồng chí Phan Thanh Liên, Ủy viên Trung ương Đảng, Giám đốc nhà máy công cụ số 1, đồng chí Phan Ngọc Tường, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ xây dựng, đồng chí Nguyễn Chí Vu, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ công

ngiệp nhẹ được Ban Bí thư Trung ương Đảng giới thiệu về ứng cử đại biểu Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI.

Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã nghiêm túc kiểm điểm những mặt làm được cũng như tồn tại, yếu kém trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III và Nghị quyết Đảng toàn quốc lần thứ V. Báo cáo nêu rõ: "Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Ban Chấp hành Trung ương, thực hiện nghiêm túc đường lối và các quan điểm của Đảng, với tinh thần tự lực tự cường "cùng cả nước vì cả nước" Đảng bộ đã đoàn kết một lòng, phát huy tư tưởng cách mạng tiến công, từng bước nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo, quyết tâm thực hiện 2 nhiệm vụ chiến lược, 4 mục tiêu kinh tế - xã hội và hoàn thành những nhiệm vụ của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III đề ra. Điểm nổi bật là chúng ta đã đứng vững trước những thử thách nghiêm trọng của tình hình, vừa khắc phục khó khăn trước mắt, vừa tạo điều kiện để đi lên, đi vào thế ổn định và đã giành được những thắng lợi có ý nghĩa trên nhiều mặt"

Về công tác xây dựng Đảng, Đại hội nhận định: "Những thắng lợi trên nhiều mặt của chúng ta, việc xuất hiện ngày càng nhiều nhân tố mới trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, quốc phòng, an ninh không tách rời với công tác chính trị tư tưởng, công tác tổ chức của Đảng bộ từ tỉnh đến cơ sở"

Với tinh thần nghiêm túc, nhìn thẳng vào sự thật Đại hội rút ra những khuyết điểm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo: "...Hiện nay chúng ta đang gặp nhiều khó khăn, tốc độ phát triển kinh tế còn chậm, sản xuất nông nghiệp mới bắt đầu thay đổi cơ cấu, lương thực còn bấp bênh, sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp còn yếu; phân phối lưu thông còn nhiều vấn đề cần phải giải quyết; khoa học kỹ thuật chưa thâm nhập vào sản xuất; quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa chưa vững chắc; kinh tế quốc doanh chưa thực hiện được vai trò chủ đạo trong nền kinh tế; tỷ suất hàng hóa quá thấp; năng suất, chất lượng hiệu quả tăng chậm, có mặt giảm; dân số tăng nhanh; đời sống còn gặp khó khăn... Nguyên nhân là do những khó khăn khách quan, thiên tai, dịch phá song chủ yếu là do những khuyết điểm sai lầm trong lãnh đạo, chỉ đạo kinh tế, xã hội, chưa đánh giá đúng tình hình cụ thể của địa phương, quản lý kinh tế, xã hội còn mang nặng tư tưởng tập trung quan liêu bao cấp, thiếu năng động sáng tạo, còn bảo thủ trì trệ, phong cách làm việc vừa thiếu tập trung, vừa thiếu dân chủ, không giữ vững kỷ cương của Đảng và Nhà nước; bộ máy quản lý quá công kênh, đội ngũ cán bộ chưa có kinh nghiệm quản lý sản xuất, kinh doanh... Tư tưởng chủ yếu của những sai lầm là bệnh chủ quan, duy ý chí, giản đơn, nóng vội, buông lỏng quản lý, lơ là công tác tổ chức và cán bộ..."

(A184:122)

Trên cơ sở đánh giá tình hình, căn cứ vào đường lối chung, đường lối kinh tế của Đảng, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ IV đã đề ra phương hướng nhiệm vụ chung và xác định 5 mục tiêu cơ bản giai đoạn 1986-1990:

Mục tiêu hàng đầu là ổn định sản xuất và đời sống của nhân dân, tạo tích lũy từ nội bộ nền kinh tế.

Xây dựng thêm một bước cơ sở vật chất kỹ thuật cho công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Tiếp tục hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa, không ngừng củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới.

Đảm bảo yêu cầu của quốc phòng và an ninh.

Xây dựng con người mới yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, có phẩm chất và năng lực làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, đấu tranh không khoan nhượng chống mọi biểu hiện tiêu cực, tạo một bước chuyển biến về xây dựng xã hội công bằng lành mạnh.

Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ IV đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 45 ủy viên chính thức và 14 ủy viên dự khuyết. Đồng chí Vũ Thắng được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Thái Bá Nhiệm và Nguyễn Văn Lương được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Cuối năm 1986 nhờ sự nỗ lực của toàn thể nhân dân nên mặc dù trong điều kiện hết sức khó khăn tỉnh vẫn hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kế hoạch đã được đề ra từ đầu năm. Trên lĩnh vực nông nghiệp nhờ bố trí lại cơ cấu sản xuất, đi vào thâm canh, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật nên sản lượng quy thóc cả năm đạt 44 vạn tấn. Có 6/14 huyện thị vượt kế hoạch năm 1986. Năng suất trung bình cả năm đạt 27,4 tạ/ha là năm năng suất sản lượng thóc cao nhất kể từ năm 1977. Riêng thị xã Đồng Hới sản lượng lương thực năm 1986 đạt 10.500 tấn cao nhất từ trước đến nay, tăng hơn 1.000 tấn so với năm 1985 năng suất bình quân cả năm đạt 5,6 tấn/ha. Trồng được 3 triệu cây phân tán, trong đó có 1 triệu cây ven biển, phủ thêm 103 ha đất cát. Kinh tế vườn gia đình phát triển mạnh.

Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có chiều hướng phát triển. Giá trị tổng sản lượng 6 tháng đầu năm đạt 849 triệu đồng, tăng 15% so với cùng kỳ năm 1985, cả năm đạt 1.785 triệu đồng vượt 1,5% kế hoạch năm. Lĩnh vực phân phối lưu thông có hướng mở rộng giao lưu hàng hóa với các tỉnh trong nước và nước ngoài. Tổng giá trị hàng hóa bán ra trong năm đạt 4,5 tỷ đồng.

Các nông trường, xí nghiệp đã phát động nhiều đợt thi đua. Kết quả có 63 đơn vị hoàn thành kế hoạch nhà nước trước thời hạn 1 tháng, sản xuất được 50 loại sản phẩm mới, có 371 công trình của 159 đơn vị sản xuất kinh doanh. Đặc biệt có 250 sản phẩm tham gia hội chợ triển lãm chào mừng Đại hội Đảng. Công đoàn, Đoàn thanh niên phát động phong trào lao động sáng tạo, đã đúc rút được 1.379 sáng kiến, trong đó có 529 sáng kiến có giá trị làm lợi cho nhà nước trên 22 triệu đồng, có 68 sáng kiến được Tổng công đoàn cấp bằng khen lao động sáng tạo. Phong trào thi đua của quần chúng và những hoạt động tích cực của các địa phương, các cấp các ngành đã có tác động tích cực đến việc

phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch nhà nước năm 1986. Tiêu biểu là phong trào xung kích của thanh niên làm thủy lợi. Có gần 920 công trình cấp cơ sở, 46 công trình cấp huyện với hơn 50 vạn đoàn viên thanh niên tham gia. Ở phía bắc tỉnh nổi lên các công trình thủy lợi như Rào Nan, Vực Tròn, Quảng Liên, Đá Mài. Ngành Giáo dục Bình Trị Thiên được Bộ Giáo dục đánh giá là một trong những tỉnh thuộc loại khá của cả nước. Năm học 1986-1987 tổng số học sinh phổ thông có 158.392 em, với 191 trường học, 4.333 lớp học, 5.799 giáo viên.

Tình hình an ninh chính trị và trật tự trên địa bàn tỉnh được giữ vững. Các chiến sỹ công an nhân dân và bộ đội biên phòng phối hợp chặt chẽ, ngăn chặn được hàng chục vụ vượt biên trái phép. Năm 1986 có 61 vụ bị ngăn chặn. Số vụ xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa năm 1986 là 350 vụ, tuy có giảm hơn năm 1985 là 58 vụ, nhưng nhìn chung mặt trận đấu tranh này vẫn còn phức tạp. Mức độ vi phạm đã lan rộng từ cán bộ hợp tác xã đến cán bộ quản lý ở các cấp các ngành. Năm 1986 có 161 cán bộ, công nhân viên và 37 cán bộ hợp tác xã vi phạm quản lý kinh tế.

Có sự giúp đỡ phối hợp của các ngành và nhân dân, lực lượng công an tỉnh và công an các địa phương đã mở đợt truy quét tội phạm hình sự, bắt 1.030 đối tượng, tiến hành xử lý 572 trường hợp. Nhiều nam nữ thanh niên tình nguyện tham gia nghĩa vụ quân sự, năm 1986 có 5.700 nam và 65 nữ thanh niên nhập ngũ, đạt 100% chỉ tiêu tuyển quân.

3.2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng

Bước đầu thực hiện công cuộc Đổi mới

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng được tiến hành từ ngày 15 đến 18/12/1986 tại Thủ đô Hà Nội với 1.129 đại biểu thay mặt cho 1,9 triệu đảng viên trong cả nước và có 35 đoàn đại biểu quốc tế tham dự. Với tinh thần "nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật và nói rõ sự thật" Báo cáo chính trị tại Đại hội đã khẳng định những thành tựu quan trọng trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời gian qua, đồng thời đã thẳng thắn tự phê bình về những sai lầm, khuyết điểm, chủ quan duy ý chí, nóng vội trong cải tạo xã hội chủ nghĩa cũng như sự bảo thủ trì trệ chậm đổi mới cơ chế quản lý làm cho tình hình kinh tế - xã hội lâm vào khủng hoảng khó khăn. Đại hội đã rút ra những bài học cần thiết, nhất là việc tôn trọng và vận dụng đúng đắn quy luật khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Đại hội chủ trương đổi mới toàn diện, đồng bộ nhằm đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng. Trước hết là đổi mới cơ cấu kinh tế, thực hiện cơ cấu kinh tế nhiều thành phần dựa trên thực tiễn của đất nước và luận điểm của Lê nin coi sự tồn tại của nhiều thành phần kinh tế là một đặc trưng cơ bản của thời kỳ quá

độ. Đại hội khẳng định quyết tâm đổi mới cơ chế quản lý, dứt khoát xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, kết hợp kế hoạch với thị trường. Để bảo đảm cho cơ cấu kinh tế và cơ chế quản lý vận hành có hiệu quả đòi hỏi phải đổi mới nội dung, phương thức và nâng cao năng lực và vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước và tăng cường mở rộng hợp tác với các nước.

Đại hội đã đề ra nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát của chặng đường đầu tiên là "ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa trong chặng đường tiếp theo", thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đại hội đề ra 3 chương trình kinh tế lớn: Chương trình sản xuất lương thực thực phẩm, chương trình sản xuất hàng tiêu dùng và chương trình sản xuất hàng xuất khẩu. Trong những năm 1986-1990 phấn đấu thu nhập quốc dân tăng bình quân năm là 6-7%, đến năm 1990 sản xuất 22-23 triệu tấn lương thực và phấn đấu thực hiện nhiều chỉ tiêu quan trọng khác. Đại hội đã bầu BCH Trung ương khóa VI gồm 124 ủy viên chính thức, 49 ủy viên dự khuyết. Bộ Chính trị gồm 13 ủy viên chính thức, 1 dự khuyết. Đồng chí Nguyễn Văn Linh được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI có ý nghĩa lịch sử trọng đại đối với cách mạng Việt Nam. Đại hội đã tìm ra lối thoát cho cuộc khủng hoảng kinh tế xã hội trầm trọng kéo dài hơn mười năm qua, hoạch định đường lối đổi mới, mở đầu quá trình lãnh đạo công cuộc đổi mới sâu sắc toàn diện của Đảng, đánh dấu bước ngoặt trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Trong giai đoạn bước đầu thực hiện công cuộc Đổi mới, tỉnh Bình Trị Thiên đề ra kế hoạch thực hiện 3 chương trình kinh tế coi đó là nhiệm vụ kinh tế - xã hội cốt lõi.

Về chương trình lương thực, thực phẩm, cùng với các địa phương trong cả tỉnh, các huyện Lệ Ninh, Bố Trạch, Quảng Trạch, Tuyên Hóa và thị xã Đồng Hới đã có kế hoạch triển khai chương trình lương thực, thực phẩm bằng việc đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, nâng cao năng suất, sản lượng cây trồng, vật nuôi; đưa tiến bộ khoa học vào sản xuất đặc biệt là phải nhanh chóng "cấp I hóa bộ giống" Toàn tỉnh đã thực hiện chủ trương "tăng vụ 8, giảm vụ 10", "luôn lách thời vụ" tránh thiệt hại do thiên tai gây ra. Thực hiện phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm" nhiều địa phương đã huy động được sức người, sức của tập trung làm thủy lợi, kiến thiết lại đồng ruộng, xây dựng các công trình phúc lợi của thôn xóm. Huyện Lệ Ninh là vùng trọng điểm lúa đã có nhiều biện pháp đầu tư vật tư, kỹ thuật, tăng cường công tác thủy lợi tưới, tiêu nhằm nâng cao năng suất cả hai vụ lúa. Huyện Bố Trạch, Quảng Trạch,

Tuyên Hóa coi trọng phát triển màu ở vùng gò đồi, tập trung giải quyết vấn đề ăn và có dự trữ. Thị xã Đồng Hới chủ trương các cơ sở phải tự lực, tự cường, tự lo liệu, tự giải quyết vấn đề ăn cho cơ sở mình và mở rộng quan hệ các địa phương trong, ngoài tỉnh đối lưu hàng hóa, thu mua lương thực để bảo đảm đời sống cho nhân dân. Bằng các biện pháp khai hoang, phục hóa, mở rộng diện tích, thâm canh cây lúa đồng thời chú trọng phát triển màu, cây công nghiệp dài ngày, ngắn ngày, phát triển chăn nuôi, chương trình lương thực và thực phẩm đã được mọi ngành mọi cấp quan tâm. Phong trào sản xuất lương thực nhất là phong trào trồng màu ở các cơ quan, đơn vị trường học, lực lượng vũ trang được đẩy mạnh đã góp phần hạn chế được phần nào khó khăn, giải quyết đời sống cho cán bộ công nhân viên, chiến sỹ trong các lực lượng vũ trang. Do sự cố gắng nỗ lực của Đảng bộ và nhân dân trong toàn tỉnh, những khó khăn về lương thực đã khắc phục từng bước, nhưng mặt trận sản xuất lương thực vẫn còn nhiều vất vả, khó khăn. Tình trạng thiếu đói nhất là trong các kỳ giáp hạt vẫn diễn ra nghiêm trọng, trên diện rộng. Tháng 3 năm 1987, toàn tỉnh có 4,8 vạn hộ với 23 vạn người thiếu đói, tỉnh đã xuất 850 tấn lương thực dự trữ để giải quyết đời sống.

Trước khó khăn gay gắt trên mặt trận nông nghiệp, tháng 4/1988, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 10-NQ/TW về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp nhằm xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, xây dựng cơ chế kinh tế hạch toán, tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị kinh tế quốc doanh cũng như hợp tác xã nông nghiệp. Nghị quyết 10 (1988) đã đề ra một cơ chế khoán mới trong hợp tác xã sản xuất nông nghiệp thay thế cho cơ chế khoán theo Chỉ thị 100-CT/TW (1981). Cơ chế "khoán 10" đã được nông dân tỉnh ta hoan nghênh và hưởng ứng. Cơ chế khoán 10 đã khắc phục được tính quan liêu và phân phối bình quân trước đó, triệt để xóa bỏ bao cấp, giải phóng năng lực sản xuất. Chính vì thế "khoán 10" đã đáp ứng yêu cầu cấp bách của sản xuất, đời sống, có tác dụng tích cực trên mặt trận sản xuất nông nghiệp nhất là đối với chương trình lương thực của cả nước cũng như các địa phương tỉnh ta. Nhờ chuyển đổi cơ chế quản lý theo Khoán 10 mà sản xuất lương thực ở các địa phương trong tỉnh tăng lên rõ rệt. Huyện Lệ Ninh có nhiều hộ gia đình thu nhập từ 5-7 tấn thóc. Ở thị xã Đồng Hới, năm 1989 đã đưa diện tích gieo trồng lên 5.240 ha vượt 19% so với năm 1988; năng suất bình quân lúa từ 20 đến 30 tạ/ha/vụ, nhiều hợp tác xã đạt năng suất từ 35-40 tạ/ha/vụ. Tổng sản lượng lương thực của Đồng Hới là 10.780 tấn đạt 111,5% so với năm 1986, năm có sản lượng cao nhất từ trước đến nay. Huyện Bố Trạch, Quảng Trạch và Tuyên Hóa thực hiện cơ chế "Khoán 10" đã thu được những kết quả to lớn không những đối với cây lúa mà cả trên diện tích màu của từng hộ nông dân.

Đi đôi với việc giải quyết mục tiêu lương thực, sản xuất thực phẩm góp phần cải thiện đời sống của nhân dân các địa phương Tuyên Hóa, Bố Trạch, Quảng Trạch phong trào chăn nuôi trâu, bò đàn phát triển mạnh, tăng bình

quân 5-10%. Huyện Lệ Ninh đẩy mạnh nuôi vịt đàn. Phong trào chăn nuôi lợn và gia cầm trong các hộ gia đình phát triển nhanh chóng đã góp phần giải quyết nhu cầu thực phẩm của xã hội. Vận dụng cơ chế quản lý "Khoán 10" và thực hiện Nghị quyết 16 của Bộ Chính trị về đổi mới chính sách và cơ chế quản lý đối với các cơ sở sản xuất thuộc các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh, các xã vùng biển ở Lệ Ninh, Đồng Hới, Bố Trạch, Quảng Trạch đã tổ chức lại các đơn vị sản xuất và bước đầu thực hiện cơ chế khoán mới. Thực hiện cơ chế xóa bao cấp về lương thực, thực phẩm đối với ngư dân thay bằng việc đổi lưu sản phẩm lấy lương thực đã kích thích sản xuất ngư nghiệp phát triển mạnh. Sản lượng đánh bắt của các hợp tác xã ngư nghiệp tăng khá. Một số hợp tác xã ở Đồng Hới, Bố Trạch, Quảng Trạch bước đầu đã tổ chức đầu thầu mặt nước, ao hồ nuôi tôm xuất khẩu và các loại thủy sản nước ngọt, nước lợ. Riêng thị xã Đồng Hới, các hợp tác xã Diêm Hải (Phú Hải), Bảo Ninh, Đồng Phú đã có 16 ha nuôi tôm xuất khẩu và hơn 400 ha mặt nước ao, hồ nuôi thủy sản.

Đối với *chương trình hàng tiêu dùng*, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy Bình Trị Thiên, các tổ chức cung ứng vật tư, thương nghiệp quốc doanh và tập thể đã tích cực triển khai việc cung ứng vật tư kỹ thuật cho sản xuất, thực hiện các hợp đồng kinh tế, thu mua gia công các mặt hàng tiêu dùng ở địa phương, tạo điều kiện cho các cơ sở sản xuất hàng tiêu dùng phát triển. Trong chương trình sản xuất hàng tiêu dùng, các huyện, thị phía Bắc, thị xã Đồng Hới đã đóng góp một khối lượng hàng hóa đáng kể, không chỉ phục vụ đời sống, sản xuất ở các địa phương Quảng Bình mà còn cung cấp cho tỉnh và trong cả nước. Nhiều mặt hàng xây dựng như gốm sứ, vật cách điện; các mặt hàng mộc mỹ nghệ, mộc dân dụng, hàng lâm thổ sản, mây tre đan; các mặt hàng hải sản được khôi phục và phát triển. Mặt hàng hóa chất như đồ nhựa, đồ giả da, xà phòng, săm lốp xe đạp, hàng cơ khí đã đáp ứng một phần nhu cầu tiêu dùng trong tỉnh. Ở các huyện Quảng Trạch, Bố Trạch, Lệ Ninh, các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp và cơ sở sản xuất công nghiệp quốc doanh đã tích cực tham gia vào chương trình sản xuất hàng tiêu dùng trên cơ sở thế mạnh của mặt hàng truyền thống và một số mặt hàng mới phục vụ người tiêu dùng. Các nghề mây tre đan, nón và mộc dân dụng ở Quảng Trạch phát triển mạnh. Ở Lệ Ninh một số nghề truyền thống như làm chiếu cói, nón, mộc dân dụng được đẩy mạnh. Chính nhờ những cố gắng trong việc thực hiện chương trình sản xuất hàng tiêu dùng mà đã giải quyết được một phần khó khăn cho nhân dân trong việc ăn, ở, học hành, đi lại và những nhu cầu thiết yếu khác.

Thực hiện *chương trình sản xuất hàng xuất khẩu*, các huyện Lệ Ninh, Quảng Trạch đã phát triển một số mặt hàng truyền thống của mình như mặt mây, chổi dót. Đồng Hới đã xây dựng xí nghiệp mây tre đan sau đổi tên là Xí nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu, đầu tư cải tạo và xây dựng một số cơ sở nuôi

tôm xuất khẩu. Giá trị hàng xuất khẩu ngày một tăng. Riêng ở Đồng Hới, giá trị hàng hóa xuất khẩu năm 1985 đạt 680.000 rúp-đô la, năm 1986 đạt 703.000 rúp-đô la, năm 1987 đạt 810.000 rúp-đô la. Công ty ngoại thương Đồng Hới là đơn vị làm tốt công tác thu mua hàng xuất khẩu ở các huyện phía Bắc của tỉnh, liên doanh với tỉnh Thà Khẹt (Lào) mở cửa hàng xuất khẩu tại nước bạn.

Thực hiện 3 chương trình kinh tế trọng điểm của tỉnh trong 3 năm từ 1986 đến 1988 các huyện, thị xã phía bắc tỉnh đã thu được những kết quả đáng phấn khởi góp phần giải quyết khó khăn, đời sống của đông đảo nhân dân ở địa phương, đẩy mạnh phát triển sản xuất và có tích lũy để đầu tư phát triển. Thành công của việc thực hiện 3 chương trình kinh tế cũng là thắng lợi bước đầu của việc thực hiện đường lối Đổi mới theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Bình Trị Thiên lần thứ IV.

Trong quá trình thực hiện 3 chương trình kinh tế, cơ chế quản lý kinh tế theo tinh thần Đổi mới đã từng bước đi vào cuộc sống và nhanh chóng phát huy hiệu quả. Cơ chế "Khoán 10" là giải pháp tích cực làm thay đổi nhanh chóng tình hình sản xuất nông nghiệp của cả nước cũng như ở các địa phương trong tỉnh. Bên cạnh việc giải phóng lực lượng sản xuất, năng suất, sản lượng cây trồng vật nuôi ở các địa phương đều tăng, bộ mặt nông thôn ở Quảng Bình có nhiều đổi mới. Nông dân phấn khởi hăng hái lao động sản xuất, bộ máy quản lý được cải tiến gọn nhẹ, hiệu quả sản xuất tăng lên rõ rệt. Khoán 10 đánh dấu bước tiến quan trọng về đổi mới tư duy kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đã được Đảng bộ và nhân dân quán triệt và triển khai có hiệu quả.

Trong lĩnh vực phân phối lưu thông, thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW (tháng 5/1988) của Bộ Chính trị về các biện pháp cấp bách chống lạm phát, và Chỉ thị 80-CT của Hội đồng Bộ trưởng, tỉnh Bình Trị Thiên đã giải thể các trạm kiểm soát trên các trục đường giao thông nhất là trên đoạn đường quốc lộ 1 từ đèo Ngang đến đèo Hải Vân làm cho việc lưu thông, mua bán hàng hóa thuận lợi được nhân dân phấn khởi hưởng ứng. Tình hình cung ứng lương thực, thực phẩm bớt gay gắt, thị trường hàng hóa sôi động hơn trước. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, do chưa có kinh nghiệm và phương án chuyển đổi phương thức quản lý thích hợp nên còn nhiều thiếu sót. Tình trạng đầu cơ, buôn lậu, trốn thuế diễn ra phức tạp làm ảnh hưởng đến việc quản lý thị trường, bình ổn giá cả.

Ở các huyện thị phía bắc tỉnh, đặc biệt là tại thị xã Đồng Hới các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh đã đóng góp đáng kể trong việc thực hiện các chương trình kinh tế trọng điểm, đặc biệt là chương trình sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu. Năm 1989 giá trị tổng sản lượng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp do thị xã Đồng Hới quản lý đạt đến 81 triệu đồng, tăng 1,5% so

với năm 1988, nhiều mặt hàng như mộc xuất khẩu, đá ốp lát, gạch hoa, dụng cụ cơ khí, gò hàn của các cơ sở ngoài quốc doanh đã góp phần giải quyết khó khăn cho sản xuất và đời sống.

Về giáo dục đào tạo, mặc dù còn nhiều khó khăn thiếu thốn nhưng các địa phương trong tỉnh đã huy động nhiều nguồn lực chăm lo xây dựng cơ sở vật chất trường lớp đáp ứng với yêu cầu và quy mô giáo dục ngày càng tăng. Năm 1988-1989 toàn tỉnh huy động trên 300 triệu đồng xây dựng mới 200 phòng học. Số trẻ vào nhà trẻ, mẫu giáo ngày càng tăng. Tổng số học sinh phổ thông năm học 1988-1989 là 155.000 em. Các cơ sở giáo dục trong tỉnh đã phấn đấu để nâng cao chất lượng dạy và học. Tuy vậy, do đời sống khó khăn, việc học sinh bỏ học vẫn diễn ra khá phổ biến, nhất là ở các địa phương miền núi, miền biển và những vùng nông thôn chưa phát triển. Tình trạng giáo viên bỏ nghề, nhất là giáo viên phổ thông và cô nuôi dạy trẻ vẫn còn diễn ra ở các địa phương.

Ngành y tế đã có nhiều cố gắng trong việc chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, các cơ sở y tế từ xã đến huyện, tỉnh được đầu tư, nâng cấp một bước. Các bệnh xã hội và dịch bệnh có xu hướng giảm. Ngành dược của tỉnh mở rộng sản xuất, cung cấp thuốc chữa bệnh, xí nghiệp dược phẩm đáp ứng nhu cầu chữa bệnh thông thường của nhân dân ở thị xã Đồng Hới.

Hoạt động văn hóa, thông tin, thể dục thể thao được đẩy mạnh góp phần tích cực trong việc xây dựng nếp sống mới, con người mới trên các địa phương ở Quảng Bình.

Trong lúc đời sống nhân dân còn khó khăn, nhiều hộ thiếu đói, tỉnh và các địa phương đã có kế hoạch cứu trợ kịp thời không để thiếu đói kéo dài, gây những khó khăn xáo trộn lớn trong xã hội. Công tác chính sách xã hội đã được chính quyền quan tâm giải quyết, có tiến bộ hơn trước.

Cùng với việc phát triển kinh tế - xã hội, trong công tác đối ngoại, Tỉnh ủy đã chú trọng đến việc tăng cường các mối quan hệ quốc tế. Tỉnh Bình Trị Thiên đã kết nghĩa với tỉnh Xiêm Riệp, Ôtô - Miên chay (Campuchia). Thị xã Đồng Hới kết nghĩa hợp tác kinh tế với thị xã Thà Khẹt tỉnh Khăm Muộn (Lào). Chi hội hữu nghị Việt Nam - Cu Ba - Đồng Hới đã có những hoạt động hiệu quả nhằm tăng cường tình hữu nghị đoàn kết Việt Nam - Cu Ba

Sau 13 năm, kể từ ngày tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên và khu vực Vĩnh Linh được hợp nhất thành tỉnh Bình Trị Thiên, nhân dân Bình Trị Thiên đã đoàn kết, nỗ lực phấn đấu từng bước vượt qua khó khăn thử thách, đạt được những thành tựu rất có ý nghĩa, tạo tiền đề cho việc tiếp tục thực hiện công cuộc Đổi mới.

Tuy nhiên, trong quá trình tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, củng cố quốc phòng an ninh còn nhiều hạn chế. Trong điều kiện các đơn vị hành chính có quy mô lớn, năng lực cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu, việc chỉ đạo còn thiếu sâu sát, cụ thể, tư tưởng bao cấp, ỷ lại còn nặng làm hạn chế sự phát triển của phong trào cách mạng quần chúng.

Thực tế trên đòi hỏi phải có những điều chỉnh toàn diện về quy mô các đơn vị hành chính và thay đổi phương thức quản lý cho phù hợp với tình hình mới.

4. TÁI LẬP TỈNH QUẢNG BÌNH THEO ĐỊA GIỚI CŨ TIẾP TỤC THỰC HIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI

4.1. Tái lập tỉnh Quảng Bình theo địa giới cũ

Để phát huy tính chủ động, tích cực sáng tạo và sức mạnh nội lực của từng địa phương, Hội nghị Tỉnh ủy Bình Trị Thiên lần thứ mười họp phiên bất thường ngày 7-4-1989 đã nhất trí kiến nghị Trung ương cho chia tỉnh Bình Trị Thiên thành ba tỉnh: Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế theo địa giới hành chính cũ nhằm các mục đích chính là:

Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát theo yêu cầu quản lý kinh tế xã hội trong điều kiện mới.

- Khai thác mọi năng lực sản xuất, tiềm năng, thế mạnh của mỗi tỉnh.
- Đáp ứng nguyện vọng của nhân dân.

Ngày 8 và 9 tháng 4 năm 1989, Hội đồng nhân dân tỉnh kỳ họp thứ 16 (khóa III) đã thông qua tình hình thực hiện kế hoạch quý I/1989 và nghe báo cáo những ý kiến, kiến nghị của các địa phương cơ sở và cử tri đề nghị lên Trung ương xem xét lại quy mô và xin phân vạch lại địa giới hành chính của tỉnh.

Ngày 14-4-1989, Bộ Chính trị có quyết định số 87 QĐ/TW cho chia tỉnh Bình Trị Thiên và cử đồng chí Võ Chí Công, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước trực tiếp chỉ đạo tách tỉnh Bình Trị Thiên. Quyết định của Bộ Chính trị nêu rõ: "Việc chia tỉnh phải được chuẩn bị chu đáo về tư tưởng, tổ chức, cán bộ, kinh tế-xã hội, chế độ chính sách, bảo đảm phát huy thế mạnh và khả năng của các địa phương... tăng cường đoàn kết trong các Đảng bộ và nhân dân"^(A184:149)

Ngày 3-5-1989 đồng chí Đỗ Mười, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng vào họp với Tỉnh ủy Bình Trị Thiên, nghe Tỉnh ủy phát biểu ý kiến về vấn đề chia tỉnh.

Ngày 7-5-1989 Bộ Chính trị quyết định chia tỉnh Bình Trị Thiên thành ba tỉnh: Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên-Huế.

Ngày 16 đến ngày 18-5-1989 đồng chí Võ Chí Công, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, đồng chí Nguyễn Khánh, Phó chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, đồng chí Nguyễn Đình Hương, Phó Ban Tổ chức Trung ương vào làm việc với Thường trực Tỉnh ủy, Thường vụ Tỉnh ủy và dự hội nghị Tỉnh ủy thông qua các đề án về công tác tư tưởng, phân chia tài sản, ngân sách và tỉnh lỵ của ba tỉnh.

Ngày 18-5-1989 Hội nghị Tỉnh ủy Bình Trị Thiên lần thứ mười hai (khóa IV) họp và đi đến những nguyên tắc cơ bản, các đề án và những công việc cần khẩn trương thực hiện sau:

Xác định việc chia tỉnh có nhiều khó khăn, cần phải tiến hành khẩn trương nghiêm túc, phải có tinh thần vô tư, trong sáng, đoàn kết.

- Đề cao tinh thần trách nhiệm trước Đảng, trước nhân dân. Động viên tinh thần cách mạng của cán bộ, đảng viên và nhân dân thực hiện tốt các đề án, nhiệm vụ đặt ra.

- Về tổ chức phải đảm bảo cho bộ máy hoạt động chuyển tiếp, liên tục, chặt chẽ, có hiệu lực theo hướng đổi mới. Việc bố trí cán bộ phải xuất phát từ nhiệm vụ chính trị, yêu cầu của mỗi địa phương.

Việc phân chia tài sản được tiến hành công khai, rõ ràng, hợp tình hợp lý, quan tâm đến khó khăn của mỗi tỉnh.

Cũng trong ngày 18-5-1989 các đồng chí Tỉnh ủy viên của Quảng Bình trong Tỉnh ủy Bình Trị Thiên họp bàn thống nhất một số công việc cần tiến hành để lãnh đạo công tác tư tưởng, tổ chức và một số công tác khác trong quá trình chia tỉnh và chuẩn bị cho Quảng Bình trở lại địa giới cũ.

Ngày 25 và 26 tháng 5 năm 1989 các đồng chí Thái Bá Nhiệm, Phó Bí thư Tỉnh ủy Bình Trị Thiên, Trần Sự, ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy Bình Trị Thiên, Trần Đình Luyện, ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy Bình Trị Thiên đã họp với cán bộ về hưu và sau đó họp với Thường vụ các huyện, thị ủy của Quảng Bình, các đồng chí phụ trách các ngành cấp tỉnh tại thị xã Đồng Hới để thống nhất trách nhiệm và nội dung lãnh đạo công tác tư tưởng và các mặt công tác chuẩn bị khác bảo đảm cho việc khi chia tỉnh các hoạt động của tỉnh mới nhanh chóng đi vào hoạt động, đẩy mạnh phong trào của quần chúng. Hội nghị đã thống nhất những nhiệm vụ kinh tế xã hội trước mắt cần tập trung chỉ đạo đó là tổ chức tốt thu hoạch vụ Đông Xuân, triển khai vụ Hè Thu, chuẩn bị cho Đông Xuân 1989-1990. Lãnh đạo tốt công tác thu mua lương thực, thu ngân sách, ổn định đời sống nhân dân và cán bộ công nhân viên sau khi chia tỉnh, không gây

xáo trộn lớn. Sau Hội nghị cán bộ ở Đồng Hới, một số bộ phận của các cơ quan cấp tỉnh đã ra Đồng Hới để chuẩn bị cơ sở, điều kiện làm việc cho cơ quan, đơn vị.

Ngày 25/6/1989 sau khi Bộ Chính trị và Ban Bí thư có quyết định chỉ định các cương vị chủ chốt và Tỉnh ủy lâm thời, Tỉnh ủy Quảng Bình đã họp phiên đầu tiên chuẩn bị cơ cấu tổ chức bộ máy, nhân sự của Ủy ban nhân dân, các ngành, đoàn thể cấp tỉnh và bàn những công việc trước mắt cần tập trung chỉ đạo trong những ngày tái lập tỉnh.

Theo quyết định của Trung ương, Tỉnh ủy Quảng Bình lâm thời có 20 đồng chí. Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm các đồng chí: Thái Bá Nhiệm - Bí thư, Trần Đình Luyện - Phó Bí thư, Trần Sự Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Ngày 30/6/1989, Quốc hội khóa VIII, kỳ họp thứ 5 đã thông qua Nghị quyết về việc phân chia địa giới hành chính của các tỉnh Nghĩa Bình, Phú Khánh và Bình Trị Thiên. Tỉnh Bình Trị Thiên được tách thành ba tỉnh: Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế.

Tỉnh Quảng Bình có 5 đơn vị hành chính gồm thị xã Đồng Hới và các huyện Lệ Ninh, Bố Trạch, Quảng Trạch và Tuyên Hóa.

Ngày 7-7-1989, Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Trị Thiên họp thông qua đề án chia tỉnh và dự kiến phân bổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Trị Thiên về tham gia Hội đồng nhân dân các tỉnh. Các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Trị Thiên được phân bổ về Hội đồng nhân dân các tỉnh. Công tác chia tỉnh được tiến hành khẩn trương ở các cơ quan, đơn vị được chia. Sau một thời gian ngắn gần 5.000 cán bộ, công nhân viên, hơn 1.000 cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang và cùng với một vạn người là gia đình, con em của cán bộ, công nhân viên trong diện được chia đã di chuyển ra Quảng Bình.

Trong 13 năm nhập tỉnh, các Đảng bộ và nhân dân ở Quảng Bình trong tỉnh Bình Trị Thiên đã nỗ lực phấn đấu, vượt qua nhiều khó khăn, thử thách hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, ổn định đời sống, bước đầu thực hiện công cuộc đổi mới đã có những chuyển biến tích cực. Trở lại địa giới hành chính cũ với tên gọi Quảng Bình thân thương, nhân dân Quảng Bình vẫn giữ tình cảm tốt đẹp, truyền thống đoàn kết, tình nghĩa thủy chung với Quảng Trị và Thừa Thiên, nhân dân toàn tỉnh hân hoan, phấn khởi bước vào một thời kỳ mới, nỗ lực phấn đấu xây dựng quê hương Quảng Bình giàu đẹp.

Ngày 1 tháng 7 năm 1989 Quảng Bình trở thành một tỉnh riêng với địa giới và tên gọi vốn có trong lịch sử. Xác định lại quy mô tỉnh vừa phải là một chủ trương đúng và kịp thời của Đảng và Nhà nước, phù hợp với yêu cầu thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta trong chặng đường đầu của thời kỳ quá độ, phù hợp với yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, đổi mới chính

sách kinh tế - xã hội mà Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đã đề ra, đáp ứng được nguyện vọng tha thiết của nhân dân Quảng Bình. Bước vào giai đoạn phát triển mới, Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình đứng trước thời cơ mới, thuận lợi có nhiều nhưng cũng không ít khó khăn.

Tỉnh Quảng Bình có tiềm năng kinh tế lớn, đa dạng cả nông, lâm, thủy sản và khoáng sản. Đặc biệt tỉnh Quảng Bình có nhiều thế mạnh để phát triển công nghiệp (đặc biệt là vật liệu xây dựng) một nền nông nghiệp toàn diện, có điều kiện thuận lợi để phát triển giao thông vận tải cả đường bộ, đường sông, đường biển lưu thông hàng hóa trong nước và nước ngoài. Tỉnh đã có một số tổ chức kinh tế và cơ sở hạ tầng ban đầu phục vụ được sản xuất và đời sống nhân dân trước mắt. Quảng Bình còn có những danh thắng nổi tiếng như Phong Nha, Đá Nhảy (Bố Trạch), bãi tắm Nhật Lệ (Đồng Hới), suối khoáng nóng Bang (Lệ Thủy)... có khả năng tạo ra tiềm năng thế mạnh mở mang du lịch, tăng cường giao lưu trong nước và quốc tế tạo nguồn thu cho ngân sách tỉnh nhà.

Quảng Bình có một lực lượng lao động dồi dào, đội ngũ cán bộ có trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật, có ít nhiều kinh nghiệm quản lý, có khả năng và điều kiện để tiếp tục vận dụng cơ chế mới sử dụng công nghệ và kỹ thuật tiên tiến. Việc chia tỉnh đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc chỉ đạo, điều hành quản lý sâu sát cơ sở.

Tuy nhiên do vị thế địa lý, việc phát triển kinh tế — xã hội trên địa bàn Quảng Bình cũng gặp nhiều khó khăn. Khí hậu thời tiết khắc nghiệt, thiên tai xảy ra thường xuyên gây khó khăn và tổn thất lớn trong sản xuất và đời sống. Ngay cuối vụ Đông Xuân 1988-1989 trận lụt lớn đã làm mất trắng hàng ngàn ha lúa sắp thu hoạch và cả giống cho vụ sau. Đất đai phân tán, chia cắt, độ phì nhiêu ít, độ dốc lớn nên hàng năm bị xói mòn nghiêm trọng. Chi phí vật chất trên một đơn vị sản phẩm cao, hiệu quả kinh tế thấp, trình độ thâm canh chưa đồng đều, có nhiều vùng năng suất còn quá thấp.

Sau giải phóng và khi nhập tỉnh, lực lượng cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật được tăng cường vào vùng phía trong rất đông, nay chia tỉnh số cán bộ được bố trí về và có nguyện vọng về Quảng Bình rất lớn, trong khi đó bộ máy tổ chức của tỉnh Quảng Bình sau khi chia đòi hỏi phải sắp xếp lại theo tinh thần đổi mới giảm nhẹ biên chế, tăng chất lượng, nên số lượng cán bộ dư thừa quá lớn không sắp xếp hết được. Số học sinh ở Huế ra quá đông vì thế nhu cầu về nhà ở cho cán bộ, trường học cho học sinh và trụ sở của các cơ quan cấp tỉnh trên địa bàn Đồng Hới hết sức cấp bách, nhưng do thiếu vốn và chưa có quy hoạch nên việc ăn, ở, làm việc hết sức tạm bợ, chen chúc chưa đảm bảo được nhu cầu tối thiểu. Các cơ quan phải ghép lại vào ở chung với cơ quan ở thị xã, các hộ gia đình cán bộ nhân viên phải tự lo lấy chỗ ở của mình. Trong 13 năm nhập tỉnh, Quảng Bình không có cơ sở sản xuất công nghiệp nào đáng kể nên cũng không thể bố trí cho công nhân viên chức có

đủ việc làm một lúc được, gây nên tình trạng hết sức căng thẳng trong từng đơn vị, cơ quan và từng gia đình cán bộ.

- Các cơ sở sản xuất, các công ty xí nghiệp chia ra không đồng bộ, manh mún, không thể đưa vào hoạt động ngay được, cần phải có nguồn vốn tương đối lớn và cần thời gian dài mới bổ sung trang bị đồng bộ được.

- Tỉnh mới chia ra, chưa có nguồn thu ngân sách để trả lương và chi phí cho các hoạt động của cả khối hành chính sự nghiệp và kinh doanh sản xuất. Nhiều vấn đề thuộc chính sách xã hội như tiền lương cán bộ công nhân viên, hưu trí, đối tượng chính sách, lao động chưa có việc làm đang gây nhiều bức xúc trong xã hội.

Đời sống nhân dân rất khó khăn, thiếu thốn cả về vật chất và tinh thần. Vụ Đông Xuân 1988-1989 mất mùa nặng làm cho đời sống nhân dân càng khó khăn thêm.

Hậu quả chiến tranh còn nặng nề, cơ sở vật chất kỹ thuật và những yếu tố vật chất đảm bảo cho sản xuất còn quá kém, nhiều quy trình công nghệ trong sản xuất lạc hậu không đồng bộ. Tài nguyên chưa được bảo vệ và khai thác tốt, sử dụng còn lãng phí.

Ảnh hưởng của cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp, tư tưởng ỷ lại, bảo thủ, trì trệ còn khá nặng nề, gây trở lực trong công cuộc đổi mới. Kiến thức về sản xuất hàng hóa, kinh doanh xã hội chủ nghĩa, sự chuyển hướng nhận thức tư tưởng và năng lực quản lý, kiến thức về khoa học kỹ thuật của cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý, đổi mới chính sách kinh tế xã hội.

Thực trạng nền kinh tế địa phương vẫn mang nặng tính tự cung tự cấp, nông nghiệp độc canh. Sản xuất phát triển chậm, năng suất lao động thấp, không có tích lũy và còn mất cân đối lớn. Lũy. Đời sống, việc làm và nhiều vấn đề xã hội còn khá gay gắt. Trong khi đó, tình hình thế giới diễn biến phức tạp, các thế lực thù địch thực hiện âm mưu diễn biến hòa bình chống phá cách mạng nước ta. Ở trong nước, cuộc khủng hoảng kinh tế, xã hội chưa chấm dứt đang tác động sâu sắc đến quá trình ổn định và phát triển kinh tế - xã hội của Quảng Bình.

Ngay sau khi tái lập tỉnh, Tỉnh ủy đã khẩn trương ổn định tổ chức bộ máy, bố trí cán bộ cho các cơ quan ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh. Trên cơ sở bộ máy và cán bộ công nhân viên chức tỉnh Bình Trị Thiên chia ra, tỉnh Quảng Bình đã tiếp nhận và khẩn trương sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, giảm khâu trung gian, đảm bảo chất lượng, không nhất thiết tỉnh cũ có tổ chức gì thì tỉnh mới có tổ chức đó. Do có quan điểm đúng đắn mặc dầu cán bộ ở Huế ra đông nhưng tỉnh vẫn sắp xếp bộ máy theo yêu cầu đảm bảo chất lượng và hiệu quả. Toàn tỉnh có 32 ban, ngành và đơn vị sản xuất trực thuộc UBND tỉnh, có 93 đơn vị sản xuất kinh doanh và sự nghiệp thuộc

ngành. So với trước ở cấp tỉnh giảm 9 đơn vị. Giảm hẳn hệ thống các phòng ban để sử dụng hệ thống chuyên viên trực tiếp. Biên chế của các cơ quan đều giảm (biên chế quản lý Nhà nước là 463, tổng số biên chế của tỉnh là 834). Đội ngũ cán bộ chủ chốt của các ban, ngành phần lớn mới được đề bạt, trẻ, có trình độ kiến thức (85% là đại học, 75% có độ tuổi dưới 55) có nhiệt tình trách nhiệm; trong tình hình khó khăn về đời sống vẫn giữ được phẩm chất cách mạng, tin tưởng vào đường lối cách mạng của Đảng, quyết tâm khắc phục khó khăn, thực hiện cơ chế quản lý mới, kịp thời tháo gỡ những vướng mắc trong sản xuất kinh doanh.

Tỉnh giao trách nhiệm cho giám đốc sở, thủ trưởng các ban ngành cấp tỉnh xây dựng các chức năng, nhiệm vụ, sắp xếp lại tổ chức, bộ máy và cán bộ của sở, ngành mình.

Các cơ quan, đơn vị thông tin đại chúng đã đi vào hoạt động ngay tuần đầu tháng 7 năm 1989.

Ngày 1 tháng 7, Đài phát thanh truyền hình Quảng Bình phát sóng buổi đầu tiên.

Ngày 13 tháng 7, Báo Quảng Bình - cơ quan của Đảng bộ tỉnh ra số đầu tiên.

Thường vụ Tỉnh ủy quyết định thành lập trường Đảng tỉnh trên cơ sở sát nhập trường Đảng tỉnh, trường Đảng thị xã Đồng Hới và số cán bộ của trường hành chính Bình Trị Thiên được chia ra.

Đối với các cơ quan có quyết định giải thể, Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Ban Tổ chức chính quyền tiến hành nghiên cứu sắp xếp lại một số đồng chí có năng lực, trình độ văn hóa - kỹ thuật có thể phục vụ một số ban, ngành khác.

Để ổn định nơi làm việc của các cơ quan cấp tỉnh, tỉnh có chủ trương trước mắt dựa vào thị xã Đồng Hới để kịp thời triển khai điều hành công việc. Thị ủy, Ủy ban nhân dân thị xã Đồng Hới và các cơ quan chuyên môn của thị kể cả các doanh nghiệp đã sắp xếp thu hẹp nơi làm việc của mình, dành cho các cơ quan cấp tỉnh có nơi làm việc thuận lợi.

Đối với việc sinh hoạt ăn ở của cán bộ công nhân viên trong Huế chuyển ra trước mắt dựa vào sự giúp đỡ của bà con và nhân dân thị xã Đồng Hới để vượt qua khó khăn ban đầu. Đồng thời Thường vụ Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua quy hoạch một phần thị xã Đồng Hới để quy hoạch khu dân cư, cấp đất cho cán bộ làm nhà ở. Tỉnh có quyết định trích một số vốn xây dựng nhà ở cho cán bộ công nhân viên vay dài hạn, thời gian hoàn trả trong 7 năm để hỗ trợ cho cán bộ công nhân viên từ Huế ra xây dựng nhà ở. Kết quả đã cấp đất cho hơn 1.000 hộ và cho hơn 800 cán bộ công nhân viên chức vay tiền làm nhà ở. Đây là một quyết định được toàn thể cán bộ công nhân viên đồng tình hưởng ứng, tạo điều kiện ổn định nơi ăn, ở cho cán bộ, công nhân viên chức yên tâm công tác.

Trong không khí vui mừng, phấn khởi của những ngày đầu tái lập tỉnh, nhân kỷ niệm 40 năm Ngày truyền thống Quảng Bình quật khởi (15/7/1949-15/7/1989) Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân đã tổ chức Hội nghị cốt cán toàn tỉnh. Dự hội nghị có hơn 500 đại biểu gồm tất cả các đồng chí Bí thư, Chủ tịch xã, phường và thị trấn, Thường vụ Huyện ủy, Thường trực Ủy ban nhân dân huyện, cán bộ chủ chốt cấp tỉnh, cán bộ lão thành cách mạng và lưu trí tiêu biểu, đại diện hội đồng hương Quảng Bình ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Tỉnh cũng đã mời một số văn nghệ sỹ đặc biệt là một số nhạc sỹ đã có những tác phẩm viết về quê hương Quảng Bình.

Tại Hội nghị đồng chí Thái Bá Nhiệm, Bí thư Tỉnh ủy đã đọc báo cáo ôn lại truyền thống Quảng Bình quật khởi của Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình trong 40 năm qua và phát động phong trào thi đua trong toàn tỉnh, động viên Đảng bộ, nhân dân đoàn kết, nỗ lực phấn đấu quyết tâm xây dựng Quảng Bình giàu đẹp. Đồng chí Trần Sự, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tình hình kinh tế xã hội và những định hướng phát triển của tỉnh trong những năm trước mắt.

Kỷ niệm 40 năm ngày truyền thống Quảng Bình quật khởi thực sự là ngày hội mở đầu cho giai đoạn phát triển mới của Quảng Bình sau ngày tỉnh nhà được tái lập.

Vượt qua những khó khăn gay gắt của những ngày đầu chia tách tỉnh Bình Trị Thiên thành 3 tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa thiên — Huế, các tầng lớp nhân dân Quảng Bình đã phát huy tinh thần đoàn kết tương thân, tương ái, giúp đỡ nhau ổn định cuộc sống và sắp xếp bộ máy tổ chức phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ mới.

4.2. ổn định tình hình chính trị, kinh tế, xã hội sau khi tái lập tỉnh Quảng Bình

4.2.1. Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch 2 năm 1989-1990

Kết hợp với việc tiến hành chia tỉnh, ổn định, sắp xếp tổ chức bộ máy, tổ chức đời sống cán bộ công nhân viên chức đến cơ sở mới, tỉnh đã chú ý chỉ đạo công tác sản xuất và kinh doanh trước mắt nhất là sản xuất vụ Hè Thu, chuẩn bị vụ Đông Xuân 1989-1990.

Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung chỉ đạo khâu thu, chi ngân sách, đẩy mạnh thu thuế, chống thất thu bảo đảm các khoản chi trên tinh thần tiết kiệm; chăm lo nơi ăn, chốn ở cho cán bộ, công nhân viên chức mới ra, trước mắt giải quyết tiền lương, các khoản trợ cấp, phụ cấp trong tháng 7 năm 1989; sớm ổn định

đời sống để có điều kiện tiếp tục sản xuất, công tác, quan tâm chỉ đạo năm học mới.

Đi đôi với việc chỉ đạo điều hành công tác trước mắt, ngày 10 và 11 tháng 8 năm 1989, *Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh Quảng Bình* họp bàn về phương hướng nhiệm vụ kinh tế, xã hội 6 tháng cuối năm 1989 và năm 1990, quyết định chủ trương tập trung phát triển ba chương trình kinh tế tạo điều kiện giải quyết khó khăn trước mắt vừa ổn định đời sống nhân dân vừa chuẩn bị tiền đề vật chất tạo vốn đi lên.

** Chương trình lương thực, thực phẩm*

Để thực hiện chương trình lương thực, thực phẩm, phải phát triển nông nghiệp toàn diện cả nông lâm và thủy sản. Thực hiện đổi mới cơ chế quản lý trong nông nghiệp theo Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, khơi dậy mọi tiềm năng, giải phóng mọi năng lực sản xuất của các thành phần kinh tế trên mặt trận sản xuất.

Coi trọng cả lúa và màu, cây lương thực, thực phẩm đồng thời coi trọng cây công nghiệp, cây xuất khẩu ngắn ngày và dài ngày. Tập trung làm vụ Đông Xuân có năng suất cao đồng thời coi trọng vụ Hè Thu, từng bước tăng vụ 8 giảm vụ 10 bảo đảm đúng thời vụ, tránh thiên tai và lũ lụt, biến vụ Hè Thu từ một vụ bắp bênh có năng suất thấp thành một vụ tương đối ổn định có năng suất cao.

Về chăn nuôi, phát triển gia cầm, đàn lợn, bò theo hướng sản xuất hàng hóa, chủ yếu là khu vực kinh tế gia đình; các cơ sở kinh doanh chủ yếu làm dịch vụ sản xuất, cung ứng giống, thức ăn tổng hợp, phòng trừ dịch bệnh, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, mở rộng liên doanh, liên kết phát triển mạnh dần bộ.

Về thủy sản, phát triển cả ba khâu: Đánh bắt, nuôi trồng và chế biến thủy sản theo hướng tạo ra nhiều sản phẩm xuất khẩu và đáp ứng nhu cầu trên địa bàn, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và thực hiện tốt hợp tác liên doanh cả trong đánh bắt, nuôi trồng và chế biến để ngày càng tăng về số lượng, chất lượng và chủng loại, tạo giá trị xuất khẩu lớn. Phát triển mạnh nuôi trồng thủy sản chủ yếu là tôm, rong câu ở những vùng có điều kiện phù hợp.

Về lâm nghiệp, cần phải có kế hoạch đẩy mạnh trồng rừng ở tất cả các vùng đồi núi, đồng bằng... nhằm cải tạo môi sinh, môi trường phòng chống bão lụt, tăng của cải vật chất cho xã hội. Sử dụng tốt rừng tự nhiên và đất rừng một cách hiệu quả, phải tập trung bảo vệ vốn rừng hiện có. Khuyến khích các thành phần kinh tế hợp tác, liên doanh, liên kết góp phần đầu tư để trồng rừng và kinh doanh tổng hợp trên đất rừng. Thực hiện tốt giao đất trồng rừng cho từng hộ gia đình. Có kế hoạch chăm sóc bảo vệ cây đặc sản, gỗ quý, cây lấy dầu, cây công nghiệp dài ngày và ngắn ngày.

Thực hiện chương trình lương thực, thực phẩm, phải kết hợp làm giàu từ đồng bằng đến gò đồi, lên rừng. Sử dụng tốt tiềm năng thế mạnh để phát triển nền nông nghiệp toàn diện.

** Chương trình hàng xuất khẩu*

Công tác xuất nhập khẩu và kinh tế đối ngoại là mũi nhọn, là trung tâm hoạt động kinh tế của tỉnh. Trong công tác xuất khẩu trước mắt phải tranh thủ thu gom tất cả những sản phẩm có thể thu gom được để xuất khẩu từ hàng nông sản, lâm sản và thủy sản; đồng thời có chính sách đầu tư để tạo ra mặt hàng chủ lực có khối lượng lớn và giá trị cao. Dự kiến năm 1989 xuất khẩu đạt 7 triệu USD và năm 1990 đạt 10 triệu USD.

** Chương trình sản xuất hàng tiêu dùng*

Đẩy mạnh sản xuất tiểu thủ công nghiệp đặc biệt là hàng xuất khẩu. Chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất luôn là nhiệm vụ hàng đầu, là sự sống còn của các ngành sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Luôn luôn gắn sản xuất với thị trường, coi trọng tổ chức lại sản xuất, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, từng bước thực hiện đầu tư chiều sâu, đồng bộ hóa các quy trình công nghệ chủ yếu là từ nguồn vốn ở cơ sở.

Trên lĩnh vực văn hóa, giáo dục Hội nghị Tỉnh ủy nhấn mạnh việc phát triển các hoạt động văn hóa thông tin, đáp ứng nhu cầu đời sống tinh thần của nhân dân, góp phần xây dựng sự nhất trí cao về chính trị, nâng cao kiến thức, mở rộng tầm nhìn, bồi dưỡng và phát huy truyền thống, Nâng cao chất lượng của Báo Quảng Bình, Đài phát thanh và truyền hình tỉnh, tổ chức tốt việc phát thanh, đảm bảo cho quần chúng nghe được đài, xem được báo. Nâng cao chất lượng dạy và học ở các cấp. Sắp xếp tổ chức lại hệ thống giáo dục chuyên nghiệp, mở đại học tại chức, trung tâm ngoại ngữ để đáp ứng yêu cầu học tập và đào tạo cán bộ trên địa bàn. củng cố mạng lưới y tế cơ sở, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, ngăn chặn dập tắt kịp thời các dịch bệnh, thực hiện chương trình dân số kế hoạch hóa gia đình, phấn đấu giảm tỷ lệ sinh sản xuống 2‰ trong năm 1990. Củng cố bệnh viện Việt Nam - Cu Ba, tổ chức phòng khám bảo vệ sức khỏe cho cán bộ trên địa bàn. Thực hiện chính sách chăm sóc thương bệnh binh, gia đình liệt sỹ... Có kế hoạch quản lý lao động và dân cư, tìm mọi biện pháp và sử dụng hợp lý lực lượng lao động, tạo điều kiện cho người lao động có việc làm.

Phát động quần chúng bảo vệ an ninh trật tự an toàn xã hội và làm tốt nhiệm vụ quốc phòng toàn dân trong tình hình mới. Có biện pháp tích cực ngăn ngừa tội phạm, chủ động các phương án đấu tranh giữ gìn an ninh trật tự an toàn xã hội nhất là các trọng điểm kinh tế-xã hội của tỉnh. Cảnh giác đề phòng các hiện tượng móc nối cài cắm phá hoại của bọn phản động.

Nhanh chóng ổn định tổ chức, từng bước xây dựng bộ máy tinh gọn, năng động có hiệu quả. Có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo cán bộ, có chính sách để thu

hút cán bộ khoa học kỹ thuật. Lãnh đạo nhân dân thực hiện tốt bầu cử hội đồng nhân dân ba cấp, củng cố hệ thống chính quyền tỉnh, huyện, phường, xã.

Để bù đắp tổn thất về sản lượng lương thực do cơn bão số 2 gây ra các địa phương trong toàn tỉnh tập trung sức đẩy mạnh sản xuất vụ tám, giành thắng lợi cả về diện tích, năng suất và sản lượng. Diện tích gieo cấy vụ tám đạt 13.000 ha là năm có diện tích vụ Tám cao nhất trong 10 năm qua. Cùng với thực hiện cơ chế khoán mới theo tinh thần Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, các địa phương đã chú ý bố trí lại mùa vụ, cơ cấu cây trồng hợp lý, tăng cường các yếu tố về kỹ thuật phục vụ sản xuất dịch vụ nông nghiệp tạo điều kiện cho việc thâm canh tăng năng suất, tăng vụ và mở rộng diện tích. Năng suất lúa vụ tám đạt tương đối khá, bình quân toàn tỉnh 23,1 tạ/ha. Nhiều hợp tác xã đạt năng suất cao như Phúc Lộc 43 tạ, Quy Hậu 36,8 tạ; Quảng Phong 34 tạ, Lương Yên 35 tạ, Đức Ninh 1: 37 tạ, Hữu Cung 40 tạ. Sản lượng vụ tám đạt trên 42 nghìn tấn và cũng là năm có sản lượng vụ tám cao so với những năm trước đây. Vụ mười liên tiếp bị hai cơn bão số 8, 9 gây ra làm hư hại 7.000 ha nên sản lượng lương thực cả năm chỉ đạt 11 vạn tấn. Bố Trạch, Quảng Trạch, Đồng Hới có sản lượng lương thực tăng hơn so với năm 1988, trong đó Bố Trạch tăng 26,5%.

Nhờ áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi và phát triển các công trình thủy lợi, diện tích tưới tiêu tăng, cơ cấu cây trồng đã có chuyển biến tốt. Diện tích cây trồng cả năm đạt 46,633 ha, cây thực phẩm đạt 5.302 ha tăng hơn so với năm 1988 là 24,5%. Diện tích cây công nghiệp dài ngày như cao su, tiêu, chè tăng khá và có khả năng phát triển tốt. Đàn gia súc được duy trì và phát triển. Đàn trâu, bò tăng hơn năm trước 6.000 con. Đàn lợn tăng khá, trọng lượng xuất chuồng bình quân trên 50 kg/con, ở Đồng Hới là 60 kg/con.

Bố trí mùa vụ và cơ cấu cây trồng bước đầu đã có thay đổi theo hướng tăng vụ tám giảm vụ mười. Việc đổi mới cơ chế quản lý trong nông nghiệp triển khai rộng rãi, có 252/322 hợp tác xã và các nông trường, trạm trại.

Tuy nhiên, trong sản xuất nông nghiệp toàn diện còn bị hạn chế. Tỷ trọng màu còn thấp. Diện tích cây công nghiệp ngắn ngày, cây xuất khẩu có tăng nhưng tăng chậm, chưa khai thác tốt tiềm năng kinh tế vùng gò đồi. Sản phẩm hàng nông nghiệp còn hạn chế, chuyển đổi cơ cấu cây trồng chưa mạnh, năng suất, chất lượng hiệu quả chưa cao. Thực hiện cơ chế khoán 10 bước đầu đã giải phóng năng lực sản xuất, song còn bộc lộ nhiều thiếu sót. Việc chỉ đạo triển khai chưa toàn diện, mỗi nơi làm một cách, chưa có sự điều hành thống nhất, chỉ tập trung khoán cây lúa, chưa chú trọng màu và các cây thực phẩm, cây nông nghiệp xuất khẩu. Việc giao đất còn mang tính bình quân, manh mún, chưa khai thác được hết năng lực sản xuất của các hộ làm ăn giỏi và ngược lại cũng có người không đảm đương được ruộng khoán đã phải xin trả lại ruộng. Việc chỉ đạo điều hành sản xuất của ban quản lý hợp tác xã nhiều nơi còn lúng túng, có nơi hầu như khoán trắng cho hộ xã viên. Tổ chức dịch vụ

vật tư, giống, bảo vệ thực vật chưa thực sự hướng về cơ sở, phục vụ sản xuất. Việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp còn yếu, trước hết là chưa khai thác tốt hiệu quả của các công trình thủy lợi, chưa tạo ra được bộ giống có năng suất cao, ổn định, phù hợp với từng loại đất. Việc đổi mới cơ chế quản lý trong các cơ sở quốc doanh nông nghiệp chưa được quan tâm, chỉ đạo đúng mức.

Ngành hải sản phát triển nhiều tập đoàn, tổ đoàn kết, toàn tỉnh có 188 đơn vị chiếm 8,7% lao động nghề cá. Kinh tế tư nhân trong nghề cá có 1.271 người chiếm 18,3% lao động nghề cá. Phần lớn các hợp tác xã đã thực hiện khoán sản phẩm theo đơn vị thuyền. Kinh tế tư nhân được khuyến khích phát triển. Nhiều hộ đã góp vốn hàng chục triệu đồng mua sắm ngư lưới cụ, mở rộng đánh bắt ra nhiều ngư trường, tăng cường khai thác các loại đặc sản xuất khẩu. Sự kết hợp thành phần kinh tế tập thể và kinh tế gia đình trong nghề cá khá chặt chẽ. Vào những vụ cá chính người ngư dân theo hợp tác xã ra khơi đánh bắt, đồng thời sắm thêm ngư lưới cụ để khi hết vụ chính hoặc biển động chuyển sang làm các nghề trong lồng ven bờ. Chính sự kết hợp này đã làm tăng năng lực sản xuất và thu nhập của người lao động khá hơn. Nhờ những biện pháp tích cực trong việc đánh bắt thủy, hải sản nên mặc dầu năm 1989 mất mùa biển do bão lụt sớm nhưng sản lượng đánh bắt 6 tháng cuối năm đạt khoảng 7.500 tấn gần đạt kế hoạch cả năm. Tuy sản lượng đánh bắt không tăng nhưng do mặt hàng xuất khẩu tăng khá (tôm hùm 80 tấn, mực ống 214 tấn, mực nang 260 tấn) nên kim ngạch xuất khẩu 6 tháng cuối năm đạt 1,5 triệu USD, tăng gấp đôi so với 6 tháng đầu năm 1989.

Năng suất đánh bắt thủy sản còn thấp một phần do điều kiện mùa vụ, nhưng mặt khác do phương tiện đánh bắt còn hạn chế. Việc tổ chức tiêu thụ sản phẩm chưa tốt nên ngư dân có tâm lý đánh gần đũa chợ bán sớm cho được giá. Việc quản lý và tổ chức thu mua hải sản xuất khẩu còn nhiều thiếu sót, tình trạng tranh mua, tranh bán chưa được ngăn chặn triệt để nên để lọt ra ngoài một khối lượng hàng hóa lớn (năm 1989 chỉ thu mua được 33/80 tấn tôm hùm; 167/200 tấn tôm sông biển; 153/260 tấn mực nang; 50/214 tấn mực ống)...

Trong công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, với máy móc, trang thiết bị cũ kỹ, lạc hậu, lại đứng trước thử thách quyết liệt của cơ chế thị trường và yêu cầu thích ứng với cơ chế quản lý mới, sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp gặp nhiều khó khăn gay gắt. Để ổn định tình hình ngành công nghiệp, tỉnh đã sắp xếp lại tổ chức sản xuất, điều chỉnh cơ cấu sản phẩm phù hợp và tiếp cận với nhu cầu thị trường, mạnh dạn đầu tư phát triển những xí nghiệp làm ăn hiệu quả hoặc có khả năng làm ăn có lãi, giải thể các xí nghiệp làm ăn thua lỗ kéo dài, không có hướng phát triển; xây dựng mới một số xí nghiệp qui mô nhỏ, công nghệ khá, khả năng thu hồi vốn nhanh, sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường. Trong nội bộ từng xí nghiệp đã có sự chuyển hướng sản xuất cải

tiến công nghệ, đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng, hạ giá thành, gắn sản xuất với thị trường, đưa hoạt động của đơn vị từng bước thoát khỏi bế tắc, đi vào sản xuất bình thường. Nhiều xí nghiệp đã biết kết hợp kế hoạch với thị trường, sản xuất với tiêu thụ, sắp xếp lại lao động theo hướng chuyên môn hóa sản xuất, đa dạng hóa mặt hàng, bố trí thêm việc làm cho công nhân. Các xí nghiệp bắt đầu làm ăn có lãi và nộp ngân sách như Xí nghiệp A3, Xí nghiệp Đông lạnh Đồng Hới, Gạch ngói 1-5, Nhà máy nước Đồng Hới... bước đầu khắc phục tình trạng "lãi giả lỗ thật" từ nhiều năm nay.

Các xí nghiệp quốc doanh hiện còn nhiều khó khăn nhưng hầu hết đã tìm ra hướng đi tích cực, có khả năng phát triển mạnh trong những năm tới, kể cả những xí nghiệp lâu nay khó khăn như xí nghiệp rượu Bồng Lai, Cơ khí 3/2... Để khai thác tốt tiềm năng và thế mạnh về nông, lâm, hải sản, khoáng sản và sức lao động địa phương tỉnh đã chủ trương hợp tác đầu tư, liên doanh, liên kết với nước ngoài để xây dựng một số xí nghiệp mới sản xuất một số sản phẩm xuất khẩu có giá trị.

Việc sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trong các thành phần ngoài quốc doanh cũng gặp không ít khó khăn, sản xuất bị đình đốn do sản phẩm chất lượng kém, giá thành cao không cạnh tranh nổi thị trường. Có 9 hợp tác xã phải giải thể, 20 hợp tác xã chuyển sang dịch vụ buôn bán⁽¹⁾. Tuy vậy cũng có một số hợp tác xã, tổ hợp và gia đình vươn lên làm ăn khá như các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng ở khu vực Đồng Hới, Ba Đồn, sản xuất các mặt hàng như gạch, ngói, cát sạn... các mặt hàng tiêu dùng như sắm lốp xe đạp, xà phòng... Huyện Quảng Trạch và thị xã Đồng Hới là hai đơn vị có giá trị sản lượng công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp lớn nhất tỉnh. Sản xuất tăng hơn cùng kỳ năm trước (Quảng Trạch tăng 13,6%; Đồng Hới tăng 32%). Tuy có những chuyển biến bước đầu nhưng nhìn chung các cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ở Quảng Bình vẫn hình thành từ lâu với cơ sở vật chất kỹ thuật lạc hậu, phương thức sản xuất không kịp thời thay đổi để phù hợp với yêu cầu mới, cung cách quản lý của một số cán bộ phụ trách còn mang nặng tư tưởng và phong cách tập trung quan liêu bao cấp, thiếu năng động và cũng thiếu tri thức về sản xuất hàng hóa. Tổng giá trị công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp năm 1989 đạt 511 triệu đồng bằng 95% so với năm 1988. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chưa chuyển biến mạnh, thiếu vững chắc.

Trong quá trình đổi mới cơ chế, thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán đang gặp nhiều khó khăn lúng túng. Ngành thương nghiệp quốc doanh được sắp xếp lại, tổ chức cải tiến hình thức và phương thức hoạt động để thích hợp dần với cơ chế góp phần lưu thông hàng hóa, ổn định giá cả phục vụ nhu cầu của nhân dân. Toàn tỉnh có 128 hợp tác xã mua bán xã, phường, có

(1) Nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 3 về tình hình trong thời gian qua và nhiệm vụ cụ thể trong những tháng cuối năm. Số 03 NQ-TV ngày 31/10/1989 lưu tại phòng lưu trữ Tỉnh ủy Quảng Bình.

25% ngừng hoạt động, số còn lại mặc dù còn nhiều khó khăn hạn chế, nhưng vẫn tiếp tục mua bán kinh doanh phục vụ nhu cầu thiết thực cho quần chúng nhân dân. Tỷ trọng về mức bán lẻ của thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán chiếm 58% tổng mức luân chuyển hàng hóa của thị trường xã hội. Toàn tỉnh có 48 chợ lớn, nhỏ, người mua, người bán đông đúc, sản phẩm hàng hóa đa dạng đáp ứng nhu cầu nhiều mặt của nhân dân. Tuy chợ nông thôn phát triển nhưng việc mở rộng xây dựng chợ chưa được các cấp chính quyền chú ý, tổ chức sắp xếp quản lý chợ chưa tốt, tình trạng chật chội, chen lấn thiếu vệ sinh còn phổ biến. Vẫn còn sự phân chia thị trường do lợi ích của địa phương, đơn vị kinh doanh, điều đó đã làm chậm tốc độ lưu chuyển hàng hóa, làm tăng chi phí, giá cả, dẫn đến hiệu quả kinh doanh thấp.

Trong điều kiện thị trường thế giới biến động phức tạp, giá cả thất thường xác định xuất khẩu là ngành mũi nhọn, tỉnh đã quan tâm chỉ đạo mở rộng xuất khẩu bằng việc tìm thị trường, thu gom từ hàng nông, lâm, thủy sản và tập trung đầu tư để tạo ra mặt hàng chủ lực của tỉnh. Năm 1989 kim ngạch xuất khẩu đạt trên 7 triệu USD tăng 75% so với năm 1988 trong đó 6 tháng cuối năm 1989 đạt 5,88 triệu USD bằng 5,14 lần so với 6 tháng đầu năm 1989. Trong xuất khẩu bước đầu đã tạo được một số mặt hàng chủ lực có giá trị như tôm, mực đông lạnh, ớt bột, mặt mây, gỗ quý. Huyện Quảng Trạch có kim ngạch xuất khẩu khá, đạt 1,6 triệu USD, hai mặt hàng ớt quả khô và mặt mây chiếm 90% sản phẩm xuất khẩu của tỉnh. (ớt quả 600 tấn/766 tấn; mặt mây 150.000m²/166.000m²). Thị xã Đồng Hới đạt 900.000 USD. Xuất khẩu không những làm tăng thu nhập, cải thiện đời sống cho nhân dân, giải quyết được việc làm cho người lao động, mà còn góp phần giải quyết khó khăn về đời sống và tăng nguồn tích lũy cho ngân sách địa phương. Thực tế vừa qua, các cơ sở quốc doanh trong các ngành, các huyện, thị, cơ sở, thu nộp ngân sách lớn chủ yếu là do làm xuất khẩu, hoặc tham gia kinh doanh, hàng xuất khẩu.

Trong quan hệ đối ngoại, tỉnh cũng đã có nhiều cuộc tiếp xúc, gặp gỡ các tỉnh Khăm Muộn. Sa-van-na-khet và Viêng Chăn (Lào), một số đại diện các tổ chức nhân đạo, các hội từ thiện, các tổ chức phi chính phủ (NGO), hội Việt kiều ở nước ngoài... nhằm tăng cường hợp tác thu hút nguồn vốn, kỹ thuật, vật tư, tìm kiếm đầu tư, liên doanh trong sản xuất chế biến, buôn bán hàng hóa, viện trợ giúp đỡ nhân đạo cho các chương trình có mục tiêu văn hóa, xã hội, đời sống, kinh tế. Mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại sẽ tạo điều kiện khả năng, huy động nguồn lực mới góp phần thúc đẩy kinh tế tỉnh nhà phát triển nhanh hơn.

Trong điều kiện nguồn vốn có hạn tỉnh đã chú ý đầu tư cho các công trình thủy lợi, đường dây tải điện, giao thông vận tải và một số xí nghiệp công nghiệp.

Hệ thống cầu đường trên quốc lộ và tỉnh lộ hư hỏng xuống cấp nghiêm trọng, sau khi tái lập tỉnh ngành giao thông vận tải đã tập trung cho công tác

xây dựng cơ bản, trùng tu, bảo dưỡng đường, xây dựng lại một số cầu hoàn chỉnh như Cầu Dài ở thị xã Đồng Hới dài 145m được đưa vào sử dụng. Nhờ phát huy được năng lực vận tải của các thành phần kinh tế nên vận tải cả hàng hóa và hành khách không còn căng thẳng như những năm trước. Hàng hóa nhập, xuất ra khỏi tỉnh đảm bảo kế hoạch lưu thông trên thị trường tương đối thông suốt. Để tăng cường năng lực vận tải đường biển tỉnh đã đầu tư mua hai tàu vận tải 400 tấn và nhanh chóng đưa vào sử dụng.

Nhằm bảo đảm thông tin liên lạc liên tục thông suốt kể cả những lúc bão lụt, ngành bưu điện đã nhanh chóng khôi phục lại hệ thống đường dây hư hỏng trước đây, xây dựng tổng đài điện thoại tự động 600 số ở Đồng Hới, đưa vào khai thác và triển khai xây dựng tổng đài điện thoại tự động ở các huyện Quảng Trạch, Bố Trạch, xây dựng hệ thống thông tin liên lạc ra nước ngoài phục vụ công tác đối ngoại và kinh tế đối ngoại của tỉnh.

Cùng với việc xây dựng tuyến đường dây tải điện 220kv của Trung ương, tỉnh đã xây dựng một số tuyến đường dây phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân trong đó có tuyến Hoàn Lão - Rào Nan 35kv. Mạng lưới đường dây tải điện phát triển khá nhất là các vùng trọng điểm lúa Lệ Thủy, Quảng Ninh phục vụ công tác thủy lợi. Nhiều công trình xây dựng được khởi công từ các năm trước đã được các ngành tập trung đẩy nhanh tiến độ kịp đưa vào sử dụng như đập thủy lợi Mỹ Trung, Vực Tròn, thủy điện Khe Ròn và một số cầu, cống giao thông khác.

Toàn tỉnh hiện có 5 vạn người trong diện bảo hiểm xã hội trong đó có 13.729 cán bộ hưu trí, 12.655 gia đình liệt sĩ; 4.352 thương binh có 140 thương binh nặng. Trong hoàn cảnh tỉnh mới chia, ngân sách ít ỏi, chi viện Trung ương có hạn, nhưng cấp ủy chính quyền các địa phương đã quan tâm giải quyết khó khăn cho các đối tượng chính sách như tạo điều kiện cho các gia đình diện chính sách được ưu tiên nhận khoán, nâng cao thu nhập, giải quyết nhu cầu nhà ở cho một số thương binh nặng, gia đình liệt sĩ neo đơn, kịp thời chi trả lương và trợ cấp cho 5 vạn người trong các đối tượng. Phong trào "đền ơn đáp nghĩa" đối với các gia đình liệt sĩ, thương binh được mở rộng. Đã quy tập mồ mả liệt sĩ con em quê hương Quảng Bình hy sinh trên đất bạn Lào về tại nghĩa trang Ba Dốc được 100/300 mộ. Đây là một việc làm đầy trách nhiệm đối với những người con em quê hương đã hy sinh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc.

4.2.2. Giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, củng cố chính quyền vững mạnh.

Chủ nghĩa đế quốc đúng đầu là đế quốc Mỹ bằng thủ đoạn diễn biến hòa bình chống phá quyết liệt chế độ chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu.

Cùng với những sai lầm trong cải cách, cải tổ đã dẫn đến khủng hoảng kinh tế xã hội nghiêm trọng không thể cứu vãn nổi.

Lợi dụng lúc Việt Nam đang thực hiện chuyển đổi cơ chế, các thế lực thù địch đẩy mạnh chiến tranh phá hoại nhiều mặt: cài gián điệp, tình báo, móc nối kích động bạo loạn trong nước; tập trung đánh kích, xuyên tạc đường lối chủ trương Đổi mới, đòi cải cách thể chế chính trị, dân chủ; phổ biến lén lút các tạp chí, sách báo có nội dung xấu, kích động biểu tình và bãi công, đòi tự do tư sản.

Trên địa bàn tỉnh ta, các hoạt động của địch và bọn tội phạm hình sự diễn biến rất phức tạp. Kẻ địch sử dụng địa bàn Thái Lan làm nơi tập hợp, huấn luyện lực lượng tung bọn gián điệp, biệt kích vào Lào và từ Lào xâm nhập vào Việt Nam theo các tuyến đường 9 qua Savannakhet, đường 12 qua Khăm Muộn để xâm nhập vào Quảng Bình. Chúng tìm cách đưa các văn hóa xấu từ ngoài vào nhằm đầu độc nhân dân đặc biệt là lứa tuổi thanh niên.

Trước tình hình khủng hoảng ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, để giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm thắng lợi của công cuộc đổi mới, các cấp chính quyền đã coi trọng và tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh. Thực hiện Chỉ thị 135 và các Quyết định 240, 278 của Hội đồng Bộ trưởng, cuộc đấu tranh chống tội phạm, chống tham nhũng, bảo vệ trật tự thôn xóm đã thu được những kết quả đáng kể, được nhân dân đồng tình hưởng ứng. Trong hai tháng cao điểm (tháng 11, 12) thực hiện Chỉ thị 135/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng các lực lượng công an đã bắt giữ 433 đối tượng các loại, triệt phá 52 băng ổ nhóm lưu manh, trộm cắp, cướp chuyên nghiệp, góp phần tích cực bảo đảm an toàn chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

Trong những tháng cuối năm 1989 đầu năm 1990 tình hình thế giới có nhiều biến động hết sức phức tạp, hàng loạt nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu sụp đổ, Liên Xô đang đứng bên bờ vực tan rã. Làn sóng sụp đổ ở Đông Âu và sự tan rã của Liên Xô tác động mạnh đến nước ta về nhiều mặt. Đảng viên và nhân dân lo lắng cho vận mệnh của Đảng và chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Kẻ thù của nhân dân ta được dịp tăng cường chống phá cách mạng. Tình hình kinh tế trong nước gặp nhiều khó khăn, lao động thiếu việc làm nhiều, giá cả biến động, đời sống nhân dân khó khăn gay gắt... Những biến động hết sức phức tạp của tình hình thế giới và trong nước đã ảnh hưởng đến tư tưởng cán bộ đảng viên và nhân dân, đã có những biểu hiện tư tưởng hoài nghi dao động..., cá biệt có người xuất hiện tư tưởng đa nguyên, đa đảng, mất lòng tin vào chính quyền địa phương. Sớm nắm bắt được diễn biến tình hình, các địa phương đã tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, liên tục trong các đợt sinh hoạt chính trị.

Ngày 19 tháng 11 năm 1989, cử tri trong toàn tỉnh đã tiến hành bầu cử hội đồng nhân dân ba cấp. Hơn 95% số cử tri đi bỏ phiếu. Kết quả bầu cử ở cấp tỉnh có 60 đại biểu, cấp huyện có 238 đại biểu, cấp xã có 4.020 đại biểu đã trúng cử hội đồng nhân dân. Sau bầu cử Ủy ban nhân dân các cấp được kiện toàn bảo đảm công tác chỉ đạo, điều hành của chính quyền từ cơ sở đến huyện và tỉnh.

Để phù hợp với xu thế phát triển trong điều kiện mới, thi hành Quyết định 190/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng ngày 1-6-1990 *huyện Lệ Ninh được chia thành hai huyện Quảng Ninh và Lệ Thủy, huyện Tuyên Hóa chia thành hai huyện Tuyên Hóa và Minh Hóa. Các xã Văn Hóa, Tiến Hóa, Mai Hóa, Châu Hóa, Ngư Hóa, Cao Hóa, Quảng Hóa trước đây sát nhập vào huyện Quảng Trạch nay trở lại huyện Tuyên Hóa. Riêng hai xã Phù Hóa và Cảnh Hóa vẫn ở lại huyện Quảng Trạch.* Sau khi điều chỉnh lại địa giới tổ chức bộ máy của bốn huyện mới gọn nhẹ, nhanh chóng ổn định đi vào hoạt động. Các công ty xí nghiệp được sắp xếp lại một bước, giảm bớt những công ty xí nghiệp ở cấp huyện làm ăn thua lỗ. Một số công ty đã tổ chức lại theo hướng tập trung quản lý điều hành trên địa bàn toàn tỉnh như: Vật tư lương thực, Xuất nhập khẩu, chiếu bóng, phát hành sách. Bốn huyện mới chia thì hầu hết các công ty cấp huyện đều giao về các công ty của tỉnh quản lý. Dưới sự chỉ đạo của Thường vụ Tỉnh ủy và UBND tỉnh các ban, ngành, đã sắp xếp, bố trí biên chế tương đối chặt chẽ, phát huy được trách nhiệm và tính chủ động ở mỗi cấp mỗi ngành đảm bảo sự lãnh đạo, điều hành thống nhất và thông suốt trên địa bàn tỉnh.

Tuy vậy, nhìn chung tổ chức bộ máy của các ban ngành đoàn thể ở cấp tỉnh và huyện, thị vẫn còn cồng kềnh. Việc quản lý, điều hành tổ chức bộ máy còn nhiều lúng túng, thiếu đồng bộ, chức năng nhiệm vụ nhất là các chức trách phân hành cụ thể chưa được phân định rõ ràng, nên kém hiệu lực, thiếu nhạy bén, còn có những việc không ai làm và ngược lại có người không biết làm việc gì.

Trong tình hình mới của tỉnh, đội ngũ cán bộ chủ chốt của các ban, ngành đã được sắp xếp trên cơ sở kế thừa vốn cán bộ từ tỉnh cũ, đồng thời mạnh dạn cân nhắc, đề bạt bố trí cán bộ trẻ vào các cương vị lãnh đạo, quản lý. Mặt khác Thường vụ Tỉnh ủy đã sớm chủ trương tiến hành công tác quy hoạch cán bộ. Đại bộ phận đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành có phẩm chất chính trị vững vàng, có nhiệt tình xây dựng quê hương.

Hai năm qua kể từ ngày tỉnh Quảng Bình được tái lập, nhân dân Quảng Bình đã nỗ lực phấn đấu phát huy thuận lợi, khắc phục khó khăn ổn định tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể tiếp tục thực hiện các chủ trương đổi mới của Đảng. Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã bám sát tình hình thực tiễn đề ra các biện pháp kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện vượt qua những khó khăn

thử thách ban đầu và đạt được một số mặt quan trọng trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng, xây dựng Đảng. Tuy nhiên, đây chỉ là kết quả bước đầu, phía trước còn nhiều khó khăn, thử thách. Đảng bộ và nhân dân phải quyết tâm nỗ lực cao hơn nữa để đưa Quảng Bình tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc trên con đường đổi mới.

4.3. Tiếp tục thực hiện công cuộc đổi mới.

Quảng Bình được tái lập theo địa giới cũ trong khi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội ở nước ta vẫn diễn ra gay gắt, lạm phát cao (67%), đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, trật tự kỷ cương xã hội có những diễn biến phức tạp.

Trong tình hình đó, để tiến tới tổ chức thành công Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Quảng Bình triệu tập **Đại hội đại biểu Đảng bộ Quảng Bình lần thứ XI** (vòng 1) tại thị xã Đồng Hới từ ngày 26 đến ngày 28/4/1991. Có 300 đại biểu thay mặt cho 37.996 đảng viên trong toàn tỉnh về dự đại hội.

Đồng chí Đồng Sỹ Nguyên, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng trực tiếp chỉ đạo đại hội, đồng chí Phan Ngọc Tường, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ trưởng, Trưởng ban Tổ chức cán bộ Chính phủ; đồng chí Trần Hoàn, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin, Thể thao Du lịch được Ban Bí thư Trung ương Đảng giới thiệu về ứng cử đại biểu dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII đã về tham dự đại hội.

Sau Đại hội lần thứ XI, Đoàn đại biểu Đảng bộ Quảng Bình tham dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII họp tại Thủ đô Hà Nội từ ngày 24 đến 27 tháng 6 năm 1991. Đại hội VII của Đảng đã thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000. Đại hội khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh cùng với chủ nghĩa Mác-Lê nin là kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng. Trong Cương lĩnh, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nêu ra 6 đặc trưng của chế độ xã hội chủ nghĩa mà Đảng và nhân dân Việt Nam phấn đấu xây dựng. Đại hội đã bầu ra 146 ủy viên Ban Chấp hành Trung ương. Bộ Chính trị gồm 13 ủy viên. Đồng chí Đỗ Mười được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng. Các đồng chí Nguyễn Văn Linh, Phạm Văn Đồng, Võ Chí Công là cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Tại Đại hội đồng chí Thái Bá Nhiệm, Bí thư Tỉnh ủy Quảng Bình được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương khóa VII.

Từ ngày 20 đến ngày 23 tháng 8 năm 1991 **Đại hội đại biểu Đảng bộ Quảng Bình lần thứ XI vòng 2** được khai mạc tại thị xã Đồng Hới, 300 đại biểu chính thức đại diện cho 37.996 đảng viên trong toàn tỉnh đã về dự Đại hội.

Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã đánh giá lại tình hình của tỉnh qua hai năm kể từ ngày tỉnh Quảng Bình về lại với địa giới hành chính cũ.

Đại hội tập trung trí tuệ thảo luận và quyết nghị những nhiệm vụ trọng tâm, những giải pháp chủ yếu để thực hiện có kết quả các mục tiêu nêu trên. Đại hội đã bầu Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 1991-1995 gồm 35 đồng chí. Các đồng chí được bầu vào Ban Chấp hành Đảng bộ là những đồng chí có đầy đủ phẩm chất và năng lực, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có tinh thần trách nhiệm tham gia lãnh đạo tập thể và hoàn thành nhiệm vụ, được đảng viên và quần chúng tín nhiệm.

Ngày 4 tháng 9 năm 1991 Hội nghị Tỉnh ủy họp bầu đồng chí Trần Đình Luyện làm Bí thư Tỉnh ủy, các đồng chí Trần Sự, Trần Hòa làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Trong bối cảnh tình hình Quốc tế có nhiều diễn biến phức tạp, tình hình kinh tế xã hội của cả nước, của tỉnh có nhiều khó khăn, quán triệt các quan điểm đổi mới của Đại hội VI, Đại hội VII, chính sách pháp luật của Nhà nước, với tư tưởng chỉ đạo tăng cường đoàn kết, nhất trí phát huy tinh thần tự lực tự cường, năng động sáng tạo, tỉnh Quảng Bình đã bám sát tình hình thực tiễn của địa phương lãnh đạo nhân dân vượt qua được những khó khăn và thử thách, giữ được nền kinh tế không bị đảo lộn và đạt được những chuyển biến tích cực trên các mặt.

Ngành nông nghiệp đã coi trọng việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đẩy mạnh thâm canh, bố trí mùa vụ và cơ cấu giống được hợp lý. Tất cả các địa phương đã chỉ đạo đưa giống mới có năng suất cao vào sản xuất chiếm tỷ lệ 75% diện tích. Triển khai trên diện rộng giống cấp I, giống thuần chủng và bố trí đúng thời vụ nhất là vụ tám, hạn chế đến mức thấp nhất tính bấp bênh của vụ sản xuất hè thu, đảm bảo hai vụ đông xuân và hè thu ổn định. Tổng sản lượng lương thực năm 1991 đạt gần 14 vạn tấn so với năm 1990 tăng 20.000 tấn là một trong những năm đạt năng suất, sản lượng cao. Sản xuất màu có tiến bộ cả về diện tích, năng suất và sản lượng. Chăn nuôi gia súc có chuyển biến theo hướng sản xuất hàng hóa. Trong việc khai thác tiềm năng vùng gò đồi, nhiều hộ gia đình đã được cấp đất trồng hàng chục ha để trồng cây lấy gỗ, cây công nghiệp dài ngày và ngắn ngày. Nhiều hộ gia đình đã thu nhập được 10-20 triệu đồng/năm. Có hợp tác xã như Đại Phong vừa đẩy mạnh sản xuất lúa ở vùng đồng bằng, vừa đầu tư phát triển mạnh vùng đồi trồng 3-4 trăm ha cây lấy gỗ, cây cao su và chăn nuôi. Một số dự án phát triển kinh tế vùng gò đồi đã được nhà nước phê duyệt, dự án trồng cây trên vùng đồi, vùng cát của tổ chức PAM đã đem lại nhiều kết quả tốt. Tuy mới chỉ là kết quả bước đầu, so với tiềm năng còn nhiều hạn chế nhưng đây là một tín hiệu đáng mừng, một sự xác định hướng đi đúng đắn trong phát triển kinh tế nông nghiệp tỉnh nhà. Ngành ngư nghiệp của tỉnh đã từng bước phát huy tiềm năng và khả năng của kinh tế nhiều thành phần trong khai thác và chế biến hải sản.

Công nghiệp tiểu thủ công nghiệp, tuy còn nhiều khó khăn nhất là vốn và tiêu thụ nhưng nhìn chung vẫn tiếp tục duy trì, ổn định được sản xuất và có những mặt phát triển khá. Sản lượng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng 1,8% (công nghiệp ngoài quốc doanh tăng 0,6%). Một số sản phẩm mới sản xuất nhưng có chất lượng và tiêu thụ được như: Xi măng Áng Sơn, phân lân hữu cơ, một số sản phẩm của xí nghiệp Dược. Công nghiệp chế biến gỗ và chế biến thực phẩm sản xuất ổn định có chiều hướng phát triển. Tiểu thủ công nghiệp đã có sự phục hồi, thu hút được vốn lao động và bước đầu khai thác được tiềm năng thế mạnh của tỉnh.

Giao thông vận tải, bưu điện, điện lực có nhiều cố gắng để phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân. Thực hiện phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm các tuyến đường liên thôn, liên xã, liên huyện được nhân dân tiếp tục đầu tư. Năm 1991 xây dựng mới, nâng cấp 28 tuyến với 126 km đường giao thông nông thôn.

Về Tài chính, tổng thu ngân sách Nhà nước đạt 47 tỷ trong đó thu Trung ương cấp 28 tỷ, thu tại địa phương 19 tỷ, thu thuế nông nghiệp 4.750 triệu đồng, đạt 104% kế hoạch.⁽¹⁾

Về Văn hóa xã hội, đã có chuyển biến bước đầu trong việc xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, mức hưởng thụ văn hóa của cán bộ và nhân dân trong tỉnh được nâng lên. Các hoạt động văn hóa thông tin, báo chí và thể thao đã có những chuyển biến đáng kể phục vụ tốt cho Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, Đại hội Đảng các cấp và nhiệm vụ chính trị của địa phương. Tỉnh đã từng bước sắp xếp lại mạng lưới giáo dục các cấp học, ngành học cho phù hợp với tình hình mới, bước đầu có sự quan tâm của tỉnh đầu tư cho các lớp chọn, trường chuyên, chất lượng giáo dục đã có chuyển biến, giảm tỷ lệ học sinh bỏ học. Đặc biệt đã phát huy tốt vai trò xã hội, gia đình, nhà trường trong giáo dục đào tạo, trong xây dựng bảo quản trường. Có nhiều cố gắng trong việc chăm sóc sức khỏe cho cán bộ và nhân dân.

Qua một năm phấn đấu thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội, nền kinh tế của tỉnh đã dần đi vào thế ổn định, có bước tăng trưởng so với năm 1991, vượt chỉ tiêu so với kế hoạch đề ra:

- Tổng sản phẩm xã hội tăng 9,7%
- Thu nhập quốc dân tăng 12,2%

Ngày 19/7/1992, cùng với cả nước cử tri tỉnh ta hăng hái tham gia cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa IX. Cuộc bầu cử được tiến hành dân chủ, đúng pháp luật. Nhân dân Quảng Bình đã thể hiện lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng, có ý thức cao về quyền lợi, nghĩa vụ công dân, lựa chọn những đại biểu xứng đáng bầu vào cơ quan quyền lực cao nhất. Tại Quảng Bình nhân dân các

(1) Báo cáo tình hình kinh tế xã hội năm 1991, ngày 25 tháng 12 năm 1991, số 15 BC/TV lưu tại phòng Lưu trữ Tỉnh ủy QB.

địa phương đã lựa chọn bầu được bốn vị đại biểu Quốc hội khóa IX là ông Lý Tài Luận (đại biểu Trung ương), Trần Hòa, Phan Lâm Phương và bà Nguyễn Thị Thu Hoài.

Để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra cho giai đoạn 1991-1995, ngay từ năm 1993 nhân dân toàn tỉnh phải nỗ lực phấn đấu tạo cho được một sự chuyển biến tích cực có ý nghĩa trong việc thực hiện kế hoạch 5 năm 1991-1995.

Trên lĩnh vực kinh tế, xuất phát từ tình hình đặc điểm của địa phương, Tỉnh chủ trương phát triển nông nghiệp toàn diện, vừa đẩy mạnh trồng trọt vừa phát triển chăn nuôi, coi trọng cả lúa và màu, cây công nghiệp, cây xuất khẩu, đồng thời phát triển lâm nghiệp, ngư nghiệp, công nghiệp, chế biến và dịch vụ nhằm tăng nhanh nông, lâm, hải sản để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của nhân dân và tăng nhanh sản phẩm hàng hóa. Thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị đã có 25% số hợp tác xã nông nghiệp chuyển đổi tương đối tốt, trên 50% số hợp tác xã chuyển đổi một số khâu. Đại bộ phận hợp tác xã ngư nghiệp chuyển đổi qua hình thức hợp tác theo đơn vị thuyền nghề, hợp tác liên hộ, hợp tác cổ phần. Các hợp tác xã chuyển đổi tốt đã cho thấy hợp tác xã và kinh tế hộ tác động qua lại, thúc đẩy lẫn nhau, tạo điều kiện cho kinh tế hộ phát triển, hợp tác xã cùng với chính quyền chăm lo các mặt xã hội, nhất là giúp đỡ các hộ khó khăn. Trong nông thôn đã xuất hiện một số hình thức hợp tác liên kết giữa những người lao động, giữa các hộ gia đình nông dân trên nguyên tắc tự nguyện cùng góp vốn kinh doanh, cùng có lợi để làm ngành nghề, dịch vụ. Việc xác lập hộ nông dân là đơn vị kinh tế tự chủ đã phát huy năng lực sản xuất, khai thác được tiềm năng trong nông nghiệp, nhiều hộ gia đình đầu tư phát triển vườn đồi, vườn rừng trồng cây, chăn nuôi. Trong nghề cá ngư dân đã bỏ vốn đầu tư phát triển mạnh tàu thuyền, đổi mới cơ cấu ngành nghề, phương tiện đánh bắt hải sản có giá trị xuất khẩu cao. Sản lượng đánh bắt hàng năm tăng từ 5-8%, giá trị xuất khẩu tăng 25-30%. Phong trào nuôi trồng thủy sản và chế biến hải sản, dịch vụ đóng tàu, thuyền, đan lưới có bước phát triển mới. Đời sống ngư dân cải thiện, số hộ giàu tăng lên, số hộ nghèo giảm xuống.

Thắng lợi trên mặt trận nông, lâm, ngư nghiệp góp phần quyết định đến ổn định và phát triển kinh tế xã hội, ổn định chính trị và giữ vững quốc phòng, an ninh trên địa bàn toàn tỉnh.

Song, nhìn chung nông nghiệp, nông thôn ở Quảng Bình chuyển biến còn chậm, kinh tế nông nghiệp chưa thoát khỏi tình trạng tự cung, tự cấp, sản xuất hàng hóa chưa phát triển, năng suất lao động, năng suất cây trồng vật nuôi còn thấp, tiềm năng nông nghiệp chưa được khai thác và sử dụng có hiệu quả. Đời sống nhân dân ở nhiều vùng còn khó khăn nhất là vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu. Mới có 15% số hộ nông dân khá, hộ nông dân nghèo trên địa bàn tỉnh có 28.936 hộ, chiếm 20,4%, trong đó Tuyên Hóa có 5.554 hộ, chiếm 39,6%, Bố Trạch 4.346 hộ chiếm 22%, Lệ Thủy 3.846 hộ chiếm 15,3%. Đời

sống văn hóa cơ sở còn thấp, các hủ tục mê tín dị đoan phát triển. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền đối với quá trình đổi mới cơ chế quản lý nông nghiệp, nông thôn chưa đúng mức nên số đông hợp tác xã lúng túng trước việc chuyển đổi nội dung quản lý. Quản lý nhà nước còn lỏng lẻo, ngành chuyên môn chưa bám sát phong trào để hướng dẫn chỉ đạo hợp tác xã về sắp xếp bộ máy, chuyển đổi nội dung quản lý và đào tạo cán bộ chưa thích hợp với cơ chế mới. Cán bộ lãnh đạo Đảng, chính quyền, các đoàn thể quần chúng ở cơ sở vẫn còn tư tưởng bao cấp, trông chờ, ỷ lại vào nhà nước và cấp trên, tính năng động, sáng tạo, phát huy sức mạnh tổng hợp ở địa phương và cơ sở để phát triển kinh tế xã hội còn hạn chế

Năm 1993 mặc dù thời tiết không thuận, hạn hán kéo dài, mưa lũ lớn nhưng nhờ có sự điều hành của các cấp, các ngành nên sản lượng lương thực tuy có giảm nhưng không đáng kể (120.000 tấn). Việc thực hiện dự án di dân phát triển kinh tế - xã hội vùng gò đồi đã đạt được kết quả bước đầu. Nhân dân ở một số vùng kinh tế mới đã ổn định được cuộc sống, sản xuất có hiệu quả. Vùng Sen Bàng (Bố Trạch) có hộ nông dân trồng được 25 ha cao su, vùng Thanh Sơn (Lệ Thủy) các hộ gia đình trồng hàng chục ha cao su, một số vùng đồng bào đã trồng trên 200 ha quế, mở ra khả năng mới phát triển cây công nghiệp trên diện tích rộng theo từng hộ gia đình.

Khai thác và nuôi trồng thủy sản vượt mức kế hoạch, sản lượng khai thác tăng hơn năm 1992 là 10.000 tấn, giá trị xuất khẩu 1,6 triệu USD. Phong trào nuôi tôm cua được phổ biến rộng và được quần chúng hưởng ứng mạnh mẽ, đã khoanh nuôi 225 ha ao hồ mặt nước lợ, chăm sóc 177 ha ao nuôi tôm, cua, việc thí điểm cho tôm đẻ để nhân giống bước đầu có hiệu quả.

Về sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, sau một thời gian điều chỉnh, sắp xếp nhiều xí nghiệp quốc doanh đã vươn lên thích nghi với cơ chế thị trường, gắn sản xuất với tiêu thụ, do vậy sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có những chuyển biến tích cực. Giá trị tổng sản lượng toàn ngành đạt 66 tỷ đồng, sản phẩm của một số xí nghiệp làm ra chất lượng khá, tiêu thụ nhanh như xi măng P400, phân vi sinh, đất đèn, nước khoáng, hải sản đông lạnh xuất khẩu, gạch ngói...

Với tiềm năng và thế mạnh của tỉnh, tỉnh đã tích cực chuẩn bị mọi điều kiện và cố gắng tiếp cận với thị trường và khách hàng ngoài nước để tranh thủ sự hợp tác đầu tư, liên doanh, liên kết.

Kết quả bước đầu đã có một số xí nghiệp chuẩn bị đi vào sản xuất như liên doanh chế biến gỗ Việt - Ý (VITAVO), xí nghiệp sản xuất bao bì, xí nghiệp sản xuất bột cao lanh và một số dự án có khả năng thực thi trong năm 1994 và những năm tiếp.

Thực hiện Nghị định 388 của Chính phủ về sắp xếp các xí nghiệp quốc doanh, Quảng Bình đã triển khai sắp xếp lại một bước (từ 156 doanh nghiệp

còn 68 doanh nghiệp), kinh tế quốc doanh sau khi tổ chức và sắp xếp lại vẫn chiếm giữ vị trí quan trọng. Công nghiệp quốc doanh có tốc độ tăng trưởng khá, năm 1993 tăng 42% và chiếm tỷ trọng trong giá trị sản lượng công nghiệp là 40,3%. Mặc dù vụ hè thu bị mất mùa nặng, lũ lớn trong tháng 10 nhưng thu ngân sách vẫn đạt 104,8 tỷ đồng, trong đó thu tại địa phương 48,3 tỷ đồng, tăng 30% so với kế hoạch Trung ương giao, đạt 106% kế hoạch của tỉnh.

Công tác tín dụng có chuyển biến tích cực. Tổng số tiền cho vay năm 1993 tăng 120% so với năm 1991. Hoạt động của ngành ngân hàng đã từng bước chuyển hướng phục vụ phát triển sản xuất kinh doanh của các thành phần kinh tế, đẩy mạnh đầu tư chiều sâu, nâng tỷ trọng cho vay trung hạn và dài hạn lên gấp đôi năm trước. Đến cuối năm 1993 đã có 33.000 lượt hộ nông dân, ngư dân vay vốn với tổng số trên 62 tỷ đồng chiếm 70% tổng số cho vay của ngân hàng nông nghiệp.

Văn hóa xã hội có chuyển biến tích cực. Nhiều loại hình văn hóa văn nghệ, thể thao truyền thống được khôi phục. Các phương tiện thông tin đại chúng nhất là phát thanh truyền hình được mở rộng. Chất lượng giáo dục được nâng lên. Học sinh các cấp đều tăng so với năm trước, số học sinh cấp I, cấp II 133.480 em, học sinh cấp III: 6.079 em. Học sinh dự thi vào đại học trúng tuyển 184 em. Việc học ngoại ngữ được chú trọng. Các trường dạy nghề đã từng bước mở rộng hình thức và nâng cao chất lượng đào tạo nghề thiết thực đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh. Các chương trình y tế được triển khai tốt, gần 90% trẻ em trong độ tuổi được tiêm chủng 6 loại vacxin phòng bệnh, đã loại dần một số căn bệnh xã hội.

Công tác dân số được các cấp các ngành quan tâm chỉ đạo thực hiện, nhất là công tác truyền thông, dịch vụ kỹ thuật kế hoạch hóa. Năm 1993 tỷ suất sinh giảm 0,79‰ so với năm 1992.

Các chính sách xã hội được thực hiện tốt, đã giải quyết việc làm cho 9.213 người trong đó gần 1.000 lao động ở vùng kinh tế mới. Phong trào tặng sổ tiết kiệm, xây dựng nhà tình nghĩa chăm sóc thương binh, gia đình liệt sỹ, gia đình có công với cách mạng nhiều nơi đã trở thành phong trào quần chúng. Toàn tỉnh đã lập và tặng 3.042 sổ tiết kiệm tình nghĩa với số tiền 327.478.000 đồng, làm mới 158 nhà tình nghĩa, thăm hỏi, tặng quà cho thương binh, gia đình liệt sỹ đóng góp hàng ngàn ngày công để tu sửa, xây dựng nghĩa trang.

Với phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm" các địa phương đã huy động nguồn lực trong dân và của mọi thành phần kinh tế để xây dựng cơ sở hạ tầng ở nông thôn nhất là hệ thống điện, đường, trường, trạm, chợ. Năm 1993 tổng số vốn đầu tư của các tầng lớp dân cư là 133,9 tỷ đồng, gấp 1,8 lần vốn đầu tư của Nhà nước, trong đó vốn đầu tư của hộ gia đình là 113,8 tỷ đồng, chiếm 85% tổng số vốn.⁽¹⁾ Qua một năm phấn đấu thực hiện kế hoạch

Nhà nước tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh đã đi vào thế ổn định và có mặt tăng trưởng hơn so với năm trước.

Tổng thu nhập quốc dân (GDP) tăng so với năm trước là 6,5%. Giá trị sản lượng công nghiệp quốc doanh tăng 40,2%. Thu ngân sách trên địa bàn tỉnh tăng 34%.

Đến thời điểm 1995, các chỉ tiêu nhiệm vụ của kế hoạch năm 1995 đã được hoàn thành về cơ bản. Mặc dù bị thiên tai nặng nề nhưng nền kinh tế của tỉnh tiếp tục ổn định phát triển và có tăng trưởng. Tổng sản phẩm trong tỉnh GDP tăng 12%, giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp tăng 5,1%, công nghiệp tăng 14%, xuất khẩu tăng 26% so với năm 1994.

Nền kinh tế có những chuyển biến tiến bộ. Sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp phát triển mạnh theo hướng sản xuất hàng hóa, sự chuyển biến cơ cấu đi đôi với phát huy vai trò tự chủ của hộ gia đình và tiềm năng của các thành phần kinh tế đã tạo ra những kết quả quan trọng. Tổng sản lượng lương thực đạt 147.500 tấn, trồng mới 4.900 ha rừng và 5 triệu cây phân tán. Sản lượng đánh bắt hải sản 13.000 tấn, đạt kế hoạch đề ra và tăng 4,6 % so với năm 1994.

Công nghiệp tiểu thủ công nghiệp tiếp tục ổn định và có bước tăng trưởng đáng kể, giá trị tổng sản lượng đạt 83 tỷ đồng tăng 14% so với năm trước. Trong đó công nghiệp quốc doanh 46 tỷ đồng, công nghiệp ngoài quốc doanh 37 tỷ đồng. Một số xí nghiệp gặp nhiều khó khăn do quá trình đầu tư thiếu đồng bộ, thiết bị và công nghệ lạc hậu, thiếu vốn cho sản xuất, chất lượng sản phẩm kém, chưa có giải pháp tháo gỡ khó khăn, mặt khác do quản lý và tổ chức sản xuất kinh doanh yếu kém, còn lúng túng trong định hướng sản xuất, trong đổi mới công nghệ. Tư tưởng bao cấp, ỷ lại nguồn vốn Nhà nước còn nặng, chưa mạnh dạn dám nghĩ dám làm. Vì vậy mà sản xuất phát triển chậm, công nhân thiếu việc làm, thu nhập thấp.

Công nghiệp ngoài quốc doanh được củng cố, phát triển đa dạng, nhiều ngành nghề được hình thành trong dân cư như cơ sở xay xát, chế biến sản phẩm nông, lâm nghiệp, bước đầu đã hình thành một số làng nghề. Sản phẩm tăng và đa dạng tuy nhiên còn ở mức thấp, tốc độ phát triển chậm, chưa có sản phẩm hàng hóa lớn.

Nhìn chung ngành công nghiệp tiểu thủ công nghiệp năm 1995 vẫn tiếp tục ổn định và có bước tăng trưởng, ngày càng thích nghi với cơ chế thị trường, góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm và tăng thu ngân sách của tỉnh.

Cơ sở vật chất kết cấu hạ tầng được tăng cường phục vụ tốt hơn cho sản xuất và đời sống. Các hoạt động thương mại, du lịch, kinh tế đối ngoại có những nỗ lực mới và đạt được nhiều kết quả quan trọng. Khối lượng hàng hóa lưu chuyển tăng nhanh, hàng hóa trên thị trường phong phú và đa dạng, kim ngạch xuất khẩu đạt 9,6 triệu USD tăng 26,2% so với năm 1994. Hoạt động

vụ kinh tế-xã hội và an ninh quốc phòng mà Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII và Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI đề ra; đó là tiền đề quan trọng và điều kiện thuận lợi để Đảng bộ và nhân dân ta tiếp tục thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm tới (1996-2000), đưa Quảng Bình cùng với cả nước bước vào thời kỳ mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Bình lần thứ XII đã quyết định những nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội, an ninh quốc phòng và công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong giai đoạn 1996-2000 với những nội dung chính như sau:

Mục tiêu tổng quát của kế hoạch 5 năm tới là "vượt qua khó khăn thử thách, tiếp tục ổn định và phát triển kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế một cách vững chắc, cải thiện một bước đời sống nhân dân, từng bước thực hiện công bằng xã hội, tăng cường ổn định chính trị, giữ vững an ninh quốc phòng, đưa Quảng Bình thoát khỏi tình trạng nghèo nàn và kém phát triển, phấn đấu đạt mức trung bình của cả nước" (A184:277).

Sau Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh ta cùng với các đoàn đại biểu các Đảng bộ cả nước tham gia Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng họp tại Hà Nội từ ngày 28/6 đến 1/7/1996. Tham dự Đại hội có 1.198 đại biểu thay mặt cho hơn 2 triệu đảng viên trong cả nước và gần 40 đoàn đại biểu quốc tế. Đại hội VIII đi sâu kiểm điểm kết quả 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VII; tổng kết 10 năm đổi mới; đề ra những mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta trong thời kỳ mới; kiểm điểm sự lãnh đạo của Đảng, vạch ra phương hướng, nhiệm vụ xây dựng Đảng, sửa đổi Điều lệ Đảng, bầu ra Ban Chấp hành Trung ương mới tiêu biểu về phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng, có đủ trí tuệ và năng lực thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội. Đánh giá 10 năm đổi mới Đại hội VIII khẳng định: "Công cuộc đổi mới trong 10 năm qua đã thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng" "Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế- xã hội nhưng một số mặt còn chưa vững chắc... Nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu của thời kỳ quá độ là chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hóa cơ bản hoàn thành cho phép chuyển sang thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa" (A184:279-282)

Năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội XII, trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, tốc độ sản xuất vụ đông xuân, đưa diện tích cây lương thực đạt 40.320 ha trong đó lúa 25.537 ha đạt 100,54% kế hoạch, tăng 1,2% so với cùng kỳ năm trước. Toàn tỉnh có 5/7 huyện, thị là Minh Hóa, Tuyên Hóa, Quảng Trạch, Bố Trạch, Quảng Ninh có diện tích gieo trồng tăng so với cùng kỳ năm trước. Năng suất lúa bình quân toàn tỉnh đạt 40,3 tạ/ha, tăng 5,1 tạ so với vụ đông

kinh tế đối ngoại có những chuyển biến tích cực, mở ra nhiều triển vọng trong việc tranh thủ mọi nguồn vốn để đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế của tỉnh.

Thu ngân sách trên địa bàn được 95,5 tỷ đồng, đạt 126% kế hoạch và vượt 43,2% so với kế hoạch Trung ương giao. Các đơn vị quốc doanh Trung ương có 12/24 đơn vị hoàn thành và vượt kế hoạch nộp ngân sách như Sở Điện lực, Công ty vật tư tổng hợp, Ngân hàng đầu tư phát triển, Bưu điện tỉnh, Ngân hàng nông nghiệp...

Các đơn vị quốc doanh địa phương có 39/55 đơn vị hoàn thành kế hoạch trong đó các đơn vị có số thu lớn nộp vượt mức kế hoạch như: Liên hiệp Lâm công nghiệp Long Đại, Xí nghiệp xi măng Áng Sơn, Nông trường Việt Trung, Công ty xây dựng thủy lợi, Công ty xuất nhập khẩu Quảng Bình, Lâm trường Bố Trạch.

Hệ thống tín dụng ngân hàng ngày càng phát triển, hình thức huy động vốn đa dạng. Bằng nhiều nguồn vốn của Trung ương, vốn các dự án, vốn tiết kiệm trong dân với mức lãi linh hoạt nhờ đó hoạt động ngân hàng, tín dụng có những chuyển biến tích cực, phục vụ đắc lực nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

Công tác giáo dục đào tạo, xoá mù chữ, chăm sóc sức khỏe, dân số kế hoạch hóa gia đình. Các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao có bước chuyển biến rõ rệt và đạt kết quả đáng mừng. Phong trào học tập văn hóa, kỹ thuật, học nghề, học ngoại ngữ, tin học phát triển nhất là các vùng ở thị xã Đồng Hới, Ba Đồn, Lệ Thủy. Các trung tâm dạy nghề, lớp đại học tại chức phát triển mạnh. Công tác phổ cập cấp I xoá mù chữ đã đạt 7/7 huyện, thị xã, một số địa phương đang chuẩn bị phổ cập cấp I theo tiêu chuẩn mới.

Kỳ thi cuối cấp năm học 1994-1995 tiểu học đạt 97,3%; trung học cơ sở 99%, phổ thông trung học 97,8%, bổ túc văn hóa 100%. Thi giáo viên giỏi bậc mầm non đạt 3 huy chương vàng, 1 huy chương bạc, 1 bằng khen, thi cán bộ thư viện đạt giải nhất toàn đoàn. Ngành giáo dục tỉnh được thưởng 5/11 tiêu chí của Bộ Giáo dục đề ra: phổ cập cấp I- xoá mù chữ, huy động và duy trì tốt số lượng, quản lý tốt trường giáo dục chuyên nghiệp, thực hiện tốt chế độ thông tin quản lý ngành.

Nhìn lại thời gian từ ngày tái lập tỉnh đến năm 1995, nhân dân Quảng Bình đã vượt qua khó khăn, thử thách, không ngừng phấn đấu đưa nền kinh tế của tỉnh đi vào thế ổn định và từng bước phát triển. Trong 5 năm 1991 - 1995 nhịp độ tăng trưởng bình quân GDP đạt 7,64%, cơ cấu kinh tế chuyển dần theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ (năm 1990 tỷ trọng giá trị công nghiệp chiếm 12,5%, dịch vụ 38,3%; năm 1995 công nghiệp tăng lên 19,4%, dịch vụ 41,1%)... đã tạo được tiền đề cơ bản để phát triển nông, lâm, ngư nghiệp một cách toàn diện cả về sản xuất lương thực, cây công nghiệp, chăn nuôi và phát triển dịch vụ chế biến. Đi đôi với bố trí lại cơ cấu nền kinh

đã thực hiện chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần theo quan điểm, chính sách của Đảng và phù hợp với thực tế địa phương. Cuối năm 1995 kinh tế Nhà nước chiếm 21,3%, kinh tế tập thể 28,4%; kinh tế cá thể 49,7%, kinh tế tư nhân 1,6%. Lĩnh vực văn hóa- xã hội đã được Đảng và chính quyền đặc biệt quan tâm đầu tư đúng mức và đang ngày càng tác động tích cực tới sự phát triển kinh tế và ổn định xã hội.

Kết quả mà nhân dân Quảng Bình đạt được trong thời gian qua đã tạo ra thế và lực mới để Quảng Bình cùng với cả nước bước vào thời kỳ mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

5. THÚC ĐẨY TIẾN TRÌNH CÔNG NGHIỆP HOÁ- HIỆN ĐẠI HOÁ

Sau một thời gian hàn gắn, khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục kinh tế, ổn định đời sống và bước đầu tổ chức thực hiện đường lối đổi mới, Quảng Bình bước vào giai đoạn 1996-2000 với một tinh thần và nghị lực mới, quyết tâm phấn đấu đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế-xã hội, thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng quê hương.

5.1. Bước đầu thực hiện Kế hoạch năm năm 1996-2000

Để quyết định nhiệm vụ kinh tế — xã hội trong giai đoạn mới, Đảng bộ quyết định triệu tập **Đại hội Đại biểu lần thứ XII** trong 4 ngày, từ ngày 10 tháng 5 đến ngày 13 tháng 5 năm 1996 tại thị xã Đồng Hới. Tham gia Đại hội có 300 đại biểu đại diện cho hơn 38 nghìn đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII có các nhiệm vụ sau:

Thông qua bản tổng hợp ý kiến đóng góp của cán bộ, đảng viên và nhân dân tỉnh ta vào các văn kiện của Ban Chấp hành Trung ương trình Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII.

Tổng kết đánh giá tình hình 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XI, đề ra mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ cho nhiệm kỳ 5 năm 1996-2000.

Bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ tới và bầu đoàn Đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII.

Đại hội đánh giá những thành tựu đạt được trong 5 năm (1991-1995) đã thể hiện sinh động năng lực, ý chí và tinh thần trách nhiệm cao của toàn Đảng bộ trong việc lãnh đạo toàn dân Quảng Bình phấn đấu thực hiện những nhiệm

xuân 1994-1995. So với nhiều năm trước đây, năng suất cây trồng đều tăng đối với tất cả các loại cây và trên tất cả các vùng. Do năng suất đạt cao, sản lượng lương thực vụ đông xuân năm 1996 thực hiện 120.553 tấn, đạt 110,7% kế hoạch, tăng 14.810 tấn so với cùng kỳ năm trước. Sản xuất vụ đông xuân bội thu là kết quả của sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của cấp ủy chính quyền, các cơ quan, ban ngành và nhân dân các địa phương đã chủ động huy động các lực lượng sản xuất, tranh thủ điều kiện thời tiết, khí hậu thuận lợi để tăng nhanh diện tích gieo trồng, áp dụng các biện pháp thâm canh, sử dụng các loại giống kỹ thuật có năng suất cao trên hầu hết diện tích vụ gieo cấy. Tỉnh đã có biện pháp bán trợ giá và hỗ trợ cho nông dân gần 300 tấn giống nguyên chủng và cấp 1, các dịch vụ phục vụ cho sản xuất nông nghiệp như huy động vốn, cung ứng vật tư, phân bón, bảo vệ thực vật, thủy lợi... đảm bảo đầy đủ và phát huy hiệu quả, đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất của nhân dân. Đối với cây công nghiệp, tỉnh tập trung chỉ đạo phát triển một số cây chủ lực, chăm sóc cây cao su đúng quy trình, đưa sản lượng cao su mủ khô lên 570 tấn, trồng mới 96 ha dâu tằm, đưa diện tích dâu tằm lên 209 ha. Cây công nghiệp ngắn ngày và cây thực phẩm có diện tích đạt tương đương cùng kỳ năm trước. Đi đôi với đẩy mạnh sản xuất vụ đông xuân, Đảng bộ đã chỉ đạo triển khai vụ hè thu, tiếp tục có các phương án hợp lý cho việc mở rộng diện tích gieo trồng như xử lý hệ thống kênh mương, đảm bảo tưới tiêu, chăm sóc phát triển cả lúa và màu; kiểm tra chặt chẽ các đơn vị dịch vụ và các đại lý cung ứng vật tư nông nghiệp bảo đảm đủ giống, thuốc trừ sâu và vật tư khác cho nông dân.

Trong lâm nghiệp, việc tổ chức kinh doanh nghề rừng đang phát triển theo hướng mở rộng khai thác rừng trồng, khoanh nuôi phục hồi chăm sóc bảo vệ rừng tự nhiên, giảm dần và đi đến ổn định khai thác rừng tự nhiên theo quy hoạch.

Trong ngư nghiệp, UBND tỉnh đã có biện pháp chỉ đạo ngành thủy sản, công ty xuất nhập khẩu thủy sản củng cố tổ chức lại bộ máy, tăng cường công tác quản lý thu mua nguyên liệu và hải sản chế biến, kiên quyết chủ động tháo gỡ khó khăn, ngăn chặn tình trạng sản xuất kinh doanh thua lỗ đồng thời giao cho một số ngành chức năng kiểm tra và đề xuất cơ chế quản lý nguồn hàng xuất khẩu thủy sản trong thời gian tới nhằm tăng nguồn thu cho tỉnh.

Trong tình hình sản xuất của các cơ sở công nghiệp quốc doanh tăng chậm, tỉnh đã chỉ đạo tập trung tháo gỡ những khó khăn trong một số ngành công nghiệp mũi nhọn để duy trì và tăng dần tỷ trọng công nghiệp trong GDP nhằm đảm bảo cho việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội. Nhờ có sự chỉ đạo cụ thể của các cấp ủy Đảng, chính quyền và cơ quan chuyên môn nên một số cơ sở công nghiệp như Xí nghiệp gạch ngói 1/5, Xí nghiệp xi măng Áng Sơn, Xí nghiệp tàu thuyền, Xí nghiệp dược, Công ty cấp thoát nước... đã ổn định sản xuất và bắt đầu tăng trưởng.

Để thực hiện nhiệm vụ đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ đồng thời chú trọng việc đảm bảo an ninh lương thực, trong 6 tháng cuối năm 1996, Tỉnh ủy đã chỉ đạo các ngành, các địa phương xây dựng kế hoạch cụ thể cho từng lĩnh vực kinh tế - xã hội, tập trung mọi nguồn lực và điều kiện để bước sang năm 1997 có thể đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trước mắt chú trọng việc xây dựng hạ tầng cơ sở cho công nghiệp và dịch vụ, khuyến khích việc phát triển một số loại hình công nghệ sau thu hoạch, công nghệ chế biến và thúc đẩy phát triển một số ngành nguyên liệu cho công nghiệp. Nhờ vậy, nên cuối năm 1996 tổng sản lượng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đã tăng 12% so với năm 1985, nhịp độ sản xuất đã bắt đầu ổn định và có tăng trưởng, năng lực sản xuất của một số doanh nghiệp Nhà nước tăng lên, mở ra khả năng thực hiện việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm và tăng thu cho ngân sách. Các lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp phát triển mạnh, đúng hướng theo tinh thần đổi mới của Đảng. Sản xuất nông nghiệp được mùa cả 2 vụ, tổng sản lượng lương thực đạt 18,8 vạn tấn vượt 127,6% kế hoạch đề ra và tăng 26,6% so với năm 1995. Một số cây công nghiệp được chú trọng phát triển. Trồng rừng tập trung đạt 108,6% kế hoạch, tăng 16,7%. Sản lượng đánh bắt hải sản đạt 13.700 tấn, tăng 11% so với năm trước.

Nhờ có những giải pháp tích cực, có hiệu quả nên sản xuất nông nghiệp năm 1997 tiếp tục phát triển toàn diện, tăng 3,9% so với năm 1996. Năng suất lúa bình quân cả năm đạt 32,7 tạ/ha, sản lượng lương thực năm 1997 đạt 181.174 tấn, vượt 3,5% kế hoạch, trong đó thóc 150.665 tấn. Cây công nghiệp đã được chú trọng đầu tư, góp phần tích cực trong công việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, nhất là vùng gò đồi, miền núi. Tổng diện tích cây công nghiệp ngắn ngày trong năm 1997 là 4.250 ha, tăng 3,9% so với năm 1996, trong đó lạc 3.100 ha, 1.500 ha mía nguyên liệu, 530 ha mía giống. Tổng diện tích cao su đến năm 1997 là 5.052 ha, tăng so với năm 1996 là 15%, sản lượng khai thác mủ khô 1.610 tấn.

Lâm nghiệp trong năm 1997 đã tổ chức triển khai đồng bộ trên cả ba lĩnh vực xây dựng vốn rừng, khai thác, chế biến và tổ chức lại hệ thống các đơn vị kinh tế rừng theo hướng nông, lâm nghiệp kết hợp, từng bước thực hiện đóng cửa rừng để khoanh nuôi, bảo vệ vốn rừng theo chủ trương của Chính phủ. Năm 1997 diện tích rừng tự nhiên được bảo vệ là 57.000 ha, trồng rừng mới tập trung 4.050 ha, đạt 83,5% kế hoạch (chủ yếu là trong chương trình 327), nâng tổng số rừng trồng từ năm 1991 đến năm 1997 lên 16.780 ha, chăm sóc rừng trồng 5.250 ha.

Năm 1997 sản lượng đánh bắt thủy, hải sản 14.514 tấn (tăng 3,1% so với năm 1996), trong đó nguyên liệu xuất khẩu chiếm 23,1%. Tổng sản lượng giá trị xuất khẩu đạt 1,76 triệu USD (tăng 57% so với năm 1996). Tỉnh ủy đã chỉ

đạo các cơ quan chức năng và các địa phương có những biện pháp tích cực để thúc đẩy hoạt động đánh bắt xa bờ nhưng do có những khó khăn về công nghệ, phương tiện đánh bắt, kinh nghiệm và khó khăn về vốn nên hiệu quả đánh bắt xa bờ trong năm 1997 chưa rõ, một số cá nhân và đơn vị có dấu hiệu thua lỗ.

Cùng với việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ kinh tế-xã hội theo các chương trình mục tiêu của địa phương, các cấp ủy Đảng đã tăng cường chỉ đạo thực hiện các chương trình đầu tư của Trung ương trên địa bàn như chương trình 327, 773, định canh, định cư và một số dự án phát triển nông nghiệp, nông thôn. Trong khuôn khổ chương trình 327, các địa phương đẩy mạnh việc bảo vệ rừng tự nhiên, khoanh nuôi, chăm sóc rừng, trồng mới và đặc biệt khuyến khích lập vườn hộ gia đình. Đây là một hướng đi tích cực mang lại hiệu quả không chỉ trong việc bảo vệ rừng theo hướng giao đất, giao rừng mà còn mở ra khả năng phát triển kinh tế trang trại kết hợp bảo vệ sinh thái tự nhiên. Trong chương trình 773, tỉnh tập trung chỉ đạo thực hiện 3 dự án lớn, đầu tư khai thác và đưa 85 ha vào nuôi trồng thủy sản. Đầu tư cho 11 dự án theo chương trình định canh, định cư ở vùng sâu, vùng xa. Trong việc triển khai thực hiện chương trình này, các cấp ủy Đảng đặc biệt chú trọng chính sách dân tộc, tập trung chỉ đạo thực hiện chương trình phù hợp với tâm lý, tập quán địa phương kết hợp với việc xây dựng tập quán sản xuất mới cho đồng bào dân tộc và vùng sâu, vùng xa, hạn chế tối đa nạn đốt phá rừng làm nương rẫy, kết hợp việc định canh, định cư với việc xây dựng tụ điểm dân cư và phát triển văn hóa cộng đồng. Nhờ có sự tập trung chỉ đạo, hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch trong chương trình định canh, định cư trong năm 1997 đều đã hoàn thành với khối lượng chủ yếu là bảo vệ 13.000 ha rừng, chăm sóc 596 ha rừng trồng, trồng mới 160 ha rừng và 60 ha cây công nghiệp dài ngày trong vườn hộ gia đình. Trong việc thực hiện các dự án nông nghiệp, nông thôn, Tỉnh ủy tập trung cao nhất cho việc triển khai và phát triển vùng nguyên liệu mía đường để xây dựng Nhà máy mía đường theo chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn. Một số dự án lớn như Dự án bảo tồn tài nguyên nông nghiệp, Dự án an toàn lương thực, Dự án trồng rừng và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên Việt - Đức, Dự án phát triển, cung cấp giống cây trồng (Đan Mạch tài trợ) đều được các cấp ủy Đảng, Chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng tập trung chỉ đạo thực hiện nhằm tranh thủ các nguồn lực của Trung ương và của các tổ chức quốc tế để phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, xây dựng cơ sở hạ tầng cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Trong công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, Tỉnh ủy chỉ đạo đẩy mạnh việc xây dựng và đưa nhanh vào sử dụng một số cơ sở công nghiệp quốc doanh, đồng thời khuyến khích phát triển các cơ sở công nghiệp ngoài quốc doanh để đa dạng hóa sản phẩm, kích thích thị trường nội địa và vươn tới mục tiêu ổn định thị trường cho một số mặt hàng mà tỉnh có thế mạnh về nguyên liệu. Một số xí nghiệp mới được đầu tư kịp thời và đi vào hoạt động như gạch tuy nèn, xi

Về thương mại, du lịch, kinh tế đối ngoại, năm 1997 là năm có những chuyển biến trên cả hai khu vực Nhà nước và tư nhân. Hoạt động kinh doanh năng động hơn, hàng hóa ngày càng phong phú, đa dạng hơn, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng không ngừng tăng lên của nhân dân. Tổng mức bán lẻ xã hội năm 1997 đạt 905 tỷ đồng, tăng 5,3% so với năm 1996. Thương nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh được mở rộng và chiếm tỷ trọng ngày càng cao, đạt 69,2% tổng mức bán lẻ toàn xã hội. Khu vực thương nghiệp quốc doanh và tập thể chỉ chiếm 30,8% nhưng đã làm chủ trong những mặt hàng thiết yếu phục vụ sản xuất như phân bón, xăng dầu, nhu yếu phẩm cho giáo dục, y tế, văn hóa, mặt hàng chính sách xã hội phục vụ vùng sâu, vùng xa và các dân tộc ít người. Hoạt động du lịch, dịch vụ có nhiều chuyển biến tích cực. Số lượt khách đến tham quan du lịch tăng 185% so với năm 1996. Hoạt động xuất nhập khẩu năm 1997 gặp nhiều khó khăn do những biến động trong cơ chế thị trường nên một số chỉ tiêu xuất nhập khẩu có giảm. Tuy vậy cấp ủy đảng các ngành, các địa phương đã chỉ đạo các ngành chức năng tìm cách duy trì các mối quan hệ sản xuất và thương mại, tiếp tục khai thác thị trường để nâng dần kim ngạch xuất khẩu cho những năm sau và chủ động xây dựng chiến lược xuất nhập khẩu lâu dài, gắn hoạt động xuất nhập khẩu với sản xuất hàng hóa chủ lực của địa phương. Mặc dù lĩnh vực xuất nhập khẩu có những khó khăn nhưng hoạt động quan hệ đối ngoại lại có những tiến triển khả quan. Trong năm 1997 các dự án liên doanh và tài trợ của nước ngoài được chuẩn bị tích cực. Tỉnh đã chỉ đạo các ngành chức năng tích cực đàm phán tìm đối tác đầu tư xây dựng nhà máy xi măng lò quay trình Chính phủ phê duyệt để sớm đưa vào hoạt động. Một số dự án đầu tư phát triển - ODA được Chính phủ chấp nhận và các tổ chức tài trợ triển khai thực thi như dự án Bảo tồn và phát triển tài nguyên nông nghiệp - ARCD, Dự án trồng rừng Việt - Đức, Dự án sản xuất giống lúa (DANIDA), Dự án cải cách hành chính của tỉnh và thị xã Đồng Hới, Dự án OECF về điện, nước và giao thông.... tổng số vốn triển khai thực hiện các dự án trên 7 triệu USD.

Nhìn chung trong 2 năm 1996 - 1997 kinh tế phát triển đúng hướng, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp, tăng dần tỷ trọng công nghiệp, mở rộng hoạt động dịch vụ. Đến năm 1997 tỷ trọng nông nghiệp chiếm 42,6% (giảm 1,52%), công nghiệp 19,9% (tăng 2,17%), dịch vụ 37,5%. Năm 1996 - 1997 đã kiểm chế và giảm dần tốc độ tăng dân số, đời sống nhân dân tương đối ổn định, có bộ phận được cải thiện. Việc thực hiện chính sách đối với người có công, các đối tượng chính sách khác ngày càng được quan tâm hơn. Các chương trình y tế quốc gia được tổ chức triển khai tốt. Công tác giáo dục có những chuyển biến tích cực. Giáo dục đã hướng đến thực hiện tốt trên cả 3 mặt, nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Phát thanh truyền hình đã phát triển đồng bộ, đã phủ sóng phát thanh cho 90%, truyền hình 70% địa bàn dân cư, 7/7 huyện, thị xã và 70% số xã đã có lưới điện quốc gia. Việc phát huy quyền

làm chủ của nhân dân và thực hiện kỷ cương xã hội có tiến bộ, tạo được không khí dân chủ, cởi mở, thẳng thắn, góp phần ổn định tình hình chính trị, tạo điều kiện cho sự ổn định kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng an ninh.

5.2 Thuác đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đẩy nhanh tốc độ công nghiệp hóa hiện đại hoá

Đến đầu năm 1980, tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế diễn biến chậm. Vì vậy tập trung chuyển dịch cơ cấu kinh tế được giành ưu tiên hàng đầu.

Trên lĩnh vực nông nghiệp, trong điều kiện thời tiết có những diễn biến bất thường, vụ hè thu năm 1998 bị hạn hán nặng, một số lượng lớn diện tích lúa của hai huyện Quảng Ninh, Lệ Thủy sụt giảm, nhiều vùng nông nghiệp ở các huyện Bố Trạch, Quảng Trạch bị mất trắng, tổng diện tích lúa bị mất lên tới 8.644 ha, năng suất và sản lượng lúa, cây công nghiệp gần như đều đạt thấp. Việc bố trí, quy hoạch trồng mía trên những đồi cao, những vùng đất không chủ động thủy lợi đã không lường trước được tình huống hạn hán nên nhiều diện tích mía bị cháy, năng suất thấp, sản lượng giảm đáng kể. Tình hình trên không chỉ trực tiếp đe dọa đến việc hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ Nghị quyết đã đề ra mà còn dẫn đến tình trạng thiếu đói trầm trọng ở một số vùng, đe dọa an ninh lương thực.

Trước tình hình đó, Tỉnh đã kịp thời chỉ đạo các địa phương có kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, tăng cường sản xuất vụ đông, đặc biệt là đẩy mạnh việc sản xuất các loại cây rau màu ngắn ngày để kịp chống đói, đồng thời tăng cường các biện pháp chăm sóc, phục hồi những diện tích có khả năng duy trì vượt qua hạn hán để tận thu, đảm bảo các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra trong lĩnh vực nông nghiệp.

Về lâm nghiệp, trong năm 1998 nhờ tập trung chỉ đạo đẩy mạnh công tác khoanh nuôi tái sinh và phát triển vốn rừng nên diện tích trồng rừng đã đạt 4.200 ha. Các nguồn vốn từ các chương trình, dự án như 327, IFAD, dự án trồng rừng Việt-Đức, nguồn vốn từ thuế tài nguyên, chương trình định canh, định cư đã được huy động lồng ghép và phát huy hiệu quả.

Trong ngư nghiệp, tỉnh tập trung chỉ đạo thực hiện chủ trương phát triển đánh bắt xa bờ, đến giữa năm 1998 đã đưa vào hoạt động 12 tàu công suất lớn, bước đầu mang lại hiệu quả thiết thực. Trong năm 1998 triển khai đóng mới 14 tàu lớn có công suất từ 150 đến 190 CV bằng nguồn vốn tín dụng Nhà nước ưu đãi, đến cuối năm 1998 nâng tổng số tàu có năng lực đánh bắt xa bờ lên 26 chiếc. Sản lượng đánh bắt và nuôi trồng thủy sản năm 1998 là 14.500 tấn.

Thực hiện chủ trương chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, trong năm 1998 Tỉnh ủy đã chỉ đạo đầu tư tăng thêm năng lực sản xuất công nghiệp, mở rộng ngành hàng cho nên giá trị sản xuất công nghiệp năm 1998 đạt 350 tỷ đồng, tăng 6,3% so với năm 1997 và

bằng 105% so với kế hoạch, trong đó công nghiệp quốc doanh đạt 186,4 tỷ đồng, tăng 10,8%, công nghiệp ngoài quốc doanh 163,6 tỷ đồng, tăng 0,5%. Nhận thấy những diễn biến phức tạp của tình hình sản xuất kinh doanh trong cơ chế thị trường nên Tỉnh ủy đã chủ trương sắp xếp lại một số doanh nghiệp Nhà nước, đổi mới cơ chế quản lý, tăng cường quản lý cán bộ doanh nghiệp trước hết là ở các ngành xây dựng, nông nghiệp, thương mại; có chính sách động viên, khuyến khích tiêu thụ sản phẩm trong tỉnh, xử lý những vướng mắc về vốn, thanh toán, đầu tư để giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, tổ chức sản xuất, kinh doanh có hiệu quả. Những doanh nghiệp đã có chuyển biến tích cực và đã có sự tăng trưởng khá như Công ty phân bón sông Gianh tăng 11,3%, Xí nghiệp dược phẩm tăng 32%, Xí nghiệp nước khoáng Bang tăng 9,5%, Xí nghiệp tàu thuyền tăng 74,2%. Tuy vậy, trong quá trình sắp xếp lại, một số doanh nghiệp tình hình tài chính không lành mạnh, hiệu quả kinh doanh thấp, thua lỗ, nợ lương bảo hiểm xã hội, nợ vốn vay quá hạn không có khả năng chi trả. Nguyên nhân chủ yếu do năng lực tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh trong cơ chế thị trường yếu kém, chậm đổi mới, thiếu năng động sáng tạo. Các cấp ủy Đảng ở những cơ sở này không phát huy được vai trò lãnh đạo, chưa theo dõi và phát hiện kịp thời để tìm giải pháp khắc phục. Trước tình hình đó tỉnh đã chỉ đạo củng cố tổ chức cơ sở Đảng và có giải pháp sắp xếp lại các doanh nghiệp yếu kém. Công nghiệp ngoài quốc doanh chủ yếu là sản xuất nhỏ, tiểu thủ công nghiệp phát triển chậm do khó khăn về vốn, chậm đổi mới công nghệ, năng suất, chất lượng lao động và sản phẩm còn thấp. Lĩnh vực gia công chế biến phục vụ cho sản xuất nông nghiệp còn nhiều bất cập.

Về thương mại, giá cả, tổng mức bán lẻ hàng hóa cả năm 1998 đạt 1.232 tỷ đồng, tăng 27,8% so với năm 1997, trong đó kinh tế quốc doanh 375 tỷ đồng, chiếm 30,5%, kinh tế ngoài quốc doanh 857 tỷ, chiếm 69,5%. Trong năm 1998 tình hình xuất nhập khẩu trong khu vực và trong nước gặp khó khăn nhưng hoạt động xuất nhập khẩu của Quảng Bình vẫn có những chuyển biến đáng kể. Giá trị kim ngạch xuất khẩu cả năm là 9,5 triệu USD.

Trong lĩnh vực đầu tư và xây dựng, năm 1998 kế hoạch đầu tư xây dựng được giao sớm nên các đơn vị đã chủ động thi công kịp thời, đúng tiến độ. Trong năm 1998 tổng vốn đầu tư trên địa bàn là 515,7 tỷ đồng, trong đó vốn địa phương quản lý 223,1 tỷ đồng. Trong 93 công trình được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách tập trung đã có 72 công trình đưa vào sử dụng, chiếm 75% công trình được đầu tư trong năm 1998. Năng lực cơ sở hạ tầng về giao thông, thủy lợi, điện, trường học, cơ sở khám chữa bệnh tăng 20% công suất.

Các hoạt động, kinh tế đối ngoại trong năm 1998 tiếp tục được chú trọng, thu hút nhiều dự án viện trợ của các tổ chức như ODA, NGO, FDI và các dự án đầu tư của các tổ chức phi chính phủ khác. Riêng dự án ODA đầu tư 90,9 tỷ đồng, các dự án NGO 9,9 tỷ đồng.

Để kiểm điểm, đánh giá những kết quả đạt được trong năm 1998 và quyết định những nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh trong năm 1999, Ban chấp hành Đảng bộ khóa XII đã triệu tập Hội nghị lần thứ mười ba (họp từ ngày 11 đến 13 tháng 1 năm 1999).

Nhờ có quyết tâm cao và sự chỉ đạo cụ thể, kiên quyết nên những mục tiêu kinh tế đặt ra trong nhiệm kỳ Đại hội XII đã cơ bản đạt được. Kinh tế tiếp tục ổn định và tăng trưởng khá. Nhịp độ tăng trưởng GDP bình quân 5 năm 1996-2000 đạt 8,2%. Giá trị sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp tăng bình quân 5,3%/năm, công nghiệp tăng 17,2%/năm, dịch vụ tăng 7%/năm. Tổng sản phẩm nội tỉnh (GDP) bình quân đầu người tăng 1,3 lần so với 1995. Cơ cấu kinh tế trên địa bàn đã có sự chuyển dịch đúng hướng theo tinh thần đường lối đổi mới của Đảng. Tỷ trọng nông nghiệp từ chỗ chiếm 40,66% năm 1995 đến năm 2000 đã giảm xuống 38,80%; trong khi đó tỷ trọng công nghiệp tăng từ 19,1% năm 1995 lên 24,3% năm 2000. Về cơ cấu kinh tế, từ sau Đại hội Đảng bộ lần thứ XII đến trước Đại hội Đảng bộ lần thứ XIII cho thấy, tuy đặc trưng chung của Quảng Bình vẫn là một nền kinh tế thuần nông nhưng xu hướng kinh tế đang chuyển dần theo hướng tích cực là tăng dần tỷ trọng công nghiệp. Khu vực dịch vụ chưa có sự thay đổi về tỷ trọng trong nền kinh tế nhưng bản thân nội tại của ngành dịch vụ đã có sự chuyển dịch các đối tượng và chất lượng hàng hóa theo nhu cầu thị trường và ngày càng nhạy cảm hơn với cơ chế cạnh tranh. Tỷ trọng đầu tư cho khu vực công nghiệp tăng hơn hẳn so với khu vực nông nghiệp. Năm 1996 tỷ trọng đầu tư cho công nghiệp 23,9%, nông nghiệp 18,4%; năm 2000 là 25,5% và 21,9%. Việc điều chỉnh cơ cấu đầu tư đã góp phần làm tăng cơ sở vật chất của các ngành kinh tế một cách tương đối đồng đều, nhất là giữa nông nghiệp, công nghiệp và một số công trình hạ tầng cơ sở, làm thay đổi cơ cấu nhân lực, phân công lao động xã hội. Đến năm 2000 lao động khu vực nông nghiệp chiếm 78,8%, khu vực công nghiệp chiếm 18,8% lao động xã hội. Quá trình đổi mới cơ cấu đầu tư, điều chỉnh phân công lao động xã hội chính là nhân tố quan trọng nhất đẩy nhanh tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Cơ cấu kinh tế mới của năm 2000 phản ánh xu thế tích cực so với năm 1995, thể hiện nền kinh tế đã phát triển đúng hướng theo mục tiêu kinh tế mà Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII đề ra.

Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, sự điều chỉnh tỷ suất đầu tư và hệ số tăng trưởng của nền kinh tế đã bắt đầu tạo ra những điều kiện đảm bảo cho sự phát triển, và như vậy tăng trưởng đã gắn liền với phát triển. Đặt tốc độ tăng trưởng trong mối quan hệ với các chỉ tiêu chất lượng khác của nền kinh tế như tốc độ GDP bình quân - chỉ số giá tiêu dùng - chỉ số thất nghiệp cho thấy nền kinh tế phát triển theo xu hướng lành mạnh. Thời kỳ 1996 - 2000, các chỉ số nêu trên vận động theo tỷ lệ thuận. Tỷ lệ tăng trưởng GDP luôn cao hơn chỉ số giá tiêu dùng (8,1%/1%), tỷ lệ thất nghiệp 4,9% nằm trong phạm vi cho phép độ an toàn về kinh tế - xã hội.

Trong những năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, được sự giúp đỡ của Trung ương, tỉnh ta đã tập trung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật quan trọng cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Lưới điện quốc gia đã đưa về được 150/154 xã, các trục đường giao thông quan trọng như quốc lộ 1A, quốc lộ 12 được mở rộng và nâng cấp, các cầu lớn trên đường quốc lộ 1A như cầu Gianh, cầu Quán Hàu được xây dựng hiện đại và đưa vào sử dụng. Đặc biệt ngày 5/4/2000 Thủ tướng Phan Văn Khải đã phát lệnh khởi công xây dựng đường Hồ Chí Minh thời kỳ công nghiệp hóa tại cầu Xuân Sơn (Bố Trạch) mở ra một tương lai tươi sáng cho việc phát triển kinh tế-xã hội vùng phía Tây của tỉnh ta.

Một số cơ sở công nghiệp lớn bắt đầu được xây dựng như Nhà máy xi măng Tiến Hóa (Tuyên Hóa), khu công nghiệp Tây Bắc Đồng Hới và một số khu công nghiệp, khu kinh tế khác đang được chuẩn bị khởi công. Chính phủ cũng đã cho phép triển khai dự án xây dựng lại sân bay Đồng Hới, khu neo đậu tàu thuyền ở Hòn La...

Những cơ sở vật chất kỹ thuật được xây dựng giai đoạn này sẽ phát huy hiệu quả trong vài năm tới tạo điều kiện cho tỉnh ta đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa tốc độ phát triển kinh tế nhanh hơn và vững chắc hơn.

Từ tác động trực tiếp của quá trình tăng trưởng và phát triển, đời sống của nhân dân tương đối ổn định và có phần phát triển. Từ năm 1996 đến năm 2000 tuy quy mô dân số tiếp tục tăng, nhu cầu tiêu dùng cho xã hội tiếp tục nâng cao nhưng nhờ sản xuất phát triển nên vẫn đảm bảo các nhu cầu tiêu dùng cơ bản cho nhân dân.

Đồng thời với sự tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân, việc tích lũy từ nội bộ nền kinh tế trong giai đoạn 1996 - 2000 được tăng cường. Cân đối từ tỷ lệ sử dụng GDP cho tiêu dùng và phần đầu tư trở lại cho tái sản xuất của nền kinh tế, phần dành cho tích lũy từ GDP như sau: năm 1996: 7,5%; 1997: 7,6%; 1998: 8,5%; 1999: 9,0%; 2000: 10,0%. Những chỉ số này cho thấy nền kinh tế không những cân đối đủ cho tiêu dùng mà còn có khả năng đầu tư trở lại để tái sản xuất xã hội.

Trên lĩnh vực kinh tế tuy đã có sự tăng trưởng khá nhưng chưa vững chắc. Một số mục tiêu kinh tế cụ thể còn đạt thấp so với Nghị quyết XII đề ra như: Tốc độ tăng trưởng kinh tế GDP, tốc độ phát triển công nghiệp, chỉ tiêu kim ngạch xuất khẩu. Trong công nghiệp, trình độ sản xuất thấp, trang thiết bị công nghệ lạc hậu, trình độ quản lý điều hành yếu do đó có nhiều đơn vị sản xuất kinh doanh thua lỗ, sức cạnh tranh hàng hóa kém. Tiểu thủ công nghiệp còn yếu và chậm phát triển. Trong nông nghiệp, việc chuyển đổi cơ cấu trong nội bộ ngành chậm, chưa có nhiều sản phẩm hàng hóa cho sản xuất, tiêu dùng và xuất khẩu.

Trong giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ, tỉnh đã phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể tích cực đẩy mạnh hoạt động nâng cao chất lượng giáo dục và hiệu quả ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ.

Để nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập ngành giáo dục đào tạo đã xây dựng đề án đào tạo và đào tạo lại đội ngũ giáo viên, chủ động và tích cực giải quyết tình trạng thiếu giáo viên nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc, vùng bãi ngang, cồn bãi. Phong trào thi đua dạy tốt, học tốt trong ngành giáo dục đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng của các cấp học, ngành học trong hệ thống giáo dục của tỉnh nhà.

Sau khi có Nghị quyết 02 NQ-HNTW, Tỉnh ủy đã chỉ đạo hai ngành giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ và môi trường rà soát tình hình hoạt động giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ trong những năm vừa qua để cung cấp luận cứ khoa học cho cấp ủy Đảng có những nhận định, đánh giá toàn diện những thành tựu và những khó khăn, thuận lợi, những hạn chế và tồn tại để từ đó đề ra những quyết sách cho việc phát triển giáo dục đào tạo và khoa học, công nghệ phù hợp với địa phương trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và những nhiệm vụ trong giai đoạn 1996-2000.

Trong quá trình thực hiện, các ban, ngành, địa phương đã quan tâm đầu tư cho khoa học về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động khoa học. Hệ thống khuyến nông, khuyến ngư, khuyến công, khuyến lâm từ tỉnh đến cơ sở được tăng cường và hoạt động bước đầu có hiệu quả trong việc ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật ở địa phương cơ sở góp phần xoá đói giảm nghèo, phát triển kinh tế- xã hội. Đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật được tăng cường cả về số lượng và chất lượng. Tính đến năm 1999 toàn tỉnh có 15.480 công nhân kỹ thuật; 19.456 người có trình độ trung cấp; gần 12.000 người có trình độ cao đẳng, đại học và trên đại học.

Các cấp ủy Đảng, chính quyền đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo phát triển sự nghiệp giáo dục trong tỉnh đạt nhiều kết quả. Hệ thống trường lớp ở các cấp học, ngành học phát triển, chất lượng giáo dục, đào tạo có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần nâng cao dân trí, trình độ học vấn của nhân dân, làm tăng thêm sức mạnh nội sinh. Khoa học, công nghệ đã có tác động tích cực vào quá trình đổi mới cơ cấu kinh tế, cơ cấu quản lý, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất, kinh doanh, phát huy sức mạnh nội lực, góp phần ổn định đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Văn học, nghệ thuật của tỉnh đã có bước phát triển. Các tác phẩm đã phản ánh được hiện thực sinh động của Quảng Bình trong hai cuộc kháng chiến chống đế quốc, xây dựng chủ nghĩa xã hội và quá trình thực hiện đường lối đổi mới. Số đông văn nghệ sĩ, kiến trúc sư đã được rèn luyện và thử thách trong thực tiễn cách mạng, có vốn sống, giàu lòng yêu quê hương, đất nước, giữ gìn phẩm chất đạo đức, kiên định quan điểm sáng tạo phục vụ nhân dân; một số văn nghệ sĩ tuổi cao vẫn bền bỉ đeo đuổi, lớp trẻ có nhiều sáng tạo, tìm tòi cái mới. Hoạt động thông tin đại chúng

đúng định hướng, nhanh nhạy, kịp thời, tương đối phong phú, đa dạng, ngày càng thực hiện tốt hơn vai trò là tiếng nói của Đảng, của nhân dân. Báo chí phát triển khá nhanh về số lượng, chất lượng, thời lượng và quy mô, phát huy vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần và xã hội. Các cấp ủy Đảng, chính quyền đã quan tâm xây dựng bộ máy tổ chức, đầu tư cho hoạt động văn hóa cơ sở có nhiều tiến bộ. Việc trùng tu, tôn tạo, bảo vệ các di tích lịch sử, cách mạng, di tích văn hóa được chú trọng. Một bộ phận quan trọng thiết chế văn hóa như thư viện, các trung tâm văn hóa, các nhà văn hóa, các khu vui chơi, giải trí có những tiến bộ về phương thức, nội dung hoạt động và hiệu quả thực tiễn.

Trong quá trình tổ chức thực hiện phát triển kinh tế xã hội, chính quyền ở các địa phương đã coi trọng và quan tâm giải quyết việc làm cho người lao động, coi đó là biện pháp quan trọng và cơ bản để giải quyết những vấn đề xã hội. Cùng với quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế, phát triển các thành phần kinh tế trên các lĩnh vực, các chương trình quốc gia về giải quyết việc làm đã góp phần đáng kể trong việc tạo việc làm cho người lao động. Các ngành, đoàn thể đã lồng ghép nhiều chương trình, dự án với giải quyết việc làm cho đoàn viên, hội viên, lực lượng lao động trong đơn vị và địa phương mình. Trong năm 1998 đã triển khai 5.579 dự án sản xuất, kinh doanh thu hút hơn 2 vạn lao động tham gia với số vốn quốc gia giải quyết việc làm gần 16 tỷ đồng. Trong 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XII toàn tỉnh đã giải quyết việc làm cho 7,2 vạn người lao động.

Cùng với việc giải quyết việc làm các địa phương trong tỉnh đã đẩy mạnh phong trào xoá đói giảm nghèo. Bằng các biện pháp đẩy mạnh sản xuất, dịch vụ, giúp nhau làm kinh tế xoá đói giảm nghèo, công tác xoá đói giảm nghèo đã được sự quan tâm lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền và sự tham gia rộng rãi của các đoàn thể quần chúng từng bước đã thu được những kết quả đáng khích lệ. Trong 5 năm ngân hàng phục vụ người nghèo đã cho 4,7 vạn hộ nghèo vay với tổng giá trị lên tới 62 tỷ đồng. Bình quân mỗi năm giảm 3% số hộ nghèo, đưa tỷ lệ đói nghèo toàn tỉnh từ 36,4% năm 1995 xuống còn 20,3% năm 2000.

Để tạo điều kiện cho phát triển kinh tế, xoá đói giảm nghèo, tỉnh đã quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở vật chất ở những địa bàn khó khăn nhất là vùng sâu, vùng xa, bộ mặt nông thôn ngày càng đổi mới. Trong 3 năm (1998-2000) thực hiện Chương trình 135 của Chính phủ đã đầu tư 67 công trình ở 37 xã đặc biệt khó khăn, trong đó giao thông có 15, trường học 29, trạm y tế 3, điện 11. Đời sống của nhân dân ngày càng được cải thiện. Tính đến năm 1999 có 91,24% số hộ có nhà ở kiên cố, bán kiên cố; sóng phát thanh phủ trên 95%, sóng truyền hình phủ trên 85% địa bàn dân cư. Thu nhập bình quân đầu người năm 1995 là 142.200 đồng, năm 2000 trên 200.000 đồng tăng bình quân 8,1%/năm.

Đối với việc thực hiện các chính sách xã hội, các địa phương đã tổ chức thực hiện tốt Pháp lệnh đối với người có công và các chế độ chính sách bảo

hiếm mới. Ngành lao động- thương binh xã hội chỉ đạo các địa phương xem xét đề nghị Bộ Lao động - Thương binh xã hội công nhận hàng trăm thương binh, gia đình liệt sỹ trong hai cuộc kháng chiến, kịp thời giải quyết chế độ cho thương binh, gia đình liệt sỹ, các gia đình có công và các đối tượng xã hội khác trong diện trợ cấp. Phong trào toàn dân tham gia đền ơn đáp nghĩa phát triển rộng khắp và được đông đảo tầng lớp nhân dân hưởng ứng thể hiện đạo lý "uống nước nhớ nguồn" và tình cảm "tương thân tương ái" của cả cộng đồng. Các hoạt động "đền ơn đáp nghĩa" đã thể hiện khá phong phú về hình thức, đưa lại hiệu quả thiết thực như sổ tiết kiệm tình nghĩa, căn nhà tình nghĩa của các đơn vị, địa phương đối với các gia đình thương binh liệt sỹ. Thực hiện Pháp lệnh quy định danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị định 176/CP ngày 20/10/1994 của Chính phủ trong những năm từ 1995 đến 2000 cấp ủy, chính quyền các địa phương trong tỉnh lập danh sách, làm hồ sơ đề nghị Nhà nước tặng và truy tặng 298 "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" Những bà mẹ được tặng hoặc truy tặng "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" là những bà mẹ có nhiều cống hiến, hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế. Để thể hiện lòng biết ơn sâu sắc đối với các Bà mẹ Việt Nam anh hùng, trong toàn tỉnh đã đẩy lên phong trào chăm sóc phụng dưỡng các bà mẹ Việt Nam anh hùng còn sống, giúp đỡ các gia đình có bà mẹ Việt Nam anh hùng đã mất. Phong trào "ngôi nhà tình nghĩa", "sổ tiết kiệm tình nghĩa"..., các cháu thiếu niên có phong trào "áo lụa tặng bà", "gánh củi tình thương" là những hoạt động có ý nghĩa không chỉ thể hiện "đền ơn đáp nghĩa" mà còn góp phần giáo dục đạo lý dân tộc, truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ.

Các hoạt động từ thiện xã hội phát triển. Hoạt động của Hội người tàn tật và trẻ mồ côi, Hội người mù đã dần đi vào nền nếp, đặc biệt là mạng lưới Hội chữ thập đỏ đã vươn về tận cơ sở và đã có nhiều hoạt động từ thiện nhân đạo có hiệu quả tích cực và thiết thực. Trẻ em mồ côi lang thang cơ nhỡ, người già neo đơn, người tàn tật, nạn nhân chiến tranh, nạn nhân chất độc màu da cam được xã hội quan tâm góp phần giải quyết khó khăn trong cuộc sống.

Cùng với các hoạt động nhân đạo từ thiện, công tác bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em được đẩy mạnh. Các hoạt động vì tương lai con em đã được các cấp ủy chính quyền, đoàn thể xã hội và từng gia đình quan tâm hơn trước.

Công tác phòng chống các tệ nạn xã hội được đẩy mạnh góp phần xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh tạo điều kiện cho phát triển kinh tế- xã hội.

Tuy đã đạt được một số thành tựu trên các lĩnh vực văn hóa- xã hội nhưng còn nhiều vấn đề bất cập, bức xúc trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh. Đời sống một bộ phận dân cư nhất là vùng sâu vùng xa còn nhiều khó khăn. Lao động thiếu việc làm còn nhiều, tỷ lệ hộ đói nghèo còn cao

so với bình quân cả nước. Hoạt động giáo dục, y tế, khoa học công nghệ còn nhiều bất cập chưa đáp ứng yêu cầu phát triển và nhu cầu của nhân dân. Một số tệ nạn xã hội chưa được kịp thời ngăn chặn và có xu hướng gia tăng.

5.3. Xây dựng chính quyền các cấp vững mạnh toàn diện

Trọng tâm của công tác xây dựng chính quyền trong thời kỳ này là nâng cao hiệu lực quản lý Nhà nước, đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của Ủy ban nhân dân các cấp và thực hiện cải cách hành chính.

Trong việc nâng cao hiệu lực quản lý Nhà nước, các địa phương đã quan tâm đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp. Hoạt động của thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân được đổi mới và phù hợp với thực tế ở các địa phương. Hầu hết các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh đều có cán bộ chuyên trách nên công tác giám sát của Hội đồng trên các lĩnh vực kinh tế- xã hội được tổ chức thường xuyên và sâu sát địa phương, cơ sở hơn. Chất lượng các kỳ họp của Hội đồng nhân dân được nâng cao vừa phát huy dân chủ, vừa bảo đảm cho các quyết định của Hội đồng nhân dân sát đúng, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, đề cao tính khả thi và hiệu lực của các Nghị quyết của Hội đồng. Hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân được đổi mới thông qua các kỳ tiếp xúc cử tri, những kỳ giám sát và trong các kỳ họp. Việc thông tin cho đại biểu Hội đồng nhân dân những vấn đề liên quan đến các quyết định của Hội đồng được kịp thời tạo điều kiện thuận lợi cho các đại biểu thực hiện tốt nhiệm vụ quyền hạn của người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của nhân dân.

Đối với Ủy ban nhân dân các cấp đã cố gắng đổi mới phong cách công tác, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động. Trong nhiệm kỳ 1996 đến 2000 tỉnh ta đã triển khai hai Dự án cải cách hành chính cấp tỉnh là dự án do Tổ chức phát triển Liên hiệp quốc (UNDP) tài trợ và dự án Cải cách hành chính công của thị xã Đồng Hới do chính phủ Thụy Điển tài trợ. Quá trình cải cách hành chính đã thu được kết quả bước đầu. Trong cải cách thủ tục hành chính một số địa phương và ban ngành đã thực hiện cơ chế "một cửa", loại bỏ những khâu trung gian không cần thiết, giảm phiền hà cho nhân dân, đặc biệt là trong việc giải quyết các thủ tục liên quan đến đất đai, công chứng, đăng ký kinh doanh, khiếu nại, tố cáo...

Tỉnh cũng đã cải cách một bước tổ chức bộ máy hành chính, từng bước chấn chỉnh cơ cấu tổ chức, tinh giản bộ máy theo hướng gọn nhẹ, cải tiến quy chế hoạt động và cơ chế vận hành của bộ máy hành chính các cấp theo hướng hiệu quả, ở cấp tỉnh giảm 22 đầu mối, cấp huyện 2-3 đầu mối khắc phục được một bước sự chồng chéo chức năng nhiệm vụ. Trách nhiệm và thái độ phục vụ nhân dân của đội ngũ công chức có nhiều tiến bộ.

Công tác đào tạo bồi dưỡng xây dựng đội ngũ công chức Nhà nước được coi trọng. Đội ngũ chuyên viên ở các cơ quan nhà nước được đào tạo theo chương trình chính trị, quản lý nhà nước, chuyên môn nghiệp vụ, góp phần nâng cao chất lượng và đề cao trách nhiệm công chức khi thi hành công vụ.

Các cơ quan bảo vệ pháp luật được kiện toàn và đổi mới hoạt động. Công tác giáo dục pháp luật được đẩy mạnh, hầu hết ở các xã, phường trong tỉnh đều có tủ sách pháp luật.

Cùng với việc xây dựng chính quyền các cấp ở địa phương, Đảng bộ đã lãnh đạo tốt cuộc bầu cử Quốc hội khóa X. Hơn 99% cử tri cả tỉnh đã đi bầu những người tiêu biểu đại diện cho ý chí, nguyện vọng của mình vào cơ quan quyền lực cao nhất của đất nước chứng tỏ sự giác ngộ và ý thức chính trị và trách nhiệm công dân được đề cao.

Ngày 14-11-1999 cùng với cả nước nhân dân tỉnh ta đã tổ chức tốt cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân ba cấp với tỷ lệ cử tri tham gia bầu cử trên 99%. Hội đồng nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 1999-2004 có 45 vị. Trong kỳ họp thứ nhất Hội đồng nhân dân tỉnh đã bầu các chức danh chủ chốt của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân. Một lần nữa, chính quyền các cấp được củng cố, tạo điều kiện cho công tác chỉ đạo điều hành của cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội địa phương.

Ngoài các cấp chính quyền, nhận thức được vai trò quan trọng của thôn, bản, tiểu khu, các cấp ủy, chính quyền đã chỉ đạo bầu và cử 1.199 trưởng thôn, bản, tiểu khu trong đó dân bầu trực tiếp 1.047. Tuy không phải là cấp chính quyền nhưng hoạt động của thôn, bản, tiểu khu đã góp phần xây dựng chính quyền cấp cơ sở ngày càng trong sạch vững mạnh.

Trong công tác bảo vệ quốc phòng - an ninh, đã xây dựng được thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân. Các phương án, kế hoạch sẵn sàng chiến đấu chống bạo loạn, gây rối, kế hoạch phòng thủ cơ bản. Các phương án bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong nội địa, nội bộ và ở các tuyến biên giới ngày càng sát với tình hình cụ thể của từng vùng, từng nơi, từng địa bàn, nhất là ở những vùng trọng tâm, vùng núi, vùng còn nhiều khó khăn. Đã có sự phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng quân sự, công an, bộ đội biên phòng trên phạm vi cả tỉnh và trong từng cơ sở. Các ngành, các cấp đã chú trọng công tác xây dựng xã, phường, thị trấn và cơ sở an toàn làm chủ trong mọi tình huống, sẵn sàng chiến đấu, phát động và thực hiện tốt phong trào "vì an ninh Tổ quốc", thực hiện "ngày biên phòng toàn dân", thực hiện tốt chính sách đại đoàn kết toàn dân để làm thất bại mọi âm mưu chia rẽ, phá hoại của kẻ thù. Trong quá trình triển khai công tác an ninh quốc phòng, đã kết hợp chặt chẽ giữa kinh tế với quốc phòng - an ninh, an ninh - quốc phòng với kinh tế thể hiện ngay từ trong công tác xây dựng quy hoạch, kế

hoạch, xây dựng cơ sở hạ tầng cũng như trong quá trình triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội.

Trong điều kiện thực hiện chính sách kinh tế mở, cần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, điều hành của chính quyền, sự phối hợp của các cấp các ngành để chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời phát hiện những vấn đề mới nảy sinh. Các cấp ủy đã lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ chống âm mưu "diễn biến hòa bình", tăng cường chỉ đạo và thực hiện có hiệu quả chương trình quốc gia phòng chống tội phạm và cuộc đấu tranh chống tham nhũng, chống buôn lậu, chủ động giải quyết kịp thời những mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân để giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Trên cơ sở bổ sung hoàn thiện kế hoạch tác chiến, kế hoạch phòng thủ, kế hoạch bảo vệ an ninh trật tự các địa phương đã có kế hoạch tổ chức huấn luyện lực lượng vũ trang, diễn tập theo phương án đã xác định. Tích cực tuần tra, phát hiện xâm nhập, tăng cường quản lý biên giới tuyến núi và tuyến biển, định kỳ kiểm tra cơ chế vận hành và khả năng thực hành để uốn nắn, bổ sung, điều chỉnh kịp thời các phương án phòng thủ.

Trên mặt trận bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, các cấp ủy, chính quyền đã lãnh đạo và chỉ đạo xây dựng thế trận an ninh vững chắc ở địa phương cơ sở. Công tác đấu tranh tấn công tội phạm, phòng chống các tệ nạn xã hội, giữ vững trật tự an toàn được đẩy mạnh. Các tuyến biên giới Việt- Lào và bờ biển được tăng cường công tác an ninh, bảo đảm giữ vững chủ quyền lãnh thổ và lãnh hải. Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng địa bàn làm chủ và cơ sở tự quản được phát triển mạnh ở các địa phương, đơn vị. Lực lượng công an được tăng cường thiết bị phương tiện, từng bước hiện đại bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống.

5.4 Kế tục truyền thống thi đua yêu nước, động viên toàn dân phát huy tinh thần lao động sáng tạo, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kế hoạch nhà nước giai đoạn 1996-2000

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, hưởng ứng lời kêu gọi "thi đua Ái quốc" của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân tỉnh ta đã hăng hái thi đua tạo nên những phong trào quần chúng to lớn. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp nổi bật là phong trào "Quảng Bình quật khởi", đã động viên khí thế quân và dân tỉnh ta đoàn kết, chiến đấu kiên cường phá tan thế kìm kẹp của kẻ thù, mở rộng vùng giải phóng cùng cả nước đưa sự nghiệp kháng chiến "toàn dân toàn diện" đi đến thắng lợi. Trong cuộc kháng chiến, phong trào thi đua "hai giỏi": sản xuất giỏi, chiến đấu giỏi thực sự đã trở thành cao trào cách mạng của quần chúng, vượt qua khó khăn, gian khổ, hy sinh, đóng góp xứng đáng cho sự nghiệp giải phóng dân tộc. Trong các

phong trào thi đua đó, quần chúng đã sáng tạo nhiều nội dung thi đua cụ thể, thiết thực và cách mạng, với nhiều hình thức phong phú nhằm tập hợp mọi lực lượng tạo nên sức mạnh vĩ đại của nhân dân. Đó là những phong trào thi đua “Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”, “Xe chưa qua nhà không tiếc, đường chưa thông không tiếc máu tiếc xương” Không chỉ thi đua trong sản xuất, chiến đấu chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến, người Quảng Bình còn thi đua sống trong sạch, giản dị, nhân cách “Phải trái phân minh, nghĩa tình trọn vẹn”, “Cho không lấy thấy không xin, của công giữ gìn của rơi trả lại” Từ phong trào thi đua trong hai cuộc kháng chiến đó đã sản sinh ra hàng trăm tập thể, cá nhân tiêu biểu được phong tặng danh hiệu anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động, hàng ngàn chiến sĩ thi đua, hàng vạn chiến sĩ “hai giỏi”

Bước vào giai đoạn cách mạng mới quán triệt Chỉ thị 35 của Bộ Chính trị, phong trào thi đua yêu nước ở tỉnh ta đã có những chuyển biến mới, hướng vào mục tiêu phát triển kinh tế - văn hóa xã hội, xây dựng và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, củng cố quốc phòng vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Trên lĩnh vực kinh tế, phong trào thi đua được thể hiện qua việc phấn đấu thực hiện các mục tiêu kinh tế hàng năm và mục tiêu kinh tế của các kế hoạch 5 năm.

Trong nông nghiệp, phong trào thi đua hướng vào nội dung thi đua áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, tăng năng suất, sản lượng cây trồng, vật nuôi góp phần chuyển nền nông nghiệp độc canh sang phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng sản xuất hàng hóa, đảm bảo an ninh lương thực, ổn định đời sống nhân dân. Để thực hiện những mục tiêu đặt ra trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn đã tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các địa phương triển khai nhiều hoạt động thiết thực như tổ chức bồi dưỡng cán bộ, đẩy mạnh hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư tạo điều kiện cho người dân tiếp cận và ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, từ đó tạo nên nếp nghĩ mới, cách làm mới đưa lại hiệu quả kinh tế cao. Phong trào thi đua chuyển dịch cơ cấu mùa vụ, cơ cấu cây trồng hợp lý, phát triển kinh tế trang trại, sử dụng đất đồi mặt nước để làm vườn, ao cá, chăn nuôi gia súc gia cầm, trồng cây lấy gỗ,... phát triển rộng khắp trên địa bàn toàn tỉnh. Từ phong trào thi đua đó đã hình thành các mô hình kinh tế mới như mô hình vườn rừng, vườn đồi, mô hình cây lương thực kết hợp với vườn, ao, chuồng (VAC), mô hình sản xuất kết hợp với dịch vụ kinh tế nông nghiệp và nghề nuôi trồng, đánh bắt, thủy hải sản...

Đến năm 2000 phong trào thi đua làm trang trại đã phát triển mạnh mẽ, các địa phương đã tiến lên vùng gò đồi tổ chức hàng trăm trang trại với diện tích 2.488 ha. Điển hình phong trào này là các địa phương: xã Đại Trạch, thị

trần Hoàn Lão (huyện Bố Trạch), xã Hàm Ninh, Xuân Ninh (huyện Quảng Ninh), phường Bắc Lý, xã Đức Ninh, Nghĩa Ninh (thị xã Đồng Hới); xã Phong Thủy, Liên Thủy (huyện Lệ Thủy), xã Quảng Hòa, Quảng Phương (huyện Quảng Trạch), xã Mai Hóa (huyện Tuyên Hóa)... Trong phong trào thi đua “nông dân sản xuất giỏi” đã có 23.523 hộ nông dân đạt tiêu chuẩn hộ nông dân sản xuất giỏi. Tiêu biểu cho phong trào phát triển vườn đồi, nhận rừng khoanh nuôi bảo vệ có hộ ông Phan Văn Hối (xã Đại Trạch, huyện Bố Trạch), ông Nguyễn Thanh Thè (xã Tân Ninh, huyện Quảng Ninh), ông Ngô Minh Trúc (xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh), ông Nguyễn Hữu Vinh (xã Quảng Tân, huyện Quảng Trạch), ông Trần Trung Hoa (xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hóa), ông Đinh Quang Thanh (xã Trung Hóa, huyện Minh Hóa), chị Nguyễn Thị Na (phường Nam Lý - thị xã Đồng Hới), ông Mai Ngọc Nường (xã Đức Ninh, thị xã Đồng Hới). Đặc biệt tấm gương tiêu biểu của mẹ Phạm Thị Nghèng (xã Quang Phú, thị xã Đồng Hới) hơn 40 năm cần mẫn trồng cây, giữ rừng phòng hộ ven biển chống nạn cát bay, biển lấn, bảo vệ môi sinh, môi trường là một điển hình trong phong trào thi đua yêu nước của tỉnh ta được cả nước ngưỡng mộ. Mẹ Phạm Thị Nghèng được Nhà nước phong tặng danh hiệu cao quý Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới vào tháng 11 năm 2000.

Trên lĩnh vực thủy sản, phong trào thi đua vươn xa ra khơi, bám biển dài ngày đã có nhiều hộ nông dân mạnh dạn đầu tư mua sắm phương tiện tàu thuyền, ngư lưới cụ đánh bắt hải sản đạt năng suất cao như hộ ông Hồ Đăng Khánh (xã Đức Trạch, huyện Bố Trạch), ông Nguyễn Hữu, Nguyễn Thanh Phong (thị xã Đồng Hới), ông Trần Xuân Thới (xã Ngư Thủy, huyện Lệ Thủy), ông Nguyễn Văn Lược (xã Cảnh Dương, huyện Quảng Trạch). Phong trào nuôi tôm, cua, cá lồng và chế biến thủy, hải sản phát triển rầm rộ, đều khắp các huyện, thị trong tỉnh góp phần nâng cao sản lượng khai thác, nuôi trồng chế biến thủy, hải sản, tăng kim ngạch xuất khẩu và nâng cao đời sống của từng hộ dân. Trong phong trào thi đua đã có 329 cán bộ và nhân dân được tặng huy chương vì sự nghiệp phát triển nghề cá.

Trên lĩnh vực công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải, bưu điện, các phong trào thi đua “Phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật”, “thi đua lao động sáng tạo”, “năng suất, chất lượng, hiệu quả” được đông đảo cán bộ công nhân viên và lao động hưởng ứng; phong trào thi đua “ba giỏi” (giỏi trong sản xuất kinh doanh, giỏi trong thực hiện chế độ chính sách, giỏi trong tham gia các hoạt động xã hội) của các đơn vị sản xuất kinh doanh; phong trào thi đua “ba tốt” (làm tốt công việc của cơ quan, làm tốt các hoạt động xã hội, làm kinh tế gia đình có hiệu quả) trong các đơn vị hành chính sự nghiệp đã động viên được đông đảo cán bộ, công nhân viên trong các ngành, các đơn vị phấn đấu hoàn thành kế hoạch và nhiệm vụ được giao. Nhiều đơn vị có phong trào thi đua tốt tạo điều kiện cho sản xuất kinh doanh ổn định và ngày càng phát triển như Công ty lâm công nghiệp Long Đại, Công ty xây dựng công trình Bình Lợi,

Công ty công trình giao thông I, Công ty dược phẩm, Công ty cao su Việt Trung, Xí nghiệp in, Công ty TNHH Trường Thịnh... Công ty phân bón Sông Gianh được Nhà nước tuyên dương là đơn vị anh hùng thời kỳ đổi mới.

Cùng với phong trào thi đua phát triển kinh tế, phong trào thi đua yêu nước trên các lĩnh vực văn hóa - xã hội, xây dựng nông thôn mới được cấp ủy chính quyền, ban ngành, đoàn thể các cấp quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện được đông đảo nhân dân đồng tình hưởng ứng. Nổi bật trong những năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII và Đại hội Đảng bộ lần thứ XII là phong trào thi đua xóa đói giảm nghèo của các địa phương cơ sở trong toàn tỉnh. Phong trào thi đua xóa đói giảm nghèo được Nhà nước tạo điều kiện xây dựng cơ sở vật chất thông qua các chương trình, dự án như Chương trình 327, 135, 773, quỹ Quốc gia giải quyết việc làm. Các Dự án an toàn lương thực, dự án Việt Đức, các dự án của các tổ chức phi Chính phủ (NGO), các đoàn thể, mặt trận vận động đoàn viên, hội viên, thành viên tham gia phong trào thi đua xóa đói giảm nghèo bằng các phong trào cụ thể, thiết thực, phù hợp với tính chất hoạt động của tổ chức mình. Hội phụ nữ có phong trào “phụ nữ giúp nhau làm kinh tế”, Hội nông dân có phong trào “nông dân sản xuất giỏi”, Đoàn thanh niên có phong trào “Thanh niên lập nghiệp”, Hội cựu chiến binh có phong trào “Cựu chiến binh gương mẫu”. Phong trào thi đua xóa đói giảm nghèo phát triển sâu rộng từ cơ sở được từng hộ gia đình tham gia tích cực vì phong trào này có ý nghĩa thiết thực, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho từng cá nhân, hộ gia đình, từng cộng đồng xã hội. Nhân dân giúp nhau vay vốn, trao đổi phổ biến kinh nghiệm sản xuất. Chính quyền tạo điều kiện giải quyết việc làm, hỗ trợ các gia đình chính sách, gia đình neo đơn. Xóa đói, giảm nghèo thực sự là phong trào thi đua yêu nước của từng hộ gia đình, từng địa phương, cơ sở, đã đưa lại kết quả rõ rệt, số hộ nghèo cả tỉnh giảm 3 - 4%/năm, số hộ làm ăn khá và giàu ngày càng tăng lên. Phong trào đó đã góp phần tích cực thực hiện mục tiêu vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Cùng với phong trào thi đua xóa đói giảm nghèo, phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới, thi đua thực hiện tốt các chính sách xã hội được cấp ủy chính quyền các cấp quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện có hiệu quả nhất là ở cấp cơ sở. Nhân dân ở các địa phương cơ sở đã đóng góp công sức, tiền của cùng với sự hỗ trợ của Nhà nước đã tham gia xây dựng cơ sở vật chất, công trình phúc lợi, đặc biệt là hệ thống điện, đường, trường, trạm, chợ, thủy lợi, bưu điện văn hóa, nhà văn hóa phát triển khắp mọi nơi. Bộ mặt nông thôn tỉnh ta ngày càng đổi mới không chỉ thể hiện qua cơ sở vật chất được đầu tư xây dựng, mà bộ mặt tinh thần, văn hóa ngày càng khởi sắc. Phong trào “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “gia đình văn hóa”, “làng bản, tiểu khu văn hóa” được đông đảo nhân dân đồng tình hưởng ứng. nếp sống mới, chuẩn mực, đạo đức mới dần dần được hình thành, đặc biệt các

phong trào thi đua “đền ơn đáp nghĩa” đối với những người có công đã thể hiện đạo lý “uống nước nhớ nguồn” được mọi tầng lớp xã hội tham gia tích cực. Hoạt động từ thiện giúp đỡ những người tàn tật, người già neo đơn, các cháu mồ côi được xã hội quan tâm góp phần gìn giữ đạo lý tình cảm “tình làng nghĩa xóm”, “thương người như thể thương thân”, nhân ái, thủy chung của nhân dân tỉnh ta.

Trên các lĩnh vực hoạt động văn hóa xã hội phong trào thi đua của các ngành giáo dục đào tạo, y tế đã có nhiều chuyển biến mới. Trong ngành giáo dục có phong trào thi đua thực hiện cuộc vận động “kỷ cương - tình thương - trách nhiệm” do Bộ Giáo dục - Đào tạo phát động; phong trào thi đua, dạy tốt học tốt, “phong trào xã hội hóa giáo dục” đã góp phần tích cực phát triển sự nghiệp giáo dục trên địa bàn toàn tỉnh và từng địa phương cơ sở. Trong phong trào thi đua đã xuất hiện nhiều điển hình tiên tiến. Toàn ngành có 37 tập thể sư phạm xuất sắc, 37 trường đạt chuẩn Quốc gia, 24 trường trọng điểm chất lượng cao. Tiêu biểu cho phong trào thi đua Ngành Giáo dục đào tạo là tập thể cán bộ, giáo viên, học sinh trường tiểu học Đồng Phú (thị xã Đồng Hới), trường trung học phổ thông Đào Duy Từ, trường trung học cơ sở Hoàn Lão (huyện Bố Trạch), trường mầm non Lương Ninh (huyện Quảng Ninh), trường Trung học kỹ thuật công - nông nghiệp.... nhiều năm đạt danh hiệu thi đua, là những đơn vị xuất sắc của ngành được tặng nhiều cờ, bằng khen của tỉnh, của Bộ Giáo dục - Đào tạo, Chính phủ và Huân chương lao động từ hạng 1 đến hạng 3. Từ phong trào thi đua của các tập thể sư phạm đã xuất hiện nhiều cá nhân tiêu biểu. Toàn ngành có 6 chiến sỹ thi đua toàn quốc, 5 giáo viên dạy giỏi cấp quốc gia, 500 giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh, hàng chục nhà giáo ưu tú được Nhà nước phong tặng.

Trên lĩnh vực y tế, Chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, phong trào thi đua thực hiện “12 điều y đức” của Bộ Y tế; phong trào thi đua thực hiện “Kế hoạch hóa gia đình” đã góp phần nâng cao chất lượng khám, điều trị và chăm sóc tốt hơn sức khỏe cộng đồng, phong trào xây dựng đời sống văn hóa, làng văn hóa, gia đình văn hóa.

Trên lĩnh vực văn hóa thông tin, phong trào văn nghệ quần chúng được đẩy mạnh đã thực sự trở thành phong trào thi đua của các địa phương, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân. Hoạt động thể dục thể thao được củng cố và phát triển trên cơ sở của phong trào thi đua “rèn luyện thân thể”, “khỏe để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” với sự tham gia của đông đảo mọi tầng lớp nhân dân đặc biệt là trong tầng lớp thanh thiếu niên, học sinh, lực lượng vũ trang.

Cơ quan quân sự các cấp đã tham mưu cho cấp ủy chính quyền, phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể phát động phong trào thi đua “xây dựng cơ sở an toàn làm chủ sẵn sàng chiến đấu” được kết hợp với phong trào “xây dựng tổ chức cơ sở trong sạch vững mạnh”, phong trào “xây dựng đời sống văn hóa ở

cơ sở” Phong trào thi đua đã góp phần xây dựng thế trận an ninh quốc phòng, xây dựng khu vực phòng thủ mà chủ yếu là xây dựng cơ sở cụm tuyến an toàn làm chủ sẵn sàng chiến đấu. Qua tổng kết phong trào đã có 96,6% xã, phường đạt vững mạnh và khá, không có địa phương yếu kém. Trong lực lượng và trong Tiểu đoàn 42 Bộ chỉ huy quân sự tỉnh luôn là đơn vị đạt nhiều thành tích xuất sắc trong xây dựng đơn vị sẵn sàng chiến đấu. Tập thể cán bộ chiến sỹ Đồn biên phòng 597 lập nhiều thành tích xuất sắc trong công tác bảo vệ biên giới quốc gia được Nhà nước phong tặng đơn vị anh hùng thời kỳ đổi mới.

Trên mặt trận bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, ngành Công an đã tham mưu cho cấp ủy chính quyền lãnh đạo, chỉ đạo triển khai tổ chức thực hiện nhiều phong trào thi đua với nhiều nội dung và hình thức phong phú. Đó là phong trào thi đua “toàn dân tham gia quản lý, giáo dục, cảm hóa những người lầm lỗi tại cộng đồng dân cư” của các địa phương cơ sở trong tỉnh, ngoài ra các địa phương còn có nhiều phong trào thi đua cụ thể ở địa phương mình như: Xã Lương Ninh (huyện Quảng Ninh) có phong trào “không để con hư, trò hỏng”; xã Cam Thủy (huyện Lệ Thủy) có phong trào “giữ vững an ninh”; xã Quảng Phong (huyện Quảng Trạch) có phong trào thi đua “Sống tốt đời đẹp đạo, giữ vững an ninh”; xã Vạn Trạch (huyện Bố Trạch) có phong trào thi đua “em yêu đường sắt quê em”; Hội cựu chiến binh Ba Đồn (huyện Quảng Trạch) có phong trào “xưa chiến trường nay trận tuyến an ninh” Cán bộ chiến sỹ trong ngành Công an đã tích cực tham gia các phong trào thi đua “tấn công tội phạm”, “bảo đảm an toàn giao thông”, “Công an làm theo 6 điều Bác Hồ dạy” Điển hình trong phong trào thi đua của Ngành Công an là tập thể, cán bộ, chiến sỹ Công an phường Đồng Phú (thị xã Đồng Hới) được Nhà nước phong tặng đơn vị anh hùng thời kỳ đổi mới. Cụ Nguyễn Hồng Mót ở Lệ Thủy, đại úy Đỗ Xuân Tuấn, công an huyện Lệ Thủy dũng cảm tấn công tội phạm là những tấm gương tiêu biểu trong phong trào thi đua bảo đảm an ninh, giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

Nhằm đánh giá phong trào thi đua yêu nước 10 năm đổi mới (1990 - 2000), ngày 30/8/2000 Tỉnh ủy, UBND, HĐND và UBMT Tổ quốc Việt Nam tỉnh đã tổ chức Đại hội thi đua toàn tỉnh. Đại hội đã biểu dương những thành tích đạt được trong phong trào thi đua yêu nước và đề ra yêu cầu nhiệm vụ và phương hướng 10 năm đổi mới của tỉnh Quảng Bình, chỉ rõ những tồn tại cần khắc phục, đổi mới và đẩy mạnh phong trào thi đua của tỉnh ta trong thời gian tới.

Ghi nhận những thành tích đạt được trong phong trào thi đua yêu nước 10 năm qua, Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình đã vinh dự được Đảng, Nhà nước tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý. Trong đó có 3 tập thể được phong tặng danh hiệu anh hùng: Đồn biên phòng 597, Công an phường Đồng Phú (thị xã Đồng Hới), Công ty phân bón Sông Gianh, 1 anh hùng lao động bà là Phạm Thị Nghè ở xã Quang Phú (thị xã Đồng Hới), 143 Huân chương lao động

các hạng cho tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc; 207 bằng khen của Chính phủ và nhiều cờ thi đua, thư khen và phần thưởng khác.

Cùng với những danh hiệu Chủ tịch nước và Chính phủ trao tặng, Ủy ban nhân dân tỉnh đã trao tặng 281 đơn vị xuất sắc, 5.830 bằng khen cho đơn vị, cá nhân tiêu biểu.

Bên cạnh những thành tích đạt được, phong trào thi đua yêu nước trong thời gian qua vẫn còn nhiều mặt tồn tại, hạn chế cần phải khắc phục đó là:

Phong trào thi đua chưa đều, chưa rộng khắp, thiếu liên tục, nhất là ở một số vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa và các địa phương cơ sở còn có nhiều khó khăn, kinh tế - văn hóa chưa có sự phát triển.

- Nội dung, hình thức thi đua chưa kịp thời đổi mới cho phù hợp với cơ chế mới. Tiêu chuẩn thi đua còn chung chung, chưa cụ thể hóa các chỉ tiêu, nhiệm vụ của từng ngành, từng địa phương. Đối tượng tham gia phong trào chưa rộng, chưa đều.

Phong trào còn nặng hình thức, chưa chú trọng đến nội dung và tính hiệu quả của phong trào.

Việc phát hiện điển hình, xây dựng và nhân rộng điển hình còn yếu vì vậy chưa phát huy được tác dụng của điển hình.

- Sự phối hợp lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp đối với công tác thi đua còn thiếu đồng bộ, chặt chẽ, vì vậy phong trào chưa thật mạnh mẽ, đều khắp và thiếu thường xuyên, liên tục.

Đại hội đã đề ra mục tiêu, phương hướng nhiệm vụ của công tác thi đua trong thời gian tới nhằm đổi mới và đẩy mạnh phong trào thi đua theo Chỉ thị 35 của Bộ Chính trị góp phần thúc đẩy hoàn thành các mục tiêu kinh tế xã hội và nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ và nhân dân ta trong nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII và các năm tiếp theo.

Tuy còn một số tồn tại, yếu kém trên một số lĩnh vực và một số chỉ tiêu của kế hoạch 5 năm 1996-2000 chưa đạt nhưng nhìn tổng quát thì chúng ta đã hoàn thành những mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đảng bộ tỉnh lần thứ XII đã đề ra. Những thắng lợi đó là tiền đề quan trọng để tỉnh ta tiếp tục phát triển, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa hòa nhập sự phát triển chung của cả nước vì mục tiêu "Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ, văn minh" mà Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII đã đề ra.

Vượt qua những khó khăn và thử thách của thời kỳ suy thoái trong những năm 80, trên đà phát triển của những năm đầu thập kỷ 90, trong giai đoạn 1996-2000, Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình đã đạt được những thành tựu quan trọng. Nền kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển lành mạnh, đảm bảo được sự ổn định, bắt đầu tăng trưởng và phát triển. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, phù hợp với xu thế chung của công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, quốc phòng an ninh được đảm bảo, công tác xây dựng

Đảng được đẩy mạnh, sức chiến đấu và vai trò lãnh đạo của Đảng được nâng cao.

Nhân dân Quảng Bình chào đón năm 2000 kết thúc thiên niên kỷ thứ hai với những thành tựu kinh tế - xã hội rất quan trọng, tạo tiền đề vững chắc để Quảng Bình tiếp tục phát triển trong xu thế hội nhập, trên con đường công nghiệp hoá hiện đại hoá theo mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”

